Herodotos

Lê Đình Chi *dịch*

GIẢI A
SÁCH
QUỐC GIA
2020

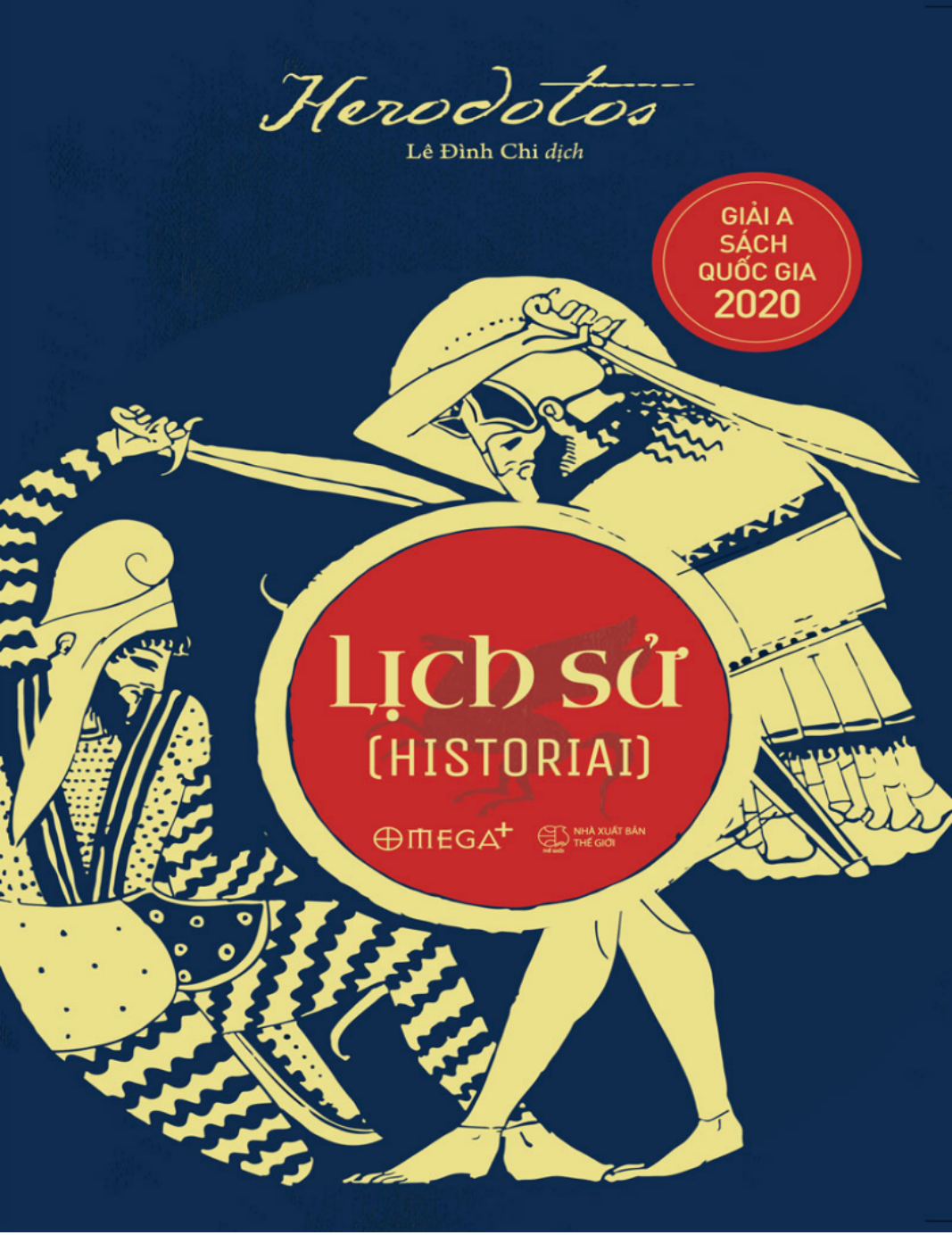

Lịch sử
(HISTORIAI)

OMEGA+ NHÀ XUẤT BẢN THẾ GIỚI

Duong Kobo's Book Club

Tủ sách Kỹ thuật số
dành cho
Kindle & Kobo

SCAN TO JOIN

CÔNG TY TNHH MTV
NHÀ XUẤT BẢN THẾ GIỚI
Trụ sở chính:
Số 46, Trần Hưng Đạo, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: 0084.24.38253841
Chi nhánh:
Số 7, Nguyễn Thị Minh Khai. Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Tel: 0084.28.38220102
Email: marketing@thegioipublishers.vn
Website: www.thegioipublishers.vn

LỊCH SỬ
(Historiai)

Chịu trách nhiệm xuất bản:
GIÁM ĐỐC – TỔNG BIÊN TẬP
TS. TRẦN ĐOÀN LÂM

Biên tập: Phùng Tố Tâm
Sửa bản in: Trần Tuấn Hải
Thiết kế bìa: Trần Thị Tuyết
Trình bày: Vũ Lê Thư

In 1.500 bản, khổ 16 x 24 cm tại Công ty TNHH In Thanh Bình
Địa chỉ: Số 432 đường K2, phường Cầu Diễn, quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội.
Số ĐKXB: 5327-2020/CXBIPH/01-263/ThG
Quyết định xuất bản số: 1449/QĐ-ThG cấp ngày 16 tháng 12 năm 2020

ISBN: 978-604-77-8709-8. In xong và nộp lưu chiểu năm 2021.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH OMEGA VIỆT NAM (OMEGA PLUS)

VP HN: Tầng 3, số 11A, ngõ 282 Nguyễn Huy Tưởng, P. Thanh Xuân Trung, Q. Thanh Xuân, Hà Nội

Tel: (024) 3233 6043

VP TP. HCM: 138C Nguyễn Đình Chiểu, phường 6, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

Tel: (028) 38220 334 | Ext 120

Website: www.omegaplus.vn

Lời dịch giả

Quý độc giả thân mến,

Lịch sử loài người chưa bao giờ là một dòng phẳng lặng, luôn có những khoảng thăng trầm đan xen. Những gì diễn ra trong quá khứ chính là nguồn dữ liệu khả tín duy nhất để con người dựa vào, và quyết định xem trong tương lai họ muốn phiên bản nào trong vô số khả năng đang bày ra sẽ trở thành hiện thực. Có lẽ vì vậy mà từ thời xa xưa, con người đã có ý thức muốn ghi chép để lưu lại những biến cố của quá khứ làm bài học cho hậu thế. Trải bao thăng trầm, còn lưu lại đến ngày nay chỉ là một phần rất nhỏ những ghi chép, nghiên cứu sử học đã được viết ra từ cổ đại, phần lớn đều dang dở hoặc không toàn vẹn, nhưng cũng có những tác phẩm đã vượt qua thời gian một cách kỳ diệu để vẫn còn nguyên vẹn đến bây giờ. Một trong những ngoại lệ hiếm hoi ấy, may thay, chính là tác phẩm được coi là mở đầu cho sử học hiện đại phương Tây, Historiai. Được viết vào thế kỷ V trước công nguyên (TCN) bởi sử gia Herodotos thành Halikarnassos ở bờ biển Aigaion (nay là thành phố Bodrum thuộc lãnh thổ Cộng hòa Thổ Nhĩ Kỳ), tác phẩm là tập hợp các khảo cứu về lịch sử, văn hóa, phong tục, thiên nhiên, khí hậu, địa hình v.v. của những vùng đất mà tác giả đã tìm hiểu được, trong đó nhấn mạnh vào sự hình thành đế quốc Ba Tư cũng như nguyên nhân và diễn biến của cuộc chiến tranh Hy Lạp – Ba Tư vào đầu thế kỷ V TCN.

Bản thân nhan đề tác phẩm, *Historiai*, vốn có nghĩa gốc là "khảo cứu, điều tra", cũng đã cho thấy Herodotos khi đặt bút viết ra bộ sách của đời mình không bó hẹp ở lịch sử. Lần theo từng dòng tác phẩm, người đọc sẽ thấy tác giả đưa vào đó tất cả những hiểu biết, kiến thức ông sưu tầm được một cách cả trực tiếp lẫn gián tiếp, với mục đích để những điều đó được lưu truyền cho hậu thế. Kết quả là không ít những câu chuyện khó tin, vô lý, thậm chí hoang đường cũng được Herodotos đưa vào bộ sách của mình, một trong những lý do khiến ông từng bị gọi là "Cha đẻ của dối trá" bên cạnh

việc được tôn xưng là "Cha đẻ của môn sử học". Có lẽ vì ông đã quá trung thành với bổn phận người khảo cứu, ghi chép, đồng thời cũng đủ sáng suốt để ý thức được sự hạn chế của con người vào thời đại của ông trong khả năng lý giải thế giới. Có thể ông đã tự nhủ khi gặp một câu chuyện khó tin được thuật lại nhưng bản thân ông không đủ khả năng tự mình kiểm chứng: "À, chuyện này thật khó tin, nhưng biết đâu hậu thế sẽ lý giải được chăng, tốt nhất ta cứ chép lại như nghe được đã." Sự khách quan trong ghi chép nhiều biến cố, sự vật của Herodotos đã được chứng tỏ khi từ những manh mối ông ghi lại các nhà khảo cổ đã tìm ra đường hầm dẫn nước trên đảo Samos hay dấu vết con kênh đào qua mũi Athos của Xerxes, vốn một thời gian dài bị coi là sản phẩm của trí tưởng tượng. Sự khách quan ấy còn thể hiện trong cả cách ông viết về những con người, nhân vật trong tác phẩm của mình. Dù là người Hy Lạp hay "man tộc", mỗi nhân vật được đánh giá qua phẩm cách, tài năng của anh ta chứ không phải xuất thân hay chủng tộc. Bởi thế Herodotos từng bị các học giả Hy Lạp cổ đại chỉ trích là ưu ái những kẻ không phải người Hy Lạp, nhưng cũng bởi thế mà *Historiai* được đánh giá cao về tính khách quan.

Bên cạnh khía cạnh một tác phẩm biên niên về lịch sử, một khảo cứu về văn hóa, phong tục, địa lý, v.v., *Historiai* còn có thể được nhìn nhận như một câu chuyện lý thú, cuốn hút. Trong tác phẩm này, những ai thích tiểu thuyết lịch sử, chuyện cổ tích, ngụ ngôn có thể tìm cho mình những nhân vật, những câu chuyện thật hấp dẫn. Những nhân vật lịch sử được Herodotos kể lại trong *Historiai* không khỏi có phần được tiểu thuyết hóa, "bảy thực ba hư", để trở thành những biểu tượng mang đậm tính ngụ ngôn. Ảnh hưởng của những nhân vật do Herodotos tạo ra là rất lớn trong văn hóa phương Tây, từ cổ đại đến hiện đại. Những câu chuyện trong *Historiai* đã trở thành đề tài cho vô số tác phẩm nghệ thuật, văn học, từ xa xưa cho tới hiện đại, gần gũi với chúng ta như truyện tranh *300* của Frank Miller lấy cảm hứng từ trận Thermopylai, hay thậm chí cảnh bầu vua hải tặc trong loạt phim *Cướp biển Carribean* cũng phảng phất sự trào lộng ngấm ngầm của Herodotos khi ông mô tả cuộc bầu chọn đô đốc xuất sắc nhất của liên quân Hy Lạp sau trận Salamis. Hy vọng rằng với sự xuất hiện của bản dịch tiếng Việt, *Historiai* sẽ đến gần hơn, quen thuộc hơn với bạn đọc Việt Nam.

Herodotos biên soạn *Historiai* bằng tiếng Hy Lạp cổ đại, một từ ngữ giờ đây còn rất ít người thành thạo, trên thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng. Bản tiếng Việt trên tay quý vị được chuyển ngữ qua bản dịch tiếng Anh do G.C. Macaulay dịch từ nguyên bản Hy Lạp cổ đại, được nhà xuất bản Macmillan phát hành lần đầu

năm 1890. Để đảm bảo độ chính xác và nhất quán của quá trình chuyển ngữ, chúng tôi đã tham khảo thêm một số bản dịch tiếng Anh khác như bản của G. Rawlinson (Wordsworth Classics) hay bản của P. Mensch (Hackett), và bản dịch tiếng Pháp của Larcher. Để giúp cho quý độc giả thuận tiện hơn trong quá trình đọc tác phẩm, chúng tôi đã bổ sung một số cước chú cũng như mục lục các nội dung chính và niên biểu các biến cố được mô tả, cùng với danh sách địa danh, nhân vật và một bản đồ về diễn biến chính của chiến tranh Hy Lạp – Ba Tư.

Trong quá trình đọc, quý độc giả hẳn sẽ ngạc nhiên với việc mỗi quyển của *Historiai* được chia thành nhiều tiết có đánh số thứ tự. Đây là dấu vết của hệ thống phân chia văn bản cổ xưa để tạo điều kiện thuận lợi cho việc tra cứu, sao chép, nhất là ở thời kỳ chưa có công nghệ in ấn. Văn bản của *Historiai* được truyền tớingày nay dưới dạng chia làm 9 quyển, từng quyển phân chia làm nhiều tiết, như vậy chỉ cần nói tên quyển, số tiết là có thể tham chiếu được nội dung tương ứng, ví dụ như "Kleio, 18" là tiết số 18 trong quyển 1 Kleio của *Historiai*. Việc chia quyển, chia tiết này được thực hiện từ bao giờ, do Herodotos tự thực hiện hay do người đời sau, cho tới nay vẫn chưa thể biết chính xác. Song nhiều khả năng Historiai cũng như nhiều văn bản cổ Hi – La khác đã được các thư lại Byzantine tại thư viện Constantinople thực hiện việc phân chia chương, tiết một cách hệ thống dưới thời Đế quốc Byzantine.

Historiai là tác phẩm do một tác giả cổ đại viết về thời kỳ cách đây đã 25 thế kỷ, vì vậy trong quá trình chuyển ngữ, chúng tôi trong một số trường hợp đã sử dụng một cách gọi mới nhằm dịch một số thuật ngữ chưa có từ tương ứng trong tiếng Việt. Chẳng hạn, từ "oracle" trong bản tiếng Anh vừa dùng để chỉ những người có năng lực giao tiếp với thần linh và truyền đạt câu trả lời của vị thần, vừa dùng để chỉ lời phán của thần hay những ngôi đền nơi lời phán của thần được đưa ra. Trong bản Việt, để nhấn mạnh sự khác biệt này, "oracle" sẽ được chuyển ngữ là "dự ngôn giả" khi chỉ người, là "thần dụ" khi chỉ lời phán của thần linh và "thần miếu" khi chỉ ngôi đền nơi dự ngôn giả sinh hoạt và trông nom, tùy theo văn cảnh cụ thể. Những trường hợp như vậy chúng tôi đều có chú thích ở chân trang sách, và mong quý độc giả lưu ý rằng chúng tôi chỉ sử dụng cách chuyển ngữ như vậy với ý nghĩa tương ứng trong phạm vi hẹp của cuốn sách này. Bên cạnh đó, tất cả tên nhân vật, địa danh trong bản dịch này chúng tôi giữ nguyên tên gốc trong tiếng Hi Lạp cổ (ngoại trừ "Herodotos" như đã viết), một số tên gọi này có thể hơi khác so với các tên gọi hay dùng trong tiếng Anh, tiếng Pháp, ví dụ như Kroisos thay vì Croesus, hoặc Athenai thay vì Athens v.v.

Để có được bản dịch Việt ngữ quý độc giả đang cầm trên tay, người dịch đã nhận được sự giúp đỡ chu đáo, cẩn trọng, xuất phát từ sự say mê, trân trọng với văn hóa Hi – La cổ đại của anh Trần Tuấn Hải, một người trẻ tuổi, nhiệt huyết, với tinh thần trách nhiệm cao. Người dịch xin gửi tới anh Trần Tuấn Hải lời cảm ơn chân thành nhất.

Vẫn biết chúng tôi có nỗ lực đến mấy cũng không thể tránh khỏi những điểm chưa toàn bích do phải qua một cầu ngôn ngữ trung gian, song trong lúc chờ đợi một bản Việt ngữ hoàn chỉnh hơn, lý tưởng nhất là chuyển ngữ trực tiếp từ nguyên tác Hy Lạp cổ đại, chúng tôi hy vọng bản dịch này có thể truyền tải tới quý độc giả trọn vẹn về mặt nội dung một kiệt tác đã vượt qua được thử thách 25 thế kỷ thời gian.

Chúc quý vị một chuyến du hành ngược thời gian thú vị cùng những câu chuyện kể của Herodotos!

Hà Nội, xuân 2019

Quyển 1
Kleio[1]

Herodotos thành Halikarnassos[2] trình ra đây khảo cứu của mình, để những kỳ tích do con người thực hiện không bị lãng quên theo thời gian, và để những công trình vĩ đại và huy hoàng, một số do người Hy Lạp và một số do các man tộc[3] sáng tạo, không mất đi danh tiếng của chúng; và nhất là để lưu lại những nguyên nhân gây ra chiến tranh giữa họ.

1. Những người Ba Tư hiểu biết lịch sử tuyên bố rằng người Phoinike đã gây ra mối bất hòa đầu tiên. Theo lời họ, những người này đi từ nơi có tên là biển Erythra[4] đến biển chúng ta; và sau khi định cư ở vùng đất mà họ vẫn tiếp tục cư trú đến nay, họ bắt đầu thực hiện những chuyến hải hành dài. Mang theo hàng hóa của Ai Cập và Assyria, họ đi đến những nơi khác và đến cả Argos; lúc bấy giờ, Argos đứng đầu về mọi mặt trong vùng đất hiện nay được gọi là Hy Lạp. Người Phoinike tới vùng đất Argos này, bắt đầu bày bán hàng hóa chở trên thuyền của mình: và đến ngày thứ năm hay thứ sáu kể từ khi họ tới nơi, khi hàng hóa gần như đã được bán hết, có rất nhiều phụ nữ Argos đi xuống bờ biển, trong đó có con gái của nhà vua; tên nàng (cả người Ba Tư và người Hy Lạp đều nhất trí) là Io con gái của Inakhos. Những phụ nữ này đang đứng gần đuôi tàu, chọn mua những món đồ ưng ý nhất, thì đột nhiên đám người Phoinike, kẻ nọ truyền lệnh kẻ kia, ập tới họ; phần lớn những người phụ nữ kịp chạy thoát thân, song Io và một số người khác bị bắt mang đi. Vậy là đám người Phoinike mang họ lên thuyền, rồi lập tức dong buồm đến Ai Cập.

---

1. Nữ thần lịch sử theo thần thoại Hy Lạp.

Lưu ý: Trong sách này, hầu hết chú thích đều thuộc về người dịch, trừ những chú thích của người biên tập sẽ được ghi rõ (BT).

[2]. Đô thị Hy Lạp cổ ở vùng Tiểu Á, nay là thành phố Bodrum thuộc Thổ Nhĩ Kỳ.

[3]. Nguyên văn: *Barbaros*, chỉ các sắc dân không phải người Hy Lạp. Từ này vốn không có hàm ý miệt thị theo nghĩa bán khai, man rợ, hiếu chiến. Ở đây chúng tôi mạn phép dịch thành "man tộc". (BT)

[4]. Tức Hồng Hải.

---

2. Theo người Ba Tư thuật lại, nàng Io đã tới Ai Cập như thế, hoàn toàn không thống nhất trong chuyện này với người Hy Lạp, và họ cũng nói rằng đây là khởi đầu cho những hành động sai trái. Sau biến cố này, một số người Hy Lạp (người Ba Tư không thể thuật lại tên của họ) tới thành Tyros tại Phoinike và bắt đi công chúa Europe, con gái nhà vua. Những kẻ đó hẳn là người Krete.

Người Ba Tư cho rằng người Hy Lạp đã đòi được món nợ cho sự xúc phạm trước đó. Tuy nhiên, sau đó người Hy Lạp lại là phía gây ra hành động sai trái thứ hai, vì chính họ đã đi thuyền tới Aia thuộc Kolkhis[1], tới sông Phasis[2] trên một chiến thuyền, rồi từ đó, sau khi đã đạt được những mục đích khác, họ bắt cóc Medeia, con gái của nhà vua. Vua Kolkhis đã phái sứ giả tới đất Hy Lạp đòi bồi thường cho vụ cưỡng đoạt này và đưa con gái ngài về, song những người Hy Lạp trả lời rằng vì man tộc đã không bồi thường cho việc cưỡng đoạt Io người Argos, cho nên họ cũng sẽ không bồi thường cho man tộc trong việc này.

---

[1]. Vùng Nam Kavkaz hiện nay.

[2]. Nay là sông Rioni ở miền tây Gruzia.

---

3. Người ta kể rằng vào thế hệ kế tiếp, Alexandros[1] con trai Priamos, sau khi biết được những chuyện kể trên, đã mong muốn dùng vũ lực cướp lấy một người vợ từ Hy Lạp, hoàn toàn tin chắc anh ta sẽ không phải bồi thường cho việc sai trái này, cũng như những người Hy Lạp chưa trả giá cho tội lỗi của họ. Vậy là anh ta bắt cóc Helene, để rồi những người Hy Lạp quyết định trước hết phái các sứ giả tới đòi nàng cùng với việc bồi thường cho vụ cưỡng đoạt. Và khi họ đưa ra yêu cầu, phía kia liền nhắc lại với họ vụ bắt cóc Medeia, nói rằng người Hy Lạp giờ đây lại đòi hỏi người khác phải bồi thường cho họ, dù chính họ không chịu phạt và cũng không trả người khi người Ba Tư yêu cầu.

---

[1]. Trong sử thi *Ilias*, vị hoàng tử này được gọi là Paris, tuy nhiên không rõ

Herodotos lấy tên Alexandros này từ nguồn nào, có thể đã thất truyền, nên các bản dịch cho tới nay đều giữ nguyên tên Alexandros.

---

4. Cho tới lúc này, không xảy ra thêm việc gì ngoài những vụ bắt cóc phụ nữ từ cả hai phía. Song sau thời điểm này, người Hy Lạp rất đáng trách cứ vì chính họ đã tạo ra tiền lệ chiến tranh đầu tiên, tiến hành viễn chinh tới châu Á trước khi man tộc tấn công châu Âu. Lúc bấy giờ người Ba Tư cho rằng trong quan điểm của họ, cho dù việc dùng vũ lực bắt phụ nữ đi là một hành động sai trái, song việc khao khát báo thù những vụ cưỡng đoạt đó quả là điên rồ, và cách hành xử khôn ngoan là không bận tâm đến chúng; vì hiển nhiên những người phụ nữ sẽ không bao giờ bị đưa đi nếu bản thân họ không ưng thuận.

Người Ba Tư nói rằng họ, nghĩa là người châu Á, đã không coi chuyện phụ nữ của họ bị cướp đi là điều gì to tát, nhưng người Hy Lạp, vì một phụ nữ Lakedaimon, đã tập hợp một đội quân khổng lồ, đến châu Á và hủy diệt vương quốc của Priamos. Và kể từ thời điểm đó, người Ba Tư luôn coi người Hy Lạp là kẻ thù của họ; vì người Ba Tư tuyên bố châu Á và các man tộc sinh sống tại đó thuộc về họ; còn châu Âu và người Hy Lạp được họ coi là tách biệt với họ.

5. Người Ba Tư cho rằng sự thể đã diễn ra như thế vàcoi mối bất hòa của họ với người Hy Lạp bắt nguồn từ việc đánh chiếm Ilion[1]. Song liên quan đến Io, người Phoinike bất đồng với cách người Ba Tư thuật lại câu chuyện, vì họ phủ nhận việc đã bắt nàng tới Ai Cập bằng vũ lực. Mặt khác, họ kể rằng khi họ lưu lại Argos, nàng có quan hệ gần gũi với thuyền trưởng của họ, đến khi nhận ra mình đã có thai, nàng thấy hổ thẹn nếu phải thú nhận với cha mẹ, vì thế đã tự nguyện đi theo những người Phoinike do sợ bị phát hiện. Đây là những chuyện được người Ba Tư và người Phoinike thuật lại.

---

[1]. Tức thành Troia.

Về những sự kiện này, tôi sẽ không nói rằng chúng đã xảy ra thế này hay thế kia, nhưng sau khi nêu đích danh kẻ đầu tiên mà tôi biết đã bắt đầu xúc phạm người Hy Lạp, tôi sẽ đi xa hơn để tường thuật về các đô thị nhỏ cũng như lớn. Vì những đô thị vĩ đại thời xa xưa đều đã trở nên nhỏ bé, trong khi những đô thị vĩ đại vào thời tôi đang sống lại nhỏ bé trước đây. Vì vậy, vốn đã biết rõ sự thịnh vượng của con người không bao giờ trường tồn, tôi sẽ đề

cập đến cả hai một cách công bình.

6. Kroisos, con trai của Alyattes, xuất thân là người Lydia và cai trị các dân tộc phía tây sông Halys[1]; con sông này chảy về phía bắc giữa Syria và Paphlagonia, và đổ ra biển gọi là Euxeinos[2]. Kroisos là man nhân đầu tiên chúng ta biết đến đã khuất phục một số người Hy Lạp và buộc họ phải cống nạp, trong khi ông cũng thu phục những người khác và kết giao với họ. Những dân tộc mà ông đã khuất phục gồm có người Ionia, người Aiolis, và người Doris sinh sống tại châu Á, và liên minh với người Lakedaimon. Song trước thời Kroisos trị vì, tất cả người Hy Lạp đều tự do; vì cuộc tiến công của người Kimmerioi[3] vào Ionia từ trước thời Kroisos không phải là một cuộc chinh phục các đô thị mà chỉ là một cuộc tập kích cướp phá.

---

1. Ngày nay là sông Kilizirmak, con sông dài nhất Thổ Nhĩ Kỳ ở Tiểu Á.

2. Ngày nay gọi là Hắc Hải.

3. Một tộc người nay cư trú ở vùng Xanthi, Hy Lạp.

---

7. Bá quyền từng thuộc về các Herakleidai đã chuyển sang gia tộc Mermnadai của Kroisos như sau: Kandaules, được người Hy Lạp gọi là Myrsilos, là tiếm chúa[1] Sardis đồng thời là một hậu duệ của Alkaios, con trai Herakles. Agron con trai Ninos, cháu Belos, và chắt Alkaios, là Herakleides đầu tiên làm vua Sardis, còn Kandaules con trai Myrsos là người cuối cùng.

Các vị vua của vùng đất này trước Agron lại là hậu duệ của Lydos con trai Atys. Để vinh danh Lydos, toàn bộ dân tộc trước đây được gọi là người Maiones giờ được gọi là người Lydia. Các Herakleidai, hậu duệ của Herakles và một nữ nô lệ của Iardanos, đã giành được vương quyền từ dòng dõi kể trên nhờ một dự ngôn giả[2]. Và họ đã cai trị trong 22 thế hệ, 505 năm, cha truyền con nối cho tới thời của Kandaules, con trai Myrsos.

---

1. Nguyên văn: *tyrannos*, chỉ người lên nắm quyền cai trị bằng cách phi chính thống. Trong câu này Herodotos dùng từ tiếm chúa với nghĩa vua. Cách dịch truyền thống là bạo chúa không phản ánh nguyên nghĩa của *tyrannos*, vì với Herodotos có cả những tiếm chúa tốt lẫn xấu. (BT)

2. Nguyên văn: *oracle,* là người cho lời khuyên hoặc tiên đoán vận mệnh. Thường là một nữ tư tế, có năng lực giao tiếp với thần linh và truyền đạt câu trả lời của vị thần. Trong văn hóa Hy Lạp, dự ngôn giả khác với nhà tiên tri ở chỗ họ trực tiếp nói chuyện với thần linh, trong khi nhà tiên tri diễn giải thông điệp của thần linh qua các dấu hiệu của chim hoặc nội tạng động vật. Nghĩa rộng hơn của *oracle* bao gồm thần miếu (ngôi đền nơi dự ngôn giả sinh hoạt và trông nom) hoặc thần dụ (lời

phán của thần), và sẽ được dịch tương ứng với văn cảnh. (BT)

8. Kandaules yêu say đắm vợ và cho rằng vợ ông đẹp hơn hẳn những phụ nữ khác. Kandaules có thói quen chia sẻ với Gyges, con trai Daskylos (người ông sủng ái nhất trong tất cả tay giáo của mình) những vấn đề hệ trọng nhất, đặc biệt là ca tụng nhan sắc vợ mình. Không lâu sau, theo định mệnh Kandaules sẽ phải gặp tai họa, nhà vua liền nói với Gyges như sau: "Gyges, ta nghĩ là ngươi không tin khi ta kể cho ngươi nghe về nhan sắc của vợ ta, vì quả thực trăm nghe không bằng một thấy: vậy hãy nghĩ cách để ngươi có thể ngắm nàng khỏa thân". Nhưng Gyges đã kêu lớn lên và nói: "Chủ nhân, người vừa thốt ra những lời thiếu sáng suốt làm sao, lệnh cho thần nhìn nữ chủ nhân khỏa thân ư? Khi một phụ nữ cởi y phục, nàng cũng trút bỏ luôn cả sự nhu mì của mình. Hơn nữa, tiền nhân đã đúc kết những lời dạy tốt đẹp từ xa xưa để chúng ta học lấy sự sáng suốt; và một trong những lời dạy đó là mỗi người nên tự mình nhìn lấy: song thần thực sự tin nàng là người đẹp nhất trong tất cả phụ nữ, và xin người đừng đòi hỏi thần phải làm điều vô phép".

9. Gyges đã cự tuyệt với những lời lẽ như thế, sợ rằng sẽ có chuyện xấu xảy đến với mình. Kandaules đáp lại như sau: "Hãy can đảm lên Gyges, và chớ sợ hãi ta, rằng ta đang nói những lời này chỉ để thử ngươi; hay vợ ta, rằng sẽ có điều tai hại xảy đến với ngươi từ nàng. Vì ta sẽ thu xếp để ngay từ đầu nàng sẽ không hề biết nàng đã bị ngươi nhìn thấy. Ta sẽ giấu ngươi vào căn phòng nơi chúng ta ngủ, đằng sau cánh cửa mở sẵn; sau khi ta đã vào phòng, vợ ta cũng sẽ đi vào để nằm ngủ. Có một chiếc ghế ở gần cửa phòng, nàng sẽ để y phục lên đó trong khi cởi ra từng chiếc; và như thế ngươi có thể thỏa thích mà ngắm nhìn nàng. Và khi nàng đi từ chỗ chiếc ghế lại giường, ngươi sẽ ở phía sau lưng nàng, việc của ngươi khi ấy là cẩn thận để nàng không trông thấy khi ngươi đi qua cửa ra ngoài".

10. Sau đó, vì không thể lẩn tránh, Gyges đành đồng ý. Khi đến giờ đi ngủ, Kandaules liền dẫn Gyges vào phòng, ngay sau đó người phụ nữ cũng xuất hiện, Gyges ngắm nhìn khi bà bước vào và cởi bỏ y phục. Khi bà quay lưng về phía anh ta trong lúc đi đến giường, anh ta liền lẻn khỏi chỗ nấp và thoát ra ngoài. Trong lúc anh ta ra ngoài, bà đã phát hiện được; và khi nhận ra những gì chồng mình đã làm, bà không làm ầm lên dù cảm thấy rất nhục nhã, mà coi như không hề biết và dự định sẽ trả thù Kandaules. Vì với người Lydia, cũng như với phần lớn các man tộc khác, bị nhìn thấy khỏa thân là một nỗi nhục ngay cả với đàn ông.

11. Khi đó, bà giữ im lặng như tôi đã kể, và không để lộ dấu hiệu nào; nhưng ngay khi ngày rạng, bà liền chuẩn bị sẵn sàng những người hầu trung thành nhất với mình, sau đó bà cho triệu Gyges tới. Anh ta cứ nghĩ rằng việc đó chưa bị bà phát hiện, tới theo lời triệu vì trước đó đã quen với việc vào diện kiến mỗi lần được cho gọi. Khi Gyges tới nơi, người phụ nữ liền nói với anh ta những lời sau: "Giờ đây có hai con đường cho ngươi, Gyges, và ta cho ngươi quyền lựa chọn con đường ngươi muốn theo. Ngươi phải giết Kandaules và chiếm hữu cả ta cùng vương quốc Lydia, hoặc ngươi sẽ bị giết tại đây ngay lập tức để ngươi sẽ không nhìn lại thứ ngươi không được phép nhìn khi tuân lệnh Kandaules trong mọi việc. Kẻ đã bày ra mưu này hoặc ngươi, kẻ đã nhìn thấy ta khỏa thân và làm cái việc được coi là trái đạo lý, phải chết". Một hồi lâu sau, Gyges sững sờ trước những lời này, rồi anh ta khẩn cầu bà đừng buộc anh ta phải đưa ra một lựa chọn như thế. Tuy nhiên, sau khi không thể thuyết phục được bà, đồng thời nhận thấy thực tế đòi hỏi bản thân anh ta hoặc phải giết chủ nhân, hoặc chấp nhận chính mình bị người khác giết, anh ta liền chọn được sống. Anh ta đòi hỏi thêm như sau: "Vì nàng đã buộc ta phải giết chủ nhân trái với ý nguyện của ta, hãy cho ta biết cách chúng ta sẽ hạ thủ nhà vua". Và bà trả lời: "Vụ mưu sát sẽ diễn ra khi ông ta ngủ, tại chính nơi ông ta đã phô bày thân thể ta cho ngươi".

12. Vậy là sau khi họ đã chuẩn bị cách ra tay, đêm đến (vì Gyges không được phép rời đi, và không còn đường thoát nào cho anh ta ngoài việc phải giết Kandaules hoặc để mình bị giết), anh ta đi theo người phụ nữ vào phòng ngủ. Bà đưa cho anh ta một con dao găm và giấu anh ta đằng chính sau cánh cửa lúc trước. Sau đó, khi Kandaules đang ngủ, Gyges bí mật đến bên cạnh và giết chết nhà vua, vậy là anh ta giành được cả vợ lẫn vương quốc của Kandaules. Arkhilokhos người Paros, một người đương thời với Gyges, cũng nhắc tới sự kiện này trong những câu thơ đoản-trường tam bộ cách[1].

13. Vậy là Gyges giành được vương quốc, và quyền lực của ông được xác nhận bởi một dự ngôn giả từ Delphoi[2]. Vì khi người Lydia phẫn nộ trước số phận của Kandaules và cầm vũ khí nổi dậy, một hiệp ước giữa những người ủng hộ Gyges và những người Lydia còn lại được thảo ra, theo đó nếu dự ngôn giả phán rằng anh ta sẽ làm vua người Lydia, anh ta sẽ lên ngôi; nếu không, anh ta phải trao lại quyền bính cho các Herakleidai. Dự ngôn giả đã phán như vậy, và theo đó Gyges trở thành vua. Thế nhưng nữ tư tế Pythia cũng phán rằng sự báo thù từ các Herakleidai sẽ giáng xuống hậu duệ đời thứ năm của Gyges. Người Lydia và các vị vua của họ không hề để tâm tới lời tiên tri này cho tới khi nó thành

hiện thực.

---

1. Còn gọi là *iambic trimeter*, một thể thơ gồm ba bộ (foot), mỗi bộ gồm một âm tiết ngắn và một âm tiết dài. (BT)

2. Một thánh địa thời cổ đại ở Hy Lạp, nơi có các nữ tư tế Pythia đưa ra những lời tiên tri cho người tới hỏi. Delphoi nổi tiếng vì những lời tiên tri chính xác.

---

14. Vậy là các Mermnadai giành được tiếm chúa quyền sau khi đã đoạt nó từ các Herakleidai; và khi trở thành tiếm chúa, Gyges đã dâng không ít lễ vật tới Delphoi. Trên thực tế, đa số lễ vật bằng bạc tại Delphoi đều do Gyges dâng lên. Bên cạnh bạc, nhà vua cũng dâng vô số lễ vật bằng vàng, và đáng chú ý nhất trong số này là sáu bình pha rượu bằng vàng. Chúng nặng 30 *talanta*[1], và chúng hiện nằm trong bảo khố của người Korinthos[2] (dù thực ra bảo khố này không phải tài sản công của người Korinthos, mà thuộc về Kypselos, con trai Aetion). Gyges là man nhân đầu tiên mà chúng ta biết đã từng dâng tiến lễ vật tại Delphoi, sau vua Midas xứ Phrygia, người đã dâng chiếc ngai ông ta thường ngồi khi phán xử làm lễ vật, một vật đáng chiêm ngưỡng. Chiếc ngai giờ đây được đặt cạnh những chiếc bình của Gyges. Những lễ vật bằng vàng và bạc do Gyges dâng tiến được người Delphoi gọi là "*của Gyges*", theo tên người đã dâng lễ.

---

1. Đơn vị khối lượng cổ đại, có giá trị tùy vùng. 1 *talanton* (sn: *talata*) tương đương khoảng 26 kg.

2. Thành phố cổ Hy Lạp ở bán đảo Peloponnesos.

Ngay sau khi cầm quyền, Gyges cũng dẫn một đạo quân tấn công Miletos[1] và Smyrna[2], và chiếm thành Kolophon[3]. Nhưng ông không có thêm chiến công lớn nào nữa trong thời gian trị vì 38 năm của mình, vì thế tôi sẽ kể tiếp, sau khi đã biên chép nhiều như vậy, đề cập đến con trai ông là Ardys, người kế vị ông.

15. Ardys chiếm Priene[4] và xâm lược Miletos, và trong thời gian ông trị vì người Kimmerioi, bị người du mục Skythia xua đuổi khỏi nơi định cư, đã tới châu Á và chiếm Sardis ngoại trừ tòa thành.

16. Sau khi làm vua được 49 năm, con trai Ardys là Sadyattes kế vị; và khi đã cai trị trong 12 năm, Alyattes kế vị ông. Nhà vua gây chiến với Kyaxares (cháu trai Deiokes) và người Media[5], đồng thời đẩy lui người Kimmerioi khỏi châu Á. Ông cũng chiếm Smyrna,

nơi định cư của người Kolophon, và tấn công Klazomenai[6], nơi ông không thành công như mong muốn mà lại chịu tổn thất nặng nề. Nhưng trong thời gian trị vì của mình, ông đã làm được những điều xứng đáng được nhắc tới sau đây.

---

1. Thành phố cổ Hy Lạp nằm ở bờ biển phía tây Tiểu Á, gần cửa sông Maiandros, nay chỉ còn tàn tích.

2. Nay là cảng Izmir thuộc Thổ Nhĩ Kỳ bên bờ biển Aigaion ở Tiểu Á.

3. Thành phố cổ Hy Lạp ở ven biển Aigaion tại Tiểu Á, nay chỉ còn tàn tích.

4. Thành phố cổ Hy Lạp ở Tiểu Á, di tích ngày nay thuộc Thổ Nhĩ Kỳ.

5. Tộc người Iran cổ, sống tại vùng Media ở tây bắc Iran. Trong tác phẩm này, Herodotos thường xuyên dùng cách gọi người Media để chỉ các dân tộc, tộc người sống ở châu Á, nhất là đế chế Ba Tư.

6. Thành phố cổ Hy Lạp, ngày nay là Urla, nằm trên bờ biển vịnh Izmir, Thổ Nhĩ Kỳ.

---

17. Kế thừa từ cha cuộc chiến với người Miletos, ông xâm lược và vây hãm đô thị của họ theo cách sau đây. Mỗi khi đến kỳ thu hoạch, nhà vua lại hành quân đến Milesia trong tiếng tiêu, đàn hạc và sáo với âm điệu trầm bổng. Khi tới nơi, ông không phá hủy hay phóng hỏa, hoặc giật tung nhà cửa, mà để chúng nguyên vẹn. Tuy nhiên, tất cả cây cối, mùa màng trên vùng đất này nhà vua đều cho hủy hoại, rồi sau đó rời đi theo đúng như cách ông tới. Vì người Miletos nắm quyền kiểm soát biển, nên một cuộc vây hãm từ quân đội Lydia là điều vô ích. Người Lydia tránh phá sập nhà cửa để người Miletos có thể gieo hạt và cày cấy, và nhờ thành quả lao động của họ, ông sẽ có thứ để cướp bóc khi tấn công.

18. Vận dụng chiến thuật này, ông chiến đấu trong 11 năm; và trong những năm đó, người Miletos phải chịu hai thất bại nặng nề: Một tại Limenaion, và một lần nữa trên đồng bằng Maiandros. Sáu trong 11 năm đó, Sadyattes con trai Ardys cai trị người Lydia và xâm lược lãnh thổ Miletos vào cùng thời điểm mỗi năm. Sadyattes là người đầu tiên khai chiến. Trong năm năm sau, Alyattes con trai Sadyattes (như tôi đã nói, là người kế thừa cuộc xung đột) hăng hái tiến hành cuộc chiến của cha ông. Không người Ionia nào giúp người Miletos trong cuộc chiến này, ngoại trừ người Khios, để đáp lại ân huệ, vì người Miletos trước đó đã hỗ trợ người Khios trong cuộc chiến của họ với người Erythrai[1].

---

1. Một trong 12 thành phố Ionia ở vùng Tiểu Á, tọa lạc trên một bán đảo nhỏ nhô ra

vịnh Erythrai.

19. Vào năm thứ 12, khi mùa màng chờ thu hoạch bị quân Lydia đốt, chuyện sau đây xảy ra. Ngay sau khi lương thực bị đốt, ngọn lửa bị một cơn gió dữ dội thổi bùng lên, bén vào đền Athena Assesia và cháy rụi. Khi đó, không có ghi chép nào về biến cố này, nhưng sau đó, khi quân đội đã trở lại Sardis, Alyattes ngã bệnh. Khi bệnh tình không thuyên giảm, nhà vua phái người đến hỏi ý dự ngôn giả tại Delphoi. Có thể nhà vua đã được ai đó khuyên làm như vậy, hoặc có thể chính ông nghĩ tốt nhất nên phái người đi hỏi thần về bệnh tình của mình. Nhưng khi các sứ giả này tới Delphoi, nữ tư tế Pythia nói bà sẽ không cho họ câu trả lời cho tới khi họ đã xây lại ngôi đền nữ thần Athena mà họ đã thiêu rụi tại Assesos trên lãnh thổ Miletos.

20. Đó là những gì tôi biết được từ lời thuật của người Delphoi; song người Miletos nói thêm rằng Periandros con trai Kypselos, vốn là thân hữu của Thrasyboulos – tiếm chúa Miletos lúc ấy – nghe kể về thần dụ được phán cho Alyattes, đã phái một sứ giả tới báo cho Thrasyboulos để ông biết trước và bàn bạc kỹ lưỡng phòng khi hoàn cảnh bắt buộc.

21. Và Alyattes, khi được báo lại câu trả lời, đã phái một sứ giả tới Miletos, bày tỏ muốn đình chiến với Thrasyboulos và người Miletos trong thời gian đủ lâu để ông có thể xây lại ngôi đền. Vị sứ giả sau đó được cử làm phái viên tại Miletos; trong lúc đó Thrasyboulos, biết trước toàn bộ tình hình và biết những gì Alyattes định làm, liền nảy ra mưu kế này: Ông cho tập trung tại khu chợ tất cả lương thực dự trữ có thể tìm thấy trong thành phố, cả kho dự trữ của bản thân ông lẫn thực phẩm của các cá nhân; rồi ông tuyên bố với người Miletos là khi ông ra hiệu lệnh, tất cả họ cần bắt đầu uống rượu và vui vẻ với nhau.

22. Thrasyboulos làm như vậy để sứ giả từ Sardis, khi tận mắt thấy một lượng lớn thực phẩm được tập trung lại một cách bất cẩn và cư dân tiệc tùng, sẽ báo lại chuyện này cho Alyattes. Thực tế đã diễn ra đúng như vậy, vị sứ giả quay về Sardis sau khi chứng kiến cảnh tượng này và tâu lên Thrasyboulos sứ mệnh đã được giao phó, hòa ước được lập, thực hiện hoàn toàn chỉ vì mẹo nhỏ này, như tôi được biết. Với Alyattes, người nghĩ rằng đang có nạn đói lớn ở Miletos và cư dân tại đó đã kiệt quệ tới cảnh khốn cùng, đã nghe được điều ngược lại từ vị sứ giả từ Miletos quay về. Sau đó, hòa bình được thiết lập giữa họ với điều kiện hai vị vua trở thành bằng hữu và đồng minh của nhau, còn Alyattes xây hai ngôi đền

cho nữ thần Athena tại Assesos thay vì một, và bản thân nhà vua thì khỏi bệnh. Về cuộc chiến tranh Alyattes phát động chống lại người Miletos và Thrasyboulos, các biến cố đã diễn ra như thế.

23. Về Periandros, người đã báo tin về thần dụ cho Thrasyboulos, người này là con trai Kypselos, tiếm chúa Korinthos. Theo lời kể của người Korinthos (và người Lesbos cũng thống nhất với họ), vào thời ông này sống, đã có một điều kỳ diệu lớn lao xảy ra, cụ thể là việc Arion thành Methymna được đưa vào bờ ở Tainaron[1] trên lưng một con cá heo. Người đàn ông này là nghệ sĩ đàn lyra giỏi nhất đương thời, và theo những gì chúng ta biết cho tới nay, là người đầu tiên sáng tác một bài tụng ca tửu thần, đặt tên cho tác phẩm như vậy rồi dạy nó cho một dàn đồng ca tại Korinthos.

24. Người ta thuật lại rằng Arion, người sống phần lớn cuộc đời cùng Periandros, từng khao khát muốn vượt biển tới Italia[2] và Sikelia; và sau khi đã kiếm được tại đó những khoản tiền lớn, ông lại mong muốn quay trở lại Korinthos. Vậy là ông khởi hành từ Taras, và thuê một con thuyền với thủy thủ đoàn người Korinthos, vì ông tin tưởng người Korinthos hơn những người khác. Truyện kể lại rằng khi ra tới ngoài khơi, đám thủy thủ này lập mưu ném Arion xuống biển để đoạt lấy tài sản của ông. Biết chuyện, ông liền điều đình với chúng, xin trao cho chúng tất cả của cải ông có, yêu cầu chúng để ông được sống. Tuy nhiên, ông không thể lay chuyển được đám thủy thủ, những kẻ này ra lệnh cho ông tự sát để có thể được chôn cất trên đất liền, hoặc nhảy luôn xuống biển. Vậy là Arion, sau khi bị đưa tới một eo biển, cầu xin đám thủy thủ rằng, vì họ đã quyết như thế, họ cần cho phép ông đứng trên sàn thuyền trong bộ quần áo chỉn chu của người du ca và hát. Ông hứa sẽ tự sát sau khi hát xong. Đám thủy thủ, hân hoan nghĩ chúng cũng nên lắng nghe nghệ sĩ tài hoa nhất thế gian, sau đó lui hết khỏi đuôi thuyền ra giữa thuyền; ông khoác lên người bộ trang phục ca sĩ, cầm cây đàn lyra của mình, rồi đứng trên sàn thuyền trình diễn một giai điệu Orthios. Khi giai điệu kết thúc, ông gieo mình xuống biển, trên người vẫn mặc bộ trang phục của người ca sĩ. Đám thủy thủ tiếp tục đi thuyền tới Korinthos, nhưng còn người nghệ sĩ, người ta kể rằng một con cá heo đã tới đỡ ông lên lưng, đưa ông vào bờ tại Tainaron. Khi cập bờ, ông đi về Korinthos vẫn trong bộ trang phục ca sĩ của mình. Về tới nơi, ông thuật lại tất cả những gì đã xảy ra. Periandros, ngờ vực câu chuyện, đã cho canh gác Arion, không để ông đi đâu, trong khi để mắt theo dõi cẩn thận đám thủy thủ đã chở người nghệ sĩ. Khi đám này tới, Periandros cho triệu họ vào gặp, hỏi họ có gì để thông báo về Arion hay không. Khi đám thủy thủ nói nghệ sĩ đang bình an tại Italia, còn bọn họ đã từ biệt ông hoàn toàn khỏe mạnh

ở Taras, Arion đột nhiên xuất hiện trước mặt chúng trong chính bộ trang phục ông mặc khi nhảy khỏi thuyền. Đám thủy thủ sững sờ vì kinh ngạc đã không thể tiếp tục chối cãi khi chúng bị chất vấn. Đây là câu chuyện đã được cả người Korinthos và người Lesbos kể lại, và ở Tainaron vẫn còn một lễ vật khiêm tốn do Arion dâng lên, bức tượng người đàn ông trên lưng cá heo bằng thanh đồng.

---

1. Mũi đất ở tận cùng bán đảo Mani tại Hy Lạp, nơi có ngôi đền Poseidon nổi tiếng thời cổ đại.

2. Herodotos chỉ dùng tên gọi này cho phần phía nam bán đảo.

---

25. Alyattes người Lydia sau khi gây chiến với người Miletos, qua đời sau khi đã trị vì 57 năm. Khi khỏi bệnh, vị vua này đã dâng một lễ vật tại Delphoi (và là thành viên thứ hai trong gia tộc của ông làm việc này). Món lễ vật gồm một bình pha rượu lớn bằng bạc, cùng một chân đế sắt được hàn vào nó. Món lễ vật này là một tuyệt phẩm đáng để chiêm ngưỡng hơn tất cả các lễ vật khác tại Delphoi, và là tác phẩm của Glaukos người Khios, người đầu tiên tìm ra kỹ nghệ hàn sắt.

26. Sau khi Alyattes qua đời, con trai là Kroisos thừa kế vương quốc ở tuổi 35. Những người Hy Lạp đầu tiên mà ông tấn công là người Ephesos. Khi bị ông vây hãm, người Ephesos đã dâng thành phố của họ cho nữ thần Artemis và buộc một sợi thừng từ ngôi đền của nữ thần tới tường thành: khoảng cách giữa cổ thành, nơi bị vây hãm lúc đó, và ngôi đền là 7 *stadia*[1]. Như tôi đã nói, đây là đô thị Hy Lạp đầu tiên Kroisos tấn công, nhưng sau đó ông tiếp tục với lần lượt từng đô thị khác tại Ionia[2] và Aiolis[3], viện ra nhiều nguyên nhân trách cứ, đưa ra những lời buộc tội nghiêm trọng với những kẻ mà ông có thể tìm được căn cứ vững chắc, trong khi với một số đối thủ khác nhà vua chỉ đưa ra được những lời buộc tội vặt vãnh.

---

1. 1 *stadion* (sn: *stadia*) tương đương 185 mét. (BT)

2. Một vùng lãnh thổ nằm ở vùng miền trung bờ biển phía Tây bán đảo Tiểu Á, nay thuộc Thổ Nhĩ Kỳ.

3. Vùng lãnh thổ ở miền bắc bờ biển phía Tây bán đảo Tiểu Á, ở ngay phía trên vùng Ionia.

---

27. Sau đó, khi người Hy Lạp ở châu Á đã bị chinh phục và buộc phải cống nạp, nhà vua quyết định tiếp theo sẽ đóng thuyền cho

mình và áp đặt sự thống trị lên đảo dân. Đến khi tất cả đã sẵn sàng cho việc đóng thuyền, người ta kể rằng Bias thành Priene (hay theo một nguồn khác là Pittakos thành Mytilene) tới Sardis, và sau khi được Kroisos hỏi liệu có diễn biến gì mới tại Hy Lạp hay không, đã chấm dứt việc đóng thuyền của nhà vua bằng những lời nói sau: "Tâu bệ hạ", ông nói, "đám đảo dân đang thuê một đội quân với 10.000 kỵ mã, với đội quân này, họ dự định hành quân đến Sardis và tấn công ngài". Và Kroisos, cho rằng những gì Bias nói lại là đúng, liền nói: "Cầu cho các vị thần gieo vào tâm trí đám đảo dân ý tưởng dùng kỵ binh chống lại các con trai xứ Lydia!" Và Bias trả lời: "Tâu bệ hạ, thần nhận thấy người thực sự mong muốn bắt đám người trên đảo khi bọn họ đang cưỡi ngựa trên đất liền; và đó không phải là một mong muốn vô lý. Tuy nhiên, bệ hạ thử nghĩ xem đám đảo dân sẽ mong muốn và cầu khẩn điều gì khi họ biết tin ngài chuẩn bị đóng thuyền để tấn công họ hơn việc họ có thể đánh úp người Lydia trên biển để báo thù ngài cho những người Hy Lạp sống trên đất liền đã bị ngài nô dịch?" Người ta kể rằng Kroisos đã rất hài lòng với kết luận này, và làm theo lời khuyên của Bias, vì nhà vua cho rằng những lời đó rất có lý, Kroisos cho dừng việc đóng thuyền, và kể từ đó nhà vua kết giao với người Ionia sống trên các đảo.

28. Thời gian trôi qua, gần như tất cả các dân tộc phía tây sông Halys đã bị chinh phục. Ngoại trừ người Kilikia và người Lykia, Kroisos đã nô dịch các dân tộc sau: Người Lydia, Phrygia, Mysia, Mariandynoi, Khalybes, Paphlagonia, Thraike (cả người Thynoi và Bithynia), Karia, Ionia, Doris, Aiolis và Pamphylia.

29. Như tôi vừa nói, khi các dân tộc này bị khuất phục, và trong khi Kroisos đang tiếp tục sáp nhập các vùng đất mới vào lãnh thổ Lydia của mình, tất cả các nhà hiền triết của Hy Lạp sống vào thời đó đã tìm tới Sardis, lúc đó đang đỉnh thịnh, vào nhiều dịp khác nhau. Một trong số họ là Solon người Athenai, người sau khi định ra pháp luật cho người Athenai theo lời thỉnh cầu của họ đã rời khỏi bản quán trong 10 năm, lên thuyền ra đi sau khi nói ông muốn tới thăm các vùng đất khác để không bị ép buộc phải bãi bỏ bất cứ điều luật nào ông đã đề ra. Vì bản thân người Athenai sẽ không thể làm được điều đó sau khi đã bị ràng buộc bởi lời thề thiêng liêng sẽ tuân thủ trong 10 năm những điều luật Solon đề ra cho họ.

30. Vậy là Solon, sau khi rời khỏi quê hương vì lý do kể trên và để thưởng ngoạn thế giới, tới gặp Amasis tại Ai Cập, và cũng tới gặp Kroisos tại Sardis. Khi tới đây, nhà hiền triết được Kroisos khoản đãi trong hoàng cung. Đến ngày thứ ba hay thứ tư, theo lệnh

Kroisos, người hầu của nhà vua dẫn Solon đi xem các kho báu của nhà vua. Họ cho ông xem mọi thứ, chỉ cho ông thấy chúng đồ sộ, lộng lẫy ra sao. Sau khi vị khách đã được chiêm ngưỡng, xem xét tất cả chúng, Kroisos đã hỏi vị khách như sau: "Hỡi vị khách Athenai, ta đã được nghe nói nhiều về ông, cả về sự thông tuệ lẫn những chuyến du hành của ông, cũng như việc để tìm kiếm trí tuệ, ông đã đi qua rất nhiều vùng đất để tận mắt thấy chúng. Vì thế, lúc này ta muốn hỏi liệu ông đã từng thấy ai mà ông cho là người hạnh phúc nhất trong tất cả mọi người chăng". Kroisos đưa ra câu hỏi này, đoán rằng nhà vua chính là người hạnh phúc nhất. Nhưng Solon, không tán tụng mà chỉ nói sự thật, đã nói: "Tâu bệ hạ, đó là Tellos người Athenai". Và Kroisos, ngỡ ngàng trước những lời của nhà hiền triết, liền sốt sắng hỏi ông: "Về mặt nào ông lại cho rằng Tellos là người hạnh phúc nhất?" Và vị khách đáp: "Tellos, trước hết, đã sinh sống khi thành bang ông thịnh vượng, có những đứa con trai đẹp đẽ, chính trực và chứng kiến tất cả những đứa cháu mình ra đời và trưởng thành. Thứ hai, ông sở hữu thứ mà chúng tôi coi là giàu có, ông có một kết cục vinh quang nhất cho cuộc đời ông. Vì khi một trận đánh diễn ra giữa người Athenai với những láng giềng tại Eleusis, ông đã đem viện binh tới, đánh tan kẻ thù và anh dũng hi sinh. Người Athenai đã chôn cất ông trọng thể tại nơi ông ngã xuống, và họ tôn vinh ông thật lẫy lừng".

31. Vậy là khi Solon đã khiến Kroisos dò hỏi thêm về câu chuyện của Tellos và thuật lại những lý do khiến người đàn ông này hạnh phúc, nhà vua lại hỏi nhà hiền triết xem ai trong số những người ông từng biết xứng đáng xếp sau Tellos, đoán rằng mình chắc chắn được xếp thứ hai. Song nhà hiền triết lại đáp: "Kleobis và Biton. Xuất thân là người Argos, họ đủ sung túc và tráng kiện như tôi sẽ kể sau đây. Cả hai đều từng đoạt giải thưởng trong các kỳ thi tài, và hơn thế nữa, câu chuyện sau đây về họ đã được thuật lại: Có một lễ hội dành cho nữ thần Hera của người Argos, và mẹ của họ nhất thiết cần được đưa bằng xe tới ngôi đền. Nhưng vì lũ bò thiến của họ không thể được dắt từ ngoài đồng về kịp, hai chàng trai trẻ, không còn cách nào khác vì thiếu thời gian, đã tự đóng mình vào ách và kéo xe đưa mẹ họ tới đền. Bằng cách này, họ đã kéo xe đi hơn 45 *stadia* để tới đền. Sau khi làm việc này và được cả đám đông có mặt chứng kiến, cuộc đời họ cũng kết thúc theo cách hoàn hảo nhất. Và trong chuyện này một vị thần đã phán rằng với con người chết tốt hơn là tiếp tục sống. Vì đám đàn ông Argos đang đứng xung quanh ca ngợi sức mạnh của hai chàng trai trẻ, trong khi những phụ nữ Argos ca tụng bà mẹ đã được số phận ban cho những người con trai như thế. Bà mẹ, quá vui mừng trước

chính hành động của các con cũng như danh tiếng hành động ấy mang lại, đã đứng trước tượng nữ thần và cầu xin nữ thần hãy ban cho các con trai bà, Kleobis và Biton, những đứa con kính trọng bà hết mực, món quà quý giá nhất con người có thể nhận được. Sau lời khẩn cầu đó, khi họ đã làm lễ hiến sinh và tiệc tùng, hai chàng trai trẻ nằm xuống ngủ ngay bên trong ngôi đền và không bao giờ tỉnh dậy nữa, mà cứ nằm nguyên như thế trong đoạn kết cuối cùng. Người Argos dựng tượng họ, rồi dâng những bức tượng đó làm lễ vật tại Delphoi vì cho rằng hai chàng trai đã chứng tỏ họ là những người xuất chúng nhất".

32. Solon giành vị trí thứ hai về hạnh phúc cho hai chàng trai này, còn Kroisos nổi giận và nói: "Hỡi vị khách Athenai, chẳng lẽ ngươi đã gạt sang bên hạnh phúc của ta như thể chúng không hề có giá trị gì, và thậm chí ngươi còn đánh giá ta không bằng thường dân?" Và nhà hiền triết trả lời: "Hỡi Kroisos, ngài đang hỏi về vận hội con người từ một người biết rõ các vị thần luôn đầy đố kỵ và hay làm xáo trộn số phận chúng ta. Vì theo tiến trình của thời gian, một người có thể thấy nhiều thứ anh ta không muốn thấy, phải chịu đựng nhiều điều anh ta không muốn chịu đựng. Thần cho giới hạn của đời người là 70 năm. Và 70 năm này có 25.200 ngày, chưa kể tới bất cứ tháng nhuận nào. Vậy nếu cứ hai năm lại có thêm một tháng để các mùa tới đúng thời điểm trong năm, sẽ có thêm 35 tháng nhuận bên cạnh 70 năm. Và trong những tháng nhuận đó có 1.050 ngày. Trong số ngày này, tổng cộng là 26.250, chia đều trong 70 năm, mỗi ngày đều chẳng đem đến điều gì giống hoàn toàn với một ngày khác. Chính vì thế, hỡi Kroisos, con người hoàn toàn là một tạo vật của sự tình cờ. Về phần ngài, tôi thấy ngài vừa giàu có vô cùng vừa là vua của muôn vạn thần dân, nhưng tôi chưa thể gọi ngài là người như ngài đòi hỏi cho tới khi tôi được biết ngài đã sống hết cuộc đời với một kết thúc tốt đẹp. Vì người rất giàu vẫn chưa thể được coi là hạnh phúc hơn người chỉ đủ sống qua ngày, trừ khi vận mệnh cũng ban cho anh ta được kết thúc cuộc đời êm đẹp, vẫn có trong tay mọi thứ tốt lành. Vì có nhiều người rất giàu có lại không hạnh phúc, trong khi nhiều người chỉ có cuộc sống khiêm nhường lại thật may mắn, và trên thực tế người rất giàu mà không hạnh phúc chỉ có hai lợi thế so với một người nghèo nhưng may mắn, trong khi người sau lại có nhiều điều hơn so với người giàu bất hạnh. Người giàu có thể đáp ứng ham muốn của anh ta tốt hơn, và cũng có thể cam chịu tai họa lớn nếu nó giáng xuống đầu anh ta. Trong khi đó, người kia lại có lợi thế so với anh ta trong những điều sau đây: Người nghèo hơn quả thực không thể có được khả năng ngang bằng với người giàu khi cam chịu một tai họa hay thỏa mãn ham muốn của bản

thân, song vận may đã giữ những thứ này tránh xa khỏi người này, trong khi anh ta có tay chân khỏe mạnh, không bệnh tật, không khổ ải, là cha của những đứa con đẹp đẽ và bản thân anh ta cũng ưa nhìn. Nếu thêm vào đó, anh ta lại kết thúc cuộc đời thật đẹp đẽ, thì anh ta xứng đáng được gọi là kẻ như ngài tìm kiếm, một người hạnh phúc. Nhưng trước khi anh ta đi hết cuộc đời, tốt nhất nên từ tốn và đừng gọi anh ta là người hạnh phúc, mà chỉ là may mắn thôi. Và sở hữu tất cả những điều kể trên vào lúc này là không thể với một người trần thế bình thường, cũng như không có vùng đất nào có thể tự cung tự cấp đầy đủ mọi thứ, mà luôn có thứ này song lại thiếu thứ khác, và vùng đất sở hữu số lượng yếu tố cần thiết lớn nhất là vùng đất tốt nhất. Cũng như vậy trong trường hợp một con người, không có ai là hoàn hảo, vì anh ta có thứ này song lại thiếu thứ khác. Song người nào cho tới tận cuối đời sở hữu số lượng nhiều nhất những thứ này và có một đoạn kết huy hoàng cho cuộc đời, với tôi người đó xứng đáng được coi là hạnh phúc, tâu bệ hạ. Với tất cả mọi thứ, chúng ta nhất thiết phải xem xét đoạn kết để biết chúng sẽ ra sao, vì với rất nhiều người, các vị thần chỉ cho thấy một tia hạnh phúc thoáng qua rồi nhổ bật rễ những mầm hạnh phúc đó và lật ngược chúng".

33. Nói như thế, nhà hiền triết từ chối nhìn nhận Kroisos là người hạnh phúc, nhà vua cho người tiễn vị khách đi khuất mắt mình, không hề đánh giá cao nhà hiền triết, nghĩ rằng ông hoàn toàn vô lý khi bỏ qua những điều tốt đẹp hiện tại và kêu gọi người ta nhìn vào tận cùng của mọi vấn đề.

34. Sau khi Solon đi khỏi, một sự trừng phạt ghê gớm từ các vị thần trút xuống Kroisos, có lẽ vì nhà vua đã tự cho mình là người hạnh phúc nhất trong mọi người. Đầu tiên, nhà vua nằm mơ thấy một giấc mơ cho hay về tai họa sắp ập đến con trai ông. Kroisos vốn có hai hoàng tử, một người tàn tật, điếc và câm, người kia lại vượt xa bạn bè đồng trang lứa về mọi mặt. Người con trai thứ hai này tên là Atys. Trong giấc mơ, Kroisos được báo trước ông sẽ mất Atys vì cú đâm của một mũi giáo sắt. Khi bừng tỉnh và ngẫm lại, nhà vua vô cùng kinh hãi về giấc mơ. Vậy là trước hết ông cưới vợ cho con trai, và trong khi trước đó Atys đã quen chỉ huy các đạo quân của Lydia, giờ đây nhà vua không cử con trai làm những việc như vậy nữa. Tất cả lao, giáo và mọi thứ binh khí những người đàn ông dùng để chiến đấu đều bị nhà vua cho dọn khỏi các khu phòng nam giới và chất đống trong khu phòng ngủ hậu cung, để đề phòng món vũ khí nào đó có thể rơi xuống người hoàng tử.

35. Sau đó, trong khi Kroisos đang chuẩn bị cho lễ cưới của con trai, một người đang gặp vận rủi và có đôi bàn tay dính máu đến

Sardis, một người Phrygia có dòng máu hoàng tộc. Người đàn ông này tìm đến nhà Kroisos, và theo phong tục ở vùng đất đó, yêu cầu được thanh tẩy. Kroisos cho vị khách được thanh tẩy, và cách thanh tẩy của người Lydia cũng gần giống với người Hy Lạp. Khi Kroisos đã thanh tẩy xong theo phong tục, ông hỏi vị khách là ai và từ đâu tới bằng những lời như sau: "Ngươi là ai, và ngươi từ miền nào của đất Phrygia tới đây ngồi dưới mái nhà ta? Và ngươi đã giết người đàn ông hay phụ nữ nào?" Vị khách trả lời: "Tâu bệ hạ, thần là con trai Gordias, và Midas là ông nội thần. Thần tên là Adrastos. Thần đã vô tình giết anh trai của thần, vì thế thần ở đây sau khi bị cha thần xua đuổi và tước bỏ tất cả những gì thần có". Và Kroisos trả lời thế này: "Thật tình cờ ngươi lại là thân thích của bằng hữu của ta, và ngươi đã tới chỗ của những người bạn, ở giữa họ ngươi sẽ không phải thiếu thốn gì chừng nào ngươi còn lưu lại nơi đây, và ngươi sẽ thấy tốt nhất là ngươi nên cam chịu vận rủi này một cách nhẹ nhàng nhất có thể".

36. Vậy là vị khách lưu lại cùng Kroisos. Vào thời gian đó, trên núi Olympos[1] ở vùng Mysia xuất hiện một con lợn lòi khổng lồ. Con vật từ ngọn núi này đi xuống tàn phá các cánh đồng của người dân Mysia, và cho dù người Mysia thường xuyên chống lại nó, không tài nào làm nó bị thương, mà ngược lại còn hứng chịu nhiều tổn thất. Cuối cùng, sứ giả từ người Mysia tới gặp Kroisos và bẩm báo: "Tâu bệ hạ, trên vùng đất của chúng tôi xuất hiện một con lợn lòi khổng lồ đang tàn phá các cánh đồng. Chúng tôi, dù rất mong muốn trừ khử nó, đã không thể làm được gì. Vì vậy chúng tôi khẩn cầu bệ hạ cử con trai của người tới giúp chúng tôi cùng một toán thanh niên được lựa chọn chu đáo và chó săn, để chúng tôi có thể tiêu diệt con quái vật khỏi vùng đất của mình". Người Mysia đã khẩn cầu như thế, còn Kroisos, nhớ lại những lời nghe thấy trong giấc mơ, đã nói với họ thế này: "Về con trai ta, không được nhắc đến nó nữa trong chuyện này vì ta sẽ không phái nó tới chỗ các người, vì hoàng tử mới kết hôn và hiện đang bận bịu với cuộc hôn nhân. Song ta sẽ cử tới các người những dũng sĩ được tuyển chọn của Lydia cùng toàn bộ số chó săn của ta. Đồng thời ta sẽ lệnh cho những người được cử đi phải nỗ lực hết sức trong việc giúp đỡ các người trừ khử con thú hoang đó khỏi vùng đất các người sinh sống". Nhà vua đã trả lời như vậy.

---

[1]. Nay là núi Uludağ ở Thổ Nhĩ Kỳ.

---

37. Dù người Mysia hài lòng với lời hồi đáp này, con trai của Kroisos cũng đi vào cung điện sau khi biết được lời thỉnh cầu của

người Mysia. Khi Kroisos nói ông sẽ không phái con trai đi cùng họ, chàng thanh niên liền nói: "Thưa cha, trước đây những việc đẹp đẽ và cao quý nhất đều được giao phó cho con, liên tục xuất trận, đi săn và nhờ đó con có được tiếng tăm. Nhưng giờ cha lại ngăn cản con làm cả hai việc đó, cho dù cha đã không hề thấy ở con bất cứ biểu hiện hèn nhát hay sợ sệt nào. Rồi đây con biết để bộ mặt đi đâu khi ra khu chợ hay từ đó về? Thần dân của cha sẽ coi con là loại người nào, và người vợ mới cưới của con, nàng sẽ nghĩ nàng đã kết duyên với loại chồng nào? Thế nên cha hãy để con đi săn, hoặc hãy thuyết phục con bằng cách đưa ra lý lẽ rằng hiện nay có những việc khác tốt hơn con nên làm".

38. Và Kroisos trả lời thế này: "Con trai, ta hành động như thế không phải vì ta thấy ở con bất cứ biểu hiện nào của hèn nhát hay phẩm chất đáng hổ thẹn nào khác, mà vì một bóng hình đã tới trong mơ, đến bên ta trong lúc ta ngủ, nói với ta rằng con sẽ yểu mệnh, và con sẽ chết bởi một mũi giáo sắt. Vì nghĩ tới giấc mơ này mà ta đã gấp gáp tổ chức hôn lễ cho con, và giờ đây ta từ chối để con tham gia cuộc săn sắp tiến hành, ta bảo vệ con để hy vọng ta có thể đoạt lại con khỏi định mệnh, ít nhất trong thời gian ta còn sống trên đời, bằng bất cứ cách nào có thể. Vì định mệnh đã quyết định rằng con là con trai duy nhất của ta. Đứa còn lại ta không coi là con trai ta vì nó bị tật không thể nghe được".

39. Chàng trai trẻ trả lời như sau: "Thưa cha, có thể lượng thứ cho người vì người đã lo lắng che chở cho con sau khi gặp phải một giấc mơ như vậy; song có điều cha đã không hiểu, cũng là phần ý nghĩa của giấc mơ cha đã để sót, và con cần giải thích cho cha thấy rõ cũng là điều hợp lẽ. Cha nói giấc mơ dự báo rằng con sẽ kết thúc cuộc đời bởi một mũi giáo sắt; nhưng liệu một con lợn lòi thì có cánh tay nào, hay mũi giáo nào đây để cha phải e sợ? Nếu giấc mơ đã dự báo con phải chết vì một cái nanh lợn lòi hay bất cứ thứ gì khác giống như thế, thì hiển nhiên cha đã đúng khi làm những gì người đang làm. Nhưng giấc mơ đã dự báo là 'bởi một mũi giáo'. Vì chúng ta sẽ không phải chiến đấu với con người, giờ cha hãy để con đi".

40. Kroisos trả lời: "Con trai ta, con đã phần nào thuyết phục được ta khi đưa ra lời giải thích của con về giấc mơ. Vì thế, sau khi được con thuyết phục, ta quyết định đổi ý và cho phép con tham gia cuộc săn".

41. Nói xong, Kroisos triệu Adrastos người Phrygia tới. Khi anh ta tới, nhà vua nói thế này: "Adrastos, khi ngươi gặp phải vận rủi nghiêm trọng (và ta cũng không trách cứ ngươi về chuyện đó), ta

đã thanh tẩy cho ngươi, đón nhận ngươi vào nhà ta, chu cấp mọi thứ cho ngươi. Vì thế, giờ đây, sau khi đã nhận lòng tốt từ ta, ngươi có bổn phận báo đáp ta bằng lòng tốt. Ta yêu cầu ngươi làm người bảo vệ con trai ta, người sắp lên đường đi săn, để phòng lỡ có đám đạo tặc xấu xa nào hãm hại các người. Và ngoài ra, ngươi cũng phải có mặt ở những nơi ngươi có thể nổi danh nhờ các chiến công của mình, ngươi gánh vác một di sản từ cha ông đòi hỏi ngươi phải làm như thế, và hơn nữa ngươi lại có đủ sức mạnh để làm vậy".

42. Adrastos trả lời: "Tâu bệ hạ, nếu không vì dịp này, thần đáng lẽ không nên tham gia vào bất cứ cuộc đua tranh lòng dũng cảm nào như thế. Vì trước hết, sẽ là không thích hợp cho một người đang phải chịu đựng một bất hạnh lớn lao như thần đi tìm kiếm sự đồng hành của những người đang thịnh vượng, và thứ hai là thần không hề mong muốn nó. Và vì rất nhiều lý do, thần đáng lẽ đã tránh xa. Nhưng giờ đây, vì bệ hạ đã hối thúc, và thần nhất định phải phục tùng bệ hạ (vì thần có bổn phận báo đáp bệ hạ bằng lòng tốt), thần sẵn sàng làm việc này. Vì vậy bệ hạ hãy trông đợi hoàng tử, người bệ hạ ra lệnh cho thần bảo vệ, sẽ trở về với bệ hạ bình an, chừng nào người bảo vệ này có thể giữ cho hoàng tử an toàn".

43. Sau khi Adrastos đã trả lời Kroisos bằng những lời lẽ như vậy, đoàn đi săn lên đường với các chàng trai trẻ được lựa chọn cùng đàn chó săn. Khi tới núi Olympos, họ lần theo dấu vết con vật. Sau khi tìm ra dấu vết của nó và đứng thành một vòng tròn, họ phóng giáo về phía con lợn lòi. Thế rồi cây giáo của vị khách có tên Adrastos, người đã được thanh tẩy tội ngộ sát, khi phóng đi đã phóng trượt con lợn và trúng vào người con trai của Kroisos. Vậy là hoàng tử trúng một mũi giáo sắt, đúng như điềm báo trong giấc mơ. Và một người chạy về báo tin cho nhà vua. Khi sứ giả đến Sardis, Kroisos được nghe kể về cuộc chạm trán lợn lòi và số phận con trai ông.

44. Kroisos vô cùng choáng váng trước cái chết của con trai, và càng khổ sở hơn vì con trai ông chết dưới tay người đã được chính ông thanh tẩy tội ngộ sát. Bị giày vò trước nỗi bất hạnh, nhà vua khẩn cầu Zeus Karthasios (Đấng thanh tẩy), phản đối với thần là ông đã phải chịu đau khổ từ vị khách của mình. Rồi thêm nữa, nhà vua khẩn cầu Zeus Epistios (Người trông coi bếp lửa) và Zeus Hetaireios (Người bảo vệ bằng hữu), vẫn là các danh xưng khác của cùng vị thần này. Nhà vua đã khẩn cầu thần như Epistios vì khi đón nhận vị khách vào nhà, ông đã vô tình dung dưỡng kẻ giết con mình, và như Hetaireios vì khi đã phái vị khách đi làm người

bảo vệ con trai, nhà vua lại phải thấy anh ta hóa ra là kẻ thù tệ hại nhất.

45. Sau đó, người Lydia mang thi thể tới, và theo sau là kẻ sát nhân. Anh ta đứng trước xác nạn nhân, nộp mình cho Kroisos, chìa hai bàn tay ra và khẩn cầu nhà vua hãy giết mình ngay trước thi thể, kể về nỗi bất hạnh trước đây của mình và nói rằng bên cạnh đó, giờ đây anh ta còn trở thành kẻ hủy hoại người đã thanh tẩy anh ta khỏi tội lỗi đó, và rằng cuộc đời với anh ta giờ đây không còn đáng sống nữa. Song Kroisos, sau khi nghe tất cả, đã thương hại Adrastos, cho dù chính nhà vua cũng đang phải chịu nỗi đau khổ khôn cùng, và nói với anh ta: "Vị khách lạ, ta đã nhận được từ ngươi tất cả sự trả giá xứng đáng, khi ta thấy ngươi kết án chính mình tội chết. Và không phải mình ngươi là nguyên nhân gây ra tai họa này, ngoại trừ việc ngươi là công cụ gây ra nó ngoài ý muốn của ngươi, mà ta đoán một vị thần nào đó đã từ lâu nhắc nhở ta về chuyện rồi sẽ xảy ra". Thế rồi Kroisos an táng con trai một cách xứng đáng, nhưng Adrastos con trai Gordias, cháu trai Midas, người đã giết chính anh trai mình, đồng thời cũng hủy hoại người đã thanh tẩy cho anh ta, chợt nhận ra khi im lặng bao trùm lên tất cả mọi người có mặt quanh nấm mồ, anh ta đã bị nỗi bất hạnh đè nặng hơn bất cứ ai anh ta từng biết, và anh ta tự sát ngay trên nấm mộ.

46. Trong hai năm sau đó, Kroisos lặng lẽ để tang, vì nhà vua đã bị tước đi đứa con trai. Nhưng sau thời gian này, việc Kyros cướp ngôi của Astyages, cũng như việc người Ba Tư đang lớn mạnh đã khiến Kroisos thôi than khóc và chú tâm vào việc chấm dứt sức mạnh của người Ba Tư bằng bất cứ cách nào ông có thể trong khi đối thủ này còn đang ở giai đoạn phát triển, và trước khi họ trở nên hùng mạnh. Hạ quyết tâm như vậy, nhà vua bắt đầu việc thử thách các dự ngôn giả tại Hy Lạp và một dự ngôn giả tại Libya[1], phái sứ giả đi khắp nơi, một số tới Delphoi, một số khác tới Abai thuộc Phokis, một số khác nữa tới Dodona. Một số người được phái tới Amphiaraos cũng như Trophonios, số khác tới Brankhidai tại Miletos. Trên đây là những dự ngôn giả Hy Lạp mà Kroisos dự định hỏi ý. Ông cử các sứ giả khác tới hỏi ý Ammon tại Libya. Mục đích của ông là thử thách các dự ngôn giả, để nếu kết quả cho thấy họ có năng lực biết trước thực tế, ông có thể phái người tới hỏi họ lần hai, liệu ông có nên gây chiến với người Ba Tư không.

---

1. Libya được Herodotos dùng để chỉ không chỉ vùng lãnh thổ Libya ngày nay mà toàn bộ các vùng lãnh thổ châu Phi nằm về phía tây Ai Cập.

47. Với các sứ giả người Lydia, nhà vua ra lệnh như sau: Kể từ ngày họ rời Sardis, các sứ giả cần đếm số ngày trôi qua, và đến ngày thứ 100, họ cần đến hỏi ý các dự ngôn giả, hỏi xem Kroisos vua Lydia, con trai Alyattes đang làm gì lúc đó.

Cho dù các dự ngôn giả có trả lời thế nào đi nữa, các sứ giả cũng phải ghi lại và mang câu trả lời về cho nhà vua. Những gì các dự ngôn giả khác dự đoán không còn được lưu lại tới ngày nay, song tại Delphoi, ngay khi sứ đoàn Lydia bước vào thánh điện của ngôi đền để tham vấn các vị thần và hỏi điều họ được lệnh phải hỏi, nữ tư tế Pythia đã nói những câu thơ lục bộ cách[1] sau:

---

1. Còn gọi là *hexameter*, một thể thơ gồm sáu bộ (foot), mỗi bộ gồm hai âm tiết dài hoặc một âm tiết dài và hai âm tiết ngắn. (BT)

Ta đếm số hạt cát và số giọt nước trong đại dương;

Ta nghe thấy kẻ câm và lắng nghe kẻ im lặng;

Ta ngửi được mùi một con rùa mai cứng

Bị luộc cùng với thịt một con cừu trong thanh đồng;

Chiếc nồi bằng thanh đồng, và nắp cũng bằng thanh đồng.

48. Khi nữ tư tế Pythia đã phán xong, sứ đoàn Lydia liền ghi lại, rồi lập tức quay về Sardis. Và khi các sứ đoàn còn lại được phái đi cũng đã quay về đem theo câu trả lời của các dự ngôn giả, Kroisos liền mở lần lượt từng bản ghi chép và đọc qua chúng. Thoạt đầu, không câu trả lời nào làm nhà vua hài lòng, song khi biết được câu trả lời từ Delphoi, ông lập tức cầu nguyện tạ ơn vị thần và chấp nhận câu trả lời, đồng thời cho rằng dự ngôn giả tại Delphoi chân thật nhất, vì đã nói đúng điều chính nhà vua đã làm. Vì sau khi đã phái sứ giả tới một số dự ngôn giả, đồng thời ghi nhớ rõ ngày hẹn, nhà vua đã nghĩ ra kế như sau: Ông nghĩ tới một thứ không thể khám phá hay hình dung, sau khi cắt một con rùa và một con cừu thành từng mảnh, tự tay nhà vua luộc chúng cùng nhau trong một chiếc vạc thanh đồng, đậy một chiếc vung thanh đồng lên trên.

49. Và đây cũng chính là câu trả lời dành cho Kroisos từ Delphoi; về phần câu trả lời của dự ngôn giả Amphiaraos, tôi không thểnói rõ câu trả lời ra sao với sứ đoàn Lydia sau khi họ đã thực hiện những thủ tục cần thiết trong đền, vì không còn bản ghi chép nào về câu trả lời này cũng như các câu trả lời khác, ngoại trừ việc

Kroisos nghĩ Amphiaraos cũng sở hữu một dự ngôn giả chân thật.

50. Sau cuộc thử thách, nhà vua dùng đến những lễ hiến sinh lớn để giành lấy sự ưu ái của vị thần tại Delphoi: 3.000 loại súc vật dùng để hiến sinh, và ông dâng hàng đống trường kỷ khảm vàng và khảm bạc, những chiếc cốc vàng, những chiếc áo choàng tía, chất thành một giàn thiêu lớn, rồi đốt cháy tất cả lễ vật, hy vọng giành thêm sự ưu ái của các vị thần cho phía Lydia. Và nhà vua tuyên cáo với toàn dân Lydia rằng tất cả họ cần làm lễ hiến sinh bằng những gì mỗi người có. Khi nhà vua kết thúc hiến sinh, ông cho nấu chảy một lượng lớn vàng, và dùng chúng đúc thành từng thỏi nửa hình vuông dài 6 *palaistai*[1], rộng 3 *palaistai* và dày 1 *palaiste*; có tất cả 117 thỏi. Trong số này có bốn thỏi vàng nguyên chất, mỗi thỏi nặng 2,5 *talanta*, còn lại là những thỏi vàng pha bạc nặng 2 *talanta*. Nhà vua cũng ra lệnh đúc một bức tượng sư tử bằng vàng ròng nặng 10 *talanta*; khi ngôi đền ở Delphoi bị đốt trụi, bức tượng sư tử này đã rơi khỏi đế đặt của nó, và hiện tại đang được cất trong bảo khố thành Korinthos, còn nặng 6,5 *talanta*, vì 3,5 *talanta* đã bị đun chảy và lấy đi khỏi bức tượng.

---

[1]. 1 *palaiste* (sn: *palaistai*) tương đương khoảng 7,6 cm.

---

51. Sau khi làm xong những việc kể trên, Kroisos đưa chúng tới Delphoi cùng các lễ vật sau đây: Hai bình pha rượu cỡ lớn, một bằng vàng và một bằng bạc trong đó chiếc bình vàng được đặt bên phải khi người ta bước vào đền, còn chiếc bình bạc nằm bên trái, song vị trí của những chiếc bình này cũng thay đổi sau khi ngôi đền bị cháy trụi, và chiếc bình vàng hiện nay nằm trong bảo khố của người Klazomenai, nặng hơn 8.5 *talanta* và 12 *mnai*[1]. Còn chiếc bình bạc được đặt trong góc tiền sảnh và đựng được 600 vò (được người Delphoi đổ đầy rượu vang vào dịp lễ Theophania). Người Delphoi kể rằng chiếc bình này là tác phẩm của Theodoros người Samos, và theo như tôi nghĩ thì đúng là vậy, vì với tôi rõ ràng cách chế tác không phải kiểu tầm thường. Thêm vào đó, Kroisos dâng bốn hũ đựng rượu vang bằng bạc, hiện đang nằm trong bảo khố thành Korinthos; hai chậu đựng nước thánh, một bằng vàng và một bằng bạc, trên chậu vàng có ghi "từ người Lakedaimon" cho biết đây là lễ vật của họ. Thế nhưng ở đây họ đã nói không đúng, vì lễ vật này của Kroisos, song một người Delphoi đã ghi dòng chữ lên đó, mong muốn lấy lòng người Lakedaimon. Tôi biết tên người này song sẽ không nhắc đến. Cậu bé làm nhiệm vụ rót nước thánh là người Lakedaimon, song cả hai cái chậu đựng nước thánh đều không phải của người Lakedaimon. Cùng

những thứ này, Kroisos đã gửi đi rất nhiều lễ vật khác, không đặc biệt nổi bật, trong đó có những chiếc bình tròn bằng bạc, một bức tượng phụ nữ bằng vàng cao 3 *pekhes*[2] mà người Delphoi nói là tượng người thợ làm bánh của Kroisos. Thêm vào đó, Kroisos còn dâng lễ cả những món đồ trang sức đeo trên cổ và thắt lưng của vợ mình.

---

[1]. 1 *mna* (sn: *mnai*) tương đương 0,5 kg.

[2]. 1 *pekhys* (sn: *pekhes*) Hy Lạp tương đương khoảng 46 cm, về quy ước là chiều dài cẳng tay từ đầu ngón giữa tới khuỷu tay.

---

52. Đó là những lễ vật nhà vua gửi tới Delphoi. Còn với đền Amphiaraos, đã nghe nói tới sự can đảm và số phận bi thảm của vị anh hùng này, nhà vua dâng một chiếc khiên làm toàn bằng vàng, một cây giáo bằng vàng khối, cả cán cũng như hai đầu, và những lễ vật này đều còn lưu lại đến tận thời của tôi tại Thebai, trong ngôi đền Apollon Ismenios.

53. Với sứ đoàn Lydia làm nhiệm vụ mang lễ vật tới các ngôiđền, Kroisos ra lệnh cho họ cũng phải hỏi các dự ngôn giả liệu ông có nên tấn công người Ba Tư hay không, và nếu có thì liệu ông có nên liên minh với bất cứ đội quân nào không. Và khi các sứ đoàn Lydia tới nơi và đã dâng lễ vật, họ hỏi ý các dự ngôn giả rằng: “Kroisos, vua của người Lydia và các dân tộc khác, coi đây là những dự ngôn giả chân thật duy nhất trên đời, dâng tặng lên các vị những lễ vật xứng đáng với lời tiên tri của các vị, và giờ đây lại xin hỏi các vị liệu ngài có nên tấn công người Ba Tư hay không, và nếu có, liệu ngài có nên liên minh với bất cứ đội quân nào không”. Các sứ giả đưa ra câu hỏi như vậy, và câu trả lời từ cả hai dự ngôn giả đều thống nhất, phán rằng nếu Kroisos tấn công người Ba Tư, nhà vua sẽ tiêu diệt một đế quốc vĩ đại. Họ cũng khuyên ông tìm ra những người Hy Lạp mạnh nhất và liên minh với họ.

54. Thế nên khi các câu trả lời được mang về cho Kroisos, nhà vua rất phấn khích, và tự tin mình chắc chắn sẽ tiêu diệt vương quốc của Kyros, ông lại phái người tới Delphoi, sau khi đã tìm hiểu chắc chắn về dân số, và đảm bảo mỗi công dân được ban cho hai đồng *stateres*[1] vàng. Đổi lại, người Delphoi dành cho Kroisos và người Lydia quyền ưu tiên khi hỏi ý dự ngôn giả và được miễn thuế, cũng như quyền được ngồi hàng ghế đầu trong các cuộc thi đấu, và quyền công dân Delphoi vĩnh viễn cho bất cứ người Lydia nào nếu muốn.

1. Đơn vị tiền tệ bằng vàng hoặc bạc thời Hy Lạp cổ, ban đầu dưới dạng thỏi, sau đó đúc thành tiền xu, ngoài ra *stateres* cũng là đơn vị khối lượng tương đương 16,8 g.

55. Sau khi đã tặng quà người Delphoi, Kroisos hỏi ý dự ngôn giả lần thứ ba, vì từ lần biết được sự thật từ dự ngôn giả, ông đã nhiều lần viện đến việc này. Ở lần tham vấn tiếp theo, nhà vua hỏi liệu vương triều của ông có tồn tại trong một thời gian dài hay không. Và nữ tư tế Pythia trả lời ông như sau:

> Khi một con la làm vua người Media
>
> Lúc đó, hỡi người Lydia chân mềm, hãy chạy đến bờ cát sông Hermos[1]
>
> Và chớ nán lại, cũng chớ khinh việc đóng vai kẻ hèn nhát.

1. Tên một dòng sông ở Tiểu Á.

56. Khi những lời này đến tai nhà vua, Kroisos còn vui mừng hơn khi nhận được những thứ còn lại, vì ông cho rằng một con la sẽ không bao giờ có thể trở thành vua người Media thay vì một con người, và như thế ông và những người thừa kế của ông sẽ cai trị mãi mãi. Sau đó, nhà vua nghĩ đến việc nên liên minh với thành bang Hy Lạp nào. Và qua tìm hiểu, nhà vua biết người Lakedaimon[1] và người Athenai có địa vị nổi bật nhất, cộng đồng thứ nhất thuộc nòi giống Doris[2], cộng đồng thứ hai thuộc nòi giống Ionia[3]. Đây là những nòi giống vốn hùng mạnh từ thời xa xưa, nhóm thứ hai là người Pelasgoi, còn nhóm thứ nhất là người cổ Hy Lạp; cộng đồng thứ hai chưa bao giờ di cư khỏi nơi phát tích của họ theo bất cứ hướng nào, trong khi cộng đồng thứ nhất lại di chuyển rất nhiều.

1. Hay Lakonia, vùng cực nam bán đảo Peloponnesos tại Hy Lạp, có thủ đô là Sparta.

2. Một trong bốn sắc tộc chính của người Hy Lạp cổ đại (cùng các sắc tộc Aiolis, Akhaia và Ionia). Các thành bang theo sắc tộc Doris được đặc trưng bởi khẩu âm Dorike cùng các đặc trưng xã hội, lịch sử. Nổi tiếng nhất trong cộng đồng Doris là các thành bang Korinthos và Sparta.

3. Một trong bốn sắc tộc chính của người Hy Lạp cổ đại, trong đó Ionia và Doris là hai nhóm sắc tộc mạnh nhất. Nổi bật nhất trong các thành bang Ionia là Athenai, với các thành tựu triết học, nghệ thuật, dân chủ và khoái lạc, trong khi người Doris, điển hình là Sparta, lại khắc khổ và nổi tiếng về quân sự. Xung đột giữa hai cộng đồng này đã dẫn tới chiến tranh Peloponnesos.

Vì dưới thời Deukalion, dân tộc Hy Lạp đã cư trú tại Phthiotis, rồi đến thời của Doros con trai Hellen, họ lại sống dưới chân núi Ossa và Olympos, được gọi là vùng Histiaiotis. Khi bị các Kadmeioi xua đuổi, họ định cư gần núi Pindos và được gọi là người Makedonia; rồi từ đó, họ di cư tới Dryopis, và từ Dryopis cuối cùng họ tới Peloponnesos, và bắt đầu được gọi là người Doris.

57. Tuy nhiên, tôi không thể nói chắc được người Pelasgoi từng sử dụng ngôn ngữ nào. Song nếu cần đưa ra phán đoán dựa vào những người Pelasgoi còn lại cư trú ở thành Kreston phía trên người Tyrrhenoi, những người từng là láng giềng của tộc người hiện nay được gọi là người Doris, khi đó cư ngụ ở vùng đất ngày nay mang tên Thessaliotis, cũng như dựa vào những người Pelasgoi còn lại định cư tại Plakia và Skylake ở Hellespontos, những người trước đó từng định cư cùng người Athenai, và từ cư dân bản địa của nhiều đô thị khác có nguồn gốc Pelasgoi thực thụ, cho dù họ đã đánh mất tên gọi – nếu cần đưa ra phán quyết dựa vào những đầu mối này, thì người Pelasgoi từng nói một thứ man ngữ. Như thế có nghĩa là nếu tất cả các tộc người Pelasgoi đều như vậy, thì người Attika, vốn có nguồn gốc Pelasgoi, đã đánh mất bản ngữ của mình trong cùng thời gian họ thay đổi và trở thành một tộc người Hy Lạp. Vì người Kreston không nói cùng ngôn ngữ với bất cứ dân tộc nào cư trú quanh họ, và người Plakia cũng thế, mà hai dân tộc này lại nói cùng một ngôn ngữ: như vậy có thể chứng minh họ vẫn giữ y nguyên thứ ngôn ngữ họ mang theo khi di cư tới những nơi này.

58. Về chủng tộc Hy Lạp, họ vẫn luôn sử dụng cùng một ngôn ngữ từ khi hình thành, như tôi nhận thấy rất rõ ràng; kể từ thời kỳ chủng tộc này tách khỏi người Pelasgoi một cách yếu ớt, để rồi từ một khởi đầu khiêm tốn phát triển thành một số lượng đông đảo các tộc người như chúng ta thấy, và chủ yếu vì rất nhiều man tộc đã gia nhập cùng họ. Và thêm nữa, theo tôi nghĩ, điều này cũng đúng với người Pelasgoi, chừng nào còn là một man tộc, họ sẽ không bao giờ phát triển mạnh mẽ.

59. Trong hai nòi giống này, Kroisos được cho biết rằng người Athenai bị chia rẽ thành các phe phái và chịu sự cai trị của Peisistratos con trai Hippokrates, người khi đó là tiếm chúa của Athenai. Với Hippokrates, khi ông này tới xem các hội thi Olympia với tư cách một công dân, có một điều kỳ diệu lớn lao đã xảy ra. Sau khi ông dâng lễ hiến tế, những chiếc vạc để trên bếp, đầy ắp thịt và nước, đã sôi sùng sục mà không hề có lửa đun bên dưới và trào ra ngoài. Khilon người Lakedaimon tình cờ có mặt và chứng kiến cảnh tượng kỳ lạ, đã khuyên Hippokrates: Thứ nhất không

được mang về nhà một người vợ để sinh con cho ông ta, và thứ hai, nếu tình cờ ông ta đã có vợ, hãy bỏ người vợ đó, và nếu tình cờ ông đã có con trai, hãy từ bỏ đứa con này. Người ta kể rằng khi Khilon đưa ra lời khuyên như vậy, Hippokrates không sẵn sàng nghe theo, vì thế về sau ông có đứa con trai Peisistratos này; khi người Athenai sống ở vùng bờ biển xung đột với người Athenai vùng đồng bằng, trong đó Megakles con trai Alkmaion là thủ lĩnh phái thứ nhất, và Lykourgos con trai Aristoleides là thủ lĩnh phái đồng bằng, đứa con trai của Hippokrates nhắm tới việc giành tiếm chúa quyền cho chính mình và tập hợp một phái thứ ba. Tiếp theo, sau khi đã tập hợp những người ủng hộ và tự phong là thủ lĩnh của những người vùng núi, Peisistratos nghĩ ra một mưu kế như sau: Ông ta gây thương tích cho mình và những con la của mình, rồi sau đó đánh xe tới chợ như thể vừa thoát khỏi các đối thủ của mình, những người mà ông cáo buộc muốn giết ông khi ông ta đang đánh xe ra vùng nông thôn. Rồi Peistrastos yêu cầu giới bình dân cho ông một đội cận vệ, vì trước khi chuyện này xảy ra, ông ta đã tạo lập được danh tiếng khi chỉ huy quân đội chống lại người Megara, trong cuộc chiến này Peisistratos đã chiếm được Nisaia và lập được nhiều công trạng khác. Nhân dân Athenai đã bị lừa giao cho ông ta sử dụng những người được lựa chọn từ các công dân, những người này trở thành, không phải các tay giáo, mà các tay gậy của Peisistratos; vì bọn họ theo sau ông ta với gậy gỗ trong tay. Rồi những người này cùng Peisistratos làm chính biến và chiếm Akropolis. Sau đó Peisistratos cai trị Athenai, không làm xáo trộn các chức vụ đang tồn tại hay sửa luật; ngược lại, ông ta cai quản đô thị theo những định chế đã được thiết lập, thực hiện việc này một cách công bình và tốt đẹp.

60. Tuy nhiên, không lâu sau biến cố kể trên, những người ủng hộ Megakles và Lykourgos liên minh với nhau và đánh đuổi ông ta. Peisistratos đã giành lấy quyền cai trị Athenai lần đầu tiên và đã đánh mất quyền lực như vậy, trước khi ông ta kịp củng cố thế lực. Nhưng những người đã đánh đuổi Peisistratos sau đó lại mâu thuẫn với nhau. Và Megakles, bị phiền toái bởi bất hòa phe phái, gửi một thông điệp tới Peisistratos hỏi xem ông có sẵn lòng cưới con gái ông ta làm vợ không để đổi lấy việc trở thành tiếm chúa. Sau khi Peisistratos chấp nhận lời đề xuất và lập một thỏa thuận dựa trên những điều khoản này, để nhằm đưa ông trở về, họ nghĩ ra một mưu kế, theo như tôi nghĩ, là mưu kế đơn giản nhất từng được thực hiện, ít nhất nếu cân nhắc tới việc nó được thực hiện vào thời điểm người Hy Lạp đã từ lâu nổi bật hơn hẳn so với man tộc về sự khôn khéo và thoát khỏi sự ngu dại, và trong hàng ngũ người Hy Lạp, người Athenai vốn được đánh giá hàng đầu về năng

lực. Tại làng Paionia có một phụ nữ tên là Phya, thiếu 3 *daktyloi*[1] nữa thì cao đúng 4 *pekhes*, và có thân hình rất đẹp. Họ mặc giáp trụ đầy đủ cho người phụ nữ này, đưa cô ta leo lên một chiếc mã chiến xa và chỉ cho cô ta cách cư xử để thể hiện tốt nhất vai của mình, rồi họ đánh xe vào thành phố, sau khi đã cử các tín sứ đi trước, những người này, khi tới thành phố, thông báo những gì họ được lệnh phải làm, và nói như sau: "Hỡi người Athenai, hãy nhiệt liệt hoan nghênh Peisistratos, kẻ được chính Athena ưu ái hơn tất thảy người trần, đưa về Akropolis của người". Thế là các tín sứ đi hết chỗ này chỗ kia thông báo như vậy, và lập tức từ khắp các ngôi làng lan truyền tin tức nữ thần Athena đang đưa Peisistratos trở lại. Và thị dân, tin tưởng người phụ nữ kia chính là nữ thần, đã cầu nguyện trước cô ta và hoan nghênh Peisistratos đã trở lại.

---

[1]. 1 *daktylos* (sn: *daktyloi*) tương đương 1,9 cm. (BT)

---

61. Sau khi giành lại tiếm chúa quyền theo cách kể trên, tuân theo thỏa thuận với Megakles, Peisistratos đã cưới con gái Megakles; nhưng vì ông đã có các con trai trưởng thành, đồng thời hậu duệ của Alkmaion lại được cho là phải chịu một lời nguyền, vậy nên Peisistratos không muốn có thêm con từ người vợ mới cưới, và đã không quan hệ với người phụ nữ theo cách thông thường. Ban đầu, người vợ giữ bí mật việc này, nhưng sau đó cô kể với mẹ mình, có phải để trả lời những câu dò hỏi của bà mẹ hay không thì tôi không thể nói chắc; và bà mẹ nói với chồng, Megakles. Ông này rất phẫn nộ vì bị Peisistratos sỉ nhục như vậy; và trong cơn giận dữ, Megakles lập tức hòa giải với phe đối lập. Và khi Peisistratos biết được những gì đang được thực hiện chống lại mình, ông rời khỏi vùng và tới Eretria, nơi ông ta cùng các con trai bàn bạc, và lời khuyên của Hippias thuyết phục được tất cả, theo đó họ cần nỗ lực giành lại tiếm chúa quyền, và họ bắt đầu gom góp tiền từ các thành bang đã mắc nợ họ vì những lợi ích nhận được; và rất nhiều nơi đóng góp các khoản tiền lớn, song góp tiền nhiều hơn cả là người Thebai. Sau đó, để không kể lể dài dòng, thời gian trôi qua và cuối cùng mọi thứ đã sẵn sàng cho cuộc hồi hương. Từ Peloponnesos, một số người Argos đã tới để làm lính đánh thuê, và một người Naxos, có tên là Lygdamis, đã tự tìm đến với họ, và tỏ ra rất nhiệt thành trong việc cung cấp cả tiền lẫn người.

62. Sau 11 năm lưu vong, họ ra khơi từ Eretria và hồi hương. Và tại Attika, nơi đầu tiên họ chiếm giữ là Marathon. Trong khi họ đóng trại ở đó, những người ủng hộ từ trong thành phố tìm đến với cha con Peisistratos, cũng như các dân làng, họ mong muốn

tiếm chúa chế hơn tự do.

Vậy là những người này tập hợp lại, song người Athenai ở trong thành phố, trong suốt thời gian cha con Peisistratos tích cóp tiền, rồi sau đó, khi ông ta chiếm cứ Marathon, đều không để tâm tới những biến cố này; nhưng khi họ hay tin ông ta đang từ Marathon hành quân về Athenai, họ liền tập hợp lại để đối phó với ông ta. Những người này dồn toàn lực để chiến đấu chống lại những kẻ lưu vong muốn trở về, và lực lượng dưới quyền Peisistratos, trên đường từ Marathon tiến về thành phố đã chạm trán với họ ngay khi họ tới chỗ đền Athena Pallenis, và cắm trại đối diện với họ. Thế rồi, theo sự chỉ dẫn của các vị thần, có một người tìm đến gặp Peisistratos, đó là Amphilytos, một thầy bói người Akarnania, ông đến gặp Peisistratos để phán lời tiên tri bằng câu thơ lục bộ cách sau:

Lưới đã được quăng và mắt lưới trải rộng,

Lũ cá ngừ sẽ lao xuyên màn đêm sáng trăng.

63. Amphilytos tuyên bố như vậy nhờ linh cảm, và Peisistratos, sau khi hiểu và nói ông ta chấp nhận lời tiên tri đã được đưa ra, liền dẫn quân đội của mình tấn công kẻ thù.

Đúng vào thời điểm đó, những người Athenai tới từ thành phố còn đang ăn sáng, và một số người sau bữa ăn đang chơi xúc xắc hay ngủ; vậy là đội quân của Peisistratos ập tới và khiến họ phải tháo chạy. Trong khi những người này bỏ chạy, Peisistratos nảy ra một mưu mẹo rất khôn khéo để khiến những người này không thể tập hợp thành một khối thống nhất nữa mà tiếp tục bị phân tán ở bên ngoài. Ông ta cho các con trai của mình cưỡi lên lưng ngựa và cử các con đi trước mình; và khi bắt kịp những kẻ đào tẩu, họ liền nói lại những gì Peisistratos đã ra lệnh cho họ, trấn an từng người và hối thúc họ trở về nhà.

64. Người Athenai làm đúng như vậy, và thế là Peisistratos chiếm Athenai lần thứ ba, và ông củng cố vững chắc tiếm chúa quyền của mình nhờ lính đánh thuê đông đảo và nguồn tiền dồi dào, xuất phát một phần từ chính lãnh thổ này, một phần từ vùng sông Strymon, và cũng từ việc bắt làm con tin con trai của những người Athenai còn ở lại không lập tức chạy trốn rồi giao họ vào tay người Naxos; nơi này cũng bị ông chinh phục bằng chiến tranh và giao cho Lygdamis cai quản. Thêm vào đó, ông đã thanh tẩy đảo Delos theo chỉ dẫn của dự ngôn giả; việc thanh tẩy được ông thực hiện như sau: Cho tới hết tầm mắt khi nhìn ra từ ngôi đền, ông

cho khai quật tất cả các thi thể được chôn ở phần đất này lên và chuyển tới một khu vực khác trên đảo Delos. Vậy là Peisistratos cai trị Athenai, dù một số công dân đã ngã xuống khi chiến đấu, và một số khác tháo chạy khỏi vùng cùng các Alkmaionidai.

65. Đó là tình hình của người Athenai mà Kroisos biết được vào lúc đó. Về người Lakedaimon, ông được biết họ đã thoát khỏi những tai họa lớn lao và lúc này đã giành phần thắng trước người Tegea trong chiến tranh.

Khi Leon và Hegesikles là vua của Sparta, người Lakedaimon, vốn rất thành công trong tất cả các cuộc chiến khác của họ, đã bại trận liên tiếp dưới tay người Tegea. Hơn thế, vào thời kỳ trước, họ là dân tộc được cai quản tệ nhất tại Hy Lạp, cả trong các vấn đề nội bộ và trong quan hệ với những người bên ngoài vốn bị họ xa lánh. Và họ đã chuyển đổi sang một thành bang có trật tự tốt theo cách sau.

Khi Lykourgos, một người Sparta có tiếng tăm, ghé thăm dự ngôn giả tại Delphoi, nữ tư tế Pythia đã nói những lời này ngay khi ông bước vào thánh địa:

> Ngươi đã đến ngôi đền trù phú của ta, Lykourgos,
>
> Kẻ được Zeus và các vị thần linh cư trú trên Olympos yêu quý.
>
> Ta không biết liệu nên phán ngươi là thần hay người.
>
> Nhưng ta thiên về việc tin ngươi là một vị thần, Lykourgos.

Một số người nói thêm là nữ tư tế Pythia còn bày cho ông cách thiết lập các trật tự vẫn tồn tại ngày nay ở Sparta; song bản thân người Lakedaimon nói Lykourgos, sau khi trở thành người nhiếp chính cho đứa cháu Leobotes, vua của Sparta, đã mang những luật lệ này về từ Krete. Vì ngay khi nhiếp chính, ông đã thay đổi tất cả các luật lệ sẵn có, áp dụng các biện pháp để chúng không vi phạm tới các định chế của ông; rồi sau đó Lykourgos thiết lập các định chế liên quan tới chiến tranh, cụ thể là *enomotiai*[1], *triekades*[2] và *syssitia*[3], và thêm vào đó còn có các *ephoroi* (giám sát quan) và nguyên lão.

---

1. *enomotia* (sn: *enomotiai*): Đơn vị của quân đội Sparta. Mỗi *enomotia* gồm từ 25 đến 36 người.

[2]. *triekas* (sn: *triekades*): Đơn vị của quân đội Sparta. Mỗi *triekas* gồm 30 người. (BT)

[3]. Nhóm người ăn chung. (BT)

---

66. Sau khi thay đổi như vậy, người Sparta có pháp luật tốt, và với Lykourgos, sau khi ông mất, họ dựng một ngôi đền và thờ cúng ông rất trang trọng. Rồi sau đó, như hoàn toàn có thể đoán được, với một vùng đất màu mỡ và cư dân đông đảo, họ lập tức vươn lên và trở nên sung túc; với họ, ở yên một chỗ không còn làm họ hài lòng nữa; cho rằng mình mạnh hơn người Arkadia, họ hỏi ý dự ngôn giả Delphoi về việc chinh phục toàn bộ Arkadia; và nữ tư tế Pythia trả lời như sau:

> Đòi ta Arkadia ư? Các ngươi đòi hỏi quá nhiều. Ta từ chối.
>
> Có rất nhiều người tại Arkadia, tất cả đều ăn hạt sồi,
>
> Chúng sẽ cản đường các ngươi. Nhưng ta không hận các ngươi.
>
> Ta sẽ ban Tegea làm nơi lai vãng cho các ngươi, một đồng bằng đẹp đẽ
>
> Để nhảy múa và đo đạc bằng dây.

Khi người Lakedaimon được hồi đáp, họ liền để mặc vùng Arkadia và tiến quân tới Tegea với những chiếc xiềng trên tay, tin tưởng vào một dự ngôn giả bịp bợm và trông đợi sẽ nô dịch được người Tegea. Nhưng họ bại trận, và những người bị bắt làm tù binh buộc phải đeo những chiếc xiềng mà họ đã mang theo, và phải "đo đạc bằng dây" đồng bằng Tegea. Những bộ xiềng họ mang theo thậm chí còn được lưu giữ đến tận thời của tôi tại Tegea, treo trong đền Athena Alea.

67. Như tôi đã nói, trong cuộc chiến tranh trước đây, người Lakedaimon đã chiến đấu với người Tegea và liên tục gặp bất lợi; song đến thời của Kroisos, khi Anaxandridas cùng Ariston trị vì ở Lakedaimon, họ cuối cùng cũng giành ưu thế theo cách sau.

Khi họ tiếp tục bị người Tegea đánh bại trong chiến tranh, họ phái các sứ giả tới Delphoi và hỏi họ cần khẩn cầu vị thần nào để chiến thắng. Nữ tư tế Pythia trả lời họ rằng họ cần mang hài cốt của Orestes, con trai Agamemnon, về Sparta. Sau đó, vì không thể tìm thấy mộ Orestes, họ lại cử người tới thỉnh cầu thần linh để hỏi vị trí Orestes được an táng, và các sứ giả nhận được câu trả lời này:

Tại Tegea thuộc Arkadia, trên mặt đất bằng phẳng,

Nơi hai luồng gió phải thổi,

Cú đánh đáp lại cú phản đòn, và thống khổ chồng chất thống khổ.

Tại đó mặt đất ban sự sống nắm giữ con trai Agamemnon;

Hãy đưa người về nhà, và các ngươi sẽ làm chủ Tegea.

Khi người Lakedaimon nghe được câu trả lời, họ vẫn không tài nào tìm ra ngôi mộ cho dù đã tìm kiếm khắp nơi, cho tới khi Likhas, một trong những người Sparta được gọi là *Agathoergoi* (Ân nhân) phát hiện ra nó. *Agathoergoi* gồm năm người già nhất rời khỏi hàng ngũ kỵ binh mỗi năm; sau khi giải ngũ, họ được phái đi bất cứ nơi nào được yêu cầu và tích cực phụng sự thành bang.

68. Likhas, một trong những người này, đã phát hiện ra ngôi mộ ở Tegea nhờ vào cả vận may và năng lực. Vì lúc đó đang có thỏa ước đình chiến với người Tegea, ông này đã đến một lò rèn ở đó và đang theo dõi quá trình rèn sắt; và ông rất kinh ngạc khi chứng kiến những gì được làm. Vì thế, người thợ rèn, nhận thấy vị khách ngỡ ngàng, liền dừng tay và nói: "Hỡi người lạ Lakedaimon, hẳn nếu ông từng thấy điều tôi đã thấy một lần, ông sẽ vô cùng kinh ngạc, vì lúc này ông có vẻ rất ngỡ ngàng với quá trình rèn mẫu sắt này; vì tôi đây, vào lúc muốn đào một cái giếng trong khuôn viên này, đã đào phải một chiếc quan tài dài tới 7 *pekhes*; vì không tin được từng có những người cao lớn hơn con người ngày nay, tôi liền mở quan tài ra, và thấy rằng cái xác bên trong cũng dài bằng quan tài; rồi sau khi đã đo xong, tôi liền lấp lại đất lên quan tài". Người thợ rèn đã kể lại những gì trông thấy cho vị khách như vậy; còn Likhas, sau khi ngẫm nghĩ về những gì nghe được, liền phỏng đoán cái xác kia là Orestes theo lời dự ngôn giả, và đi đến phỏng đoán của ông như sau: Khi Likhas thấy người thợ rèn có hai cặp bễ, ông kết luận rằng đó là hai luồng gió, còn đe và búa chính là cú đánh và cú phản đòn, còn thỏi sắt đang rèn chính là "thống khổ chồng chất thống khổ", vì rằng sắt đã gây ra sự đau thương của nhân loại. Sau khi suy đoán như vậy, ông ta trở về Sparta và báo lại toàn bộ vấn đề với các công dân. Người Lakedaimon sau đó vu cáo và trục xuất ông.

Trở lại Tegea, Likhas kể cho người thợ rèn biết vận rủi của mình, đồng thời thuyết phục người thợ rèn cho ông ta thuê khuôn viên. Thoạt đầu, người thợ rèn không đồng ý, song cuối cùng Likhas

cũng thuyết phục được ông này, và ông ta lưu lại đó, rồi đào ngôi mộ lên và thu nhặt tất cả hài cốt, sau đó mang chúng trở về Sparta. Từ đó trở đi, bất cứ khi nào người Lakedaimon và người Tegea giao chiến, người Lakedaimon lại có lợi thế. Cho tới giờ họ đã khuất phục được phần lớn Peloponnesos.

69. Kroisos, sau khi được thuật lại tất cả những việc này, đã phái sứ giả mang theo tặng phẩm tới Sparta để đề nghị liên minh, lệnh cho các sứ giả phải nói chính xác những gì mình đã dặn dò. Và các sứ giả này, khi tới nơi, đã nói: "Hỡi người Lakedaimon, vị thần qua một dự ngôn giả đã lệnh cho ta liên minh với người Hy Lạp, vì thế, do ta được biết các vị là thủ lĩnh của Hy Lạp, ta kêu gọi các vị liên minh theo thần dụ, mong muốn trở thành bằng hữu và đồng minh của các vị, không có mọi thủ đoạn và lừa gạt".

Kroisos đã tuyên bố như vậy với người Lakedaimon qua các sứ giả của mình, và người Lakedaimon, vốn cũng đã biết thần dụ ban cho Kroisos, rất vui mừng trước sự xuất hiện của sứ đoàn Lydia và trao đổi với họ lời thề của tình bằng hữu và đồng minh; vì họ cũng bị ràng buộc với Kroisos bởi một số việc nhà vua đã làm cho họ từ trước thời gian này; vì người Lakedaimon từng tìm tới Sardis và mua vàng tại đó để dùng tạc tượng Apollon hiện đang được để trên Thornax tại Lakonia, và Kroisos đã tặng vàng cho họ.

70. Vì lý do này, người Lakedaimon chấp nhận liên minh, và cũng vì ông đã chọn họ thay cho những người Hy Lạp khác. Và không chỉ họ đã sẵn sàng khi Kroisos đưa ra lời đề nghị, mà người Lakedaimon còn cho đúc một chiếc bình pha rượu bằng thanh đồng, bên ngoài thành bình phủ kín những hình trang trí, lớn tới mức đựng được 300 vò, và nói với sứ đoàn muốn tặng làm quà cho Kroisos.

Chiếc bình này không bao giờ tới được Sardis vì những lý do đã được thuật lại theo hai nguồn như sau. Người Lakedaimon kể rằng khi chiếc bình đang trên đường tới Sardis qua đảo Samos, người Samos, khi hay tin, liền đưa chiến thuyền ra khơi và đánh cắp nó. Tuy nhiên, người Samos kể rằng những người Lakedaimon được giao chuyên chở chiếc bình, khi biết họ đã đến quá muộn và hay tin Sardis thất thủ, còn Kroisos bị bắt làm tù binh, đã bán chiếc bình tại Samos, một vài người đã mua chiếc bình rồi dâng nó làm lễ vật tại đền Hera. Nhiều khả năng những kẻ đã bán chiếc bình khi trở về Sparta đã kể lại rằng người Samos đã cướp mất nó từ tay bọn họ. Đó là số phận của chiếc bình.

71. Kroisos, trong khi đó, hiểu lầm ý nghĩa của thần dụ,đã dẫn

quân tiến tới Kappadokia, trông đợi sẽ đả bại Kyros và tiêu diệt đế quốc của người Ba Tư. Trong lúc Kroisos chuẩn bị, một người Lydia, người thậm chí từ trước thời điểm này đã được coi là một nhà hiền triết, và do đó có tiếng tăm rất lớn về sự thông tuệ trong những người Lydia, đã khuyên Kroisos như sau (tên ông là Sandanis): "Tâu bệ hạ, ngài đang chuẩn bị hành quân chống lại những người mặc quần bằng da, và phần trang phục còn lại của họ cũng bằng da; họ ăn những thức ăn không phải như họ ưa thích mà là những gì họ có thể lấy được, sống tại một vùng đất gồ ghề; và hơn nữa, họ không dùng rượu vang mà uống nước; họ cũng không có trái vả nào để tráng miệng, hay bất cứ món ngon nào khác. Thế nên, nếu bệ hạ đánh bại họ, ngài sẽ cướp được gì của họ, khi họ vốn đã chẳng có gì? Mặt khác, nếu bệ hạ bị đánh bại, thử nghĩ xem ngài sẽ mất bao nhiêu thứ tốt đẹp; vì một khi đã nếm qua các món ngon của chúng ta, họ sẽ bám chặt lấy và sẽ không thể nào đuổi họ đi được. Về phần mình, thần biết ơn các vị thần vì họ đã không gieo vào đầu người Ba Tư ý nghĩ tấn công người Lydia". Nhà hiền triết đã nói như vậy và không thuyết phục được Kroisos: vì đúng là người Ba Tư quả thực không hề có bất cứ sự xa xỉ hay món ngon nào trước khi họ chinh phục được người Lydia.

72. Người Kappadokia[1] được người Hy Lạp gọi là người Syria. Trước khi quyền lực Ba Tư trỗi dậy, họ thần phục người Media, song vào thời gian này họ là thần dân của Kyros. Biên giới giữa vương quốc Media và Lydia là sông Halys; con sông này chảy từ vùng sơn cước Armenia qua người Kilikia, rồi sau đó, khi dòng sông chảy tiếp, bên phải nó là người Matienoi và bên trái là người Phrygia; sau đó, dòng sông ra khỏi vùng đất của các tộc người này rồi chảy ngược về phía Gió Bắc, ở phía đông là người Syria thuộc Kappadokia, còn phía tây là người Paphlagonia. Như vậy, sông Halys tách biên giới của gần như toàn bộ Tiểu Á khỏi biển chúng ta đối diện với Kyros về phía biển Euxeinos. Nơi này là yết hầu của cả bán đảo, chiều dài của nó khiến một người đàn ông mất năm ngày để đi hết.

---

1. Khu vực ngày nay ở miền trung Thổ Nhĩ Kỳ.

---

73. Và Kroisos tiến quân vào Kappadokia vì các lý do sau đây: Thứ nhất, vì nhà vua muốn chiếm vùng đất này để thêm vào lãnh thổ của mình, và sau đó đặc biệt là vì ông tin tưởng vào dự ngôn giả và muốn báo thù Kyros vì Astyages. Vì Astyages, con trai Kyaxares và vua người Media, là em rể Kroisos và đã bị Kyros phế truất. Mối

quan hệ hình thành trong hoàn cảnh dưới đây.

Một đám người du mục Skythia xung đột với các bộ lạc khác đã rút lui và di cư đến Media. Khi đó người Media được cai trị bởi Kyaxares, con trai Phraortes và cháu Deiokes. Lúc đầu Kyaxares đối xử tốt với người Skythia, vì họ đã cầu xin sự che chở của nhà vua; và vì đánh giá họ rất cao, nhà vua đã đưa các bé trai tới chỗ họ để học ngôn ngữ và cung thuật. Thế rồi thời gian trôi qua, và người Skythia thường liên tục đi săn và luôn mang về thành quả nào đó. Cho đến một lần họ không săn được gì, và khi họ trở về tay không, Kyaxares (vốn không mấy quảng đại, như nhà vua đã chứng tỏ trong dịp này) đã đối xử với họ rất tàn tệ và sỉ nhục họ. Còn những người du mục, khi bị Kyaxares đối xử như vậy, cho rằng họ đã bị làm nhục, và lập mưu giết một trong những cậu bé đang được dạy dỗ ở chỗ họ rồi chặt xác ra từng khúc, tẩm ướp thịt như họ vẫn hay tẩm ướp thịt thú hoang, mang dâng lên Kyaxares, giả bộ đó là con mồi săn được. Sau khi đã làm vậy, ý định của họ là sẽ nhanh chóng chạy tới chỗ Alyattes con trai Sadyattes tại Sardis. Cuộc bỏ trốn sau đó được thực hiện; còn Kyaxares và tất cả thực khách của ông phải nếm qua món thịt kia, trong khi những người Skythia trở thành những người cầu xin sự che chở của Alyattes.

74. Sau chuyện này, vì Alyattes không chịu giao nộp người Skythia khi Kyaxares yêu cầu, chiến tranh đã nổ ra giữa người Lydia và người Media, kéo dài suốt năm năm, trong thời gian đó người Media có lúc đánh bại người Lydia và người Lydia có lúc đánh bại người Media (trong những lần giao tranh họ có cả một trận đánh vào ban đêm). Sau năm năm bất phân thắng bại, một trận chiến diễn ra và trong thời gian đó đột nhiên ngày biến thành đêm. Và sự thay đổi của ngày này đã được Thales người Miletos tiên đoán với người Ionia, và thậm chí còn nói rõ cả năm hiện tượng này xảy ra. Tuy nhiên, người Lydia và người Media, khi họ thấy ngày chuyển thành đêm, đã dừng giao chiến, và cả hai bên đều mong muốn thiết lập hòa bình. Những người làm trung gian đem lại hòa bình giữa hai phe là Syennesis người Kilikia và Labynetos người Babylon. Chính họ đã hối thúc việc tuyên thệhòa giải, và đưa đến một cuộc trao đổi hôn nhân. Họ quyết định rằng Alyattes cần gả con gái Aryenis cho Astyages, con trai Kyaxares, vì họ lường trước rằng nếu không có sự ràng buộc của một mối liên hệ chặt chẽ, các thỏa ước thường khó bền vững. Những dân tộc này cũng thực hiện cùng các nghi lễ tuyên thệ như người Hy Lạp, và thêm vào đó, họ còn cứa lên cánh tay mình, rồi sau đó liếm máu của nhau.

75. Astyages là ông ngoại của Kyros, đã bị Kyros tấn công và đả bại

vì một lý do tôi sẽ nói rõ trong phần sau của câu chuyện này. Đây cũng là việc khiến Kroisos bất bình với Kyros khi ông phái sứ giả tới gặp dự ngôn giả để hỏi xem ông có nên tấn công người Ba Tư hay không; và khi nhận được một câu trả lời dễ gây hiểu nhầm, nhà vua liền dẫn quân vào lãnh thổ người Ba Tư, cho rằng câu trả lời có lợi cho mình.

Khi Kroisos tới sông Halys, theo lời kể tôi có được, ông cho quân vượt sông bằng những cây cầu có tại đó; nhưng theo giai thoại lưu truyền rộng rãi trong người Hy Lạp, chính Thales người Miletos đã giúp nhà vua đưa quân đội vượt sông. Vì, theo lời họ kể, khi Kroisos không biết làm cách nào để quân đội của mình có thể vượt sông (vì, họ kể thêm, vào thời điểm đó chưa hề có cây cầu nào ở các vị trí của chúng hiện nay), lúc ấy Thales có mặt trong đội quân đã khiến cho dòng sông, vốn đang chảy ở bên trái đạo quân, chảy sang một phần ở bên phải, và ông đã làm việc này như sau: Bắt đầu từ phía trên doanh trại, ông cho đào một con kênh sâu, tạo thành hình lưỡi liềm để dòng sông có thể chảy vòng qua đằng sau doanh trại theo lối này sau khi đã bị nắn khỏi dòng chảy cũ của nó bởi con kênh, rồi sau khi chảy qua sau doanh trại, dòng nước sẽ nhập trở lại vào dòng chảy cũ. Nhờ thế, ngay khi dòng sông bị tách làm đôi, cả hai nhánh đều trở nên có thể lội qua được; và một số người thậm chí còn kể là dòng chảy cũ của con sông bị khô cạn hoàn toàn. Song tôi không thừa nhận câu chuyện này là đúng, vì nếu thế làm cách nào đoàn quân này có thể vượt sông được khi họ quay trở về?

76. Khi Kroisos cùng đạo quân của mình vượt sông, ông đến vùng của Kappadokia có tên là Pteria (ngày nay Pteria là nơi mạnh nhất ở vùng này, và tọa lạc đâu đó trên cùng một đường với Sinope bên bờ biển Euxeinos). Tại đây, nhà vua cắm trại và tàn phá đồng ruộng của người Syria. Thêm vào đó, ông chiếm thành Pteria, đem dân ở đó bán làm nô lệ, rồi chiếm cả các đô thị quanh vùng. Người Syria, vốn không làm gì sai, đã bị nhà vua ép buộc phải rời bỏ nhà cửa của họ.

Trong khi đó, Kyros, sau khi tập hợp lực lượng của mình cùng với tất cả binh lực trong vùng ở giữa, đang tiến đến gặp Kroisos. Tuy nhiên, trước khi dẫn quân đội của mình xuất phát, ông đã phái các sứ giả tới chỗ người Ionia và tìm cách xúi giục họ nổi dậy chống lại Kroisos; song người Ionia không chịu làm như ông muốn. Sau đó, khi Kyros tới nơi và hạ trại đối diện với Kroisos, hai vị vua liền thử sức binh lực của nhau. Và sau trận đánh dữ dội, với nhiều người ngã xuống ở cả hai phía, cuối cùng màn đêm cũng buông xuống, hai đối thủ đành lui quân mà không bên nào giành

được chiến thắng.

77. Kroisos không mấy hài lòng về quân số của mình (vì lực lượng liên hợp của ông bị đạo quân của Kyros áp đảo); đồng thời Kyros lại không tìm cách tấn công ông vào ngày hôm sau, Kroisos hành quân về Sardis với ý định kêu gọi người Ai Cập tới trợ giúp ông theo tuyên thệ (vì Kroisos đã liên minh với Amasis, vua Ai Cập, trước khi liên minh với người Lakedaimon), và cũng để kêu gọi cả người Babylon (vì Kroisos cũng liên minh với họ, và khi đó Labynetos là vua Babylon), rồi thêm nữa gửi thông điệp tới người Lakedaimon, yêu cầu họ tới hội quân vào một thời gian ấn định trước. Sau khi đã có tất cả các đồng minh này và đã tập hợp xong quân đội của chính mình, Kroisos định sẽ chờ qua mùa đông và tấn công Ba Tư khi xuân sang. Với những ý nghĩ này trong đầu, ngay khi về tới Sardis, ông lập tức phái các tín sứ tới những đồng minh để ước định với họ rằng họ cần hội quântại Sardis vào tháng thứ tư kể từ lúc đó. Nhưng đội quân đánh thuê Kroisos đang có bên mình và từng chiến đấu chống lại quân Ba Tư lại bị ông giải tán hoàn toàn, vì ông không hề trông đợi Kyros, sau khi đã chạm trán ông với vận hội ngang ngửa, lại có thể hành quân về Sardis.

78. Khi Kroisos đang có những kế hoạch trong đầu, ngoại ô thành phố bỗng đột nhiên tràn ngập rắn; và khi lũ rắn này xuất hiện, những con ngựa được thả cho ăn cỏ ngoài bãi lập tức xông tới và ngấu nghiến chúng. Khi Kroisos trông thấy cảnh này, nhà vua cho rằng đó là một điềm gở, và quả thực là như vậy. Ông lập tức phái các sứ giả tới nơi cư ngụ của người Telmessos biết diễn giải các điềm báo. Và các sứ giả này biết được từ người Telmessos ý nghĩa của điềm báo, nhưng họ không thể báo lại cho Kroisos, vì trước khi sứ đoàn dong buồm về Sardis, Kroisos đã bị bắt làm tù binh. Người Telmessos đã luận giải điềm báo như sau: Kroisos cần đề phòng một đạo quân ngoại bang sẽ xâm lược lãnh thổ của ông, và khi đạo quân này tới, nó sẽ khuất phục cư dân bản địa; vì họ nói rắn là sinh vật được sinh ra từ đất, trong khi ngựa là một kẻ thù xa lạ. Những người Telmessos đã trả lời Kroisos như vậy sau khi nhà vua bị bắt làm tù binh, song họ vẫn chưa hề biết gì về những chuyện xảy ra tại Sardis cũng như với chính Kroisos.

79. Khi Kroisos rút lui sau trận giao chiến tại Pteria, Kyros biết rằng sau khi rút lui về, Kroisos định giải tán đạo quân của mình. Kyros liền tự cân nhắc và đi đến kết luận tốt nhất ông nên hành quân nhanh nhất có thể đến Sardis, trước khi người Lydia kịp tập hợp lực lượng trở lại. Sau khi hạ quyết tâm, ông thực hiện ngay không chần chừ. Kyros dẫn đạo quân của mình tiến vào Lydia nhanh tới mức chính ông là người đầu tiên báo sự xuất hiện của

mình với Kroisos. Sau đó Kroisos, dù lâm vào cảnh nguy nan, vì những gì ông dự định đều xảy ra trái ngược với kỳ vọng của ông, vẫn chỉ huy người Lydia ra trận. Vào thời gian này, không có dân tộc nào ở châu Á lại can trường và kiên cường trên chiến trường hơn người Lydia; họ chiến đấu trên lưng ngựa với những cây giáo dài, và là những kỵ sĩ xuất sắc.

80. Vậy là khi hai đạo quân gặp nhau tại vùng đồng bằng nằm trước Sardis – một đồng bằng rộng, trống trải, có những con sông chảy qua (nhất là sông Hyllos), tất cả đều chảy xuôi để hợp vào con sông lớn nhất mang tên Hermos bắt nguồn từ ngọn núi thiêng của nữ thần Dindymene, rồi đổ ra biển cạnh thành Phokaia.

Khi Kyros thấy người Lydia dàn trận, vì e ngại kỵ binh của họ, đã làm theo đề xuất của Harpagos, một người Media, như sau: Tất cả lạc đà đi theo đoàn quân của ông để chuyên chở lương thực và đồ đạc được nhà vua cho tập trung lại, dỡ hàng khỏi lưng rồi cho người ngồi lên lưng chúng, trang bị với khí giới của kỵ binh. Sau khi đã trang bị cho những người lính này như vậy, Kyros điều họ đi trước phần còn lại của quân đội tiến tới phía kỵ binh của Kroisos. Và đằng sau đội quân cưỡi lạc đà, ông bố trí toàn bộ lực lượng kỵ binh của mình. Thế rồi sau khi đã bố trí xong toàn bộ binh lực, Kyros lệnh cho họ không được tha mạng bất cứ người Lydia nào khác, giết tất cả những ai họ bắt gặp trên chiến trường, nhưng bản thân Kroisos thì không được giết, dù ông có chống cự khi bị bắt. Đó là mệnh lệnh của vua Ba Tư, và ông bố trí lạc đà đối diện với kỵ binh địch vì lý do này: vì ngựa sợ lạc đà và không chịu nổi khi phải nhìn thấy hình dáng hay ngửi phải mùi loài vật này. Cũng vì lý do này mưu kế đã được nghĩ ra, nhằm vô hiệu hóa kỵ binh của Kroisos, lực lượng vua Lydia trông cậy nhiều nhất trong trận đánh. Và khi hai đạo quân giáp chiến, ngay khi lũ ngựa ngửi thấy mùi lạc đà và thấy những con vật này, chúng liền quay đầu bỏ chạy, và mọi hy vọng của Kroisos lập tức tan thành mây khói. Tuy nhiên, về phần mình, các chiến binh Lydia đã không vì thế mà hành động một cách hèn nhát, khi nhận thấy điều đang xảy ra, họ liền xuống ngựa và chiến đấu trên bộ với người Ba Tư. Tuy nhiên, cuối cùng, sau khi đã có rất nhiều chiến binh ngã xuống ở cả hai bên, người Lydia quay đầu tháo chạy; và sau khi bị đẩy lùi vào trong các bức tường thành của mình, họ bị người Ba Tư bao vây.

81. Khi đó, cuộc vây hãm đã diễn ra. Nhưng Kroisos, cho rằng cuộc hãm thành sẽ kéo dài, liền cử các tín sứ từ trong thành tới gặp các đồng minh của mình. Những sứ giả trước được phái đi để

thông báo với các đồng minh rằng họ cần hội quân tại Sardis trong bốn tháng, nhưng với các tín sứ này, nhà vua phái đi để yêu cầu đồng minh tới trợ giúp ông ngay lập tức, vì Kroisos đang bị vây hãm.

82. Vậy là khi cầu viện các đồng minh, ông cũng phái người tới Lakedaimon. Nhưng người Sparta, vào đúng thời điểm đó cũng đang bất hòa với người Argos về một vùng tên Thyrea, một nơi thuộc Argolis, song đã bị người Lakedaimon chia cắt và chiếm đóng. Ngày nay, toàn bộ vùng đất nằm về phía tây trải dài tới tận Malea thời ấy đều thuộc về người Argos, gồm đảo Kythera cùng những hòn đảo lân cận khác. Và khi người Argos kéo tới ứng cứu để tránh cho lãnh thổ của họ khỏi bị chia cắt, hai bên thương thảo với nhau và nhất trí rằng mỗi phía sẽ cử ra 300 người chiến đấu, và bên nào thắng trong trận chiến sẽ giành được vùng đất tranh chấp. Ngoài ra, họ còn nhất trí rằng quân chủ lực của cả hai phía cần rút về nước, không ở lại trong khi trận chiến diễn ra vì e rằng nếu hai đạo quân ở lại, khi một bên chứng kiến đồng bào của họ thất thế có thể sẽ tới ứng cứu. Sau khi thỏa thuận xong, hai bên cùng rút quân, và những người được chọn ở mỗi bên được để lại để chiến đấu với nhau. Vậy là họ chiến đấu và chứng tỏ mình là những đối thủ ngang sức ngang tài. Cuối cùng, trong 600 người chỉ còn lại ba người, phía Argos là Alkanor và Khromios, còn bên phía Lakedaimon chỉ có Othryades. Những người này còn sống sót khi màn đêm buông xuống. Sau đó, hai người Argos, cho rằng họ là những người chiến thắng, liền chạy về Argos, nhưng Othryades người Lakedaimon, sau khi đã lột vũ khí trên xác những người Argos và mang về trại bên mình, vẫn trở lại vị trí của anh. Ngày hôm sau, cả hai bên quay lại chiến trường để xem kết quả, và trong một hồi cả hai bên đều tuyên bố phần thắng thuộc về mình, một bên nói họ có nhiều người còn sống hơn, bên kia tuyên bố những người đó đã bỏ chạy, trong khi người của bên họ đã trụ lại vị trí và lột khí giới trên xác kẻ thù. Cuối cùng, vì cuộc tranh cãi này, hai bên xông vào nhau và bắt đầu giao chiến. Rồi sau khi rất nhiều người đã ngã xuống ở cả hai bên, người Lakedaimon giành phần thắng. Người Argos sau đó đã cắt tóc ngắn, trong khi trước đây họ bị luật bắt buộc phải để tóc dài, và họ lập ra một đạo luật với một lời nguyền kèm theo, quy định rằng từ đó trở đi không người đàn ông Argos nào được nuôi tóc dài, và phụ nữ của họ cũng không được đeo đồ trang sức bằng vàng, cho tới khi họ đã giành lại được Thyrea. Về phần mình, người Lakedaimon lại lập ra cho mình một đạo luật ngược lại, nghĩa là từ lúc đó trở đi họ sẽ để tóc dài, trong khi trước đây thì không. Và người ta kể rằng người chiến binh duy nhất còn sống sót trong số

300 người, tức Othryades, thấy hổ thẹn nếu trở về Sparta trong khi tất cả chiến hữu điều đã tử trận, đã tự sát ngay tại Thyrea.

83. Đó là tình hình đang diễn ra tại Sparta khi tín sứ từ Sardis tới yêu cầu họ trợ giúp Kroisos, người đang bị vây hãm. Bất chấp những khó khăn của chính mình, ngay khi biết tin từ tín sứ, họ đã hăng hái sẵn sàng đi trợ giúp vị vua đồng minh. Nhưng khi họ đã chuẩn bị xong và thuyền của họ đã sẵn sàng, thì tin thứ hai cho hay thành của người Lydia đã bị chiếm, và Kroisos đã bị bắt làm tù binh. Lúc đó họ mới dừng các nỗ lực của mình, buồn phiền trước biến cố này, coi nó như một tai họa lớn lao.

84. Việc thành Sardis bị chiếm đã diễn ra như sau: Đến ngày thứ 14 kể từ khi Kroisos bắt đầu bị vây hãm, Kyros ra tuyên bố với quân đội của ông sau khi điều kị binh tới các cánh quân khác nhau rằng ông sẽ thưởng cho người đầu tiên leo lên tường thành. Sau đó, đội quân của ông đã thử công thành, và khi đợt tấn công thất bại, khi tất cả những người khác đã dừng tấn công, một người Mardos tên là Hyroiades đã tìm cách tiếp cận tường thành ở nơi không có lính canh nào được bố trí, vì người trong thành không hề lo sợ thành có thể bị thất thủ từ phía đó, vì đây là nơi tường thành dốc đứng và không thể tấn công được. Và cũng chỉ có phần tường thành này là Meles, vua trước đây của Sardis, đã không mang con sư tử mà phi tần đẻ cho ông đi qua, trong khi người Telmessos đã đưa ra phán quyết là nếu con sư tử được mang đi một vòng quanh các tường thành, Sardis sẽ không bao giờ bị chiếm: và Meles đã mang con sư tử đi qua khắp những phần tường thành còn lại, nghĩa là những nơi tòa thành dễ bị tấn công, và bỏ qua phần dốc đứng không thể tấn công được này. Ngày nay, đó là phần tường thành quay về phía Tmolos. Khi đó, Hyroiades người Mardos này vốn hôm trước đã nhìn thấy một người Lydia làm cách nào leo xuống theo bức tường thành đó để tìm chiếc mũ chiến anh ta đánh rơi từ trên thành, đã ghi nhận lại điều này, suy nghĩ và ghi nhớ sự việc. Sau đó, đích thân anh ta leo lên tường thành đầu tiên, theo sau người chiến binh là các binh lính Ba Tư khác, và sau khi rất nhiều người vào thành theo cách này, Sardis cuối cùng đã bị chiếm, và cả thành phố bị cướp phá.

85. Trong khi đó, chuyện xảy đến với Kroisos diễn ra như sau: Như tôi đã nói trước đây, nhà vua có một con trai, hình thể cũng không đến nỗi nào song lại bị câm. Trước đây, vào thời còn hưng thịnh, Kroisos đã làm tất cả những gì có thể cho đứa trẻ, và bên cạnh những điều chính nhà vua nghĩ ra, ông cũng phái sứ giả tới Delphoi để hỏi về con trai mình. Và nữ tư tế Pythia đã trả lời ông như sau:

Hậu duệ của Lydia, vua của muôn người, hỡi Kroisos khờ khạo,

Chớ mong nghe thấy trong sảnh âm thanh mà ngươi đã khẩn cầu bao năm,

Giọng nói của con trai ngươi. Điều ngược lại tốt hơn cho ngươi.

Vì ngươi sẽ nghe được nó trước tiên vào ngày tàn của ngươi.

Khi thành bị chiếm, một chiến binh Ba Tư sắp sửa giết Kroisos vì tưởng nhầm nhà vua là người khác; và Kroisos, về phần mình, khi thấy anh ta xông tới, không hề bận tâm tới việc này vì tai họa đã ập xuống đầu nhà vua. Với ông, dù có bị giết bởi đòn tấn công cũng chẳng có gì khác biệt. Nhưng đứa con trai câm của nhà vua, khi thấy người lính Ba Tư xông tới, vì kinh hoàng và lòng hiếu thảo đã phá tan vòng kiềm tỏa tiếng nói của mình và hét lên: "Tên kia, không được giết Kroisos". Anh ta, như tôi vừa kể, đã cất tiếng nói đầu tiên vào lúc đó, và tiếp tục nói được trong suốt phần đời còn lại.

86. Người Ba Tư chiếm được Sardis và bắt Kroisos làm tù binh, sau khi ông đã trị vì 14 năm và bị vây hãm trong 14 ngày, và như vậy thần dụ phán rằng nhà vua sẽ kết liễu đế quốc vĩ đại của chính mình, đã hoàn thành. Quân Ba Tư giải ông tới trước mặt Kyros. Vua Ba Tư cho dựng một giàn thiêu lớn, buộc Kroisos leo lên đó trong xiềng xích, và cùng với ông là 14 chàng trai Lydia, có thể Kyros định hiến tế lễ vật này như quả ngọt đầu tiên từ chiến thắng của ông lên một vị thần nào đó, hoặc có thể nhà vua định hoàn tất một lời thề, hoặc do ông từng nghe nói Kroisos là một người kính sợ các vị thần và do vậy buộc tù nhân phải bước lên giàn thiêu vì Kyros muốn biết liệu có vị thần nào có thể cứu được Kroisos khỏi bị thiêu sống hay không. Dù thế nào đi nữa, người ta kể lại Kyros đã làm vậy. Về phần Kroisos, khi ông đứng trên giàn hỏa, cho dù đang trong tình thế thật thê thảm, ông vẫn chợt nhớ tới những lời của Solon, và nhận ra nhà hiền triết đã nói với sự linh cảm rằng không ai khi còn sống có thể được gọi là người hạnh phúc. Khi ý nghĩ này lướt qua trong tâm trí Kroisos, người ta kể lại ông đã thở dài ngao ngán và than lớn tiếng sau một hồi lâu im lặng, và đã thốt ra tên Solon ba lần. Nghe thấy thế, Kyros lệnh cho phiên dịch hỏi Kroisos xem nhân vật người tù vừa gọi tên là ai. Những người phiên dịch liền lại gần và hỏi. Và người ta kể rằng Kroisos giữ im lặng một hồi khi được hỏi điều này, nhưng sau đó,

khi bị thúc ép, ông nói: “Một người mà tôi ao ước được trò chuyện cùng còn hơn cả sự giàu có của tất cả các bậc quân vương”. Vì những lời ông nói có vẻ khó hiểu, các phiên dịch lại hỏi ông đã nói gì; vàvì họ rất gắt gao với Kroisos và không để cho người tù yên thân, ông liền kể lại việc từng có lần Solon, một người Athenai đã tới triều kiến ông, và sau khi chứng kiến tất cả sự giàu có của Kroisos đã coi nhẹ chúng, với những lời như thế và như thế; cũng như việc tất cả đã diễn ra trên thực tế với Kroisos đúng như những gì Solon đã nói, nếu nhìn nhận không chỉ riêng với bản thân Kroisos, mà với cả loài người, và nhất là những ai dường như tự thấy họ là người hạnh phúc.

Trong khi Kroisos thuật lại những điều này, giàn thiêu đã được châm lửa và phần rìa bắt đầu cháy. Sau đó, người ta kể lại rằng Kyros, nghe lại từ các phiên dịch những gì Kroisos đã nói, liền đổi ý và ngẫm tới việc chính nhà vua cũng chỉ là một con người, và đang đẩy một con người khác, từng không hề kém ông về vận hạnh, vào cảnh bị thiêu sống; càng nghĩ, Kyros càng sợ sự báo ứng, và càng nhận thức rõ không có gì con người sở hữu là chắc chắn cả; vì thế, như lời kể lại, Kyros ra lệnh cho thuộc hạ dập tắt lửa nhanh nhất có thể và đưa Kroisos cùng những người khác xuống khỏi giàn thiêu. Và khi đó người ta đã dùng những cách thức giờ đây không còn sẵn có để kiểm soát ngọn lửa.

87. Sau đó, người Lydia kể lại rằng Kroisos, biết được Kyros đã đổi ý như thế nào, đồng thời cũng thấy tất cả mọi người đang cố gắng dập lửa nhưng không thể kiểm soát được ngọn lửa, liền lớn tiếng khẩn cầu thần Apollon rằng, nếu từng có bất kỳ món lễ vật nào ông dâng tiến được thần chấp nhận, mong thần hãy tới giúp ông và cứu ông khỏi tai họa đang cận kề. Kroisos đã ứa nước mắt khẩn cầu thần như vậy, và người ta kể rằng đột nhiên, giữa trời quang mây tạnh, những đám mây tụ lại và một cơn bão kéo tới, trời mưa dữ dội, và giàn thiêu bị dập tắt. Sau đó Kyros, tận mắt chứng kiến Kroisos là một người được các vị thần sủng ái và là một người tốt, ra lệnh đưa ông xuống giàn thiêu và hỏi ông như sau: “Kroisos, hãy nói cho ta biết ai đã thuyết phục ngươi tiến quân vào lãnh thổ của ta và vì thế trở thành kẻ thù của ta thay vì một người bạn?” và Kroisos đáp: “Tâu bệ hạ, thần làm vậy cho hạnh vận của bệ hạ và sự bất hạnh của chính mình, và nguyên do dẫn tới điều đó là vị thần của người Hy Lạp, người đã thúc giục thần tấn công với quân đội của mình. Vì không ai lại mất trí tới mức tự mình đi chọn chiến tranh thay cho hòa bình, vì trong hòa bình những người con trai chôn cất cha của họ, nhưng trong chiến tranh những người cha phải chôn cất con trai của họ. Nhưng thần đoán là để làm vui lòng các vị thần mà những chuyện này cần phải diễn ra

như thế".

88. Ông đã nói như vậy, và Kyros cởi trói cho ông, đỡ ông tới ngồi cạnh mình và đối xử với Kroisos rất trân trọng, và cả chính nhà vua lẫn tất cả những người ở gần ông có thể nhìn thấy Kroisos đều không khỏi ngỡ ngàng về điều đó. Còn Kroisos, đắm mình trong suy tư, vẫn giữ im lặng. Nhưng sau một hồi, khi nhìn quanh và chứng kiến quân Ba Tư đang cướp phá thành phố của người Lydia, ông nói: "Tâu bệ hạ, liệu thần có nên nói với người những gì thần tình cờ đang nghĩ tới, hay thần nên giữ im lặng trong vận mệnh hiện tại của mình?" Kyros liền lệnh cho ông hãy can đảm mà nói ra bất cứ điều gì ông muốn. Kroisos liền hỏi: "Đám đông này đang làm gì hăng hái vậy?" và nhà vua đáp: "Họ đang cướp phá thành phố của ngươi và mang đi sự giàu có của ngươi". Và Kroisos trả lời: "Nơi họ đang cướp phá không còn là thành phố của thần, và họ cũng không phải đang mang đi sự giàu có của thần, vì thần không còn chút quyền sở hữu nào trong những thứ này nữa. Song chính là sự giàu có của bệ hạ đang bị đám lính kia cướp đoạt và mang đi".

89. Kyros không khỏi băn khoăn trước những lời Kroisos đã nói, nhà vua lệnh cho tất cả thuộc hạ lui ra rồi hỏi Kroisos xem nhà vua nên làm gì trước những gì đã xảy ra, và Kroisos đáp: "Vì các vị thần đã giao thần vào tay bệ hạ làm nô lệ, cũng là hợp lẽ nếu thần chỉ ra cho bệ hạ điều có lợi với bệ hạ rõ ràng hơn những người khác. Những người Ba Tư, vốn bản chất bất trị, không có trong tay tài sản gì. Vì thế, nếu bệ hạ chấp nhận để họ cướp phá mang đi những tài sản lớn và sở hữu chúng, khi đó bệ hạ sẽ phải sẵn sàng đón nhận kết quả này, đó là bất cứ kẻ nào chiếm được phần lớn nhất sẽ nổi loạn chống lại người. Vì thế, nếu những lời thần nói hợp ý bệ hạ, bây giờ xin bệ hạ hãy làm như sau: Hãy phái các tay giáo trong đội cận vệ của người tới canh gác tất cả các cổng thành, và lệnh cho những người này giữ lại của cải, đồng thời nói với những kẻ đã muốn mang chúng rời khỏi thành phố rằng trước hết của cải phải được dâng một phần mười lên Zeus đã. Bằng cách đó, một mặt bệ hạ sẽ không bị bọn họ căm ghét vì đã dùng vũ lực tước đi của cải, mặt khác bọn họ sẽ ngoan ngoãn chấp nhận bị thu lại chúng trong khi vẫn thừa nhận giữa bọn họ với nhau là bệ hạ đã làm điều đúng đắn".

90. Nghe tới đây, Kyros vô cùng hài lòng, vì nhà vua nghĩ Kroisos đã đưa ra lời khuyên khôn ngoan. Và ông ban thưởng hào phóng cho Kroisos rồi lệnh cho các tay giáo trong đội cận vệ của mình thực hiện điều Kroisos đã khuyên. Sau đó, nhà vua đã nói với Kroisos thế này: "Kroisos, vì ngươi luôn sẵn sàng làm những điều

tốt lành và nói ra những lời sáng suốt, giống như vị vua ngươi từng là, nên hãy xin ta một món quà, bất cứ điều gì ngươi muốn sẽ được ban cho ngươi". Và Kroisos nói: "Hỡi chủ nhân, bệ hạ sẽ làm thần vui sướng nhất nếu người cho phép thần gửi tới vị thần của người Hy Lạp, vị thần mà thần đã tôn thờ nhất trong mọi vị thần, những xiềng xích này để hỏi xem vị thần có thấy việc lừa dối những người đã cư xử tốt với mình là đúng đắn hay không". Sau đó, Kyros hỏi vị vua thất thế rằng ông có lời buộc tội nào đối với thần linh mà lại yêu cầu như thế. Và Kroisos kể lại cho vua Ba Tư tất cả những gì chất chứa trong tâm trí, cũng như câu trả lời của các dự ngôn giả, và đặc biệt là những lễ vật hào phóng, cũng như việc ông đã bị một dự ngôn giả khuyến khích tấn công người Ba Tư ra sao. Kể xong, Kroisos trở lại với lời khẩn cầu cho phép mình được thể hiện sự trách cứ này với thần linh. Kyros liền bật cười và nói: "Ngươi không chỉ nhận được điều này từ ta, Kroisos, mà bất cứ điều gì ngươi có thể muốn cầu xin ta vào bất cứ lúc nào". Nghe được những lời này, Kroisos liền phái vài người Lydia tới Delphoi, căn dặn họ hãy đặt xiềng xích lên ngưỡng cửa ngôi đền và hỏi thần xem liệu thần có thấy hổ thẹn không khi bằng những lời tiên tri đã thôi thúc Kroisos tấn công người Ba Tư, thuyết phục rằng ông sẽ tiêu diệt đế quốc của Kyros, đồng thời dâng lên thần đống xiềng xích, chiến quả duy nhất ông nhận được từ cuộc chiến ấy. Họ cần hỏi như vậy, và thêm nữa cần hỏi thêm liệu các vị thần của người Hy Lạp có đúng không khi xử sự vô ơn đến thế.

91. Khi người Lydia tới nơi và nhắc lại đúng những gì họ được yêu cầu, người ta kể lại nữ tư tế Pythia đã phán như sau: "Ngay cả một vị thần cũng không thể thoát khỏi số phận định mệnh đã an bài. Và Kroisos phải trả món nợ tương xứng với tội lỗi của tổ tiên năm đời trước của y, kẻ vốn là tay giáo phụng sự cho các Herakleidai nhưng đã nghe theo mưu mô phản trắc của một người đàn bà và sát hại chủ nhân của mình để chiếm đoạt địa vị hoàng gia vốn không thuộc về hắn ta một cách hợp pháp. Và cho dù Apollon đã vô cùng mong mỏi tai họa ở Sardis có thể giáng xuống đầu các con trai Kroisos chứ không phải bản thân Kroisos, nhưng ngài không thể kéo định mệnh đi chệch khỏi con đường của nó, nhưng ngài cũng đã làm rất nhiều điều, và ban phát chúng như một món quà dành cho Kroisos. Vì thần đã đẩy lùi lại ba năm thời điểm Sardis thất thủ, và đảm bảo để Kroisos bị bắt làm tù binh chậm hơn cũng từng ấy năm so với thời gian trong định mệnh. Hơn nữa, thần đã trợ giúp cho nhà vua khi ông ta sắp sửa bị thiêu sống. Còn về câu trả lời của dự ngôn giả, Kroisos phải tự thấy mình có lỗi. Vì Apollon đã cảnh báo trước với nhà vua là nếu ông tấn công người Ba Tư, nhà vua sẽ tiêu diệt một đế quốc vĩ đại. Và đáng lẽ khi nghe

được lời phán truyền này, nếu muốn nhận được lời khuyên xác đáng, nhà vua phải cử người tới hỏi cho rõ hơn liệu thần linh muốn nói tới đế quốc của chính ông ta hay đế quốc của Kyros. Nhưng vì Kroisos không hiểu những gì được phán truyền và không hỏi lại, nhà vua hãy nên tự coi mình là nguyên nhân của những gì xảy ra sau đó. Và lỗi cũng là của Kroisos khi không hiểu ý của Apollon về con la. Vì Kyros kỳ thực chính là con la đó, nếu xét tới việc vua Ba Tư được sinh ra từ bố mẹ thuộc hai dòng giống khác nhau, mẹ ông có nguồn gốc cao quý hơn, còn bố ông ít quý phái hơn, vì mẹ của Kyros là một phụ nữ Media, con gái Astyages, vua Media, trong khi cha của Kyros lại là một người Ba Tư, một tộc người nằm dưới quyền cai trị của người Media, và là một người xuất thân thấp kém hơn về mọi mặt, ông trở thành chồng của vị công chúa thành viên hoàng tộc cai trị mình".

Nữ tư tế Pythia đã trả lời người Lydia như thế, và họ mang câu trả lời ấy về Sardis thuật lại cho Kroisos nghe. Và khi nghe xong, ông thừa nhận lỗi lầm hoàn toàn thuộc về mình chứ không phải thuộc về thần linh.

92. Về sự cai trị của Kroisos và cuộc chinh phục Ionia lần thứ nhất, chuyện đã xảy ra như thế. Hiện giờ tại Hy Lạp vẫn còn nhiều lễ vật khác do Kroisos dâng tiến, và không chỉ có những lễ vật đã được nhắc tới trước đây. Vì trước hết tại Thebai, thuộc vùng đất của người Boiotia, có một chiếc giá ba chân bằng vàng được nhà vua dâng lên Apollon Ismenios. Tại Ephesos có những bức tượng bò bằng vàng cùng phần lớn các trụ của ngôi đền. Và trong đền Athene Pronaia ở Delphoi có một chiếc khiên lớn bằng vàng. Những lễ vật này vẫn còn được lưu lại tới tận thời tôi, song nhiều lễ vật khác của Kroisos đã thất lạc, và các lễ vật ông dâng tiến ở Brankhidai tại Milesia, như tôi được nghe kể, cũng nặng ngang và có hình thức tương tự với những lễ vật tại Delphoi. Những lễ vật ông gửi tới Delphoi và tới ngôi đền Amphiaraos thuộc sở hữu của chính ông, là thành quả đầu tiên của sự giàu có ông thừa hưởng từ cha; nhưng những lễ vật khác được lấy từ tài sản của một đối thủ của ông, người đã lôi kéo bè đảng chống lại ông trước khi Kroisos trở thành vua và hậu thuẫn Pantaleon làm vua Lydia. Pantaleon là anh của Kroisos, con trai của Alyattes với một phụ nữ khác. Vì mẹ Kroisos là người Karia, hạ sinh cho Alyattes, còn mẹ Pantaleon là người Ionia. Và khi Kroisos giành được vương quốc do cha truyền lại, ông đã giết kẻ chống đối mình, hành hạ kẻ đó đến chết bằng cào sắt; và tài sản của người này, vốn đã được nhà vua thề sẽ dành hiến cho các vị thần từ trước đó, liền được ông dâng lên những ngôi đền kể trên. Về những lễ vật của ông, nói như vậy kể cũng là đủ.

93. Về những kỳ quan cần được nói tới, miền đất Lydia không có gì nhiều nếu so sánh với các miền đất khác, ngoại trừ thứ bụi vàng được đưa xuống từ núi Tmolos; nhưng có một công trình cần nhắc đến, đồ sộ hơn bất cứ công trình nào khác ngoại trừ các công trình tại Ai Cập và Babylon: vì tại miền đất này có mộ của Alyattes cha Kroisos, với phần đáy được làm từ những tảng đá lớn, còn phần còn lại của mộ phần được đắp bằng đất. Ngôi mộ được xây nhờ sự đóng góp của các thương nhân, thợ thủ công, và cả các kỹ nữ đã buôn bán, hành nghề tại đó; và đến thời tôi vẫn còn tồn tại năm tảng đá đánh dấu được dựng trên ngôi mộ này, trên đó có khắc chữ cho biết có bao nhiêu phần của công trình được mỗi tầng lớp thực hiện; và theo các tính toán, hóa ra phần đóng góp của các cô gái là lớn nhất. Vì con gái giới bình dân ở Lydia đều hành nghề mại dâm để tích cóp của hồi môn cho mình, và liên tục hành nghề như thế cho tới khi kết hôn; và các cô gái có quyền chọn nơi gả mình trong hôn nhân. Ngày nay, chu vi ngôi mộ là 6 *stadia* 2 *plethra*[1], và chiều rộng là 13 *plethra*. Và bên cạnh ngôi mộ là một hồ nước lớn, nơi người Lydia nói có nguồn nước không bao giờ cạn, và được gọi là hồ của Gyges. Bản chất của công trình này là vậy.

---

[1]. 1 *plethron* (sn: *plethra*) tương đương 30,8 cm.

---

94. Người Lydia có tập quán gần giống người Hy Lạp, ngoại trừ việc họ cho con gái của mình đi bán dâm; họ cũng là tộc người đầu tiên, theo những gì chúng ta biết, đúc và sử dụng tiền vàng hay bạc; và họ cũng là những nhà buôn bán lẻ đầu tiên. Bản thân người Lydia nói những trò chơi hiện tại đang thịnh hành trong cộng đồng của họ cũng như trong cộng đồng Hy Lạp cũng là do họ phát minh. Họ cho rằng chúng được phát minh vào cùng thời gian họ thực dân hóa Tyrrhenia, và người Lydia kể lại như sau: Dưới thời trị vì của Atys, con trai Manes, một nạn đói khủng khiếp lan tràn toàn Lydia. Cư dân Lydia đã chịu đựng trong một thời gian, nhưng sau khi nạn đói không chấm dứt, họ tìm kiếm cách giải thoát khỏi nỗi giày vò, và một người nghĩ ra cách này, rồi một người khác nghĩ ra một cách khác. Thế rồi, theo lời họ kể, sau đó họ đã khám phá ra cách chơi xúc xắc, chơi xương đốt và chơi bóng, và tất cả các trò chơi khác trừ cờ đam (vì người Lydia không tuyên bố đã phát minh ra trò chơi này). Những trò chơi này được họ phát minh ra như một cách chống lại nạn đói, và cứ như thế, họ thường làm thế này: Vào một ngày, họ sẽ chơi cả ngày để không cảm thấy đói nữa, rồi đến ngày kế tiếp họ ngừng các trò chơi và ăn; rồi cứ như thế, họ trải qua 18 năm. Tuy vậy, khi tai họa vẫn không

lắng dịu mà ngày càng đè nặng lên họ, nhà vua của họ liền chia toàn bộ dân cư Lydia thành hai phần, và ông quyết định bằng rút thăm một nửa ở lại, còn nửa kia rời khỏi vùng đất này. Nhà vua tự chỉ định mình sẽ là người cai trị phần dân cư ở lại, còn con trai ông cai trị những người sẽ ra đi, và tên người con trai đó là Tyrsenos. Thế là một phần dân cư, sau khi đã chọn rút thăm phải rời khỏi vùng đất họ đang sống, liền đi xuống phía biển tại Smyrna và đóng thuyền cho mình, đưa lên thuyền tất cả những gì mang đi được mà họ có, rồi dong buồm ra khơi tìm sinh kế và một vùng đất để cư ngụ. Sau khi đã đi qua nhiều dân tộc, cuối cùng họ tới Oumbria, và tại đó họ thiết lập các đô thị và định cư tới tận ngày nay. Những người này cũng đổi danh xưng theo tên vị hoàng tử đã dẫn dắt họ rời khỏi bản quán, là người Tyrrhenoi, chứ không phải người Lydia. Người Lydia sau đó đã bị chinh phục và trở thành thần dân Ba Tư như tôi đã kể.

95. Sau biến cố này, chúng ta sẽ khảo cứu về Kyros, người đã tiêu diệt đế quốc của Kroisos, và về những người Ba Tư, xem bằng cách nào họ đã vươn lên cai trị ở châu Á. Vì thế, tôi xin nói tôi sẽ viết theo những lời thuật lại của một số người Ba Tư – ý tôi là những người không muốn tâng bốc khi kể về Kyros mà thuật lại câu chuyện này theo đúng thực tế. Ngoài ra tôi cũng sẽ đưa ra những dị bản của câu chuyện theo ba cách khác nhau.

Người Assyria cai trị vùng thượng châu Á trong 520 năm, và người Media là cộng đồng đầu tiên nổi dậy chống lại họ. Những người này, sau khi đã chiến đấu chống lại người Assyria vì tự do, đã chứng tỏ bản thân họ là những người tốt, và cứ như thế họ đã rũ bỏ được ách nô lệ và giành lại tự do cho mình. Tiếp sau họ, các dân tộc khác cũng làm tương tự như người Media. Và khi cả châu lục đã trở nên độc lập, họ lại quay trở lại ách cai trị chuyên chế như thế này.

96. Trong cộng đồng người Media xuất hiện một người có năng lực xuất chúng tên là Deiokes, con trai Phraortes. Deiokes, người đã nuôi tham vọng chuyên quyền, đã hành động như sau: Trong khi người Media sống tại những ngôi làng tách biệt nhau, ông ta, vốn từ trước đó đã rất có danh tiếng trong làng mình, liền bắt tay vào thực thi công lý một cách nỗ lực và nhiệt thành hơn trước. Và ông thực hiện điều này bất chấp tình trạng vô pháp còn rất phổ biến trên toàn Media, và biết rõ bất công luôn đối kháng với công lý. Vậy là các người Media trong cùng làng, khi chứng kiến những gì ông làm, liền chọn ông làm pháp quan của họ. Và Deiokes, vốn luôn nhắm tới quyền lực, liền tỏ ra chính trực và công bằng, nhờ đó giành được không ít lời ca ngợi từ đồng bào của ông, trong khi

những cư dân sống tại những làng khác, biết được Deiokes là một người đưa ra những phán quyết xác đáng hơn những người khác, trong khi trước đó họ đã quen phải chịu đựng những phán quyết bất công, cũng hài lòng tìm đến Deiokes khi nghe tiếng về ông để những bất bình của họ được phán xử, và rồi cuối cùng họ không còn tin tưởng vào bất kỳ ai khác.

97. Sau đó, khi ngày càng có nhiều người tìm tới với ông, vì người ta biết được các quyết định ông đưa ra chứng tỏ là phù hợp với sự thật, còn Deiokes khi nhận thấy mọi thứ đều được mang tới cho mình xét đoán liền không tiếp tục có mặt ở nơi trước kia ông từng vẫn ngồi để định đoạt chính nghĩa nữa, vì với ông sẽ chẳng có lợi gì khi sao nhãng việc riêng để lo cho việc của láng giềng cả ngày. Kể từ đó, vì nạn trộm cướp và hỗn loạn còn hoành hành tệ hơn trước đó tại các ngôi làng, người Media đã tập trung lại để cùng bàn bạc với nhau về tình trạng hiện tại. Và tôi đoán rằng những người bạn của Deiokes đã nói rất nhiều về việc đó: "Một khi thấy rõ chúng ta không thể sống ở vùng đất này trong tình trạng hiện tại, hãy lập một người trong số chúng ta lên làm vua, như thế vùng đất này sẽ được cai trị tốt, và chúng ta sẽ lao động trở lại, và sẽ không bị sự hỗn loạn làm cho khánh kiệt nữa". Bằng những lời như thế, họ đã thuyết phục chính họ về việc nên có một vị vua.

98. Và khi họ chuyển sang câu hỏi xem nên lập ai lên làm vua, Deiokes được nhiều đề xuất và ủng hộ nhất, cho tới cuối cùng họ nhất trí rằng ông ta nên trở thành vua của họ. Và ông ta yêu cầu người dân phải xây cho ông ta một cung điện xứng đáng với uy nghi của hoàng gia, rồi tăng cường sức mạnh cho mình bằng một đội lính cận vệ cầm giáo. Và người Media làm theo. Họ đã xây cho Deiokes một cung điện rộng rãi vững chắc tại khu đất ông ta yêu cầu, rồi cho phép ông ta lựa chọn lính cận vệ từ tất cả người Media. Và khi Deiokes giành được quyền cai trị, ông ta liền ép buộc người Media phải xây một tòa thành và dồn sự chú ý vào thành phố này, ít để tâm tới các thành phố khác. Khi người Media tuân phục ông ta cả trong việc này nữa, Deiokes đã xây nên những bức tường đồ sộ vững chãi, ngày nay được gọi là Ekbatana, được xây thành từng vòng nằm lồng vào nhau. Bức tường thành được thiết kế rất khéo léo để một vòng thành cao hơn vòng thành kế tiếp bằng đúng chiều cao của một mình phần công sự. Như tôi đoán, ở mức độ nào đó, bản chất địa hình nơi này, nếu tính tới việc tòa thành được xây trên một ngọn đồi, đã giúp tạo ra thành quả đó. Nhưng phần chủ yếu xuất phát từ kỹ nghệ thi công, vì có tất cả bảy vòng tường thành. Bên trong vòng thành cuối cùng là cung điện hoàng gia cùng các nhà kho. Vòng thành lớn nhất có chiều dài bằng bức tường thành bao quanh Athenai; và ở vòng tường

thành thứ nhất các công sự có màu trắng, ở vòng thứ hai có màu đen, vòng thứ ba có màu huyết dụ, vòng thứ tư màu lam, vòng thứ năm màu đỏ. Cứ như thế, công sự của tất cả các vòng thành được sơn với những màu sắc khác nhau, còn hai vòng thành trong cùng, một vòng thành có các công sự được dát bạc, vòng còn lại dát vàng.

99. Deiokes đã cho xây những vòng tường thành này cho mình và bao quanh cung điện của ông ta, rồi ông ta lệnh cho dân chúng tới sống quanh các tường thành. Sau khi đã xây xong, Deiokes thiết lập quy tắc cai trị, và ông ta là người đầu tiên làm điều này, quy định rằng không ai được phép vào diện kiến nhà vua, mà chỉ bẩm tấu lên nhà vua qua những người đưa tin; và không ai được phép trông thấy nhà vua, hơn nữa, việc cười cợt hay khạc nhổ khi nhà vua có mặt là bất kính, những quy định này áp dụng cho tất cả thần dân không ngoại lệ. Giờ đây, nhà vua duy trì quanh mình những lễ nghi này để bạn bè, từng lớn lên cùng nhà vua và có xuất thân không hề thấp kém hơn, hay thua kém ông về những phẩm chất con người, khỏi cảm thấy buồn phiền khi trông thấy nhà vua và âm mưu chống lại ông, và nhờ việc không để họ thấy mình, ông có thể được nghĩ đến như thuộc về một đẳng cấp khác.

100. Sau khi đã thiết lập mọi thứ trật tự và củng cố ngôi vị của mình, Deiokes rất nghiêm khắc trong duy trì công lý. Dân chúng thường viết ra những việc kiện tụng của họ và gửi cho nhà vua xem, rồi ông phán xử những câu hỏi được gửi cho mình, sau đó gửi ra các câu trả lời. Bằng cách đó, nhà vua thường phán xử các vụ kiện tụng. Ông cũng nghiêm khắc trong duy trì trật tự, nghĩa là nếu nhà vua biết được ai đó cư xử không đúng luật lệ, ông liền triệu kẻ đó tới và trừng trị tương xứng với hành vi sai trái, và nhà vua có tai mắt ở khắp nơi trên toàn lãnh thổ ông cai trị.

101. Như vậy Deiokes đã thống nhất người Media, trở thành người cai trị họ, và người Media bao gồm những bộ lạc sau đây: Bousai, Paratakenoi, Stroukhates, Arizantoi, Boudioi, Magoi, số lượng bộ lạc của họ rất lớn.

102. Con trai của Deiokes là Phraortes, người được kế thừa quyền lực khi Deiokes qua đời sau khi đã làm vua trong 33 năm. Được kế vị ngôi vua, tân vương không hài lòng với việc chỉ là người cai trị của người Media, nên đem quân tấn công người Ba Tư. Tấn công họ trước những tộc người khác, nhà vua bắt họ thần phục người Media. Sau đó, trở thành vua của hai dân tộc, cả hai đều hùng mạnh, Phraortes tiếp tục chinh phục châu Á, từ dân tộc này đến dân tộc khác, cho tới khi cuối cùng nhà vua tấn công người

Assyria, ý tôi là những người Assyria tại Ninos, trước đây từng là kẻ cai trị cả châu lục, song vào thời điểm đó không còn sự hỗ trợ của các đồng minh vốn đã nổi dậy chống lại họ, cho dù ở thành phố của mình họ vẫn khá giàu có. Như tôi đã nói, Phraortes tấn công những người này, và ông cùng phần lớn đạo quân của ông bị tiêu diệt.

103. Sau khi đã trị vì 53 năm, Kyaxares con trai Phraortes kế vị. Ông được cho là hiếu chiến hơn các bậc tiền bối, và ông là người đầu tiên biên chế những chiến binh châu Á thành các đơn vị riêng rẽ, có nghĩa là nhà vua là người đầu tiên đã tách riêng lính cầm giáo, cung thủ và kỵ binh khỏi nhau, vốn trước đó rất ô hợp. Cũng chính vị vua này đã chiến đấu với người Lydia khi ngày biến thành đêm giữa lúc hai bên giao chiến, và cũng là người thống nhất toàn bộ châu Á ở phía trên sông Halys dưới sự cai trị của mình.

Sau khi tập hợp tất cả thuộc quốc của mình, ông tiến quân tới Ninos để báo thù cho cha, và cũng vì ông thèm muốn chinh phục thành phố này. Sau khi ông đã chiến đấu với người Assyria và đánh bại họ, đúng lúc nhà vua đang ngồi xuống trước Ninos thì một đạo quân lớn người Skythia ập tới tấn công, chỉ huy của họ là Madyas con trai Protothyes, vua của người Skythia.

Người Skythia đã xâm lược châu Á sau khi đẩy lui người Kimmerioi khỏi châu Âu, và trong cuộc truy đuổi này người Skythia đã tới lãnh thổ Media.

104. Từ hồ Maiotis tới sông Phasis và vùng đất của người Kolkhis là một cuộc hành trình dài 30 ngày cho một người không phải mang nặng; và từ Kolkhis tới Media cũng không mấy xa, vì giữa hai vùng đất này chỉ có một dân tộc là người Saspeires, và chỉ cần băng qua dân tộc này là ta đã tới Media. Tuy nhiên, người Skythia không xâm lược theo con đường kể trên, mà rẽ khỏi nó để đi theo đường nội địa dài hơn nhiều, men theo dãy Kaukasos ở bên phải họ.

Người Media vậy là phải chiến đấu với người Skythia, và do thất trận, họ đánh mất quyền lực của mình, còn người Skythia giành được quyền cai trị trên toàn châu Á.

105. Tiếp theo, họ tiến hành xâm lược Ai Cập, và khi họ đang ở Syria, nơi được gọi là Palaistine, vua Ai Cập Psammetikhos tới gặp họ. Bằng những món lễ vật cùng sự khẩn cầu, nhà vua khiến người Skythia thay đổi ý định, nhờ đó họ không tiến xa hơn nữa.

Trong lúc rút lui, khi họ qua thành Askalon ở Syria, phần lớn người Skythia đi qua thành phố mà không gây ra bất cứ tổn hại nào, nhưng một số nhỏ, những người nán lại sau, đã cướp phá ngôi đền Aphrodite Ourania. Ngôi đền này, theo những gì tôi tìm hiểu, là đền lâu đời nhất trong tất cả các ngôi đền của Aphrodite, vì theo người Kypros thuật lại, ngôi đền tại Kypros được lập nên bắt nguồn từ ngôi đền này, và chính người Phoinike đã dựng lên ngôi đền tại Kythera khi họ tới đó từ Syria. Như tôi đã kể, người Skythia cướp phá ngôi đền tại Askalon, và hậu duệ của những người này vĩnh viễn bị thần trừng phạt bằng một chứng bệnh biến đàn ông thành đàn bà. Người Skythia kể chính vì lý do này họ bị nhiễm bệnh, và cũng vì thế các du khách ghé thăm Skythia thời nay thấy trong số họ dấu hiệu của những người mà người Skythia gọi là các Enarees.

106. Trong 28 năm người Skythia thống trị châu Á, và cách hành xử bạo ngược và khinh suất của họ đã hủy hoại mọi thứ. Vì một mặt họ bắt tất cả các dân tộc bị cai trị phải cống nạp cho họ, và ngoài khoản cống nạp, người Skythia thường cưỡi ngựa đi các vùng và dùng vũ lực cướp đi tài sản của từng bộ lạc.

Thế rồi Kyaxares và người Media, sau khi mời đa số người Skythia tới dự yến tiệc, chuốc cho họ say và giết họ. Nhờ đó, người Media khôi phục sức mạnh, và lại thống trị các dân tộc khác như trước, đồng thời họ cũng chiếm được Ninos – việc thành phố này bị chiếm ra sao tôi sẽ thuật lại trong một câu chuyện khác – và khuất phục toàn Assyria ngoại trừ vùng Babylon. Sau 40 năm cai trị người Media, kể cả thời kỳ người Skythia thống trị, Kyaxares qua đời.

107. Astyages, con trai Kyaxares, kế vị. Astyages có một con gái được ông đặt tên là Mandane. Và trong giấc ngủ, nhà vua nằm mơ thấy cô gái đi tiểu nhiều tới mức ngập cả thành phố của ông và cũng ngập cả châu Á. Nhà vua liền thuật lại giấc mơ này cho người giải mộng của các Magoi[1], và khi nghe được sự thật từ họ, từng lời đều khiến nhà vua sợ hãi.

---

[1]. Ở 1.101, Magoi là một trong các bộ lạc Media, nhưng cũng dùng để chỉ một đẳng cấp gồm các tư tế theo hầu vua Media và cử hành các nghi lễ thiêng. Magos (sn: Magoi) cũng để chỉ một vị tư tế. (BT)

Sau đó, khi công chúa Mandane đến tuổi lấy chồng, nhà vua

không gả con cho bất cứ người Media nào có địa vị tương xứng với mình, vì ông sợ lời tiên đoán trong giấc mơ. Thay vì thế, nhà vua gả con gái cho một người Ba Tư tên là Kambyses, người ông tìm hiểu được là có dòng dõi đàng hoàng và tính khí điềm đạm, cho rằng chàng trai này có địa vị còn kém xa một người Media trung lưu.

108. Trong năm đầu tiên của cuộc hôn nhân này, Astyages lại có một giấc mơ khác. Ông mơ thấy một dây nho mọc lên từ âm hộ con gái, và dây nho này lan ra khắp châu Á. Sau khi mơ thấy giấc mơ này và thuật lại nó cho các nhà giải mộng, nhà vua cho triệu con gái, lúc đó đang mang thai, quay về từ vùng đất của người Ba Tư. Và khi công chúa quay về, nhà vua liền cho canh giữ cô, với mong muốn tiêu diệt đứa trẻ sẽ được công chúa sinh ra, vì các Magoi đã phán với nhà vua rằng con đẻ của con gái ông sẽ cai trị trên ngôi báu của ông. Astyages sau đó muốn ngăn chặn điều này, và khi Kyros được sinh ra, nhà vua liền gọi Harpagos, một người họ hàng gần gũi và được ông tin tưởng hơn tất cả những người Media khác, đến mức giao cho ông ta xử lý mọi công việc của mình. Nhà vua nói với Harpagos như sau: "Harpagos, không được sao nhãng vì bất cứ lý do nào việc ta sắp giao cho ngươi, và hãy coi chừng nếu ngươi phản bội ta vì lợi ích của kẻ khác, chuyện đó sẽ khiến ngươi mất mạng. Hãy mang đứa trẻ Mandane sinh ra về nhà ngươi và giết nó đi. Sau đó hãy chôn nó theo bất cứ cách nào ngươi muốn". Trước mệnh lệnh, Harpagos liền trả lời: "Tâu bệ hạ, trong quá khứ chưa bao giờ bệ hạ từng thấy ở thần điều gì có lỗi với bệ hạ, và thần luôn cẩn thận soi mình để sau này cũng không phạm phải lỗi lầm nào với bệ hạ. Nếu ý nguyện của bệ hạ muốn việc này được thực hiện, ít nhất về phần mình thần sẽ làm trọn bổn phận".

109. Harpagos trả lời nhà vua như vậy, và khi đứa trẻ mặc đồ sang trọng được trao cho ông ta để mang đi thủ tiêu, Harpagos về nhà khóc lóc kể lại cho vợ nghe tất cả những lời Astyages đã nói. Và bà vợ nói với ông ta: "Bây giờ ông định sẽ làm gì?" và ông ta trả lời: "Tôi sẽ không làm như Astyages ra lệnh, vì cho dù nhà vua có mất trí và điên loạn hơn so với hiện tại, tôi cũng sẽ không làm như ông ta muốn hay phục tùng ông ta trong một việc sát nhân thế này. Và vì nhiều lý do tôi sẽ không giết đứa trẻ. Trước hết, vì nó là một họ hàng thân thích với tôi, thứ đến là vì Astyages đã già và không có con trai, vậy nếu như sau khi qua đời quyền lực chuyển về con gái ông ta, như thế chẳng phải hiểm nguy lớn nhất sẽ chờ đợi tôi sao? Để an toàn cho tôi, đứa trẻ này phải chết, nhưng một trong các hầu cận của Astyages phải là kẻ giết nó, chứ không phải người của tôi".

110. Ông ta nói như vậy, rồi lập tức phái một tín sứ tới gặp một trong những mục đồng của Astyages mà ông ta biết đang chăn thả bầy gia súc ở những khu đồng cỏ thích hợp nhất cho mục đích của ông ta, nằm ở vùng núi non đầy rẫy thú hoang. Người mục đồng này tên là Mitradates, anh ta cưới một phụ nữ cũng chung cảnh nô lệ như mình, tên người vợ là Kyno theo tiếng Hy Lạp, và Spako theo tiếng Media, vì người Hy Lạp gọi "chó cái" là *kyna*, trong khi người Media gọi là *spaka*. Người mục đồng chăn thả bầy gia súc ở dưới chân dãy núi chạy từ Ekbatana về phía Gió Bắc và về phía biển Euxeinos. Vì ở đây, về hướng người Saspeires lãnh thổ Media chủ yếu là núi non sừng sững được rừng rậm che phủ, song phần còn lại của vùng Media lại toàn là đồng bằng. Khi người mục đồng có mặt theo lời triệu tập gấp gáp, Harpagos đã nói thế này: "Astyages ra lệnh cho ngươi mang đứa bé này đi và bỏ nó lại nơi hoang vu nhất trên núi, để nó chết càng nhanh càng tốt. Và ngài yêu cầu ta nói với ngươi là nếu ngươi không giết đứa trẻ mà bằng bất cứ cách nào che chở nó, ngài sẽ giết ngươi theo cách tàn khốc nhất, và ta đã được chỉ định để chứng kiến rằng đứa trẻ đã được thủ tiêu".

111. Khi đã nghe hết và nhận lấy đứa trẻ, người mục đồng quay lại theo con đường cũ trở về nơi ở của mình. Trong khi ấy vợ anh ta cũng đang sắp sửa vượt cạn, và do sự tình cờ của số mệnh đã sinh con đúng lúc người chồng đang vào thành phố. Và cả hai vợ chồng họ đều lo lắng cho nhau, người chồng thì lo cho vợ lúc sinh nở, còn người phụ nữ lại lo sợ về lý do khiến Harpagos gọi chồng cô tới gặp ông ta, trong khi trước đây hiếm khi làm vậy. Vì thế, ngay khi người chồng trở về và đứng trước mặt người vợ, vốn không dám hy vọng sẽ được nhìn thấy lại chồng, là người lên tiếng trước, hỏi về lý do gì đã khiến Harpagos cho gọi gấp gáp tới vậy. Người chồng đáp rằng: "Vợ ơi, khi anh tới thành phố, anh đã thấy và nghe những điều anh ước gì đã không nhìn thấy, và mong rằng chúng không bao giờ xảy ra với các chủ nhân chúng ta phụng sự. Vì cả nhà Harpagos đều chìm trong tang tóc, và anh đã rất kinh ngạc không biết chuyện gì xảy ra bên trong. Và ngay khi bước vào trong, anh đã trông thấy một đứa trẻ sơ sinh đang hổn hển thở và gào khóc, đứa trẻ đó đeo những món trang sức bằng vàng và quấn trong tã lót thêu. Khi Harpagos thấy anh, ông ta lập tức yêu cầu anh nhận lấy đứa trẻ, mang nó đi và bỏ nó lại trên núi ở nơi nhiều thú hoang nhất, nói rằng chính Astyages đã giao việc này cho anh, đồng thời đe dọa anh nếu làm không xong việc này. Thế là anh nhận lấy đứa trẻ rồi mang nó đi, đoán rằng đó là con của một người hầu nào đó trong nhà, vì anh chẳng thể nào đoán nổi nguồn gốc thực sự của nó. Nhưng anh lấy làm kinh ngạc khi thấy đứa trẻ

đeo đầy vàng và tã lót sang trọng, anh cũng kinh ngạc khi người ta than khóc cho nó một cách công khai tại nhà Harpagos. Rồi ngay sau đó, khi đang đi trên đường, anh biết được toàn bộ câu chuyện từ người hầu đi cùng anh ra khỏi thành phố và trao đứa bé vào tay anh, rằng thực tế đứa bé là con trai của Mandane, con gái Astyages và Kambyses, con trai của Kyros, và Astyages đã ra lệnh giết đứa trẻ. Và đứa bé đây".

112. Nói xong, người mục đồng mở cái rương đựng đứa trẻ ra. Người vợ, thấy đứa bé thật bụ bẫm khỏe mạnh, đã bật khóc và quỳ xuống ôm lấy đầu gối chồng, cầu xin người chồng không được làm hại nó. Nhưng người chồng nói anh ta không thể làm khác được, vì những thủ hạ sẽ được Harpagos phái tới để kiểm tra xem đứa trẻ đã bị thủ tiêu chưa, và anh ta sẽ chết bi thảm nếu không hoàn thành việc này. Vì không thể làm cách nào thuyết phục được chồng, người vợ liền nói như sau: "Vì em không thể thuyết phục anh đừng giết đứa trẻ, hãy làm điều mà em sẽ nói với anh đây, nếu cần thiết phải làm như thế. Em cũng đã sinh một đứa con, nhưng đứa trẻ đã chết khi vừa chào đời. Hãy mang đứa trẻ đã chết này bỏ vào rừng, và chúng ta sẽ nuôi đứa con của con gái Astyages như thể đó là con chúng ta. Như thế, anh sẽ không bị phát giác đã phạm lỗi với các chủ nhân chúng ta phụng sự, đồng thời chúng ta cũng không mang tội cho mình; vì đứa trẻ đã chết sẽ có được một tang lễ hoàng gia, còn đứa trẻ này sẽ không phải mất mạng".

113. Với người mục đồng, có vẻ vợ anh ta đã nói đúng trong hoàn cảnh lúc ấy, và anh ta đã làm theo lời vợ. Anh ta trao đứa trẻ đáng lẽ phải giết cho vợ mình, còn đứa con đã chết, anh ta đón lấy và cho vào cái rương đã dùng để mang đứa trẻ kia về nhà. Rồi sau khi cho đứa con đã chết mặc tất cả đồ trang sức và tã lót của đứa trẻ kia, anh ta mang con mình tới nơi hẻo lánh nhất trên núi và bỏ lại đó. Ba ngày sau khi bỏ lại đứa trẻ trên núi, người mục đồng đi vào thành phố, để một người giúp việc cho mình lại canh chừng. Khi tới nhà Harpagos, anh ta liền nói đã sẵn sàng cho xem xác đứa bé. Harpagos liền phái đi những tay giáo thân tín nhất của mình, và qua những kẻ này ông ta đã xác nhận và chôn cất đứa con của người mục đồng. Đứa bé này được an táng, song đứa trẻ sau này được biết đến dưới tên gọi Kyros đã được vợ người mục đồng nuôi nấng, và cô vợ chắc hẳn đã đặt cho cậu bé một cái tên khác, chứ không phải là Kyros.

114. Khi cậu bé lên 10 tuổi, chuyện sau đây đã xảy ra, khiến cậu được biết đến. Cậu bé đang chơi trong làng, nơi có các chuồng bò cùng những bé trai. Và lũ trẻ, trong trò chơi của chúng, đã chọn cậu bé vốn được biết là con trai người mục đồng làm vua của

chúng. Cậu bé liền sai vài cậu bạn trong đám đi xây cung điện, số khác trở thành lính cận vệ của cậu, và hẳn là có một cậu bạn được cậu bé chỉ định làm cận thần của nhà vua, rồi một cậu khác làm người đưa tin, cứ như thế chỉ định một chức danh cho mỗi đứa bạn. Thế rồi có một cậu bé trong đám trẻ đang chơi, con trai của Artembares, một người có danh tiếng ở Media, không chịu làm chức trách Kyros giao cho cậu ta. Vì thế, Kyros ra lệnh cho những đứa trẻ khác giữ lấy chân tay cậu bé này, và khi mệnh lệnh của cậu được tuân theo, cậu liền xử sự với cậu bé kia rất nặng tay bằng cách đánh roi. Cậu bé này, ngay khi được thả ra, trở nên tức giận hơn vì cho rằng đã bị đối xử một cách nhục nhã, liền đi xuống thành phố và than phiền với cha về hình phạt phải chịu từ Kyros, khi đó cậu bé vẫn chưa có cái tên Kyros, mà là con trai người mục đồng của Astyages. Và Artembares, trong lúc tức giận, đã lập tức tới gặp Astyages, dẫn theo cả cậu con trai, và tuyên bố đã phải chịu đựng những điều bất công rồi nói: "Tâu bệ hạ, chúng tôi đã phải chịu sỉ nhục thế này từ con trai của gã mục đồng, nô lệ của người", và chỉ cho nhà vua thấy đôi vai của con trai ông ta.

115. Và Astyages, sau khi nghe câu chuyện và thấy các vết roi, liền muốn trừng phạt đứa con trai người mục đồng để đền bù danh dự cho Artembares, và cho gọi người mục đồng và con trai tới. Khi cả hai đã có mặt, Astyages nhìn Kyros và nói: "Là đứa con có một người cha tầm thường như vậy, sao ngươi lại dám đối xử nhục mạ một cách hỗn xược như thế với con trai của người được ta sủng ái nhất?" Và cậu bé trả lời thế này: "Tâu bệ hạ, thần có quyền đối xử với cậu ta như thế. Vì các cậu con trai trong làng, và cậu ta cũng là một trong số này, trong trò chơi của mình đã tôn thần lên làm vua của họ, vì với họ dường như thần thích hợp nhất cho vị trí này. Những cậu con trai khác thực hiện những gì thần ra lệnh cho họ, nhưng cậu ta lại bất tuân và không thèm để ý, để cuối cùng cậu ta phải nhận hình phạt thích đáng. Nếu vì vậy mà thần đáng phải chịu bất cứ sự trừng phạt nào, thì thần đang ở đây, trước mặt bệ hạ".

116. Trong khi đứa trẻ trả lời như vậy, Astyages nhận ra cậu, và nhà vua nhận thấy những đường nét trên khuôn mặt cậu dường như giống với chính ông, và câu trả lời của cậu có vẻ quá tự do so với địa vị, trong khi tuổi tác của cậu bé dường như cũng trùng với độ tuổi của cháu ông. Sững sờ trước những điều này, nhà vua không thốt nên lời suốt hồi lâu. Cuối cùng, sau khi phải khó khăn lắm mới trấn tĩnh lại, nhà vua cho Artembares lui ra để ông có thể ở lại một mình với người mục đồng và tra xét anh ta: "Artembares, ta sẽ ban ra phán quyết khiến cả ngươi lẫn con trai ngươi đều không có lý do gì để bất bình", rồi cho Artembares ra về, còn các

người hầu, theo lệnh Astyages, dẫn Kyros vào trong. Khi người mục đồng chỉ còn lại một mình với nhà vua, Astyages hỏi anh ta có được đứa trẻ khi nào, và ai là người trao đứa bé cho anh ta. Người mục đồng liền trả lời cậu bé chính là con trai anh ta, còn mẹ cậu bé vẫn sống cùng anh ta, và là vợ anh ta. Nhưng Astyages nói người mục đồng đang xử sự thiếu khôn ngoan khi muốn phải chịu những cực hình cần thiết phải viện đến. Vừa nói, nhà vua vừa ra hiệu cho các tay giáo cận vệ của mình bắt lấy người mục đồng. Anh này, khi bị điệu đi tra tấn đã khai ra sự thật: Anh ta thuật lại tất cả từ đầu đến cuối, nói ra toàn bộ sự thật, và kết thúc bằng lời khẩn cầu nhà vua ân xá cho mình.

117. Khi người mục đồng đã nói ra sự thật, Astyages không còn mấy bận tâm tới anh ta, song nhà vua trở nên rất bất bình với Harpagos và sai cận vệ triệu ông ta tới. Khi Harpagos đến diện kiến, Astyages hỏi ông ta: "Harpagos, ngươi đã triệt hạ đứa trẻ ta giao cho ngươi, vốn do con gái ta sinh ra, bằng cái chết như thế nào?" và Harpagos, thấy người mục đồng đang có mặt trong cung điện, đã không hề tìm cách nói dối để tránh bị phát giác và kết tội, mà trả lời như sau: "Tâu bệ hạ, ngay khi nhận lấy đứa trẻ, thần đã tìm kiếm lời khuyên và cân nhắc nên làm thế nào để thi hành ý chỉ của bệ hạ, và làm cách nào để không bất tuân mệnh lệnh của bệ hạ mà thần vẫn không phạm phải tội giết người với công chúa và với chính bệ hạ. Vì vậy thần đã làm thế này: Thần gọi người mục đồng này đến và giao lại đứa trẻ cho anh ta, nói trước hết rằng bệ hạ lệnh cho anh ta giết nó – và ít nhất trong chuyện này thần đã không nói dối, vì bệ hạ có hạ lệnh như vậy. Thần giao đứa trẻ cho người đàn ông kia và lệnh cho anh ta bỏ nó lại trên một ngọn núi hoang vu, rồi ở lại trông chừng, theo dõi đứa trẻ cho tới khi nó chết, đồng thời thần đã đe dọa anh ta bằng đủ thứ hình phạt nếu không hoàn thành việc này. Anh ta đã làm những gì được lệnh phải làm và đứa trẻ đã chết, thần đã cử những hoạn quan thân tín nhất đi giám sát, và thông qua chúng, thần đã chứng kiến xác đứa trẻ và chôn cất nó. Tâu bệ hạ, câu chuyện đã diễn ra như thế, và đứa trẻ đã chết theo cách thần vừa thuật lại".

118. Harpagos tuyên bố sự thật là vậy, và Astyages cố nén cơn thịnh nộ vì những gì đã xảy ra, rồi trước hết ông kể lại sự thật như ông đã biết từ người mục đồng, và kết thúc bằng việc nói rằng đứa trẻ vẫn còn sống, và rằng những gì đã xảy ra thật hay, "vì", Astyages nói tiếp, "ta đã bất an rất nhiều vì những gì đã làm với đứa trẻ này, và ta nghĩ mối bất hòa ta phải chịu đựng với con gái ta cũng không phải chuyện dễ chịu gì. Thế nên ta nghĩ đây là một thay đổi may mắn của số mệnh, và ngươi trước hết hãy sai con trai ngươi tới bên cậu bé vừa mới tới đây, rồi sau đó, vì ta định sẽ

dâng lễ cảm tạ chư vị thần linh vì đã gìn giữ tính mạng cho đứa trẻ, ngươi hãy tới đây dùng bữa tối cùng ta".

119. Khi Harpagos nghe được những lời này, ông ta liền tạ ơn nhà vua và vô cùng phấn khởi khi thấy sự phạm thượng của mình cuối cùng lại có lợi cho ông ta, hơn thế còn được mời dự bữa tối cùng nhà vua đang vui vẻ, và về nhà trong tâm trạng đó. Sau khi đi thẳng về nhà, ông ta liền cho gọi con trai tới, vì Harpagos chỉ có độc nhất cậu con trai mới chừng 13 tuổi, và bảo con trai tới cung điện của Astyages rồi tuân theo những gì nhà vua ra lệnh. Còn bản thân ông ta cực kỳ hân hoan kể lại với bà vợ những gì vừa xảy đến với mình. Song Astyages, khi con trai Harpagos tới nơi, đã cắt cổ cậu thiếu niên và chặt cậu ta thành từng khúc, rồi nướng một phần thịt, luộc phần còn lại, và chế biến cho bữa ăn. Khi đến bữa tối và các vị khách, trong đó có cả Harpagos, đều đã có mặt, trước mặt các vị khách khác và trước mặt chính Astyages, thịt cừu được bày ra, song trước mặt Harpagos được bày ra lại là thịt của chính con trai ông này, tất cả ngoại trừ cái đầu, hai bàn tay và đôi bàn chân, những phần này được để riêng một bên trong một cái giỏ và đậy kín. Thế rồi khi Harpagos dường như đã no nê, Astyages hỏi ông có vừa lòng với bữa tiệc hay không. Khi Harpagos nói ông ta vô cùng hài lòng, những người được giao thực hiện việc này liền mang tới cho ông ta cái đầu cùng bàn chân bàn tay của con trai ông ta được che kín trong giỏ. Đứng cạnh vị khách, họ mời ông này mở lớp phủ và lấy ra thứ gì ông ta muốn từ trong giỏ. Khi Harpagos tuân theo và mở giỏ ra, ông ta nhìn thấy những gì còn lại của con trai mình, và không bị sự bàng hoàng làm mất lý trí trước những gì trông thấy, ông ta vẫn kìm mình. Astyages hỏi ông ta có nhận ra mình vừa ăn thịt loài vật nào không, Harpagos trả lời ông ta có nhận ra, và bất cứ điều gì nhà vua làm cũng đều khiến ông ta vui vẻ. Sau khi trả lời như vậy và mang những phần xương thịt còn lại, ông ta trở về nhà. Kế đó, tôi đoán ông ta đã tập trung những phần thi thể đó lại với nhau và đem chôn cất.

120. Astyages đã trừng phạt Harpagos như vậy. Còn về Kyros, nhà vua ngẫm nghĩ rồi triệu các Magoi đã giải mộng cho ông. Khi họ tới, Astyages hỏi họ đã đưa ra lời luận giải nào cho giấc mơ của ông, và họ nói hệt như trước, rằng đứa trẻ sẽ trở thành vua nếu còn sống. Nhà vua liền trả lời họ thế này: "Đứa trẻ vẫn chưa chết, và trong khi nó sống ở vùng thôn quê, lũ trẻ trong làng đã tôn nó lên làm vua, và nó đã thực hiện tất cả những gì các vị vua vẫn làm; vì thằng bé đã thực thi việc cai trị, chỉ định những đứa trẻ khác làm cận vệ, người canh cửa, tín sứ và tất cả các chức hầu cận khác. Vì thế, bây giờ theo các ngươi những điều này có ý nghĩa gì?" Các Magoi đáp: "Nếu đứa trẻ vẫn còn sống và đã trở thành vua

mà không có sự sắp đặt nào trước, xin bệ hạ hãy an tâm về cậu bé và can đảm lên, vì cậu bé sẽ không thể trở thành vua lần thứ hai, do thậm chí có những lời tiên tri của chúng tôi kết cục cũng rất bình thường, và ít nhất những gì liên quan tới các giấc mơ thường chỉ kết thúc bằng một thành quả tầm thường". Astyages trả lời như sau: "Hỡi các Magoi, bản thân ta cũng gần như sẵn lòng tin là vậy, cụ thể là vì đứa trẻ được gọi là vua trong giấc mơ đã được làm vua, nó giờ đây không còn là một mối nguy hiểm cho ta nữa. Dẫu vậy, hãy dành cho ta lời khuyên, sau khi các ngươi đã cân nhắc kỹ càng xem làm thế nào sẽ là an toàn nhất cho cả gia tộc ta lẫn cho các ngươi". Để đáp lại, các Magoi nói: "Tâu bệ hạ, với cả chúng tôi nữa, ngai vàng của người vững chãi cũng sẽ rất quan trọng với chúng tôi. Vì nếu khác đi, quyền bính sẽ bị chuyển sang tay những người xa lạ, những kẻ sẽ tới cùng đứa trẻ vốn là người Ba Tư này, khi đó chúng ta, những người Media, sẽ trở thành nô lệ và không còn là gì trong mắt người Ba Tư, vì chúng ta thuộc về nòi giống khác. Song chừng nào bệ hạ, một người thuộc nòi giống chúng ta, còn là vua của chúng tôi, chúng tôi vừa có phần quyền lực của mình vừa nhận được ân huệ lớn lao từ bệ hạ. Do đó, bằng mọi cách, chúng tôi nhất thiết phải lo lắng cho bệ hạ và ngôi báu của người. Và lúc này đây, nếu chúng tôi thấy trong chuyện này bất cứ điều gì đáng lo ngại, chúng tôi chắc chắn sẽ báo trước cho bệ hạ. Song vì giấc mơ đã hoàn tất điềm báo của nó một cách tầm thường, tất cả chúng tôi đều đầy hân hoan và chúng tôi kính mong bệ hạ hãy cũng như thế. Còn về đứa bé, hãy đuổi nó đi khuất mắt bệ hạ, cho nó trở về Ba Tư cùng bố mẹ".

121. Nghe đến đây, Astyages vô cùng hân hoan, rồi gọi Kyros tới, và nói với cậu thế này: "Con trai, ta đã đối xử bất công với ngươi vì điềm báo của một giấc mơ vốn đã không thành hiện thực, nhưng ngươi dẫu vậy vẫn còn sống nhờ số mệnh của chính ngươi. Thế nên, giờ ngươi hãy bình yên trở về miền đất của người Ba Tư, và ta sẽ phái người đi cùng để dẫn đường cho ngươi. Khi tới đó, ngươi sẽ tìm thấy một người cha và một người mẹ không giống như gã mục đồng Mitradates và vợ hắn".

122. Nói xong, Astyages cho Kyros rời đi, cậu quay về nhà Kambyses và được cha mẹ tiếp đón. Sau đó, khi họ biết cậu là ai, họ hân hoan chào mừng con trai thật linh đình, vì họ nghĩ rằng con trai họ đã chết ngay sau khi chào đời, rồi hỏi xem cậu đã sống sót như thế nào. Cậu kể cho cha mẹ nghe, nói rằng trước đó cậu không hề biết mà hoàn toàn nhầm lẫn về thân thế của mình. Tuy thế, trên đường về cậu đã biết được tất cả về vận mệnh của mình. Cậu vốn tin chắc mình là con trai người mục đồng của Astyages, song từ sau khi bắt đầu chuyến đi từ thành phố, cậu đã biết được

toàn bộ sự thật từ những người đưa mình đi. Cậu cho hay đã được nuôi nấng bởi vợ người mục đồng, và cứ thế tiếp tục ca ngợi bà này, khiến cho Kyno trở thành nhân vật chính trong câu chuyện cậu kể. Khi cha mẹ cậu biết được cái tên này từ con trai, và nhằm mục đích để con trai họ có thể được người Ba Tư tin là đã được hộ mệnh theo một cách siêu nhiên hơn, họ liền dựng lên câu chuyện kể rằng Kyros khi bị bỏ rơi đã được một con chó cái cho bú, và truyền thuyết này đã bắt nguồn từ tin đồn kể trên.

123. Khi Kyros đã trưởng thành, và là người can đảm nhất, được yêu quý nhất trong tất cả thanh niên đồng trang lứa, Harpagos liền tìm cách kết thân với chàng trai và tặng anh những món quà, vì ông ta khao khát muốn trả thù Astyages. Và ông ta nhận thấy sự trừng phạt giáng xuống đầu Astyages không thể tới từ chính mình, vốn chỉ có địa vị bình dân. Nhưng khi ông ta thấy Kyros trưởng thành, Harpagos nuôi ý đồ biến chàng thanh niên thành đồng minh khi nhận ra sự tương đồng giữa vận hội của Kyros và của chính mình.

Vì Astyages đã cai trị hà khắc với người Media, Harpagos liền liên lạc với nhiều quý tộc Media, rồi thuyết phục họ chọn Kyros làm thủ lĩnh và phế truất Astyages. Khi đã thực hiện xong việc này và tất cả đã sẵn sàng, Harpagos mong muốn tiết lộ ý định của ông ta với Kyros, người đang sống giữa những người Ba Tư, ông ta không còn cách nào khác, vì các tuyến đường đều bị giám sát, ngoài nghĩ ra một mưu kế như sau: Ông ta chuẩn bị sẵn sàng một con thỏ rừng, sau khi mổ bụng con vật nhưng vẫn để nguyên bộ lông, ông ta nhét vào trong bụng nó một mảnh giấy, trên đó viết rõ những gì ông ta nghĩ cần thiết. Rồi Harpagos khâu bụng con thỏ rừng lại, đưa cho người hầu ông ta tin cẩn nhất cùng với tấm lưới để làm như thể anh hầu là một thợ săn, Harpagos liền phái người này tới vùng đất của người Ba Tư, căn dặn người hầu hãy trao con thỏ cho Kyros và bảo chàng thanh niên tự tay mổ nó ra, đồng thời không để ai khác có mặt khi anh làm việc này.

124. Tất cả diễn ra trót lọt, và Kyros, sau khi nhận được con thỏ rừng từ tay người hầu, liền mổ bụng nó ra. Tìm thấy mảnh giấy, chàng thanh niên lấy ra và đọc. Trên tờ giấy có viết như sau: “Hỡi con trai Kambyses, các vị thần đã phù hộ cho ngài, vì nếu không phải vậy ngài đã chẳng thể có nổi vận may lớn đến thế. Vì vậy, ngài hãy báo thù Astyages, thủ phạm muốn ám hại ngài, vì nếu mọi việc diễn ra đúng theo ý nguyện của y, ngài đã chết rồi, và ngài chỉ còn sống nhờ vào sự bảo vệ của các vị thần và của tôi. Điều này tôi nghĩ ngài đã biết trọn vẹn từ lâu, cả những gì đã xảy đến với ngài, lẫn những gì tôi đã phải chịu đựng từ tay Astyages vì

tôi đã không sát hại ngài mà trao ngài cho người mục đồng. Vì thế, nếu ngài chấp nhận làm theo lời tôi, ngài sẽ trở thành người cai trị toàn bộ đế quốc của Astyages. Hãy thuyết phục người Ba Tư nổi dậy, và huy động tất cả quân đội tiến đánh người Media. Và cho dù sẽ là tôi được chỉ định thống lĩnh đội quân chống lại ngài hay bất cứ người Media nào khác ít nhiều có tiếng tăm, ngài sẽ có được điều ngài mong muốn. Vì đây sẽ là những người đầu tiên tìm cách tiêu diệt Astyages, nổi dậy chống lại y và về phe ngài. Ngài hãy biết là ít nhất ở đây tất cả đã sẵn sàng, và do đó hãy làm những gì cần thiết và khẩn trương lên".

125. Kyros, sau khi đọc bức thư, bắt đầu cân nhắc xem bằng cách nào ông có thể thuyết phục người Ba Tư nổi dậy một cách khéo léo nhất, và sau khi cân nhắc, ông nhận ra đây là cách thuận tiện nhất, và trên thực tế đã làm như sau: Thoạt đầu, ông viết lên giấy những gì muốn nói ra, rồi triệu tập hội nghị của người Ba Tư. Tại đó, ông lấy tờ giấy ra, đọc những gì viết trên đó, rằng Astyages đã phong ông làm tư lệnh của người Ba Tư; "và giờ, hỡi những người Ba Tư", ông nói tiếp, "ta lệnh cho các ngươi tới gặp ta, mỗi người mang theo một lưỡi liềm". Kyros sau đó tuyên cáo chức chỉ huy này.

Khi đó ở Ba Tư có nhiều bộ lạc, một số được Kyros tập hợp lại và thuyết phục nổi dậy chống lại Media, đó là những bộ lạc mà tất cả những người Ba Tư khác đều dựa vào, gồm người Pasargadai, Maraphioi và Maspioi, trong đó người Pasargadai là cao quý nhất, xuất thân từ họ gồm cả thị tộc Akhaimenidai, dòng dõi của các vua Perseidai. Các bộ lạc Ba Tư khác gồm người Panthialaioi, Derousiaioi và Germanioi, tất cả đều là nông dân; còn lại là các bộ lạc du mục, gồm Daoi, Mardoi, Dropikoi và Sagartioi.

126. Có một vùng trên lãnh thổ Ba Tư mọc đầy cây gai, trải rộng chừng 18 hay 20 *stadia* theo mỗi hướng, và khi tất cả đã đem theo lưỡi hái đến nơi, Kyros lệnh cho họ phát quang vùng đất này để trồng trọt trong một ngày. Và khi người Ba Tư đã hoàn thành công việc, ông liền yêu cầu họ hôm sau phải đến trình diện ông sau khi đã tắm rửa sạch sẽ. Trong lúc đó, Kyros sau khi đã tập trung lại một chỗ tất cả đàn dê, cừu và bò của cha mình, giết thịt chúng rồi nấu nướng để thết đãi đám đông người Ba Tư cùng với rượu vang và những loại thức ăn ngon lành khác. Vì thế, khi những người Ba Tư quay trở lại vào ngày hôm sau, ông mời họ ngồi xuống một bãi cỏ và thết đãi họ. Khi họ đã dùng bữa xong, Kyros liền hỏi họ rằng họ thích những gì từng có hôm trước hay những gì đang có lúc này hơn. Họ nói rằng sự khác biệt là rất lớn, vì hôm trước với họ chẳng có gì ngoài khổ ải, còn hôm nay chỉ toàn điều tốt đẹp. Nhận

được câu trả lời này, Kyros liền tiết lộ toàn bộ mưu kế của mình, nói rằng: "Hỡi người Ba Tư, sẽ là như vậy với các ngươi. Nếu các ngươi chịu làm như ta nói, các ngươi sẽ có tất cả những thứ này cùng vô vàn thứ tốt lành khác, và không phải chịu lao động khổ sai nữa; nhưng nếu các người không làm theo lời ta, các người sẽ phải lao động khổ cực hết ngày này qua ngày khác. Vì thế, bây giờ hãy làm như ta nói và giành lấy tự do cho chính mình: vì ta nhận ra ta đã được định mệnh sinh ra để thực hiện việc này; và ta nghĩ các người không tệ hơn người Media, về chiến trận cũng như về bất cứ điều gì khác. Hãy cân nhắc việc này, và lập tức nổi dậy chống lại Astyages".

127. Vậy là người Ba Tư có được một thủ lĩnh sẵn sàng tranh đấu để giành tự do cho họ, trong khi bản thân họ đã từ lâu sẵn sàng làm điều đó, xuất phát từ sự phẫn nộ khi bị người Media cai trị. Nhưng khi Astyages nghe tin Kyros hành động như vậy, ông liền phái một sứ giả tới triệu ông ta. Kyros yêu cầu sứ giả về nói lại với Astyages rằng ông sẽ tới đó sớm hơn Astyages mong muốn. Nghe thấy tin này, Astyages liền vũ trang cho toàn dân Media, và bị số mệnh làm mù quáng, nhà vua liền cử Harpagos chỉ huy đạo quân này mà quên mất những gì ông ta đã làm với người này. Sau đó, khi người Media xung trận và bắt đầu giao chiến với người Ba Tư, một số trong họ tiếp tục chiến đấu, chính là những người không tham gia vào âm mưu, trong khi số khác đào ngũ sang phía Ba Tư; song phần lớn cố ý rã hàng và bỏ chạy.

128. Sau khi quân đội Media đã bị tan rã một cách ô nhục như vậy, ngay lúc biết tin, Astyages liền buông lời đe dọa Kyros: "Nhưng ít nhất Kyros sẽ không thoát được sự trừng phạt". Nói xong, nhà vua trước hết cho đóng cọc các Magoi đã thuyết phục ông ta để Kyros ra đi, rồi vũ trang cho những người Media còn lại trong thành phố, cả già lẫn trẻ. Nhà vua dẫn những người này ra ngoài thành phố và giao chiến với người Ba Tư, bị họ đánh bại, và bản thân Astyages bị bắt sống, đồng thời cũng mất luôn những chiến binh Media ông ta đã dẫn ra trận.

129. Khi Astyages đã trở thành tù nhân, Harpagos tới đứng gần ông ta, vui mừng giễu cợt và sỉ nhục ông ta; bên cạnh những lời lẽ khác để giày vò ông vua thất thế, Harpagos hỏi ông ta thấy vui vẻ thế nào khi trở thành nô lệ thay vì vua, ám chỉ bữa dạ tiệc nơi Astyages đã bắt Harpagos phải ăn thịt chính con trai mình. Astyages liền nhìn Harpagos, hỏi lại liệu cuộc tạo phản của Kyros có phải do ông ta xúi giục hay không. Harpagos trả lời vì chính ông ta đã viết lá thư, đương nhiên cuộc nổi dậy là công của ông ta. Astyages liền tuyên bố Harpagos vừa là kẻ vụng về nhất vừa là kẻ

bất công nhất; vụng về nhất vì khi ông ta nắm trong tay cơ hội để trở thành vua (thực vậy, nếu cuộc nổi dậy vừa diễn ra đúng là do Harpagos gây nên), ông ta lại giao quyền lực tối cao vào tay một người khác, và bất công nhất vì để trả thù buổi dạ tiệc, ông ta đã đẩy người Media vào cảnh nô lệ. Vì nếu Astyages nhất định phải trao vương quốc vào tay người khác, sẽ công bằng hơn nếu quyền lực được trao cho một người Media thay vì một người Ba Tư; thay vì thế, hiện tại người Media, vốn vô tội, lại trở thành nô lệ thay vì là chủ nhân, còn những người Ba Tư trước đây từng là nô lệ của người Media lại trở thành chủ nhân của họ.

130. Vậy là sau 35 năm tại vị, Astyages mất ngôi báu; và người Media phải gồng mình dưới ách thống trị của người Ba Tư chỉ vì sự tàn nhẫn của chính Astyages, sau khi họ đã thống trị châu Á nằm ở phía trên sông Halys trong 128 năm, ngoại trừ quãng thời gian người Skythia nắm quyền thống trị. Tuy nhiên, sau đó họ trở nên phẫn nộ với ách thống trị này, và nổi dậy dưới thời Dareios, rồi bị đánh bại và bị khuất phục một lần nữa. Còn vào thời điểm tôi đang kể dưới thời trị vì của Astyages, người Ba Tư dưới quyền Kyros đã nổi dậy chống lại người Media, rồi từ đó trở đi trở thành bá chủ châu Á; về phần Astyages, Kyros không làm hại gì vị vua bại trận mà giữ ông này lại bên cạnh cho tới khi ông ta qua đời.

Vậy là Kyros, được sinh ra và nuôi dạy như đã thuật lại ở trên, trở thành vua. Sau đó, ông đã khuất phục Kroisos, người đã khơi mối bất hòa đầu tiên như tôi đã kể lại trước đó. Sau khi khuất phục Kroisos, ông cai trị toàn châu Á.

131. Theo những gì tôi biết, đây là các phong tục người BaTư thực hiện: Họ không coi việc xây dựng các tượng, đền và ban thờ là hợp pháp, thậm chí còn coi những ai làm vậy là điên rồ; và theo tôi nghĩ, nguyên do của việc này là vì họ không coi các vị thần có hình dáng giống con người như người Hy Lạp vẫn nghĩ. Nhưng họ có thói quen thực hiện các lễ hiến sinh cho Zeus ở trên đỉnh những ngọn núi cao nhất, và họ gọi cả vòng trời là Zeus: và họ hiến sinh dâng lên Mặt trời, Mặt trăng và Trái đất, Lửa, Nước và Gió. Đó là tất cả những vị thần họ dâng lễ hiến sinh từ tận xa xưa thuở ban đầu; sau này họ cũng hiến sinh dâng lên Aphrodite Ourania, tiếp thu sự thờ phụng này từ cả người Assyria lẫn người Arabia; và người Assyria gọi Aphrodite là Mylitta, người Arabia gọi nữ thần là Alilat, và người Ba Tư gọi là Mitra.

132. Sau đây là cách việc hiến sinh cho các vị thần kể trên được thiết lập ở người Ba Tư: Họ không dựng các ban thờ và cũng không đốt lửa; và khi họ làm lễ hiến sinh, họ không rưới rượu lễ

hay cử nhạc bằng sáo hay tràng hạt hay rải đồ ăn; mà khi một người muốn dâng lễ hiến sinh lên bất cứ vị thần nào, anh ta dắt con vật dùng để hiến sinh tới một nơi thanh tịnh và khẩn cầu vị thần, sau khi đã đội lên đầu một chiếc vòng thường được kết từ một cành sim. Người dâng lễ hiến sinh không được xin những điều tốt đẹp cho riêng mình trong lời cầu nguyện, mà người đó cầu nguyện mong sao mọi thứ đều tốt đẹp với mọi người Ba Tư và với nhà vua; vì bản thân anh ta tất nhiên cũng thuộc về toàn thể dân tộc Ba Tư. Sau khi đã chặt tế vật ra từng khúc rồi luộc thịt, anh ta rải một lớp cỏ tươi nhất, đặc biệt là cỏ ba lá, rồi bày những tảng thịt lên; và khi người dâng lễ đã bày lễ vật theo thứ tự, một Magos đứng cạnh lễ vật và khấn một bài tụng (họ gọi bài khấn của mình như vậy), và với người Ba Tư nếu không có một Magos họ sẽ không thể dâng lễ hiến sinh một cách hợp pháp. Sau khi đã chờ đợi một thời gian ngắn, người dâng lễ mang thịt về và dùng cho bất cứ mục đích nào anh ta muốn.

133. Trong tất cả các ngày, tập tục của họ là mỗi người trân trọng nhất sinh nhật của chính mình: Vào ngày này họ cho rằng tổ chức một buổi tiệc tùng thoải mái hơn những ngày khác là hợp lý. Trong bữa tiệc đó, những người giàu có bày lên bàn tiệc một con bò đực hay một con ngựa hoặc một con lạc đà, hoặc một con lừa, được nướng nguyên con trong một cái lò, còn những người nghèo ăn những con vật nhỏ hơn được nướng theo cùng cách. Họ ăn ít thịt, nhưng lại có nhiều món tráng miệng được dọn ra, và những món này không được dọn ra cùng lúc; và vì lý do này người Ba Tư nói rằng người Hy Lạp rời bàn ăn tối khi vẫn còn đói, vì sau bữa tối người Hy Lạp chẳng có thứ gì đáng kể được dọn ra làm món tráng miệng, vì nếu có món tráng miệng nào ngon được dọn ra, hẳn họ đã không ngừng ăn sớm như vậy. Họ uống rất nhiều rượu vang, và một người đàn ông không được phép nôn hay đi tiểu trước mặt người khác. Người Ba Tư tuân thủ nghiêm chỉnh những điều này, và họ cũng thường bàn bạc trong khi uống rượu say sưa về những vấn đề quan trọng nhất của mình, và cho dù kết luận nào đã làm họ hài lòng sau khi bàn bạc, đến ngày hôm sau, khi họ tỉnh táo hơn, vị gia chủ nơi mọi người tình cờ đang có mặt sẽ mang những kết luận hôm trước ra trình bày trước họ để thảo luận. Nếu chúng vẫn làm họ hài lòng ngay cả khi tỉnh táo, họ sẽ chấp nhận chúng, nhưng nếu ngược lại, họ sẽ bỏ qua chúng; và những gì họ thảo luận ban đầu khi tỉnh táo, họ sẽ cân nhắc lại trong khi đang uống.

134. Khi người Ba Tư gặp nhau trên đường, ta có thể nhận ra liệu những người gặp nhau có địa vị ngang hàng hay không – vì thay vì chào hỏi bằng lời, họ hôn lên miệng nhau; nhưng nếu một trong hai người có địa vị thấp hơn một chút, họ hôn lên má nhau,

và nếu một người có dòng dõi thấp kém hơn người kia, người này sẽ quỳ xuống trước mặt và lạy người kia. Và sau bản thân họ, người Ba Tư trân trọng nhất những dân tộc ở gần họ nhất, rồi tiếp theo là cư dân sống tại những dân tộc gần kế tiếp, và cứ như thế, họ thể hiện sự trân trọng tương ứng theo khoảng cách; và họ ít coi trọng nhất những ai sống cách xa họ nhất, đánh giá bản thân họ là chủng tộc cao quý nhất trong số tất cả những chủng tộc về mọi mặt, và nghĩ rằng những chủng tộc khác có giá trị tương ứng với khoảng cách như đã kể ở trên, và những người sống cách xa họ nhất là kém cỏi nhất.

Và dưới quyền thống trị của người Media, các dân tộc khác nhau cũng đã từng thống trị lẫn nhau theo cùng phương thức được người Ba Tư tuân thủ khi thể hiện sự trân trọng, người Media cai trị tất cả và đặc biệt là những tộc người sống gần họ nhất, và những tộc người này lại cai trị những tộc người ở kề bên họ; vì các tộc người cứ tiến dần như vậy từ chỗ được người Media cai trị trực tiếp tới được cai trị qua các tộc người khác.

135. Người Ba Tư chấp nhận những phong tục ngoại quốc hơn bất cứ tộc người nào khác, vì họ vừa mặc trang phục của người Media, cho rằng thứ trang phục này bắt mắt hơn trang phục của chính họ, và vừa chiến đấu với áo giáp Ai Cập. Hơn thế, họ du nhập mọi thứ xa xỉ khi họ nghe nói về chúng, và đặc biệt họ đã học từ người Hy Lạp lạc thú với các bé trai. Đàn ông Ba Tư kết hôn với vài người vợ hợp pháp, và họ cũng có số lượng tỳ thiếp lớn hơn nhiều.

136. Họ cho rằng khả năng sinh được nhiều con trai là một dấu hiệu về nam tính sau phẩm chất trận mạc; và với những người có nhiều con trai nhất, hằng năm nhà vua đều gửi quà, vì họ coi số lượng là một nguồn gốc của sức mạnh. Và họ dạy dỗ con cái của mình, từ lúc lên năm tuổi và tiếp tục cho tới tận năm 20 tuổi, chỉ ba thứ: cưỡi ngựa, bắn cung và nói sự thật. Nhưng trước khi đứa bé trai tròn năm tuổi, cậu bé không gặp cha mình mà sống cùng những người phụ nữ; tập tục đó được thực hiện vì lý do rằng, nếu đứa trẻ qua đời trong khi đang được nuôi nấng, nó sẽ không khiến người cha đau buồn.

137. Tôi khen ngợi phong tục này của họ, cũng như phong tục được nhắc tới kế tiếp, cụ thể là việc ngay cả nhà vua cũng không được kết án tử hình bất cứ ai chỉ vì một tội trạng duy nhất, cũng như không người Ba Tư nào khác được trừng phạt bất cứ người hầu nào của mình đến mức gây thương tích không thể phục hồi chỉ vì một lỗi duy nhất, mà chỉ sau khi đã phát hiện ra rằng những tội lỗi người hầu phạm phải nhiều hơn về số lượng và lớn hơn lợi

ích người này đem lại, người chủ mới được trừng phạt.

Thêm nữa, họ quy định không ai được phép giết cha hay mẹ của chính mình, nhưng bất cứ khi nào xảy ra từng tội lỗi có vẻ mang bản chất này, nhất thiết cần phải điều tra để tìm ra hành động xuất phát từ việc đánh tráo con hoặc do những đứa trẻ sinh ra từ ngoại tình; vì theo người Ba Tư, thật vô lý khi cho rằng cha mẹ đẻ lại có thể bị giết bởi chính con trai của họ.

138. Bất cứ điều gì họ không được phép làm, họ thậm chí không được phép nói tới, và điều ô nhục nhất theo họ là nói dối; và kế tiếp là nợ tiền, vì nhiều lý do khác nhau, nhưng đặc biệt vì theo họ những người nợ tiền đôi khi cũng cần phải nói dối.

Và bất cứ ai trong thành phố bị bệnh hủi hay bạch tạng, người này không được vào một thành phố hay sống lẫn cùng những người Ba Tư khác; và người Ba Tư cho rằng người mặc những bệnh này là vì đã xúc phạm Mặt Trời theo cách nào đó. Nhưng một người lạ mặt mắc những bệnh này ở nhiều vùng sẽ bị đuổi hẳn khỏi vùng, và những con bồ câu trắng cũng bị xua đuổi tương tự, vì họ cũng có ngờ vực tương tự với chúng.

Họ không bao giờ tiểu tiện hay khạc nhổ xuống một dòng sông, cũng không bao giờ rửa tay dưới sông, hay cho phép bất cứ ai khác làm những việc này, vì họ rất tôn kính các dòng sông.

139. Thêm nữa, có một điều này đặc biệt ở họ mà chính người Ba Tư cũng không nhận ra nhưng tôi đã không bỏ qua: Tên của họ, được đặt tương ứng với hình dáng cơ thể hay mức độ danh giá về địa vị của họ, tất cả đều kết thúc bằng cùng mẫu tự, chữ cái đó người Doris gọi là *san*, còn người Ionia gọi là *sigma*. Điều này các vị sẽ thấy nếu các vị xem xét vấn đề, nghĩa là tất cả những cái tên Ba Tư không kết thúc một số với mẫu tự này và số khác với mẫu tự khác, mà tất cả đều giống nhau.

140. Đó là những gì tôi có thể quả quyết từ hiểu biết của chính mình về họ. Song những gì được thuật lại tiếp theo về cái chết của họ, một bí mật được giữ kín và không được biết rõ ràng, cụ thể là thi thể một người Ba Tư sẽ không được chôn cất cho tới khi đã bị một con chim hoặc một con chó xâu xé (Tôi biết chắc chắn các Magoi theo phong tục này, vì họ thực hiện một cách công khai). Dù thế nào đi nữa, người Ba Tư dùng sáp phủ kín thi thể rồi sau đó chôn xuống đất.

Các Magoi khác biệt nhiều mặt so với những người khác, và cũng

khác với các tư tế Ai Cập: vì các tư tế Ai Cập coi việc không giết sinh vật khác ngoại trừ các tế vật là một vấn đề tâm linh, nhưng các Magoi tự tay giết mọi sinh vật ngoại trừ chó và người, và thậm chí họ còn coi đó là một mục đích lớn lao để hướng tới, họ giết cả kiến lẫn rắn cũng như các sinh vật biết bò và biết bay khác. Về phong tục này, hãy cứ để nó như vốn đã được thiết lập từ đầu, và bây giờ tôi sẽ trở lại với tường thuật trước đó.

141. Người Ionia và Aiolis, ngay khi người Lydia đã bị người Ba Tư khuất phục, đều phái sứ giả tới gặp Kyros ở Sardis, mong muốn trở thành thần dân của nhà vua theo cùng điều kiện như họ từng là thần dân của Kroisos. Và khi nhà vua nghe xong những gì các sứ giả tâu lên, ông kể với họ một câu chuyện ngụ ngôn, nói rằng có một người thổi sáo nhìn thấy những con cá dưới biển và thổi cây sáo của anh ta, cho rằng lũ cá sẽ lao lên bờ; nhưng thất vọng, anh ta liền lấy một tấm lưới đánh lấy rất nhiều cá rồi lôi chúng ra khỏi nước. Và khi trông thấy chúng quẫy trong lưới, anh ta nói với lũ cá: "Giờ ta yêu cầu các ngươi đừng có nhảy nữa, vì trước đó các ngươi đã không lên bờ và nhảy khi ta thổi sáo". Kyros kể câu chuyện ngụ ngôn này với các sứ giả Ionia và Aiolis vì người Ionia đã từ chối quy thuận trước đây, khi Kyros đích thân phái sứ giả tới đề nghị họ nổi dậy chống lại Kroisos, trong khi giờ đây, khi cuộc chinh phục đã hoàn tất, họ lại sẵn sàng quy phục.

Ông đã nói như thế với họ trong cơn giận dữ, và khi người Ionia biết tin liền xây thêm nhiều vòng thành quanh các thành phố này, rồi cùng nhau tập hợp tới Panionion, ngoại trừ người Miletos, vì riêng với những người này Kyros đã có thỏa ước với cùng điều kiện như người Lydia đã chấp nhận. Những người Ionia còn lại đồng thuận quyết định phái sứ giả tới Sparta để đề nghị người Sparta giúp đỡ họ.

142. Người Ionia tập trung tại Panionion đã may mắn xây dựng thành trì của họ ở những vị trí thuận lợi nhất về khí hậu và thời tiết trong tất cả những tộc người chúng ta biết. Vì cả các vùng nằm trên hay dưới Ionia, lẫn các vùng nằm về phía đông hay phía tây, đều không đâu có được điều kiện như tại Ionia; vì một số vùng quá lạnh và ẩm, một số khác lại quá nóng và khô.

Người Ionia không nói cùng một ngôn ngữ, họ có bốn phương ngữ khác nhau. Thành bang đầu tiên của họ nằm về phía nam là Miletos, rồi cạnh đó là Myous và Priene. Các đô thị tiếp sau đây tọa lạc tại Lydia: Ephesos, Kolophon, Lebedos, Teos, Klazomenai, Phokaia. Các đô thị này không có cùng ngôn ngữ với ba đô thị đã đề cập trước đó, song có cùng ngôn ngữ với nhau. Trong ba đô thị

còn lại, hai đô thị nằm trên các đảo Samos và Khios, và một trên đất liền, đó là Erythrai. Người Khios và Erythrai sử dụng cùng ngôn ngữ, nhưng người Samos lại có ngôn ngữ riêng. Kết quả là có bốn phương ngữ dị biệt.

143. Trong số các thành bang Ionia, Miletos được che chở khỏi nguy hiểm vì họ có thỏa ước; còn những người sống trên các đảo không có lý do gì để lo sợ, vì khi ấy người Phoinike vẫn chưa phải là thần dân của Ba Tư và bản thân người Ba Tư không thạo hàng hải. Người Miletos tách mình khỏi những người Ionia khác chỉ vì lý do này: Vào thời kỳ đó, toàn bộ đất Hy Lạp đều yếu đuối, nhưng trong tất cả các tộc người ở đây, người Ionia yếu đuối nhất và ít có ảnh hưởng nhất. Ngoại trừ Athenai, họ không có đô thị nào đáng kể. Vì thế những người Ionia khác, kể cả người Athenai, đều tránh tên gọi này, không muốn bị gọi là người Ionia, và ngay cả ngày nay tôi cũng nhận thấy phần lớn họ thấy xấu hổ về tên gọi ấy. Song 12 đô thị này không chỉ thể hiện sự kiêu hãnh của họ trước cái tên đó mà còn xây dựng riêng một ngôi đền, được họ đặt tên là Panionion, và họ quyết định không cho bất cứ người Ionia nào được có phần trong ngôi đền (mà trên thực tế cũng không có ai ngoài người Smyrna đề nghị được chia sẻ).

144. Cũng tương tự, người Doris ở Pentapolis (trước kia là Hexapolis) cẩn trọng không cho bất cứ người lân bang nào được vào ngôi đền Triopion, và thậm chí còn cấm luôn cả những người trong cộng đồng của chính họ đã phạm phải bất cứ hành vi nào xúc phạm tới ngôi đền. Chẳng hạn, trong các hội thi vinh danh thần Apollon Triopios, trước đây họ thường dùng những chiếc giá ba chân bằng thanh đồng làm giải thưởng cho những người chiến thắng, và quy định đòi hỏi những người nhận được phần thưởng không được mang chúng khỏi đền mà phải dâng chúng lên thần ngay tại đó. Khi đó có Agasikles thành Halikarnassos giành chiến thắng song không tuân thủ quy định này, mang giá ba chân về nhà rồi treo nó lên một cái đinh. Vì cớ này, năm đô thị Lindos, Ialysos, Kameiros, Kos và Knidos đã cấm Halikarnassos, đô thị Ionia thứ sáu, tiếp cận ngôi đền.

145. Họ áp dụng hình phạt này lên những người đó, song về phần người Ionia, tôi cho rằng lý do họ tập hợp từ 12 thành phố và không nhận thêm bất cứ thành phố nào khác vào cộng đồng của mình vì khi họ cư trú tại Peloponnesos, cộng đồng của họ có 12 vùng, cũng như ngày nay có 12 vùng của người Akhaia, những người đã xua đuổi người Ionia đi: Đầu tiên (bắt đầu từ phía Sikyon) là Pallene, rồi Aigeira và Aigai, nơi có sông Krathis không bao giờ cạn chảy qua (nhờ dòng sông này mà dòng sông ở Italia

được đặt tên tương tự), và Boura và Helike, nơi người Ionia đến tị nạn khi họ chiến bại trước người Akhaia, rồi Aigion, Rhypes, Patres, Phares và Olenos, nơi có dòng sông lớn Peiros chảy qua, và Dyme cùng Tritaies, chỉ vùng cuối cùng này có vị trí nội địa. Những vùng đất kể trên giờ đây tạo thành 12 xứ của người Akhaia, và trong quá khứ từng là các xứ của người Ionia.

146. Vì lý do này mà người Ionia cũng lập cho họ 12 đô thị; dù thế nào đi nữa, nói rằng những người này thuần Ionia hơn những người Ionia khác, hay có nguồn gốc cao quý hơn, là hoàn toàn điên rồ, nếu tính tới việc một phần lớn họ là người Abantes xuất thân từ Euboia, những người vốn thậm chí chẳng có chút gì chia sẻ cái tên Ionia, cũng như sống lẫn với họ còn có người Minyai từ Orkhomenos, cũng như người Kadmeioi, người Dryopes và người Phokis đã ly khai khỏi thành bang của họ và người Molossoi và người Arkadia gốc Pelasgoi và người Doris từ Epidauros cùng nhiều tộc người khác. Những người trong số họ đã từ Athenai ra đi để định cư ở những vùng đất mới và tự coi bản thân là cao quý nhất về xuất thân trong cộng đồng người Ionia, tôi xin nói là những người này đã không mang theo bất cứ phụ nữ nào tới nơi định cư của họ, mà đoạt lấy những phụ nữ Karia sau khi giết cha mẹ những người này. Và vì sự giết chóc này, những phụ nữ kể trên đặt ra với nhau một quy định, áp đặt với nhau một lời thề, rồi truyền lại với con gái họ, rằng họ sẽ không bao giờ ăn cùng với chồng, và một người vợ sẽ không gọi chồng bằng tên, vì lý do những người Ionia đã giết cha, chồng và con họ rồi sau đó đoạt họ làm vợ. Chuyện này diễn ra tại Miletos.

147. Hơn nữa, vài người trong số họ đã tôn các vị vua Lykia, hậu duệ của Glaukos con trai Hippolokhos, lên trị vì, trong khi những cộng đồng khác được trị vì bởi người Kaukones ở Pylos, hậu duệ của Kodros, con trai Melanthos, và còn những cộng đồng được cai trị bởi các vương tử mang hai dòng máu kết hợp. Vì những tộc người này gắn bó với tên gọi Ionia hơn những tộc người khác, nếu họ muốn hãy để họ được gọi là người Ionia thuần chủng; song trên thực tế tất cả đều là người Ionia có gốc gác từ Athenai và vẫn duy trì lễ hội Apatouria; và tất cả họ đều duy trì lễ hội này ngoại trừ người Ephesos và Kolophon, vì chỉ cư dân hai nơi này trong số các cộng đồng Ionia là không duy trì lễ hội Apatouria vì một vụ sát nhân đã xảy ra.

148. Trở lại với Panionion, đây là một thánh địa tọa lạc ở phía bắc Mykale, được tách riêng theo sự nhất trí giữa những người Ionia dành cho thần Poseidon Helikonios. Mykale là một mũi đất nhô ra từ đất liền chạy ra biển về phía tây về hướng Samos, nơi người

Ionia từ các thành phố của họ tập hợp lại thường tổ chức một lễ hội được gọi là Panionia. (Và không chỉ các lễ hội của người Ionia mà cả các lễ hội của tất cả người Hy Lạp đều tuân theo quy luật này, với tên gọi kết thúc bằng cùng mẫu tự, tương tự tên của người Ba Tư).

149. Đó là các đô thị Ionia. Còn các đô thị Aiolis gồm như sau: Kyme – cũng được gọi là Phrikonis, Larissa, Neonteikhos, Temnos, Killa, Notion, Aigiroessa, Pitane, Aigaiai, Myrina, Gryneia; đây là 11 đô thị cổ của người Aiolis, vì có một thành phố, Smyrna, đã bị người Ionia giành mất của họ, và trước đó số lượng của các đô thị này, đều ở nội địa, vốn cũng là 12. Và những người Aiolis này đã có may mắn định cư ở một vùng đất màu mỡ hơn lãnh thổ của người Ionia, nhưng lại ít ôn hòa hơn về khí hậu.

150. Người Aiolis đã để mất Smyrna theo cách như sau: Một số người xuất thân từ Kolophon, bị đánh bại trong xung đột phe phái và bị trục xuất khỏi thành bang họ, được Smyrna tiếp nhận cho tị nạn. Sau chuyện này, người Kolophon lưu vong lựa chọn một thời điểm khi cư dân Smyrna đang mừng một lễ hội của Dionysos ở bên ngoài tường thành, rồi họ đóng các cổng thành lại và chiếm lấy thành phố. Sau biến cố này, khi toàn bộ người Aiolis tới ứng cứu, họ thỏa thuận rằng người Ionia phải giao lại tất cả tài sản có thể di chuyển được, và đổi lại điều kiện này người Aiolis sẽ từ bỏ Smyrna. Khi các cư dân Smyrna thực hiện thỏa thuận, 11 thành phố còn lại chia nhau tiếp nhận họ và cho họ làm công dân của mình.

151. Và đó là những đô thị Aiolis lục địa, với ngoại lệ là các thành phố tọa lạc trên núi Ida, vì những thành phố này tách biệt khỏi các thành phố còn lại.

Còn về các đảo, có năm đô thị trên đảo Lesbos (vì đô thị thứ sáu, Arisba, đã bị người Methymna chinh phục và nô dịch, dù các công dân của thành phố kia cùng có cùng gốc gác như họ. Và trên đảo Tenedos có một thành phố, và một thành phố khác tọa lạc tại nơi được gọi là "Bách Đảo". Người Lesbos và Tenedos, giống như người Ionia sống trên các đảo, không có lý do gì để lo sợ; song những thành phố còn lại đã thống nhất đi theo sự dẫn dắt của người Ionia, dù họ có quyết định thế nào đi nữa.

152. Các sứ giả của người Ionia và người Aiolis tới Sparta (vì việc này đã được thực hiện một cách khẩn trương), họ chọn đại diện để trình bày cho mình là một người Phokaia có tên Pythermos. Ông này khoác lên mình một chiếc áo choàng màu tía để nhiều người

Sparta nhất có thể sẽ biết chuyện và tới dự, rồi sau khi đã được đưa vào hội nghị, ông ta nói hồi lâu, đề nghị người Sparta giúp đỡ họ. Tuy nhiên, người Lakedaimon không chịu lắng nghe, mà ngược lại, quyết định không giúp người Ionia. Vậy là các sứ giả quay về, còn người Lakedaimon, sau khi đã đuổi các sứ giả của người Ionia đi, vẫn phái người đi trên một chiếc *pentekonteros*[1] để, như tôi hình dung, tìm hiểu về tình hình của Kyros và người Ionia. Những người này, khi tới Phokaia, liền cử tới Sardis người tiếng tăm nhất trong số họ, Lakrines, để thông báo với Kyros thông điệp của người Lakedaimon, đề nghị ông không làm tổn hại bất cứ thành phố nào của Hy Lạp, vì họ sẽ không dung thứ điều đó.

---

1. *pentekonteros* (sn: *pentekonteroi*): Một loại thuyền có 50 mái chèo bố trí dọc theo hai bên mạn, thường có thêm một cột buồm để tận dụng sức gió.

---

153. Sau khi vị sứ giả đã nói như vậy, người ta kể rằng Kyros đã hỏi những người Hy Lạp hầu cận bên ông xem người Lakedaimon là những người như thế nào, số lượng bao nhiêu mà dám tuyên bố như vậy với ông. Sau khi nghe câu trả lời từ những người này, nhà vua nói với sứ giả Sparta: "Chưa bao giờ ta từng sợ ai đó như những con người này, những người có một địa điểm được ấn định ở giữa thành phố của họ để tại đó họ tập hợp lại và lừa gạt lẫn nhau bằng những lời thề dối trá; và nếu ta tiếp tục khỏe mạnh, thì không chỉ sự bất hạnh của những người Ionia sẽ là một chủ đề bàn luận cho họ, mà là nỗi bất hạnh của chính họ". Những lời này Kyros đã nói ra đầy khinh miệt để ám chỉ người Hy Lạp nói chung, vì họ có những khu chợ cùng thói quen mua bán tại đó, còn người Ba Tư không quen dùng tới chợ và cũng không hề có các khu chợ.

Sau việc này, nhà vua giao lại quyền cai quản Sardis cho Tabalos, một người Ba Tư, còn vàng của Kroisos và của những người Lydia khác được nhà vua giao cho Paktyes, một người Lydia, quản lý, trong khi bản thân ông hành quân tới Ekbatana, đem theo Kroisos và trong lúc này không bận tâm tới những người Ionia. Bởi vì Babylon nằm trên lộ trình của ông, cũng như người Baktria, người Sakai và người Ai Cập. Để chinh phục họ, ông dự định đích thân xuất chinh, trong khi phái một viên tướng khác tấn công người Ionia.

154. Nhưng khi Kyros hành quân khỏi Sardis, Paktyes kích động người Lydia nổi dậy chống lại Tabalos và Kyros. Ông này đi ra

biển, và nắm trong tay tất cả số vàng hiện có tại Sardis, ông ta mộ lính đánh thuê cho mình, đồng thời thuyết phục cư dân vùng bờ biển gia nhập cuộc chinh phạt của ông. Vậy là Paktyes tiến đánh Sardis và vây hãm Tabalos, người đã đóng cổng cố thủ trong thành.

155. Biết tin này trên đường, Kyros đã nói với Kroisos như sau: "Kroisos, ta sẽ thấy kết cục nào cho những điều vừa diễn ra đây? Người Lydia dường như sẽ không thôi việc gây phiền phức cho ta và cho chính họ. Ta tự hỏi liệu tốt nhất có phải là bán tất cả chúng làm nô lệ hay không. Vì như hiện tại, ta thấy ta đã xử sự như một kẻ đã giết người cha rồi sau đó tha mạng cho những đứa con trai. Cũng như thế, ta đã bắt ngươi làm tù binh và mang ngươi đi, trong khi ngươi còn hơn cả một người cha với người Lydia, trong khi với chính người Lydia ta lại trả thành phố lại cho họ. Liệu ta có thể cảm thấy ngạc nhiên hay không nếu sau việc này họ nổi dậy chống lại ta?" Nhà vua đã nói ra những ý nghĩ trong đầu như thế, còn Kroisos đã trả lời ông như sau, e sợ nhà vua sẽ hủy diệt Sardis: "Tâu bệ hạ, những lời ngài nói không phải không có lý; nhưng xin ngài đừng để cơn thịnh nộ chi phối hoàn toàn hay phá hủy một cổ thành vốn vô tội cả trong những việc trước đây lẫn trong những gì hiện đang xảy ra; vì về phần những việc trước đây, chính thần là người đã gây ra và thần phải gánh chịu những hậu quả đã giáng xuống đầu mình; còn về phần những gì hiện đang xảy ra, vì kẻ phạm tội là Paktyes, người bệ hạ đã tin tưởng giao phó Sardis, hãy để y phải trả giá. Nhưng thần cầu xin bệ hạ hãy ân xá cho người dân Lydia, và hãy ra lệnh cho họ như sau, để họ sẽ không nổi loạn hay là một mối nguy cơ cho ngài nữa: Hãy phái người tới gặp họ và cấm họ sở hữu binh khí, nhưng mặt khác hãy yêu cầu họ mặc áo tunic bên dưới áo ngoài và đi ủng của diễn viên kịch, và yêu cầu họ dạy con trai của họ chơi đàn lyra, đàn hạc và trở thành thương nhân; và ngài sẽ sớm thấy thôi, tâu bệ hạ, rằng họ đã trở thành đàn bà, và sẽ không còn phải lo sợ họ nổi dậy chống lại ngài nữa".

156. Kroisos đã đề xuất với nhà vua như thế, nhận thấy rằng như vậy với người Lydia còn tốt hơn là bị biến thành nô lệ và bị bán đi; vì ông biết nếu ông không đưa ra một lý do đầy đủ, ông sẽ không thể thuyết phục Kyros đổi ý, và ông sợ rằng rất có thể trong tương lai, nếu họ thoát được sự nguy hiểm hiện tại, người Lydia sẽ lại nổi dậy chống người Ba Tư và bị hủy diệt. Và Kyros rất hài lòng với đề xuất được đưa ra, dịu cơn thịnh nộ rồi tán thành lời khuyên của Kroisos. Sau đó nhà vua triệu tới Mazares, một người Media, và giao cho ông này việc tuyên cáo cho người Lydia những điều Kroisos đã đề xuất, cùng việc đem bán làm nô lệ tất cả những kẻ khác đã gia nhập với người Lydia trong cuộc tấn công Sardis, và

cuối cùng bằng mọi giá mang Paktyes còn sống về cho Kyros.

157. Sau khi đã ra lệnh như vậy trên đường, Kyros tiếp tục hành quân về lãnh thổ Ba Tư. Song Paktyes, khi nghe tin một đạo quân đang tiến tới gần để đánh dẹp mình, đã hoảng sợ bỏ chạy tới Kyme. Sau đó, Mazares người Media hành quân tới Sardis cùng một phần quân đội của Kyros, và vì không tìm thấy cả Paktyes lẫn những người ủng hộ ông ta tại Sardis nữa, thoạt đầu Mazares buộc người Lydia phải thi hành mệnh lệnh của Kyros, và theo lệnh ông này, người Lydia thay đổi hoàn toàn lối sống của họ. Tiếp đó, Mazares phái sứ giả tới Kyme yêu cầu họ giao nộp Paktyes, và người Kyme quyết định hỏi ý vị thần tại Brankhidai để có được lời khuyên. Vì ở đó có một thần miếu được dựng từ xa xưa, và tất cả người Ionia cũng như người Aiolis đều thường tới tham vấn; địa điểm này nằm trên lãnh thổ Miletos ở phía trên cảng Panormos.

158. Vậy là người Kyme phái sứ giả tới Brankhidai để hỏi ý thần linh, và họ hỏi nên xử sự ra sao với Paktyes để làm hài lòng các vị thần. Khi họ hỏi như vậy, câu trả lời được đưa ra là họ nên giao nộp Paktyes cho người Ba Tư. Người Kyme, khi được thuật lại câu trả lời, đã quyết định giao nộp ông ta. Thế rồi khi quần chúng đã quyết định như thế, Aristodikos con trai Herakleides, một người danh tiếng trong số các công dân, liền ngăn người Kyme làm vậy, vì nghi ngờ câu trả lời và nghĩ rằng những sứ giả được phái đi hỏi thần linh đã không nói sự thật, cho tới khi cuối cùng một nhóm sứ giả khác được phái đến hỏi lần thứ hai về Paktyes, và trong số họ có cả Aristodikos.

159. Khi họ tới Brankhidai, Aristodikos bước lên trước những người khác và hỏi dự ngôn giả như sau: Thưa thần Apollon, Paktyes người Lydia tới gặp chúng con cầu xin che chở sau khi chạy trốn khỏi cái chết tàn khốc dưới tay người Ba Tư, và người Ba Tư đòi ông ta từ chúng con, yêu cầu người Kyme giao ra ông ta. Nhưng chúng con, cho dù e sợ sức mạnh của người Ba Tư, lần này đã không giao cho họ người cầu xin chúng con che chở cho tới khi lời phán truyền của người được chuyển rõ ràng tới chúng con, cho biết chúng con cần ưng thuận hay từ chối". Ông hỏi như vậy, song vị thần một lần nữa lại trả lời như trước, yêu cầu họ giao nộp Paktyes cho người Ba Tư. Đến đây, Aristodikos, với chủ ý đã định sẵn, liền hành động như sau: Ông đi vòng quanh ngôi đền phá hủy các tổ chim sẻ và các loài chim khác đã làm tổ trên đền. Trong khi ông làm như vậy, người ta thuật lại rằng có một giọng nói cất lên từ trong thánh thất hướng tới Aristodikos như sau: "Ngươi, kẻ bất kính nhất, tại sao ngươi dám làm chuyện đó? Chẳng lẽ ngươi dám dùng vũ lực mang khỏi đền của ta những kẻ cầu xin sự che

chở của ta sao?" Và người ta kể rằng Aristodikos không hề sợ hãi đã trả lời như sau: "Thưa thần linh, chẳng lẽ người tới trợ giúp cho những kẻ cầu khẩn người nhưng lại yêu cầu người Kyme giao nộp kẻ đã cầu khẩn họ hay sao?" và thần lại trả lời ông như sau: "Phải, ta lệnh cho các ngươi làm như vậy, để các ngươi càng bị tiêu diệt nhanh chóng hơn vì sự bất kính của mình; để các ngươi trong tương lai sẽ không còn tới đây hỏi dự ngôn giả của ta về việc giao nộp những kẻ cầu xin".

160. Khi người Kyme nghe thuật lại câu trả lời này, không mong muốn bị hủy diệt vì giao nộp Paktyes hay bị vây hãm vì giữ ông ta lại, họ trục xuất ông ta tới Mytilene. Tuy nhiên người Mytilene, khi Mazares phái sứ giả tới gặp họ, đã chuẩn bị giao nộp Paktyes với một cái giá, nhưng bao nhiêu thì tôi không thể nói được vì cuộc mặc cả không bao giờ hoàn tất do người Kyme, khi họ biết những gì người Mytilene đang làm, đã phái một chiếc thuyền tới Lesbos và đưa Paktyes tới Khios. Sau đó, ông ta bị người Khios điệu ra khỏi ngôi đền Athena Polioukhos và giao nộp; đổi lại người Khios nhận được Atarneus (ngày nay Atarneus là một vùng thuộc Mysia nằm đối diện với Lesbos). Người Ba Tư, sau khi nhận được Paktyes, đã canh giữ ông ta để đưa ông ta về trước Kyros. Và suốt một thời gian dài không ai trong số người Khios sử dụng lúa mạch trồng ở vùng Atarneus để rải trong các lễ hiến sinh cho bất cứ vị thần nào hay để nướng bánh từ lúa mì trồng ở đó, mà tất cả sản vật từ vùng đất này đều bị loại khỏi mọi nghi lễ thiêng liêng.

161. Sau khi người Khios đã giao nộp Paktyes, Mazares liền tấn công những người đã tham gia vây hãm Tabalos. Thoạt đầu, ông biến tất cả người Priene thành nô lệ, sau đó ông xâm chiếm toàn bộ vùng đồng bằng Maiandros, đoạt chiến lợi phẩm cho đạo quân của mình, rồi chiếm cả Magnesia theo cùng cách. Ngay sau đó, ông này mắc bệnh và chết.

162. Sau khi ông ta chết, Harpagos người Media, thay quyền chỉ huy (đây chính là người mà vua Media Astyages đã mời ăn thịt con trong dạ tiệc, và cũng là người đã giúp chiếm lấy vương quốc này cho Kyros). Harpagos, khi đó được Kyros giao quyền chỉ huy, đã tới Ionia và tiến hành đánh chiếm các thành phố bằng cách đắp các ụ đất cạnh chúng: vì khi ông ta đã vây hãm bất cứ tộc người nào trong tường thành của họ, Harpagos sau đó liền đắp các ụ đất dựa vào tường thành và đã chiếm được thành phố như vậy; và thành phố đầu tiên của Ionia ông ta tấn công là Phokaia.

163. Người Phokaia chính là những người Hy Lạp đầu tiên thực hiện những chuyến hải hành dài, và chính họ đã khám phá ra

biển Adria, Tyrrhenia, Iberia và Tartessos. Họ thực hiện các chuyến đi không phải trên những chiếc thuyền thân tròn, mà trên những chiếc *pentekonteroi*. Họ tới Tartessos và kết bạn với vua của người Tartessos có tên là Arganthonios. Ông này là vua Tartessos trong 80 năm và sống đến 125 tuổi. Người Phokaia trở nên rất thân thiết với vị vua này, tới mức thoạt đầu nhà vua đề nghị họ rời khỏi Ionia và tới định cư tại bất cứ nơi nào họ muốn trên lãnh thổ của ông. Và vì không thể thuyết phục người Phokaia làm điều này, sau đó, khi nghe được từ họ về sức mạnh ngày càng tăng lên của Media, nhà vua đã tặng họ tiền để xây một bức tường bao quanh thành phố của họ; và nhà vua làm vậy không hề tính toán, vì bức tường thành có chu vi rất lớn, và toàn bộ được xây từ những tảng đá lớn được ghép khít vào nhau.

164. Bức tường thành của người Phokaia được xây dựng như thế, và Harpagos, sau khi dẫn đạo quân của mình tới tấn công họ, bắt đầu hãm thành, đồng thời gửi tới họ những đề xuất, nói rằng để ông ta hài lòng, người Phokaia chỉ cần sẵn lòng phá sập một tháp canh trên tường thành của họ và dâng một ngôi nhà duy nhất là đủ. Nhưng người Phokaia, rất buồn phiền trước ý nghĩ phải thần phục, nói họ muốn bàn bạc về việc này trong một ngày, rồi sau đó họ sẽ cho biết câu trả lời của mình. Rồi họ yêu cầu Harpagos rút quân xa khỏi tường thành trong khi họ đang bàn bạc. Harpagos nói ông ta biết quá rõ họ định làm gì, dù vậy ông vẫn sẵn sàng cho phép họ thảo luận. Vậy là sau đó, khi Harpagos đã lui quân khỏi tường thành, người Phokaia đưa những chiếc *pentekonteroi* của họ xuống biển, đưa lên đó con cái, phụ nữ và tất cả của cải có thể mang theo được, cùng các ảnh tượng lấy ra từ các ngôi đền và các lễ vật dâng lên các vị thần, ngoại trừ những thứ làm bằng thanh đồng, đá hoặc các họa phẩm, tất cả những thứ còn lại, như tôi đã nói, họ mang hết xuống thuyền, rồi sau khi chính họ đã lên thuyền, họ khởi hành về hướng Khios. Và khi người Ba Tư chiếm được Phokaia, thành phố đã vắng bóng toàn bộ cư dân.

165. Nhưng về phần người Phokaia, vì người Khios không chấp nhận bán cho họ quần đảo mang tên Oinoussai như họ đề nghị vì sợ rằng những hòn đảo này sẽ trở thành một trung tâm giao thương khiến cho Khios suy tàn, họ liền đi tới Kyrnos (Corsica), vì tại Kyrnos họ đã lập một đô thị tên là Alalia từ 20 năm trước, tuân theo một thần dụ (vào thời điểm đó Arganthonios đã qua đời). Và trên đường tới Kyrnos, họ trước hết quay lại Phokaia và tàn sát lực lượng đồn trú Ba Tư đã được Harpagos giao chiếm đóng thành phố. Sau khi hoàn tất việc này, họ nghiêm trang làm lễ nguyền rủa bất cứ ai bỏ cuộc không tham gia chuyến hải hành của họ, rồi thêm nữa họ ném một khối sắt xuống biển và thề chỉ đến khi khối

sắt đó nổi lên trên mặt biển họ mới trở lại Phokaia. Tuy nhiên khi trên đường tới Kyrnos, hơn nửa số công dân thoái chí và nuối tiếc thành bang và bản quán họ, những người này liền trái lời thề và quay trở lại Phokaia. Nhưng những người giữ vững lời thề vẫn nhổ neo rời khỏi quần đảo Oinoussai và ra đi.

166. Khi họ tới Kyrnos, trong năm năm họ sống cùng những người đã tới đây từ trước, và họ xây các ngôi đền ở đó. Sau đó, vì họ cướp bóc của tất cả các láng giềng, người Tyrrhenoi và người Karkhedon hợp sức tấn công họ, mỗi bên với 60 chiến thuyền. Và người Phokaia cũng chuẩn bị chiến thuyền của họ, tổng cộng 60 chiếc, và đón đánh kẻ thù tại nơi được gọi là biển Sardo. Khi hai hạm đội giao chiến trên biển, người Phokaia giành được một thắng lợi kiểu Kadmeia, vì 40 thuyền của họ bị phá hủy, 20 chiếc còn lại bị hư hại do mũi thuyền bị vẹo sang một bên. Vậy là họ đi thuyền tới Alalia, đưa lên thuyền con cái, phụ nữ của họ cùng các của cải khác hết mức những chiếc thuyền của họ có thể mang được, rồi họ bỏ Kyrnos lại sau lưng và đi tới Rhegion.

167. Nhưng về phần thủy thủ đoàn của những chiếc thuyền bị phá hủy, đại đa số bị người Karkhedon và người Tyrrhenoi bắt được. Và những thủy thủ này bị kẻ thù đưa lên bờ ném đá đến chết. Sau chuyện này, người Agyllaioi phát hiện ra rằng mọi sinh vật đi ngang qua nơi những người Phokaia được chôn cất sau khi bị ném đá đều bị dị dạng, què quặt hay liệt, dù là gia súc nhỏ, súc vật thồ hay chính con người. Vậy là người Agyllaioi phái sứ giả tới Delphoi để mong thanh tẩy bản thân họ khỏi sự trừng phạt, và nữ tư tế Pythia yêu cầu họ làm điều mà người Agyllaioi bây giờ vẫn tiếp tục thực hiện, đó là tổ chức những lễ hiến sinh lớn dâng lên người chết, tổ chức tại nơi đó một cuộc thi điền kinh và đua ngựa.

Trên đây là câu chuyện về những người Phokaia gặp phải số mệnh như tôi đã kể; song những người tới tị nạn ở Rhegion bắt đầu khởi hành từ đó và lập thành phố nằm trên vùng đất Oinotria mà ngày nay được gọi là Elea. Họ thiết lập thành phố này sau khi biết được từ một người Poseidonia rằng nữ tư tế Pythia khi trả lời họ đã có ý bảo họ dựng một ngôi đền cho Kyrnos, vốn là một vị anh hùng, chứ không phải định cư trên đảo Kyrnos.

168. Câu chuyện xảy ra với thành Phokaia ở Ionia là như vậy, và điều gần như tương tự cũng đã diễn ra với người Teos: vì ngay khi Harpagos chiếm tường thành của họ bằng một ụ đất, họ liền xuống thuyền của mình và đi thẳng tới Thraike; và ở đó họ lập nên thành Abdera, trước đó đô thị này vốn đã được Timesios người Klazomenai thiết lập nhưng không thu được lợi ích gì mà bị

người Thraike đánh đuổi đi. Và giờ đây, ông được tôn thờ như một vị anh hùng bởi người Teos tại Abdera.

169. Trong số những người Ionia, chỉ có cư dân hai thành phố kể trên rời bỏ thành bang vì họ không cam chịu thần phục. Còn những tộc người Ionia khác, ngoại trừ người Miletos, quả thực đã giao chiến với Harpagos tương tự như những tộc người đã bỏ xứ ra đi, và chứng tỏ bản thân họ cũng là những người dũng cảm, tất cả đều chiến đấu cho thành bang mình, nhưng khi bị đánh bại và bắt giữ, tất cả họ đều ở lại bản quán và thực hiện những gì được áp đặt lên họ. Song người Miletos, như tôi cũng đã kể trước đây, đã có thỏa ước với chính Kyros và vẫn tuân thủ nó. Vậy là lần thứ hai Ionia bị khuất phục. Và khi Harpagos đã chinh phục những người Ionia sống trên đất liền, những người Ionia sống trên các hòn đảo, hoảng sợ trước những gì đã diễn ra, cũng thần phục Kyros.

170. Khi những người Ionia đã bị rơi vào nghịch cảnh tồi tệ như vậy song vẫn tiếp tục tập hợp như trước tại Panionion, Bias thành Priene đã đưa ra với những người Ionia, theo như tôi được biết, một lời khuyên hữu ích nhất, và nếu làm theo nó họ đã có thể là những người thịnh vượng nhất trong tất cả các tộc người Hy Lạp. Ông kêu gọi người Ionia nên tập hợp và đi thuyền tới Sardo, rồi lập một đô thị duy nhất cho tất cả người Ionia. Như thế, họ sẽ thoát khỏi sự nô dịch và sẽ thịnh vượng, làm chủ hòn đảo lớn nhất trong mọi hòn đảo và là chủ nhân của các tộc người khác. Tuy nhiên, nếu ở lại Ionia, Bias nói tiếp, ông không thấy tự do còn có thể tồn tại cho họ. Đây là lời khuyên Bias thành Priene đưa ra sau khi các tộc người Ionia đã bị khuất phục. Nhưng có một lời khuyên tốt cũng đã được đưa ra trước khi Ionia thất bại bởi Thales thành Miletos, vốn là hậu duệ người Phoinike. Ông khuyên người Ionia nên có một trung tâm chính quyền duy nhất, và trung tâm đó nên đặt tại Teos (vì Teos, như ông nói, nằm ở trung tâm của Ionia), và các thành phố khác nên được cư trú như trước, song chỉ được coi là các trấn. Hai cá nhân kể trên đã đưa ra cho họ những lời khuyên như tôi đã kể.

171. Còn Harpagos, sau khi khuất phục Ionia, tiếp tục tấn công người Karia, Kaunos và Lykia, mang theo cả những người Ionia và người Aiolis để trợ giúp ông ta.

Trong số những tộc người trên, người Karia vốn từ các hòn đảo di cư vào đất liền; vì vào thời xa xưa từng là thần dân của Minos và được gọi là người Leleges, họ đã quen với sống trên các hòn đảo, không cống nạp theo những gì tôi có thể tìm hiểu qua nghe kể lại, nhưng bất cứ khi nào Minos yêu cầu cống nạp, họ thường cung

cấp thuyền và thủy thủ. Và vì Minos chinh phục được rất nhiều đất đai và gặp may trong chiến đấu, người Karia nổi tiếng nhất trong số các dân tộc vào thời đó cùng với ông. Và họ có ba phát minh mà người Hy Lạp tiếp thu và sử dụng. Người Karia chính là những người đầu tiên tạo ra thói quen gắn chùm lông lên các mũ chiến, cũng như tạo ra các biểu tượng được gắn lên những chiếc khiên, đồng thời họ cũng là những người đầu tiên chế tạo tay cầm cho những chiếc khiên của họ, trong khi trước đó tất cả những ai hay dùng khiên đều mang khiên mà không có tay cầm, chỉ dùng các dây da để điều chỉnh khiên sau khi đã treo khiên lên cổ và vai trái họ. Thế rồi sau một thời gian dài, người Doris và người Ionia đánh đuổi người Karia khỏi các hòn đảo, vì thế họ lên định cư trên đất liền. Về người Karia, người Krete kể lại như vậy, song bản thân người Karia lại không tán thành câu chuyện này, mà cho rằng họ ngay từ đầu đã là các cư dân trên đất liền, và họ luôn mang tên gọi như họ vẫn có hiện tại. Và họ viện ra làm bằng chứng một ngôi đền cổ của Zeus Karios tại Mylasa, nơi người Mysia và người Lydia cũng tới thờ phụng với tư cách là những tộc người anh em của người Karia, vì họ kể rằng Lydos và Mysos là những người anh em của Kar. Họ cùng thờ phụng ở ngôi đền này, song những dân tộc khác nói cùng ngôn ngữ như người Karia lại không tới thờ phụng ở đó.

172. Tuy nhiên, với tôi dường như người Kaunos là cư dân ở đó từ thuở đầu, cho dù bản thân họ nói rằng họ có gốc gác từ Krete. Song họ đã bị đồng hóa về ngôn ngữ bởi người Karia, hoặc người Karia đã bị người Kaunos đồng hóa về ngôn ngữ, tôi không thể khẳng định chính xác. Tuy vậy, họ có những tập quán rất khác biệt so với những tộc người khác cũng như so với người Karia. Chẳng hạn, điều tuyệt vời nhất theo đánh giá của họ là tụ tập thật đông để uống rượu theo sự tương đồng về tuổi tác hay tình bạn, cả đàn ông, phụ nữ và trẻ nhỏ. Và khi họ xây những ngôi đền cho các vị thần ngoại lai, sau đó họ thay đổi mục đích của chúng và quyết định chỉ thờ phụng những vị thần bản địa của chính họ, và toàn bộ thanh niên Kaunos cùng mặc áo giáp lên người, thực hiện truy đuổi cho tới tận biên giới của người Kalynda, dùng những cây giáo của họ đập vào không khí, và họ nói họ đang xua đuổi các vị thần ngoại lai khỏi lãnh thổ. Đó là những tập quán của tộc người này.

173. Người Lykia có nguồn gốc từ đảo Krete (vì vào thời xa xưa toàn bộ đảo Krete do các man tộc chiếm cứ). Khi con trai của Europe, Sarpedon và Minos, tới tranh đoạt Krete để lập vương quốc, Minos giành phần thắng trong cuộc tranh chấp và đánh đuổi cả Sarpedon lẫn thuộc hạ của ông này khỏi đảo. Sau khi bị trục xuất, họ đi tới vùng đất Milyas ở châu Á, vì vùng đất ngày nay

người Lykia cư trú được gọi là Milyas vào thời cổ xưa, và người Milyas khi đó được gọi là Solymoi. Trong khi Sarpedon cai trị họ, họ được gọi bằng tên gọi của họ khi tới vùng đất đó, và những bộ lạc lân bang ngay cả bây giờ vẫn gọi người Lykia bằng cái tên đó, Termilai. Nhưng khi Lykos con trai của Pandion từ Athenai tới vùng đất của người Termilai và tới gặp Sarpedon sau khi cũng bị chính anh trai mình, Aigeus, xua đuổi, chính từ tên của Lykos mà sau một thời gian họ được gọi là những người Lykia. Phong tục của tộc người này một phần giống người Krete, một phần giống người Karia. Song họ có một phong tục kỳ dị, không giống bất cứ tộc người nào, đó là họ gọi bản thân theo họ mẹ chứ không phải theo họ bố. Và nếu một người hỏi hàng xóm mình rằng anh ta là ai, người kia sẽ kể ra họ hàng bên ngoại, và liệt kê những bậc tiền bối nữ giới bên họ mẹ. Và nếu một phụ nữ là công dân kết hôn với một nô lệ, những đứa con được coi là có nguồn gốc cao quý. Song nếu một người đàn ông là công dân, cho dù có là người quyền thế nhất trong tộc người, lấy một nô lệ làm vợ hay thê thiếp, những đứa con sẽ không có quyền công dân.

174. Người Karia bị Harpagos khuất phục mà không có bất cứ chiến công huy hoàng nào được thể hiện bởi chính họ hay những người Hy Lạp sống ở vùng đất này. Trong số họ, ngoài các tộc người khác còn có người Knidos, thực dân từ Lakedaimon, sống tại miền đất nhìn ra biển, chính là vùng được gọi là Triopion, bắt đầu từ bán đảo Bybassos. Vì tất cả vùng Knidos, ngoại trừ một phần nhỏ, đều nằm kề biển (phần hướng lên phía bắc của vùng đất này được giới hạn bởi vịnh Keramos, và phần cực nam chạy sát biển đối diện với Syme và Rhodos). Vì thế người Knidos bắt đầu đào sâu xuống phần nhỏ quay vào đất liền này, chỉ dài khoảng 5 *stadia*, trong khi Harpagos đang khuất phục Ionia, nhằm biến vùng đất của họ thành một hòn đảo, và bên trong Eo đất này toàn bộ là lãnh thổ của họ, vì ở nơi lãnh thổ của Knidos kết thúc về hướng đất liền, Eo đất này chính là chỗ họ đào ngang qua. Và trong khi người Knidos đang thực hiện việc này với số lượng lớn nam giới, họ nhận ra rằng những người làm việc bị thương nhiều hơn nhiều so với mức lường trước và theo một cách siêu nhiên hơn, cả ở những phần khác của cơ thể và đặc biệt ở mắt của họ, khi đá bị đập vỡ ra. Vậy là họ cử người tới Delphoi hỏi lý do gây ra khó khăn. Và nữ tư tế Pythia, như chính người Knidos kể lại, đã cho họ câu trả lời này bằng thơ tam bộ cách:

> Chớ bao quanh Eo đất này bằng tòa tháp hay đào qua nó;
>
> Zeus hẳn đã tạo ra một hòn đảo nếu ngài muốn.

Khi nữ tư tế Pythia đưa ra thần dụ này, người Knidos không chỉ thôi đào hào mà còn quy phục Harpagos không chút kháng cự khi ông ta tới cùng đạo quân của mình.

175. Còn có cả những người Pedasees cư trú ở vùng nội địa nằm phía trên Halikarnassos. Ở chỗ họ, bất cứ khi nào có điều gì tai hại sắp sửa xảy đến với chính họ hay với các láng giềng của họ, nữ tư tế của Athena lại có một bộ râu rậm. Điều này đã xảy đến với họ ba lần. Trong tất cả các tộc người ở Karia, họ là những người duy nhất chống cự được ít nhiều trước Harpagos, và họ gây ra cho ông ta nhiều rắc rối hơn bất cứ tộc người nào khác sau khi đã phòng thủ kiên cố trên một ngọn núi có tên Lida.

176. Sau một thời gian, người Pedasees bị chinh phục. Và người Lykia, khi Harpagos dẫn đạo quân của ông ta tiến vào đồng bằng Xanthos, đã xuất quân chống lại ông ta và chiến đấu, ít địch nhiều, và chứng tỏ sự can trường. Nhưng khi bị đánh bại và vây hãm trong thành phố của mình, họ đã đưa vào trong pháo đài toàn bộ vợ con, của cải và gia nhân của họ, rồi sau đó nổi lửa đốt pháo đài, để tất cả đều cháy trụi trong ngọn lửa, và sau khi đã làm việc này cũng như thề với nhau những lời thề ghê gớm, họ lại xông ra chiến đấu với quân thù và toàn bộ đàn ông Xanthos bị giết sạch trong chiến đấu. Vì thế, những người Xanthos hiện nay tự xưng là người Lykia phần lớn đến từ ngoại quốc, ngoại trừ 80 gia đình. Tám mươi gia đình này khi đó tình cờ lại vắng mặt khỏi quê hương của họ, nhờ đó thoát khỏi sự hủy diệt. Harpagos chiếm được Kaunos theo cách tương tự, vì người Kaunos đã noi gương người Lykia.

177. Vậy là Harpagos chinh phục được các vùng bờ biển châu Á, trong khi đó bản thân Kyros cũng làm điều tương tự ở vùng phía trên, khuất phục mọi dân tộc và không để sót ai cả. Phần lớn những hành động này tôi sẽ im lặng bỏ qua, song những cuộc chinh phục khiến nhà vua gặp nhiều khó khăn hơn những cuộc chinh phục khác và đáng để ý nhất sẽ được tôi nhắc tới.

178. Kyros, ngay sau khi đã khuất phục dưới quyền cai trị của mình tất cả những phần nội địa khác, đã tiến hành tấn công người Assyria. Người Assyria hiển nhiên có nhiều thành phố lớn khác, song thành trì nổi tiếng nhất và hùng mạnh nhất, cũng là nơi quân vương của họ đóng đô sau khi Ninos bị phá hủy, là Babylon. Đây là một thành phố như tôi sẽ miêu tả sau đây. Thành phố tọa lạc trên một đồng bằng rộng lớn, và quy mô của tòa thành lớn tới mức mỗi mặt thành dài tới 120 *stadia*, hình dáng tổng thể của tòa thành là hình vuông. Như vậy, chu vi tòa thành lên tới 480 *stadia*.

Kích thước của thành Babylon lớn đến vậy đó, và sự tráng lệ của đô thị này vượt xa tất cả những đô thị khác chúng ta từng biết tới. Trước hết, xung quanh thành là một đường hào sâu, rộng chứa đầy nước. Tiếp theo là một bức tường dày tới 50 *pekhes hoàng gia*[1] và cao 200 *pekhes*. Cần nhớ 1 *pekhys hoàng gia* dài hơn 1 *pekhys thường* một khoảng bằng 3 *daktyloi*.

---

[1]. 1 *pekhys hoàng gia* tương đương 52 cm.

---

179. Tôi cũng phải nói thêm về việc đất được lấy lên khi đào hào được dùng vào việc gì và bức tường thành được xây ra sao. Khi người Assyria đào hào, họ lấy đất được đào lên làm thành gạch, và sau khi đã nặn đủ gạch, họ đem nung trong lò. Rồi sau đó, sử dụng hắc ín nóng chảy làm vữa và nhồi những lớp sậy vào sau mỗi 30 lớp gạch, họ xây lên trước hết là các bờ của hào, rồi sau đó đến chính tường thành theo cùng một cách. Và ở trên đỉnh tường thành, dọc theo các rìa họ xây những căn phòng một tầng nằm đối diện với nhau; và ở giữa các dãy phòng, họ để chừa ra không gian để một tứ mã chiến xa chạy qua. Trên vòng tường thành có bố trí 100 cổng bằng thanh đồng với cột và rầm cũng bằng thanh đồng. Có một đô thị khác nằm cách Babylon tám ngày đường có tên là Is, tại đó có một dòng sông nhỏ cũng tên là Is chảy qua, và dòng sông này đổ vào sông Euphrates. Dòng sông Is này cùng với nước đẩy lên bờ rất nhiều cục hắc ín, và hắc ín được mang từ đó về xây tường thành của Babylon.

180. Babylon được xây tường thành như thế, và thành phố được chia thành hai phần vì có một dòng sông tên là Euphrates chảy ngang qua giữa nó. Dòng sông này xuất phát từ vùng đất của người Armenia, là một dòng sông lớn, sâu và chảy xiết, và nó đổ ra biển Erythra. Ở mỗi bên bờ, chỗ nối tường thành được xây xuống tới sát con sông, rồi từ điểm này các bức tường vòng lại chạy dọc theo mỗi bờ sông dưới dạng một bức lũy bằng gạch nung. Bản thân thành phố có rất nhiều nhà ba và bốn tầng, và các con đường được mở ra thành những đường thẳng, bao gồm các giao lộ dẫn ra sông. Và ở đối diện với mỗi con đường có những cổng được mở trên bức lũy chạy dọc bờ sông, với số lượng bằng đúng số đường. Những cánh cổng này cũng làm bằng thanh đồng, và cũng dẫn xuống sông như chính các con đường.

181. Bức tường thành như tôi vừa miêu tả ở trên là một tấm giáp cho thành phố, và một bức tường khác chạy vòng bên trong nó, không yếu hơn bức tường thứ nhất bao nhiêu về mặt phòng thủ

song bao quanh một diện tích hẹp hơn. Và ở tại mỗi phần của thành phố có một tòa nhà ở chính trung tâm, một tòa là cung điện rộng mênh mông và được phòng thủ kiên cố của nhà vua, tòa còn lại là ngôi đền của thần Zeus Belos với những cánh cổng bằng thanh đồng, và ngôi đền này vẫn còn tồn tại tới tận thời của tôi, có kích thước mỗi chiều 2 *stadia* và có hình vuông. Ở chính giữa đền có xây một tòa tháp kiên cố với chiều dài và chiều rộng đều là 1 *stadion*, và trên tòa tháp này một tòa tháp nữa được dựng lên, rồi thêm một tòa tháp nữa bên trên tòa tháp thứ hai, cứ như vậy tổng cộng có tám tòa tháp. Một lối đi lên các tòa tháp này đã được xây chạy vòng quanh bên ngoài tất cả các tòa tháp. Và khi đi tới nửa chừng lối lên, người ta sẽ tìm thấy một chỗ nghỉ với ghế để ngồi nghỉ, làm nơi để những người leo tháp nghỉ chân. Và trên đỉnh của tòa tháp trên cùng có một căn phòng lớn, trong căn phòng này có kê một chiếc trường kỷ lớn được che kín, và bên cạnh có đặt một chiếc bàn bằng vàng. Không có ảnh tượng nào được đặt tại đây và không người nào qua đêm tại đây ngoại trừ duy nhất một người phụ nữ là cư dân bản địa của nơi này, một người sẽ được thần lựa chọn từ tất cả các phụ nữ, như những tư tế Khaldaia của vị thần này nói.

182. Họ cũng nói, song tôi không tin lời họ, rằng đích thân vị thần thường xuyên tới căn phòng nọ và nằm nghỉ trên trường kỷ, như đã từng xảy ra tại Thebai thuộc Ai Cập theo lời kể của những người Ai Cập, vì tại đó cũng có một phụ nữ ngủ trong đền Zeus Thebaios (và tất cả những phụ nữ này đều được kể là không quan hệ với nam giới), hay như đã xảy ra với nữ tư tế của thần tại thành Patara thuộc Lykia, nơi nữ tư tế truyền đạt thần dụ khi được yêu cầu (vì không có dự ngôn giả thường trực ở đó), bị khóa kín trong đền vào ban đêm.

183. Thêm nữa, trong ngôi đền tại Babylon còn có một căn phòng nữa ở bên dưới, tại đây có một bức tượng lớn tạc Zeus đang ngồi làm bằng vàng, và bên cạnh bức tượng có kê một chiếc bàn lớn bằng vàng, và bệ để chân cũng như ghế ngồi của tượng thần cũng làm bằng vàng. Và theo như người Khaldaia kể lại, khối lượng vàng dùng để đúc những thứ này là 800 *talanta*. Bên ngoài căn phòng có một ban thờ bằng vàng, và cũng có một ban thờ khác với kích thước lớn, nơi các động vật đã trưởng thành được hiến sinh, trong khi tại ban thờ bằng vàng theo luật chỉ được phép hiến sinh những con vật nhỏ còn đang bú. Trên ban thờ lớn hơn, người Khaldaia đốt 1.000 *talanta* nhũ hương mỗi năm vào dịp họ mừng lễ hội của vị thần này. Hơn nữa, tại thánh địa này vẫn còn tồn tại vào thời của Kyros một bức tượng cao 12 *pekhes* bằng vàng nguyên khối. Tôi không tận mắt thấy bức tượng, song điều này

được một người Khaldaia kể cho tôi và tôi thuật lại. Dareios, con trai của Hystaspes đã có mưu đồ chiếm lấy bức tượng này song không dám đoạt lấy nó. Tuy nhiên, bức tượng đã bị Xerxes, con trai Dareios lấy đi, ông cũng giết vị tư tế đã ngăn cản ông đoạt pho tượng. Như vậy, vào thời ấy ngôi đền được trang hoàng lộng lẫy, và cũng có rất nhiều lễ vật do cá nhân dâng hiến.

184. Về thành Babylon, bên cạnh rất nhiều vị vua khác mà tôi sẽ nói tới trong phần lịch sử Assyria, những người đã gia cố thêm cho các bức tường và các ngôi đền, cũng có hai nữ hoàng. Trong đó, vị nữ hoàng trị vì đầu tiên, có tên là Semiramis, sống trước vị nữ hoàng thứ hai năm thế hệ, đã cho đắp những con đê bằng đất trên vùng đồng bằng, một công trình xứng đáng để chiêm ngưỡng; trước khi có những con đê này dòng sông thường dâng lũ làm nước ngập khắp vùng đồng bằng.

185. Vị nữ hoàng sống sau thời của bà, tên là Nitokris, còn thông tuệ hơn vị nữ hoàng đã trị vì trước đó. Trước hết, bà để lại cho hậu thế những công trình tôi sẽ kể tới sau. Thứ hai, khi thấy rằng triều đại trị vì ở Media hùng mạnh và không ngồi yên một chỗ, thêm nữa tất cả các đô thành khác, kể cả Ninos đã bị vương quốc đó chinh phục, nữ hoàng đã thực hiện những biện pháp đối phó trong phạm vi bà có thể. Đầu tiên, về phần dòng sông Euphrates chảy qua chính giữa thành phố của họ, trong khi trước đó dòng sông chảy thẳng, bằng cách đào những con kênh trên sông nữ hoàng đã khiến con sông uốn lượn tới mức trên thực tế dòng chảy của nó đã ba lần đi qua một trong những ngôi làng ở Assyria, và tên ngôi làng nơi sông Euphrates chảy qua là Arderikka. Và ngày nay những ai đi từ biển của chúng ta tới Babylon, trong cuộc hành trình của họ xuôi dòng sông Euphrates sẽ tới cùng ngôi làng này ba lần vào ba ngày khác nhau. Nữ hoàng đã thực hiện việc này, và bà cũng đắp một kè đất nằm dọc theo mỗi bờ sông, kích thước và chiều cao của chúng đáng để khiến người ta kinh ngạc. Và ở cách một quãng xa phía trên Babylon, nữ hoàng cho đào một cái hồ, và cho mở rộng ra chỉ cách dòng sông một khoảng cách ngắn, đào xuống ở mọi chỗ thật sâu để chứa nước tràn bờ, và rộng tới mức chu vi hồ lên tới 420 *stadia*. Đất được đào lên khi làm hồ nữ hoàng dùng để đắp lên những kè đất dọc theo bờ sông. Và khi hồ đào xong, nữ hoàng cho chuyển đá tới và lát khắp xung quanh như tường vách. Nữ hoàng đã thực hiện cả hai công trình kể trên, nghĩa là bà đã làm cho dòng chảy của sông trở nên uốn khúc, và cho đào một đầm nước để nhằm làm dòng sông chảy chậm hơn, sau khi sức mạnh của nó đã bị suy giảm khi chảy vòng qua nhiều khúc cong, và như thế những cuộc hành trình tới Babylon sẽ trở nên vòng vèo, và tiếp theo đó là một chuyến đi dài vòng qua hồ

nước. Những công trình này được nữ hoàng thi công ở khu vực cửa ngõ của đất nước và nằm trên con đường ngắn nhất từ Media tới, để người Media không giao thương với vương quốc của bà và biết được chính sự của bà.

186. Những công trình phòng thủ này được nữ hoàng dày công thiết lập quanh thành phố của bà, và nữ hoàng thực hiện thêm những bổ sung sau đây phụ thuộc vào chúng: Thành phố được chia thành hai phần, và dòng sông chiếm toàn bộ không gian giữa hai phần này. Vào thời các vị vua trước, khi bất cứ ai muốn đi từ một bên thành phố sang bên kia, người đó phải qua sông bằng thuyền, và việc này, theo như tôi hình dung, khá vất vả. Nữ hoàng đã giải quyết cả vấn đề này. Vì khi bà cho đào hồ chứa nước, bà đã thực hiện công trình tiếp theo đây của mình bắt nguồn từ chính hồ nước này. Nữ hoàng cho xẻ đá thành những khối rất dài, và khi đá được chuẩn bị và lòng hồ đã đào xong, nữ hoàng cho nắn dòng chảy của toàn bộ con sông vào nơi bà đào hồ. Trong lúc hồ ngập nước, lòng sông cũ trở nên cạn khô, và nữ hoàng đã cho kè sông bằng gạch nung theo cùng một cách cả những bức tường bờ sông của khúc sông chảy qua thành phố cũng như những lối xuống sông từ các cánh cổng nhỏ mở ra sông. Và ở vào khoảng giữa thành phố, theo như tôi ước đoán, sử dụng những tảng đá bà đã cho đục đẽo, nữ hoàng tiến hành xây một cây cầu, gắn kết các tảng đá với nhau bằng sắt và chì. Ở trên cùng bà cho bắc những thanh gỗ vuông nằm ngang qua. Những thanh gỗ được để nguyên chỗ vào ban ngày để người Babylon qua sông, nhưng đến đêm họ thường cất những thanh gỗ đi để người ta không thể qua lại con sông vào ban đêm và ăn trộm của nhau. Và khi lòng hồ được đào đã được biến thành một cái hồ đầy nước cạnh con sông, đồng thời cây cầu đã hoàn tất, nữ hoàng cho nắn dòng sông Euphrates trở lại lòng cũ của nó từ hồ nước, vậy là nơi được đào biến thành một cái đầm được cho là đã phục vụ một mục đích tốt đẹp, đồng thời một cây cầu cũng được bắc cho dân cư thành phố.

187. Cũng chính vị nữ hoàng này đã nghĩ ra một cái bẫy như sau: Phía trên cổng thành có nhiều dân cư qua lại nhất, nữ hoàng xây cho mình một lăng mộ ở ngay trên chính chiếc cổng. Và trên mộ bà khắc những dòng chữ: “Nếu bất cứ vị vua nào của Babylon trị vì sau ta thiếu tiền bạc, người đó hãy mở ngôi mộ của ta ra và lấy bao nhiêu tùy thích; nhưng đừng để vị vua đó mở ngôi mộ vì bất cứ lý do nào khác, nếu người đó không thiếu thốn; vì làm vậy sẽ là không tốt”. Ngôi mộ này không bị quấy rầy cho tới khi vương quốc tới tay Dareios. Song với Dareios dường như thật là chuyện vô lý khi không dùng chiếc cổng này vào việc gì, cũng như việc không lấy tiền đi khi có tiền để ở đó, coi bản thân số tiền bạc này mời gọi

ông làm như vậy. Lý do khiến nhà vua không muốn dùng tới chiếc cổng là vì thi thể vị nữ hoàng sẽ ở trên đầu ông khi ông đi qua cổng. Vậy là nhà vua mở ngôi mộ ra và trên thực tế không hề tìm thấy tiền mà chỉ thấy xác chết cùng những dòng chữ viết như sau: "Nếu ngươi không phải kẻ tham tiền vô độ và thèm khát một cách tầm thường, ngươi hẳn đã không khai quật nơi an nghỉ của người quá cố".

188. Vị nữ hoàng được cho là đúng như những gì tôi miêu tả, và chính con trai của vị nữ hoàng này, cũng mang tên Labynetos như cha mình, khi đó là vua của người Assyria, là người Kyros đang hành quân tấn công. Vị vua vĩ đại tiến quân không những được chuẩn bị chu đáo lương thực và gia súc từ quê nhà, mà ông còn đem theo nước lấy từ sông Khoaspes, dòng sông chảy qua Sousa, và nhà vua chỉ uống nước lấy từ dòng sông này chứ không từ dòng sông nào khác. Và thứ nước sông Khoaspes được đun sôi này được chứa trong các bình bạc, chất đầy trên một số lớn xe bốn bánh được la kéo để đi cùng nhà vua tới bất cứ nơi nào ông tiến quân vào bất cứ thời điểm nào.

189. Trên đường tới Babylon, Kyros tới sông Gyndes, nguồn của dòng sông này xuất phát từ các ngọn núi của người Matienoi, và nó chảy qua vùng đất của người Dardanoi rồi đổ vào một dòng sông khác, sông Tigris, con sông chảy qua thành Opis trước khi đổ ra biển Erythra. Như tôi đã nói, khi Kyros tìm cách vượt qua dòng sông Gyndes, vốn là một dòng sông thuyền bè có thể lưu thông, thì một trong những con ngựa trắng thiêng của ông trong lúc hưng phấn và bướng bỉnh đã lao xuống sông tìm cách lội qua, song dòng sông lôi nó xuống nước và cuốn trôi đi. Kyros vô cùng tức giận với dòng sông vì đã xử sự xấc xược như vậy, và nhà vua đe dọa khiến nó trở nên yếu ớt tới mức trong tương lai thậm chí cả phụ nữ cũng có thể dễ dàng lội qua sông mà không ướt đầu gối. Sau lời hăm dọa này, nhà vua dừng cuộc hành quân tấn công Babylon và chia đạo quân của ông thành hai phần. Sau khi chia quân, ông cho căng dây vạch ra những con kênh thẳng, 180 con kênh ở mỗi bên bờ sông Gyndes, hướng theo mọi hướng. Rồi sau khi đã bố trí đạo quân của mình dọc theo các tuyến kênh, nhà vua ra lệnh cho họ đào kênh. Và vì một số lượng người lớn như vậy làm việc, công việc quả thực đã hoàn thành, song họ đã mất cả mùa hè để làm việc tại đó.

190. Khi Kyros đã trả thù sông Gyndes bằng cách chia nó thành 360 con kênh, và khi mùa xuân tiếp theo vừa mới bắt đầu, cuối cùng nhà vua cũng tiếp tục tiến quân về Babylon. Người Babylon đã xuất quân ra khỏi thành phố và chờ đợi ông. Vậy là khi Kyros

tiến tới gần thành phố, người Babylon giao chiến với ông, rồi sau khi thua trận, họ bị vây chặt bên trong thành phố của họ. Nhưng vì biết từ lâu trước khi chuyện này xảy ra rằng Kyros sẽ không án binh bất động, đồng thời chứng kiến ông chinh phục tất cả các dân tộc khác không phân biệt, họ đã tích trữ trước lương thực trong nhiều năm. Vì thế trong khi cư dân Babylon không mấy lo lắng về cuộc vây hãm, Kyros lại lúng túng về việc cần làm gì, vì thời gian trôi qua và việc hãm thành của ông không hề tiến triển.

191. Vì thế, hoặc là do ai đó đã khuyên nhà vua khi ông đang bối rối không biết nên làm thế nào, hoặc chính ông đã nhận ra mình cần phải làm gì, Kyros đã làm như sau: Quân chủ lực được nhà vua bố trí tại nơi dòng sông chảy vào thành phố, rồi ở phía sau thành phố ông bố trí những lực lượng khác tại nơi dòng sông chảy ra khỏi thành phố. Rồi nhà vua ra lệnh cho đạo quân của mình rằng ngay khi họ thấy dòng nước đã trở nên có thể lội qua được, họ cần tiến vào thành phố theo lối này. Sau khi đã cắt cử quân và cổ vũ họ như vậy, nhà vua đích thân dẫn những binh sĩ không đủ sức chiến đấu trong đạo quân của mình đi. Khi tới chỗ hồ nước, Kyros đã làm những việc hệt như vị nữ hoàng của người Babylon đã làm với dòng sông và hồ nước, nghĩa là ông đào một con kênh dẫn nước sông vào hồ, khi đó chỉ là một đầm lầy, khiến cho dòng chảy cũ trở nên có thể lội được bằng việc hạ mực nước xuống. Khi việc này được thực hiện, binh lính Ba Tư đã được bố trí sẵn cho đúng mục đích này liền tiến theo lòng sông Euphrates vào thành Babylon, vì mực nước đã xuống thấp tới mức chỉ còn tới ngang bắp chân một người đàn ông. Nếu người Babylon biết trước chuyện này hay đoán được điều Kyros đang làm, họ hẳn đã cho phép quân Ba Tư tiến vào thành phố rồi sau đó tiêu diệt kẻ thù một cách thảm khốc, vì nếu họ đã đóng chặt tất cả các cổng dẫn ra sông và leo lên những bức lũy chạy dọc hai bên bờ sông, họ đã có thể bẫy kẻ thù như cá trong lưới. Nhưng trên thực tế quân Ba Tư đã tấn công họ một cách bất thình lình, và vì quy mô của thành phố (chính những cư dân sống tại đó đã nói vậy), sau khi những người sống ở các khu ngoại vi đã bị bắt, những người Babylon sống ở trung tâm còn không biết những người này đã bị bắt, mà vì tình cờ lúc đó họ đang tổ chức một lễ hội, họ tiếp tục nhảy múa và vui chơi trong suốt thời gian này cho tới khi biết sự thật một cách quá rõ ràng. Babylon đã bị đánh chiếm lần đầu tiên như vậy.

192. Còn về tài nguyên của người Babylon, việc chúng lớn tới mức nào tôi sẽ cho thấy bằng nhiều bằng chứng khác cũng như bằng điều này: Để cung cấp cho đại vương và quân đội của ông, ngoài những khoản cống nạp thường kỳ, toàn bộ đế quốc Ba Tư cai trị được chia thành các vùng. Trong 12 tháng của một năm, có bốn

tháng nhà vua được cung cấp bởi vùng Babylon, và trong tám tháng còn lại bởi toàn bộ phần còn lại của châu Á. Như vậy, về nguồn tài nguyên, Assyria chiếm một phần ba của toàn bộ châu Á, và chính quyền, hay *satrapeia* như người Ba Tư gọi, của vùng lãnh thổ này cũng là tốt nhất so với các chính quyền khác. Hãy biết rằng khi Tritantaikhmes, con trai vua Artabazos được nhà vua giao cai quản xứ này, mỗi ngày ông ta nhận 1 *artaba* bạc (*artaba* là đơn vị của người Ba Tư chứa nhiều hơn *medimnos*[1] Attika tới 3 *khoinikes*[2] Attika). Ngoài số chiến mã là tài sản cá nhân trong tỉnh này, ông sở hữu tới 800 ngựa đực giống và 16.000 ngựa cái, vì mỗi ngựa đực giống phối giống cho 20 ngựa cái. Về chó săn Ấn Độ, một số lượng đông đảo được nuôi giữ tại bốn ngôi làng lớn ở vùng đồng bằng, nhiều đến nỗi những ngôi làng này được miễn tất cả các khoản cống nạp khác vì đã được chỉ định cung cấp thức ăn cho chó săn.

---

1. 1 *medimnos* (sn: *medimnoi*) tương đương 52,2 l.

2. 1 *khoinix* (sn: *khoinikes*) tương đương 1/48 *medimnos*.

---

193. Đó là sự sung túc của người cai trị Babylon. Đất của người Assyria có rất ít mưa, và lượng mưa ít ỏi này nuôi dưỡng bộ rễ của cây lương thực, song mùa màng chín được và cho thu hoạch là nhờ lấy nước từ sông, không giống như tại Ai Cập nhờ việc sông dâng nước ngập cánh đồng, ở đây mùa màng được tưới bằng múc tay hay gầu tát. Toàn lãnh thổ Babylon, cũng giống như vùng đất của người Ai Cập, có những tuyến kênh đào chạy qua, và những tuyến kênh lớn nhất cho phép thuyền bè lưu thông, chạy theo hướng mặt trời mọc vào mùa đông từ sông Euphrates tới dòng sông thứ hai, tức là sông Tigris, dọc bờ con sông này tọa lạc thành Ninos. Trong tất cả những vùng đất chúng ta biết, đây là nơi sản xuất lương thực tốt nhất. Về phần các loài cây, vùng lãnh thổ này thậm chí còn không thử canh tác chúng, dù là vả, nho hay ô-liu, song về trồng cây lương thực, nơi này cho thu hoạch tốt đến mức sản lượng trung bình có thể tới mức gấp 200 lần hạt giống đem gieo, và đến mức gấp 300 lần khi bội thu nhất. Ở đó, lá của lúa mì và lúa mạch có thể to tới tận 4 *daktyloi*, và cho dù tôi biết cây kê và cây vừng có thể cao tới mức nào, tôi sẽ không viết lại vì ý thức được quá rõ rằng ngay cả những gì tôi đã kể về những vụ mùa cũng đủ để gây ra hoài nghi cho những ai chưa từng tới thăm vùng đất Babylon. Họ không dùng dầu ô-liu, mà chỉ dùng dầu ép từ hạt vừng, và họ có những cây chà là mọc khắp nơi ở vùng đồng bằng, phần lớn đều cho quả, từ thứ quả này họ chế biến thực phẩm, làm rượu và mật. Và họ chăm sóc những cây chà là này

theo cùng cách như với cây vả, và đặc biệt là họ lấy quả của những cây mà người Hy Lạp gọi là cây đực rồi buộc chúng lên những cây ra quả chà là, để những con ong gây mụn cây trong có thể chui vào làm chín quả và làm quả không rụng, vì những cây chà là đực cũng có ong gây mụn cây giống như các cây vả dại vậy.

194. Nhưng kỳ quan lớn nhất ở vùng đất này sau chính bản thân thành phố theo suy nghĩ của tôi là thứ tôi sắp kể ra đây: Những chiếc thuyền của họ, ý tôi muốn nói tới những chiếc thuyền đi xuôi dòng sông tới Babylon, có hình tròn và làm toàn bằng da. Vì họ làm khung cho thuyền bằng những cây liễu họ chặt ở vùng đất của người Armenia sống phía trên người Assyria, rồi quanh bộ khung này họ căng những tấm da thành một lớp bọc ngoài như một kiểu vỏ thuyền, không hề làm phần đuôi thuyền rộng và mũi thuyền nhọn lại, mà chế tạo những chiếc thuyền tròn như một chiếc khiên. Sau đó, họ lót thuyền bằng rơm rồi để thuyền chất đầy hàng hóa đi xuôi dòng, và đa số những chiếc thuyền kiểu này mang xuôi dòng những thùng bộng bằng gỗ cọ đựng đầy rượu vang. Thuyền được lái đi nhờ hai mái chèo và hai người đứng thẳng, người bên trong kéo mái chèo của mình trong khi người bên ngoài đẩy. Những chiếc thuyền này được chế tạo cả với kích thước rất lớn lẫn kích thước nhỏ hơn, và thuyền cỡ lớn nhất có thể chở được trọng lượng tới 5.000 *talanta*, và trong mỗi chiếc thuyền có chở một con lừa còn sống, và trong những thuyền cỡ lớn chở vài con. Nhờ thế, khi người ta tới Babylon sau chuyến đi và đã dỡ hàng xong, các chủ thuyền bán đấu giá bộ khung thuyền và tất cả rơm, rồi chất các tấm da lên lưng những con lừa của họ và dắt lừa về Armenia, vì không thể đi ngược dòng sông bằng bất cứ loại thuyền bè nào, do dòng nước chảy xiết, và cũng chính vì lý do này người ta không chế tạo thuyền bằng gỗ mà bằng da. Nhờ vậy, khi họ quay trở về vùng đất của người Armenia dắt theo những con lừa, họ lại chế tạo những chiếc thuyền mới theo cách tương tự.

195. Đó là về những chiếc thuyền của họ, còn sau đây là thứ trang phục họ mặc, một thứ áo tunic bằng vải lanh dài tới tận bàn chân, và bên ngoài chiếc áo này họ mặc một chiếc áo nữa bằng len, rồi một chiếc áo choàng trắng quàng quanh người, trong khi họ đi những chiếc giày theo phong cách bản địa trông giống dép Boiotia. Họ để tóc dài và quấn khăn quanh đầu, và họ xức nước thơm lên khắp người. Mỗi người đàn ông có một dấu triện và một cây gậy chạm trổ thủ công, và trên mỗi cây gậy được khắc hình hoặc một quả táo, một bông hồng hay một bông huệ, một con đại bàng hay một biểu tượng nào khác, vì theo phong tục của họ, không ai lại mang một cây gậy không có biểu tượng trên đó.

196. Đó là những thứ họ mặc trên người, và các phong tục đã được thiết lập của họ là như sau, trong đó khôn ngoan nhất theo ý tôi là phong tục dưới đây, điều tôi được cho hay là có cả ở người Enetoi tại Illyria. Tại tất cả các làng, cứ mỗi năm một lần phong tục này được thực hiện như sau: Khi các trinh nữ đến tuổi thành hôn, người ta tập hợp những cô gái này lại và đưa tới một nơi, tại đó những người đàn ông tới tập trung xung quanh họ. Người xướng danh liền gọi vài cô gái đứng dậy một lượt, và tiến hành bán họ, trước hết là cô xinh đẹp nhất, và sau đó, khi thiếu nữ này đã được bán đi và đem về một khoản tiền lớn, ông ta liền bán tới cô gái xinh đẹp thứ nhì sau cô này. Và những cô thiếu nữ được bán đi để kết hôn. Tất cả những người đàn ông Babylon giàu có sẵn sàng kết hôn sẽ đấu giá với nhau để giành lấy những trinh nữ xinh đẹp nhất. Những người đàn ông bình dân cũng sẵn sàng lấy vợ nhưng không đòi hỏi cô dâu xinh xắn sẽ chấp nhận một khoản tiền đi kèm các thiếu nữ kém sắc nhất. Vì khi người xướng danh đã hoàn tất việc bán đấu giá những thiếu nữ xinh đẹp nhất, ông ta sẽ lệnh cho những cô kém nhan sắc nhất đứng dậy, hoặc bất cứ cô gái nào khuyết tật, rồi ông sẽ chỉ định đích danh từng cô, rồi hỏi ai trong số đàn ông sẵn sàng cưới cô gái đó làm vợ mà đòi hỏi ít vàng nhất, vàng sẽ được lấy từ việc bán các thiếu nữ xinh đẹp, và vậy là những cô gái đẹp cung cấp của hồi môn cho những cô gái kém nhan sắc hay khuyết tật. Tuy nhiên, không ông bố nào được phép tự gả con gái đi cho bất cứ người đàn ông nào khác, hay một người đàn ông không được phép mang trinh nữ đi sau khi mua mà không đưa ra đảm bảo, vì người đàn ông nhất thiết phải đưa ra đảm bảo rằng ông ta sẽ cưới cô gái trước khi đưa cô gái đi. Và nếu hai người sống không hòa thuận, luật quy định rằng người đàn ông phải trả lại tiền. Luật cũng cho phép bất cứ ai muốn có thể từ các làng khác tới và mua.

Đây là phong tục đáng trân trọng nhất của họ. Tuy nhiên, hiện thời phong tục này không còn tồn tại nữa, vì về sau họ đã định ra một cách khác để những người đàn ông không xử tệ với các cô gái hay đưa họ tới một thành phố khác, bởi vì kể từ khi Babylon bị chinh phục, cư dân ở đây đã bị đàn áp và khánh kiệt, kết quả là mỗi khi một người đàn ông bình dân túng thiếu, anh ta lại bắt các con gái mình phải bán dâm.

197. Một phong tục khác được người Babylon thiết lập cũng xứng đáng được xếp kế tiếp về mức độ khôn ngoan: Họ đưa những người ốm tới chợ, vì họ không có các thầy thuốc. Tại đó, người ta tới chỗ người ốm và đưa ra lời khuyên về bệnh trạng của người này, nếu như có ai đó từng mắc phải chứng bệnh gì giống như của người ốm, hay từng thấy người khác mắc phải. Những người này

sẽ lại gần đưa ra lời khuyên và gợi ý những cách thức mà bản thân họ đã dùng để trị khỏi bệnh hay thấy người khác được trị khỏi bệnh. Với họ, đi qua bên một người ốm mà im lặng không hỏi xem người này mắc bệnh gì là điều không được phép.

198. Họ chôn cất người chết trong mật ong, và cách than khóc của họ cũng giống như tập tục được sử dụng tại Ai Cập. Và bất cứ khi nào một người Babylon giao hoan với vợ, sau đó anh ta sẽ tới ngồi bên cạnh chỗ hương được đốt lên, và vợ anh ta cũng làm tương tự về phía đối diện, và đến sáng cả hai vợ chồng sẽ tắm rửa, vì họ sẽ không được chạm tới bất cứ bình đựng nào cho tới khi đã tắm rửa. Về chuyện này người Arabia cũng có tập tục tương tự.

199. Phong tục đáng hổ thẹn nhất của người Babylon là như sau: Tất cả phụ nữ trong vùng phải tới thánh địa của nữ thần Aphrodite một lần trong đời và giao hoan với một người đàn ông lạ. Nhiều phụ nữ không thèm hòa lẫn cùng những người khác vì kiêu ngạo do giàu có, những người này được đưa đến đền trên những cỗ xe có mui kín do những đôi ngựa kéo, tới chỗ của họ với một số lớn gia nhân tháp tùng. Song số lớn hơn làm như sau: Trong thánh địa của Aphrodite có rất nhiều phụ nữ ngồi với một vòng hoa trên đầu, liên tục có những người đến và đi. Và giữa những người phụ nữ có các lối đi thành đường thẳng theo mọi hướng, trên đó những người đàn ông lạ đi qua và lựa chọn. Một phụ nữ khi đã tới đây ngồi vào chỗ của mình sẽ không trở về nhà cho tới khi một trong số những người lạ mặt ném một đồng xu bạc vào lòng cô ta và đã giao hoan với cô ta bên ngoài ngôi đền, còn người đàn ông sau khi ném tiền chỉ cần nói: "Tôi muốn cô, nhân danh nữ thần Mylitta" – Mylitta là tên người Assyria gọi Aphrodite. Đồng xu bạc có thể có trị giá bất kỳ, dù bao nhiêu thì người phụ nữ cũng sẽ không từ chối, vì đối với cô ta như thế là trái luật, bởi đồng xu đã trở nên thiêng liêng do cử chỉ của người đàn ông. Người phụ nữ sẽ theo người đàn ông đầu tiên ném tiền xuống và không từ chối gì. Sau đó, cô ta quay về nhà, đã hoàn thành xong bổn phận của mình với nữ thần, và từ đó trở đi không ai có thể dùng bất cứ món quà nào dù giá trị lớn tới đâu để chiếm đoạt cô ta. Những phụ nữ có nhan sắc và địa vị nhanh chóng được giải thoát, song những người kém nhan sắc phải ở lại đó một thời gian dài vì không thể hoàn tất bổn phận luật tục quy định, có những người thậm chí phải ở lại tới ba hay bốn năm. Ở một số vùng trên đảo Kypros cũng có một phong tục tương tự như vậy.

200. Ở trên là những phong tục của người Babylon, và trong số họ có ba bộ lạc không ăn gì khác ngoài cá, và sau khi họ đã bắt được cá và phơi khô dưới nắng, họ ném chúng vào nước muối, sau đó

giã nhỏ bằng chày và kéo căng qua cái rây bằng vải lanh, rồi nhào bột làm thành một thứ bánh mềm, hay nướng lên như bánh mì, tùy theo sở thích.

201. Khi dân tộc này cũng đã bị Kyros khuất phục, nhà vua lại nảy ra ý muốn bắt người Massagetai quy phục mình. Dân tộc này có tiếng là vĩ đại và hiếu chiến, và nằm về phía đông nơi mặt trời mọc, ở bên kia sông Araxes và đối diện với người Issedones, có một số người nói rằng dân tộc này thuộc nòi giống Skythia.

202. Về sông Araxes, một số người nói con sông này lớn hơn sông Istros, số khác lại kể là nhỏ hơn, và người ta kể trên dòng sông này có rất nhiều hòn đảo với kích thước ngang bằng với đảo Lesbos, và sống trên những hòn đảo này là những cư dân sống qua mùa hạ nhờ đủ loại rễ cây họ đào lên cùng một vài loại quả mọc trên cây đã được họ phát hiện ra làm thức ăn, người ta cũng kể rằng họ tích trữ quả vào mùa quả chín để dành ăn vào mùa đông. Người ta cũng kể rằng cư dân trên các đảo đó đã khám phá ra những loại cây khác cho một thứ quả mà khi họ tụ tập lại một chỗ và nhóm lửa lên, họ ngồi thành vòng tròn quanh đống lửa rồi ném vài quả vào lửa, sau đó họ ngửi mùi thứ quả này tỏa ra khi cháy, và bị say sưa bởi thứ mùi này cũng như người Hy Lạp bị say sưa bởi rượu vang, và khi có thêm nhiều quả được ném vào lửa, họ càng thêm say sưa, cho tới khi cuối cùng họ đứng dậy nhảy múa và bắt đầu hát. Theo lời kể thì đây là cách sống của họ.

Về sông Araxes, sông này chảy từ vùng đất của người Matienoi, cũng là nơi bắt nguồn dòng sông Gyndes đã bị Kyros chia ra thành 360 dòng kênh, rồi chảy theo 40 nhánh, tất cả các nhánh này, ngoại trừ một, đều kết thúc bằng những đầm lầy và những hồ nước nông. Người ta kể rằng sống ở những nơi đó là những người ăn cá sống, những người thường dùng da hải cẩu làm trang phục. Nhánh duy nhất còn lại của sông Araxes chảy một mạch không bị ngăn trở đổ ra biển Kaspia.

203. Biển Kaspia nằm biệt lập, không hề kết nối với các biển khác. Trong khi tất cả vùng biển người Hy Lạp từng qua lại, cũng như vùng biển nằm ở xa hơn Các trụ của Herakles[1], được gọi là Atlantis, và biển Erythra, trên thực tế đều chỉ là một, thì biển Kaspia nằm tách biệt độc lập. Chiều dài của biển này phải mất 15 ngày hải hành nếu dùng mái chèo, và chiều rộng của nó, ở nơi rộng nhất, cần đi mất tám ngày. Ở bờ phía tây của biển này, dãy Kaukasos chạy dọc theo bờ, trong tất cả các dãy núi đây là dãy dài nhất và cao nhất. Và ở dãy Kaukasos có nhiều chủng tộc cư ngụ, phần lớn các tộc người này sống nhờ vào sản vật hoang dại của

các khu rừng, và ở chỗ họ người ta kể có những cây cho thứ lá mà khi nghiền nát và trộn với nước họ dùng để vẽ hình lên trang phục, và những hình vẽ này không bị trôi đi khi giặt mà lưu lại trên vải len theo thời gian như thể được dệt từ lúc đầu. Người ta cũng kể rằng chuyện giao hoan của những tộc người này diễn ra công khai như gia súc.

---

[1]. Tức eo Gibraltar.

---

204. Như vậy, về phía tây biển Kaspia, dãy Kaukasos chính là biên giới, trong khi về phía đông và hướng mặt trời mọc là một đồng bằng kéo dài vô tận hết tầm mắt. Người Massagetai chiếm cứ một phần lớn đồng bằng mênh mông này, và Kyros đang nóng lòng muốn xuất quân chống lại họ, vì có nhiều lý do mạnh mẽ kích động nhà vua tiến hành cuộc chiến này và hối thúc ông xuất quân – trước hết là do cách ông ra đời, việc ông được nhìn nhận không phải là một người phàm trần, rồi kế đến là thành công nhà vua có được trong các cuộc chiến tranh của ông, vì cho dù Kyros tiến quân tới nơi nào, dân tộc đó cũng không thể chống cự được.

205. Cai trị người Massagetai là một phụ nữ, trở thành nữ vương sau khi chồng bà qua đời, tên là Tomyris. Kyros đã phái sứ giả tới cầu hôn, giả bộ rằng ông muốn cưới bà làm vợ. Song Tomyris hiểu nhà vua đang muốn giành lấy không phải bản thân bà mà vương quốc của người Massagetai, vì thế bà từ chối lời cầu thân của nhà vua. Vậy là Kyros sau đó công khai tấn công người Massagetai, bắc cầu phao từ những chiếc thuyền ghép thành để quân đội của ông vượt sông, và xây các tòa tháp bên trên những chiếc thuyền đã cho phép họ vượt sông.

206. Trong khi nhà vua đang bận rộn với việc này, Tomyris cử một sứ giả tới nói như sau: “Hỡi vua của người Media, hãy dừng việc mà ngài hiện đang thúc đẩy, vì ngài không thể nói chuyện này có kết thúc có lợi cho ngài hay không. Ta khuyên ngài hãy thôi tiến quân, và hãy làm vua cai trị thần dân của ngài, và chấp nhận để ta cai trị những thần dân của ta. Nhưng vì ta biết ngài sẽ không sẵn sàng đón nhận lời khuyên này, mà sẽ chọn làm bất cứ điều gì còn hơn là án binh bất động, thế nên nếu ngài nóng lòng muốn thử thách người Massagetai trong chiến đấu, hãy lập tức tới đây, bỏ lại những thứ ngài đang lắp đặt bên bờ sông, và vượt sông tiến vào đất của chúng ta, sau khi chúng ta đã rút lui lại ba ngày đường khỏi bờ sông. Hoặc nếu ngài muốn đón chúng ta vào đất của ngài, hãy làm điều tương tự”. Nghe xong, Kyros tập hợp lại các triều

thần Ba Tư cao cấp nhất, rồi đưa vấn đề ra thảo luận với họ, hỏi lời khuyên của họ xem ông nên làm theo lựa chọn nào trong hai lựa chọn. Và tất cả họ đều nhất trí thỉnh cầu nhà vua thu nhận Tomyris và quân đội của nữ vương vào lãnh thổ của mình.

207. Nhưng Kroisos người Lydia, cũng có mặt tại đó và cảm thấy quan điểm này bất ổn, đưa ra ý kiến trái ngược với quan điểm đã được đưa ra và nói như sau: "Tâu bệ hạ, trước đây thần cũng đã tâu với bệ hạ rằng, vì Zeus đã trao thần cho bệ hạ, trong khả năng của mình, thần phải ngăn chặn bất cứ bất trắc nào có thể đến với triều đại của ngài. Những tai ương cay đắng thần đã phải chịu đựng đã chứng tỏ là những bài học về sự sáng suốt dành cho thần. Nếu bệ hạ coi ngài là bất tử và đang chỉ huy một đạo quân cũng bất tử, thì thần cũng không cần phải tâu lên ngài suy nghĩ của thần. Nhưng nếu bệ hạ coi bản thân cũng là một người trần đoản mệnh và ngài đang chỉ huy những con người bình thường như vậy, khi đó xin bệ hạ hãy biết cho điều này trước nhất, đó là trong những việc của con người luôn có một bánh xe vận hội, và vòng quay của nó không luôn cho cùng một người có được vận may. Vì thế thần lúc này có một suy nghĩ về việc chúng ta đang bàn tới trái ngược với ý kiến của những người khác. Nếu chúng ta chấp nhận đón đánh kẻ thù trên đất của mình, với bệ hạ sẽ có mối nguy hiểm sau đây: Nếu bại trận, bệ hạ sẽ để mất thêm luôn cả vương quốc của mình, vì rõ ràng nếu người Massagetai chiến thắng, họ sẽ không quay trở lại và triệt thoái, mà sẽ hành quân đến các tỉnh của ngài. Ngược lại, nếu bệ hạ giành chiến thắng, ngài sẽ không chiến thắng trọn vẹn được như trong trường hợp ngài vượt sông tiến vào đất của họ và có thể truy đuổi họ khi họ tháo chạy. Vì ngược lại với những gì người khác đã nói mà thần sẽ nhắc lại lần nữa, thần xin tâu rằng khi bệ hạ đã chiến thắng, ngài sẽ hành quân tiến thẳng vào vương quốc của Tomyris. Bên cạnh những gì thần đã tâu, sẽ là một nỗi nhục không thể chấp nhận được nếu Kyros, con trai Kambyses, lại nhường bước trước một người đàn bà và rút lui khỏi đất của bà ta. Vì thế, lúc này tốt hơn cả chúng ta nên vượt sông và tiến qua các chỗ vượt sông xa hết mức kẻ thù đã rút lui, rồi khuất phục chúng bằng cách sau đây. Như thần được biết, người Massagetai chưa từng biết đến những thứ tiện nghi của Ba Tư, và chưa bao giờ được tận hưởng sự xa hoa lớn lao. Thế nên hãy giết thịt súc vật thật ê hề, tẩm ướp thịt và sửa soạn một bữa tiệc lớn cho những người này trong trại của chúng ta, ngoài ra hãy phân phát rượu vang nguyên chất và đủ loại thức ăn khác không hạn chế, và sau khi đã làm thế, để lại đằng sau phần kém cỏi nhất của quân đội dưới quyền bệ hạ và rút lui khỏi doanh trại về phía con sông. Nếu thần không nhầm, khi kẻ thù tới và thấy

một lượng lớn rượu cùng đồ ăn, chúng sẽ chè chén say sưa, và chúng ta chỉ còn phải thể hiện những chiến công xuất sắc".

208. Trên đây là những quan điểm đối nghịch, và Kyros, sau khi bác bỏ ý kiến thứ nhất và lựa chọn ý của Kroisos, liền đưa tin báo để Tomyris lui quân, vì ông dự định sẽ vượt sông tới giao chiến với nữ vương. Nữ vương sau đó liền thực hiện việc lui quân như bà đã đề nghị thực hiện ban đầu, còn Kyros giao phó Kroisos lại cho con trai ông, Kambyses, người nhà vua có ý cho thừa kế vương quốc, và căn dặn hoàng tử chân thành phải tôn trọng và đối xử tử tế với ông này nếu cuộc vượt sông tấn công người Massagetai không thành công. Sau khi đã căn dặn hoàng tử như vậy và cho hai người quay về vùng đất của người Ba Tư, nhà vua vượt sông cùng quân đội.

209. Khi Kyros đã vượt sông Araxes, đêm đến nhà vua có một giấc mơ trong khi ngủ trên đất của người Massagetai như sau: Trong giấc mơ, Kyros thấy đứa con trai lớn tuổi nhất của Hystaspes có đôi cánh trên vai, và một bên cánh này phủ bóng lên châu Á, còn cánh bên kia lên châu Âu. Hystaspes con trai Arsames là một người của gia tộc Akhaimenidai, có con trưởng là Dareios, một thanh niên khoảng 20 tuổi, chàng trai được để lại vùng đất của người Ba Tư vì chưa đến tuổi ra trận. Vậy là khi Kyros thức dậy, nhà vua một mình ngẫm nghĩ về giấc mơ. Và vì ông cảm thấy giấc mơ rất quan trọng, nhà vua cho gọi Hystaspes tới, rồi sau khi đã kéo riêng ông này ra một chỗ với mình, nhà vua nói: "Hystaspes, con trai ngươi đã bị phát giác âm mưu chống lại ta và ngai vàng của ta, và ta sẽ cho ngươi hay làm thế nào ta biết chắc chắn điều này. Các vị thần đã phù hộ cho ta và báo cho ta biết trước những mối nguy đe dọa. Vì thế vào đêm qua trong lúc ngủ ta mơ thấy con trai cả của ngươi mọc trên vai đôi cánh, một bên cánh phủ bóng lên châu Á, bên kia phủ lên châu Âu. Từ giấc mơ đó mà suy, chỉ có thể là hắn đang mưu đồ chống lại ta. Vì thế ngươi hãy đi theo đường ngắn nhất trở lại Ba Tư và đảm bảo rằng khi ta quay trở về sau khi đã chinh phục vùng đất này, ngươi sẽ đưa con trai ngươi diện kiến ta để tra xét".

210. Kyros nói vậy khi cho rằng Dareios đang âm mưu chống lại mình, song trên thực tế các vị thần đang báo trước với nhà vua rằng ông được tiền định sẽ kết thúc số mệnh của mình tại đó và vương quốc của ông sẽ về tay Dareios. Trước lệnh vua, Hystaspes trả lời như sau: "Tâu bệ hạ, xin các vị thần hãy không để bất cứ ai thuộc dòng giống Ba Tư âm mưu chống lại ngài, và nếu có kẻ nào như thế, thần cầu mong hắn sẽ chết ngay lập tức, vì bệ hạ đã giúp người Ba Tư được tự do thay vì bị nô dịch, và được cai trị tất cả các

dân tộc thay vì bị kẻ khác cai trị. Nếu bệ hạ được báo mộng rằng con trai thần đang toan tính nổi loạn chống lại ngài, thần xin giao nộp nó để bệ hạ xử trí theo ý ngài".

211. Hystaspes, sau khi đã trả lời như vậy và vượt sông Araxes, lên đường trở về Ba Tư để giám sát con trai Dareios của mình cho Kyros. Trong khi đó, Kyros tiến quân và hành quân tiếp một ngày đường sau khi vượt sông Araxes theo gợi ý của Kroisos. Tiếp theo, sau khi Kyros và phần thiện chiến nhất của quân đội Ba Tư đã hành quân lui trở lại sông Araxes, còn những người không đủ sức chiến đấu bị bỏ lại sau, một phần ba quân đội của người Massagetai tấn công và tàn sát những người đạo quân của Kyros bỏ lại sau, cho dù có gặp chống cự. Khi đã khuất phục xong kẻ thù và thấy bữa tiệc đã được bày ra, họ liền ngồi xuống chè chén, rồi sau khi đã thỏa thích với đồ ăn và rượu vang, họ ngủ thiếp đi. Lúc đó, người Ba Tư ập tới những người này và giết rất nhiều, đồng thời bắt sống số lượng còn đông hơn số bị giết, trong số này có con trai nữ vương Tomyris, người đã chỉ huy đạo quân người Massagetai. Vị hoàng tử có tên Spargapises.

212. Khi biết tin về những gì đã xảy tới với đạo quân cũng như với con trai bà, nữ vương liền phái một sứ giả tới gặp Kyros và nói như sau: "Kyros, kẻ khát máu vô bờ, đừng vội kiêu hãnh về những gì vừa xảy ra, vì ngươi đã đánh bại con trai ta không phải bằng sự quả cảm trong chiến đấu mà nhờ bày ra một cái bẫy, với một thứ thuốc độc, với thứ quả của cây nho đó, khi rượu vang làm từ nó đã ngấm vào cơ thể, tràn ngập con người ta và khiến người ta hóa điên, những lời lẽ xấu xa sẽ tuôn ra. Vì thế, giờ ngươi hãy đón nhận lời khuyên chân thành ta dành cho ngươi: Hãy trả con trai lại cho ta và rời khỏi mảnh đất này mà không bị trừng phạt sau khi đã chiến thắng trước một phần ba quân đội của người Massagetai. Nhưng nếu ngươi không chịu làm như thế, ta xin lấy Mặt trời, chúa tể của người Massagetai, làm chứng mà thề với ngươi rằng ta sẽ cho ngươi ngập đầy trong máu, cho dù ngươi có khát máu tới đâu chăng nữa".

213. Khi những lời này được chuyển tới nhà vua, Kyros không thèm để tâm. Và khi Spargapises, con trai nữ vương Tomyris, tỉnh khỏi cơn say rượu vang và biết được tình cảnh hiểm nghèo mình đang lâm vào, hoàng tử đã khẩn cầu Kyros hãy tháo xiềng xích cho mình và được ưng thuận, rồi ngay khi được tháo xiềng xích và có thể cử động được hai bàn tay, vị hoàng tử liền tự sát.

214. Còn Tomyris, vì Kyros đã không nghe theo lời bà, cho tập trung toàn bộ lực lượng của mình và giao chiến cùng Kyros. Trong

tất cả những trận đánh diễn ra giữa các man tộc, tôi cho rằng đây là trận chiến ác liệt nhất, và theo những gì tôi được nghe kể lại, trận đánh đã diễn ra như sau: Thoạt tiên, người ta kể lại rằng quân đội hai bên dàn trận cách xa và bắn tên vào nhau, sau đó, khi họ đã bắn hết tên, hai đạo quân liền xông vào nhau và cận chiến bằng giáo và dao, và hai bên giao chiến suốt một thời gian dài, không bên nào tháo chạy. Nhưng rồi cuối cùng người Massagetai giành chiến thắng, phần lớn quân đội Ba Tư bị tiêu diệt tại trận, và cả Kyros cũng tử trận tại đó, sau khi đã trị vì 29 năm.

Sau trận đánh, Tomyris cho đổ đầy máu người vào một cái túi da và cho tìm kiếm thi thể Kyros trong số những người Ba Tư tử trận. Khi tìm ra, nữ vương cắt đầu ông nhét vào trong túi da đựng máu, hạ nhục thi thể, đồng thời nói như sau: "Dù ta đã sống và thắng ngươi trong chiến đấu, nhưng ngươi đã làm ta thất bại khi cướp đi con trai ta bằng mưu mô, song theo đúng lời cảnh cáo của ta, ta sẽ cho ngươi được ngập đầy trong máu". Về kết cục của Kyros có rất nhiều câu chuyện được thuật lại, nhưng câu chuyện tôi đã kể ở đây theo tôi suy ngẫm là đáng tin nhất.

215. Về người Massagetai, họ mặc một trang phục giống như của người Skythia, và có lối sống cũng giống như tộc người này. Trong số họ có những kỵ sĩ và những người không cưỡi ngựa (vì họ thành thạo cả hai kiểu chiến đấu), thêm nữa có cả những cung thủ và chiến binh dùng giáo, còn thói quen của họ là mang theo rìu chiến, và họ dùng vàng hoặc thanh đồng vào mọi mục đích. Để làm mũi giáo, mũi tên hay lưỡi rìu chiến, họ dùng thanh đồng, nhưng để chế mũ đội đầu, đai lưng và vòng đeo quanh bắp tay họ dùng vàng trang trí. Tương tự như với chiến mã của mình, họ đeo trước ngực chúng những tấm giáp che ngực bằng thanh đồng, nhưng trên dây cương, ngáng hàm và dây đai má ngựa họ lại dùng vàng. Tuy nhiên, họ hoàn toàn không dùng sắt và bạc, vì không có các kim loại này trên đất của mình, nhưng vàng và thanh đồng thì họ có nhiều.

216. Dưới đây là những phong tục của họ: Mỗi người đàn ông cưới một người vợ, nhưng những người vợ là chung giữa những người đàn ông, vì phong tục này, được người Hy Lạp cho rằng là của người Skythia, trên thực tế không được người Skythia, mà là người Massagetai thực hiện, có nghĩa là khi một người đàn ông Massagetai thèm muốn bất cứ phụ nữ nào, anh ta treo ống tên của mình trước xe rồi thoải mái giao hoan với người phụ nữ đó. Họ không có giới hạn chính xác nào đặt ra cho tuổi tác của mình, song khi một người trở nên rất già, những họ hàng gần gũi nhất của người già này cùng nhau tập trung lại và giết người đó một

cách trang trọng cùng với gia súc của người bị giết, rồi sau đó luộc thịt và mở tiệc. Với họ, đây được coi là số phận hạnh phúc nhất, song với những người chết vì bệnh, họ sẽ không ăn thịt mà chôn dưới đất, coi việc người đó không sống được đến tuổi để bị giết là một điều bất hạnh. Họ không trồng trọt bất cứ vụ mùa nào mà sống nhờ vào gia súc và cá, họ thu được vô số cá từ sông Araxes. Thêm nữa, họ uống sữa. Về các vị thần, họ chỉ tôn thờ Mặt trời, và hiến sinh ngựa lên vị thần này. Quy tắc của việc hiến sinh này là: Để dâng lên vị thần nhanh nhẹn nhất trong mọi vị thần, họ dùng lễ vật là sinh vật nhanh nhẹn nhất trong mọi sinh vật trần thế.

Quyển 2
Euterpe[1]

[1]. Nữ thần âm nhạc theo thần thoại Hy Lạp.

1. Khi Kyros tử trận, Kambyses kế vị. Ông là con trai của Kyros và Kassandane, con gái Pharnaspes. Khi bà qua đời dưới thời Kyros, ông đã để tang rất trọng thể, đồng thời bố cáo với tất cả các thần dân ông trị vì rằng họ cũng phải để tang bà. Kambyses, con trai của bà và Kyros, coi người Ionia và người Aiolis như các nô lệ được thừa kế từ cha; và vị tân vương xuất quân tấn công Ai Cập, mang theo làm phu phen không chỉ thần dân của các dân tộc khác mà ông trị vì, mà cả những người Hy Lạp dưới quyền mình.

2. Người Ai Cập, trước khi Psammetikhos trở thành vua của họ, thường cho rằng họ là tộc người lâu đời nhất; nhưng kể từ khi Psammetikhos, sau khi trở thành vua, mong muốn biết tộc người nào đã hình thành đầu tiên, họ cho rằng người Phrygia đã hình thành trước họ, song họ hình thành trước tất cả các tộc người khác. Psammetikhos, khi không thể tìm ra bất cứ cách nào để biết ai đã trở thành tộc người đầu tiên của loài người, đã nghĩ ra một kế như sau: Ông chọn lấy hai đứa trẻ sơ sinh con nhà thường dân, giao chúng cho một mục đồng nuôi dưỡng tại nơi người này chăn thả gia súc, và nuôi dưỡng chúng theo cách tôi sẽ miêu tả sau đây. Ông ra lệnh cho người này rằng không ai được thốt ra bất cứ lời nào khi lũ trẻ có mặt, và chúng cần được nhốt riêng trong một căn phòng nơi không ai được lui tới, và đến thời điểm cần cho ăn, người mục đồng sẽ mang tới cho lũ trẻ một con dê cái, và khi người này đã cho chúng uống sữa no, anh ta cần chăm lo cho chúng mọi điều cần thiết khác. Psammetikhos đưa ra những mệnh lệnh này cho người thực hiện nhằm muốn được nghe xem từ đầu tiên những đứa trẻ sẽ nói ra là gì, sau khi chúng đã dừng la khóc vô nghĩa. Và tất cả được thực hiện đúng như thế. Sau hai năm người mục đồng đã làm đúng theo lệnh, khi anh ta mở cửa

lều và bước vào, cả hai đứa trẻ cùng quỳ xuống trước mặt anh ta cầu xin và cùng nói ra từ *bekos* trong lúc chìa bàn tay ra. Thoạt đầu, khi anh ta nghe thấy, người mục đồng giữ im lặng. Nhưng vì từ này thường xuyên được nhắc lại khi anh ta thường xuyên tới thăm hai đứa trẻ và chăm sóc cho chúng, cuối cùng người mục đồng cũng tâu lại sự việc cho chủ nhân, và theo lệnh ông, anh ta đưa hai đứa trẻ tới trước mặt ông. Rồi sau khi đích thân Psammetikhos đã nghe được, ông bắt đầu cho dò hỏi xem dân tộc nào gọi bất cứ cái gì bằng từ *bekos*, rồi sau khi dò hỏi ông biết được người Phrygia dùng từ này để gọi bánh mì. Theo cách như vậy và nhờ vào manh mối này, người Ai Cập đã đi tới chỗ thừa nhận rằng người Phrygia là một tộc người lâu đời hơn chính họ. Đó là những gì đã diễn ra như tôi nghe được từ các vị tư tế thần Hephaistos cư trú tại Memphis; song người Hy Lạp lại kể, bên cạnh nhiều câu chuyện tầm phào, rằng Psammetikhos cho cắt lưỡi của một số phụ nữ, rồi sau đó để mấy đứa trẻ sống cùng những phụ nữ này.

3. Về phần nuôi dạy những đứa trẻ, họ cũng thuật lại khá giống như tôi đã kể. Và tôi cũng nghe được những điều khác tại Memphis khi tôi trò chuyện cùng các tư tế của thần Hephaistos. Thêm nữa, tôi đã tới thăm cả Thebai và Helioupolis cũng vì chính nguyên do này, cụ thể là vì tôi muốn biết liệu các tư tế tại những nơi này có thống nhất trong lời kể của họ so với các tư tế tại Memphis hay không, vì những tư tế tại Helioupolis được cho là những người hiểu biết nhất về những biên chép liên quan đến người Ai Cập. Tất cả những câu chuyện họ kể về các vị thần tôi không sốt sắng muốn thuật lại trọn vẹn, mà tôi sẽ chỉ kể ra tên các vị thần mà thôi, vì tôi cho rằng tất cả con người đều vô tri như nhau về vấn đề này; còn nếu có điều gì tôi có thể sẽ thuật lại, thì tôi làm vậy cũng chỉ vì diễn biến câu chuyện đòi hỏi mà thôi.

4. Song về những điều liên quan tới con người, các tư tế cũng thống nhất với nhau trong việc nói rằng người Ai Cập là tộc người đầu tiên trên thế gian tìm ra tiến trình của năm, vì đã chia các mùa thành 12 phần để hợp thành năm trọn vẹn. Họ kể rằng người Ai Cập đã tìm ra được điều này từ các vì sao, và theo tôi thấy có vẻ như họ tính toán khôn ngoan hơn so với người Hy Lạp, vì người Hy Lạp cứ hai năm một lần lại phải thêm một tháng nhuận để chỉnh cho các mùa đúng thời gian, trong khi người Ai Cập, sau khi đã ước định 12 tháng với mỗi tháng 30 ngày, liền thêm năm ngày nữa vào mỗi năm, nhờ đó vòng tuần hoàn các mùa của họ được trọn vẹn và các mùa trở lại vào đúng thời điểm ấn định ban đầu. Người ta còn nói thêm rằng người Ai Cập cũng là những người đầu tiên sử dụng tên gọi của 12 vị thần, và người Hy Lạp học cách dùng này từ họ. Người Ai Cập cũng là tộc người đầu tiên xây dựng

các ban thờ, tượng và đền cho các vị thần, và là những người đầu tiên chạm khắc hình ảnh trên đá. Và từ số lượng lớn những chứng tích loại này người ta cho tôi thấy thực tế những việc kể trên đã diễn ra đúng như vậy.

Người ta cũng kể rằng người đầu tiên trở thành vua Ai Cập là Min, vào thời của vị vua này, toàn lãnh thổ Ai Cập ngoại trừ vùng Thebai là một đầm lầy, và toàn bộ vùng đất nằm quá bên dưới hồ Moiris không có nơi nào nhô lên khỏi mặt nước, và để tới được hồ này cần trải qua bảy ngày đi ngược sông từ biển.

5. Tôi nghĩ họ đã nói đúng về vùng đất này, vì trên thực tế có thể thấy rõ ràng ngay cả với một người chưa từng được nghe câu chuyện trước đó mà chỉ nhìn, ít nhất nếu đó là người hiểu biết, rằng đất Ai Cập mà những người Hy Lạp đi tới bằng thuyền là một vùng đất đã được người Ai Cập giành lấy, và đó là một món quà của dòng sông. Thêm vào đó, các vùng nằm phía trên hồ Moiris cũng từng chìm dưới nước trong vòng ba ngày đi thuyền nữa, cho dù về việc này các tư tế không nói thêm gì về việc này. Vì bản chất của vùng đất Ai Cập là như sau: Trước hết, khi ta vẫn còn đang ở trên thuyền lại gần vùng đất này và còn cách bờ một ngày đi thuyền, nếu thả một dây dò xuống ta sẽ thấy có bùn và thấy nước bên dưới sâu 11 *orgyiai*[1]. Điều này cho thấy có hiện tượng phù sa bồi đắp.

6. Thứ hai, về phần chính đất Ai Cập, chiều dài dọc theo bờ biển của vùng đất này là 60 *skhoinoi*[2], theo như cách chúng ta coi Ai Cập là kéo dài từ Vịnh Plinthinetes tới hồ Serbonis, nơi có Núi Kasios chạy dài theo hồ. Và khoảng cách 60 *skhoinoi* được tính từ hồ nước này. Với những người có ít đất, đất của họ được đo bằng *orgyiai*, đất của những người khấm khá hơn được đo bằng *stadia*, những người có nhiều đất hơn được đo bằng *parasangai*[3], còn những người có đất đai dồi dào nhất đo bằng *skhoinoi*. Mỗi *parasanges* tương đương với 30 *stadia*, và mỗi *skhoinos*, vốn là một đơn vị đo Ai Cập, tương đương với 60 *stadia*. Vì thế bờ biển Ai Cập dài 3.600 *stadia*.

---

[1]. 1 *orgyia* (sn: *orgyiai*) tương đương 1/100 *stadion*.

[2]. 1 *skhoinos* (sn: *skhoinoi*) tương đương 7,4 km. (BT)

[3]. 1 *parasanges* (sn: *parasangai*) tương đương 5,5 km. (BT)

---

7. Từ bờ biển cho tới tận Helioupolis trong nội địa, Ai Cập là vùng đất rộng, và tất cả đất đai đều bằng phẳng, không có nước và được

tạo thành từ bùn. Và con đường từ biển đi vào đất liền tới Helioupolis cũng dài bằng con đường dẫn từ ban thờ của 12 vị thần tại Athenai tới Pisa và đền Zeus Olympios. Nếu đo đạc hai con đường, ta sẽ thấy chênh lệch về độ dài của chúng rất nhỏ, trên thực tế không quá 15 *stadia*. Vì con đường từ Athenai tới Pisa còn thiếu 15 *stadia* nữa thì dài vừa tròn 1.500 *stadia*, trong khi con đường từ Helioupolis ra biển dài đúng chừng đó.

8. Tuy nhiên, từ Helioupolis nếu đi lên, Ai Cập trở nên hẹp; vì ở một phía có một rặng núi thuộc về Arabia chạy dọc theo vùng đất này, theo một hướng từ phía bắc xuống phương nam và hướng gió nam, thành một mạch không gián đoạn cho tới tận biển Erythra. Trên rặng núi này có các mỏ đá được khai thác để cung cấp đá xây các kim tự tháp tại Memphis. Vậy là ở phía này rặng núi kết thúc ở nơi tôi đã nói, rồi sau đó vòng lại, và ở nơi nó rộng nhất, theo như tôi được cho hay, để đi qua từ phía Đông sang phía Tây sẽ mất tới hai tháng, và các triền núi hướng về phía đông được kể là nơi cho nhũ hương. Bản chất của rặng núi này là vậy. Còn về phía Ai Cập giáp với Libya lại có một rặng núi trải dài, lởm chởm đá và phủ đầy cát, trên rặng núi này có các kim tự tháp, và rặng núi này cũng chạy theo cùng hướng như các phần của rặng núi Arabia chạy xuống phía nam. Như vậy, từ Helioupolis vùng đất thuộc về Ai Cập không còn trải rộng nữa, và sau bốn ngày đi thuyền ngược dòng sông, phần đất thực sự gọi là Ai Cập khá hẹp. Vùng đất nằm giữa hai rặng núi vừa nói ở trên là đồng bằng, song ở nơi hẹp nhất, theo tôi chiều rộng của nó không quá 200 *stadia* kể từ rặng núi Arabia tới rặng núi được gọi là núi Libya. Sau nơi này, lãnh thổ Ai Cập lại rộng ra.

9. Tính chất của miền đất này là vậy. Và từ Helioupolis tới Thebai là một chuyến ngược sông kéo dài chín ngày, và khoảng cách của cuộc hành trình tính là 4.860 *stadia* hay 81 *skhoinoi*. Nếu các số đo của Ai Cập tính theo *stadia* được tập hợp lại, kết quả là như sau: Như tôi đã nói ở phần trước, chiều dài bờ biển lên tới 3.600 *stadia*, và bây giờ tôi xin nói rằng khoảng cách từ biển tới Thebai là 6.120 *stadia*, và khoảng cách từ Thebai tới thành phố có tên Elephantine là 1.800 *stadia*.

10. Vậy là về vùng đất này mà tôi đang nói đến, theo những gì các tư tế đã nói, theo tôi có vẻ như phần lớn do người Ai Cập giành lấy được; vì với tôi rõ ràng là phần đất nằm giữa hai rặng núi đã được kể tới ở trên nằm ở phía trên thành phố Memphis từng có thời là một vịnh biển, như các khu vực gần Ilion, Teuthrania và Ephesos cũng như đồng bằng Maiandros, nếu có thể được phép so sánh những thứ nhỏ với những thứ lớn, và những vùng đất này thực sự

là nhỏ khi so sánh, vì những dòng sông đã bồi đất lên những vùng đó không có dòng sông nào đáng để so sánh về dung lượng chỉ với một trong các cửa sông Neilos, dòng sông vốn có năm cửa sông. Thêm nữa, còn có những dòng sông khác, có quy mô tất nhiên không thể sánh ngang với sông Neilos, dòng sông đã tạo nên những điều lớn lao. Trong số những dòng sông này, tôi có thể kể tên một số sông, nhất là Akheloos, dòng sông chảy qua Akarnania, dòng sông này đẩy nhiều đất bồi ra biển tới mức nó đã biến nửa quần đảo Ekhinades từ các hòn đảo trở thành đất liền.

11. Ở vùng đất Arabia, cách không xa Ai Cập, có một vịnh biển chạy từ nơi được gọi là biển Erythra, rất dài và hẹp, mà tôi sắp kể đến. Về độ dài của cuộc hành trình đi dọc theo nó, một người xuất phát từ điểm nằm sâu nhất trong vịnh khi đi thuyền ra ngoài biển sẽ phải mất 40 ngày hành trình nếu dùng mái chèo. Còn về bề rộng của vịnh biển, ở nơi vịnh rộng nhất phải mất nửa ngày để chèo thuyền ngang qua. Trong vịnh có thủy triều lên xuống hằng ngày. Theo tôi Ai Cập cũng là một vịnh như thế, vịnh này chạy về phía Aithiopia[1] từ biển phía bắc[2]. Một vịnh khác mà tôi sắp nói tới, vịnh Arabia, chạy từ phía Nam về phía Syria, các vịnh này ăn sâu vào đất liền tới mức gần như gặp nhau tại điểm tận cùng của chúng, ở giữa chúng chỉ còn lại một khoảng cách nhỏ. Nếu dòng chảy của sông Neilos đổi hướng đổ vào vịnh Arabia này, liệu điều gì có thể ngăn cản vịnh đó bị phù sa bồi lấp khi dòng sông tiếp tục chảy trong suốt 20.000 năm? Về phần mình, quả thực quan điểm của tôi là nó hẳn sẽ bị bồi đắp thậm chí chỉ trong vòng 10.000 năm. Vậy làm thế nào trong suốt thời gian đã trôi qua trước khi tôi ra đời mà một vịnh biển thậm chí có kích thước còn lớn hơn lại không thể bị bồi đắp đầy bởi một dòng sông lớn và tích cực đến thế?

---

1. Aithiopia được Herodotos dùng để gọi vùng lãnh thổ châu Phi nằm về phía nam Ai Cập từ Sudan ngày nay, không hoàn toàn trùng với vùng Ethiopia ngày nay.

2. Địa Trung Hải.

---

12. Như vậy, về vùng đất Ai Cập, tôi vừa tin những người đã kể những điều trên, đồng thời về phần mình tôi cũng tin tưởng rằng đúng là như thế, vì tôi đã quan sát thấy rằng đất Ai Cập đã lấn ra biển xa hơn rất nhiều so với các vùng đất kề bên, và vỏ sò được tìm thấy trên các ngọn núi của xứ này, đồng thời một thứ hơi muối hình thành trên mặt đất làm bào mòn thậm chí cả các kim tự tháp, và thêm nữa trong tất cả núi ở Ai Cập, chỉ có rặng núi nằm ở phía trên Memphis là rặng duy nhất có cát. Bên cạnh

những điều kể trên, tôi nhận thấy Ai Cập không hề giống miền đất Arabia lân cận, cũng không hề giống Libya hay thậm chí cả Syria (vì chính những người Syria sinh sống ở những vùng bờ biển của Arabia), mà xứ này có thứ đất màu đen và dễ tơi vụn, vì đó trên thực tế chính là bùn và phù sa được dòng sông đưa xuống từ Aithiopia. Ngược lại, chúng ta biết rằng đất ở Libya có màu đỏ và giống cát hơn, trong khi đất của Arabia và Syria là đất pha sét và đá.

13. Các tư tế cũng cho tôi thấy một bằng chứng thuyết phục liên quan tới vùng đất Ai Cập, cụ thể là dưới thời trị vì của vua Moiris, bất cứ khi nào nước sông dâng lên cao ít nhất 8 *pekhes*, nước sông sẽ tràn ngập đất Ai Cập phía dưới Memphis. Chưa tới 900 năm đã trôi qua kể từ khi Moiris qua đời khi tôi được nghe các tư tế kể lại chuyện này. Tuy nhiên, ngày nay trừ khi dòng sông dâng lên tới 16 *pekhes*, hay ít nhất là 15 *pekhes*, nước sông sẽ không tràn bờ. Tôi cũng nghĩ rằng người dân Ai Cập sống ở phía dưới hồ Moiris, nhất là ở vùng được gọi là châu thổ, nếu đất tiếp tục bồi cao lên với cùng tỷ lệ và mở rộng một cách tương xứng, vì việc sông Neilos sẽ không còn dâng nước lên tràn ngập vùng đất của họ nữa, sẽ phải chịu đựng trong suốt thời gian còn lại sau này điều tương tự mà họ đã nói người Hy Lạp sẽ phải chịu đựng vào một thời điểm nào đó, vì khi nghe nói rằng toàn bộ đất đai của người Hy Lạp có mưa chứ không được cung cấp nước nhờ các dòng sông như đất đai của họ, họ đã nói rằng người Hy Lạp tới một lúc nào đó sẽ bị thất vọng và phải chịu khổ sở vì nạn đói. Những lời họ nói có nghĩa là nếu thần linh không ban cho người Hy Lạp mưa mà để hạn hán kéo dài, người Hy Lạp sẽ bị cái đói hủy diệt, vì trên thực tế họ không có nguồn cung cấp nước nào ngoài từ Zeus ban cho.

14. Người Ai Cập đã nói đúng điều này về người Hy Lạp, nhưng giờ cho phép tôi được nói tình hình như thế nào với chính người Ai Cập. Nếu, đúng như những gì tôi đã nói trước đây, vùng đất nằm dưới Memphis (vì đây là vùng đất đang bồi cao lên) tiếp tục bồi cao lên theo cùng mức độ như trong quá khứ, chắc chắn những người Ai Cập sống ở đó sẽ phải chịu nạn đói, nếu vùng đất của họ không có mưa và nước sông không thể vào được cánh đồng của họ. Tuy nhiên, chắc chắn là hiện tại họ thu hoạch hoa lợi từ đất đai mà ít phải bỏ công sức hơn bất cứ tộc người nào khác, và cũng ít hơn cả dân Ai Cập tại các vùng khác, vì họ không phải mất công cày đất cho tơi, hay bất cứ công việc nào mà những dân tộc khác phải làm trong mùa vụ, mà khi dòng sông đã tự dâng lên cấp nước cho những cánh đồng của họ, rồi sau đó lại rút nước đi, mỗi người sẽ gieo hạt trên cánh đồng của mình rồi xua gia súc ra cánh đồng, rồi khi đã nhờ lũ gia súc giẫm chân đẩy hạt giống sâu xuống đất,

người chủ cánh đồng sẽ đợi tới kỳ thu hoạch. Và sau khi đã dùng gia súc để giẫm cho hạt ngũ cốc rụng ra khỏi thân cây, người chủ cánh đồng sẽ thu hoạch ngũ cốc.

15. Nếu chúng ta muốn theo quan điểm của người Ionia về Ai Cập, cho rằng chỉ có vùng châu thổ là đất Ai Cập, coi vùng bờ biển của xứ này, bắt đầu từ nơi được gọi là Tháp canh của Perseus cho tới những nơi làm muối tại Pelousion, có chiều dài 40 *skhoinoi*, và tính toán rằng vùng đất Ai Cập chạy sâu vào đất liền tới tận thành Kerkasoros, nơi sông Neilos chia nhánh và chảy về Pelousion và Kanopos, trong khi phần lãnh thổ còn lại của Ai Cập, họ coi một phần thuộc về Libya, và một phần thuộc về Arabia. Nếu chúng ta theo cách nhìn nhận này, có thể tuyên bố rằng trước đó người Ai Cập chẳng có chút đất đai nào để sống, vì như chúng ta đã thấy, vùng châu thổ của họ đều là đất bồi, và mới hình thành tương đối gần đây, như chính người Ai Cập nói và theo quan điểm của tôi. Nếu thoạt đầu không có đất để họ sống, vậy vì sao họ lại lao tâm khổ tứ để chứng minh rằng họ đã xuất hiện đầu tiên, trước tất cả những dân tộc khác? Họ đã không phải thử nghiệm trên những đứa trẻ để xem chúng sử dụng thứ ngôn ngữ nào đầu tiên. Tuy nhiên, tôi không cho rằng người Ai Cập đã xuất hiện vào cùng thời điểm vùng đất người Ionia gọi là vùng châu thổ hình thành, mà họ đã luôn tồn tại trước đó từ khi loài người xuất hiện, và khi đất đai của họ mở rộng, rất nhiều người trong số họ đã rời nơi cư trú ban đầu của mình và dần dà chuyển tới sống ở những vùng đất thấp hơn. Ít nhất chắc chắn rằng thời xưa Thebai được gọi là Ai Cập, và chu vi của nơi này là 6.120 *stadia*.

16. Nếu chúng ta nhìn nhận đúng về những điều này, quan điểm của người Ionia về Ai Cập là không đúng. Nhưng nếu quan điểm của người Ionia là đúng, tôi xin nói luôn rằng cả người Hy Lạp lẫn người Ionia đều không biết suy xét vì họ nói rằng thế giới được hợp thành từ ba phần, châu Âu, châu Á và Libya, trong khi đáng lẽ ra họ phải bổ sung vùng châu thổ Ai Cập, vì vùng đất này không thuộc về châu Á hay Libya, vì chí ít theo lập luận này sông Neilos không thể ngăn cách châu Á khỏi Libya, mà sông Neilos chia nhánh tại châu thổ này để chảy quanh nó, kết quả là vùng đất vừa kể sẽ nằm giữa châu Á và Libya.

17. Vì thế chúng ta sẽ bác bỏ quan điểm của người Ionia, và đưa ra một đánh giá của riêng mình cả về vấn đề này nữa, rằng Ai Cập là toàn bộ vùng đất có người Ai Cập cư trú, cũng như Kilikia là vùng đất người Kilikia sinh sống, và Assyria là vùng đất người Assyria sinh sống, và chúng ta không biết tới ranh giới đích thực nào giữa châu Á và Libya ngoài các biên giới của Ai Cập. Tuy nhiên, nếu

chúng ta chấp nhận quan điểm vẫn thường được người Hy Lạp thừa nhận, chúng ta sẽ giả thiết rằng toàn bộ lãnh thổ Ai Cập, bắt đầu từ thác ghềnh và thành Elephantine, được chia thành hai phần cùng chia sẻ tên gọi, vì một phần như thế sẽ thuộc về Libya, còn phần kia thuộc về châu Á. Vì sông Neilos từ thác ghềnh trở đi chia đôi Ai Cập rồi chảy ra biển, và cho tới tận thành Kerkasoros, sông Neilos chảy thành một dòng duy nhất, song từ thành phố này trở đi dòng sông tách ra thành ba nhánh, trong đó có một nhánh, được gọi là cửa sông Pelousion, chảy về phía đông, nhánh thứ hai chảy về phía tây, được gọi là cửa sông Kanopikon, nhưng có một trong ba nhánh tiếp tục chảy thẳng – và khi dòng sông trên đường chảy xuống tới vùng châu thổ liền đi xuyên qua giữa vùng châu thổ rồi chảy ra biển. Ở nhánh này, chúng ta có một phần lượng nước của dòng sông, không nhỏ nhất cũng không phải ít nổi tiếng nhất, và nhánh này được gọi là cửa sông Sebennytikon. Ngoài ra còn có hai cửa sông khác tách ra từ nhánh Sebennytikon để chảy ra biển, chúng được gọi là các cửa sông Saitikon và Mendesion. Ngoài ra, các cửa sông Bolbitinon và Boukolikon không phải tự nhiên mà do con người đào.

18. Thêm nữa, câu trả lời của dự ngôn giả từ Ammon cũng ủng hộ quan điểm của tôi về việc lãnh thổ Ai Cập trải rộng đúng như tôi đã khẳng định trong phần tường thuật của mình. Câu trả lời này tôi đã được nghe sau khi tôi hình thành quan điểm của chính mình về Ai Cập. Vì cư dân của thành Marea và Apis, sinh sống tại phần lãnh thổ Ai Cập giáp ranh với Libya, tự cho rằng họ là người Libya chứ không phải người Ai Cập, cũng như họ bị áp bức bởi những quy định về các nghi lễ tôn giáo, vì họ không muốn bị cấm ăn thịt bò. Họ cử người tới nói với Ammon rằng họ không có điểm gì chung với người Ai Cập vì họ sống bên ngoài vùng châu thổ và không đồng thuận với người Ai Cập. Họ nói họ muốn được quyền ăn bất cứ thứ gì mà không bị giới hạn. Tuy nhiên, vị thần đã không cho phép họ làm thế, mà trả lời rằng tất cả những vùng đất sông Neilos chảy tới và cấp nước đều là đất Ai Cập, và những người sống phía dưới thành Elephantine uống nước dòng sông này đều là người Ai Cập. Dự ngôn giả đã trả lời như thế.

19. Vì sông Neilos, khi nó dâng nước lụt, tràn ngập không chỉ vùng châu thổ mà cả vùng đất thuộc về Libya cũng như vùng đất thuộc về Arabia, nhiều khi tới phạm vi hai ngày đường về mỗi phía, và có lúc xa hơn, có lúc gần hơn.

Còn về bản chất của dòng sông, từ các tư tế cũng như từ những người khác tôi đã không thể tìm hiểu được bất cứ điều gì, và tôi đặc biệt mong muốn được biết từ họ về chủ đề này, cụ thể là vì sao

sông Neilos lại tăng lưu lượng chảy xuôi dòng trong 100 ngày kể từ ngày hạ chí trở đi, rồi sau khi đã qua đủ số ngày này, lưu lượng nước của sông lại giảm xuống để mực nước sông tiếp tục thấp trong suốt mùa đông cho tới tận khi thời điểm hạ chí quay trở lại. Từ những người Ai Cập tôi đã không thể nhận được bất cứ lời kể nào về những điều này, khi tôi hỏi họ sông Neilos ẩn chứa sức mạnh nào khiến nó có bản chất trái ngược với các dòng sông khác. Và tôi đã dò hỏi, mong muốn biết được cả điều tôi vừa nói ở trên cũng như lý do vì sao, không giống tất cả các dòng sông khác, sông Neilos lại không tạo ra bất cứ cơn gió nào thổi từ nó.

20. Tuy nhiên, một số người Hy Lạp mong muốn tỏ ra nổi bật về sự thông minh đã đưa ra một lý giải về dòng sông này theo ba cách khác nhau: Hai trong số đó tôi không nghĩ thậm chí đáng để nhắc tới ngoại trừ nói qua bản chất của chúng. Trong hai cách này, một cách lý giải nói rằng gió Etesiai[1] là nguyên nhân làm dòng sông dâng nước, bằng cách ngăn không cho sông Neilos chảy ra biển. Nhưng gió Etesiai thường xuyên không xuất hiện đúng lúc trong khi sông Neilos vẫn tiếp tục dâng nước. Thêm nữa, nếu thứ gió này là nguyên nhân, tất cả các dòng sông khác chảy theo hướng ngược lại với gió Etesiai dứt khoát cũng phải bị ảnh hưởng theo cùng cách như sông Neilos, và thậm chí còn bị ảnh hưởng mạnh hơn, vì chúng nhỏ hơn và có dòng chảy yếu hơn trước gió, thế nhưng có rất nhiều dòng sông ở Syria, cũng như có rất nhiều sông tại Libya, và chúng không hề bị tác động theo cùng cách như sông Neilos.

---

1. Gió bắc khô thổi mạnh ở vùng biển Aigaion từ giữa tháng 5 tới giữa tháng 9 hằng năm.

---

21. Cách giải thích thứ hai còn chỉ ra sự vô tri nhiều hơn cả cách thứ nhất, và đáng kinh ngạc hơn để thuật lại, vì nó cho rằng sông Neilos gây ra hiện tượng đó vì nó chảy ngược từ Đại dương, và Đại dương chảy vòng quanh toàn thế giới.

22. Cách giải thích thứ ba là cách bề ngoài nghe có vẻ hợp lý nhất, nhưng dẫu vậy lại là cách nhầm lẫn hơn cả. Vì quả thực cách giải thích này cũng chẳng đúng hơn những cách còn lại, vì nó cho rằng sông Neilos nguồn nước từ tuyết tan chảy, trong khi dòng sông này chảy từ Libya xuyên qua giữa vùng đất của người Aithiopia rồi chảy vào Ai Cập. Vậy làm thế nào nó có dòng chảy bắt nguồn từ tuyết được, khi dòng sông này chảy từ những vùng đất nóng nhất tới những vùng mát mẻ hơn? Và quả thực phần lớn thực tế đều cho thấy rõ tới mức đủ để thuyết phục một người (ít

nhất là một người có khả năng suy luận về những chuyện như thế) rằng dòng sông này khó có khả năng bắt nguồn từ tuyết. Bằng chứng đầu tiên và rõ ràng nhất do những cơn gió cung cấp khi gió thổi tới từ các vùng đó đều nóng. Thứ đến, các vùng đó lại luôn không có mưa và không có sương giá, trong khi sau khi tuyết tan, trong vòng năm ngày nhất định phải có mưa rơi. Bằng chứng thứ ba là những người cư trú ở đó có da màu đen vì cái nóng thiêu đốt. Thêm nữa, lũ diều hâu và chim nhạn lưu trú ở đó cả năm và không rời khỏi những vùng đất này, và các đàn sếu bay đi tránh thời tiết lạnh giá ở vùng Skythia thường tới những vùng đất đó nghỉ đông. Nếu từng có tuyết hình thành, dù chỉ rất ít, ở những miền đất sông Neilos chảy qua và khiến cho mực nước sông dâng lên, không thể nào diễn ra những việc đã liệt kê ở trên, như thực tế buộc chúng ta phải thừa nhận.

23. Về tác gia đề cập đến Đại dương[1], ông ta đưa câu chuyện của mình tới tận vùng chưa ai biết tới, để ông ta không bị phản bác, vì về phần mình tôi không hề biết tới sự tồn tại của dòng sông Đại dương, song tôi nghĩ rằng Homeros hoặc một trong các thi sĩ sống trước ông đã nghĩ ra cái tên kể trên rồi đưa nó vào thơ của mình.

---

[1]. Cả các bản dịch tiếng Anh và tiếng Pháp người dịch dựa vào đều viết là Ocean (hoặc Océan), vì vậy người dịch mạn phép chuyển ngữ thành Đại dương, cho dù đoạn sau có vẻ hơi tối nghĩa.

---

24. Tuy nhiên, nếu như sau khi đã tìm ra những khiếm khuyết trong các quan điểm đã được nêu ra, tôi buộc phải tuyên bố một quan điểm của chính mình về vấn đề còn đang nghi vấn, tôi sẽ nói ra đây điều theo tôi nghĩ là lý do khiến sông Neilos dâng nước vào mùa hè. Vào mùa đông mặt trời bị đẩy dịch khỏi quỹ đạo trước đó của mình bởi những cơn gió lốc, sẽ đi qua phần thượng du của Libya. Nếu đề cập tới vấn đề này theo cách ngắn gọn nhất thì tới giờ tất cả đã được nói ra, vì bất cứ địa phương nào thần mặt trời lại gần nhất và ngự trị ngay trên đỉnh, dòng sông tại địa phương ấy sẽ bị khô cạn nhiều nhất.

25. Tuy nhiên, lý giải một cách tường tận hơn thì: Mặt trời di chuyển trên quỹ đạo của mình qua phần thượng Libya, nên từ xưa tới nay bầu trời tại vùng đó luôn quang mây và khí hậu ấm áp, vì không hề có gió lạnh. Khi mặt trời đi qua vùng đó như vẫn diễn ra vào mùa hè, mặt trời sẽ hút nước khi chạy qua trên bầu trời, và sau khi đã hút nước lên ngài lấy nước đi khỏi vùng phía trên, rồi những cơn gió đón lấy nước, làm phân tán nước ra các vùng khác và biến nước thành mưa. Như vậy cũng là lẽ tự nhiên khi gió thổi

tới từ vùng này, tức là những cơn gió nam và tây nam, mang theo nhiều mưa nhất trong tất cả các loại gió. Tuy nhiên, tôi nghĩ rằng mặt trời không trả đi tất cả nước lấy từ sông Neilos hằng năm, mà lưu lại một phần. Sau đó, khi mùa đông trở nên dịu hơn, mặt trời quay trở lại giữa bầu trời, và từ thời điểm đó trở đi mặt trời sẽ hút lượng nước như nhau từ tất cả các dòng sông, song cho tới lúc này các dòng sông đã chảy với lưu lượng lớn, vì nước mưa đã đổ vào chúng với lượng đáng kể, vì những vùng đất nơi chúng chảy qua khi đó đã nhận được mưa và đầy những dòng suối chảy xiết. Tuy nhiên, lưu lượng của chúng yếu vào mùa hè, vì khi đó không chỉ có ít mưa, mà nước còn bị hút đi bởi mặt trời. Tuy nhiên, trong tất cả các dòng sông, chỉ mình sông Neilos, không có mưa và không bị mặt trời hút nước, đương nhiên sẽ chảy vào mùa đông với lưu lượng ít hơn nhiều so với lưu lượng bình thường của nó, nghĩa là ít hơn rất nhiều so với vào mùa hè, vì khi đó sông Neilos bị hút đi lượng nước tương đương với tất cả các dòng sông khác, còn vào mùa đông chỉ riêng nó chịu gánh nặng này. Vì thế tôi cho rằng mặt trời là nguyên nhân của những hiện tượng này.

26. Theo tôi, mặt trời cũng chính là nguyên nhân khiến cho không khí ở những vùng đất này khô, vì mặt trời đã thiêu đốt không khí ở đó dữ dội hơn khi di chuyển trên bầu trời. Do đó mùa hè luôn ngự trị ở phần thượng Libya. Tuy nhiên, nếu thứ tự của các mùa đã bị thay đổi, và nếu giờ đây trên bầu trời gió bắc và mùa đông dịch chuyển tới nơi của gió nam là phương nam, và ở nơi gió nam từ đó tới giờ đây là phương bắc, nếu vậy mặt trời được đẩy từ phương nam lên bởi mùa đông và gió bắc sẽ đi lên phía bắc châu Âu, cũng giống như hiện tại mặt trời đang đi qua phía nam Libya, và di chuyển qua khắp châu Âu trên quỹ đạo của mình, tôi cho rằng mặt trời có ảnh hưởng đến sông Istros[1] tương tự như sông Neilos.

---

[1]. Tên gọi sông Danube của người Hy Lạp cổ.

---

27. Còn về các cơn gió, tại sao không có cơn gió nào thổi từ sông Neilos, quan điểm của tôi là thật không tự nhiên nếu có bất cứ thứ gió nào thổi từ nơi rất nóng, và một cơn gió thường thổi từ nơi nào đó lạnh.

28. Vậy hãy để những vấn đề này như chúng đang diễn ra và đã từng diễn ra thuở ban đầu, song về nguồn của sông Neilos, không ai, dù là người Ai Cập, người Libya hay người Hy Lạp, từng nói

chuyện với tôi tỏ ra là biết bất cứ điều gì, ngoại trừ người thư lại tại bảo khố của Athena tại thành Sais ở Ai Cập. Tuy nhiên, người đàn ông này dường như đã không nói một cách nghiêm túc với tôi khi kể rằng ông ta có ít nhiều hiểu biết về chuyện đó. Và ông ta đã kể như sau: Có hai ngọn núi với đỉnh nhọn hoắt tọa lạc giữa thành Syene, nằm tại vùng Thebai, và Elephantine, và hai ngọn núi này có tên là Krophi và Mophi. Theo lời ông ta, sông Neilos khởi nguồn từ giữa hai ngọn núi này, sâu không dò thấu đáy, với một nửa lượng nước chảy vào Ai Cập lên hướng bắc, còn nửa kia đổ về hướng nam tới Aithiopia. Còn về độ sâu không dò thấy đáy của nguồn nước này, người thư lại kể rằng vua Ai Cập Psammetikhos đã thử kiểm tra điều này, vì nhà vua đã cho chuẩn bị một sợi dây thừng dài hàng nghìn *orgyiai* và thả xuống nguồn này, và sợi dây dò đã không chạm thấy đáy. Khi nói vậy, người thư lại (nếu những gì ông ta kể với tôi thực sự diễn ra) khiến tôi hiểu rằng ở đó có những xoáy nước mạnh và có dòng chảy ngược do nước va đập vào sườn núi, kết quả là sợi dây dò sẽ không thể xuống tới được bất cứ đáy nước nào khi nó được thả xuống.

29. Tôi không thể biết được bất cứ điều gì từ bất cứ ai khác về chuyện này, song về những chuyện khác, qua chuyên tâm khảo cứu tôi đã biết được những điều sau đây vì tôi đã đích thân đến thành Elephantine để quan sát tận mắt, và từ nơi đó trở đi tôi thu thập thông tin cho mình qua lời kể. Từ thành Elephantine khi người ta đi ngược dòng sông có một vùng với hai bên bờ dốc đứng, thế nên tại đây người ta phải buộc dây thừng vào cả hai bên mạn thuyền giống như buộc dây vào một con bò, rồi cứ thế kéo thuyền đi tới. Và nếu dây thừng đứt, thuyền sẽ lập tức trôi tuột đi, bị dòng nước chảy xiết cuốn trôi. Để đi qua vùng này là cuộc hành trình kéo dài bốn ngày, và ở phần này dòng sông Neilos uốn lượn như sông Maiandros, và chiều dài quãng sông lên tới 12 *skhoinoi* mà người ta cần vượt qua theo cách kể trên. Sau đó, ta sẽ tới một vùng bằng phẳng, tại đây sông Neilos chảy vòng quanh một hòn đảo tên là Takhompso. (Ở vùng phía trên Elephantine đã có người Aithiopia cư trú, họ cũng sống trên một nửa hòn đảo, còn người Ai Cập sống trên nửa còn lại). Cạnh hòn đảo này có một hồ nước lớn, quanh hồ có các bộ lạc du mục Aithiopia sinh sống. Và khi đã đi thuyền qua hồ nước này, ta sẽ lại gặp dòng sông Neilos đổ vào hồ. Sau đó, ta sẽ xuống thuyền và đi trên bộ trong 40 ngày, vì trên sông Neilos có những khối đá sắc nhọn trồi lên khỏi mặt nước, đồng thời cũng có nhiều đá ngầm mà thuyền không thể vượt qua được. Rồi sau khi đã đi trên bộ qua vùng đất này trong 40 ngày như tôi đã nói, ta sẽ lại lên một chiếc thuyền khác và đi thuyền trong 12 ngày. Sau chuyến đi này, ta sẽ tới một thành phố lớn

mang tên Meroe. Thành phố này được kể là thành phố mẹ của tất cả người Aithiopia khác. Các cư dân ở đây chỉ thờ các thần Zeus và Dionysos, và họ rất trân trọng hai vị thần này. Ở đây họ cũng lập một thần miếu của Zeus, và xuất quân bất cứ khi nào và đến bất cứ nơi nào thần yêu cầu.

30. Đi thuyền từ thành phố này, ta sẽ tới chỗ "những kẻ đào ngũ" sau thời gian bằng đúng thời gian cần thiết để ta đi từ Elephantine tới thành phố mẹ của người Aithiopia. Tên gọi của những "kẻ đào ngũ" này là Asmakh, từ này khi dịch sang tiếng Hy Lạp có nghĩa là "những người đứng bên tay trái nhà vua". Đây là 240.000 người Ai Cập thuộc tầng lớp chiến binh, những người này đã nổi loạn và về phe người Aithiopia vì lý do sau đây: Dưới thời trị vì của Psammetikhos, các đồn binh được thiết lập, một để phòng bị người Aithiopia đóng tại thành Elephantine, một đồn binh khác để phòng bị người Arabia và người Assyria đóng tại Daphnai ở Pelousion, và một đồn binh nữa phòng bị mặt Libya đóng tại Marea. Ngay cả vào thời của tôi, các đồn binh của người Ba Tư cũng được bố phòng tương tự như các đồn binh kể trên vào thời trị vì của Psammetikhos, vì người Ba Tư có các tiền đồn ở cả Elephantine lẫn Daphnai. Những người lính Ai Cập tôi đang kể ở trên đã phục vụ tại các tiền đồn trong ba năm và không ai tới thay phiên đồn trú cho họ. Vậy là họ bàn bạc với nhau, rồi sau khi thống nhất một kế hoạch chung, họ đồng loạt nổi dậy chống lại Psammetikhos và lên đường tới Aithiopia. Được tin, Psammetikhos lập tức đuổi theo, và khi đuổi kịp, nhà vua đã khẩn cầu và tìm cách thuyết phục họ không từ bỏ các vị thần của họ cũng như vợ con họ. Đến đây, người ta kể rằng một trong những người lính liền chỉ vào dương vật của mình và nói rằng bất cứ nơi nào có cái này, họ sẽ có cả vợ lẫn con. Khi những người lính này tới Aithiopia, họ phụng sự nhà vua của người Aithiopia, và nhà vua đã ban thưởng cho họ như sau: Có một số tộc người Aithiopia đã chống lại nhà vua, ông liền yêu cầu những người lính đánh đuổi đám người kia đi rồi định cư tại đất của họ. Vậy là từ khi những người lính này định cư tại vùng đất của người Aithiopia, cách sống của người Aithiopia đã trở nên văn minh hơn sau khi học hỏi từ các phong tục của người Ai Cập.

31. Như vậy, ngoài phần chảy qua lãnh thổ Ai Cập, sông Neilos được biết là còn trải dài thêm tới bốn tháng đi đường theo đường sông và đường bộ, vì đây là quãng thời gian cần thiết để đi từ Elephantine tới vùng đất của "những kẻ đào ngũ" kể trên. Và dòng sông chảy từ phía tây nơi mặt trời lặn. Nhưng xa hơn thế là gì thì không ai có thể nói rõ, do vùng đất này là sa mạc hoang vắng bởi cái nóng thiêu đốt.

32. Tuy nhiên, tôi đã biết được nhiều đến vậy từ người Kyrene, những người cho tôi hay rằng họ từng tới thần miếu của Ammon, cũng như đã được diện kiến vua Etearkhos của người Ammonioi. Sau khi bàn luận về những vấn đề khác, họ đã quay sang bàn luận về sông Neilos cũng như việc không ai biết nguồn của dòng sông này. Và Etearkhos nói rằng từng có người Nasamones (đây là một tộc người Libya sống ở Syrtis, cũng như ở một vùng đất không rộng lắm phía đông Syrtis) tới gặp nhà vua, và khi ông hỏi liệu họ có thể cho ông biết thêm điều gì ngoài những điều nhà vua đã biết về những vùng sa mạc của Libya hay không, họ nói rằng từng có một số con trai thủ lĩnh tính khí ngang tàng ngỗ ngược sống ở chỗ họ. Những thanh niên này khi trưởng thành đã nghĩ ra nhiều trò ngông cuồng khác nhau, trong đó có việc rút thăm chọn ra năm người đi tìm hiểu những vùng sa mạc của Libya và thử xem liệu họ có thể khám phá được nhiều hơn so với những người trước kia đã du hành xa nhất, vì tại những vùng thuộc Libya nằm kề bên Biển Bắc, bắt đầu từ Ai Cập cho tới tận mũi Soloeis, điểm tận cùng của Libya, người Libya (gồm rất nhiều tộc người) cư trú trải dọc theo toàn bộ bờ biển, ngoại trừ những nơi người Hy Lạp và người Phoinike đã chiếm cứ, song ở phần phía trên bờ biển và trên nơi cư trú của những tộc người có lãnh thổ nằm ven biển, lãnh thổ Libya đầy ắp thú hoang, và những vùng đất nằm xa hơn vùng lãnh thổ đầy thú hoang này thì lại toàn cát, khô cằn khủng khiếp và hoàn toàn hoang vu. Những thanh niên kể trên (theo lời họ nói) được bạn đồng hành cử đi, được chuẩn bị chu đáo nước và thức ăn, thoạt đầu đi qua vùng đất có người ở, rồi khi đã qua vùng này, họ tới vùng đất của thú hoang, rồi sau đó họ đi qua sa mạc, tiến về phía tây. Và sau khi đã đi qua một vùng sa mạc rộng lớn trong nhiều ngày, cuối cùng họ cũng thấy cây mọc ở một nơi bằng phẳng. Tới nơi này, họ bắt đầu hái quả mọc trên những cây này xuống. Thế nhưng khi bắt đầu hái quả, có những người lùn ập tới chỗ họ, những người này vóc dáng thấp hơn thông thường của con người, và đám người lùn bắt giữ rồi giải họ đi. Người Nasamones không thể hiểu bất cứ điều gì trong ngôn ngữ của đám người kia, trong khi đám người giải họ đi cũng chẳng hiểu gì ngôn ngữ của người Nasamones. Rồi đám người lùn (theo lời họ kể) đưa họ đi qua những đầm lầy rất lớn, rồi sau khi đã vượt qua những đầm lầy này, họ tới một thành phố nơi tất cả cư dân đều có vóc dáng tương tự như những người đã bắt họ đi, và đều có da màu đen. Cạnh thành phố có một dòng sông lớn chảy qua theo hướng từ tây sang đông, và dưới dòng sông này có cá sấu.

33. Về câu chuyện được vua Etearkhos người Ammonios thuật lại, chúng ta hãy coi những gì được kể ở đây là đủ, ngoại trừ việc theo

lời người Kyrene kể với tôi, nhà vua ngờ rằng những người Nasamones đã trở về nhà an toàn, và những người lùn họ gặp phải tất cả đều là phù thủy. Còn về dòng sông chảy qua cạnh thành phố đó, Etearkhos đoán rằng đó là sông Neilos, và hơn nữa lý trí buộc chúng ta phải nghĩ như vậy. Vì sông Neilos chảy từ Libya và chia Libya thành hai phần, đồng thời như tôi phỏng đoán từ việc đánh giá những gì chưa biết qua những gì hiển nhiên đã thấy, dòng sông này có chiều dài từ khởi nguồn cho tới cửa sông bằng với sông Istros. Vì sông Istros bắt nguồn từ người Keltoi gần thành Pyrene, chảy qua giữa châu Âu và chia đôi nó (người Keltoi nằm bên ngoài Các trụ của Herakles và ở giáp giới với vùng đất của người Kynesioi, tộc người sống xa hơn về phía tây so với tất cả các tộc người khác sống tại châu Âu). Và sông Istros kết thúc, sau khi đã chảy qua toàn bộ châu Âu, bằng việc đổ vào biển Euxeinos ở nơi người Miletos có khu định cư của họ tại Istria.

34. Sông Istros, vì chảy qua các vùng đất có người sinh sống, đã được biết tới qua lời kể của rất nhiều người. Nhưng không ai có thể kể được gì về nguồn sông Neilos, vì vùng đất Libya nơi dòng sông này chảy qua không có người sinh sống và hoang vu. Tuy nhiên, tất cả những gì có thể biết được về dòng chảy của sông Neilos thông qua khảo cứu chuyên tâm nhất đã được thuật lại ở các phần trước, và dòng sông này chảy vào Ai Cập. Ai Cập nằm gần như đối diện với vùng núi Kilikia, và từ đó tới Sinope, nằm bên bờ biển Euxeinos, là một cuộc hành trình theo đường thẳng hết năm ngày cho một người không phải mang vác nặng. Sinope lại nằm đối diện với nơi sông Istros đổ ra biển. Do đó tôi cho rằng sông Neilos chảy qua toàn bộ vùng Libya và có chiều dài tương tự như sông Istros. Về sông Neilos, hãy coi những gì đã được thuật lại là đủ.

35. Tôi sẽ kể thêm nhiều nữa về Ai Cập, vì nơi này có nhiều kỳ quan hơn bất cứ nơi nào, và cũng có nhiều công trình để nói tới hơn bất cứ nơi đâu, những công trình đồ sộ khó có thể miêu tả hết. Người Ai Cập, tương ứng với khí hậu xứ sở của họ, vốn không giống nơi nào khác, và với dòng sông Neilos, vốn thể hiện một bản chất khác hẳn mọi dòng sông khác, đã tạo lập cho bản thân họ những cung cách và phong tục trái ngược với những tộc người khác gần như trong mọi mặt. Vì ở họ, phụ nữ thường đi chợ và mua bán, trong khi đàn ông ở nhà và dệt vải. Và trong khi những người khác đẩy các sợi ngang lên trên khi dệt, người Ai Cập lại đẩy sợi ngang xuống. Những người đàn ông đội hàng trên đầu, còn phụ nữ mang trên vai. Phụ nữ tiểu đứng trong khi đàn ông ngồi xổm. Họ đại tiện trong nhà và ăn ngoài đường, và lý do cho thói quen này là họ cho rằng cần thực hiện một cách kín đáo những gì

không đẹp đẽ cho dù cần thiết, còn những gì không phải không đẹp đẽ thì thực hiện ở chỗ công khai. Không phụ nữ nào làm tư tế cho các vị thần, dù là nam thần hay nữ thần, mà tất cả tư tế đều là nam giới, để phụng thờ cả các nam thần lẫn nữ thần. Những người con trai không bị bắt buộc phụng dưỡng cha mẹ nếu họ không muốn, song những người con gái buộc phải làm điều đó, cho dù có không muốn đến thế nào.

36. Các tư tế phụng thờ các vị thần để tóc dài tại những nơi khác, song ở Ai Cập họ cạo trọc đầu. Ở những tộc người khác, phong tục thường là cắt tóc khi để tang những người thân thiết nhất, nhưng với người Ai Cập, khi có người qua đời, họ để tóc dài và râu, vốn trước đó được cạo nhẵn. Những tộc người khác sống tách rời vật nuôi trong cuộc sống hằng ngày, nhưng người Ai Cập lại sống cùng vật nuôi. Những tộc người khác sống nhờ vào lúa mì và đại mạch, nhưng bất cứ người Ai Cập nào ăn các loại lương thực này cũng bị coi là một điều ô nhục ghê gớm, họ ăn bánh làm từ lúa mì spelta, mà một số người gọi là *zeia*. Họ nhào bột spelta bằng chân và nhào đất sét bằng tay, và cũng dùng tay để hốt phân. Và trong khi những tộc người khác, ngoại trừ những người đã học cách làm khác đi từ người Ai Cập, để nguyên dương vật của họ theo cách tự nhiên, người Ai Cập lại có tục cắt bao quy đầu. Về trang phục, đàn ông mặc hai món đồ trong khi phụ nữ chỉ một. Trong khi những tộc người khác buộc các vòng đai và dây chão buồm ra bên ngoài thuyền, người Ai Cập lại buộc vào trong. Cuối cùng, trong việc viết chữ và tính toán bằng những hòn sỏi, trong khi người Hy Lạp đưa bàn tay từ trái sang phải, người Ai Cập lại thực hiện từ phải sang trái, và khi làm như vậy, họ nói rằng bản thân họ viết và tính toán bên phải, còn người Hy Lạp bên trái. Họ sử dụng hai loại chữ viết, một loại được gọi là chữ viết thiêng liêng, còn loại kia là chữ viết thông thường.

37. Họ sùng tín hơn tất cả các tộc người khác, và về tôn giáo họ có những phong tục như sau: Họ uống bằng những chiếc cốc làm từ thanh đồng và rửa cốc hằng ngày, không phải chỉ một số người mà tất cả mọi người đều làm thế. Họ mặc những trang phục bằng vải lanh luôn được giặt sạch, và coi đây là một thói quen quan trọng. Họ cắt bao quy đầu vì lý do vệ sinh, ưa sạch hơn là đẹp. Các tư tế cứ hai ngày lại cạo sạch lông tóc trên người, để không có chấy rận hay cáu bẩn bám trên người khi họ thờ phụng các vị thần. Các tư tế chỉ mặc trang phục bằng vải lanh và đi dép làm bằng cói, họ không hề mặc loại trang phục hay đi loại dép nào khác. Các tư tế này tắm ngày hai lần và tối hai lần, còn những nghi lễ tôn giáo khác mà họ thực hiện có thể nói là nhiều vô số. Họ cũng được hưởng nhiều ưu đãi, vì họ không sử dụng hoặc tiêu pha bất cứ thứ

gì thuộc về tài sản riêng của mình, mà có bánh lễ được nướng cho họ, đồng thời cũng có lượng lớn thịt bò và ngỗng được chuyển tới cho họ mỗi ngày, rồi rượu vang cũng được cung cấp cho họ. Tuy nhiên, các tư tế không được phép ăn cá. Thêm nữa, người Ai Cập không hề gieo trồng các loại đậu trên đất của họ, và cũng không dùng để ăn, dù là ăn sống hay luộc. Các tư tế thậm chí không chịu được dù chỉ là nhìn chúng, vì nghĩ thứ cây này không trong sạch. Và với mỗi vị thần không chỉ có một mà có nhiều tư tế, trong đó một người là đại tư tế, và mỗi khi một tư tế qua đời, con trai của người tư tế đó sẽ thế chỗ cha.

38. Những con bò đực được họ coi là thuộc về Epaphos, và vì tôn trọng vị thần này họ kiểm tra chúng theo cách sau đây: Nếu người tư tế thấy dù chỉ một sợi lông đen trên con vật, nó sẽ được coi là không đủ sạch sẽ để hiến sinh, và một trong các tư tế được phân công chuyên trách việc kiểm tra này, khi con vật đang đứng thẳng lẫn khi nó được lật nằm ngửa ra, rồi thêm nữa người kiểm tra sẽ kéo lưỡi con vật ra để xem có sạch không theo những dấu hiệu được quy định mà tôi sẽ nhắc tới trong một phần khác của cuốn sách này. Vị tư tế cũng kiểm tra cả lông đuôi để xem có phải chúng được mọc tự nhiên hay không. Và nếu con vật được coi là sạch sẽ về tất cả các mặt kể trên, vị tư tế sẽ đánh dấu nó bằng một mảnh giấy cói cuộn quanh sừng con vật, rồi sau khi đã trát đất sét làm niêm lên trên, vị tư tế đóng dấu bằng ấn giới của mình, rồi kế tiếp người ta sẽ mang con vật đi. Nhưng với một người đem hiến sinh một con vật chưa được đóng dấu, hình phạt sẽ là tử hình.

39. Trên đây là cách vật hiến sinh được kiểm tra, và cách hiến sinh gia súc được thực hiện như sau: Người ta dẫn con vật đã được đóng dấu tới ban thờ, nơi chúng sẽ được giết để hiến sinh, sau đó họ thắp lên một ngọn lửa. Kế đến, sau khi đã rưới rượu vang lên ban thờ để rượu chảy xuống tế vật và cầu khấn thần linh, họ cắt cổ con vật, rồi sau đó cắt đầu. Phần thân tế vật sau đó được lột da, nhưng còn phần đầu, trước hết họ trút lên đó rất nhiều lời nguyền, rồi những ai sống ở nơi có chợ và có người Hy Lạp sinh sống tại đó sẽ mang cái đầu đi bán cho người Hy Lạp, còn những ai ở nơi không có người Hy Lạp nào sống lẫn với họ sẽ mang cái đầu ném xuống sông. Còn về những lời nguyền thì họ cầu khấn rằng nếu có tai ương nào sắp giáng xuống đầu họ, những người đang dâng lễ hiến sinh, hay xuống đất Ai Cập nói chung, thay vào đó sẽ giáng xuống cái đầu này. Về việc trút lời nguyền lên đầu những tế vật cũng như việc rưới rượu vang lên chúng, tất cả người Ai Cập đều có cùng chung tập quán cho mọi lễ hiến sinh của họ, và cũng vì tập quán này mà người Ai Cập không ăn phần đầu của bất cứ con vật nào.

40. Nhưng việc mổ bụng những tế vật và thiêu chúng thì được tiến hành khác biệt cho những lễ hiến sinh khác nhau. Tuy nhiên tôi sẽ nói tới các lễ hiến sinh dâng lên vị nữ thần Isis mà họ coi là vĩ đại nhất trong tất cả các vị thần, và họ tổ chức những lễ hội lớn nhất dành cho nữ thần. Khi họ đã lột da con bò thiến và khấn những lời nguyền, họ lấy ra toàn bộ phần ruột dưới của nó song để lại trong cơ thể phần nội tạng phía trên và mỡ. Rồi họ cắt chân, phần lưng, vai và cổ con vật. Xong xuôi, họ nhồi vào trong phần còn lại của con vật bánh mì đã được ban phép, mật ong, nho khô, quả sung, nhũ hương, một dược và các loại hương liệu khác. Sau đó, họ rưới lên trên rất nhiều dầu rồi mang dâng lên nữ thần. Họ thực hiện lễ hiến sinh sau khi nhịn ăn, và trong khi lễ vật hiến sinh được thiêu, tất cả họ đều đấm ngực khóc lóc, rồi sau khi đã đấm ngực xong, họ mở tiệc với phần lễ vật được chừa lại không đốt.

41. Tất cả người Ai Cập đều dùng bò đực trưởng thành hoặc bê đực để hiến sinh, nhưng không hiến sinh những con cái, vì chúng thiêng liêng với Isis, do tượng nữ thần Isis có hình dáng một phụ nữ mang cặp sừng bò, cũng giống như người Hy Lạp thể hiện nữ thần Io trong các hình vẽ, và tất cả người Ai Cập, không có ngoại lệ, đều tôn thờ bò cái hơn bất cứ loại gia súc nào khác. Vì lý do này mà không người đàn ông hay phụ nữ Ai Cập nào hôn lên miệng một người Hy Lạp, và họ cũng sẽ không dùng dao, xiên nướng hay vạc thuộc về một người Hy Lạp, hay nếm thịt, dù của một con vật sạch sẽ, nếu thịt được cắt bằng dao của một người Hy Lạp. Khi bò chết, họ sẽ chôn cách sau đây: Những con cái họ ném xuống sông, nhưng còn những con đực họ sẽ đem chôn ở vùng ngoại ô thành phố của mình, với một sừng, hoặc đôi khi cả hai, nhô lên khỏi mặt đất để đánh dấu nơi chôn. Khi xác bò đã phân hủy và thời gian ấn định đã đến, từ nơi được gọi là đảo Prosopitis (nơi này nằm ở vùng châu thổ, và chu vi của hòn đảo là 9 *skhoinoi*) sẽ có một chiếc thuyền đi tới từng thành phố. Trên đảo Prosopitis này, bên cạnh những thành phố khác, có tọa lạc một thành phố là nơi từ đó những chiếc thuyền xuất phát để đi thu nhặt xương của những con bò đực, thành phố này có tên là Atarbekhis, tại đây có một thánh địa của Aphrodite. Từ thành phố này, nhiều chiếc thuyền lên đường theo các hướng khác nhau tới nhiều thành phố, rồi sau khi đã đào xương những con bò đực lên, họ mang chúng đi, rồi khi mang tất cả trở về, họ chôn chúng xuống cùng một nơi. Và khi các gia súc khác chết họ cũng mang chôn theo cùng cách như với những con bò đực, vì người Ai Cập cũng có cùng một luật quy định cho việc này, và họ cũng không giết những con vật kể trên.

42. Tất cả những ai thiết lập một ngôi đền Zeus Thebaios hoặc

những người sống tại Thebai đều chỉ hiến sinh bằng dê và không dùng cừu vào việc này, vì không phải tất cả người Ai Cập đều tôn thờ cùng các vị thần, ngoại trừ Isis và Osiris (vị thần theo như họ nói giống như Dionysos) là hai vị thần tất cả họ đều thờ phụng. Những người xây dựng ngôi đền tại Mendes hoặc là thuộc về vùng Mendes lại không dùng dê trong hiến sinh mà dùng cừu. Còn những người Thebai, cũng như những người theo gương họ không hiến sinh cừu, nói rằng phong tục này được hình thành trong cộng đồng của họ vì lý do sau đây: Herakles (theo lời họ) rất mong muốn được gặp Zeus, còn Zeus lại không muốn để ông nhìn thấy mình. Vậy là cuối cùng khi cần khẩn cầu Zeus một cách cấp thiết, Herakles đã nghĩ ra cách lột da một con cừu đực rồi giơ ra phía trước mình cái đầu con cừu mà ông đã cắt ra, trong khi khoác bộ lông cừu lên người và sau đó tới diện kiến vị thần. Vì thế người Ai Cập tạc tượng thần Zeus với khuôn mặt của một con cừu đực, và người Ammonioi, là những người định cư có gốc gác từ cả Ai Cập lẫn Aithiopia và sử dụng một ngôn ngữ là sự pha trộn của cả hai thứ tiếng kể trên, cũng noi gương họ làm như vậy. Theo ý tôi, cũng chính từ tên vị thần này mà người Ammonioi mang tên gọi của họ, vì người Ai Cập gọi thần Zeus là Ammon. Thế nên người Thebai không hiến sinh cừu đực mà coi chúng là con vật thiêng vì lý do này. Tuy nhiên, vào một ngày trong năm, vào lễ hội của thần Zeus, họ cũng cắt đầu và lột da một con cừu đực rồi trùm bộ da của nó lên tượng thần Zeus, rồi mang tới trước tượng thần một bức tượng Herakles khác. Xong nghi lễ, tất cả những người có mặt trong đền cùng đấm ngực than khóc cho con cừu đực, rồi sau đó họ chôn cất con vật trong một ngôi mộ thiêng.

43. Về Herakles, tôi đã nghe kể câu chuyện cho rằng ông là một trong số 12 vị thần, nhưng về Herakles khác mà người Hy Lạp biết thì tôi không hề nghe kể tới ở bất cứ đâu trên đất Ai Cập. Hơn nữa, để minh chứng rằng người Ai Cập không lấy cái tên Herakles từ người Hy Lạp mà là người Hy Lạp lấy từ người Ai Cập – tôi đang nói tới những người Hy Lạp đặt cái tên Herakles cho con trai của Amphitryon – bên cạnh rất nhiều các bằng chứng khác, tôi xin kể ra đây bằng chứng chủ yếu nhất, đó là việc cha mẹ của Herakles, Amphitryon và Alkmene, cả hai đều có gốc gác Ai Cập, cũng như việc người Ai Cập nói rằng họ không hề biết tới những cái tên của Poseidon hay của Dioskouroi, đồng thời các vị thần này cũng không được họ thừa nhận là thần bên cạnh các vị thần khác, trong khi nếu họ đón nhận từ người Hy Lạp tên của bất cứ vị thần nào, lẽ đương nhiên là họ hẳn đã lưu lại trong ký ức tên của những vị thần này hơn bất cứ vị thần nào khác, giả định rằng vào thời kỳ đó, cũng giống như ngày nay, người Hy Lạp vẫn thường xuyên du

hành và hay đi biển như tôi phỏng đoán và như việc suy xét buộc tôi phải nghĩ như vậy. Như thế người Ai Cập hẳn phải biết đến tên các vị thần kể trên nhiều hơn so với tên của Herakles. Tuy nhiên, thực ra Herakles là một vị thần rất cổ xưa của Ai Cập, và (như chính họ nói) đã 17.000 năm trôi qua giữa thời điểm bắt đầu thời trị vì của Amasis và thời điểm mà 12 vị thần, trong đó họ coi là có Herakles, được sinh ra từ tám vị thần.

44. Thêm nữa, tôi còn mong muốn được biết điều gì đó chắc chắn về những vấn đề này trong khả năng có thể, vậy là tôi cũng đã thực hiện một chuyến đi tới thành Tyros ở Phoinike vì nghe nói ở đó có một ngôi đền thiêng của Herakles. Và tôi đã thấy ngôi đền được trang hoàng lộng lẫy với rất nhiều lễ vật được dâng tiến, và đặc biệt trong đền có hai cột trụ, một bằng vàng ròng và một bằng đá ngọc lục bảo với kích thước tới mức nó tỏa sáng vào ban đêm. Sau khi trò chuyện với các tư tế thờ phụng vị thần, tôi hỏi họ rằng ngôi đền của họ được xây dựng đã bao lâu rồi. Và trong cả chuyện này nữa tôi cũng thấy có sự khác biệt so với người Hy Lạp, vì các tư tế nói ngôi đền Herakles đã được dựng lên vào cùng thời điểm lập thành Tyros, và tộc người của họ đã bắt đầu cư trú tại Tyros từ 2.300 năm trước. Tại Tyros, tôi cũng thấy một ngôi đền khác được dâng lên Herakles Thasios. Tôi cũng đã tới Thasos và tại đó tìm thấy một ngôi đền Herakles do người Phoinike xây dựng, những người này đã ra khơi tìm kiếm Europe và thực dân hóa Thasos. Và những sự kiện này xảy ra năm thế hệ trước khi Herakles con trai của Amphitryon được sinh ra tại Hy Lạp. Như vậy những khảo cứu của tôi đã chỉ rõ rằng Herakles là một vị thần cổ xưa, với tôi những người Hy Lạp đã hành xử đúng đắn nhất là những người dựng lên hai ngôi đền Herakles, rồi dâng lễ hiến sinh tại một ngôi đền với tư cách dâng lên một vị thần bất tử với danh hiệu Olympios, trong khi dâng lễ vật cúng người chết tại ngôi đền còn lại như dâng lên một vị anh hùng.

45. Thêm nữa, bên cạnh những câu chuyện khác người Hy Lạp kể mà không suy xét chín chắn, câu chuyện đặc biệt ngớ ngẩn sau đây đã được họ kể về Herakles, cụ thể là khi vị anh hùng tới Ai Cập, người Ai Cập đã đặt vòng nguyệt quế lên đầu ông rồi đưa ông đi trong một đám rước để hiến sinh ông dâng lên Zeus. Và Herakles đã giữ im lặng một hồi, nhưng khi họ bắt đầu lễ hiến sinh ông tại ban thờ, ông đã thể hiện sự dũng mãnh của mình và giết sạch bọn họ. Về phần mình, tôi cho rằng người Hy Lạp khi kể câu chuyện này đã hoàn toàn không biết gì về bản chất và phong tục của người Ai Cập, vì có thể nào họ, những người không được phép hiến sinh thậm chí cả súc vật, ngoại trừ những con cừu, bò đực, bê "sạch" và ngỗng, lại thực hiện lễ hiến sinh người như vậy

được? Bên cạnh đó, theo lẽ tự nhiên có thể nào Herakles, chỉ có một mình và hơn thế lại chỉ là một con người (như họ kể), lại có thể giết nhiều người đến vậy? Sau khi đã nói nhiều như vậy về vấn đề này, tôi cầu mong mình có thể nhận được ban phúc từ cả các vị thần cũng như các vị anh hùng về những điều tôi đã kể.

46. Lý do khiến những người Ai Cập tôi đã nhắc tới trước đây không hiến sinh dê, dù là đực hay cái, là thế này: Họ coi Pan là một trong tám vị thần (theo họ, tám vị thần này xuất hiện trước 12 vị thần), và các họa sĩ, các thợ tạc tượng thể hiện trong các bức họa và điêu khắc hình thần Pan với đầu và đôi chân dê cũng giống như người Hy Lạp vẫn làm, song họ không hề coi thần thực sự giống như vậy, mà vẫn coi thần giống các vị thần khác. Tuy nhiên, lý do tại sao họ lại thể hiện thần Pan như vậy thì tôi không muốn nói ra. Vậy là người Mendes coi tất cả dê là thiêng liêng, và coi trọng con đực hơn con cái (và những người chăn dê cũng được coi trọng hơn những mục đồng khác), nhưng trong số những con dê có một con đặc biệt được tôn kính, và khi con vật này chết, cả vùng Mendes đều trân trọng để tang. Và cả con dê và thần Pan đều được gọi là Mendes trong tiếng Ai Cập. Hơn nữa, vào thời tôi sống vùng này đã xảy ra điều kỳ lạ, cụ thể là một con dê đực đã giao phối với một phụ nữ một cách công khai, và chuyện này diễn ra theo cách khiến tất cả mọi người đều biết về nó.

47. Lợn bị người Ai Cập coi là một con vật đáng ghê tởm, và nếu ai đó chạm phải một con lợn, người này trước hết sẽ đi ra sông và nhúng cả người xuống nước trong khi mặc nguyên cả trang phục. Và cả những người chăn lợn, cho dù họ cũng là người Ai Cập bản xứ, khác hẳn với những người khác, cũng không được bước chân vào bất cứ ngôi đền nào ở Ai Cập, và không ai sẵn lòng gả con gái cho một người chăn lợn hay cưới vợ là con gái một người chăn lợn. Nhưng những người chăn lợn vừa gả con gái cho nhau vừa lấy vợ từ gia đình những người chăn lợn khác. Với các vị thần khác, người Ai Cập không cho là được phép hiến sinh lợn, song chỉ riêng với Mặt trăng và Dionysos, vào cùng thời điểm và cùng dịp trăng tròn, họ hiến sinh lợn rồi ăn thịt chúng. Về lý do tại sao trong khi ghê tởm lợn tại tất cả những lễ hội khác của họ, người Ai Cập lại hiến sinh lợn trong dịp này, có một câu chuyện đã được những người Ai Cập kể lại. Tôi biết câu chuyện này, song với tôi có vẻ đó không phải là một câu chuyện thích hợp để kể ra ở đây. Lễ hiến sinh lợn dâng lên Mặt trăng được tiến hành như sau: Khi đã giết tế vật, người tư tế cắt lấy phần chót đuôi, lá lách và màng nối, rồi phủ lên trên chúng tất cả chỗ mỡ ở bụng con vật, sau đó đốt tất cả để dâng lễ. Còn chỗ thịt còn lại họ ăn trong cùng ngày trăng tròn mà họ tổ chức lễ hiến sinh, tất cả những ngày khác họ sẽ

không ăn thịt lợn. Tuy nhiên, với những người nghèo, do khó khăn, họ sẽ dùng bột nặn thành hình lợn, nướng lên rồi dâng những chiếc bánh này lên như tế vật.

48. Còn để dâng lễ lên Dionysos vào hôm trước ngày diễn ra lễ hội của thần, mỗi người giết một con lợn bằng cách cắt cổ nó trước cửa nhà mình, rồi sau đó đưa lại con lợn cho người chăn lợn đã bán nó cho mình, để người này mang con lợn đi. Về phần còn lại, lễ hội của thần Dionysos được người Ai Cập ăn mừng theo cách giống như người Hy Lạp vẫn làm gần như về mọi mặt ngoại trừ các điệu nhảy có hát đồng ca, nhưng thay vì *phallos*[1] họ đã phát minh ra một thứ khác, những bức tượng cao khoảng 1 *pekhys* điều khiển bằng dây với sinh thực khí được làm cho có thể cử động và có kích thước không kém gì phần còn lại của cơ thể, được những người phụ nữ mang quanh các ngôi làng. Một người thổi sáo đi trước, còn họ theo sau hát những lời ca tụng Dionysos. Về lý do những bức tượng có sinh thực khí lớn hơn kích thước tự nhiên và cử động được, trong khi không phần nào khác của bức tượng cử động được, có cả một câu chuyện thiêng liêng đã được kể.

---

[1]. Tượng có sinh thực khí nam giới quá khổ.

---

49. Tôi nghĩ rằng Melampous, con trai của Amythaon không phải không biết những nghi lễ hiến sinh kể trên, mà còn quen thuộc với chúng: vì Melampous là người đầu tiên đem tới cho người Hy Lạp cái tên Dionysos cũng như cách hiến sinh và lễ rước *phallos*. Quả thực, nghiêm túc mà nói, Melampous đã không quảng bá tới tất cả cư dân, song những nhà hiền triết sau ông đã làm chúng được biết tới rộng rãi hơn. Melampous chính là người đã dạy về *phallos* trong lễ rước của thần Dionysos, và cũng từ ông, người Hy Lạp học được cách thực hiện những nghi lễ họ vẫn làm. Vậy nên theo tôi Melampous, một người có năng lực đã trở nên thành thạo trong thuật tiên tri, sau khi học hỏi từ người Ai Cập đã dạy bảo nhiều điều cho người Hy Lạp, trong đó có những điều liên quan tới thần Dionysos, sau khi đã cải biên một số điểm. Vì tôi sẽ không nói rằng cách thờ phụng vị thần này ở Ai Cập tương đồng với những nghi lễ được người Hy Lạp thực hiện chỉ là do tình cờ, vì nếu thế những nghi lễ này hẳn đã mang đặc trưng của cách thờ phụng Hy Lạp và không phải được du nhập gần đây, và chắc chắn tôi cũng sẽ không nói rằng người Ai Cậpđã học từ người Hy Lạp những nghi thức thờ phụng này hay bất cứ phong tục nào khác. Song tôi nghĩ điều khả dĩ nhất là Melampous đã học được những điều liên quan tới thần Dionysos từ Kadmos thành Tyros và từ

những người đồng hành với ông từ Phoinike tới vùng đất ngày nay chúng ta gọi là Boiotia.

50. Hơn nữa, cách gọi tên của hầu hết các vị thần đã truyền từ Ai Cập đến Hy Lạp. Vì cách gọi tên này đúng là bắt nguồn từ các man tộc như tôi đã phát hiện qua khảo cứu, và tôi cho rằng những tên gọi ấy đã xuất phát từ Ai Cập, vì ngoại trừ trường hợp của Poseidon và Dioskouroi (tương ứng với những điều tôi đã viết ở phần trước), cũng như của Hera, Hestia, Themis, Kharites và các Nereides, người Ai Cập đã có tên của tất cả các vị thần khác tại vùng đất của họ từ lâu rồi. Điều tôi nói ở đây là những gì bản thân người Ai Cập nghĩ: nhưng còn về những vị thần họ thừa nhận là không biết tên, tôi cho rằng những vị thần này có tên bắt nguồn từ người Pelasgoi, ngoại trừ Poseidon. Về vị thần này, người Hy Lạp đã học được từ người Libya, vì không dân tộc nào khác ngoài người Libya đã có tên thần Poseidon từ ban đầu và đã luôn thờ phụng vị thần này. Và người Ai Cập cũng không có bất cứ phong tục thờ phụng anh hùng nào cả.

51. Những sự tôn thờ này, và những tập tục thờ phụng khác nữa mà tôi sẽ nói đến, người Hy Lạp đã đón nhận từ người Ai Cập. Nhưng việc tạc tượng thần Hermes với *phallos* thì họ đã học được không phải từ người Ai Cập mà từ người Pelasgoi, phong tục ấy đã được người Athenai đón nhận đầu tiên trong tất cả các tộc người Hy Lạp, rồi các tộc người còn lại học hỏi từ họ. Vì vào đúng thời gian người Athenai bắt đầu thuộc về hàng ngũ những người Hy Lạp, người Pelasgoi cũng định cư lẫn với họ tại vùng đất của họ, và chính vì nguyên do này mà họ bắt đầu được nhìn nhận như những người Hy Lạp. Bất cứ ai được kết nạp trong các nghi thức bí mật của Kabeiroi mà người Samothraike thực hiện sau khi du nhập chúng từ người Pelasgoi, người đó sẽ hiểu ý tôi; vì chính những người Pelasgoi này đã định cư cùng những người Athenai vốn trước đó từng cư trú ở Samothraike, và từ họ người Samothraike đã tiếp nhận các nghi thức bí mật. Vậy là người Athenai là tộc người Hy Lạp đầu tiên tạc tượng Hermes với *phallos* sau khi học được từ người Pelasgoi. Và người Pelasgoi có một câu chuyện thiêng về việc này, được thuật rõ trong nghi thức bí mật tại Samothraike.

52. Người Pelasgoi ngày xưa thường cầu khấn lên các vị thần khi thực hiện lễ hiến sinh, như tôi biết được từ những gì được nghe kể tại Dodona, song họ không đặt hiệu hay danh xưng cho bất cứ vị thần nào, vì khi ấy họ chưa nghe nói đến bất cứ cái tên nào, mà họ chỉ gọi các vị thần là *theoi* từ ý niệm rằng chính các thần đã thiết lập trật tự của vạn vật và vì thế phân phát mọi thứ. Về sau, khi rất

nhiều thời gian đã trôi qua, họ học được từ Ai Cập tên của các vị thần, tất cả ngoại trừ Dionysos, vì tên vị thần này phải lâu sau đó họ mới biết. Và sau một thời gian người Pelasgoi tới tham vấn dự ngôn giả tại Dodona về tên các vị thần. Đây là thần miếu cổ nhất tại Hy Lạp, và vào thời đó là nơi duy nhất. Khi người Pelasgoi hỏi dự ngôn giả liệu họ có nên du nhập những danh xưng ngoại lai hay không, dự ngôn giả phán rằng họ nên dùng chúng. Kể từ thời điểm này trở đi, họ cầu khấn tên các vị thần khi thực hiện các lễ hiến sinh, và từ người Pelasgoi, về sau người Hy Lạp cũng đón nhận những cái tên ấy.

53. Nhưng một số vị thần được sinh ra từ đâu, hay liệu tất cả các vị thần đều đã có từ thời khai thiên lập địa, cũng như việc hình dáng của các vị thần ra sao, người Hy Lạp chỉ mới biết cho tới ngày hôm qua hay ngày hôm kia. Vì Hesiodos và Homeros theo tôi phỏng đoán đã sống trước thời của tôi 400 năm chứ không hơn, và chính họ là người đã sáng tạo thần phả cho người Hy Lạp, tạo ra danh hiệu cho các vị thần, rồi gán cho họ những vinh dự và năng lực, cũng như miêu tả hình dáng của họ, còn những thi sĩ được cho là sống trước họ theo tôi thực ra đã sống sau họ. Về tên và nguồn gốc của các vị thần tôi nghe kể từ các nữ tư tế ở Dodona, còn suy nghĩ về Hesiodos và Homeros là của bản thân tôi.

54. Về các dự ngôn giả tại Hy Lạp và Libya, người Ai Cập đã kể câu chuyện sau đây. Các tư tế của Zeus Thebaios kể với tôi rằng có hai nữ tư tế đã bị người Phoinike bắt đi khỏi Thebai, và họ nghe nói một người bị bán sang Libya, người kia bị bán cho người Hy Lạp. Theo họ, chính những phụ nữ này là những người đầu tiên đã lập nên những thần miếu tại hai vùng kể trên. Khi tôi hỏi từ đâu mà họ biết rõ đến vậy về câu chuyện này, họ trả lời rằng các tư tế đã tổ chức một cuộc tìm kiếm tung tích những phụ nữ này, và họ đã không thể tìm thấy hai người phụ nữ, song sau đó các tư tế đã nghe được câu chuyện như đã kể về họ.

55. Trên đây là những gì tôi nghe được từ các tư tế ở Thebai, còn những gì diễn ra sau đó được các nữ tư tế tại Dodona kể. Họ kể rằng hai con bồ câu đen bay từ Thebai đến Ai Cập, một con bay tới Libya và con kia tới chỗ họ. Và con bồ câu thứ hai đậu xuống một cây sồi rồi nói bằng tiếng người rằng một thần miếu của Zeus cần được dựng lên tại nơi đó. Và họ phỏng đoán rằng đó chính là các vị thần đang nói với họ, và người ta đã làm theo. Còn con bồ câu bay tới Libya, họ kể rằng nó đã yêu cầu người Libya dựng một thần miếu của Ammon, và như vậy cũng là của Zeus. Các nữ tư tế tại Dodona kể với tôi những điều kể trên, trong đó người lớn tuổi nhất là Promeneia, người kế tiếp là Timarete, và người trẻ nhất là

Nikandra, và những người Dodona khác làm việc tại đền cũng đưa ra những lời kể như vậy.

56. Tuy nhiên, tôi có quan điểm về việc này như sau: Nếu quả thực người Phoinike đã bắt đi những phụ nữ phụng sự thần linh rồi bán một người tới Libya và người kia tới Hy Lạp, tôi đoán rằng ở vùng đất ngày nay được gọi là Hy Lạp, mà trước kia được gọi là Pelasgia, người phụ nữ này đã bị bán tới vùng đất của người Thesprotia. Rồi trong khi là một nô lệ ở đó, bà đã lập nên một thánh địa của Zeus dưới một cây sồi, vì quả thực hoàn toàn tự nhiên khi vốn là một người phụng sự tại thánh địa của Zeus tại Thebai, nơi mà bà bị đưa tới, người phụ nữ sẽ giữ ký ức về thần. Rồi sau đó, khi đã hiểu tiếng Hy Lạp, bà lập một thần miếu, và tôi đoán chính bà đã kể lại rằng người em của bà đã bị bán tới Libya bởi chính những người Phoinike đã đem bán bà.

57. Thêm nữa, tôi nghĩ rằng hai người phụ nữ được người Dodona gọi là những con bồ câu vì họ là người ngoại quốc, và với người Dodona có vẻ như họ có giọng nói giống tiếng chim hót, nhưng sau một thời gian (theo lời họ) con bồ câu lại nói tiếng người, đó chính là khi người phụ nữ bắt đầu học tiếng Hy Lạp. Nhưng chừng nào bà còn dùng ngoại ngữ, với họ dường như bà vẫn có tiếng nói như chim hót, vì nếu đó đúng là một con bồ câu thực sự, làm thế nào nó có thể nói tiếng người được? Còn khi nói con chim bồ câu màu đen, ý họ muốn ám chỉ người phụ nữ là người Ai Cập. Cách những thần dụ được phán tại Thebai và tại Dodona cũng rất giống với nhau, và cả cách bói để tiên đoán tương lai qua những con vật hiến sinh cũng khởi nguồn từ Ai Cập.

58. Thêm nữa, người Ai Cập đúng là những người đầu tiên xác lập những lễ hội trang trọng, các đám rước và cách đi vào các ngôi đền, và người Hy Lạp đã học những điều này từ họ, bằng chứng của tôi cho việc này là người Ai Cập đã thực hiện những điều kể trên từ thời kỳ rất xa xưa, trong khi người Hy Lạp mới chỉ du nhập chúng gần đây.

59. Người Ai Cập tổ chức các lễ hội không chỉ một lần trong năm mà thường xuyên, đặc biệt với sự nhiệt thành và sùng kính lớn nhất tại thành Boubastis dành cho nữ thần Artemis, rồi kế đến tại Bousiris dành cho nữ thần Isis, vì ở đô thị thứ hai này có một ngôi đền rất lớn thờ Isis, và đô thị tọa lạc ở trung tâm vùng châu thổ của Ai Cập. Trong ngôn ngữ của người Hy Lạp, Isis chính là nữ thần Demeter. Người Ai Cập có một lễ hội thứ ba tại thành Sais dành cho nữ thần Athena, một lễ hội thứ tư tại Helioupolis dành cho Helios, lễ hội thứ năm tại thành Bouto để tỏ lòng tôn kính

Leto, và lễ hội thứ sáu tại thành Papremis dành cho Ares.

60. Khi người Ai Cập tới thành phố Boubastis, họ làm như sau: Họ cho đàn ông và phụ nữ đi thuyền cùng nhau, cả một đám đông cả hai giới trên mỗi chiếc thuyền. Một số phụ nữ mang theo trống lắc và lắc trống, trong khi một số đàn ông thổi sáo trong suốt cuộc hành trình, còn những người còn lại, cả đàn ông lẫn phụ nữ, hát và vỗ tay. Trên đường đi thuyền, khi họ tới bất cứ thành phố nào, họ liền đưa thuyền vào bờ, rồi một số phụ nữ tiếp tục làm như tôi đã kể ở trên, số khác reo hò thật to và chế giễu những người phụ nữ của thành phố đó, một số nhảy múa, một số đứng dậy kéo váy áo lên. Họ làm thế ở tất cả các thành phố dọc bờ sông. Khi tới Boubastis, họ tổ chức lễ hội, thực hiện những lễ hiến sinh lớn, và trong hội này người ta uống rượu vang còn nhiều hơn toàn bộ thời gian trong năm. Những người bản địa kể rằng số người dự hội đổ về hằng năm thậm chí lên tới 700.000 đàn ông và phụ nữ, chưa kể trẻ con.

61. Về lễ hội này tôi xin dừng lời ở đây, còn cách người Ai Cập mừng lễ hội tỏ lòng tôn kính Isis tại thành Bousiris tôi đã thuật lại ở phần trước, như tôi đã kể, họ đấm ngực than khóc sau lễ hiến sinh, tất cả mọi người dù đàn ông hay phụ nữ, có đến hàng chục nghìn người. Nhưng họ đấm ngực vì ai thì tôi không được phép nói vì lý do tôn giáo, và có rất nhiều người Karia sinh sống tại Ai Cập mừng lễ hội này còn nhiệt thành hơn chính bản thân người Ai Cập, tới mức họ cũng dùng dao rạch lên trán mình, và bằng cách này họ thể hiện mình là người nước ngoài chứ không phải người Ai Cập.

62. Khi những người dự lễ tụ họp lại ở thành Sais để thực hiện các lễ hiến sinh, vào một buổi tối họ cùng thắp lên rất nhiều đèn ngoài trời quanh các ngôi nhà, đây là những chiếc đĩa đựng đầy muối và dầu được trộn lẫn, còn bấc đèn tự nổi trên bề mặt, và cháy suốt đêm. Vì thế lễ hội được đặt tên là Đăng Hội. Thêm nữa, những người Ai Cập không tới dự lễ hội này cũng kỷ niệm buổi tối của ngày lễ, tất cả những người đó cũng đều thắp đèn, và như vậy những ngọn đèn không chỉ sáng lên ở Sais mà trên khắp đất Ai Cập. Về lý do vì sao vào buổi tối này lại có việc thắp đèn và dâng lễ là cả một câu chuyện thiêng được kể.

63. Còn tại Helioupolis và Bouto, những người dự lễ tới hằng năm và chỉ dâng lễ hiến sinh. Song tại Papremis, họ cũng làm lễ hiến sinh và khấn nguyện như tại những nơi khác, nhưng bên cạnh đó, khi mặt trời bắt đầu lặn, trong khi một số tư tế bận rộn quanh tượng thần, phần lớn tư tế đứng ở lối vào đền cầm gậy gỗ trong

tay, và hơn 1.000 người khác, những người có mặt với mục đích thực hiện một lời thề, những người này cũng cầm gậy gỗ, đứng thành một khối đối diện với các tư tế. Còn tượng thần, được đặt trong một cái miếu nhỏ bằng gỗ dát vàng, sẽ được người ta lấy ra vào ngày trước đó đưa tới một thánh điện khác. Khi đó số ít tư tế đã được để lại bên tượng thần sẽ kéo một cỗ xe bốn bánh chở miếu và tượng thần ở trong miếu, còn các tư tế khác đứng ngoài cổng cố gắng ngăn cản chiếc xe tiến vào thánh điện, và những người đã lập thệ liền tới trợ giúp vị thần và tấn công các tư tế kia, trong khi những người này tự vệ. Sau đó diễn ra một cuộc giao chiến dữ dội bằng gậy gỗ, và người ta nện vỡ đầu nhau, và theo tôi thậm chí có nhiều người đã chết vì những vết thương, song những người Ai Cập lại nói với tôi rằng không có ai bị chết khi ấy. Người dân bản địa nói họ tổ chức lễ hội kể trên vì lý do sau: Họ kể rằng người mẹ của thần Ares từng sống trong ngôi đền này, và Ares, sau khi được nuôi nấng tách biệt với mẹ, khi lớn lên đã tới ngôi đền mong muốn được gặp mẹ mình, và những người trông coi ngôi đền của mẹ thần, vì chưa từng trông thấy thần trước đây, đã không cho phép thần vào đền mà chặn thần lại bên ngoài. Vậy là Ares mang thêm người từ một thành phố khác tới giúp mình và ra tay thô bạo với những người trông coi đền, rồi vào đền để thăm mẹ ngài. Vì thế, cư dân địa phương nói, cuộc giao tranh này đã trở thành phong tục để tỏ lòng tôn kính Ares trong ngày lễ hội của thần.

64. Người Ai Cập là những người đầu tiên đưa ra quy định về tôn giáo không cho phép giao hoan với phụ nữ trong các ngôi đền, và không được phép bước chân vào các ngôi đền sau khi ngủ với phụ nữ mà chưa tắm rửa, vì phần lớn những dân tộc khác, ngoại trừ người Ai Cập và người Hy Lạp, đều giao hoan với phụ nữ trong các ngôi đền và bước chân vào đền sau khi ngủ với phụ nữ mà không hề tắm, vì họ cho rằng không có gì khác biệt về mặt này giữa con người và súc vật. Họ nói họ thấy các loài dã thú và nhiều loại chim giao phối với nhau cả trong các ngôi đền lẫn trong các thánh thất của các vị thần, và những con vật hẳn sẽ không làm thế nếu đó là điều không làm thần linh vui lòng.

65. Những người này đã biện hộ như thế cho điều họ làm, là điều theo tôi là không thể chấp nhận. Song người Ai Cập cẩn thận thái quá trong tuân thủ các quy định của họ, cả trong những điều khác liên quan tới các nghi lễ thiêng liêng cũng như trong những việc sau.

Ai Cập, dù giáp ranh với Libya, lại không thực sự phong phú về động vật hoang dã, và tất cả các loài động vật sống tại vùng đất của họ đều được người Ai Cập coi là thiêng liêng, một số loài sống

cùng con người, số khác thì không. Nhưng nếu tôi phải nói tới những lý do các loài động vật được coi là thiêng liêng và tôn kính như thế, tôi sẽ phải nhắc về những vấn đề liên quan tới các vị thần, điều tôi không muốn nói tới nhất. Những gì quả thực tôi sẽ nói có ít nhiều liên quan tới các vị thần, tôi phải nói vì một sự cần thiết bắt buộc. Về những loài động vật này, ở Ai Cập có một phong tục như sau: Người Ai Cập chỉ định những người, gồm cả đàn ông và phụ nữ, để cung cấp thức ăn cho từng loại động vật, và vai trò này được truyền từ đời cha sang đời con. Những cư dân sống tại các thành phố khác nhau thực hiện một lời thề nguyện với những con vật như thế này: Khi họ tuyên thệ với vị thần tương ứng với một loài vật, họ sẽ cạo đầu các con của mình, hoặc cả đầu, hoặc một nửa hay một phần ba, rồi mang tóc ra cân với bạc, và khối lượng bạc tương ứng với khối lượng tóc sẽ được họ đưa cho người làm nhiệm vụ chăm sóc những con vật, người này sẽ lấy một lượng cá có giá trị tương đương với chỗ bạc để làm thức ăn cho động vật. Đó là cách người ta cung cấp thức ăn cho chúng, và nếu có ai giết bất cứ con vật nào trong những loài động vật này, hình phạt sẽ là tử hình nếu kẻ phạm tội cố ý làm vậy, còn nếu kẻ phạm tội bị buộc phải thực hiện hành vi sát sinh đó trái ý nguyện của mình, các tư tế sẽ đưa ra hình phạt. Song nếu bất cứ ai giết một con cò quăm hay một con chim ưng, bất kể là theo chủ ý của hắn hay phải thực hiện trái ý nguyện, thủ phạm nhất định phải chết.

66. Có rất nhiều loài vật sống chung với con người, và chắc hẳn số lượng này còn lớn hơn nhiều nếu không có những tai nạn xảy ra với lũ mèo. Vì khi những con mèo cái đã sinh con, chúng sẽ không còn thói quen đi tìm con đực, và những con đực muốn giao phối với chúng sẽ không thể được đáp ứng. Để đạt được mục đích của mình, những con mèo đực sử dụng mánh khóe sau: Chúng dùng sức mạnh hoặc bí mật tha mèo con đi khỏi mẹ và giết chúng (nhưng sau khi giết mèo đực không ăn thịt chúng), và những con mèo cái, sau khi bị đoạt mất con, sẽ muốn có thêm con, vì thế sẽ tìm tới những con đực, vì đây là một loài vật rất yêu quý con của chúng. Thêm nữa, khi có một đám cháy xảy ra, những con mèo dường như bị ám, vì trong khi người Ai Cập đứng tránh ngoài xa và chăm lo tới lũ mèo, không hề để ý đến việc dập lửa, những con mèo lại lách qua hay nhảy qua người, lao vào đám lửa, và khi chuyện này xảy ra, những người Ai Cập để tang rất trọng thể. Và trong tất cả các gia đình khi một con mèo chết vì nguyên nhân tự nhiên, tất cả thành viên gia đình sẽ chỉ cạo lông mày, nhưng trong các gia đình có một con chó bị chết, các thành viên gia đình sẽ cạo sạch lông trên toàn cơ thể, kể cả tóc.

67. Những con mèo khi chết đi được mang tới các thánh điện ở

thành Boubastis, nơi chúng được an táng sau khi đã được ướp xác, trong khi những con chó sẽ được cư dân từng thành phố chôn cất tại thành phố của chính họ trong những ngôi mộ thiêng, và cả những con cầy mangut cũng được chôn cất giống như những con chó. Tuy nhiên, những con chuột chù và chim ưng được họ mang tới thành Bouto, còn những con cò quăm tới Hermoupolis. Những con gấu (rất hiếm thấy) và những con chó sói, không to hơn mấy so với những con cáo, được họ chôn tại nơi chúng nằm chết.

68. Về cá sấu, đặc tính của loài này như sau: Trong bốn tháng lạnh nhất con vật này không ăn gì. Nó có bốn chân và là một loài vật sống cả trên cạn lẫn dưới nước, vì nó đẻ và ấp trứng trên cạn, và phần lớn thời gian ban ngày loài vật này ở trên đất khô, nhưng lại sống toàn bộ ban đêm dưới sông, vì trên thực tế nước ấm hơn so với ngoài trời không mây và đầy sương. Trong tất cả các sinh vật trần thế mà chúng ta đã biết, con vật này sinh trưởng tới kích thước lớn nhất từ khởi đầu nhỏ nhất. Vì những quả trứng chúng đẻ ra không lớn hơn trứng ngỗng là mấy và con non khi mới nở từ trứng cũng có kích thước tương ứng với quả trứng, song khi trưởng thành nó có thể dài tới 17 *pekhes*, nhiều khi còn hơn thế. Cá sấu có hai mắt giống như lợn, hàm răng to và nhọn, kích thước tương ứng với cơ thể của chúng. Nhưng không giống như các động vật khác, cá sấu lớn nên không có lưỡi, và cũng không cử động hàm dưới và cử động hàm trên ngậm xuống hàm dưới, cả điều này chúng cũng khác hẳn những con vật khác. Thêm nữa, cá sấu có bộ vuốt khỏe và lớp da có vảy gai trên lưng không thể bị đâm thủng, trong nước, cá sấu không nhìn được, nhưng trên cạn loài vật này rất tinh mắt. Vì cá sấu sống dưới nước, bên trong miệng nó bám đầy đỉa, và trong khi tất cả các loài chim và thú khác chạy trốn khỏi chúng, chim dẽ lại sống hòa bình cùng cá sấu, vì cá sấu nhận được ích lợi từ loài chim này. Khi cá sấu từ dưới nước lội lên cạn rồi há miệng ra (nó thường làm như thế trong khi quay đầu về hướng tây), chim dẽ liền chui vào miệng cá sấu và ăn những con đỉa, cá sấu vì hưởng lợi rất hài lòng và không làm gì hại đến nó.

69. Với một số người Ai Cập, cá sấu là linh vật, với một số khác lại coi cá sấu là kẻ thù. Tuy nhiên, những người sống quanh Thebai và quanh hồ Moiris coi cá sấu là những con vật linh thiêng nhất, và cả hai cộng đồng dân cư này đều nuôi một con cá sấu được lựa chọn từ tất cả cá sấu và thuần hóa, họ đeo những món đồ trang sức làm bằng đá núi lửa và vàng vào đầu những con cá sấu này và đeo vòng quanh chân trước của chúng, rồi họ cung cấp thức ăn cũng như tế vật và chăm sóc chúng rất chu đáo khi chúng còn sống, khi chúng chết họ ướp xác và chôn chúng trong những ngôi

mộ thiêng. Người Elephantine lại ăn thịt cá sấu chứ không hề coi loài vật này là thiêng liêng. Ở đây cá sấu được gọi là *khampsai*, còn người Ionia đã đặt tên cho chúng là cá sấu theo tên một loài thằn lằn xuất hiện trên các bức tường đá tại vùng đất của họ.

70. Có nhiều cách để bắt cá sấu. Tôi sẽ miêu tả cách thức mà theo tôi đáng để nhắc đến nhất. Một người sẽ gắn một phần lưng một con lợn vào móc để làm mồi, rồi thả nó ra giữa sông, trong khi anh ta ở trên bờ sông với một con lợn con nữa và đánh đập con lợn này. Con cá sấu nghe thấy tiếng kêu của con lợn sẽ tìm tới hướng phát ra âm thanh, và khi tìm thấy miếng lưng lợn, nó sẽ nuốt chửng ngay. Những người đi săn cá sấu sẽ kéo, rồi khi con cá sấu đã bị lôi lên bờ, đầu tiên thợ săn sẽ lấy bùn bịt kín hai mắt của nó, làm được điều đó anh ta sẽ rất dễ dàng khống chế được con vật, nhưng nếu không anh ta sẽ gặp rắc rối lớn.

71. Hà mã là loài vật thiêng ở vùng Papremis, nhưng với người Ai Cập ở những vùng khác thì không, và đây là hình dáng của nó: Hà mã là một con vật bốn chân, có móng guốc như bò đực, mũi bẹt, với một cái bờm như bờm ngựa và có những chiếc răng như những chiếc nanh, đuôi và tiếng kêu giống như ngựa, và về kích thước thì to bằng con bò mộng loại to nhất. Da của chúng dày đến nỗi khi đã phơi khô người ta có thể dùng để làm cán lao.

72. Ngoài ra, trên sông còn có những con rái cá, được người Ai Cập coi là thiêng liêng; còn về cá họ cũng coi loài cá được gọi là *lepidotos* là thiêng liêng, và cả loài cá chình cũng vậy. Họ nói rằng hai loài cá này thiêng liêng với sông Neilos; còn về chim, họ coi ngỗng cáo là thiêng liêng.

73. Ngoài ra cũng có một loài linh điểu được gọi là phượng hoàng mà bản thân tôi không được thấy tận mắt, ngoại trừ trong tranh vẽ, vì trên thực tế loài chim này rất hiếm khi xuất hiện với người Ai Cập, mỗi lần cách nhau tới 500 năm theo lời những người ở Helioupolis. Những người này kể rằng phượng hoàng xuất hiện đều đặn khi cha của nó chết, và nếu loài chim này trông giống như trong hình vẽ, về kích thước và hình dáng, một số lông phượng hoàng có màu của vàng kim loại, một số khác màu đỏ, còn dáng vẻ và kích thước của loài chim này rất gần với một con đại bàng. Người Ai Cập kể rằng phượng hoàng hình thành như sau (song tôi không thể tin vào câu chuyện này): Phượng hoàng bay từ Arabia tới mang theo cha của mình, được bọc trong nhựa thơm, tới ngôi đền Mặt trời và chôn cất cha mình trong ngôi đền Mặt trời. Phượng hoàng mang cha mình tới như thế này: Phượng hoàng thoạt đầu tạo ra một quả trứng bằng nhựa thơm to hết mức

nó có thể mang được, rồi thử mang quả trứng đi. Khi đã thử đủ chắc chắn, phượng hoàng khoét rỗng quả trứng ra và đặt cha của mình vào trong đó, rồi dùng nhựa thơm trát kín nơi nó đã đục vào để khoét rỗng bên trong quả trứng. Và sau khi cha của phượng hoàng đã đặt vào trong quả trứng, trọng lượng lại vẫn như ban đầu (theo lời kể). Thế rồi khi đã bịt kín quả trứng, phượng hoàng mang cả vỏ trứng và cha mình tới đền Mặt trời ở Ai Cập. Đó là những gì phượng hoàng đã làm theo lời người ta kể.

74. Ở Thebai cũng có những con rắn thiêng, không hề có hại cho người, là những con rắn có kích thước nhỏ và có hai sừng mọc trên đỉnh đầu. Người ta chôn cất chúng trong đền thần Zeus khi những con rắn này chết đi, vì họ nói rằng chúng thiêng liêng đối với vị thần này.

75. Thêm nữa, ở Arabia có một vùng đất nằm gần thành phố Bouto, nơi tôi đã tìm đến để tìm hiểu về những con rắn có cánh. Khi tới đó, tôi đã thấy xương và xương sống của rắn nhiều tới mức không thể đếm được, và có vô số những đống xương lớn nhỏ khác nhau. Khu vực nơi có xương sống nằm rải rác trên mặt đất là lối vào của một hẻm núi hẹp dẫn ra một đồng bằng lớn nằm tiếp giáp với đồng bằng Ai Cập. Truyện kể rằng vào đầu mùa đông, những con rắn có cánh bay từ Arabia tới Ai Cập, và những con cò quăm gặp chúng tại lối vào vùng đất này và không cho phép lũ rắn bay qua mà giết chúng. Vì điều này (theo lời người Arabia), cò quăm rất được người Ai Cập tôn kính, và người Ai Cập cũng tán đồng rằng chính vì lý do này mà họ kính ngưỡng những con chim đó.

76. Hình dáng bên ngoài của cò quăm như sau: Loài chim này có lông đen nhánh khắp người, chân giống như chân sếu và một cái mỏ rất cong, có kích thước bằng một con gà nước. Đây chính là vẻ ngoài của loại chim màu đen đã chiến đấu với những con rắn, nhưng còn những con cò quăm có mặt đông nhất quẩn quanh chân người (vì có tới hai loại cò quăm khác nhau) lại có đầu trụi lông và cả phần cổ cũng vậy, và lông của những con này lại màu trắng ngoại trừ đầu và cổ, đầu cánh và đuôi (tất cả các phần tôi vừa nhắc đều có lông màu đen nhánh), trong khi chân và hình dáng lại giống với loại kia. Về phần những con rắn, hình dáng của chúng trông như rắn nước, và chúng có những cái cánh không mang lông vũ mà giống với cánh của những con dơi. Tôi xin dừng ở đây những lời kể về các loài động vật thiêng.

77. Về bản thân người Ai Cập, những người sống ở vùng có gieo trồng các vụ mùa tại Ai Cập lưu giữ được nhiều ký ức về quá khứ hơn cả, và là những người hiểu biết hơn xa về lịch sử trong số tất

cả những người tôi từng gặp. Họ có cách sống như sau: Trong ba ngày liên tục vào mỗi tháng họ thanh tẩy, nỗ lực chăm sóc sức khỏe bằng các loại thuốc gây nôn và thụt rửa, và họ nghĩ tất cả bệnh tật có trên đời hình thành trong cơ thể con người do thức ăn, và người Ai Cập mặt khác cũng là tộc người khỏe mạnh nhất trong mọi tộc người chỉ sau người Libya (theo quan điểm của tôi lý do của việc này nằm ở các mùa, vì tại Ai Cập các mùa không hề thay đổi, mà các bệnh tật thường nảy sinh trong cơ thể con người thông qua sự thay đổi nói chung của vạn vật, đặc biệt là của các mùa). Chế độ ăn của họ như sau: Họ ăn bánh mì làm từ lúa mì spelta mà họ gọi là *kyllestis*, họ cũng thường uống rượu làm từ đại mạch, vì họ không có nho để làm rượu vang tại vùng đất của mình. Về cá, một số loài họ phơi khô dưới nắng mặt trời và ăn mà không cần nấu, một số khác họ ướp muối. Về chim, họ ăn chim cút, vịt và các loài chim nhỏ khác sau khi đã ướp muối mà không nấu. Còn tất cả các loài chim hay cá khác, ngoại trừ những loài đã được họ loại trừ ra vì coi là những loài vật thiêng, người Ai Cập đều quay hoặc luộc để ăn.

78. Về những thú tiêu khiển của người giàu có, sau khi họ ăn xong bữa, một người đàn ông sẽ mang một bức tượng gỗ tạc một xác chết nằm trong quan tài, được khắc và sơn sao cho giống hệt như thật có kích thước khoảng 1 *pekhys* hoặc 2 *pekhes* đi vòng quanh rồi đưa ra trước mỗi người trong số những người đang uống rượu cùng nhau và nói: "Khi ngài nhìn thấy thứ này, hãy uống và vui vẻ đi, vì ngài sẽ giống như thế này khi ngài đã chết". Đó là điều họ vẫn làm trong các cuộc tiệc tùng.

79. Những phong tục họ thực hiện bắt nguồn từ ông cha họ, và người Ai Cập không du nhập thêm những phong tục khác. Bên cạnh những tập quán đáng để nói đến của họ, người Ai Cập có một bài hát, chính là bài hát Linos, cũng là bài hát được hát ở cả Phoinike, Kypros lẫn những nơi khác, song dưới những cái tên khác nhau tùy từng dân tộc. Bài hát này giống hệt bài hát mang tên Linos người Hy Lạp vẫn hát, vì thế bên cạnh rất nhiều thứ khác mà tôi bận tâm về Ai Cập, tôi đặc biệt để ý tới việc họ đã có được bài hát Linos từ nguồn gốc nào. Tuy nhiên, rõ ràng người Ai Cập đã hát bài này từ thời viễn cổ, và tên Ai Cập của Linos là Maneros. Người Ai Cập đã kể với tôi rằng Maneros là con trai duy nhất của vị vua Ai Cập đầu tiên, ông qua đời sớm, và được người Ai Cập kính ngưỡng qua những lời than khóc này, đây cũng là bài hát đầu tiên và duy nhất của họ.

80. Về một khía cạnh khác, người Ai Cập tương đồng với một số người Hy Lạp, cụ thể là người Lakedaimon, nhưng không giống

với các tộc Hy Lạp còn lại, đó là ở người Ai Cập, người trẻ tuổi khi gặp người lớn tuổi sẽ nhường và tránh đường, và khi người lớn tuổi lại gần họ sẽ đứng dậy khỏi chỗ ngồi. Tuy nhiên, trong việc sau đây người Ai Cập không hề giống bất cứ tộc người Hy Lạp nào: Thay vì chào hỏi nhau trên đường họ lại hành lễ bằng cách đưa bàn tay xuống đầu gối.

81. Họ mặc áo tunic bằng vải lanh có đường viền dài tới chân được họ gọi là *kalasiris*, ở bên ngoài áo tunic họ khoác áo làm bằng len trắng. Tuy nhiên, những trang phục làm bằng len không được mặc khi vào đền, và người Ai Cập cũng không mặc chúng khi được chôn cất, vì tôn giáo không cho phép. Về những điểm này họ làm theo các nghi lễ của Orpheus và Bakkhos, nhưng thực tế là của Ai Cập và Pythagoras, vì một người tham gia vào những nghi thức bí mật này cũng bị quy định tôn giáo cấm được chôn cất trong trang phục bằng len, và cũng có một câu chuyện thiêng được kể về quy định này.

82. Bên cạnh những điều kể trên, người Ai Cập cũng đã xác lập mỗi tháng và mỗi ngày thuộc về vị thần nào, và một người sẽ có vận mệnh ra sao khi được sinh ra vào một ngày cụ thể, anh ta sẽ chết thế nào, và sẽ là một người ra sao. Và tất cả những phát kiến kể trên đã được các thi sĩ Hy Lạp học hỏi. Ngoài ra, người Ai Cập cũng tìm ra nhiều điềm báo hơn tất cả các dân tộc khác, vì khi một điềm báo xuất hiện, họ quan sát và ghi chép lại những biến cố đến cùng điềm báo, rồi về sau nếu có bất cứ điều gì tương tự, họ tin rằng những biến cố diễn ra sau đó cũng sẽ tương tự.

83. Việc tiên tri của họ được quy định như sau: Khả năng tiên tri không được ban cho bất cứ người nào, mà chỉ dành cho một số vị thần, vì trên đất Ai Cập có thần miếu của Herakles, Apollon, Athena, Artemis, Ares, và Zeus, và hơn nữa là nơi mà họ sùng kính nhất, thần miếu của Leto tại thành Bouto. Tuy nhiên, cách thức tiên tri của họ vẫn chưa được thiết lập theo cùng kiểu ở mọi nơi, mà mỗi nơi một kiểu.

84. Y thuật của người Ai Cập được quy định như sau: Mỗi thầy lang chữa một loại bệnh duy nhất, không chữa các bệnh khác, và cả đất nước có rất nhiều thầy lang, vì một số người hành nghề chữa bệnh mắt, số khác chữa bệnh của đầu, một số khác nữa chuyên chữa răng, rồi có những người chuyên chữa đau bụng, và có những thầy lang chuyên chữa trị những chứng bệnh khó hiểu hơn.

85. Cách thức để tang và an táng của họ diễn ra như sau: Khi một

gia đình mất đi một người đàn ông ít nhiều được tôn kính trong nhà, tất cả phụ nữ của gia đình đó sẽ trát bùn lên đầu, thậm chí lên cả khuôn mặt họ. Sau đó, để xác chết trong nhà, họ đi khắp thành phố, vừa đi vừa đấm ngực, trang phục được túm lại bằng một cái đai lưng, vú để lộ ra, đi cùng họ là tất cả các phụ nữ là họ hàng của người quá cố, mặt khác những người đàn ông cũng đấm ngực, và họ cũng buộc túm trang phục lại với một dây đai, rồi sau khi đã làm như vậy, họ đưa thi thể người quá cố đi ướp xác.

86. Có một số người thường xuyên làm công việc này và kế thừa từ thế hệ này qua thế hệ khác như một nghề. Mỗi khi một cái xác được đưa tới cho họ, những người này chỉ cho những người mang xác tới những mô hình xác người làm bằng gỗ được sơn giống như thật, và cách tốt nhất để ướp xác theo người Ai Cập là cách của một người mà tôi nghĩ sẽ là bất kính khi nhắc đến tên trong lúc đang nói về một chủ đề như thế này. Cách thứ hai họ chỉ ra không tốt bằng cách đầu tiên và cũng ít tốn kém hơn, còn cách thứ ba là rẻ nhất. Sau khi đã cho những người mang xác tới biết tất cả những điều kể trên, người ướp xác hỏi xem những người này mong muốn xác được ướp như thế nào. Rồi sau khi hai bên đã nhất trí một cái giá, thân quyến của người quá cố ra về, còn những người làm tại các nhà ướp xác tiến hành ướp xác theo cách tốt nhất trong các cách như sau: Trước hết, họ dùng một dụng cụ bằng sắt có móc rút não bộ qua lỗ mũi, lấy ra một phần theo cách này và một phần bằng cách đổ các thứ thuốc vào. Tiếp theo, dùng một hòn đá sắc của Aithiopia, họ rạch một đường dọc theo bên sườn và lấy ra toàn bộ nội tạng, rồi sau khi đã lấy hết ổ bụng và rửa sạch bằng rượu cọ, họ làm sạch thêm lần nữa bằng hương liệu nghiền thành bột. Tiếp theo, họ nhồi đầy vào trong bụng một dược nguyên chất đã nghiền, quế quan và các loại hương liệu khác ngoại trừ nhũ hương, rồi khâu kín lại. Làm xong, họ để phủ xác trong natron trong 70 ngày, khi đã qua 70 ngày, họ rửa cái xác rồi quấn kín quanh toàn bộ cái xác bằng vải lanh tốt được cắt thành từng dải, bôi vào bên dưới các băng vải này chất gôm mà người Ai Cập thường dùng thay keo. Sau đó, thân nhân người quá cố nhận lại xác ướp, cho chế tác một quan tài gỗ có hình dáng của một người, họ đặt xác ướp vào trong và đậy kín lại, sau đó đưa quan tài vào trong một chiếc quách, dựng thẳng đứng dựa vào tường.

87. Đó là cách người Ai Cập thực hiện với những xác ướp được ướp theo cách tốn kém nhất. Còn với những người chọn cách trung bình và mong muốn tránh phí tổn lớn, người ta thực hiện ướp xác như sau: Sau khi hút đầy vào các xi lanh của họ thứ dầu lấy từ gỗ tuyết tùng, những người ướp xác bơm đầy thứ dầu này vào bụng xác chết mà không rạch mở bụng hay lấy nội tạng ra, họ chỉ bơm

dầu vào qua hậu môn, rồi sau khi đã bịt không cho chất dầu chảy ra, họ để cái xác trong một số ngày đã định để ướp, rồi đến ngày cuối cùng họ cho dầu tuyết tùng bơm vào lúc trước chảy ra khỏi bụng cái xác. Thứ dầunày mạnh đến mức hòa tan toàn bộ ruột và nội tạng, và natron làm tiêu đi phần thịt, vì vậy cái xác chỉ còn lại da và xương. Làm xong những việc trên, những người ướp xác bàn giao lại cái xác cho thân nhân trong tình trạng như thế mà không làm gì thêm.

88. Cách ướp xác thứ ba, là cách ướp xác cho những người có ít tiền nhất, được thực hiện như sau: Người ta bơm thuốc tẩy vào bụng rồi vùi xác trong natron trong 70 ngày, sau đó trả cái xác lại cho những người mang xác tới đem đi.

89. Vợ của những người có địa vị khi qua đời không được đưa ngay đi ướp xác, cũng tương tự là những phụ nữ rất đẹp hay được trọng vọng hơn những người khác, mà vào ngày thứ ba hoặc thứ tư sau khi họ qua đời (và không sớm hơn) người quá cố được đưa tới cho những người ướp xác. Người Ai Cập làm như vậy để những người ướp xác không lạm dụng thi thể những người phụ nữ của họ, vì người ta kể có một người ướp xác từng bị bắt quả tang làm điều đó với thi thể một phụ nữ mới chết, và một đồng nghiệp của người đó đã báo lại sự việc.

90. Bất cứ khi nào có một người, dù là người Ai Cập hay người ngoại bang, được phát hiện là đã bị cá sấu bắt đi hay bị chết đuối, cư dân tại bất cứ thành phố nào nơi nạn nhân dạt vào bờ sẽ phải ướp xác người quá cố và sửa sang cho nạn nhân theo cách đẹp nhất có thể rồi chôn nạn nhân vào một nơi an táng thiêng liêng, và không ai trong số họ hàng hay bằng hữu của nạn nhân được chạm vào nạn nhân, mà chỉ mình các tư tế thờ phụng sông Neilos đích thân xử lý thi thể và chôn cất nạn nhân như thể đây còn hơn là một con người.

91. Người Ai Cập không hề làm theo các thói quen của người Hy Lạp, và nói chung họ không làm theo bất cứ tộc người nào. Quy tắc này được phần lớn người Ai Cập tuân thủ, nhưng có một đại đô thị là Khemmis ở vùng Thebai gần Neapolis, và trong đô thị này có một ngôi đền của Perseus, con trai Danae, hình vuông, xung quanh có trồng những cây chà là. Cổng đền được xây bằng đá có kích thước rất đồ sộ, và ở lối vào có dựng hai bức tượng đá lớn. Bên trong khuôn viên là một tòa đền trong đó có một bức tượng Perseus. Người Khemmis nói rằng Perseus thường xuất hiện ở vùng họ, thường là bên trong ngôi đền, và rằng một chiếc dép từng được vị anh hùng đi thỉnh thoảng cũng được nhìn thấy,

dài 2 *pekhes*, và mỗi khi nó xuất hiện cả Ai Cập lại thịnh vượng. Họ nói như vậy, và họ bày tỏ lòng tôn kính Perseus theo phong cách Hy Lạp như sau: Họ tổ chức một hội thi điền kinh, bao gồm tất cả các môn thi đấu, và gia súc, áo khoác cùng da thú được dùng làm giải thưởng. Khi tôi hỏi tại sao chỉ có mình Perseus là hay xuất hiện với họ, để rồi họ khác hẳn những người Ai Cập khác ở việc tổ chức hội thi điền kinh, họ nói rằng Perseus sinh ra tại thành phố của họ, vì Danaos và Lynkeus là người Khemmis rồi sau đó đã đi đường biển tới Hy Lạp, và từ hai người đó họ truy ngược gia phả về tận Perseus. Và họ kể với tôi rằng Perseus đã tới Ai Cập vì nguyên do mà người Hy Lạp cũng kể, đó là để mang về từ Libya cái đầu của Gorgon, và Perseus sau đó cũng đã tới thăm họ và nhận tất cả họ hàng của mình, và họ kể Perseus đã biết rõ cái tên Khemmis từ trước khi ông tới Ai Cập, vì ông đã biết về thành phố từ mẹ mình, do đó cư dân thành phố đã tổ chức một hội thi điền kinh chào mừng Perseus theo lệnh của chính ông.

92. Tất cả những điều được kể ở trên là các phong tục được người Ai Cập sống ở phía trên vùng đầm lầy, còn những người sống ở vùng đầm lầy đa số có các tập tục giống những người Ai Cập khác, cả trong những vấn đề khác cũng như ở việc mỗi người đàn ông chỉ có duy nhất một người vợ, giống như người Hy Lạp. Nhưng trong vấn đề kinh tế, về thức ăn họ đã sáng chế ra những thứ sau đây.

Khi dòng sông tràn bờ và các vùng đất bằng đã bị ngập lụt, có rất nhiều hoa mọc lên dưới nước, mà người Ai Cập gọi là *lotos*. Họ dùng liềm cắt những bông hoa này rồi phơi khô dưới ánh mặt trời, sau đó họ nghiền thành bột thứ củ mọc ở giữa những bông *lotos* có hình giống như một quả anh túc, và dùng thứ bột này nặn thành bánh và nướng lên. Rễ của hoa *lotos* này cũng ăn được và có vị hơi ngọt, có hình tròn và to cỡ một quả táo. Ngoài ra còn có những loài cây khác có hoa trông như những bông hồng cũng mọc trên sông, và quả của loài cây này mọc ra trên một chiếc cành mọc lên từ bộ rễ ở bên cạnh thân chính của cây, và trông rất giống một tảng ong bắp cày. Trong quả này có rất nhiều hạt ăn được có kích thước bằng hạt ô-liu, và người ta hoặc ăn tươi hoặc phơi khô chúng rồi ăn.

Bên cạnh những loài cây kể trên, người Ai Cập khai thác từ các đầm lầy cây cói mọc lên hằng năm. Phần thân trên của chúng được họ cắt đi và dùng vào những mục đích khác nhau, nhưng phần còn lại ở phía dưới, dài khoảng 1 *pekhys*, họ dùng để ăn hoặc đem bán. Những người muốn thưởng thức cói theo cách ngon nhất đem nướng nó trong một cái lò đã đốt nóng đỏ, rồi ăn. Ngoài

ra trong những cư dân này cũng có những tộc người chỉ ăn cá, họ phơi khô cá dưới mặt trời sau khi bắt về và moi ruột, rồi khi cá đã khô, họ dùng chúng làm thức ăn.

93. Những loài cá bơi thành đàn không sinh sản nhiều trên các dòng sông mà trong các hồ nước như sau: Khi chúng muốn sinh sản, những con cá bơi thành đàn ra biển, những con đực bơi trước, vừa bơi đi vừa thả tinh dịch của chúng, trong khi những con cái bơi theo nuốt lấy và mang thai. Rồi khi những con cá cái đã có đầy trứng ngoài biển, chúng lại bơi ngược trở lại, mỗi đàn tìm về nơi cư trú của chúng. Tuy nhiên, dẫn đầu đàn giờ đây không còn như trước nữa, lúc này bơi đầu lại là các con cá cái, chúng dẫn đường hệt như những con đực từng làm, nghĩa là vừa bơi đi chúng vừa đẻ trứng, mỗi lần một ít, và những con đực bơi theo sau để nuốt lấy những quả trứng này. Những quả trứng chính là cá con, và từ những quả trứng còn sót không bị nuốt sẽ nở thành cá con, và những con cá con sau đó được nuôi lớn. Những con cá bị bắt trên đường bơi ra biển được thấy đều bị xây xát ở bên trái đầu, nhưng những con bị bắt trên đường bơi từ biển trở vào lại bị xây xát ở bên phải đầu. Điều này xảy ra với chúng vì khi chúng bơi ra biển, những con cá bám sát vào bờ trái của dòng sông, và khi bơi ngược từ biển trở vào chúng cũng lại bám theo cùng bên bờ sông đó, ghé sát và cọ vào thành bờ thường xuyên nhất có thể, hẳn vì sợ bị lạc đường do dòng chảy. Khi sông Neilos bắt đầu dâng nước, những chỗ hõm sâu trên đất liền và những vùng thấp bên bờ sông thoạt đầu sẽ ngập đầy nước khi nước lan tới từ dòng sông, và ngay khi những nơi này ngập nước, chúng cũng đều đầy ắp cá con, và tôi nghĩ tôi có thể đoán ra được tất cả những con cá con này từ đâu sinh ra. Trong năm trước đó, khi nước sông Neilos hạ xuống, lũ cá thoạt đầu đẻ trứng vào trong bùn rồi bơi đi theo những con nước rút cuối cùng. Rồi khi chu kỳ trở lại, nước một lần nữa dâng lên tràn ngập đất liền, từ những quả trứng kể trên nở ra những con cá con mà tôi đã nói tới.

94. Đó là về những con cá. Còn trong lễ xức dầu người Ai Cập sống ở vùng đầm lầy dùng dầu lấy từ cây thầu dầu, loại dầu này người Ai Cập gọi là *kiki*, và họ làm như sau: Họ gieo hạt loài cây này dọc các bờ sông bờ hồ, thứ cây này vốn mọc hoang ở đất Hy Lạp. Ở Ai Cập, chúng được trồng và ra rất nhiều quả nhưng có mùi rất khó chịu. Khi người Ai Cập thu hái thứ quả này, một số người cắt chúng ra rồi ép lấy dầu, số khác đầu tiên nướng chúng lên, sau đó đem luộc và thu lấy chất dịch chảy ra từ trong quả. Thứ dầu này béo và thích hợp cho việc thắp sáng không kém gì dầu ô-liu, nhưng tạo ra mùi rất khó chịu.

95. Để chống lại những con muỗi nhan nhản khắp nơi, người Ai Cập đã làm như sau: Những người sống ở phía trên vùng đầm lầy làm những tòa tháp và leo lên đó khi họ nghỉ ngơi, vì lũ muỗi không thể bay lên cao do những cơn gió. Nhưng những người sống ở vùng đầm lầy đã nghĩ ra một cách khác thay vì những tòa tháp: Mỗi người trong số họ đều có một tấm lưới, ban ngày dùng để đánh cá, nhưng ban đêm họ căng tấm lưới đó phủ quanh giường ngủ của mình, rồi chui vào dưới tấm lưới và ngủ. Về phần lũ muỗi, nếu con người cuộn người lại trong một tấm áo hay một tấm vải lanh, chúng sẽ đốt xuyên qua lớp vải này, nhưng vượt qua tấm lưới để làm việc đó thì thậm chí chúng không buồn thử.

96. Những chiếc thuyền người Ai Cập dùng chuyên chở hàng hóa được làm từ gỗ keo, có hình dáng rất giống cây *lotos* Kyrene, và thứ cây này tiết ra chất gôm. Từ cây keo, họ cắt ra những đoạn gỗ dài khoảng 2 *pekhes* rồi xếp chúng như xếp gạch, đóng thành thuyền bằng cách đóng rất nhiều những cái chốt dài qua các đoạn gỗ dài 2 *pekhes*, rồi sau khi đã đóng chiếc thuyền thành hình như thế, họ đặt những thanh ván ngang lên trên mà không hề sử dụng những thanh sườn ở hai bên thành thuyền. Trong lòng thuyền, họ dùng cói để xảm thuyền. Họ chế tạo một bánh lái cho thuyền được đâm xuyên qua đáy thuyền, và dựng một cột buồm bằng gỗ keo cùng những cánh buồm làm từ cói. Những chiếc thuyền như thế không thể chạy ngược dòng sông trừ khi có gió thổi khá mạnh, mà phải được kéo từ trên bờ. Tuy nhiên, khi đi xuôi dòng chúng di chuyển như sau: Người Ai Cập chế ra một tấm phên mắt cáo hình cánh cửa bằng gỗ thánh liễu và thảm sậy kết vào nhau, cùng một hòn đá nặng khoảng 2 *talanta* có đục một cái lỗ. Người lái thuyền để tấm phên nổi lên phía trước thuyền, được buộc vào một sợi thừng, còn hòn đá được buộc vào một sợi thừng khác và kéo đi sau thuyền. Do sức mạnh của dòng chảy tác động, tấm phên sẽ trôi đi rất nhanh và kéo theo chiếc *baris* (đây là tên gọi của những chiếc thuyền kiểu này), trong khi hòn đá được lôi theo sau, chìm sâu dưới nước và giữ cho chiếc thuyền chạy thẳng. Người Ai Cập có số lượng lớn thuyền kiểu này và một số chiếc thuyền chở được hàng nghìn *talanta* hàng hóa.

97. Khi sông Neilos dâng nước tràn bờ, chỉ có thể thấy được các thành phố nhô lên khỏi mặt nước, trông như các hòn đảo trên biển Aigaion hơn bất cứ thứ gì, vì phần còn lại của Ai Cập khi đó trở thành một biển nước và chỉ còn các thành phố nằm trên mặt nước. Vì thế, khi nước lên, người Ai Cập di chuyển trên mặt nước không còn theo các nhánh sông mà trên chính giữa đồng bằng. Chẳng hạn, khi người ta đi thuyền từ Naukratis tới Memphis, vào lúc nước lên tuyến đường sẽ đi sát qua các kim tự tháp, trong khi

lộ trình bình thường không phải như vậy mà đi qua vùng châu thổ và thành Kerkasoros; trong khi nếu ta đi thuyền từ biển và từ Kanobis qua vùng đồng bằng tới Naukratis, ta sẽ đi qua Anthylla và Arkhandroupolis.

98. Trong hai nơi này, Anthylla là một đô thị đáng chú ý và đặc biệt được dành để phụng sự hoàng hậu Ai Cập, cung cấp giày cho lệnh bà (điều này được duy trì kể từ khi Ai Cập nằm dưới quyền cai trị của người Ba Tư). Đô thị còn lại theo tôi dường như có tên xuất phát từ Arkhandros, con trai Pthios, cháu Akhaios và con rể Danaos, vì thành phố được gọi là Arkhandroupolis. Rất có thể còn có một Arkhandros khác nữa, nhưng dù thế nào cái tên này cũng không phải tên Ai Cập.

99. Cho đến giờ, quan sát và đánh giá, khảo cứu của tôi đã chứng thực cho những gì tôi kể. Song từ đây trở đi, tôi sắp sửa kể về lịch sử Ai Cập theo những gì tôi nghe được, thêm vào đó cũng sẽ có những điều đích thân tôi nhìn thấy.

Về Min, vị vua đầu tiên của Ai Cập, các tư tế kể rằng nhà vua đã cho kè thành Memphis khỏi dòng sông, vì toàn bộ dòng chảy của sông Neilos từng chảy dọc theo dãy núi phủ cát ở phía giáp Libya, song Min đã bằng các bờ kè tạo nên khúc uốn của dòng sông về phía nam, nằm trên Memphis khoảng 100 *stadia*, nhờ đó nhà vua làm cạn lòng sông cũ và chuyển hướng sông Neilos để nó chảy giữa các dãy núi, và ngay cả ngày nay khúc uốn của sông Neilos này cũng được người Ba Tư để tâm tới rất cẩn thận để dòng sông chảy theo đúng lòng sông nó được dẫn vào, và các kè bờ sông được tu sửa hằng năm, vì nếu dòng sông phá vỡ kè và tràn về hướng đó, Memphis sẽ có nguy cơ bị nước lũ nhấn chìm. Khi Min, người đầu tiên trở thành vua Ai Cập, đã biến vùng đất được chắn kè thành đất khô, một mặt nhà vua lập nên thành phố ngày nay được gọi là Memphis, vì cả Memphis cũng nằm ở phần hẹp của Ai Cập, rồi bên ngoài nhà vua cho đào quanh thành phố về phía bắc và phía tây một hồ nước thông với sông Neilos, vì mặt đông của thành phố bị chính sông Neilos án ngữ. Tiếp theo, nhà vua dựng lên trong thành phố ngôi đền Hephaistos, một công trình đồ sộ rất đáng để nhắc tới.

100. Sau vị vua này, các tư tế kể cho tôi từ một cuộn giấy cói tên của các vị vua khác, tổng cộng có 330 người, và trong tất cả những thế hệ này có 18 vua Aithiopia và một nữ vương; những người còn lại đều là vua Ai Cập. Tên của vị nữ vương đã trị vì Ai Cập cũng giống như tên của vị nữ vương Babylon, là Nitokris. Về vị nữ vương này, người ta kể rằng vì khao khát báo thù cho anh

trai đã bị người Ai Cập giết khi ngài đang là vua của họ, sau đó trao vương quốc cho người em gái. Vì nữ vương muốn báo thù đã lập mưu hủy diệt nhiều người Ai Cập. Bà cho xây một căn phòng rất lớn dưới lòng đất, rồi làm như thể bà sẽ dùng nó tổ chức một yến tiệc, nhưng trong đầu nữ vương lại có những ý định khác. Bà mời những người Ai Cập mà bà biết đã can dự nhiều nhất tới việc sát hại anh trai mình, và tổ chức một yến tiệc linh đình. Trong khi họ đang tiệc tùng, nữ vương tháo nước sông ập vào họ qua một mật đạo lớn. Người ta không kể gì thêm về nữ vương ngoài việc này, khi cuộc báo thù đã hoàn tất, bà gieo mình vào một căn phòng đầy than hồng để có thể thoát khỏi sự trả thù.

101. Về những vị vua khác, các tư tế không thể kể cho tôi bất cứ công trình vĩ đại nào do họ thực hiện, và các tư tế nói rằng những vị vua này không có tiếng tăm gì ngoại trừ vị vua cuối cùng, Moiris[1]. Các tư tế kể rằng vị vua này, nhằm để lại tiếng tăm cho mình, đã để cổng vào ngôi đền Hephaistos quay về phía bắc, và đào một hồ nước, về hồ nước này tôi sẽ kể sau về chu vi của nó là bao nhiêu *stadia*, cũng như ở trên hồ nước có xây những kim tự tháp với kích thước tôi sẽ nói rõ cùng lúc khi nói về chính hồ nước. Vua Moiris, theo lời các tư tế, đã kiến tạo những công trình này, nhưng các vị vua còn lại thì không ai tạo ra bất cứ công trình nào.

---

[1]. Có thể là pharaoh Amenemhat III (hay Amenemhet III) (trị vì khoảng 1860-1814 TCN), thuộc Triều đại thứ 12 của Ai Cập cổ đại.

---

102. Vì vậy, bỏ qua những vị vua ấy, tôi sẽ kể về Sesostris, người kế tục họ. Nhà vua (theo lời các tư tế) trước hết đã xuất chinh với các chiến thuyền từ vịnh Arabia và khuất phục những tộc người cư ngụ dọc theo các bờ của biển Erythra, cho tới khi nhà vua dong buồm tới một vùng biển nơi không thể đi thuyền được nữa vì những dải nước nông. Tiếp đến, sau khi trở về Ai Cập, theo lời kể của các tư tế, nhà vua đã tập hợp một đạo quân lớn và tiến qua lục địa, khuất phục tất cả các dân tộc cản đường mình. Những người mà nhà vua thấy là dũng cảm và chiến đấu kiên cường cho tự do của họ, Sesostris dựng lên trên đất của họ các trụ trên đó có khắc tên của chính nhà vua và tên vương quốc của ông, cũng như thuật lại việc nhà vua đã chinh phục tộc người bản địa bằng sức mạnh của mình ra sao. Những đô thị nhà vua đã chiếm được mà không cần chiến đấu hoặc bằng một cách dễ dàng, Sesostris cho khắc những từ cũng giống như trên các trụ ông dựng lên ở những dân tộc đã thể hiện lòng dũng cảm của họ, và thêm vào đó nhà vua cho khắc hình bộ phận sinh dục nữ giới, qua đó muốn ám chỉ rằng tộc người sống tại đó hèn nhát và yếu đuối.

103. Cứ thế, Sesostris tiến qua lục địa, cho tới khi cuối cùng nhà vua từ châu Á tiến sang châu Âu và khuất phục người Skythia cũng như người Thraike. Theo quan điểm của tôi, đây là miền xa nhất mà quân đội Ai Cập đã tiến tới, vì ở vùng đất của họ có những trụ đã được tìm thấy, còn ở những miền đất xa hơn thì không.

Từ nơi này, nhà vua quay lại và bắt đầu trở về. Khi ông tới sông Phasis, điều này diễn ra khi nào tôi không thể nói chính xác, hoặc vua Sesostris đã tự chia một phần quân đội của mình để lại những người này định cư tại vùng đất này, hoặc một số binh lính của ông đã kiệt sức vì những cuộc hành quân xa xôi của nhà vua và ở lại bên sông Phasis.

104. Vì người Kolkhis rõ ràng là người Ai Cập, điều này tôi đã nhận ra trước khi nghe được từ người khác. Vì thế tôi đã đi đến xem xét vấn đề này và hỏi cả hai phía: Kết quả là người Kolkhis nhớ nhiều về người Ai Cập hơn là người Ai Cập nhớ về người Kolkhis, song người Ai Cập nói họ tin rằng người Kolkhis là một phần đạo quân của Sesostris. Bản thân tôi cũng phỏng đoán như vậy không chỉ vì họ có nước da sẫm màu và tóc xoăn (bản thân những điều này không có ý nghĩa gì, vì nhiều chủng tộc khác cũng có những đặc điểm ấy) mà hơn thế còn vì chỉ người Kolkhis, người Ai Cập và người Aithiopia trong tất cả các chủng tộc đã thực hành tục cắt bao quy đầu từ khi những tộc người này mới hình thành. Người Phoinike và người Syria sống tại Palaistine tự thừa nhận rằng họ đã học tục lệ này từ người Ai Cập, và người Syria ở quanh sông Thermodon và Parthenion, cũng như người Makrones, láng giềng của họ, nói họ đã học tục lệ ấy muộn hơn từ người Kolkhis. Đây là tất cả những tộc người thực hành cắt bao quy đầu, và họ rõ ràng thực hiện tục lệ này theo cùng cách như người Ai Cập. Tuy nhiên, về bản thân người Ai Cập và người Aithiopia, tôi không thể nói ai đã học từ ai, vì rõ ràng đây là một tập tục rất cổ xưa. Song việc các dân tộc khác đã học tục cắt bao quy đầu thông qua giao tiếp với người Ai Cập tôi thấy có một bằng chứng rất rõ ràng, đó là việc những người Phoinike giao tiếp với người Hy Lạp đã thôi không làm theo người Ai Cập trong chuyện này, và không cắt bao quy đầu cho trẻ con của họ nữa.

105. Giờ cho phép tôi được kể một điều nữa về người Kolkhis để cho thấy họ giống người Ai Cập tới mức nào: Chỉ mình họ dệt sợi lanh theo cùng cách như người Ai Cập, và hai dân tộc cũng giống nhau trong toàn bộ lối sống cũng như trong ngôn ngữ của họ. Thứ vải lanh của Kolkhis được người Hy Lạp gọi là Sardonikon, trong khi vải lanh từ Ai Cập được gọi là vải lanh Ai Cập.

106. Những trụ mà vua Ai Cập Sesostris dựng lên ở các vùng đất khác nhau phần lớn đều không còn tồn tại, nhưng ở Palaistine thuộc Syria, chính mắt tôi đã thấy chúng cùng với những dòng khắc trên đó như tôi đã kể qua cùng với biểu tượng. Hơn nữa, ở Ionia có hai hình của người này được khắc trên đá, một trên con đường đi từ Ephesos tới Phokaia, và hình còn lại trên đường giữa Sardis và Smyrna. Ở mỗi nơi có một hình người khắc trên đá, cao 4 *pekhes* và 1 *spithame*[1], bàn tay phải của hình người cầm một cây giáo, còn bàn tay trái cầm cung tên, còn phần trang bị còn lại của hình người thì giống cả người Ai Cập lẫn người Aithiopia. Trên ngực hình người, từ một bên vai sang bên kia, có khắc những ký tự thiêng của Ai Cập, viết rằng: "Ta đã giành được miền đất này bằng đôi vai của mình". Nhưng bản thân ông ta là ai và từ đâu tới thì người để lại hình khắc đã không nói rõ tại những nơi này, cho dù ông đã tuyên bố điều đó ở những nơi khác. Một số người từng thấy qua những hình khắc này phỏng đoán rằng đó là hình của Memnon, song ở đây phỏng đoán của họ quả là rất xa sự thật.

---

[1]. 1 *spithame* (sn: *spithamai)* tương đương 23,1 cm. (BT)

---

107. Trong lúc Sesostris người Ai Cập đang trở về và mang theo rất nhiều người thuộc về những dân tộc có lãnh thổ bị ông chinh phục, khi nhà vua (theo lời kể của các tư tế) tới Daphnai gần Pelousion trên cuộc hành trình trở về nhà, người em trai mà Sesostris đã giao quyền nhiếp chính Ai Cập đã mời nhà vua cùng các hoàng tử tới dự một yến tiệc, rồi sau đó người này chất đầy củi quanh nhà và châm lửa. Khi Sesostris phát giác ra việc này, ông liền bàn bạc với hoàng hậu, vì theo như lời kể nhà vua mang theo cả bà; và hoàng hậu khuyên nhà vua đặt hai hoàng tử trong số sáu con trai của ông lên đống củi đang cháy để làm một lối đi bắc qua đám lửa, rồi họ sẽ bước lên thân các hoàng tử để thoát ra ngoài. Các tư tế kể rằng Sesostris đã làm theo, và vì thế hai con trai của ông bị chết cháy, nhưng những người con trai còn lại an toàn thoát đi cùng cha của họ.

108. Sau đó Sesostris, khi đã trở về được Ai Cập và trừng phạt người em trai, đã sử dụng số đông những người ông mang về từ các vùng lãnh thổ bị ông chinh phục theo cách sau đây: Chính những người này đảm nhiệm việc vận chuyển những khối đá được đưa tới đền Hephaistos dưới thời nhà vua trị vì, đây là những khối đá có kích thước rất đồ sộ; và cũng chính họ phải đào tất cả những con kênh hiện tồn tại ở Ai Cập. Vậy là, dù không hề có mục đích đó, họ đã khiến cho Ai Cập, vốn trước đó thích hợp cho

cả đi ngựa lẫn đi xe, từ đó trở đi không còn thích hợp cho những hình thức di chuyển đó nữa, vì kể từ thời đó đất Ai Cập, cho dù bằng phẳng, đã trở nên không thích hợp cho cưỡi ngựa và đi xe khi có nhiều tuyến kênh đào chạy khắp mọi hướng. Nhưng lý do khiến vị vua này cắt xẻ lãnh thổ như vậy là vì những người Ai Cập sống tại các thành phố không nằm bên sông mà ở giữa đất cạn, bị thiếu nước khi nước sông rút khỏi vùng đất của họ, nhận thấy nước uống của họ hơi mặn khi lấy từ giếng lên.

109. Vì lý do này đất Ai Cập bị cắt xẻ, và người ta kể rằng Sesostris phân bổ đất cho tất cả người Ai Cập, chia một khoảnh đất vuông bằng nhau cho mỗi người, và từ việc này nhà vua có nguồn thu sau khi ấn định cho họ phải trả một khoản tiền thuê nhất định mỗi năm, và nếu dòng sông lấn mất ít nhiều diện tích từ phần đất của một người, người này sẽ tới gặp nhà vua và tâu lại chuyện đã xảy ra, và nhà vua thường phái người tới kiểm tra tìm hiểu qua đo đạc xem khoảnh đất đã bị nhỏ đi mất bao nhiêu để trong tương lai người được ban khoảnh đất đó sẽ phải nộp ít hơn theo tỷ lệ với khoản tiền thuê ấn định. Và tôi nghĩ rằng kỹ nghệ hình học đã được tìm ra như vậy rồi sau đó truyền tới cả Hy Lạp. Còn về đồng hồ mặt trời và *gnomon*[1], người Hy Lạp đã học từ người Babylon.

[1]. Một que thẳng đứng, và bóng của nó được dùng để đo góc của ánh nắng mặt trời. (BT)

110. Ngoài ra, Sesostris là người duy nhất trong số các vua Ai Cập từng trị vì Aithiopia, và nhà vua để lại đài tưởng niệm về mình trước đền Hephaistos: Hai bức tượng đá đều cao 30 *pekhes*, tạc hình nhà vua và hoàng hậu, cũng những bức tượng đều cao 20 *pekhes* tạc hình bốn người con trai của ông. Và rất lâu sau đó, các tư tế thờ phụng Hephaistos đã từ chối cho phép vua Ba Tư Dareios dựng một bức tượng của ông trước mặt những bức tượng kể trên, nói rằng nhà vua đã không thực hiện được những thành tựu có thể sánh ngang với vua Ai Cập Sesostris. Vì Sesostris ngoài việc khuất phục được nhiều dân tộc hơn Dareios còn khuất phục được cả người Skythia, điều mà Dareios đã không thể làm được, vì thế sẽ là không công bằng nếu Dareios dựng lên một bức tượng phía trước những bức tượng Sesostris đã xây dựng, một khi Dareios không vượt qua được vị vua này về chiến công. Và theo lời kể lại, Dareios đã chấp nhận lời bình phẩm này.

111. Sau khi Sesostris băng hà, Pheros con trai ông, theo lời các tư tế kể với tôi, kế vị và vị vua mới không tiến hành cuộc viễn chinh nào, hơn thế số mệnh lại khiến ông bị mù vì tai nạn sau đây: Khi dòng sông đổ nước lũ về cao tới 18 *pekhes*, mức nước lũ cao hơn hẳn thời điểm trước đó, và nước đã tràn vào các cánh đồng, một cơn gió mạnh thổi qua trên mặt nước và dòng sông cuộn sóng. Nhà vua (theo lời kể) bị thôi thúc bởi một cơn điên rồ ngạo mạn, đã lấy một cây giáo và phóng xuống giữa dòng nước. Ngay sau đó, nhà vua mắc phải một căn bệnh về mắt và bị mù. Suốt 10 năm ròng nhà vua bị mù, rồi đến năm thứ 11, nhà vua nhận được một thần dụ từ thành Bouto phán rằng thời hạn trừng phạt dành cho ông đã hết, và nhà vua sẽ nhìn được trở lại nếu rửa mắt bằng nước tiểu của một phụ nữ mới chỉ ân ái với riêng chồng mình và chưa hề biết đến những người đàn ông khác. Thoạt đầu, nhà vua thử với chính hoàng hậu của mình, nhưng ông vẫn không thể hết mù, nhà vua tiếp tục thử với tất cả những phụ nữ khác, rồi cuối cùng khi nhà vua cũng nhìn được trở lại, ông tập hợp tất cả các phụ nữ ông đã thử qua, ngoại trừ người nhờ nước tiểu của cô này ông đã sáng mắt trở lại, rồi đưa tất cả họ tới thành phố ngày nay có tên là Erythrabolos, rồi sau khi đã tập trung họ ở đó, nhà vua cho thiêu tất cả họ, cũng như cả thành phố. Còn người phụ nữ đã giúp nhà vua sáng mắt trở lại được ông lấy làm vợ. Sau khi đã thoát khỏi căn bệnh về mắt, nhà vua dâng lễ vật lên tất cả những ngôi đền có tiếng tăm, và đặc biệt (ở đây chỉ nhắc tới điều đáng nhắc tới nhất)

nhà vua đã dâng lên ngôi đền Mặt trời những lễ vật đáng để nhìn tận mắt, cụ thể là hai cây trụ bằng đá nguyên khối, mỗi cột cao 100 *pekhes* và dày 8 *pekhes*.

112. Kế vị Pheros, theo lời các tư tế, là một người Memphis, có tên đọc theo tiếng Hy Lạp là Proteus. Tại Memphis ngày nay có một thánh địa thờ vị vua này, rất đẹp và ngăn nắp, nằm cạnh ngôi đền Hephaistos có mặt tiền quay về hướng bắc. Ở quanh thánh địa này có người Phoinike từ thành Tyros cư trú, và toàn bộ vùng này được gọi là Trại của người Tyros. Ở trong khuôn viên của Proteus có một ngôi đền gọi là đền "Aphrodite ngoại quốc", mà tôi đoán là thờ Helene, con gái Tyndareos, không chỉ vì tôi đã nghe kể câu chuyện về việc Helene ở chỗ Proteus, mà đặc biệt là vì ngôi đền được nhắc tới là thờ "Aphrodite ngoại quốc", vì những ngôi đền khác thờ Aphrodite đều không được thêm cách gọi "ngoại quốc" trong tên.

113. Khi tôi hỏi, các tư tế kể với tôi rằng những biến cố liên quan tới Helene đã xảy ra như sau: Khi Alexandros bắt cóc Helene từ Sparta, anh ra khơi trở về. Trên đường qua biển Aigaion, anh gặp gió ngược khiến bị lệch khỏi lộ trình vào biển Ai Cập. Sau đó, vì những cơn gió ngược không ngừng thổi, Alexandros dạt tới bờ biển, cập bờ tại Ruộng Muối, nơi ngày nay được gọi là cửa Kanopikon của sông Neilos. Bên bờ biển ở nơi đó vào thời ấy, và ngày nay vẫn vậy, có một ngôi đền Herakles, và nếu nô lệ của bất cứ ai chạy trốn vào đền và được đóng dấu thiêng lên người sau khi hiến thân mình cho thần, pháp luật không cho phép bắt lại người nô lệ đó. Và phong tục này vẫn được duy trì không thay đổi tới tận thời của tôi. Những tùy tùng của Alexandros, nghe nói tới phong tục này, đã bỏ trốn, rồi quỳ xuống khẩn cầu vị thần, tố cáo Alexandros vì họ muốn làm hại anh ta, thuật lại toàn bộ câu chuyện về Helene và sự xúc phạm Alexandros đã gây ra với Menelaos, và họ đưa ra lời buộc tội này không chỉ với các tư tế mà cả lên vị quan cai quản cửa sông này, có tên là Thonis.

114. Thonis sau khi nghe câu chuyện của họ liền phái tín sứ tới gặp Proteus ở Memphis và bẩm báo như sau: "Có một kẻ lạ mặt thuộc dòng dõi Teukros[1] đã làm việc báng bổ tại Hy Lạp. Người này đã lừa dối vợ của chính gia chủ y, trốn khỏi nơi đó đem theo cả người phụ nữ đó cùng rất nhiều của cải, và sau khi bị gió thổi lệch khỏi lộ trình đã dạt vào lãnh thổ của bệ hạ. Chúng tôi có nên cho phép y rời đi không hề hấn gì, hay trước hết chúng tôi sẽ đoạt khỏi tay y những gì y mang theo?" Đáp lại, Proteus phái một tín sứ trở lại nói như sau: "Hãy bắt lấy kẻ này, dù hắn có là ai, kẻ đã gây ra điều bất kính với gia chủ của hắn, và giải hắn tới gặp ta, để ta biết

được hắn sẽ có gì để nói".

---

1. Người Troia.

---

115. Theo lệnh, Thonis bắt Alexandros và giữ lại thuyền của anh, rồi sau đó đưa anh tới Memphis cùng Helene và tất cả của cải mang theo, cùng với những tùy tùng đã tố cáo. Khi tất cả đã được đưa tới đó, Proteus bắt đầu hỏi thân thế Alexandros cũng như anh từ đâu tới, và anh ta đã thuật lại cả thân thế của mình cũng như cho nhà vua biết tên bản quán mình, hơn thế còn thuật lại chuyến đi của anh, nơi anh xuất phát. Sau đó, Proteus hỏi Alexandros đã mang theo Helene từ đâu, và khi Alexandros vòng vo trong lời kể và không nói ra sự thật, những người đã cầu xin sự bảo vệ của thần Herakles liền kết tội anh ta dối trá, rồi thuật lại toàn bộ hành vi xấu xa của anh. Cuối cùng, Proteus tuyên án với họ, nói rằng: "Nếu không phải vì coi việc không giết hại bất cứ ai trong số những người ngoại bang đã dạt vào vương quốc của ta khi bị gió thổi lệch khỏi lộ trình của họ từ trước tới giờ là hệ trọng, ta hẳn sẽ trừng phạt ngươi nhân danh người Hy Lạp kia vì ngươi, kẻ thấp hèn nhất trong tất cả mọi người, đã nhận được từ ông ta lòng hiếu khách, lại làm một điều bất kính nhất với ông ta. Vì ngươi quả thực đã quyến rũ vợ của chính gia chủ, và thậm chí như vậy còn là chưa đủ với ngươi, mà ngươi còn thôi thúc dục vọng trong cô ta để rồi lén trốn đi cùng cô ta như một tên trộm. Mà thậm chí như thế cũng còn là chưa đủ với ngươi, mà ngươi còn bỏ đi khỏi nơi đó mang theo những của cải cướp đoạt từ nhà của gia chủ đã đón tiếp ngươi. Giờ hãy đi đi, vì ta đã coi việc không giết hại người ngoại bang là hệ trọng. Nhưng còn người phụ nữ này và của cải ngươi mang theo ta sẽ không cho phép ngươi mang đi, mà ta sẽ giữ cả lại trông coi cho vị gia chủ Hy Lạp của ngươi cho tới khi ông ấy đích thân tới đây và ngỏ ý muốn đưa cả người lẫn của cải về nhà. Còn về phần ngươi và các tùy tùng đồng hành, ta lệnh cho các ngươi phải rời khỏi nơi đang thả neo trong vòng ba ngày, rời khỏi vương quốc của ta tới nơi khác, nếu không, các người sẽ bị xử trí như kẻ thù".

116. Theo lời các tư tế, Helene đã tới chỗ Proteus như thế, và tôi cho rằng cả Homeros cũng đã nghe câu chuyện này, nhưng vì câu chuyện không thích hợp cho việc sáng tác thơ của ông như những câu chuyện khác mà ông chọn theo, cuối cùng thi sĩ đã bỏ qua, trong khi cũng đồng thời làm rõ rằng ông cũng biết tới câu chuyện này. Và theo cách ông miêu tả những chuyến phiêu bạt của Alexandros trong Ilias (và Homeros cũng không hề rút lại những

gì đã kể ở bất cứ đâu khác), rõ ràng khi anh đưa Helene đi, anh đã bị trôi lệch khỏi lộ trình, lang thang qua nhiều hòn đảo, và cùng với nhiều nơi khác, từng ghé qua Sidon ở Phoinike. Điều này đã được thi sĩ nhắc đến trong "Sự dũng cảm của Diomedes", và các câu thơ như sau:

> Những tấm áo choàng tinh xảo, được thêu bằng hoa văn cầu kỳ và đa dạng
>
> Sản phẩm của phụ nữ Sidon, những người mà Alexandro thần thánh
>
> Đã mang về từ Sidon, dong buồm trên biển rộng
>
> Từ Argos trở về nhà nàng với Helene, con gái một lãnh chúa cao quý.

Và cả trong *Odysseia* ông cũng nhắc tới điều đó trong những câu thơ này:

> Con gái Zeus được ban cho những thứ thuốc chữa bệnh thật tinh tế
>
> Bởi Polydama, một phụ nữ ai Cập, vợ Thon;
>
> Vì đất Ai Cập trù phú sản sinh rất nhiều thứ thuốc
>
> Hiệu nghiệm khi được kết hợp, dù để chữa trị hay nhằm hãm hại.

Và Menelaos cũng nói như vậy với Telemakhos:

> Dù khao khát trở về các vị thần vẫn giữ ta ở Ai Cập
>
> Vì ta chưa dâng lên họ các tế vật như đã hứa.

Trong những câu thơ này Homeros đã cho thấy rõ ông biết rõ những cuộc lang bạt của Alexandros tới Ai Cập, vì Syria nằm tiếp giáp với Ai Cập còn người Phoinike, vốn là chủ nhân của Sidon, cư trú tại Syria.

117. Qua những dòng thơ và biến cố này, có thể thấy rõ rằng *Kypria* không phải do Homeros viết mà của một người khác: vì trong tác phẩm này thuật lại rằng vào ngày thứ ba sau khi rời Sparta, Alexandros về tới Ilion[1] mang theo Helene, sau khi đã có được "một cơn gió thổi nhẹ nhàng và biển lặng sóng", trong khi trong *Ilias* thuật lại rằng vị hoàng tử đã bị lạc khỏi lộ trình khi

mang người phụ nữ đi. Nói về Homeros và Kypria thế là đủ.

---

1. Tức thành Troia.

---

118. Khi tôi hỏi các tư tế xem liệu những gì người Hy Lạp kể đã xảy ra tại Ilion có phải chỉ là chuyện hư cấu hay không, và họ đã trả lời tôi như sau, nói rằng họ biết được nhờ chất vấn Menelaos. Họ kể rằng quả thực sau khi vụ bắt cóc Helene xảy ra, một đạo quân Hy Lạp hùng hậu đã đến đất Teukria để giúp Menelaos. Và khi đạo quân này đã đổ bộ từ thuyền lên đất liền rồi đóng trại ở đó, họ phái các sứ giả tới Ilion, và đích thân Menelaos cũng đi cùng những người này. Khi các sứ giả đã vào trong tường thành, họ yêu cầu trả lại Helene cùng những của cải Alexandros đã cướp từ Menelaos và mang đi. Thêm nữa, họ yêu cầu bồi thường cho những hành vi sai trái. Và vào lúc ấy cũng như sau này, người Teukroi cùng kể một câu chuyện, kể cả có thề lẫn không thề, rằng thực ra và trên thực tế họ không hề có Helene hay những của cải mà sứ đoàn đòi trao trả lại, mà cả hai đang ở Ai Cập, và một cách công bằng họ không thể bị buộc bồi thường những thứ mà Proteus, vua Ai Cập, đang nắm giữ. Tuy nhiên, người Hy Lạp đã nghĩ rằng người Teukroi giễu cợt mình và vây hãm tòa thành cho tới khi cuối cùng họ chiếm được nó. Và khi đã chiếm được thành mà không tìm thấy Helene, mà vẫn nghe được câu chuyện như trước, lúc ấy họ tin câu chuyện được kể ban đầu và cử chính Menelaos tới gặp Proteus.

119. Và Menelaos, sau khi tới Ai Cập và dong buồm tới tận Memphis, đã thuật lại sự thật về những điều này, để rồi không những thấy mình được tiếp đãi trọng thể, mà còn nhận lại được Helene không hề bị tổn hại cũng như tài sản của mình. Tuy nhiên, sau khi được tiếp đón như vậy, Menelaos đã tỏ ra vô ơn với người Ai Cập, vì khi ra khơi, gió nghịch đã giữ chân ông lại, và vì tình trạng này kéo dài rất lâu, Menelaos liền làm một việc bất kính, vì ông đã bắt hai đứa trẻ bản xứ và giết chúng để hiến sinh. Khi chuyện này vỡ lở, Menelaos trở nên bị căm ghét, rồi khi bị truy đuổi, ông thoát được và chạy trốn tới Libya trên những chiếc thuyền của mình. Còn việc Menelaos đi đâu nữa sau chuyện này, những người Ai Cập không thể biết. Về những việc này các tư tế nói họ biết được một phần thông qua khảo cứu, còn lại, cụ thể là những gì diễn ra trên đất họ, họ thuật lại từ hiểu biết chính xác và chắc chắn.

120. Đó là những gì các tư tế Ai Cập nói với tôi, và bản thân tôi

cũng đồng ý với câu chuyện được kể về Helene, cùng với suy nghĩ này, cụ thể là nếu Helene đã có mặt tại Ilion, hẳn nàng đã được trả lại cho người Hy Lạp, dù cho Alexandros có ưng thuận hay không. Vì Priamos chắc chắn không điên rồ, và các thành viên khác trong gia tộc cũng không, tới mức muốn hủy hoại bản thân họ cũng như con cái và thành phố của họ để Alexandros có thể lấy Helene làm vợ. Và giả sử rằng vào thời gian đầu họ đã có ý đó thì khi nhiều người Troia đã mất mạng khi chiến đấu với người Hy Lạp, và thậm chí trong số con trai của Priamos có hai hay ba người hay thậm chí còn nhiều hơn đã bị giết khi một trận chiến diễn ra, khi những việc như thế diễn ra, tôi cho rằng cho dù Priamos có lấy Helene làm vợ, nhà vua hẳn cũng đã trả lại nàng cho người Akhaia, nếu ít nhất bằng hành động đó ông có thể giải thoát bản thân khỏi những nỗi thống khổ hành hạ mình. Mà thậm chí vương quốc cũng sẽ không về tay Alexandros, để khi Priamos đã già quyền bính sẽ nằm trong tay vị hoàng tử này, mà Hektor, vừa lớn tuổi hơn vừa đáng mặt nam nhi hơn, sẽ nhận lấy ngai vàng sau khi Priamos qua đời. Và Hektor có bổn phận không cho phép em trai tiếp tục những việc làm sai trái, nếu tính tới những nỗi thống khổ sẽ xảy ra với cả bản thân Hektor cũng như với người Teukroi nói chung vì vị hoàng tử nọ. Tuy nhiên, trên thực tế họ không thể trả lại Helene, và người Hy Lạp không tin họ, cho dù họ đã nói ra sự thật. Bởi vì, theo quan điểm của tôi, thần linh đã quyết định người Troia nhất định phải bị hủy diệt, để làm gương cho con người thấy rằng tội lỗi càng lớn thì hình phạt giáng xuống từ các vị thần càng ghê gớm. Đến đây tôi đã trình bày xong quan điểm của mình về những chuyện này.

121. Các tư tế kể với tôi rằng sau Proteus đến lượt Rhampsinitos kế vị, ông để lại đài kỷ niệm về mình tại cổng vào ngôi đền Hephaistos quay về hướng tây, và phía trước cổng này nhà vua dựng hai bức tượng cao 25 *pekhes*, bức tượng tọa lạc về phía bắc được người Ai Cập gọi là Mùa hè, còn bức tượng tọa lạc về phía nam là Mùa đông. Với bức tượng được gọi là Mùa hè, người Ai Cập thờ phụng và dâng lễ vật, trong khi với bức tượng được gọi là Mùa đông họ lại hành xử ngược lại.

A. Vị vua này, theo như lời kể, có rất nhiều bạc, thứ mà không vị vua nào sinh ra sau ông sở hữu nhiều hơn hay thậm chí gần sánh bằng được. Mong muốn cất giữ an toàn của cải của mình, nhà vua cho xây một căn phòng đá, một trong các bức tường của căn phòng hướng ra bên ngoài cung điện của nhà vua. Người xây căn phòng, vốn toan tính lấy trộm từ trong căn phòng, đã mưu đồ như sau: Y bố trí một trong những tảng đá theo cách để có thể dễ dàng gỡ ra khỏi tường bởi hai người hoặc thậm chí bởi một người. Vậy

là khi căn phòng được xây xong, nhà vua cất tiền bạc của ông vào trong đó, và sau một thời gian, người thợ xây, trước khi qua đời đã gọi các con trai mình tới (vì y có hai con trai) và kể lại với các con mình y đã mưu đồ ra sao khi xây phòng giữ của cải cho nhà vua, tất cả vì nghĩ trước tới các con mình, để họ có thể có tiền của sống dư dả. Và khi người cha đã chỉ dẫn rõ ràng mọi điều liên quan tới việc gỡ tảng đá ra, y cung cấp cho các con manh mối về kích thước vị trí tảng đá, nói rằng nếu họ lưu tâm tới chuyện này, họ sẽ được sử dụng kho báu của nhà vua. Rồi người cha qua đời, hai người con trai không để mất chút thời gian nào, họ liền tới cung điện vào ban đêm, rồi sau khi tìm thấy tảng đá trên bức tường căn phòng, họ dễ dàng cạy tảng đá ra rồi mang về một lượng lớn của cải trong phòng.

B. Rồi khi nhà vua tình cờ mở cửa phòng, ông kinh ngạc khi thấy các vò đựng tiền bạc không còn đầy, và nhà vua không biết phải khiển trách ai, vì niêm phong vẫn còn nguyên và căn phòng được khóa trái. Nhưng khi nhà vua mở cửa phòng lần thứ hai và lần thứ ba, cứ mỗi lần ông lại thấy tiền bị hao hụt đi, vì những tên trộm không thôi đột nhập căn phòng, nhà vua liền làm như sau: Sau khi ra lệnh chế tạo những chiếc bẫy, nhà vua liền bố trí chúng ở quanh những cái vò đựng tiền. Khi hai tên trộm tới như những lần trước và một gã đã chui vào trong phòng, vừa lại gần một trong những cái vò y đã lập tức sập bẫy. Khi nhận ra mình đã rơi vào tình thế hiểm nghèo như thế nào, y liền lập tức gọi em trai để chỉ cho em thấy tình hình, rồi hối thúc em khẩn trương vào ngay và chém đầu y mang đi, vì sợ rằng nếu bị trông thấy và nhận ra, y có thể mang tới tai ương cho cả em trai mình. Với người em, những lời của người anh có vẻ là hợp lý, và anh ta được thuyết phục làm theo như vậy, rồi sau khi gắn tảng đá lại như cũ, người em quay về nhà mang theo đầu của anh trai.

C. Khi trời sáng, nhà vua bước vào phòng và vô cùng kinh ngạc khi thấy thi thể tên trộm bị mắc trong bẫy không còn đầu, còn căn phòng không hề bị cạy phá, không có cách nào để ra hay vào. Bối rối, nhà vua treo xác tên trộm lên tường thành và cho lính canh gác ở đó, với nhiệm vụ nếu họ thấy ai khóc lóc hay than vãn thì bắt lại và điệu tới trước nhà vua. Khi cái xác được bêu lên, bà mẹ vô cùng đau khổ, và nói với đứa con trai còn sống sót, bắt anh ta bằng bất cứ cách nào cũng phải tìm cách đưa cái xác người anh xuống và mang về nhà, còn nếu anh ta không làm như thế, bà thẳng thắn đe dọa rằng bà sẽ báo cho nhà vua biết chuyện anh ta giữ tiền ăn trộm.

D. Bà mẹ đã xử sự cứng rắn như thế với người con trai còn sống sót

của mình, và anh ta dù nói hết lời cũng không thể thuyết phục được bà, đành nghĩ ra một cách như sau: Anh ta kiếm cho mình vài con lừa, rồi đổ đầy rượu vang vào mấy chiếc túi da, anh ta buộc chúng lên lưng lừa, rồi đánh lừa đi. Khi tới đối diện với những người lính đang canh gác cái xác bị treo lên, anh ta kéo về phía mình cổ của hai hay ba túi da rồi tháo dây buộc túi ra. Sau đó, khi rượu vang đổ ra, anh ta bắt đầu đập đầu rồi kêu la ầm ĩ lên, như thể không biết phải quay sang con lừa nào đầu tiên. Khi đám lính gác thấy rượu vang chảy lênh láng, họ cùng nhau chạy ra đường cầm cốc uống nước trên tay và hứng lấy rượu vang, coi đó là của hời. Và người em xỉ vả đám lính gay gắt, làm ra vẻ như đang tức giận, nhưng khi đám lính cố gắng an ủi anh ta, sau một hồi người em giả vờ bình tâm lại và nguôi giận, rồi cuối cùng anh ta đánh lừa đi rồi bắt đầu chỉnh lại những túi da trên lưng chúng cho ngay ngắn. Rồi đám lính lại trò chuyện thêm với nhau, một hai người lính đùa cợt với người em và khiến anh ta cùng cười với họ. Cuối cùng, người em tặng đám lính thêm một túi da nữa bên cạnh chỗ rượu họ đã có. Nhận lấy túi rượu, đám lính liền ngồi xuống đó không chút khách khí, định bụng sẽ uống thoải mái, và bọn họ kéo cả người em vào nhập bọn và mời anh ta nán lại cùng uống. Vậy là người em (như có thể đoán trước) được thuyết phục và ở lại. Sau đó, trong cuộc rượu, đám lính chào mời anh ta một cách thân mật, người em liền tặng bọn họ thêm một túi rượu nữa, vậy là cuối cùng khi đã uống say mềm, đám lính gác trở nên hoàn toàn mê man. Bị cơn buồn ngủ đè nặng, bọn họ lăn ra ngủ ngay tại chỗ. Lúc này trời đã tối khuya, người em liền trước hết đưa xác anh trai xuống, sau đó giễu cợt cạo nhẵn má phải của tất cả đám lính canh. Sau đó, người em để cái xác lên lưng lừa rồi dẫn chúng về nhà sau khi hoàn thành điều người mẹ yêu cầu.

E. Khi được báo rằng xác kẻ trộm đã bị lấy trộm đi, nhà vua càng phẫn nộ và muốn tìm ra bằng mọi giá xem ai là kẻ đã làm chuyện này (ít nhất thì những tư tế kể như vậy, dù tôi không tin vào lời kể này). Ông cho chính con gái mình đến bán thân ở một chốn ăn chơi, yêu cầu công chúa chấp nhận tiếp mọi loại khách, và trước khi giao hoan với bất cứ ai phải buộc người đó kể cho nàng nghe về hành động khôn ngoan nhất và hành động xấu xa nhất người đó đã làm trong suốt đời mình, và bất cứ ai kể lại những điều có liên quan tới tên trộm, nàng cần túm lấy hắn và không cho hắn rời đi. Rồi khi công chúa đang làm đúng như vua cha ra lệnh, tên trộm, biết được việc này được làm vì mục đích gì và muốn qua mặt nhà vua về tài trí, liền làm như sau.

Anh ta chặt lấy cánh tay của xác một người mới chết sát tới tận vai rồi cầm nó theo dấu dưới áo choàng. Sau khi đã gặp công chúa,

và được hỏi điều những người khác cũng được hỏi, anh ta kể lại rằng mình đã làm điều xấu xa nhất khi chặt đầu anh trai mình, người bị mắc trong một cái bẫy trong phòng đựng tiền bạc của nhà vua, còn hành động khôn ngoan nhất là khi anh ta chuốc rượu say đám lính canh và đưa xác anh trai mình đang bị treo xuống. Còn công chúa khi nghe xong liền tìm cách giữ lấy anh ta, song tay trộm đã chìa ra cho nàng trong bóng tối cánh tay của cái xác, và nàng nắm lấy và giữ chặt, nghĩ rằng mình đang giữ chặt cánh tay của người đàn ông kia, nhưng tên trộm để lại cánh tay kia trong tay công chúa rồi rời đi, chạy trốn qua cửa.

F. Việc này cũng được bẩm lên nhà vua, thoạt đầu nhà vua kinh ngạc trước sự sáng tạo và táo bạo của tên trộm, rồi sau đó ông cử người tới tất cả các thành phố và tuyên cáo ân xá cho tên trộm, đồng thời cũng hứa một phần thưởng lớn nếu y tới diện kiến nhà vua. Tên trộm liền tin tưởng lời tuyên cáo và tới ra mắt nhà vua, còn Rhampsinitos rất ấn tượng về anh ta, và gả con gái của mình cho anh ta làm vợ, coi anh ta là người khôn ngoan nhất trên đời. Vì rằng người Ai Cập khôn ngoan hơn tất cả các tộc người khác, còn anh ta lại khôn ngoan hơn mọi người Ai Cập khác.

122. Sau những chuyện kể trên, các tư tế nói rằng nhà vua khi còn sống đã đi xuống nơi người Hy Lạp gọi là Hades, rồi chơi xúc xắc với nữ thần Demeter, và trong vài lần gieo xúc xắc, nhà vua thắng nữ thần, còn trong một số lần khác nhà vua lại thua nữ thần. Rồi nhà vua trở lại trần gian mang theo một chiếc khăn tay bằng vàng là món quà nhận được từ nữ thần. Người ta kể với tôi rằng vì việc Rhampsinitos đi xuống âm phủ, người Ai Cập đã tổ chức một lễ hội khi nhà vua trở lại, theo tôi biết qua tự tìm hiểu thì cho tới tận thời tôi sống người Ai Cập vẫn tiếp tục tổ chức lễ hội này, song họ tiếp tục tổ chức lễ hội vì lý do kể trên hay lý do nào khác thì tôi không thể nói rõ. Tuy nhiên, các tư tế dệt xong một chiếc áo choàng vào đúng ngày tổ chức lễ hội, rồi họ lập tức dùng một dải băng bịt mắt một người trong số họ, rồi sau khi đã dắt người này, mặc trên mình chiếc áo kia, tới con đường dẫn tới đền Demeter, họ liền quay trở về. Vị tư tế này, theo như lời kể, với đôi mắt bịt kín, được hai con sói dẫn tới đền Demeter, tọa lạc cách thành phố 20 *stadia*, rồi sau đó hai con sói lại dẫn vị tư tế từ ngôi đền trở về chỗ cũ.

123. Về những câu chuyện được người Ai Cập kể lại, bất cứ ai cảm thấy những chuyện này là đáng tin đều có thể chấp nhận; về phần tôi, cũng cần hiểu như thế trong suốt toàn bộ lịch sử mà tôi viết nhờ nghe những gì được những cư dân bản địa ở mỗi nơi kể lại.

Người Ai Cập nói rằng Demeter và Dionysos là những vị thần cai quản âm phủ, và người Ai Cập cũng là những người đầu tiên ghi nhận quan niệm rằng linh hồn con người là bất tử, và khi thể xác chết đi, linh hồn nhập vào một sinh vật khác tình cờ sinh ra lúc đó, rồi khi linh hồn ấy đã trải qua một vòng tất cả các sinh vật trên đất liền, dưới biển và trên không, nó nhập trở lại vào hình hài một con người khi người đó chào đời, và một vòng như thế diễn ra trong thời gian 3.000 năm. Quan niệm này chắc chắn đã được người Hy Lạp đón nhận, một số sớm hơn và một số muộn hơn, như thể nó do chính họ phát kiến, và tôi biết tên gọi của những tộc người này song không nêu ra ở đây.

124. Vào thời Rhampsinitos trị vì, các tư tế kể với tôi rằng ở Ai Cập không có gì ngoài trật tự và rất phồn thịnh. Nhưng sau ông, Kheops trở thành vua và mang tới cho người Ai Cập đủ điều tai hại: vì ông vua này đóng cửa tất cả các ngôi đền, rồi sau khi cấm người Ai Cập dâng lễ hiến sinh, nhà vua bắt tất cả người Ai Cập làm việc cho mình. Vậy là một số người được giao việc chuyển đá từ các mỏ đá ở các dãy núi miền Arabia tới sông Neilos, những người khác bị vua ra lệnh phải đi bốc dỡ những tảng đá đã được vận chuyển bằng thuyền theo đường sông rồi đưa chúng tới nơi được gọi là các dãy núi Libya. Cùng lúc có 100.000 người phải phục dịch, mỗi đợt kéo dài ba tháng liên tục. Sự áp bức này kéo dài 10 năm, trong thời gian đó một tuyến đường đắp cao đã được xây dựng để vận chuyển đá, tuyến đường này theo tôi là một công trình quy mô không kém gì so với kim tự tháp, vì nó dài 5 *stadia*, có bề rộng 10 *orgyiai* và chiều cao lên tới 8 *orgyiai* ở nơi cao nhất, được làm bằng đá nhẵn với những phù điêu trên đó. Người ta kể rằng đã phải mất 10 năm để xây dựng con đường này, cũng như những căn phòng dưới lòng đất nơi nhà vua dùng làm nơi an táng cho mình trong lòng quả đồi nơi kim tự tháp được dựng lên, trên một hòn đảo, sau khi đã đào một con kênh dẫn nước từ sông Neilos tới đó.

Để xây dựng kim tự tháp đã phải cần tới một thời gian 20 năm, và kim tự tháp có đáy hình vuông, mỗi cạnh dài 800 *plethra*, và chiều cao cũng chừng đó. Kim tự tháp được xây bằng đá mài nhẵn và ghép khít vào nhau theo cách thức hoàn hảo nhất, và không có tảng đá nào dài dưới 30 *podes*[1].

---

[1]. 1 *pous* (sn: *podes*) tương đương 30,8 cm. (BT)

---

125. Kim tự tháp này được xây theo cách tạo thành các bậc, mà

một số người gọi là "các hàng", số khác lại gọi là "các nền", và khi trước hết đã xây như thế, họ đưa những tảng đá còn lại lên bằng những cỗ máy được chế tạo từ những khúc gỗ ngắn, thoạt đầu nâng từ dưới đất lên tầng bậc thứ nhất, rồi khi tảng đá đã lên tới đó, nó lại được đặt lên một cỗ máy khác nằm trên tầng thứ nhất, và từ đó được kéo lên tầng thứ hai tới một cỗ máy khác, vì ở trên mỗi tầng bậc đều có những cỗ máy như vậy, hoặc cũng có thể họ di chuyển vẫn cùng một cỗ máy, vốn được chế tạo sao cho có thể di chuyển được dễ dàng lên từng tầng bậc kế tiếp nhau để người ta có thể chuyển đá lên. Tôi kể ra ở đây cả hai cách, theo đúng như việc này được thuật lại. Tuy nhiên, dù có là cách nào đi nữa, phần cao nhất của kim tự tháp được hoàn tất đầu tiên, rồi sau đó người ta dần hoàn tất những phần kế tiếp ngay bên dưới, rồi cuối cùng hoàn tất phần ở gần mặt đất và những bậc thấp nhất. Trên kim tự tháp có khắc lại bằng văn tự Ai Cập số lượng củ cải, hành tây và tỏi tây được sử dụng cho các nhân công, và nếu tôi nhớ đúng những gì người thông dịch đã nói sau khi đọc giúp tôi văn bản thì tổng cộng có 1.600 *talanta* bạc đã được chi tiêu. Nếu đúng là vậy, còn có bao nhiêu tiền bạc nữa có thể đã được chi cho sắt mà họ sử dụng, cho bánh mì và trang phục cho thợ, nếu tính đến việc họ đã xây dựng công trình trong thời gian đã được nói ở đoạn trước, và phải dành ra không ít thời gian theo phỏng đoán của tôi để đẽo gọt, vận chuyển đá cũng như đào dưới lòng đất?

126. Hơn nữa, Kheops theo lời kể còn đẩy sự xấu xa của mình đi xa tới mức khi thiếu tiền nhà vua đã buộc con gái phải đi bán thân, rồi lệnh cho công chúa phải lấy từ những người mua ân huệ của nàng một khoản tiền nhất định (là bao nhiêu thì người ta không nói cho tôi biết). Song công chúa không chỉ thu được khoản tiền được phụ vương ấn định cho mình, mà nàng còn có kế hoạch riêng nhằm để lại một công trình tưởng niệm cho mình, và công chúa yêu cầu mỗi người đàn ông tới mua ân huệ của nàng phải cung cấp cho nàng một tảng đá để xây công trình của mình. Số đá ấy, như các tư tế kể với tôi, đã được dùng để xây nên kim tự tháp nằm giữa trong số ba kim tự tháp tọa lạc phía trước kim tự tháp lớn, với mỗi cạnh dài 150 *plethra*.

127. Theo người Ai Cập kể, Kheops đã trị vì trong 50 năm; rồi khi nhà vua băng hà, người em trai Khephren thừa kế vương quốc. Nhà vua này làm theo anh trai trong mọi việc, kể cả những việc khác lẫn việc xây dựng một kim tự tháp, dù quả thực không đạt được kích thước của kim tự tháp do vị vua trước xây dựng (điều này tôi biết vì đã tự đo đạc), hơn nữa ở kim tự tháp này không có căn phòng dưới lòng đất nào nằm bên dưới cũng không có một con kênh dẫn nước sông Neilos vào như công trình trước, nơi

nước được dẫn vào qua kênh chảy quanh một hòn đảo nằm bên trong, nơi người ta kể Kheops yên nghỉ. Nhưng để làm chân đế, Khephren cho xây hàng đá Aithiopia đầu tiên có nhiều màu sắc khác nhau, và kim tự tháp của ông thấp hơn 40 *podes* so với kim tự tháp trước về kích thước, và được xây ngay gần kim tự tháp lớn. Cả hai kim tự tháp này cùng tọa lạc trên một quả đồi cao khoảng 100 *podes*. Và theo lời kể, Khephren trị vì trong 56 năm.

128. Vậy là hai vị vua vừa được nói tới trị vì trong 106 năm, và trong suốt thời gian này người ta kể rằng chỉ có những điều thống khổ xảy đến với người Ai Cập, còn các ngôi đền liên tục bị đóng cửa. Vì căm ghét các vị vua này, người Ai Cập không thích nhắc tới tên họ, mà thậm chí họ còn gọi tên các kim tự tháp theo tên của Philitis, một người mục đồng chăn thả gia súc ở vùng này vào thời ấy.

129. Sau Khephren, người ta kể rằng đến lượt Mykerinos, con trai Kheops, trở thành vua Ai Cập. Và vì những hành vi xấu xa của cha mình không được lòng dân, vị vua mới vừa cho mở cửa các ngôi đền vừa ban tự do cho thần dân của ông, những người đang bị đè nén tới tận cùng của thống khổ, cho phép họ được trở lại làm ăn và thực hiện những lễ hiến sinh của họ. Nhà vua cũng phán xử những vụ kiện tụng của dân chúng công minh hơn tất cả các vị vua khác. Về việc này người ta khen ngợi nhà vua hơn tất cả các vị vua khác từng trị vì ở Ai Cập trước ông, vì nhà vua không chỉ có những phán xử sáng suốt, mà khi một người phàn nàn về phán xử của mình, nhà vua liền lấy của cải của bản thân ra bồi thường cho người đó và đáp ứng nguyện vọng của anh ta. Nhưng trong khi Mykerinos đối xử nhân từ với thần dân của mình và cai trị theo cách đã được kể ở trên, những tai họa đã giáng xuống đầu ông, đầu tiên là việc con gái ông qua đời, đây là đứa con duy nhất của ông. Đau buồn vô hạn trước mất mát giáng xuống mình, và mong muốn chôn cất con gái theo cách long trọng hơn những người khác, nhà vua cho chế tác một con bò bằng gỗ, rồi dát vàng bên ngoài, và cho công chúa đã qua đời vào chôn bên trong.

130. Con bò này không được chôn xuống đất, mà vẫn có thể được nhìn thấy cho tới tận thời tôi tại Sais, đặt trong một căn phòng trang hoàng lộng lẫy của hoàng cung, và hằng ngày người ta thắp đủ loại hương trước nó, và mỗi tối có một cây đèn được thắp suốt đêm bên cạnh. Ở gần con bò này, trong một căn phòng khác có tượng những người vợ của Mykerinos, theo như lời các tư tế tại Sais nói với tôi, vì quả thực ở đó có những bức tượng gỗ rất lớn, tổng cộng 20 bức, được tạc hình cơ thể khỏa thân. Tôi không thể nói họ là ai, ngoại trừ những gì được thuật lại.

131. Tuy nhiên, một số người đã kể câu chuyện sau đây về con bò này và những bức tượng khổng lồ, cụ thể là Mykerinos phải lòng chính con gái mình và sau đó cưỡng bức công chúa. Theo lời kể, sau đó công chúa đã tự sát vì đau khổ, và nhà vua an táng con gái trong con bò này, còn mẹ công chúa đã chặt đi bàn tay của những cô hầu gái đã bán đứng con gái bà cho phụ vương của nàng; vì thế hiện tại tượng của những cô hầu này phải chịu hình phạt như những cô hầu đã phải chịu khi còn sống. Theo tôi nghĩ, những người kể như vậy đã bịa đặt, nhất là những gì họ nói về các bàn tay của những bức tượng, vì về chuyện này, ngay bản thân tôi cũng có thể thấy bàn tay của những bức tượng này rụng xuống theo thời gian, và cho tới tận thời của tôi vẫn có thể thấy những bàn tay này nằm dưới chân tượng.

132. Con bò được phủ lên một chiếc áo choàng màu đỏ tươi, trừ đầu và cổ là có thể nhìn thấy và được dát vàng rất dày. Và ở giữa hai sừng bò có một chiếc đĩa bằng vàng tượng trưng cho mặt trời. Con bò không phải đang đứng mà đang quỳ gối, và có kích cỡ bằng một con bò thật. Mỗi năm nó đều được mang ra khỏi căn phòng, và vào những dịp ấy người Ai Cập lại tự đấm ngực cầu khấn vị thần mà tôi sẽ không nói rõ tên ở đây. Cũng vào những dịp này, họ mang con bò ra ngoài ánh sáng ban ngày, vì người ta nói rằng công chúa khi lâm chung đã yêu cầu cha mình, Mykerinos, được nhìn thấy mặt trời mỗi năm một lần.

133. Người ta kể rằng sau khi bất hạnh xảy ra với công chúa, tai họa thứ hai xảy đến với nhà vua như sau: Một dự ngôn giả từ thành Bouto phán rằng nhà vua được tiền định chỉ sống thêm sáu năm nữa, rồi tới năm thứ bảy cuộc đời nhà vua sẽ kết thúc. Phẫn nộ, nhà vua gửi lời trách cứ các vị thần đến dự ngôn giả, phàn nàn rằng trong khi cha và chú của ông, những người đã đóng cửa các đền và không chỉ lãng quên các vị thần mà còn hủy hoại người trần, đã được sống rất thọ, thì bản thân ông, một người sùng kính, lại bị tiền định phải kết thúc cuộc đời sớm như vậy. Thông điệp thứ hai từ dự ngôn giả đáp lại rằng cũng chính vì nguyên nhân này mà nhà vua đã đẩy cuộc đời mình tới kết thúc chóng vánh, vì ông đã không làm những gì được giao phó, vì số mệnh đã tiền định rằng Ai Cập sẽ phải chịu tai ương trong 150 năm, và hai vị vua trị vì trước nhà vua đã nhận ra điều này, còn ông thì không. Mykerinos sau khi nghe lời phán truyền và nghĩ tới việc hình phạt đã phán ra không thể bị rút lại với mình, đã cho mua rất nhiều đèn, rồi cứ đêm đến là nhà vua cho thắp những chiếc đèn này lên rồi chè chén hoan lạc, không ngừng dù ngày hay đêm. Rồi nhà vua đi tới vùng đầm lầy, vào rừng và tới bất cứ nơi nào ông nghe nói là thích hợp nhất cho hoan lạc. Nhà vua nghĩ ra cách này (với mong

muốn chứng minh rằng dự ngôn giả đã phán sai) để mình có thể có 12 năm cuộc sống thay vì 6 năm khi đêm đã biến thành ngày.

134. Vị vua này cũng để lại một kim tự tháp, nhỏ hơn nhiều kim tự tháp của cha ông, có đáy vuông mỗi chiều dài 280 *podes*, hơn nữa được xây bằng đá Aithiopia tới nửa chiều cao. Kim tự tháp này được một số người Hy Lạp nói là do kỹ nữ Rhodopis xây dựng,và những người này nói vậy là sai. Với tôi, ngoài việc rõ ràng là những người nói như vậy thậm chí còn không biết Rhodopis là ai, vì nếu không họ hẳn đã không gán cho người phụ nữ này việc xây dựng một kim tự tháp như thế, vốn phải tiêu tốn không biết bao nhiêu nghìn *talanta* (như được kể). Thêm nữa, họ không hề biết rằng Rhodopis nổi danh dưới thời trị vì của Amasis chứ không phải dưới thời Mykerinos, vì Rhodopis sống sau những vị vua đã để lại các kim tự tháp rất nhiều năm. Kỹ nữ này là người Thraike, và nàng là một nô lệ của Iadmon, con trai Hephaistopolis một người Samos, và là một nô lệ cùng cảnh ngộ với Aisopos, tác gia truyện ngụ ngôn.

Vì Aisopos cũng từng là nô lệ của Iadmon, như đã được chứng minh rõ ràng qua việc xảy ra khi người Delphoi liên tiếp tuyên cáo theo thần dụ để tìm một ai đó sẽ nhận tiền bồi thường cho cái chết của Aisopos, đã không có ai xuất hiện trước khi cuối cùng cháu của Iadmon, cũng tên là Iadmon, nhận khoản tiền này. Và điều đó cho thấy Aisopos cũng là nô lệ của Iadmon.

135. Về Rhodopis, nàng do Xanthos người Samos đưa tới Ai Cập, rồi sau khi tới nơi này và hành nghề mua vui, nàng được chuộc khỏi kiếp nô lệ bằng một khoản tiền lớn bởi một người Mytilene, Kharaxos con trai Skamandronymos, anh trai của nữ thi sĩ Sappho. Nhờ vậy Rhodopis được tự do, nàng ở lại Ai Cập và nhờ nhan sắc người kỹ nữ kiếm được rất nhiều tiền với một người ở địa vị như Rhodopis, cho dù không thể đủ chi phí cho một kim tự tháp như chúng ta đang nói tới. Thực ra không cần phải gán thêm cho người kỹ nữ này sự sung túc, vì bằng chứng về sự sung túc này thậm chí ngày nay cũng có thể thấy được với những ai muốn thấy: vì Rhodopis mong ước lưu lại một kỷ niệm của chính mình tại Hy Lạp, cụ thể là tạo ra một món lễ vật mà không thể có ai khác nghĩ tới hay dâng tặng một ngôi đền, rồi dâng lễ vật này tại Delphoi như một kỷ vật của chính mình. Tương xứng với gia sản lớn của nàng, Rhodopis đã cho làm những cái xiên sắt đủ lớn để xiên qua nguyên cả một con bò mộng với số lượng lớn, tương đương với một phần mười gia tài của nàng, rồi gửi tới Delphoi: những cái xiên này thậm chí ngày nay vẫn còn nằm ở đó, được chất thành đống phía sau ban thờ do người Khios dâng tiến, và

đối diện với thánh thất của ngôi đền.

Tại Naukratis, các kỹ nữ thường rất có danh tiếng, vì đầu tiên là người phụ nữ mà tôi vừa nhắc tới đã trở nên nổi tiếng tới mức tất cả người Hy Lạp không ngoại lệ đều biết tới cái tên Rhodopis, rồi sau đó có một kỹ nữ tên là Arkhidike trở thành chủ đề cho một bài ca khắp Hy Lạp, dù ít được nhắc tới hơn Rhodopis. Còn về Kharaxos, sau khi chuộc Rhodopis, ông này quay trở về Mytilene và đã bị Sappho công kích gay gắt trong một bài thơ. Tôi xin dừng những lời nói về Rhodopis ở đây.

136. Sau Mykerinos, các tư tế kể rằng Asykhis trở thành vua Ai Cập, và vị vua này xây cho Hephaistos một cổng đền quay về hướng đông, và là cổng lớn nhất cũng như đẹp nhất, vì trong khi tất cả các cổng đền đều có phù điêu chạm khắc cùng vô vàn những vật trang trí khác, cổng này có nhiều hơn nhiều so với các cổng còn lại. Trong thời trị vì của vị vua này, người ta kể với tôi rằng vì tiền lưu thông rất chậm, có một đạo luật được ban hành áp dụng với người Ai Cập cho phép một người có thể vay khoản tiền anh ta cần bằng cách lấy xác của người cha ra cầm cố, và đạo luật này cũng có thêm quy định rằng người cho vay có quyền định đoạt với toàn bộ hầm mộ thuộc về người vay tiền, và người cầm cố nếu không chịu trả nợ sẽ phải chịu hình phạt, cụ thể là bản thân anh ta sẽ không được cho chôn cất khi qua đời, dù là ở hầm mộ của gia đình hay ở bất cứ nơi nào khác, và anh ta cũng không được phép chôn cất bất cứ người thân nào của mình qua đời.

Vị vua này mong muốn vượt qua tất cả các vua Ai Cập đã trị vì trước ông nên đã để lại một kim tự tháp làm công trình tưởng niệm cho mình, được nhà vua xây bằng gạch, và trên đó có những ký tự khắc trên đá như sau: "Chớ coi thường ta bằng cách so sánh với những kim tự tháp xây bằng đá, phải biết rằng ta vượt trội hơn chúng, cũng như Zeus vượt trội hơn những vị thần khác, vì người ta đã dùng một cây sào cắm xuống hồ nước, và thu lấy thứ bùn bám vào sào để làm thành gạch, rồi bằng cách đó xây nên kim tự tháp của ta". Đó là những thành tựu của vị vua này.

137. Sau ông đến lượt trị vì của một người mù xuất thân từ thành Anysis, có danh xưng là Anysis. Dưới thời trị vì của vị vua này, người Aithiopia dưới quyền chỉ huy của Sabakos, vua của họ, tiến đánh Ai Cập với một đạo quân đông đảo. Vậy là vị vua mù tháo chạy, bỏ trốn tới vùng đầm lầy, và vị vua Aithiopia trở thành vua trên đất Ai Cập trong 50 năm, trong thời gian đó ông đã thực hiện những thành tựu sau đây: Bất cứ khi nào một người Ai Cập phạm một tội lỗi nào đó, nhà vua không bao giờ giết kẻ đó, mà đưa ra

hình phạt tương ứng với mức độ nghiêm trọng của tội lỗi, buộc những kẻ phạm tội phải lao động để đắp một bờ kè trước bản thành của những kẻ đó. Nhờ vậy, các thành phố được nâng cao lên hơn trước, vì chúng thoạt đầu được kè bởi những người đào các tuyến kênh dưới thời trị vì của Sesostris, rồi lần thứ hai là dưới thời trị vì của vị vua Aithiopia, và cứ như thế các bờ kè được đắp lên rất cao, và trong khi những thành phố khác của Ai Cập cũng được tôn cao, tôi cho rằng đất được đắp lên đặc biệt nhiều ở thành Boubastis. Trong thành phố này có một ngôi đền rất đáng được nhắc tới, vì cho dù có những ngôi đền khác có quy mô lớn hơn và được xây cất tốn kém hơn, không ngôi đền nào khiến người ta thích thú khi ngắm nhìn bằng ngôi đền này. Boubastis theo tiếng Hy Lạp chính là Artemis.

138. Và ngôi đền của nữ thần được xây dựng như sau: Ngoại trừ lối vào, ngôi đền hoàn toàn được nước bao quanh nhờ những con kênh được đào từ sông Neilos tới, những con kênh này không nối liền vào nhau mà mỗi con kênh đều chạy dài tới tận lối vào đền, mỗi con kênh chạy quanh một phía của đền, cả hai đều rộng 100 *podes* và có trồng cây phủ bên bờ. Cổng vào đền cao 10 *orgyiai*, và được trang hoàng với những bức tượng cao 6 *pekhes*, rất đáng để nhắc tới. Ngôi đền này tọa lạc giữa thành phố và có thể từ trên trông xuống được từ mọi phía khi người ta đi vòng quanh, vì thành phố đã được kè đắp cao lên một mức nhất định, trong khi ngôi đền không hề được di chuyển khỏi vị trí nó được dựng lên thuở ban đầu, nhờ thế có thể nhìn xuống vào trong đền. Quanh đền có một bức tường đá với các hình chạm khắc, còn trong đền có một khu rừng với những cây rất to được trồng quanh một tòa đền lớn, trong đó đặt tượng nữ thần, còn chiều rộng cũng như chiều dài của ngôi đền đều là 1 *stadion*. Đối diện với cổng vào là một con đường lát đá dài chừng 3 *stadia* chạy qua chợ về phía đông, đường rộng khoảng 400 *podes*. Ở hai bên đường trồng những cái cây cao vút lên tận trời, và con đường này dẫn tới ngôi đền Hermes. Đó là những gì liên quan tới ngôi đền tôi muốn kể.

139. Ai Cập rốt cuộc được giải thoát khỏi người Aithiopia như sau: Sabakos tháo chạy vì trong một giấc mơ dường như ông đã thấy một người đàn ông tới đứng bên mình và khuyên nhà vua tập hợp tất cả tư tế của Ai Cập rồi chặt đôi người họ ở ngang lưng. Sau khi mơ thấy giấc mơ này, nhà vua nói ông cảm thấy dường như các vị thần cho ông thấy trước điều này để tạo ra cái cớ chống lại ông, nhằm khiến ông thực hiện một hành vi bất kính liên quan đến tôn giáo để rồi chuốc lấy báo ứng tồi tệ từ các vị thần hoặc từ con người. Tuy nhiên, nhà vua sẽ không đời nào làm thế, song quả thực (theo lời nhà vua) đã hết thời gian được tiên tri với ông là

ông sẽ trị vì Ai Cập trước khi rời khỏi vùng đất này. Vì khi Sabakos còn ở Aithiopia, các dự ngôn giả Aithiopia đã phán rằng số mệnh đã định để ông cai trị Ai Cập trong 50 năm. Kể từ đó, quãng thời gian sắp kết thúc, những gì thấy trong giấc mơ cũng làm nhà vua bất an, và Sabakos tự nguyện rời khỏi Ai Cập.

140. Khi người Aithiopia rời Ai Cập, vị vua mù trở lại từ vùng đầm lầy và lại bắt đầu trị vì sau khi đã sống ở đó suốt 50 năm trên một hòn đảo ông đã tạo nên bằng cách đắp tro và đất lên, vì bất cứ khi nào có người Ai Cập đến thăm ông và mang theo đồ ăn, theo như nhiệm vụ đã được phân công cho một số người mà những kẻ chiếm đóng Aithiopia không hề biết, ông lại yêu cầu họ mang theo một ít tro làm quà. Không ai tìm thấy hòn đảo này trước Amyrtaios, nghĩa là suốt 700 năm các vị vua trị vì trước Amyrtaios đã không thể tìm ra nó. Hòn đảo này giờ có tên là Elbo, và kích thước mỗi chiều là 10 *stadia*.

141. Sau vị vua mù, kế vị ngai vàng là một tư tế của thần Hephaistos có tên Sethos. Người ta kể rằng vị vua này sao nhãng và không hề coi trọng tầng lớp chiến binh của Ai Cập, cho rằng ông sẽ không cần tới họ. Và bên cạnh những điều xúc phạm khác nhà vua nhắm vào họ, ông cũng tước đoạt của họ những khoảnh ruộng trồng ngũ cốc được ban cho họ như một món quà đặc biệt dưới thời trị vì của các vị vua trước, mỗi người 12 *arourai*[1] đất. Sau đó, Sennakherib, vua người Arabia và người Assyria dẫn một đạo quân lớn tấn công Ai Cập. Khi đó các chiến binh Ai Cập từ chối tới cứu vị tư tế, và nhà vua, bị đẩy vào thế cùng, đã chạy vào thánh địa của ngôi đền và than khóc trước tượng thần về mối nguy hiểm đang ập đến với mình. Và trong khi than khóc như thế, nhà vua ngủ thiếp đi, và trong mơ dường như vị thần đã tới đứng cạnh ông và động viên nhà vua, nói rằng nhà vua sẽ không phải chịu tai ương gì nếu ra ngoài đối mặt với đạo quân của người Arabia, vì chính thần sẽ phái cứu binh tới cho nhà vua. Tin vào những gì đã thấy trong mơ, nhà vua, theo lời kể, đã dẫn theo mình những người Ai Cập sẵn lòng đi theo ông và đóng trại tại Pelousion, vì đạo quân xâm lược tới theo đường này, và không một người nào trong tầng lớp chiến binh đi theo nhà vua, mà chỉ có các chủ cửa hàng, thợ thủ công và lái buôn. Thế rồi sau khi họ tới nơi, đêm đó lũ chuột đồng ùa vào trại kẻ thù của họ, cắn nát hết ống tên, cung và tay cầm khiên của kẻ địch, khiến kẻ thù phải tháo chạy vào ngày hôm sau, và một số lớn tử trận vì không còn vũ khí tự vệ. Lần này, nhà vua tới đứng trước ngôi đền Hephaistos xây bằng đá, cầm một con chuột trên tay, và cho khắc những lời sau: “Hãy để kẻ nhìn vào ta học cách sùng kính các vị thần”.

[1]. 1 *aroura* (sn: *arourai*) tương đương 237,5 m^2.

142. Cho tới đây trong câu chuyện, những người Ai Cập và các tư tế là những người tường thuật lại, tuyên bố rằng từ vị vua đầu tiên cho tới vị tư tế của Hephaistos đã trị vì cuối cùng, tổng cộng đã có 341 thế hệ người, và cùng với đó là một số lượng đại tư tế và vua. Thế nhưng 300 thế hệ người tương đương với 10.000 năm, vì 100 năm tương đương với ba thế hệ, và 41 thế hệ còn lại được thêm vào 300 sẽ tương đương với 1.340 năm. Như vậy, theo lời họ kể, trong suốt thời kỳ dài 11.340 năm đã không có vị thần nào xuất hiện dưới hình dạng con người. Và thậm chí cả trước hay sau đó, trong thời trị vì của những vị vua còn lại đã xuất hiện tại Ai Cập, cũng không ai thuật lại biến cố nào như thế từng xảy ra. Trong thời kỳ này người ta kể rằng mặt trời đã bốn lần dịch chuyển khỏi vị trí quen thuộc của mình khi mọc lên, và đã có hai lần mặt trời mọc từ phía tây, và cũng hai lần lặn về phía đông; và trong thời gian ấy đã không có gì tại Ai Cập khác biệt so với bình thường, kể cả những gì tới từ đất hay từ dòng sông, hay những biến cố liên quan tới bệnh tật hay chết chóc.

143. Trước đây, khi sử gia Hekataios ở Thebai lần theo phả hệ của mình và liên hệ gia tộc của ông với một vị thần trước đó 16 thế hệ, các tư tế của Zeus đã xử sự với ông như họ xử sự với tôi (cho dù tôi không hề lần ngược phả hệ của mình). Họ dẫn tôi vào thánh địa rộng lớn của ngôi đền, rồi họ đếm số lượng, chỉ vào những bức tượng gỗ khổng lồ có số tương tự khi đếm, vì mỗi vị đại tư tế lúc sinh thời đều tạc một bức tượng của chính mình. Theo lời các tư tế, những người đã đếm và chỉ cho tôi xem các bức tượng, mỗi người trong số các đại tư tế đều là một người con trai kế tục cha mình, rồi họ đi ngược theo dãy tượng từ người qua đời cuối cùng cho tới khi đã đủ số. Và khi Hekataios đã lần ngược phả hệ của mình và liên hệ gia đình ông với một vị thần vào thế hệ thứ 16, các tư tế đã lần theo các thế hệ để đối chiếu, và bên cạnh việc đếm số, không chấp nhận việc ông này nói rằng một người trần đã được sinh ra từ một vị thần, và họ lần ngược lên các thế hệ như sau, nói rằng mỗi bức tượng từng là *piromis* con trai của *piromis*, cho tới khi họ đã chỉ qua hết 345 bức tượng, mỗi người đều mang họ *piromis*, và họ không liên hệ phả hệ của những người này với một vị thần hay một vị anh hùng nào. Còn *piromis* theo tiếng Hy Lạp có nghĩa là "người đáng kính và tử tế".

144. Từ lời tuyên bố của các tư tế, có thể thấy rằng những bức tượng được tạc là của các thế hệ piromis chứ còn lâu mới là của các vị thần. Song vào thời kỳ trước những người này, họ kể rằng

các vị thần đã cai trị Ai Cập, không hòa lẫn với con người, và trong số các vị thần vào mỗi thời điểm luôn có một vị thần nắm quyền. Vị thần cuối cùng đã là vua Ai Cập là Horos con trai Osiris, mà người Hy Lạp gọi là Apollon. Thần đã cai trị Ai Cập sau cùng, sau khi lật đổ Typhon. Còn Osiris theo cách gọi của người Hy Lạp là Dionysos.

145. Với người Hy Lạp, Herakles, Dionysos và Pan được coi là những vị thần được sinh ra sau cùng. Song với người Ai Cập, Pan là một vị thần rất cổ xưa, và ngài là một trong số các vị thần được gọi là tám thần, trong khi Herakles thuộc về hàng thứ hai, những thần được gọi là 12 thần, còn Dionysos thuộc về hàng thứ ba, tức là những thần được 12 thần sinh ra. Về Herakles, tôi đã chứng tỏ thần lâu đời như thế nào theo người Ai Cập tính tới thời trị vì của Amasis, và Pan được cho là đã tồn tại còn lâu đời hơn, còn Dionysos tồn tại ít năm nhất so với các vị thần khác, và thậm chí với vị thần cuối cùng này họ cũng tính tuổi là 15.000 năm cho tới thời trị vì của Amasis. Điều này người Ai Cập nói họ biết chắc chắn, vì họ luôn tính toán và ghi chép lại các năm. Vị Dionysos được kể là do Semele, con gái Kadmos, sinh ra, đã ra đời khoảng 1.600 năm trước thời của tôi, còn Herakles là con trai Alkmene được sinh ra khoảng 900 năm trước, và Pan con trai Penelope (vì theo người Hy Lạp, Pan là con của Penelope và Hermes), ra đời muộn hơn chiến tranh thành Troia, khoảng 800 năm trước.

146. Về hai cách tường thuật trên đây, mỗi người có thể lựa chọn cách mình thấy đáng tin hơn. Tuy nhiên, về phần mình, tôi đã nói rõ quan điểm của tôi. Vì nếu cả những nhân vật này, giống như Herakles con trai của Amphitryon, cũng từng xuất hiện trước mắt người đời và đã sống đến già ở Hy Lạp, ý tôi là Dionysos con trai Semele và Pan con trai Penelope, thì người ta cũng có thể nói rằng cả hai đã được sinh ra cũng chỉ là người trần thế, trùng tên với tên những vị thần đã tồn tại từ lâu trước đó. Nhưng về chuyện này, với Dionysos người Hy Lạp kể rằng ngay khi thần được sinh ra, Zeus đã khâu thần vào trong đùi mình rồi đưa tới Nysa, nằm ở phía trên Ai Cập tại vùng đất Aithiopia. Còn về Pan, họ không thể nói thần đã đi đâu sau khi ra đời. Như vậy, với tôi rõ ràng là người Hy Lạp biết đến tên những vị thần này muộn hơn tên của các vị thần khác, rồi truy ngược nguồn gốc của họ như thể thời điểm ra đời của các vị thần này xảy ra vào lúc họ lần đầu tiên biết được tên các thần.

147. Cho tới đây, câu chuyện được chính những người Ai Cập thuật lại. Nhưng bây giờ tôi sẽ thuật lại những gì mà các dân tộc khác cũng kể, và người Ai Cập nhất trí với các dân tộc khác, về các

biến cố diễn ra trên đất Ai Cập, và những lời kể đó cũng sẽ được bổ sung thêm bằng những gì tôi đã tận mắt thấy.

Được tự do sau thời gian trị vì của vị tư tế của Hephaistos, người Ai Cập, vì họ không thể sống mà không có vua, đã tôn 12 vị vua lên cai trị họ sau khi đã chia toàn bộ đất Ai Cập thành 12 phần. Những vị vua này thông hôn với nhau và trị vì, nhất trí thỏa thuận rằng họ sẽ không lật đổ nhau bằng vũ lực, hay tìm cách lợi dụng nhau, mà chung sống một cách thân thiện. Lý do khiến họ đưa ra những thỏa thuận này, nghiêm cấm họ không được vi phạm, là một thần dụ đã được gửi tới họ khi các vị vua này bắt đầu trị vì, phán rằng trong số họ người nào rẩy rượu lễ với một chiếc cốc bằng thanh đồng trong đền Hephaistos sẽ là vua toàn cõi Ai Cập (vì họ thường cùng nhau tập hợp tại tất cả các ngôi đền).

148. Thêm nữa, các vị vua quyết định tất cả cùng nhau để lại một công trình kỷ niệm chung của họ. Sau khi đã quyết định như thế, họ cho xây một mê cung tọa lạc ở phía trên hồ Moiris một chút, gần đối diện với nơi được gọi là Krokodeiloupolis. Mê cung này tôi đã tận mắt nhìn thấy, và tôi thấy rằng công trình vĩ đại hơn khả năng từ ngữ có thể miêu tả. Vì nếu người ta có thể tập hợp và đếm lại tất cả những công trình đồ sộ do người Hy Lạp xây dựng, chúng cũng sẽ kém hơn cả về công sức lẫn chi phí so với mê cung này, dù rằng đúng là cả ngôi đền tại Ephesos cũng như ngôi đền tại Samos đều là những công trình đáng nhắc tới. Các kim tự tháp cũng vĩ đại hơn mức có thể miêu tả bằng từ ngữ, và mỗi kim tự tháp cũng sánh ngang với nhiều công trình của người Hy Lạp dù lớn đến cỡ nào; song mê cung này thậm chí còn vượt xa cả các kim tự tháp. Công trình này có 12 sân trong có mái che, với cổng nằm đối diện nhau, sáu về phía bắc, sáu về phía nam, tất cả đều nối với nhau, và cùng một bức tường bao quanh tất cả chúng ở bên ngoài. Ở đó có hai kiểu phòng, một là những phòng nằm dưới lòng đất và hai là những phòng nằm trên những phòng kể trên, tổng cộng có 3.000 phòng, gồm 1.500 phòng mỗi loại. Những khu phòng nằm trên mặt đất bản thân tôi đã thấy, đã đi qua, và tôi kể về chúng sau khi đã tận mắt nhìn chúng. Nhưng còn những căn phòng dưới lòng đất tôi chỉ được nghe kể, vì những người Ai Cập trông coi chúng không sẵn lòng cho tham quan trong bất cứ trường hợp nào, nói rằng đó là nơi an táng các vị vua đã xây dựng nên mê cung này cũng như những con cá sấu thiêng. Vì thế, tôi nói về những căn phòng dưới lòng đất qua những gì nghe kể lại, trong khi những căn phòng trên mặt đất tôi đã xem tận mắt và thấy rằng chúng là những công trình vượt quá cả sự vĩ đại của con người. Vì lối đi qua các phòng, và các lối đi theo các hướng qua các

sân trong, tất cả được trang trí tuyệt đẹp, phô bày vô vàn kỳ công đáng kinh ngạc khi tôi đi từ một sân trong tới những căn phòng nằm phía sau, rồi từ các căn phòng tới các dãy cột, rồi từ đó tới những căn phòng khác, rồi lại từ trong phòng tới các sân trong. Ở phía trên tất cả những cấu trúc này có một phần mái làm bằng đá giống như các bức tường, và các bức tường phủ đầy các phù điêu, mỗi cung điện đều được bao quanh bởi những trụ bằng đá trắng ghép vào nhau một cách hoàn hảo nhất, và ở cuối mê cung, nằm trong góc công trình, có một kim tự tháp có kích thước 40 *orgyiai*, trên đó có chạm khắc những phù điêu lớn, và có một con đường ngầm dưới đất dẫn tới kim tự tháp này.

149. Đó là cấu trúc của mê cung, nhưng còn một điều tạo nên sự kinh ngạc còn lớn hơn là do hồ Moiris đem lại. Mê cung được xây dựng dọc theo bờ hồ này. Chu vi của hồ là 3.600 *stadia* (hay 60 *skhoinoi*), bằng đúng chiều dài dọc theo bờ biển của chính Ai Cập. Hồ nước nằm dài theo hướng bắc nam, và độ sâu ở nơi sâu nhất là 50 *orgyiai*. Có thể thấy rõ đây là hồ nước nhân tạo được hình thành do người đào, vì ở giữa hồ có hai kim tự tháp, mỗi cái nhô cao trên mặt nước với chiều cao 50 *orgyiai*, còn phần được xây chìm dưới nước có chiều cao tương tự. Trên mỗi kim tự tháp có một tượng đá khổng lồ ngồi trên một chiếc ngai. Như vậy, các kim tự tháp này cao 100 *orgyiai*, và 100 *orgyiai* bằng 1 *stadion* hoặc 6 *plethra*, vì 1 *orgyia* bằng 6 *podes* hay 4 *pekhes*, vì 1 *pous* bằng 4 *palaistai*, còn 1 *pekhys* bằng 6 *palaistai*. Nước trong hồ không bắt nguồn từ nơi hồ tọa lạc, vì vùng đất đó rất thiếu nước, mà được đưa về từ sông Neilos qua một con kênh, và trong sáu tháng nước chảy vào hồ, còn trong sáu tháng còn lại chảy từ hồ ra sông Neilos, và cứ mỗi khi nước chảy ra, hồ nước đem lại cho bảo khố hoàng gia 1 *talanton* bạc mỗi ngày từ cá đánh bắt được, và 20 *mnai* khi nước chảy vào.

150. Cư dân địa phương còn nói rằng hồ này có một lối thông ngầm dưới đất tới Syrtis ở Libya, ngoặt vào trong lục địa ở phía tây và chạy dọc theo dãy núi ở phía trên Memphis. Vì tôi không thấy tồn tại ở bất cứ đâu chỗ đất được đào lên từ việc đào hồ (và đó là một điều thu hút sự chú ý của tôi), tôi liền hỏi những người sống gần hồ nhất. Họ cho tôi hay đất đã được mang đi đâu, và tôi sẵn sàng tin họ, vì tôi biết qua lời thuật lại rằng chuyện tương tự đã diễn ra tại Ninos, thành phố của người Assyria. Ở đó, có một đám trộm từng lập mưu lấy đi của cải của Sardanapalos vua Ninos, một người rất giàu có và có của cải được cất trong bảo khố nằm dưới lòng đất. Đám trộm bắt đầu hành sự từ nơi ẩn náu của chính chúng, sau khi tính toán phương hướng, chúng đào dưới lòng đất về phía hoàng cung, còn đất đào lên từ đường hầm đến tối lại

chúng mang ra sông Tigris chảy qua bên thành phố Ninos, cho đến khi cuối cùng chúng hoàn tất được dự định mong muốn. Theo những gì tôi nghe được, việc đào hồ Moiris cũng được thực hiện tương tự, ngoại trừ nó được tiến hành không phải vào ban đêm mà ban ngày, vì khi họ đào hồ, người Ai Cập mang đất đào được tới sông Neilos. Còn dòng sông, khi nhận số đất đó, đương nhiên sẽ mang chúng đi và phân tán ra. Và hồ nước đã được đào theo cách như vậy.

151. Mười hai vị vua tiếp tục trị vì một cách công minh, nhưng khi thời gian trôi qua đã xảy ra việc như sau: Sau lễ hiến sinh tại đền Hephaistos, họ sắp sửa thực hiện nghi lễ rưới rượu vào ngày cuối cùng của lễ hội, và vị đại tư tế, khi mang ra cho các vị vua những chiếc cốc vàng mà họ vẫn quen dùng để rưới rượu, đã đếm nhầm số lượng và chỉ mang ra có 11 cái cốc cho 12 vị vua. Sau đó, một vị vua, người cuối cùng theo thứ tự, chính là Psammetikhos, vì không có cốc nên đã nhấc chiếc mũ chiến bằng thanh đồng đang đội trên đầu xuống, rồi sau khi đã chìa nó ra để nhận rượu vang, nhà vua thực hiện nghi lễ rưới rượu, sở dĩ vậy vì tất cả các vị vua đều hay đội mũ chiến và lúc ấy tất cả cũng đều đang đội chúng. Psammetikhos không hề có ý phản trắc gì khi chìa cái mũ chiến của ông ra, song các vị vua còn lại đã để ý tới hành động của Psammetikhos và nhớ tới thần dụ, cụ thể là bất cứ ai trong số các vua rưới rượu bằng một cái cốc thanh đồng sẽ trở thành vua duy nhất của Ai Cập, họ quả thực không cho rằng giết Psammetikhos là hợp lẽ, vì họ nhận thấy sau khi điều tra là ông không hề có toan tính trước hành động như vậy, song họ quyết định tước gần hết quyền lực của ông và đày ông tới vùng đầm lầy, và từ nơi này ông không được phép có bất cứ liên hệ nào với phần còn lại của Ai Cập.

152. Psammetikhos trước đó từng là người phải đi lánh nạn khỏi Sabakos người Aithiopia (người đã giết Nekos, cha ông). Để tránh khỏi kẻ thù này, khi ấy ông đã lánh nạn ở Syria. Rồi khi vị vua Aithiopia đã rời đi vì hệ quả của giấc mơ, những người Ai Cập ở vùng Sais đưa ông trở về nước. Sau đó, khi ông trở thành vua, số mệnh buộc ông phải trở thành kẻ lánh nạn lần thứ hai vì chiếc mũ chiến sau khi bị 11 vị vua kia đày tới vùng đầm lầy. Cho rằng mình đã bị họ đối xử bất công, Psammetikhos nghĩ cách để có thể báo thù những kẻ đã đày ải mình. Và khi ông cho người tới thỉnh cầu dự ngôn giả tại thành Bouto, nơi người Ai Cập có dự ngôn giả chân thực nhất, câu trả lời được chuyển về cho ông rằng báo thù sẽ tới khi những người thanh đồng xuất hiện từ biển. Ông nhất mực không tin rằng những người thanh đồng sẽ tới giúp mình, nhưng chỉ không lâu sau, một số người Ionia và Karia trước đó ra khơi đi cướp bóc đã buộc phải cập bờ ở Ai Cập, rồi khi họ đã lên bờ

và mặc áo giáp thanh đồng, một người Ai Cập, vốn trước đó chưa bao giờ thấy những người mặc áo giáp thanh đồng, đã tới vùng đầm lầy và báo với Psammetikhos rằng người thanh đồng đã tới từ biển và đang cướp bóc vùng đồng bằng. Vậy là nhà vua, hiểu rằng thần dụ đã thành hiện thực, liền cư xử một cách hữu hảo với những người Ionia và Karia, và thuyết phục được họ phụng sự mình bằng những lời hứa hẹn hào phóng. Sau khi thuyết phục được họ, với sự giúp đỡ của những người Ai Cập ủng hộ ông và của những người lính đánh thuê ngoại quốc này, Psammetikhos lật đổ các vị vua.

153. Sau khi giành được quyền lực trên toàn Ai Cập theo cách như vậy, Psammetikhos dựng cổng đền Hephaistos tại Memphis có hướng quay về phía nam; nhà vua xây dựng một sân trong cho Apis, trong đó Apis được nuôi giữ mỗi khi xuất hiện, ở đối diện với cổng đền, bao quanh tất cả bằng các trụ và chạm khắc đầy các hình ảnh; và thay vì những cây cột, để đỡ mái của sân trong là những bức tượng khổng lồ cao 12 *pekhes*. Apis trong tiếng Hy Lạp được gọi là Epaphos.

154. Với những người Ionia và Karia đã giúp mình, Psammetikhos ban cho họ những khoảnh đất để sinh sống nằm đối diện nhauở hai bên bờ sông Neilos, những khoảnh đất này được gọi là "Các khu trại"; nhà vua cho họ đất, ngoài ra còn ban thưởng cho họ tất cả những gì ông hứa hẹn. Thêm nữa, nhà vua còn đưa những cậu bé Ai Cập tới ở cùng họ để được họ dạy tiếng Hy Lạp. Từ những cậu thiếu niên này, những người học hỏi ngôn ngữ một cách kỹ lưỡng, đã hình thành nên tầng lớp thông ngôn hiện tại ở Ai Cập. Những người Ionia và Karia cư ngụ trên những khoảnh đất này trong một thời gian dài, và họ sống gần biển, ở phía dưới thành phố Boubastis không xa, tại nơi được gọi là cửa Pelousion của sông Neilos. Về sau, vua Amasis rời họ khỏi vùng này và đưa họ tới định cư tại Memphis, biến họ thành một lực lượng cận vệ bảo vệ nhà vua chống lại người Ai Cập. Vì họ định cư tại Ai Cập, tôi, một người Hy Lạp, qua việc trao đổi với họ biết được chắc chắn những gì đã diễn ra ở Ai Cập bắt đầu từ thời vua Psammetikhos và sau đó, vì đây là những người ngoại quốc đầu tiên định cư tại Ai Cập. Và cho tới tận thời tôi, vùng đất nơi họ phải rời đi vẫn còn các bến cạn nơi thuyền của họ từng được kéo lên cũng như tàn tích những ngôi nhà của họ. Vậy là khi đó Psammetikhos giành được Ai Cập.

155. Còn về thần miếu tại Ai Cập mà tôi thường đề cập trước đây, giờ tôi sẽ nói tường tận, vì tôi nhận thấy nơi này đáng để miêu tả. Thần miếu này ở Ai Cập là nơi thờ Leto, được tọa lạc trong một

thành phố lớn nằm cạnh cửa Sebennytikon của sông Neilos khi người ta đi thuyền từ biển vào ngược dòng sông, và tên của thành phố nơi Thần miếu được lập là Bouto, như tôi từng nhắc tới trước đây. Thành Bouto có hai ngôi ngôi đền, một của Artemis, và một của Apollon. Đền Leto, nơi có dự ngôn giả, là một tòa nhà rộng rãi với cổng vào cao 10 *orgyiai*. Nhưng điều khiến tôi kinh ngạc nhất về những gì thấy được ở đây tôi sẽ kể đến ngay bây giờ. Trong thánh địa này có một điện thờ Leto làm từ một khối đá duy nhất kể cả về chiều cao lẫn chiều dài, và các bức tường về cả hai chiều đều có kích thước giống nhau, đều dài 40 *pekhes*, và để làm mái che có một tảng đá khác được đặt lên trên với rìa mái là 4 *pekhes*.

156. Đó là điều kỳ thú nhất trong tất cả những gì tôi có thể thấy trong ngôi đền đó, và một điều kỳ thú kế tiếp phải kể tới là hòn đảo có tên Khemmis. Nó tọa lạc giữa một hồ nước sâu và rộng nằm cạnh ngôi đền tại Bouto, và người Ai Cập kể rằng hòn đảo này là một hòn đảo nổi. Bản thân tôi không hề thấy nó nổi hay di chuyển khỏi vị trí của mình, và tôi cảm thấy ngạc nhiên khi nghe được điều đó, tự hỏi liệu quả thực đó có phải là một hòn đảo nổi hay không. Trên hòn đảo tôi đang nói tới có một ngôi đền lớn thờ Apollon, và bên trong đền có ba ban thờ được lập, trên hòn đảo trồng rất nhiều cây cọ và các loại cây khác, cả cây cho quả lẫn cây không cho quả.

Người Ai Cập, khi họ nói rằng hòn đảo nổi, kể thêm cả câu chuyện sau đây, cụ thể là hòn đảo này, vốn trước kia không nổi, chính là nơi Leto, một trong tám thần xuất hiện đầu tiên, và cư ngụ tại Bouto nơi bà có Thần miếu này, đã đón nhận Apollon do Isis giao phó và che chở cho Apollon, giấu vị thần trên hòn đảo mà hiện giờ được kể là đảo nổi, vào thời kỳ Typhon truy đuổi thần, tìm kiếm khắp nơi và mong muốn tìm ra con trai của Osiris. Người ta kể rằng Apollon và Artemis là các con của Dionysos và Isis, và Leto trở thành nhũ mẫu và người che chở cho họ, và theo tiếng Ai Cập Apollon là Horos, Demeter là Isis,còn Artemis là Boubastis. Từ câu chuyện này, và không phải từ câu chuyện nào khác mà Aiskhylos con trai Euphorion đã kể những điều mà tôi sẽ thuật lại sau đây, trong đó tác giả này khác hẳn tất cả các thi sĩ trước mình, cụ thể là ông cho rằng Artemis là con gái Demeter. Và người ta nói rằng chính vì lý do này mà hòn đảo trở thành đảo nổi. Đó là câu chuyện người ta kể.

157. Còn về Psammetikhos, ông làm vua Ai Cập trong 45 năm, trong đó có 29 năm nhà vua đóng trại trước Azotos, một đại đô thị ở Syria để bao vây nó cho tới khi rốt cuộc cũng chiếm được nó. Và thành Azotos này, theo những gì tôi biết, là thành phố đã đứng

vững lâu nhất khi bị vây hãm.

158. Sau khi Psammetikhos qua đời, Nekos con trai ông nối ngôi. Đây là người đầu tiên thử đào một con kênh tới biển Erythra, sau này được Dareios người Ba Tư hoàn tất. Chiều dài của con kênh đòi hỏi một chuyến đi mất bốn ngày, và về chiều rộng, kênh được đào để hai chiếc *triereis*[1] có thể đi cạnh nhau, nước của kênh được lấy từ sông Neilos. Con kênh được đào ở phía trên thành Boubastis một chút, cạnh Patoumos, một thành phố Arabia, rồi chảy vào biển Erythra. Và đầu tiên con kênh được đào dọc theo những phần đồng bằng Ai Cập nằm về phía Arabia, ngay phía trên vùng đồng bằng này là những dãy núi trải dài nằm đối diện với Memphis, nơi có các mỏ đá – dọc theo chân các dãy núi này là con kênh được đào từ tây sang đông trong một khoảng chiều dài lớn, rồi sau đó, dòng kênh được hướng vào một khe giữa các ngọn núi rồi hướng từ dãy núi xuống phía nam tới vịnh Arabia. Từ nơi lộ trình từ biển phía bắc xuống biển phía nam (hay biển Erythra) là ngắn nhất, tức là từ núi Kasios, biên giới giữa Ai Cập và Syria, khoảng cách chính xác tới vịnh Arabia là 1.000 *stadia*. Nhưng con kênh thì dài hơn nhiều, vì uốn khúc nhiều hơn, và dưới thời Nekos trị vì, tại đó đã có 12 vạn người Ai Cập chết trong khi đào kênh. Nekos dừng việc đào kênh giữa chừng, vì có một thần dụ cản trở ông, nói rằng nhà vua đang làm lợi cho man tộc. Người Ai Cập gọi tất cả những ai không nói cùng thứ tiếng với họ là man tộc.

---

[1]. *trieres* (sn: *triereis*): thuyền có mái chèo với mỗi hàng chèo ở một bên mạn thuyền gồm ba tay chèo (ba người này có thể được bố trí thành ba tầng điều khiển ba mái chèo, hoặc thành hai tầng và điều khiển hai mái chèo, trong đó một mái chèo do hai người điều khiển, đồng thời ba tay chèo có thể cùng chèo một mái chèo duy nhất).

---

159. Sau khi ngừng việc đào kênh, Nekos liền tập trung vào việc gây chiến tranh, nhà vua cho đóng các *triereis*, một số tại biển phía bắc, và số khác tại vịnh Arabia cho biển Erythra, và vẫn còn có thể nhìn thấy xưởng đóng những chiếc thuyền này. Những chiến thuyền được nhà vua sử dụng khi cần thiết, và cả trên bộ Nekos cũng giao chiến tại Magdolos với người Syria và chinh phục họ. Rồi sau đó, ông chiếm Kadytis, một thành phố lớn của Syria. Và bộ trang phục nhà vua mặc khi thực hiện những cuộc chinh phục này được ông dâng lên thần Apollon, gửi nó tới Brankhidai của người Miletos. Sau đó, khi đã trị vì tổng cộng 16 năm, nhà vua qua đời, và truyền lại vương quốc cho Psammis, con trai ông.

160. Trong khi Psammis là vua Ai Cập, có những sứ giả của người

Elis tới gặp nhà vua, tộc người này tự hào rằng họ đã định ra luật lệ cho cuộc thi đấu tại Olympia theo cách công bằng và cao thượng nhất có thể, và thậm chí cả những người Ai Cập, tộc người thông tuệ nhất, cũng không thể tìm ra thêm điều gì để bổ sung các quy định của họ. Khi người Elis tới Ai Cập và nói ra lý do họ tới, vị vua này đã triệu tập tất cả những người Ai Cập có tiếng là thông tuệ nhất, rồi khi các nhà thông thái Ai Cập đã tập trung lại, họ nghe sứ đoàn Elis thuật lại những gì họ đã làm với các cuộc thi đấu. Khi đã nói xong, họ nói họ tới để học hỏi bất cứ điều gì người Ai Cập có thể tìm ra thêm và công minh hơn những gì họ đã thực hiện. Các nhà thông thái sau khi đã trao đổi với nhau đã hỏi những người Elis xem liệu chính các công dân của họ có tham gia vào cuộc thi đấu hay không, và các sứ giả nói bất cứ ai mong muốn tham gia đều được cho phép, cho dù đó là công dân của họ hay của các tộc người Hy Lạp khác, tham gia vào cuộc thi đấu. Trước câu trả lời này, người Ai Cập liền nói khi tổ chức cuộc thi đấu như vậy, họ đã hoàn toàn đánh mất sự công bằng, vì chắc chắn họ sẽ ưu ái người dự thi là công dân của họ và vì thế mà hành động thiếu công bằng với người ngoại quốc. Các nhà thông thái Ai Cập nói còn nếu họ thực sự mong muốn tổ chức cuộc thi một cách công bằng, và đây là lý do khiến họ tới Ai Cập, họ khuyên các sứ giả nên tổ chức cuộc thi đấu sao cho chỉ người ngoại quốc được tham dự, và không người Elis nào được phép tham gia. Đó là lời khuyên người Ai Cập đưa ra cho các sứ giả Elis.

161. Khi Psammis mới làm vua Ai Cập được sáu năm và thực hiện một cuộc viễn chinh tới Aithiopia, ngay sau đó nhà vua băng hà, và Apries, con trai Psammis, thừa kế vương quốc. Vị hoàng tử này trở thành vị vua giàu có nhất cho tới tận lúc đó, ngoại trừ người ông Psammetikhos của ông. Apries trị vì trong 25 năm, trong thời gian này ông chỉ huy một đạo quân chinh phạt Sidon và có một trận hải chiến với vua thành Tyros. Tuy nhiên, định mệnh đã quyết định rằng tai ương sẽ đến với nhà vua, và điều đó đã xảy ra trong một việc tôi sẽ kể lại tường tận hơn trong phần lịch sử Libya, còn ở đây chỉ được nói sơ qua. Apries, sau khi phái một đạo quân viễn chinh lớn tấn công người Kyrene, đã gặp phải một tai họa cũng lớn tương xứng, và người Ai Cập coi nhà vua là người đáng trách vì tai họa đã nổi loạn chống lại ông, cho rằng Apries đã cố ý đẩy họ tới một tai họa hiển nhiên, nhằm (theo lời kể) khiến họ bị thảm sát, và nhà vua có thể yên tâm hơn cai trị những người Ai Cập còn lại. Phẫn nộ, cả những người quay về sau cuộc viễn chinh lẫn bằng hữu của những người đã tử trận công khai nổi loạn.

162. Nghe tin, Apries cử Amasis tới gặp họ để thuyết phục họ

ngừng nổi loạn; và khi Amasis tới gặp họ và tìm cách ngăn những người Ai Cập lại, trong khi ông đang nói với họ, khuyên họ không nên làm thế, một người Ai Cập đứng lên sau lưng ông và đội một chiếc mũ chiến lên đầu Amasis, vừa làm thế vừa nói rằng anh ta đội mũ để tôn Amasis lên làm vua. Với Amasis, điều vừa xảy ra ít nhiều cũng không khiến ông không hài lòng, như ông đã chứng tỏ qua cách cư xử của mình; vì ngay khi những người Ai Cập nổi dậy tôn Amasis lên làm vua, ông liền chuẩn bị tấn công Apries; còn Apries khi nghe tin này liền phái một trong những người Ai Cập còn trung thành với mình, một người có danh tiếng tên là Patarbemis, tới chỗ Amasis với mệnh lệnh đưa Amasis còn sống về cho mình. Khi Patarbemis tới và triệu Amasis ra gặp, ông này, khi đó đang cưỡi trên lưng ngựa, liền nhấc chân lên, đánh rắm rồi bảo Patarbemis mang thứ đó về gặp Apries. Dẫu vậy, theo như lời kể lại, Patarbemis vẫn yêu cầu Amasis về gặp nhà vua, vì nhà vua đã cho triệu ông. Amasis liền trả lời rằng ông đã chuẩn bị để làm vậy được một thời gian, và Apries sẽ không có cơ hội để quở trách ông. Khi đó, Patarbemis vừa nhận ra ý định của Amasis từ những lời ông này nói, đồng thời cũng thấy những gì Amasis chuẩn bị, liền vội vã rời đi, mong muốn báo cho nhà vua biết càng nhanh càng tốt những gì đã xảy ra. Và khi Patarbemis quay về gặp Apries mà không mang theo Amasis, nhà vua không hề để tâm tới những gì ông ta nói, mà nổi cơn thịnh nộ ra lệnh xẻo tai cắt mũi ông ta. Và những người Ai Cập vẫn còn trung thành với nhà vua, khi họ chứng kiến người có danh tiếng nhất trong hàng ngũ của mình phải chịu hình phạt ô nhục như vậy, không do dự thêm nữa mà gia nhập hàng ngũ nổi dậy, và tới đầu quân cho Amasis.

163. Khi Apries được biết cả chuyện này nữa, nhà vua liền vũ trang cho lính đánh thuê ngoại quốc của mình và xuất quân chống lại những người Ai Cập. Nhà vua có trong tay 30.000 lính đánh thuê người Karia và Ionia, và hoàng cung của ông tọa lạc tại thành phố Sais rất đồ sộ, xứng đáng để chiêm ngưỡng. Vậy là Apries cùng đạo quân của nhà vua hành quân tiến đánh người Ai Cập, còn Amasis cùng những người ủng hộ ông xuất quân chống lại đội quân đánh thuê, và cả hai bên cùng tới thành Momemphis, chuẩn bị thử sức nhau.

164. Người Ai Cập gồm có bảy tầng lớp, trong đó một tầng lớp là các tư tế, một tầng lớp khác là các chiến binh, trong khi có những người là người chăn bò, chăn lợn, chủ cửa hàng, thông ngôn và thủy thủ. Trên đây là số lượng các tầng lớp người Ai Cập, và tên gọi được lấy theo nghề nghiệp của họ. Trong đó, các chiến binh được gọi là các Kalasiries và Hermotybies, và họ xuất thân từ các vùng sau đây – vì toàn đất Ai Cập được chia thành các vùng.

165. Các chiến binh Hermotybies xuất thân từ các vùng Bousiris, Sais, Khemmis, Papremis, đảo Prosopitis, và một nửa vùng Natho – trên đây là các vùng của chiến binh Hermotybies, với số lượng khi đông nhất lên tới 16 vạn. Những chiến binh này không ai học qua bất cứ nghề thủ công nào, mà hoàn toàn phụng sự binh nghiệp.

166. Còn các chiến binh Kalasiries xuất thân từ các vùng Thebai, Boubastis, Aphthis, Tanis, Mendes, Sebennytos, Athribis, Pharbaithos, Thmouis Onouphis, Anysis, Myekphoris – vùng cuối cùng nằm trên một hòn đảo đối diện với thành Boubastis. Trên đây là những vùng xuất thân của các chiến binh Kalasiries, với số lượng khi đông đảo nhất là 25 vạn người, và với họ, cũng như với các Hermotybies, luật pháp không cho phép làm bất cứ nghề nào, mà chỉ làm những việc liên quan tới trận mạc, và truyền từ đời cha tới đời con.

167. Liệu có phải người Hy Lạp đã học hỏi cả chuyện này từ người Ai Cập hay không thì tôi không thể nói chắc, vì tôi thấy rằng người Thraike, người Skythia, người Ba Tư, người Lydia và gần như tất cả các man tộc đều coi thợ thủ công, cũng như hậu duệ của những người này, là những người thấp kém hơn những người còn lại, trong khi những công dân không hành nghề thủ công được coi là cao quý, nhất là những người theo binh nghiệp. Dù thế nào đi nữa, tất cả các tộc người Hy Lạp đã học theo điều này, nhất là người Lakedaimon, song người Korinthos trong tất cả lại ít coi thường những người làm nghề thủ công nhất.

168. Những đặc quyền sau đây được dành riêng cho tầng lớp chiến binh, và không tầng lớp nào khác ngoài các tư tế được hưởng: mỗi người được ban cho 12 *arourai* đất mà không phải đóng thuế; mỗi *aroura* đất bằng bình phương 100 *pekhes* Ai Cập, và *pekhys* Ai Cập tương đương với *pekhys* Samos. Như tôi đã nói, đây là một đặc quyền được ban cho tất cả các chiến binh, và đổi lại họ cũng có một số lợi ích và không ai được hai lần, cụ thể là 1.000 chiến binh Kalasiries và 1.000 chiến binh Hermotybies sẽ là vệ binh cho nhà vua mỗi năm, và những vệ binh này ngoài những mảnh đất, họ còn được ban một khoản trợ cấp trong mỗi ngày gồm 5 *mnai* bánh mì, 2 *mnai* thịt bò và 4 ly rượu vang mỗi người. Đây là khoản trợ cấp cho những người đang làm vệ binh cho nhà vua.

169. Khi Apries chỉ huy đội quân đánh thuê ngoại quốc của mình và Amasis chỉ huy toàn bộ chiến binh Ai Cập đã chạm trán nhau tại thành Momemphis, hai bên giao chiến. Và cho dù các chiến

binh ngoại quốc chiến đấu dũng cảm, nhưng do có số lượng ít hơn nhiều họ đã bị đánh bại. Nhưng người ta kể rằng Apries cho rằng thậm chí cả một vị thần cũng không thể khiến ông phải thôi trị vì, do nhà vua tin tưởng vào vị thế vững chắc của mình. Như tôi vừa kể, Apries đã bại trận, rồi sau khi bị bắt sống ông bị đưa tới thành phố Sais, tới nơi trước đó là cung điện của chính ông, nhưng từ khi đó trở đi là cung điện của Amasis. Apries bị giam trong cung điện một thời gian, và Amasis đối xử tốt với ông. Nhưng cuối cùng, vì người Ai Cập chỉ trích Amasis, nói rằng nhà vua đã hành động không đúng khi để kẻ thù lớn nhất của cả họ lẫn của nhà vua được sống, vậy là Amasis giao Apries cho người Ai Cập. Và họ đã giết Apries, rồi sau đó chôn ông ở khu hầm mộ của cha ông Apries. Nơi này nằm trong khuôn viên ngôi đền Athena, ngay gần thánh điện, ở bên tay trái khi ta bước vào. Người Sais chôn tất cả các vị vua của họ ở khu vực này, bên trong ngôi đền, vì mộ của Amasis cũng ở đây, dù nằm cách xa thánh điện hơn hầm mộ của Apries và tiền bối, song vẫn nằm tại sân trong ngôi đền, và gồm một hàng cột đá có kích thước lớn, với các trụ chạm trổ phỏng theo những thân cây chà là, ngoài ra còn được trang hoàng lộng lẫy; bên trong hàng cột có các cửa đôi, và bên trong là mộ thất.

170. Cũng ở Sais còn có nơi an táng của người mà tôi nghĩ sẽ là bất kính nếu nhắc đến gắn liền với một việc như thế, mộ thất này nằm trong ngôi đền Athena ở phía sau thánh điện của nữ thần, chạy dài theo toàn bộ bức tường. Và trong thánh điện có những trụ lớn bằng đá, ở gần chúng có một hồ nước được tô điểm bằng rìa kè đá tạo thành một hình tròn, với kích thước, theo tôi, tương đương với "Hồ Tròn" ở Delos.

171. Trên hồ nước này vào buổi tối có trình diễn câu chuyện về những khổ ải của người tôi không dám nhắc tới tên, và câu chuyện này được người Ai Cập gọi là những Nghi thức bí ẩn. Tôi biết rõ về chi tiết những việc này, song sẽ không nhắc tới. Còn về nghi lễ huyền bí của nữ thần Demeter, mà người Hy Lạp gọi là Thesmophoria, tôi cũng sẽ không nhắc tới dù biết, ngoại trừ những gì lòng tôn kính cho phép tôi nói ra. Các con gái của Danaos chính là những người đã mang nghi lễ này ra khỏi Ai Cập và truyền dạy lại cho những phụ nữ Pelasgoi, sau đó, khi tất cả cư dân Peloponnesos bị người Doris đánh đuổi, nghi lễ này bị thất truyền, và chỉ còn những hậu duệ sót lại không bị xua đuổi của cư dân Peloponnesos cổ xưa, nghĩa là người Arkadia, còn bảo lưu được nghi lễ.

172. Sau khi Apries bị lật đổ, Amasis lên ngôi vua, ông vốn là người thành Sioph vùng Sais. Thoạt đầu, người Ai Cập căm ghét

Amasis và không mấy tôn trọng ông, vì ông là người xuất thân bình dân và không có gia tộc danh giá. Nhưng về sau, Amasis giành được tình cảm của họ nhờ trí tuệ của mình chứ không phải qua sự khắc nghiệt. Trong số vô vàn báu vật nhà vua sở hữu có một chậu rửa chân bằng vàng mà cả Amasis lẫn tất cả các vị khách của ông luôn dùng để rửa chân. Nhà vua cho nấu chảy nó để chế tác thành một bức tượng thần, rồi cho đặt trong thành phố ở nơi tiện lợi nhất, và người Ai Cập không ngừng tới thăm bức tượng thần và bày tỏ sự tôn kính. Sau đó Amasis, khi đã biết được những gì thị dân làm, liền tập hợp người Ai Cập lại và nói rằng bức tượng thần đã được làm từ cái chậu rửa chân, đồ vật trước đó người ta thường nôn và tiểu tiện vào, hay dùng để rửa chân, trong khi ngày nay họ bày tỏ sự cung kính tột bậc với nó. Và như vậy, nhà vua nói tiếp, ông cũng giống như cái chậu rửa chân. Vì cho dù trước đây ông từng là một người thường dân, song giờ đây ông là vua của họ, và vì thế ông yêu cầu họ phải tôn kính và coi trọng ông.

173. Theo cách như thế, Amasis đã giành được sự tôn kính của người Ai Cập, để họ bằng lòng là thần dân của ông, và cách trị vì của ông như sau: Vào sáng sớm, và cho tới tận khi chợ đông kín người, nhà vua phán xử một cách công minh những vụ việc được trình lên; nhưng sau thời gian này, ông dành thời gian cho uống rượu và chơi bời với thực khách, và tỏ ra lông bông vô tích sự. Và những người bạn của vua, lo ngại trước việc này đã dùng những lời sau can gián ông: "Tâu bệ hạ, ngài đã không kiểm soát mình một cách đúng đắn khi hạ mình xử sự một cách phù phiếm như thế; vì đáng ra bệ hạ phải ngồi uy nghi cả ngày trên một ngôi báu uy nghi và giải quyết việc triều chính, như thế người Ai Cập hẳn đã yên tâm rằng họ được trị vì bởi một người vĩ đại, và bệ hạ sẽ có danh tiếng tốt hơn, nhưng trên thực tế ngài đã xử sự không hề giống một vị vua". Nhà vua trả lời họ như sau: "Những người có cung trong tay giương cung lên khi họ muốn dùng, rồi khi đã dùng xong họ lại buông dây cung ra, vì nếu lúc nào họ cũng kéo căng dây cung thì cây cung sẽ gãy, như thế người chủ sẽ không thể dùng được cây cung khi cần đến nữa. Trạng thái của con người cũng thế: nếu lúc nào anh ta cũng nghiêm trang mà không thả lỏng mình ra thư giãn đủ thời gian cần thiết, anh ta hoặc sẽ hóa điên hoặc bị trở nên ngớ ngẩn trước khi kịp ý thức được điều đó; và biết rõ điều này, ta dành một phần thời gian cho một trong hai cách sống". Đó là câu trả lời của nhà vua dành cho các bạn ngài.

174. Tuy nhiên, người ta kể rằng Amasis, ngay cả khi mới chỉ là một thường dân, đã là người ưa rượu chè vui chơi, và không hề là người tính khí nghiêm túc. Bất cứ khi nào không đủ tiền để rượu

chè và sống xa xỉ, ông liền ra ngoài đi ăn trộm, và những người bị Amasis lấy trộm sẽ buộc tội ông lấy tài sản của họ, rồi khi ông chối cãi sẽ đưa ông ra trước dự ngôn giả phán xử, nếu nơi họ sống có một cái. Và rất nhiều lần ông bị điệu ra để các dự ngôn giả phán xử và nhiều lần được vô tội, rồi cuối cùng khi trở thành vua, ông đã làm như sau: Với tất cả các vị thần đã tha bổng cho ông và tuyên bố ông không phải là một tên trộm, Amasis không để tâm gì tới những ngôi đền những thần này, không dâng tiến bất cứ thứ gì để trang hoàng thêm cho những ngôi đền đó, thậm chí cũng chẳng buồn tới thăm chúng để dâng lễ hiến sinh, coi những ngôi đền đó là vô giá trị và có những dự ngôn giả dối trá. Song tất cả những vị thần nào kết tội ông là kẻ trộm, nhà vua đều dâng lễ vật rất trọng, coi đây là những vị thần thực thụ, và tặng quà những dự ngôn giả này.

175. Đầu tiên, nhà vua cho xây dựng tại Sais một cổng đền dâng lên Athena, một kỳ quan đồ sộ, và nhà vua đã vượt xa bất cứ ai từng xây dựng một công trình tương tự trước đó, kể cả về chiều cao lẫn quy mô, với chất lượng và kích thước của các tảng đá không gì sánh nổi. Tiếp theo, nhà vua dâng tặng những bức tượng khổng lồ và những tượng nhân sư rất lớn, và để trùng tu đền ông cho đưa đến những tảng đá có kích thước khổng lồ. Một số tảng đá được Amasis cho đưa về từ các mỏ đá nằm đối diện với Memphis, một số khác, có kích thước cực lớn, được đưa về từ thành Elephantine, nằm cách Sais không dưới 20 ngày đường. Trong tất cả, đây là thứ khiến tôi kinh ngạc hơn cả, đó là một căn đá nguyên khối được nhà vua đưa về từ thành Elephantine, và người ta đã mất ba năm để đưa công trình này về, với 2.000 người được giao thực hiện việc di chuyển, tất cả đều thuộc tầng lớp thủy thủ. Căn phòng kể trên ở phía ngoài có chiều dài 21 *pekhes*, chiều rộng 14 *pekhes*, và cao 8 *pekhes*. Đó là kích thước bên ngoài, còn ở bên trong chiều dài là 18 và năm phần sáu *pekhes*, chiều rộng là 12 *pekhes*, còn chiều cao là 5 *pekhes*. Căn phòng này được đặt ở cạnh lối vào đền, người ta đã không kéo nó vào trong đền bởi lẽ theo lời kể khi căn phòng đang được kéo đi, người thợ cả chế tác nên nó đã rên lớn thành tiếng trước quá nhiều thời gian đã phải bỏ ra và công việc này đã khiến ông ta kiệt sức; vậy là Amasis coi đây như một lời cảnh báo và không cho phép các lao công kéo căn phòng đi xa hơn. Một số người mặt khác lại nói rằng có một người trong số những người đang dùng đòn bẩy dịch chuyển căn phòng đã bị nó đè chết, và chính vì lý do ấy nó không được kéo vào.

176. Amasis cũng quyết định rằng tại tất cả những ngôi đền có tiếng tăm khác, những công trình đáng chiêm ngưỡng vì quy mô của chúng, trong số đó, cũng ở Memphis, có bức tượng khổng lồ

đang nằm ngửa trước đền Hephaistos với chiều dài 75 *podes*, và trên cùng bệ làm từ cùng tảng đá có dựng hai bức tượng khổng lồ, mỗi tượng cao 20 *podes*, ở hai bên bức tượng lớn nhất. Ngoài ra còn có một bức tượng bằng đá khác cùng kích thước tại Sais, cũng được đặt nằm theo cùng kiểu như bức tượng tại Memphis. Thêm nữa, chính Amasis là người đã xây và hoàn thành ngôi đền Isis tại Memphis có quy mô lớn và rất đáng chiêm ngưỡng.

177. Vào thời trị vì của Amasis, người ta kể rằng Ai Cập trở nên giàu có hơn bất cứ thời kỳ nào trước đó, cả về những sản vật dòng sông đem tới cho miền đất lẫn những gì vùng đất đem tới cho cư dân, và vào thời gian này số lượng đô thị có người ở tại Ai Cập lên tới tổng cộng là 20.000. Cũng chính Amasis là người đã thiết lập luật lệ quy định rằng hằng năm mỗi người dân Ai Cập phải kê khai cho vị quan cai trị vùng của mình về nguồn sinh kế của bản thân, và nếu có bất cứ ai không làm điều này hay không kê khai một cách kiếm sống trung thực, kẻ đó sẽ bị tử hình. Solon người Athenai đã thu nhận luật này từ Ai Cập và áp dụng nó cho người Athenai, và cư dân ở đây vẫn tiếp tục tuân thủ nó, vì đây là một luật không ai có thể tìm ra khiếm khuyết.

178. Thêm nữa, Amasis trở nên có cảm tình với người Hy Lạp, và bên cạnh những bằng chứng về tình bằng hữu khác mà nhà vua đã gửi tới họ, ông cũng ban thành Naukratis cho những người Hy Lạp tới Ai Cập để cư trú; và với những người không muốn lưu lại mà thực hiện những cuộc hành trình tới đó, nhà vua ban đất đai để xây ban thờ và lập thánh địa cho các vị thần của họ. Thánh địa lớn nhất của họ, cũng là nơi được nhắc đến và lui tới nhiều nhất, được gọi là đền Hellenion, và nơi này được các thành bang sau đây cùng nhau dựng lên: gồm Khios, Teos, Phokaia, Klazomenai của người Ionia; Rhodos, Knidos, Halikarnassos, Phaselis của người Doris; và riêng thành Mytilene của người Aiolis. Thánh địa thuộc về những thành phố kể trên, và các thành phố này chỉ định các quản lý cảng; và tất cả các thành phố khác tuyên bố có dự phần trong ngôi đền này đều tuyên bố như thế một cách vô căn cứ. Bên cạnh ngôi đền kể trên, riêng người Aigina dựng một đền thờ Zeus, người Samos dựng một đền cho Hera, và người Miletos một đền cho Apollon.

179. Vào thời xa xưa, Naukratis là nơi duy nhất ở Ai Cập mở cửa cho giao thương, và nếu có bất cứ ai tới bất cứ cửa nào khác của sông Neilos, người đó sẽ bị buộc phải thề rằng anh ta không tự ý tới đó, và sau khi đã tuyên thệ cho sự vô tội của mình, người đó buộc phải đưa thuyền của mình tới cửa sông Kanopikon, hoặc nếu điều đó không khả thi do gió nghịch, anh ta sẽ phải đưa hàng hóa

của mình bằng thuyền vòng qua vùng châu thổ tới Naukratis. Thành phố này được hưởng đặc quyền như vậy đấy.

180. Thêm nữa, khi Liên minh Amphiktyonia đã đưa ra thỏa thuận về việc xây dựng ngôi đền giờ đây tồn tại ở Delphoi, nhất trí trả khoản tiền 300 *talanta* (vì ngôi đền tồn tại trước đó đã tự nó cháy trụi), người Delphoi phải cung ứng một phần tư khoản kinh phí; vậy là người Delphoi đi tới nhiều thành phố khác nhau thu thập những khoản đóng góp. Và trong lúc làm việc này họ đã thu được từ Ai Cập cũng nhiều như từ bất cứ nơi nào khác, vì Amasis đã đóng góp cho họ 1.000 *talanta*[1] phèn, trong khi người Hy Lạp cư trú tại Ai Cập đóng góp cho họ 20 *mnai* bạc.

---

[1]. 1 *talanton* (sn: *talanta*) Ai Cập tương đương khoảng 27 kg.

---

181. Amasis cũng lập tình bằng hữu và liên minh với người Kyrene, và nhà vua cũng quyết định cưới một người vợ thuộc tộc người này, có thể vì ông mong muốn có một người vợ thuộc dòng dõi Hy Lạp, hoặc còn vì tình bằng hữu với người Kyrene. Cho dù nguyên do có là gì thì nhà vua cũng đã kết hôn, theo một số người là với con gái của Battos, con trai của Arkesilaos, hoặc theo những người khác nữa là con gái của Kritoboulos, một người có danh vọng trong số các công dân, và tên của người con gái này là Ladike. Bất cứ khi nào Amasis ngủ cùng người vợ, nhà vua lại nhận ra mình không thể giao hoan, nhưng với những người vợ khác ông lại giao hoan được bình thường. Và vì chuyện này diễn ra lặp đi lặp lại, Amasis nói với người vợ có tên Ladike của mình: "Người đàn bà kia, ngươi đã đánh thuốc ta, và chắc chắn ngươi sẽ chết khổ sở hơn bất cứ người đàn bà nào khác". Khi đó Ladike, vì lời phủ nhận của nàng không hề khiến Amasis nguôi giận, đã thầm thề nguyện với nữ thần Aphrodite rằng nếu tối đó Amasis có thể giao hoan với nàng (vì Ladike hiểu đó là phương thuốc cho tình cảnh hiểm nguy của mình), nàng sẽ dâng lên nữ thần một bức tượng tại Kyrene, Ngay sau khi Ladike thề nguyện, Amasis liền có thể giao hoan, và từ đó trở đi bất cứ khi nào Amasis tới chỗ nàng nhà vua lại giao hoan với nàng, rồi sau đó trở nên rất gắn bó với vợ mình.

Và Ladike thực hiện đúng lời thề nguyện đã lập với nữ thần, vì bà đã cho tạc một bức tượng và gửi đến Kyrene, bức tượng ấy vẫn được lưu giữ lại cho tới tận thời của tôi, đứng với gương mặt ngoảnh khỏi thành phố của người Kyrene. Đây chính là Ladike mà Kambyses, sau khi chinh phục Ai Cập và biết được người phụ nữ

này là ai, đã cho phép trở về Kyrene an toàn.

182. Amasis cũng dâng các lễ vật tại Hy Lạp, trước hết là một tượng nữ thần Athena dát vàng và một bức tượng của chính nhà vua được sơn như thật được dâng tặng tại Kyrene; sau đó, nhà vua tặng ngôi đền Athena ở Lindos hai bức tượng đá và một bộ áo vải lanh đáng để chiêm ngưỡng, cũng như hai bức tượng gỗ tạc chính nhà vua dâng lên Hera tại Samos, hai bức tượng này còn được để trong ngôi đền lớn cho tới tận thời của tôi, đằng sau các cánh cửa. Tại Samos nhà vua dâng lễ vật vì tình khách-hữu giữa ông và Polykrates, con trai của Aiakes; tại Lindos không phải vì tình khách-hữu mà vì đền Athena ở Lindos được kể là do các con gái Danaos lập nên khi họ cập bờ tại đó khi chạy trốn khỏi các con trai của Aigyptos.

Trên đây là những lễ vật đã được Amasis mang dâng tặng, và nhà vua cũng là người đầu tiên chinh phục được Kypros và buộc hòn đảo này triều cống mình.

Quyển 3
Thaleia[1]

[1]. Nữ thần hài kịch trong thần thoại Hy Lạp.

1. Vậy là Kambyses, con trai Kyros, đem quân tấn công Amasis, mang theo không chỉ các dân tộc khác ông đang cai trị, mà cả những người Hy Lạp, gồm cả người Ionia lẫn người Aiolis. Và sau đây là nguyên nhân của cuộc viễn chinh: Kambyses đã phái một sứ giả tới Ai Cập đề nghị Amasis gả con gái cho mình, và vua Ba Tư đưa ra đề nghị này theo lời khuyên của một người Ai Cập, người muốn đem tai họa tới cho Amasis do bất bình với vị vua này vì lý do sau: Khi Kyros phái sứ giả tới gặp Amasis đề nghị vua Ai Cập gửi cho mình thầy lang chữa mắt giỏi nhất tại Ai Cập, Amasis đã chọn được một người trong số thầy lang tại Ai Cập, đưa ông ta tới Ba Tư, khiến ông ta phải lìa xa vợ con. Vì mối hận này, như tôi đã nói, người thầy lang Ai Cập đã thúc giục Kambyses, qua lời khuyên của mình, ngỏ lời cầu hôn con gái Amasis, để vị vua hoặc sẽ phải đau khổ nếu gả công chúa, hoặc nếu từ chối rất có thể sẽ xúc phạm Kambyses.

Còn về Amasis, người vừa khó chịu vừa lo sợ sức mạnh của người Ba Tư, không biết nên gả con hay từ chối như thế nào, vì nhà vua tin chắc Kambyses không định lập con gái ông làm vợ mà chỉ là tỳ thiếp. Sau khi đã suy nghĩ như vậy, nhà vua làm như sau: Vị vua cũ Apries có một người con gái cao ráo xinh đẹp tên là Nitetis, nàng là thành viên duy nhất còn lại của hoàng thất cũ. Amasis ban cho cô gái rất nhiều xiêm y lộng lẫy và vàng rồi đưa nàng tới Ba Tư như thể nàng là con gái của chính nhà vua. Nhưng sau một thời gian, khi Kambyses chào nàng và gọi nàng theo tên người cha, cô gái nói với nhà vua: “Tâu bệ hạ, ngài vẫn chưa biết mình đã bị Amasis lừa gạt thế nào đâu; vì ông ta đã ban cho thiếp đồ trang sức rồi gả thiếp cho ngài như thể thiếp là con gái ông ta, trong khi thực ra thiếp là con gái của Apries, chủ nhân của ông ta,

người mà Amasis đã xúi dân Ai Cập nổi dậy chống lại và sát hại". Những lời này được thốt ra vào thời điểm như vậy đã khiến Kambyses, con trai Kyros, rất phẫn nộ và tấn công Ai Cập.

2. Đó là những gì người Ba Tư thuật lại, nhưng về phần người Ai Cập, họ kể rằng Kambyses là đồng bào của họ, nói vị vua Ba Tư được sinh ra bởi chính người con gái của Apries; vì theo lời họ Kyros mới là người ngỏ lời cầu hôn con gái Amasis chứ không phải Kambyses. Tuy nhiên, khi nói như vậy họ đã kể không đúng sự thật, và họ cũng không thể nào không nhận ra (vì người Ai Cập cũng quen thuộc với pháp luật và tập quán của người Ba Tư chẳng kém bất cứ dân tộc nào), rằng trước hết với người Ba Tư không thể có chuyện một đứa con hoang trở thành vua một khi đã có con trai được sinh ra từ hôn nhân chính thức, thứ hai là Kambyses là con trai Kassandane, con gái Pharnaspes, một Akhaimenides chứ không phải là con trai một phụ nữ Ai Cập, nhưng người Ai Cập đã bóp méo lịch sử, tuyên bố họ có quan hệ họ hàng với gia tộc của Kyros. Đó là những gì được kể về việc này.

3. Và cả câu chuyện sau đây, mà về phần mình tôi không tin, cũng đã được kể ra: Một phụ nữ Ba Tư khi gặp những người vợ của Kyros và thấy đứng cạnh Kassandane là những đứa con cao ráo, đẹp đẽ đã lớn tiếng khen ngợi những đứa trẻ và bày tỏ sự ngưỡng mộ hết mực, còn Kassandane, vợ của Kyros, đã nói như sau: "Dẫu thế, cho dù ta là mẹ của những đứa trẻ này, Kyros đã cư xử lạnh nhạt với ta và sủng ái người đàn bà ngài đưa về từ Ai Cập". Người ta kể rằng hoàng hậu đã nói vậy vì tức giận với Nitetis, và khi nghe thấy những lời đó, Kambyses, con trai lớn nhất của bà, đã lên tiếng: "Vì việc này, thưa mẹ, khi con trưởng thành, con sẽ lật úp Ai Cập cho mẹ". Kambyses được kể lại là đã nói như vậy khi ông mới khoảng 10 tuổi, và những người phụ nữ đã rất kinh ngạc trước việc này; và người ta kể rằng vị hoàng tử luôn ghi nhớ điều đó trong đầu, để khi ông trưởng thành và nắm vương quyền, nhà vua liền xuất quân tấn công Ai Cập.

4. Còn một nguyên do nữa góp phần vào cuộc viễn chinh này, đó là trong số lính đánh thuê của Amasis có một người Halikarnassos tên Phanes, vừa khôn ngoan vừa dũng cảm khi xung trận. Sau khi bất hòa với Amasis, Phanes bỏ trốn khỏi Ai Cập trên một chiếc thuyền, mong muốn tới diện kiến Kambyses. Vì Phanes rất có danh tiếng trong lực lượng lính đánh thuê và hiểu rất rõ mọi nội tình của Ai Cập, Amasis đã truy đuổi Phanes và nóng lòng muốn bắt người này trở lại, và nhà vua phái hoạn quan tin cẩn nhất của mình chỉ huy một chiếc *trieres* đi truy bắt, và bắt được Phanes tại Lykia. Nhưng sau khi bắt được kẻ đào tẩu, viên

hoạn quan đã không thể giải ông ta về Ai Cập, vì Phanes đã qua mặt kẻ bắt mình nhờ mưu mẹo. Ông chuốc rượu cho những kẻ canh gác rồi trốn thoát tới Ba Tư.

Vì vậy khi Kambyses đã quyết định tấn công Ai Cập và gặp khó khăn trên đường hành quân trong việc tìm cách an toàn vượt qua vùng không có nước, Phanes đã đến chỗ nhà vua và ngoài việc cung cấp thông tin cho vua Ba Tư về tình hình khác của Amasis, ông cũng đưa ra lời khuyên cho Kambyses về cuộc hành quân, đề nghị vua Ba Tư phái sứ giả tới gặp vua Arabia để yêu cầu vị vua này cho phép mình hành quân an toàn qua vùng lãnh thổ đó.

5. Theo con đường này chỉ có một lối vào Ai Cập đã được biết đến: vì từ Phoinike tới địa giới thành Kadytis thuộc về người Syria ở Palaistine. Từ Kadytis, một thành phố tôi đoán có quy mô không kém Sardis là bao, có những thương điếm nằm dọc theo bờ biển tới tận thành phố Ienysos thuộc về Arabia, rồi sau đó từ Ienysos, lãnh thổ lại thuộc về người Syria cho tới tận hồ Serbonis, ở bên bờ hồ này núi Kasios chạy dài ra phía biển. Sau đó, từ hồ Serbonis, nơi Typhon bị giam giữ theo những câu chuyện kể, là bắt đầu sang lãnh thổ Ai Cập. Vùng đất nằm giữa thành Ienysos ở một đầu và núi Kasios cùng hồ Serbonis ở đầu kia, dài tới tận ba ngày đường, là nơi vô cùng hiếm nước.

6. Một điều tôi sẽ nói ra ở đây, điều này chỉ số ít những người đi thuyền tới Ai Cập đã quan sát thấy, đó là: Hai lần mỗi năm, từ khắp vùng trên đất Hy Lạp cũng như từ Phoinike, những vò đất nung đựng đầy rượu vang lại được đưa tới Ai Cập, dù vậy gần như có thể nói rằng ta không thể thấy dù chỉ một vò đựng rượu rỗng nào ở bất cứ đâu. Vậy ta có thể đặt ra câu hỏi rằng, chúng đã được dùng hết làm gì? Tôi cũng sẽ nói cả việc này. Vị quan cai trị mỗi địa phương phải thu thập tất cả vò đất nung tại thành phố của mình rồi chuyển tới Memphis, và tại Memphis người ta đổ đầy nước vào những vò này rồi chuyển tới những vùng không có nước ở Syria như đã nói ở trên. Như vậy, những chiếc vò định kỳ được đưa tới Ai Cập rồi lấy hết rượu vang ra ở đây đều được chuyển tới Syria để thêm vào những chiếc vò đã được chuyển đi trước đó.

7. Và chính những người Ba Tư bằng cách ấy đã chuẩn bị con đường tiếp cận tới Ai Cập, cung cấp nước trên đường theo cách đã được kể từ thời điểm họ giành quyền kiểm soát Ai Cập. Nhưng vào thời kỳ tôi đang nói tới, trước tình hình chưa có nước được cung cấp sẵn, Kambyses, theo đúng lời khuyên nhận được từ người bạn Halikarnassos của mình, đã phái sứ giả tới gặp vua Arabia, đề nghị và nhận được đảm bảo thông hành an toàn, sau khi đã gửi tới

vị vua này những lời thề nguyện hữu hảo và cũng nhận được chúng từ vua Arabia.

8. Người Arabia tôn trọng những lời thề nguyện hữu hảo cũng tương tự như những người tự tôn nhất trên thế giới, và họ thể hiện điều đó như sau: Một người thứ ba ngoài những người muốn thề với nhau sẽ đứng ra làm chứng cho hai người này, dùng một viên đá sắc cứa vào lòng bàn tay hai người tuyên thệ với nhau ở gần ngón tay cái, rồi sau đó người này lấy một sợi vải từ áo khoác của mỗi người, nhúng vào máu và bôi lên bảy tảng đá được đặt giữa hai người đó. Vừa làm như vậy, người làm chứng vừa khấn Dionysos và Ourania. Khi anh ta đã hoàn tất những nghi thức này, người đã tuyên thệ sẽ giới thiệu người lạ mặt với các bạn bè của mình để làm tin (hoặc với người cùng tộc, nếu anh ta thề nguyện với một người cùng thuộc tộc người với mình), và những người bạn nghĩ họ cũng phải tôn trọng những lời thề nguyện đã được cam kết. Về các vị thần, họ chỉ tin vào Dionysos và Ourania. Thêm nữa, họ nói rằng việc cắt tóc của họ được thực hiện theo cùng cách như chính Dionysos, và họ cắt tóc theo một vòng tròn, cạo đi phần tóc ở hai bên thái dương. Họ gọi thần Dionysos là Orotalt, còn Ourania họ gọi là Alilat.

9. Khi vua Arabia đã thề nguyện hữu hảo với các sứ giả được Kambyses phái tới, ông làm như sau: Nhà vua lấy ra những túi da lạc đà rồi đổ đầy nước bên trong, chất lên lưng tất cả những con lạc đà còn sống mà ông có. Sau khi làm vậy, nhà vua đưa chúng tới vùng không có nước và ở đó chờ đạo quân của Kambyses. Câu chuyện vừa được kể ra là đáng tin nhất trong những phiên bản được thuật lại, nhưng phiên bản ít đáng tin hơn cũng sẽ được thuật lại, vì đây là một lời kể mới. Ở Arabia có một dòng sông lớn tên là Korys, dòng sông này chảy vào biển Erythra. Người ta kể rằng từ con sông này, vua Arabia, sau khi đã có một đường ống dẫn được làm bằng cách khâu những tấm da bò đực thô và các loại da khác vào nhau, đủ dài để vươn tới được vùng không có nước, đã cho dẫn nước qua đường ống này và cho đào những bể chứa lớn ở vùng không có nước để nhận và dự trữ nước. Từ con sông tới vùng không có nước cách xa 12 ngày đường, và thêm nữa câu chuyện kể rằng nhà vua đã cho dẫn nước theo ba ống dẫn khác nhau tới ba phần khác nhau của vùng thiếu nước.

10. Trong khi đó, Psammenitos con trai Amasis đóng trại tại cửa Pelousion của sông Neilos chờ Kambyses đến, Kambyses đã không thể gặp Amasis còn sống khi hành quân tới Ai Cập, Amasis đã qua đời sau khi trị vì 44 năm, trong thời gian đó ông không phải chịu bất cứ bất hạnh nào. Sau khi qua đời và đã được ướp xác, Amasis

được an táng trong mộ thất tại ngôi đền mà ông đã xây cho chính bản thân. Khi Psammenitos trị vì, một việc kỳ lạ đã xảy ra với người Ai Cập, điều kỳ lạ nhất từng xảy ra: Mưa đã rơi tại Thebai ở Ai Cập, nơi trước cũng như sau đó, và tới tận thời của tôi không hề bao giờ có mưa rơi xuống, như chính người Thebai đã kể. Vì ở thượng Ai Cập không có hạt mưa nào, trong khi vào thời gian tôi đang kể tới, mưa đã trút nặng hạt xuống Thebai.

11. Khi quân Ba Tư đã vượt qua vùng đất không có nước và đóng trại gần doanh trại Ai Cập với mong muốn giao chiến, lính đánh thuê Hy Lạp và Karia của vua Ai Cập, có mối hận với Phanes vì người này đã đưa quân ngoại bang tới tấn công Ai Cập, đã hành động chống lại ông ta như sau: Phanes có những người con ông ta bỏ lại Ai Cập, những người lính đưa lũ trẻ tới trại của họ trong tầm mắt cha chúng, rồi khiêng ra một chiếc bình pha rượu để giữa hai doanh trại, họ đưa từng đứa trẻ tới, cắt cổ để máu chúng chảy vào trong bình. Sau khi đã cắt cổ lũ trẻ, những người lính rót vào trong bình cả rượu vang và nước, và chỉ sau khi tất cả lính đánh thuê đã uống thứ máu đó họ mới giao chiến. Tiếp theo, một trận đánh vô cùng ác liệt đã diễn ra, với rất nhiều người ngã xuống ở cả hai đạo quân, rồi cuối cùng người Ai Cập quay đầu bỏ chạy.

12. Thêm nữa, tôi đã tận mắt chứng kiến một điều kỳ lạ lớn lao sau khi được người dân bản địa chỉ dẫn, xác của những người ngã xuống trong trận đánh này nằm rải rác tách riêng từng bên, xương của người Ba Tư nằm về một phía theo vị trí ban đầu của họ, còn xương của người Ai Cập nằm ở phía bên kia. Xương sọ của những người Ba Tư yếu tới mức chỉ cần ném vào chúng một hòn cuội ta cũng có thể làm chúng thủng một lỗ, trong khi xương sọ người Ai Cập cứng tới mức ta khó lòng làm vỡ chúng dù có dùng một hòn đá to để ném. Người ta kể rằng lý do của chuyện này là như sau, và về phần mình, tôi sẵn lòng tin lời họ kể: Người Ai Cập từ khi còn nhỏ đã cạo đầu, và xương trở nên cứng cáp do tiếp xúc với mặt trời; và đây cũng là lý do vì sao họ không bị hói, vì ở người Ai Cập ta sẽ thấy ít người hói hơn so với ở các tộc người khác. Đây là lý do khiến xương sọ của họ cứng chắc, còn lý do khiến người Ba Tư có xương sọ yếu là vì họ che đầu của mình khỏi mặt trời bằng cách đội khăn xếp. Nguyên do toàn bộ là vậy, và tôi cũng thấy điều tương tự tại Papremis, trong trường hợp của những người bị Inaros người Libya giết cùng Akhaimenes con trai Dareios.

13. Người Ai Cập khi quay đầu bỏ chạy khỏi chiến trường trong hỗn loạn và khi họ đóng cổng cố thủ tại Memphis, Kambyses phái tới một chiếc thuyền của Mytilene đi ngược dòng sông mang theo một truyền lệnh sứ Ba Tư để kêu gọi người Ai Cập đầu hàng. Song

người Ai Cập, khi thấy chiếc thuyền đã tiến vào Memphis, liền đồng loạt từ trong thành ùa ra phá hủy chiếc thuyền, đồng thời xé xác những người trên thuyền rồi mang vào trong thành. Sau đó, người Ai Cập bị vây hãm, rồi cuối cùng đành chịu đầu hàng, và người Libya sống ở biên giới Ai Cập, kinh hoàng trước những gì xảy đến với Ai Cập, đã quy thuận không kháng cự, và họ vừa cống nạp vừa gửi quà tặng, tương tự như vậy là người Kyrene và Barka cũng kinh hoàng không kém gì người Libya, cũng hành động theo cùng cách, và Kambyses vui lòng nhận những lễ vật được người Libya dâng tặng, nhưng còn lễ vật của người Kyrene, thấy rằng chúng bất xứng, theo như tôi đoán, vì quá nhỏ mọn (vì người Kyrene quả thực đã dâng lên 500 *mnai* bạc), nhà vua vốc nắm bạc và tự tay mình rải ra chia cho quân sĩ.

14. Vào ngày thứ 10 sau khi nhận sự đầu hàng của thành Memphis, Kambyses bắt Psammenitos, vua của người Ai Cập, người đã làm vua được sáu tháng, phải ngồi ở ngoại ô thành phố để sỉ nhục ông này, ngoài ra còn có những người Ai Cập khác bị đưa đến đó, và Kambyses tiến hành tra tấn tinh thần Psammenitos như sau: Sau khi bắt con gái Psammenitos mặc y phục của một nô lệ, vua Ba Tư bắt nàng mang một cái vò đi lấy nước, cùng với nàng là những trinh nữ khác được chọn từ con gái của các chức sắc, bị bắt mặc y phục giống như con gái vua. Và khi các trinh nữ đi qua trước mặt cha của họ trong tiếng khóc và những lời than vãn, những người cha bắt đầu khóc to và kêu than thành tiếng khi thấy con gái của họ bị hạ nhục, còn Psammenitos, khi chứng kiến cảnh này trước mắt mình và hiểu ra sự tình, đã cúi gằm người xuống đất. Sau đó, khi những cô gái mang nước đã đi qua, Kambyses cho điệu tới con trai Psammenitos cùng 2.000 người Ai Cập cùng độ tuổi khác, bị quấn dây thừng quanh cổ và nhét dây cương vào miệng, tất cả bị điệu đi hành quyết để báo thù cho cái chết của những người Mytilene đã bị giết ở Memphis cùng chiếc thuyền của họ; vì các quan tòa Ba Tư đã phán quyết rằng cứ một người bị giết thì 10 người Ai Cập thuộc dòng dõi quý phái nhất sẽ phải mất mạng để đền tội. Psammenitos, khi thấy các thanh niên bị giải qua trước mặt mình và nhận ra con trai ông đang đi đầu đoàn người tới chỗ chết, cũng phản ứng tương tự như ông đã làm với con gái mình, trong khi những người Ai Cập khác ngồi quanh ông đều gào khóc và tỏ vẻ đau khổ. Khi những thanh niên này cũng đã đi qua, tình cờ có một thực khách của Psammetinos, một người lớn tuổi, đã bị tước đoạt hết tài sản và không còn gì ngoài những thứ một kẻ hành khất sở hữu, và lúc ấy đang cầu xin bố thí của đám lính, đi ngang qua chỗ Psammetinos cùng những người Ai Cập đang ngồi ở ngoại ô thành phố. Khi

Psammetinos trông thấy người này, ông kêu lớn thảm thiết, rồi gọi tên người bạn cũ và lấy tay đấm lên đầu mình. Dường như ở đó có người được bố trí để quan sát Psammenitos, người này trình báo lại cho Kambyses tất cả những phản ứng của ông này mỗi lần có người được đưa qua. Kinh ngạc trước phản ứng của Psammenitos, Kambyses phái một tín sứ tới hỏi ông này như sau: "Psammenitos, chủ nhân Kambyses của ngươi hỏi ngươi vì sao khi ngươi thấy con gái ngươi bị sỉ nhục và con trai ngươi bị đưa đi hành quyết, ngươi không hề gào khóc hay than vãn vì chúng, trong khi ngươi lại giành những biểu hiện đau khổ này cho kẻ hành khất mà như bệ hạ biết được từ người khác, không phải là thân thích gì của ngươi?" Kambyses đã hỏi như vậy, và Psammenitos trả lời như sau: "Hỡi con trai của Kyros, nỗi thống khổ của ta quá to lớn để ta có thể than khóc thành tiếng, nhưng nỗi thống khổ người bạn cũ của ta thì khiến người ta phải rơi nước mắt, ông ấy đã mất sạch sự giàu có, và phải hành khất khi đã bước vào tuổi già". Khi người tín sứ bẩm lại những lời này, với những người lắng nghe, có vẻ chúng thật chí lý; và như người Ai Cập kể lại, Kroisos đã rơi nước mắt (vì số mệnh đã quyết định rằng cả ông cũng tháp tùng Kambyses tới Ai Cập) và những người Ba Tư có mặt cũng khóc. Phản ứng này cũng khiến chính Kambyses ít nhiều mủi lòng, và ông lệnh cho tùy tùng tha mạng cho con trai Psammetinos trong số người bị điệu đi hành quyết, đồng thời nhà vua cũng lệnh cho họ đưa Psammenitos khỏi chỗ ông ta đang ngồi ở ngoại ô thành phố, rồi đưa ông này tới gặp mình.

15. Về cậu con trai, các tùy tùng đi tìm chàng trai phát hiện rằng cậu ta không còn sống nữa vì đã bị hành quyết đầu tiên, nhưng bản thân Psammenitos thì được họ đỡ dậy khỏi chỗ của ông này và đưa về gặp Kambyses, sau đó Psammenitos tiếp tục sống phần đời còn lại của ông bên cạnh vua Ba Tư mà không phải chịu thêm bất cứ ngược đãi nào; và nếu biết cách giữ mình không gây ra rắc rối, hẳn ông đã được nhận Ai Cập để cai quản vùng này, vì người Ba Tư thường hay trân trọng các hoàng tử, và cho dù các vị vua có chống lại họ, họ vẫn trao lại quyền lực cho con trai những vị vua ấy. Về quy tắc mà họ đã thiết lập này, ta có thể thấy qua nhiều trường hợp khác, nhất là trường hợp của Thannyra, con trai Inaros, người được nhận lại quyền bính mà cha của ông đã giữ, cũng như trường hợp của Pausiris con trai Amyrtaios, người cũng được nhận lại quyền vị của cha mình. Tuy vậy, cho tới tận bây giờ chưa từng có ai gây ra nhiều tai họa cho người Ba Tư hơn Inaros và Amyrtaios. Tuy nhiên, trên thực tế Psammenitos đã âm mưu phản trắc và phải nhận kết quả xứng đáng: Ông ta bị phát giác kích động người Ai Cập nổi loạn, và khi Kambyses biết chuyện,

Psammenitos đã uống máu bò mộng và chết ngay, kết thúc đời mình theo cách như vậy.

16. Từ Memphis, Kambyses tới thành Sais với mục đích thực hiện điều nhà vua đã làm trên thực tế: Khi vào cung điện của Amasis, vua Ba Tư ra lệnh lôi xác Amasis ra khỏi mộ. Tiếp theo, Kambyses ra lệnh đánh roi, nhổ tóc và đâm cái xác, rồi sỉ nhục cái xác theo đủ những cách có thể khác. Người Ba Tư làm tất cả những chuyện đó cho tới khi mệt nhoài, nhưng cái xác do đã được ướp nên chịu được sự hành hạ và không gãy rời thành từng mảnh ở bất cứ phần nào, lúc ấy Kambyses ra lệnh châm lửa đốt cái xác, qua đó thực hiện một điều tôn giáo của ông không cho phép, vì người Ba Tư tôn kính lửa như một vị thần. Thế nên việc đem đốt một cái xác trong lửa không hề phù hợp với phong tục của cả hai dân tộc, với người Ba Tư vì lý do tôi vừa nói ở trên, do họ nói việc dâng xác của một người đã chết lên một vị thần là không đúng; trong khi người Ai Cập đã luôn tin tưởng rằng lửa là một dã thú, ngấu nghiến mọi thứ nó đoạt được, và khi đã no nê nó cũng chết đi cùng thứ nó bắt được, song phong tục của họ không hề cho phép giao thi thể một người cho thú hoang, và đó là lý do họ ướp xác người quá cố, để xác không bị giun ăn khi nằm trong mộ. Vậy mà khi đó Kambyses ra đã lệnh cho người Ba Tư làm điều phong tục của cả hai dân tộc đều không cho phép.

Tuy nhiên, người Ai Cập kể rằng không phải Amasis là người phải chịu sự sỉ nhục này, mà là một người Ai Cập khác có cùng dáng dấp như Amasis, người này đã bị người Ba Tư lôi xác ra hành hạ, tin rằng họ đang hành hạ Amasis. Vì người ta kể rằng Amasis biết được từ một dự ngôn giả điều sắp xảy đến với mình sau khi ông qua đời. Để tránh tai ương đe dọa sẽ xảy ra này, nhà vua chôn cất thi thể của người bị đánh roi này trong chính mộ thất của mình ở gần cửa vào, đồng thời ra lệnh cho con trai ông để thi thể ông ở sâu trong mộ thất nhất có thể. Những bố trí theo lời kể đã được Amasis thu xếp trước liên quan tới việc chôn cất chính bản thân cũng như người thế thân theo tôi không hề thực sự được thực hiện, mà tôi nghĩ người Ai Cập hư cấu xuất phát từ lòng kiêu hãnh và không có căn cứ vững chắc nào.

17. Sau hành động vừa kể, Kambyses lên kế hoạch cho ba cuộc viễn chinh nữa, một để tấn công người Karkhedon, một để tấn công người Ammonioi, và cuộc viễn chinh thứ ba nhắm tới những người Aithiopia Trường-sinh cư trú ở phần đất Libya nằm kề bên biển phương nam. Và khi hình thành những dự định này, nhà vua quyết định điều hải quân tấn công người Karkhedon, một đạo quân lựa chọn từ lục quân để tấn công những người Ammonioi;

với người Aithiopia, trước hết ông sẽ cử gián điệp đi để xem liệu bàn ăn của Mặt trời vốn được kể là tồn tại ở vùng của những người Aithiopia này có tồn tại thực sự hay không, đồng thời do thám tất cả những chuyện khác, song bề ngoài giả bộ là những người mang lễ vật tới dâng lên vua của họ.

18. Bàn ăn của Mặt trời, theo như lời kể, là như sau: Có một bãi cỏ ở ngoại vi thành phố của họ bày đầy thịt của tất cả các loại thú bốn chân đã được luộc chín, và tại đây, những công dân đang trong thời gian cầm quyền sẽ mang thịt tới đặt vào ban đêm, cố gắng thực hiện việc này một cách cẩn thận, và đến ban ngày bất cứ người nào muốn sẽ tới đây và ăn thỏa thích. Và theo lời kể, người bản địa nói rằng chính mặt đất đã liên tục tạo ra những thứ thịt đó.

19. Bàn ăn của Mặt trời chính là như vậy. Thế nên khi Kambyses quyết định phái đi các gián điệp, nhà vua phái tới đó người Ikhthyophagoi tiếng Aithiopia để xuất phát từ thành Elephantine. Và trong khi cận thần đi triệu những người này tới, nhà vua ra lệnh cho hạm đội ra khơi tấn công Karkhedon. Song người Phoinike nói họ sẽ không làm điều đó, vì họ bị ràng buộc bởi lời thề, và sẽ không hợp đạo lý nếu tấn công chính những người con của mình, và vì người Phoinike không đồng ý, phần còn lại của hải quân trở nên không còn đủ sức cho nhiệm vụ. Nhờ vậy người Karkhedon thoát khỏi cảnh bị người Ba Tư nô dịch, vì Kambyses không nghĩ rằng dùng vũ lực ép buộc người Phoinike là đúng đắn, cả vì họ đã tự nguyện đầu quân cho người Ba Tư lẫn vì toàn bộ lực lượng hải quân phụ thuộc vào người Phoinike. Đến lúc này, người Kypros cũng thần phục người Ba Tư, và hội quân trong cuộc viễn chinh chống Ai Cập.

20. Ngay khi người Ikhthyophagoi từ Elephantine tới gặp Kambyses, nhà vua cử họ tới chỗ người Aithiopia, ra lệnh những gì họ cần nói rồi ban cho họ các món quà để mang theo, gồm một bộ đồ màu đỏ thắm, một vòng đeo cổ bằng vàng uốn cùng các vòng đeo tay, và một hộp bằng thạch cao tuyết hoa đựng mỡ thơm, và một bình rượu cọ.

Người Aithiopia mà Kambyses đang phái sứ giả tới gặp được kể là những người cao nhất và đẹp nhất trên thế gian. Và ngoài những phong tục khác của họ mà theo lời kể có khác biệt với những chủng người khác, đặc biệt có phong tục sau đây về cách họ chọn vua: Ai trong số đàn ông thuộc chủng tộc của họ được cho là cao nhất và có sức mạnh tương xứng với chiều cao của anh ta sẽ được họ chọn làm vua cai trị mình.

21. Vì vậy, khi người Ikhthyophagoi tới gặp tộc người này, họ dâng các món quà lên vị vua cai trị ở đó, đồng thời nói như sau: "Kambyses, vua của người Ba Tư, vì mong muốn trở thành một người bạn và vị khách của ngài, đã phái chúng tôi tới bái kiến ngài, và nhà vua tặng ngài những món quà này, những thứ nhà vua ưa thích nhất". Tuy nhiên, vị vua Aithiopia, hiểu rằng các sứ thần tới trong vai trò gián điệp, đã nói với họ như sau: "Vua Ba Tư phái các ngươi mang quà tới đây không phải vì ông ta coi trọng việc trở thành khách-hữu của ta, và các ngươi cũng đang không nói thật lòng (vì các ngươi tới để do thám vương quốc của ta), cũng như vua của các ngươi cũng không phải là người chính trực. Vì nếu ông ta là người chính trực, ông ta sẽ không thèm muốn miền đất nào khác ngoài vương quốc của mình, cũng sẽ không đày đọa những người đã không hề làm hại gì ông ta trong cảnh nô lệ. Tuy nhiên, giờ hãy trao lại cho ông ta cây cung này và nói với ông ta những lời này: Vua của người Aithiopia gửi lời khuyên này tới vua của người Ba Tư, đó là khi nào người Ba Tư có thể giương những cây cung của họ (có kích thước ngang bằng cung của ta) cũng dễ dàng như ta giương cung của mình, khi đó ông ta hãy xuất quân tấn công những người Aithiopia Trường-sinh, với điều kiện ông ta phải có quân số đông hơn. Nhưng cho tới lúc đó, ông ta nên thấy biết ơn các vị thần vì các thần đã không thổi vào tâm trí những người con trai của Aithiopia ý định chinh phục thêm một miền đất nữa để sáp nhập vào lãnh thổ của họ".

22. Sau khi đã nói vậy và giương cung, nhà vua trao lại nó cho các sứ giả. Rồi ông cầm lấy bộ trang phục màu đỏ thắm và hỏi đây là thứ chất liệu gì và được làm ra như thế nào. Khi người Ikhthyophagoi đã kể cho ông sự thật về thuốc nhuộm màu tía và kỹ nghệ nhuộm màu, nhà vua nói họ lừa đảo và thứ vải của họ cũng là trò bịp bợm. Kế đến, nhà vua hỏi về chiếc vòng cổ và các vòng đeo tay được chế tác từ vàng, và khi người Ikhthyophagoi chỉ cho ông cách chúng được chế tác, nhà vua bật cười, cho rằng đó là những chiếc cùm, và nói rằng ở vương quốc của ông người ta có những chiếc cùm chắc chắn hơn của họ. Tiếp theo, nhà vua hỏi về thứ mỡ thơm, và khi các sứ thần cho ông hay cách tạo ra cũng như cách sử dụng nó, nhà vua lại nói hệt như ông từng nói về bộ trang phục. Rồi khi chuyển sang thứ rượu và biết được cách nó được làm ra, nhà vua rất thích thú với hương vị của thứ rượu này, đến mức ông hỏi bên cạnh nó vua Ba Tư còn ăn gì, và thời gian dài nhất một người Ba Tư có thể sống là bao lâu. Các sứ giả tâu nhà vua rằng vua Ba Tư ăn bánh mì, sau khi đã miêu tả cho ông cách trồng lúa mì, và họ cũng nói 80 năm là thời gian dài nhất cho một đời người của người Ba Tư. Đáp lại, vua Aithiopia nói ông chẳng lấy

làm lạ việc người Ba Tư chỉ sống được ít năm đến vậy khi họ ăn phân[1], vì quả thực hẳn họ thậm chí đã không thể sống lâu được đến thế nếu không được tiếp thêm sinh lực với thứ đồ uống này, đồng thời chỉ vào thứ rượu những người Ikhthyophagoi mang tới. Nhà vua nói rằng về mặt này, đồng bào của ông thua kém người Ba Tư.

---

[1]. Họ ăn ngũ cốc trồng trên đất được bón phân. (BT)

---

23. Sau đó, khi người Ikhthyophagoi hỏi lại nhà vua về tuổi thọ và lối sống của dân tộc ông, nhà vua trả lời rằng đa số họ sống tới 120 tuổi, và một số còn thọ hơn thế, và thức ăn của họ là cá luộc chín, đồ uống của họ là sữa. Khi những người Ikhthyophagoi kinh ngạc trước con số tuổi thọ đó, nhà vua dẫn họ tới một con suối, họ tắm trong nước của nó và làn da trở nên trơn nhẵn hơn, cứ như thể đó là một dòng suối đầy dầu, và từ trong suối tỏa ra một thứ hương như hương hoa violet: và thứ nước của dòng suối này, theo lời họ kể lại, yếu tới mức không thứ gì nổi được trên nó, cho dù là gỗ hay bất cứ thứ gì nhẹ hơn gỗ, mà tất cả đều chìm xuống đáy. Nếu thứ nước họ đã tắm qua thực sự đúng như lời kể, thì hẳn đây chính là nguyên do khiến dân tộc đó trường sinh, vì họ dùng thứ nước này vào mọi mục đích trong cuộc sống. Khi các sứ giả đã rời khỏi dòng suối, nhà vua dẫn họ tới một nhà tù, và tại đó tất cả tù nhân đều bị xích bằng những chiếc còng vàng. Với người Aithiopia, thanh đồng là thứ hiếm và quý nhất. Và sau khi đã tham quan nhà tù, họ cũng được tới thăm bàn ăn của Mặt trời.

24. Rồi sau đó, cuối cùng họ được dẫn đi xem những chiếc quan tài đựng thi thể người Aithiopia, được kể là làm bằng tinh thể theo cách như sau: Khi họ đã làm khô xác chết, có thể là theo cách của người Ai Cập hay theo một cách nào khác, họ đắp thạch cao bọc kín toàn bộ bên ngoài rồi trang trí bằng những hình vẽ, làm cho vẻ bên ngoài giống người còn sống hết mức có thể. Sau đó, họ cho cái xác bọc thạch cao vào trong một khối tinh thể được khoét rỗng vì họ khai thác rất nhiều thứ đá này và chúng lại rất dễ chế tác. Vậy là cái xác nằm giữa khối tinh thể có thể nhìn thấy được, song không hề bốc mùi khó chịu hay gây ra cảm giác đáng sợ nào, và trông về mọi mặt giống hệt bản thân thi thể người chết. Thân nhân người quá cố sẽ để khối đá trong nhà họ suốt một năm, dâng lên người quá cố trước tiên một phần của mọi thứ, và làm lễ hiến sinh dâng lên người quá cố. Sau thời gian này, họ mang chiếc quan tài đá ra ngoài và để ở đâu đó quanh thành phố.

25. Sau khi đã chứng kiến tất cả, các gián điệp lên đường quay về. Và khi họ tâu lại tất cả những biến cố kể trên, Kambyses lập tức nổi giận và cho quân đội của mình tiến đánh người Aithiopia trong khi không hề ra lệnh chuẩn bị chút lương thực nào, cũng không hề ngẫm nghĩ tới việc ông đang định phái một đạo quân tiến tới nơi tận cùng địa cầu, mà cư xử như một người điên đã đánh mất lý trí. Nhà vua bắt đầu xuất quân ngay khi nghe những lời bẩm báo của người Ikhthyophagoi, ra lệnh cho những người Hy Lạp có mặt ở lại Ai Cập, rồi mang theo mình toàn bộ lục quân. Và khi tới Thebai trên đường hành quân, nhà vua tách 50.000 quân ra khỏi đạo quân của mình, ra lệnh cho lực lượng này bắt người Ammonioi làm nô lệ và phóng hỏa Thần miếu của Zeus, trong khi đích thân nhà vua cùng phần còn lại của đạo quân tấn công người Aithiopia.

Nhưng trước khi đạo quân đi được một phần năm chặng đường, tất cả lương thực dự trữ của họ cạn sạch. Rồi sau đó, tất cả súc vật thồ cũng bị ăn thịt hết. Nếu khi nhận ra điều này Kambyses thay đổi kế hoạch của mình, nhà vua hẳn đã là một người thông tuệ bất chấp sai lầm ban đầu của mình. Thế nhưng trên thực tế, nhà vua không hề bận tâm mà tiếp tục tiến quân không ngừng nghỉ. Binh lính tuân theo chừng nào họ có thể kiếm được thứ gì đó từ đất để kéo dài sự sống bằng cách ăn cỏ dại. Nhưng khi đạo quân tới vùng sa mạc, một số binh lính đã thực hiện một hành động đáng sợ, nghĩa là cứ trong 10 người, họ rút thăm chọn lấy một người rồi ăn thịt anh ta. Và khi Kambyses hay tin, nhà vua hoảng hốt trước hành vi ăn thịt lẫn nhau này của binh sĩ đã từ bỏ cuộc viễn chinh chống lại người Aithiopia để lui quân trở về. Và nhà vua trở về tới Thebai sau khi đã chịu tổn thất một phần lớn đạo quân của mình. Rồi từ Thebai ông đi xuống Memphis và cho phép những người Hy Lạp lên thuyền trở về nhà.

26. Đó là kết cục cuộc chinh phạt người Aithiopia. Về phần những người Ba Tư đã được phái đi khuất phục người Ammonioi, họ hành quân từ Thebai với những người dẫn đường. Người ta biết rằng họ đã tới thành phố Ốc đảo, nơi có người Samos thuộc bộ lạc Aiskhriones cư trú, nằm cách Thebai bảy ngày đường qua sa mạc. Ngày nay nơi đó được gọi theo tiếng Hy Lạp là "Ốc đảo May mắn". Theo lời kể, đạo quân đã tới được nơi này, song từ nơi này trở đi, ngoại trừ bản thân người Ammonioi cũng như những ai nghe được lời kể từ họ, chẳng ai có thể cho biết gì thêm về đạo quân ấy, vì họ đã không tới được vùng của người Ammonioi, cũng không hề quay trở lại. Tuy nhiên, ở đây cần kể thêm câu chuyện do chính người Ammonioi thuật lại: Họ nói rằng khi đạo quân đi từ Ốc đảo qua sa mạc để tới tấn công họ, và đi tới một nơi nằm ở nửa đường

giữa vùng đất của họ và Ốc đảo, trong lúc đạo quân đang ăn sáng, một cơn gió nam dữ dội đã ập xuống quân Ba Tư, cuốn theo từng cồn cát của sa mạc và chôn vùi quân Ba Tư dưới cát, vì thế đạo quân này biến mất và không còn được ai trông thấy nữa. Đó là những gì người Ammonioi kể về biến cố đã xảy đến với đạo quân Ba Tư.

27. Khi Kambyses về tới Memphis, thần Apis, mà người Hy Lạp gọi là Epaphos, hiện lên với người Ai Cập. Và khi thần xuất hiện, người Ai Cập liền bắt đầu mặc những trang phục đẹp nhất của họ và ăn mừng. Kambyses nhận thấy người Ai Cập hành xử như vậy, và cho rằng họ chắc hẳn có thái độ đó vì vui mừng do nhà vua đã gặp vận rủi, ông liền triệu các quan chức cai quản Memphis vào gặp mình. Khi họ tới gặp nhà vua, Kambyses hỏi họ vì sao trước đây khi ông ở Memphis, người Ai Cập không hề xử sự như thế mà chỉ làm vậy vào lúc này, khi ông tới đây sau khi để mất một phần lớn đạo quân của mình. Các quan chức tâu rằng một vị thần đã hiển linh với người dân địa phương, vị thần này vẫn xuất hiện sau những quãng thời gian dài, và mỗi khi vị thần xuất hiện, tất cả người Ai Cập đều vui mừng và hội hè. Nghe đến đây, Kambyses nói rằng các vị quan đang nói dối, và nhà vua buộc họ tội chết vì là những kẻ dối trá.

28. Sau khi xử tử các vị quan, nhà vua cho gọi các tư tế vào yết kiến. Và khi các tư tế cũng trả lời tương tự, Kambyses liền nói rằng nếu có một vị thần thân thiện nào đã tới gặp người Ai Cập, nhà vua không thể không biết. Nói xong, ông ra lệnh cho các tư tế đưa Apis vào gặp mình. Vậy là các tư tế làm theo.

Apis là một con bê được sinh ra bởi một con bò cái mà sau đó nó sẽ không được phép mang thai thêm lần nào nữa, và người Ai Cập nói rằng một tia chớp đã phóng từ trên trời xuống con bò cái này, sau đó nó đẻ ra Apis. Con bê được gọi là Apis này có màu đen và có những dấu hiệu sau đây: Một mảng trắng hình vuông trên trán, và trên lưng là hình một con đại bàng, trên đuôi nó lông mọc thành đôi, còn trên lưỡi có một dấu vết giống như hình một con bọ rùa.

29. Khi các tư tế đã đưa Apis tới, Kambyses lên cơn điên liền rút con dao ra nhắm vào bụng Apis, nhưng lại đâm trượt vào đùi con bê. Sau đó, nhà vua phá lên cười và nói với các tư tế: “Lũ ngu xuẩn, thần linh kiểu gì mà bằng máu và thịt, và bị thương tổn trước vũ khí bằng sắt? Một vị thần như thế này quả là xứng với người Ai Cập. Tuy nhiên ít nhất các ngươi sẽ không thoát khỏi bị trừng phạt vì đã chế giễu ta”. Nói xong, nhà vua ra lệnh cho thủ hạ đánh

roi các tư tế không chút khoan dung, và xử tội chết bất cứ người Ai Cập nào khác còn tiếp tục hội hè. Vậy là lễ hội của người Ai Cập bị chấm dứt, và các tư tế bị trừng phạt, còn Apis bị thương bởi nhát đâm vào đùi nằm chết dần trong đền.

30. Khi con bê bị chết vì vết thương, các tư tế đem chôn mà không để Kambyses biết. Còn Kambyses, theo lời kể của người Ai Cập, lập tức trở nên hoàn toàn điên loạn sau hành vi xấu xa này, dù rằng từ trước đó nhà vua vốn đã không thực sự tỉnh táo. Tội lỗi xấu xa đầu tiên của nhà vua là sát hại Smerdis, người em trai cùng cha cùng mẹ với mình. Vị hoàng tử này đã bị nhà vua trục xuất từ Ai Cập về Ba Tư vì ghen tị, do hoàng tử là người duy nhất trong số những người Ba Tư có thể giương nổi cây cung người Ikhthyophagoi mang về từ chỗ vua Aithiopia và kéo dây cung đi một khoảng bằng chiều dày của 2 *daktyloi*, trong khi những người Ba Tư khác không ai làm nổi việc này. Khi Smerdis đã quay về Ba Tư, Kambyses nằm mơ thấy như sau: Nhà vua thấy một tín sứ từ Ba Tư tới tâu rằng Smerdis ngồi trên ngai vua và vươn đầu lên chạm tới bầu trời. Vì sợ rằng em trai có thể sát hại mình và chiếm lấy ngôi vua, nhà vua phái Prexaspes, người ông tin cẩn nhất trong tất cả người Ba Tư, về Ba Tư để giết hoàng tử. Prexaspes liền tuân lệnh tới Sousa và giết Smerdis. Một số người kể rằng ông ta đưa hoàng tử đi săn rồi giết hoàng tử, một số khác kể rằng ông ta đưa Smerdis tới biển Erythra rồi dìm chết hoàng tử.

31. Theo lời kể thì trên đây là khởi đầu cho những tội lỗi xấu xa của Kambyses. Tiếp theo, nhà vua giết chết em gái mình, người đồng hành cùng Kambyses tới Ai Cập, đồng thời cũng là vợ ông. Nhà vua cưới em gái làm vợ như sau (vì trước chuyện này người Ba Tư không hề có tục kết hôn với chị em gái của mình): Kambyses phải lòng một trong các chị em gái của mình, và muốn cưới vị công chúa này làm vợ. Vậy là khi nhà vua có ý định thực hiện điều không phải là tục lệ, ông cho gọi các Pháp quan Hoàng gia tới hỏi họ xem có tồn tại luật nào cho phép một người nếu muốn được cưới chị em ruột của mình hay không. Các Pháp quan Hoàng gia là những người được lựa chọn trong số người Ba Tư, giữ chức trọn đời hoặc cho tới khi họ bị phát hiện có điều gì đó không công minh. Các pháp quan này phân xử các vụ kiện của người Ba Tư và là những người diễn giải các quy định của tổ tiên họ, và các pháp quan tâu lên nhà vua một câu trả lời vừa ngay thẳng vừa an toàn, nói rằng họ không tìm thấy luật nào cho phép một người anh trai hay em trai được kết hôn với em gái hay chị gái mình, song ngoài ra họ cũng tìm thấy một luật quy định rằng vua của người Ba Tư có thể làm bất cứ điều gì ngài muốn. Như thế, một mặt họ đã không làm sai lệch pháp luật vì sợ Kambyses, đồng thời

không bị mất mạng khi duy trì pháp luật, các pháp quan đã tìm ra một luật khác bên cạnh điều được hỏi có lợi cho vị vua muốn kết hôn với em gái của mình. Vậy là lúc đó Kambyses cưới người em gái ông yêu làm vợ, rồi không lâu sau đó cưới thêm một em gái nữa. Trong số hai công chúa này, người trẻ hơn đã bị nhà vua giết chết khi tháp tùng ông tới Ai Cập.

32. Về cái chết của nàng, cũng giống như về cái chết của Smerdis, có hai câu chuyện khác nhau được kể. Người Hy Lạp kể rằng Kambyses đã cho một con sư tử con đánh nhau với một con chó con, và người vợ của ông cũng chứng kiến cuộc đấu. Khi con chó con bị áp đảo, một con chó con khác, anh em của nó, giật đứt xích và lao tới cứu giúp. Có hai thay vì một, lũ chó con đánh bại sư tử con. Kambyses rất hài lòng trước cảnh này, nhưng vị công chúa ngồi cạnh nhà vua lại bắt đầu khóc. Kambyses trông thấy và hỏi vì sao nàng khóc, công chúa liền nói nàng khóc khi thấy con chó con lao tới trợ giúp anh em của nó, vì nàng nhớ Smerdis và nhận ra rằng sẽ không có ai tới trợ giúp cho Kambyses. Người Hy Lạp kể rằng chính vì thế mà nàng bị Kambyses giết. Song người Ai Cập lại kể rằng khi hai người họ ngồi bên bàn ăn, người vợ đã cầm lấy một búp rau diếp lên và bóc dần từng tàu lá xung quanh, rồi hỏi nhà vua liệu búp rau diếp trông đẹp hơn khi đã bị vặt lá đi hay khi còn nguyên lá, và nhà vua đáp "khi còn nguyên lá", khi đó người vợ đã nói thế này: "Dẫu thế bệ hạ đã làm điều tương tự như với búp rau diếp này khi tước đi gia tộc của Kyros". Vậy là Kambyses nổi cơn thịnh nộ xông vào đánh vợ dù nàng đang mang thai. Sau đó nàng sảy thai và chết.

33. Trên đây là những tội ác Kambyses đã gây ra với người thân thích, cho dù chứng điên rồ này có thực sự do điều ông đã làm với Apis gây ra hay do nguyên nhân khác đi chăng nữa, vì con người thường mắc phải rất nhiều chứng bệnh, và thêm nữa người ta kể rằng Kambyses từ khi chào đời đã bị mắc phải một chứng bệnh nghiêm trọng, được một số người gọi là căn bệnh "thiêng", và chẳng có gì lạ khi cơ thể bị giày vò bởi một căn bệnh nghiêm trọng, tinh thần cũng sẽ không thể minh mẫn.

34. Còn sau đây là những hành vi điên khùng khác nhà vua đã gây ra với những người Ba Tư khác: Với Prexaspes, người Kambyses trân trọng nhất và thường được phái đi truyền lệnh của nhà vua (con trai ông cũng là người rót rượu của Kambyses, một vinh dự không nhỏ), người ta kể rằng Kambyses đã hỏi như sau: "Prexaspes, người Ba Tư coi ta là một người như thế nào, và họ nói sao về ta?" và ông này đã trả lời: "Tâu bệ hạ, về mọi mặt khác ngài đều được khen ngợi vô cùng, song dân chúng nói rằng bệ hạ quá

ưa thích rượu vang". Prexaspes đã trả lời như thế về người dân Ba Tư, và nghe xong Kambyses liền nổi giận, nói như sau: "Vậy thì có vẻ người Ba Tư nói ta nghiện rượu vang, và vì thế ta đã mất đi lý trí và không còn sáng suốt, thế thì những lời khen ngợi trước đó của chúng không chân thành". Vì trước đó, dường như khi những người Ba Tư và Kroisos cùng ngồi đàm đạo với nhà vua, Kambyses hỏi họ nghĩ ông là người như thế nào so với cha ông, Kyros; và những người Ba Tư trả lời rằng nhà vua còn hơn cả cha của ông, vì ông không chỉ sở hữu những gì cha ông đã sở hữu trước đó, mà còn giành được thêm cả Ai Cập và biển. Những quần thần người Ba Tư đã nói như vậy, nhưng Kroisos, người cũng có mặt và không hài lòng với đánh giá của họ, đã nói như sau với Kambyses: "Với thần, hỡi con trai của Kyros, ngài dường như chưa sánh ngang được với cha ngài, vì ngài vẫn chưa có được một người con trai như tiên vương đã để lại trong hình hài của ngài". Nghe vậy, Kambyses rất hài lòng, và khen ngợi lời nhận xét của Kroisos.

35. Nhớ lại chuyện cũ, nhà vua liền nói với Prexaspes trong cơn tức giận: "Vậy thì giờ ngươi hãy tự đoán định xem người Ba Tư có phải đã nói thành thật hay không, hay khi nói ra những lời đó chính chúng đã đánh mất lý trí rồi. Vì nếu ta nhắm vào con trai ngươi đứng ở kia trước lối vào phòng và bắn trúng vào tim hắn, chứng tỏ người Ba Tư nói dối, còn nếu ta bắn trượt, khi đó ngươi có thể nói rằng dân chúng Ba Tư đã nói ra sự thật và ta đã không tỉnh táo". Nói xong, nhà vua giương cung lên và bắn trúng chàng trai. Khi chàng trai đã ngã xuống, người ta kể rằng Kambyses ra lệnh cho thuộc hạ mổ xác cậu ta và kiểm tra vị trí chàng trai bị bắn trúng. Và vì mũi tên được thấy cắm vào trái tim, nhà vua liền phá lên cười và hân hoan nói với cha chàng trai rằng: "Prexaspes, bây giờ đã rõ ràng như ngươi cũng thấy là ta không hề điên, mà là đám dân Ba Tư kia đã mất trí rồi. Giờ hãy nói cho ta biết, trước kia ngươi đã từng thấy có ai bắn trúng đích như thế chưa?" Khi đó Prexaspes, thấy rằng nhà vua không còn tỉnh táo và lo sợ cho chính mình, liền nói: "Tâu bệ hạ, thần nghĩ rằng thậm chí cả Thần linh cũng không thể bắn trúng như vậy". Đó là việc Kambyses đã làm, và vào một dịp khác, nhà vua đã kết tội 12 người Ba Tư vì một cớ không đâu rồi cắm đầu họ xuống đất chôn sống.

36. Kroisos người Lydia thấy cần phải can gián Kambyses bằng những lời như sau: "Tâu bệ hạ, xin đừng nuông chiều sự nóng nảy của tuổi trẻ và những cơn giận dữ của bản thân ngài trong mọi chuyện, mà hãy kiềm chế và chừng mực. Thận trọng là điều tốt, và suy tính sâu xa là sáng suốt. Ấy thế nhưng bệ hạ đang giáng tội chết cho những người là đồng bào của ngài, kết tội họ vì những cái cớ vặt vãnh, và bệ hạ còn ban chết cho cả con cái cận thần. Nếu bệ

hạ làm nhiều việc như thế, hãy cẩn thận kẻo người Ba Tư nổi loạn chống lại ngài. Còn về phần hạ thần, phụ vương Kyros của bệ hạ đã giao phó cho thần, chân thành ủy thác cho thần nhiệm vụ can gián bệ hạ, và khuyên bệ hạ những gì mà thần thấy là tốt". Kroisos đã khuyên can nhà vua như vậy, bày tỏ thiện ý với Kambyses, song Kambyses đã trả lời: "Ngươi lại dám khuyên nhủ ta ư, ngươi, kẻ đã cai trị vương quốc của chính mình tuyệt hảo đến thế, kẻ đã khuyên nhủ cha ta mới sáng suốt làm sao khi hối thúc phụ vương vượt qua sông Araxes và tấn công người Massagetai khi chúng đã sẵn sàng vượt sông tiến sang lãnh thổ của chúng ta, để rồi hủy hoại chính bản thân ngươi khi cai trị tồi vương quốc của ngươi, và hủy hoại hoàn toàn Kyros, người đã nghe theo lời ngươi. Nhưng lần này ngươi sẽ không thoát khỏi trừng phạt, vì ngươi nên biết, trước hôm nay đã rất lâu rồi, ta mong muốn tìm một dịp để trừng phạt ngươi". Nói xong, Kambyses cầm lấy cung định bắn Kroisos, nhưng Kroisos đã vùng dậy và chạy ra ngoài. Vì không thể bắn ông này, nhà vua ra lệnh cho tùy tùng bắt và giết Kroisos. Tuy nhiên, đám tùy tùng, biết rõ tính khí nhà vua, liền đem Kroisos giấu đi với ý định nếu Kambyses đổi ý và lại muốn có Kroisos hầu cận ở bên, bọn họ có thể đưa ông này tới và nhận được ban thưởng vì đã bảo toàn mạng sống cho Kroisos. Không bao lâu sau, quả nhiên Kambyses lại mong muốn có Kroisos hầu cận bên mình, và đám tùy tùng thấy được điều này liền tâu với nhà vua rằng ông ta vẫn còn sống. Kambyses liền nói ông vui mừng cho Kroisos vì vẫn còn sống, nhưng những kẻ đã bảo toàn tính mạng cho Kroisos sẽ không thoát tội, ông sẽ giết chúng. Và ông đã làm như thế.

37. Kambyses đã gây ra rất nhiều hành động điên khùng với cả người Ba Tư lẫn các đồng minh, ở lại Memphis và khai quật các ngôi mộ cổ rồi xem xét các xác ướp. Tương tự, nhà vua đi vào ngôi đền Hephaistos và hết lời nhạo báng bức tượng của thần: vì tượng Hephaistos rất giống với tượng Pataikoi của người Phoinike vốn được người Phoinike gắn trên mũi những chiếc *triereis* của họ, và với những ai chưa từng thấy qua những bức tượng này, tôi xin miêu tả dáng vẻ của chúng: nó giống như một người lùn. Nhà vua cũng vào đền Kabeiroi, nơi theo luật không ai được phép vào ngoại trừ tư tế, và thậm chí Kambyses còn đốt những tượng thần ở đây sau khi hết lời nhạo báng. Những bức tượng này trông cũng giống như tượng thần Hephaistos, và người ta kể rằng đó là tượng các con của thần.

38. Như vậy, qua đủ loại bằng chứng, với tôi rõ ràng là Kambyses vô cùng điên khùng, vì nếu không phải thế nhà vua hẳn đã không tìm cách nhạo báng các nghi lễ tôn giáo và việc tôn trọng phong tục. Vì nếu ta đề nghị mọi người đưa ra một lựa chọn, bảo họ chọn

lấy những phong tục tốt đẹp nhất từ tất cả những phong tục đang tồn tại, mỗi tộc người, sau khi đã xem xét tất cả, hẳn sẽ lựa chọn các phong tục của chính họ; như thế tất cả đều cho rằng các phong tục của họ là tốt đẹp nhất, vậy nên khó có chuyện ai đó, trừ một kẻ điên mới đi nhạo báng những phong tục ấy. Việc tất cả mọi người thường nghĩ tốt về phong tục của mình có thể thấy rõ qua nhiều bằng chứng khác, và đặc biệt là qua câu chuyện sau.

Trong thời trị vì của mình, Dareios đã triệu những người Hy Lạp sống trên vương quốc của ông tới rồi hỏi họ với giá nào họ sẽ đồng ý ăn thịt cha của họ khi người cha qua đời; và họ trả lời rằng sẽ không làm điều đó với bất cứ giá nào. Sau đó, Dareios triệu tới những người Ấn Độ được gọi là người Kallatiai, tộc người này ăn thịt cha mẹ của họ khi cha mẹ qua đời, rồi hỏi họ trước sự chứng kiến của những người Hy Lạp, những người này biết những người Kallatiai nói gì nhờ một thông ngôn, rằng với giá nào họ sẽ đồng ý hỏa táng thi thể cha của họ khi người cha qua đời; vậy là họ lớn tiếng la ó và yêu cầu ông không được nói ra những lời như vậy. Và tất cả những phong tục này đều hình thành qua thói quen, và tôi nghĩ Pindaros đã nói đúng trong câu thơ của ông, khi ông nói rằng "phong tục là vua vạn vật".

39. Trong khi Kambyses hành quân về Ai Cập, người Lakedaimon cũng mở một cuộc viễn chinh tới Samos chống lại Polykrates con trai Aiakes, người giành quyền cai trị Samos. Thoạt đầu, ông chia thành bang làm ba phần và chia cho các em trai Pantagnotos và Syloson, nhưng sau đó ông xử tử một trong hai người em này, và người còn lại trẻ tuổi hơn, Syloson, bị ông trục xuất, và qua đó Polykrates giành quyền kiểm soát toàn bộ Samos. Khi đã giành quyền cai trị, ông kết giao với Amasis vua Ai Cập làm khách-hữu, trao đổi tặng phẩm. Sau đó, chỉ trong một thời gian ngắn, quyền lực của Polykrates tăng lên nhanh chóng, và danh tiếng của ông vang dội không chỉ ở vùng Ionia, mà cả trên phần còn lại của Hy Lạp, vì ở bất cứ nơi nào ông đưa quân tiến đánh, mọi thứ đều diễn ra may mắn cho ông. Polykrates có trong tay 100 chiếc *pentekonteroi* cùng 1.000 cung thủ, ông cướp đoạt từ khắp nơi, không có bất cứ sự phân biệt nào, vì Polykrates thường hay nói rằng ông sẽ giành được nhiều sự biết ơn từ bạn bè bằng cách trả lại cho người đó những gì ông đã đoạt lấy hơn là việc không đoạt lấy gì cả. Vậy là Polykrates chinh phục rất nhiều hòn đảo, cũng như rất nhiều thành phố trên lục địa, và bên cạnh những chiến công khác, ông đã chiến thắng trong một trận hải chiến với người Lesbos khi họ đem quân tới giúp người Miletos, rồi chinh phục họ. Những người này đã phải làm việc để đào toàn bộ con hào chạy quanh các tường thành của Samos trong cảnh bị xiềng xích.

40. Amasis để ý sự thành công của Polykrates, và điều này trở thành một mối lo với vua Ai Cập. Và khi vận may cứ tiếp tục đến với Polykrates, Amasis đã viết những lời sau lên một tờ giấy và gửi tới Samos: "Amasis gửi tới Polykrates: Thật hân hạnh khi nghe tin một vị khách-hữu đang thành công; ấy thế nhưng với ta vận may to lớn của ngài không đáng vui mừng, vì ta biết các vị thần rất ganh tị; và ta mong muốn, cả cho bản thân lẫn cho những người ta quan tâm, rằng trong một số việc chúng ta thành công và trong những việc khác nên thất bại, và như thế trải qua cuộc đời trong thành bại luân phiên nhau, hơn là thành công trong mọi việc. Vì ta chưa từng bao giờ nghe kể về bất cứ người nào đã thành công trong mọi việc mà cuối cùng lại không gặp phải một kết cục xấu. Vì thế giờ ngài hãy làm theo lời khuyên của ta và hành xử như ta sắp nói ra đây với vận may của ngài. Hãy suy nghĩ và cân nhắc xem cái gì là thứ quý giá nhất với ngài, thứ nếu mất sẽ khiến ngài phiền muộn nhất trong tâm hồn, hãy mang thứ đó ném đi sao cho nó không bao giờ lọt vào mắt người đời nữa. Và nếu sau này trong tương lai nếu vận may không đem đến cho ngài cả những tai họa lẫn với thành công, hãy áp dụng phương cách ta đã khuyên ngài".

41. Polykrates, sau khi đọc lá thư rồi hiểu ra sau khi suy ngẫm rằng Amasis đang đưa ra cho mình một lời khuyên đúng đắn, liền cố gắng tìm xem thứ gì trong kho báu của mình sẽ khiến ông buồn rầu nhất nếu đánh mất, và ông đã tìm ra thứ mà tôi sẽ nói ra sau đây: Polykrates có một chiếc nhẫn triện ông thường đeo trên tay, đúc bằng vàng và có mặt là một viên ngọc lục bảo, chiếc nhẫn đó được chế tác bởi Theodoros người Samos, con trai Telekles. Sau đó, nghĩ rằng tốt hơn nên ném chiếc nhẫn đi, ông làm như sau: Polykrates cho chuẩn bị thủy thủ đoàn trên một chiếc *pentekonteros* rồi đích thân lên thuyền, sau đó ông ra lệnh ra khơi. Khi đã rời xa hòn đảo một quãng, ông tháo chiếc nhẫn triện ra, rồi trước sự chứng kiến của tất cả những người có mặt trên thuyền, ông ném chiếc nhẫn xuống biển. Làm xong, Polykrates quay thuyền trở về, và khi về đến nhà, ông than vãn cho mất mát của mình.

42. Nhưng năm hay sáu ngày sau đó, việc sau đây xảy đến với ông: Một ngư dân đã bắt được một con cá to đẹp, và nghĩ rằng con cá cần được dâng lên làm quà cho Polykrates. Ông ta liền mang con cá tới trước cửa cung điện và bẩm rằng muốn cầu kiến Polykrates, rồi khi đã được chấp thuận, người ngư dân liền dâng con cá lên Polykrates và nói: "Tâu bệ hạ, khi bắt được con cá này, thần không nghĩ nên mang nó ra chợ, cho dù thần là một người sống nhờ sức lao động của đôi tay, mà theo thần con cá này xứng đáng với ngài và triều đình của ngài,vì thế thần mang nó đến dâng lên bệ hạ".

Polykrates, vui lòng với những lời nghe được, đã trả lời thế này: "Khá lắm! Ta cảm tạ ông gấp đôi, vì những lời của ông cũng như vì món quà, và ta mời ông tới dùng bữa tối". Ngư ông nghĩ rằng đây là một chuyện tuyệt vời, liền nán lại. Những người hầu khi mổ cá đã phát hiện ra chiếc nhẫn của Polykrates nằm trong bụng cá. Khi thấy chiếc nhẫn và lấy nó ra, họ hân hoan mang nó tới cho Polykrates rồi thuật cho ông biết chiếc nhẫn được tìm thấy như thế nào. Còn Polykrates, coi đây là một việc do các vị thần thực hiện, đã viết tất cả những gì ông đã làm và những gì đã xảy đến ra giấy rồi gửi tới Ai Cập.

43. Amasis, sau khi đọc bức thư do Polykrates gửi tới, hiểu rằng người trần thế không thể cứu một người trần thế khỏi những biến cố sẽ xảy ra, và rằng Polykrates đã được tiền định không được có một kết cục tốt đẹp khi may mắn như thế trong mọi việc, và thậm chí tìm thấy lại được cả thứ ông ta đã vứt đi. Vì vậy, Amasis liền phái một sứ giả tới Samos và tuyên bố ông chấm dứt liên minh. Vua Ai Cập làm vậy vì sợ rằng khi một tai họa khủng khiếp và lớn lao giáng xuống đầu Polykrates, bản thân ông sẽ không đau buồn cho bằng hữu của mình.

44. Người Lakedaimon được những người Samos sau này định cư ở Kydonia trên đảo Krete gọi vào gây chiến với Polykrates, khi sự nghiệp của ông tiếp tục đi lên. Vì khi Kambyses con trai Kyros đang tập hợp một đạo quân để tấn công Ai Cập, Polykrates đã bí mật nhờ ông yêu cầu gửi quân từ Samos. Kambyses liền đồng ý làm theo, và phái người đến Samos yêu cầu Polykrates đóng góp thuyền cho hải lực mà ông đang tập hợp nhằm tấn công Ai Cập. Polykrates liền lựa chọn những công dân ông cho là có thể âm mưu chống lại mình nhất, và phái họ đi trên 40 chiếc *triereis*, đề nghị Kambyses không bao giờ cho họ trở về Samos.

45. Một số người kể rằng những người Samos được Polykrates phái đi không bao giờ tới Ai Cập, mà khi họ tới Karpathos trên đường, những người này liền bàn bạc với nhau và quyết định không dong buồm đi tiếp nữa. Một số người khác kể rằng họ đã tới Ai Cập, rồi sau khi bị giam lỏng ở đó, những người này đã tìm cách đào thoát. Thế rồi khi họ dong buồm trở về Samos, Polykrates phái chiến thuyền ra đón đầu và giao chiến với họ. Những người quay trở về quê hương giành phần thắng rồi đổ bộ lên đảo. Nhưng sau một trận giao chiến trên đảo, họ bị đả bại và xuống thuyền đi tới Lakedaimon. Tuy nhiên, một số người lại kể rằng những người từ Ai Cập trở về đã đánh bại Polykrates trong trận chiến. Nhưng theo ý tôi điều đó không đúng, vì họ đã không cần phải đề nghị sự giúp đỡ của người Lakedaimon nếu bản thân họ đã có thể đánh bại

Polykrates. Hơn nữa, điều đó cũng không hợp lý nếu tính đến việc Polykrates có trong tay số lượng lớn lính đánh thuê ngoại quốc và cung thủ bản địa khi phỏng đoán rằng ông đã bị những người Samos quay trở về, vốn có số lượng ít ỏi, đánh bại. Sau đó, Polykrates tập trung vợ con thần dân của mình lại nhốt vào các xưởng đóng thuyền, giam giữ họ ở đó để nếu có chuyện thần dân của ông đào ngũ sang phe những kẻ lưu vong đang trở về, ông có thể thiêu vợ con họ cùng các xưởng đóng thuyền.

46. Khi người Samos bị Polykrates đánh đuổi đến Sparta, họ được đưa vào ra mắt các pháp quan và trình bày hồi lâu, vì họ gấp gáp muốn được cầu kiến. Tuy nhiên, trong lần tiếp kiến đầu tiên các pháp quan trả lời rằng họ đã quên những gì đã được nói ra lúc đầu, và không hiểu những gì được nói ra cuối cùng. Sau đó, những người Samos được đưa vào diện kiến lần thứ hai, và họ mang theo một cái túi, không nói gì ngoài nói rằng cái túi này thiếu đồ ăn. Nghe xong, các pháp quan đáp rằng họ đã hành động thái quá. Song họ vẫn quyết định giúp người Samos.

47. Người Lakedaimon liền chuẩn bị một đạo quân và viễn chinh tới Samos để báo đáp lại những gì họ nhận được trước kia, theo như lời những người Samos, vì trước đây người Samos đã giúp họ chiến thuyền để chống lại người Messenia. Nhưng người Lakedaimon lại kể rằng họ thực hiện cuộc viễn chinh không hẳn vì muốn giúp những người Samos theo lời cầu cứu của họ, mà trước hết để báo thù vụ cướp cái bình pha rượu họ định dâng làm quà cho Kroisos, cũng như bộ trang phục mà Amasis, vua Ai Cập, đã gửi tặng họ, vì người Samos cũng đã đoạt mất bộ trang phục một năm trước năm họ đoạt cái bình. Bộ trang phục này may bằng vải lanh thêu rất nhiều hình trang trí, được viền vàng và vải bông. Từng sợi chỉ của bộ trang phục này đều đáng ngưỡng mộ, và nó có tất cả 360 đường chỉ, tất cả đều có thể thấy rõ. Một bộ trang phục tương tự như thế đã được Amasis dâng lên nữ thần Athena tại Lindos.

48. Người Korinthos cũng hăng hái tham gia cuộc viễn chinh tấn công Samos; trước đó một thế hệ họ cũng đã phải chịu một sự xúc phạm từ người Samos, diễn ra vào cùng khoảng thời gian với vụ cướp cái bình. Periandros, con trai Kypselos, đã đưa 300 con trai của các thủ lĩnh Korkyra tới chỗ Alyattes tại Sardis để chịu cung hình. Khi những người Korinthos được giao dẫn những cậu thiếu niên đi tới Samos, người Samos, biết chuyện và biết mục đích đưa các thiếu niên tới Sardis, thoạt đầu chỉ dẫn họ tới cầu xin ở đền Artemis, rồi sau đó không cho phép người Korinthos lôi những thiếu niên đang cầu khẩn tại đó ra khỏi đền. Khi người Korinthos

cắt tiếp tế thức ăn cho các thiếu niên, người Samos liền tổ chức một lễ hội, lễ hội đó cho tới tận ngày nay họ vẫn tiếp tục tổ chức theo cùng cách: Đêm đến, khi các nam thiếu niên vẫn còn đang cầu khẩn trong đền, họ tổ chức các điệu múa của các trinh nữ trẻ, và khi tổ chức những điệu múa đó, họ đưa ra thành quy định của lễ hội là cần có bánh ngọt làm từ vừng và mật ong để các thiếu niên Korkyra có thể chộp lấy chúng và có đồ ăn. Việc này kéo dài tới mức cuối cùng lính gác Korinthos đành rời đi, còn các thiếu niên được người Samos đưa về Korkyra.

49. Nếu người Korinthos có quan hệ hữu hảo với người Korkyra sau cái chết của Periandros, hẳn họ đã không gia nhập cuộc viễn chinh tấn công Samos vì lý do vừa kể; song vì trên thực tế hai tộc người này luôn xung khắc với nhau kể từ khi họ bắt đầu thực dân hóa hòn đảo, vậy nên người Korinthos thù hận người Samos. Periandros đã chọn con trai các thủ lĩnh Korkyra đưa tới Sardis làm hoạn quan để trả thù họ, vì người Korkyra đã có hành động xúc phạm trước tiên.

50. Sau khi Periandros giết vợ mình là Melissa, ông đã phải nếm trải một bất hạnh nữa thêm vào những gì đã xảy đến trước đó, và nỗi bất hạnh này như sau: Ông có hai con trai với Melissa, một người 17 tuổi, người kia 18 tuổi. Ông ngoại họ, Prokles tiếm chúa Epidauros, đã đón hai người cháu về tự mình chăm sóc chu đáo, một điều có thể trông đợi vì họ là các con trai của chính con gái ông. Rồi khi ông đưa các cháu về cho người cha, ông đã nói với chúng khi chia tay: "Các cháu có biết ai đã giết mẹ các cháu không?" Nghe câu hỏi này, người anh không để tâm đến, nhưng người em, có tên là Lykophron, đã rất đau khổ, tới mức khi tới Korinthos cậu không hề chào hỏi cha, cũng không hề lên tiếng khi cha muốn nói chuyện với cậu, không đáp lời khi ông hỏi và coi cha là kẻ sát hại mẹ cậu. Cuối cùng, tức giận với con trai mình, Periandros đã đuổi cậu ra khỏi nhà.

51. Sau đó, ông liền hỏi người anh về những gì ông ngoại đã nói với hai anh em. Người anh liền kể lại Prokles đã tiếp đón hai anh em cậu tử tế ra sao, nhưng còn về câu hỏi của người ông khi chia tay thì cậu lại không hề nhớ vì đã không để tâm. Vậy là Periandros quả quyết rằng chỉ có thể là Prokles đã nói gì đó với các con ông, rồi gặng hỏi người con cả kỹ lưỡng hơn. Người anh sau đó nhớ ra và kể lại cho cha cả câu nói của ông ngoại. Periandros liền ghi nhớ lại điều này, rồi vì không muốn thể hiện bất cứ sự nuông chiều nào, ông phái một tín sứ tới gặp những người đang chứa chấp người con trai bị đuổi đi của mình và cấm họ không được cho Lykophron được sống trong nhà họ. Và mỗi lần bị đuổi ra khỏi

một ngôi nhà, khi tìm tới một nơi khác cậu ta cũng lại bị xua đuổi, vì Periandros đã đe dọa những người tiếp đón cậu, và ra lệnh cho họ không được tiếp đón cậu. Bị xua đuổi như thế, Lykophron lại tìm tới những nơi khác, nơi gia chủ là bạn bè của cậu và có thể sẽ đón nhận cậu vì cậu là con trai của Periandros, bất chấp việc họ sợ.

52. Cuối cùng, Periandros tuyên bố rằng bất cứ ai chứa chấp Lykophron hoặc nói chuyện với cậu sẽ buộc phải nộp phạt cho Apollon. Vì tuyên bố này, không ai sẵn lòng nói chuyện với Lykophron hay cho cậu thanh niên vào nhà. Thêm nữa, bản thân Lykophron cũng không nghĩ nên thử làm như thế, vì đó là điều đã bị cấm, mà cậu nằm bên ngoài dưới các mái hiên cam chịu cảnh màn trời chiếu đất. Sau đó bốn ngày, khi Periandros thấy con trai rơi vào cảnh khốn cùng và sắp chết đói, ông liền thấy thương hại. Nén cơn giận, ông tới gặp con và bắt đầu nói: "Con trai, đâu là tình thế đáng chọn hơn, vận hội lúc này con đang nếm trải và gánh chịu, hay thừa kế quyền lực và sự giàu có mà ta đang sở hữu bằng việc tuân phục ý chí của cha? Thế nhưng con, trong khi là con ta, là hoàng tử của Korinthos giàu có, lại vẫn lựa chọn cuộc sống của một gã lang thang khi chống đối và tỏ ra căm giận người mà con có ít lý do nhất để đối xử như vậy, vì nếu có bất cứ điều bất hạnh nào đã xảy ra trong những việc khiến con có lý do để ngờ vực ta, thì trước hết đó là bất hạnh cho chính ta, ta là người phải chịu phần trong bất hạnh đó hơn ai khác, nhất là khi ta lại tự mình gây ra nỗi bất hạnh ấy. Vậy nên, sau khi đã thấy rõ được ghen tị tốt hơn được thương hại biết chừng nào, đồng thời cũng nhận ra việc tức giận cha mẹ đẻ ra mình cũng như những người mạnh mẽ hơn mình là điều đáng buồn phiền ra sao, giờ con hãy theo ta về cung điện". Periandros đã tìm cách đưa con trai về nhà bằng những lời đó, song người con không trả lời cha mình gì khác ngoài nói rằng ông phải trả một khoản tiền phạt cho các vị thần vì đã nói chuyện với cậu.

Khi Periandros nhận thấy con trai ông vô phương cứu chữa và tuyệt vọng, đã cho thuyền đưa anh ta tới Korkyra cho khuất mắt, vì ông cũng là người cai trị hòn đảo đó. Sau khi đã lưu đày con trai, Periandros liền gây chiến với bố vợ Prokles của mình, cho rằng ông phải chịu trách nhiệm chính cho tình cảnh này, và Periandros chiếm Epidauros, bắt Prokles làm tù nhân.

53. Tuy nhiên, thời gian trôi qua, khi Periandros già đi và tự nhận ra rằng ông không thể giám sát và lo toan chính sự được nữa, ông liền sai người tới Korkyra triệu Lykophron trở về tiếp quản quyền bính, vì ông không thấy những tố chất cần thiết ở người con cả

của mình, ông chỉ thấy người anh quá dần độn. Tuy nhiên, Lykophron thậm chí không buồn trả lời người sứ giả của ông. Sau đó Periandros, vẫn rất quý cậu, liền cử chính con gái ông, chị gái của Lykophron, tới gặp cậu, hy vọng rằng cậu sẽ nghe theo lời khuyên nhủ của người chị hơn của những người khác. Người chị tới Korkyra và nói với Lykophron rằng: "Chàng trai, liệu em có muốn rằng tiếm chúa quyền sẽ rơi vào tay người khác, và cả thành quả của cha em cũng sẽ bị tước đoạt, và thà vậy còn hơn quay về và sở hữu chúng hay không? Hãy trở về nhà của em: hãy thôi giày vò bản thân. Kiêu hãnh là một thứ tài sản tai hại. Hãy đừng lấy xấu xa để chữa lành xấu xa. Nhiều người ưa thích sự hợp lý hơn sự đúng đắn một cách triệt để; và trước đây đã có nhiều người vì tìm kiếm những thứ thuộc về mẹ họ đã đánh mất những thứ thuộc về cha họ. Tiếm chúa quyền là thứ khó giữ, và nhiều người thèm muốn nó. Hơn nữa, cha chúng ta giờ đã già và không còn sung sức nữa. Đừng để những thứ tốt đẹp của em rơi vào tay kẻ khác". Người chị nói với em trai những điều thuyết phục nhất sau khi đã được người cha chỉ dẫn. Song để đáp lại, người em trai nói rằng cậu sẽ không bao giờ quay về Korinthos chừng nào cha cậu vẫn còn sống. Khi người chị báo lại, Periandros lần thứ ba phái đi một tín sứ nói rằng ông mong muốn đích thân tới Korkyra, thuyết phục Lykophron cùng trở về Korinthos với ông và trở thành người kế vị ngôi báu của ông. Sau khi người con trai đồng ý trở về theo những điều kiện này, Periandros liền chuẩn bị đi thuyền tới Korkyra và đưa con trai về Korinthos. Nhưng người Korkyra khi biết điều gì đã xảy ra, liền sát hại anh để Periandros sẽ không tới lãnh thổ của họ. Vì lý do này Periandros đã trả thù người Korkyra.

54. Người Lakedaimon huy động một đạo quân lớn và vây hãm Samos. Sau khi công thành, họ đánh chiếm tòa tháp nằm bên bờ biển ở ngoại vi thành phố, nhưng sau đó Polykrates tới cùng một lực lượng mạnh để cứu viện, và họ bị đánh bật khỏi tòa tháp. Trong khi đó, tại tòa tháp trên cao tọa lạc trên rặng đồi, lực lượng lính đánh thuê và rất nhiều chiến binh Samos đã giao chiến, chặn đứng người Lakedaimon trong một thời gian ngắn rồi sau đó tháo chạy và bị người Lakedaimon truy sát.

55. Nếu những người Lakedaimon có mặt tại đó ngày hôm ấy đều anh dũng như Arkhias và Lykopes, hẳn Samos đã bị chiếm. Vì hai người này xông vào trong thành truy kích những người Samos tháo chạy, bị chặn mất đường lui và bị giết. Thêm nữa, chính tôi đã gặp cháu trai Arkhias tại Pitane, quê hương của anh. Anh ca ngợi người Samos hơn những người ngoại quốc khác. Và không chỉ thế, anh ta còn kể cha mình được gọi là Samios vì cha ông, Arkhias, đã chết một cách vinh quang ở Samos, và anh này nói

anh trân trọng người Samos vì ông nội anh đã được người Samos dành cho một tang lễ trọng thể.

56. Sau khi vây hãm Samos trong 40 ngày mà không có chút tiến triển, người Lakedaimon đã quay về Peloponnesos. Nhưng theo câu chuyện ít đáng tin nhất được kể, Polykrates đã cho đúc một lượng tiền bản xứ bằng chì, dát vàng, và đưa chúng cho người Lakedaimon, và họ đã nhận tiền rồi chuẩn bị lui quân. Đây là cuộc viễn chinh đầu tiên của người Doris thuộc Lakedaimon tới châu Á.

57. Người Samos tham gia cuộc viễn chinh chống Polykrates cũng lên thuyền đến Siphnos khi người Lakedaimon sắp bỏ rơi họ. Vì họ đang thiếu tiền còn người Siphnos khi ấy đang ở thời đỉnh thịnh và sở hữu nhiều tài sản hơn cư dân các hòn đảo khác, vì trên đảo của mình họ có các mỏ vàng và bạc, đến mức một phần mười sản lượng của chúng cung cấp cho một trong các bảo khố dư giả nhất tại Delphoi. Và người Siphnos chia nhau lợi tức thường niên của phần mỏ còn lại. Vì vậy, khi tạo dựng kho báu, họ đã tham vấn dự ngôn giả rằng liệu sự thịnh vượng hiện tại có thể duy trì với họ trong một thời gian dài hay không, và nữ tư tế Pythia đã trả lời họ như sau:

> Khi Thị chính sảnh tại Siphnos chuyển màu trắng,
>
> Và phủ trắng khu chợ, lúc đó hãy để một người thông tuệ cảnh giác
>
> Một đạo quân bằng gỗ và một sứ giả màu đỏ tươi.

Thời đó khu chợ và đại sảnh của người Siphnos được trang hoàng bằng cẩm thạch Paros.

58. Họ thậm chí không hiểu thần dụ ngay lúc ban đầu hoặc khi người Samos đã tới. Vì ngay khi người Samos tới bờ biển Siphnos, họ phái một chiếc thuyền của mình chở các sứ giả vào thành phố. Vào thời cổ xưa, tất cả thuyền đều được sơn màu đỏ, và đây chính là điều nữ tư tế Pythia đã báo trước với người Siphnos, khuyên họ cảnh giác với "đạo quân bằng gỗ" và "sứ giả màu đỏ tươi". Những sứ giả tới và đề nghị người Siphnos cho họ vay 10 *talanta*. Khi người Siphnos từ chối cho vay, người Samos liền cướp phá lãnh thổ của họ. Khi biết tin, người Siphnos tới ứng cứu, và sau khi giao chiến với người Samos họ bị đả bại, rất nhiều người Siphnos bị người Samos cắt đường lui và bị vây hãm ở ngoài thành phố. Sau trận đánh, người Samos buộc người Siphnos phải trả 100 *talanta*.

59. Những người Samos lưu vong, thay vì cướp tiền, lại chiếm đảo

Hydra ngoài khơi Peloponnesos, và giao nó cho người Troizen. Bản thân họ tới lập thành Kydonia trên đảo Krete, cho dù họ khôngcó dự định này khi dong buồm đến đó, mà chỉ đánh đuổi người Zakynthos khỏi hòn đảo. Họ ở lại Krete, và thịnh vượng trong năm năm, họ chính là những người đã dựng nên những ngôi đền ngày nay vẫn hiện hữu ở Kydonia, cũng như miếu thờ Diktyne. Tuy nhiên, tới năm thứ sáu, người Aigina hợp lực với người Krete đã chinh phục họ trong một trận hải chiến rồi bắt họ làm nô lệ. Họ đã chặt đầu lợn rừng trên mũi thuyền Samos, rồi dâng lên đền Athena ở Aigina. Người Aigina làm như vậy vì họ có hiềm khích với người Samos, do người Samos trước đó đã tấn công Aigina khi Amphikrates cai trị Samos, và đã gây ra cho họ nhiều tai họa, đồng thời người Samos cũng đã chịu nhiều tai họa từ tay người Aigina. Đó là nguyên do dẫn tới biến cố này.

60. Về người Samos tôi đã kể rất nhiều, vì họ có ba công trình vĩ đại hơn bất cứ công trình nào khác đã được người Hy Lạp tạo nên. Trước tiên là một đường hầm được đào xuyên qua chân một ngọn đồi cao 150 *orgyiai*, chiều dài lối đi là 7 *stadia*, còn chiều cao và chiều rộng mỗi chiều 8 *podes*, và trong suốt chiều dài của nó một hào đã được đào xuống 20 *pekhes* và rộng 3 *podes* qua đó nước được dẫn chảy đi rồi theo các đường ống vào thành phố từ một nguồn suối dồi dào. Người thiết kế công trình này là một người Megara, Eupalinos con trai của Naustrophos. Đây là công trình thứ nhất. Công trình thứ hai là một đê chắn sóng ngoài biển gần cảng, với nền móng nằm sâu dưới nước tới 20 *orgyiai*, và chiều dài của con đê là hơn 2 *stadia*. Công trình thứ ba họ đã xây dựng là một ngôi đền đồ sộ hơn tất cả những ngôi đền khác tôi từng biết. Người thiết kế chính cho ngôi đền này là Rhoikos, con trai của Phileos, một người Samos. Vì lý do này tôi đã kể nhiều hơn về người Samos.

61. Trong khi Kambyses bị điên loạn và nán lại Ai Cập, hai Magoi, trong đó một người đã được Kambyses ủy thác ở lại giám quốc, nổi dậy chống lại nhà vua. Người này nổi lên chống lại Kambyses sau khi nhận thấy cái chết của Smerdis bị giữ bí mật, và chỉ có rất ít người Ba Tư biết việc này, trong khi đa số dân chúng tin tưởng không chút nghi ngờ rằng hoàng tử vẫn còn sống. Vì thế, ông ta mưu toan đoạt lấy vương quốc và lập ra kế hoạch như sau: Ông có một người em trai (người cùng với ông nổi dậy chống Kambyses như tôi đã nói) có ngoại hình rất giống với Smerdis con trai Kyros, người đã bị Kambyses sát hại. Người em trai không những giống hoàng tử về ngoại hình mà cũng có tên là Smerdis. Sau khi thuyết phục người em trai rằng ông ta sẽ lo liệu mọi chuyện cho người này, gã quản gia Patizeithes liền đưa người em ngồi lên ngôi báu

hoàng gia. Sau đó, ông ta phái các truyền lệnh sứ đi tới các vùng, trong đó có đạo quân ở Ai Cập, tuyên cáo với họ rằng từ giờ về sau họ phải tuân phục Smerdis, con trai Kyros, thay vì Kambyses.

62. Trong lúc các truyền lệnh sứ khác đi truyền tuyên cáo này, một người được phái tới Ai Cập và tìm ra Kambyses cùng đạo quân của ông tại Ekbatana tại Syria. Vị truyền lệnh sứ liền đứng giữa đạo quân và tuyên cáo những gì gã Magos đã ra lệnh cho anh ta. Nghe được những lời này từ truyền lệnh sứ, và cho rằng anh ta đang nói sự thật và ông bị Prexaspes phản bội, nghĩa là khi Prexaspes được phái đi giết Smerdis, ông này đã không làm thế, Kambyses quay sang nhìn Prexaspes và nói: "Prexaspes, ngươi đã thực hiện mệnh lệnh của ta như vậy sao?" và ông này đáp: "Tâu bệ hạ, lời tuyên cáo nói rằng Smerdis, em trai ngài, đã cướp ngôi chống lại ngài là không đúng, và bệ hạ cũng sẽ không gặp phải bất cứ chống đối nào, dù nhỏ hay lớn, từ hoàng tử nữa. Vì chính thần, sau khi đã làm điều bệ hạ ra lệnh, đã tự tay chôn hoàng tử. Vì thế nếu người chết có thể sống lại, bệ hạ có thể trông đợi rằng Astyages người Media sẽ sống dậy chống lại ngài. Nhưng nếu như mọi sự vẫn diễn ra như trước nay vẫn thế, bệ hạ sẽ không phải lo ngại có bất cứ phiền toái nào cho mình, ít nhất từ hoàng tử. Do vậy, thần nghĩ tốt nhất cần có người đuổi theo truyền lệnh sứ và tra hỏi y, hỏi xem y nhận lệnh từ ai để tới đây tuyên cáo rằng chúng ta phải phục tùng Smerdis như vua".

63. Khi Prexaspes nói như vậy, Kambyses rất hài lòng với lời khuyên, và viên truyền lệnh sứ bị truy bắt và đưa trở lại. Prexaspes hỏi người này như sau: "Ngươi nói rằng ngươi là tín sứ do Smerdis, con trai Kyros, phái tới đây. Giờ hãy nói thật và ngươi sẽ không bị tổn hại. Ta hỏi ngươi có phải Smerdis đã xuất hiện trước mắt ngươi và ra lệnh cho ngươi nói ra những lời tuyên cáo đó, hay là một người khác phụng sự cho ông ta". Người này đáp: "Tôi chưa bao giờ thấy tận mắt Smerdis, con trai Kyros, kể từ ngày vua Kambyses hành quân đến Ai Cập. Song vị Magos mà vua Kambyses ủy thác làm người giám quốc đã giao cho tôi lệnh này, nói rằng Smerdis, con trai Kyros, đã lệnh cho tôi tới tuyên cáo những lời đó với các ngài". Truyền lệnh sứ trả lời như vậy, không thêm một lời giả dối nào, và Kambyses nói: "Prexaspes, ngươi đã làm những gì được ra lệnh như một người trung thực, và đã thoát khỏi trừng phạt. Nhưng kẻ nào trong những người Ba Tư lại có thể nổi loạn chống lại ta bằng cách mạo danh Smerdis như vậy chứ?" Prexaspes đáp: "Tâu bệ hạ, có lẽ thần đã hiểu những gì đã xảy ra trong chuyện này: Các Magoi, cụ thể là Patizeithes được bệ hạ ủy thác giám quốc và Smerdis em trai y, đã nổi loạn chống lại ngài".

64. Khi nghe tới tên Smerdis, Kambyses đoán ra ngay ý nghĩa thực của điềm báo và giấc mơ, vì nhà vua đã nghĩ rằng trong giấc ngủ ông mơ thấy một người báo với ông rằng Smerdis ngồi trên ngai báu và đầu chạm tới trời. Vỡ lẽ ra rằng mình đã giết hại em trai một cách vô cớ, nhà vua bắt đầu than khóc Smerdis. Rồi sau khi thương khóc em trai và vô cùng phiền muộn vì toàn bộ chuyện không may này, Kambyses liền leo lên lưng ngựa, nóng lòng muốn dẫn đạo quân của mình tiến nhanh nhất có thể tới Sousa để giao chiến với gã Magos. Khi nhà vua leo lên ngựa, vỏ kiếm của ông bị tuột xuống, và thanh kiếm trần đâm vào đùi nhà vua. Bị thương ở đúng nơi trước đó ông đã đâm Apis, vị thần của những người Ai Cập, và tin rằng mình đã bị một vết thương chí mạng, Kambyses liền hỏi tên của thành phố đó, và quần thần tâu: "Ekbatana".

Trước đó, Kambyses đã được dự ngôn giả tại Bouto phán rằng ông sẽ kết thúc đời mình tại Ekbatana, và Kambyses đã cho rằng ông sẽ chết già tại Ekbatana thuộc Media, nơi ông định đô, nhưng dường như thần dụ muốn nhắc tới Ekbatana thuộc Syria. Vậy là khi biết tên thành phố, kinh sợ trước cả sự phản trắc của gã Magos lẫn bởi vết thương, nhà vua minh mẫn trở lại, và khi đã hiểu ý thần dụ, ông nói: "Số mệnh đã định rằng tại đây Kambyses, con trai Kyros, sẽ kết thúc cuộc đời mình".

65. Lúc đó nhà vua chỉ nói như vậy, nhưng 20 ngày sau đó, ông cho triệu tới những người có danh vọng nhất trong số những người Ba Tư đang tháp tùng mình, và nói như sau: "Hỡi những người Ba Tư, đã đến lúc ta cần phải cho các ngươi biết điều mà thường ta giữ kín hơn bất cứ điều gì khác. Tại Ai Cập ta đã có một giấc mơ, giấc mơ ta ước gì đã không bao giờ mơ thấy, trong đó dường như một tín sứ từ trong nước tới gặp ta và báo với ta rằng Smerdis đang ngồi trên ngai báu hoàng gia và vươn đầu lên chạm trời. Sợ rằng ta sẽ bị em trai đoạt ngôi, ta đã hành động một cách hấp tấp hơn là khôn ngoan, vì có vẻ như con người không thể tránh nổi những gì được tiền định sẽ xảy ra. Vì thế ta, thật ngu ngốc, đã phái Prexaspes tới Sousa để giết Smerdis. Rồi sau khi tội lỗi xấu xa này hoàn tất, ta đã sống an tâm khi Smerdis đã bị loại bỏ, không bao giờ nghĩ tới mối nguy hiểm của việc một người khác có lúc sẽ nổi loạn chống lại ta. Vậy là hoàn toàn không hiểu điềm báo của những gì sắp xảy ra, ta đã vừa biến mình thành kẻ sát hại em trai một cách vô ích, vừa vẫn bị đoạt mất vương quốc, vì kỳ thực Smerdis gã Magos mới là kẻ các vị thần báo mộng trước cho ta biết sẽ nổi dậy ấy. Vì thế, như ta đã kể, vì tội lỗi ta đã gây ra, các ngươi phải hiểu rằng các ngươi không còn Smerdis, con trai Kyros; mà hai Magoi trên thực tế mới là chúa tể của các ngươi,

chính là kẻ ta đã ủy thác ở lại giám quốc và Smerdis, em trai hắn. Người đáng lẽ hơn bất cứ ai khác sẽ phải báo thù cho ta để rửa đi nỗi nhục ta phải chịu từ hai Magoi lại kết thúc cuộc đời bằng một cái chết bi thảm đến từ tay người gần gũi thân thiết nhất với cậu ấy. Và vì em trai ta không còn nữa, ta cần phải giao phó lại cho các người, hỡi những người Ba Tư, điều khẩn thiết nhất trong những điều còn phải làm, những điều lúc lâm chung ta mong muốn được làm cho ta. Vì thế ta giao phó cho các ngươi, và cầu xin các vị thần của hoàng gia chứng kiến cho điều này, giao phó cho các ngươi, và hơn hết cho các Akhaimenidai đang hiện diện tại đây, rằng các người không được cho phép quyền lực quay trở lại tay người Media, và nếu chúng đoạt bằng mưu mẹo, các ngươi phải đoạt lại quyền lực từ tay chúng bằng mưu mẹo, hoặc nếu chúng đoạt lấy quyền lực bằng bất cứ sức mạnh nào, các ngươi hãy giành lại quyền lực bằng sức mạnh và một bàn tay cứng rắn. Và nếu các ngươi làm vậy, cầu mong đất ban phát những vật phẩm của mình cho các ngươi, cầu cho vợ và gia súc của các ngươi sinh đẻ nhiều, còn các ngươi mãi mãi được tự do. Nhưng nếu các ngươi không đoạt lại quyền lực hay nỗ lực làm điều đó, ta cầu mong những lời nguyền trái ngược với những lời cầu phúc trước sẽ giáng xuống đầu các ngươi, và thêm nữa mỗi người Ba Tư sẽ chấm dứt cuộc đời như điều đã xảy đến với ta". Nói xong những lời này, Kambyses bắt đầu khóc lóc và than vãn cho vận mệnh của mình.

66. Và những người Ba Tư, khi họ thấy nhà vua bắt đầu than khóc, liền xé trang phục họ đang mặc và than khóc không chút e dè. Sau đó, khi chứng bệnh đã lan vào tận xương và đùi đã hoại tử, Kambyses, con trai Kyros, qua đời vì vết thương, sau khi trị vì tổng cộng bảy năm và năm tháng, và hoàn toàn không có con, dù trai hay gái.

Những người Ba Tư có mặt ở đó đều không tin rằng quyền lực đang nằm trong tay các Magoi. Ngược lại, họ tin chắc Kambyses đã nói những gì ông nói về cái chết của Smerdis để đánh lừa họ, để tất cả người Ba Tư sẽ chiến đấu chống lại vị vua mới.

67. Họ tin chắc Smerdis, con trai Kyros, đã được lập làm vua. Prexaspes cũng cực lực bác bỏ việc ông đã giết Smerdis, vì giờ đây khi Kambyses đã chết, thừa nhận mình đã tự tay giết con trai của Kyros là không an toàn với ông. Sau khi gã Magos mạo danh Smerdis, con trai Kyros, y trị vì trong bảy tháng còn lại trong năm thứ tám mà Kambyses cai trị. Trong thời kỳ này, y đem lại lợi ích to lớn cho thần dân của mình, vì thế sau khi y chết, tất cả người châu Á trừ người Ba Tư, đều than khóc. Ngay sau khi lên ngôi, gã Magos đã phái sứ giả đi tất cả các dân tộc ông ta trị vì và tuyên cáo

miễn quân dịch và cống nạp trong ba năm.

68. Nhưng đến tháng thứ tám, vị vua giả hiệu bị phát giác như sau.

Otanes, con trai của Pharnaspes, có địa vị cao quý và giàu có không kém bất cứ người Ba Tư nào. Otanes là người đầu tiên nghi ngờ gã Magos, cho rằng hắn không phải là Smerdis, con trai Kyros, đi đến những suy đoán kể trên từ thực tế là nhà vua không bao giờ ra khỏi thành trì và không hề cho triệu kiến bất cứ ai trong số những người Ba Tư có danh vọng. Từ chỗ nghi ngờ, Otanes đã hành động như sau: Kambyses đã cưới con gái ông, Phaidymia, và vào thời gian đó gã Magos cũng đang giữ cô con gái này của Otanes làm vợ, sống với nàng cũng như với tất cả những người vợ còn lại của Kambyses.

Otanes liền cho người nhắn tin cho con gái và hỏi xem nàng vẫn ngủ cạnh ai, người ấy là Smerdis con trai Kyros hay một người khác. Cô con gái trả lời cha rằng nàng không biết, vì nàng chưa bao giờ biết mặt Smerdis, con trai Kyros, và cũng không biết người đàn ông sống cùng với mình là ai. Sau đó, Otanes gửi lời nhắn lần thứ hai và nhắn rằng: "Nếu bản thân con không biết Smerdis, con trai Kyros, vậy hãy hỏi Atossa xem người đàn ông này là ai, người mà cả nàng ấy và con đều là vợ, vì Atossa chắc chắn phải nhận ra anh trai của chính mình". Với những lời này, người con gái trả lời như sau: "Con không thể nói chuyện được với Atossa, cũng không thể gặp bất cứ người phụ nữ nào khác sống ở đây cùng con. Vì nhà vua hiện tại, cho dù ông ấy có là ai đi nữa, ngay khi kế thừa vương quốc, đã cho tách riêng chúng con và để mỗi người sống ở một khu phòng riêng".

69. Khi nhận được những lời này, với Otanes sự tình càng trở nên rõ ràng hơn, và ông gửi cho con gái thêm một lời nhắn nữa, nói rằng: "Con gái, với xuất thân cao quý của mình, con cần chấp nhận bất cứ rủi ro nào mà cha con yêu cầu con phải gánh vác. Vì nếu quả thực nhà vua không phải là Smerdis con trai Kyros, mà là kẻ ta đoán, hắn sẽ không thoát khỏi trừng phạt vì đã đưa con lên giường của hắn cũng như vì đã cai trị người Ba Tư. Vì thế hãy làm như cha bảo. Khi hắn ngủ với con và con nhận thấy hắn đã ngủ say, con hãy sờ tai hắn. Nếu quả thực hắn có đủ tai, hãy tin rằng con đang sống với Smerdis con trai của Kyros, nhưng nếu không, hãy tin rằng đó là Smerdis gã Magos". Trước yêu cầu này, Phaidymia gửi lại câu trả lời nói rằng nếu làm vậy nàng sẽ phải chịu rủi ro lớn. Vì giả sử đúng là nhà vua không có tai, còn nàng bị phát giác đang sờ tìm chúng, nàng tin chắc kẻ mạo danh sẽ xử tử

nàng. Dẫu vậy, Phaidymia vẫn sẽ làm như lời cha yêu cầu. Vậy là cô gái quyết tâm làm điều cha nàng ủy thác, còn về phần gã Magos có tên Smerdis, y đã bị Kyros con trai Kambyses cắt đi đôi tai vì một tội nghiêm trọng.

Phaidymia, con gái Otanes, liền đợi cho tới khi đến lượt hầu ngủ gã Magos (vì những người vợ của đàn ông Ba Tư thay nhau lần lượt giao hoan với chồng), đến và nằm xuống cạnh y. Và khi gã Magos đang ngủ say, nàng sờ tìm đôi tai y, và không chút khó khăn mà dễ dàng phát hiện ra chồng mình không có tai, vì thế ngay khi trời sáng nàng cho người đi báo cho cha biết những gì đã xảy ra.

70. Sau đó, Otanes mời tới nhà mình Aspathines và Gobryas, những người Ba Tư có quyền uy và cũng là những người bạn thân tín nhất của ông, và thuật lại cho họ toàn bộ câu chuyện. Hai người này có vẻ cũng đã có những ngờ vực tương tự, vì thế khi Otanes thuật lại câu chuyện, cả hai lập tức tán thành những gì ông này đề xuất. Ba người quyết định rằng mỗi người sẽ kết hợp với một người Ba Tư mà người đó tin tưởng nhất. Vậy là Otanes đưa Intaphernes vào, Gobryas lôi kéo Megabyzos, còn Aspathines đưa Hydarnes gia nhập nhóm dự mưu. Khi họ đã có sáu người, Dareios con trai Hystaspes từ Ba Tư, nơi cha ông là tỉnh trưởng, đến Sousa. Khi Dareios tới đó, sáu người Ba Tư đang hợp mưu quyết định mời cả Dareios liên kết với họ.

71. Bảy người này họp nhau lại, thề trung thành với nhau và cùng nhau bàn bạc. Khi đến lượt Dareios nói ra ý của mình, ông nói với mấy người kia như sau: "Ta vốn nghĩ chỉ có ta biết việc này, cụ thể là một gã Magos đang trị vì và Smerdis con trai Kyros đã chết. Chính vì lý do này ta tới với mục đích trù tính kế sách giết gã Magos. Song vì các ngài cũng đã biết chuyện chứ không chỉ riêng ta, ta nghĩ rằng tốt hơn nên hành động ngay không chần chừ, vì đó không phải là cách hay nhất". Otanes liền trả lời: "Hỡi con trai của Hystaspes, ngài là hậu duệ của một dòng dõi cao quý, và dường như ngài đã chứng tỏ mình không hề kém cha ngài. Tuy nhiên, chớ nên hấp tấp trong việc này mà không suy tính, hãy thực hiện nó một cách thận trọng, vì trước hết chúng ta cần trở nên đông đảo hơn, sau đó mới ra tay". Đáp lại, Dareios nói: "Hỡi các quý ngài có mặt ở đây, nếu các ngài định làm theo cách Otanes đề xuất, hãy biết rằng các ngài sẽ chết thê thảm, vì sẽ có người tâu đến tai gã Magos để lĩnh lấy phần thưởng cho riêng hắn. Cách hành động tốt nhất với các ngài sẽ là tự mạo hiểm thực hiện việc này, nhưng vì các ngài có vẻ muốn loan báo việc này cho nhiều người hơn, và các ngài đã nói về nó với ta, vậy thì hoặc là chúng ta

hãy ra tay ngay hôm nay, hoặc các ngài hãy tin chắc nếu ngày hôm nay qua đi, sẽ không ai ngăn nổi ta trở thành kẻ tố cáo các ngài, và chính ta sẽ tố cáo tất cả cho gã Magos".

72. Khi Otanes thấy Dareios nôn nóng, ông liền trả lời: "Vì ngài đã ép chúng tôi phải nhanh chóng hành động và không cho phép chúng tôi trì hoãn, hãy nói cho chúng tôi hay bằng cách nào chúng ta có thể đột nhập vào cung điện và giết chúng, vì có lính canh được bố trí ở nhiều nơi, hẳn về chuyện này ngài biết cũng rõ như chúng tôi, dù không tận mắt thì cũng qua những lời kể. Vậy chúng tôi sẽ vượt qua chúng theo cách nào đây?" Dareios trả lời như sau: "Otanes, có rất nhiều điều không thể tỏ bày bằng lời nói mà chỉ qua hành động, và có những điều khác có thể nói ra bằng lời, nhưng từ chúng lại không tạo nên kỳ tích hiển hách nào. Song ngài hãy biết cho rằng những tên lính canh được bố trí không khó để vượt qua: trước hết, với địa vị của chúng ta, sẽ chẳng có ai không cho chúng ta đi qua, một phần, như các ngài có thể đoán, từ sự tôn kính dành cho chúng ta, và một phần cũng có thể do sợ hãi. Thứ đến, bản thân tôi có một cái cớ hết sức hợp lý chúng ta có thể viện đến để đi qua lính gác, tôi sẽ nói rằng tôi vừa từ đất Ba Tư tới và muốn tâu lên nhà vua một thông điệp từ cha tôi. Khi cần phải nói dối, hãy nói dối; vì rằng tất cả chúng ta đều nhắm tới cùng một mục đích, cả những người nói dối lẫn những người luôn nói thật. Những người kia nói dối bất cứ khi nào họ có khả năng giành được gì đó nhờ vào sự thuyết phục với những lời nói dối của họ, và những người này nói sự thật để họ có thể giành được lợi ích qua sự thật, để những quyền lợi được giao phó cho họ dễ dàng hơn. Vậy là, trong khi xử sự theo những cách khác nhau, chúng ta cùng nhắm tới một mục đích. Tuy nhiên, nếu người ta không có triển vọng giành được lợi ích gì bằng cách hành động như kể trên, những người nói thật sẽ nói dối còn kẻ dối trá sẽ nói thật, một cách thản nhiên. Thế nên trong những kẻ gác cửa, kẻ nào tự nguyện để chúng ta đi qua, về phần mình hắn sau này sẽ càng gặp thuận lợi hơn; nhưng bất cứ kẻ nào tìm cách ngăn cản, hãy lập tức coi hắn là kẻ thù ngay tại đó, rồi sau đó chúng ta hãy xông vào và ra tay hành động".

73. Sau đó Gobryas nói: "Các bằng hữu, đến khi nào chúng ta sẽ có một cơ hội thuận lợi hơn để chúng ta đoạt lại quyền lực của mình, hay, nếu chúng ta không thể đoạt lại nó, để chết đây? Hãy thấy rằng chúng ta, những người Ba Tư, đang nằm dưới sự cai trị của một gã Media, một tên Magos, cũng là một kẻ đã bị cắt tai. Hơn nữa, tất cả những ai có mặt bên Kambyses khi người bị bệnh chắc hẳn đều nhớ lời nguyền nhà vua đã giáng xuống người Ba Tư khi sắp qua đời nếu họ không tìm cách đoạt lại quyền lực, và khi đó

chúng ta đã không chấp nhận như vậy, mà cho rằng Kambyses đã nói thế nhằm đánh lừa chúng ta. Vì thế bây giờ tôi đề nghị chúng ta làm theo ý của Dareios, và chúng ta sau khi rời khỏi cuộc gặp này sẽ không đi đâu nữa mà tấn công ngay gã Magos". Gobryas đã nói như vậy, và tất cả họ cùng tán thành lời đề xuất này.

74. Trong lúc những người này bàn bạc với nhau như vậy, có việc như sau cũng tình cờ xảy ra: Hai Magoi bàn với nhau và quyết định lôi kéo Prexaspes về cùng phe với chúng, vì ông này đã phải chịu đau khổ ghê gớm dưới tay Kambyses, kẻ đã giương cung bắn chết con trai ông ta, và cũng vì chỉ Prexaspes biết chắc về cái chết của Smerdis con trai Kyros vì đã tự tay giết hoàng tử, và cuối cùng vì Prexaspes rất có tiếng tăm với người Ba Tư. Với những lý do này họ cho gọi ông tới và tìm cách mua chuộc ông trở thành bạn của họ, ràng buộc ông với những lời hứa và lời thề, rằng ông đảm bảo sẽ giữ kín cho riêng mình và không tiết lộ với bất cứ ai khác trò lừa gạt hai anh em họ đã bày ra với người Ba Tư, và hứa đổi lại sẽ dành cho ông vô vàn của cải. Sau khi Prexaspes hứa sẽ làm đúng như vậy, hai Magoi, sau khi cho tới lúc đó vẫn luôn thuyết phục ông, đã đề xuất với ông một việc thứ hai, nói rằng họ sẽ cho gọi tất cả người Ba Tư tới bên tường cung điện, rồi yêu cầu Prexaspes leo lên một tòa tháp và nói chuyện với dân chúng, nói rằng họ đang sống dưới sự trị vì của Smerdis con trai Kyros, chứ không phải ai khác. Họ nhất quyết yêu cầu việc này vì cho rằng Prexaspes có uy tín cao nhất trong những người Ba Tư, và vì ông đã thường tuyên bố rằng Smerdis con trai Kyros vẫn còn sống, đồng thời bác bỏ việc ông đã giết hoàng tử.

75. Khi Prexaspes nói ông sẵn sàng làm việc đó, hai Magoi, sau khi hiệu triệu người Ba Tư tới, liền đưa Prexaspes lên mộttòa tháp và yêu cầu ông này nói chuyện với họ. Khi đó, Prexaspes quyết định lờ đi những điều hai Magoi đã yêu cầu, rồi bắt đầu từ dòng dõi Akhaimenes, ông điểm lại các tiền bối của Kyros bên họ nội, và sau đó, khi nói tới Kyros, ông liền nhắc lại những ân huệ lớn lao nhà vua đã ban cho người Ba Tư, rồi sau khi đã nói qua việc này, Prexaspes liền tuyên bố sự thật, nói rằng trước đây ông đã giữ bí mật vì sẽ không an toàn cho ông nếu kể ra những gì đã xảy ra, nhưng lúc này ông buộc phải làm điều đó. Ông kể tiếp việc tự mình đã giết Smerdis con trai Kyros khi bị Kambyses ép buộc làm việc đó, và trị vì lúc này là hai Magoi. Sau đó ông trút những lời nguyền ghê gớm xuống người Ba Tư nếu họ không đoạt lại quyền lực và báo thù hai Magoi, rồi sau đó lao đầu từ trên tháp xuống. Prexaspes đã kết thúc đời mình như thế, sau khi đã là một người có danh vọng suốt đời.

76. Về phần bảy người Ba Tư, khi đã quyết tâm sẽ tiêu diệt các Magoi không chút trì hoãn, liền cầu khấn các vị thần rồi xuất phát, không hề biết việc Prexaspes đã làm. Và khi họ đang đi đến nửa đường, mấy người này nghe được những gì đã xảy ra với Prexaspes. Biết tin, họ liền lui lại và một lần nữa bàn bạc với nhau, Otanes cùng những người tán thành ông này nhất mực hối thúc rằng họ cần trì hoãn chứ không nên ra tay khi tình hình đang rối loạn như vậy, còn Dareios và những người cùng quan điểm kiên quyết rằng họ cần hành động ngay, thực hiện điều đã quyết tâm chứ không chần chừ. Thế rồi trong khi họ đang tranh luận, bỗng xuất hiện bảy cặp chim ưng truy đuổi hai cặp kền kền, giật lông và xé xác chúng. Thấy cảnh này, cả bảy người cùng tán thành quan điểm của Dareios rồi họ xông vào cung điện của nhà vua, được cổ vũ bởi cảnh tượng của những con chim.

77. Khi họ xuất hiện trước cổng, mọi sự diễn ra gần như Dareios đã dự đoán, vì đám lính canh, kính trọng những người vốn là chức sắc trong cộng đồng Ba Tư, và không hề nghi ngờ họ có thể làm việc gì giống như điều họ toan tính, đã cho phép họ vào cung điện dưới sự chỉ dẫn của các vị thần, và không ai hỏi họ điều gì.

Khi họ đã vào sân trong, bảy người gặp các hoạn quan làm nhiệm vụ truyền các lời tâu trình lên nhà vua. Những hoạn quan này hỏi họ đến vì mục đích gì, và đồng thời đe dọa trừng phạt lính gác cổng vì đã cho bảy người này đi qua, rồi tìm cách ngăn cản khi họ tìm cách đi tiếp. Bảy người liền lên tiếng liên thủ với nhau và rút dao của họ ra đâm chết tại chỗ những kẻ đã tìm cách ngăn họ, nhanh chóng chạy về phía phòng của đàn ông trong cung điện.

78. Tình cờ cả hai Magoi này đều có trong phòng, bàn bạc với nhau về điều Prexaspes đã làm. Vì thế, khi hai người nghe thấy các hoạn quan bị tấn công và đang hét lớn, họ cùng chạy ra, và khi thấy những gì đang xảy ra, họ liền xoay xở tự vệ. Một người lấy cung tên của mình ra trước khi bị tấn công, còn người kia vớ lấy cây giáo của mình. Rồi họ giao chiến với những kẻ tấn công. Khi đó người đã lấy cung tên ra nhận thấy chúng vô dụng, vì kẻ thù đã ở gần và đang dồn ép ông ta, trong khi người còn lại tự vệ bằng cây giáo, đầu tiên người này đâm trúng đùi Aspathines, rồi sau đó trúng mắt Intaphernes. Intaphernes mất một con mắt vì vết thương này, song không mất mạng. Những người này bị một trong hai Magoi đâm bị thương, nhưng người còn lại, khi nhận ra cây cung và những mũi tên của mình vô dụng, liền chạy vào một căn phòng ngủ mở thông sang phòng dành cho đàn ông, định đóng cửa lại. Hai trong số bảy người, Dareios và Gobryas, liền xông vào đó đuổi theo y. Và khi Gobryas vật lộn giao chiến với gã

Magos, Dareios đứng bên và bối rối không biết phải làm gì, vì trong phòng tối và ông sợ rằng có thể đâm trúng Gobryas. Thấy ông đứng bất động bên cạnh, Gobryas liền hỏi tại sao Dareios không ra tay, và Dareios nói: "Vì ta sợ rằng có thể đâm trúng ngài", và Gobryas đáp: "Hãy dùng kiếm của ngài mà đâm, dù nó có đâm xuyên qua cả hai chúng ta". Vậy là Dareios được thuyết phục, ông dùng dao của mình đâm và tình cờ đâm trúng gã Magos.

79. Sau khi họ đã giết hai Magoi và cắt đầu chúng, họ để lại những thành viên bị thương trong nhóm của mình, vừa vì những người này không thể đi được, cũng vừa để họ đảm nhiệm việc kiểm soát thành trì, năm người còn lại cầm theo thủ cấp hai Magoi chạy ra ngoài hò reo, đập binh khí và kêu gọi những người Ba Tư khác gia nhập với họ, nói cho những người khác biết những điều đã được thực hiện và giơ ra hai cái đầu, và đồng thời họ ra tay giết tất cả các Magoi họ bắt gặp trên đường. Những người Ba Tư, khi nghe được những gì nhóm bảy người vừa làm cũng như trò lừa bịp của các Magoi, liền nghĩ rằng bản thân họ cũng nên làm tương tự, vậy là họ rút dao ra giết các Magoi ở bất cứ nơi nào bắt gặp, đến mức nếu như đêm không buông xuống và ngăn họ lại, hẳn họ đã không để dù một Magos còn sống sót. Người Ba Tư cùng nhau kỷ niệm ngày này hơn tất cả những ngày lễ khác, và trong ngày này họ tổ chức một lễ hội lớn được người Ba Tư gọi là ngày hội giết các Magoi, trong ngày hội này không Magos nào được phép xuất hiện ngoài đường mà phải ở trong nhà suốt ngày hôm ấy.

80. Khi sự hỗn loạn lắng xuống và năm ngày đã trôi qua, những người đã nổi dậy chống lại các Magoi bắt đầu bàn bạc về tình hình chung, trong đó có những lời phát biểu mà một số người Hy Lạp không tin là thực sự đã được thốt ra, nhưng dù vậy vẫn được nói ra. Một mặt, Otanes hối thúc rằng họ nên trả lại quyền lực cho toàn dân Ba Tư, và ông nói như sau: "Với tôi có lẽ tốt nhất là từ nay trở đi không riêng một người nào trong chúng ta nên trở thành vua, vì điều đó không hay cũng chẳng có lợi. Các ngài đã thấy tính khí ngạo mạn của Kambyses, đã thấy nó đi xa tới đâu, và các ngài cũng đã trải nghiệm sự ngạo mạn của các Magoi, và làm thế nào mà quân chủ chế lại có thể là một chính thể hợp lý, khi một cá nhân có thể làm bất cứ việc gì người đó muốn mà không phải chịu trách nhiệm gì về những hành động của mình? Cho dù là người tốt nhất trong mọi người, nếu được đặt vào vị trí như thế, cũng sẽ bị làm thay đổi so với tính khí bình thường. Vì những thứ tốt đẹp ông ta sở hữu sẽ khiến ông ta ngạo mạn, và sự ganh tị đã bắt rễ trong con người ngay từ đầu. Và khi có hai thứ này, ông ta có tất cả thói xấu. Vì ông ta sẽ gây ra nhiều hành vi sai trái, một phần do ngạo mạn xuất phát từ sự thỏa mãn, một phần do ganh tị. Và một

vị vua ít nhất phải không có sự ghen tị, vì ông ta đã có đủ thứ tốt đẹp. Tuy nhiên, một cách tự nhiên vị vua lại có thái độ trái ngược với thần dân của mình, vì ông ta ác cảm với những người cao quý về việc họ còn sống sót và tiếp tục sống, song lại vui mừng trước sự thấp hèn của thần dân, và vị vua sẵn sàng hơn ai hết trong việc đón nhận những lời vu khống. Và trên hết ông ta là người tiền hậu bất nhất hơn cả, vì nếu các vị bày tỏ sự ngưỡng mộ ông ta một cách chừng mực, ông ta cảm thấy bị xúc phạm vì không có lời ca tụng lớn lao nào dành cho mình, trong khi nếu các ngài ca ngợi ông ta một cách hào phóng, ông ta lại thấy bị xúc phạm vì các ngài là những kẻ nịnh bợ. Và điều quan trọng hơn tất thảy mà tôi muốn nói là: Ông ta sẽ làm xáo trộn những phong tục cha ông truyền lại cho chúng ta, ông ta là một kẻ cưỡng bức phụ nữ, và ông ta khép tội chết những người đàn ông mà không xét xử. Mặt khác, sự cai trị của nhiều người trước hết gắn liền với một cái tên tốt đẹp nhất trong mọi cái tên, tức là "Bình đẳng trước pháp luật". Tiếp đến, đám đông không làm những điều vị vua làm: Các chức vụ được đảm nhiệm nhờ rút thăm, và các pháp quan bị buộc phải chịu trách nhiệm về hành vi của họ, và cuối cùng sự suy xét được bàn bạc tại dân hội. Vì thế, tôi cho rằng chúng ta nên loại bỏ quân chủ chế và tăng cường quyền lực cho nhân dân, vì nhân dân là tất cả".

81. Đó là quan điểm Otanes đưa ra, song Megabyzos khuyến nghị họ thiết lập quả đầu chế[1], nói như sau: "Điều Otanes đã phản bác về tiếm chúa chế cũng được tính đến trong những gì ta nói, nhưng về việc ông ấy thôi thúc rằng chúng ta cần giao quyền lực cho nhân dân, ông ấy đã bỏ sót mất lý lẽ tốt nhất: Không gì vô nghĩa hơn hay ngạo mạn hơn một đám đông mất trí. Với những người thoát khỏi sự ngạo mạn của một tiếm chúa, việc trở thành nạn nhân do sự ngạo mạn của đám đông cuồng nộ là điều không thể chịu đựng nổi. Vì quân vương, nếu làm điều gì, vẫn biết điều ông ta làm, nhưng đám đông thì thậm chí còn chẳng biết, làm sao những người chưa từng bao giờ được người khác dạy bảo về bất cứ điều gì cao đẹp hay từng cảm nhận được về bản thân những điều như thế có thể biết được điều họ làm, ngoài thực hiện mọi vấn đề theo trực giác hung bạo mà không có hiểu biết, chẳng khác gì một dòng nước lũ? Vậy hãy để cho kẻ thù của người Ba Tư lựa chọn dân chủ chế, còn chúng ta hãy chọn những người xứng đáng nhất, và giao quyền lực vào tay họ. Vì chúng ta cũng sẽ có mặt trong số này, và những người tài giỏi nhất có thể đưa ra những quyết định tốt nhất".

---

1. *oligarkhia*, một hình thức cai trị mà trong đó thiểu số nắm quyền lực. (BT)

82. Kế đến Dareios đưa ra quan điểm của mình, nói rằng: "Với ta dường như Megabyzos đã đúng khi nói về dân chủ chế, nhưng những gì ông ta nói về quả đầu chế thì lại không đúng, vì trong khi có ba lựa chọn, và lựa chọn nào cũng được cho là tốt nhất, gồm dân chủ chế, quả đầu chế, và quân chủ chế, tôi cho rằng lựa chọn sau cùng là ưu việt hơn cả, vì không gì tốt hơn sự cai trị của một cá nhân giỏi nhất. Với việc phán xét anh minh nhất, người đó sẽ cai quản đám đông một cách chuẩn xác, trong khi những quyết sách chống lại kẻ thù cũng được giữ bí mật tốt nhất. Trong quả đầu chế, khi thể hiện phẩm hạnh về lợi ích chung, lại có những tư thù với nhau vì mỗi người đều muốn mình là người đứng đầu và có vai trò áp đảo, họ đi tới chỗ thù hằn nhau sâu sắc, từ đó dẫn tới cảnh bè phái, từ sự bè phái dẫn tới giết hại nhau, từ giết hại nhau dẫn tới quân chủ chế, và đến đây có thể thấy rõ ràng đâu là lựa chọn tốt nhất. Với dân chủ chế, tham nhũng là điều tất yếu, và giữa những kẻ tham nhũng không có sự thù hằn mà có mối quan hệ thân hữu. Và điều này sẽ tiếp diễn cho tới khi rốt cuộc một ai đó giành lấy quyền lãnh đạo dân chúng và hạ bệ chúng. Được dân chúng ngưỡng mộ, ông ta sẽ được bầu làm vua – một minh chứng rằng quân chủ chế là chính thể tốt nhất. Cuối cùng, tóm lại là sự tự do của chúng ta xuất phát từ đâu, và ai ban nó cho chúng ta? Đó là thành quả từ dân chủ chế, quả đầu chế, hay quân chủ chế? Vì chúng ta đã được một người ban cho tự do, tôi đề nghị bảo lưu sự cai trị của một cá nhân, và về các khía cạnh khác, chúng ta cũng không nên thay đổi những phong tục vốn rất hữu ích với chúng ta, vì không có cách nào khác".

83. Cả ba quan điểm này đều được đề xuất, và cả bốn người còn lại đều tán thành quan điểm cuối cùng. Vậy là Otanes, người mong muốn mang tới sự bình đẳng cho người Ba Tư, thấy quan điểm của mình bị thua cuộc, đã nói với cả nhóm như sau: "Hỡi các ngài, rõ ràng là một người trong chúng ta phải trở thành vua, được lựa chọn hoặc bằng rút thăm, hoặc bằng cách ủy thác lựa chọn cho đông đảo người dân Ba Tư và chấp nhận người họ sẽ chọn, hoặc bằng một cách khác. Thế nên ta sẽ không cùng cạnh tranh với các ngài, vì ta không mong muốn cai trị hay bị cai trị, cụ thể là ta sẽ không bị cai trị bởi bất cứ ai trong các vị, cả bản thân ta lẫn các hậu duệ của ta trong tương lai". Khi ông đã nói như vậy, sáu người kia đồng ý với các điều kiện của ông, và ông không còn là một người cạnh tranh cùng họ, mà rút lui khỏi nhóm. Và hiện tại gia tộc này là gia tộc duy nhất được tự do trong toàn dân Ba Tư, chỉ phải tuân phục sự cai quản trong mức độ họ muốn, miễn là không vi phạm pháp luật của Ba Tư.

84. Tuy nhiên, sáu người còn lại tiếp tục tranh luận xem làm thế

nào họ có thể bổ nhiệm một quân vương theo cách công bình nhất, và họ quyết định rằng nếu vương quốc thuộc về bất cứ ai khác trong bảy người, Otanes và các hậu duệ của ông này sẽ được tặng một món quà đặc biệt là một bộ y phục Media vào mỗi năm và tất cả những món quà được người Ba Tư coi là có giá trị nhất. Và lý do để họ quyết định tặng những thứ đó cho ông này là vì Otanes là người đầu tiên đề xuất mưu đồ với họ và tập hợp họ với nhau. Đây là những món quà đặc biệt dành cho Otanes. Một việc khác cũng được họ cùng nhau quyết định, đó là bất cứ ai trong số bảy người đều có thể ra vào hoàng cung mà không cần phải thông báo trước, trừ khi nhà vua đang ngủ cùng vợ mình; và sẽ là không hợp pháp nếu nhà vua kết hôn với người thuộc bất cứ gia đình nào khác ngoài gia đình những người đã đồng mưu với mình. Còn về vương quốc, họ quyết định rằng con ngựa của người nào hí đầu tiên vào lúc bình minh ở ngoại ô thành phố khi tất cả đều đang trên mình ngựa, người đó sẽ có được vương quốc.

85. Dareios có một người giám mã thông minh tên là Oibares. Sau khi đã rời khỏi nơi hội họp, Dareios đã nói với người này rằng: "Oibares, chúng ta đã quyết định về vương quốc như sau, người nào có ngựa hí đầu tiên lúc bình minh khi chúng ta cưỡi trên lưng ngựa của mình sẽ là vua. Vì thế, giờ nếu ngươi có chút thông minh nào, hãy tìm cách để chúng ta giành phần thắng chứ không phải ai khác". Oibares trả lời như sau: "Thưa chủ nhân, nếu quả thực chuyện này sẽ quyết định ngài có là vua hay không, hãy tin tưởng về việc này và phấn chấn lên, vì sẽ không ai khác là vua trước ngài, đó là điều tiểu nhân có thể kiểm soát được". Vậy là Dareios nói: "Nếu ngươi có mưu mẹo nào như thế, thì đây là lúc dùng đến nó, vì cuộc thử thách của chúng ta diễn ra vào ngày mai". Oibares liền làm như sau: Khi đêm đến, ông ta lấy một con ngựa cái, chính là con ngựa Dareios ưa thích, và dẫn con ngựa này ra ngoại ô thành phố và buộc nó lại. Sau đó, ông ta đưa tới chỗ nó con ngựa của Dareios, rồi sau khi đã dắt con ngựa này đi vòng quanh con ngựa cái một lúc, để con ngựa đực lại sát gần tới mức chạm vào con ngựa cái, rồi cuối cùng cho nó phủ con ngựa cái.

86. Đến rạng sáng hôm sau, sáu người có mặt tại nơi họ hẹn trước, cưỡi trên ngựa của mỗi người. Và khi họ cưỡi ngựa qua ngoại ô thành phố, lúc tới chỗ con ngựa cái đã được buộc tối hôm trước, con ngựa của Dareios liền phi tới chỗ ấy và hí lên, và đúng lúc con ngựa làm như vậy, giữa trời quang đãng bỗng có sấm chớp nổi lên, và việc những điều này xảy ra như thừa nhận ngôi vua của Dareios, vì có vẻ chúng xuất phát từ ý nguyện của thần linh, vậy là những người khác liền xuống ngựa và cúi đầu trước Dareios.

87. Một số người kể rằng mưu mẹo của Oibares là như vậy, nhưng một số người khác lại kể như sau (vì người Ba Tư kể lại câu chuyện theo cả hai cách): Ông ta đã xoa hai bàn tay vào chỗ kín của con ngựa cái rồi giữ hai tay giấu trong túi quần. Đến bình minh khi những người dự cuộc sắp sửa thúc ngựa đi, Oibares liền cho tay ra khỏi quần và áp vào mũi con ngựa của Dareios, và con ngựa ngửi thấy mùi liền khịt mũi và hí.

88. Vậy là Dareios, con trai Hystaspes, được tôn làm vua. Và ở châu Á, tất cả tộc người, trừ người Arabia, đều là thần dân của ông, vì vốn đã bị Kyros, rồi sau đó là Kambyses khuất phục. Tuy nhiên, người Arabia không bao giờ tuân theo người Ba Tư dưới điều kiện quy phục, mà trở thành khách-hữu khi họ cho phép Kambyses hành quân qua tới Ai Cập. Vì nếu không có sự chấp thuận của người Arabia, người Ba Tư đã không thể chinh phục Ai Cập.

Dareios thực hiện những cuộc hôn nhân môn đăng hộ đối nhất có thể theo đánh giá của người Ba Tư, vì ông đã cưới hai con gái của Kyros, Atossa và Artystone, trong đó một người, Atossa, trước đó từng là vợ Kambyses, anh trai bà, và sau đó là vợ gã Magos, còn Artystone vẫn còn là trinh nữ. Ngoài hai công chúa, Dareios còn cưới Parmys con gái Smerdis, con trai Kyros, và ông cũng lấy con gái Otanes làm vợ, người đã phát giác ra thân phận của gã Magos, và mọi quyền lực đều tập trung về tay nhà vua.

Trước tiên, ông cho khắc lên đá và dựng lên hình một người đàn ông ngồi trên lưng ngựa, rồi trên phù điêu này nhà vua cho viết: "Dareios con trai Hystaspes, nhờ sự xuất sắc của con ngựa của ngài", trên đó ghi rõ, "và của Oibares, giám mã của ngài, đã giành được ngôi báu của Ba Tư".

89. Sau khi thực hiện việc đó ở Ba Tư, nhà vua lập ra 20 chức vị trưởng quan, được người Ba Tư gọi là các *satrapeiai*. Rồi sau khi lập ra các tỉnh và bổ nhiệm người cai trị, nhà vua ấn định phần cống nạp các tỉnh phải nộp lên cho ông tùy theo tộc người, và gộp vào phạm vi cai quản của các tỉnh cả những tộc người chủ yếu sống ở biên giới của mỗi tỉnh, hay vươn xa quá cả những láng giềng cận kề và cai quản cả một số tộc người cư trú xa hơn. Nhà vua phân chia các tỉnh và tiền cống nạp hằng năm như sau: Những người mang cống bằng bạc được lệnh trả theo *talanton* Babylon, nhưng những người nộp bằng vàng phải theo *talanton* Euboia. *Talanton* Babylon tương đương với 70 *mnai* Euboia. Vì dưới thời trị vì của Kyros cũng như của Kambyses, không có khoản cống nạp nào được ấn định, mà người ta thường dâng lễ vật

lên nhà vua, thế nên do việc ấn định cống nạp và những điều tương tự, người Ba Tư liền nói rằng Dareios là một chủ cửa hàng, Kambyses là một chủ nhân, còn Kyros là một người cha; vì rằng người thứ nhất coi chính sự như một chủ cửa hàng, người thứ hai nghiệt ngã và ít tôn trọng bất cứ ai, còn người thứ ba nhân từ và lo mọi điều tốt lành cho dân chúng.

90. Người Ionia và người Magnesia cư trú ở châu Á và người Aiolis, Karia, Lykia, Milyas và Pamphylia (vì một khoản cống nạp chung được nhà vua ấn định cho tất cả các tộc người này) phải cống nạp 400 *talanta* bạc. Đây là phần lãnh thổ Dareios phân chia thành tỉnh thứ nhất. Người Mysia, Lydia, Lasonioi, Kabalioi và Hytenneis phải cống nạp 500 *talanta*, đây là tỉnh thứ hai. Với người Hellespontos sống ở bên bờ phải eo biển khi người ta đi thuyền vào, cũng như người Phrygia, người Thraike châu Á, và người Paphlagonia, người Mariandynoi và người Syria, mức cống nạp là 360 *talanta*, đây là tỉnh thứ ba. Người Kilikia, bên cạnh 360 con ngựa trắng, mỗi con cho một ngày trong năm, cũng phải cống nạp 500 *talanta* bạc, trong số này 140 *talanta* được dùng cho kỵ binh trấn giữ Kilikia, còn 360 *talanta* còn lại hằng năm được chuyển tới Dareios. Đây là tỉnh thứ tư.

91. Từ tỉnh bắt đầu từ thành Posideion do Amphilokhos con trai Amphiaraos thành lập ở biên giới giữa người Kilikia và người Syria, và trải dài tới tận Ai Cập, nhưng không bao gồm lãnh thổ của người Arabia (vì những người này được miễn nộp cống), khoản cống nạp là 350 *talanta,* trong lãnh thổ tỉnh này bao gồm toàn bộ Phoinike, Syria được gọi là Palaistine, và Kypros, đây là tỉnh thứ năm. Từ Ai Cập và những người Libya sống giáp ranh Ai Cập, cũng như từ Kyrene và Barka, vì các vùng này cũng được gộp vào tỉnh của người Ai Cập, khoản nộp cống là 700 *talanta*, chưa kể tới tiền thu được từ hồ Moiris, hay nói cách khác từ cá. Cũng như chưa kể tới lượng lúa mì họ phải cống nạp, riêng lượng bạc là 700 *talanta*, vì về lúa mì, họ phải cống nạp 120.000 *hekteis*[1] lúa mì cho những người Ba Tư sống tại "Bạch Thành" ở Memphis và lính đánh thuê ngoại quốc của họ sử dụng, đây là tỉnh thứ sáu. Người Sattagydai, Gandarioi, Dadikai và Aparytai, được gộp chung vào nhau, phải cống nạp 170 *talanta*, là tỉnh thứ bảy. Sousa và phần còn lại của lãnh thổ thuộc người Kissia phải cống nạp 300 *talanta*, đây là tỉnh thứ tám.

---

1. 1 *hekteus* (sn: *hekteis*) tương đương 8,7 l hoặc 1/6 *medimnos*. (BT)

92. Babylon và phần còn lại của Assyria phải cống nạp 1.000 *talanta* bạc và 500 thiếu niên để làm hoạn quan, đây là tỉnh thứ chín. Ekbatana, phần còn lại của Media, cũng như người Parikanioi và người Orthokorybantioi phải cống nạp 450 *talanta*, là tỉnh thứ 10. Người Kaspioi, Panikai, Pantimathoi và Dareitai cùng nhau cống nạp 200 *talanta*, đó là tỉnh thứ 11. Từ người Baktria tới tận người Aigloi, phần cống nạp là 360 *talanta*, đó là tỉnh thứ 12.

93. Từ Paktyika, người Armenia và các tộc người sống giáp ranh với họ cho tới tận biển Euxeinos, phần cống nạp là 400 *talanta*, đó là tỉnh thứ 13. Từ người Sagartioi, Sarangeis, Thamanaioi, Outioi và Mykoi cũng như những người sống trên các hòn đảo của biển Erythra, nơi nhà vua đưa những kẻ bị lưu đày đến, phải chịu chung một khoản cống nạp là 600 *talanta*, đó là tỉnh thứ 14. Người Sakai và người Kaspioi cống nạp 250 *talanta*, đó là tỉnh thứ 15. Người Parthia, Khorasmia, Sogdia và Areioi cống nạp 300 *talanta*, đó là tỉnh thứ 16.

94. Người Parikanioi và Aithiopia ở châu Á cống nạp 400 *talanta*, đó là tỉnh thứ 17. Người Matienoi, Saspeires và Alarodioi dâng một khoản cống nạp 200 *talanta*, đây là tỉnh thứ 18. Người Moskhoi, Tibarenoi, Makrones, Mossynoikoi và Mares được lệnh cống nạp 300 *talanta*, đây là tỉnh thứ 19. Những người Ấn Độ có dân số đông hơn bất cứ tộc người nào khác mà tôi biết tới, và họ cũng đóng góp phần cống nạp lớn hơn tất cả các tộc người khác, cụ thể là 360 *talanta* vàng cốm, đây là tỉnh thứ 20.

95. Nếu chúng ta so sánh *talanton* Babylon với *talanton* Euboia, lượng bạc cống nạp sẽ lên tới 9.880 *talanta*, và nếu chúng ta coi giá trị của vàng gấp 13 lần của bạc, tính theo cùng khối lượng, lượng vàng cốm đó sẽ tương đương với 4.680 *talanta* Euboia. Tổng lượng bạc được cống nạp hằng năm cho Dareios lên tới 14.560 *talanta* Euboia. Những khoản cống nạp nhỏ hơn tôi bỏ qua không nhắc tới. Đó là phần cống nạp dâng lên Dareios từ châu Á và một phần nhỏ của Libya. Nhưng theo thời gian, các khoản cống nạp khác cũng được dâng lên từ các hòn đảo và từ các tộc người cư trú tại châu Âu xa tới tận Thessalia.

96. Khoản cống nạp được nhà vua lưu trữ tại bảo khố của ông theo cách như sau: Dareios cho nấu chảy bạc rồi rót vào những bình đất nung, sau khi rót đầy, ông cho đập bỏ phần vỏ đất nung khỏi kim loại, rồi khi nào cần tiền, nhà vua lại xẻ ra đủ lượng ông cần cho mỗi dịp.

97. Trên đây là các tỉnh và mức cống nạp, và chỉ có đất Ba Tư là không được tôi nhắc tới rằng phải dâng một khoản cống nạp, vì người Ba Tư có đất của họ, nơi họ được sống tự do không phải nộp thuế.

Những tộc người sau đây cũng không bị ấn định các khoản cống nạp phải dâng lên, mà chỉ tặng các món lễ vật:

Người Aithiopia có biên giới giáp với Ai Cập mà Kambyses đã khuất phục khi nhà vua hành quân tấn công người Aithiopia Trường- sinh, những người sống ở vùng Nysa, nơi được coi là "thiêng liêng", và họ thường tổ chức những lễ hội của thần Dionysos. Những người Aithiopia này cũng như những người sống gần họ có chung nguồn gốc, cũng như người Ấn Độ Kallantiai, và họ xây dựng nơi ở dưới lòng đất. Cứ hai năm một lần, cả hai tộc người lại cùng nhau dâng lễ vật gồm 2 *khoinikes*[1] vàng thô và 200 khối gỗ mun, năm thiếu niên Aithiopia và 20 chiếc ngà voi lớn, và tiếp tục dâng lễ vật như thế thậm chí tới tận thời của tôi.

---

[1]. 1 *khoinix* Hy Lạp cổ (sn: *khoinikes*) bằng 1,09 lít (dùng đo lường chất rắn).

Người Kolkhis cũng thuộc những tộc người tặng lễ vật, và cùng với họ là những tộc người sống giáp ranh với họ cho tới tận rặng núi Kaukasos (vì sự cai trị của người Ba Tư vươn xa tới tận rặng núi này, nhưng những tộc người sống ở bên kia rặng Kaukasos trở lên phía bắc không còn thuộc quyền cai trị của Ba Tư nữa), những tộc người này cứ bốn năm một lần lại tiếp tục mang dâng tặng những lễ vật họ đã ấn định, thậm chí tới tận thời của tôi, gồm 100 thiếu niên và 100 thiếu nữ.

Người Arabia dâng lễ vật 1.000 *talanta* nhũ hương mỗi năm.

Đó là tất cả các tặng phẩm dâng lên nhà vua bên cạnh các cống phẩm.

98. Lượng vàng lớn từ đó người Ấn Độ lấy ra vàng cốm để cống nạp lên nhà vua được họ khai thác như sau: Khu vực nằm về phía đông vùng đất của người Ấn Độ toàn là cát. Tất cả những tộc người ở châu Á mà tôi biết hoặc được kể đến một cách ít nhiều chắc chắn, người Ấn Độ sống xa nhất về phía đông nơi mặt trời mọc, và hãy biết rằng ở vùng đất phía đông của người Ấn Độ là sa mạc chỉ toàn cát. Người Ấn Độ gồm rất nhiều bộ lạc, những bộ lạc này không có cùng ngôn ngữ với nhau. Một số bộ lạc sống nhờ

chăn nuôi, một số lại không, một số sống ở các đầm lầy của dòng sông và ăn cá sống, họ bắt cá nhờ những chiếc thuyền làm bằng sậy, mỗi thuyền được làm từ một đốt cây sậy. Những người Ấn Độ tôi đang nói tới mặc trang phục được làm từ cây bấc. Họ cắt bấc từ ven sông rồi đan thành tấm sau đó khoác lên người giống như mặc áo giáp.

99. Những tộc người Ấn Độ khác, sống về phía đông các tộc người kể trên, sống nhờ chăn nuôi gia súc và ăn thịt sống. Họ được gọi là người Padaioi, và họ có những phong tục như sau: Khi một người trong tộc của họ bị ốm, nếu là đàn ông, những thân hữu sẽ giết chết anh ta, nói rằng anh ta đã bị bệnh tật làm gầy đi, và thịt của anh ta đã bị hỏng, trong khi đó người ốm cực lực phản đối và nói anh ta không ốm, nhưng những người kia không đồng ý, rồi sau khi đã giết anh ta, họ sẽ ăn thịt anh ta. Nếu người ốm là phụ nữ, những phụ nữ là người thân gần gũi nhất sẽ xử sự với người này giống hệt như những người đàn ông đã làm ở trên. Trên thực tế kể cả nếu một người đến tuổi già, họ cũng giết và ăn thịt người đó, nhưng rất ít người trong số họ sống được đến mức được coi là già, vì họ giết tất cả những ai ốm bệnh trước khi người đó kịp già.

100. Những bộ lạc Ấn Độ khác trái lại có lối sống như sau: Họ không bao giờ giết bất cứ sinh vật sống nào, cũng không trồng mùa vụ gì, cũng không có nhà cửa, họ sống nhờ cây cỏ, và họ có một thứ hạt to bằng hạt kê có vỏ bên ngoài, từ một loại cây tự mọc lên từ mặt đất. Họ thu hoạch thứ hạt này về luộc lên cả vỏ, dùng làm lương thực. Và khi có bất cứ người nào thuộc tộc người này bị ốm, người đó liền tìm đến nơi hoang vắng rồi nằm xuống, và không ai trong số họ để tâm tới một người đã chết hoặc bị ốm.

101. Việc giao hoan của tất cả những tộc người Ấn Độ mà tôi đã nói đến đều diễn ra ngoài trời như với gia súc, và tất cả họ đều có chung màu da, giống màu da những người Aithiopia. Thêm nữa, tinh dịch họ tiết ra không trắng như những giống người khác, mà lại đen như màu da của họ, và người Aithiopia cũng tương tự về điều này. Các bộ lạc Ấn Độ cư trú ở xa hơn nơi quyền lực của Ba Tư vươn tới, và nằm xa về phía nam, họ không bao giờ trở thành thần dân của Dareios.

102. Tuy nhiên, có những tộc người Ấn Độ cư trú ở lân cận thành phố Kaspatyros và ở vùng Paktyika, nằm về phía bắc so với các tộc người Ấn Độ khác, và những người này có lối sống gần giống người Baktria. Đây là những tộc người thiện chiến nhất trong những người Ấn Độ, và cũng chính họ thực hiện những chuyến viễn du để tìm vàng. Vì vùng đất nơi họ cư trú là sa mạc đầy cát,

và cũng chính tại nơi sa mạc đầy cát này sinh trưởng những con kiến nhỏ hơn chó nhưng to hơn cáo, đã có một vài con kiến như thế được bắt ở đây được lưu giữ tại cung điện của vua Ba Tư. Những con kiến này làm tổ dưới lòng đất và đùn cát lên trên theo đúng cách như những con kiến ở vùng đất của người Hy Lạp, và chúng có hình dạng cũng rất giống với những con kiến đó. Và trong thứ cát này có vàng. Để lấy được thứ cát ấy, người Ấn Độ thực hiện những chuyến đi vào sa mạc, mỗi người thắng ba con lạc đà vào ách, để một con lạc đà cái ở giữa, rồi ở mỗi bên là một con lạc đà đực để dẫn đi. Người tìm vàng cưỡi trên lưng con lạc đà cái, và cẩn thận lựa chọn con vật này từ những con lạc đà mẹ vừa mới sinh con, càng mới càng tốt. Vì những con lạc đà cái của họ có tốc độ nhanh không thua gì ngựa, hơn thế chúng có khả năng thồ nặng tốt hơn nhiều.

103. Về hình dáng của lạc đà, tôi sẽ không miêu tả ở đây, vì những người Hy Lạp mà tôi viết câu chuyện này dành cho họ, đã quen thuộc với con vật này, tôi sẽ nói tới điều thường chưa được biết về nó, đó là: Chân sau của chúng có bốn đùi và bốn đầu gối, và bộ phận sinh dục của chúng nằm giữa hai chân sau, quay về phía đuôi.

104. Người Ấn Độ lên đường đi lấy vàng theo cách như tôi vừa miêu tả, tính toán làm sao họ có mặt để mang vàng đi vào thời điểm nắng gay gắt nhất, vì cái nóng khiến những con kiến chui xuống lòng đất. Ở những vùng này mặt trời nóng nhất vào buổi sáng chứ không phải vào giữa trưa như những nơi khác, từ lúc mặt trời mọc cho tới lúc đóng cửa chợ sáng, mặt trời còn nóng hơn lúc giữa trưa tại Hy Lạp, vì thế người ta kể rằng cư dân ở đây phải đầm mình trong nước. Tuy nhiên, vào lúc giữa trưa, với người Ấn Độ mặt trời cũng nóng như với các tộc người khác, trong khi sau giữa trưa mặt trời ở vùng của họ trở nên giống như vào buổi sáng với những tộc người khác, và càng ngả về chiều mặt trời càng dịu hơn, rồi không khí quả thực trở nên khá mát mẻ khi mặt trời lặn.

105. Khi người Ấn Độ mang theo bao tải đến nơi lấy vàng, họ đổ đầy cát vào trong bao rồi cưỡi lạc đà quay về nhanh nhất có thể, vì khi đó lũ kiến, phát hiện ra họ nhờ mùi, như người Ba Tư phỏng đoán, bắt đầu truy đuổi họ. Và lũ kiến này, theo lời họ, vượt xa mọi sinh vật khác về sự nhanh nhẹn, vì thế trừ khi người Ấn Độ dẫn trước được một khoảng cách xa trên đường trở về trong lúc lũ kiến còn đang tập hợp, sẽ không có lấy một người trong số họ thoát nổi. Khi đó những con lạc đà đực, vì chạy chậm hơn lạc đà cái, nếu tụt lại sau thậm chí sẽ được thả dây buộc khỏi sườn con

lạc đà cái, lần lượt từng con một. Còn những con lạc đà cái, nhớ tới lũ con nhỏ để lại ở nhà, luôn duy trì tốc độ không chút chậm trễ. Và đó là cách những người Ấn Độ kiếm được phần lớn vàng, theo lời người Ba Tư kể. Ngoài ra, người Ấn Độ cũng lấy được vàng từ vùng đất của họ bằng cách đào, nhưng với lượng ít hơn nhiều.

106. Quả thực dường như những nơi xa xôi nhất của thế giới có người cư trú đã được thiên nhiên ban cho những thứ đẹp đẽ nhất, cũng như số phận của người Hy Lạp có được các mùa ôn hòa hơn nhiều so với các vùng đất khác, vì trước hết, Ấn Độ là vùng đất xa nhất về phía đông có người cư ngụ, như tôi đã nói ít nhiều ở trên, và ở vùng đất này không chỉ động vật, cả chim lẫn thú bốn chân, có kích thước lớn hơn nhiều so với ở những nơi khác (ngoại trừ ngựa, có kích thước nhỏ hơn ngựa Nisaia của Media), mà ở đó còn có rất nhiều vàng, một phần có thể đào được, phần khác do các dòng sông đem tới, và một phần có thể lấy được theo cách tôi đã kể ở trên. Ở đó cũng có những loài cây mọc hoang dại cho thứ len còn đẹp và hoàn hảo hơn thứ len thu được từ cừu, và người Ấn Độ mặc trang phục dệt từ loại cây đó.

107. Lại nữa, Arabia là vùng đất có người ở nằm xa nhất về phía nam, và chỉ riêng ở vùng đất đó mọc lên nhũ hương, một dược, quế quan, quế bì và thứ gôm gọi là *ledanon*. Tất cả những sản vật này trừ một dược, người Arabia đều phải rất khó khăn để có được. Họ thu hoạch nhũ hương bằng cách đốt an tức hương, thứ được người Phoinike mang từ đó tới chỗ người Hy Lạp. Bằng cách đốt an tức hương để tạo khói, họ có thể lấy được nhũ hương, vì những cây tạo ra nhũ hương được canh giữ bởi những con rắn có cánh, kích thước nhỏ và nhiều màu sắc, có số lượng rất đông đảo trên mỗi cây, và cũng chính là loại rắn đã tìm cách tấn công Ai Cập. Không có cách gì ngoài khói an tức hương có thể xua chúng đi khỏi những cái cây này.

108. Người Arabia cũng kể rằng hẳn là đến lúc này cả thế giới đã tràn ngập những con rắn ấy nếu không xảy ra chuyện mà tôi những con rắn độc đã gặp phải.

Dường như Thượng đế, như người ta có thể trông đợi, thấy rằng sẽ là khôn ngoan khi làm cho những giống loài hèn nhát và thường bị ăn thịt đều mắn đẻ để chúng không bị ăn thịt hết và tuyệt giống, trong khi làm cho những loài can đảm và độc hại lại có khả năng sinh sản rất hạn chế. Chẳng hạn, vì thỏ rừng bị tất cả các loài thú và chim ăn thịt cũng như con người săn đuổi, thế nên loài này mới mắn đẻ như thế. Đây là loài vật duy nhất trong tất cả các loài vật lại có thể mang thai từ trước khi lứa con trước được đẻ ra, và

trong tử cung chúng một số con non đã phủ đầy lông, số khác đỏ hỏn, và trong khi một số phôi thai mới vừa định hình, lại có những bào thai khác được hình thành. Đó là trường hợp của thỏ rừng, trong khi sư tử cái, loài vật mạnh mẽ và dũng cảm nhất trong các tạo vật, lại chỉ đẻ ra một con non một lần duy nhất trong đời, vì khi nó đẻ con, sư tử cái cũng tống cả dạ con của nó ra cùng với con non, và lý do là thế này: Khi sư tử con nằm trong bụng mẹ bắt đầu cựa quậy, lúc đó đã có vuốt sắc hơn vuốt bất cứ loài vật nào khác, nó liền cào lên dạ con, và khi lớn lên, nó càng cào nhiều hơn. Cuối cùng, khi thời điểm sinh sản tới gần, toàn bộ dạ con không còn gì lành lặn.

109. Cũng như vậy, nếu rắn độc và những con rắn có cánh của người Arabia cũng sinh sản theo cách thông thường với bản chất của chúng, con người đã không thể sống được trên mặt đất. Nhưng vì tự nhiên đã quyết định như thế, khi lũ rắn này giao phối với nhau và con đực phóng tinh ra khỏi cơ thể, con cái liền siết chặt lấy cổ con đực không rời cho tới khi đã nuốt chửng hết con đực. Vậy là rắn đực chết theo cách tôi vừa kể, song con cái cũng phải chịu quả báo cho con đực theo cách như sau: Rắn con, khi vẫn còn ở trong bụng mẹ, trả thù cho cha chúng bằng cách ăn thịt mẹ chúng từ trong ra, và sau khi đã ăn thủng bụng rắn mẹ, chúng cứ thế tự chui ra ngoài. Tuy nhiên, những loài rắn khác, không gây hại cho con người, lại đẻ trứng rồi ấp nở thành lượng lớn rắn con. Rắn độc có mặt khắp nơi trên mặt đất, nhưng còn loài rắn có cánh chỉ tồn tại với số lượng lớn ở vùng Arabia, và không có ở bất cứ nơi nào khác, vì thế ở Arabia số lượng của chúng có vẻ rất đông đảo.

110. Vậy là nhũ hương được người Arabia thu hoạch như thế, còn quế quan được thu hoạch như sau: Họ lấy da bò và các loại da khác quấn khắp quanh người và cả mặt, chỉ trừ đôi mắt, rồi đi lấy quế. Cây quế mọc trong một cái hồ không sâu lắm, và dường như xung quanh hồ cũng như trong hồ có những sinh vật có cánh trông như những con dơi, chúng có tiếng kêu ghê người và rất hung dữ khi tấn công. Những người đi lấy quế cần giữ không để chúng tấn công vào mắt rồi cắt vỏ quế.

111. Quế bì được họ thu hoạch theo một cách còn kỳ lạ hơn: Vì họ không thể biết rõ loài cây này mọc ở đâu và vùng đất nào cho thứ sản vật này, ngoại trừ một số người kể (và đây là một lời kể nhiều khả năng là đúng) rằng quế bì sinh trưởng ở những vùng đất nơi Dionysos lớn lên. Họ kể rằng những con chim lớn tha đi những cành cây khô mà chúng ta gọi là quế quan theo cách học được từ người Phoinike, đưa những cành cây đó về những chiếc tổ làm từ

đất sét nằm trên các sườn núi dốc đứng, nơi con người không thể nào leo lên được. Vì thế, để lấy quế bì, người Arabia nghĩ ra cách như sau: Họ chặt tứ chi những con bò, lừa và những súc vật thồ khác của họ bị chết thành những miếng to vừa phải, rồi đem tới những nơi có tổ chim, sau khi đã để những tảng thịt lại không xa các tổ chim, họ liền lùi ra xa một khoảng cách nhất định. Lũ chim liền bay xuống và mang những tảng thịt súc vật đưa về tổ. Những cái tổ không chịu nổi sức nặng của các tảng thịt, vỡ ra và rơi xuống đất. Khi đó con người sẽ chạy tới và nhặt lấy quế bì. Đó là cách quế bì được thu hoạch và từ dân tộc này tới những vùng khác trên thế giới.

112. Tuy thế, thứ gôm thơm mà người Arabia gọi là *ledanon* còn được thu hoạch theo một cách còn kỳ lạ hơn nữa, vì cho dù đây là vật phẩm có mùi ngọt nhất, nó lại bắt nguồn từ thứ có mùi khó chịu nhất, vì nó được tìm thấy trong bộ râu của những con dê đực, kết thành hạt ở đó như những hạt nhựa cây trên gỗ. Thứ gôm này được dùng để chế tạo nên rất nhiều loại hương liệu, và người Arabia dùng nó làm hương liệu nhiều hơn bất cứ vật phẩm nào khác.

113. Về các loại hương liệu, hãy coi như những gì tôi đã kể qua là đủ, và từ vùng đất Arabia tỏa hương ngọt ngào tuyệt hảo nhất của chúng. Cư dân vùng này có hai loại cừu đáng ngưỡng mộ và không thể tìm thấy ở bất cứ vùng đất nào khác: Một loại có đuôi dài ít nhất 3 *pekhes*, và nếu người ta cho phép những con cừu này kéo lê cái đuôi theo sau chúng, những cái đuôi ấy sẽ bị rách và lở loét ra do cọ xát với mặt đất. Nhưng tất cả những người mục đồng đều biết đủ nghề mộc để chế tác những cỗ xe nhỏ mà họ buộc vào bên dưới những chiếc đuôi, mỗi chiếc đuôi được buộc riêng rẽ vào một xe nhỏ. Loại cừu thứ hai có đuôi rộng, thậm chí rộng tới 1 *pekhys*.

114. Khi người ta đi quá về phía nam, vùng đất Aithiopia nằm trải rộng hơn cả trong tất cả những vùng đất có người cư trú về phía tây. Vùng này có rất nhiều vàng, có những con voi khổng lồ và đủ loại cây mọc hoang dại cũng như gỗ mun, và cư dân ở đây là những người cao nhất, đẹp đẽ nhất và sống lâu nhất trong tất cả các tộc người.

115. Đây là những nơi tận cùng của châu Á và Libya, nhưng còn về tận cùng của châu Âu về phía tây, tôi không thể nói rõ một cách chắc chắn. Vì tôi vừa không thể chấp nhận câu chuyện kể rằng có một con sông được man tộc gọi là Eridanos chảy vào biển nằm về phía bắc, nơi người ta cho rằng hổ phách có xuất xứ từ đó, vừa

không rõ về sự tồn tại thực sự của "Quần đảo thiếc" từ đó thiếc được cung cấp đến cho chúng ta. Cái tên Eridanos rõ ràng không phải một man từ mà là từ Hy Lạp, và do một thi sĩ nào đó hư cấu nên. Thứ đến, tôi không thể nghe được lời kể từ bất cứ ai là nhân chứng tận mắt cho hay rằng còn có một biển nữa ở phía bên kia của châu Âu, dù đã cố công khám phá điều này. Dù thế nào đi nữa, thiếc và hổ phách chắc chắn đến với chúng ta từ tận cùng của châu Âu.

116. Và ở phía bắc châu Âu, chắc chắn có một lượng vàng lớn hơn nhiều so với ở bất cứ vùng đất nào khác. Còn lượng vàng này được khai thác như thế nào tôi lại không thể nói một cách chắc chắn, song người ta kể rằng vàng là do những con quái vật mình sư tử đầu chim đoạt từ tay người Arimaspoi, một chủng người một mắt. Song tôi không tin cả câu chuyện này, về việc tự nhiên tạo ra những người một mắt với những nét đặc trưng khác giống hệt những giống người còn lại. Tuy nhiên, có vẻ như các vùng tận cùng tạo ra giới hạn của thế giới ở mọi phía và bao quanh vùng trung tâm sở hữu những thứ mà chúng ta nghĩ là đẹp nhất và hiếm nhất.

117. Ở châu Á có một vùng đồng bằng có núi bao quanh ở tất cả các hướng, và có năm khe núi xuyên qua các rặng núi này. Đồng bằng đó từng có thời thuộc về người Khorasmia, và tọa lạc ở biên giới năm bộ lạc: Người Khorasmia, Hyrkania, Parthia, Sarangeis và Thamanaioi. Nhưng từ khi người Ba Tư bắt đầu nắm quyền cai trị, vùng này thuộc về nhà vua. Từ dãy núi bao quanh đồng bằng mà tôi đã nói tới chảy ra một dòng sông lớn mang tên Akes. Dòng sông này trước đây cung cấp nước cho những dân tộc đã đề cập ở trên, được chia thành năm nhánh và dẫn qua những khe núi riêng rẽ tới từng dân tộc. Nhưng từ khi các tộc người này chịu sự cai trị của người Ba Tư, họ đã phải chịu đựng như sau: Nhà vua cho xây đập chắn ngang các khe núi trong rặng núi, và xây các cửa cống ở mỗi khe núi. Do đó, nước bị giữ lại ở nguồn, đồng bằng nằm bên trong các rặng núi trở thành một biển, vì dòng sông đổ vào đồng bằng và không còn hướng thoát nước nào khác. Bởi vậy, những người trước kia đã quen với việc sử dụng nước sông giờ đây gặp rắc rối lớn vì không thể sử dụng nguồn nước đó nữa. Vào mùa đông, họ có mưa từ trên trời xuống như các tộc người khác, nhưng đến mùa hè họ lại có nhu cầu dùng nước để trồng kê và vừng. Khi nước không được ban cho họ, những người nông dân và cả vợ họ kéo tới gặp người Ba Tư, rồi họ đứng trước cổng cung điện của nhà vua khóc lóc la hét. Nhà vua liền ra lệnh rằng với những người cần nước nhất, các cửa cống dẫn nước tới vùng đất của họ sẽ được mở ra. Rồi đến khi đất của họ đã đủ nước, các cửa cống này liền

được đóng lại, và nhà vua ra lệnh mở cửa cống cho những người khác, là những người kế tiếp cần nước nhất. Theo những gì tôi nghe được, nhà vua đã thu những khoản tiền lớn để đổi lấy việc mở cửa cống, bên cạnh các khoản cống nạp thường xuyên.

118. Trong số bảy người đã nổi dậy chống lại các Magoi, đã có một người, Intaphernes, bị xử tử ngay lập tức sau cuộc nổi dậy của họ vì một tội mà tôi sẽ thuật lại sau đây. Ông ta muốn được vào cung điện và thưa chuyện với nhà vua, vì quả thực luật pháp quy định rằng những người đã nổi dậy chống lại Magoi được phép đến diện kiến nhà vua mà không cần báo trước, trừ khi nhà vua vào thời điểm ấy đang ngủ với vợ. Thế nên Intaphernes không nghĩ cần có ai đó thông báo sự xuất hiện của mình, vì ông ta là một trong bảy người dự mưu, ông ta muốn được vào cung điện. Tuy nhiên, người gác cổng và truyền lệnh sứ đã tìm cách ngăn cản ông này lại, nói rằng nhà vua đang ngủ với vợ. Song Intaphernes tin rằng họ đang nói dối và rút kiếm của mình ra cắt tai xẻo mũi hai người này, rồi sau khi đã xâu tai mũi hai người nọ qua dây cương ngựa của mình, ông ta buộc chúng quanh cổ họ rồi cho họ đi.

119. Hai người kia liền chạy vào gặp nhà vua và tâu lại lý do khiến họ bị hành hạ như vậy. Dareios, sợ rằng cả sáu người kia cùng đồng tình thực hiện hành động này, liền cho triệu riêng rẽ từng người vào gặp và hỏi ý kiến, xem mỗi người có tán thành hành vi của Intaphernes hay không. Sau khi đã hoàn toàn chắc chắn rằng Intaphernes không ra tay với sự đồng mưu của những người còn lại, nhà vua liền cho bắt cả Intaphernes lẫn các con trai cùng họ hàng của ông này, vì Dareios nghi ngờ rằng Intaphernes đang mưu đồ đoạt ngôi mình với sự giúp đỡ của họ hàng. Sau khi bắt giữ họ, nhà vua liền cho trói tất cả lại để hành quyết. Khi đó người vợ của Intaphernes liên tục tới trước cửa cung điện của nhà vua khóc lóc than vãn, và khi liên tục làm như thế, bà ta đã khiến Dareios thương hại. Nhà vua liền phái một thuộc hạ tới nói với người phụ nữ: “Mụ kia, vua Dareios ban cho ngươi ân huệ được cứu mạng một trong số người thân thích của ngươi. Hãy chọn trong đám tù nhân kẻ ngươi muốn cứu”. Người phụ nữ sau khi ngẫm nghĩ đã trả lời: “Nếu quả thực đức vua ban cho tôi mạng sống của một người, tôi xin chọn em trai mình”. Sau khi được nghe bẩm lại, Dareios kinh ngạc trước câu trả lời của người phụ nữ, liền sai người đi hỏi bà ta: “Mụ kia, đức vua hỏi ngươi nghĩ sao khi bỏ mặc chồng và các con ngươi mà lại chọn cứu sống em trai, kẻ ít gần gũi về máu mủ hơn các con ngươi, và ít thân thiết hơn chồng ngươi”. Người phụ nữ trả lời: “Tâu bệ hạ, nếu số mệnh muốn thế, tôi sẽ có thể có một người chồng khác và những đứa con khác, nếu phải mất đi chồng con hiện tại, nhưng tôi không

thể nào có được một người em trai nữa, vì cả cha lẫn mẹ tôi đều không còn. Đó là lý do tôi trả lời như vậy". Dareios cảm thấy người phụ nữ nói phải lẽ, và nhà vua không chỉ tha mạng cho người được người phụ nữ cầu xin, mà cho cả người con trai cả của bà ta, nhưng tất cả những người khác nhà vua đều cho hành quyết. Thế là một trong bảy người đồng mưu đã lập tức phải chết theo cách như vậy.

120. Vào thời điểm Kambyses đổ bệnh, đã có chuyện sau đây xảy ra: Có một người Ba Tư tên là Oroites đã được Kyros phong làm tỉnh trưởng Sardis. Người này đã đặt mong muốn của mình vào một điều xấu xa. Vì cho dù ông ta chưa từng phải chịu đựng gì từ Polykrates người Samos, chưa từng phải nghe một lời xúc phạm nào từ Polykrates, thậm chí chưa từng gặp ông này, Oroites vẫn muốn bắt và giết Polykrates vì lý do sau đây, như phần lớn những người nói tới việc này thuật lại: Trong khi Oroites và một người Ba Tư khác tên là Mitrobates, tỉnh trưởng Daskyleion, đang ngồi chờ ngoài cửa cung điện của nhà vua, họ đôi co với nhau, và trong khi hai người cãi vã về những lời khoe khoang tài giỏi của mỗi bên, Mitrobates khích bác Oroites rằng: "Ông có thể nào cho mình là một đấng nam nhi khi chưa thể đoạt lấy cho nhà vua đảo Samos, hòn đảo nằm ngay gần tỉnh của ông, trong khi hòn đảo này dễ chinh phục tới mức một gã dân đen ở đó có thể nổi dậy chống lại chính quyền với 15 chiến binh rồi chiếm lấy hòn đảo, trở thành kẻ cai trị nó?" Một số người kể rằng vì Oroites đã nghe được những lời này và bị chọc tức bởi lời chê trách mà ông ta đã lập mưu tiêu diệt Polykrates bằng mọi giá, vì chính Polykrates khiến ông ta bị nhục mạ.

121. Tuy nhiên, một số ít hơn những người thuật lại việc này kể rằng Oroites đã phái một sứ giả tới Samos yêu cầu một điều gì đó, song là gì thì không được kể rõ. Khi đó, Polykrates đang nằm trong phòng tiệc của nam giới trong cung điện, và Anakreon người Teos cũng có mặt ở đó. Lúc ấy, có thể vì cố ý hoặc vì ông ta không quan tâm tới yêu cầu của Oroites, hoặc một sự tình cờ đã khiến sự tình diễn ra như vậy, khi sứ giả của Oroites vào diện kiến Polykrates và tâu trình lên ông ta, Polykrates lúc ấy lại đang quay mặt vào tường, không hề ngoảnh lại hay trả lời.

122. Và cái chết của Polykrates được thuật lại theo hai cách khác nhau, độc giả tin theo cách nào cũng được.

Oroites, trong khi cư ngụ ở Magnesia nằm bên sông Maiandros, đã phái một người Lydia tên Myrsos, con trai Gyges, tới Samos đem theo một thông điệp, vì ông ta đã nhận ra những toan tính của

Polykrates. Polykrates là người Hy Lạp đầu tiên chúng ta biết đến chú tâm vào việc giành quyền kiểm soát trên biển, ngoại trừ Minos người Knossos và những người khác có thể từng nắm quyền kiểm soát biển trước đó. Còn trong những tộc người hiện còn đang sống, Polykrates là người đầu tiên, và ông ta có tham vọng muốn trở thành người cai trị Ionia và các hòn đảo. Oroites, sau khi đã nhận ra tham vọng của ông ta, liền gửi cho Polykrates thông điệp sau: "Oroites gửi đến Polykrates: Tanghe nói ngài đang tính đại sự, và ngài không có sự giàu có tương xứng với tham vọng. Vì thế, nếu ngài làm như ta sắp nói ra đây, ngài sẽ một mặt làm lợi cho chính mình, mặt khác cứu ta thoát khỏi bị hủy diệt: Vì vua Kambyses đang toan tính lấy mạng ta, và điều này đã được cảnh báo với ta khiến ta không thể nghi ngờ. Vậy ngài hãy giúp ta, cùng gia sản của ta, thoát khỏi hiểm nguy, rồi giữ lại cho bản thân ngài một phần tài sản ấy, và để ta giữ một phần. Như thế với những gì của cải có thể đem đến, ngài sẽ là người cai trị toàn bộ Hy Lạp. Và nếu ngài không tin những gì ta nói về tiền, hãy cử tới chỗ ta bất cứ ai ngài tin tưởng nhất, và ta sẽ chỉ cho người đó thấy".

123. Polykrates khi nhận được thông điệp này đã rất mừng và sẵn sàng đồng ý. Và có vẻ vì ông ta rất thèm muốn của cải, thoạt đầu Polykrates đã phái Maiandrios, con trai Maiandrios, một người Samos đang làm thư ký cho mình tới tìm hiểu thực hư. Không lâu sau đó, Maiandrios đã lấy tất cả gia cụ trong khu nam giới tại cung điện của Polykrates, những thứ đáng chiêm ngưỡng, làm lễ vật dâng lên đền Hera. Oroites, đúng theo mưu tính, sau khi biết rằng người đến tìm hiểu sẽ sớm tới nơi, đã cho đổ đầy đá vào tám chiếc rương, chỉ trừ lại một lớp mỏng ở trên cùng rồi rải vàng phủ kín lên trên đá. Sau đó, ông ta cho khóa kín những chiếc rương lại và để đó sẵn sàng. Vậy là Maiandrios tới nơi, nhìn tận mắt những chiếc rương rồi quay về thuật lại với Polykrates.

124. Nghe xong, Polykrates liền sửa soạn lên đường tới chỗ Oroites, cho dù các thầy bói và bằng hữu hết lời can ngăn, và thậm chí bất chấp cả một giấc mơ của con gái ông. Nàng mơ thấy cha mình bị treo lên trời, được Zeus tắm rửa và Helios xức dầu. Sau giấc mơ, cô đã tìm mọi cách thuyết phục Polykrates đừng rời khỏi đảo đi gặp Oroites, thêm nữa, khi người cha lên đường trên một chiếc *pentekonteros*, nàng tiễn đưa cha bằng những lời tiên tri chẳng lành. Polykrates đe dọa rằng nếu ông bình yên trở về, cô gái sẽ phải sống độc thân lâu dài, còn nàng cầu mong rằng điều này sẽ xảy ra, vì nàng thà phải sống độc thân lâu dài còn hơn mất đi người cha.

125. Dẫu thế, Polykrates bỏ qua mọi lời khuyên và dong buồm tới gặp Oroites, đem theo người đồng hành, gồm Demokedes, con trai của Kalliphron, một người Kroton và là một thầy thuốc nổi tiếng nhất thời đó. Khi ông ta tới Magnesia, Polykrates bị sát hại một cách thê thảm, không hề xứng đáng với chính con người cũng như tham vọng lớn lao của ông ta. Vì ngoại trừ các tiếm chúa của Syrakousai, không tiếm chúa Hy Lạp nào khác đáng để so sánh với Polykrates về sự vĩ đại. Sau khi đã giết vị khách của mình theo một cách không thích hợp để kể lại, Oroites treo xác Polykrates trên thập tự giá. Tất cả những người Samos tháp tùng Polykrates đều được Oroites thả ra, yêu cầu họ phải biết ơn ông ta vì giờ đây họ đã là người tự do. Những người còn lại, dù là người ngoại quốc hay nô lệ, ông ta bắt giữ và coi họ như tù binh. Giấc mơ của con gái Polykrates đã thành hiện thực khi ông bị treo lên thập tự giá; vì ông ta "được Zeus tắm rửa" mỗi khi trời mưa, và được "Helios xức dầu" khi ánh nắng làm hơi ẩm chảy ra từ cơ thể ông ta. Sự hưng thịnh của Polykrates đã kết thúc như vậy, đúng như vua Ai Cập Amasis đã tiên tri.

126. Chẳng bao lâu sau, báo ứng lại giáng xuống đầu Oroites vì việc sát hại Polykrates. Vì sau khi Kambyses băng hà và trong thời gian Magos tiếm quyền, Oroites lưu lại Sardis, không phụng sự gì cho người Ba Tư khi họ bị người Media tiếm quyền. Thêm nữa trong thời gian nhiễu nhương này ông ta đã giết Mitrobates, tỉnh trưởng Daskyleion, người đã lấy chuyện Polykrates ra để trách cứ ông ta. Và ông ta cũng giết cả Kranaspes, con trai Mitrobates, cả hai đều là những người Ba Tư có danh vọng. Bên cạnh nhiều hành vi ngạo mạn khác, có một lần khi sứ giả của Dareios tới gặp ông ta, vì không vui lòng với thông điệp được gửi tới cho mình, ông ta đã bố trí người mai phục trên đường trở về để giết chết sứ giả, rồi sau đó cho phi tang xác người lẫn ngựa.

127. Sau khi lên ngôi, Dareios rất muốn báo thù Oroites vì những điều sai trái ông ta đã làm, nhất là vì đã giết hại cha con Mitrobates. Tuy nhiên, nhà vua không nghĩ hành động công khai và phái một đạo quân tới trừng phạt Oroites sẽ là hay, vì bản thân chính sự vẫn còn rối ren, và Dareios cũng chỉ vừa lên ngôi chưa lâu, trong khi nhà vua lại biết được sức mạnh của Oroites, hiện đang là tỉnh trưởng Phrygia, Lydia và Ionia, với một đội cận vệ gồm 1.000 người Ba Tư. Vì thế, Dareios bày kế như sau: Sau khi cho triệu tập tất cả những người Ba Tư có địa vị nhất, nhà vua liền nói với họ: "Thưa các ngài, ai trong số các vị sẽ lãnh trách nhiệm thực hiện việc này cho ta bằng trí tuệ chứ không phải bằng sức mạnh hay gây ra hỗn loạn? Vì ở đâu cần đến trí tuệ, sẽ không cần tới sức mạnh. Ai trong số các ngươi sẽ bắt sống Oroites về đây cho

ta hoặc sẽ giết y? Vì y chưa bao giờ phụng sự người Ba Tư, ngược lại y còn gây ra những điều tai hại cho họ. Trước nhất, y đã sát hại hai đồng bào của chúng ta, Mitrobates và con trai ông. Rồi y đã sát hại các sứ giả được ta phái tới triệu y. Trước khi y gây ra thêm điều xấu xa nào cho người Ba Tư, chúng ta cần chặn y lại bằng cái chết".

128. Dareios đã nói như vậy, và 30 người đã xin nhận trách nhiệm, mỗi người đều bày tỏ muốn thực hiện việc đó một cách riêng rẽ. Dareios ngăn cuộc tranh cãi giữa họ lại và ra lệnh cho họ rút thăm. Vậy là khi họ rút thăm, Bagaios, con trai Artontes lãnh nhiệm vụ. Sau đó, Bagaios viết vài bức thư nói về các vấn đề khác nhau, rồi đóng dấu của Dareios lên, rồi mang chúng tới Sardis. Khi tới nơi và vào diện kiến Oroites, ông ta lần lượt mở từng bức thư ra và đưa chúng cho viên thư lại hoàng gia để đọc, vì tất cả các tỉnh trưởng đều có thư lại hoàng gia. Bagaios đưa các văn bản ra như thế để thử thách đội cận vệ xem liệu họ có chấp nhận nổi dậy chống lại Oroites hay không. Rồi khi thấy rằng những người lính thể hiện sự tôn kính trước các bức thư và còn tôn kính hơn nữa những lời được tuyên đọc, ông ta liền đưa ra một bức thư khác có viết những từ sau: "Hỡi người Ba Tư, Vua Dareios cấm các ngươi bảo vệ Oroites". Những người lính khi nghe thấy câu này liền bỏ giáo của họ xuống. Sau đó, thấy được qua phản ứng này rằng họ tuân theo lệnh hoàng gia, Bagaios liền đánh bạo lấy ra bức thư cuối cùng trong đó viết: "Vua Dareios ra lệnh cho người Ba Tư tại Sardis giết Oroites". Vậy là lính cận vệ liền tuốt gươm và giết Oroites ngay lập tức. Vậy là quả báo cho việc sát hại Polykrates đã giáng xuống đầu Oroites người Ba Tư.

129. Khi tài sản của Oroites bị tịch thu và đưa tới Sousa, không lâu sau đó vua Dareios trong khi đi săn thú hoang đã bị trẹo chân lúc xuống ngựa, và bàn chân nhà vua có vẻ đã trẹo nặng tới mức trật mắt cá. Nhà vua khi đó đã quen lưu bên mình những người Ai Cập được coi là tinh thông nhất về y thuật, và lúc ấy nhà vua đã viện tới sự trợ giúp của họ. Nhưng các vị y sư này vặn bàn chân làm cho cảm giác đau đớn càng tăng thêm. Suốt bảy ngày bảy đêm, Dareios không ngủ được vì cơn đau phải chịu đựng, và cuối cùng đến ngày thứ tám, khi nhà vua ở vào tình trạng khốn khổ cùng cực, một người từng nghe nói tới khi còn ở Sardis về tài năng của Demokedes người Kroton liền bẩm việc này lên Dareios. Nhà vua liền ra lệnh đưa người thầy thuốc vào gặp mình. Vậy là sau khi tìm thấy Demokedes không ai để ý tới trong đám nô lệ của Oroites, người ta liền điệu ông ta tới trong cảnh y phục rách rưới và bị xiềng xích.

130. Khi ông ta đã được đưa tới trước nhà vua, Dareios liền hỏi người nô lệ liệu có đúng là ông ta biết y thuật hay không. Nhưng người nô lệ không thừa nhận, sợ rằng nếu nói ra thân phận thực sự của mình, ông ta sẽ có thể mất hết hy vọng được trở về Hy Lạp. Và Dareios thấy rõ rằng người nô lệ biết y thuật nhưng lại chối rằng mình làm nghề khác, nhà vua liền truyền cho người mang roi và dùi đâm tới. Đến lúc đó người nô lệ đành chịu thua, nói rằng ông ta không hiểu y thuật một cách chính xác, nhưng đã đi theo một thầy thuốc và biết chút ít về y thuật. Sau đó, khi Dareios đã giao phó cho người nô lệ việc chữa trị cho mình, Demokedes liền sử dụng những vị thuốc Hy Lạp và áp dụng những cách chữa trị nhẹ nhàng sau những biện pháp thô bạo trước đó, ông ta khiến nhà vua ngủ được, rồi sau một thời gian ngắn Dareios bình phục hoàn toàn, dù rằng nhà vua không hề hy vọng bàn chân mình có thể lành trở lại. Khi lành bệnh, Dareios liền tặng cho người thầy thuốc hai cặp xiềng bằng vàng, ông này liền hỏi nhà vua liệu có phải Dareios có chủ ý ban cho ông gấp đôi phần thống khổ của mình vì ông đã chữa lành cho nhà vua hay không. Hài lòng trước những lời ấy, Dareios sai người dẫn vị thầy thuốc tới diện kiến những người vợ của nhà vua, và các hoạn quan dẫn vị thầy thuốc đi nói với các phu nhân rằng chính người này đã hồi phục sức khỏe cho nhà vua. Vậy là mỗi vị phu nhân liền múc đầy một cốc từ rương đựng vàng, rồi tặng cho Demokedes nhiều quà tới mức người hầu của ông ta, tên là Skiton, đi theo sau chủ nhân và nhặt nhạnh những đồng tiền vàng rơi ra từ những chiếc cốc cũng tích cóp được cho mình một lượng vàng lớn.

131. Demokedes là người Kroton, và trở thành cộng sự Polykrates theo cách như sau: tại Kroton, ông ta bất hòa với cha mình, một người tính khí khắc nghiệt, và khi không thể chịu nổi người cha nữa, ông ta bỏ nhà tới Aigina. Định cư tại đó, ngay trong năm đầu tiên ông ta đã vượt trội hơn tất cả các thầy thuốc khác, cho dù không hề có các dụng cụ phẫu thuật. Đến năm tiếp theo, Aigina chiêu mộ ông ta với tiền công 1 *talanton*, rồi tới năm thứ ba ông được người Athenai mời về với giá 100 *mnai* bạc, rồi đến năm thứ tư được Polykrates mời với giá 2 *talanta*. Vì thế người thầy thuốc đã tới Samos, và nhờ vào ông hơn vào bất cứ điều gì khác mà các thầy thuốc Kroton có được danh tiếng của họ, vì biến cố này xảy ra vào thời điểm các thầy thuốc Kroton bắt đầu được nhắc đến như hàng đầu tại Hy Lạp, trong khi các thầy thuốc Kyrene có tiếng là đứng hàng thứ hai. Cũng vào thời kỳ này, người Argos được tiếng là những nhạc công hàng đầu ở Hy Lạp.

132. Demokedes, sau khi chữa lành bệnh cho vua Dareios, có một ngôi nhà rất lớn tại Sousa và trở thành thực khách của nhà vua, và

ngoại trừ việc quay trở về đất Hy Lạp, ông ta đã có mọi thứ. Về phần các thầy thuốc Ai Cập đã tìm cách chữa trị cho nhà vua trước ông ta, khi những người này sắp bị đóng cọc vì đã tỏ ra kém cỏi hơn một thầy thuốc Hy Lạp, ông đã cầu xin nhà vua tha mạng cho họ và cứu họ thoát chết. Sau đó, ông đã cứu một nhà tiên tri người Elis, người đã tháp tùng Polykrates và bị đày ải không ai biết đến giữa đám nô lệ. Tóm lại, Demokedes rất được nhà vua sủng ái.

133. Không lâu sau đó, có chuyện như sau xảy ra: Atossa, con gái Kyros và vợ Dareios, có một cục u trên vú, sau đó vỡ ra rồi lan rộng thêm. Khi cái u vẫn còn nhỏ, bà giấu nó và không nói gì với ai vì xấu hổ. Nhưng sau đó, khi bệnh trở nặng, bà cho gọi Demokedes tới và chỉ cho người thầy thuốc thấy chỗ đau. Ông liền nói sẽ chữa khỏi cho bà, và yêu cầu bà thề sẽ chắc chắn giúp ông điều ông sẽ đề nghị, và ông sẽ không đề nghị điều gì đáng hổ thẹn.

134. Vậy là sau khi Demokedes đã chữa lành cho bà hoàng, theo đề nghị của ông, Atossa đã nói với Dareios như sau trong phòng ngủ: "Tâu bệ hạ, dù ngài có quyền uy vĩ đại đến thế, không lẽ ngài cứ ngồi im mà không giành thêm dân tộc nào hay quyền lực nào cho người Ba Tư sao. Trong khi thật hợp lẽ khi một người vừa trẻ trung vừa là chủ nhân của sự giàu có như thế nên thực hiện một sự nghiệp to lớn nào đó, để người Ba Tư có thể biết chắc chắn đó là người đang cai trị họ. Chinh phạt chính là điều bệ hạ nên làm vì hai điều, vừa để người Ba Tư biết được chủ nhân của họ là một người đàn ông, vừa để họ bị mệt mỏi vì chiến tranh và không còn sức lực để mưu toan chống lại bệ hạ. Vì giờ đây bệ hạ có thể thực hiện một thành tựu lớn lao trong khi vẫn còn trẻ, vì rằng khi cơ thể già đi tinh thần cũng già nua theo, và hao mòn vì đủ việc". Bà hoàng đã nói như vậy theo lời chỉ dẫn nhận được, và nhà vua trả lời như sau: "Phu nhân, nàng đã nói tất cả những điều mà chính bản thân ta dự định thực hiện trong đầu. Vì ta đã trù tính bắc một cây cầu từ lục địa này sang lục địa khác và thực hiện một cuộc viễn chinh chống lại người Skythia, và những kế hoạch này sắp được hoàn thiện chỉ trong thời gian ngắn nữa". Atossa liền nói: "Bệ hạ hãy đừng tấn công người Skythia đầu tiên, vì đó là việc nằm trong quyền lực của bệ hạ để thực hiện bất cứ khi nào bệ hạ muốn. Nhưng thiếp cầu xin bệ hạ hãy thực hiện một cuộc chinh phạt Hy Lạp, vì thiếp muốn có những phụ nữ Lakedaimon, Argos, Athenai và Korinthos làm thị nữ, vì thiếp đã nghe kể về họ, và bệ hạ đang có trong tay người thích hợp nhất trong tất cả mọi người để trình bày với bệ hạ mọi thứ liên quan tới Hy Lạp và để làm người hướng đạo cho bệ hạ, ý thiếp muốn nói tới người đã chữa lành chân cho bệ hạ". Dareios trả lời: "Phu nhân, vì nàng thấy rằng chúng ta nên thử thách Hy Lạp trước tiên, ta nghĩ tốt hơn đầu tiên nên phái tới

họ một sứ bộ Ba Tư cùng với người nàng vừa nhắc tới để dò xét, và khi những người này đã tìm hiểu, quan sát, họ sẽ báo lại cho ta mọi thứ, khi đó ta sẽ tấn công Hy Lạp với hiểu biết đầy đủ về mọi thứ".

135. Nhà vua nói như vậy, và ông bắt tay vào triển khai hành động đúng như lời đã nói. Vì ngay khi trời hửng sáng, Dareios cho triệu kiến 15 người Ba Tư, đều là những người có danh vọng, rồi lệnh cho họ tới bờ biển Hy Lạp cùng Demokedes, và cẩn trọng không để Demokedes thoát khỏi họ, và phải mang người thầy thuốc về bằng bất cứ giá nào. Sau khi đã truyền lệnh như vậy, tiếp theo nhà vua cho triệu kiến chính Demokedes và yêu cầu ông ta làm hướng đạo về toàn xứ Hy Lạp và chỉ dẫn cho những người Ba Tư, sau đó quay trở về. Nhà vua cũng bảo ông ta mang theo tất cả những của cải có thể mang đi được của mình về làm quà cho người cha và các anh em trai, nói rằng ông sẽ ban lại cho Demokedes gấp bội. Ngoài ra, nhà vua nói thêm ông sẽ thêm vào các món quà một chiếc thuyền buôn chở đầy đủ loại hàng hóa sẽ dong buồm đi cùng sứ đoàn. Theo như tôi nhận thấy, Dareios đã hứa với vị thầy thuốc những điều này mà không hề có toan tính âm mưu gì, song Demokedes sợ rằng Dareios đang thử thách mình, và đã không vội vàng đồng ý với những gì được đề nghị, mà nói rằng ông ta sẽ để nguyên tài sản của mình ở chỗ của chúng để lại có chúng khi trở lại. Tuy vậy, Demokedes nói ông ta nhận chiếc thuyền buôn Dareios hứa ban cho ông để làm quà cho người thân. Dareios, sau khi đã ra lệnh cho cả Demokedes, liền cho sứ đoàn ra khơi.

136. Tại thành Sidon ở Phoinike, họ ngay lập tức được trang bị hai chiếc *triereis* và một thương thuyền lớn chở đầy ắp đủ loại hàng hóa. Sau đó, khi đã chuẩn bị mọi thứ sẵn sàng, họ dong buồm đi Hy Lạp, và cập bờ tại nhiều nơi, họ tìm hiểu vùng bờ biển của Hy Lạp và ghi lại cho tới khi cuối cùng đã tận mắt thấy phần lớn những địa danh nổi tiếng, họ tới Taras ở Italia. Ở đó, vì quý mến Demokedes, Aristophilides vua người Taras đã cho tháo bánh lái khỏi các thuyền Media, đồng thời cũng bỏ tù những người Ba Tư vì nhà vua nghi ngờ họ là các gián điệp. Trong khi những người Ba Tư bị xử trí như vậy, Demokedes tẩu thoát đến Kroton. Sau đó, Aristophilides liền thả sứ đoàn Ba Tư và trả lại bánh lái cho họ.

137. Những người Ba Tư rời khỏi Taras và đuổi theo Demokedes tới Kroton, rồi khi tìm thấy ông ta giữa chợ, họ liền xông vào bắt ông ta. Một số người Kroton vì sợ uy quyền Ba Tư sẵn lòng để mặc ông bị bắt đi, nhưng những người khác giữ lấy Demokedes và dùng gậy đánh người Ba Tư, những người này liền cầu xin cho bản

thân họ bằng những lời sau: "Hỡi người Kroton, hãy cẩn thận việc các người định làm. Các người đang giải cứu một người là nô lệ bỏ trốn của vua Dareios. Các người nghĩ vua Dareios có vui lòng chấp nhận một sự sỉ nhục như vậy hay không? Và điều các người làm sẽ có ích gì cho các người, nếu các người giành lấy người này khỏi tay chúng ta? Các người nghĩ xem chúng ta sẽ chinh phạt thành phố nào trước ngoài thành phố này, và thành phố nào sẽ bị nô dịch trước thành phố này?"

Tuy nhiên, dù nói thế, họ cũng không thể thuyết phục được người Kroton, mà sau khi để Demokedes bị đoạt khỏi tay họ, và cả chiếc thuyền chở hàng hóa cũng bị tước mất, họ đành lên thuyền trở về châu Á, và không dám ghé vào thêm bất cứ nơi nào ở Hy Lạp hay tìm hiểu về chúng nữa khi giờ đây đã mất đi người hướng đạo. Tuy nhiên, Demokedes đã giao phó cho họ việc này khi họ ra khơi, đó là yêu cầu họ tâu với Dareios rằng Demokedes đã hứa hôn với con gái của Milon. Vì đô vật Milon là một nhân vật rất có tiếng tăm tại triều đình của nhà vua, và tôi cho rằng Demokedes rất gấp gáp muốn có cuộc hôn nhân này, và bỏ ra nhiều tiền thúc đẩy nó để Dareios có thể thấy ông ta cũng được trân trọng ở chính vùng của ông.

138. Những người Ba Tư sau khi rời Kroton đã bị trôi dạt cùng với thuyền của họ tới Iapygia, và trong khi họ bị giữ tại đó làm nô lệ, Gillos, một người Taras lưu vong đã chuộc họ và đưa họ trở về với vua Dareios. Để đổi lại việc này, Dareios đề nghị ban cho ông ta bất cứ điều gì ông ta mong muốn, và Gillos lựa chọn việc có thể có sức mạnh để trở lại Taras, và trước nhất thuật lại câu chuyện không may của mình. Và để ông ta không gây phiền phức tới tất cả người Hy Lạp như sẽ xảy ra nếu vì ông ta mà một đạo quân lớn sẽ ra khơi tấn công Italia, Gillos nói chỉ cần những người Knidos, và không ai khác, đưa ông ta trở về là đủ. Vì Gillos cho rằng nhờ họ, vốn là thân hữu của người Taras, việc trở về từ kiếp lưu vong của ông ta có thể được thực hiện dễ dàng. Dareios liền hứa làm như vậy, và nhà vua phái một sứ giả tới Knidos yêu cầu họ đưa Gillos trở về Taras. Và người Knidos đã tuân lệnh Dareios, nhưng họ đã không thể thuyết phục được người Taras, và họ cũng không đủ mạnh để viện tới vũ lực. Đó là những chuyện đã xảy ra, và những người Ba Tư kể trên là những người đầu tiên từ châu Á tới Hy Lạp, và họ được cử đi thu thập thông tin vì lý do đã kể.

139. Sau những chuyện kể trên, vua Dareios chiếm Samos trước tất cả các thành phố khác, dù của Hy Lạp hay man tộc, vì lý do sau đây: Khi Kambyses tấn công Ai Cập, nhiều người Hy Lạp đã tới Ai Cập, một số, như có thể hiểu, gia nhập vào chiến dịch để kiếm lợi,

và một số để tìm hiểu chính vùng đất này. Trong số những người như vậy có Syloson, con trai Aiakes, em trai Polykrates, một người lưu vong từ Samos. Với Syloson, một thay đổi trong vận hội đã xảy ra như sau: ông ta lấy được và khoác lên mình một tấm áo choàng màu lửa, và đang ở giữa khu chợ tại Memphis. Dareios, người khi đó là cận vệ của Kambyses và vẫn chưa có danh vọng gì lớn, nhìn thấy ông ta và muốn có tấm áo choàng, vì thế liền tới bên ông ta và hỏi mua. Syloson, thấy rằng Dareios rất thích tấm áo choàng, như được các vị thần mách bảo liền nói: "Ta sẽ không bán cái áo này đổi lấy bất cứ khoản tiền nào, nhưng ta sẽ trao nó cho anh, vì có vẻ như nó nhất định phải thuộc về anh bằng mọi giá". Nghe những lời này, Dareios liền đồng ý và nhận lấy tấm áo choàng.

140. Syloson cho rằng ông ta đã mất cái áo choàng hẳn vì sự dễ dãi này, thế nhưng theo thời gian Kambyses qua đời, và bảy người Ba Tư đã nổi dậy chống lại các Magoi, và trong bảy người ấy Dareios đã lên ngôi, Syloson nghe ngóng biết được rằng vương quốc đã nằm trong tay người ông ta từng tặng chiếc áo choàng tại Ai Cập. Ông ta liền tới Sousa và ngồi xuống trước cổng vào cung điện của nhà vua, và nói rằng mình là ân nhân của Dareios. Người gác cổng nghe được liền tâu lên nhà vua. Nhà vua kinh ngạc và nói với anh ta: "Người Hy Lạp là ân nhân của ta mà ta phải biết ơn đó là ai vậy? Trong khi đến giờ ta mới chỉ lên ngôi được một thời gian ngắn, và từ đó đến giờ chưa từng có ai như thế tới chỗ ta. Và ta gần như có thể nói rằng ta không nợ gì một người Hy Lạp cả. Dẫu vậy cũng đưa kẻ đó vào gặp ta, để ta có thể biết ý hắn là gì khi nói như vậy". Người gác cổng liền đưa Syloson vào diện kiến nhà vua, và khi ông ta đã được đưa vào triều, một phiên dịch hỏi ông ta là ai và đã làm gì để có thể tự xưng mình là ân nhân của nhà vua. Syloson liền kể cho tất cả mọi người chuyện đã xảy ra với tấm áo choàng, và ông ta chính là người đã tặng nó. Nghe đến đây, Dareios trả lời: "Hỡi người cao quý nhất trong tất cả mọi người, chính ngươi là kẻ đã tặng cho ta một món quà khi ta còn chưa có chút quyền uy nào, cho dù món quà có nhỏ, nhưng lòng tốt ấy với ta là lớn lao không khác gì nếu giờ đây ta nhận được thứ gì đó lớn lao từ ai đó. Vì thế ta sẽ ban cho ngươi vàng bạc hậu hĩnh để trả ơn, để ngươi không bao giờ phải thấy hối tiếc vì đã ban ơn cho Dareios, con trai của Hystaspes". Syloson liền trả lời: "Tâu bệ hạ, xin đừng ban cho tôi vàng hay bạc, hãy khôi phục cho tôi bản quán Samos, nơi đang nằm trong tay một nô lệ của chúng tôi sau khi anh trai tôi Polykrates bị Oroites sát hại. Xin bệ hạ hãy trả lại nó cho tôi mà không gây đổ máu hay bán ai làm nô lệ".

141. Sau khi nghe lời cầu xin, Dareios liền sửa soạn phái một đạo quân do Otanes chỉ huy, đây cũng là một trong bảy người dự mưu

khi trước, và lệnh cho ông ta thực hiện tất cả những gì Syloson đã thỉnh cầu. Otanes liền tới vùng bờ biển và chuẩn bị cho cuộc viễn chinh.

142. Maiandrios con trai Maiandrios lúc này đang cai trị ở Samos, sau khi được Polykrates tin tưởng giao quyền, và ông ta, cho dù mong muốn thể hiện mình là người chính trực nhất, đã không thể làm được vậy. Vì khi cái chết của Polykrates được báo cho ông ta, Maiandrios đã hành động như sau: thoạt đầu, ông ta xây dựng một ban thờ Zeus Eleutherios rồi khoanh vùng thánh địa xung quanh đó, giờ vẫn còn tồn tại ở ngoại vi thành phố. Sau khi đã làm xong, ông ta tập hợp tất cả các công dân lại và nói như sau: "Như các vị cũng biết rõ như ta, quyền trượng và tất cả quyền uy của Polykrates đã được giao phó cho ta, và giờ ta có thể trở thành người cai trị các vị. Nhưng ta sẽ cố gắng hết sức để tránh không làm những điều mà ta thấy là sai trái ở người khác. Vì ta không tán thành việc Polykrates hành xử như chủ nhân của những người không hề thấp kém hơn ông ấy, ta cũng sẽ không tán thành bất cứ ai khác làm điều như vậy. Giờ đây Polykrates về phần ông ấy đã kết thúc số mệnh của bản thân mình, ta sẽ trao quyền lực vào tay dân chúng, và tuyên bố sự bình đẳng với các vị. Tuy nhiên, ta nghĩ giành những đặc quyền sau đây cho ta là hợp lý, cụ thể là 6 *talanta* sẽ được trích ra từ tài sản của Polykrates và làm quà cho ta. Thêm vào đó, ta sẽ dành cho bản thân và hậu duệ của ta chức tư tế thờ phụng Zeus Eleutherios, vị thần ta đã cho xây một ngôi đền để thờ, trong khi ta ban tự do cho các vị". Khi ông nói xong, một người Samos đứng dậy và nói: "Không, ngươi cũng là một kẻ không xứng đáng để trị vì, vì ngươi có xuất thân hèn kém và thêm nữa lại là kẻ xấu xa. Tốt hơn là ngươi hãy giải trình về số tiền mà ngươi đang nắm giữ".

143. Một người có danh tiếng trong các công dân, có tên là Telesarkhos, đã nói như thế, và Maiandrios nhận ra rằng nếu ông ta từ bỏ quyền lực, sẽ có người khác được đưa lên làm tiếm chúa thay ông ta, và không còn nghĩ tới việc từ bỏ quyền lực nữa. Sau khi lui vào thành, ông ta cho triệu từng công dân tới gặp, vờ rằng ông ta sẽ giải trình về tiền bạc, và sau đó bắt giữ họ và xiềng lại. Sau khi những người này bị bắt giam, Maiandrios đổ bệnh, và em trai ông ta, tên là Lykarnetos, cho rằng ông ta sẽ chết, liền giết hết các tù nhân để có thể dễ dàng làm chủ Samos hơn. Tất cả chuyện này xảy ra có vẻ vì họ đã không lựa chọn tự do.

144. Vì vậy, khi người Ba Tư tới Samos để đưa Syloson về, không ai chống lại họ, và hơn nữa phe của Maiandrios cũng như bản thân Maiandrios nói rằng họ sẵn sàng triệt thoái khỏi hòn đảo dưới

một thỏa thuận đình chiến. Otanes vì thế đã đồng ý với những điều kiện này, rồi sau khi đã thỏa thuận, những người có địa vị cao nhất phía Ba Tư có chỗ ngồi được chuẩn bị ở phía trước thành trì và tới ngồi xuống đó.

145. Maiandrios có một em trai bị điên tên là Kharileos. Người này vì phạm tội nào đó đã bị giam trong ngục tối, và vào thời điểm tôi đang nói tới, anh ta nghe được chuyện đang xảy ra và thò đầu qua song sắt nhà tù. Khi thấy những người Ba Tư bình yên ngồi đó, anh ta bắt đầu la hét và nói rằng muốn tới nói chuyện với Maiandrios. Maiandrios khi nghe thấy tiếng em trai liền ra lệnh thả anh ta ra và đưa tới gặp mình. Vừa được đưa tới nơi, người em bắt đầu chửi rủa nhục mạ người anh, cố gắng thuyết phục ông này tấn công người Ba Tư, và nói như sau: "Ngươi, kẻ hèn hạ nhất trong tất cả mọi người, chẳng lẽ ngươi xiềng xích ta và cho rằng ta, em trai của chính ngươi và không hề làm gì sai trái để đáng bị xiềng xích, xứng đáng với hầm giam dưới lòng đất, còn khi ngươi thấy đám người Ba Tư tống cổ ngươi ra khỏi nhà, khiến ngươi thành kẻ vô gia cư, chẳng lẽ ngươi không dám làm gì để báo thù, cho dù chúng thật dễ bị đánh bại, hay sao hả? Không thể nào, nhưng nếu quả thực ngươi sợ hãi chúng, hãy giao đám lính đánh thuê của ngươi cho ta và ta sẽ báo thù chúng vì chúng đã dám tới đây, còn ngươi ta sẵn lòng cho rời khỏi đảo".

146. Kharileos đã nói như thế, và Maiandrios chấp nhận những gì em trai mình nói, theo tôi nghĩ không phải vì ông ta đã điên tới mức cho rằng sức mạnh của mình có thể khuất phục sức mạnh của nhà vua, mà hẳn vì ông ta căm hận Syloson vì lẽ người này sẽ giành được thành bang từ tay ông ta mà không phải chịu tổn hại gì. Vậy là ông ta muốn khiêu khích người Ba Tư và làm suy yếu sức mạnh của Samos nhất có thể trước khi giao lại cho Syloson, vì tin chắc rằng người Ba Tư, khi họ đã phải chịu đổ máu, nhiều khả năng sẽ thù hận người Samos cũng như những người đã bội ước, đồng thời cũng biết ông ta có một lối thoát an toàn khỏi hòn đảo bất cứ khi nào ông ta muốn, vì Maiandrios đã cho đào một lối đi bí mật ngầm dưới lòng đất chạy từ thành ra biển. Sau đó Maiandrios lên thuyền rời khỏi Samos, còn Kharileos vũ trang cho tất cả lính đánh thuê, rồi mở toang cổng thành ra tung đám này xông vào người Ba Tư vốn không hề trông đợi chuyện này mà cho rằng tất cả đã được dàn xếp. Đám lính đánh thuê liền ập tới chỗ họ và bắt đầu giết những người Ba Tư có chỗ ngồi được mang đến kê cho họ, cũng là những người quan trọng nhất. Trong khi đám lính đánh thuê đang chém giết như vậy, lực lượng Ba Tư còn lại tới giải cứu, và đám lính đánh thuê bị dồn ép và buộc phải lui vào thành.

147. Sau đó Otanes, chỉ huy Ba Tư, thấy rằng người Ba Tư đã chịu thương vong nặng nề, liền cố tình quên những mệnh lệnh Dareios giao cho khi nhà vua phái ông ta lên đường là không được giết hay bắt làm nô lệ bất cứ người Samos nào, mà phải trao lại hòn đảo cho Syloson nguyên vẹn. Ông lệnh cho đạo quân của mình giết tất cả những ai họ bắt được, không phân biệt dù là đàn ông hay trẻ con. Vậy là trong khi một phần đạo quân bao vây thành trì, một phần khác tàn sát tất cả các dân cư họ bắt gặp, dù là trong hay ngoài các ngôi đền.

148. Trong khi đó Maiandrios đã trốn thoát Samos và đi thuyền tới Lakedaimon. Sau khi tới đó và cho chuyển vào thành phố những thứ ông ta mang theo mình khi đào tẩu, ông ta đã làm như sau: Đầu tiên, ông ta bày ra những chiếc cốc bằng bạc và vàng của mình, rồi sau đó, trong khi người hầu đánh bóng chúng, ông ta trò chuyện với Kleomenes, con trai Anaxandridas vua Sparta, và đưa vị hoàng tử về nhà mình. Khi Kleomenes thấy những chiếc cốc, hoàng tử liền ngỡ ngàng và kinh ngạc, và Maiandrios liền mời hoàng tử lấy bao nhiêu tùy thích. Maiandrios lặp đi lặp lại hai ba lần, song ở đây Kleomenes đã chứng tỏ mình là người chính trực hiếm có, vì hoàng tử không chỉ không nghĩ rằng lấy những tặng phẩm là hợp lẽ, mà khi nhận ra Maiandrios sẽ tặng quà các công dân khác để tìm kiếm sự trợ giúp cho mình, hoàng tử liền tới các *ephoroi* và nói rằng sẽ tốt hơn cho Sparta nếu kẻ lạ mặt Samos rời khỏi Peloponnesos, nếu không y sẽ thuyết phục chính hoàng tử hoặc một người Sparta nào đó hành động một cách đê hèn.

149. Tán thành với Kleomenes, các *ephoroi* tuyên bố trục xuất Maiandrios.

Còn tại Samos, người Ba Tư, sau khi đã quét sạch dân cư khỏi hòn đảo, đã trao lại nó cho Syloson không còn dân cư. Tuy nhiên, về sau chính tướng Otanes thậm chí đã tham gia vào việc đưa người lên cư trú trên đảo vì bị thôi thúc bởi một giấc mơ và một căn bệnh phát tác ở bộ phận sinh dục của ông ta.

150. Sau khi thủy quân lên đường đi chiếm Samos như kể trên, người Babylon liền nổi dậy, và đã chuẩn bị vô cùng chu đáo cho việc này, vì trong suốt thời gian trị vì của Magoi và cuộc nổi dậy của bảy người, trong toàn bộ thời gian này và quãng thời gian hỗn loạn của việc giám sát, họ đã chuẩn bị cho cuộc vây hãm thành phố của họ, và tình cờ họ đã không hề bị phát giác trong quá trình làm việc này. Rồi khi họ công khai nổi dậy, họ làm như sau: Sau khi đã tách riêng những người mẹ của họ ra trước nhất, mỗi người đàn ông cũng tách riêng cho mình một phụ nữ, bất cứ ai anh ta

muốn từ gia đình của mình, sau đó họ tập trung tất cả phụ nữ còn lại rồi giết bằng cách làm cho ngạt thở. Mỗi người đàn ông để một phụ nữ sống để làm bánh mì, còn họ giết những người còn lại để không tốn lương thực dự trữ.

151. Dareios khi được báo tin này và đã tập trung tất cả sức mạnh của mình, liền tổ chức một cuộc viễn chinh tấn công họ, và khi nhà vua đã hành quân đến Babylon, ông bắt đầu vây hãm họ. Nhưng người Babylon không hề bận tâm tới cuộc vây hãm, vì họ thường lên tường thành và tỏ vẻ coi thường Dareios cùng đạo quân của ông bằng các cử chỉ và lời lẽ, và một người trong số họ đã nói ra những lời này: "Hỡi người Ba Tư, tại sao các người cứ ngồi lì ra đó mà không cuốn xéo đi? Vì chỉ khi nào la đẻ được con thì các người mới bắt được chúng ta". Một người Babylon đã nói như thế, biết rằng một con la sẽ chẳng bao giờ đẻ con được.

152. Vậy là khi một năm bảy tháng đã trôi qua, Dareios bắt đầu bực bội và cả đạo quân của ông cũng vậy vì không khuất phục được người Babylon. Dù nhà vua đã sử dụng đủ loại vũ khí và phương tiện sẵn có, nhưng dù vậy vẫn không thể chinh phục được họ, kể cả khi đã viện tới biện pháp Kyros đã dùng để đánh chiếm Babylon. Nhưng người Babylon cực kỳ cảnh giác và nhà vua không thể khuất phục được họ.

153. Thế rồi đến tháng thứ 20, có một điều kỳ diệu xảy đến với Zopyros, con trai của Megabyzos, một trong bảy người nổi dậy trừ diệt gã Magos. Một con la được dùng để thổ lương thực cho anh ta sinh con. Khi tin này được báo với anh ta, và Zopyros đã tận mắt thấy con non, vì không tin anh ta yêu cầu những người đã chứng kiến việc này không được nói với bất cứ ai, rồi ngẫm nghĩ xem nên làm gì. Và khi ngẫm tới những lời người Babylon đã nói rằng khi nào la có thể sinh con thì tường thành mới bị đánh chiếm, Zopyros cảm thấy rằng có thể chiếm được Babylon, vì anh ta nghĩ cả người đã nói ra câu đó và việc con la của anh ta sinh con đều là do các vị thần sai khiến.

154. Vì anh ta cảm thấy định mệnh đã quyết rằng Babylon phải bị đánh chiếm, anh ta tới gặp Dareios và hỏi rằng liệu việc chinh phục Babylon có phải là vấn đề hệ trọng hay không. Được nhà vua trả lời rằng theo ông đây là việc rất quan trọng, anh ta lại nghĩ xem làm thế nào để mình là người chiếm được tòa thành và chiến công sẽ là của anh ta, vì với người Ba Tư chiến công được cho là xứng đáng với danh dự cao cả. Vì thế, Zopyros nghĩ anh ta không thể chiếm được Babylon bằng bất cứ cách nào khác ngoài việc tự hành xác bản thân rồi đào ngũ sang phía địch. Vậy là không để

tâm nhiều tới tự tôn của bản thân, anh ta tự cắt tai mũi mình, rồi cạo râu tóc đi theo cách thật xấu xí rồi lấy roi quất mình bầm dập, sau đó tới ra mắt Dareios.

155. Và Dareios vô cùng bàng hoàng khi thấy một người được ông hết sức trọng vọng lại bị hành hạ tàn nhẫn như thế. Nhà vua bật dậy khỏi ngai, kêu lớn lên và hỏi Zopyros xem ai đã hành hạ anh ta như vậy, và vì nguyên cớ gì. Zopyros trả lời: "Không tồn tại bất cứ ai ngoài bệ hạ có đủ quyền uy để đẩy thần tới tình trạng này, và tâu bệ hạ, không phải kẻ xa lạ nào đã gây ra điều này mà là chính thần đã tự gây ra cho mình, vì thần thấy thật đáng phiền muộn khi đám người Assyria dám chế nhạo người Ba Tư". Nhà vua trả lời: "Hỡi kẻ liều lĩnh nhất trên đời kia, ngươi quả thực đã gây ra một chuyện tồi tệ nhất cho một cái tên danh giá nhất khi nói như thế về những kẻ bị bao vây, ngươi đã đẩy bản thân vào một tình trạng không thể chữa chạy được. Hỡi kẻ thiếu suy nghĩ kia, làm thế nào mà kẻ thù sẽ đầu hàng chúng ta chóng vánh hơn vì ngươi đã hành hạ bản thân vậy chăng? Hẳn ngươi đã mất trí khi hủy hoại bản thân như thế". Zopyros liền nói: "Nếu thần tâu với bệ hạ những gì thần sắp sửa làm, bệ hạ chắc hẳn đã không cho phép thần làm thế. Vậy nên thần đã tự ý thực hiện. Vì thế giờ đây trừ khi bệ hạ còn có gì do dự, chúng ta sẽ chinh phục Babylon. Thần sẽ tới thẳng chỗ tường thành như một kẻ đào ngũ và nói rằng thần thành ra thế này là do bệ hạ gây ra, thần nghĩ rằng khi thần thuyết phục được chúng là như vậy, thần sẽ giành được quyền chỉ huy một phần lực lượng của chúng. Khi đó, vào ngày thứ 10 kể từ lúc thần vào thành, bệ hạ hãy huy động những binh lính mà bệ hạ không tiếc nếu họ bị tiêu diệt, hãy điều 1.000 binh lính này tới chỗ cổng thành được gọi là cổng Semiramis. Rồi sau đó, bảy ngày sau ngày thứ 10 đó, thần xin bệ hạ hãy điều 2.000 quân tấn công vào cổng Ninos. Sau đó, hãy để 20 ngày trôi qua, sau đó điều động 4.000 quân khác tới tấn công cổng Khaldaia, và hãy để cả những cánh quân trước cũng như cánh quân này không có bất cứ vũ khí nào để tự vệ ngoài dao. Rồi sau ngày thứ 20, hãy đồng loạt ra lệnh cho phần còn lại của quân đội tấn công vào tất cả các tường thành, và xin bệ hạ hãy bố trí người Ba Tư tấn công vào các cổng được gọi là cổng Belos và cổng Kissia, vì theo như thần nghĩ, khi thần đã thể hiện những chiến công lớn về sự dũng cảm, người Babylon sẽ tin tưởng giao phó cho thần, bên cạnh những thứ khác, cả những chìa khóa mở chốt các cổng thành. Sau đó sẽ là trách nhiệm của thần và những người Ba Tư để làm những gì cần làm".

156. Sau khi đã thỏa thuận như vậy, Zopyros tiến tới cổng thành, vừa đi vừa quay lưng ngó lại đằng sau, như thể anh ta thực sự là

một kẻ đào ngũ, và những người đang trực canh trên đoạn thành đó, khi thấy anh ta liền từ trên tháp chạy xuống, hơi hé mở một cánh cổng ra và hỏi xem anh ta là ai, và tới vì mục đích gì. Zopyros trả lời họ, nói rằng anh ta là Zopyros, và anh ta đào ngũ sang bên họ. Những người gác cổng nghe xong liền dẫn anh ta tới hội nghị của người Babylon. Đến nơi, anh ta bắt đầu than vãn về số phận của mình, nói rằng những thương tật kỳ thực anh ta đã tự tay gây ra cho mình, rằng anh ta đã phải chịu vì khuyên nhà vua rút quân, vì quả thực dường như thật vô nghĩa khi chiếm thành phố. "Và giờ đây", anh ta nói, "tôi tới đây để đem đến điều tốt lành lớn lao cho các vị, hỡi những người Babylon, nhưng cũng là điều vô cùng tồi tệ cho Dareios và đạo quân của y, cũng như cho người Ba Tư, vì y chắc chắn sẽ không thoát khỏi những tội lỗi đã gây ra cho tôi mà không bị trừng phạt, và tôi biết tất cả kế hoạch tấn công của y".

157. Anh ta đã nói như vậy, và những người Babylon, khi thấy một người danh giá nhất trong số những người Ba Tư bị xẻo cả mũi lẫn tai, cả người bê bết máu vì bị đánh roi, liền cho rằng anh ta đang nói sự thật và tới để trợ giúp họ, và sẵn lòng trao cho anh ta những gì anh ta yêu cầu họ, và Zopyros đề nghị họ cho mình chỉ huy một đội quân. Vậy là khi được đáp ứng, anh ta thực hiện những gì đã thỏa thuận sẽ làm với Dareios. Vì đến ngày thứ 10, anh ta dẫn đội quân Babylon xông ra khỏi thành, rồi khi bị 1.000 quân mà anh ta đã đề nghị Dareios điều tới đó đầu tiên, rồi giết sạch số quân này. Người Babylon, nhận ra những chiến công Zopyros thực hiện quả thực tương xứng với lời nói của anh ta, liền hết sức vui mừng và sẵn sàng đáp ứng anh ta trong mọi việc. Rồi sau khi số ngày đã thỏa thuận trước trôi qua, anh ta lại chọn một đội quân Babylon xông ra và giết 2.000 quân của Dareios. Chứng kiến cả chiến công này, tất cả người Babylon đều lớn tiếng hô vang tên Zopyros và hết mực ca ngợi anh ta. Sau đó, khi số ngày thỏa thuận trôi qua, anh ta lại dẫn người Babylon ra nơi đã hẹn trước, bao vây và giết sạch 4.000 quân địch. Khi việc này diễn ra, Zopyros trở nên rất có uy tín trong người Babylon, và được chỉ định làm chỉ huy quân đội của họ cũng như người bảo vệ tường thành.

158. Nhưng khi Dareios tung ra một cuộc tấn công theo đúng thỏa thuận vào tất cả các tuyến tường thành, Zopyros liền thực hiện mưu kế của mình: Trong khi người Babylon đã lên cả trên tường thành và đang chống trả lại cuộc tấn công của quân đội Dareios, Zopyros liền mở các cổng Kissia và Belos cho quân Ba Tư vào thành. Và những người Babylon chứng kiến hành động này đều chạy trốn tới ngôi đền Zeus Belos, song những người không

biết đều ở nguyên vị trí được phân công của mình cho tới khi rốt cuộc họ biết được đã bị phản bội.

159. Babylon đã bị chinh phục lần thứ hai như vậy, và Dareios, khi đã khuất phục người Babylon, đầu tiên cho phá hết các tường thành bao quanh thành phố của họ và giật sập các cổng thành, vì trước đây khi Kyros chiếm Babylon, ông đã không làm việc đó. Thứ hai, Dareios hành hình bằng cách đóng cọc những người cầm đầu cuộc nổi dậy, gồm tất cả khoảng 3.000 người, song trả lại thành phố cho những cư dân còn lại của Babylon để họ cư trú, rồi để những người Babylon đều có vợ giúp dòng giống của họ có thể phát triển, Dareios đã làm như sau (vì như đã nói từ đầu, những người Babylon đã giết chết vợ của họ bằng cách làm cho ngạt thở để tiết kiệm lương thực): Nhà vua ra lệnh cho các dân tộc ở xung quanh đưa phụ nữ tới Babylon, ấn định một số lượng nhất định cho mỗi dân tộc, để tổng số sẽ có 50.000 phụ nữ được đưa tới, và từ những phụ nữ này, những hậu duệ hiện tại của Babylon được sinh ra.

160. Còn về Zopyros, theo sự phán xét của Dareios, không người Ba Tư nào có thể vượt qua công trạng, cho dù là sau này hay trước đó, ngoại trừ chính Kyros, vì Kyros là người mà không người Ba Tư nào dám đem ra so sánh với mình. Và Dareios được kể là thường tuyên bố rằng ông thà Zopyros không bị vết thương nào còn hơn là có thêm 20 Babylon nữa. Hơn nữa, nhà vua đã ban thưởng hậu cho Zopyros, vì không chỉ nhà vua ban cho anh ta hằng năm những thứ được người Ba Tư coi là cao quý nhất, mà đồng thời Dareios còn ban Babylon cho Zopyros để cai trị mà không phải cống nạp, chừng nào anh ta còn sống, rồi nhà vua còn ban thêm rất nhiều quà tặng. Con trai của Zopyros là Megabyzos, viên tướng đã được phong làm chỉ huy tại Ai Cập để chống lại người Athenai và các đồng minh của họ. Và con trai của Megabyzos này là Zopyros, người đã đào ngũ khỏi Ba Tư tới Athenai.

Quyển 4
Melpomene[1]

[1]. Nữ thần bi kịch trong thần thoại Hy Lạp.

1. Sau khi chiếm lại Babylon, Dareios tiến công người Skythia. Vì giờ đây châu Á có dân số trở nên đông đúc, và những khoản thu lớn đã được tích lũy, Dareios liền mong muốn báo thù người Skythia, do người Skythia trước đó đã xâm lược đất Media và đánh bại những ai chống lại họ, và như thế người Skythia đã sai trước. Quả thực, như tôi đã nói trước đó, người Skythia đã cai trị thượng châu Á trong 28 năm, vì họ đã xâm lược châu Á khi truy đuổi người Kimmerioi, và họ đã lật đổ sự thống trị của người Media, những người đã cai trị châu Á trước khi người Skythia tới. Người Skythia đã vắng bóng khỏi miền đất của họ trong 28 năm, vào thời điểm họ quay trở lại đó sau thời gian dài vắng mặt, họ đã có một cuộc giao tranh không kém phần dữ dội so với cuộc chiến với người Media, vì họ phát hiện ra mình phải đối đầu với một đạo quân không hề nhỏ. Các bà vợ của người Skythia, do chồng họ xa cách suốt một thời gian dài, đã giao hoan cùng các nô lệ.

2. Người Skythia chọc mù mắt nô lệ của họ vì thứ sữa họ uống, và thứ sữa ấy được lấy theo cách sau đây: Họ lấy những cái ống bằng xương giống như những ống sáo, nhét chúng vào âm hộ của những con ngựa cái rồi thổi, trong khi những người này thổi thì những người khác vắt sữa. Họ nói rằng bằng cách đó các mạch máu của con ngựa cái sẽ căng lên vì bị thổi phồng ra, nhờ đó vú được ép xuống. Khi đã vắt được sữa, họ đổ vào những cái thùng gỗ, rồi họ xếp cho các nô lệ mù ngồi thành thứ tự cạnh những cái thùng và khuấy sữa. Phần nổi lên trên họ hớt ra, coi đó là phần có giá trị nhất, những thứ lắng xuống họ coi là ít giá trị hơn. Đó là lý do họ chọc mù mắt tất cả tù binh, vì người Skythia không phải nông dân mà là một dân tộc du mục.

3. Những nô lệ này và những người vợ của họ đã sinh thành một thế hệ thanh niên, những người khi biết hoàn cảnh ra đời của mình đã chống lại người Skythia khi họ quay về từ vùng đất Media. Thoạt đầu, họ tách riêng lãnh thổ của mình bằng cách đào một đường hào rộng chạy dài từ núi Taurike tới hồ Maiotis tại nơi khoảng cách này rộng nhất. Sau đó, khi người Skythia tìm cách tấn công lãnh thổ này, họ liền chiếm lĩnh vị trí và chiến đấu chống lại. Hai bên giao chiến nhiều lần, và vì người Skythia không có được chút lợi thế nào khi chiến đấu, một trong số họ nói: "Chúng ta đang làm gì thế này, hỡi người Skythia! Chúng ta đang chiến đấu với chính nô lệ của mình, và không chỉ chúng ta càng ít hơn về số lượng qua việc bị giết trong chiến đấu, mà chúng ta còn đang giết chúng, vậy là chúng ta sẽ có ít nô lệ hơn để cai trị trong tương lai. Vì thế, giờ đây theo tôi tốt hơn có lẽ chúng ta hãy bỏ lại giáo và cung, rồi mỗi người cầm lấy một chiếc roi ngựa và cứ thế tới gần chúng, vì chừng nào chúng còn thấy chúng ta với vũ khí trong tay, chúng sẽ nghĩ bản thân chúng ngang hàng với chúng ta và được sinh ra bình đẳng; nhưng khi chúng thấy chúng ta cầm roi thay vì vũ khí, chúng sẽ nhận ra chúng là nô lệ của chúng ta, và một khi đã hiểu ra, chúng sẽ không chờ đợi cuộc tấn công của chúng ta đâu".

4. Khi nghe được những lời này, những người Skythia liền làm theo, và những kẻ chống lại họ phát hoảng trước bộ dạng của người Skythia đã quên bẵng việc chiến đấu và bỏ chạy. Người Skythia đã cai trị khắp châu Á như vậy, rồi quay lại vùng đất của chính họ khi bị người Media đánh đuổi một lần nữa. Vì điều này Dareios muốn báo thù họ, và tập hợp một đạo quân để tấn công họ.

5. Người Skythia nói rằng dân tộc họ trẻ nhất trong tất cả các dân tộc, và hình thành như sau: Người đàn ông đầu tiên từng sống ở vùng này, khi đó còn hoang vu, là một người tên là Targitaos. Và người ta kể về nhân vật Targitaos này, cho dù bản thân tôi không tin những lời kể ấy, rằng cha mẹ của ông ta là thần Zeus và con gái của sông Borysthenes[1]. Người ta kể rằng Targitaos được sinh ra từ nguồn gốc như thế, và ông ta có ba người con trai, Lipoxais, Arpoxais và con út Kolaxais. Dưới thời trị vì của những người con trai này từ trên trời đã rơi xuống vùng đất của người Skythia một số đồ vật làm bằng vàng, một cái cày, một cái ách, một cây rìu chiến, và một chiếc cốc. Thoạt đầu, người anh cả trông thấy và lại gần chúng, muốn lấy những món đồ này, nhưng vàng lại bùng cháy lên khi anh ta lại gần. Khi người anh cả lùi ra xa, người em thứ lại gần, và thêm lần nữa chuyện tương tự lại xảy ra. Vậy là những món đồ bằng vàng xua đuổi hai người anh bằng cách bùng

cháy. Nhưng khi người em út tới gần, lửa tắt, và anh ta mang những món đồ đó về nhà. Người anh cả khi đó nhận ra ý nghĩa của việc này liền trao toàn bộ vương quyền cho người em út.

---

1. Sông Borysthenes (ngày nay là sông Dnepr) chảy qua Ukraina. (BT)

---

6. Từ Lixopais truyền xuống những người Skythia được gọi là tộc Aukhatai, từ người em thứ Arpoxais truyền xuống những người được gọi là tộc Katiaroi và tộc Traspies, còn hậu duệ của người em út được gọi là tộc "hoàng gia", những người tự xưng là Paralatai. Và tất cả họ được gọi chung là người Skolotoi, theo tên vua của họ, nhưng người Hy Lạp gọi họ là người Skythia.

7. Người Skythia kể rằng họ được hình thành như thế, và từ thời điểm họ xuất hiện, có nghĩa là từ vị vua đầu tiên Targitaos, cho tới thời điểm Dareios tấn công họ, họ nói rằng chỉ có 1.000 năm không hơn. Những món đồ bằng vàng thiêng liêng được các vị vua gìn giữ hết sức nghiêm ngặt, và họ tới thăm những linh vật này mỗi năm một lần với những lễ hiến sinh trang trọng để được các linh vật phù trợ. Thêm nữa, nếu bất cứ ai ngủ quên trong khi túc trực hầu các linh vật ngoài trời trong lễ hội, người Skythia nói rằng kẻ đó sẽ không sống được hết năm, và vì lý do đó người này sẽ được trao cho số đất mà anh ta có thể cưỡi ngựa chạy vòng quanh được trong một ngày. Vì đất đai rất rộng, người ta kể rằng Kolaxais đã lập ra ba vương quốc cho các con trai mình, trong đó có một vương quốc rộng hơn các vương quốc còn lại, là nơi các linh vật bằng vàng được cất giữ. Còn về phần phía trên về hướng bắc những người cư trú ở phía trên vùng đất này, người ta kể rằng không ai có thể nhìn thấy hay đi qua thêm xa hơn nữa vì những chiếc lông vũ rơi xuống như trút, cả mặt đất và không trung đều đầy ắp lông vũ, và chúng làm che khuất tầm nhìn.

8. Người Skythia kể như vậy về bản thân họ và vùng đất phía trên họ, nhưng người Hy Lạp cư trú ở Pontos lại kể như sau: Herakles đã xua bầy gia súc của Geryon tới vùng đất này, nơi người Skythia cư trú, khi đó còn hoang vu. Và theo lời kể, Geryon sống ở xa vùng Pontos, trên hòn đảo được người Hy Lạp gọi là Erytheia, gần Gadeira ở phía ngoài Các trụ của Herakles kề bên Đại dương. Còn về Đại dương, người ta nói quả thực nó chảy vòng quanh toàn bộ mặt đất bắt đầu từ nơi mặt trời mọc, nhưng họ không thể chứng minh điều này bằng các bằng chứng thực tế. Từ nơi đó Herakles đã tới vùng đất ngày nay được gọi là Skythia. Và vì một cơn bão ập xuống vị anh hùng cùng cái lạnh giá buốt, ông liền kéo bộ da sư tử

khoác trên người lên và ngủ. Trong khi đó, những con ngựa cái được thắng vào cỗ chiến xa của ông đã biến mất một cách bí ẩn trong lúc chúng đang được cho ăn.

9. Khi tỉnh dậy, Herakles đi tìm chúng, và sau khi đã đi khắp vùng đất, cuối cùng ông tới nơi được gọi là Hylaia. Tại đó, ông tìm thấy trong một cái hang một sinh vật lai giữa một trinh nữ và một con rắn, với phần cơ thể từ mông trở lên là của một phụ nữ, nhưng phần dưới lại là của một con rắn. Sau khi thấy sinh vật này và ngỡ ngàng, ông hỏi cô gái rắn liệu cô có thấy con ngựa cái nào chạy lạc ở đâu không. Cô gái rắn liền nói rằng nàng đang giữ những con ngựa này và sẽ không trao chúng ra cho tới khi ông đã giao hoan với nàng, vậy là Herakles liền giao hoan với nàng với điều kiện được nhận lại lũ ngựa. Sau đó, cô gái tìm cách trì hoãn việc trả ngựa vì muốn giữ Herakles lại lâu nhất có thể, trong khi Herakles lại muốn lấy lũ ngựa và rời đi. Cuối cùng, cô gái trả lũ ngựa lại và nói: "Khi những con ngựa cái này tới đây, ta đã giữ chúng an toàn cho chàng, và chàng đã trao cho ta một phần thưởng vì cứu chúng, và ta sẽ có ba con trai với chàng. Vậy hãy nói cho ta biết ta cần làm gì khi chúng lớn lên thành những người đàn ông, ta nên để chúng lập nghiệp tại đây, vì ta chỉ có quyền năng trên vùng đất này mà thôi, hay ta nên đưa chúng tới chỗ chàng?" Cô gái rắn hỏi ông như thế, và người ta kể rằng ông đã trả lời: "Khi nàng thấy những đứa trẻ đã trưởng thành, hãy làm thế này và chắc chắn nàng cũng quyết định đúng: Bất cứ ai trong số các con nàng thấy có thể giương được cây cung này như ta đang làm, và đeo được đai lưng này như ta, hãy để nó lập nghiệp ở đất này. Nhưng nếu ai không thể làm được những điều ta vừa nói, hãy bảo chúng rời khỏi vùng đất này, và nếu nàng làm vậy, nàng sẽ vừa có cả niềm vui cho chính mình vừa làm tròn những gì được ủy thác cho nàng".

10. Nói xong, ông lấy một cây cung của mình ra (vì cho tới khi đó người ta nói rằng Herakles thường mang theo hai cây cung) và chỉ cho cô gái chiếc đai lưng, rồi giao cho cô cả cây cung lẫn đai lưng, ở khóa đai lưng này có một chiếc cốc vàng. Trao lại hai vật này xong, ông ra đi. Cô gái, khi các con trai ra đời và đã trưởng thành, liền làm như lời dặn. Đầu tiên người mẹ đặt tên cho các cậu con trai, gọi người con cả là Agathyrsos, người con thứ hai là Gelonos và người con út là Skythes. Nhớ tới lời ủy thác cho mình, bà liền thực hiện các thử thách. Hai người con trai của bà, Agathyrsos và Gelonos, chứng tỏ họ không thể thực hiện được thử thách được đưa ra, liền rời khỏi vùng đất đó, bị chính mẹ để của họ đuổi đi. Còn Skythes, cậu em út, thực hiện được thử thách và ở lại vùng đất này. Và từ Skythes, con trai Herakles, bắt nguồn các vị vua kế

tiếp nhau của người Skythia. Người ta còn kể thêm rằng vì chiếc cốc gắn vào đai lưng đó mà tới tận ngày nay người Skythia vẫn gắn những chiếc cốc vào đai lưng của họ, và chiếc cốc này người mẹ đã dành riêng cho Skythes. Đó là câu chuyện những người Hy Lạp sống ở vùng Pontos kể lại.

11. Tuy nhiên, vẫn còn một câu chuyện nữa như sau, và đây là câu chuyện tôi thấy đáng tin nhất. Câu chuyện kể rằng những người Skythia du mục sống ở châu Á, khi bị dồn ép dữ dội bởi người Massagetai trong chiến tranh liền rời bỏ vùng đất của họ, vượt sông Araxes hướng tới miền đất của người Kimmerioi (vùng đất hiện nay người Skythia chiếm cứ được kể từng là đất của người Kimmerioi). Người Kimmerioi, khi người Skythia tới và tấn công họ, liền cùng nhau bàn bạc, thấy rằng cả một bộ lạc du mục lớn đang tiến tới đánh họ. Và quan điểm của họ bị chia rẽ, tất cả các quan điểm đều nhất mực được bảo vệ, song quan điểm hợp lẽ hơn thuộc về vua của họ. Vì dân chúng cho rằng cần phải rời đi và họ nhất thiết không được mạo hiểm chiến đấu chống lại kẻ thù đông như vậy, song vua của họ thì cho rằng cần chiến đấu bảo vệ đất đai và chống lại những kẻ tới tấn công họ. Và vì dân chúng không sẵn lòng tán thành quan điểm của nhà vua và nhà vua cũng không tán thành quan điểm của dân chúng, dân chúng liền dự định rời đi không chiến đấu, trao lại đất đai cho những kẻ xâm lược, trong khi nhà vua quyết tâm sống chết và được chôn cất trên đất của chính mình chứ không chạy trốn cùng đông đảo dân chúng, vì ông nghĩ tới tất cả những điều tốt đẹp mà họ đã có, cũng như vô vàn tai ương có thể sẽ giáng xuống nếu chạy trốn khỏi bản quán. Sau khi đã quyết tâm như thế, những người đó chia thành hai phần số lượng bằng nhau, rồi giao chiến với nhau. Khi tất cả những người này đã chết dưới tay nhau, người Kimmerioi liền chôn họ bên bờ sông Tyras (ngày nay vẫn có thể thấy nơi chôn cất họ), sau đó họ lên đường rời khỏi vùng đất, và khi người Skythia tới, đây chỉ là một vùng đất hoang vắng không còn cư dân.

12. Và tại đó ngày nay trên đất Skythia có những bức tường của người Kimmerioi và một bến phà của người Kimmerioi. Ngoài ra cũng có một vùng được gọi là Kimmeria, cũng như vùng Bosporos Kimmerios.

Người Kimmerioi, trong cuộc chạy trốn về châu Á để thoát khỏi người Skythia, đã định cư ở bán đảo ngày nay có thành phố Sinope của Hy Lạp, và đồng thời cũng biết rằng người Skythia đã truy đuổi họ và xâm lược vùng Media sau khi không tìm thấy họ. Vì trong khi người Kimmerioi luôn men theo biển trong cuộc chạy trốn, người Skythia khi truy đuổi lại luôn men theo dãy Kaukasos

nằm bên phải mình, cho tới khi cuối cùng họ tấn công Media, tiến sâu vào nội địa. Việc này đã được kể trong một câu chuyện khác, và được thuật lại giống với cả người Hy Lạp và các man tộc.

13. Tuy nhiên, Aristeas con trai Kaustrobios, một người Prokonnesos, đã nói trong những câu thơ của mình rằng ông đến vùng đất của người Issedones do được Phoibos linh cảm, và xa hơn vùng của người Issedones là nơi cư ngụ của những người Arimaspoi, một tộc người một mắt, xa hơn họ là vùng đất của những con quái vật mình sư tử đầu chim ưng canh gác vàng, rồi xa hơn nữa là người Hyperboreoi cho tới tận biển. Và tất cả, bắt đầu từ người Arimaspoi, ngoại trừ người Hyperboreoi, đều liên tục gây chiến với láng giềng của họ, và người Issedones dần dà bị người Arimaspoi đuổi khỏi vùng đất của mình, còn người Skythia lại bị người Issedones xua đuổi, vậy là người Kimmerioi, vốn cư trú ở Biển phía Nam, do bị người Skythia tấn công đã rời khỏi miền đất của mình. Thi sĩ này không hề đồng tình với những gì kể về vùng đất này có liên quan tới người Skythia.

14. Về Aristeas, người đã sáng tác nên bài thơ này, tôi đã nói về nguồn gốc của ông ta, và tôi cũng sẽ kể ra đây câu chuyện tôi nghe được về ông ta ở Prokonnesos và Kyzikos. Người ta kể rằng Aristeas, có xuất thân không thua kém bất cứ công dân nào, đi vào cửa hàng của một người hồ vải và chết ở đó. Người hồ vải liền đóng cửa hàng của mình, đi báo tin cho thân nhân người chết. Khi tin tức Aristeas đã chết lan ra trong thành phố, một người Kyzikos từ Artaka tới liền tranh cãi với những người khác, tuyên bố rằng anh ta đã gặp thi sĩ đi về phía Kyzikos và đã trò chuyện với ông. Trong khi họ đang tranh cãi gay gắt, thân nhân của người chết tới cửa hàng của người hồ vải cùng những thứ cần thiết để mang cái xác về an táng. Khi ngôi nhà được mở ra, họ không tìm thấy Aristeas ở đó, dù còn sống hay đã chết. Và bảy năm sau đó ông này xuất hiện tại Prokonnesos và sáng tác những câu thơ ngày nay được người Hy Lạp gọi là Arimaspeia, rồi sau khi sáng tác ra chúng, ông ta lại biến mất lần thứ hai.

15. Đó là những gì đã được kể ở những thành phố này, và tôi biết những chuyện sau đây đã xảy đến với người Metapontion tại Italia 240 năm sau lần biến mất thứ hai của Aristeas, như tôi tìm ra khi chắp ghép các bằng chứng tại Prokonnesos và Metapontion. Người Metapontion kể rằng chính Aristeas đã xuất hiện tại vùng đất của họ và yêu cầu xây một ban thờ cho Apollon và dựng bên cạnh một bức tượng mang tên Aristeas người Prokonnesos. Vì ông này nói với họ rằng vùng đất của họ là nơi duy nhất thần Apollon từng đến trong mọi vùng đất của những tộc người Italiotes, và ông ta,

lúc này dưới hình dạng Aristeas, đã tháp tùng vị thần, và làm việc đó dưới hình dạng một con quạ. Nói xong ông biến mất, và người Metapontion kể họ đã cử người tới Delphoi hỏi các vị thần về ý nghĩa sự xuất hiện của người đàn ông. Và nữ tư tế Pythia đã bảo họ hãy nghe lời của người đã hiển linh, vì như thế sẽ tốt hơn cho họ. Người Metapontion liền chấp nhận câu trả lời này và làm như được yêu cầu, ngày nay vẫn có một bức tượng mang tên Aristeas được dựng sát bên ban thờ của thần Apollon, và quanh nó là những cây nguyệt quế, còn ban thờ được xây dựng giữa chợ. Đến đây là hết những gì được kể về Aristeas.

16. Về phần vùng đất được tường thuật khi bắt đầu câu chuyện này, không ai biết chính xác nằm xa hơn miền đất đó là gì, vì tôi không thể nghe được lời kể từ bất cứ ai chứng tỏ rằng mình biết một nhân chứng đã nhìn tận mắt, và ngay cả Aristeas, người tôi vừa mới kể qua, cho dù đã viết nên các câu thơ, cũng không cho rằng mình đã đi xa hơn những người Issedones, mà những gì nằm ở xa hơn miền đất của họ ông nói đến qua lời nghe kể lại, và cho hay chính những người Issedones đã kể những chuyện đó. Tuy nhiên cho đến giờ tôi có thể tiếp cận được sự chắc chắn qua những lời kể lại khi đã nỗ lực khảo cứu hết mức có thể, tất cả sẽ được kể lại.

17. Bắt đầu từ thương điếm của người Borysthenes, vì đây là điểm trung tâm của toàn Skythia ở những vùng nằm dọc theo bờ biển, thì vùng đầu tiên có người ở là do người Kallipidai, vốn là người Skythia- Hy Lạp, chiếm cứ. Sống phía trên vùng đất của họ là một tộc người khác, được gọi là người Alazones. Người Alazones và người Kallipidai về tất cả các mặt khác có cùng phong tục như người Skythia, nhưng cả hai tộc người này đều trồng cây lương thực và sử dụng làm thức ăn, ngoài ra họ còn trồng hành tây, tỏi tây, đậu lăng và kê. Sống trên người Alazones là người Skythia, những người cũng canh tác đất và trồng lương thực nhưng không phải để ăn mà để bán. Xa hơn họ là người Neuroi, và ở xa hơn người Neuroi về phía bắc là một vùng đất không có dân cư, theo những gì tôi biết. Những tộc người này sống dọc sông Hypanis về phía tây sông Borysthenes.

18. Nhưng sau khi vượt qua sông Borysthenes, kể từ bờ biển trước tiên là Hylaia, rồi xa hơn họ khi người ta đi ngược dòng sông là người Skythia làm nông nghiệp, được người Hy Lạp sống bên sông Hypanis gọi là người Borysthenes, đồng thời những người này cũng tự gọi bản thân là người Olbiopolites. Người Skythia làm nông nghiệp cư trú trên vùng đất trải dài về phía đông trong ba ngày đường, tới một dòng sông được gọi là Pantikapes, và trải dài

về phía bắc một khoảng đi hết 11 ngày trên thuyền ngược sông Borysthenes. Ngay kế tiếp những người đó là vùng hoang mạc trải rộng trên khoảng cách lớn, và ở phía bên kia hoang mạc là nơi cư trú của người Androphagoi, một tộc người độc lập không có bất cứ liên hệ nào với người Skythia. Ở xa hơn nữa là một vùng thực sự hoang vu và không có tộc người nào sinh sống, theo những gì tôi biết.

19. Vùng đất nằm về phía đông những người Skythia làm nông nghiệp kể trên, sau khi ta đã vượt qua sông Pantikapes, do những người Skythia du mục chiếm cứ, những người này không cày đất hay gieo trồng bất cứ thứ gì, và toàn bộ vùng đất này đều không có cây, ngoại trừ Hylaia. Những người du mục chiếm cứ một vùng đất trải dài tới tận sông Gerrhos, trải dài 14 ngày đường về phía đông.

20. Ở bờ bên kia sông Gerrhos[1], chúng ta có những vùng đất gọi là vùng "Hoàng gia" cùng những người Skythia can trường nhất, đông đảo nhất, những người này coi các tộc người Skythia khác là nô lệ của họ. Những vùng đất này trải dài xuống phía nam tới vùng Taurike, và trải dài về phía đông tới chỗ đường hào do hậu duệ các nô lệ mù đào, và tới thương điếm Kremnoi nằm trên hồ Maiotis, và một phần lãnh thổ của họ trải rộng tới tận sông Tanais[2]. Ở xa hơn người Skythia Hoàng gia về phía bắc là người Melankhlainoi, thuộc một dòng dõi khác và không phải là người Skythia. Vùng đất nằm xa hơn lãnh thổ của người Melankhlainoi là đầm lầy và không có tộc người nào cư ngụ, như tôi biết.

---

1. Ngày nay là sông Molochna ở phía Nam Ukraina. (BT)

2. Ngày nay là sông Don, chảy vào cực bắc biển Azov. (BT)

---

21. Sau khi người ta vượt qua sông Tanais, lãnh thổ không còn là Skythia nữa, mà vùng đất đầu tiên trong số các vùng đất thuộc về người Sauromatai, có lãnh thổ bắt đầu từ góc hồ Maiotis chạy dài về phía bắc trong 15 ngày đường, và hoàn toàn không có cây, dù là được trồng hay cây dại. Xa hơn họ, chiếm cứ vùng đất kế tiếp là người Boudinoi cư trú trên vùng đất phủ đầy rừng với đủ loại cây.

22. Rồi ở xa hơn người Boudinoi về phía bắc, trước tiên là hoang mạc trong bảy ngày đường, khi hết hoang mạc và rễ ít nhiều về phía đông chúng ta sẽ tới lãnh thổ của người Thyssagetai, một tộc người đông đảo và khác biệt với các tộc người khác. Những người này sống nhờ săn bắt, và láng giềng với họ là những người cư ngụ

ở cùng khu vực, được gọi là người Iyrkai, và cũng sống nhờ săn bắt. Họ đi săn theo cách như sau: Thợ săn trèo lên một cái cây và nằm trên đó đợi con mồi (rất nhiều cây ở vùng này), và mỗi người thợ săn đều mang theo sẵn một con ngựa đã được huấn luyện nằm ép sát bụng xuống đất để hạ thấp người, cùng một con chó. Từ trên cây người thợ săn trông thấy thú hoang, đầu tiên anh ta bắn tên, sau đó lên lưng ngựa đuổi theo con mồi, còn con chó sẽ bắt lấy con mồi.

Phía bắc và về phía đông là nơi cư trú của các tộc người Skythia khác, những người đã nổi dậy chống lại người Skythia Hoàng gia và vì thế mà tới vùng này.

23. Toàn bộ vùng đất của người Skythia đã được miêu tả ở trên đều bằng phẳng và có lớp đất dày; nhưng sau đó, mặt đất trở nên đầy sỏi đá và gồ ghề. Khi đi được một quãng đường dài qua vùng đất cằn cỗi này, cư trú ven các dãy núi cao ở đó là những người được kể là bị hói đầu từ khi sinh ra, cả nam lẫn nữ, và có mũi tẹt, cằm rộng, nói một thứ ngôn ngữ riêng, mặc trang phục kiểu Skythia, và sống nhờ vào sản vật của các loài cây. Họ sống nhờ vào quả một loại cây gọi là *pontikon*, có kích thước cỡ bằng cây vả. Loài cây này cho một thứ quả bằng kích thước hạt đậu, lõm ở trong. Khi quả đã chín, họ vắt quả qua vải và thu được từ quả một thứ nước sánh màu đen, thứ nước này được gọi là *askhy*. Họ hoặc uống ngay thứ nước này hoặc pha với sữa để uống, phần bã họ làm bánh và dùng làm thức ăn. Họ không có mấy gia súc, vì đồng cỏ ở vùng này không được tốt. Mỗi người có nơi ở dưới một cái cây, vào mùa đông họ che khắp xung quanh cây bằng vải len trắng quấn sát, còn mùa hè thì không. Không ai làm tổn thương những cái cây này, vì chúng được coi là thiêng liêng, và họ không sở hữu bất cứ binh khí nào. Họ cũng là người phân xử những xung đột giữa các tộc người láng giềng. Ngoài ra, bất cứ kẻ đào tẩu nào chạy trốn tới ẩn náu ở chỗ họ cũng không bị ai làm hại, và họ được gọi là người Argippaioi.

24. Về những người hói đầu này, có rất nhiều thông tin rõ ràng về vùng đất cũng như những dân tộc nằm phía bên này vùng đất của họ, vì không chỉ rõ ràng rằng người Skythia tới chỗ họ, và không khó để hỏi thông tin từ những người này, mà cả một số người Hy Lạp sống tại thương điếm Borysthenes và tại các thương điếm khác dọc bờ biển Pontos cũng tới. Và người Skythia tới chỗ họ thực hiện việc trao đổi qua bảy người phiên dịch bằng bảy thứ tiếng khác nhau.

25. Trên đây là những gì đã biết về vùng đất này, song về vùng đất

ở phía bắc nơi cư trú của những người hói đầu, không ai có thể nói gì một cách chắc chắn, vì những dãy núi cao hiểm trở không thể vượt qua chia cắt những vùng đất đó, và không ai đi được tới đó. Tuy nhiên, những người hói đầu nói (dù tôi không tin điều đó) rằng trên các dãy núi đó có những người chân dê sống. Và rằng sau khi người ta đã vượt qua các dãy núi kể trên, sẽ bắt gặp những người ngủ suốt sáu tháng mỗi năm. Điều này tôi không cho là đúng. Tuy nhiên, vùng đất nằm về phía đông lãnh thổ của những người đầu hói đã được biết chắc chắn là nơi người Issedones cư ngụ, nhưng vùng đất nằm xa hơn nơi sinh sống của người đầu hói và người Issedones về phía bắc thì không được biết rõ, ngoại trừ những điều chúng ta biết qua lời thuật từ các tộc người vừa được kể tới ở trên.

26. Người Issedones được kể là có các tập quán sau: Khi cha của một người qua đời, tất cả họ hàng mang gia súc tới nhà người quá cố, rồi sau khi đã giết những con gia súc này và xẻ thịt, họ cũng xẻ thịt cả thi thể người cha quá cố của vị gia chủ, rồi trộn tất cả các loại thịt với nhau, họ liền mở tiệc. Tuy nhiên, sọ của người quá cố được họ lóc hết thịt, rửa sạch rồi mạ, và trân trọng như một vật thiêng, hằng năm đều dâng lễ hiến sinh trọng thể lên người quá cố. Mỗi người con trai đều làm vậy cho cha mình, cũng giống như người Hy Lạp nhớ ngày tưởng niệm người quá cố. Về những mặt khác, tộc người này được kể là sống một cách chính trực, và phụ nữ của họ có quyền ngang hàng với đàn ông.

27. Tộc người này vậy là được biết rõ, song về vùng đất nằm xa hơn họ, chính người Issedones thuật lại rằng ở đó có những người một mắt và các quái vật mình sư tử đầu chim ưng canh giữ vàng. Người Skythia thuật lại chuyện này sau khi nghe kể từ họ, và từ người Skythia, chúng ta, tức là phần còn lại của nhân loại, có được những gì chúng ta tin, và chúng ta gọi họ là Arismapoi theo tiếng Skythia, vì người Skythia gọi số một là *arima* và mắt là *spou*.

28. Toàn bộ vùng đất đã được miêu tả này có khí hậu hết sức khắc nghiệt, tám tháng trong năm ở đây có sương giá nặng tới mức không thể chịu đựng nổi, và trong những tháng này nếu đổ nước ra đất ta sẽ không thể tạo thành bùn, mà chỉ có thể làm thế bằng cách đốt lửa trên mặt đất. Biển bị đóng băng cũng như toàn bộ Bosporos Kimmerios, khiến người Skythia cư trú ở bên trong đường hào tổ chức các cuộc viễn chinh và đưa những cỗ xe vào vùng đất của người Sindoi. Ở đó mùa đông cứ như vậy kéo dài trong tám tháng, và thậm chí cả trong bốn tháng còn lại trời cũng lạnh. Mùa đông này về tính chất khác biệt hẳn mọi mùa đông tại những vùng khác trên thế giới, vì không có chút mưa nào vào

mùa mưa thông thường, trong khi vào mùa hè trời lại mưa liên tục, và sấm sét không xảy ra vào thời điểm vẫn xảy ra ở những đất nước khác, nhưng xảy ra rất thường xuyên vào mùa hè. Và nếu sấm sét xảy ra vào mùa đông, điều đó sẽ gây kinh ngạc như một sự kỳ diệu. Cũng như vậy, nếu một trận động đất xảy ra, dù vào mùa hè hay mùa đông, ở Skythia điều này cũng được coi là sự kỳ diệu. Ngựa có thể chịu đựng qua mùa đông, nhưng cả la lẫn lừa đều không thể chịu nổi, trong khi ở những vùng khác nếu ngựa đứng ngoài sương giá sẽ bị mất bốn chân vì hoại tử do lạnh, trong khi lừa và la chịu đựng được.

29. Tôi cũng nghĩ rằng chính vì lý do này mà loại bò không sừng ở vùng đất đó không mọc lên sừng, và có một câu thơ của Homeros trong *Odysseia* ủng hộ quan điểm của tôi, nói như sau:

> Và đến Libya, nơi cừu nhú sừng trên trán rất nhanh.

Vì sẽ là đúng đắn khi nói rằng ở vùng nóng sừng mọc ra nhanh hơn, trong khi ở những vùng rất lạnh động vật không hề có sừng mọc ra hoặc rất ít.

30. Ở vùng đất kể trên chuyện này xảy ra vì lạnh, nhưng (vì câu chuyện của tôi ngay từ đầu đã tìm kiếm những trường hợp có sự sai khác) tôi cảm thấy khó hiểu khi toàn bộ vùng Elis không thể nuôi được la, cho dù vùng đó không hề lạnh, và cũng chẳng có nguyên do rõ ràng nào khác. Bản thân người Elis nói rằng do hậu quả của một vài lời nguyền, la không thể mang thai ở vùng đất của họ, vậy nên khi những con ngựa cái sắp tới kỳ động dục, họ đuổi chúng tới các vùng đất lân cận, rồi tại đó cho chúng giao phối với lừa đực cho tới khi những con ngựa cái có thai, sau đó họ lại đưa chúng trở về.

31. Còn về những chiếc lông vũ mà người Skythia nói là phủ đầy trên không trung và là lý do khiến họ không thể nhìn hay đi qua phần xa hơn của lục địa, quan điểm của tôi như sau: Ở những vùng đất nằm xa hơn vùng đất của họ, tuyết rơi liên tục, cho dù vào mùa hè ít hơn vào mùa đông, như có thể đoán trước. Bất cứ ai từng thấy tận mắt tuyết rơi dày sẽ hiểu những gì tôi nói mà không cần giải thích thêm, vì tuyết trông giống những chiếc lông vũ. Và vì mùa đông khắc nghiệt như tôi đã miêu tả, phần phía bắc của lục địa này là nơi con người không thể cư trú. Vì thế tôi nghĩ rằng người Skythia và những tộc người sống ở gần họ muốn nhắc tới tuyết một cách biểu tượng khi họ nói đến những chiếc lông vũ. Vậy nên đây chính là điều đã được nói khi hiểu trọn nghĩa những lời tường thuật.

32. Người Skythia không kể lại gì về một tộc người Hyperboreoi, và cả những tộc người khác sống ở vùng này cũng không, trừ khi đó là người Issedones. Song theo quan điểm của tôi, cả người Issedones cũng đã không thuật lại gì, vì nếu họ có kể thì người Skythia hẳn cũng đã thuật lại, như họ đã kể về tộc người một mắt. Tuy nhiên, Hesiodos đã nói về người Hyperboreoi, và trong Epigonoi của Homeros, ít nhất nếu Homeros thực sự là tác gia của sử thi này.

33. Nhưng nhiều điều đã được kể về họ bởi người Delos hơn bất cứ bởi tộc người nào khác. Vì người Delos kể rằng những lễ vật thiêng liêng được buộc bằng rơm lúa mì được mang từ vùng đất của người Hyperboreoi tới chỗ người Skythia, rồi từ người Skythia các dân tộc lân bang lần lượt nhận chúng và chuyển về phía tây, cuối cùng tới tận biển Adria. Từ đây, các lễ vật được đưa xuống phía nam, và người Dodona nhận chúng đầu tiên trong số các tộc người Hy Lạp, rồi từ họ các lễ vật được chuyển xuống vịnh Maliakos và qua vịnh tới Euboia, tại đó thành phố này chuyển các lễ vật qua thành phố khác cho tới khi chúng tới Karystos. Thành Andros được trừ ra, vì người Karystos mang các lễ vật tới Tenos, rồi người Tenos mang tới Delos. Người ta kể rằng các lễ vật thiêng liêng đã tới Delos theo cách như vậy. Song họ kể rằng đầu tiên người Hyperboreoi cử đi hai trinh nữ mang lễ vật, theo người Delos kể, có tên là Hyperokhe và Laodike, và để bảo vệ hai thiếu nữ, người Hyperboreoi cử đi năm người tháp tùng, chính là những người ngày nay được gọi là các Perpherees, và những người này được đón tiếp rất trân trọng tại Delos. Tuy nhiên, vì người Hyperboreoi thấy những người được cử đi không quay trở về, họ liền bất bình nghĩ rằng họ luôn là người gửi đi và không được nhận về. Vậy là họ mang các lễ vật tới biên giới lãnh thổ của mình được buộc bằng rơm lúa mì, rồi giao trách nhiệm cho các láng giềng của họ, yêu cầu các tộc người này gửi tiếp các lễ vật này đi từ chỗ của họ tới một dân tộc khác. Và người ta kể rằng các lễ vật đến Delos đã được gửi đi như thế. Và chính tôi biết rằng có một việc được làm giống như với các lễ vật kể trên, đó là việc phụ nữ của Thraike và Paionia, khi họ làm lễ hiến sinh dâng lên Artemis "Nữ hoàng", sẽ không dâng lễ vật mà không kèm theo rơm lúa mì.

34. Những điều này tôi biết như đã kể, và vì các thiếu nữ đến từ chỗ người Hyperboreoi và chết tại Delos, cả các cô gái và chàng trai người Delos đều cắt tóc của họ, các cô gái trước lễ cưới cắt đi một lọn tóc, cuộn lọn tóc đó quanh một con suốt và đặt lên ngôi mộ (ngày nay ngôi mộ nằm về bên trái khi một người đi vào trong đền Artemis, và bên trên mộ mọc một cây ô-liu), còn các chàng trai Delos quấn một ít tóc của họ quanh một cành non xanh của

một cái cây, rồi cũng đặt lên ngôi mộ.

35. Các trinh nữ được người Delos trân trọng như vậy, và người Delos kể rằng cả Arge và Opis cũng là các trinh nữ đã từ chỗ người Hyperboreoi tới Delos sau khi đi qua những dân tộc đã được kể tới, thậm chí từ trước Hyperokhe và Laodike. Người ta kể rằng hai người sau mang tới Eileithyia phần lễ vật họ được giao phó để cầu mong cho việc sinh nở được nhanh chóng dễ dàng, nhưng Arge và Opis tới cùng với chính các vị thần, và người dân Delos đã dành cho họ những vinh dự khác. Người ta kể rằng những người phụ nữ tưởng nhớ họ, gọi tên họ trong bản tụng ca mà Olen xứ Lykia sáng tác để vinh danh họ. Và cư dân những hòn đảo khác cũng như người Ionia đã học từ họ việc hát các bài hát nhắc tới tên Opis và Arge và tôn vinh họ. Olen xứ Lykia cũng sáng tác những tụng ca khác được hát tại Delos. Hơn nữa, người ta kể rằng khi đùi của những con vật hiến sinh được thiêu trên ban thờ, tro của chúng được rắc lên mộ của Opis và Arge. Ngày nay mộ của họ nằm phía sau ngôi đền Artemis, quay về phía đông, gần đại sảnh yến hội của người Keos.

36. Nói tới những điều đã được kể về người Hyperboreoi thiết tưởng vậy là đủ. Vì tôi sẽ không kể lại câu chuyện về Abaris, người được cho là một người Hyperboreoi, thuật lại việc ông ta mang một mũi tên lang thang khắp trên mặt đất mà không ăn gì. Tuy nhiên, nếu đúng là có bất cứ người Hyperboreoi nào, hiển nhiên cũng có cả người Hypernotioi.

Tôi bật cười khi thấy rằng cho dù nhiều người trước đây đã từng vẽ địa đồ mặt đất, song vẫn chưa có ai thực hiện điều này một cách thông minh khi họ vẽ Đại Dương chảy vòng quanh mặt đất, có hình tròn hệt như được vẽ bằng compa, và họ vẽ châu Á có kích thước bằng châu Âu. Bằng vài lời ngắn gọn, tôi sẽ nói rõ kích thước của mỗi châu lục và bản chất hình dáng của chúng.

37. Người Ba Tư cư trú ở châu Á trải dài tới Biển phía Nam, còn gọi là Erythra. Và sống phía trên họ về phía bắc là người Media, phía trên người Media là người Saspeires, và trên người Saspeires là người Kolkhis, trải dài lên phía bắc, nơi sông Phasis chảy tới. Bốn dân tộc này sinh sống từ biển này tới biển khác.

38. Từ vùng đất của họ, hai bán đảo vươn ra khỏi châu Á về phía tây nhô ra biển, và tôi sẽ miêu tả lại hai bán đảo này. Bán đảo thứ nhất có mặt bắc trải dài ra bắt đầu từ sông Phasis và tới biển, chạy dọc theo bờ biển Pontos và eo Hellespontos tới tận Sigeion tại Troas. Còn mặt nam của cùng bán đảo này trải dài từ vịnh

Myriandrikos, nằm gần Phoinike, theo hướng ra biển cho tới mũi đất Triopion, và trên bán đảo này có 30 tộc người sinh sống.

39. Trên đây là một trong các bán đảo, và bán đảo còn lại bắt đầu từ vùng đất của người Ba Tư trải dài dọc theo bờ biển Erythra, bao gồm Ba Tư, rồi kế đến là Assyria, rồi sau Assyria là Arabia. Bán đảo này kết thúc, hay đúng ra là thường được suy đoán rằng kết thúc, tại vịnh Arabia, nơi Dareios đã cho đào một con kênh đổ vào từ sông Neilos. Từ vùng đất của người Ba Tư chạy tới Phoinike đất liền rất rộng, nhưng sau Phoinike bán đảo này chạy qua biển của chúng ta[1] dọc theo Palaistine, Syria và Ai Cập, rồi kết thúc ở đây. Và trên bán đảo này chỉ có ba dân tộc.

---

[1]. Địa Trung Hải.

---

40. Đây là những phần của châu Á nằm về phía tây kể từ vùng đất Ba Tư. Còn về những vùng đất nằm xa hơn về phía đông nơi mặt trời mọc so với người Ba Tư, Media, Saspeires và Kolkhis, về một phía biển Erythra chạy dọc theo những vùng đất này, còn về phía bắc là cả biển Kaspia và sông Araxes, chảy về phía đông. Châu Á có người cư trú cho tới tận đất Ấn Độ, nhưng từ đó về phía đông đất đai trở nên hoang vu, và không ai có thể nói rõ đó là vùng đất như thế nào.

41. Châu Á lớn như vậy, và Libya cũng nằm ở bán đảo thứ hai, vì Libya nằm kế tiếp ngay cạnh Ai Cập. Về phần Ai Cập, bán đảo này hẹp, vì từ biển của chúng ta tới biển Erythra khoảng cách là 10 vạn *orgyiai*, tức là 1.000 *stadia*. Nhưng sau phần hẹp này, phần bán đảo được gọi là Libya lại rất rộng.

42. Thế nên tôi tự thấy băn khoăn về những người đã tách biệt và phân chia thế giới thành Libya, châu Á và châu Âu, vì sự khác biệt giữa chúng là không nhỏ. Về chiều dài, châu Âu dài bằng cả hai châu lục kia, trong khi về chiều rộng tôi thấy rõ ràng châu Âu rộng hơn nhiều, tới mức không thể so sánh, và Libya đã tự cung cấp bằng chứng cho thấy nó được biển bao quanh, ngoại trừ phần biên giới tiếp giáp với châu Á. Và thực tế này đã được Nekos, vua của người Ai Cập, chứng tỏ đầu tiên, trước tất cả những người khác mà chúng ta biết đến. Sau khi đã ngừng đào con kênh từ sông Neilos tới vịnh Arabia, nhà vua đã phái người Phoinike đi cùng với thuyền, ra lệnh cho họ ra khơi rồi quay trở về qua Các trụ của Herakles vào biển bắc rồi qua đó về lại Ai Cập.

Người Phoinike ra khơi từ biển Erythra và dong buồm qua Biển

phía Nam. Rồi đến mùa thu, họ cập vào bờ, lên đất liền và gieo hạt, bất kể họ đang tình cờ ở nơi nào tại Libya trên hành trình, rồi sau đó họ đợi cho tới khi thu hoạch mùa màng. Sau khi gặt lấy lúa mì, họ lại ra khơi, cứ như thế sau hai năm đã trôi qua, tới năm thứ ba họ trở lại qua Các trụ của Herakles và lại về tới Ai Cập. Và họ thuật lại một điều mà tôi không thể tin, nhưng một người khác có thể, cụ thể là khi hải hành vòng quanh Libya họ đã thấy mặt trời ở bên phía tay phải mình.

43. Libya đã được biết đến lần đầu tiên theo cách như vậy, rồi sau đó đến lượt người Karkhedon thuật lại về vùng đất này. Sataspes, con trai của Teaspis, một Akhaimenides, đã không hải hành vòng quanh Libya cho dù được phái đi nhằm đúng mục đích này, do sợ hãi trước độ dài của chuyến đi và sự hoang vu của đất đai, anh ta đã quay trở lại và không hoàn thành được nhiệm vụ mà người mẹ giao cho. Anh ta đã cưỡng bức một người con gái của Zopyros, con trai của Megabyzos, một trinh nữ. Khi anh ta sắp sửa bị đóng cọc theo lệnh của vua Xerxes vì tội này, người mẹ của Sataspes, vốn là một em gái của Dareios, đã cầu xin cho tính mạng của anh ta, nói rằng bà sẽ tự đưa ra cho anh ta một hình phạt còn khắc nghiệt hơn hình phạt của Xerxes, và theo lời người mẹ anh ta sẽ buộc phải thực hiện cuộc hải hành vòng quanh Libya, cho tới khi tới được vịnh Arabia. Vậy là Xerxes đã đồng ý với điều kiện như vậy, Sataspes tới Ai Cập, rồi có được một chiếc thuyền và một thủy thủ đoàn người Ai Cập, anh ta ra khơi tới Các trụ của Herakles. Sau khi đã dong buồm qua chúng rồi đi vòng qua mũi đất ở Libya được gọi là doi đất Soloeis, anh ta đi xuống phía nam. Sau khi đã đi qua rất nhiều vùng biển trong nhiều tháng, vì ngày càng phải đi xa hơn nữa, anh ta liền quay đầu cho thuyền quay trở lại Ai Cập. Rồi sau khi từ Ai Cập trở về ra mắt vua Xerxes, anh ta tâu lại rằng ở điểm xa nhất mà anh ta đi tới được là vùng đất của người lùn mặc trang phục làm từ cây cọ, và những người này, bất cứ khi nào anh ta và thủy thủ đoàn cho thuyền cập bờ và lên bộ, luôn bỏ các thành phố của họ và bỏ chạy vào núi. Theo lời anh ta, họ không gây ra tổn hại gì khi vào các thành phố đó mà chỉ lấy đi lương thực. Và anh ta tâu rằng lý do khiến anh ta không thể hoàn tất việc vòng quanh Libya là vì chiếc thuyền không thể tiến xa hơn mà bị mắc kẹt lại. Tuy nhiên, Xerxes không tin rằng anh ta đang nói sự thật, và vì anh ta đã không thực hiện được nhiệm vụ được giao phó, nhà vua liền cắm anh ta lên cọc nhọn, buộc anh ta phải chịu hình phạt đã tuyên khi trước. Một hoạn nô của Sataspes đã lập tức chạy trốn tới Samos ngay khi biết tin chủ nhân của mình đã chết, mang theo một khoản tiền lớn. Và người Samos đã đoạt lấy tiền bạc của người này, một người tôi biết tên nhưng cố ý bỏ qua không nhắc

tới.

44. Về châu Á, một phần lớn đã được Dareios cho thám hiểm, vì nhà vua muốn biết xem sông Indos, dòng sông thứ hai có cá sấu trong tất cả dòng sông trên thế giới, đổ ra biển ở nơi nào, và nhà vua đã cử đi những chiếc thuyền cùng nhiều người mà ông tin tưởng về sự trung thực, trong đó có Skylax thành Karyanda. Những người này xuất phát từ thành Kaspatyros và vùng Paktyika, xuôi thuyền theo dòng sông về phía đông nơi mặt trời mọc để ra biển. Tiếp theo họ đi thuyền trên biển về phía tây, đến tháng thứ 13 họ tới địa điểm mà từ đó vua Ai Cập đã phái đi những người Phoinike mà tôi đã kể thực hiện cuộc hải hành vòng quanh Libya. Sau khi những người này đã thực hiện chuyến đi của họ vòng qua bờ biển, Dareios vừa khuất phục những người Ấn Độ vừa sử dụng vùng biển này. Vậy là cả châu Á, ngoại trừ những vùng nằm về phía đông, đã được phát hiện là giống như Libya.

45. Tuy nhiên, về phần châu Âu, chưa ai biết rõ liệu những phần nằm về phía đông hay phía bắc của châu lục này có được biển bao quanh hay không. Nhưng về chiều dài người ta đã biết là nó chạy dọc theo cả hai vùng đất còn lại. Và tôi không thể hiểu được vì lý do nào mà với mặt đất, vốn chỉ là một, lại có tới ba cái tên được đặt xuất phát từ tên những người phụ nữ, và vì sao ranh giới phân chia giữa ba vùng đất lại được chọn ở sông Neilos tại Ai Cập và sông Phasis tại Kolkhis (hay như một số người nói là con sông Tanais ở vùng hồ Maiotis và bến phà của người Kimmerioi), cũng như tôi không thể tìm hiểu được ai là những người đã lập nên các ranh giới này, hoặc vì lý do gì chúng lại được đặt tên như thế. Quả thực, theo lời kể của phần lớn người Hy Lạp, Libya được mang tên của Libya, một phụ nữ của vùng đất đó, còn châu Á[1] từ tên người vợ của Prometheus, song cái tên này lại được người Lydia tuyên bố khác đi, nói rằng châu Á được gọi theo tên của Asies, con trai của Kotys, con trai của Manes, chứ không phải theo tên của Asia, vợ Prometheus. Bộ lạc Asias ở Sardis được đặt theo tên Asies. Tuy nhiên, về phần châu Âu[2], không ai biết liệu vùng đất này có bị biển bao quanh hay không, cũng như từ đâu vùng đất này có được tên gọi như thế hay tên đó do ai đặt, trừ khi chúng ta nói rằng vùng đất này nhận tên gọi từ nàng Europe người Tyros. Và nếu đúng vậy, có vẻ trước đây vùng đất này cũng vô danh như những vùng đất còn lại. Tuy nhiên, người phụ nữ đó rõ ràng thuộc về châu Á và không hề tới vùng đất mà ngày nay người Hy Lạp gọi là châu Âu, mà chỉ đi từ Phoinike tới đảo Krete, rồi từ Krete tới Lykia. Hãy coi những gì được nói tới đây về những vấn đề này là đủ, vì chúng ta sẽ thuận theo những gì thường được chấp nhận trong những lời thuật lại.

1. Asia.

2. Europe.

46. Vùng biển Euxeinos nơi Dareios chuẩn bị xuất quân tới, ngoại trừ tộc người Skythia, là nơi có những dân tộc vô tri nhất trong mọi vùng đất. Vì chúng ta không thể dẫn ra bất cứ dân tộc nào trong những tộc người cư ngụ ở vùng Pontos là xuất chúng về năng lực, và chúng ta cũng không hề biết đến bất cứ người có học vấn nào từng xuất hiện ở đó, ngoại trừ dân tộc của người Skythia và Anakharsis. Về phần người Skythia, có một điều quan trọng nhất trong mọi thứ liên quan tới con người đã được tìm ra một cách thông minh hơn so với bất cứ tộc người nào khác chúng ta biết, song về những mặt khác tôi không có sự ngưỡng mộ lớn dành cho họ. Và điều quan trọng nhất mà họ đã khám phá ra là, không ai trong số những người tới tấn công họ có thể đào thoát được, và nếu họ không muốn bị tìm ra thì không thể nào tìm được họ, vì họ không hề thiết lập các thành phố hay xây dựng các tường thành, mà mang tất cả nhà cửa của họ theo bên mình, và họ là những cung thủ trên lưng ngựa, sống không phải nhờ vào canh tác đất đai mà nhờ gia súc, và họ sống trên những chiếc xe, những người này hiển nhiên là bất khả chiến bại và không thể tiếp cận được.

47. Họ đã phát kiến ra điều này khi thấy rằng vùng đất của họ thích hợp với lối sống như vậy, đồng thời những dòng sông cũng là đồng minh của họ, vì trước nhất vùng đất này bằng phẳng, có nhiều đồng cỏ và dồi dào nước, thứ đến các dòng sông chảy qua nơi này có số lượng chẳng hề ít hơn số kênh đào tại Ai Cập. Trong số những dòng sông này, những dòng sông đáng để nhắc tới và cũng có thể dùng để di chuyển bằng thuyền từ biển vào tôi sẽ kể tên ra đây: sông Istros với năm cửa sông, sông Tyras[1], Hypanis[2], Borysthenes, Pantikapes[3], Hypakyris, Gerrhos và Tanais. Giờ tôi sẽ miêu tả về những dòng sông này.

1. Sông Dniester ngày nay.

2. Sông Bug Nam ngày nay.

3. Sông Inhul ngày nay, một chi lưu của sông Bug Nam. (BT)

48. Sông Istros, là dòng sông lớn nhất trong tất cả dòng sông chúng ta biết, chảy với lưu lượng vào mùa hè cũng tương đương như mùa đông. Đây là con sông đầu tiên tính từ phía tây trong tất

cả các dòng sông ở vùng Skythia, và trở thành dòng sông lớn nhất trong mọi dòng sông vì những dòng sông khác đều chảy vào nó. Và đây là những dòng sông đã làm dòng sông này rộng lớn, gồm tất cả năm dòng sông chảy qua đất Skythia, đó là dòng sông người Skythia gọi là Porata, còn người Hy Lạp gọi là Pyretos, rồi bên cạnh đó là các sông Tiarantos, Araros, Naparis và Ordessos. Dòng sông được nhắc tới đầu tiên trong năm dòng sông trên là một dòng sông lớn chảy về phía đông, tại đó nó hợp lưu chảy vào sông Istros, sông thứ hai Tiarantos nằm xa hơn về phía tây và nhỏ hơn, còn các sông Araros, Naparis và Ordessos chảy vào sông Istros ở khoảng giữa hai dòng sông đầu tiên. Đây là những con sông ở Skythia đổ nước vào sông Istros, trong khi sông Maris, cũng đổ vào Istros, chảy từ vùng đất của người Agathyrsoi.

49. Từ các đỉnh của dãy Haimos có ba dòng sông lớn khác chảy về phía bắc rồi chảy vào dòng sông này, cụ thể là các sông Atlas, Auras và Tibisis. Các sông Athrys, Noes và Artanes chảy qua Thraike và vùng đất của người Krobyzoi ở Thraike và đổ vào sông Istros. Rồi từ vùng đất của người Paionia và núi Rhodopa, sông Skios, chảy xuyên qua giữa dãy Haimos, cũng đổ vào dòng sông này. Từ Illyria, sông Angros chảy lên phía bắc vào đồng bằng Triballikon và đổ vào sông Brongos, rồi sông Brongos chảy vào sông Istros. Như vậy, sông Istros nhận nước từ cả hai dòng sông trên, vốn cũng là các dòng sông lớn. Từ khu vực nằm phía trên nơi sinh sống của người Ombrikoi, sông Karpis và một sông khác, Alpis, cũng chảy lên phía bắc và đổ vào sông Istros, vì trên thực tế sông Istros chảy qua toàn bộ châu Âu, bắt đầu từ vùng đất của người Keltoi, tộc người sống xa nhất về phía tây trong số tất cả các tộc người ở châu Âu, sau người Kynetes, rồi cứ như thế chảy qua toàn bộ châu Âu trước khi đổ ra biển ở Skythia.

50. Vậy là vì những dòng sông đã kể tên ở trên cũng như nhiều dòng sông khác cùng dồn nước vào, sông Istros trở thành dòng sông lớn nhất, còn nếu chúng ta so sánh từng dòng chảy đơn lẻ, thì sông Neilos có lượng nước lớn hơn, vì không có con sông hay dòng suối nào đổ vào dòng sông này để làm tăng thêm lượng nước của nó.

Và sông Istros luôn chảy đi với mức nước không thay đổi cả vào mùa hè lẫn mùa đông vì một số lý do như tôi phỏng đoán sau đây: Vào mùa đông, dòng sông này ở vào kích thước tự nhiên của nó, hoặc trở nên lớn hơn kích thước tự nhiên một chút, vì vùng đất này nhận được rất ít mưa vào mùa đông, nhưng liên tục có tuyết. Trong khi đó, vào mùa hè, lượng tuyết rơi rất lớn trong mùa đông tan chảy và chảy từ khắp nơi vào sông Istros. Lượng tuyết này

chảy vào làm tăng lượng nước của sông, và cũng có nhiều trận mưa rào dữ dội, vì trời mưa vào mùa hè. Vì thế mà lượng nước đổ dồn vào sông Istros lớn hơn trong mùa hè so với mưa đông bằng đúng khoảng lượng nước mà Mặt trời hút về phía mình trong mùa hè lớn hơn trong mùa đông. Sự diễn biến của hai quá trình đối lập này dẫn tới sự cân bằng, vì vậy dòng sông luôn có lượng nước như nhau vào các mùa.

51. Như tôi đã nói, một trong những dòng sông chảy qua vùng Skythia là sông Istros, rồi tiếp theo là sông Tyras, khởi nguồn từ phía bắc, bắt đầu chảy từ một hồ lớn vốn là ranh giới giữa vùng đất của người Skythia và người Neuroi. Định cư ở cửa con sông này là tộc người Hy Lạp được gọi là người Tyritai.

52. Dòng sông thứ ba là sông Hypanis, khởi nguồn từ Skythia và chảy từ một hồ lớn ở xung quanh có những đàn ngựa hoang trắng sinh sống, và hồ nước này được gọi chính xác là "Mẹ của Hypanis". Sông Hypanis bắt nguồn từ hồ nước này và trong một khoảng cách bằng năm ngày đi thuyền, dòng sông có lòng nông, nước ngọt và lặng. Nhưng từ điểm này trở đi cho tới biển, trong khoảng bốn ngày đi thuyền, nước sông trở nên rất đắng do có một con suối đắng đổ vào dòng sông, nước của suối này đắng tới mức cho dù con suối nhỏ nhưng vẫn làm thay đổi nước sông Hypanis khi hòa lẫn vào đó, dù rằng đây là một dòng sông mà chỉ có ít sông sánh nổi về độ lớn. Dòng suối này nằm ở biên giới giữa vùng đất của người Skythia làm nông nghiệp và người Alazones, và tên của dòng suối cũng như địa điểm nó chảy ra theo tiếng Skythia là Exampaios, còn theo tiếng Hy Lạp là Linh Đạo. Sông Tyras và sông Hypanis chảy sát lại nhau ở vùng đất của người Alazones, nhưng sau đó mỗi dòng sông lại rẽ đi và khoảng cách giữa chúng rộng ra.

53. Thứ tư là sông Borysthenes, vừa là dòng sông lớn nhất trong các dòng sông này sau sông Istros, vừa là, theo quan điểm của tôi, dòng sông đem lại nhiều lợi ích nhất, không chỉ trong số các dòng sông ở Skythia mà trong tất cả các dòng sông trên thế giới, ngoại trừ sông Neilos ở Ai Cập, vì không thể so sánh Neilos với bất cứ dòng sông nào khác. Tuy nhiên, trong số những dòng sông còn lại, Borysthenes đem lại nhiều lợi ích nhất, vì nó cung cấp những đồng cỏ đẹp và màu mỡ nhất cho súc vật, cũng như cá ngon và nhiều hơn bất cứ dòng sông nào khác, và nước của nó cũng ngọt nhất, nước của sông này trong vắt trong khi nước của các dòng sông khác đều đục, và dọc hai bờ con sông này, mùa màng đều cho thu hoạch tốt hơn những nơi khác, trong khi ở những nơi không trồng trọt, cỏ cũng mọc dày hơn. Thêm nữa, ở cửa sông muối đọng lại rất nhiều, và dòng sông cũng có những con cá lớn không

xương sống được gọi là cá tầm, được dùng để muối, và nhiều thứ khác đáng để tâm tới. Xa tới tận vùng đất của người Gerrhoi, một khoảng cách phải đi hết 40 ngày, sông Borysthenes được biết là chảy từ phương bắc xuống, song xa hơn nữa thì không ai có thể nói nó chảy qua những dân tộc nào. Tuy nhiên, chắc chắn là dòng sông này chảy qua vùng hoang vu tới vùng đất của người Skythia làm nông nghiệp, vì những người Skythia này cư trú dọc theo bờ sông trong khoảng cách 10 ngày đi thuyền. Chỉ có dòng sông này và sông Neilos là tôi không thể nói rõ nguồn của chúng, và theo tôi nghĩ không người Hy Lạp nào có thể. Khi sông Borysthenes chảy gần tới biển, sông Hypanis hòa vào nó, cùng chảy vào một vùng đầm lầy, và khu vực nằm giữa hai dòng sông, là một dải đất, được gọi là mũi Hippolaos, và tại đó có một ngôi đền Demeter, và đối diện với ngôi đền, trên sông Hypanis là nơi người Borysthenes cư trú.

54. Đó là những gì liên quan tới các dòng sông này, và kế đến còn có một dòng sông thứ năm, tên là Pantikapes. Dòng sông này cũng chảy từ phía bắc và từ một hồ nước, và người Skythia làm nông nghiệp cư trú tại vùng đất nằm giữa sông Pantikapes và sông Borysthenes. Sông Pantikapes chảy vào vùng Hylaia, sau khi đã đi qua nơi hợp lưu với sông Borysthenes.

55. Thứ sáu là sông Hypakyris, bắt nguồn từ một hồ nước, chảy qua giữa vùng đất của người Skythia du mục ra biển cạnh thành Karkinitis, bờ phải của dòng sông này giáp với vùng Hylaia và nơi được gọi là Đường đua của Akhilleus.

56. Thứ bảy là sông Gerrhos, tách khỏi sông Borysthenes ở gần vùng đất nơi sông Borysthenes được biết đến là từ đó nó chảy vào vùng Gerrhos cùng tên với dòng sông. Nó trở thành ranh giới giữa lãnh thổ của người du mục và người Skythia Hoàng gia, rồi chảy vào Hypakyris.

57. Thứ tám là sông Tanais, khởi nguồn từ một hồ nước lớn, rồi chảy vào một hồ còn lớn hơn mang tên Maiotis, biên giới giữa người Skythia Hoàng gia và người Sauromatai. Một dòng sông khác tên là Hyrgis chảy vào sông Tanais.

58. Có rất nhiều con sông đáng chú ý ở vùng đất của người Skythia: Với gia súc, thứ cỏ mọc ở vùng đất Skythia cung cấp nhiều mật nhất trong tất cả thứ cỏ chúng ta biết, và điều này có thể xác định được khi mổ gia súc ra.

59. Như vậy họ được cung cấp dư dật thứ quan trọng nhất, về

phần còn lại phong tục của họ như sau. Những vị thần họ mà làm nguôi cơn giận qua việc thờ phụng chỉ gồm có: Trước hết là Hestia, Zeus, và Ge người được cho là vợ của Zeus, rồi sau là Apollon, Aphrodite Ourania, Herakles, và Ares. Người Skythia thờ phụng tất cả các vị thần này, và người Skythia Hoàng gia cũng dâng lễ hiến sinh lên Poseidon. Hestia được gọi là *Tabiti* trong tiếng Skythia, và Zeus (tôi thấy khá đúng) là *Papaios*, Ge là *Api*, Apollon là *Oitosyros*, và Aphrodite Ourania được gọi là *Argimpasa*, Poseidon được gọi là *Thagimasadas*. Tuy nhiên, theo phong tục, họ không tạc tượng, lập ban thờ hay lập đền cho bất cứ vị thần nào ngoài Ares.

60. Tất cả họ có cùng cách hiến sinh được thiết lập cho mọi nghi lễ tôn giáo, và được thực hiện như sau: Tế vật đứng với hai chân trước bị buộc vào nhau, người làm lễ hiến sinh đứng phía sau con vật, giật đầu sợi dây buộc làm con vật ngã gục xuống, và khi con vật ngã xuống, vị tư tế cầu khấn vị thần đang được nhận lễ hiến sinh, rồi lập tức quăng thòng lọng quanh cổ con vật, cài một cái que nhỏ vào đó quay tròn và siết cổ con vật mà không đốt lửa hay làm bất cứ lễ hiến tế đầu tiên nào từ tế vật hay rưới rượu lễ lên nó. Sau khi con vật bị siết cổ, người làm lễ hiến sinh lột da nó và luộc thịt.

61. Vì Skythia rất ít rừng, cách thức sau đã được phát kiến ra để luộc thịt: Sau khi lột da con vật hiến sinh, họ lọc thịt khỏi xương rồi cho vào vạc theo kiểu họ tự chế tác nếu có, những cái vạc này rất giống những bình pha rượu của Lesbos ngoại trừ có kích thước lớn hơn nhiều. Họ cho thịt vào trong vạc rồi luộc thịt bằng cách nhóm lửa bên dưới sử dụng xương của con vật. Tuy nhiên nếu họ không có vạc, họ nhét tất cả thịt vào trong dạ dày của tế vật rồi thêm nước, sau đó lấy xương nhóm lửa bên dưới. Và xương cháy rất tốt, còn những chiếc dạ dày dễ dàng đựng được thịt sau khi đã lọc xương. Như thế một con bò đã được thu xếp để tự luộc thịt của chính nó, và những loại súc vật hiến sinh khác cũng có cùng cách tự luộc như vậy. Khi thịt được luộc chín, vị tư tế làm lễ hiến sinh cắt một phần thịt và các nội tạng để làm lễ vật rồi ném ra phía trước mình. Và họ hiến sinh nhiều loại gia súc, nhưng đặc biệt là ngựa.

62. Với các vị thần khác, họ dâng lễ hiến sinh theo cách đó với những loại gia súc này, nhưng với thần Ares họ làm như sau: ở mỗi vùng họ lại dựng một đền Ares: Những bó cành cây được ghép lại dài và rộng khoảng 3 *stadia*, nhưng chiều cao thì ít hơn. Ở trên đỉnh người ta thiết lập một mặt bằng hình vuông, ba phía dốc đứng nhưng có một phía rìa có thể leo lên được. Mỗi năm họ

mang tới 150 xe chất đầy cành cây để chất lên, vì những bó cành cây này liên tục bị sụp xuống do thời tiết. Trên đống cành cây mà tôi vừa nói đến, mỗi tộc người có một thanh kiếm cổ bằng sắt đặt phía trên, và đây là biểu tượng thiêng liêng của Ares. Hằng năm, họ mang lễ vật là súc vật và ngựa đến hiến sinh cho thanh kiếm này. Bên cạnh lễ vật hiến sinh như dành cho các vị thần khác, họ thực hiện thêm lễ hiến sinh sau đây, cụ thể là trong số tất cả tù binh bắt được trong chiến tranh, cứ 100 người họ sẽ chọn một tù binh đem hiến sinh, dù nghi thức khác với hiến sinh động vật. Đầu tiên, họ đổ rượu vang lên đầu những kẻ bị hiến sinh, sau đó cắt cổ họ, để máu chảy vào một cái bát. Sau đó, họ mang cái bát này lên đỉnh bó cành cây rồi tưới máu lên thanh kiếm. Trong khi đó, ở bên dưới, cạnh đền họ thực hiện việc này: Họ chặt cánh tay phải của tất cả người bị hiến sinh và tung lên không. Sau khi đã giết tất cả các nạn nhân khác, họ rời đi, những cánh tay nằm nguyên ở bất cứ nơi nào chúng rơi xuống, còn phần thân nằm tách rời ở chỗ khác.

63. Đó là những lễ hiến sinh được họ thiết lập, nhưng họ không dùng lợn trong lễ hiến sinh, và quả thực họ cũng không thường nuôi lợn ở vùng đất của mình.

64. Họ có tục lệ như sau trong chiến tranh: Khi một người Skythia giết đối thủ đầu tiên của mình, anh ta uống một ít máu kẻ thù, và anh ta mang đầu của tất cả kẻ thù giết được trên chiến trường dâng lên nhà vua, vì nếu người chiến binh mang về một cái đầu, anh ta sẽ được chia phần trong chiến lợi phẩm họ chiếm được, nếu không sẽ không được chia phần. Anh ta sẽ lột da thủ cấp bằng cách cắt quanh hai bên tai, túm lấy da đầu rồi lắc để da rời ra. Sau đó, anh ta nạo hết thịt bằng một cái xương sườn bò đực, và tự tay thuộc miếng da. Khi đã thuộc xong miếng da, người chiến binh giữ nó để làm khăn lau tay, và treo nó vào dây cương của con ngựa anh ta cưỡi, và tự hào về nó, vì ai có số lượng tấm da để lau tay nhiều nhất sẽ là người dũng cảm nhất. Nhiều chiến binh cũng da kẻ thù được lột ra để làm các tấm áo choàng bằng cách khâu các tấm da này lại với nhau như áo choàng da của những người mục đồng. Nhiều người lột hết da cùng với móng tay khỏi bàn tay phải của kẻ thù khi đã chết, chế thành tấm đậy ống đựng tên của họ. Có vẻ như da người vừa dày vừa có bề ngoài bóng loáng, có màu trắng sáng hơn bất cứ loại da nào khác. Nhiều người Skythia cũng lột da khỏi toàn bộ thân thể kẻ thù rồi căng lên những tấm gỗ và mang theo trên lưng ngựa của mình.

65. Đó là những phong tục của họ trong chiến tranh, còn với xương sọ, không phải của tất cả mà chỉ của những kẻ thù lớn

nhất, họ xử trí như sau: Họ cưa rời xương sọ ra ở bên dưới lông mày và rửa sạch bên trong, nếu người chiến binh là người nghèo, anh ta chỉ căng da bò đực không thuộc quanh xương sọ rồi sử dụng nó; song nếu anh ta giàu có, ngoài căng da bò, anh ta còn trang trí quanh nó, và dùng xương sọ này làm cốc uống. Họ cũng làm vậy nếu như có thành viên nào trong chính gia đình của họ có xung đột với họ và người này thắng được đối thủ trong cuộc phán xử trước mặt nhà vua. Và khi có những người lạ được anh ta trân trọng tới gặp người đó, anh ta sẽ bày những chiếc xương sọ này trước mặt họ, rồi nói thêm rằng chúng thuộc về những thành viên trong chính gia đình đã giao chiến chống lại anh ta và bị anh ta khuất phục, và họ coi đây là một bằng chứng của sự nam tính.

66. Mỗi năm một lần, thủ lĩnh của mỗi vùng chuẩn bị một thùng rượu vang chung cho vùng của mình, những người Skythia được uống lượng rượu tùy thuộc vào số kẻ thù từng người đã giết được, song những người không giết được kẻ thù sẽ không được nếm rượu vang, mà phải ngồi riêng ra một cách ê chề, đây là sự nhục nhã lớn nhất với họ. Trái lại, những người giết được số lớn kẻ thù được uống cùng lúc bằng hai cốc.

67. Trong người Skythia có rất nhiều thầy bói, và họ bói bằng một số que cành liễu theo cách như sau: Họ mang tới những bó cành lớn, rồi sau khi đặt những bó cành này xuống đất, họ tháo dây buộc, để từng cành rời ra, họ đưa ra những lời tiên tri, và trong khi tiên tri như thế, họ gom các cành cây lại với nhau, rồi sau đó họ lại xếp chúng theo thứ tự từng cành một lần thứ hai. Cách bói này họ thừa hưởng từ cha ông của họ, nhưng các Enarees hay những người đàn ông nữ hóa nói rằng Aphrodite đã ban cho họ năng lực tiên tri, và họ bói bằng vỏ cây đoạn. Sau khi đã xé miếng vỏ cây đoạn thành ba dải, thầy bói vặn xoắn chúng lại với nhau giữa các ngón tay mình rồi tháo chúng thẳng ra, vừa làm vậy vừa lẩm nhẩm khấn.

68. Khi vua của người Skythia ốm, ông ta cho mời tới ba thầy bói, là những người có tiếng tăm nhất, xem bói theo cách đã được kể, và những người này phần lớn nói những điều ít nhiều như sau, cụ thể là người này hay người kia đã lấy bếp lửa của nhà vua ra thề dối trá, rồi họ viện ra tên của một người Skythia, có thể ngẫu nhiên là bất cứ ai. Người Skythia có phong tục phổ biến lấy bếp lửa của nhà vua ra thề khi họ muốn thề một cách trân trọng nhất. Khi đó người bị các thầy bói nói là đã thề dối trá liền bị dẫn tới, có người giữ chặt cả hai bên. Khi người này tới, các thầy bói liền buộc tội anh ta rằng theo như họ bói ra, anh ta đã lấy lò sưởi của nhà vua ra thề một cách dối trá, và vì lý do này nhà vua bị đau. Người

này bác bỏ, nói rằng anh ta đã không thể dối trá, và bất bình phàn nàn. Rồi khi người bị buộc tội bác bỏ tội trạng, nhà vua liền cho mời tới số thầy bói nhiều gấp đôi, và nếu những người này khi bói xong cũng tuyên bố anh ta mắc tội thề dối trá, người ta sẽ lập tức chặt đầu anh ta, và các thầy bói sẽ là những người đầu tiên được chia nhau tài sản của anh ta. Song nếu các thầy bói đến sau tuyên bố anh ta vô tội, sẽ có thêm các thầy bói được gọi tới, rồi thêm nữa. Nếu tới khi đó số đông hơn tuyên bố anh ta vô tội, những thầy bói đầu tiên sẽ bị xử tử.

69. Họ xử tử những người này theo cách như sau: Thoạt tiên, họ chất đầy cành củi lên một chiếc xe rồi thắng bò vào xe. Sau khi đã buộc chân các thầy bói và trói quặt tay họ ra sau lưng và bịt miệng những người này lại, họ trói chặt các thầy bói nằm xuống giữa đám cành củi, tiếp đó họ châm lửa vào củi, dọa cho bò sợ để bò kéo xe đi, và lũ bò thường cũng bị thiêu chết cùng với các thầy bói, còn các thầy bói thường thoát được sau khi bị châm lửa đốt, khi cái cọc nơi họ bị trói vào đã bị cháy, và họ thiêu các thầy bói theo cùng cách như trên vì cả những lý do khác, gọi họ là những kẻ tiên tri giả hiệu. Khi nhà vua buộc tội chết ai đó, nhà vua cũng không để các con trai kẻ bị kết tội được sống, mà xử tử tất cả thân thích nam giới của tội nhân, trong khi không làm hại gì tới nữ giới.

70. Khi lập thệ với bất cứ ai, người Skythia thề như sau: Họ rót rượu vang vào một cái cốc bằng đất rồi hòa lẫn với máu của những người đang lập thệ với nhau, hoặc trích máu bằng một cây dùi hoặc dùng dao cứa một đường ngắn trên cơ thể họ, rồi họ nhúng một thanh kiếm, các mũi tên, một chiếc rìu chiến và một cây lao vào cái cốc. Làm xong, họ viện ra rất nhiều những lời nguyền nhằm vào kẻ bội thề, rồi sau đó họ uống rượu hòa máu, cả những người đang lập thệ và người có danh vọng nhất trong số những người chứng kiến.

71. Nơi chôn cất các vị vua nằm ở vùng đất của người Gerrhoi, vùng đất mà cho tới đó có thể đi lại bằng thuyền trên sông Borysthenes. Tại vùng đất này, khi vua của người Skythia đã chết, họ đào một hố vuông lớn sâu vào lòng đất, rồi khi đã chuẩn bị sẵn sàng, họ mang thi thể nhà vua (thi thể được bọc ngoài bằng sáp, bụng được mổ ra lấy hết nội tạng và rửa sạch, rồi được khâu lại sau khi đã nhồi đầy bên trong với gừng núi đã băm, hương, hạt mùi tây và hồi) đặt lên một chiếc xe và giao cho một tộc người khác. Sau đó, tộc người được bàn giao thi thể theo cách như vậy làm giống như người Skythia Hoàng gia, đó là họ cắt một phần tai của mình, cạo sạch tóc quanh đầu, rạch lên khắp hai cánh tay mình, cào rách trán, mũi và đâm các mũi tên xuyên qua bàn tay

trái của họ. Sau đó, họ bàn giao thi thể nhà vua trên xe cho một tộc người khác mà họ cai trị, và những người đón nhận linh cữu trước đó đi theo tháp tùng họ. Và khi đã thực hiện đủ một vòng để tất cả tộc người đón nhận linh cữu nhà vua, khi đó họ đã tới vùng đất của người Gerrhoi, những người có lãnh thổ nằm xa nhất trong số các tộc người mà người Skythia cai trị, và cũng tới địa điểm chôn cất. Khi đã hạ thi thể xuống mộ trên một lớp lá, họ cắm những cây giáo xuống dọc hai bên thi thể rồi đặt những tấm gỗ lên trên chúng, rồi phủ thảm lên. Tiếp theo, họ giết và chôn trong chỗ còn lại của huyệt mộ một trong những người vợ của nhà vua, người rót rượu, đầu bếp, giám mã, thị thần và người đưa tin của nhà vua, cũng như những con ngựa và một phần mọi thứ đồ khác, cùng những chiếc cốc vàng, vì họ không hề dùng bạc, cũng không dùng thanh đồng. Sau khi làm như vậy, họ cùng nhau đắp lên một nấm đất lớn, thi đua với nhau và hào hứng nỗ lực để làm cho nấm mộ lớn nhất có thể.

72. Khi một năm trôi qua, họ lại làm như sau: Họ chọn ra những người hầu tốt nhất – những người này đều là người Skythia bản địa, do bản thân nhà vua yêu cầu phải như vậy với những người hầu hạ mình, và người hầu của nhà vua không được mua bằng tiền – và giết 50 người hầu cùng với 50 con ngựa tốt nhất, và sau khi đã moi ruột chúng ra, rửa sạch bụng, họ nhồi trấu vào trong và khâu lại. Sau đó, họ đặt một nửa bánh xe lên hai cây cột với phần rỗng ngửa lên trên, và nửa còn lại của chiếc bánh xe trên hai cây cột khác, và bằng cách này họ giữ cố định một số nửa bánh xe như vậy. Sau đó, họ cắm những chiếc cọc dày xuyên qua suốt chiều dài những con ngựa tới tận cổ, rồi để chúng lên các bánh xe, phần trước của bánh xe đỡ hai vai con ngựa, trong khi phần sau đỡ bụng của con ngựa ở hai bên đùi, và cả chân trước cũng như chân sau con vật lơ lửng trên không. Trên các con ngựa họ buộc dây cương và đóng hàm thiếc, rồi buộc chặt dây cương ở đằng trước chúng sau đó buộc vào cọc. Và 50 người hầu cận trẻ tuổi bị siết cổ, mỗi người được họ cho ngồi trên lưng một con ngựa, sau khi đã đâm một cây cọc xuyên qua mỗi cái xác theo cột sống tới tận cổ, và một phần của cây cọc này chĩa xuống dưới, được họ cắm vào lỗ khoét trên cây cọc đâm xuyên qua con ngựa. Sau khi bố trí các kỵ sĩ như miêu tả ở trên thành một vòng quanh ngôi mộ, họ lên ngựa rời đi.

73. Họ chôn cất các vị vua của mình như thế, song còn về những người Skythia khác, khi họ tạ thế, người thân của họ mang họ đi trên xe tới gặp lần lượt những người bạn của người quá cố, và mỗi người này, khi đón nhận linh cữu liền tiếp đãi những người đi tháp tùng, và trước thi thể họ cũng dọn ra tất cả các món ăn với số

lượng tương tự như với những người khác. Những người thân tiếp tục mang người quá cố đi trong 40 ngày, rồi sau đó người quá cố được chôn cất. Sau khi chôn cất thân nhân, người Skythia tắm rửa theo cách như sau: Họ dùng chất tẩy rửa xát lên đầu rồi gội sạch, sau đó, để làm sạch thân mình, họ dựng lên ba cây cột chụm vào nhau, rồi căng lên trên chúng những tấm phủ bằng dạ len, và sau khi đã khép những tấm vải này đóng kín lại hết mức có thể, họ ném những hòn đá nung nóng đỏ vào một cái chậu đặt ở giữa các cây cột và lớp vải phủ.

74. Người Skythia có cây gai dầu mọc ở vùng đất của họ, loại cây này rất giống cây lanh ngoại trừ độ dày và chiều cao, vì về những mặt này cây gai dầu đều hơn rất nhiều. Loài cây này vừa mọc tự nhiên vừa được trồng, và người Thraike thậm chí dùng nó để may trang phục, rất giống với trang phục làm từ sợi lanh, đến mức một người không thực sự thành thạo sẽ không thể biết được liệu quần áo được may từ sợi lanh hay từ sợi gai, và một người trước đó chưa bao giờ thấy vải dệt từ sợi gai hẳn sẽ cho rằng trang phục được may từ vải lanh.

75. Người Skythia lấy hạt của cây gai này và luồn vào dưới lớp phủ bằng dạ, sau đó ném hạt gai lên những tảng đá đã nung nóng đỏ, và hạt gai cháy như hương liệu, tạo ra một thứ hơi được cho rằng không kiểu tắm hơi nào tại Hy Lạp có thể hơn được, và người Skythia, khoan khoái với chầu tắm hơi, liền hú lên như những con sói. Họ làm như vậy thay vì tắm rửa, vì trên thực tế họ không hề tắm cơ thể mình bằng nước. Tuy nhiên, những người phụ nữ của họ lại dùng một hòn đá nhám giã nát gỗ của cây bách, tuyết tùng và nhũ hương rồi đổ nước vào, sau đó dùng thứ sản phẩm đặc được giã nát này đắp lên khắp cơ thể và cả lên khuôn mặt. Và nhờ làm vậy, không chỉ một mùi thơm dễ chịu lưu lại trên người họ, mà khi họ gỡ lớp đắp ra ngày hôm sau, làn da của họ cũng sạch và trắng rạng rỡ.

76. Dân tộc này cũng chống lại việc du nhập các phong tục lạ, khước từ ngay cả những tập tục của các bộ lạc khác trong các tộc người của chính họ, nhưng đặc biệt là các phong tục của người Hy Lạp, như câu chuyện về Anakharsis cũng như câu chuyện sau đó của Skyles đã chứng tỏ. Trước hết về Anakharsis, ông quay về tới nơi cư trú của người Skythia sau khi đã đi thăm rất nhiều vùng đất và thể hiện ở những nơi đó rất nhiều sự thông tuệ, lúc đi thuyền qua eo Hellespontos, ông cập bờ ở Kyzikos. Vì nhận thấy cư dân Kyzikos đang tổ chức một lễ hội vô cùng tráng lệ dành cho Thần Mẫu, Anakharsis thề rằng nếu ông trở về quê hương bình an, ông sẽ dâng lễ hiến sinh lên nữ thần theo cùng nghi lễ như ông

thấy người Kyzikos thực hiện, và cũng tổ chức một đêm hội. Vì vậy, khi tới Skythia, ông đi xuống vùng được gọi là Hylaia (nơi này nằm dọc theo bên cạnh Đường đua của Akhilleus và lại có rất nhiều cây đủ loại). Anakharsis, như tôi vừa kể, tìm tới nơi này và bắt đầu thực hiện tất cả các nghi thức của lễ hội vinh danh vị nữ thần, với một chiếc trống và các tượng thần đeo quanh người. Thế rồi một người Skythia phát hiện ra anh ta đang làm việc này và tâu lại với vua Saulios. Nhà vua cũng đích thân tới nơi, và khi ông ta thấy điều Anakharsis đang làm, nhà vua liền dùng một mũi tên bắn chết anh ta. Ngày nay, nếu ai đó hỏi về Anakharsis, người Skythia nói rằng họ không biết anh ta và lý do là vì anh ta đã rời khỏi đất nước mình tới Hy Lạp và thu nhận các phong tục nước ngoài. Và như tôi được nghe kể từ Tymnes, quản gia của Ariapeithes, rằng Anarkhasis chú của Idanthyrsos vua Skythia, và là con trai Gnouros, cháu Lykos, và chắt Spargapeithes. Nếu quả thực Anakharsis là thành viên của gia tộc này, như thế có nghĩa là anh ta đã chết bởi tay anh trai mình, vì Idanthyrsos là con trai của Saulios, và chính Saulios đã giết Anakharsis.

77. Tuy nhiên tôi cũng đã nghe được một câu chuyện khác do người Peloponnesos kể lại, nói rằng Anakharsis đã được vua của người Skythia phái đi học hỏi Hy Lạp, và khi trở về anh ta bẩm lại với vị vua đã phái mình đi rằng người Hy Lạp quá bận rộn để tìm kiếm trí tuệ, ngoại trừ người Lakedaimon, là những người duy nhất biết nói chuyện đúng đắn. Tuy nhiên, câu chuyện này đã được người Hy Lạp tự hư cấu ra mà không có bất cứ cơ sở nào. Chắc chắn là Anarkhasis đã bị giết như tôi đã kể, vì du nhập lối sống ngoại quốc và giao thiệp với người Hy Lạp.

78. Nhiều năm sau đó Skyles, con trai Ariapeithes cũng phải chịu số phận tương tự. Ariapeithes vua người Skythia có nhiều con trai trong đó có Skyles, mẹ đẻ anh ta là một phụ nữ Istria, chắc chắn không phải là bản dân Skythia, và bà dạy ông nói và đọc tiếng Hy Lạp. Sau đó, khi Ariapeithes chết do sự phản trắc dưới tay Spargapeithes, vua của người Agathyrsoi, Skyles kế vị và cưới người vợ của cha mình, tên là Opoia. Opoia là bản dân Skythia, và có một người con với Ariapeithes là Orikos. Khi Skyles trở thành vua Skythia, ông không hề hài lòng với lối sống của người Skythia, mà nghiêng về lối sống Hy Lạp hơn vì sự dạy dỗ của mẹ, và nhà vua đã quen với việc xử sự ít nhiều như sau: Khi ông đi cùng những người Skythia có vũ trang tới thành phố của người Borysthenes (họ tuyên bố có nguồn gốc Miletos), Skyles liền để đoàn tùy tùng của ông ở ngoại vi thành phố và đích thân đi vào trong thành và đóng cổng lại. Sau đó, nhà vua cởi bỏ trang phục Skythia và mặc vào trang phục Hy Lạp rồi đi tới chợ mà không có

hộ vệ hay bất cứ ai tháp tùng (trong khi đó họ canh chừng các cổng thành để không người Skythia nào thấy nhà vua mặc trang phục như vậy). Nhà vua cũng đón nhận lối sống Hy Lạp trong các mặt khác, và ông cũng thường tôn thờ các vị thần theo phong tục Hy Lạp. Rồi sau khi đã ở lại trong thành phố khoảng một tháng hay hơn, nhà vua lại thay trang phục Skythia và rời đi. Ông làm điều này nhiều lần, và vừa xây cho mình một ngôi nhà tại Borysthenes vừa lấy một người phụ nữ ở đây làm vợ.

79. Tuy nhiên, định mệnh đã quyết định rằng tai ương sẽ giáng xuống đầu nhà vua, điều đó đã xảy đến như sau: Nhà vua mong muốn được kết nạp trong các nghi lễ của Bakkhos, và khi sắp sửa được kết nạp, có một điềm gở xuất hiện. Tại thành phố của người Borysthenes, nhà vua có một ngôi nhà lớn được xây dựng với chi phí lớn, mà tôi đã có nhắc qua ở phần trước, quanh nhà có đặt các tượng nhân sư và sư thân ưng bằng cẩm thạch trắng. Thần Zeus đã khiến một then cửa trong ngôi nhà này rơi xuống, và ngôi nhà bị cháy rụi hoàn toàn, tuy thế Skyles bất chấp việc này vẫn hoàn thành lễ kết nạp của mình.

Người Skythia lấy nghi lễ Bakkhos ra để chê trách người Hy Lạp vì theo họ thật không thích hợp khi phát kiến ra một vị thần như vậy, một vị khiến người ta phát điên. Thế nên khi Skyles được kết nạp, một người Borysthenes tới gặp người Skythia và nói: "Hỡi người Skythia, trong khi các vị cười giễu chúng ta vì chúng ta thực hiện nghi lễ Bakkhos và vì vị thần này đã khống chế chúng ta, thì giờ vị thần ấy đã khống chế cả vua của các vị, ông ta vừa tham gia các nghi lễ thờ Bakkhos vừa hóa điên dưới ảnh hưởng của vị thần. Và nếu các vị không tin tôi, hãy đi theo tôi và tôi sẽ chỉ cho các vị thấy". Mấy người cầm đầu của nhóm người Skythia đi theo anh ta, và người Borysthenes bí mật dẫn họ đi vào thành phố và đưa họ lên một tòa tháp. Thế là khi Skyles đi qua với những người thác loạn khác, những người Skythia thấy nhà vua cùng tham gia nghi lễ Bakkhos, họ cảm thấy buồn vô hạn rồi ra ngoài kể lại cho cả nhóm những gì đã chứng kiến.

80. Sau đó, khi Skyles cưỡi ngựa ra khỏi thành phố tới nơi ở của mình, người Skythia liền chọn người em Oktamasades của ông ta làm thủ lĩnh, con trai của con gái Teres, và họ nổi dậy chống lại Skyles. Ông này, nhận ra những gì đã diễn ra chống lại mình và nguyên do của việc đó, đã tháo chạy đến Thraike. Khi biết tin này, Oktamasades liền tiến quân tới Thraike. Khi vị vua mới tới sông Istros, người Thraike chạm trán ông, và khi hai bên sắp sửa giao chiến, Sitalkes phái một sứ giả tới gặp Oktamasades và nói: "Tại sao chúng ta phải giao chiến với nhau? Ngài là con trai của em gái

ta và nắm giữ em trai ta trong tay. Ngài hãy giao lại em trai cho ta, và ta sẽ giao anh trai Skyles của ngài cho ngài, cả ngài và ta hãy đừng để quân đội của mình phải đi vào chỗ chết". Sitalkes đề nghị như vậy với vua Skythia qua một sứ giả, vì có một người em trai của Sitalkes đang ở chỗ Oktamasades, người đã lưu vong vì sợ anh trai mình. Và Oktamasades đồng ý với đề nghị này và bằng việc giao chính anh trai của mẹ mình cho Sitalkes, đổi lại ông ta nhận được anh trai Skyles. Và Sitalkes, khi nhận được em trai, liền dẫn người em đi, nhưng Oktamasades thì chặt đầu Skyles ngay tại chỗ. Người Skythia gìn giữ các phong tục của họ một cách cẩn thận như vậy, và đó là hình phạt họ dành cho những kẻ du nhập phong tục ngoại quốc.

81. Tôi không thể xác định chính xác số lượng người Skythia, nhưng tôi đã nghe nhiều lời thuật lại về con số này. Những lời kể lại có lời nói họ rất đông, có lời lại kể họ rất ít, ít nhất là về người Skythia chính gốc. Tuy nhiên, về họ, tôi đã được chứng kiến tận mắt: Ở giữa sông Borysthenes và sông Hypanis có một nơi tên là Exampaios, nơinày tôi đã ít nhiều đề cập đến ở phần trước, khi kể rằng tại đây có một dòng suối đắng, thứ nước này chảy vào và làm nước sông Hypanis không thể uống được. Ở nơi này có một chiếc bình thanh đồng, kích thước lớn gấp sáu lần bình pha rượu đặt tại lối vào Pontos mà Pausanias, con trai Kleombrotos đã dâng tiến. Và với những ai chưa từng nhìn thấy nó, tôi sẽ kể rõ ra đây rằng chiếc bình Skythia có thể dễ dàng đựng được 600 vò, và độ dày của chiếc bình này là 6 *daktyloi*. Theo dân bản địa, nó được làm từ các đầu mũi tên, vì họ kể rằng vua của họ, có tên là Ariantas, mong muốn biết có bao nhiêu người Skythia, đã ra lệnh cho tất cả người Skythia mang tới một đầu mũi tên mà từng người tháo ra từ mũi tên của anh ta, và đe dọa xử tử bất cứ ai không mang một đầu mũi tên tới. Vậy là rất nhiều đầu mũi tên được mang tới, và nhà vua quyết định dùng chúng tạo thành một vật kỷ niệm để lại cho hậu thế. Theo lời kể, nhà vua đã dùng các đầu mũi tên ấy đúc nên chiếc bình bằng thanh đồng này và để nó tại Exampaios. Đó là điều tôi đã nghe được về dân số Skythia.

82. Skythia không có gì đáng chú ý ngoại trừ những dòng sông lớn và nhiều hơn các dòng sông ở bất cứ vùng đất nào khác. Tuy nhiên, có một thứ miền đất này có thể trưng ra sẽ được nhắc tới, và đây là thứ xứng đáng để kinh ngạc kể cả khi đặt bên cạnh các dòng sông và sự mênh mông của đồng bằng, cụ thể là họ đã chỉ ra một dấu bàn chân của Herakles trên đá bên bờ sông Tyras, có hình dáng giống với bàn chân của một người nhưng về kích thước thì dài tới 2 *pekhes*. Dấu chân này đúng như tôi vừa kể, và giờ tôi sẽ quay trở lại với câu chuyện tôi sắp sửa kể từ ban đầu.

83. Trong khi Dareios chuẩn bị tấn công người Skythia và phái các sứ giả đi chỉ định một số chư hầu cung cấp một đạo quân bộ, một số khác cung cấp thuyền, và một số khác phụ trách bắc cầu qua eo Bosporos tại Thraike thì Artabanos em trai của Dareios nói với nhà vua về việc người Skythia khó chinh phục như thế nào. Tuy nhiên, vìkhông thể thuyết phục được nhà vua, cho dù đã đưa ra lời khuyên tốt, người em đã không hối thúc nữa. Và Dareios, khi đã hoàn tất mọi sự chuẩn bị, bắt đầu hành quân từ Sousa.

84. Thế rồi một người Ba Tư, Oiobazos, tâu với Dareios rằng vì ông ta có ba người con trai và tất cả đều tham gia cuộc viễn chinh, ông ta mong rằng một đứa con sẽ được cho phép ở lại nhà. Dareios nói rằng vì Oiobazos là một người bạn và đã tâu một lời cầu xin hợp lý, nhà vua sẽ cho tất cả con trai của ông ở lại. Vậy là Oiobazos vô cùng vui mừng, cho rằng các con mình đã được miễn tòng chinh, nhưng Dareios đã ra lệnh cho sĩ quan xử tử tất cả con trai của Oiobazos. Vậy là họ đã được để lại, nhưng đều bị cắt cổ.

85. Dareios hành quân từ Sousa và tới Khalkedon trên bờ Bosporos, nơi cây cầu phao đã được bắc. Từ đó, nhà vua xuống một chiếc thuyền và đi đến nơi được gọi là những tảng đá Kyaneas, vốn trước đó di chuyển tới lui theo lời kể của người Hy Lạp. Ngồi trên chỗ của mình trong ngôi đền, nhà vua nhìn xuống Pontos, một cảnh tượng thực sự đáng chiêm ngưỡng. Trong tất cả các biển, quả thực đây là biển kỳ vĩ nhất. Chiều dài của biển này là 11.100 *stadia*, và chiều rộng ở nơi rộng nhất là 3.300 *stadia*. Và cửa vào biển lớn này chỉ rộng 4 *stadia*, và chiều dài của cửa biển này, tức là eo Bosporos, là 120 *stadia*. Eo Bosporos trải dài tới Propontis[1], rộng 500 *stadia* và dài 1.400 *stadia*, có cửa biển đổ ra eo Hellespontos, rộng 7 *stadia* ở nơi hẹp nhất, cho dù dài tới 400 *stadia*. Và eo Hellespontos thông ra vùng biển rộng được gọi là biển Aigaion.

---

1. Ngày nay là biển Marmara.

---

86. Những số đo này tôi đã thực hiện như sau: Một chiếc thuyền trung bình trong một ngày dài vượt qua được khoảng cách 70.000 *orgyiai*, và 60.000 *orgyiai* trong một đêm. Chúng ta biết rằng để đi tới sông Phasis từ cửa biển (vì đây là nơi Pontos dài nhất) là một chuyến hải hành trong chín ngày và tám đêm, tương đương với 111 vạn *orgyiai*, tương đương với 11.100 *stadia*. Rồi từ Sindika tới Themiskyra trên sông Thermodon (vì đây là nơi rộng nhất của Pontos) là chuyến đi dài ba ngày hai đêm, tương đương với 33 vạn

orgyiai hay 3.300 *stadia*. Bằng cách đó, biển Pontos cũng như các eo Bosporos và Hellespontos đã được tôi đo đạc, và biển Pontos cũng có một hồ mở thông với nó, hồ này có kích thước không hề nhỏ hơn biển Pontos, và được gọi là Maiotis và "Mẹ của Pontos".

87. Dareios, sau khi nhìn xuống Pontos, đi thuyền quay trở lại chỗ cây cầu do Mandrokles, một người Samos, thiết kế. Rồi sau khi cũng đã quan sát eo Bosporos, nhà vua cho dựng bên eo biển hai cây trụ bằng đá trắng bên trên có khắc các ký tự, một trụ khắc ký tự Assyria và trụ kia khắc ký tự Hy Lạp, ghi lại tên các dân tộc được nhà vua dẫn theo mình, và Dareios dẫn theo mình xuất chinh tất cả những tộc người ông cai trị. Tổng quân số của họ chưa kể tới hải quân được ước tính là 70 vạn người bao gồm cả kỵ binh, và có 600 chiến thuyền đã được tập trung lại. Những cây trụ này được người Byzantion chuyển vào thành phố của họ sau những biến cố tôi sẽ nói tới, và dùng chúng làm ban thờ dành cho Artemis Orthosia, ngoại trừ một tảng đá được để lại cạnh ngôi đền Dionysos ở Byzantion, bên trên khắc đầy ký tự Assyria. Còn vị trí ở Bosporos nơi Dareios bắc cây cầu của ông, như tôi kết luận, nằm ở nửa đường giữa Byzantion và ngôi đền tại cửa eo biển.

88. Dareios, vì hài lòng với cây cầu, đã thưởng cho kỹsư Mandrokles người Samos rất nhiều món quà hậu hĩnh, và Mandrokles đã sử dụng tiền thưởng nhận được để thuê vẽ một bức tranh thể hiện toàn bộ cảnh cây cầu bắc qua eo Bosporos với vua Dareios ngự trên một chiếc ngai nổi bật trong khi đạo quân của nhà vua qua cầu. Ông ta đặt vẽ bức tranh này như một lễ vật dâng lên đền Hera, kèm theo những dòng chữ sau:

> Về việc bắc cầu qua Bosporos đầy ắp cá
>
> Mandrokles dâng lên Hera vật kỷ niệm này;
>
> Nhờ công sức của mình, được vua Dareios ngưỡng mộ
>
> Mà ông dành cho mình vương miện và cho Samos danh tiếng.
>
> Công trình kỷ niệm này do kiến trúc sư cây cầu để lại.

89. Và Dareios, sau khi trọng thưởng cho Mandrokles, liền sang châu Âu, trước đó nhà vua đã lệnh cho người Ionia đi thuyền tiến vào Pontos tới tận sông Istros, và khi họ tới Istros phải dừng lại đợi ông ở đó, vì hải quân của nhà vua là người Ionia, người Aiolis và người Hellespontos. Vậy là hạm đội di chuyển qua giữa Quần đảo Kyaneas và tiến thẳng tới sông Istros, sau đó họ đi ngược dòng

sông thêm hai ngày kể từ biển vào và bắc một cây cầu qua khúc cổ thắt của dòng sông, nơi các cửa sông rẽ nhánh khỏi nhau. Trong lúc đó, Dareios, sau khi vượt qua eo biển Bosporos bằng cầu nổi, đang tiến qua vùng Thraike, và khi tới nguồn sông Tearos, nhà vua đóng trại tại đó ba ngày.

90. Những người sống gần con sông này kể rằng Tearos là con sông tốt nhất trong mọi con sông, cả về những khả năng chữa bệnh, và đặc biệt về việc chữa khỏi các bệnh ngoài da cả ở người và ngựa, và dòng sông này có tới 38 con suối đổ vào, tất cả cùng chảy ra từ một khối đá, một số nước lạnh, một số khác nước nóng. Quãng đường tới chỗ chúng từ thành Heraion gần Perinthos, và từ Apollonia trên Biển Euxeinos đều bằng nhau, mỗi lối đều mất hai ngày đường. Sông Tearos chảy vào sông Kontadesos và sông Kontadesos đó vào sông Agrianes, sông Agrianes đổ vào sông Hebros, sông này chảy ra biển gần Ainos.

91. Khi đó Dareios, sau khi tới dòng sông này và đóng trại, rất thích dòng sông và cũng cho dựng một cây trụ ở đây, trên có khắc dòng chữ như sau: "Các suối của sông Tearos cho thứ nước tốt nhất và trong sạch nhất trong mọi dòng sông, và tới chỗ của chúng dẫn đầu một đạo quân để chinh phạt người Skythia là người tốt nhất và công minh nhất trong mọi người, Dareios con trai của Hystaspes, vua của người Ba Tư và của cả lục địa". Đó là những gì được khắc trên trụ.

92. Sau đó, Dareios từ đây lên đường và tới một dòng sông khác mang tên Arteskos, chảy qua vùng đất của người Odrysai. Tới dòng sông này, nhà vua làm như sau: Ông chỉ định một vị trí cho đạo quân của mình và yêu cầu mỗi người lính khi đi qua chỗ đó đặt một hòn đá. Và khi đạo quân thực hiện xong việc đó, nhà vua cho quân đội hành quân đi để lại sau một đống đá lớn.

93. Trên đường đến sông Istros, Dareios trước hết chinh phục người Getai, những người tin vào sự bất tử, vì người Thraike tại Salmydessos và định cư ở phía trên Apollonia và Mesambria, được gọi là người Skyrmidiai và người Nipsaioi, đều đầu hàng Dareios mà không chiến đấu, song người Getai, những người dũng cảm và cương trực nhất trong cách sống trong số tất cả các tộc người Thraike, đã bị khuất phục dù ngoan cố.

94. Và niềm tin vào sự bất tử của họ như sau, cụ thể là họ cho rằng họ không chết, mà những người bị giết sẽ tới với Salmoxis, một vị thần mà một số người trong số họ gọi là Gebeleizis, và cứ bốn năm họ lại cử một người trong số họ, bất cứ ai được số phận lựa chọn

khi rút thăm, làm sứ giả tới gặp Salmoxis, và phái vị sứ giả này đi như sau: một số người trong số họ được chỉ định và giao cho ba cây giáo, trong khi những người khác giữ lấy hai bên người được gửi tới Salmoxis cả chân lẫn tay, họ ném anh ta lên không trung để rơi xuống các ngọn giáo. Nếu người đó bị giáo xuyên qua anh ta sẽ bị giết, và họ nghĩ vị thần hài lòng với họ. Song nếu người đó không bị giết, họ sẽ quy lỗi cho bản thân vị sứ giả này, gọi anh ta là một người vô giá trị, rồi sau khi tìm ra lỗi với anh ta, họ cử đi một người khác, và giao nhiệm vụ trước cho anh ta trong khi anh ta còn sống. Những người Thraike này cũng bắn những mũi tên lên trời khi có sấm chớp xuất hiện, và sử dụng những lời đe dọa với thần linh, không tin rằng có tồn tại bất cứ vị thần nào khác ngoài vị thần của chính họ.

95. Tôi nghe được từ những người Hy Lạp sống ở vùng Hellespontos và Pontos rằng Salmoxis một người trần, sống tại Samos và là nô lệ của Pythagoras, con trai Monesarkhos. Sau khi giành lại tự do, ông trở nên rất giàu có, rồi quay trở về vùng đất của mình. Trong khi người Thraike vừa có cuộc sống khắc khổ vừa có đầu óc đơn giản, Salmoxis lại quen với lối sống và cách xử thế văn minh hơn của người Ionia so với người Thraike, vì ông ta có liên hệ với người Hy Lạp (và không chỉ thế mà cả với Pythagoras, không phải là người kém thông tuệ nhất của người Hy Lạp). Ông thiết lập một sảnh thết tiệc và tiếp đãi tại đó các thủ lĩnh Thraike và nói với họ rằng cả bản thân ông ta, các vị khách của ông ta cũng như hậu duệ của họ sau này đều sẽ không chết mà họ sẽ tới một nơi tại đó họ sống mãi mãi và có mọi thứ tốt đẹp. Trong khi đang làm và nói những điều như vậy, ông ta chuẩn bị cho mình một căn phòng dưới lòng đất, và khi căn phòng hoàn tất, ông ta biến mất khỏi tầm mắt người Thraike rồi chui xuống căn hầm, tiếp tục sống ở đó trong ba năm. Còn người Thraike buồn rầu khi ông ta mất và thương khóc ông ta như một người đã chết. Thế rồi tới năm thứ tư ông ta lại xuất hiện trước những người Thraike, và theo cách này những lời Salmoxis nói trở nên đáng tin với họ. Đó là tự sự của người Hy Lạp.

96. Tôi không quá tin tưởng cũng không bác bỏ những lời kể này, nhưng tôi cho rằng Salmoxis đã sống rất lâu trước Pythagoras. Tuy nhiên, cho dù từng có một người tên là Salmoxis thực sự, hay đây chỉ là một vị thần bản địa của người Getai, chúng ta cũng hãy dừng nói về nhân vật này ở đây. Người Getai, với những phong tục như tôi kể ở trên, đã bị người Ba Tư khuất phục và buộc phải tháp tùng quân đội của Dareios.

97. Khi Dareios cùng bộ binh đã tới sông Istros và vượt sông,

Dareios lệnh cho người Ionia phá dỡ cây cầu rồi hành quân theo ông bằng đường bộ, cùng với toàn bộ hải lực. Và khi người Ionia sắp sửa phá cây cầu và làm theo những gì nhà vua ra lệnh, vị tướng Mytilene, Koes con trai Erxandros, liền nói như sau với Dareios, sau khi trước đó đã hỏi liệu nhà vua có muốn lắng nghe ý kiến hay không: "Tâu bệ hạ, vì rằng bệ hạ sắp hành quân vào một vùng đất nơi không thể thấy được mùa màng được trồng trọt hay thành thị có cư dân nào, liệu bệ hạ có thể để cây cầu này ở nguyên chỗ của nó, và để chính những người đã bắc cầu ở lại canh giữ nó chăng. Khi đó, nếu chúng ta tìm được người Skythia và đánh bại chúng như chúng ta mong muốn, chúng ta sẽ có một đường để quay về. Và ngay cả khi chúng ta không tìm ra chúng, ít nhất đường lui của chúng ta cũng được đảm bảo, vì thần không bao giờ e sợ rằng chúng ta sẽ gặp bất lợi khi giao chiến với người Skythia, nhưng thần lo chúng ta có thể sẽ không tìm ra được chúng, và có thể gặp phải tai họa nào đó khi lang thang. Có thể ai đó sẽ nói rằng khi tâu lên như vậy thần đang nói cho lợi ích của chính mình để thần có thể ở lại sau, nhưng trên thực tế thần đang nói ra, tâu bệ hạ, điều mà thần thấy tốt nhất cho ngài, và bản thân thần sẽ tháp tùng bệ hạ chứ không ở lại sau". Dareios rất hài lòng với ý này và trả lời ông ta như sau: "Hỡi người bạn, khi ta đã an toàn trở về nhà, hãy đảm bảo rằng ngươi sẽ xuất hiện trước ta, để ta có thể trọng thưởng ngươi về lời khuyên sáng suốt".

98. Sau khi nói vậy và đã buộc 60 nút buộc vào một sợi dây, nhà vua cho triệu các thủ lĩnh Ionia tới hội kiến với mình và truyền như sau: "Hỡi người Ionia, hãy biết rằng ta đã từ bỏ ý định mà trước đây ta đã nói về cây cầu, và các ngươi hãy giữ lấy sợi dây này và làm như ta dặn. Ngay khi các ngươi thấy ta lên đường chinh phạt người Skythia, kể từ lúc đó hãy tháo một nút buộc ra khi mỗi ngày trôi qua. Và nếu trong vòng thời gian này ta không có mặt ở đây, và các ngươi thấy rằng những ngày được đánh dấu bởi các nút buộc đã trôi qua hết, khi đó hãy lên thuyền trở về vùng đất của các người. Từ giờ cho tới lúc đó, vì quyết tâm của ta đã thay đổi, các ngươi hãy canh giữ cây cầu nổi, lấy hết sự chuyên chú ra gìn giữ cây cầu an toàn và canh phòng nó. Hãy làm như vậy, và các người sẽ phụng sự cho ta một cách rất đáng khen". Dareios dặn dò như vậy rồi hối hả tiến quân.

99. Ở phía trước vùng đất Skythia về phía biển là Thraike, và tại nơi có một vịnh hình thành ở vùng đất này chính là điểm Skythia bắt đầu, vịnh này là nơi sông Istros chảy vào, khi cửa sông ngoặt về phía đông nam. Bắt đầu từ sông Istros, tôi sẽ miêu tả vùng bờ biển của Skythia, với các khoảng cách đi kèm. Ngay từ sông Istros bắt đầu vùng đất nguyên thủy của Skythia, và vùng đất này trải

dài về phía bắc và phía nam, vươn xa tới tận thành phố mang tên Kerkinitis. Sau đó, phần đất nằm ở bên bờ của cùng biển này, một vùng đất đầy núi non chạy ra phía Pontos, vẫn do người Tauroi chiếm giữ, tới tận bán đảo được gọi là "Khersonesos Gồ ghề" và vùng này chạy tới tận biển nằm ở phía đông, vì hai phía biên giới của Skythia nằm dọc theo biển, một phía ở biển phía nam, và phía kia ở biển phía đông, giống hệt như vùng Attika. Và quả thực người Tauroi chiếm cứ một phần Skythia rất giống với Attika, cứ như thể tại Attika có một tộc người khác chứ không phải người Athenai chiếm cứ vùng đồi Sounion, với giả thiết rằng nó dài hơn ở phần mũi nhô ra biển, chính là vùng đất được tách rời bởi một đường từ Thorikos tới Anaphlystos. Như tôi vừa nói, nếu chúng ta được phép so sánh những vùng đất nhỏ như vậy với vùng đất lớn, đây chính là hình dạng vùng đất của người Tauroi. Tuy nhiên, với những người chưa từng đi thuyền dọc theo phần bờ biển này của Attika, tôi sẽ miêu tả rõ ràng bằng một phép so sánh khác: Giả sử nếu tại Iapygia cư ngụ một tộc người khác chứ không phải người Iapygia đã tách biệt hẳn họ và chiếm cứ phần mũi đất được giới hạn bởi một đường từ cảng Brentesion tới Taras. Và khi nhắc tới hai trường hợp tương đồng này, có rất nhiều nơi khác tương đồng với Taurike.

100. Phía Bắc người Tauroi, và dọc bờ biển về phía đông, lại là lãnh thổ Skythia, cũng như vùng phía tây Bosporos Kimmerios và hồ Maiotis, xa tới tận sông Tanais, dòng sông chảy vào cực bắc hồ này. Ở nội địa Skythia giáp ranh (như chúng ta biết) trước hết với người Agathyrsoi, bắt đầu từ sông Istros, sau đó là người Neuroi, tiếp theo là người Androphagoi, rồi cuối cùng là người Melankhlainoi.

101. Như vậy, Skythia có thể coi như một hình vuông với hai cạnh giáp biển, với các đường biên giới dài bằng nhau theo mỗi hướng, kể cả hướng chạy vào đất liền và hướng chạy dọc theo bờ biển. Vì từ sông Istros tới sông Borysthenes đi hết 10 ngày đường, và từ sông Borysthenes tới hồ Maiotis hết thêm 10 ngày nữa, và khoảng cách trên đất liền tới chỗ người Melankhlainoi, những người cư trú ở phía trên người Skythia, đi hết 20 ngày đường. Tôi đã coi một ngày đường là 200 *stadia*, và theo cách ước lượng này đường bờ biển của Skythia sẽ dài 4.000 *stadia*, và đường ranh giới trên đất liền cũng có chiều dài tương tự.

102. Trong khi đó, người Skythia đã cân nhắc với nhau rằng họ không thể một mình đẩy lùi đạo quân của Dareios bằng một trận hội chiến, và phái sứ giả tới gặp các tộc người cư trú gần họ, trong khi vua những dân tộc này vốn đã tập hợp với nhau và bàn bạc, vì

một đạo quân hùng hậu đến thế đang hành quân về phía họ. Đến tụ họp gồm có vua của người Tauroi, Agathyrsoi, Neuroi, Androphagoi, Melankhlainoi, Gelonoi, Boudinoi và Sauromatai.

103. Trong số các tộc người này, người Tauroi có phong tục như sau: Họ hiến sinh dâng lên "Trinh nữ" cả những người bị đắm tàu cũng như những người Hy Lạp họ có thể bắt được khi ra khơi tấn công, và cách hiến sinh của họ như sau: Khi đã thực hiện những nghi lễ ban đầu cho việc hiến sinh, họ dùng gậy nện vào đầu kẻ bị hiến sinh, và một số người kể họ ném xác xuống từ trên đỉnh vách đá (vì ngôi đền được xây trên đỉnh một vách đá) và cắm đầu lên một chiếc cọc. Song một số người khác, trong khi nhất trí về những cái đầu, lại kể rằng phần xác không bị ném từ trên vách đá xuống mà được chôn xuống đất. Chính người Tauroi nói rằng vị thần được họ dâng lễ hiến sinh là Iphigeneia con gái của Agamemnon. Với bất cứ kẻ thù nào đã bị khuất phục họ đối xử như sau: Mỗi người chém đầu một kẻ thù rồi mang cái đầu về nhà, sau đó anh ta cắm nó lên một cái cọc dài và dựng lên trên cao phía trên ngôi nhà, thường là trên ống khói. Họ nói rằng những cái đầu đó được để lên trên cao làm lính canh bảo hộ cho cả ngôi nhà. Tộc người này sống nhờ cướp bóc và chiến tranh.

104. Người Agathyrsoi là tộc người xa hoa nhất trong tất cả các tộc người, và phần lớn họ đeo các món đồ trang sức bằng vàng, họ cũng giao hoan bừa bãi với phụ nữ để họ có thể trở thành huynh đệ, và gần như tất cả đều có quan hệ thân thích để không cảm thấy ghen tị hay hiềm khích với nhau. Về phong tục, họ giống với người Thraike.

105. Người Neuroi làm theo các phong tục Skythia: Một thế hệ trước khi xảy ra cuộc viễn chinh của Dareios, họ đã buộc phải từ bỏ hoàn toàn miền đất của mình vì những con rắn, do vùng đất của họ sản sinh ra rất nhiều rắn, và số lượng rắn còn nhiều hơn thế tràn về từ các vùng hoang vu ở xa hơn biên giới của họ, cho tới khi cuối cùng do bị lũ rắn dồn ép kịch liệt, họ phải rời bỏ quê hương tới định cư giữa những người Boudinoi. Những người này có vẻ là các phù thủy, vì người Skythia và người Hy Lạp định cư trên đất Skythia kể về họ rằng cứ mỗi năm một lần, mỗi người Neuroi lại biến thành một con sói trong vài ngày rồi sau đó lại trở lại hình dạng nguyên thủy của mình. Về phần mình, tôi không tin khi họ nói như vậy, nhưng dẫu sao thì đó cũng là những gì họ kể, và hơn thế họ còn thề đúng là như vậy.

106. Người Androphagoi có lối sống man rợ nhất trong mọi tộc người, và họ không thừa nhận bất cứ công lý nào cũng không thi

hành bất cứ thứ luật lệ nào. Họ sống du mục và mặc trang phục giống người Skythia, nhưng có ngôn ngữ riêng, và trong tất cả các tộc người, chỉ họ ăn thịt người.

107. Tất cả người Melankhlainoi đều mặc đồ đen, và vì điều đó mà họ có tên gọi của mình, và họ theo các phong tục của người Skythia.

108. Người Boudinoi là một tộc người rất lớn và đông đảo, và tất cả đều có mắt xanh cùng da trắng. Ở vùng đất của mình, họ xây một thành phố bằng gỗ mang tên Gelonos, mỗi phía tường thành dài 30 *stadia* và rất cao, tất cả đều bằng gỗ; tất cả nhà cửa và các ngôi đền cũng bằng gỗ, vì ở trong thành phố này có các ngôi đền các vị thần Hy Lạp được trang hoàng theo phong cách Hy Lạp với các tượng thần, ban thờ và điện thờ, tất cả đều bằng gỗ, và cứ dân ở đây cứ hai năm lại tổ chức các lễ hội mừng Dionysos và thực hiện các nghi lễ của Bakkhos. Vì người Gelonoi vốn gốc gác là người Hy Lạp, họ di cư từ các thương điếm bên bờ biển tới định cư giữa những người Boudinoi, và dùng một phần ngôn ngữ Skythia, một phần tiếng Hy Lạp. Tuy nhiên, người Boudinoi không dùng cùng ngôn ngữ với người Gelonoi, và lối sống của họ cũng khác biệt.

109. Người Boudinoi là cư dân bản xứ ở vùng đất này, là một tộc người du mục, và là tộc người duy nhất trong số các dân tộc ở đó sống nhờ vào ăn quả thông, trong khi người Gelonoi lại canh tác đất đai, ăn ngũ cốc và có những khu vườn, không hề giống người Gelonoi cả về ngoại hình hay nước da. Tuy nhiên, người Hy Lạp cũng gọi người Boudinoi là người Gelonoi, một cách gọi không chính xác. Vùng đất của họ được bao phủ hoàn toàn bởi rừng rậm với đủ loại cây, và ở trong khu rừng rậm nhất có một hồ nước rộng và sâu, quanh hồ là các đầm lầy và những khóm lau sậy. Ở đây họ có thể bắt được rái cá, hải ly và tất nhiên cả những loài thú hoang khác với khuôn mặt vuông vắn. Lông của các loài thú này được họ khâu thành một vành quanh áo khoác da của họ, còn tinh hoàn của chúng được họ dùng để chữa các loại bệnh của phụ nữ.

110. Người ta kể như sau về người Sauromatai: Khi người Hy Lạp chiến đấu với người Amazones, được người Skythia gọi là *Oiorpata*, cái tên này trong tiếng Hy Lạp có nghĩa là "kẻ giết đàn ông", vì trong tiếng Skythia "*oior*" là đàn ông và "*pata*" nghĩa là "giết", câu chuyện kể rằng người Hy Lạp, sau khi khuất phục người Amazones trong trận đánh tại Thermodon, liền lên thuyền rời đi mang theo cùng họ trên ba chiếc thuyền số người Amazones nhiều nhất có thể để làm tù binh. Ở ngoài khơi, những người

Amazones này tấn công thủy thủ đoàn và ném họ xuống biển, song người Amazones không biết gì về thuyền, không biết cách dùng bánh lái, buồm hay mái chèo, và sau khi đã ném thủy thủ đoàn xuống biển họ bị sóng biển và gió đánh trôi dạt đi và tới phần hồ Maiotis ở Kremnoi; hiện giờ Kremnoi nằm ở vùng đất của người Skythia tự do. Tại đó, các Amazones từ thuyền lên bờ rồi đi vào đất liền, rồi sau khi bắt gặp một đàn ngựa đi ăn, họ liền bắt lấy những con ngựa, rồi cưỡi lên ngựa đi cướp bóc người Skythia.

111. Trong khi đó người Skythia không hiểu chuyện gì đang xảy ra, vì họ không biết ngôn ngữ cũng như trang phục của những kẻ lạ mặt, không biết những kẻ này thuộc tộc người nào, nhưng rất tò mò về việc những người này từ đâu tới và ban đầu nghĩ đây là những người đàn ông có độ tuổi tương ứng với vẻ bề ngoài của họ, rồi cuối cùng người Skythia giao chiến một trận với những kẻ lạ mặt, và sau trận đánh, người Skythia đoạt thi thể của những người chết và phát hiện ra đó là những phụ nữ. Vậy là họ họp bàn và quyết định sẽ không tiếp tục tìm cách giết những người lạ nữa, họ phái tới những người đàn ông trẻ tuổi nhất, sau khi đã điều tra về số lượng để phái đi vừa đủ số người bằng với số phụ nữ lạ này. Những thanh niên này được lệnh đóng trại ở gần những người lạ, và làm bất cứ điều gì họ làm, tuy nhiên nếu những người phụ nữ truy đuổi những thanh niên này, họ không được chiến đấu mà cần rút lui, rồi khi những người phụ nữ dừng lại, họ cần tiếp cận lại gần và đóng trại. Người Skythia nhất trí làm theo kế hoạch này vì họ muốn có những đứa con do những phụ nữ này sinh ra.

112. Vậy là các thanh niên được phái đi và làm như đã được ra lệnh: và khi các Amazones nhận ra các thanh niên này không tới làm hại mình, họ liền để mặc những người Skythia, vậy là hai khu trại ngày càng xích lại gần nhau hơn, và các thanh niên Skythia, cũng giống như các Amazones, không có gì ngoài vũ khí và những con ngựa của mình, sống nhờ săn bắt và đoạt chiến lợi phẩm.

113. Vào buổi trưa, các Amazones thường tản ra ngoài một mình hoặc hai người một, tách xa khỏi nhau để nghỉ ngơi, và các thanh niên Skythia sau khi nhận ra điều này cũng làm tương tự. Và một người Skythia lại gần một trong những cô gái Amazones đang một mình, và cô này không xua đuổi anh ta mà cho phép anh ta cùng ngủ. Cô gái không thể nói chuyện với anh ta, vì hai người không hiểu ngôn ngữ của nhau, song cô này làm dấu hiệu bằng tay với chàng trai để bảo anh ta ngày hôm sau lại tới cùng chỗ đó và dẫn theo một người nữa đi cùng, ra hiệu với người thanh niên là về phía những người Amazones cũng sẽ có hai người, vì cô sẽ dẫn theo một cô gái khác đi cùng. Người thanh niên do đó khi

quay về đã thuật lại với những người khác, và tới ngày hôm sau anh ta đích thân quay lại chỗ hẹn dẫn theo một người khác, và thấy cô gái Amazon đã chờ mình cùng một cô gái khác. Khi biết chuyện này, tất cả các thanh niên Skythia khác cũng lần lượt chinh phục cho mình những phụ nữ Amazones còn lại.

114. Và sau đó họ cùng dọn tới sống trong cùng một khu trại, mỗi thanh niên có riêng cho mình một người vợ là cô gái anh ta đã gặp ban đầu, và dù những người đàn ông không thể học được ngôn ngữ của những phụ nữ, những người phụ nữ dần đã hiểu được ngôn ngữ của những người đàn ông. Vậy là khi họ đã hiểu nhau, những người đàn ông nói với những phụ nữ Amazones như sau: "Chúng ta có cha mẹ và tài sản; vì thế bây giờ chúng ta hãy thôi sống như thế này, các nàng hãy theo chúng ta quay về với tộc người của chúng ta để sống cùng họ; chúng ta sẽ chỉ lấy các nàng làm vợ mà không có ai khác nữa". Tuy nhiên, những người phụ nữ đã trả lời như sau: "Chúng em không thể sống cùng những phụ nữ thuộc tộc người các chàng, vì chúng em không có cùng phong tục như họ. Chúng em bắn tên, ném lao và cưỡi ngựa, nhưng không bao giờ học cách làm những việc của phụ nữ; trong khi những người phụ nữ đồng tộc với các chàng không bao giờ làm những việc chúng em vừa kể, mà ở trong xe ngựa và làm những việc của phụ nữ, không ra ngoài đi săn hay làm bất cứ điều gì khác. Vì thế chúng em sẽ không thể sống hòa thuận với họ. Nhưng nếu các chàng mong muốn lấy chúng em làm vợ và được coi là những người trung thực, hãy về gặp cha mẹ các chàng và nhận từ họ phần tài sản của các chàng, rồi sau đó chúng ta hãy cùng đi và sống riêng bên nhau".

115. Các thanh niên Skythia đồng ý và làm theo, rồi sau khi họ đã nhận được phần tài sản thuộc về mình và quay trở lại với những người Amazones, những người phụ nữ liền nói với họ như sau: "Chúng em thấy sợ hãi và run rẩy khi nghĩ tới việc phải sống ở miền đất này, vì không chỉ đã chia rẽ các chàng khỏi cha mẹ, mà chúng em còn đã gây ra nhiều tổn hại cho miền đất của các chàng. Vì các chàng đã muốn cưới chúng em làm vợ, hãy cùng chúng em làm thế này, chúng ta hãy cùng nhau rời khỏi vùng đất này vượt sang bên kia sông Tanais và sống tại đó".

116. Những thanh niên Skythia đồng ý cả việc này nữa, và họ vượt qua sông Tanais, đi về phía đông suốt ba ngày liền kể từ sông Tanais, và cũng đi lên phía bắc ba ngày đường kể từ hồ Maiotis, rồi tới nơi họ hiện nay đang định cư, họ liền dừng lại đó: rồi từ đó trở đi, những phụ nữ Sauromatai sống theo lối sống cổ xưa của họ, thường xuyên cưỡi ngựa ra ngoài đi săn, cả riêng lẻ lẫn cùng

những người đàn ông, và thường xuyên ra trận, cũng mặc trang phục như đàn ông.

117. Và người Sauromatai dùng tiếng Skythia, tuy nhiên họ luôn nói lỗi, vì người Amazones đã không học được thứ tiếng này một cách thông thạo. Về hôn nhân, họ có luật lệ rằng không trinh nữ nào được kết hôn cho tới khi cô ta đã giết được một người đàn ông phía kẻ thù, và một số người thậm chí già và chết trước khi kết hôn, vì họ không thể thực hiện được yêu cầu của luật lệ.

118. Như đã kể ở trên, các sứ giả của người Skythia đã lên đường đi gặp vua của các dân tộc này. Sứ đoàn đến nơi vừa lúc các vị vua đang hội họp với nhau. Các sứ giả Skythia liền thuật lại với họ về việc vua Ba Tư, sau khi đã khuất phục tất cả dân tộc ở lục địa châu Á dưới quyền mình, đã bắc một cây cầu qua phần cổ hẹp của eo biển Bosporos và vượt qua cầu sang châu Âu. Rồi sau khi đã vượt biển và khuất phục người Thraike, người Ba Tư đang bắc một cây cầu qua sông Istros, muốn khuất phục cả những vùng đất của họ nữa. "Vì thế", các vị sứ giả nói, "các ngài không thể đứng ngoài và để mặc chúng tôi bị tiêu diệt, mà tất cả chúng ta hãy cùng nhất trí và chống lại kẻ đang tới tấn công chúng ta. Nếu các ngài không làm vậy, về phần mình chúng tôi hoặc sẽ buộc vì sống còn mà phải rời bỏ miền đất của mình, hoặc chúng tôi sẽ ở lại đó và lập một hiệp ước với kẻ xâm lược, vì chúng tôi còn có thể làm gì khác nếu các ngài không sẵn sàng giúp chúng tôi? Và về phần các ngài, sau chuyện này tình hình sẽ không hề dễ dàng hơn về bất cứ mặt nào, vì người Ba Tư không chỉ tới để chống lại chúng tôi mà cũng để chống lại cả các ngài, và vua Ba Tư sẽ không chỉ hài lòng với việc khuất phục chúng tôi mà bỏ qua cho các ngài. Sự thật về điều chúng tôi nói sẽ được chứng tỏ bằng một bằng chứng vững chắc: Nếu người Ba Tư thực hiện cuộc chinh phạt này chỉ nhằm riêng vào chúng tôi vì Dareios muốn báo thù sự nô dịch lúc trước, ông ta hẳn đã bỏ qua tất cả các tộc người khác và lập tức tiến quân xâm lược vùng đất của chúng tôi, và ông ta hẳn đã làm rõ với tất cả rằng ông ta đang hành quân chinh phạt người Skythia và không chống lại những tộc người khác. Tuy nhiên, trên thực tế, kể từ khi vượt biển sang lục địa này, ông ta đã bắt tất cả những tộc người trên đường đi phải thần phục mình, và ông ta giờ đây cai trị không chỉ người Thraike mà cả người Getai, láng giềng gần nhất của chúng tôi".

119. Khi người Skythia đề xuất điều này, những vị vua của các dân tộc khác liền cùng bàn bạc, và quan điểm của họ bị chia rẽ. Các vị vua của người Gelonoi, Boudinoi và Sauromatai cùng nhất trí chấp nhận lời đề xuất rằng họ nên giúp đỡ người Skythia,

nhưng các vua của Agathyrsoi, Neuroi, Androphagoi, Melankhlainoi và Tauroi trả lời người Skythia như sau: “Nếu các người không phải là người đầu tiên làm điều trái lẽ với người Ba Tư và khơi mào chiến tranh, thì hẳn chúng ta đã nghĩ rằng các người đang nói hợp lẽ khi yêu cầu những điều các người đang yêu cầu, và hẳn chúng ta đã thuận theo yêu cầu của các người và chia sẻ vận hội với các người. Tuy nhiên, vì trên thực tế các người đã xâm lược vùng đất của họ mà không hề có chúng ta cùng tham dự, và cai trị người Ba Tư trong thời gian dài như các vị thần đã cho phép các người, và họ, như cùng các vị thần đã thúc đẩy họ, đang trả lại cho các người điều tương tự như các người đã làm. Còn về phần chúng ta, chưa bao giờ chúng ta từng làm gì trái lẽ với họ, và cũng sẽ không tìm cách làm gì sai trái với họ nếu không bị khiêu khích. Tuy nhiên, nếu người Ba Tư cũng tấn công vào vùng đất của chúng ta, và là kẻ đầu tiên gây sai trái trước với chúng ta, chúng ta cũng sẽ từ chối khuất phục. Nhưng cho tới khi đã thấy được điều đó, chúng ta sẽ án binh bất động, vì chúng ta cho rằng người Ba Tư không phải tới để chống lại chúng ta, mà chống lại những kẻ đã gây ra sai trái”.

120. Khi người Skythia được nghe báo lại câu trả lời này, họ quyết định sẽ không hội chiến, vì các tộc người khác đã không đến gia nhập cùng họ làm đồng minh, mà rút lui trước quân Ba Tư và lùa gia súc của họ đi trước, lấy đất lấp kín các giếng nước và bịt các nguồn nước khi đi qua và nhổ hết sạch cỏ mọc trên mặt đất, sau khi đã tự chia người của mình thành hai nhóm cho việc này. Họ quyết định rằng họ có thể tính thêm cả người Sauromatai là một trong những lực lượng của mình, cụ thể là lực lượng dưới quyền vua Skopasis, và lực lượng này, nếu quân Ba Tư ngoặt về hướng đó, sẽ tiến thẳng về phía sông Tanais, rút lui trước mặt quân Ba Tư bên hồ Maiotis, và khi quân Ba Tư lui lại, họ cần bám theo và truy kích. Đây là một cánh quân của họ, được chỉ định thực hiện nhiệm vụ như đã kể, còn hai cánh quân còn lại của vương quốc, một cánh quân lớn dưới quyền vua Idanthyrsos, và cánh quân thứ ba dưới quyền vua Taxakis được hợp làm một, với người Gelonoi và người Boudinoi được tăng cường cho họ, lực lượng này sẽ phải rút lui cách một ngày hành quân phía trước quân Ba Tư, duy trì khoảng cách với kẻ thù và làm theo kế hoạch. Trước hết, họ cần di chuyển thẳng tới lãnh thổ những nước đã từ chối liên minh với họ, để họ có thể lôi kéo cả những nước này vào cuộc chiến, và cho dù những nước này đã không tình nguyện tham chiến với người Ba Tư, họ vẫn phải tham chiến bất chấp ý nguyện. Rồi sau đó, lực lượng này phải quay trở lại vùng lãnh thổ của mình và tấn công kẻ thù, nếu họ thấy rằng nên làm vậy.

121. Sau khi đã hình thành kế hoạch như trên, người Skythia liền xuất quân nghênh chiến với đạo quân của Dareios, phái những kỵ sĩ giỏi nhất đi trước trinh sát, nhưng tất cả xe ngựa với vợ con của họ sống trên đó, cũng như những đàn gia súc (người Skythia chỉ để lại vừa đủ để cung cấp thức ăn cho các chiến binh) họ đều cho sơ tán và ra lệnh cho những người sơ tán phải tiếp tục hành trình lên phía bắc, và việc này được tiến hành trước khi họ xuất quân.

122. Khi các trinh sát đi trước đạo quân Skythia phát hiện raquân Ba Tư ở cách sông Istros ba ngày hành quân, người Skythia tiếp tục đóng trại cách quân địch một ngày hành quân, đồng thời phá hủy mọi thứ mọc lên từ mặt đất. Khi quân Ba Tư thấy các kỵ sĩ Skythia xuất hiện, họ liền truy đuổi theo kẻ địch, trong khi người Skythia liên tục di chuyển. Sau đó, vì quân Ba Tư đã hướng về phía cánh quân Skythia thứ nhất, người Ba Tư tiếp tục truy đuổi về phía đông tới sông Tanais, và khi người Skythia đã vượt sông Tanais, quân Ba Tư cũng vượt sông đuổi theo cho tới khi đã qua hết lãnh thổ của người Sauromatai và tiến vào vùng đất của người Boudinoi.

123. Giờ đây, khi người Ba Tư đi qua lãnh thổ Skythia và vùng đất của người Sauromatai, họ chẳng có gì để phá hủy, vì cả vùng đất này đều trơ trụi, nhưng khi tiến vào vùng đất của người Boudinoi, họ bắt gặp bức tường gỗ vốn đã bị người Boudinoi bỏ lại hoàn toàn hoang vắng, và phóng hỏa đốt trụi công trình này. Sau đó, quân Ba Tư tiếp tục truy đuổi xa hơn lần theo dấu vết kẻ thù, cho tới khi họ đã qua hết vùng đất này và tới vùng đất hoang vu. Vùng hoang vu này không có người cư trú, nằm phía trên vùng đất của người Boudinoi, trải dài trên bảy ngày đường, và ở xa hơn vùng đất hoang này có người Thyssagetai cư trú và bốn dòng sông lớn chảy từ vùng đất của họ qua lãnh thổ của người Maiotai đổ vào hồ nước được gọi là hồ Maiotis, những dòng sông này có tên lần lượt là Lykos, Oaros, Tanais, Syrgis.

124. Vì vậy, khi Dareios tới vùng đất hoang vu, nhà vua dừng lại và đóng quân bên sông Oaros. Tiếp đó, Dareios bắt đầu dựng lên tám pháo đài lớn nằm cách đều nhau khoảng 60 *stadia*, và tàn tích của chúng vẫn còn tồn tại cho tới tận thời của tôi, và trong khi Dareios bận rộn với việc này, những người Skythia mà nhà vua truy đuổi đi vòng lại theo đường thượng du và quay trở lại Skythia. Vì những người này hoàn toàn biến mất và quân Ba Tư không còn thấy dấu vết của họ nữa, Dareios bỏ mặc các pháo đài mới chỉ xây dở dang và quay lại, bắt đầu tiến sang phía tây, đoán rằng cánh quân đó là toàn bộ lực lượng của người Skythia và họ đang tháo chạy về phía tây.

125. Hành quân nhanh nhất có thể, khi tới Skythia nhà vua đối mặt với hai cánh quân Skythia còn lại đã hợp nhất, và sau khi chạm trán, Dareios tiếp tục truy kích họ, trong khi người Skythia liên tục rút lui và duy trì khoảng cách một ngày đường với nhà vua. Vì Dareios không ngừng truy đuổi họ, người Skythia theo kế hoạch tiếp tục rút lui trước mặt nhà vua về phía lãnh thổ của những nước đã từ chối liên minh với họ, trước hết về phía người Melankhlainoi. Và khi người Skythia và người Ba Tư cùng xâm lược và gây hỗn loạn cho tộc người này, người Skythia lại dẫn đường tới vùng đất của người Androphagoi, và khi cả tộc người này cũng đã bị quấy rối, họ lại tìm tới vùng của người Neuroi, và trong khi cả tộc người này cũng bị tấn công, người Skythia tiếp tục rút lui trước kẻ thù để lôi kéo quân Ba Tư tới chỗ người Agathyrsoi. Tuy nhiên, người Agathyrsoi, thấy rằng những tộc người láng giềng của họ cũng phải chạy trốn người Skythia và bị quấy phá, liền phái sứ giả tới gặp trước khi người Skythia xâm nhập vào đất của họ và đòi hỏi người Skythia không được đặt chân lên đất của họ, cảnh cáo rằng nếu người Skythia tìm cách xâm lược vùng đất này, họ trước hết sẽ phải chiến đấu với người Agathyrsoi. Sau khi cảnh cáo như vậy, người Agathyrsoi vũ trang đi về biên giới với ý định đẩy lùi những kẻ xâm nhập.

Người Melankhlainoi, Androphagoi và Neuroi, khi người Ba Tư và người Skythia đồng thời tấn công họ, đã không chống trả một cách dũng cảm mà quên mất lời đe dọa khi trước của họ để tháo chạy hỗn loạn lên phía bắc tới vùng đất hoang vu. Tuy nhiên, người Skythia, sau khi bị người Agathyrsoi cảnh cáo, đã không tìm cách xâm nhập vào vùng đất này nữa và dụ quân Ba Tư từ vùng đất của người Neuroi quay về vùng đất của chính họ.

126. Khi cuộc truy đuổi này tiếp diễn một thời gian dài và không hề ngừng lại, Dareios gửi một kỵ sĩ tới gặp Idanthyrsos, vua của người Skythia, và nói như sau: “Hỡi kẻ lạ, tại sao ngươi cứ mãi trốn chạy, trong khi ngươi có thể làm một trong hai việc sau đây: Nếu ngươi nghĩ bản thân có thể chống lại quyền lực của ta, hãy dừng lang thang và chiến đấu đi; nhưng nếu ngươi thừa nhận mình quá yếu, khi đó hãy dừng cuộc chạy trốn, tới nói chuyện với chủ nhân của ngươi, và dâng lên chủ nhân của ngươi đất và nước”.

127. Trước những lời này Idanthyrsos vua người Skythia trả lời như sau: “Hỡi người Ba Tư, trường hợp của ta như sau: Chưa bao giờ ta bỏ chạy vì sợ hãi, cho dù là trước thời gian hay trước một người nào khác, hay trước ngươi như lúc này; và lúc này ta cũng không hề làm gì khác những gì ta vẫn thường làm vào lúc hòa bình. Còn về lý do tại sao ta không giao chiến với ngươi lập tức, ta

cũng sẽ cho ngươi hay. Chúng ta chẳng hề có các thành phố hay đất canh tác với các vụ mùa để phải e sợ chúng bị chiếm hay hủy hoại, và vì thế mà gấp gáp giao chiến. Nhưng nếu ngươi muốn đổ máu vội vàng, ngươi hãy biết chúng ta có những ngôi mộ nơi cha ông chúng ta được chôn cất, vì thế giờ hãy đến đây, tìm những nơi đó và phá hủy chúng, rồi ngươi sẽ biết liệu chúng ta có chiến đấu với các ngươi vì những ngôi mộ tổ tiên hay không. Tuy nhiên trước đó chúng ta sẽ không giao chiến với ngươi trừ khi có lý do buộc chúng ta làm điều đó. Về giao chiến hãy coi những gì đã được nói là đủ. Còn về các chủ nhân, ta không thừa nhận ai đứng trên mình ngoài Zeus tổ tiên của ta và Hestia, nữ hoàng của người Skythia. Vì thế, với ngươi, thay vì những món quà của đất và nước, ta sẽ gửi tới những thứ xứng đáng, và để đáp trả lời ngươi nói rằng ngươi là chủ nhân của ta, ta sẽ nói rằng, khốn thay cho ngươi". Đây chính là câu trả lời của người Skythia.

128. Sứ giả sau đó quay về báo tin với Dareios, và các vua của người Skythia, sau khi nghe tới việc bị yêu cầu phải quy phục trước một chủ nhân, trở nên đầy phẫn nộ. Họ liền phái cánh quân đã được chỉ định sẽ hội quân với người Sauromatai, cánh quân do Skopasis chỉ huy, yêu cầu họ tới nói chuyện với những người Ionia canh giữ cây cầu bắc qua sông Istros, trong khi đó những chiến binh còn lại quyết định không lôi kéo người Ba Tư đi đâu thêm nữa mà tấn công kẻ thù lập tức ngay khi quân Ba Tư nhận được tiếp tế. Vì thế họ quan sát binh lính của Dareios trong khi những người này nhận đồ tiếp tế, rồi thực hiện điều họ đã quyết định. Kỵ binh Skythia luôn đánh bại kỵ binh địch, trong khi các kỵ binh Ba Tư lúc bỏ chạy đã lui trở lại phía bộ binh của mình, và lực lượng này sẽ tiến lên hỗ trợ cho họ. Trong khi đó, những người Skythia, sau khi đánh bại kỵ binh địch, đã quay ngựa trở lại vì e ngại bộ binh địch. Đến tối, người Skythia thường tổ chức những cuộc tấn công tương tự.

129. Và thật lạ lùng là điều đã trợ giúp cho người Ba Tư và ngăn trở người Skythia nhiều nhất trong những cuộc tấn công của họ vào doanh trại của Dareios chính là tiếng kêu của những con lừa và hình dáng của những con la, vì Skythia không có cả lừa lẫn la như tôi đã kể ở phần trước, vì không hề có lừa hay la ở xứ Skythia do khí hậu lạnh. Vì thế, lũ lừa bằng cách hí lên thật to thường khiến kỵ binh Skythia bị rối loạn, và nhiều lần trong khi họ đang phi ngựa xông vào tấn công quân Ba Tư thì lũ ngựa nghe thấy tiếng lừa kêu và trở nên hỗn loạn, quay trở lại trong cơn bối rối, dựng hai tai lên, vì chúng chưa bao giờ nghe thấy tiếng kêu cũng như từng nhìn thấy sinh vật này trước đó.

130. Nhờ điều này người Ba Tư có lợi thế trong một phần nhỏ của cuộc chiến. Song bất cứ khi nào người Skythia thấy quân Ba Tư dao động, để đối phương có thể lưu lại lâu hơn nữa trên đất Skythia và qua đó phải chịu khổ sở, họ liền bỏ lại một ít gia súc của mình cùng những người mục đồng, trong khi bản thân họ cưỡi ngựa tránh đi nơi khác, và người Ba Tư sẽ xông tới chỗ gia súc cướp lấy chúng, và sau khi cướp được chúng họ hết sức vui mừng vì những gì đã làm được.

131. Vì chuyện này xảy ra thường xuyên, sau một thời gian Dareios bắt đầu rơi vào khó khăn, và các vua Skythia khi nhận ra điều này liền phái một sứ giả đem tặng phẩm đến Dareios gồm một con chim, một con chuột, một con ếch và năm mũi tên. Người Ba Tư liền hỏi vị sứ giả ý nghĩa những món quà tặng, nhưng anh ta nói không nhận được lệnh gì thêm ngoài giao các món quà rồi quay về nhanh nhất có thể, và anh ta bảo những người Ba Tư tự tìm ra ý nghĩa những món quà này nếu họ có trí tuệ.

132. Nghe được như vậy, người Ba Tư liền bàn bạc với nhau, và quan điểm của Dareios là người Skythia đang dâng lên ông cả bản thân họ lẫn đất và nước, nhà vua đi đến kết luận này bằng cách suy đoán như sau: Một con chuột được sinh ra trong đất và ăn những sản phẩm của đất như con người, còn một con ếch sinh ra trong nước, trong khi một con chim rất giống với một con ngựa, và thêm nữa khi dâng lên những mũi tên, họ đang giao nộp sức mạnh của chính họ trên chiến trường. Đây là cách lý giải Dareios đưa ra, song quan điểm của Gobryas, một trong bảy người đã giết các Magoi, lại khác hẳn, ông này suy luận rằng các món quà thể hiện ý sau đây: "Trừ khi các ngươi biến thành chim và bay lên trời, hỡi những người Ba Tư, hay biến thành chuột và rúc sâu xuống đất, hoặc biến thành ếch và nhảy xuống hồ, các ngươi sẽ không thể quay về nhà, mà bị những mũi tên này hạ gục".

133. Như tôi đã kể, những người Ba Tư đang bàn luận về ý nghĩa của các món quà, trong khi đó một cánh quân của người Skythia, chính là cánh quân ban đầu được chỉ định canh giữ dọc theo hồ Maiotis rồi sau đó tới sông Istros và nói chuyện với người Ionia, đi đến chỗ cây cầu và nói như sau: "Hỡi người Ionia, chúng tôi đã tới mang tự do cho các bạn, ít nhất nếu các bạn sẵn lòng lắng nghe chúng tôi, vì chúng tôi được biết rằng Dareios đã giao cho các bạn trách nhiệm bảo vệ cây cầu chỉ trong 60 ngày, rồi sau đó nếu ông ta không quay về đúng hạn định, các bạn có thể trở về quê hương. Vì vậy, bây giờ nếu các bạn làm như chúng tôi nói, các bạn sẽ không bị nhà vua chê trách và cũng không bị chúng tôi trách cứ,

hãy nán lại đủ số ngày được giao phó rồi sau đó hãy rời đi". Rồi sau khi những người Ionia đã cam kết làm như vậy, họ liền khẩn trương quay trở lại theo con đường ngắn nhất.

134. Trong khi đó, sau khi trao các món quà cho Dareios, những chiến binh Skythia còn lại đã dàn trận tấn công người Ba Tư cả bằng bộ binh và kỵ binh, quyết tâm giao chiến. Khi người Skythia đã dàn thành trận thế, một con thỏ rừng lao qua hàng ngũ của họ tới khoảng trống giữa hai đạo quân, và mỗi đội quân Skythia khi trông thấy con thỏ rừng bắt đầu chạy đuổi theo nó. Người Skythia trở nên hỗn loạn vì lý do này và bắt đầu hò la lớn tiếng, Dareios liền hỏi những tiếng ầm ĩ từ phía kẻ thù là gì, rồi khi biết được rằng họ đang đuổi theo một con thỏ rừng, nhà vua liền nói với những cận thần ông hay trò chuyện cùng: "Những người này rất coi thường chúng ta, và giờ ta nhận thấy rằng Gobryas đã nói đúng về những món quà của người Skythia. Vì giờ bản thân ta cũng thấy ý nghĩa của chúng là như vậy, chúng ta cần lời khuyên sáng suốt để cuộc triệt thoái về bản quốc của chúng ta có thể được thực hiện an toàn". Trước những lời này Gobryas liền trả lời: "Tâu bệ hạ, thậm chí chỉ qua lời thuật lại thần đã gần như chắc chắn về sự khó khăn khi phải đối phó với những người này, và khi tới đây thần đã tìm hiểu về chuyện này còn kỹ lưỡng hơn, vì thần thấy chúng đang chế nhạo chúng ta. Vì thế quan điểm của thần là ngay khi đêm đến, chúng ta sẽ nhóm lửa trại như vẫn thường làm, đánh lừa những kẻ yếu nhất của chúng ta trong việc chịu đựng gian khổ bằng một câu chuyện giả tạo, buộc tất cả lũ lừa lại rồi rút đi trước khi người Skythia tới được sông Istros để phá hủy cây cầu hay những người Ionia có thể đi đến một quyết định nào đó đồng nghĩa với tai họa cho chúng ta".

135. Gobryas khuyên nhủ như vậy, và khi đêm đến, Dareios hành động theo ý này. Những thuộc hạ đã suy nhược vì mệt mỏi và nếu có mất cũng ít đáng giá nhất, nhà vua bỏ lại đằng sau, và những con lừa cũng bị buộc lại; nhà vua bỏ lại những con lừa cùng những người yếu nhất trong đạo quân của mình vì lý do sau đây: Những con lừa để chúng có thể phát ra tiếng kêu nghe thấy được, và những người đó trên thực tế vì sự yếu ớt của họ, nhưng lấy cớ là vì nhà vua chuẩn bị tấn công người Skythia bằng những chiến binh khỏe mạnh của đạo quân, còn những người này trong khi đó sẽ ở lại bảo vệ doanh trại. Sau khi đã truyền lệnh như vậy cho những người bị bỏ lại và nhóm lửa trại lên, Dareios khẩn trương hành quân theo con đường ngắn nhất tới sông Istros, và lũ lừa, chính bởi không còn thấy những con vật khác ở quanh chúng như thường lệ, lại càng hí to hơn. Vậy là người Skythia, khi nghe thấy tiếng lũ lừa, đoan chắc rằng người Ba Tư vẫn ở nguyên chỗ cũ.

136. Nhưng khi trời sáng, những người Ba Tư bị bỏ lạisau phát hiện ra rằng họ đã bị Dareios lừa dối, liền quy phục người Skythia và kể với họ tình cảnh của mình. Còn người Skythia, khi biết chuyện, liền tập hợp lại nhanh nhất có thể, gồm hai cánh quân hợp lại của người Skythia và cánh quân riêng lẻ lúc trước, cùng với các chiến binh Sauromatai, Boudinoi và Gelonoi, rồi bắt đầu truy kích người Ba Tư, tiến thẳng tới sông Istros. Nhưng vì phần lớn đạo quân Ba Tư là bộ binh và không quen với các tuyến đường (vì các tuyến đường không được đánh dấu bằng những lối mòn), trong khi đạo quân Skythia gồm toàn kỵ binh thông thạo những đường tắt ngắn nhất, hai đạo quân đã không chạm trán nhau và người Skythia tới chỗ cây cầu rất lâu trước người Ba Tư.

Khi biết rằng người Ba Tư vẫn chưa tới nơi, họ liền nói với những người Ionia trên những chiếc thuyền: "Hỡi người Ionia, số ngày hạn định của các người đã trôi qua, và các người đã không hành động đúng đắn khi vẫn còn đợi đó. Nhưng vì trước kia các người nán lại vì sợ, giờ các người hãy phá cây cầu đi nhanh nhất có thể rồi rời đi tự do và không bị tổn thương gì, và hãy biết ơn cả các vị thần lẫn người Skythia, còn về phần kẻ đã từng là chủ nhân của các người, chúng ta tin chắc rằng hắn sẽ không bao giờ có thể cùng một đạo quân tiến đánh bất cứ dân tộc nào nữa".

137. Đến đây, những người Ionia cùng nhau bàn bạc, và một mặt Miltiades người Athenai, tư lệnh và tiếm chúa của người Khersonesos tại Hellespontos, có quan điểm rằng họ nên làm theo lời khuyên của người Skythia và giành lại tự do cho Ionia, song Histiaios thành Miletos lại có quan điểm ngược lại. Ông này nói rằng vào thời điểm đó nhờ vào Dareios mà tất cả họ đều là vua cai trị một thành phố, và nếu quyền lực của Dareios bị hủy hoại, bản thân ông ta sẽ không thể cai trị được người Miletos, mà cũng không ai khác trong những người còn lại có thể cai trị được thành phố nào, vì mỗi thành phố sẽ chọn dân chủ chế thay vì tiếm chúa chế. Khi Histiaios nói ra quan điểm của mình như vậy, tất cả đều tán thành, dù ban đầu họ ngả theo Miltiades.

138. Dưới đây là những người đã bỏ phiếu, và đều là những tiếm chúa từ Hellespontos: Daphnis thành Abydos, Hippoklos thành Lampsakos, Herophantos thành Parion, Metrodoros người Prokonnesos, Aristagoras thành Kyme và Ariston thành Byzantion, tất cả đều được nhà vua coi trọng; và từ Ionia có Strattis người Khios, Aiakes người Samos, Laodamas thành Phokaia và Histiaios thành Miletos, người đã đưa ra quan điểm trái ngược với Miltiades. Người Aiolis có danh vọng duy nhất ở đó là Aristagoras thành Kyme.

139. Khi nhất trí theo quan điểm của Histaios, họ quyết định thêm vào đó các điều khoản và từ ngữ như sau, cụ thể là dỡ một phần cây cầu ở phía bờ sông nằm về phía người Skythia khoảng cách bằng một tầm tên, vừa để họ được cho là đang làm gì đó, cho dù trên thực tế họ chẳng hề làm gì cả, vừa vì sợ rằng người Skythia sẽ tìm cách sử dụng vũ lực và muốn vượt sông Istros bằng cây cầu, và thông qua việc phá bỏ phần cây cầu nằm về phía người Skythia họ quyết định sẽ làm tất cả những gì người Skythia mong muốn. Họ bổ sung điều này vào quan điểm được đề xuất, rồi sau đó Histiaios đại diện cho họ trả lời người Skythia như sau: "Hỡi người Skythia, các vị tới đây mang theo tin tốt lành, và các vị đã mang nó đến thật đúng lúc, các vị đã đem đến cho chúng tôi chỉ dẫn đúng đắn, trong khi chúng tôi giúp đỡ các vị một cách hữu ích. Vì như các vị cũng thấy, chúng tôi đang phá hủy cây cầu, chúng tôi sẽ cho thấy tất cả sự nỗ lực trong khao khát muốn tự do, và trong khi chúng tôi đang phá hủy cây cầu, cũng là hợp lý nếu các vị đi tìm kiếm những kẻ các vị đã nói tới, và khi đã tìm thấy chúng, các vị cần báo thù chúng nhân danh chúng tôi cũng như cho chính các vị theo đúng cách chúng đáng phải nhận".

140. Người Skythia, lần thứ hai tin tưởng rằng người Ionia đang nói thật, liền quay trở lại tìm kiếm quân Ba Tư, nhưng họ không tìm thấy lộ tuyến hành quân của người Ba Tư trên đất liền. Về việc này nguyên nhân lại chính là người Skythia, vì họ đã đốt sạch cỏ dành cho ngựa ở vùng đó và lấy đất lấp hết các nguồn nước, vì nếu họ không làm những việc này hẳn họ đã có thể dễ dàng phát hiện ra người Ba Tư nếu muốn. Thế nhưng vì việc đã như vậy, họ đã không thành công. Người Skythia về phần mình đi qua những khu vực trên lãnh thổ của chính họ nơi có cỏ cho ngựa và nguồn nước, và tìm kiếm kẻ thù ở đó, cho rằng người Ba Tư cũng chọn lộ tuyến như vậy khi triệt thoái, trong khi trên thực tế người Ba Tư khi hành quân đã cẩn thận quay lại đúng theo lộ tuyến họ đã tiến quân khi trước, và nhờ vậy họ tìm được đường tới con sông, dù rất khó khăn, và vì họ tới nơi vào ban đêm để rồi thấy cây cầu đã bị phá đi, người Ba Tư rơi vào tâm trạng sợ hãi tột độ, lo ngại rằng người Ionia đã bỏ rơi họ.

141. Khi đó, đi cùng Dareios có một người Ai Cập có giọng nói to hơn bất cứ ai khác trên đời, và Dareios ra lệnh cho người này đứng bên bờ sông Istros và lên tiếng gọi Histiaios người Miletos. Anh này liền làm theo lệnh, và Histiaios, khi nghe thấy tiếng gọi đầu tiên, liền điều tất cả thuyền của đạo quân tới và ghép lại cây cầu.

142. Vậy là người Ba Tư thoát nạn, và người Skythia trong khi đi tìm kiếm đã để tuột mất quân Ba Tư lần thứ hai, và họ đánh giá về

người Ionia rằng một mặt, nếu nhìn nhận những người này là những người tự do, thì đây là những kẻ vô tích sự và hèn nhát nhất trong mọi tộc người, và mặt khác, nếu nhìn nhận người Ionia như những nô lệ, thì họ là những nô lệ trung thành với chủ nhân và ít sẵn sàng chạy trốn nhất. Đó là lời trách cứ người Skythia dành cho người Ionia.

143. Sau đó, Dareios hành quân qua Thraike và tới Sestos ở Khersonesos, và từ nơi này nhà vua lại lên thuyền quay về châu Á, trao lại quyền chỉ huy đạo quân của mình ở châu Âu cho Megabazos, một người Ba Tư, người Dareios từng ban cho vinh dự khi nói như sau trên đất Ba Tư: Lúc đó Dareios bắt đầu ăn lựu, và ngay khi nhà vua mở quả lựu đầu tiên ra, Artabanos, em trai nhà vua, hỏi ông liệu ông muốn có thứ gì nhiều như số hạt trong một quả lựu, và Dareios nói ông mong muốn có từng đấy Megabazos hơn là việc làm chủ Hy Lạp. Như tôi vừa nói, nhà vua đã ban vinh dự cho Megabazos bằng những lời nói này, và lần này ông để vị cận thần ở lại giữ quyền chỉ huy với 8 vạn quân trong đạo quân của mình.

144. Megabazos có một câu nói, nhờ đó ông để lại ký ức bất hủ với người Hellespontos: Khi tới Byzantion, ông biết được rằng người Kalkhedon đã định cư ở vùng đó trước người Byzantion 17 năm, và ông đã nói rằng những người Khalkedon khi đó hẳn bị mù, vì hiển nhiên họ sẽ không chọn địa điểm nào tồi hơn trong khi có thể định cư ở một địa điểm tốt hơn. Và chính Megabazos này được để lại nắm quyền chỉ huy vào thời gian đó ở vùng đất Hellespontos, và ông bắt tay vào khuất phục tất cả những ai không thần phục người Media.

145. Vào cùng thời gian diễn ra những biến cố kể trên, một cuộc viễn chinh lớn cũng được tổ chức nhằm tới Libya, vào một dịp mà tôi sẽ thuật lại sau khi đã thuật lại những biến cố sau đây.

Cháu trai của các Argonautai, sau khi bị đánh đuổi khỏi Lemnos bởi những người Pelasgoi đã cướp đoạt các phụ nữ Athenai tại Brauron rồi dong buồm tới Lakedaimon, và khi ngồi trên núi Taygetos họ nhóm lên một đống lửa. Người Lakedaimon khi nhìn thấy ánh lửa liền phái tới một sứ giả để hỏi xem họ là ai và từ đâu tới, những người này liền trả lời rằng họ là người Minyai và là con của những vị anh hùng đi trên chiếc thuyền Argo, vì họ nói rằng những người này đã cập bờ Lemnos và để lại nòi giống mà họ là hậu duệ. Người Lakedaimon, sau khi nghe câu chuyện từ các hậu duệ của người Minyai, liền phái sứ giả tới lần thứ hai và hỏi xem họ tới vùng đất này vì mục đích gì và tại sao lại đốt lửa lên. Họ nói

họ đã bị người Pelasgoi xua đuổi, và giờ đây tìm về vùng đất của cha ông họ, vì đó là điều thích hợp nhất nên làm, họ nói thỉnh cầu của họ là được cho phép định cư cùng người Lakedaimon, được có quyền công dân và được chia cho một phần đất. Người Lakedaimon hài lòng tiếp nhận những người Minyai theo những thỉnh cầu, và họ được thúc đẩy làm việc này vì thực tế rằng các con trai của Tyndareos cũng đi trên thuyền Argo. Sau khi đón nhận người Minyai, người Lakedaimon chia cho họ một phần đất và chia họ vào các bộ lạc, rồi sau đó người Minyai kết hôn cũng như gả những phụ nữ đi cùng họ từ Lemnos cho những người đàn ông Lakedaimon khác.

146. Tuy nhiên, không lâu sau đó, những người Minyai lại trở nên kiêu ngạo, đòi hỏi một phần vương quyền và cũng làm những điều bất kính: Vậy là người Lakedaimon quyết định xử tử họ, rồi sau khi bắt những người Minyai, họ tống những người này vào một nhà ngục. Người Lakedaimon luôn hành hình tất cả những người bị án tử vào ban đêm, không hành hình ai vào ban ngày. Thế nên khi họ sắp sửa ra tay giết những người này, vợ của những người Minyai, vốn đều là cư dân Sparta và là con gái những công dân quyền thế nhất của Sparta, liền khẩn cầu được phép vào tù và trò chuyện với chồng của họ. Những người gác ngục liền để cho những người vợ vào, không nghĩ rằng họ có thể làm điều gì mờ ám. Tuy nhiên, khi những người vợ vào phòng giam, họ liền chuyển cho chồng tất cả trang phục họ đang mặc, rồi nhận lấy trang phục của chồng. Vậy là người Minyai, sau khi mặc trang phục phụ nữ lên người, liền rời khỏi nhà ngục, rồi sau khi đã đào thoát theo cách này họ liền quay trở lại núi Taygetos và ngồi xuống tại đó.

147. Cùng lúc đó, Theras con trai Antesion, cháu Tisamenos, chắt Thersandros, và chút Polyneikes, đang chuẩn bị lên đường từ Lakedaimon để lập một thực dân địa. Theras, một Kadmeios, là chú của Eurysthenes và Prokles, hai con trai của Aristodemos và trong khi những người con trai này còn nhỏ, Theras, trong vai trò người giám hộ của họ, nắm vương quyền tại Sparta. Tuy nhiên, khi các cháu trai trưởng thành và nắm lấy quyền lực, Theras, buồn phiền vì bị cai trị bởi người khác sau khi đã nếm trải quyền lực, liền nói rằng ông sẽ không ở lại Lakedaimon mà sẽ ra khơi tới chỗ họ hàng của mình. Vậy là trên một hòn đảo ngày nay được gọi là Thera, nhưng trước đây có tên là Kallista, có những hậu duệ của Membliaros, con trai của Poikiles, một người Phoinike; vì Kadmos, con trai Agenor trong cuộc tìm kiếm Europe đã cập bờ vào hòn đảo hiện có tên là Thera, có thể vì miền đất này khiến ông hài lòng khi lên bờ, cũng có thể vì bất cứ lý do nào khác, Kadmos để lại trên

hòn đảo này một số người Phoinike bên cạnh người thân của mình, trong đó có Membliaros. Những người này cư trú trên hòn đảo có tên Kallista trong tám thế hệ, trước khi Theras từ Lakedaimon tới.

148. Theras sửa soạn ra khơi, đem theo những người thuộc cùng bộ lạc của mình tới hòn đảo trên với ý định định cư cùng với những cư dân tôi đã kể mà không hề có ý định đánh đuổi họ, ngược lại còn nhìn nhận họ là thân thích. Và khi người Minyai thoát khỏi nhà ngục tới ngồi xuống trên núi Taygetos, Theras liền khẩn cầu người Lakedaimon khi những người này đang bàn bạc xử tử họ rằng có thể không cần phải có đổ máu xảy ra, đồng thời đích thân đề xuất đưa họ đi cùng rời khỏi Lakedaimon. Khi người Lakedaimon đồng ý với đề nghị này, Theras liền ra khơi rời đi cùng ba chiếc *triakonteroi* tới hòn đảo của các hậu duệ Membliaros, nhưng không đem theo tất cả người Minyai mà chỉ một số ít, vì phần đông họ tìm tới vùng đất của người Paroreatai và người Kaukones, rồi sau khi đã xua đuổi những tộc người này khỏi vùng đất của họ, người Minyai liền chia thành sáu cộng đồng và lập ra trên vùng lãnh thổ của họ những đô thị sau đây: Lepreos, Makistos, Phrixas, Pyrgos, Epion, Noudios; phần lớn các đô thị này bị người Elis cướp phá nhiều trong thời tôi sống.

Trong khi đó hòn đảo có tên Thera được đặt theo tên Theras, người lập thực dân địa này.

149. Và vì con trai ông nói sẽ không ra khơi cùng cha mình, Theras liền nói ông sẽ để người con ở lại như một con cừu giữa bầy sói, và theo câu nói này, người thanh niên liền có tên Oiolykos, và trên thực tế cái tên này được dùng phổ biến hơn tên gọi trước đó của người này. Rồi từ Oiolykos sinh ra Aigeus, và theo tên người con này một gia tộc hùng mạnh tại Sparta được gọi là Aigeidai, và những người đàn ông trong gia tộc này, vì con của họ không sống được đến tuổi trưởng thành, liền xây dựng một ngôi đền các Nữ thần báo thù của Laios và Oidipous theo thần dụ, rồi sau đó điều tương tự lại được hậu duệ của những người này duy trì tại Thera.

150. Cho tới điểm này, những gì người Lakedaimon kể thống nhất với những gì người Thera thuật lại, nhưng chỉ người Thera kể về những biến cố sau. Grinnos, con trai của Aisanios, hậu duệ của Theras, cũng chính là vua của đảo Thera, đã tới Delphoi mang theo tế vật từ thành bang của mình, và tháp tùng nhà vua cùng với các công dân khác có Battos con trai Polymnestos, một hậu duệ của gia đình Euphemos thuộc dòng dõi Minyai. Khi Grinnos, vua của người Thera hỏi dự ngôn giả về các vấn đề khác, nữ tư tế

Pythia liền trả lời, yêu cầu nhà vua lập một thành phố ở Libya, và nhà vua trả lời như sau: "Hỡi thần linh, giờ đây tôi đã có phần già cả khó đi lại, liệu ngài có thể giao phó cho một trong những thanh niên này làm điều đó chăng". Vừa nói vậy, nhà vua vừa chỉ vào Battos. Ngay vào lúc đó mọi việc kết thúc ở đó, người Thera hồi hương và không đắn đo về thần dụ. Vì họ không biết Libya ở đâu, và họ cũng không dám phái một nhóm người phiêu lưu vào nơi vô định để lập một vùng định cư mới.

151. Sau đó, trong suốt bảy năm không hề có mưa tại Thera, và trong những năm này tất cả cây trên đảo của họ khô héo, ngoại trừ cái cây duy nhất, và khi người Thera cử người đến Delphoi, nữ tư tế Pythia phán rằng nguyên do chính là việc thực dân hóa Libya. Vì không có bất cứ giải pháp nào cho tai ương của mình, họ liền phái các sứ giả tới đảo Krete để tìm hiểu xem liệu có người Krete nào hay ai đó trong những người lưu lại Krete từng tới Libya hay không. Những vị sứ giả này, trong khi tìm kiếm khắp nơi trên hòn đảo đã tới cả thành Itanos, tại đó họ gặp gỡ một ngư dân đánh bắt ốc tía có tên Korobios, người này kể anh ta từng bị gió thổi trôi dạt và đến Libya, và tới đảo Platea tại Libya. Các sứ giả thuyết phục người này bằng cách trả tiền rồi đưa anh ta tới Thera, rồi từ Thera một đoàn thám hiểm lên đường, ban đầu với số lượng không mấy đông đảo. Và sau khi Korobios dẫn đường cho những người này tới chính hòn đảo Platea, những người Thera liền để Korobios lại đó, để lại cho anh ta lương thực đủ dùng trong vài tháng, rồi bản thân họ ra khơi nhanh nhất có thể để quay về báo cáo về hòn đảo này với cư dân Thera.

152. Tuy nhiên, vì những người kia nán lại quê nhà lâu hơn thời gian ấn định, Korobios hết lương thực, và sau đó một chiếc thuyền từ Samos với chủ thuyền là Kolaios trong khi hải hành tới Ai Cập đã bị lệch khỏi lộ trình và tới hòn đảo Platea. Người Samos, sau khi nghe Korobios thuật lại toàn bộ câu chuyện của mình, đã để lại cho anh ta lương thực đủ dùng trong một năm. Sau đó họ ra khơi rời hòn đảo tiếp tục hải hành, mong muốn tới được Ai Cập nhưng liên tục bị gió đông cuốn đi, và vì gió không ngừng thổi, họ đi qua Các trụ của Herakles tới Tartessos theo sự dẫn dắt của số mệnh. Thương điếm này vào thời đó chưa hề có ai khai phá, vì thế khi những người này quay về quê hương họ đã thu được nhiều lợi nhuận từ hàng hóa của mình hơn bất cứ người Hy Lạp nào khác mà chúng tôi biết chắc chắn, ít nhất với ngoại lệ là Sostratos, con trai của Laodamas người Aigina, vì không ai có thể ganh đua được với nhân vật này. Và người Samos để ra 6 *talanta*, một phần mười khoản tiền họ thu được, cùng một chiếc bình thanh đồng được chế tác giống một bình pha rượu kiểu Argos với hình những quái

thú đầu chim ưng mình sư tử được chạm thành hàng vòng quanh miệng, và họ dâng các lễ vật này lên ngôi đền Hera, và dâng cùng làm bệ đỡ ba pho tượng khổng lồ bằng thanh đồng cao 7 *pekhes* ở tư thế quỳ gối. Chính bắt đầu từ món lễ vật lớn này mà tình bằng hữu được hình thành giữa người Kyrene cũng như Thera với người Samos.

153. Trong khi đó, những người Thera khi về đến Thera sau khi để Korobios trên hòn đảo liền thông báo rằng họ đã chiếm cứ được một hòn đảo bên bờ biển Libya, và người Thera liền quyết định cử hai anh em trai sẽ bốc thăm chọn một người phái đi, cũng như người được lấy từ tất cả bảy vùng trên hòn đảo, thêm nữa Battos sẽ vừa là người chỉ huy vừa là vua của họ. Sau đó, họ phái hai chiếc *pentekonteroi* tới Platea.

154. Đây là những gì người Thera thuật lại, còn từ phần còn lại của câu chuyện được tường thuật từ điểm này trở đi, người Thera hoàn toàn nhất trí với người Kyrene. Tôi nói như vậy vì về những gì liên quan tới Battos, người Kyrene thuật lại câu chuyện không hề giống với người Thera, vì họ kể như sau. Ở Krete có một đô thị tên là Oaxos, tại đó một người tên là Etearkhos trở thành vua, vị vua này có một con gái tên là Phronima có người mẹ đã mất, và ông cưới thêm một người vợ khác. Người vợ thứ hai, ngay khi đặt chân vào nhà chồng, đã chứng tỏ mình thực sự là một bà mẹ kế với Phronima không chỉ về tên gọi mà cả về hành động, đã cư xử với công chúa rất tàn tệ và làm mọi điều có thể để làm tổn thương nàng. Cuối cùng, bà ta buộc tội con chồng dâm đãng và thuyết phục chồng rằng đó là sự thật. Nhà vua bị vợ thuyết phục liền làm ra một việc tồi tệ với con gái mình. Tại Oaxos có một người tên là Themison, một thương nhân người Thera, người được Etearkhos coi là khách-hữu và buộc ông này phải thề chắc chắn phục vụ mình trong bất cứ việc gì được yêu cầu. Sau khi nhà vua đã buộc vị khách phải thề như vậy, ông liền mang con gái mình tới trao cho Themison và yêu cầu ông này mang công chúa ném xuống biển. Sau đó, Themison rất phẫn nộ trước sự lật lọng của việc ràng buộc bằng lời thề, quyết định không tiếp tục làm khách của nhà vua nữa và làm như sau, cụ thể là nhận lấy cô gái rồi lên thuyền rời đi, và khi ra đến ngoài khơi, để giải thoát mình khỏi lời thề mà Etearkhos đã ép buộc ông, ông trói cô gái lại bằng dây thừng rồi thả nàng xuống biển, sau đó kéo nàng lên và quay về Thera.

155. Sau đó, Polymnestos, một người Thera có danh vọng, đón nhận Phronima từ người thương nhân rồi giữ nàng làm tỳ thiếp. Theo thời gian, Phronima hạ sinh cho ông này một người con trai nói lắp và ngọng. Theo lời kể của cả người Kyrene lẫn người Thera,

đứa bé tên là Battos; nhưng tôi nghĩ rằng đứa bé này có một danh xưng khác, và chỉ được được gọi là Battos khi ông ta tới Libya, lấy cái tên này từ thần dụ Delphoi và từ chức vụ ông nhận được. Vì người Libya gọi vua là *battos*, và theo tôi nghĩ vì lý do này nữ tư tế Pythia đã gọi ông như vậy trong lời phán của mình, sử dụng tiếng Libya vì bà biết ông sẽ trở thành vua ở Libya. Vì khi ông đã trưởng thành, ông từng tới Delphoi để hỏi về giọng nói của mình, và khi ấy, nữ tư tế liền trả lời như sau:

> Battos, ngươi tới hỏi về giọng ngươi. Nhưng thần Phoibos Apollon
>
> Phái ngươi tới Libya, nơi cừu ăn cỏ, để lập một đô thị.

Như thể bà đã nói bằng tiếng Hy Lạp: "Hỡi nhà vua, ngài tới hỏi về giọng nói". Ông đã trả lời như sau: "Hỡi vị thần, tôi đến đây hỏi ngài về giọng nói của mình, nhưng ngài lại trả lời tôi về những điều khác vốn bất khả dĩ, muốn tôi tới định cư tại Libya, nhưng tôi nên đi với sức mạnh nào hay đem theo lực lượng nào?" Nói xong như vậy, ông không hề thuyết phục nữ tư tế dành cho mình bất cứ câu trả lời nào khác, và vì nữ tư tế lại phán cho ông những lời hệt như trước, Battos rời đi trong khi bà này còn đang nói dở dang và trở về Thera.

156. Sau chuyện này, tai ương đã xảy đến với cả bản thân ông lẫn với những người khác tại Thera, và người Thera, không hiểu điều gì đang giáng xuống đầu họ, lại cử người tới Delphoi để hỏi về những tai ương họ đang phải chịu đựng. Và nữ tư tế Pythia trả lời họ rằng nếu họ cùng Battos lập thành Kyrene ở Libya, họ sẽ có vận hội tốt hơn. Sau đó, người Thera phái Battos đi với hai chiếc *pentekonteroi*, và những chiếc thuyền này dong buồm tới Libya, rồi sau đó quay trở lại Thera, vì họ không biết phải làm gì khác. Người Thera bắn tên xua đuổi họ khi họ tìm cách cập bờ, và không cho phép họ lên bờ mà yêu cầu họ quay lại ra khơi. Vậy là họ bị buộc phải ra khơi trở lại, và định cư trên một hòn đảo nằm gần bờ biển Libya có tên là Platea, như đã kể ở phần trước. Hòn đảo này được kể là có cùng kích thước như thành phố Kyrene hiện đang tồn tại.

157. Họ tiếp tục sống trên hòn đảo này trong hai năm, nhưng vì họ không thịnh vượng lên được, những người này để lại đảo một số người, số còn lại đi thuyền tới Delphoi, và khi đã gặp nhà tiên tri họ liền xin thỉnh giáo, nói rằng họ đang sống tại Libya và cho dù cư ngụ tại đó, họ vẫn chẳng có vận hội khá hơn. Và nữ tư tế Pythia trả lời họ như sau:

Nếu ngươi biết Libya, nơi cừu ăn cỏ rõ hơn ta

Nếu kẻ chưa từng ghé thăm nơi này lại biết rõ

Hơn kẻ đã từng – Thì ta vô cùng ngưỡng mộ trí tuệ các ngươi.

Nghe xong, Battos và các tùy tùng lại lên thuyền rời đi, vì quả thực thần linh đã không cho phép họ từ bỏ sứ mệnh định cư cho tới khi họ đã đặt chân lên chính đất Libya. Khi về tới hòn đảo và đưa đi theo tất cả những người họ đã để lại, tất cả nhóm người lập nên một khu định cư tại Libya ở một nơi nằm đối diện với hòn đảo có tên là Aziris, được bao quanh ở cả hai phía bằng những khu rừng tuyệt đẹp và có một con sông chảy qua ở một phía.

158. Họ định cư tại đây trong sáu năm, rồi tới năm thứ bảy, những người Libya thuyết phục họ rời khỏi đó, sau khi đưa ra đề xuất rằng họ sẽ đưa những người này tới một vùng tốt hơn. Những người Libya dẫn người Thera rời khỏi nơi đó vào ban đêm, và nhằm để những người Hy Lạp không nhìn thấy vùng đất đẹp nhất, người Libya dẫn họ đi qua vùng này vào ban đêm, sau khi đã tính toán quãng thời gian ban ngày, và vùng đất có tên là Irasa. Sau đó, khi đã đưa nhóm người Thera tới nơi được gọi là dòng suối của Apollon, họ nói: "Hỡi người Hy Lạp, đây là một nơi thích hợp để các vị định cư, vì ở đây bầu trời ban xuống rất nhiều mưa".

159. Trong suốt thời gian cuộc đời của Battos, vị vua đầu tiên của những người định cư đã trị vì trong 40 năm, cũng như trong thời của con trai ông, Arkesilaos, người trị vì trong 16 năm, người Kyrene tiếp tục sống tại đó với cùng số lượng như ban đầu khi họ tìm tới nơi này định cư. Nhưng đến thời vị vua thứ ba, được gọi là Battos Thịnh vượng, nữ tư tế Pythia đưa ra một thần dụ thúc giục người Hy Lạp nói chung ra khơi và gia nhập cùng người Kyrene trong công cuộc định cư tại Libya. Vì người Kyrene mời họ, đưa ra lời hứa chia sẻ đất đai, và nữ tư tế thốt ra thần dụ như sau:

Bất cứ ai đến Libya kiều diễm

Quá muộn để được chia đất

Chắc chắn sẽ sống trong hối tiếc.

Sau đó nhiều người tập trung lại ở Kyrene, và người Libya sống xung quanh bị đoạt mất nhiều đất khỏi quyền sở hữu của họ, vì thế họ và vị vua của họ, có tên là Adikran, liền cử sứ giả tới Ai Cập xin thần phục Apries, vua Ai Cập, vì họ không chỉ bị tước đoạt đất

đai mà còn bị người Kyrene đối xử một cách rất ngạo mạn. Vua Ai Cập sau đó tập hợp một đạo quân Ai Cập lớn, phái đạo quân này đi tấn công người Kyrene, còn người Kyrene xuất quân tiến tới vùng Irasa và suối Thesta, rồi tại đó giao chiến với người Ai Cập và đánh bại họ, vì người Ai Cập trước đó chưa từng thử sức với người Hy Lạp trong chiến đấu và coi thường người Hy Lạp, họ đã bị tàn sát tới mức chỉ có một số ít quay lại được Ai Cập. Vì thảm bại này và vì người Ai Cập quy trách nhiệm lên đầu Apries, họ liền nổi dậy chống lại nhà vua.

160. Battos có một con trai tên là Arkesilaos, người khi trở thành vua đầu tiên gây sự với các em trai của mình, cho tới khi những người này cuối cùng cũng rời tới một vùng khác của Libya, rồi dựng cơ nghiệp cho bản thân và lập nên thành phố hồi đó và cả bây giờ vẫn được gọi là Barka, và cùng thời gian lập nên thành phố này, họ kích động người Libya nổi dậy chống lại người Kyrene. Sau đó, Arkesilaos thực hiện một cuộc chinh phạt những người Libya đã đón nhận các em mình, cũng là những người đã nổi dậy chống lại Kyrene, và người Libya vì sợ ông đã chạy về phía các bộ lạc miền đông Libya. Còn Arkesilaos truy đuổi khi những người nọ bỏ chạy, cho tới khi trong cuộc truy đuổi của mình ông tới Leukon trên đất Libya, và tại đó người Libya quyết định tấn công ông. Vậy là họ giao chiến và đánh bại người Kyrene triệt để tới mức 7.000 *hoplitai*[1] của người Kyrene tử trận tại đó. Sau tai họa này Arkesilaos lâm bệnh và uống một thứ thuốc nước, rồi ông ta bị em trai Learkhos siết cổ, và đến lượt Learkhos lại bị vợ Arkesilaos là Eryxo lừa giết chết.

---

1. *hoplites* (sn: *hoplitai*): là bộ binh hạng nặng, được huấn luyện để chiến đấu trong đội hình Phalanx. Các *hoplitai* thường là công dân của thành bang. (BT)

---

161. Sau đó, Battos con trai Arkesilaos kế thừa vương quốc, ông bị thọt và đi tập tễnh.

Vì tai họa đã giáng xuống, người Kyrene đã phái sứ giả tới Delphoi để hỏi xem họ cần theo hình thức trị vì nào để sống một cách tốt nhất có thể, và nữ tư tế phán rằng họ hãy mời một nhà cải cách từ Mantineia tại Arkadia. Người Kyrene liền yêu cầu, và người Mantineia gửi tới cho họ công dân tiếng tăm nhất của mình có tên là Demonax. Ông tới Kyrene và sau khi xem xét mọi thứ một cách chính xác, trước hết đã chia họ thành ba bộ lạc như sau: Một bộ lạc gồm người Thera và những người phụ thuộc vào họ, một bộ lạc nữa gồm người Peloponnesos và Krete, và bộ lạc thứ ba là tất cả cư dân trên đảo. Thứ đến, về phần vua Battos, Demonax dành riêng

ra những vùng đất và chức tư tế, nhưng ông chuyển tất cả những đặc quyền nhà vua từng sở hữu trước đây sang cho nhân dân.

162. Dưới thời trị vì của Battos, mọi thứ tiếp tục duy trì như thế, nhưng dưới thời trị vì của Arkesilaos, con trai ông, xuất hiện rất nhiều bất ổn về các đặc quyền. Vì Arkesilaos, con trai Battos Thọt và Pheretima nói ông sẽ không chấp nhận mọi thứ như sắp đặt của Demonax người Mantineia, mà đòi lấy lại vương quyền của cha ông. Sau đó, trong cuộc tranh quyền, nhà vua thất bại và phải lưu vong tới Samos, còn mẹ ông lưu vong tới Salamis trên đảo Kypros. Vào thời gian đó trị vì Salamis là Euelthon, cũng chính là người dâng tặng lư đốt hương tại Delphoi, một tạo vật đáng để chiêm ngưỡng, được cất giữ trong bảo khố của người Korinthos. Sau khi tới Salamis, Pheretima liền đề nghị với vua xứ này một đạo quân để giúp khôi phục quyền vị cho bà và con trai tại Kyrene. Tuy nhiên, Euelthon sẵn sàng ban cho bà bất cứ gì ngoài điều đó, và Pheretima khi nhận được quà của nhà vua liền nói rằng đây cũng là một món quà quý giá, nhưng còn quý giá hơn thế vẫn là món quà một đạo quân bà đã đề nghị. Và vì người phụ nữ tiếp tục nói như vậy với mọi món quà được gửi tới, cuối cùng Euelthon gửi cho bà món quà gồm một con suốt bằng vàng và xa quay sợi cùng sợi len mắc trên đó, rồi khi Pheretima lại nói tương tự về món quà này, Euelthon liền nói những thứ như vậy mới là thứ nên tặng làm quà cho phụ nữ chứ không phải một đạo quân.

163. Trong khi đó, Arkesilaos tại Samos tập hợp tất cả mọi người lại với lời hứa chia đất đai, và trong khi một lượng lớn người đang được tập hợp, Arkesilaos lên đường tới Delphoi hỏi nhà tiên tri về việc quay về từ cảnh lưu vong, và nữ tư tế Pythia đã trả lời ông ta như sau: "Trong bốn đời mang tên Battos và bốn đời mang tên Arkesilaos, tất cả là tám thế hệ, Loxias ban cho các ngươi làm vua Kyrene, nhưng sau đó thần khuyên các ngươi thậm chí đừng nên tìm cách để làm vua. Tuy nhiên ngươi nên giữ mọi thứ bình lặng khi trở về vùng đất của mình, và nếu ngươi thấy lò đã đầy bình, đừng nung nóng những cái bình một cách dữ dội mà để chúng ngoài gió thổi. Nếu ngươi đốt nóng lò dữ dội, chớ có bước chân vào nơi có nước chảy quanh, vì nếu làm thế ngươi sẽ chết, cả ngươi lẫn con bò mộng đẹp hơn tất cả những con khác".

164. Sau khi nghe lời phán, ông trở về Kyrene cùng binh lính Samos và khôi phục quyền lực tối cao. Sau đó, quên mất lời cảnh báo của dự ngôn giả, ông tìm cách trừng phạt những người thuộc phe đối lập vì đã đánh đuổi ông ta. Một số người trong họ cùng nhau chạy thoát khỏi đất nước, nhưng một số bị Arkesilaos bắt được và đưa tới Kypros để bị giết. Những người này đã chệch khỏi

lộ trình và dạt vào Knidos, và người Knidos giải thoát cho họ, để họ rời đi tới Thera. Một số người Kyrene khác lại chạy trốn tới một tòa tháp lớn thuộc về Aglomakhos, một công dân, và Arkesilaos thiêu họ bằng cách chất củi quanh tòa tháp. Sau khi đã thực hiện những hành động này, nhà vua chợt nhận ra ý của nữ tư tế khi bà cảnh báo ông chớ nung hũ trong lò, và ông cố ý lánh xa khỏi thành phố của người Kyrene vì e sợ cái chết đã được Thần miếu tiên tri vì cho rằng Kyrene có nước bao quanh. Arkesilaos có một người vợ cũng là họ hàng với ông, người con gái của vua Barka có tên là Alazeir. Ông liền tìm đến chỗ người cha vợ này, và người Barka cùng với một số người lưu vong từ Kyrene, khi phát hiện ông ta đi ra ngoài chợ, liền giết chết Arkesilaos, và giết luôn cả người cha vợ ông ta. Vậy là Arkesilaos, sau khi hiểu lầm ý thần dụ, cho dù một cách vô tình hay hữu ý, đã kết thúc như định mệnh của mình.

165. Trong thời gian Arkesilaos tới sống tại Barka và chuốc lấy tai họa cho mình, Pheretima, mẹ ông ta, đích thân nắm giữ vương quyền của con trai tại Kyrene, thực thi quyền uy của ông ta và tham gia nghị sự. Nhưng khi nghe tin con trai mình đã bị giết tại Barka, bà ta liền lên đường chạy trốn tới Ai Cập, vì bà ta có lợi thế từ những việc Arkesilaos đã làm cho Kambyses, con trai Kyros, vì chính Arkesilaos đã dâng Kyrene cho Kambyses và đích thân cống nạp. Sau khi tới Ai Cập, Pheretima liền cầu khẩn Aryandes, van xin ông ta giúp mình, rồi đưa ra lý do rằng vì ngả theo người Media mà con trai bà ta đã bị giết.

166. Aryandes đã được Kambyses chỉ định làm tỉnh trưởng Ai Cập, và sau thời kỳ xảy ra những biến cố này ông ta đã mất mạng vì đua tranh với Dareios. Vì sau khi nghe nói và thấy Dareios mong muốn để lại cho hậu thế một công trình kỷ niệm của chính mình mà chưa từng được vị vua nào tạo nên, ông ta đã bắt chước nhà vua, cho tới khi cuối cùng nhận được cái giá xứng đáng. Dareios cho tinh luyện vàng đến mức tinh khiết nhất có thể rồi ra lệnh cho đúc tiền từ thứ vàng này, Aryandes, trên cương vị tỉnh trưởng Ai Cập, cũng làm điều tương tự với bạc, và ngay cả hiện nay thứ bạc tinh khiết nhất chính là thứ được gọi là Aryandikon. Dareios khi biết được ông ta làm chuyện này liền xử tử Aryandes sau khi buộc ông ta tội mưu phản.

167. Vào thời điểm tôi đang nói tới, Aryandes đã tỏ ra thông cảm với Pheretima và giao cho bà này tất cả quân sẵn có tại Ai Cập, cả bộ binh lẫn thủy binh, chỉ định Amasis, một người Maraphios, chỉ huy bộ binh và Badres, một hậu duệ của người Pasargadai, chỉ huy hạm đội. Nhưng trước khi điều quân, Aryandes cử một sứ giả tới

Barka và hỏi ai là kẻ đã sát hại Arkesilaos, và tất cả người Barka đều nhận trách nhiệm về mình, vì họ nói họ đã phải chịu nhiều điều xấu từ tay ông ta. Nghe được câu trả lời, cuối cùng Aryandes phái đạo quân đi cùng với Pheretima. Lý do này chỉ là một cái cớ, còn trên thực tế đạo quân được phái đi (như tôi tin) nhằm để khuất phục Libya, vì người Libya gồm nhiều dân tộc, và chỉ một số ít trong những dân tộc này thần phục nhà vua, trong khi đa số không hề đếm xỉa gì đến Dareios.

168. Người Libya cư trú như sau: Bắt đầu từ Ai Cập, tộc người Libya đầu tiên cư trú là người Adyrmakhidai, với phong tục phần lớn giống như người Ai Cập, nhưng mặc trang phục giống những tộc người Libya khác. Phụ nữ của họ đeo một chiếc vòng thanh đồng ở mỗi bên chân, để tóc dài, và khi bắt chấy, mỗi phụ nữ sẽ cắn những con chấy trên người mình để trả thù rồi sau đó ném chúng đi. Đây là tộc người Libya duy nhất làm như vậy, và cũng chỉ mình họ dâng các trinh nữ lên nhà vua khi những người này sắp kết hôn, và bất cứ trinh nữ nào nhà vua ưa thích sẽ bị nhà vua phá trinh. Người Adyrmakhidai sống dọc theo bờ biển từ Ai Cập cho tới hải cảng có tên Plynos.

169. Tiếp theo tộc người này là đến lượt người Giligamai, chiếm cứ vùng đất nằm về phía tây tới tận đảo Aphrodisias. Trong phạm vi lãnh thổ này ở ngoài khơi có đảo Platea, nơi người Kyrene định cư, và trên bờ của đất liền có Cảng Menelaos và Aziris, nơi người Kyrene từng định cư. Người ta bắt đầu tìm thấy silphion tại vùng này, trải dài theo bờ biển từ Platea tới tận cửa vịnh Syrtis. Người Giligamai có các phong tục gần giống các bộ lạc còn lại.

170. Sống cạnh người Giligamai về phía tây là người Asbystai, họ sống ở sâu hơn trong nội địa so với người Kyrene, và người Asbystai không đi ra tới biển, vì khu vực nằm dọc theo bờ biển do người Kyrene chiếm cứ. Trong các tộc người Libya, đây là những người điều khiển chiến xa tứ mã giỏi nhất, và trong phần lớn phong tục của mình, họ cố gắng bắt chước người Kyrene.

171. Sống cạnh người Asbystai về phía tây là người Auskhisai, họ sống sâu trong nội địa hơn người Barka và tới tận biển ở Euesperides. Và ở giữa vùng đất của người Auskhisai là nơi cư ngụ của người Bakales, một bộ lạc nhỏ, họ xuống tới biển tại thành Taukheira trong lãnh thổ của Barka. Tộc người này cũng có phong tục giống như những người sống phía trên người Kyrene.

172. Ở về phía tây những người Auskhisai là người Nasamones, một tộc người đông đảo, những người này vào mùa hè để lại gia

súc của họ ở ven biển rồi đi ngược lên vùng Augila hái quả chà là vốn mọc rất nhiều, kích thước rất cao và tất cả đều cho quả. Họ săn bắt những con châu chấu không cánh, phơi khô dưới nắng sau đó giã thành bột, sau đó rắc vào sữa và uống. Phong tục của họ cho phép mỗi đàn ông có nhiều vợ, và họ giao hoan với vợ theo cách gần giống người Massagetai, nghĩa là họ cắm một cây cọc trước cửa rồi giao hoan. Khi một người đàn ông Nasamones cưới người vợ đầu tiên, theo phong tục vào đêm tân hôn cô dâu phải lần lượt giao hoan với tất cả khách, và mỗi người ngủ với cô dâu lại tặng một món quà bất kỳ mà người đó mang tới từ nhà mình. Những lời thề và cách bói toán họ sử dụng như sau: Họ chọn lấy người cho là chính trực và can đảm nhất trong tộc người của mình ra để thề, rồi thề bằng cách đặt bàn tay lên mộ người đó. Và họ bói toán bằng cách tới thăm mộ tổ tiên rồi nằm xuống ngủ cạnh mộ sau khi đã cầu khấn, và bất cứ điều gì mơ thấy trong giấc ngủ, họ sẽ chấp nhận. Họ cũng trao đổi cam kết theo cách như sau: Một người mời người khác uống từ bàn tay mình, và bản thân anh ta uống từ bàn tay người kia, và nếu không có thứ chất lỏng nào, họ sẽ bốc đất lên và liếm.

173. Kế bên người Nasamones là vùng đất của người Psylloi. Tộc người này đã tuyệt diệt vì lý do sau: Gió nam thổi tới chỗ họ làm khô cạn hết các bể chứa nước, và vùng đất của họ không có nước vì nằm hoàn toàn trong vịnh Syrtis. Sau đó, tất cả họ cùng nhất trí cầm lấy vũ khí tiến ngược chiều gió nam thổi (tôi kể lại đây những gì được người Libya thuật lại), rồi khi họ đã tới con đường cát, gió nam thổi lên chôn vùi họ trong cát. Những người này vậy là tuyệt diệt, rồi từ thời kỳ đó người Nasamones chiếm cứ vùng đất của họ.

174. Nằm trên vùng đất này về phía nam, ở vùng đất của các loài thú hoang, là nơi cư trú của người Garamantes, những người này chạy trốn trước mọi tộc người và tránh tiếp xúc với tất cả, họ không có bất cứ loại binh khí nào, và cũng không biết cách tự vệ trước kẻ thù.

175. Đó là những người sống phía trên người Nasamones, và ở kế bên người Nasamones dọc theo bờ biển về phía tây là người Makai, họ cạo tóc để lại các chỏm, để tóc ở giữa đầu mọc dài, nhưng cạo sạch tới tận da ở khắp xung quanh, và để chiến đấu họ mang những chiếc khiên làm bằng da đà điểu. Sông Kinyps chảy qua vùng lãnh thổ của họ ra biển, bắt nguồn từ một ngọn đồi được gọi là "Đồi của các Kharites". Đồi của các Kharites này có cây mọc um tùm, trong khi như đã nói ở phần trước, phần còn lại của đất Libya đều không có cây, và ngọn đồi này nằm cách biển 200 *stadia*.

176. Kế bên những người Makai này là người Gindanes, phụ nữ của họ mỗi người đều đeo những chiếc vòng làm bằng da động vật ở cổ chân vì lý do sau: Cứ mỗi người đàn ông giao hoan với mình, người phụ nữ sẽ đeo vào một chiếc vòng ở mắt cá, và người phụ nữ có nhiều vòng nhất được coi là người tuyệt nhất, vì đã được nhiều đàn ông yêu nhất.

177. Tại một bán đảo nhô ra biển từ vùng đất của những người Gindanes này là nơi cư trú của người Lotophagoi, họ sống chỉ nhờ ăn quả của cây *lotos*. Quả của cây *lotos* có kích thước giống như quả của cây nhũ hương, còn hương vị thì giống quả chà là. Từ thứ quả này thậm chí người Lotophagoi còn nấu rượu cho mình.

178. Kế tiếp người Lotophagoi ở theo bờ biển là người Makhlyes, tộc người này cũng sử dụng quả *lotos*, nhưng ít hơn tộc người vừa kể. Người Makhlyes cư trú trên lãnh thổ trải dài tới một dòng sông lớn mang tên Triton, và con sông này đổ vào một hồ nước lớn có tên Tritonis, trong hồ nước này có một hòn đảo mang tên Phla. Về hòn đảo này người ta kể rằng có một thần dụ được phán cho người Lakedaimon rằng họ phải lập một khu định cư trên đó.

179. Câu chuyện sau đây cũng được kể, cụ thể là Iason, khi đã đóng xong con thuyền Argo dưới chân núi Pelion, đưa lên thuyền một tế vật cùng một chiếc giá ba chân bằng thanh đồng, rồi ra khơi đi vòng quanh bán đảo Peloponnesos, mong muốn tới Delphoi; trong khi hải hành ông tới gần Malea, một cơn gió bắc cuốn lấy thuyền của ông và đẩy chiếc thuyền dạt tới tận Libya, và trước khi thấy được đất liền ông đã chạm phải các bãi cát ngầm của hồ Tritonis. Lúc đó, trong khi Iason không biết làm thế nào để đưa thuyền của mình thoát ra, câu chuyện kể rằng thần Triton đã hiện lên với ông và bảo Iason đưa cho thần chiếc giá ba chân, nói rằng thần sẽ chỉ cho họ đường đi đúng và để họ rời đi mà không tổn hại gì. Và khi Iason ưng thuận, Triton liền chỉ cho họ lối đi qua giữa các bãi cát ngầm và đặt chiếc giá ba chân vào trong ngôi đền của mình, trước đó đã đưa ra một lời tiên đoán về chiếc giá ba chân và tuyên bố với Iason cùng các bạn đồng hành của ông rằng bất cứ khi nào hậu duệ của những người đã đi biển cùng ông trên chiếc thuyền Argo mang chiếc giá ba chân này đi, khi đó coi như định mệnh đã quyết rằng 100 thành phố Hy Lạp cần được lập quanh hồ Tritonis. Khi nghe được chuyện này, người Libya bản xứ liền giấu cái giá ba chân đi.

180. Ở cạnh người Makhlyes là người Ausees. Họ và người Makhlyes cư trú quanh hồ Tritonis, và sông Triton là biên giới giữa họ. Trong khi người Makhlyes để tóc dài ở sau đầu thì người

Ausees lại nuôi tóc dài ở mé trước đầu. Trong một lễ hội hằng năm của Athena, các trinh nữ của họ đứng thành hai phe và giao chiến với nhau bằng đá và gậy, và họ nói rằng khi làm vậy các cô gái đang thực hiện nghi lễ do tổ tiên truyền lại để vinh danh vị thần bắt nguồn từ vùng đất đó mà chúng ta gọi là Athena. Những trinh nữ chết vì những vết thương họ gọi là các "trinh nữ giả hiệu". Nhưng trước khi cho phép các cô gái bắt đầu cuộc đấu, họ làm như sau: Tất cả cùng tập hợp lại và trang bị cho người trinh nữ được cho là đẹp nhất vào mỗi dịp với một chiếc mũ chiến Korinthos và bộ áo giáp Hy Lạp hoàn chỉnh, rồi sau đó đưa cô này lên một chiếc chiến xa và đưa cô gái đi vòng quanh hồ. Tôi không thể nói rõ vào thời xưa họ trang bị gì cho các trinh nữ, trước khi người Hy Lạp định cư gần họ, song tôi phỏng đoán rằng họ từng được trang bị áo giáp Ai Cập, vì chính từ Ai Cập mà người Hy Lạp biết được về cả khiên lẫn mũ chiến như tôi xác nhận. Thêm nữa, người ta kể rằng Athena là con gái của Poseidon và hồ Tritonis, và nàng có lý do nào đó để trách móc cha mình rồi vì thế mà trao mình cho Zeus, và Zeus coi nàng là con gái của mình. Đó là câu chuyện những người này kể; và họ giao hoan với phụ nữ một cách tự do, không có hôn nhân mà giao hợp như súc vật, và khi đứa con trai của bất cứ phụ nữ nào lớn lên, đứa trẻ được đưa ra trước một cuộc họp của những người đàn ông được tổ chức ba tháng một lần, và đứa trẻ giống ai trong số những người đàn ông ấy thì nó được coi là con trai của người này.

181. Kể trên là những tộc người Libya du mục sống dọc theo bờ biển, và vùng đất nằm phía trên trong nội địa so với lãnh thổ của họ là vùng Libya có các loài dã thú, và ở phía trên vùng của dã thú này là một dải cồn cát nhô cao, trải dài từ Thebai thuộc Ai Cập tới tận Các trụ của Herakles. Ở vành đai cát này, cứ cách 10 ngày đường lại có những tảng muối đóng thành cục lớn tạo thành những quả đồi, và ở trên đỉnh mỗi quả đồi, chảy ra từ giữa các cục muối một dòng suối có nước mát lạnh và ngọt, và ở quanh dòng suối có người sinh sống, ở ranh giới xa nhất về phía hoang mạc và nằm trên vùng dã thú. Đầu tiên, nằm cách Thebai 10 ngày đường, là những người Ammonioi, tộc người có ngôi đền bắt nguồn từ đền Zeus Thebaios, vì như tôi đã nói trước đây, tượng thần Zeus ở Thebai cũng có đầu cừu đực. Và những người này trên thực tế còn có nguồn nước từ một con suối, thứ nước này ấm vào lúc sáng sớm, trở nên mát hơn vào lúc thời gian quãng chợ đông, rồi đến lúc giữa trưa thì trở nên khá lạnh, và sau đó họ lấy nước tưới cho các khu vườn của mình. Song khi ngày gần tàn, nước của dòng suối nọ cũng bớt lạnh, cho tới khi trở nên ấm lúc mặt trời lặn, và thứ nước này cứ thế tiếp tục nóng lên cho tới lúc nửa đêm, khi nó

sôi sùng sục và sủi bọt, rồi qua nửa đêm, nước suối lại bớt nóng dần cho tới rạng đông. Dòng suối này được gọi là nguồn suối Mặt trời.

182. Sau người Ammonioi, nếu ta đi dọc theo vành đai cát, sau 10 ngày đường lại có một đồi muối giống như của người Ammonioi và một suối nước, cùng dân cư sống tại đó, và nơi này có tên là Augila. Hằng năm người Nasamones lại tới đây để thu hoạch quả chà là.

183. Cách Augila 10 ngày đường lại có một đồi muối cùng suối nước nữa cùng rất nhiều cây chà là cho quả, cũng giống như ở những nơi khác. Cư dân sống tại đây được gọi là người Garamantes, một dân tộc rất vĩ đại, những người mang đất đắp lên muối rồi sau đó trồng trọt. Từ nơi này là đường ngắn nhất để tới chỗ người Lotophagoi, vì từ chỗ đó cần 30 ngày đường để đến vùng đất của người Garamantes. Ở vùng đất của họ cũng có loại bò ăn giật lùi, chúng có sừng uốn cong xuống dưới hướng về phía trước, vì thế chúng bước đi giật lùi khi ăn, vì chúng không thể đi tiến lên được do cặp sừng sẽ cắm vào đất đằng trước chúng, ngoài ra chúng cũng không khác gì những con bò khác ngoại trừ đặc điểm vừa kể cũng như độ dày và bền chắc khi sờ vào bộ da của chúng. Người Garamantes mà tôi đang nói tới săn lùng người Aithiopia "Sống trong hang" với những cỗ chiến xa tứ mã của họ, vì người Aithiopia "Sống trong hang" là những người có đôi chân nhanh nhẹn nhất trong mọi tộc người mà tôi đã nghe nói tới, và những người ở hang này ăn rắn và thằn lằn cùng những loài vật bò sát như thế, và họ nói một thứ ngôn ngữ không giống thứ tiếng nào khác, vì họ nói nghe giống như tiếng kêu của những con dơi.

184. Từ chỗ người Garamantes đi tiếp 10 ngày đường có một đồi muối và một suối nước nữa, và tộc người sống quanh dòng suối này được gọi là Atarantes, đây là tộc người duy nhất trong các tộc người tôi biết không có tên; toàn bộ lạc này được gọi là những người Atarantes, còn mỗi người không hề có tên riêng của mình. Những người này lên tiếng nguyền rủa Mặt trời khi Mặt trời lên cao nhất, và thêm nữa nhục mạ Mặt trời bằng đủ thứ tên gọi bẩn thỉu, vì Mặt trời hành hạ cả họ lẫn vùng đất của họ với cái nóng cháy da.

Cách xa hơn 10 ngày đường nữa lại có một đồi muối và một suối nước, với dân cư sống quanh đó. Gần đồi muối này có một ngọn núi tên là Atlas, ngọn núi này có chu vi nhỏ và lượn tròn ở mọi phía, đồng thời nó cao tới mức người ta nói rằng không thể nhìn thấy đỉnh núi, vì mây luôn che kín đỉnh núi này cả vào mùa hè lẫn

mùa đông. Người bản địa nói đây là thiên trụ. Cư dân ở đây được gọi tên theo ngọn núi, vì họ được gọi là những người Atlantes, và người ta kể rằng họ không ăn thứ gì có sinh mạng và cũng không hề có giấc mơ nào.

185. Cho tới những người Atlantes này, tôi có thể liệt kêra theo thứ tự những tộc người cư ngụ ở vành đai cát, nhưng tại những vùng đất nằm xa hơn nữa tôi không còn có thể làm vậy.

Tuy nhiên, vành đai cát này vươn xa tới tận Các trụ của Herakles và cả tới những phần nằm bên ngoài chúng. Tại đó có một mỏ muối nằm cách nơi cư ngụ của người Atlantes 10 ngày đường, và ở đó có người sống. Những người này có nhà xây từ những tảng muối, vì những vùng lãnh thổ của Libya mà chúng ta lúc này đang nói tới không hề có mưa, vì nếu trời mưa những bức tường làm bằng muối sẽ không thể tồn tại được, và muối được đào lên ở đó có cả màu trắng lẫn màu tía. Ở phía trên vành đai cát, về những vùng nằm ở phía nam trong nội địa Libya không có người sinh sống, không có nước hay dã thú, không có mưa và không cây cối, và không có chút dấu vết hơi ẩm nào ở đó.

186. Tôi đã nói rằng từ Ai Cập cho tới tận hồ Tritonis là nơi sinh sống của các tộc người Libya du mục, ăn thịt và uống sữa; những người này không hề ăn thịt bò cái, vì cùng lý do như người Ai Cập, và họ cũng không nuôi lợn. Thêm nữa, phụ nữ Kyrene cũng nghĩ ăn thịt bò cái là không đúng, vì nữ thần Ai Cập Isis, thậm chí họ còn nhịn ăn và tổ chức các lễ hội dành cho nữ thần, còn các phụ nữ Barka, ngoài thịt bò cái cũng không ăn thịt lợn.

187. Nhưng ở vùng đất nằm về phía tây hồ Tritonis, người Libya không còn là người du mục, và cũng không có cùng phong tục, và không cư xử với con cái của họ theo bất cứ cách thức nào mà những người du mục hay làm, vì những người Libya du mục, cho dù có phải tất cả họ hay không thì tôi không thể đoan chắc, nhưng rất nhiều người trong số họ, làm như sau: Khi con của họ lên bốn tuổi, họ dùng một nhúm len lông cừu có mỡ đốt các mạch máu trên đỉnh đầu chúng, và một số tộc người đốt mạch máu ở hai bên thái dương, để cho suốt cuộc đời sau này của chúng sẽ không bị dãi độc chảy từ đầu xuống gây hại, và theo lời họ chính vì lý do này mà họ khỏe mạnh như vậy, và người Libya quả thực là những người khỏe mạnh nhất trong mọi tộc người mà chúng ta đã biết đến, cho dù có phải vì lý do này hay không thì tôi không thể đoan chắc, nhưng chắc chắn họ là những người khỏe mạnh nhất. Và nếu khi họ đốt những đứa trẻ xảy ra một cơn co giật, họ đã tìm ra một phương thuốc cho chuyện này, vì họ dội nước tiểu của một

con dê đực lên những đứa trẻ và cứu sống chúng. Tôi đang thuật lại những gì được chính người Libya kể.

188. Sau đây là cách thức hiến sinh của những người du mục: Họ cắt một phần tai tế vật và ném qua nhà, rồi sau đó vặn cổ con vật. Họ chỉ hiến sinh cho Mặt trời và Mặt trăng, nghĩa là tất cả các tộc người Libya hiến sinh dâng lên các tinh tú này, nhưng các cư dân sống quanh hồ Tritonis hầu hết làm lễ hiến sinh cho Athena trước tiên, rồi kế đến là dâng lên Triton và Poseidon.

189. Cũng có khả năng người Hy Lạp đã làm trang phục và aigis cho các tượng thần Athena theo hình mẫu của phụ nữ Libya, vì ngoại trừ việc trang phục của phụ nữ Libya bằng da, và những tua trang trí thả xuống từ aigis của họ không phải là những con rắn mà là những sợi dây da, về tất cả các khía cạnh khác Athena mặc đồ giống như họ. Thêm nữa, cả tên gọi cũng cho thấy trang phục trên các tượng của Pallas có xuất xứ từ Libya, vì phụ nữ Libya khoác bên ngoài các trang phục khác của họ những tấm da dê với những viền tua được nhuộm màu đỏ bằng rễ thiên thảo, và từ những tấm da dê này người Hy Lạp hình thành tên gọi aigis. Tôi cũng nghĩ rằng chính ở những vùng này đã hình thành trước tiên phong tục hô lớn trong khi thực hiện những nghi lễ thiêng liêng, vì phụ nữ Libya làm điều này rất tốt. Người Hy Lạp cũng học từ người Libya cách thắng bốn con ngựa vào một cỗ chiến xa.

190. Người du mục chôn cất người quá cố theo cách giống như người Hy Lạp, ngoại trừ người Nasamones: Tộc người này chôn người quá cố ở tư thế ngồi, chú ý để vào khoảnh khắc một người tắt thở sẽ dựng người này ngồi lên chứ không để chết nằm ngửa. Họ có những ngôi nhà làm từ thân cây lan nhật quang bện với cây bấc, được chế tạo để có thể mang đi được. Đó là phong tục của những tộc người này.

191. Ở phía tây sông Triton, qua người Ausees là những người Libya làm nông nghiệp, và họ có tập tục sở hữu những ngôi nhà cố định. Những người này được gọi là người Maxyes. Họ để tóc dài ở mé phải đầu và cắt ngắn ở mé trái, và dùng sơn đỏ bôi lên khắp người. Những người này nói rằng họ là hậu duệ của người Troia. Vùng đất này cũng như phần còn lại của Libya nằm về phía tây vừa có nhiều dã thú vừa có nhiều rừng rậm hơn vùng đất của những tộc người du mục: vì trong khi phần phía đông Libya, nơi những người du mục sống, là miền đất thấp toàn cát cho tới sông Triton, thì miền đất tiếp giáp với nó về phía tây, nơi cư trú của những người làm nông nghiệp, lại rất nhiều núi, rừng rậm và dã thú, vì tại đây có thể tìm thấy cả những con rắn khổng lồ cùng sư

tử và voi, cũng như gấu, rắn độc và lừa có sừng, cùng với giống người đầu chó và giống người không đầu với hai mắt nằm ở trên ngực (ít nhất thì người Libya kể vậy về họ), cùng những người đàn ông và phụ nữ man rợ, cùng rất nhiều dã thú khác không hề khó tin bằng những loài vừa kể trên.

192. Ở vùng đất của những người du mục không hề tồn tại các sinh vật kể trên, mà có những loài vật khác như sau: linh dương mông trắng, linh dương gazella, trâu rừng, lừa (không phải loại có sừng mà loại có thể sống không cần nước), kiếm linh, sừng của chúng được gắn vào hai bên đàn lyra Phoinike (chúng có kích thước bằng một con bò đực), cáo nhỏ, linh cẩu, nhím, cừu hoang, *diktyes*, chó rừng, báo, *boryes*, cá sấu sống trên cạn thân dài khoảng 3 *pekhes* và trông rất giống thằn lằn, đà điểu, và những con rắn nhỏ có một sừng. Những loài động vật hoang dã này sống ở vùng đất đang được nói tới, cùng những loài vật còn sống cả ở những nơi khác, ngoại trừ hươu và lợn rừng, vì Libya không hề có hươu hay lợn rừng. Và ở vùng đất này cũng có ba loại chuột, một loại gọi là chuột "hai chân", một loại khác là *zegeries* (cái tên trong tiếng Libya có nghĩa theo tiếng Hy Lạp là "đồi"), và loại thứ ba là chuột "gai". Ngoài ra cũng có những con chồn sinh sôi trong silphion, rất giống như ở Tartessos. Đó là những sinh vật hoang dã sống ở vùng đất Libya, theo những gì tôi có thể khám phá được qua khảo cứu nhiều nhất có thể.

193. Tộc người sống kề bên người Maxyes là người Zaukes, phụ nữ của họ đánh chiến xa cho những người đàn ông khi ra trận.

194. Bên cạnh tộc người này là người Gyzantes, ở vùng của họ có rất nhiều mật ong, tuy nhiên người ta kể có một lượng mật còn nhiều hơn thế do con người làm ra, họ chế tạo ra chúng như một nghề làm ăn. Dù là thế nào đi nữa, tất cả tộc người này đều bôi sơn đỏ lên người và ăn thịt khỉ, vốn có số lượng rất lớn trên các ngọn núi của họ.

195. Đối diện với vùng đất này, theo lời người Karkhedon, có một hòn đảo tên là Kyrauis, dài 200 *stadia* nhưng hẹp, từ đất liền người ta có thể đi bộ ra đó, và trên đảo này mọc đầy cây ô-liu và nho. Người ta kể rằng trên đảo có một cái ao, từ ao này những cô gái bản địa dùng những chiếc lông chim có quết hắc ín để gợt lấy bụi vàng ra khỏi bùn. Liệu có phải thực như vậy hay không thì tôi không biết, nhưng tôi thuật lại những gì được kể, và không gì là không thể cả, vì ngay cả ở Zakynthos tôi đã tận mắt nhìn thấy người ta lấy hắc ín lên từ một cái ao. Ở đó có vài cái ao, và ao lớn nhất mỗi chiều dài 70 *podes* và sâu 2 *orgyiai*. Người ta cắm xuống

ao một cây sào có buộc vào một cành cây hương đào, rồi bằng cành cây hương đào này họ vớt hắc ín lên, thứ này có mùi như hắc ín thường, nhưng về những mặt khác thì tốt hơn hắc ín Pieria. Rồi họ đổ hắc ín vào một cái hố gần ao và sau khi đã thu được một lượng lớn, họ múc từ trong hố ra đổ vào những chiếc bình, và bất cứ thứ gì rơi xuống cái ao này cũng ngấm xuống đất và xuất hiện trở lại ngoài biển, nằm cách chỗ cái ao 4 *stadia*. Như vậy lời kể rằng hòn đảo nằm ngay sát bờ biển Libya có vẻ đúng sự thật.

196. Người Karkhedon cũng kể rằng tại Libya có một nơi có người cư trú nằm bên ngoài Các trụ của Herakles, và khi người Karkhedon tới nơi cư trú của tộc người này và mang hàng hóa từ dưới thuyền của họ lên bờ, họ bày hàng trên bãi biển rồi lại xuống thuyền rời đi, và sau đó đốt một cột khói. Những người bản địa khi thấy khói liền ra bờ biển, và họ để xuống một lượng vàng có giá trị tương đương với hàng hóa và lui lại cách xa các món hàng một quãng. Khi đó người Karkhedon lại lên bờ và xem xét, và nếu lượng vàng theo ý họ là đủ cho giá trị của hàng hóa, họ liền cầm lấy vàng và rời đi, nhưng nếu không đủ, họ lại lên thuyền và ngồi trên đó. Những người bản xứ lại gần và để thêm vàng vào số vàng lúc trước, cho tới khi làm hài lòng người Karkhedon. Và người ta kể rằng không bên nào lừa gạt bên nào, vì người Karkhedon không bao giờ động tới vàng cho đến khi lượng vàng đã tương đương với giá trị hàng hóa của họ, và người bản địa cũng không động tới hàng hóa cho đến khi người Karkhedon đã lấy vàng đi.

197. Đây là những bộ lạc Libya mà tôi có thể kể tên, và trong số những bộ lạc này, đa số không hề thần phục vua của người Media, dù là hiện tại hay trước đây.

Tôi muốn chỉ ra điểm cuối cùng về vùng này: Cho đến giờ chúng ta biết được có bốn giống người, không hơn, cư trú tại đây. Trong số này có hai giống người là bản địa, còn hai giống người còn lại thì không, vì người Libya và người Aithiopia là những giống người bản địa, một giống cư trú ở vùng phía bắc Libya và giống kia ở phía nam, trong khi người Phoinike và người Hy Lạp là di dân.

198. Thêm nữa, tôi nghĩ rằng (bên cạnh những điều khác) thổ nhưỡng của Libya không màu mỡ lắm khi so sánh với châu Á hay châu Âu, ngoại trừ duy nhất vùng Kinyps, vì tên gọi này được dùng cho cả vùng đất lẫn con sông. Vùng này sánh ngang với những vùng đất phì nhiêu nhất trong việc đem đến các mùa màng của Demeter, và không hề giống với phần còn lại của Libya, vì nó có đất màu đen được các dòng suối cấp nước, và nơi này

không phải lo ngại hạn hán hay ngập lụt vì phải đón nhận quá nhiều nước mưa, dù ở vùng này của Libya có mưa. Về việc trồng trọt các mùa màng, cách gieo trồng cho hiệu quả tại đây cũng hệt như tại vùng đất Babylon. Vùng lãnh thổ của người Euesperides cũng là miền đất tốt, vì khi mùa màng bội thu nhất, vùng đất này cho phép thu về gấp 100 lần hạt giống bỏ ra, nhưng đất đai ở vùng Kinyps cho thu hoạch gấp 300 lần.

199. Lãnh thổ Kyrene, vốn là vùng đất cao nhất của phần Libya do người du mục chiếm cứ, có tới ba mùa vụ, điều khiến chúng ta phải kinh ngạc: Vì vùng đất nằm sát bờ biển là khu vực đầu tiên quả chín để thu hoạch và làm rượu vang; và khi những vụ quả này đã được thu hoạch, mùa màng ở những vùng nằm cao hơn khu vực ven biển, nằm ở mạn trung du mà người ta gọi là vùng đồi, cũng đến lượt cho thu hoạch, và ngay khi vụ mùa thứ hai này thu hoạch xong, các mùa màng ở vùng đất cao nhất cũng đến kỳ gặt hái. Như vậy, khi hoa lợi của vụ mùa đầu tiên đã được dùng hết, hoa lợi của vụ mùa cuối cùng mới chỉ vừa tới. Như thế, mùa thu hoạch của người Kyrene kéo dài tám tháng. Và chúng ta hãy coi những gì đã được kể là đủ cho những chủ đề này.

200. Khi những người Ba Tư trợ giúp cho Pheretima được Aryandes phái đi từ Ai Cập tới Barka, họ liền vây hãm thành phố, đề nghị với cư dân nơi này rằng họ cần giao nộp những kẻ sát hại Arkesilaos, nhưng vì tất cả cư dân của thành phố đều dự phần vào vụ sát hại, họ không chấp nhận đề nghị. Người Ba Tư vây hãm Barka trong chín tháng, vừa đào đường hầm tới tường thành vừa tấn công tường thành dữ dội. Những đường hầm đào vào bị phát giác bởi một thợ đồng có một chiếc khiên bọc thanh đồng, người này đã nghĩ ra một phương cách như sau: Anh ta mang chiếc khiên đi vòng bên trong tường thành và áp nó xuống đất trong thành phố, trong khi ở những nơi khác anh ta áp khiên xuống không có tiếng động nào vang lên, ở những nơi đường hầm đang được đào lớp thanh đồng bọc khiên liền phát ra âm thanh, và người Barka sẽ đào đường hầm phản kích lại ở đó và giết những người Ba Tư đang đào hầm. Sau khi những đường hầm bị phát giác theo cách như tôi vừa kể, các cuộc tấn công liền bị người Barka đẩy lui.

201. Sau đó, vì cả hai bên đã phải chịu khổ sở trong thời gian dài và rất nhiều người đã chết ở mỗi bên, đặc biệt là phía Ba Tư, Amasis, tư lệnh đạo quân bộ liền suy tính như sau: Nhận ra rằng người Barka không thể bị khuất phục bởi vũ lực nhưng có thể bị khuất phục bởi mưu kế, ông ta cho đào vào ban đêm một con hào rộng, trên đó cho đậy những tấm ván gỗ yếu, rồi phủ đất lên trên

ván gỗ cho bằng với phần đất còn lại. Rồi khi trời sáng, ông ta mời người Barka tới thương thuyết. Người Barka vui mừng ưng thuận, rồi cuối cùng họ cũng đồng ý với một hiệp định, và hiệp định này được họ thỏa thuận với người Ba Tư phía trên đường hào được che kín, trong đó nói rằng chừng nào mặt đất này còn tiếp tục như cũ, lời thề sẽ vẫn được giữ vững, và người Barka sẽ hứa cống nạp khoản được yêu cầu cho nhà vua, còn người Ba Tư sẽ không dùng vũ lực thêm nữa với người Barka. Sau khi lập thệ, những người Barka tin tưởng vào hiệp định nên chính họ vừa ra khỏi thành phố vừa để bất cứ ai trong hàng ngũ kẻ thù muốn vào thành phố được đi vào trong tường thành của họ sau khi mở toang các cổng thành. Song người Ba Tư trước nhất phá sập lớp ván gỗ được che kín rồi bắt đầu ùa vào trong thành. Và lý do khiến họ phá sập lớp ván gỗ đã làm lúc trước là để họ có thể bội thề, vì lúc trước họ đã thề với người Barka rằng lời thề sẽ được giữ vững chừng nào mặt đất còn như cũ, nhưng sau khi họ làm sập đất xuống, lời thề không còn giá trị nữa.

202. Khi những người Barka có tội trạng nhất được người Ba Tư giao cho Pheretima, bà ta đóng cọc họ quanh tường thành. Bà ta cũng xẻo vú vợ của họ và buộc chúng lên tường thành. Những người Barka còn lại, bà ta yêu cầu người Ba Tư đem đi như chiến lợi phẩm, ngoại trừ những người thuộc gia tộc của Battos và không can dự vào vụ sát nhân, và Pheretima giao thành phố cho những người này.

203. Vậy là người Ba Tư, sau khi nô dịch những người còn lại, liền lên đường trở về. Khi họ xuất hiện trước các cổng thành Kyrene, người Kyrene để cho họ đi qua thành phố của mình vì tôn trọng một thần dụ. Và khi đạo quân đang đi qua thành phố, Badres, chỉ huy hạm đội Ba Tư, hối thúc rằng họ nên chiếm thành phố, song Amasis, chỉ huy bộ binh không ưng thuận làm vậy, vì ông ta nói họ được cử đi không phải để tấn công bất cứ thành phố Hy Lạp nào khác ngoài Barka. Tuy nhiên, khi đã ra khỏi thành phố và đã cắm trại trên ngọn đồi của Zeus Lykaios, họ thấy hối tiếc vì đã không chiếm Kyrene, và họ lại tìm cách trở vào thành phố, song người Kyrene không cho phép họ. Thế rồi những người Ba Tư, cho dù không ai tấn công họ, đột nhiên thấy hoảng sợ và họ bỏ chạy khoảng 60 *stadia*, sau đó hạ trại. Và khi doanh trại của họ được dựng tại đó, một sứ giả do Aryandes phái tới gọi họ quay về, vậy là người Ba Tư yêu cầu người Kyrene cung cấp lương thực cho cuộc hành quân của họ và được đáp ứng. Sau khi nhận được lương thực, họ lên đường quay về Ai Cập. Sau đó, người Libya tấn công họ, giết những người tách khỏi đội hình hoặc tụt lại sau để cướp quần áo, trang bị của họ, cho tới khi những người Ba Tư về tới Ai

Cập.

204. Đạo quân Ba Tư này đã tới tận vùng đất của người Euesperides, và đây là điểm xa nhất họ tới được tại Libya. Họ đưa những người Barka bị bắt làm nô lệ được tới Dareios, và ông Dareios cho họ một ngôi làng ở đất Baktria để định cư. Họ đặt tên cho ngôi làng là Barka, và cho tới tận thời của tôi họ vẫn tiếp tục sống tại nơi này ở vùng Baktria.

205. Pheretima không kết thúc được cuộc đời hạnh phúc hơn họ, vì ngay khi từ Libya trở về Ai Cập sau khi báo thù người Barka, bà ta đón nhận một cái chết khủng khiếp, cơ thể nhung nhúc giòi trong khi vẫn còn sống, vì có vẻ những hình phạt quá tàn bạo do con người thực hiện không làm các vị thần hài lòng. Và hình phạt Pheretima giáng xuống người Barka thật tàn khốc.

Quyển 5
Terpsikhore[1]

1. Trong thời gian đó, những người Ba Tư được Dareios để lại châu Âu dưới quyền của Megabazos đã khuất phục người Perinthos trước tiên trong các dân tộc của Hellespontos, vì họ từ chối thần phục Dareios. Trước đây họ cũng từng bị người Paionia đối xử tệ bạc: Vì người Paionia từ Strymon đã được chỉ dẫn bởi một thần dụ phán rằng phải tấn công người Perinthos. Nếu người Perinthos, khi đóng trại đối diện với họ, lớn tiếng gọi tên họ, họ sẽ tấn công người Perinthos; nhưng nếu người Perinthos không lớn tiếng gọi họ, họ sẽ không tấn công những người này, và người Paionia thực hiện theo thần dụ. Khi người Perinthos hạ trại đối diện với họ bên ngoài thành phố, một lời thách thức được đưa ra và một cuộc giao chiến một chọi một diễn ra dưới ba hình thức, vì họ để một người đấu với một người, một con ngựa đấu với một con ngựa, và một con chó đấu với một con chó. Sau đó, người Perinthos thắng hai trong ba cuộc đấu, trong lúc phấn khích họ hô khúc Io paian[2], và người Paionia cho rằng đây chính là điều được nhắc đến trong thần dụ, nói với nhau không chút nghi ngờ rằng: "Giờ thì chắc chắn thần dụ sẽ trở thành hiện thực với chúng ta, đã đến lúc chúng ta hành động". Vậy là người Paionia tấn công người Perinthos khi người Perinthos đã hô khúc Io paian, và giành phần thắng trong cuộc giao chiến, chỉ để lại một số ít kẻ thù còn sống sót.

---

[1]. Nữ thần của vũ đạo trong thần thoại Hy Lạp.

[2]. Cụm từ "Io paian" là lời hô mang tính nghi thức trong văn hóa Hy Lạp, đôi khi được dùng làm tiếng hét chiến trận. (BT)

---

2. Đó là những gì đã xảy ra trước đây với người Perinthos dưới tay người Paionia. Khi đó, cho dù người Perinthos chứng tỏ bản thân rất can đảm trong việc bảo vệ tự do của họ, người Ba Tư và Megabazos đã khuất phục được họ nhờ số lượng. Sau khi

Perinthos bị chinh phục, Megabazos tiến quân dọc theo Thraike, buộc tất cả thành phố và mọi tộc người cư trú tại đó phải thần phục nhà vua, vì Dareios đã ra lệnh cho ông ta phải khuất phục Thraike.

3. Người Thraike là dân tộc lớn nhất trên thế giới sau người Ấn Độ. Nếu họ được cai trị bởi một người, hoặc đoàn kết với nhau, họ sẽ không thể bị chinh phục, và là những chiến binh mạnh mẽ nhất trong tất cả các dân tộc, theo quan điểm của tôi. Tuy nhiên, điều kể trên là không thể xảy ra với họ, trên thực tế vì lý do này họ rất yếu. Họ có nhiều tên gọi, thuộc về những bộ lạc khác nhau ở các địa điểm khác nhau; nhưng tất cả đều tuân theo những phong tục gần như tương tự về mọi mặt, ngoại trừ người Getai và người Trausoi, cũng như những người cư trú ở phía trên Kreston.

4. Trong số những tộc người kể trên, phong tục của người Getai, những người tin rằng bản thân họ là bất tử, đã được tôi nói qua. Người Trausoi làm mọi việc theo cùng cách như những người Thraike khác, nhưng với những đứa trẻ vừa ra đời và những người chết đi trong tộc người của họ, họ làm như sau: Khi một đứa trẻ ra đời, những người thân thích nhất ngồi quanh đứa trẻ và than khóc cho những tai ương nó sẽ phải trải qua, kể ra tất cả các chứng bệnh mà con người sẽ gặp phải. Nhưng khi một người chết đi, họ chôn cất người này trong khi thi đấu thể thao và tiệc tùng vui vẻ, kể ra người này đã thoát khỏi những tai ương lớn lao nào và giờ đây đã có được hạnh phúc trọn vẹn.

5. Những người sống ở phía trên Kreston có phong tục như sau: Mỗi người đàn ông có rất nhiều vợ, và khi bất cứ người đàn ông nào của họ chết đi, một cuộc cạnh tranh quyết liệt giữa các bà vợ của người quá cố xem ai trong họ là người được chồng yêu nhất, với sự tham gia rất hăng hái từ những người bạn của họ, và người được quyết định là được chồng yêu nhất và được tôn vinh như vậy, thoạt đầu sẽ được cả những người đàn ông lẫn những người phụ nữ khen ngợi, sau đó người phụ nữ sẽ bị người thân thích nhất của mình cắt cổ trước ngôi mộ, rồi sẽ được chôn cất cùng người chồng; những người vợ còn lại vô cùng đau khổ về việc đó, vì đây được coi là sự chê trách lớn nhất nhằm vào họ.

6. Về những người Thraike khác, họ có phong tục bán con để đưa chúng đi xa khỏi bản quán, và họ không kiểm soát các trinh nữ của mình, mà cho phép các cô gái được giao hoan với bất cứ người đàn ông nào, nhưng họ kiểm soát rất cẩn thận những người vợ của mình, họ mua về những người vợ với khoản tiền rất lớn trả cho bố mẹ cô dâu. Được xăm hình là một dấu hiệu của địa vị cao

quý, và không được xăm mình là một dấu hiệu của xuất thân hèn kém. Không làm việc được coi là cao quý hơn cả, và là nông dân bị coi là hèn kém hơn mọi thứ khác, trong khi sống nhờ chiến tranh và cướp bóc được coi là nghề cao quý nhất.

7. Trên đây là những phong tục đáng chú ý nhất của họ. Về thần linh, họ chỉ thờ phụng Ares, Dionysos và Artemis. Tuy nhiên, các vị vua của họ, khác với phần còn lại của dân chúng, tôn thờ Hermes hơn tất cả các vị thần khác, và chỉ lấy tên vị thần này ra để thề, và người ta kể rằng họ là hậu duệ của Hermes.

8. Cách an táng những người giàu có của họ như sau: Trong ba ngày, thi thể người quá cố được để ra ngoài, đồng thời họ giết đủ loại tế vật và tiệc tùng, sau khi đã than khóc. Tiếp đó, họ thực hiện nghi lễ an táng, bằng hỏa thiêu hoặc chôn. Sau khi đã đắp mộ, họ tổ chức các hội thi thể thao với đủ loại môn thi, trong đó những giải thưởng lớn nhất được giành một cách hợp lý cho thi đấu tay đôi. Đây là cách thức an táng của người Thraike.

9. Về vùng đất ở phía bắc vùng này, không ai có thể tuyên bố chính xác những tộc người cư trú ở đây, nhưng những vùng nằm ngay bên kia sông Istros thì được biết rõ là không có người cư trú và rất rộng lớn. Tộc người duy nhất tôi có nghe nói rằng cư trú bên kia sông Istros là những người được gọi là người Sigynnai, họ sử dụng trang phục theo phong cách Media. Người ta kể rằng ngựa của họ có lông dài phủ toàn cơ thể, dài tới 5 *daktyloi*, những con ngựa này nhỏ, mũi tẹt và quá yếu để mang nổi con người, nhưng khi thắng vào chiến xa chúng rất dũng mãnh, vì thế cư dân bản địa vùng này cưỡi chiến xa. Biên giới của tộc người này theo lời kể chạy dài tới những vùng đất gần người Enetoi, tộc người cư trú ven biển Adria, và người ta kể rằng họ là những người di cư từ Media. Tuy nhiên, bằng cách nào họ có thể là những người di cư từ Media thì tôi không thể hiểu được, song mọi thứ đều có thể theo dòng thời gian dài. Dù thế nào đi nữa, người Ligyes cư trú ở vùng nội địa nằm ở phía trên lãnh thổ của người Massalia gọi các thương nhân là sigynnai, và người đảo Kypros gọi những cây giáo cũng theo tên gọi đó.

10. Người Thraike nói rằng bên kia sông Istros có rất nhiều ong sinh sống, chính vì thế không thể đi qua vùng đó và đi xa hơn nữa, song với tôi có vẻ khi nói như vậy, họ đã nói những điều không thể xảy ra, vì ong là một loài ai cũng biết không chịu được lạnh, và dường như những vùng đất nằm xa về phía bắc đều không có người cư trú vì khí hậu lạnh. Trên đây là những câu chuyện đã được kể về vùng đất này. Dù thế nào, khi đó Megabazos

đã khiến vùng duyên hải của khu vực đó quy phục người Ba Tư.

11. Trong khi đó Dareios, ngay khi vượt qua eo Hellespontos và tới Sardis, nhớ tới những gì Histiaios thành Miletos đã phụng sự mình, cũng như lời khuyên của Koes thành Mytilene, và sau khi cho vời họ tới Sardis, nhà vua cho phép họ chọn phần thưởng. Khi đó Histiaios tiếm chúa Miletos không xin thêm chức tước nào nữa, nhưng xin cho Myrkinos thuộc về người Edones, và mong muốn lập một thành phố tại đó. Đây là phần thưởng Histiaios chọn cho mình, nhưng Koes, không phải là một tiếm chúa mà là một thường dân, đã xin được cai trị Mytilene.

12. Sau khi mong muốn của cả hai đã được đáp ứng, họ cùng nhận lấy những gì đã lựa chọn, và vào lúc này tình cờ Dareios thấy một điều khiến ông muốn ra lệnh cho Megabazos chinh phục người Paionia, và dùng vũ lực dời họ từ châu Âu tới châu Á, chuyện này như sau: Có hai người Paionia tên là Pigres và Mastyes, những người này đã tới Sardis sau khi Dareios vượt biển quay về châu Á, vì họ muốn bản thân được nắm quyền cai trị người Paionia, và họ mang theo cùng người em gái của họ, một cô gái cao ráo, xinh đẹp. Rồi sau khi đã theo dõi một thời gian, khi Dareios ngồi uy nghiêm trước kinh đô Lydia, họ cho em gái mình mặc trang phục đẹp nhất có thể, rồi bảo cô gái đi lấy nước, để nàng đội một vò đựng nước trên đầu, quấn một sợi dây cương quanh cánh tay để dắt theo sau một con ngựa, đồng thời vừa đi vừa xe sợi lanh. Khi cô gái đi ra ngoài thành phố ngang qua chỗ nhà vua, Dareios liền để ý tới chuyện này, vì điều cô gái đang làm không theo kiểu Ba Tư mà cũng chẳng theo kiểu Lydia, hay kỳ thực không theo cách của bất cứ tộc người châu Á nào. Nhà vua phái đi vài tay giáo, ra lệnh cho họ theo dõi xem cô gái làm gì với con ngựa. Mấy người này liền bám theo cô gái, và khi ra tới sông, nàng liền cho ngựa uống nước, sau đó lấy nước đầy vò, cô gái quay lại theo cùng con đường, đội vò nước trên đầu, dắt con ngựa theo bằng sợi dây cương quấn quanh cánh tay, và đồng thời vừa đi vừa quay con suốt.

13. Sau đó Dareios, kinh ngạc trước cả những gì nghe được từ những người được cử đi theo dõi lẫn từ những gì ông tự mình trông thấy, ra lệnh cho thuộc hạ đưa cô gái tới gặp mình. Khi cô gái được đưa tới, các anh trai nàng cũng tới, họ vốn đã quan sát tất cả những gì xảy ra từ khoảng cách không xa lắm. Khi Dareios hỏi cô gái quê quán ở đâu, hai người thanh niên liền nói họ là người Paionia và cô gái là em gái họ, và nhà vua hỏi lại: "Những người Paionia này là ai, và họ cư trú ở đâu trên mặt đất?" rồi ông cũng hỏi họ muốn gì khi tới Sardis. Họ tâu với nhà vua rằng họ tới để quy phục nhà vua; rằng Paionia là một vùng đất tọa lạc bên sông

Strymon, và sông Strymon nằm cách không xa eo Hellespontos; rằng người Paionia là thực dân Teukroi từ thành Troia. Họ tâu lên tất cả những việc này, và Dareios hỏi liệu có phải tất cả phụ nữ ở vùng đất đó đều đảm đang như em gái họ hay không, và họ nhanh chóng trả lời luôn cả câu hỏi này, rằng đúng là như vậy, những việc họ đang làm chính là nhắm tới câu hỏi này.

14. Sau đó Dareios viết một lá thư cho Megabazos, người nhà vua để lại chỉ huy quân đội tại Thraike, yêu cầu ông này di chuyển người Paionia từ nơi cư trú của họ tới gặp nhà vua, cả những người đàn ông lẫn vợ con họ. Thế là một kỵ sĩ gấp rút lên đường mang theo thông điệp tới eo Hellespontos, rồi sau khi đã vượt qua eo biển, người tín sứ liền giao thư cho Megabazos. Sau khi đã đọc thư và có được người dẫn đường từ Thraike, ông ta liền hành quân tới Paionia.

15. Và người Paionia, khi được báo người Ba Tư đang tới tấn công họ, đã tập hợp tất cả lực lượng và hành quân về phía biển, đoán rằng người Ba Tư khi tấn công sẽ thực hiện cuộc tấn công theo mặt đó. Vậy là, như tôi nói, người Paionia chuẩn bị sẵn sàng để đẩy lùi đạo quân của Megabazos khi đạo quân này tới tấn công. Nhưng người Ba Tư khi nghe thấy rằng người Paionia đã tập trung lực lượng và canh giữ cửa ải hướng về phía biển, liền đi theo thượng đạo cùng những người dẫn đường. Sau khi đã vượt qua mà không bị người Paionia phát hiện, họ liền tấn công các thành phố của đối phương đang bị bỏ trống không còn nam giới, và dễ dàng chiếm lấy những thành phố này khi phát hiện chúng không có người bảo vệ. Người Paionia khi biết các thành phố của họ đang nằm trong tay kẻ thù liền lập tức giải tán, mỗi bộ lạc trở về nơi cư trú của mình, rồi tiến hành đầu hàng người Ba Tư. Thế rồi sau đó những bộ lạc Paionia này, cụ thể là người Siriopaiones, người Paioplai và tất cả tộc người cư trú trên lãnh thổ trải dài tới tận hồ Prasias, đều được di chuyển khỏi nơi cư trú và đưa tới châu Á.

16. Nhưng những tộc người cư trú quanh vùng núi Pangaion và quanh người Doberes, Agrianes, Odomantoi và quanh hồ Prasias đều không hề bị Megabazos chinh phục. Tuy nhiên, ông ta cố gắng di chuyển cả những người sống quanh hồ, những người này có nhà được xây dựng như sau: Một tấm sàn được kết lại và đặt trên những cây cọc cao được cắm nhô lên từ giữa mặt nước hồ, với một lối đi hẹp dẫn ra khu nhà nổi từ đất liền bằng một cây cầu duy nhất. Những cây cọc làm trụ chống đỡ mặt sàn hẳn nhiên ban đầu đã được cắm xuống ở đó bởi tất cả các thành viên trong cộng đồng cùng hợp lực làm việc, nhưng từ thời điểm đó, họ tiếp tục cắm cọc trụ xuống hồ tuân theo phong tục này, nghĩa là tất cả những

người đàn ông lập gia đình đều mang từ ngọn núi tên là Orbelos tới ba cây cọc cho mỗi người vợ của anh ta, và cắm xuống hồ làm trụ đỡ, và mỗi người đàn ông lấy rất nhiều vợ. Và họ xây chỗ ở theo cách này, nghĩa là mỗi người đàn ông có một căn lều dựng lên trên mặt sàn nơi anh ta sinh sống, và có một cửa sập mở từ mặt sàn xuống hồ. Với con cái của mình, họ buộc một sợi dây vào chân của chúng vì sợ rằng lũ trẻ có thể lăn xuống nước. Họ cho ngựa và súc vật thồ của mình ăn cá, ở đó nhiều cá tới mức nếu một người mở cửa sập và thả một cái sọt rỗng được buộc vào một sợi thừng xuống hồ, sau khi đợi một thời gian ngắn anh ta sẽ kéo nó lên với đầy ắp cá. Ở đó có hai loại cá được họ gọi là *paprakes* và *tilones*.

17. Người Paionia bị chinh phục đã được đưa tới châu Á, trong khi đó Megabazos, sau khi đã khuất phục người Paionia, phái bảy người Ba Tư tới Makedonia làm sứ giả, những người theo ông ta có danh tiếng nhất trong quân đội. Những vị sứ giả này được cử tới Amyntas để yêu cầu giao đất và nước cho vua Dareios. Quãng đường từ hồ Prasias tới Makedonia rất ngắn. Vì trước hết, ở sát gần hồ nước, có một khu mỏ, từ sau thời kỳ này cứ mỗi ngày lại có 1 *talanton* bạc được khai thác đều đặn cho Alexandros; sau khu mỏ, chỉ cần vượt qua ngọn núi có tên Dysoron là ta đã tới Makedonia.

18. Các sứ giả Ba Tư được phái tới gặp Amyntas, sau khi vào yết kiến Amyntas liền đòi đất và nước cho vua Dareios. Hai thứ này Amyntas đều sẵn lòng trao, và ông cũng mời các vị sứ giả ở lại làm khách của mình. Amyntas chuẩn bị một bữa tiệc linh đình và tiếp đãi các sứ giả Ba Tư với lòng hiếu khách thân mật. Khi tiệc tan, những người Ba Tư trong lúc uống mừng với nhau đã nói như sau: "Thân hữu Makedonia của ta, người Ba Tư chúng tôi có phong tục là mỗi khi tổ chức một bữa tiệc lớn, chúng tôi đều đưa những tỳ thiếp và những người vợ hợp pháp tới ngồi dự tiệc cạnh mình. Vậy thì các vị, vốn đã sẵn lòng đón tiếp chúng tôi và giờ đây tiếp đãi chúng tôi hào phóng như những vị khách của mình, và cũng đã sẵn lòng trao cho vua Dareios đất và nước, liệu có thể ưng thuận làm theo phong tục của chúng tôi chăng?" Trước những lời này, Amyntas đáp: "Hỡi người Ba Tư, chỗ chúng ta phong tục không như vậy, đàn ông cần tách riêng khỏi phụ nữ. Nhưng vì các ngài, giờ đã là chủ nhân của chúng tôi, yêu cầu thêm điều đó, cả điều này cũng sẽ được dành cho các ngài". Nói xong, Amyntas liền cho gọi những người phụ nữ tới, và khi họ tới theo lời gọi, họ liền ngồi xuống theo thứ tự đối diện với những người Ba Tư. Thế rồi những người Ba Tư, nhìn thấy vóc dáng hấp dẫn của những phụ nữ, liền nói với Amyntas rằng những gì đã được làm thật không hay chút nào, vì chẳng thà những người phụ nữ không tới còn hơn là tới

nhưng lại không ngồi bên những người Ba Tư mà ngồi đối diện với họ để rồi trở thành lý do khiến họ đau mắt như vậy. Thế là Amyntas buộc phải yêu cầu những người phụ nữ ngồi xuống cạnh các sứ giả Ba Tư. Khi những người phụ nữ làm theo, các sứ giả Ba Tư, vốn đã trở nên quá chén, bắt đầu sờ vú họ, và một số hẳn đã tìm cách hôn họ.

19. Chứng kiến tất cả những hành động này, Amyntas vẫn im lặng cho dù rất phẫn nộ, vì ông ta rất sợ người Ba Tư. Nhưng Alexandros, người cũng có mặt và thấy cảnh tượng này, vì trẻ tuổi và không có kinh nghiệm gì về các tai họa, đã không thể kiềm chế lâu hơn nữa, nóng nảy nói với Amyntas: "Thưa cha, mong cha hãy chiều theo những gì tuổi tác đòi hỏi và đi nghỉ chứ đừng ngồi đây uống rượu thêm nữa, con sẽ ở lại đây tiếp đãi các vị khách của chúng ta theo cách thích hợp". Nghe xong, Amyntas, hiểu rằng Alexandros định làm điều gì đó bạo lực, liền nói: "Con trai, ta nghĩ rằng ta hiểu những lời con nói, cũng như cơn giận dữ nóng nảy thôi thúc con, nghĩa là con muốn mời ta rời đi để con sẽ làm điều gì đó bạo lực. Thế nên ta yêu cầu con không dùng vũ lực với những người này để khiến điều đó hủy hoại chúng ta, hãy nhẫn nại xem những gì diễn ra. Còn về phần đi nghỉ, ta sẽ làm như con nói".

20. Khi Amyntas rời đi, Alexandros liền nói với những người Ba Tư: "Hỡi các bằng hữu, các ngài có quyền tự do giao hoan với tất cả những người phụ nữ này nếu các ngài muốn, hoặc với bao nhiêu người tùy thích. Về việc này các ngài sẽ là người ra lệnh cho họ. Nhưng giờ đã đến lúc các ngài đi nghỉ và tôi thấy các ngài đều đã uống rất nhiều, nếu các ngài vui lòng hãy để những người phụ nữ này đi tắm rửa, và khi họ đã tắm xong, hãy đón nhận họ quay lại bầu bạn cùng các ngài". Sau khi nói như vậy, vì những người Ba Tư hồ hởi tán thành, Alexandros liền cho những phụ nữ rời đi, khi họ đã trở về khu phòng dành cho phụ nữ, hoàng tử liền đích thân bố trí số lượng đàn ông có khuôn mặt nhẵn nhụi với số lượng bằng số phụ nữ lúc trước, cho những người này mặc đồ phụ nữ, rồi sau khi đã đưa dao găm cho họ, Alexandros dẫn những người này vào phòng tiệc. Khi dẫn những người này vào, ông nói như sau với những người Ba Tư: "Hỡi những người Ba Tư, như ta thấy các vị đã được khoản đãi bằng một bữa tiệc không thiếu thứ gì. Về những thứ khác, tất cả những gì chúng ta có, và thêm nữa cả những gì chúng ta có thể tìm ra và dâng lên, toàn bộ sẽ được cung cấp cho các ngài, và bên cạnh những thứ đó còn có điều đặc biệt này, là điều đáng nói hơn tất cả, đó là chúng ta sẽ tự nguyện trao cho các ngài mẹ và chị em gái của chúng ta, để các ngài có thể nhận thấy đầy đủ rằng chúng ta trân trọng các ngài với sự tiếp đãi xứng

đáng, và cũng để các ngài tâu lên vị vua đã phái các ngài tới đây rằng một người của xứ Hy Lạp, kẻ cai trị người Makedonia, đã tiếp đãi các ngài chu đáo cả bên bàn tiệc lẫn trên giường". Nói xong, Alexandros liền ra lệnh cho một người đàn ông Makedonia cải trang thành phụ nữ tới ngồi bên mỗi người Ba Tư, và những người này, khi những người Ba Tư tìm cách sờ soạng họ, liền giết những người Ba Tư.

21. Vậy là sứ đoàn Ba Tư đã chết với số mệnh như vậy, cả các sứ giả lẫn các tùy tùng người hầu của họ, vì các sứ giả này mang theo nghi trượng, người hầu và các đồ đạc tùy thân, và tất cả đều được đem đi phi tang. Không lâu sau đó, một cuộc tìm kiếm lớn được người Ba Tư tổ chức để tìm kiếm sứ đoàn này, và Alexandros ngăn chặn khôn ngoan bằng cách đút lót những khoản tiền lớn và dâng cả em gái mình là Gygaia, cho Boubares, một người Ba Tư, người chỉ huy nhóm tìm kiếm. Nhờ đó Alexandros khiến cuộc tìm kiếm dừng lại.

22. Vậy là cái chết của các sứ giả Ba Tư được giữ kín. Và việc tất cả những hậu duệ này của Perdikkas đều là người Hy Lạp như chính họ nói, tôi cũng tình cờ được biết, và không chỉ vậy, tôi còn chứng minh rằng họ là người Hy Lạp trong câu chuyện tiếp sau đây. Thêm nữa, người điều phối hội thi Olympia cũng quyết định như vậy. Vì khi Alexandros muốn tham gia vào các môn thi đấu và bước vào đấu trường vì mục đích này, những người Hy Lạp phải thi tài cùng ông đã tìm cách loại ông, nói rằng cuộc thi đấu không dành cho các man tộc mà dành cho người Hy Lạp. Tuy nhiên, vì Alexandros chứng minh ông có nguồn gốc từ Argos, ông được phán xử là một người Hy Lạp, và khi tham gia thi chạy, ông đã về nhất.

23. Đó là những gì đã diễn ra với những việc kể trên, và cùng thời gian này Megabazos đã tới eo Hellespontos, mang theo người Paionia, rồi sau khi vượt qua eo biển, ông này tới Sardis. Sau đó, vì Histiaios thành Miletos đã bắt tay vào việc xây tường thành cho nơi ông ta thỉnh cầu và nhận được từ Dareios như phần thưởng cho việc đã giữ an toàn chiếc cầu phao (nơi này có tên là Myrkinos, nằm bên bờ sông Strymon), Megabazos, nhận thấy những gì Histiaios đang làm, ngay khi mang những người Paionia tới Sardis đã lập tức nói với Dareios: "Tâu bệ hạ, ngài đã làm một việc mới bất cẩn làm sao, khi cho phép một người Hy Lạp khôn khéo và gian xảo lập một thành phố tại Thraike ở một nơi có bạt ngàn rừng để đóng thuyền, có rất nhiều gỗ để làm mái chèo, có cả những mỏ bạc và rất nhiều dân cư, cả người Hy Lạp lẫn man tộc, sống xung quanh, những kẻ này khi nhận ra chúng đã có một thủ

lĩnh sẽ làm những gì kẻ này ra lệnh, bất kể ngày đêm. Thế nên bệ hạ hãy ngăn y tiếp tục làm như vậy để tránh cho mình phải lâm vào một cuộc nội chiến. Và hãy ngăn y lại bằng cách gửi thư mời y tới một cách lịch thiệp, nhưng một khi đã nắm được y trong tay, bệ hạ hãy đảm bảo để y không bao giờ quay trở lại được miền đất của người Hy Lạp.

24. Nói ra như vậy, Megabazos dễ dàng thuyết phục được Dareios, người nghĩ rằng Megabazos là một nhà tiên tri thực sự của những gì có thể sẽ xảy ra.

Và Dareios phái một sứ giả tới Myrkinos nói như sau: "Histiaios, vua Dareios phán như sau: Khi ngẫm nghĩ, ta nhận ra rằng không ai tận tụy trung thành với ta và vương quyền của ta hơn ngươi. Và điều này ta biết sau khi học được từ việc làm chứ không phải từ lời nói. Vì thế, giờ đây vì ta đang có ý nghĩ muốn thực hiện những điều lớn lao, hãy dùng mọi phương tiện để tới gặp ta, để ta có thể trao đổi về chúng với ngươi".

Vậy là Histiaios, tin tưởng vào những lời nói này và đồng thời cũng coi việc trở thành một quân sư cho nhà vua là một điều lớn lao, liền tới Sardis. Dareios nói với ông ta như sau: "Histiaios, ta cho triệu ngươi tới đây vì lý do này, đó là vì khi ta từ vùng đất của người Skythia trở về và ngươi rời khỏi tầm mắt ta, chưa bao giờ ta từng mong muốn thấy lại thứ gì chỉ sau một khoảng thời gian ngắn như ta mong mỏi được trông thấy ngươi và có ngươi tới nói chuyện với ta, vì ta nhận ra rằng thứ đáng giá nhất trong mọi của cải là một người bạn biết thấu hiểu và trung thành tận tụy, cả hai phẩm chất ta biết đều tồn tại trong con người ngươi, và ta đã có thể tự chứng kiến chúng trong công việc của ta. Thế nên đây là điều ta yêu cầu ngươi (vì ngươi đã làm tốt khi tới đây): Hãy để lại Miletos và cả thành phố ngươi mới thành lập ở Thraike và đi cùng ta tới Sousa, có bất cứ thứ gì ta có, ăn cùng bàn với ta và trở thành quân sư của ta".

25. Dareios nói như vậy, và sau khi chỉ định Artaphernes, em trai cùng cha với mình làm tỉnh trưởng Sardis, nhà vua quay về Sousa, mang theo Histiaios, và trước đó đã phong Otanes làm chỉ huy lực lượng ven biển.

Sisamnes, cha của Otanes, người được phong làm một trong các Quan tòa Hoàng gia, đã bị vua Kambyses giết, vì Sisamnes đã nhận của đút để phán xử không công bằng một vụ án, rồi lột da. Sau khi đã lột da Sisamnes, nhà vua cho cắt các miếng da rồi căng lên mặt chiếc ghế nơi Sisamnes từng thường ngồi phán xử. Sau

khi đã làm như vậy, Kambyses chỉ định con trai Sisamnes làm quan tòa thay cho cha mình, bảo ông ta chớ quên chiếc ghế được làm từ gì.

26. Otanes, người đã được chỉ định làm quan tòa như thế, giờ đây trở thành người kế nhiệm chức chỉ huy của Megabazos, và Otanes đã chinh phục người Byzantion và người Kalkhedon, ông ta đã chinh phục Antandros ở Troas, và Lamponion. Rồi sau khi nhận được thuyền từ người Lesbos, Otanes đã chinh phục Lemnos và Imbros, khi đó đều thuộc về người Pelasgoi.

27. Trong số các tộc người này, người Lemnos đã chiến đấu cừ khôi, và tự vệ trong một thời gian dài rồi cuối cùng bị hủy diệt, và với những người sống sót, người Ba Tư đã đưa Lykarnetos em trai Maiandrios, người cai trị Samos, lên làm tỉnh trưởng. Lykarnetos cai trị Lemnos cho tới khi qua đời. Và nguyên nhân dẫn tới điều này như sau: Ông tiếp tục đày ải tất cả vào kiếp nô lệ và khuất phục họ, buộc tội một số tộc người đào ngũ sang phía người Skythia, buộc tội một số khác đã gây tổn thất cho đạo quân của Dareios khi lực lượng này từ Skythia trở về.

28. Otanes đã làm được nhiều việc như vậy khi ông ta được phong làm chỉ huy, và sau thời kỳ này trong một thời gian ngắn các tai họa lắng xuống, rồi sau đó, những tai ương lại thêm một lần giáng xuống những người Ionia, xuất phát từ Naxos và Miletos. Vì Naxos hơn hẳn những hòn đảo khác về sự thịnh vượng, còn Miletos vào cùng thời đang đỉnh thịnh và trở thành báu vật của xứ Ionia, nhưng trước khi việc này diễn ra hai thế hệ, Miletos đã bị rơi vào xung đột phe phái dữ dội cho tới khi người Paros tiến hành cải cách, vì trong tất cả tộc người Hy Lạp, đây là những người được cư dân Miletos lựa chọn để cải cách thành bang của họ.

29. Người Paros đã hòa giải các phe phái như sau: Những người xuất chúng nhất của họ tới Miletos, và thấy rằng cư dân Miletos đang lâm vào tình trạng suy vi, họ liền nói rằng họ mong muốn đi xem đất đai của Miletos. Trong khi thực hiện việc này và đi qua toàn bộ lãnh thổ của Miletos, khi thấy giữa cảnh hoang hóa của đất đai bất cứ cánh đồng nào được canh tác tử tế, họ liền ghi lại tên người chủ cánh đồng ấy. Khi đã đi qua toàn bộ vùng đất và chỉ tìm thấy rất ít người như thế, ngay khi quay về thành phố họ triệu tập một đại hội và chỉ định những người mà họ thấy sở hữu các cánh đồng được canh tác chu đáo ra điều hành chính sự. Họ nói rằng họ nghĩ những người này sẽ điều hành các việc công như đã chăm lo cho việc tư của mình. Và họ ra lệnh buộc những người Miletos còn lại, vốn trước đó bị chia rẽ thành phe phái, phải tuân

phục những người này.

30. Người Paros đã cải cách người Miletos như thế. Nhưng vào thời kỳ tôi đang nói tới, tai ương bắt đầu xảy đến với Ionia từ những dân tộc này theo cách như sau: Từ Naxos, một số người thuộc tầng lớp giàu có hơn bị dân chúng đẩy vào cảnh lưu vong, và sau khi rơi vào kiếp lưu vong họ đã tới Miletos. Tại Miletos, tình cờ khi ấy Aristagoras, con trai Molpagoras, đang nắm quyền cai trị, ông này vừa là con rể vừa là cháu của Histiaios, con trai Lysagoras, người bị Dareios lưu lại Sousa. Vì Histiaios là tiếm chúa Miletos, và ông này lại đang có mặt ở Sousa vào thời điểm người Nexos tới, những người này trước đây từng là khách-hữu của Histiaios. Thế nên khi người Naxos tới nơi, họ xin được diện kiến Aristagoras để xem liệu ông này có thể giúp họ một đạo quân để họ có thể từ cảnh lưu vong trở về bản quán. Còn Aristagoras, nghĩ rằng nếu nhờ sự giúp đỡ của ông những người kia sẽ trở về thành bang của họ, ông ta hẳn sẽ trở thành người cai trị Naxos, đồng thời cũng viện tình khách-hữu của Histiaios làm cớ, đã đề xuất với họ như sau: "Ta không thể cam kết rằng ta có thể cung cấp cho các ngài đủ lực lượng để đưa các ngài trở về từ cảnh lưu vong trái với ý chí của những người Naxos đang nắm quyền cai trị thành bang, vì ta nghe nói rằng Naxos có một đạo quân mạnh với 8.000 thuẫn binh cùng nhiều chiến thuyền. Nhưng ta sẽ nỗ lực hết sức tìm ra một cách, và kế hoạch của ta như sau: Artaphernes tình cờ lại là bạn ta. Ông cũng là con trai Hystaspes và là em của vua Dareios. Ông ấy là người cai quản tất cả các tộc người sống ven bờ biển ở châu Á, với một đạo quân lớn và nhiều chiến thuyền. Ta nghĩ rằng ông ấy sẽ làm bất cứ điều gì chúng ta thỉnh cầu". Nghe tới đây, những người Naxos liền ủy thác cho Aristagoras để thu xếp tốt nhất có thể, rồi họ hứa hẹn với ông này về quà tặng cũng như chi phí cho cuộc viễn chinh, nói rằng họ sẽ trả tiền cho công cuộc này, vì họ kỳ vọng rằng khi họ xuất hiện tại Naxos, người Naxos sẽ làm tất cả những gì họ yêu cầu, và cư dân trên các hòn đảo khác cũng vậy. Vì những hòn đảo này, chính là quần đảo Kyklades, đều chưa thần phục Dareios.

31. Theo thỏa thuận, Aristagoras liền tới Sardis và nói với Artaphernes rằng Naxos là một hòn đảo quả thực không lớn về diện tích, song có phong cảnh đẹp và đất đai màu mỡ, đồng thời cũng nằm gần Ionia, và hòn đảo này rất giàu có và có nhiều nô lệ: "Vậy nên xin điện hạ hãy phái một đạo quân viễn chinh tấn công hòn đảo này, khôi phục quyền cai trị nó cho những người giờ đây đang phải sống lưu vong. Nếu ngài thực hiện điều đó, trước hết thần đã có sẵn ở đây để dâng lên ngài những khoản tiền lớn, bên cạnh những chi phí cần thiết cho cuộc viễn chinh (vì cũng là hợp

lẽ khi chúng tôi, những người tiến hành nó, cần cung cấp những chi phí này), kế đến ngài sẽ giành về cho nhà vua không chỉ Naxos mà cả những hòn đảo phụ thuộc vào nó. Paros, Andros và quần đảo Kyklades; và từ những đảo này điện hạ có thể dễ dàng tấn công Euboia, một hòn đảo lớn và giàu có, trên thực tế cũng lớn bằng đảo Kypros, và rất dễ chinh phục. Để khuất phục tất cả lãnh thổ này, 100 chiến thuyền là đủ". Artaphernes trả lời như sau: "Ngươi đã biến mình trở thành một người báo tin mừng tới cho hoàng gia, và ngươi đã tâu trình sáng suốt trong toàn bộ những việc này, ngoại trừ về số lượng thuyền chiến. Vì thay vì 100 chiếc, sẽ có 200 chiến thuyền được chuẩn bị cho ngươi vào đầu mùa xuân. Và cũng là hợp lẽ nếu nhà vua cũng tán thành việc này".

32. Aristagoras sau khi nghe được những lời này liền rất phấn khởi trở về Miletos. Trong khi đó, Artaphernes, một khi đã cử sứ giả tới Sousa để tâu trình những gì Aristagoras đã nói và đích thân Dareios cũng tán thưởng đề xuất này, đã chuẩn bị sẵn sàng 200 *triereis* cùng một lực lượng đông đảo cả quân Ba Tư lẫn các đồng minh của họ, và giao quyền chỉ huy lực lượng này cho Megabates, một người Ba Tư, một trong các Akhaimenidai, cũng là anh em họ với Artaphernesvà Dareios. Con gái Megabates kết hôn với Pausanias người Lakedaimon, con trai Kleombrotos (ít nhất nếu câu chuyện này đúng), khi ông ta nuôi tham vọng làm chủ cõi Hy Lạp. Sau khi cử Megabates làm chỉ huy, Artaphernes phái đạo quân tới chỗ Aristagoras.

33. Khi Megabates đã hợp quân cùng những người Naxos lưu vong, ông ta dong buồm ra khơi lấy cớ tiến tới eo Hellespontos. Nhưng khi tới Khios, ông ta hướng các chiến thuyền của mình tới Kaukasa để ông ta có thể từ đó tiến tới Naxos theo gió bắc. Thế rồi vì số mệnh đã không định đoạt rằng người Naxos sẽ bị đạo quân viễn chinh này tiêu diệt, một biến cố đã xảy ra như tôi sẽ thuật lại. Khi Megabates đang đi một vòng để kiểm tra các lính canh được bố trí trên một số chiến thuyền, tình cờ lại có một chiến thuyền Myndos không có lính canh. Rất tức giận, Megabates sai cận vệ của mình đi tìm viên chỉ huy chiếc thuyền tên là Skylax, rồi buộc người này vào một lỗ đặt mái chèo trên thuyền của ông ta ở tư thế đầu thò ra ngoài và phần thân bên trong thuyền. Khi Skylax bị trói lại như thế, có người đi báo với Aristagoras rằng Megabates đã trói người bạn của ông này từ Myndos tới và đang hành hạ Skylax. Aristagoras liền tới và yêu cầu Megabates thả người, và vì bị từ chối, ông ta liền đích thân tới cởi trói cho Skylax. Được báo việc này, Megabates vô cùng tức giận và nổi cơn thịnh nộ với Aristagoras, và ông này trả lời: "Ngươi liên can gì đến việc này? Chẳng phải Artaphernes đã phái ngươi tới đây để tuân lệnh ta, và

đưa thuyền tới bất cứ nơi nào ta ra lệnh hay sao? Tại sao ngươi lại can dự vào những điều không liên quan gì tới ngươi?" Aristagoras đã nói như vậy, và Megabates, phẫn nộ trước những lời này, khi đêm đến đã phái người trên một chiếc thuyền tới Naxos để báo cho người Naxos mối nguy hiểm đang đe dọa họ.

34. Người Naxos vốn không hề ngờ rằng cuộc viễn chinh này nhằm tấn công họ, khi họ được thông báo về nó, họ liền di chuyển vào trong tường thành tất cả của cải ở ngoài đồng, chuẩn bị thức ăn nước uống cho một cuộc hãm thành, đồng thời gia cố các bức tường thành. Những người Naxos đã khẩn trương chuẩn bị cho cuộc chiến sắp xảy ra với họ, còn đạo quân viễn chinh sau khi đã đi thuyền từ Khios tới Naxos, liền phát hiện ra cư dân trên đảo đã phòng thủ chu đáo khi họ tấn công, và quân Ba Tư bao vây người Naxos trong bốn tháng. Sau đó, khi người Ba Tư đã tiêu hết tiền họ đem theo, và không chỉ có vậy mà bản thân Aristagoras cũng đã bỏ ra thêm rất nhiều tiền, còn cuộc hãm thành đòi hỏi ngày càng nhiều tiền bạc, người Ba Tư liền xây thành cho những người Naxos lưu vong rồi quay về lục địa mà không có được thành công.

35. Thế là Aristagoras không thể thực hiện được lời hứa của ông ta với Artaphernes, đồng thời ông ta cũng bị áp lực bởi những đòi hỏi yêu cầu ông ta thanh toán các chi phí của cuộc viễn chinh. Lo sợ trước thất bại của cuộc viễn chinh cũng như trước việc ông ta đã trở thành kẻ thù của Megabates, Aristagoras cho rằng ông ta sẽ bị tước quyền trị vì Miletos. Với tất cả những nỗi sợ hãi chất chứa như vậy, ông ta bắt đầu âm mưu nổi loạn. Vì tình cờ đúng vào lúc đó người đàn ông bị xăm trên đầu đã từ chỗ Histiaios tại Sousa tới, đồng nghĩa với việc Aristagoras cần nổi dậy chống lại nhà vua. Vì Histiaios, muốn báo với Aristagoras rằng ông này cần nổi dậy, đã không thể làm được việc này một cách an toàn theo bất cứ cách nào khác, do các con đường đều được canh phòng, ngoài cách cạo trọc đầu người nô lệ trung thành nhất của mình, rồi sau khi đã xăm bằng cách lấy kim châm lên đó, liền đợi cho tóc của người này mọc lại. Ngay khi tóc đã mọc, Histiaios cử người nô lệ tới Miletos, không giao cho người này nhiệm vụ nào khác ngoài việc khi tới Miletos anh ta phải bảo Aristagoras cạo đầu mình rồi đọc những gì được xăm trên đó. Và những ký hiệu được xăm trên đầu anh ta, như tôi đã nói ở trên, có nghĩa là nổi dậy. Histiaios làm việc này vì vô cùng bực tức với việc bị cầm giữ tại Sousa. Ông ta đã rất hy vọng rằng nếu có một cuộc nổi loạn xảy ra, ông ta sẽ được cho trở về vùng bờ biển, trong khi nếu không có thay đổi gì xảy ra tại Miletos, ông ta sẽ không có hy vọng có ngày quay lại đó.

36. Histiaios cử tín sứ đi với mục đích như vậy, và hành động này

lại vô tình diễn ra cùng lúc với những biến cố đã xảy đến cho Aristagoras. Vậy là Aristagoras thương nghị cùng các tâm phúc của mình, cho họ biết cả ý của chính ông ta lẫn thông điệp từ Histiaios, và trong khi tất cả những người khác đều tuyên bố cùng một ý, hối thúc ông ta nổi dậy, thì sử gia Hekataios lại khẩn khoản cho rằng trước nhất họ không nên tuyên chiến với vua Ba Tư, kể ra tất cả các dân tộc dưới quyền cai trị của Dareios, cũng như sức mạnh của nhà vua. Khi Hekataios không thể thuyết phục được Aristagoras, kế đến ông khuyên họ nên giành quyền kiểm soát biển. Ông nói tiếp rằng theo những gì ông có thể thấy, sẽ không còn cách nào khác để thực hiện được điều này, vì ông biết lực lượng của người Miletos rất yếu, nhưng nếu có thể chiếm lấy các bảo khố tại ngôi đền ở Brankhidai, được Kroisos người Lydia dâng lên làm lễ vật, ông rất tin tưởng họ có thể giành quyền chỉ huy trên biển. Và bằng cách này họ không chỉ có sẵn kinh tài trong tay, mà kẻ thù cũng sẽ không thể cướp chúng đi được. Những bảo khố được nhắc tới ở trên có giá trị rất lớn, như tôi đã kể rõ ở phần đầu của khảo cứu. Quan điểm này không được tán thành. Dẫu vậy, họ vẫn quyết tâm nổi dậy, và một người trong số họ sẽ đi thuyền tới Myous để nắm lấy lực lượng trở về từ Naxos đang trú quân tại đó, tìm cách bắt giữ các viên chỉ huy các chiến thuyền.

37. Iatragoras được phái đi làm việc này và đã dùng mưu bắt giữ Oliatos thành Mylasa, con trai Ibanolis; Histiaios thành Termera, con trai Tymnes; Koes con trai Erxandros (người được Dareios ban cho Mytilene); Aristagoras thành Kyme, con trai Herakleides; và nhiều người khác. Rồi sau đó Aristagoras công khai nổi dậy và làm tất cả những gì ông ta có thể để gây tổn hại cho Dareios. Thoạt đầu, ông ta giả vờ từ bỏ tiếm chúa quyền và trao cho Miletos quyền bình đẳng để người Miletos sẵn lòng nổi dậy cùng mình. Sau đó, ông ta thực hiện điều tương tự ở phần còn lại của Ionia. Ông ta đánh đuổi một số tiếm chúa, những người còn lại ông ta bắt giữ trên những chiếc thuyền đã cùng mình tới Naxos, ông trao lại cho những đô thị của chính họ, với hy vọng giành được thiện chí của họ.

38. Người Mytilene, ngay khi nhận lại Koes, liền lôi ông ta ra ném đá đến chết, nhưng người Kyme lại để tiếm chúa của họ đi, và phần lớn các thành phố khác cũng làm như vậy.

Vậy là các tiếm chúa đã bị phế truất ở nhiều thành phố. Aristagoras thành Miletos, sau khi phế truất các tiếm chúa, liền kêu gọi mỗi đô thị bổ nhiệm một nhóm tướng lĩnh, sau đó lên một chiếc *trieres* đến Lakedaimon, vì quả thực ông ta cần phải tìm lấy một đồng minh hùng mạnh.

39. Tại Sparta, Anaxandridas con trai Leon qua đời, và Kleomenes lên ngôi, giành được nó không nhờ sự xứng đáng mà nhờ quyền thế tập. Vì Anaxandridas có vợ là con gái của chị mình, và ông rất yêu quý người vợ này, song bà không sinh được cho ông đứa con nào. Vì vậy, các *ephoroi*[1] liền triệu vị vua tới trước họ và nói: "Nếu ngài không tự mình cân nhắc kịp thời, dòng dõi của Eurysthenes sẽ tuyệt diệt, và chúng tôi không thể chấp nhận để chuyện này xảy ra. Vì vậy ngài hãy bỏ người vợ hiện tại của mình, vì đã không hạ sinh cho ngài dù chỉ một đứa con, và hãy lấy một người vợ khác. Làm như vậy ngài sẽ khiến người Sparta hài lòng". Nhà vua trả lời rằng ông sẽ không làm cả hai việc kể trên, và cho rằng họ đã không dành cho ông một lời khuyên có danh dự khi khuyên ông nên ruồng bỏ người vợ hiện tại của mình, dù bà không làm gì sai trái với ông để ông đưa về một người vợ khác. Tóm lại ông sẽ không làm theo lời khuyên của họ.

---

[1]. Gồm năm thành viên của hội nghị được các công dân bầu hằng năm để cùng chia sẻ quyền lực với hai vua của Sparta.

---

40. Vậy là các *ephoroi* và các nguyên lão cùng nhau cân nhắc kỹ lưỡng và đề nghị với Anaxandridas như sau: "Vì chúng ta nhận thấy rằng ngài nhất quyết gắn bó với người vợ hiện tại của mình, ngài hãy chấp thuận đề nghị này chứ đừng bác bỏ nó, kẻo người Sparta sẽ đưa ra một quyết định nào đó dành cho ngài không như ngài mong muốn. Chúng ta không đòi hỏi ngài phải ruồng rẫy người vợ hiện tại, ngài hãy dành cho bà mọi điều như ngài vẫn làm, song đồng thời hãy rước một người vợ khác về nhà để sinh con cho ngài". Khi họ nói với nhà vua như thế, Anaxandridas ưng thuận và vậy là nhà vua có hai người vợ, một điều không hề đúng theo phong tục Sparta.

41. Không lâu sau đó, người vợ thứ hai sinh ra Kleomenes mà chúng ta đang nói tới. Và đúng lúc người vợ này hạ sinh một người thừa kế cho vương quốc Sparta, người vợ đầu, vốn từ trước đến khi ấy vẫn vô sinh, theo cách nào đó cũng mang thai, và tình cờ lại có thai đúng vào thời gian đó. Và cho dù người vợ này thực sự mang thai, họ hàng của người vợ thứ hai khi nghe tin này đã lớn tiếng chỉ trích bà và nói rằng bà khoe khoang, và rằng bà đang toan tính lấy con người khác rồi nhận làm con mình. Kể từ lúc đó, họ lớn giọng làm ra vẻ phẫn nộ khi thời gian sinh nở nhanh chóng tới gần, các *ephoroi* vì không tin nổi đã ngồi xung quanh và quan sát người phụ nữ trong khi bà sinh con. Và bà sinh ra Dorieus, rồi sau đó mang thai Leonidas và ngay sau đó là Kleombrotos – thậm chí một số người còn nói rằng Kleombrotos và Leonidas là anh em

song sinh. Trái lại, người vợ thứ hai của Anaxandridas, người đã sinh ra Kleomenes, là con gái của Prinetades, con trai Demarmenos, về sau không sinh được thêm người con nào nữa.

42. Người ta kể rằng Kleomenes không hoàn toàn được minh mẫn mà gần như người điên, trong khi Dorieus sánh ngang ông ta về mọi mặt, trước hết là tuổi, và cảm thấy chắc chắn mình sẽ có được vương quốc vì xứng đáng. Bởi vì Dorieus nghĩ như vậy, khi Anaxandridas qua đời và người Lakedaimon theo phong tục lập người con trưởng, tức là Kleomenes, lên ngôi, Dorieus liền bất bình và không nghĩ việc mình phải làm thần tử của Kleomenes là thích hợp, liền yêu cầu người Sparta cho mình một nhóm những người đồng hành rồi dẫn họ đi tìm một nơi định cư mới, không hề tham vấn dự ngôn giả tại Delphoi xem anh ta cần phải đi đến vùng đất nào để lập khu định cư, cũng không hề làm bất cứ điều gì trong những điều vẫn thường được làm. Bất bình, Dorieus ra khơi cùng những chiếc thuyền của mình tới Libya, và ở đó người Thera trở thành hướng đạo cho ông ta. Rồi sau khi tới Kinyps, Dorieus lập nên một khu định cư tại nơi đẹp nhất của vùng Libya, nằm dọc theo bờ sông. Nhưng sau đó, đến năm thứ ba, ông ta bị người Makai, người Libya và người Karkhedon đánh đuổi khỏi nơi đó và trở về Peloponnesos.

43. Sau đó, Antikhares người Eleon đã theo các thần dụ của Laios khuyên Dorieus lập thành Herakleia ở Sikelia, nói rằng toàn bộ vùng Eryx thuộc về các Herakleidai, vì chính Herakles đã giành được nó. Nghe những lời này, Dorieus liền tới ngay Delphoi để tham vấn dự ngôn giả xem liệu ông có thể chinh phục được vùng đất ông sắp hướng tới hay không. Và nữ tư tế Pythia trả lời Dorieus rằng ông sẽ chinh phục được nó. Vì thế Dorieus dẫn theo mình đội quân trước đó ông từng dẫn tới Libya, và du hành dọc theo bờ biển Italia.

44. Vào thời gian này, người Sybaris nói rằng họ và vua Telys của họ sắp sửa gây chiến với Kroton, và người Kroton trong lúc vô cùng hoảng sợ đã đề nghị Dorieus giúp họ và chấp nhận lời thỉnh cầu của họ. Vậy là Dorieus cùng họ tiến hành một cuộc viễn chinh tấn công Sybaris và giúp họ chinh phục Sybaris. Đây là những gì người Sybaris nói về hành trạng của Dorieus và các thuộc hạ, nhưng người Kroton lại nói rằng không có người ngoại quốc nào giúp họ trong cuộc chiến với người Sybaris ngoại trừ Kallias thành Elea, một thầy bói thuộc thị tộc Iamidai, và theo cách như sau: Người ta kể rằng ông ta đã chạy trốn khỏi Telys và đến chỗ người Kroton, khi lễ hiến sinh không cho kết quả thuận lợi về cuộc tấn công Kroton.

45. Đó là những câu chuyện được người ta kể lại, và nhiều người đã đưa ra các bằng chứng thực tế sau đây: Người Sybaris chỉ ra một khu thánh địa và ngôi đền nằm bên lòng sông Krathis đã cạn, nơi họ nói rằng Dorieus, sau khi đã tham gia việc chiếm giữ thành phố, đã dâng lên nữ thần Athena Krathias. Bên cạnh đó, họ coi bản thân cái chết của chính Dorieus cũng là một bằng chứng rõ ràng nếu tính đến việc ông này đã chết vì hành động trái ngược với lời tiên tri được phán truyền cho mình. Vì nếu ông ta không làm những việc như đã làm mà tiếp tục làm theo thần dụ, Dorieus hẳn đã chinh phục được vùng đất Eryx và sau đó đã có thể trở thành chủ nhân của nó, và ông ta cùng đội quân của mình hẳn đã không bị tiêu diệt. Mặt khác, người Kroton tuyên bố rằng trong lãnh thổ của họ có nhiều đất đai được ban làm quà tặng đặc biệt cho Kallias thành Elea mà các hậu duệ của Kallias vẫn tiếp tục sở hữu cho tới tận thời của tôi, trong khi không có gì được ban cho Dorieus hay các hậu duệ của Dorieus. Trong khi nếu quả thực Dorieus đã giúp họ chiến thắng người Sybaris, theo lời họ nói ông ta hẳn đã được ban thưởng gấp nhiều lần so với những gì đã được ban cho Kallias. Đây là những bằng chứng mà hai phía đưa ra, và chúng ta có thể tán thành bên nào chúng ta cho là đáng tin cậy.

46. Cùng lên đường với Dorieus còn có những người Sparta khác để trở thành những người đồng sáng lập khu định cư mới với ông này, đó là Thessalos, Paraibates, Keleas và Euryleon. Những người này khi tới Sikelia cùng toàn bộ đạo quân của họ đã bị giết chết khi bại trận dưới tay người Phoinike và người Egesta. Euryleon là người duy nhất sống sót được sau tai họa này. Ông ta sau đó tập hợp những người còn sống sót của đội quân viễn chinh đến chiếm thực dân địa Minoa của Selinous, rồi giúp người Selinous thoát khỏi tiếm chúa Peithagoras của họ. Tiếp theo, sau khi đã phế truất ông ta, Euryleon trở thành tiếm chúa Selinous và cai trị trong thời gian ngắn, vì người Selinous đã nổi dậy và giết chết ông ta, cho dù Euryleon đã chạy tới lánh nạn trong điện thờ Zeus Agoraios.

47. Đồng hành và chết cùng Dorieus còn có Philippos con trai của Boutakides, một người Kroton. Sau khi hứa hôn với con gái của Telys thành Sybaris, ông bị trục xuất. Thất vọng với cuộc hôn nhân này, Philippos đã đi thuyền tới Kyrene, rồi lại ra khơi cùng Dorieus trên chiếc *trieres* của riêng mình, đích thân chu cấp cho thủy thủ đoàn. Philippos từng là người chiến thắng tại hội thi Olympia, và là người đàn ông tuấn tú nhất trong những người Hy Lạp sống vào thời của mình. Vẻ đẹp của Philippos đã được Egesta vinh danh, điều chưa ai khác từng nhận được; và họ đã dựng một ngôi đền anh hùng trên mộ Philippos, và cho tới giờ vẫn dâng lễ hiến sinh cho ông.

48. Dorieus đã kết thúc cuộc đời như thế. Song nếu ông cam chịu làm thần tử của Kleomenes và ở lại Sparta, hẳn ông đã trở thành vua Lakedaimon, vì Kleomenes cai trị không được bao lâu thì qua đời, không để lại người con trai nào kế vị mà chỉ có một người con gái tên là Gorgo.

49. Tuy nhiên, Aristagoras tiếm chúa Miletos đã tới Sparta trong khi Kleomenes còn đang trị vì và hội kiến với vị vua này, đem theo mình một tấm bảng thanh đồng, theo lời kể của người Lakedaimon trên đó có khắc một tấm địa đồ của toàn thế giới, với tất cả biển và sông. Và khi hội kiến với Kleomenes, Aristagoras nói với vua Sparta: "Hỡi Kleomenes, hãy đừng nghi ngờ sự thành tâm của ta khi tới đây, vì tình thế như sau: Con trai của những người Ionia phải làm nô lệ thay vì được tự do quả thực là một sự trách cứ và một nỗi phiền muộn cho tất cả chúng ta, với ngài hơn với bất cứ ai khác, vì ngài là thủ lĩnh của Hy Lạp. Vì thế, giờ đây nhân danh các vị thần Hy Lạp, ta khẩn cầu ngài hãy giải thoát người Ionia khỏi kiếp nô lệ, những đồng bào của ngài. Và ngài có thể dễ dàng thực hiện được điều này vì các man tộc không hề can đảm trong chiến đấu, trong khi các ngài đã đạt tới đỉnh cao danh tiếng về chiến trận. Cách chiến đấu của chúng là bằng cung tên và một cây giáo ngắn, và chúng xung trận mặc quần và vấn khăn. Vậy nên đánh bại chúng là việc dễ dàng. Thêm nữa, chúng chiếm cứ lục địa có những của cải nhiều tới mức tất cả dân tộc khác trên thế gian gộp lại cũng không sánh bằng. Trước hết là vàng, rồi sau đó là bạc, thanh đồng, y phục được thêu thùa, súc vật thồ và nô lệ. Tất cả những thứ đó ngài có thể đoạt lấy cho mình nếu muốn. Thêm nữa, các dân tộc tọa lạc theo thứ tự như ta sẽ nói sau đây: Những người Ionia ở đây, kế bên họ là người Lydia, những người không chỉ cư trú ở một vùng đất phì nhiêu mà cũng chứa rất nhiều vàng và bạc" – vừa nói ông ta vừa chỉ lên tấm địa đồ mặt đất được khắc trên tấm bảng mà ông ta mang theo mình – "và ở đây, kế bên người Lydia", Aristagoras nói tiếp, "là người Phrygia, những người vừa có nhiều cừu và gia súc nhất trong tất cả các tộc người ta biết, vừa có những vụ mùa bội thu nhất. Kế tiếp người Phrygia là người Kappadokia, được chúng tôi gọi là người Syria. Chung biên giới với họ là người Kilikia, cư trú xuống tới tận vùng biển này, nơi đảo Kypros tọa lạc. Và những người này cống nạp 500 *talanta* hằng năm cho vua Ba Tư. Kế tiếp người Kilikia là người Armenia, mà ngài có thể thấy ở đây, những người này cũng có rất nhiều cừu và bò. Kế bên người Armenia là người Matienoi chiếm cứ vùng đất ở đây; rồi bên cạnh họ là vùng đất Kissia ở đây, trên vùng đất này, bên bờ sông Khoaspes tọa lạc thành phố Sousa, nơi vua Ba Tư vĩ đại định đô, và cũng là nơi tiền bạc được cất giữ

trong các bảo khố. Sau khi ngài đã chiếm thành phố này, ngài có thể can đảm mà ganh đua với Zeus về sự sung túc. Nhưng có thể nào bản thân ngài cảm thấy bị ràng buộc phải gánh vác rủi ro của những trận đánh chống lại người Messenia, người Arkadia và người Argos, những người ngang tài ngang sức với ngài, vì những vùng đất chẳng rộng cũng chẳng phì nhiêu, cho những lãnh thổ bé nhỏ, trong khi những tộc người này chẳng có vàng hay bạc, chỉ vì khao khát thúc đẩy người ta chiến đấu và chết. Liệu có thể nào là như vậy, và ngài sẽ chọn một con đường nào khác vào lúc này, trong khi ngài có thể dễ dàng giành quyền cai trị toàn châu Á?"

Kleomenes trả lời ông ta như sau: "Hỡi vị khách từ Miletos, ta sẽ trì hoãn trả lời ngài tới ngày kia".

50. Họ đã nói xa đến vậy vào lúc đó.

Khi ngày hẹn cho câu trả lời đến, hai người tới nơi hẹn, Kleomenes liền hỏi Aristagoras phải mất bao nhiêu ngày đường từ vùng biển của người Ionia tới nơi vua Ba Tư đóng đô. Aristagoras, người về những mặt khác đã hành xử khôn ngoan và đánh lừa được Kleomenes, ở đây lại phạm sai lầm: Vì trong khi đáng lẽ ông ta không nên nói cho vua Sparta biết sự thật, ít nhất nếu ông ta muốn đưa người Sparta tới châu Á, trên thực tế ông ta đã trả lời rằng đó là một chuyến đi kéo dài ba tháng kể từ bờ biển. Và Kleomenes liền cắt ngang phần còn lại của lời kể mà Aristagoras bắt đầu đưa ra, nói rằng: "Hỡi vị khách từ Miletos, hãy rời khỏi Sparta trước khi mặt trời lặn. Vì ngài đã nói một lời không hề hợp tai những người Lakedaimon khi mong muốn kéo họ vào một cuộc hành trình kéo dài ba tháng từ bờ biển".

51. Nói xong, Kleomenes liền quay về nhà mình, song Aristagoras đã cầm cành ô-liu và tới nhà Kleomenes. Rồi sau khi đã vào nhà như một kẻ cầu xin, ông ta đề nghị để các con của Kleomenes đi chỗ khác và lắng nghe ông ta. Vì lúc ấy Gorgo, con gái của Kleomenes và cũng là người con duy nhất của ông này, khoảng tám hay chín tuổi, đang đứng bên cạnh cha. Tuy nhiên, Kleomenes bảo Aristagoras hãy nói ra những gì ông ta muốn nói và không dừng lại vì đứa trẻ. Sau đó Aristagoras liền hứa tặng tiền cho Kleomenes, bắt đầu từ 10 *talanta*, nếu Kleomenes chịu thực hiện điều ông ta đề nghị. Khi Kleomenes từ chối, Aristagoras tiếp tục tăng số tiền đề nghị, cho tới cuối cùng ông ta đã nâng lên tới 50 *talanta*, vào khoảnh khắc đó đứa trẻ la lên: "Cha, kẻ lạ mặt này sẽ làm hại cha nếu cha không rời đi". Khi đó, Kleomenes, rất hài lòng với lời khuyên của con gái, liền đi sang một căn phòng khác, còn Aristagoras đành rời hẳn khỏi Sparta, và không có cơ hội để

giải thích nhiều hơn về con đường từ biển tới kinh đô của vua Ba Tư.

52. Về con đường này, thực tế là: Ở khắp nơi đều có các dịch trạm hoàng gia và những nhà nghỉ chất lượng tốt, và toàn bộ con đường chạy qua vùng có cư dân và an toàn. Qua vùng Lydia và Phrygia có 20 dịch trạm, trải dài 94.5 *parasangai*. Sau vùng Phrygia đến sông Halys, tại đó có một cửa ải mà người ta cần phải đi qua để qua sông, và ở đây có một đồn binh mạnh được thiết lập. Sau khi qua sông sang vùng Kappadokia, có 28 dịch trạm trên quãng đường dài 104 *parasangai* chạy tới biên giới Kilikia. Tại biên giới Kilikia ta sẽ đi qua hai cửa ải và hai đồn binh. Sau khi đã qua hai cửa ải này có ba dịch trạm trên quãng đường dài 15.5 *parasangai*, chạy qua vùng Kilikia. Tại biên giới giữa Kilikia và Armenia có một con sông thuyền có thể di chuyển được tên là Euphrates. Tại Armenia, số lượng dịch trạm với nhà nghỉ là 15, quãng đường dài 56.5 *parasangai*, và có một đồn binh trên đường. Tiếp theo, từ Armenia, khi người ta tới vùng đất Matiene, có 34 dịch trạm trên quãng đường dài 137 *parasangai*, và có bốn dòng sông thuyền có thể di chuyển chảy qua vùng đất này, và chỉ có thể qua sông nhờ những chiếc phà, thứ nhất là sông Tigris, rồi đến con sông thứ hai và thứ ba được gọi bằng cùng một tên, dù chúng không phải cùng một dòng sông và cũng không chảy từ cùng một khu vực (vì con sông thứ nhất trong hai sông này chảy từ vùng Armenia, còn con sông thứ hai từ vùng Matiene), và con sông thứ tư được gọi là Gyndes, cũng chính là dòng sông từng bị Kyros chia thành 360 dòng kênh. Sau đó là đến vùng đất Kissia, tại đây có 11 dịch trạm trên quãng đường dài 42.5 *parasangai* dẫn tới sông Khoaspes, cũng là một dòng sông thuyền đi lại được, và thành Sousa được xây dựng bên cạnh dòng sông này. Số lượng các dịch trạm tổng cộng là 111.

53. Kể trên là số lượng dịch trạm với nhà nghỉ khi người ta hành trình từ Sardis tới Sousa, và nếu đường hoàng gia được đo đạc chính xác theo *parasangai*, và nếu mỗi *parasanges* tương ứng với 30 *stadia* (và hẳn là như vậy), chiều dài tính theo *stadia* của con đường từ Sardis tới cung điện Memnon là 13.500, còn tính theo *parasangai* là 450. Vậy nên nếu một người đi 150 *stadia* mỗi ngày, sẽ mất 90 ngày để đi hết con đường.

54. Vì thế Aristagoras đã nói chính xác khi ông ta nói với Kleomenes người Lakedaimon rằng cuộc hành trình từ biển tới kinh đô của vua Ba Tư sẽ kéo dài ba tháng. Nhưng nếu ai đó yêu cầu một tính toán còn chính xác hơn tính toán kể trên, tôi cũng sẽ cung cấp cho người ấy. Vì rằng chúng ta nhất định phải tính thêm

đến độ dài của con đường từ Ephesos tới Sardis, và theo đó tôi xin nói rằng tổng độ dài con đường tính theo *stadia* từ biển Hy Lạp tới Sousa (vì thành phố của Memnon được gọi theo cái tên này) là 14.040 *stadia*, vì con đường từ Ephesos tới Sardis dài 540 *stadia*, như vậy cuộc hành trình dài ba tháng sẽ bị kéo dài thêm ba ngày.

55. Sau khi bị trục xuất khỏi Sparta, Aristagoras liền tới Athenai, thành phố đã được giải thoát khỏi sự cai trị của các tiếm chúa theo cách tôi sẽ kể.

Hipparkhos con trai Peisistratos và là em trai của tiếm chúa Hippias, sau khi được một giấc mơ cảnh báo về số phận, đã bị Aristogeiton và Harmodios vốn là hậu duệ của người Gephyraioi sát hại, người Athenai tiếp tục bị cai trị theo cách không hề bớt chuyên chế mà thậm chí còn hơn trước đó.

56. Giấc mơ mà Hipparkhos đã mơ thấy như sau: Vào đêm trước lễ hội Panathenaia, Hipparkhos mơ thấy một người đàn ông tới đứng bên cạnh mình, một người cao lớn, đẹp đẽ, người này nói với ông ta những câu thơ bí hiểm sau đây:

> Hỡi sư tử, hãy cam chịu nỗi đau khổ không thể chịu nổi,
> với trái tim bền bỉ;
>
> Kẻ tội đồ sẽ không bao giờ thoát khỏi hình phạt cho tội lỗi của hắn.

Ngay khi trời sáng, Hipparkhos kể với những người giải mộng, nhưng rồi gạt sang bên suy nghĩ về điềm báo của nó và bắt đầu tham gia vào nghi lễ mà trong khi tiến hành nó ông ta đã mất mạng.

57. Người Gephyraioi, trong đó có những người đã sát hại Hipparkhos, theo chính lời kể của họ, vốn có nguồn gốc từ Eretria, nhưng như tôi phát hiện khi khảo cứu, họ là người Phoinike đã đi cùng Kadmos tới vùng đất ngày nay được gọi là Boiotia, và họ cư trú ở vùng Tanagra, được họ giành lấy cho mình. Sau đó, khi những người đi cùng Kadmos lần đầu tiên bị người Argos đánh đuổi, những người Gephyraioi này kế đến đã bị người Boiotia đánh bại rồi quay sang Athenai, và người Athenai đón nhận họ để họ trở thành công dân Athenai với một số điều kiện, đưa ra những quy định rằng họ sẽ bị loại khỏi một số điều không đáng nhắc tới ở đây.

58. Khi người Phoinike đi cùng Kadmos, trong đó có người Gephyraioi, mang tới cho cộng đồng Hy Lạp nhiều kỹ nghệ khi họ

định cư ở vùng đất Boiotia này, nhất là chữ viết, vốn chưa tồn tại ở các tộc người Hy Lạp trước thời kỳ này như tôi nhận thấy. Thoạt đầu họ mang đến thứ chữ viết được người Phoinike sử dụng chung, nhưng sau đó, theo thời gian, cùng với thay đổi về tiếng nói, họ cũng thay đổi cả hình dạng của chữ viết. Trong thời gian này, người Ionia là tộc người Hy Lạp sống gần nơi người Phoinike định cư hơn cả. Và những người Ionia này, sau khi đón nhận chữ viết theo sự chỉ dẫn của người Phoinike, đã thay đổi ít nhiều và sử dụng chúng; khi làm vậy họ tuyên bố rằng thứ chữ viết này được gọi là "chữ cái Phoinike" như đáng phải gọi, vì chính người Phoinike đã giới thiệu thứ chữ viết này vào Hy Lạp. Cũng những người Ionia từ thời cổ xưa đã gọi giấy là "da", vì trước đó giấy khan hiếm, họ đã sử dụng da dê và da cừu; và cho tới tận thời của tôi, nhiều man tộc vẫn viết trên những tấm da như thế.

59. Chính tôi đã từng một lần trông thấy các ký tự của Kadmos trong ngôi đền Apollon Ismenios tại Thebai của người Boiotia, được khắc trên một số chiếc giá ba chân, và về mọi khía cạnh chúng giống với các chữ cái Ionia. Trên một trong những giá ba chân này có khắc dòng chữ:

> Amphitryon dâng ta từ chiến lợi phẩm của người Teleboai.

Dòng chữ này hẳn thuộc về cùng thời kỳ với Laios con trai Labdakos, cháu Polydoros, chắt Kadmos.

60. Một chiếc giá ba chân khác có dòng khắc như sau bằng thơ lục bộ cách:

> Người đấu quyền Skaios, chiến thắng trong cuộc thi, dâng ta
>
> Lên Apollon viễn-xạ, một lễ vật tuyệt đẹp.

Skaios hẳn là con trai của Hippokoon (chí ít nếu thực sự ông ta là người dâng lễ vật này, chứ không phải là một người khác cùng tên với con trai của Hippokoon), người sống cùng thời với Oidipous, con trai Laios.

61. Và chiếc giá ba chân thứ ba, cũng có khắc những câu thơ lục bộ cách:

> Đích thân Laodamas dâng lên ngài chiếc giá ba chân này,
>
> Hỡi Apollon viễn-kiến, một lễ vật tuyệt đẹp.

Vào thời trị vì của Laodamas này, con trai của Eteokles, mà các Kadmeioi bị người Argos đánh đuổi và đến vùng đất của người Enkheleis. Người Gephyraioi, khi đó bị bỏ lại, về sau đã bị người Boiotia ép phải lui về Athenai. Thêm nữa, họ đã dựng lên những ngôi đền tại Athenai, những công dân khác của Athenai không hề tham gia xây dựng, và ngoài những ngôi đền rất dị biệt với những ngôi đền còn lại ở Athenai, đặc biệt còn có một ngôi đền Demeter Akhaiia và tổ chức nghi thức bí mật của nữ thần.

62. Đến giờ tôi đã kể lại giấc mơ của Hipparkhos, cũng như xuất thân của người Gephyraioi, tộc người sinh ra những kẻ đã giết Hipparkhos, và thêm vào đó tôi cần tóm lược lại và tiếp tục câu chuyện tôi vốn sắp kể ban đầu, về việc làm thế nào người Athenai thoát khỏi các tiếm chúa. Khi Hippias là tiếm chúa và trị vì người Athenai một cách hà khắc vì cái chết của Hipparkhos, các Alkmaionidai, thuộc nòi giống Athenai và phải lẩn trốn khỏi các con trai của Peisistratos, vì họ không thành công trong nỗ lực kết hợp với những người Athenai lưu vong khác để trở về nước bằng vũ lực mà gặp phải thảm họa khi tìm cách trở về để giải phóng Athenai, sau khi đã củng cố vững chắc Leipsydrion nằm ở phía trên Paionia, vẫn tiếp tục nghĩ ra mọi cách để chống lại các con trai của Peisistratos. Họ giao ước với các Amphiktyones để xây dựng và hoàn tất ngôi đền tại Delphoi, chính là ngôi đền tồn tại ngày nay nhưng thời đó còn chưa được xây dựng. Vốn giàu có và là những người có danh vọng ngay từ thời cổ xưa, họ hoàn tất ngôi đền với hình thức còn đẹp hơn theo kế hoạch, nhất là với việc sau khi đã đồng ý xây ngôi đền bằng đá vôi thường, họ đã xây mặt tiền ngôi đền bằng đá cẩm thạch Paros.

63. Sau đó, như người Athenai kể, khi những người này đã định cư tại Delphoi liền hối lộ nữ tư tế Pythia để bất cứ khi nào người Sparta đến tham vấn dự ngôn giả, cho dù những người này đến vì công vụ hoặc với tư cách cá nhân, nữ tư tế đều bảo họ giải phóng Athenai. Vì vậy người Lakedaimon, vì trong tất cả các dịp đều nhận được cùng câu trả lời, liền cử Ankhimolios con trai của Aster, là người có danh vọng trong các công dân của họ, cùng một đạo quân đi đánh đuổi các Peisistratidai khỏi Athenai, cho dù những người này có quan hệ rất gần gũi với họ nhờ tình khách-hữu, vì họ coi ý nguyện của những vị thần phải được đặt trên ý nguyện của con người, và họ phái đạo quân này đi bằng thuyền theo đường biển. Ankhimolios, sau khi cập bờ tại Phaleron, liền cho quân đổ bộ. Song các con trai của Peisistratos, đã được báo trước việc này, liền mời một đạo quân phụ trợ từ Thessalia tới giúp đỡ, vì họ đã liên minh với người Thessalia. Và người Thessalia, theo lời đề nghị, liền thông qua nghị quyết của công

chúng cử đi 1.000 kỵ binh được chỉ huy bởi vua của họ là Kineas thành Kondia. Có được lực lượng này làm đồng minh, các con trai của Peisistratos liền nghĩ kế như sau: Họ chặt hạ cây ở vùng đồng bằng Phaleron để khu vực này trở nên phù hợp cho kỵ binh cưỡi ngựa qua, rồi sau đó phái kỵ binh tấn công doanh trại địch, các kỵ sĩ này ập vào doanh trại Sparta và giết chết chính Ankhimolios cùng rất nhiều người Lakedaimon khác. Còn những người Lakedaimon sống sót phải chạy trốn lên thuyền của họ. Đó là kết cục cuộc viễn chinh thứ nhất của người Lakedaimon, và nơi chôn cất Ankhimolios là ở Alopekai tại Attika, gần ngôi đền Herakles tại Kynosarges.

64. Sau thất bại này, người Lakedaimon tổ chức một lực lượng viễn chinh lớn hơn tấn công Athenai, và để chỉ huy đạo quân, họ chỉ định vua của họ, Kleomenes con trai Anaxandridas, và lần này phái đạo quân đi không phải theo đường biển mà là đường bộ. Khi đạo quân này tấn công vào vùng đất Attika, thoạt đầu kỵ binh Thessalia xung trận. Lực lượng này nhanh chóng bị đánh bại, và hơn 40 người của họ tử trận tại đó, vậy là những người còn sống sót rời đi không giao chiến gì thêm và quay thẳng về Thessalia. Sau đó Kleomenes tiến vào thành phố cùng những người Athenai mong muốn được tự do, và bắt đầu bao vây các tiếm chúa đang cố thủ trong tường thành Pelasgikon.

65. Người Lakedaimon đáng lẽ sẽ không bao giờ trục xuất được các Peisistratidai, vì họ không hề chuẩn bị để thực hiện một cuộc vây hãm kéo dài, còn phía bên kia lại có đầy đủ lương thực và nước uống, vì thế đáng lẽ họ đã lui quân trở về Sparta chỉ sau vài ngày vây hãm đối phương. Nhưng trên thực tế vào đúng lúc ấy đã xảy ra một chuyện không may cho những kẻ cố thủ, đồng thời lại trợ giúp cho những người vây hãm, vì con cái của các Peisistratidai đã bị bắt trong khi được bí mật đưa khỏi vùng đất. Khi chuyện này xảy ra, mọi mối quan tâm của họ đều bị gạt sang bên, và họ đầu hàng để được nhận lại các con theo những điều kiện người Athenai mong muốn, cụ thể là họ phải rời khỏi Attika trong vòng năm ngày. Sau biến cố này họ rời khỏi vùng và tới Sigeion tại Skamandros, sau khi gia đình họ đã trị vì người Athenai trong 36 năm. Họ cũng có nguồn gốc từ Neleus thành Pylos[1], có cùng tổ tiên như gia tộc của Kodros và Melanthos, những người trước đó từng trở thành vua Athenai vốn là người ngoại quốc đến định cư. Cũng từ nguồn gốc ấy mà Hippokrates đã đặt tên con trai mình là Peisistratos theo Peisistratos con trai của Nestor để tưởng niệm. Người Athenai đã giành được tự do, thoát khỏi các tiếm chúa như vậy.

[1]. Một địa điểm ở Messenia, nằm ở bờ biển phía tây nam bán đảo Peloponnesos.

Những gì đáng kể mà họ đã làm được hay phải chịu đựng kể từ khi tự do cho tới khi người Ionia nổi dậy chống lại Dareios và Aristagoras người Miletos tìm tới Athenai để nghị giúp đỡ, tôi sẽ thuật lại sau đây, trước khi đi xa hơn.

66. Athenai, vốn đã lớn mạnh từ trước thời kỳ này, sau khi đã thoát khỏi ách cai trị của các tiếm chúa, còn lớn mạnh hơn. Và tại đây hai người thực thi quyền lực gồm Kleisthenes, một Alkmaionides, cũng là người được cho là đã hối lộ nữ tư tế Pythia, và Isagoras con trai Tisandros, thuộc về một gia tộc rất danh giá, nhưng tôi không thể nói rõ được gốc gác của người này, tuy nhiên họ hàng của ông đã dâng lễ hiến sinh lên Zeus Karios. Những người này tham dự vào xung đột phe phái để tranh giành quyền lực, và khi Kleisthenes thua trong cuộc tranh đấu, ông ta liền đứng về phía dân chúng. Sau thời kỳ này, ông ta chia người Athenai thành 10 bộ lạc, trong khi trước đó họ chỉ có bốn bộ lạc. Ông ta cũng thay thế những tên gọi cũ, theo đó các bộ lạc được gọi tên theo các con trai của Ion, cụ thể là Geleon, Aigikores, Argades và Hoples, rồi nghĩ ra cho họ những tên gọi mới lấy từ tên của các vị anh hùng khác, tất cả đều là người Athenai ngoại trừ Aias, người ông ta thêm vào với tư cách một người láng giềng và đồng minh, cho dù vị anh hùng này không phải là người Athenai.

67. Trong chuyện này, theo tôi, Kleisthenes đã bắt chước ông ngoại Kleisthenes, tiếm chúa của Sikyon.

Vì Kleisthenes, sau cuộc chiến với Argos, trước hết đã cho dừng cuộc thi của các ngâm du thi sĩ tại Sikyon, cuộc thi vốn liên quan tới các thi phẩm của Homeros, vì người Argos cũng như thành Argos gần như luôn được ca ngợi trong các thi phẩm đó. Kế đến, bởi vì vào thời ấy (và bây giờ vẫn vậy) ở khu chợ tại Sikyon có một ngôi đền thờ vị anh hùng Adrastos con trai của Talaos, Kleisthenes đã mong muốn loại Adrastos khỏi lãnh thổ của mình, vì vị anh hùng này là một người Argos. Vậy là sau khi tới Delphoi, ông ta hỏi ý dự ngôn giả rằng liệu mình có nên loại bỏ Adrastos hay không, và nữ tư tế Pythia đã trả lời rằng Adrastos là vua của người Sikyon, trong khi ông ta là một kẻ gây phiền toái cho họ. Và vì các vị thần không cho phép ông ta làm điều đó, ông ta liền trở về nhà và cân nhắc xem làm cách nào để có thể khiến Adrastos tự bị đưa khỏi lãnh thổ của mình. Khi cho rằng đã tìm ra cách, ông ta phái người tới Thebai ở Boiotia và nói rằng ông ta muốn đưa vào thành phố của mình Melanippos con trai Astakos, và người

Thebai đã cho phép ông ta. Vậy là Kleisthenes đưa Melanippos vào thành phố của mình, và dành cho vị anh hùng này một thánh địa bên trong khuôn viên của Thị chính sảnh, rồi cho thờ phụng tại vị trí trang trọng nhất. Kleisthenes đưa Melanippos về (đây là điều tôi cũng nhất thiết phải thuật lại) bởi vì vị anh hùng này là kẻ thù lớn nhất của Adrastos, ông đã giết cả em trai Mekistes lẫn con rể Tydeus của Adrastos, và khi Kleisthenes lập ra một thánh địa cho Melanippos, ông ta cũng lấy đi các lễ hiến sinh và ngày hội của Adrastos và dành chúng cho Melanippos. Người Sikyon vốn có truyền thống tôn thờ Adrastos với những nghi lễ rất trang trọng, vì vùng đất này trước đây là lãnh thổ của Polybos, và Adrastos là con trai của con gái Polybos. Khi Polybos qua đời không có con trai đã để lại vương quốc của mình cho Adrastos, nhưng cũng vì tôn kính những thống khổ của vị anh hùng, người ta đặc biệt ca tụng ông bằng những bài đồng ca bi thương, không ca tụng Dionysos mà ca tụng Adrastos. Tuy nhiên, Kleisthenes đã trả lại các dàn hợp xướng cho Dionysos, còn những nghi lễ khác đi kèm ông ta trao sang cho Melanippos.

68. Ông ta đã làm như vậy với Adrastos.

Kleisthenes cũng thay đổi tên của các bộ lạc Doris nhằm khiến người Sikyon không thể có cùng tên bộ lạc như người Argos. Trong việc này ông ta tỏ ra cực kỳ khinh miệt người Sikyon, vì những cái tên ông ta đặt là những cái tên của một con lợn và một con lừa chỉ được thay đổi âm tiết cuối, ngoại trừ trường hợp bộ lạc của chính ông ta, được Kleisthenes chọn một cái tên lấy từ chính sự trị vì của ông ta. Bộ lạc sau cùng này được đặt tên là Arkhelai, trong khi những bộ lạc còn lại được gọi là Hyatai, Oneatai và Khoireatai. Những tên gọi bộ lạc này được người Sikyon dùng không chỉ dưới thời trị vì của Kleisthenes, mà cả trong 60 năm sau khi ông ta chết. Sau đó, người Sikyon đã xem xét lại vấn đề này và đổi tên các bộ lạc của mình thành Hylles, Pamphyloi và Dymanatai, rồi thêm vào một bộ lạc thứ tư, được họ đặt tên là Aigiales theo tên của Aigialeus con trai Adrastos.

69. Đó là điều Kleisthenes người Sikyon đã làm, và Kleisthenes người Athenai, người cháu được đặt tên giống ông ngoại, là người rất khinh miệt những người Ionia, vì ông ta là người Doris, đã bắt chước người ông cùng tên Kleisthenes, khiến cho người Athenai không có cùng các bộ lạc như người Ionia. Vì vào thời kỳ chúng ta đang nói tới, ông ta thêm vào phe của mình toàn bộ số thường dân Athenai ông ta vốn khinh miệt trước đó, ông ta đổi tên các bộ lạc và làm số lượng các bộ lạc tăng lên. Quả thực, Kleisthenes đã chỉ định 10 *phylarkhoi*[1] thay vì bốn như ban đầu, và sáp nhập 10

demoi[2] vào mỗi bộ lạc, và sau khi thêm số lượng thường dân vào phe của mình, ông ta chiếm ưu thế hơn so với các đối thủ.

---

1. Thủ lĩnh bộ lạc. (BT)

2. Trong tiếng Hy Lapk, *demos* (sn: *demoi*) nghĩa là "làng", nhưng được Kleisthenes dùng để chỉ các đơn vị lãnh thổ của Attika, gồm cả những phần của chính thành Athenai. (BT)

---

70. Sau khi bị đánh bại, Isagoras lập mưu chống lại Kleisthenes. Ông cho mời Kleomenes người Lakedaimon, vốn là khách-hữu của mình trong đợt vây hãm các Peisistratidai, đến giúp mình. Thêm nữa, Kleomenes còn bị cáo buộc đã tư thông với vợ Isagoras. Kleomenes trước hết liền phái một sứ giả tới Athenai yêu cầu trục xuất Kleisthenes cùng nhiều người Athenai khác, nói rằng họ là những người bị nguyền rủa. Thông điệp này được Kleomenes gửi tới theo đề xuất của Isagoras, vì các Alkmaionidai và phe của họ bị buộc tội sát nhân mà chúng ta sẽ nói rõ sau, trong khi Isagoras và bạn bè của mình không hề can dự vào hành động này.

71. Những người "bị nguyền rủa" tại Athenai được gọi như vậy vì nguyên do như sau: Có một người Athenai tên là Kylon, người đã giành thắng lợi trong các hội thi Olympia. Người này xử sự hết sức kiêu ngạo, muốn trở thành tiếm chúa, rồi sau khi đã tập hợp một nhóm người đồng trang lứa, anh ta tìm cách chiếm Akropolis. Tuy nhiên, sau khi không thể chiếm được nơi này, anh ta đã ngồi xuống như một kẻ cầu xin trước tượng nữ thần. Những người này bị điệu đi khỏi nơi lánh nạn của họ bởi các thủ lĩnh của *naukrariai*, khi đó đang đảm đương công vụ tại Athenai, với điều kiện họ sẽ bị chịu bất cứ hình phạt nào ngoại trừ tử hình, và các Alkmaionidai bị cáo buộc là đã xử tử họ. Chuyện này đã xảy ra trước thời Peisistratos.

72. Khi Kleomenes yêu cầu trục xuất Kleisthenes và những người bị nguyền rủa, bản thân Kleisthenes đã rời đi. Tuy nhiên, Kleomenes xuất hiện ở Athenai với một đội quân nhỏ, và sau khi tới nơi ông ta tiến hành trục xuất 700 gia đình Athenai bị nguyền rủa, đây là những người Isagoras đã đề xuất với ông ta. Xong việc này, Kleomenes liền tiến hành giải thể Hội nghị 500 người, và giao phó các chức vụ vào tay 300 người ủng hộ Isagoras. Tuy nhiên, Hội nghị 500 người đã phản kháng, và khi họ không chấp nhận quy phục, Kleomenes cùng Isagoras và những người ủng hộ ông ta liền chiếm Akropolis. Sau đó, những người Athenai còn lại liền nhất trí tập hợp để vây hãm họ trong hai ngày. Đến ngày thứ ba, tất cả những kẻ bị vây hãm là người Lakedaimon rời khỏi Athenai

theo một thỏa thuận đình chiến. Vậy là lời cảnh báo cho Kleomenes trở thành hiện thực: Vì khi ông ta tiến lên Akropolis với ý định chiếm giữ nó, nhà vua đã tới thánh địa của nữ thần Athena để cầu khẩn nữ thần, nhưng vị nữ tư tế đứng dậy khỏi chỗ ngồi của bà từ trước khi Kleomenes bước qua ngưỡng cửa và nói rằng: "Gã Lakedaimon lạ mặt, hãy quay về và chớ bước vào đền. Người Doris không được phép vào đây". Kleomenes nói: "Mụ kia, ta không phải là người Doris mà là người Akhaia". Sau đó, không hề để tâm đến lời tiên tri báo điềm dữ, ông ta vẫn thử sức để rồi lại bị đuổi đi cùng những người Lakedaimon. Nhưng những người Athenai trong số người bị vây hãm đều bị trói lại và xử tử, trong đó có Timesitheos người Delphoi, về nhân vật này tôi có thể kể ra những kỳ công lớn lao về sức mạnh và sự dũng cảm mà ông ta đã thể hiện.

73. Sau khi những người kể trên bị trói lại và xử tử, người Athenai lại mời Kleisthenes trở về, cũng như 700 gia đình đã bị Kleomenes trục xuất. Rồi họ phái sứ giả tới Sardis, mong muốn liên minh với người Ba Tư, vì họ cho rằng người Lakedaimon và Kleomenes rõ ràng đã trở thành kẻ thù của họ. Khi các sứ giả này đã tới Sardis và tâu lại những gì họ được lệnh nói, Artaphernes con trai Hystaspes, tỉnh trưởng Sardis, liền hỏi những người đề nghị liên minh với Ba Tư này là ai, và sống ở đâu. Sau khi nghe được câu trả lời, ông ta liền trả lời họ như sau, nói rằng nếu người Athenai sẵn sàng dâng đất và nước lên Dareios, nhà vua sẽ sẵn lòng liên minh với họ, nhưng nếu không, ông ta yêu cầu họ hãy rời đi. Và các sứ giả liền tự quyết, trả lời rằng họ sẵn sàng làm như vậy, vì họ mong muốn liên minh. Các sứ giả này khi hồi hương đã hứng chịu chỉ trích nặng nề.

74. Trong khi đó Kleomenes, nghĩ rằng mình đã bị người Athenai sỉ nhục cả bằng lời nói và hành động, liền tập hợp một đạo quân từ toàn bộ vùng Peloponnesos, trong khi không hề công bố mục đích tập hợp này, với mong muốn báo thù người Athenai cũng như ý định đưa Isagoras lên làm tiếm chúa, vì Isagoras cũng đã thoát ra khỏi Akropolis cùng với Kleomenes. Sau đó Kleomenes tiến vào Eleusis cùng một đạo quân lớn, trong khi cùng lúc đó người Boiotia, theo thỏa thuận với ông ta, chiếm Oinoe và Hysiai là hai làng nằm sát biên giới Attika, người Khalkis từ phía đối diện cũng tấn công và bắt đầu tàn phá nhiều vùng ở Attika. Khi đó người Athenai, dù bị tấn công từ nhiều phía, quyết định rằng họ sẽ đối phó với người Boiotia và người Khalkis, dàn quân chống lại quân Peloponnesos khi đó đang ở Eleusis.

75. Khi hai đạo quân sắp sửa giao chiến, người Korinthos bàn bạc

với nhau và cho rằng họ đang hành động không đúng, liền đổi ý và rời khỏi chiến trường. Sau đó Demaratos, con trai Ariston, người cũng là vua Sparta như Kleomenes, cũng hành động tương tự, cho dù ông ta đã cùng Kleomenes chỉ huy quân đội xuất phát từ Lakedaimon và trước đó không hề có mâu thuẫn với Kleomenes.

Từ sau biến cố này, một đạo luật được đặt ra tại Sparta quy định rằng khi quân đội xuất phát, không được phép để cả hai vua cùng chỉ huy quân đội như vẫn được làm trước đó, mà một trong hai vị vua sẽ không phải đi cùng quân đội, và một trong các con trai của Tyndareos cũng sẽ ở lại, vì trước đó cả hai người đều được các vị vua triệu tới để trợ giúp và đi cùng quân đội.

Vào thời điểm đó tại Eleusis, các đồng minh còn lại thấy rằng hai vua của người Lakedaimon không nhất trí với nhau, và người Korinthos đã rời bỏ hàng ngũ của họ, liền rời đi nhanh chóng.

76. Và đây là lần thứ tư người Doris tới Attika, hai lần để gây chiến và hai lần để giúp đỡ quần chúng Athenai – lần thứ nhất họ cũng đồng thời định cư ở Megara (cuộc viễn chinh này có thể được xác định xảy ra khi Kodros là vua Athenai), trong lần thứ hai và lần thứ ba là khi họ tổ chức các cuộc viễn chinh từ Sparta để đánh đuổi các con trai của Peisistratos, và lần thứ tư này, khi Kleomenes chỉ huy người Peloponnesos xâm lược Eleusis, như vậy đây là lần thứ tư người Doris tấn công Athenai.

77. Sau khi đạo quân Peloponnesos đã tan vỡ một cách chẳng vinh quang gì như vậy, người Athenai, mong muốn báo thù, liền viễn chinh tấn công người Khalkis, và người Boiotia liền tới Eupiros để giúp người Khalkis. Vậy là người Athenai khi thấy viện binh đến liền quyết định trước hết tấn công người Boiotia. Người Athenai giao chiến với người Boiotia, và giành phần thắng, bắt được 700 tù binh sau khi đã giết rất nhiều quân địch. Trong cùng ngày hôm ấy, người Athenai tiến vào Euboia và giao chiến với cả người Khalkis, rồi sau khi đã đánh bại cả đối thủ này, họ để lại 4.000 người được phân chia các lô đất trên lãnh thổ thuộc về "những người phối giống ngựa", vì người Khalkis giàu có được gọi như vậy.

Và người Athenai cũng bắt nhiều người Khalkis, giam cầm những người này chung với các tù binh Boiotia, tất cả đều bị xiềng xích. Sau một thời gian họ thả tự do cho các tù binh này, khi đã ấn định mức tiền chuộc cho mỗi người là 2 *mnai* bạc, song các xiềng xích đã dùng để xiềng các tù nhân này được người Athenai treo lên

Akropolis, và chúng vẫn còn tồn tại thậm chí tới tận thời của tôi, trên các bức tường thành bị cháy xém bởi ngọn lửa khi người Media phóng hỏa, và ngay đối diện với thánh địa nằm quay về phía Tây. Một phần mười khoản tiền chuộc được họ dùng làm lễ vật, và dùng khoản tiền này để đúc nên một cỗ chiến xa bốn ngựa kéo bằng thanh đồng được đặt ở bên tay trái khi ta bước qua Propylaia ở Akropolis, trên đó có khắc dòng chữ sau đây:

> Khuất phục Khalkis và Boiotia, những người con trai Athenai,
>
> Nhờ chiến đấu anh dũng, đã dập tắt sự ngạo mạn của chúng
>
> Bằng dây sắt đen. Một phần mười khoản tiền chuộc
>
> Làm nên lũ ngựa và mã chiến xa này cho Pallas.

78. Sau chiến thắng, quyền lực của người Athenai tăng lên, và hiển nhiên, không chỉ qua một ví dụ cá biệt mà về mọi mặt. Bình đẳng là một điều tuyệt vời, vì những người Athenai, khi họ còn do các tiếm chúa cai trị, không hề giỏi hơn trong chiến trận so với bất cứ tộc người nào sống quanh họ, trong khi từ sau thời điểm họ thoát khỏi các tiếm chúa, họ trở thành những chiến binh vượt trội hơn hẳn. Điều này chứng tỏ rằng, khi bị đè nén, người Athenai đã cố tình trễ nải vì họ đang phục vụ một chủ nhân, trong khi có được tự do, mỗi người đều hăng hái đạt được một thành quả nào đó cho chính mình.

79. Sau những biến cố này người Thebai phái sứ giả đi tham vấn vị thần, mong muốn báo thù người Athenai. Tuy nhiên nữ tư tế Pythia đã phán với họ rằng họ không thể báo thù chỉ bằng sức mạnh của bản thân, mà khuyên họ hãy bàn việc này với đông đảo dân chúng và tìm kiếm sự giúp đỡ của những người "gần nhất" với họ. Khi họ trở về, người Thebai liền triệu tập hội nghị và công bố câu trả lời của dự ngôn giả. Khi người dân Thebai đã nghe những người này nói rằng họ cần tìm kiếm sự giúp đỡ từ những người gần nhất với họ, dân chúng liền nói: "Hiển nhiên những người sống gần nhất với chúng ta là người Tanagra, Koroneia và Thespiai, và họ đã luôn hăng hái chiến đấu sát cánh bên chúng ta và cùng chúng ta trải qua chiến tranh tới cùng. Vậy chúng ta cần gì phải hỏi họ? Có lẽ đây không phải là ý nghĩa của thần dụ".

80. Trong khi họ bình luận như thế, sau hồi lâu một người hiểu được ý thần dụ: "Asopos được kể là có hai người con gái, Thebe và

Aigina, và vì đây là hai chị em, tôi nghĩ rằng thần linh đã trả lời chúng ta rằng chúng ta cần đề nghị người Aigina giúp đỡ". Sau đó, vì có vẻ không có một ý kiến nào tốt hơn, người Thebai liền phái sứ giả đi đề nghị người Aigina giúp đỡ họ, kêu gọi người Aigina làm theo thần dụ. Và người Aigina, khi được các sứ giả đề nghị, liền nói với các sứ giả rằng họ sẽ cử các Aiakidai đi cùng sứ đoàn để giúp họ.

81. Sau đó người Thebai, khi đã thử sức với sự giúp đỡ từ các Aiakidai và bị người Athenai hạ nhục, lại phái sứ giả đi và trả lại các Aiakidai cho người Aigina, và đề nghị Aigina giúp quân. Vậy là người Aigina, kiêu hãnh trước sự giàu có của mình và nhớ lại một mối thù xa xưa với người Athenai, liền khai chiến với người Athenai mà không báo trước theo đề nghị của người Thebai. Vì trong khi người Athenai đang định tấn công Boiotia, người Aigina liền đưa chiến thuyền tới tấn công họ ở Attika, và người Aigina tàn phá Phaleron cũng như nhiều làng khác ở vùng bờ biển, khiến người Athenai vô cùng phẫn nộ vì hành động này.

82. Mối thù đã tồn tại từ trước giữa người Aigina và người Athenai hình thành như sau.

Vùng đất của người Epidauros không đem lại hoa lợi gì cho dân cư sống tại đây. Và người Epidauros đã tới Delphoi để hỏi về tai họa này, nữ tư tế Pythia liền yêu cầu họ hãy dựng tượng Damia và Auxesia, nói rằng sau khi dựng tượng họ sẽ có vận hội tốt hơn. Người Epidauros sau đó liền hỏi thêm rằng họ nên làm tượng thờ bằng thanh đồng hay bằng đá, và nữ tư tế phán rằng họ không được dùng cả hai loại vật liệu này, mà phải dùng gỗ của một cây ô-liu được trồng. Do đó, người Epidauros đề nghị người Athenai cho phép họ được chặt hạ một cây ô-liu để tạc tượng, họ cho rằng những cây ô-liu của người Athenai trồng là thiêng liêng nhất. Ngoài ra có những người kể rằng vào thời đó không có cây ô-liu nào được trồng trên mặt đất ngoại trừ tại Athenai. Người Athenai khi đó trả lời rằng họ sẽ cho phép người Epidauros làm vậy với điều kiện người Epidauros hằng năm phải dâng lễ vật xứng đáng lên Athena Polias[1] và Erekhtheus. Người Epidauros, sau khi đã đồng ý với các điều kiện, liền nhận được thứ họ đề nghị, và họ tạc các bức tượng thờ từ những cây ô-liu này rồi dựng tượng lên. Và sau đó vùng đất của họ đã cho hoa lợi, còn họ tiếp tục thực hiện cam kết với người Athenai.

---

1. Một thánh điện thờ nữ thần Athena trên Akropolis.

83. Trong thời kỳ này và cả trước đó nữa, người Aigina là thần dân của Epidauros, và bên cạnh những việc khác, họ thường tới Epidauros để các tranh chấp giữa họ được phán xử theo pháp luật. Nhưng sau thời kỳ này họ tự đóng thuyền cho mình và nổi dậy chống lại Epidauros một cách có chủ ý. Do vậy khi người Aigina có mâu thuẫn với người Epidauros, họ tiếp tục gây tổn thất cho Epidauros, vì trên thực tế họ đã nắm quyền kiểm soát biển, và đáng chú ý nhất là việc họ cướp đi từ Epidauros các tượng của Damia và Auxesia, mang những bức tượng này về dựng lên ở phần lãnh thổ nằm trong nội địa của họ, tại một địa điểm có tên Oia, nằm cách thành phố khoảng 20 *stadia*. Sau khi để các bức tượng tại đây, họ thờ phụng bằng các lễ hiến sinh, những bài đồng ca của phụ nữ đi kèm với những trò hề thô tục, 10 người được chỉ định để làm ban đồng ca cho mỗi vị thần, và các dàn hợp xướng không nói xấu gì những người đàn ông, mà chỉ nói xấu những phụ nữ bản địa. Người Epidauros cũng có những nghi lễ tương tự; và họ cũng có những nghi lễ không thể được tiết lộ.

84. Sau khi các tượng thần bị cướp đi, người Epidauros không còn tiếp tục thực hiện những gì đã đồng ý với người Athenai. Người Athenai vì thế đã phái sứ giả tới bày tỏ sự bất bình với người Epidauros. Người Epidauros liền tuyên bố rằng họ đã không làm gì sai, vì trong suốt thời gian họ có các tượng thần trên lãnh thổ của mình, họ đã tiếp tục thực hiện đúng cam kết, nhưng vì các tượng thần đã bị cướp mất khỏi tay họ, sẽ không công bằng nếu họ vẫn tiếp tục phải dâng lễ vật, và họ đề nghị người Athenai hãy đòi hỏi lễ vật từ người Aigina, những người nắm giữ các tượng thần. Vậy là người Athenai phái sứ giả tới Aigina đòi các tượng thần; song người Aigina nói rằng họ chẳng có liên quan gì với người Athenai.

85. Người Athenai kể rằng sau lần yêu cầu đó, một số công dân Athenai đã được thành phái đi trên chiếc *trieres* duy nhất. Khi tới Aigina, những người này đã tìm cách dỡ các tượng thần khỏi bệ (cho rằng chúng được làm từ gỗ thuộc về người Athenai) nhằm mang các bức tượng trở về cùng với họ. Nhưng vì không thể lấy các bức tượng theo cách trên (theo lời người Athenai kể), họ liền buộc dây thừng quanh các bức tượng để kéo xuống, rồi đột nhiên trong khi họ kéo có tiếng sấm vang lên, rồi một trận động đất xảy ra cùng lúc với tiếng sấm, và những biến cố này đã khiến thủy thủ đoàn trên chiếc *trieres* đang kéo tượng trở nên mất trí, và trong cơn mất trí họ giết lẫn nhau như thể kẻ thù, cho tới khi chỉ còn duy nhất một người, và người này một mình quay trở lại Phaleron.

86. Người Athenai đã thuật lại như vậy về những gì đã xảy ra, song người Aigina lại kể rằng những người Athenai không chỉ tới với một chiếc thuyền. Vì người Aigina có thể dễ dàng đánh đuổi được chiếc thuyền duy nhất, hay thậm chí thêm vài chiếc nữa, cho dù chính họ không hề có thuyền đi chăng nữa. Người Aigina kể rằng người Athenai đã tới lãnh thổ của họ với cả một hạm đội lớn, và họ đành nhường bước trước lực lượng này và không đánh một trận hải chiến. Tuy nhiên, người Aigina lại không thể nói một cách chắc chắn rằng họ đã nhường bước như vậy vì họ thừa nhận không đủ mạnh để giao chiến trên biển, hay vì họ vốn dự định làm điều như thực tế họ đã làm. Người Aigina kể rằng những người Athenai, vì không có ai giao chiến với họ, đã đổ bộ từ trên thuyền xuống và đi tới chỗ các tượng thần. Nhưng vì không thể nhấc các bức tượng khỏi bệ, cuối cùng người Athenai liền quăng dây buộc quanh các bức tượng rồi bắt đầu kéo cho tới khi các bức tượng trong lúc bị kéo đã cùng làm một việc giống nhau (và đến đây họ kể lại một điều mà tôi không thể tin, song một số người khác có lẽ lại tin), người Aigina kể rằng hai bức tượng quỳ gối xuống trước những người Athenai và tiếp tục giữ nguyên tư thế ấy từ đó về sau. Người Athenai, như lời họ kể, đã hành xử như thế. Và trong khi đó người Aigina (theo lời họ kể), được biết người Athenai sắp tổ chức một cuộc viễn chinh tấn công mình, đã đề nghị người Argos giúp đỡ họ. Đúng khi người Athenai đổ bộ lên đất Aigina, người Argos đã tới cứu nguy cho họ, và vì không bị phát hiện khi đi từ Epidauros tới hòn đảo, người Argos đã ập tới những người Athenai trước khi những kẻ xâm lược kịp biết gì về việc này, bí mật cắt đứt đường quay lại thuyền của người Athenai, và chính vào khoảnh khắc đó sấm và động đất xảy ra với người Athenai.

87. Đây là lời được cả người Argos và người Aigina thuật lại, và người Athenai cũng thừa nhận rằng chỉ có một người duy nhất của họ sống sót và trở về Attika. Chỉ có điều người Argos nói rằng người duy nhất này sống sót khỏi cuộc hủy diệt đạo quân Athenai dưới tay họ, trong khi người Athenai nói rằng sức mạnh của các vị thần là nguyên nhân gây ra sự hủy diệt. Tuy nhiên, theo lời họ, ngay cả người này cũng không còn sống sót mà đã chết trong hoàn cảnh như sau: Khi anh ta trở về Athenai, người này kể lại tai họa đã xảy ra, và vợ của những người đã tham gia chuyến đi tới Aigina khi nghe được chuyện này vô cùng phẫn nộ trước việc chỉ anh ta còn sống sót, liền xông tới vây quanh người này và dùng trâm cài áo khoác của họ đâm anh ta, từng người đều hỏi anh ta chồng họ ở đâu. Anh ta đã bị giết như thế, và với người Athenai có vẻ như hành động này của những người phụ nữ còn là một điều

kinh khủng hơn cả tai họa đã xảy ra. Và lời thuật lại kể rằng vì không biết nên trừng phạt những người phụ nữ theo cách nào, họ liền thay đổi kiểu trang phục của những người phụ nữ sang kiểu Ionia – vì trước khi biến cố này xảy ra phụ nữ Athenai mặc trang phục kiểu Doris, rất giống với trang phục của phụ nữ Korinthos – là những chiếc áo dài bằng vải lanh để họ không dùng đến trâm cài áo.

88. Tuy nhiên, trên thực tế kiểu trang phục này nguyên thủy không phải có nguồn gốc Ionia mà là Karia, vì trang phục Hy Lạp cổ xưa cho phụ nữ nói chung giống như kiểu trang phục ngày nay chúng ta gọi là Doris. Thêm nữa, người ta kể rằng liên quan tới những biến cố này, người Argos và người Aigina đã thiết lập thành phong tục của họ ở cả hai dân tộc rằng những chiếc trâm cài được làm lớn gấp rưỡi so với kích thước đang được dùng khi ấy, và phụ nữ của họ phải dâng trâm cài áo lên làm lễ vật chỉ tại đền các vị nữ thần này[1], và những người phụ nữ không được mang đồ gốm của Athenai hay bất cứ thứ gì khác chế tác tại Athenai tới đền, và từ đó về sau theo phong tục phải uống nước từ các bình đựng được làm tại bản quốc. Từ đó đến thời của tôi, vì mối bất hòa với người Athenai, phụ nữ ở Argos và Aigina tiếp tục dùng những cây trâm lớn hơn trước đó.

---

[1]. Damia và Auxesia.

---

89. Nguồn gốc sự thù hận người Athenai dành cho người Aigina chính là từ biến cố như đã thuật ở trên. Vậy là vào thời điểm này, khi người Thebai tấn công Athenai, người Aigina lập tức trợ giúp cho những người Boiotia khi nhớ lại những gì đã xảy ra với các tượng thần. Người Aigina sau đó tàn phá vùng bờ biển Attika, và khi người Athenai quyết định tổ chức một cuộc viễn chinh tấn công Aigina, một thần dụ từ Delphoi phán rằng phải hoãn báo thù trong 30 năm tính từ khi người Aigina gây ra những hành vi xúc phạm đầu tiên, rồi đến năm thứ 31 hãy dựng lên một thánh địa của Aiakos và sau đó bắt đầu chiến tranh với người Aigina, khi đó họ sẽ thành công như mong muốn, nhưng nếu họ tấn công người Aigina ngay lập tức, họ sẽ phải chịu rất nhiều tai ương và cũng gây nên rất nhiều tàn phá trong quá trình chiến tranh, nhưng rồi cuối cùng họ cũng sẽ khuất phục được Aigina. Khi người Athenai biết được lời tiên tri, họ liền lập nên một thánh thất cho Aiakos, chính là ngôi đền ngày nay nằm gần khu chợ, nhưng họ không thể cam chịu việc trì hoãn trong 30 năm sau khi đã phải chịu đựng tổn hại do người Aigina gây ra.

90. Tuy nhiên, trong khi người Athenai đang chuẩn bị báo thù, một vấn đề nảy sinh bắt nguồn từ người Lakedaimon đã gây cản trở cho họ. Vì người Lakedaimon, sau khi biết được những gì các Alkmaionidai đã toan tính với nữ tư tế Pythia, cũng như những gì nữ tư tế Pythia đã toan tính để chống lại họ cũng như các Peisistratidai, đã cảm thấy vô cùng buồn phiền, không chỉ vì họ đã đẩy những người từng là khách-hữu của họ vào cảnh lưu vong, và còn vì sau khi họ làm thế người Athenai đã không thể hiện chút biết ơn nào dành cho họ. Thêm nữa, người Lakedaimon còn bị thôi thúc bởi những thần dụ phán rằng họ sẽ phải chịu rất nhiều tai ương từ tay người Athenai. Trước đây họ không hề biết tới những thần dụ này, nhưng rồi người Lakedaimon đã biết đến chúng từ khi Kleomenes mang chúng đến Sparta. Quả thực, Kleomenes đã biết được tại Akropolis của người Athenai những thần dụ này vốn trước đó do các Peisistratidai nắm giữ và bỏ lại trong đền khi họ bị đánh đuổi; và Kleomenes thu hồi chúng sau khi chúng bị bỏ lại.

91. Vì thế, vào thời điểm đó, người Lakedaimon đã có trong tay những thần dụ, và họ thấy rằng người Athenai trở nên hùng mạnh hơn và không muốn chịu khuất phục trước họ, nhận thấy người Athenai, khi giờ đây đã tự do, đang trở thành một đối thủ đáng gờm với họ, trong khi cũng những người Athenai đó thật nhu nhược và sẵn lòng để bị cai trị khi bị các tiếm chúa đè nén. Khi nhận ra tất cả những điều kể trên, người Lakedaimon liền cho mời Hippias con trai Peisistratos tới gặp họ từ Sigeion trên Hellespontos, nơi các Peisistratidai tị nạn.

Và khi Hippias đã tới theo lời mời, người Sparta liền triệu tập các sứ giả từ các đồng minh khác của họ tới và nói với những người này như sau: “Các vị đồng minh, bản thân chúng tôi đã ý thức được rằng chúng tôi đã không hành động đúng, vì chúng tôi đã bị kích động bởi những thần dụ dối trá để rồi đẩy vào cảnh lưu vong những người vốn là khách-hữu có quan hệ khăng khít với chúng tôi, cũng là những người đã đảm nhiệm việc khiến Athenai quy phục chúng tôi, và rồi sau khi thực hiện hành động ấy, chúng tôi đã giao thành bang vào đám dân vô ơn, những kẻ ngay khi được ngẩng đầu, có tự do nhờ vào chúng tôi đã lập tức đánh đuổi chúng tôi và vua của chúng tôi với sự xúc phạm trắng trợn, và giờ đây Athenai đang ngày càng hùng mạnh hơn, đầy kiêu hãnh, do vậy trước nhất những tộc người láng giềng với họ, người Boiotia và người Khalkis, đã nhận ra, và có lẽ một số tộc người nữa rồi cũng sẽ nhận ra, rằng họ đã phạm phải một sai lầm. Cho dù chúng tôi đã sai lầm khi làm những việc mà chúng tôi đã nói, giờ đây chúng tôi sẽ tìm cách báo thù người Athenai, tấn công chúng cùng với

các vị, vì chính mục đích này chúng tôi đã mời tới Hippias, người các vị thấy ở đây, cũng như mời chính các vị từ thành bang của mình tới đây, để với sự nhất trí và hợp lực, chúng ta có thể đưa Hippias trở lại Athenai và trả lại cho ông ấy thứ trước đây chúng tôi đã tước mất".

92. Người Lakedaimon đã nói như vậy, song đa số các đồng minh không tán thành những lời này. Tuy nhiên, trong khi những người còn lại giữ im lặng, Sosikles người Korinthos, đã nói như sau:

A. "Chắc hẳn giờ đây bầu trời sẽ ở bên dưới mặt đất, còn mặt đất vươn lên cao hơn bầu trời, còn con người sẽ sống ngoài biển và lũ cá sẽ sống ở nơi con người sống trước đây, bởi vì người Lakedaimon các vị đang muốn loại bỏ dân chủ chế và tái lập tiếm chúa chế, giữa con người với nhau không thể có hành động nào bất công và hại người hơn thế. Vì quả thực nếu với các vị việc các đô thị cần phải do các tiếm chúa cai trị là điều tốt với các vị, thì trước hết các vị hãy lập một tiếm chúa tại chính thành bang mình, rồi sau đó mới tìm cách thiết lập điều tương tự cho những đô thị khác. Nhưng do thực tế lại là vậy, các vị đang hành động không trung thực với các đồng minh của mình, bởi lẽ bản thân các vị chưa từng phải trải qua sự cai trị của tiếm chúa và đảm bảo một cách cẩn thận ở Sparta để điều này không bao giờ xảy ra. Tuy nhiên, nếu các vị từng trải nghiệm như chúng tôi, hẳn các vị đã có thể đưa ra cách nhìn nhận đúng đắn về nó hơn vào lúc này đây.

B. Vì trật tự đã được thiết lập tại Korinthos theo quả đầu chế. Một thị tộc, gọi là các Bakkhiadai, kiểm soát thành bang và thông hôn với nhau. Một trong những người này, tên là Amphion, có một người con gái bị thọt tên là Labda. Vì không ai trong các Bakkhiadai muốn cưới nàng, người con gái này được gả cho Aetion, con trai Ekhekrates, người làng Petra, nhưng là hậu duệ người Lapithai thuộc gia tộc Koinos. Ông ta không có đứa con nào từ người vợ này cũng như từ một người vợ khác, vì vậy ông ta liền tới Delphoi hỏi về đường con cái. Khi ông ta bước vào, nữ tư tế lập tức nói với ông ta những câu sau:

> Hỡi Aetion, không ai vinh danh ngươi, dù ngươi xứng đáng.
>
> Labda thụ thai, và sẽ sinh ra một tảng đá lăn
>
> Thứ sẽ rơi xuống các quân vương, và sửa sai cho thành Korinthos.

Câu trả lời được phán cho Aetion theo cách nào đó đã tới tai các Bakkhiadai, trước đó họ cũng đã nhận được một thần dụ khó hiểu, một thần dụ cũng ám chỉ tới cùng một thứ như thần dụ được phán cho Aetion và gồm những lời sau:

> Một con đại bàng thụ thai trên núi đá, và sẽ sinh một con sư tử,
>
> Dũng mãnh và phàm ăn; nó sẽ khiến nhiều kẻ quy phục.
>
> Hãy lưu ý điều này, hỡi người Korinthos cư trú
>
> Cạnh Peirene kiều diễm và Korinthos cao lớn.

C. Như tôi đã nói, thần dụ này trước đó đã được truyền tới các Bakkhiadai và vẫn luôn khó hiểu, nhưng về sau, khi họ biết chuyện đã xảy ra với Aetion, họ lập tức hiểu ra cả lời tiên tri trước, vốn phù hợp với lời tiên tri được nói với Aetion. Khi hiểu lời tiên tri này, họ giữ im lặng, mong muốn giết đứa con sẽ được sinh ra cho Aetion. Rồi sau đó, ngay khi vợ Aetion hạ sinh một đứa con, họ cử 10 người tới làng của Aetion để giết đứa trẻ. Khi những người này tới Petra và bước vào sân trong của tư gia Aetion, họ liền đòi đứa trẻ. Labda, không biết gì về mục đích khiến họ tới nhà mình, cho rằng họ hỏi đứa trẻ vì quý mến người cha, liền bế con ra và trao vào tay một trong số họ. Có vẻ như nhóm người này đã nhất trí với nhau rằng người đầu tiên nhận được đứa trẻ sẽ ném mạnh nó xuống đất. Tuy nhiên, khi Labda bế đứa trẻ ra và đưa cho vị khách bế, định mệnh đã khiến đứa trẻ mỉm cười với người đón nhận. Khi ông ta nhìn thấy nụ cười ấy, sự đồng cảm đã ngăn không cho ông ta giết đứa trẻ, và vì cảm xúc này ông ta liền trao lại đứa bé cho người ở cạnh mình, rồi người này lại trao cho một người thứ ba. Cứ như vậy đứa trẻ được trao chuyền qua tay của cả 10 người, từ người này sang người khác, vì không ai trong số họ có thể xuống tay kết liễu tính mạng cậu bé. Vậy là họ trả lại đứa trẻ cho bà mẹ rồi rời đi. Sau đó, khi đứng bên ngoài cửa họ nặng lời và đổ lỗi cho nhau, quy lỗi trước nhất cho người đầu tiên đã đón lấy đứa bé, vì ông ta đã không làm đúng những gì đã được thống nhất, cho tới khi sau một hồi họ lại quyết định quay vào và tất cả cùng dự phần vào vụ giết người.

D. Tuy nhiên, định mệnh đã muốn rằng đứa con của Aetion sẽ mang tai ương tới cho Korinthos. Labda đã nghe thấy tất cả khi bà đứng gần sau cửa, và sợ rằng đám người kia sẽ đổi ý đoạt lấy con mình lần thứ hai để sát hại cậu bé, bà liền mang con đi giấu ở nơi theo bà ít có khả năng bị tìm ra nhất, đó là một cái sọt đựng lúa

mì, vì cảm thấy chắc chắn những kẻ kia sẽ quay lại tìm kiếm, và hẳn chúng sẽ lục lọi khắp nơi. Quả thực đó là điều đã xảy ra. Vậy là khi đám người này quay vào và tìm kiếm nhưng không tìm thấy đứa trẻ, họ liền nghĩ tốt nhất nên quay về và báo với những người đã phái họ tới đây rằng họ đã làm tất cả những gì được giao phó.

E. Nói vậy, đám người bèn rời đi. Về sau, con trai của Aetion lớn lên, và vì cậu bé đã thoát khỏi mối nguy hiểm này, cái tên Kypselos được đặt cho cậu bắt nguồn từ cái sọt lúa mì. Khi Kypselos trưởng thành và tìm lời tiên tri, một câu trả lời hai lưỡi được đưa ra cho ông tại Delphoi, và đặt niềm tin vào lời tiên tri ấy, ông đã tấn công Korinthos và làm chủ thành phố này. Câu trả lời đó như sau:

> May mắn cho y làm sao, kẻ đến tư gia ta,
>
> Kypselos, con trai Aetion, vua của Korinthos vinh quang,
>
> Y và các con trai y cũng vậy, dù các cháu y thì không.

Thần dụ phán vậy, và Kypselos khi trở thành tiếm chúa là một người có tính cách như sau: Nhiều người Korinthos bị ông buộc phải lưu vong, nhiều người bị ông đoạt tài sản, và rất nhiều người thiệt mạng.

F. Sau khi ông ta đã trị vì trong 30 năm và kết thúc cuộc đời trong cảnh giàu sang, Periandros con trai ông lên kế vị.

Thoạt đầu, Periandros ôn hòa hơn cha mình, nhưng sau khi đã liên lạc qua lại thông qua các sứ giả với Thrasyboulos, tiếm chúa Miletos, ông ta trở nên tàn bạo hơn cả Kypselos. Ông ta phái một sứ giả tới gặp Thrasyboulos và hỏi cách giải quyết chính sự nào là an toàn nhất để ông ta có thể cai quản thành bang của mình tốt nhất. Và Thrasyboulos dẫn người sứ giả được Periandros cử tới ra khỏi thành phố, đi tới một cánh đồng lúa mì đang mọc, và trong khi không ngừng dò hỏi sứ giả về cuộc hành trình từ Korinthos tới của ông này, Thrasyboulos không ngớt cắt đi những bông lúa mì mà ông ta thấy mọc cao hơn những bông còn lại, sau khi cắt xong, ông ta ném những bông lúa này đi, cho tới khi đã phá hủy phần tốt nhất của vụ mùa theo cách như vậy. Sau khi đã đi qua hết cánh đồng và không đưa ra một lời khuyên nào, Thrasyboulos cho sứ giả về. Khi vị sứ giả quay về Korinthos, Periandros nóng lòng muốn nghe lời khuyên đã được đưa ra; nhưng sứ giả tâu lại rằng Thrasyboulos đã không đưa ra lời khuyên nào cho mình, rồi nói thêm rằng ông ta lấy làm băn khoăn về việc Periandros phái mình

đi gặp một nhân vật như vậy, vì người này rõ ràng đã bị mất trí và là kẻ lãng phí của cải của chính mình, đồng thời kể lại những gì Thrasyboulos đã làm.

G. Vậy là Periandros, hiểu ý của điều đã được làm và nhận ra Thrasyboulos đang khuyên mình xử tử những người có danh vọng nhất trong thần dân của mình, liền bắt đầu cư xử tàn nhẫn với các công dân của thành bang, vì tất cả những gì Kypselos còn bỏ sót trong việc xử tử và bắt lưu đày đều được Periandros hoàn tất.

Và trong một ngày ông ta lột sạch trang phục của tất cả những người vợ của người Korinthos vì Melissa vợ ông. Vì khi ông ta phái sứ giả tới Thesprotia để hỏi dự ngôn giả của người chết trên sông Akheron về khoản tiền mà một bằng hữu để lại chỗ mình, Melissa hiện hồn và nói bà sẽ không cho biết khoản tiền đó được để ở đâu, lý do là bà đang lạnh và không có trang phục, vì những món trang phục ông đã chôn cùng bà đều vô dụng với bà do chúng đã không được đốt, và để chứng tỏ mình đang nói sự thật, bà kể ra bằng chứng là Periandros đã gieo mầm sống của ông ta vào người đã chết. Khi những lời này được thuật lại với Periandros, bằng chứng đó đã khiến ông ta tin, vì ông ta đã giao hoan với Melissa khi bà đã chết, và ngay sau khi nghe được những lời này, ông ta ra lệnh thông báo rằng tất cả vợ của người Korinthos phải tới ngôi đền Hera. Họ liền tuân lệnh tới đó như tới dự một lễ hội trong những bộ y phục đẹp nhất của mình. Còn Periandros, sau khi đã bố trí các tay giáo của mình phục sẵn, liền lột hết y phục của tất cả những người phụ nữ lẫn hầu gái của họ. Khi đã dồn hết y phục của họ ném xuống một cái hố đào sẵn, ông ta châm lửa đốt, đồng thời cầu khấn Melissa. Sau khi đã làm việc này và phái người đi làm lễ gọi hồn lần nữa, vong hồn Melissa chỉ cho ông ta biết nơi ông ta cất giấu khoản tiền của người bạn.

“Tiếm chúa chế là vậy đó, hỡi người Lakedaimon, và nó gây ra những việc như vậy. Người Korinthos chúng tôi ban đầu hết sức ngỡ ngàng khi biết các vị đã cho mời Hippias tới, và giờ chúng tôi còn ngỡ ngàng hơn nữa vì các vị đã nói những lời như vậy; và chúng tôi, xin lấy các vị thần của Hy Lạp ra chứng giám, khẩn cầu các vị không lập các tiếm chúa tại đô thị chúng tôi. Tuy nhiên, nếu các vị không ngừng dự định của mình, mà tìm cách phục hồi ngôi vị cho Hippias trái ngược với điều đúng đắn, hãy biết rằng ít nhất người Korinthos sẽ không tán thành điều các vị làm”.

93. Sosikles sứ giả của Korinthos đã nói như vậy, và Hippias trả lời ông này, cũng viện ra cùng các vị thần như Sosikles để chứng

giám cho mình, rằng chắc chắn người Korinthos sẽ hơn bất cứ ai phải nuối tiếc vì đã để mất các Peisistratidai, khi đến ngày họ bị người Athenai gây phiền toái. Hippias trả lời như thế, vì biết rõ những lời tiên tri một cách chính xác hơn bất cứ người nào. Nhưng sứ giả của các đồng minh còn lại, những người đã kiềm chế và giữ im lặng suốt hồi lâu, sau khi lắng nghe Sosikles nói một cách không chút e dè, tất cả đều nhất loạt nói ra những gì họ nghĩ, và ủng hộ quan điểm của sứ giả Korinthos, khẩn nài người Lakedaimon đừng gây chiến với một thành bang Hy Lạp.

94. Cuộc họp đã kết thúc như thế, và Hippias sau khi rời khỏi đó đã được Amyntas vua Makedonia ngỏ lời tặng thành Anthemous, còn người Thessalia ngỏ lời tặng thành Iolkos cho ông ta. Tuy nhiên, ông ta không nhận cả hai mà lui về Sigeion, thành phố Peisistratos đã đoạt được bằng vũ lực từ người Mytilene; sau khi chiếm được nó, ông ta đã chỉ định người con trai ngoài giá thú của mình, Hegesistratos, có mẹ là một phụ nữ Argos, làm tiếm chúa. Tuy nhiên Hegesistratos cũng đã phải chiến đấu để giữ gìn ngôi vị nhận được từ cha ông, vì người Athenai tại Sigeion và người Mytilene tại Akhilleion đã gây chiến trong một thời gian dài, người Mytilene yêu cầu thành trì phải được trả lại cho họ, còn người Athenai lại không chấp nhận yêu cầu này, mà đưa ra lý lẽ chứng tỏ rằng người Aiolis cũng không có chủ quyền nào với Ilion hơn họ và những tộc người Hy Lạp khác, tất cả những ai đã gia nhập cùng Menelaos để báo thù việc Helene bị bắt cóc.

95. Trong khi hai phe này giao chiến, bên cạnh nhiều biến cố khác nhau đã xảy ra trong các trận đánh, có một lần khi một trận đánh diễn ra và người Athenai chiến thắng, thi sĩ Alkaios đã bỏ chạy và quả thực thoát thân được, song người Athenai đã thu được vũ khí của ông ta và treo lên tường đền Athena tại Sigeion. Về việc này Alkaios đã viết một bài ca và gửi tới Mytilene, trong đó thuật lại chuyện không may của bản thân với một người bạn tên là Melanippos.

Cuối cùng, Periandros đứng ra hòa giải người Athenai với người Mytilene vì họ đã viện đến ông làm người phân xử vấn đề này, và Periandros đã hòa giải hai bên với điều kiện mỗi bên tiếp tục được nắm giữ phần lãnh thổ họ có vào thời điểm đó. Theo cách này, Sigeion đã nằm dưới sự kiểm soát của Athenai.

96. Khi Hippias từ Lakedaimon quay về châu Á, ông ta liền khởi động mọi thứ, khuấy động hiềm khích giữa người Athenai và Artaphernes, dùng mọi cách để đảm bảo rằng Athenai sẽ nằm dưới sự cai trị của chính ông và Dareios. Hippias đã hành động

như vậy, và người Athenai khi biết tin liền phái sứ giả tới Sardis, tìm cách ngăn cản người Ba Tư làm theo đề nghị của những người Athenai lưu vong. Tuy nhiên, Artaphernes đã yêu cầu họ nếu muốn tránh khỏi cảnh hủy diệt hãy đón nhận Hippias trở lại. Người Athenai không hề sẵn lòng chấp nhận đề xuất này dù với bất kỳ giá nào khi lời đề xuất được thông báo lại, và vì họ không chấp nhận, ngay lập tức họ cho rằng mình đã trở thành kẻ thù của người Ba Tư.

97. Vào thời điểm quan trọng này, khi người Athenai đã quyết định và vốn đã có hiềm khích với người Ba Tư, Aristagoras thành Miletos, vốn bị Kleomenes vua của người Lakedaimon lệnh phải rời khỏi Sparta, đã tới Athenai. Ông biết đây là thành phố có quyền lực lớn nhất trong tất cả những thành phố còn lại ngoại trừ Sparta. Và Aristagoras tới trước dân hội và nói những lời như ông ta từng nói tại Sparta về sự giàu có hiện hữu ở châu Á, về cách người Ba Tư chiến đấu, về chuyện người Ba Tư không hề dùng khiên hay giáo và dễ bị đánh bại. Ông ta đã nói như vậy, đồng thời còn thêm rằng người Miletos là thực dân từ Athenai tới, và người Athenai nên cứu giúp người Miletos cũng là hợp lẽ, vì người Athenai có sức mạnh lớn lao, và không còn lời hứa nào mà ông ta không hứa vì đang ở vào cảnh gấp gáp đi cầu viện, cho tới khi cuối cùng ông ta thuyết phục được người Athenai, và dường như lừa gạt nhiều người lại dễ hơn lừa một người, vì cho dù Aristagoras đã không thể lừa được một mình Kleomenes, vua Lakedaimon, ông ta lại làm được điều đó với 30.000 người Athenai. Sau khi bị thuyết phục, người Athenai liền biểu quyết tán thành việc phái 20 chiến thuyền đi giúp người Ionia, và chỉ định Melanthios, một người Athenai tiếng tăm, chỉ huy lực lượng này. Những chiến thuyền này đã chứng tỏ chúng chính là khởi đầu cho những tai ương của người Hy Lạp và man tộc.

98. Trong khi đó, Aristagoras đi thuyền trước và tới Miletos, rồi sau khi đã lập ra một kế hoạch khó lòng đem lại chút lợi ích nào cho người Ionia (mà quả thực ông ta cũng không hề nhắm tới mục đích đó, mà cốt để chọc giận vua Dareios), ông ta phái một người tới Phrygia gặp những người Paionia đã bị Megabazos bắt về từ sông Strymon, những người này sống riêng biệt tại một ngôi làng ở vùng Phrygia, và khi tới gặp người Paionia, sứ giả liền nói những lời sau: “Hỡi người Paionia, Aristagoras tiếm chúa Miletos phái ta tới đây để trao cho các ngươi sự cứu rỗi, nếu các ngươi sẵn sàng làm như ngài yêu cầu, vì giờ đây toàn cõi Ionia sẽ nổi dậy chống lại vua Ba Tư và các ngươi sẽ có cơ hội an toàn trở về quê quán: Các ngươi chỉ cần tìm cách tới được biển, sau đó sẽ là việc của chúng ta”. Người Paionia khi nghe những lời này liền đón nhận như lời

đề nghị đáng hoan nghênh nhất, rồi họ mang theo trẻ con và phụ nữ của mình bắt đầu chạy trốn tới biển. Tuy nhiên, một số người quá sợ hãi và ở lại nơi họ đang sống. Khi đã tới được bờ biển, người Paionia vượt biển tới Khios, và khi tới được Khios, có một đội kỵ binh Ba Tư đông đảo truy đuổi theo dấu vết của họ. Đội kỵ binh này, khi không đuổi kịp họ, liền gửi thông điệp tới Khios yêu cầu người Paionia quay trở lại. Tuy nhiên, người Paionia không chấp nhận yêu cầu, người Khios đưa họ từ Khios tới Lesbos, rồi người Lesbos lại đưa họ tới Doriskos, và từ nơi này họ đi tiếp bằng đường bộ và tới được Paionia.

99. Trong thời gian đó, khi người Athenai đã tới trên 20 chiến thuyền của họ, đồng thời cũng đem theo năm chiếc *triereis* của Eretria, người Eretria gia nhập vào đoàn viễn chinh này không phải vì người Athenai mà vì chính người Miletos (vì trước đó người Miletos đã cùng người Eretria chia sẻ gánh nặng của toàn bộ cuộc chiến của hai thành phố này với người Khalkiskhi mà về người Khalkis được Samos giúp đỡ để chống lại Eretria và Miletos), đồng thời các đồng minh khác cũng đã có mặt, Aristagoras liền tổ chức tiến quân tới Sardis. Trong cuộc hành quân này ông ta không đích thân tham gia, mà ở lại Miletos và giao phó quyền chỉ huy lực lượng Miletos cho những người khác, cụ thể là em trai Kharopinos của ông ta và một công dân khác có tên Hermophantos.

100. Hạm đội Ionia liền tiến tới Ephesos, rồi sau khi để chiến thuyền lại Koresos trên đất Ephesos, họ liền tập hợp thành một đạo quân lớn và tiến quân, mang theo người Ephesos làm hướng đạo cho họ trên đường hành quân. Họ hành quân men theo sông Kaystros, rồi sau khi vượt qua rặng núi Tmolos, họ tới nơi và chiếm Sardis mà không gặp chút kháng cự nào ở khắp nơi ngoại trừ pháo đài, đích thân Artaphernes đã cứu pháo đài khỏi bị đánh chiếm khi có trong tay một lực lượng đáng kể.

101. Thành Sardis đã thoát khỏi bị cướp bóc sau khi bị chiếm do bối cảnh sau: Phần lớn nhà tại Sardis được làm từ sậy, và kể cả những ngôi nhà xây bằng gạch cũng có mái lợp sậy. Một trong những ngôi nhà như vậy bị một tên lính châm lửa đốt, và lửa đã lan từ nhà này sang nhà kia rồi bắt đầu lan rộng khắp thành phố. Khi cả thành phố bốc cháy, những người Lydia và tất cả người Ba Tư sống trong thành phố liền bị chặn mất đường lui, vì lửa cháy to nhất ở những phía sát quanh họ, và vì không có đường nào ra khỏi thành phố, những người này dồn cả lại khu chợ và tới bên sông Paktolos, dòng sông mang tới cho họ vàng cám từ trên núi Tmolos và chảy qua giữa khu chợ của họ, rồi sau đó đổ vào sông Hermos

và dòng sông này chảy ra biển. Như tôi đã kể, người Lydia và người Ba Tư tập trung cả lại ở bên sông Paktolos và khu chợ, và buộc phải tự vệ để giữ gìn mạng sống. Khi người Ionia thấy một số kẻ thù đứng lại chống cự và số khác đang đổ tới rất đông để tấn công, liền hoảng sợ và rút lui lên núi Tmolos, rồi sau đó khi màn đêm buông xuống, họ liền rời đi, quay về chỗ các chiến thuyền của họ.

102. Vậy là Sardis bị thiêu rụi, và trong vụ hỏa hoạn cả ngôi đền nữ thần bản địa Kybele cũng bị phá hủy, và đây là điều người Ba Tư sau này coi như lý do để đáp trả bằng cách đốt cháy các ngôi đền trên đất của người Hy Lạp.

Những người Ba Tư sống phía tây sông Halys, trước đó đã được báo về cuộc tấn công, đã tập hợp tới cứu người Lydia. Và như thực tế đã diễn ra, khi tới nơi họ thấy rằng người Ionia không còn ở Sardis. Song họ bám sát theo dấu vết những kẻ tấn công rồi đuổi kịp người Ionia tại Ephesos. Và quả thực người Ionia đã sắp thành đội ngũ để đối chiến với người Ba Tư, nhưng khi giao chiến họ bị thất bại nặng nề, và bên cạnh những nhân vật danh tiếng khác bị người Ba Tư giết, ngã xuống trên chiến trường còn có cả Eualkides, chỉ huy lực lượng Eretria, một người đã giành được các vòng nguyệt quế trong các hội thi và được Simonides người Keos hết mực ca ngợi. Những người sống sót sau trận đánh tan rã quay trở về các thành phố của họ.

103. Sau trận đánh người Athenai liền bỏ rơi người Ionia, và khi Aristagoras phái sứ giả tới khẩn thiết đề nghị người Athenai giúp đỡ, họ liền nói rằng họ sẽ không giúp người Ionia nữa. Tuy nhiên, cho dù không còn được người Athenai làm đồng minh, những người Ionia vẫn tiếp tục chuẩn bị chiến tranh với vua Ba Tư, vì sự xúc phạm họ gây ra với Dareios là quá lớn. Thêm nữa, họ đi thuyền tới eo Hellespontos và đưa Byzantion và tất cả những thành phố khác tọa lạc ở khu vực đó vào lực lượng của mình; rồi sau khi đã đi thuyền qua eo Hellespontos, họ còn lôi kéo được thêm phần lớn vùng Karia liên minh với họ. Vì ngay cả Kaunos, vốn trước đó không sẵn lòng trở thành đồng minh của người Ionia, đến lúc này, sau khi người Ionia đã đốt Sardis, cũng gia nhập khối liên minh.

104. Tất cả đô thị trên Kypros, ngoại trừ Amathous, cũng tình nguyện liên minh với họ vì họ đã nổi dậy chống lại người Media như sau: Có một người tên Onesilos, em trai Gorgos, vua Salamis, và con trai Khersis, người này là con trai Siromos và cháu Euelthon. Người này trước đó từng rất nhiều lần khuyên Gorgos

nổi dậy chống lại vua Ba Tư, và lần này, khi ông ta biết được người Ionia đã nổi dậy, liền thúc giục anh mình rất quyết liệt và tìm cách ép nhà vua làm tương tự. Tuy nhiên, vì không thể thuyết phục được Gorgos, Onesilos đợi tới một dịp anh trai rời khỏi Salamis, khi đó Onesilos cùng những người cùng phe đã đóng cửa thành lại, không cho nhà vua quay về. Gorgos, bị cướp mất thành phố theo cách như vậy, liền tìm đến người Media tị nạn, còn Onesilos là người cai trị Salamis và nỗ lực thuyết phục tất cả người Kypros gia nhập cùng ông ta nổi dậy. Vậy là ông ta thuyết phục những người khác, song vì người Amathous không sẵn lòng làm như ông ta mong muốn, Onesilos liền dẫn quân tới trước thành phố của họ và vây thành.

105. Trong thời gian đó, khi vua Dareios được bẩm báo rằng Sardis đã bị người Athenai và người Ionia liên quân đánh chiếm và đốt trụi, và kẻ cầm đầu liên minh gây ra những việc này là Aristagoras thành Miletos, người ta thuật lại rằng thoạt đầu khi biết tin Dareios không bận tâm gì tới những người Ionia, vì nhà vua biết dẫu thế nào đi nữa họ cũng sẽ không thể thoát khỏi việc nổi loạn này mà không bị trừng phạt, mà hỏi người Athenai là ai, rồi khi được biết, nhà vua liền sai mang cây cung của mình tới, cầm lấy cây cung và đặt một mũi tên lên dây cung, Dareios liền bắn mũi tên thẳng lên trời, vừa bắn tên lên trời nhà vua vừa nói: "Zeus, xin hãy cho ta báo thù người Athenai!" Nói xong như vậy, ông ra lệnh cho một người hầu của mình rằng khi bữa tối được dọn ra trước mặt nhà vua, người này luôn phải nói ba lần: "Bệ hạ, hãy nhớ người Athenai".

106. Khi đã giao phó việc này, Dareios cho triệu Histiaios người Miletos, người nhà vua đã lưu bên mình một thời gian dài, vào chầu và nói: "Histiaios, ta được cho hay rằng phó tướng của ngươi, kẻ ngươi ủy thác việc cai trị Miletos, đã nổi dậy chống lại ta; vì hắn đã đưa những kẻ từ lục địa khác tới chống lại ta và thuyết phục cả người Ionia – những kẻ sẽ trả giá với ta vì những gì chúng đã làm – làm điều tương tự, và hắn đã cướp phá Sardis của ta. Giờ ngươi nghĩ việc này có tốt không? Và liệu có bất cứ điều gì như thế có thể diễn ra mà không có chủ kiến của người hay không? Hãy cẩn thận kẻo sau này ngươi sẽ trở thành kẻ có tội".

Histiaios trả lời: "Tâu bệ hạ, bệ hạ đang nói gì vậy, rằng thần đã xúi giục một việc mà có thể sẽ gây phiền phức cho bệ hạ, cho dù lớn hay nhỏ sao? Thần còn cần tìm kiếm gì thêm so với những gì thần đã có để làm những việc như thế, và thần còn thiếu thứ gì nữa đây? Thần đã có mọi thứ bệ hạ có, và thần nghĩ mình thật vẻ vang vì được dự nghe tất cả các hội đồng bệ hạ triệu tập. Không,

nếu kẻ thay mặt thần hành động như bệ hạ đã nói, xin bệ hạ hãy tin chắc rằng hắn làm vậy hoàn toàn do chủ ý của riêng hắn. Tuy nhiên, về phần mình, thần thậm chí không thể thừa nhận là lời bẩm báo này là đúng, rằng người Miletos và kẻ thay mặt thần đã có bất cứ hành động phản loạn nào chống lại quyền lực của bệ hạ. Song nếu quả thực họ đã làm bất cứ điều gì như vậy, và đúng những gì bệ hạ nghe được là sự thật, bệ hạ hãy xem chuyện gì đã xảy ra khi bệ hạ đưa thần rời khỏi vùng bờ biển, vì có vẻ như những người Ionia, khi thần đã đi khuất mắt họ, đã làm điều từ lâu họ mong muốn. Trong khi nếu thần ở lại Ionia, hẳn đã không thành phố nào dám manh động. Vì thế giờ đây bệ hạ hãy để thần lên đường tới Ionia nhanh nhất có thể, để thần có thể lập lại trật tự cho bệ hạ như trước đây, và giao cho bệ hạ kẻ thay thần cai trị Miletos và đã mưu toan gây ra những việc này, rồi khi đã hoàn tất việc dẹp loạn theo ý bệ hạ, thần xin thề trước các vị thần của hoàng gia rằng thần sẽ không bỏ khỏi mình chiếc áo tunic thần mặc khi về Ionia cho tới khi đã buộc Sardo, hòn đảo lớn nhất trong mọi hòn đảo, phải triều cống bệ hạ".

107. Histiaios đã nói vậy để tìm cách đánh lừa Dareios, và nhà vua đã bị thuyết phục để ông ta rời đi, lệnh cho ông ta, một khi đã hoàn thành những gì đã hứa, phải quay lại Sousa.

108. Trong thời gian đó, khi tin tức về Sardis truyền tới tai vua Ba Tư, và trong khi Dareios, sau những gì thực hiện với cây cung, cho triệu Histiaios vào chầu, và Histiaios được Dareios cho rời đi để quay trở lại bờ biển, các biến cố sau đây đã xảy ra: Trong khi Onesilos vua Salamis đang vây hãm Amathous, tin báo tới cho ông ta hay rằng, Artybios, một người Ba Tư, đem theo một đạo quân Ba Tư lớn trên chiến thuyền, sắp sửa tới Kypros. Biết tin, Onesilos liền phái sứ giả tới những vùng khác nhau ở Ionia để kêu gọi người Ionia tới giúp mình, và người Ionia cùng nhau bàn bạc rồi khẩn trương tới trợ chiến với một lực lượng lớn. Quân Ionia tới Kypros vừa đúng lúc quân Ba Tư đã từ Kilikia vượt biển bằng thuyền và đang hành quân theo đường bộ tới tấn công Salamis, trong khi người Phoinike cùng với chiến thuyền đang đi vòng qua mũi đất được gọi là "Chìa khóa của Kypros".

109. Các tiếm chúa của Kypros liền tập hợp các chỉ huy Ionia lại và nói: "Hỡi người Ionia, người Kypros chúng tôi cho các vị lựa chọn xem các vị sẽ giao chiến với kẻ thù nào, người Ba Tư hay người Phoinike, vì nếu các vị chọn dàn quân trên bộ và giao chiến với quân Ba Tư, thì đã đến lúc để các vị xuống thuyền để bố trí trên bộ, còn chúng tôi xuống thuyền của các vị để đón đánh quân Phoinike; nhưng nếu trái lại các vị muốn giao chiến với quân

Phoinike – cho dù các vị muốn lựa chọn kẻ thù nào, các vị cũng phải nỗ lực để hoàn thành phần trách nhiệm của các vị, để cuối cùng cả Ionia và Kypros sẽ được tự do". Người Ionia liền trả lời: "Chúng tôi được hội đồng của Ionia phái đi để canh gác phía biển, chứ không phải để giao thuyền lại cho người Kypros còn chúng tôi giao chiến với người Ba Tư trên bộ. Vì thế, chúng tôi sẽ nỗ lực để làm tốt ở nơi chúng tôi được giao phó nhiệm vụ, và các vị hãy nhớ lấy tất cả tai ương các vị đã phải chịu đựng từ người Media khi các vị là nô lệ của chúng, hãy chứng minh bản thân các vị là những người cừ khôi".

110. Những người Ionia đã trả lời như thế, rồi sau đó, khi người Ba Tư tiến đến đồng bằng Salamis, các vua của Kypros liền dàn quân thành đội hình, chọn lực lượng tinh nhuệ nhất của Salamis và Soloi bố trí đối diện với quân Ba Tư, và bố trí những đội quân người Kypros khác chống lại phần lực lượng còn lại của địch. Và để đối đầu với Artybios, chỉ huy quân Ba Tư, Onesilos tình nguyện đứng vào hàng ngũ trong đội hình.

111. Lúc đó Artybios đang cưỡi một con ngựa đã được huấn luyện để nhảy chồm lên bằng hai chân sau nhằm tấn công một *hoplites*. Onesilos đã được báo cho biết điều này, và vì có một người lính mang khiên thuộc sắc tộc Karia có tiếng là một người lính rất dũng cảm, Onesilos liền nói với người lính: "Ta được cho hay rằng con ngựa của Artybios sẽ nhảy chồm lên bằng hai chân sau và dùng móng guốc và răng để tấn công đối thủ. Ngươi hãy cân nhắc chuyện này và nói cho ta biết tức khắc ngươi sẽ lựa chọn để ý canh chừng hay tấn công con ngựa của Artybios". Người cầm khiên của ông ta liền trả lời: "Tâu bệ hạ, thần sẵn sàng làm cả hai việc hay bất cứ việc nào trong hai việc đó, và trong mọi trường hợp thực hiện điều bệ hạ ra lệnh cho thần; song thần xin tâu với bệ hạ cách thần nghĩ sẽ thích hợp nhất trong điều kiện của bệ hạ. Thần cho rằng sẽ là thích hợp khi một người là vua và chỉ huy giao chiến với một vị vua và chỉ huy; vì nếu bệ hạ giết được tướng địch, vinh quang lớn lao sẽ thuộc về bệ hạ; và hơn nữa, nếu y giết bệ hạ, điều chắc rằng các vị thần không cho phép xảy ra, ngay cả trong cái chết nếu ở dưới tay một đối thủ xứng đáng thì cái chết cũng không chỉ hoàn toàn đáng than khóc. Với chúng tôi, những chiến binh dưới quyền chỉ huy của bệ hạ, sẽ là thích hợp nếu chúng tôi chiến đấu với những kẻ khác ở dưới quyền chỉ huy của y và với con ngựa của y. Còn về những đòn tấn công đó của con ngựa, bệ hạ hãy đừng lo lắng, vì thần cam đoan với bệ hạ rằng sau lần này ít nhất nó sẽ không bao giờ đứng dậy nổi để tấn công bất cứ người nào nữa".

112. Sau cuộc trao đổi, hai đạo quân đối địch giao chiến cả trên bộ và trên biển với các chiến thuyền của họ. Khi ấy, người Ionia đã chiến đấu cực kỳ xuất sắc và đánh bại người Phoinike, và trong số họ, xuất sắc hơn cả là những người Samos. Cùng lúc đó, trên đất liền, khi hai đạo quân chạm trán, hai bên tiến sát lại gần và giao chiến; còn về hai vị chỉ huy, sự tình đã diễn ra như sau: Khi Artybios ngồi trên lưng ngựa của mình chiến đấu với Onesilos, Onesilos, theo những gì đã trao đổi với người lính của mình, liền chiến đấu với chính Artybios khi viên tướng Ba Tư xông tới tấn công mình. Và khi con ngựa đạp vó vào chiếc khiên của Onesilos, người lính Karia liền vung thanh kiếm và chặt cụt cả hai bàn chân con ngựa.

113. Vậy là Artybios, chỉ huy quân Ba Tư, ngã lăn ra tại chỗ cùng con ngựa của ông ta. Và trong khi các đội quân khác cũng đang giao chiến, Stesenor tiếm chúa Kourion rời bỏ hàng ngũ Kypros, đem theo một đội quân lớn – Kourion được người Argos tới định cư – và khi người Kourion đã đào ngũ, các chiến xa của người Salamis cũng làm tương tự. Khi những biến cố này xảy ra, người Ba Tư liền chiếm ưu thế so với người Kypros, và sau khi đạo quân Kypros đã chạy loạn. Nhiều người ngã xuống trên chiến trường, trong đó có Onesilos, con trai Khersis, người đã tổ chức cuộc nổi dậy của người Kypros, và Aristokypros, vua Soloi. Aristokypros là con trai Philokypros, người mà Solon người Athenai khi tới Kypros đã ca ngợi trong các vần thơ hơn hẳn các tiếm chúa khác.

114. Vậy là người Amathous chặt đầu Onesilos, vì ông này đã vây hãm họ, rồi sau khi mang thủ cấp này về Amathous, họ liền bêu nó lên cổng thành; khi nó đã trở thành một cái sọ rỗng, một bầy ong đã chui vào trong sọ và làm tảng ong trong đó. Khi việc này xảy ra, người Amathous liền tham vấn dự ngôn giả, và được yêu cầu đem thủ cấp xuống, chôn cất và dâng lễ hiến sinh hằng năm lên Onesilos như một vị anh hùng.

115. Người Amathous tiếp tục làm như vậy cho tới tận thời của tôi. Nhưng người Ionia đã giao chiến trên biển ở Kypros, khi họ biết rằng vận may đã quay lưng lại với Onesilos và các đô thị của người Kypros đang bị vây hãm ngoại trừ Salamis đã được người Salamis trả lại cho vị cựu vương Gorgos, họ liền lập tức trở về Ionia. Trong số các đô thị Kypros bị vây hãm, Soloi trụ vững lâu nhất, và người Ba Tư hạ được nó vào tháng thứ năm bằng cách phá bức tường bao quanh thành phố.

116. Người Kypros, sau khi giành lấy tự do cho mình trong một năm, đã lại rơi vào kiếp nô lệ. Trong thời gian đó Daurises, người

đã kết hôn với con gái của Dareios, cùng những tướng lĩnh Ba Tư khác, Hymaies và Otanes, cũng kết hôn với các con gái của Dareios, sau khi truy kích những người Ionia đã tấn công Sardis, đã đánh bại họ trên chiến trường, và đẩy lùi những người sống sót xuống thuyền của họ. Sau đó các tướng Ba Tư chia nhau các đô thị và tiến hành cướp bóc.

117. Daurises tiến về phía các đô thị bên eo Hellespontos, và chiếm Dardanos, Abydos, Perkotes, Lampsakos và Paisos, mỗi ngày chiếm một thành. Khi đang trên đường từ Paisos tới Parion, có tin báo người Karia đã gia nhập với người Ionia và nổi dậy chống lại người Ba Tư, ông liền quay về; bỏ lại Hellespontos, ông hành quân về Karia.

118. Và như đã xảy ra, tin tức về việc này đã được báo cho người Karia trước khi Daurises tới nơi. Khi biết tin, người Karia tập trung lại ở nơi được gọi là "Bạch trụ" và bên sông Marsyas, con sông bắt nguồn từ vùng Idrias và chảy vào sông Maiandros. Khi người Karia đã tập hợp tại đó, trong số nhiều lời đề xuất được đưa ra, ý kiến hay nhất theo ý tôi là của Pixodaros, con trai Mausolos, một người Kindya kết hôn với Syennesis, con gái vua Kilikia. Ý kiến của người này đề nghị rằng người Karia nên vượt sông Maiandros và giao chiến với quân Ba Tư với dòng sông ở sau lưng họ, để người Karia do không thể tháo lui và buộc phải dừng lại ở nơi họ đang đứng có thể chứng tỏ họ là những chiến binh dũng mãnh hơn trong chiến đấu so với bản tính tự nhiên của họ. Ý kiến này không được tán đồng, nhưng người Karia quyết định rằng người Ba Tư chứ không phải họ sẽ phải ở vào thế quay lưng vào sông Maiandros, rõ ràng nhằm mục đích nếu quân Ba Tư thua trận và phải tháo chạy, họ sẽ không bao giờ quay về nhà được mà sẽ rơi hết xuống sông.

119. Sau đó, khi quân Ba Tư tới nơi và đã vượt qua sông Maiandros, người Karia liền giao chiến với quân Ba Tư bên sông Marsyas và đánh một trận đánh ác liệt và kéo dài. Nhưng cuối cùng họ bị thua trước số lượng áp đảo của đối phương.

Phía Ba Tư có đến 2.000 người tử trận ở đó, nhưng về phía Karia có tới 10.000 người. Rồi những người Karia chạy thoát liền cố thủ ở Labraunda trong thánh địa của thần Zeus Stratios, một khu thánh địa rộng lớn trồng nhiều cây tiêu huyền. Người Karia là tộc người duy nhất chúng ta biết dâng lễ hiến sinh lên thần Zeus Stratios. Những người Karia cố thủ ở đó liền bàn bạc với nhau về an nguy của họ, liệu số phận của họ sẽ tốt hơn nếu họ đầu hàng người Ba Tư hay nếu họ rời khỏi châu Á.

120. Trong khi họ đang bàn bạc như thế, người Miletos và các đồng minh khác của họ đã tới trợ giúp người Karia. Vậy là những người Karia bỏ qua những kế hoạch họ đã cân nhắc trước đó và sửa soạn tiếp tục tái chiến từ đầu. Khi người Ba Tư tới tấn công họ, người Karia cùng các đồng minh liền đối trận với quân Ba Tư và giao chiến, thế nhưng họ lại bị đánh bại nặng nề hơn lần trước, và trong khi có rất nhiều người thuộc tất cả các thành bang bị tử trận, người Miletos chịu tổn thất lớn nhất.

121. Sau đó, người Karia bù đắp lại những thiệt hại phải chịu đựng và báo thù cho thất bại của họ, vì khi biết được quân Ba Tư đang hành quân tới các thành phố của họ, người Karia liền phục kích trên con đường gần Pedasos, và quân Ba Tư rơi vào ổ phục kích trong đêm liền bị tiêu diệt toàn quân gồm cả các tướng chỉ huy là: Daurises, Amorges và Sisimakes, cũng tử trận còn có Myrsos con trai Gyges. Chỉ huy cuộc phục kích này là Herakleides thành Mylasa, con trai Ibanollis.

122. Trong thời gian đó Hymaies, một trong số các viên tướng truy kích người Ionia đã tấn công Sardis, hành quân tới Propontis và chiếm thành Kios tại Mysia, rồi sau khi đã chinh phục thành phố này. Khi biết Daurises đã rời khỏi eo Hellespontos và đang hành quân tới Karia, Hymaies liền rời Propontis và dẫn đạo quân của mình tới Hellespontos. Ông ta chinh phục tất cả người Aiolis sống ở vùng Troas, cũng như người Gergithes, được coi là hậu duệ còn lại của người Teukroi cổ xưa. Sau khi chinh phục các dân tộc này, Hymaies chết bệnh tại Troas.

123. Và Artaphernes, tỉnh trưởng Sardis, được giao phó cùng Otanes, vị tướng thứ ba, tấn công Ionia và phần lãnh thổ Aiolis giáp ranh với vùng này. Họ chiếm Klazomenai của Ionia và Kyme của Aiolis.

124. Trong khi các thành phố bị chiếm như vậy, Aristagoras thành Miletos, vốn là một người chẳng mấy dũng cảm, như ông ta đã chứng tỏ vào lúc này. Dù đã làm rối loạn cả Ionia và sửa soạn làm những việc lớn lao, ông ta lại tìm cách bỏ chạy khi chứng kiến những gì xảy ra (thêm nữa, ông ta đã thấy rõ là không thể đánh bại được vua Dareios). Aristagoras, sau khi cân nhắc những biến cố thực tế, đã triệu tập tất cả những người thuộc phe đảng của chính mình và bàn bạc với họ, nói rằng tốt hơn nên chuẩn bị nơi tị nạn để phòng trường hợp rốt cuộc họ sẽ bị đánh đuổi khỏi Miletos, rồi đưa ra câu hỏi liệu ông ta có nên dẫn họ từ Miletos tới Sardo để lập một khu định cư tại đó, hoặc tới thành Myrkinos tại Edonia, nơi Histiaios đã xây thành lũy phòng thủ sau khi được

Dareios ban cho.

125. Quan điểm của sử gia Hekataios, con trai Hegesandros, là Aristagoras không nên đến cả hai nơi này, mà nên xây một pháo đài cho chính mình trên đảo Leros và cố thủ nếu bị buộc phải rời Miletos, rồi sau đó với hòn đảo này làm bàn đạp, ông ta có thể quay trở lại Miletos. Đó là lời khuyên của Hekataios.

126. Tuy nhiên, Aristagoras nhất quyết muốn tới Myrkinos. Vì thế, ông ta giao quyền cai quản Miletos cho Pythagoras, một người có danh tiếng trong các công dân, còn bản thân đi thuyền tới Thraike, đem theo tất cả những ai muốn đi cùng, và ông ta chiếm cứ lấy vùng đất đã nhắm tới. Nhưng khi xuất phát từ nơi này để gây chiến, ông ta lẫn đạo quân của ông chết dưới tay người Thraike, và người Thraike muốn ra khỏi thành với một thỏa thuận đình chiến.

Quyển 6
Erato[1]

[1]. Nữ thần thi ca trong thần thoại Hy Lạp.

1. Sau khi kích động Ionia nổi loạn, Aristagoras đã kết thúc đời mình như vậy. Trong lúc đó, Histiaios tiếm chúa Miletos đã tới Sardis sau khi được Dareios cho rời đi. Và khi ông ta từ Sousa tới, Artaphernes tỉnh trưởng Sardis liền hỏi theo ông ta suy đoán người Ionia đã nổi dậy vì lý do gì. Histiaios liền nói ông ta không thể đoán được, và hơn thế ông ta tỏ ra băn khoăn trước những gì đã xảy ra, vờ rằng ông ta không biết gì về tình hình thực tế. Thế rồi Artaphernes, thấy rằng Histiaios đang giả bộ, liền nói như sau, vì Artaphernes đã biết sự thật về cuộc nổi dậy: "Tất cả những chuyện này là do ông gây ra, Histiaios – chiếc giày này do ông khâu, rồi được Aristagoras xỏ vào".

2. Artaphernes đã nói như vậy về cuộc nổi dậy, và Histiaios, lo sợ Artaphernes biết chuyện, liền bỏ chạy khi màn đêm buông xuống vào ngày hôm sau và tới bờ biển sau khi đã lừa dối vua Dareios, bởi lẽ ông ta đã cam kết khuất phục Sardo, hòn đảo lớn nhất trong mọi hòn đảo, nhưng thay vì thế lại trở thành kẻ cầm đầu người Ionia trong cuộc chiến chống lại Dareios. Sau khi vượt biển tới Khios, ông ta bị người Khios xiềng lại, bị họ buộc tội đang toan tính lật đổ chính quyền của họ theo sự giao phó của Dareios. Tuy nhiên, khi người Khios biết được toàn bộ câu chuyện và biết ông ta là kẻ thù của vua Ba Tư, họ liền thả ông ta ra.

3. Sau đó Histiaios, khi được người Ionia hỏi về lý do ôngta ra lệnh cho Aristagoras nổi dậy chống lại nhà vua gấp gáp như vậy, đã không hề nói với họ nguyên do thực sự, mà nói rằng vua Dareios đã quyết định di chuyển người Phoinike ra khỏi vùng đất của họ và đưa họ tới định cư tại Ionia, còn người Ionia sẽ phải chuyển tới Phoinike, và vì lý do này ông ta đã ra lệnh nổi dậy. Bằng cách này,

ông ta muốn kích động người Ionia, cho dù vua Ba Tư chưa từng có quyết định như vậy.

4. Sau đó, thông qua Hermippos, một người Atarneus, Histiaios gửi thư tới những người Ba Tư đang ở Sardis, ám chỉ rằng ông ta đã nói với họ về một cuộc nổi dậy. Và Hermippos đã không chuyển những lá thư này tới tay những người anh ta được giao chuyển thư, mà mang chúng tới đưa cho Artaphernes. Ông này, khi nhận ra tất cả những gì đã xảy ra, liền ra lệnh cho Hermippos đưa thư tới những người nhận thực sự, rồi chuyển lại cho ông ta những thư trả lời được những người Ba Tư viết cho Histiaios. Khi việc này bị phát giác, Artaphernes đã xử tử nhiều người Ba Tư.

5. Như vậy, tại Sardis đã có những rối ren xảy ra, và khi Histiaios đã hết hy vọng vào chuyện này, người Khios liền tìm cách phục chức cho ông ta tại Miletos theo lời đề nghị của chính Histiaios. Tuy nhiên, người Miletos, vốn đã vui mừng khi tống khứ được Aristagoras, không hề hào hứng muốn đón nhận một tiếm chúa khác trên đất của họ, một khi đã nếm trải tự do, và quả thực Histiaios, khi tìm cách trở lại Miletos bằng vũ lực và dưới sự che chở của màn đêm, đã bị một người Miletos đâm bị thương ở đùi. Sau khi bị xua đuổi khỏi chính thành phố của mình, ông ta liền trở lại Khios, và tại đó, khi không thể thuyết phục người Khios cho mình mượn thuyền, ông ta vượt biển tới Mytilene để tìm cách thuyết phục người Lesbos cho mình thuyền. Họ liền trang bị tám chiếc *triereis* và ra khơi cùng Histiaios tới Byzantion, rồi đóng quân tại đó, họ chiếm giữ những chiếc thuyền từ biển Pontos ra, ngoại trừ khi thủy thủ đoàn nói họ sẵn sàng tuân lệnh Histiaios.

6. Trong khi Histiaios và người Mytilene hành động như vậy, một đạo quân lớn, gồm cả bộ binh lẫn hải quân, đang đe dọa tấn công chính Miletos. Vì các tướng lĩnh Ba Tư đã hội quân để tạo thành một đạo quân duy nhất và hành quân tới Miletos, coi các thành phố khác là ít quan trọng hơn. Trong lực lượng hải quân của họ, hăng hái nhất là người Phoinike, và tham chiến bên họ còn có người Kypros mới vừa bị khuất phục, cũng như người Kilikia và người Ai Cập.

7. Người Ba Tư này đang tiến tới Miletos và phần còn lại của Ionia, trong khi đó, những người Ionia biết tin liền cử những người đại diện được lựa chọn từ mỗi cộng đồng của họ tới Panionion. Khi những đại diện này tới nơi và bàn bạc với nhau, họ quyết định sẽ không tập hợp một đạo quân bộ để giao chiến với quân Ba Tư, mà những người Miletos sẽ tự thân phòng thủ thành lũy của mình, còn các thành bang Ionia sẽ trang bị hạm đội của họ, không chừa

lại bất cứ chiến thuyền nào, rồi khi hoàn tất việc chuẩn bị sẽ hội quân sớm nhất có thể tại Lade để thực hiện một trận hải chiến bảo vệ Miletos. Lade là một hòn đảo nhỏ nằm đối diện với thành phố Miletos.

8. Những người Ionia sau đó trang bị chiến thuyền và tới hòn đảo này, cùng với họ còn có những người Aiolis sống trên đảo Lesbos, họ bố trí theo thứ tự đội hình như sau: Tận cùng phía đông của chiến tuyến là người Miletos, họ cung cấp 80 chiến thuyền. Bên cạnh họ là những người Priene với 12 chiến thuyền và người Myous với ba chiến thuyền. Cạnh những người Myous là người Teos với 17 chiến thuyền, sau người Teos là người Khios với 100 chiến thuyền. Sau họ là người Erythrai và người Phokaia, lần lượt cung cấp tám chiến thuyền và ba chiến thuyền, kề bên người Phokaia là người Lesbos với 70 chiến thuyền, và cuối cùng, giữ vị trí tận cùng về phía tây của chiến tuyến, là người Samos với 60 chiến thuyền. Tổng cộng có 353 chiếc *triereis*.

9. Đây là thuyền của người Ionia, còn về phía man tộc, số chiến thuyền là 600. Khi cả số thuyền này cũng đã tới bờ biển Miletos và đạo quân bộ cũng đã có mặt, các tướng lĩnh Ba Tư, được báo về số lượng chiến thuyền Ionia, liền cảm thấy e sợ rằng họ không thể đánh bại được lực lượng này, và như thế một mặt không thể chinh phục được Miletos do không kiểm soát được mặt biển, mặt khác phải đối diện với nguy cơ bị Dareios trừng phạt. Cân nhắc về việc này, họ liền tập hợp các tiếm chúa Ionia đang lưu vong tại Media, cũng là những người bị Aristagoras phế truất, đồng thời cũng đang tình cờ tham gia vào cuộc tấn công Miletos, rồi nói với những người này như sau: "Hỡi người Ionia, bây giờ mỗi người trong các vị hãy chứng tỏ bản thân các vị là người làm lợi cho hoàng gia, nghĩa là mỗi người trong các vị hãy cố gắng lôi kéo đồng bào của mình ra khỏi lực lượng liên minh, đồng thời hứa rằng họ sẽ không phải chịu điều gì bất lợi vì cuộc nổi loạn, và cả những ngôi đền lẫn nhà riêng của họ cũng sẽ không bị đốt, còn bản thân họ sẽ không bị đối xử tệ hơn so với trước đây. Nhưng nếu họ không làm vậy, mà nhất quyết giao chiến với chúng ta, hãy đe dọa và nói với họ điều này, cũng là điều trên thực tế sẽ xảy đến với họ, đó là nếu thua trận họ sẽ bị biến thành nô lệ, và chúng ta sẽ biến con trai của họ thành hoạn quan, và trinh nữ của họ sẽ bị đưa tới Baktra, đất đai của họ sẽ bị giao cho những người khác".

10. Các tướng lĩnh Ba Tư đã nói như vậy, và các tiếm chúa Ionia được phái đi từng người một vào ban đêm tới gặp đồng bào của mình để báo cho họ biết những lời đó. Tuy nhiên, người Ionia mà những lời đe dọa hướng tới vẫn tiếp tục kiên quyết và không chấp

nhận ý nghĩ phản bội lại sự nghiệp của họ, và mỗi tộc người đều nghĩ rằng người Ba Tư chỉ gửi thông điệp này tới riêng họ.

11. Chuyện này xảy ra ngay khi quân Ba Tư tới Miletos, rồi lực lượng Ionia sau khi hội quân ở Lade liền tiến hành các cuộc họp bàn, và chắc chắn còn có những người khác đã phát biểu ý kiến với họ, song đặc biệt đáng chú ý là vị chỉ huy Phokaia, Dionysios, người đã nói như sau: "Hỡi những người Ionia, vì tình thế của chúng ta đang chênh vênh trên lưỡi kiếm về việc liệu chúng ta sẽ được tự do hay trở thành nô lệ, và cả các nô lệ cũng sẽ bị đối xử như những kẻ chạy trốn, thế nên giờ đây nếu các vị sẵn sàng gánh vác khó khăn, các vị sẽ phải đối diện với gian truân vào thời điểm hiện tại, nhưng sẽ có thể vượt qua kẻ thù và trở nên tự do. Trái lại, nếu các vị tiếp tục buông thả và vô kỷ luật, ta không có chút hy vọng nào cho các vị rằng các vị sẽ không phải trả giá bởi hình phạt của vua Ba Tư cho cuộc nổi dậy của mình. Hãy làm như ta nói, và giao cho ta quyền chỉ huy các vị, và ta cam kết, nếu các vị thần ban cho điều kiện ngang bằng, rằng kẻ thù hoặc sẽ không giao chiến với chúng ta, hoặc khi giao chiến chúng sẽ thất bại nặng nề".

12. Nghe những lời này, người Ionia liền giao quyền chỉ huy cho Dionysios, và ông thường xuyên đưa các chiến thuyền ra biển hằng ngày thành một hàng duy nhất để rèn luyện cho những người chèo thuyền bằng cách làm các chiến thuyền tranh đua vượt lên trước nhau, đồng thời để ông có thể tập cho các thủy binh trên các chiến thuyền sử dụng vũ khí, rồi sau đó, trong phần còn lại của ngày, ông để các chiến thuyền bỏ neo tại bến, và cứ như thế người Ionia luyện tập cả ngày. Trong bảy ngày liền họ làm những gì ông ra lệnh, nhưng đến ngày thứ tám, sau khi những người Ionia này, vốn không quen với luyện tập hà khắc và bị kiệt sức vì phải gắng sức và chịu sức nóng gay gắt từ mặt trời, đã nói với nhau rằng: "Chúng ta đã xúc phạm vị thần nào để phải chịu những khổ ải này? Vì rõ ràng chúng ta đã cam chịu để một gã Phokaia, một kẻ thoán đoạt, kẻ chỉ đóng góp có ba chiến thuyền, chỉ huy chúng ta. Hắn đã nắm lấy chúng ta trong tay và hành hạ chúng ta với những cách tra tấn xấu xa khiến chúng ta không bao giờ hồi phục được, và quả thực rất nhiều người trong chúng ta đã đổ bệnh, có thể lường trước là nhiều người khác sẽ sớm phải chịu chung tình cảnh, và với chúng ta thà rằng chịu đựng bất cứ điều gì khác trên đời còn hơn là những bệnh tật này, và thà rằng cam chịu ách nô lệ sẽ tới với chúng ta, cho dù nó có là gì đi nữa, còn hơn bị áp bức bởi những thứ hiện tại chúng ta phải chịu đựng. Nào, chúng ta hãy dừng việc tuân lệnh hắn thêm nữa". Họ nói như vậy, rồi ngay sau đó tất cả đều từ chối tuân lệnh Dionysios, họ lên

đảo cắm trại như một đạo quân bộ, náu mình dưới bóng râm, và không chịu lên thuyền hay luyện tập thêm nữa.

13. Chứng kiến những gì người Ionia làm, các chỉ huy quân Samos sau một thời gian đã chấp nhận từ Aiakes, con trai Syloson, những đề nghị mà trước đó Aiakes đã chuyển tới theo lệnh của người Ba Tư, yêu cầu họ rời khỏi khối đồng minh Ionia. Người Samos chấp nhận những đề nghị đó vì nhận thấy sự thiếu kỷ luật bên phía Ionia, đồng thời họ cũng thấy rõ không thể chống đỡ được sức mạnh của vua Ba Tư. Họ cũng biết rõ rằng thậm chí dù họ có đánh bại được hạm đội hiện tại của Dareios, rồi sẽ có một lực lượng khác đông hơn năm lần tấn công họ. Vậy là sau khi tìm được một cơ hội, ngay khi họ thấy người Ionia từ chối luyện tập để tác chiến, những người Samos liền tính toán rằng cứu vớt các ngôi đền và tài sản riêng của họ sẽ là có lợi cho mình. Aiakes, người đã được đội quân Samos chấp nhận những đề xuất ông ta đưa ra, là con trai Syloson và cháu Aiakes. Trước đó ông là tiếm chúa Samos, và bị Aristagoras thành Miletos lật đổ cùng với các tiếm chúa Ionia khác.

14. Vậy là khi người Phoinike đem chiến thuyền tấn công, người Ionia cũng cho chiến thuyền ra khơi đón đánh, dàn thành một hàng. Và khi hai hạm đội tiếp cận rồi giao chiến với nhau, về những gì xảy ra sau đó, tôi không thể thuật lại chính xác những ai trong hàng ngũ Ionia đã chứng tỏ mình hèn nhát hay xứng mặt nam nhi trong trận hải chiến này, vì họ đã đổ lỗi lẫn nhau. Tuy nhiên, người ta thuật lại rằng những người Samos, theo đúng thỏa thuận của họ với Aiakes đã giương buồm, rời khỏi hàng để quay trở về Samos, ngoại trừ 11 chiến thuyền, thuyền trưởng của chúng đều ở lại nguyên vị trí và tham gia trận hải chiến, từ chối tuân lệnh chỉ huy của họ. Chính thể Samos vì việc này đã ban cho họ vinh dự được tạc tên cùng với tên cha của họ lên một cột trụ, vì đã chứng tỏ bản thân là những người can trường, và cây cột trụ đó vẫn còn tồn tại ở khu chợ. Sau đó, cả người Lesbos, khi thấy những chiến thuyền ở sát bên cạnh mình đã tháo chạy, cũng làm điều tương tự như người Samos, và phần lớn các đồng minh Ionia khác cũng vậy.

15. Về phần những người ở lại giao chiến trên biển, người Khios chịu tổn thất nặng nề, vì họ đã thể hiện những hành động can đảm anh hùng và từ chối làm những kẻ hèn nhất. Như đã nói ở trên, người Khios đóng góp 100 chiến thuyền và trên mỗi chiến thuyền có 40 thủy binh được chọn từ các công dân Khios, và khi họ thấy đa số các đồng minh đã bỏ rơi mình, họ không nghĩ bản thân họ nên xử sự như những kẻ hèn nhát, mà ở lại cùng số ít

đồng minh còn lại, tiếp tục chiến đấu và không ngừng đột phá qua đội hình địch, cho tới cuối cùng, sau khi đã chiếm được nhiều chiến thuyền địch, bản thân họ còn chịu số lượng thương vong lớn hơn. Sau đó, người Khios tháo chạy về bản quán trên những chiến thuyền còn lại của họ.

16. Nhưng người Khios không còn điều khiển được các thuyền do hư hại, đã chạy trốn tới ẩn náu ở Mykale khi bị truy kích, họ cho thuyền lao lên bờ ở đó rồi bỏ lại, trong khi thủy thủ đoàn chạy trốn tiếp trên đất liền. Người Khios tới lãnh thổ Ephesos trên đường tháo lui, vì họ tới nơi vào ban đêm và đúng lúc hội Thesmophoria đang được những người phụ nữ bản địa cử hành, người Ephesos, trước đó không hề biết chuyện gì đã xảy ra với người Khios và lại thấy một nhóm người có vũ trang xâm nhập vào lãnh thổ của họ, liền cho rằng đó là những tên cướp và có ý đồ xấu với phụ nữ. Vậy là người Ephesos ùa tới ứng cứu rất đông và giết sạch người Khios. Đó là số phận của người Khios.

17. Dionysios người Phokaia, nhận thấy tình thế không thể cứu vãn, sau khi đã chiếm được ba chiến thuyền của kẻ thù ông ta liền tháo chạy, nhưng không phải về Phokaia nữa, vì ông ta biết chắc thành phố này rồi sẽ bị rơi vào kiếp nô dịch cùng phần còn lại của Ionia, ông dong buồm tới Phoinike. Sau khi đã đánh chìm một thuyền buôn ở đó và đoạt lấy một lượng lớn hàng hóa, ông ta liền đi thuyền tới Sikelia. Với khởi đầu như vậy, ông ta trở thành một hải tặc, nhưng không cướp bất cứ thuyền Hy Lạp nào, mà chỉ tấn công người Karkhedon và Tyrrhenoi.

18. Người Ba Tư sau khi đả bại người Ionia trên biển, liền bao vây Miletos cả trên bộ và trên biển, tấn công tường thành và sử dụng tất cả các loại vũ khí công thành để phá hủy nó, và họ chiếm được hoàn toàn thành phố vào năm thứ sáu kể từ khi cuộc nổi dậy của Aristagoras bắt đầu, và bắt cư dân ở đây làm nô lệ, vậy là tai họa xảy ra đã đúng như thần dụ.

19. Khi người Argos tới Delphoi hỏi về an nguy sẽ đến với thành phố của họ, họ nhận được một lời tiên tri liên quan tới cả hai cộng đồng, cụ thể là một phần thần dụ này nhắc tới chính người Argos, trong khi phần được thêm vào sau này nhắc tới người Miletos. Phần liên quan tới người Argos tôi sẽ thuật lại khi tôi viết tới phần tương ứng của lịch sử này, còn phần nhắc tới người Miletos, vốn không có mặt tại đó vào thời điểm ấy, là như sau:

Đến một ngày, hỡi Miletos, kẻ mưu đồ những điều xấu xa,

Chính ngươi sẽ thành bữa tiệc cho nhiều người, một phần thưởng lớn.

Vợ các ngươi sẽ rửa chân nhiều gã tóc dài,

Và ngôi đền của ta tại Didyma sẽ được người khác trông nom.

Vào thời gian tôi đang kể đến, những điều này đã xảy ra với người Miletos, vì phần lớn nam giới bị người Ba Tư vốn để tóc dài giết, còn phụ nữ cũng như trẻ con bị bán làm nô lệ, và ngôi đền tại Didyma, cả thánh điện và thần miếu, bị cướp phá và đốt trụi. Về những thứ có trong ngôi đền này, tôi đã nhắc tới thường xuyên trong các phần khác của lịch sử này.

20. Sau biến cố này, những người Miletos bị bắt làm tù binh bị giải tới Sousa, và vua Dareios đã không làm gì thêm có hại cho họ, mà để họ định cư bên bờ biển Erythra tại thành Ampe, nơi sông Tigris chảy qua khi đổ ra biển. Về lãnh thổ của Miletos, người Ba Tư chiếm lấy vùng đất quanh thành phố và vùng đồng bằng, còn phần đồi núi họ giao cho người Karia ở Pedasos.

21. Khi người Miletos phải chịu sự đối xử như vậy từ người Ba Tư, người Sybaris, sống tại Laos và Skidros, vốn đã bị tước đoạt mất thành phố của chính họ, đã không hề thể hiện sự đồng cảm như người Miletos trước đó, vì khi Sybaris bị người Kroton chiếm, tất cả người Miletos từ tuổi thanh niên trở lên đều cạo đầu và than khóc thảm thiết, vì hai thành phố này, hơn bất cứ thành phố nào khác mà chúng ta biết, được gắn kết với nhau bởi tình bằng hữu. Người Athenai không xử sự như người Sybaris, vì họ thể hiện rõ là họ buồn phiền trước việc Miletos thất thủ, vừa qua nhiều cách khác, vừa qua cách sau đây: Khi Phrynikhos soạn một vở bi kịch mang tên *Miletos thất thủ*và đem trình diễn trên sân khấu, toàn bộ khán giả đã khóc, thêm nữa người Athenai còn phạt thi sĩ 1.000 *drakhmai* với lý do ông này đã nhắc nhở họ về những tai họa, và người Athenai còn ra lệnh trong tương lai không ai được trình diễn vở bi kịch này.

22. Vậy là Miletos đã bị tước đoạt hết cư dân. Tại Samos, những người giàu có không hề thấy hài lòng với những gì các chỉ huy hạm đội của họ đã thỏa thuận với người Media, và khi bàn bạc ngay sau trận hải chiến, họ cảm thấy tốt nhất là họ lên thuyền ra đi thiết lập một thực dân địa mới trước khi Aiakes, tiếm chúa của họ, trở về nước, chứ không ở lại để trở thành nô lệ của người Media và của Aiakes, vì đúng vào thời gian này người Zankle tại Sikelia

đang phái sứ giả tới Ionia mời người Ionia tới Kale Akte với mong muốn thành lập một thành phố của người Ionia ở đó. Nơi được gọi là Kale Akte là vùng đất của người Sikeloi và nằm ở đảo Sikelia hướng về phía Tyrrhenia. Chỉ người Samos trong số tất cả các tộc người Ionia liền lên đường, mang theo những người Miletos đã trốn thoát được.

23. Người Samos, khi đang trên đường tới Sikelia đã tới vùng đất của người Lokroi Epizephyroi, và cùng lúc đó người Zankle và vua của họ, tên là Skythes, đang vây hãm một đô thị Sikelia với hy vọng chinh phục thành phố này. Biết được các biến cố này, Anaxilaos tiếm chúa Rhegion khi đó đang có mâu thuẫn với người Zankle liền liên lạc với người Samos và thuyết phục họ rằng họ cần từ bỏ Kale Akte, nơi họ đang hướng tới, và thay vào đó đánh chiếm Zankle, vì thành phố này hiện tại không có người bảo vệ. Người Samos liền làm như lời ông ta nói và chiếm Zankle. Trước việc này, người Zankle, khi được báo tin thành phố của họ đã bị kẻ thù chiếm, liền quay về ứng cứu, và mời Hippokrates tiếm chúa Gela tới giúp, vì ông này là đồng minh của họ. Tuy nhiên, khi Hippokrates và đạo quân của ông ta tới nơi để cứu viện, trước hết ông ta cho xiềng Skythes, vua của Zankle, với lý do nhà vua là nguyên do khiến thành phố thất thủ, và cũng xiềng luôn cả Pythogenes, em trai nhà vua, rồi đày họ tới thành phố Inyx. Tiếp theo, Hippokrates phản bội người Zankle khi thỏa hiệp với người Samos và tuyên thệ cùng họ. Đổi lại việc này, người Samos hứa rằng Hippokrates sẽ nhận được một nửa tài sản có thể mang đi được trong thành phố cũng như một nửa số nô lệ, cùng toàn bộ hoa lợi trên các cánh đồng xung quanh. Vậy là phần lớn người Zankle bị ông ta xiềng xích lại và giữ làm nô lệ cho mình, song những chức sắc của người Zankle, gồm khoảng 300 người, ông ta trao lại cho người Samos để xử tử, tuy nhiên người Samos đã không làm việc này.

24. Skythes, vua của người Zankle, trốn thoát khỏi Inyx tới Himera, rồi từ đây ông ta tới châu Á và đến tận triều đình của Dareios, còn Dareios coi ông ta là người chính trực nhất đã từ Hy Lạp tới triều kiến mình, vì ông ta đã xin từ biệt vua Ba Tư và trở về Sikelia, rồi sau đó lại từ Sikelia tới triều kiến nhà vua, và cuối cùng Skythes qua đời khi sống giữa những người Ba Tư ở tuổi già và vô cùng giàu có. Sau khi chạy trốn ách cai trị của người Media, người Samos đã giành được thành Zankle tráng lệ mà không phải tốn công sức như vậy.

25. Sau trận hải chiến ngoài khơi Miletos, người Phoinike theo lệnh của người Ba Tư đã trao lại Samos cho Aiakes, con trai

Syloson, vì ông ta đã phụng sự họ tận tụy và giúp họ nhiều việc lớn. Trong số tất cả tộc người đã nổi dậy chống lại Dareios, chỉ có người Samos, vì chiến thuyền của họ đã đào tẩu khi diễn ra trận hải chiến, là không bị đốt thành phố và các đền. Sau khi chiếm được Miletos, người Ba Tư giành lại Karia, một số thành phố tự nguyện quy phục họ, trong khi những thành phố khác bị họ khuất phục bằng vũ lực.

26. Histiaios thành Miletos, lúc đó đang ở Byzantion và chặn các thương thuyền của Ionia đi ra từ Pontos, nhận được tin báo về những gì đã xảy ra tại Miletos. Ông giao phó lại công việc tại Hellespontos cho Bisaltes, con trai của Apollophanes, một người Abydos, trong khi bản thân mình cùng người Lesbos dong buồm tới Khios. Và khi một toán quân Khios đang canh phòng không cho ông ta tới gần, ông ta liền giao chiến với họ tại nơi trên lãnh thổ Khios được gọi là Vùng trũng. Khi đó Histiaios không chỉ giết rất nhiều người Khios mà còn chiếm Polikhne của người Khios làm căn cứ cho mình, rồi ông ta khuất phục được những người Khios còn lại với sự giúp đỡ của người Lesbos, vì người Khios đã phải chịu tổn thất nặng nề trong trận hải chiến.

27. Các vị thần dường như luôn đưa ra điềm báo mỗi khi tai ương lớn lao sắp sửa xảy ra với một thành phố hay một tộc người, vì cả với người Khios, trước khi những biến cố kể trên xảy ra, đã có những điềm báo rất đáng chú ý xuất hiện. Trước hết, khi họ gửi tới Delphoi một dàn đồng ca gồm 100 thanh niên, chỉ có hai người trở về, 98 người còn lại đều bị nhiễm bệnh và chết, rồi thứ đến vào cùng thời gian ấy tại thành phố của họ, nghĩa là không lâu trước trận hải chiến, trong khi những đứa trẻ đang ở trường, mái nhà rơi xuống đầu chúng, trong số 120 đứa trẻ chỉ có một người thoát chết. Các vị thần đã gửi đến họ những điềm báo này trước tiên, rồi sau đó trận hải chiến xảy ra và khiến thành bang họ suy sụp, và vì người Khios đã phải chịu tổn thất nặng nề, Histiaios đã chẳng gặp mấy khó khăn trong việc chinh phục họ.

28. Histiaios tiến hành một cuộc viễn chinh tấn công Thasos, đem theo một lực lượng lớn người Ionia và Aiolis; trong lúc đóng trại gần Thasos, Histiaios nhận được tin báo rằng người Phoinike đã ra khơi từ Miletos để chinh phục phần còn lại của Ionia. Được tin này, ông ta rời khỏi Thasos mà không khuất phục được nơi này và hối hả tới Lesbos, mang theo toàn bộ đạo quân của mình. Sau đó, vì đạo quân thiếu lương thực, Histiaios liền vượt biển từ Lesbos tới gặt lúa mì ở Atarneus cũng như tại vùng đồng bằng của Kaikos, nơi thuộc về người Mysia. Tại đây tình cờ lại có một người Ba Tư tên là Harpagos chỉ huy một đạo quân đáng kể. Viên tướng

này đã giao chiến với Histiaios khi ông ta đổ bộ, rồi bắt sống chính Histiaios và tiêu diệt phần lớn đạo quân của ông ta.

29. Histiaios đã bị bắt làm tù binh trong hoàn cảnh như sau: Vào lúc người Hy Lạp đang giao chiến với quân Ba Tư tại Malene thuộc Atarneus, sau khi đã chiến đấu hồi lâu, cuối cùng kỵ binh Ba Tư cũng xung phong và ập tới người Hy Lạp, và quả thực kỵ binh đã định đoạt trận đánh. Khi người Hy Lạp phải quay đầu tháo chạy, Histiaios tin tưởng rằng ông ta sẽ không bị vua Ba Tư xử tử vì tội lỗi hiện tại của mình, lại ham sống, vì vậy khi bị một lính Ba Tư bắt trong khi đang tháo chạy và sắp sửa bị người lính này đâm chết ngay khi bị bắt, ông ta liền nói bằng tiếng Ba Tư, xưng tên mình, nói rằng ông ta chính là Histiaios thành Miletos.

30. Nếu ngay khi bị bắt làm tù binh ông ta đã được đưa tới gặp vua Dareios, theo tôi nghĩ hẳn ông ta đã không gặp phải tổn hại gì, mà Dareios hẳn đã tha thứ cho tội ông ta bị cáo buộc. Tuy vậy, trên thực tế, chính vì lý do này và để ông ta không thể thoát khỏi trừng phạt rồi lại trở thành kẻ có quyền lực bên cạnh vua Ba Tư, Artaphernes, tỉnh trưởng Sardis, và Harpagos, người bắt sống ông ta, liền giết Histiaios lập tức ngay tại Sardis khi ông ta đang trên đường bị giải về gặp nhà vua, rồi hai người này cho bêu thân ông ta, nhưng cái đầu thì được ướp và gửi tới Sousa, dâng lên Dareios. Dareios khi được bẩm báo chuyện này cho rằng những người thực hiện hành động đó đã phạm lỗi, vì họ đã không đưa Histiaios còn sống về gặp nhà vua. Dareios liền ra lệnh rửa đầu của Histiaios rồi đem chôn như thể đó là đầu của người đã từng có rất nhiều công trạng với cả bản thân nhà vua lẫn với người Ba Tư. Đó là những gì đã xảy đến với Histiaios.

31. Trong cùng thời gian đó, hạm đội Ba Tư, sau khi trú đông gần Miletos, lại ra khơi vào năm sau và chinh phục dễ dàng các hòn đảo nằm gần lục địa, Khios, Lesbos và Tenedos, và bất cứ khi nào họ chiếm một hòn đảo trong quá trình đi chinh phục, các man tộc lại lùa hết dân cư khỏi đảo, và họ làm việc đó như sau: Họ dàn hàng rải ra từ giáp bờ biển ở phía bắc cho tới giáp bờ biển ở phía nam, mỗi người nắm lấy bàn tay người bên cạnh, rồi sau đó họ tiến qua toàn bộ hòn đảo săn lùng để xua đuổi dân cư khỏi đảo. Họ cũng chiếm các thành phố Ionia trên lục địa theo cùng cách, ngoại trừ việc họ không xua đuổi dân cư đi như kể trên, vì điều đó là không thể.

32. Sau đó, các tướng lĩnh Ba Tư chứng tỏ họ không nói suông với những lời đe dọa họ đã đưa ra với người Ionia khi quân Ionia kháng cự: quả thực khi chinh phục được các thành phố, họ chọn

ra những thiếu niên tuấn tú nhất và đem thiến, còn những thiếu nữ xinh đẹp nhất bị họ dùng vũ lực đưa đi dâng lên nhà vua. Không chỉ vậy, họ còn đốt trụi các thành phố cùng các đền. Vậy là lần thứ ba người Ionia bị đẩy vào kiếp nô lệ, lần đầu tiên bởi người Lydia, rồi hai lần liên tiếp sau đó bởi người Ba Tư.

33. Xuất phát từ Ionia, hạm đội tiến quân chinh phục tất cả các thành phố ở bên trái eo Hellespontos khi người ta đi thuyền vào eo biển, vì các thành phố nằm bên bờ phải vốn đã bị khuất phục bởi chính người Ba Tư tấn công chúng theo đường bộ. Những thành phố nằm ven eo Hellespontos ở châu Âu bao gồm: Đầu tiên là Khersonesos, tại đây có nhiều thành phố, rồi tới Perinthos, các tòa thành vững chãi ở bờ biển Thraike, Selymbria và Byzantion.

Người Byzantion và Kalkhedon ở phía đối diện thậm chí không chờ tới khi chiến thuyền Ba Tư xuất hiện, mà chủ động rời bỏ chính lãnh thổ của họ và ra đi, lui vào trong vùng biển Euxeinos, và ở đó họ định cư tại thành phố Mesambria. Vậy là người Phoinike, sau khi đã đốt trụi những thành phố kể trên đã tiến quân tới Prokonnesos và Artaka, rồi sau khi đã đốt trụi cả hai thành phố này, họ liền dong buồm quay trở lại Khersonesos để phá hủy những thành phố còn lại mà họ chưa cướp phá khi ghé qua trước đó. Nhưng họ không hề tấn công Kyzikos vì thậm chí từ trước khi người Phoinike dong buồm tới, người Kyzikos đã tự nguyện thần phục vua Ba Tư, và thỏa hiệp với Oibares, con trai Megabazos, tỉnh trưởng Daskyleion. Tại Khersonesos, họ khuất phục tất cả các đô thị, ngoại trừ Kardia.

34. Cho tới lúc đó Miltiades con trai Kimon, cháu Stesagoras, đã là tiếm chúa những đô thị này, sau khi Miltiades con trai Kypselos giành chính quyền theo cách như sau:

Người Khersonesos vốn là người Dolonkoi thuộc Thraike. Bị người Apsinthioi dồn ép trong chiến tranh, những người Dolonkoi này liền phái các vua của họ tới Delphoi tham vấn dự ngôn giả. Nữ tư tế Pythia đã trả lời họ rằng họ phải đưa về vùng đất của mình người đầu tiên dành cho họ sự hiếu khách khi họ từ ngôi đền trở về để người đó thiết lập một khu định cư. Người Dolonkoi sau đó liền đi dọc theo Linh Đạo qua vùng đất của người Phokis và người Boiotia, và vì không ai bày tỏ lòng hiếu khách với họ, họ liền rẽ tới Athenai.

35. Vào thời đó Peisistratos đang cầm quyền tại Athenai, song Miltiades con trai Kypselos cũng có ít nhiều quyền lực, ông này thuộc về một gia đình có duy trì các đội xe tứ mã, và là hậu duệ

Aiakos và Aigina, cho dù vào giai đoạn muộn hơn gia đình ông ta sống tại Athenai, Philaios con trai Aias là người đầu tiên trong gia đình ông ta trở thành công dân Athenai.

Miltiades lúc ấy đang ngồi trước cửa nhà mình, khi thấy người Dolonkoi không mặc trang phục giống kiểu Athenai bản địa và lại cầm giáo đi ngang qua, ông ta liền lên tiếng gọi họ. Rồi khi họ lại gần, Miltiades mời họ nghỉ lại nhà mình và khoản đãi họ. Người Dolonkoi, sau khi chấp nhận lòng hiếu khách của Miltiades và được ông này tiếp đãi, liền nói ra toàn bộ thần dụ. Sau đó, họ liền đề nghị ông ta làm theo ý thần linh, và Miltiades khi nghe được liền lập tức đồng ý, vì ông ta bất bình trước sự cai trị của Peisistratos và quyết định rời đi. Vì thế ông ta lập tức tới Delphoi và hỏi dự ngôn giả liệu ông ta có nên chiều ý người Dolonkoi.

36. Nữ tư tế cũng khuyên ông ta nên làm theo, Miltiades con trai Kypselos, trước đó từng giành chiến thắng tại Olympia trong cuộc đua xe tứ mã, liền đem theo mình tất cả những người Athenai mong muốn cùng thực hiện chuyến đi, rồi ra khơi cùng người Dolonkoi tới giành quyền sở hữu miền đất được trao, và người Dolonkoi đã mời Miltiades tới liền tôn ông ta làm tiếm chúa của họ.

Trước hết, ông ta cho xây một bức tường thành chạy ngang Eo đất Khersonesos từ thành phố Kardia tới Paktya để người Apsinthioi không thể xâm lược lãnh thổ của họ và gây ra thiệt hại cho họ. Chiều rộng ngang qua Eo đất là 36 *stadia*, và từ Eo đất này vùng Khersonesos có chiều dài tổng cộng 420 *stadia*.

37. Sau khi xây một bức tường thành chạy ngang qua Eo đất Khersonesos và dùng cách này đẩy lui người Apsinthioi, Miltiades liền trước tiên gây chiến với người Lampsakos. Người Lampsakos mai phục và bắt sống ông ta. Miltiades khi đó là bằng hữu của Kroisos, vua Lydia. Biết tin kể trên, Kroisos liền phái sứ giả tới yêu cầu người Lampsakos thả Miltiades, nếu không ông ta đe dọa sẽ hủy diệt họ hoàn toàn như hủy diệt một cây thông. Người Lampsakos tỏ ra lúng túng trong khi bàn bạc về ý nghĩa của lời đe dọa Kroisos gửi tới họ, cụ thể là ông ta sẽ hủy diệt họ hoàn toàn như một cây thông, cuối cùng một trong các bô lão sau khi vắt óc suy ngẫm cũng hiểu ra ý nghĩa rằng, cây thông là loài cây duy nhất trong tất cả các loài cây một khi đã bị chặt hạ sẽ không nảy chồi lên được nữa mà chết hẳn, bị hủy diệt hoàn toàn. Do đó, vì sợ Kroisos, người Lampsakos liền thả Miltiades.

38. Sau khi thoát nạn nhờ Kroisos, Miltiades kết thúc cuộc đời mà

không có lấy một người con trai để kế vị, mà chuyển ngôi vua và tài sản của mình cho Stesagoras, con trai của Kimon, người em cùng mẹ với ông ta. Và người Khersonesos tiếp tục dâng lễ hiến sinh lên Miltiades sau khi ông ta qua đời như vẫn được làm với một vị vua sáng lập, và tổ chức một cuộc thi đua xe và đấu điền kinh để vinh danh Miltiades, trong đó không người Lampsakos nào được phép tham gia thi đấu.

Trong suốt cuộc chiến với người Lampsakos, Stesagoras qua đời mà không có con trai sau khi bị chém vào đầu bằng rìu tại Thị chính sảnh bởi một kẻ vờ là một kẻ đào ngũ, nhưng đã tự chứng tỏ bản thân là một kẻ thù và hơn thế còn hung hãn.

39. Sau khi Stesagoras qua đời, Miltiades, con trai Kimon, cũng là em trai Stesagoras, được các Peisistratidai đưa tới Khersonesos trên một chiếc *trieres* để lo chính sự. Các Peisistratidai đã đối xử với Miltiades rất tử tế tại Athenai, tỏ ra rằng họ không liên quan gì tới cái chết của Kimon, cha ông ta, câu chuyện này tôi cũng sẽ thuật lại diễn biến. Về phần Miltiades, khi tới Khersonesos, ông ta liền ở yên trong nhà, bề ngoài luôn bày tỏ hết mực tôn kính vong linh người anh Stesagoras của mình, còn các tộc trưởng ở khắp vùng Khersonesos khi biết chuyện, liền từ tất cả các thành phố tập trung lại tới phân ưu với ông ta, và khi tới nơi họ lập tức bị Miltiades trói lại. Sau đó, Miltiades giành lấy quyền kiểm soát Khersonesos với sự ủng hộ của 500 lính đánh thuê, và ông ta kết hôn với Hegesipyle, con gái Oloros vua người Thraike.

40. Miltiades, con trai của Kimon, vừa quay trở lại Khersonesos, lại gặp thêm những tai ương mới còn tồi tệ hơn những tai họa đã giáng xuống đầu ông ta trước đó; trong hai năm trước đó ông ta đã phải lẩn trốn khỏi Khersonesos để không rơi vào tay người Skythia, do những người Skythia du mục, bị kích động trước cuộc xâm lược của Dareios, đã hợp nhất lại và tấn công tới tận Khersonesos. Miltiades, không đợi tới khi bị họ tấn công, đã bỏ trốn khỏi Khersonesos cho đến khi rốt cuộc người Skythia cũng rời đi và người Dolonkoi đưa ông ta quay trở về. Những biến cố này xảy ra ba năm trước.

41. Và đến lúc này, được biết tin người Phoinike đang ở Tenedos, ông ta gom hết của cải có trong tay chất đầy lên năm chiếc *triereis*, dong buồm tới Athenai. Sau khi ra khơi từ Kardia, ông ta đi thuyền qua vịnh Melas, và khi đang đi thuyền dọc theo bờ biển Khersonesos, người Phoinike ập tới tấn công đoàn thuyền của ông ta. Bản thân Miltiades chạy thoát cùng bốn chiếc thuyền của mình, còn chiếc thuyền thứ năm bị người Phoinike bắt giữ trong

cuộc truy đuổi. Tình cờ trên chiếc thuyền này lại có Metiokhos, con trai cả của Miltiades, đang làm thuyền trưởng. Metiokhos không phải do con gái Oloros người Thraike hạ sinh, mà là con của một phụ nữ khác. Anh ta bị người Phoinike bắt cùng với chiếc thuyền của mình, và khi biết được anh ta là con trai Miltiades, người Phoinike liền giải anh ta tới trao cho vua Ba Tư, cho rằng với việc này họ sẽ lập công lớn vì chính Miltiades là người đã tuyên bố quan điểm của mình trước những người Ionia rằng họ nên làm như người Skythia nói vào thời điểm người Skythia đề nghị họ phá hủy chiếc cầu phao rồi dong buồm trở về bản quán. Tuy nhiên, khi người Phoinike dâng lên nhà vua Metiokhos con trai của Miltiades, Dareios không làm gì có hại cho Metiokhos mà trái lại còn cư xử rất tử tế, dành cho Metiokhos một ngôi nhà cùng tài sản, gả cho anh ta một người vợ Ba Tư, với người vợ này anh ta có những đứa con được coi như người Ba Tư. Trong khi đó, Miltiades từ Imbros tới Athenai.

42. Trong cùng năm này, người Ba Tư không có thêm hành động thù địch nào với người Ionia, song lại thực hiện những việc sau đây rất có lợi cho người Ionia: Artaphernes, tỉnh trưởng Sardis, triệu tập đại diện từ tất cả các thành phố Ionia tới gặp và buộc người Ionia phải lập các hòa ước với nhau, để họ sẽ phải bồi thường cho những điều sai trái và không cướp phá lãnh thổ của nhau. Artaphernes đã buộc họ phải làm vậy, đồng thời ông ta cũng đo đạc lãnh thổ của họ theo đơn vị *parasangai* – đơn vị của Ba Tư tương đương 30 *stadia*, rồi định một khoản cống nạp cụ thể cho mỗi tộc người, và khoản này vẫn không thay đổi từ hồi đó cho tới tận thời của tôi, vẫn y như Artaphernes đã ấn định, và phần cống nạp này được quy định gần như tương tự trước đó với mỗi tộc người. Đây là những điều nhằm đem lại hòa bình cho người Ionia.

43. Nhưng tới đầu mùa xuân, khi các tướng lĩnh khác đều đã được vua Ba Tư triệu hồi, Mardonios con trai Gobryas hành quân xuống tận biển, dẫn theo một đạo quân bộ và một lực lượng hải quân rất lớn, viên tướng này là một người còn trẻ, và mới kết hôn cùng Artozostre, con gái Dareios. Khi Mardonios dẫn đạo quân này tới Kilikia, ông ta đích thân lên một chiến thuyền và đi cùng các chiến thuyền khác, trong khi các tướng lĩnh khác dẫn đạo quân bộ tới Hellespontos. Mardonios đi thuyền dọc theo bờ biển châu Á tới Ionia, và tới đây tôi sẽ thuật lại một điều sẽ gây kinh ngạc cho những người Hy Lạp không tin rằng trong bảy người Ba Tư, Otanes đã bày tỏ quan điểm rằng người Ba Tư cần phải có dân chủ chế, vì Mardonios đã phế truất các tiếm chúa Ionia và thiết lập dân chủ chế tại các đô thị. Hoàn tất việc này, ông ta hối hả tới eo

Hellespontos. Khi một số lượng lớn chiến thuyền và một đạo quân bộ lớn được tập trung tại đó, người Ba Tư vượt qua eo biển trên chiến thuyền và bắt đầu tiến vào châu Âu, lộ tuyến của họ hướng thẳng tới Eretria và Athenai.

44. Những thành phố này đã cho họ cớ để thực hiện cuộc viễn chinh, nhưng mưu tính của họ là khuất phục càng nhiều càng tốt các thành phố Hy Lạp. Hạm đội đã khuất phục người Thasos, họ còn không buồn giơ tay lên để tự vệ. Rồi bằng đạo quân bộ, người Ba Tư buộc người Makedonia thần phục họ bên cạnh những tộc người vốn đã bị họ khuất phục, vì những dân tộc nằm về phía đông lãnh thổ của người Makedonia đã trở thành thần dân của Ba Tư từ trước khi xảy ra biến cố này. Rồi sau đó từ Thasos hướng sang bờ biển đối diện, người Ba Tư hành quân sát đất liền tới tận Akanthos, rồi từ Akanthos họ tìm cách đi vòng qua núi Athos. Nhưng trong khi người Ba Tư dong buồm đi vòng qua núi, một cơn gió Bắc dữ dội ập xuống đầu họ, khiến họ bị thiệt hại nặng nề, hất nhiều chiến thuyền Ba Tư va vào núi Athos, trong khi họ không thể làm gì để đối phó lại cơn gió này. Người ta thuật lại rằng quả thực đã có tới 300 chiến thuyền bị phá hủy, và hơn 20.000 người chết, vì vùng biển quanh núi Athos đầy ắp những thủy quái, một số binh lính Ba Tư bị những con thủy quái này tấn công giết chết, trong khi số khác va vào đá, rồi có những người không biết bơi và chết đuối, và có cả những người khác chết vì lạnh.

45. Hạm đội Ba Tư đã phải chịu số phận như vậy, cùng thời gian đó Mardonios và đạo quân bộ trong lúc đóng quân tại Makedonia đã bị những người Brygoi ở Thraike tấn công vào ban đêm, rất nhiều quân Ba Tư bị giết, bản thân Mardonios bị thương. Tuy nhiên, thậm chí cả người Brygoi cũng không thoát khỏi cảnh bị Ba Tư nô dịch, vì Mardonios không rời khỏi vùng đó cho tới khi đã khuất phục được họ. Nhưng sau khi khuất phục được người Brygoi, Mardonios liền dẫn đạo quân của mình quay trở về, vì đạo quân bộ của ông ta đã chịu thiệt hại nặng nề khi chiến đấu với người Brygoi, còn hạm đội thì tổn thất nặng khi vòng qua núi Athos. Vậy là lực lượng viễn chinh này lại trở về châu Á sau khi không giành được chút vinh quang nào từ những trận chiến đã trải qua.

46. Đến năm kế tiếp, Dareios trước hết phái một sứ giả tới gặp người Thasos, vốn bị các tộc người láng giềng của họ buộc tội đang lập mưu tạo phản, và đòi hỏi họ phá tường bao quanh thành phố và đưa các chiến thuyền của họ tới Abdera. Quả thực, những người Thasos, vì họ đã bị Histiaios thành Miletos vây hãm, đồng thời lại có những khoản thu nhập lớn, đã dùng tiền của mình

đóng chiến thuyền và xây thành lũy vững chãi hơn bao quanh thành phố của họ. Nguồn thu nhập của họ đến từ lục địa và các khu mỏ: Từ các mỏ vàng ở Skapte Hyle thường cho 80 *talanta* mỗi năm, và từ các mỏ vàng tại chính Thasos cho một sản lượng thấp hơn nhưng vẫn nhiều tới mức nhìn chung người Thasos, chưa kể đến các loại thuế đánh trên hoa lợi từ đất đai, có thu nhập từ lục địa và các khu mỏ hằng năm lên tới 200 *talanta*, và khi sản lượng cao nhất, lên tới 300.

47. Chính tôi đã thấy qua những khu mỏ này, và đáng kinh ngạc nhất là những mỏ do người Phoinike khám phá, những người này đã lập nên những khu định cư đầu tiên trên hòn đảo này cùng với Thasos; và hòn đảo có tên gọi hiện tại từ Thasos người Phoinike. Những khu mỏ của người Phoinike này nằm ở khu vực của đảo Thasos ở giữa các địa phương có tên gọi Ainyra và Koinyra, và đối diện với Samothraike, nơi có một ngọn núi lớn đã bị lật ngược trong quá trình đi tìm vàng.

48. Và theo lệnh của vua Ba Tư, người Thasos đã san bằng tường thành của họ và đưa tất cả chiến thuyền tới Abdera.

Dareios bắt đầu thăm dò người Hy Lạp, tìm hiểu ý định của họ, liệu họ muốn giao chiến hay muốn quy phục ông. Vì vậy, nhà vua liền phái các sứ giả ra nước ngoài, và chỉ định một số người trong số họ tới nơi này, số khác tới nơi kia trên toàn cõi Hy Lạp, lệnh cho họ đòi đất và nước cho nhà vua. Dareios, như tôi đã nói, phái các sứ giả tới Hy Lạp; và cùng lúc nhà vua phái đi các sứ giả khác tới các thành phố đã quy phục mình nằm bên bờ biển, ra lệnh cho họ đóng chiến thuyền và cả các thuyền vận tải để chuyên chở ngựa.

49. Các thành phố này sau đó liền bắt tay vào sửa soạn những loại thuyền này, và cùng thời gian ấy, khi các sứ giả Ba Tư tới Hy Lạp, rất nhiều tộc người sống trên lục địa đã chấp nhận trao những gì người Ba Tư đòi hỏi, và tất cả các tộc người sống trên các hòn đảo cũng đều làm như vậy, với bất cứ tộc người nào các sứ giả Ba Tư tới đưa ra yêu sách. Như tôi đã nói, cư dân trên các hòn đảo trao đất và nước cho Dareios, và trong số các tộc người này, cả người Aigina cũng làm như vậy.

Khi người Aigina làm thế, người Athenai liền gấp rút khởi quân tấn công họ, vì cho rằng người Aigina đã đáp ứng yêu cầu của Ba Tư cùng ý định thù địch với Athenai, nhằm tổ chức một cuộc viễn chinh cùng người Ba Tư để tấn công Athenai, và thêm nữa người Athenai cũng vui mừng vì có được cớ để tấn công Aigina. Vậy là người Athenai không ngớt trao đổi sứ giả qua lại với Sparta và tố

giác người Aigina về hành động họ đã làm, coi việc này chứng tỏ họ là những kẻ phản bội Hy Lạp.

50. Vì lời cáo buộc này, Kleomenes con trai Anaxandridas, vua của người Sparta, liền vượt biển tới Aigina định bắt các công dân Aigina có tội lớn nhất, nhưng khi ông ta toan bắt họ, một số người Aigina liền chống lại Kleomenes, nhất là Krios, con trai Polykritos, người nói rằng ông ta không thể bắt đi dù chỉ một người Aigina mà không bị trừng phạt, vì ông ta đang làm việc này khi không được Sparta giao quyền, mà chỉ vì được thuyết phục bởi tiền của Athenai, nếu không thì Kleomenes đã phải tới và bắt những người đó cùng vua còn lại của Sparta. Và Krios nói ra những lời này xuất phát từ một thông điệp nhận được từ Demaratos. Kleomenes sau đó khi rời khỏi Aigina liền hỏi tên Krios, và Krios đã trả lời thành thật. Kleomenes liền nói với anh ta: "Hỡi Cừu đực[1], giờ ngươi sẽ phải lấy thanh đồng ra bọc lấy đôi sừng của mình, vì chẳng mấy chốc nữa ngươi sẽ gặp phiền phức lớn đấy".

---

1. Krios có nghĩa là cừu đực. (Theo chú thích bản dịch tiếng Anh).

---

51. Cùng thời gian đó, Demaratos, con trai Ariston, đang ở lại Sparta và đưa ra những lời buộc tội Kleomenes. Demaratos cũng là vua của người Sparta nhưng xuất thân từ một gia tộc kém danh giá hơn, tuy nhiên không hề kém danh giá hơn về bất cứ phương diện nào khác (vì cũng bắt nguồn từ cùng tổ tiên), mà vì gia tộc Eurysthenes vẫn luôn được trân trọng hơn, có vẻ vì ông này là anh cả.

52. Với những người Lakedaimon, ở đây họ không hề đồng ý với bất cứ thi sĩ nào, họ nói rằng Aristodemos, con trai Aristomakhos, cháu Kleodaios, chắt Hyllos, đã đích thân dẫn dắt họ (chứ không phải các con trai của Aristodemos) tới vùng đất mà hiện tại họ chiếm giữ. Rồi không bao lâu sau người vợ của Aristodemos, có tên là Argeia – và họ kể rằng bà là con gái của Autesion, con trai Tisamenes, cháu Thersandros, chắt Polyneikes – đã hạ sinh hai người con sinh đôi, và Aristodemos chỉ sống đủ lâu để nhìn thấy các con mình rồi kết thúc cuộc đời do bệnh tật. Người Lakedaimon vào thời đó đã quyết định lập ra tập quán tôn người con trưởng lên làm vua, song họ không biết phải chọn ai trong hai anh em sinh đôi, vì cả hai hoàng tử đều giống hệt nhau, lớn bằng nhau, và khi họ không thể phân định được, hay thậm chí là từ trước đó, họ liền hỏi người mẹ. Bà nói rằng thậm chí bản thân bà cũng không phân biệt được hai hoàng tử. Bà nói như vậy, cho dù thực ra bà

biết điều đó rất rõ, vì bà mong muốn bằng cách nào đó cả hai con trai đều có thể được làm vua. Khi đó người Lakedaimon rơi vào cảnh tiến thoái lưỡng nan, họ liền phái người tới Delphoi để hỏi xem họ nên làm thế nào trong chuyện này. Và nữ tư tế Pythia yêu cầu họ coi cả hai đứa trẻ là vua của họ, nhưng trân trọng hơn đứa trẻ lớn tuổi hơn. Theo lời người Lakedaimon, nữ tư tế đã trả lời họ như vậy, và khi người Lakedaimon cũng lúng túng không kém trong việc tìm ra xem trong hai hoàng tử ai là anh, một người Messenia có tên Panites liền đưa ra một lời đề xuất với họ. Panites gợi ý với người Lakedaimon rằng họ nên quan sát người mẹ và để ý xem bà cho đứa trẻ nào tắm và bú trước, và nếu thấy người mẹ luôn làm việc này theo cùng một thứ tự, khi đó họ coi như đã tìm ra điều muốn tìm, nhưng nếu cả người mẹ cũng không chắc chắn và làm theo thứ tự khác nhau vào những lúc khác nhau, thì đã rõ ràng là ngay cả bà mẹ cũng không biết rõ hơn bất cứ ai khác, và họ sẽ phải tìm một cách khác. Người Sparta làm theo lời đề xuất của người Messenia này và theo dõi bà mẹ các con trai của Aristodemos rồi phát hiện ra bà luôn ưu ái như vậy cho đứa con cả khi cho bú và tắm, vì bà mẹ không hề biết mình bị theo dõi vì mục đích gì. Vậy là họ chọn đứa trẻ được mẹ ưu ái hơn và nuôi dạy ở công sảnh, và đứa trẻ này được đặt tên là Eurysthenes, còn đứa trẻ kia được đặt tên là Prokles. Hai vị vua này khi trưởng thành, theo lời kể của người Sparta, luôn mâu thuẫn với nhau trong suốt cuộc đời, cho dù họ là anh em ruột, và hậu duệ của họ vẫn tiếp tục như vậy sau này.

53. Đây là những gì được kể lại bởi riêng người Lakedaimon trong tất cả các tộc người Hy Lạp, còn những gì được thuật lại sau đây tôi viết theo lời kể của người Hy Lạp nói chung, ý tôi muốn nói là tên các vị vua của người Doris này đã được người Hy Lạp liệt kê đúng cho tới tận Perseus, con trai của Danae (và không đưa vị thần vào danh sách), đồng thời chứng minh những vị vua này là người Hy Lạp, vì ngay từ thời đó họ đã được coi là người Hy Lạp. Tôi nói "tới tận Perseus" mà không lần thêm nguồn gốc lên xa hơn, vì không có cái tên nào được nhắc tới như người cha trần thế của Perseus, giống như Amphitryon với Herakles. Vì thế, một cách hợp lý, như đã rõ ràng, tôi đã nói "tới tận Perseus", nhưng nếu ta liệt kê lần lượt các vị tổ tiên của họ kể từ Danae, con gái của Akrisios, sẽ thấy rằng các vị vua của người Doris là người Ai Cập đích thực.

54. Như vậy tôi đã lần theo phả hệ theo lời kể của người Hy Lạp, song theo câu chuyện được người Ba Tư kể lại, bản thân Perseus là một người Assyria rồi trở thành người Hy Lạp, trong khi tổ tiên của Perseus không phải người Hy Lạp. Còn về các tổ tiên của

Akrisios, người (theo lời kể này) không có bất cứ quan hệ họ hàng nào với Perseus, lại là người Ai Cập theo lời kể của người Hy Lạp.

55. Nói về vấn đề này thiết tưởng vậy là đủ, còn về phần câu hỏi làm cách nào, nhờ vào kỳ công nào mà họ giành được ngôi vua của người Doris trong khi họ vốn là người Ai Cập thì tôi sẽ bỏ qua, vì những người khác đã kể. Nhưng những điều chưa được người khác nhắc đến thì tôi sẽ thuật lại.

56. Có những vương quyền được người Sparta trao cho các vua của họ, đó là hai chức tư tế, cụ thể là của Zeus Lakedaimonios và Zeus Ouranios, cùng với quyền gây chiến với bất cứ dân tộc nào họ muốn, không người Sparta nào sẽ cản trở quyền này, hoặc nếu có ai làm vậy, kẻ đó sẽ bị nguyền rủa, và khi người Sparta xuất quân, các vua sẽ đi đầu tiên và quay về sau cùng, 100 chiến binh được lựa chọn sẽ trở thành cận vệ của họ trong các cuộc viễn chinh, và khi xuất chinh họ có quyền mang theo bao nhiêu gia súc tùy ý, và các vua được lấy bộ da và phần lưng của tất cả gia súc được hiến sinh.

57. Đây là những đặc quyền của họ trong chiến tranh.

Trong thời bình có thêm những quyền sau đây đã được dành cho họ: Nếu có lễ hiến sinh nào được thực hiện bằng tiền công khố, nhà vua có đặc quyền được ngồi xuống bàn tiệc đầu tiên, trước tất cả những người khác, và những người hầu sẽ phục vụ các vua trước, và phục vụ cho mỗi vua một khẩu phần gấp đôi của mọi món so với khẩu phần dành cho các thực khách khác, và các vua sẽ là người đầu tiên tưới rượu lễ, và da của súc vật hiến sinh sẽ thuộc về nhà vua. Hằng tháng, vào ngày đầu tiên và ngày thứ bảy của tháng, họ lại hiến sinh nhân danh mỗi vua một gia súc đã trưởng thành tại đền Apollon bằng tiền công khố, cùng 1 *medimnos* bột lúa mạch và một phần tư Lakonia rượu vang, và tại tất cả các cuộc thi đấu thể thao họ sẽ có chỗ ngồi danh dự dành riêng cho mình. Thêm nữa, các vua có đặc quyền chỉ định bất cứ công dân nào họ muốn làm người bảo trợ cho người ngoại quốc, và mỗi vua được quyền chỉ định hai Pythioi. Pythioi là những người được phái tới thỉnh cầu thần linh tại Delphoi, và họ cùng ăn với các vua bằng tiền công khố. Nếu các vua không tới dùng bữa, luật lệ yêu cầu chuyển tới nhà của các vua 2 *khoinikes* bột lúa mạch và 1 *kotyle* rượu vang cho mỗi người. Còn nếu các vua có mặt, khẩu phần gấp đôi của tất cả các món ăn sẽ được phục vụ cho họ, thêm nữa họ sẽ được kính trọng theo cách tương tự khi được ai đó mời tới nhà riêng dùng bữa. Theo luật pháp, các vua cũng là người nắm giữ những thần dụ, nhưng các Pythioi cũng biết về

chúng. Thêm nữa, theo luật lệ, chỉ các vua được quyền quyết định trong những trường hợp sau đây: Đó là việc chọn chồng cho một trinh nữ thừa kế gia sản của cha mình nhưng chưa được người cha chọn cho vị hôn phu, việc kiểm soát các tuyến đường công cộng, và khi một người muốn nhận con nuôi, người đó sẽ phải làm việc này trước sự chứng kiến của các vua, và luật lệ quy định rằng các vua sẽ ngồi họp cùng 28 nguyên lão, và nếu các vua không có mặt, các nguyên lão có quan hệ gần gũi nhất với họ sẽ có các đặc quyền của vua và được có thêm hai phiếu bầu bên cạnh phiếu của chính họ, tổng cộng là ba phiếu.

58. Những quyền kể trên đã được Sparta ban cho các vua trọn đời.

Khi họ qua đời, những việc sau đây sẽ diễn ra: Các kỵ sĩ sẽ đi khắp nước thông báo điều này trên toàn cõi Lakonia, trong thành phố những người phụ nữ sẽ ra đường và gõ vào một chiếc ấm đồng. Bất cứ khi nào một vua qua đời, hai người tự do trong mỗi hộ dân sẽ phải để tang, một người đàn ông và một phụ nữ, và những ai không làm như vậy sẽ phải chịu hình phạt nặng nề. Phong tục của người Lakedaimon khi vua của họ qua đời cũng giống như của các man tộc sống ở châu Á, vì phần lớn các man tộc có cùng phong tục trong trường hợp đó. Mỗi khi một vị vua Lakedaimon qua đời, từ toàn bộ lãnh thổ Lakedaimon, không kể tới người Sparta, một số lượng *perioikoi* được ấn định buộc phải tới dự tang lễ, và khi những người này đã tập trung cùng các *heilotai* và người Sparta, đông tới hàng nghìn người ở cùng một chỗ cùng vợ của họ, họ cùng tự nguyện vỗ trán và than khóc không hề dè dặt, nói rằng vị vua vừa mới qua đời này là vị vua tốt nhất trong tất cả vua của họ, và mỗi khi một vua của họ tử trận trong chiến tranh, họ tạc một bức tượng đại diện cho nhà vua, đặt lên một chiếc giường phủ đệm đẹp đẽ rồi rước bức tượng đó đi chôn cất. Sau khi nhà vua được an táng, không cuộc hội họp nào được tổ chức trong 10 ngày, cũng không có cuộc họp nào để lựa chọn các quan tòa, mà người Lakedaimon để tang trong những ngày này.

59. Người Lakedaimon cũng giống người Ba Tư về một khía cạnh khác, đó là khi nhà vua qua đời và một người khác được chỉ định làm vua, vị vua mới lên ngôi này liền trả tự do cho bất cứ người Sparta nào mắc nợ nhà vua hoặc thành bang, trong khi với người Ba Tư, vị vua mới lên ngôi trả lại cho tất cả các thành phố phần cống nạp được quy định.

60. Về những điểm sau đây người Lakedaimon giống với người Ai Cập, đó là những truyền lệnh sứ, nghệ sĩ thổi sáo và đầu bếp của họ kế nghiệp từ cha đẻ: Một người thổi sáo là con trai của một

người thổi sáo, một đầu bếp là con một đầu bếp, và một truyền lệnh sứ là con một truyền lệnh sứ, những người khác sẽ không thể giành lấy vị trí này với cớ có giọng nói to và rõ để rồi cướp lấy chỗ của con truyền lệnh sứ, vì người Lakedaimon kế nghiệp từ cha của họ.

61. Đây là những gì diễn ra, và vào thời điểm chúng ta đang nói đến, trong lúc Kleomenes đang ở Aigina làm những việc vì lợi ích chung của Hy Lạp, Demaratos liền tố cáo ông ta, không phải vì quan tâm tới những người Aigina mà trước hết vì cảm thấy ghen tị và đố kỵ với Kleomenes. Kleomenes sau khi trở về từ Aigina liền lên kế hoạch truất ngôi vua của Demaratos, mưu toan tấn công ông ta về chuyện sau đây.

Ariston từng là vua Sparta và cưới hai người vợ nhưng vẫn không có con, và vì ông ta không thừa nhận bản thân mình là nguyên do của chuyện này, Ariston liền cưới một người vợ thứ ba: Ông ta có một người bạn, một công dân Sparta, là người Ariston thân thiết nhất trong tất cả các công dân; tình cờ người này có vợ là người phụ nữ xinh đẹp nhất của Sparta, và người phụ nữ này đã trở thành người đẹp nhất sau khi từng là cô bé xấu xí nhất. Vì nhũ mẫu của cô bé, khi thấy cô bé là con gái của một nhà giàu có và lại xấu xí, thêm nữa lại thấy rằng bố mẹ cô bé rất phiền muộn về chuyện này, liền làm như sau: Hằng ngày bà đưa cô bé tới đền Helene ở nơi có tên Therapne, nằm ở phía trên ngôi đền Phoibos. Mỗi lần người nhũ mẫu đưa cô bé tới đó, bà lại để cô bé trước tượng thần và cầu nguyện nữ thần hãy giải thoát đứa trẻ khỏi sự xấu xí. Một lần, trong khi người nhũ mẫu ra khỏi đền, người ta kể rằng một phụ nữ đã hiện lên gặp bà, và sau khi hiện lên liền hỏi bà đang bế gì trên tay. Người nhũ mẫu nói rằng bà đang bế một đứa trẻ. Nghe vậy, người phụ nữ liền yêu cầu bà ta cho mình xem đứa trẻ. Bà nhũ mẫu từ chối vì cha mẹ cô bé đã cấm bà cho bất cứ ai xem con họ, song người phụ nữ tiếp tục thúc giục bà bằng mọi cách để cho mình xem đứa trẻ. Khi nhận thấy người phụ nữ thực sự mong muốn nhìn thấy đứa trẻ, bà nhũ mẫu liền cho người này nhìn thấy cô bé. Người phụ nữ liền xoa đầu cô bé và nói rằng cô sẽ trở thành phụ nữ đẹp nhất Sparta, và từ hôm ấy trở đi, ngoại hình cô bé đã thay đổi. Sau này, khi đến tuổi cập kê, cô gái được gả cho Agetos, con trai Alkeides, người bạn của Ariston mà chúng ta đang nói tới.

62. Có vẻ Ariston luôn bị thôi thúc bởi sự thèm muốn người phụ nữ này, và vì thế ông ta nghĩ ra mẹo sau đây. Ông ta cam kết với người bạn, cũng chính là chồng của người phụ nữ này, trao cho bạn làm quà một thứ thuộc quyền sở hữu của mình, bất cứ thứ gì

Agetos sẽ chọn, và yêu cầu người bạn cũng đáp lại mình theo cách tương tự. Vậy là Agetos, không hề lo lắng cho vợ mình, vì ông ta thấy Ariston cũng có một người vợ, liền đồng ý, và với cam kết này hai người liền buộc nhau thề. Sau đó, Ariston về phần mình liền trao cho Agetos thứ ông ta đã chọn từ kho báu của Ariston, bất kể đó là thứ gì, còn bản thân ông ta, khi được quyền lấy từ người bạn điều tương tự, liền tìm cách đoạt lấy người vợ của Agetos. Agetos liền nói ông ta sẵn lòng trao đi bất cứ thứ gì ngoại trừ duy nhất thứ này, nhưng rốt cuộc, do bị ép buộc bởi lời thề và sự lừa dối phản trắc, ông ta đành chấp nhận để vợ bị đưa đi.

63. Vậy là Ariston đem về nhà mình người vợ thứ ba sau khi đã bỏ người vợ thứ hai. Người vợ thứ ba này, khi chưa trải qua đủ 10 tháng mà trong một quãng thời gian ngắn hơn, đã sinh cho ông ta Demaratos, người chúng ta đang nói tới, và một người hầu liền báo tin trong khi ông ta đang ngồi tại hội đồng cùng các *ephoroi* rằng ông ta đã có một đứa con trai. Ariston, biết rõ thời gian ông ta cướp người vợ này về, rồi đếm số tháng trôi qua trên các ngón tay, liền từ chối với một lời thề. "Đứa trẻ này không thể là của ta". Các *ephoroi* đã nghe thấy câu này, nhưng vào ngay lúc đó họ nghĩ đây không phải là chuyện gì quan trọng. Rồi khi đứa trẻ lớn lên và Ariston hối tiếc về những gì đã nói, vì ông ta nghĩ Demaratos chắc chắn là con trai của mình, ông ta liền đặt tên con là "Demaratos" vì lý do rằng trước khi việc này xảy ra, tất cả người Sparta đều đã thề sẽ cầu nguyện để một người con trai được sinh ra cho Ariston, người nổi bật nhất về danh tiếng trong tất cả các vị vua từng lên ngôi ở Sparta. Cái tên Demaratos[1] được đặt cho đứa trẻ vì lý do như vậy.

---

[1]. Được dân chúng cầu nguyện.

---

64. Và thời gian trôi qua, Ariston qua đời, và Demaratos trở thành vua. Song có vẻ số mệnh đã quyết định rằng những biến cố kể trên sẽ bị lộ ra và Demaratos bị truất ngôi vua. Vì thế, Demaratos mâu thuẫn sâu sắc với Kleomenes cả vào thời điểm trước đó khi ông ta rút đạo quân của mình khỏi Eleusis, và đặc biệt là vào thời điểm này, khi Kleomenes vượt biển tấn công những người Aigina đã ngả sang phía người Media.

65. Kleomenes, nóng lòng muốn trả thù Demaratos, liền bàn mưu với Leotykhides, con trai Menares, cháu Agis, người thuộc cùng gia tộc với Demaratos, với điều kiện nếu ông ta đưa Leotykhides lên làm vua thay cho Demaratos, ông này sẽ cùng Kleomenes tấn

công người Aigina. Leotykhides đã trở thành một kẻ thù không đội trời chung của Demaratos vì chuyện sau đây. Leotykhides đã đính hôn với Perkalos, con gái Khilon, cháu gái Demarmenos, và Demaratos đã âm mưu chống lại ông ta và khiến cuộc hôn nhân của Leotykhides bất thành bằng cách tự mình bắt Perkalos đi trước đó để đưa về làm vợ mình. Vậy là Leotykhides thù địch với Demaratos, và giờ đây, dưới sự xúi bẩy của Kleomenes, Leotykhides đứng lên chống lại Demaratos, nói rằng ông ta không có quyền cai trị người Sparta vì không phải là con trai của Ariston. Sau lời tố cáo này, Leotykhides liền nhắc lại những lời Ariston đã nói khi người hầu báo tin ông ta có con trai, rồi đếm số tháng Ariston đã thề mà bác bỏ rằng đứa trẻ không thể là con của mình. Dựa vào những lời này, Leotykhides tiếp tục chứng minh rằng Demaratos không phải hậu duệ của Ariston và không có quyền trị vì Sparta; và ông ta viện ra làm nhân chứng các *ephoroi* đã có mặt tại hội nghị cùng với Ariston và nghe thấy ông này nói ra những lời ấy.

66. Cuối cùng, vì có sự tranh cãi về vấn đề này, người Sparta quyết định đến hỏi dự ngôn giả tại Delphoi liệu Demaratos có phải là con trai Ariston hay không. Câu hỏi này đã được chuyển tới nữ tư tế Pythia theo sự dàn xếp của Kleomenes, trong đó Kleomenes mua chuộc được về phía mình Kobon, con trai Aristophantos, người có quyền lực nhất trong người Delphoi, và Kobon thuyết phục nữ tư tế Perialla nói ra những gì Kleomenes muốn được nói ra. Vậy là khi những sứ giả Sparta được cử tới đưa ra câu hỏi của họ với bà ta, nữ tư tế Pythia liền đưa ra phán quyết rằng Demaratos không phải con trai Ariston. Tuy nhiên, sau đó việc này lộ ra, Kobon bị trục xuất khỏi Delphoi, còn Perialla cũng bị bãi chức.

67. Việc truất ngôi Demaratos đã xảy ra như thế, nhưng Demaratos đào tẩu từ Sparta đến Media vì một lời buộc tội sau đây. Sau khi bị truất ngôi, Demaratos giữ một chức quan mà ông ta được bầu vào. Lúc đó là thời gian diễn ra Gymnopaidiai, và trong lúc Demaratos dự khán, Leotykhides, người lúc này đã trở thành vua thế chỗ Demaratos, liền phái tùy tùng tới hỏi giễu Demaratos rằng cảm giác trở thành một pháp quan là thế nào sau khi đã là vua. Demaratos, bực bội trước câu hỏi, liền đáp trả và nói rằng bản thân ông ta lúc này đã trải qua cả hai, nhưng Leotykhides thì chưa. Tuy nhiên, ông ta nói, vẫn còn phải xem đây là khởi đầu cho bất hạnh vô biên hay hạnh vận vô cùng cho người Lakedaimon. Nói xong, ông ta che kín đầu và rời khỏi kịch trường về nhà, rồi ông ta lập tức hiến sinh một con bò đực dâng lên thần Zeus, và sau khi làm lễ hiến sinh ông ta cho mời mẹ mình

tới.

68. Khi mẹ ông ta tới, Demaratos đặt vào hai bàn tay bà một phần nội tạng con vật hiến sinh, rồi cầu khẩn bà mẹ như sau: "Thưa mẹ, con cầu xin mẹ, trước sự chứng giám của chư vị thần linh, và trên hết của Zeus, vị thần bảo hộ gia tộc, hãy nói cho con biết sự thật, ai là người cha thực sự của con. Vì Leotykhides đã nói trong cuộc tranh chấp với con rằng mẹ đã về nhà Ariston mang trong bụng đứa con của người chồng cũ của mẹ. Và bên cạnh đó còn kể một câu chuyện, hẳn là bịa đặt, nói rằng mẹ đã tằng tịu với một gia nhân, cụ thể là gã quản lừa, và con là con trai hắn. Vì thế, con yêu cầu mẹ trước các vị thần hãy nói với con sự thật, vì nếu mẹ đã làm bất cứ việc gì trong những điều được kể lại, thì mẹ cũng không phải là người duy nhất đã làm như vậy, mà cùng nhiều phụ nữ khác, và ở Sparta người ta vẫn tin rằng hạt giống của Ariston không thể tạo thành những đứa trẻ, vì nếu có thể thì cả những người vợ trước của ông ấy hẳn cũng đã có con".

69. Ông ta nói như vậy, và bà mẹ trả lời như sau: "Con trai, vì con đã khẩn cầu mẹ nói ra sự thật, tất cả sự thật sẽ được nói cho con hay. Khi Ariston đưa mẹ về nhà ông ta, vào buổi tối thứ ba đã xuất hiện một bóng ma giống hệt Ariston, sau khi đã giao hoan với mẹ, bóng ma đó đội lên đầu mẹ những vòng hoa nó mang trên đầu, rồi lập tức rời đi, sau đó Ariston bước vào, và khi thấy mẹ đội các vòng hoa trên đầu, ông ấy hỏi ai đã đội chúng cho mẹ, mẹ trả lời rằng chính ông ấy, nhưng ông ấy không thừa nhận. Và mẹ bắt đầu thề thốt, nói rằng ông ấy thật không tốt khi chối như vậy, vì chỉ vừa mới lúc trước ông ấy đã tới, đã giao hoan với mẹ và tặng mẹ các vòng hoa. Ariston, thấy rằng mẹ thề, liền nhận ra việc này là do các vị thần gây ra, rồi trước hết các vòng hoa được phát hiện là xuất phát từ ngôi đền anh hùng nằm ngay bên cạnh cổng vào ngôi nhà, được gọi là đền Astrabakos, thứ đến các thầy bói trả lời rằng đó chính là cùng vị anh hùng này. Vậy đấy, con trai, con đã được nghe tất cả những gì con muốn biết. Nghĩa là hoặc con được sinh ra từ vị anh hùng này và vị anh hùng Astrabakos là cha con, hoặc Ariston là cha con, vì vào tối đó mẹ thụ thai con. Nhưng còn về điều mà các kẻ thù của con hay viện đến nhất để tấn công con, nói rằng chính Ariston khi được báo tin con ra đời đã tuyên bố trước sự có mặt của nhiều người rằng con không phải là con trai ông ấy vì thời gian 10 tháng vẫn chưa qua hết, ông ấy đã nói vậy vì không biết đến vấn đề sinh nở. Phụ nữ sinh con vừa vào tháng thứ chín và cả vào tháng thứ bảy, chứ không phải sau khi họ đã qua trọn 10 tháng. Và mẹ sinh ra con, con trai của mẹ, vào tháng thứ bảy. Và chính Ariston chẳng bao lâu sau cũng nhận ra mình đã nói ra những lời ấy trong một cơn điên rồ. Vậy liệu con có chấp nhận

những lời kể khác về nguồn gốc ra đời của mình không, khi giờ con đã được nghe hết sự thật, hay cầu cho vợ Leotykhides và vợ những kẻ đã đàm tiếu bị đám mã phu làm cho mang thai!"

70. Người mẹ đã nói như vậy, còn Demaratos, khi biết được những gì muốn biết, liền chuẩn bị đồ dùng cần thiết để đi đường rồi lên đường tới Elis, giả bộ rằng ông ta sẽ tới Delphoi tham vấn dự ngôn giả. Nhưng người Lakedaimon, ngờ rằng ông ta tìm cách bỏ trốn, liền đuổi theo ông ta. Và trước khi họ tới nơi, Demaratos đã từ Elis tới Zakynthos, người Lakedaimon liền vượt biển đuổi theo bắt kịp Demeratos và bắt đi các tùy tùng của ông ta. Tuy nhiên, sau đó vì người Zakynthos từ chối trao lại ông ta, ông ta liền từ nơi này tới châu Á, tới gặp vua Dareios. Và Dareios vừa chào đón ông ta như khách quý với những vinh hạnh lớn, vừa trao cho ông ta đất đai và các thành phố. Demaratos đã tới châu Á như vậy, và có được vận hội như thế, sau khi đã nổi bật trong sự đánh giá của người Lakedaimon trong nhiều khía cạnh, cả qua các hành động lẫn qua các lời khuyên, và nhất là vì đã chiến thắng tại Olympia trong cuộc đua tứ mã chiến xa, là người duy nhất làm được điều này trong tất cả các vị vua từng lên ngôi tại Sparta.

71. Sau khi Demaratos bị phế truất, Leotykhides con trai Menares kế vị. Leotykhides có một người con trai tên Zeuxidamos, còn được một số người Sparta gọi là "Cún con". Zeuxidamos không trở thành vua Sparta, vì ông ta chết trước Leotykhides, để lại một con trai tên là Arkhidamos. Sau khi Zeuxidamos qua đời, Leotykhides, đã cưới một người vợ thứ hai là Eurydame, em gái Menios và con gái Diaktorides, bà không sinh cho ông con trai nhưng có một con gái tên là Lampito, được Leotykhides gả cho Arkhidamos, con trai Zeuxidamos.

72. Bản thân Leotykhides không sống tới già tại Sparta, mà phải trả giá cho Demaratos như sau: Ông ta chỉ huy đạo quân Lakedaimon tấn công Thessalia, và khi đáng lẽ ông ta đã có thể bắt tất cả dân cư ở đây quy phục, Leotykhides lại nhận của đút với một khoản tiền lớn, rồi khi bị bắt quả tang đang thực hiện việc này trong trại, trong lúc ông ta đang ngồi trên một chiếc găng tay đựng đầy tiền, ông ta bị đưa ra xét xử và bị trục xuất khỏi Sparta, nhà của ông ta bị san phẳng. Vậy là ông ta lưu vong tới Tegea và qua đời ở đó.

Những việc này xảy ra mãi về sau.

73. Hiện tại, khi Kleomenes đã thành công trong âm mưu loại bỏ Demaratos, ông ta lập tức đem Leotykhides theo và tấn công

người Aigina vì rất tức giận họ do những lời nhục mạ nhằm vào mình. Về phần người Aigina, vì cả hai vua Sparta đã tấn công họ, nghĩ rằng chống cự không còn thích hợp nữa, vậy là người Sparta liền chọn ra 10 người có danh tiếng nhất trong số người Aigina cả về gia sản và xuất thân, rồi mang đi như tù nhân, trong số này có Krios, con trai Polykritos và Kasambos, con trai Aristokrates, người có quyền lực lớn nhất tại Aigina. Rồi sau khi giải những người này tới Attika, họ trao cho người Athenai, kẻ thù không đội trời chung của người Aigina.

74. Sau việc này, Kleomenes sợ người Sparta vì chuyện ông ta toan tính những điều xấu xa chống lại Demaratos đã bại lộ, vậy là ông ta lui về Thessalia. Tiếp đó, ông ta tới Arkadia và bắt đầu gây rối và tập hợp người Arkadia chống lại Sparta, và bên cạnh những lời thề khác mà ông ta buộc họ phải thề rằng họ cam kết đi theo ông ta tới bất cứ nơi nào ông ta dẫn họ đi, Kleomenes cũng rất muốn đưa các thủ lĩnh Arkadia tới thành phố Nonakris và buộc họ lấy nước sông Styx ra làm chứng để thề, vì theo lời kể của người Arkadia ở gần thành phố này có nước của Styx, và trên thực tế đúng là có chuyện như vậy: Một dòng suối nhỏ được thấy rỉ xuống từ một khối đá vào một hẻm núi rỗng, và quanh hẻm núi là một bức vách bằng đá cứng. Nonakris, tọa lạc ở nơi có dòng suối này, là một đô thị vùng Arkadia gần Pheneos.

75. Khi biết tin Kleomenes đang hành động như vậy, người Lakedaimon sợ hãi và tiến hành đưa ông ta trở lại Sparta để cai trị theo những điều kiện như trước, nhưng khi quay trở về, ông ta lập tức bị mắc một chứng điên (vốn trước đó ông ta cũng đã ít nhiều mất trí) và bất cứ khi nào gặp một người Sparta, ông ta lại lấy quyền trượng của mình quật vào mặt người đó. Khi ông ta tiếp tục làm như vậy và đã mất trí hẳn, người thân liền trói ông ta nhốt lại. Trong lúc bị trói, và thấy rằng người canh giữ mình bị những người khác bỏ lại chỉ có một mình, ông ta liền xin người này một con dao. Người canh giữ ban đầu không sẵn lòng đưa dao cho ông ta, Kleomenes liền đe dọa anh ta về những gì ông ta sẽ làm với anh này nếu anh ta không làm theo lời mình. Cho tới khi cuối cùng người canh giữ sợ những lời đe dọa, vì anh ta là một *heilotes*[1], đã đưa cho Kleomenes một con dao. Khi đã có được dao, Kleomenes bắt đầu cắt vào da thịt mình từ chân trở lên, ông ta cứ thế cắt thịt mình từ bắp chân lên đùi, rồi từ đùi lên hạ bộ và sườn, cho tới khi lên đến bụng, rồi ông ta chết trong khi cắt thịt bụng thành từng dải.

---

1. *heilotes* (sn: *heilotai*): nô lệ của công dân Sparta, vốn là người Messenia. (BT)

Và chuyện này xảy ra, như phần lớn người Hy Lạp thuật lại, vì ông ta đã thuyết phục nữ tư tế Pythia đưa ra lời tiên tri về Demaratos, như theo như lời kể của riêng người Athenai, chuyện này xảy ra vì khi Kleomenes xâm lược Eleusis, ông ta đã tàn phá thánh địa của các nữ thần, và theo lời kể của những người Argos, thì nguyên nhân là vì tại khu rừng thiêng của họ thờ Argos, Kleomenes đã truy đuổi những người Argos đã chạy tới đó lánh nạn từ chiến trận và giết họ, đồng thời cũng phóng hỏa đốt khu rừng, không hề kiêng nể gì.

76. Khi Kleomenes đang tham vấn dự ngôn giả tại Delphoi, câu trả lời dành cho ông ta là ông ta cần chinh phục Argos. Vậy là Kleomenes dẫn quân Sparta tiến tới sông Erasinos, dòng sông được kể là chảy từ hồ Stymphalis, vì người ta kể hồ nước này chảy vào một kẽ đá không thể nhìn thấy, rồi lại xuất hiện trở lại trên mặt đất ở lãnh thổ Argos, và từ đây trở đi dòng sông được gọi là sông Erasinos vùng Argos. Sau khi tới dòng sông này, Kleomenes thực hiện lễ hiến sinh dâng lên dòng sông, và vì các lễ hiến sinh không hề thuận lợi cho ông ta vượt sông, ông ta liền nói mình ngưỡng mộ sông Erasinos vì đã không phản bội những người sống trên vùng đất nó chảy qua, song ngay cả vậy người Argos cũng không thể thoát. Sau đó, ông ta rút quân khỏi nơi này và dẫn đạo quân của mình tiến xuống Thyrea, rồi sau khi giết một con bò mộng làm lễ hiến sinh dâng lên biển, ông ta đưa quân đi bằng thuyền tới vùng đất Tiryns và Nauplia.

77. Biết tin, người Argos liền tiến về phía biển ứng cứu, khi họ tới gần Tiryns và ở một nơi có tên Hesipeia, họ đóng trại đối diện với những người Lakedaimon, không để lại khoảng cách rộng nào giữa hai đạo quân. Người Argos không sợ chiến đấu công khai, mà chỉ lo ngại việc họ sẽ bị khuất phục bởi mưu kế, vì họ nghĩ rằng chuyện này đã được nhắc đến trong thần dụ mà nữ tư tế Pythia đưa ra cho cả họ lẫn cho người Miletos như sau:

> Nhưng khi con cái chinh phục và xua đuổi con đực,
>
> Và nhờ vậy giành vinh quang tại Argos,
>
> Sau đó nó sẽ khiến nhiều phụ nữ Argos rơi lệ trên má.
>
> Vì trong các thế hệ sau này họ sẽ nói rằng:
>
> Ngọn giáo sẽ chế ngự một con rắn cuộn-ba-vòng đáng sợ
> và kết liễu nó.

Sự kết hợp của tất cả những điều này khiến người Argos sợ hãi, và

họ quyết định tận dụng truyền lệnh sứ của kẻ thù. Sau khi quyết định như thế, họ liền làm như sau: Mỗi khi truyền lệnh sứ Sparta tuyên cáo điều gì với người Lakedaimon, người Argos cũng làm tương tự.

78. Vậy là Kleomenes, nhận ra người Argos đang làm tất cả những gì truyền lệnh sứ của Lakedaimon tuyên cáo, liền truyền lệnh tới quân Lakedaimon rằng khi truyền lệnh sứ yêu cầu họ ăn sáng, họ cần cầm lấy vũ khí và tấn công người Argos. Người Lakedaimon làm theo như vậy, khi người Argos đang ăn sáng theo lời tuyên cáo của truyền lệnh sứ, quân Lakedaimon tấn công họ, và rất nhiều quân Argos bị giết, song còn nhiều người hơn thế chạy tới khu rừng thiêng của Argos, và người Lakedaimon tới vây hãm họ, ngồi canh chừng quanh khu rừng.

79. Rồi Kleomenes làm như sau. Ông ta có bên mình những kẻ đào ngũ, và sau khi tra hỏi những kẻ này để lấy thông tin, ông ta phái một truyền lệnh sứ tới kêu gọi những người Argos đang ẩn nấp trong khu rừng thiêng, gọi rõ tên từng người, rồi bảo họ ra khỏi rừng, nói rằng ông ta đã nhận được tiền chuộc họ. Trong các tộc người Peloponnesos, tiền chuộc được ấn định cho mỗi tù binh là 10 *mnai* bạc. Bằng cách này, Kleomenes gọi khoảng 50 người Argos ra khỏi rừng rồi giết họ, trong khi những người còn lại trong rừng không biết được điều đang diễn ra, vì khu rừng rậm rạp, những người ở bên trong không biết số phận của những người bên ngoài, ít nhất cho tới khi một người trong số họ trèo lên một cái cây và có thể nhìn thấy những gì đang xảy ra. Vậy là họ không ra khỏi rừng nữa khi được gọi tên.

80. Vậy là Kleomenes ra lệnh cho tất cả các *heilotai* chất củi xếp quanh khu rừng thiêng, rồi ông ta cho phóng hỏa đốt rừng. Khi khu rừng bốc cháy, ông ta liền hỏi một trong những kẻ đào ngũ xem khu rừng thiêng được dành cho vị thần nào, và người này trả lời rằng khu rừng dành cho Argos. Khi Kleomenes nghe được, ông ta than thành tiếng: "Hỡi Apollon, người ban thần dụ, hẳn nhiên ngài đã lừa dối ta ghê gớm khi nói rằng ta nên chinh phục Argos. Ta đoán rằng lời tiên tri đã trở thành hiện thực với ta rồi".

81. Sau biến cố này, Kleomenes cho phần lớn đạo quân của mình quay về Sparta, nhưng bản thân ông ta dẫn theo 1.000 chiến binh xuất sắc nhất tới ngôi đền Hera để dâng lễ hiến sinh. Khi ông ta muốn dâng lễ hiến sinh lên ban thờ, vị tư tế liền cấm ông ta, nói rằng quy định về tôn giáo không cho phép một người ngoại quốc dâng lễ hiến sinh lên đó. Tuy nhiên, Kleomenes đã lệnh cho các *heilotai* lôi vị tư tế rời khỏi ban thờ và trừng phạt ông này, rồi đích

thân dâng lễ hiến sinh. Làm xong việc, Kleomenes quay trở về Sparta.

82. Sau khi ông ta trở về, các đối thủ của Kleomenes đưa ông ta ra trước các *ephoroi*, nói rằng ông ta đã nhận lễ vật và đã không chinh phục Argos trong khi đáng lẽ đã có thể dễ dàng làm việc đó. Kleomenes liền nói với họ, tuy nhiên liệu ông ta đã nói dối hay nói sự thật tôi không thể chắc chắn, song dẫu thế nào đi nữa ông ta cũng đã lên tiếng và nói rằng khi ông ta đã chinh phục được khu rừng thiêng của Argos, ông ta cảm thấy rằng thần dụ đã thành hiện thực với mình, vì thế ông ta không nghĩ nên thử tấn công thành phố ít nhất cho tới khi đã thực hiện được một lễ hiến sinh và tìm hiểu được liệu nữ thần có cho phép ông ta làm vậy hay nữ thần chống lại ông ta, và khi ông ta làm lễ hiến sinh để tìm điềm báo tại đền Hera, một ngọn lửa đã bùng lên từ ngực tượng thờ, và qua đó ông ta biết chắc chắn về cuộc chinh phạt, cụ thể là ông ta không thể chinh phục được Argos. Vì nếu ngọn lửa bùng lên từ đầu tượng thần, ông ta hẳn đã trở thành người chinh phục thành Argos từ trên xuống dưới, nhưng vì ngọn lửa đã bùng lên từ ngực, mọi thứ mà thần muốn xảy ra đã trở thành hiện thực với ông ta cả rồi. Khi Kleomenes nói như vậy, với người Sparta có vẻ ông ta đã nói một cách đáng tin cậy và có lý, và ông ta dễ dàng thoát khỏi những người kiện mình.

83. Tuy nhiên, Argos đã mất nhiều người tới mức các nô lệ của thành phố này chiếm lĩnh toàn bộ thành bang, cai quản và trị vì nó cho tới khi con trai của những người đã chết trận trưởng thành. Khi đó những người này, mong muốn lấy lại Argos về tay mình, đã đuổi các nô lệ, và những nô lệ bị đuổi đi này đã giành lấy quyền kiểm soát Tiryns bằng vũ lực. Trong một thời gian, hai phe này duy trì quan hệ hữu hảo với nhau, nhưng sau đó có một nhà tiên tri tên Kleandros từ Phigalea ở Arkadia tới gặp những người nô lệ. Ông ta thuyết phục họ tấn công các chủ nhân của mình, kết quả là đã xảy ra chiến tranh giữa hai phe suốt một thời gian dài, cho tới khi cuối cùng những người Argos khuất phục được các nô lệ một cách khó khăn.

84. Vậy là theo người Argos kể, đây là lý do khiến Kleomenes hóa điên và có kết cục thê thảm. Nhưng bản thân người Sparta lại nói rằng Kleomenes không hóa điên do thần linh, mà vì ông ta đã trở thành kẻ nghiện uống rượu vang không pha do lân la với người Skythia, và hóa điên vì chuyện này. Theo họ kể, những người Skythia du mục, sau khi Dareios xâm lược lãnh thổ của họ, đã rất khao khát báo thù vua Ba Tư. Vậy nên họ phái sứ giả tới Sparta và cố thiết lập một liên minh, thu xếp để trong khi chính người

Skythia tìm cách tấn công Media theo đường sông Phasis, người Sparta sẽ tiến quân từ Ephesos và tiến vào nội địa, rồi hai bên sẽ hội quân tại một địa điểm. Người ta kể thêm rằng khi các sứ giả Skythia tới thương lượng việc này, Kleomenes đã thường xuyên kết giao với họ, và kết giao với những sứ giả ngoại quốc này đến độ quá mức thích hợp, nhà vua học được thói quen uống rượu vang không pha với nước, và vì lý do này (theo người Sparta nghĩ) ông ta đã hóa điên. Từ đó trở đi, như chính người Sparta kể, khi nào họ thích uống rượu vang mạnh hơn, họ lại nói: "Rót đầy theo kiểu Skythia". Đó là những gì người Sparta kể lại về Kleomenes, song với tôi dường như đây là sự trả giá cho những gì Kleomenes gây ra với Demaratos.

85. Khi người Aigina biết tin Kleomenes đã chết, họ liền phái sứ giả tới Sparta tố giác Leotykhides về những con tin đang bị giam giữ ở Athenai, và người Lakedaimon liền tổ chức một phiên tòa và phán xử rằng người Aigina đã bị Leotykhides sỉ nhục, và họ tuyên án ông ta bị đưa tới Aigina để đổi lấy những người đang bị giam tại Athenai. Sau đó, khi người Aigina sắp sửa đưa Leotykhides đi, Theasides, con trai Leoprepes, một người có danh tiếng ở Sparta, liền nói với họ: "Các người đang định làm gì vậy, hỡi người Aigina? Chẳng lẽ các người định mang đi vua của người Sparta, bị các công dân của mình giao nộp ra như thế? Nếu người Sparta quyết định như vậy vào lúc này khi đang nóng giận, thì hãy cẩn trọng kẻo đến lúc nào đó trong tương lai, nếu các người làm chuyện này, họ sẽ mang tai ương tới vùng đất của các người, khiến nó bị hủy diệt". Nghe những lời này, người Aigina không dám bắt Leotykhides đi nữa, nhưng họ đạt được thỏa thuận rằng Leotykhides sẽ đi cùng họ tới Athenai và giao người lại cho người Aigina.

86. Tuy nhiên, khi Leotykhides tới Athenai và yêu cầu lấy lại người, người Athenai không sẵn sàng trao trả các con tin, liền tìm cớ để từ chối, nói rằng hai vua Sparta đã giao những con tin này cho họ và họ không nghĩ là hợp lý khi trả lại các con tin cho một vị vua khi vắng mặt vị vua còn lại. Vì người Athenai nói họ sẽ không trả con tin, Leotykhides liền nói với họ như sau:

A. "Hỡi người Athenai, hãy làm bất cứ điều gì các vị mong muốn, vì các vị biết nếu các vị giao trả họ, các vị đang làm điều tôn giáo yêu cầu, và nếu các vị từ chối giao lại họ, các vị đang làm ngược với điều tôn giáo yêu cầu. Nhưng ta muốn nói với các vị điều gì từng diễn ra ở Sparta về một cuộc gửi gắm dựa trên niềm tin. Người Sparta chúng tôi kể lại rằng hồi đó, cách đây khoảng hai thế hệ trước thời của ta, tại Lakedaimon có một người tên là Glaukos,

con trai của Epikydes. Người này có phẩm chất tốt về mọi mặt, và nhất là được tất cả những ai sống tại Lakedaimon thời đó khen ngợi về sự chính trực. Và chúng tôi xin kể rằng đã có chuyện sau đây xảy đến với ông ta: Một người Miletos tới Sparta và muốn nói chuyện với ông, bày tỏ các lý do như sau: "Tôi là người Miletos", người này nói, "và tôi tới đây mong muốn được nhờ cậy sự chính trực của ông, Glaukos, vì có rất nhiều lời kể về sự chính trực này trên khắp phần còn lại của Hy Lạp cũng như tại Ionia, và tôi ngẫm thấy Ionia luôn trong cảnh bị đe dọa, trong khi Peloponnesos đã được củng cố an toàn, đồng thời chúng tôi cũng chưa bao giờ thấy tài sản liên tục nằm trong tay cùng một người trong thời gian dài. Nghĩ tới những điều đó và tự mình ngẫm nghĩ, tôi quyết định chuyển nửa tài sản của mình thành tiền, rồi tới gửi ở chỗ ông, tin chắc rằng nếu món tiền đó được gửi gắm ở chỗ ông, nó sẽ được an toàn. Vì vậy, tôi cầu xin ông hãy nhận lấy món tiền này, cất và giữ lấy các tín vật này, và bất cứ ai tới hỏi xin lại số tiền có mang theo tín vật khớp với những tín vật này, mong ông hãy trao lại tiền cho người ấy".

B. Người lạ đến từ Miletos đã nói như vậy, còn Glaukos chấp nhận số tiền được ủy thác cho mình giữ gìn theo các điều kiện đã được đề nghị. Sau một thời gian dài trôi qua, các con trai của người đã gửi tiền ở chỗ Glaukos tìm đến Sparta. Họ tới gặp Glaukos, đưa ra các tín vật để xin giao lại số tiền. Nhưng Glaukos đã xua đuổi họ, trả lời họ như sau: "Ta không nhớ việc này, trí nhớ cũng không nhắc ta bất cứ gì về những chuyện các người nói đến, song ta mong muốn hồi tưởng lại và làm điều gì đúng đắn. Vì nếu ta đã nhận món tiền đó, ta mong muốn trả lại nó một cách trung thực. Trái lại, nếu ta không hề nhận món tiền đó, ta sẽ xử sự với các người theo đúng các phong tục của người Hy Lạp. Vì thế ta tạm hoãn giải quyết việc này với các người trong ba tháng kể từ hôm nay".

C. Người Miletos vậy là buồn bã ra về, vì họ đoán rằng mình đã bị cướp mất tiền. Song Glaukos đến Delphoi tham vấn dự ngôn giả, và khi ông ta hỏi liệu mình có nên cướp tiền của những người kia bằng một lời thề hay không, nữ tư tế Pythia liền quở trách ông ta với những câu sau:

> Hỡi Glaukos con trai Epikydes, ngày nay, thật hữu ích
>
> Khi thề thốt giả dối và cướp tiền của một người.
>
> Cứ hứa đi, vì dù thế nào đi chăng nữa,

Cái chết cũng ghé thăm người trung thực.

Nhưng đứa con của Lời thề không có tên, cũng không có tay

Hay chân; nhưng nó vẫn đủ nhanh để truy đuổi kẻ khai man cho tới khi

Tóm được và tiêu diệt con hắn và cả gia tộc hắn.

Con của kẻ giữ lời thề sẽ khấm khá hơn.

Nghe xong những lời này, Glaukos liền cầu xin thần tha thứ cho những gì ông ta đã nói, nhưng nữ tư tế nói rằng cả gan thử thách thần và thực sự làm việc xấu xa là hai chuyện tương đương.

D. Vậy là Glaukos, sau khi gọi mấy người Miletos tới, liền trả tiền lại cho họ.

"Hỡi người Athenai, giờ đây ta sẽ nói cho các vị biết lý do ta kể câu chuyện này cho các vị. Hiện tại không có hậu duệ nào của Glaukos còn sống, cũng không có bếp lửa nào được cho là thuộc về Glaukos, mà ông ta đã bị hủy diệt hoàn toàn và bị loại bỏ khỏi Sparta. Bởi thế, sẽ là không hay dù chỉ nuôi dưỡng bất cứ ý nghĩ nào khác về thứ được gửi gắm ngoài trao lại thứ đó khi những người gửi gắm đề nghị muốn lấy lại".

87. Khi Leotykhides nói như vậy, vì ngay cả khi đó người Athenai cũng không sẵn lòng lắng nghe ông ta, và người Aigina, trước khi phải chịu tội về những hành động sai trái trước đó mà họ đã xúc phạm tới người Athenai để khiến người Thebai vui lòng, đã xử sự như sau. Bất bình trước cách cư xử của người Athenai và nghĩ rằng họ đã bị xử tệ, những người này liền chuẩn bị báo thù người Athenai. Vì người Athenai đang tổ chức một lễ hội cứ bốn năm lại có một lần tại Sounion, họ liền phục kích chiếc thuyền thiêng được phái tới đó và chiếm thuyền, trên đó chở đầy các công dân hàng đầu của Athenai. Sau khi chiếm thuyền, người Aigina liền xiềng những người này lại.

88. Sau khi phải chịu sự sỉ nhục này từ tay người Aigina, người Athenai lập tức tìm đủ cách có thể để gây tổn hại cho Aigina.

Ở Aigina có một người có danh tiếng tên là Nikodromos, con trai Knoithos. Người này có lý do để bất bình với người Aigina vì trước đó đã trục xuất ông ta khỏi hòn đảo. Lúc này, biết tin người Athenai quyết tâm gây hại cho người Aigina, ông ta liền đồng ý

với người Athenai sẽ trao Aigina cho họ, nói cho họ biết vào ngày nào ông ta sẽ thực hiện âm mưu và tới ngày nào họ sẽ cần phải tới trợ giúp ông ta.

89. Sau đó Nikodromos, theo đúng những gì đã thỏa thuận với người Athenai, liền chiếm lấy khu thành cũ, nhưng người Athenai đã không tới trợ giúp ông ta vào đúng thời điểm, vì khi ấy, họ không có đủ chiến thuyền để giao chiến với người Aigina, vậy là trong khi họ đang đề nghị người Korinthos cho mượn thuyền, cơ hội của họ bị hủy hoại. Người Korinthos, về phần mình đang rất hữu hảo với người Athenai vào thời điểm đó, liền trao cho người Athenai 20 chiến thuyền, họ bán cho người Athenai những chiến thuyền này với giá 5 *drakhmai* một chiếc, vì luật lệ không cho phép họ được mang chiến thuyền ra làm quà tặng. Sau khi nhận lấy những chiến thuyền này cũng như huy động chiến thuyền của chính mình, người Athenai liền tiến quân tới Aigina trên 70 chiến thuyền với thủy thủ đoàn đầy đủ, và họ đến chậm một ngày so với giao ước.

90. Trong thời gian đó, Nikodromos, vì không được người Athenai tới trợ giúp đúng thời hạn, đã xuống một chiếc thuyền và đào tẩu khỏi Aigina, và những người Aigina khác cũng đi cùng ông ta. Người Athenaicho phép họ cư trú ở Sounion, và từ nơi này họ tiếp tục cướp phá người Aigina sống trên đảo. Nhưng đó là chuyện xảy ra sau này.

91. Khi những người Aigina giàu có thắng thế trước giới bình dân vốn đã nổi loạn cùng Nikodromos, và sau khi khuất phục được những kẻ nổi dậy, họ liền đưa các tù nhân ra hành quyết. Vì hành động ấy, họ đã phải chịu một lời nguyền mà họ không thể xóa đi được bằng các lễ hiến sinh, cho dù đã tìm đủ cách có thể để giải lời nguyền, song họ đã bị đánh đuổi khỏi hòn đảo trước khi nữ thần ban điềm lành cho họ. Vì họ đã bắt 700 bình dân làm tù binh và điệu những người này ra hành quyết, khi đó một trong các tù nhân dứt dây trói và chạy tới lánh nạn ở cổng vào ngôi đền Demeter Lập pháp giả, người này giữ tay nắm cửa và bám chặt. Khi người ta nhận ra không thể lôi người tù ra khỏi chỗ đó, họ liền chặt đứt hai bàn tay anh ta rồi điệu anh ta đi, còn hai bàn tay vẫn bám chặt ở tay nắm cửa.

92. Người Aigina đã đối xử với nhau như vậy, và khi người Athenai đến, họ chiến đấu chống lại người Athenai với 70 chiến thuyền, và khi bị thua trong trận hải chiến, họ lại cầu viện chính đồng minh họ từng cầu viện trước đây, người Argos. Người Argos không thể tới giúp đỡ họ, viện ra cớ để phàn nàn là việc các chiến

thuyền Aigina, dưới sự ép buộc của Kleomenes, đã cập bờ Argos và thủy thủ đoàn của chúng đã lên bờ cùng người Lakedaimon, và cùng với họ những người đi trên các chiến thuyền của Sikyon cũng đã đổ bộ lên bờ trong cùng cuộc xâm lược. Vì hành động này, người Argos đã áp đặt lên hai thành phố đó khoản phạt 1.000 *talanta*, 500 cho mỗi thành phố. Người Sikyon, biết rằng họ đã hành động sai trái, đã thỏa thuận để trả 100 *talanta* để được gỡ hình phạt. Tuy nhiên, người Aigina không thừa nhận sai lầm của mình mà tỏ ra cứng đầu hơn. Vì vậy khi họ cầu viện, không người Argos nào tới trợ giúp họ bằng chi phí của thành bang, mà chỉ có 1.000 quân tình nguyện. Chỉ huy lực lượng tình nguyện này là Eurybates, một người từng tham dự năm môn thi đấu. Trong số quân này, phần lớn không bao giờ quay trở về, mà bị người Athenai giết tại Aigina, và bản thân chỉ huy, Eurybates, khi giao chiến đã giết được ba đối thủ trước khi chính ông ta bị giết bởi đối thủ thứ tư, Sophanes thành Dekeleia.

93. Tuy nhiên, người Aigina đã tranh thủ lúc người Athenai đang rối loạn để giao chiến với họ trên biển, và đánh bại họ, và người Aigina chiếm được bốn chiến thuyền Athenai cùng thủy thủ đoàn.

94. Người Athenai đã gây chiến với người Aigina như vậy, và trong cùng thời gian đó, vua Ba Tư cũng thúc đẩy dự định của mình, vì ông ta luôn được người hầu nhắc nhở để nhớ tới người Athenai, và cũng vì các Peisistratidai luôn ở bên Dareios và liên tục lên tiếng buộc tội người Athenai, đồng thời Dareios cũng muốn vin vào cớ này để khuất phục các dân tộc Hy Lạp chưa chịu dâng đất và nước lên ông ta. Dareios bãi chức chỉ huy của Mardonios vì ông đã có kết quả thảm hại trong chiến dịch viễn chinh của mình, rồi chỉ định các tướng lĩnh khác nắm quyền chỉ huy và phái họ đi tấn công Eretria và Athenai, cụ thể là Datis, một người Media, và Artaphernes, con trai Artaphernes, một người cháu trai của nhà vua. Dareios phái họ đi với nhiệm vụ khuất phục Athenai và Eretria thành nô lệ và đưa các nô lệ về ra mắt nhà vua.

95. Khi các tướng được chỉ định từ biệt nhà vua lên đường hành quân tới đồng bằng Aleios ở Kilikia, dẫn theo một đạo quân bộ đông đảo được trang bị tốt, trong lúc đang đóng trại tại đó, toàn bộ trang bị của hải quân, được chỉ định cho một số dân tộc cung cấp, cũng được đưa tới đó; và được chuyển tới đó còn có cả các thuyền vận tải dùng để chuyên chở ngựa, những chiếc thuyền này vào năm trước đó Dareios đã lệnh cho các chư hầu chuẩn bị sẵn sàng. Quân Ba Tư cho ngựa xuống thuyền, rồi sau khi đã cho đạo quân bộ xuống thuyền, họ ra khơi tới Ionia với 600 chiếc *triereis*.

Sau đó, người Ba Tư không để thuyền của họ đi dọc theo bờ biển lục địa hướng tới eo Hellespontos và Thraike, mà lên đường từ Samos và hành trình qua Biển Ikarios và đi qua giữa các hòn đảo. Theo tôi nghĩ, họ sợ hơn hết thảy việc phải dong buồm đi vòng quanh núi Athos, vì vào năm trước đó trong khi thực hiện cuộc hành trình này họ đã gặp phải tai họa lớn. Thêm nữa, đảo Naxos cũng buộc người Ba Tư phải làm vậy bởi hòn đảo này trước đó vẫn chưa được chinh phục.

96. Khi hạm đội Ba Tư tới Naxos, tấn công hòn đảo này từ Biển Ikarios (vì người Ba Tư dự định tổ chức cuộc viễn chinh để tấn công Naxos đầu tiên, do nhớ tới những biến cố trước đây), người Naxos lập tức bỏ chạy lên núi, không nghênh chiến chống lại cuộc tấn công của quân Ba Tư, song người Ba Tư bắt làm nô lệ những ai bị họ bắt rồi phóng hỏa đốt cả các ngôi đền lẫn thành phố. Làm xong việc này, họ ra khơi để tấn công các hòn đảo khác.

97. Trong khi quân Ba Tư hành động như vậy, cư dân Delos cũng rời khỏi Delos và tháo chạy tới Tenos, và khi hạm đội Ba Tư dong buồm tới Delos, Datis đi thuyền cập đảo trước và không cho phép các thuyền khác thả neo tại Delos, mà tại Rhenaia ở bờ đối diện của eo biển. Rồi bản thân Datis, sau khi tìm hiểu và biết được nơi ẩn náu của người Delos, liền phái một sứ giả tới nói với họ như sau: "Hỡi những người thánh thiện, tại sao các vị lại bỏ chạy sau khi phán xét về ta một cách sai lầm? Vì bản thân ta chí ít cũng có trí tuệ, thêm nữa ta lại nhận được lệnh từ đức vua không được gây hại đến mảnh đất nơi hai vị thần đã được sinh ra, kể cả bản thân mảnh đất ấy lẫn cư dân sinh sống tại đó. Vì thế, giờ các vị hãy quay về lại với nhà cửa của mình và sống trên hòn đảo của các vị". Datis đã cho sứ giả tuyên bố như thế với người dân Delos, rồi sau đó ông ta cho chất lên ban thờ và đốt 300 *talanta* nhũ hương.

98. Datis sau khi làm những việc này liền cùng đạo quân của mình tấn công Eretria, mang theo cả người Ionia và Aiolis.

Khi Datis khởi hành, Delos đã bị động đất, trong khi hòn đảo này, theo như lời người Delos thuật lại, chưa bao giờ bị động đất, cả trước đây lẫn từ sau này tới tận thời của tôi, và đây hẳn là điềm báo từ thần linh về những tai ương sắp xảy ra, vì vào thời trị vì của Dareios con trai Hystaspes, Xerxes con trai Dareios, và Artaxerxes con trai Xerxes, trong ba thế hệ kế tiếp nhau, đã có nhiều tai ương xảy đến với Hy Lạp hơn trong suốt 20 thế hệ trước Dareios, một số trong những tai ương này đến từ tay người Ba Tư, một số khác từ các thành bang Hy Lạp giao chiến với nhau để giành quyền bá chủ. Vì thế, cũng không phải vô cớ mà Delos bị

động đất, trong khi trước đó hòn đảo này chưa bao giờ bị động đất. Và thực tế là có một thần dụ như sau:

> Ta cũng rung chuyển cả Delos, dù trước đó nó chưa bao giờ bị rung chuyển.

Trong tiếng Hy Lạp, những cái tên của các vua Ba Tư vừa được nhắc tới ở trên có ý nghĩa như sau – Dareios nghĩa là "công nhân", Xerxes là "chiến binh", Artaxerxes là "chiến binh vĩ đại". Như vậy người Hy Lạp có thể gọi những vị vua này một cách đúng nghĩa bằng ngôn ngữ của mình.

99. Sau khi rời khỏi Delos, man tộc lần lượt ghé vào các hòn đảo trên đường hành quân, và được tăng cường lực lượng từ các hòn đảo này đồng thời mang những người con trai của cư dân trên đảo theo làm con tin. Và khi hải hành qua các hòn đảo, hạm đội Ba Tư cũng ghé vào Karystos, vì người Karystos không chịu nộp con tin cho người Ba Tư cũng không ưng thuận gia nhập cuộc viễn chinh chống lại các thành phố khác là láng giềng của họ, cụ thể là Eretria và Athenai, người Ba Tư bắt đầu vây hãm Karystos và tàn phá đất đai quanh đó, cho tới khi cuối cùng người Karystos cũng phải thuận theo ý chí của họ.

100. Khi người Eretria, biết tin hạm đội Ba Tư đang dong buồm tới tấn công họ, liền đề nghị người Athenai giúp đỡ, và người Athenai đã không từ chối, mà phái đi cứu viện 4.000 quân đã được phân chia đất của những người phối giống ngựa Khalkis. Tuy nhiên, hóa ra người Eretria không hề có kế hoạch hành động hợp lý nào, trong khi họ phái người tới cầu viện Athenai, tâm trí họ đã có hai kế hoạch khác nhau. Một số người Eretria đề xuất rời bỏ thành phố lên vùng đồi núi ở Euboia, trong khi số khác, mong mỏi thủ lợi cho bản thân từ người Ba Tư, chuẩn bị đầu hàng giao nộp thành phố. Biết được cả hai kế hoạch này, Aiskhines, con trai Nothon, một trong các thủ lĩnh của người Eretria, liền nói lại toàn bộ tình thế của họ với những người Athenai đã tới cứu viện, và khuyên họ hãy quay trở về bản quán để bảo toàn tính mệnh.

101. Vậy là người Athenai làm theo lời khuyên của Aiskhines, vượt biển sang Oropos và thoát thân.

Hạm đội Ba Tư tiến tới, đưa thuyền cập bờ tại Tamynai, Khoireai và Aigilea trên đất Eretria, rồi sau khi chiếm giữ những nơi này, họ lập tức đưa ngựa lên bờ và sửa soạn tấn công đối phương. Tuy nhiên, người Eretria không hề có ý định xuất quân đối đầu với họ và giao chiến, mà nỗ lực của họ là tìm cách cầm cự nếu có thể

bằng việc phòng thủ thành lũy, vì ý kiến không rời bỏ thành phố đã thắng thế. Rồi một cuộc công thành dữ dội diễn ra, và trong sáu ngày rất nhiều người tử trận ở cả hai phía, song tới ngày thứ bảy, Euphorbos con trai Alkimakhos và Philagros con trai Kynes, những người có danh tiếng trong số các công dân Eretria, đã giao nộp thành phố cho quân Ba Tư. Quân Ba Tư sau khi vào thành phố đã cướp phá và phóng hỏa đốt các đền để trả thù cho những đền bị đốt tại Sardis, đồng thời cũng bắt dân chúng làm nô lệ theo lệnh của Dareios.

102. Sau khi khuất phục Eretria, quân Ba Tư nghỉ lại vài ngày rồi ra khơi tới Attika, hối hả dong buồm và đoán rằng người Athenai sẽ làm tương tự như người Eretria đã làm. Và vì Marathon là nơi thích hợp nhất ở Attika để kỵ binh hoạt động và cũng rất gần Eretria, Hippias con trai Peisistratos liền dẫn đường cho quân Ba Tư tới đó.

103. Khi người Athenai biết tin này, cả họ cũng tới Marathon để cứu đất đai của mình, và quân Athenai được chỉ huy bởi 10 viên tướng, trong đó người thứ 10 là Miltiades.

Cha Miltiades là Kimon, con trai Stesagoras, đã bị Peisistratos, con trai Hippokrates, trục xuất khỏi Athenai. Trong cảnh lưu vong, ông này đã may mắn giành được một thắng lợi trong hội thi Olympia với một chiếc xe tứ mã, trong môn thi này ông ta đã làm được điều tương tự như người anh em cùng mẹ khác cha Miltiades của mình từng làm được. Trong hội thi Olympia tiếp theo, ông ta giành được thắng lợi với cùng những con ngựa đực đó và cho phép Peisistratos được xướng danh là người chiến thắng, rồi sau khi đã nhường chiến thắng cho Peisistratos, ông ta trở về bản quán theo một thỏa thuận hòa bình. Sau khi giành thắng lợi với cùng những con ngựa đực trong một hội thi Olympia khác, số phận đã định ông ta bị giết bởi tay các con trai Peisistratos, lúc này bản thân Peisistratos đã qua đời. Chúng giết ông ta ở gần nhà Thị chính sảnh, sau khi phái sát thủ phục kích ông ta vào ban đêm, và nơi an táng Kimon nằm ở ngoại ô thành phố, ở phía bên kia con đường được gọi là đường đi qua Koile, và ngay đối diện với mộ ông ta là nơi chôn cất những con ngựa đực đã giành chiến thắng ba lần. Điều tương tự cũng được thực hiện với những con ngựa đực của Euagoras vùng Lakonia, nhưng ngoài ra không được thực hiện với bất cứ con ngựa nào khác nữa. Con trai cả của Kimon, Stesagoras, hồi đó được nuôi nấng tại nhà người em trai của cha mình Miltiades tại Khersonesos, trong khi người con trai út được nuôi nấng tại Athenai bởi chính Kimon, được đặt tên là Miltiades theo tên người lập nên khu định cư ở Khersonesos.

104. Người con trai có tên Miltiades này sau đó vào thời chúng ta đang nói tới có gốc gác từ Khersonesos và là một vị tướng của Athenai, sau khi thoát chết hai lần. Vì không chỉ người Phoinike, những người đã truy đuổi ông ta tới tận Imbros, rất nóng lòng muốn bắt ông ta và giải về dâng lên vua Ba Tư, mà sau chuyện này, khi Miltiades đã thoát khỏi người Phoinike tới được bản quán và có vẻ được an toàn từ đó trở đi, các đối thủ của ông ta, những người đã chờ sẵn ông ta tại đó, liền đưa Miltiades ra trước một phiên tòa và tố cáo ông ta vì đã trị vì sự chuyên chế tại Khersonesos. Sau khi thoát khỏi cả những đối thủ này, ông ta về sau được phong làm tướng dân cử của Athenai.

105. Trước nhất, trong khi họ vẫn còn ở trong thành phố, các tướng liền cử một sứ giả tới Sparta, người này tên là Philippides, một người Athenai, đồng thời cũng là một người chuyên làm nghề chạy đưa tin hỏa tốc. Như chính Philippides nói và kể lại với người Athenai, ông ta từng tình cờ gặp thần Pan ở núi Parthenion nằm ở phía trên Tegea. Và Pan gọi lớn tên Philippides, bảo ông ta nói lại với người Athenai hỏi rằng vì lý do gì họ không để ý tới ông ta, cho dù ông ta sẵn lòng phục vụ người Athenai và đã giúp ích cho họ trong nhiều dịp trước đó, và sẽ còn giúp ích nữa. Tin rằng câu chuyện này là thật, người Athenai, khi hiện nay họ đã trở nên thịnh vượng, đã xây dựng dưới Akropolis một ngôi đền thần Pan, và vì thông điệp của thần, họ dâng lên thần hằng năm lễ hiến sinh và tổ chức một cuộc đua rước đuốc.

106. Tuy nhiên vào thời điểm đó, cụ thể là khi Philippides kể rằng thần Pan đã hiện ra với mình, ông ta, sau khi được các vị tướng phái đi, đã có mặt ở Sparta vào ngày hôm sau ngày ông ta rời khỏi thành Athenai. Khi tới gặp các pháp quan, ông ta đã nói: "Hỡi người Lakedaimon, người Athenai đề nghị các vị tới giúp đỡ họ và không cho phép thành phố lâu đời nhất được thiết lập trên cõi Hy Lạp bị rơi vào kiếp nô lệ dưới tay man tộc, vì ngay lúc này đây Eretria đã bị nô dịch, và Hy Lạp đã trở nên yếu hơn khi mất đi một thành phố danh tiếng". Ông ta đã nói lại với họ những gì được giao phó, và họ rất vui lòng tới giúp người Athenai, song họ không thể làm điều đó ngay lập tức, vì họ không muốn phá vỡ luật lệ của mình, bởi lúc đó là ngày thứ chín trong tháng, và họ nói người Lakedaimon không thể xuất quân vào ngày thứ chín, và sẽ không thể cho tới khi trăng tròn.

107. Người Lakedaimon đợi tới trăng tròn, và trong thời gian đó Hippias, con trai Peisistratos đang dẫn man tộc tới Marathon, sau khi nằm mơ thấy vào đêm hôm trước trong giấc ngủ của mình như sau: Dường như Hippias thấy ông ta đã ngủ với chính mẹ

mình. Từ giấc mơ này, ông ta đoán rằng mình cần trở lại Athenai và giành lại quyền bính, rồi kết thúc cuộc đời khi về già tại bản quán. Hippias đã phán đoán như vậy từ giấc mơ, rồi sau đó, khi ông ta hướng đạo cho quân Ba Tư, trước hết Hippias cho đổ bộ các nô lệ từ Eretria lên hòn đảo thuộc về người Styra có tên là Aigileia. Khi hạm đội cập bờ tại Marathon, ông ta cho neo thuyền tại đó, rồi khi man tộc đổ bộ lên đất liền, ông ta liền bố trí chỗ đóng quân cho lực lượng này. Trong khi đang ra lệnh làm những việc đó, Hippias hắt hơi và ho dữ dội hơn thường lệ. Và vì ông ta đã già, phần lớn răng do đó đã lung lay, một chiếc răng của ông ta liền bị rụng ra trong cơn ho dữ dội. Sau khi chiếc răng rơi từ miệng ông ta xuống cát, Hippias rất mong muốn tìm lại nó. Tuy nhiên, vì không thể tìm thấy chiếc răng, Hippias liền lớn tiếng than thở và nói với những người ở bên mình: "Đất này không thuộc về chúng ta, và chúng ta sẽ không bao giờ chế ngự được nó. Phần đất duy nhất của ta là nơi chiếc răng ta chiếm hữu".

108. Hippias sau đó đoán rằng giấc mơ của ông ta như vậy đã thành hiện thực.

Khi người Athenai đã lập thành đội hình trong thánh địa Herakles, người Plataia tới đó hội quân cùng họ để trợ chiến, vì họ đã quy phục người Athenai, và trước thời kỳ này người Athenai đã nhiều lần ra sức vì họ. Và những người Plataia đã quy phục Athenai trong bối cảnh như sau.

Bị Thebai áp bức, người Plataia thoạt đầu mong muốn quy phục Kleomenes con trai Anaxandridas và người Lakedaimon, những người tình cờ đã tới đó, song những người này không chấp nhận họ, và nói với họ như sau: "Chúng ta sống quá xa, và sự hỗ trợ của chúng ta với các ngươi sẽ chỉ là sự an ủi vô ích, vì các ngươi có thể bị nô dịch nhiều lần trước khi bất cứ ai trong chúng ta hay tin, vậy nên chúng ta khuyên các ngươi tốt hơn hãy quy phục người Athenai, họ vừa ở gần vừa là những người trợ lực không tồi". Người Lakedaimon đã khuyên như vậy, không hoàn toàn từ thiện chí của họ với người Plataia mà trước hết vì họ muốn người Athenai sẽ gặp phiền toái khi can dự vào một cuộc xung đột với người Boiotia. Người Plataia đã làm theo lời khuyên của họ, thế là khi người Athenai dâng lễ hiến sinh lên 12 vị thần, người Plataia đã ngồi xuống trước ban thờ như những kẻ cầu xin và thể hiện sự quy phục của mình. Người Thebai khi biết chuyện liền tiến quân đánh người Plataia, và người Athenai đã tới ứng cứu họ, nhưng khi hai bên chuẩn bị giao chiến, người Korinthos đã không cho phép hai phía làm như vậy, mà họ, tình cờ có mặt tại đó, đã hòa giải cả hai bên, rồi sau khi cả hai bên tham chiến trao cho họ

quyền phân xử, người Korinthos vạch ra các ranh giới của vùng đất Plataia, với điều kiện người Thebai phải để yên cho những người Boiotia không mong muốn được tính vào hàng ngũ của những tộc người Boiotia khác. Sau khi đưa ra quyết định này, người Korinthos rời đi, nhưng khi người Athenai hồi hương, người Boiotia tấn công họ, để rồi bị đánh bại. Vì chuyện này, người Athenai vượt qua các biên giới người Korinthos đã vạch ra cho người Plataia, và họ lấy chính dòng sông Asopos làm biên giới của Thebai về phía lãnh thổ Plataia và về phía vùng Hysiai. Người Plataia, đã quy thuận người Athenai trong hoàn cảnh như đã kể ở trên, giờ đây tới Marathon để trợ giúp.

109. Lúc này, các tướng Athenai bị chia rẽ về ý kiến, và một phe hối thúc rằng họ không nên giao chiến vì quân số của họ quá ít để giao chiến với đạo quân của người Media, trong khi một số tướng khác, trong đó có Miltiades, đề xuất rằng họ nên giao chiến. Họ bị chia rẽ và quan điểm tiêu cực hơn có vẻ sẽ thắng thế, vì người đã được rút thăm lựa chọn làm *polemarkhos*[1] của người Athenai cũng có một phiếu bên cạnh 10 phiếu của 10 vị tướng (vì vào thời trước, người Athenai trao cho *polemarkhos* một phiếu tương đương với các tướng) và khi ấy *polemarkhos* là Kallimakhos làng Aphidnai, Miltiades liền tới gặp ông này và nói như sau: "Hỡi Kallimakhos, giờ đây quyết định phụ thuộc vào ông, hoặc đẩy Athenai vào kiếp nô dịch, hoặc giữ cho nó được tự do và để lại phía sau ngài đến chừng nào con người còn sống một ký ức thậm chí cả Harmodios và Aristogeiton cũng không thể để lại được. Vì giờ đây người Athenai đang phải đối diện với sự nguy cấp lớn nhất họ từng đối diện kể từ khi họ là một dân tộc, và một mặt, nếu họ quy phục người Media, chắc chắn họ sẽ phải chịu thống khổ vì bị trao vào tay Hippias, trong khi mặt khác, nếu thành phố này giành chiến thắng, nó có thể trở thành thành bang số một của Hy Lạp. Bây giờ tôi sẽ nói vì cớ gì mà chuyện này có thể xảy ra và vì sao chính ông chứ không phải ai khác sẽ phải định đoạt những vấn đề sống còn đó. Trong hàng ngũ các tướng chúng tôi, gồm 10 người, ý kiến đang chia rẽ, một phe hối thúc chúng ta giao chiến, trong khi phe kia đề nghị điều ngược lại. Nếu chúng ta không giao chiến, tôi lường thấy rằng sự bất hòa sẽ len lỏi vào tâm trí người Athenai, làm họ dao động tới mức họ sẽ ngả sang phía người Media. Nhưng nếu chúng ta đánh một trận trước khi bất cứ tinh thần tiêu cực nào xuất hiện trong người Athenai, khi đó chúng ta có thể giành chiến thắng trên chiến trường, nếu các vị thần ban cho điều kiện công bằng. Những việc này tất cả đều nằm trong tay ông và phụ thuộc vào ông. Vì nếu ông theo cùng quan điểm với tôi, ông có cả một tổ quốc tự do và một đô thị sẽ đứng đầu các thành phố Hy

Lạp. Nhưng nếu ông ngả về quan điểm của những người phản đối giao chiến, ông sẽ có sự đối nghịch với những thứ tốt đẹp tôi vừa nói với ông".

---

1. Tổng chỉ huy, xuất phát từ *polemos* (chiến tranh) và *arkhon* (nhà cai trị).

---

110. Miltiades đã nói như vậy để lôi kéo Kallimakhos về phe mình, và khi lá phiếu của *polemarkhos* được thêm vào, người Athenai quyết tâm chiến đấu. Sau việc này, những tướng có quan điểm chủ chiến, vì mỗi người trong số họ sẽ lần lượt nắm quyền chỉ huy trong một ngày, liền trao lượt nắm quyền chỉ huy của họ cho Miltiades. Còn ông, dù chấp nhận sự ủy thác này vẫn không thể tiến hành một trận đánh cho tới khi lượt nắm quyền chỉ huy của chính ông tới.

111. Và khi đến lượt Miltiades, người Athenai liền bố trí thành đội hình chiến đấu theo thứ tự như sau: Ở bên cánh phải do *polemarkhos* là Kallimakhos chỉ huy (vì phong tục của người Athenai khi đó quy định *polemarkhos* cần nắm quyền chỉ huy cánh phải). Tiếp sau cánh quân của Kallimakhos lần lượt tới các bộ lạc khác theo thứ tự quân số của họ kế tiếp nhau, và cuối cùng là người Plataia nắm giữ cánh trái, và kể từ khi trận đánh này diễn ra trở về sau, khi người Athenai dâng lễ hiến sinh trong các buổi hội họp long trọng được tổ chức tại các lễ hội diễn ra bốn năm một lần, truyền lệnh sứ của người Athenai lại cầu nguyện như sau: "Mong thần linh ban phúc cho người Athenai và cả người Plataia". Tuy nhiên, vào thời điểm đó, khi người Athenai đang dàn trận tại Marathon, có sự việc như sau xảy ra: Đạo quân của họ, sau khi được bố trí thành chiến tuyến dài bằng chiến tuyến của quân Media, dàn trận ở đoạn giữa chiến tuyến với chiều sâu chỉ có vài hàng, và ở đây đạo quân của họ là yếu nhất, trong khi hai cánh được tăng cường quân số.

112. Và khi họ đã dàn quân vào vị trí, đồng thời các lễ hiến sinh cũng báo điềm thuận lợi, người Athenai liền xung phong tấn công quân man tộc. Khoảng cách giữa hai đạo quân là không dưới 8 *stadia*, và quân Ba Tư, khi thấy người Athenai xông tới tấn công, liền chuẩn bị đón đánh họ, và trong đầu người Ba Tư thầm coi những người Athenai làm việc điên rồ sẽ mang tới tai họa, vì người Athenai có quân số ít hơn thế nhưng lại đang chạy tới tấn công trong khi không có cả kỵ binh lẫn cung thủ. Đó là ý nghĩ của man tộc, nhưng những chiến binh Athenai, khi tất cả họ giao chiến với man tộc thành một thể thống nhất, đã chiến đấu theo

một cách đáng nhớ: vì họ là những người đầu tiên trong tất cả người Hy Lạp chúng ta biết đến đã xông lên tấn công kẻ thù, và họ cũng là những người đầu tiên đứng vững đối diện với trang phục của người Media và những kẻ mặc chúng, trong khi cho tới thời điểm ấy chỉ nguyên cái tên của người Media đã là một nỗi kinh hoàng với người Hy Lạp.

113. Trong khi họ giao chiến ở Marathon, rất nhiều thời gian đã trôi qua, và ở trung tâm của đạo quân, nơi chính người Ba Tư và người Sakai dàn quân, man tộc giành ưu thế, tại đây man tộc đã phá vỡ hàng ngũ của đối phương và truy kích họ vào sâu trong đất liền, nhưng ở cả hai cánh, người Athenai và người Plataia đều đang giành thắng lợi, và khi chiến thắng, họ mặc cho phần man tộc đã bị đánh tan tháo chạy mà không bị truy sát, rồi dồn cả hai cánh lại, giao chiến với địch quân đã phá vỡ trung tâm của họ, và người Athenai giành chiến thắng. Họ đuổi theo quân Ba Tư khi quân Ba Tư tháo chạy, tàn sát đối phương cho tới khi người Ba Tư chạy ra tới biển. Khi đó, người Athenai liền châm lửa và bắt đầu tấn công các thuyền địch.

114. Trong cuộc giao chiến này, *polemarkhos* Kallimakhos đã tử trận sau khi chứng tỏ mình là một người chân chính, và một viên tướng khác, Stesilaos con trai Thrasyles, cũng bị giết. Ngoài ra, Kynegeiros con trai Euphorion trong khi bám lấy những vật trang trí gắn trên đuôi một chiếc thuyền đã bị rìu chặt đứt một bàn tay và rơi xuống, nhiều người Athenai có tiếng tăm khác cũng bị giết.

115. Người Athenai chiếm được bảy chiếc thuyền địch theo cách như vậy, nhưng man tộc đẩy những chiếc thuyền còn lại rời khỏi bờ, rồi sau khi đã mang theo những người bị bắt từ Eretria khỏi hòn đảo nơi quân Ba Tư đã bỏ họ lại, người Ba Tư liền dong buồm đi vòng qua Sounion, với mục đích tới được thành phố trước người Athenai. Tại Athenai, các Alkmaionidai bị buộc tội thông đồng, vì người ta thuật lại rằng họ đã trao đổi với người Ba Tư, giơ một chiếc khiên lên báo hiệu khi người Ba Tư leo lên thuyền.

116. Vậy là người Ba Tư dong buồm vòng qua Sounion, và trong thời gian đó người Athenai hối hả quay về cứu thành phố nhanh nhất có thể, và họ về tới nơi trước khi man tộc tới. Sau khi trở về từ ngôi đền Herakles tại Marathon, họ đóng quân tại một ngôi đền Herakles khác, tọa lạc tại Kynosarges. Tuy nhiên, man tộc đã tới và dừng lại trên chiến thuyền của họ ngoài khơi Phaleron (vì đây là hải cảng của người Athenai), người Ba Tư thả neo thuyền của họ ngoài khơi cảng này rồi sau đó quay thuyền trở về châu Á.

117. Trong trận chiến tại Marathon, có khoảng 6.400 man nhân bị giết, còn về phía người Athenai, có 192 người tử trận.

Trong trận đánh này cũng xảy ra một chuyện kỳ lạ như sau: Một người Athenai tên là Epizelos, con trai Kouphagoras, trong khi giáp chiến với kẻ địch và chứng tỏ mình là một chiến binh giỏi, đã bị mù dù không trúng đòn vào bất cứ phần nào trên cơ thể, cũng không hề bị tên bắn trúng, và trong phần đời còn lại của mình, anh ta tiếp tục bị mù. Tôi được cho hay anh ta từng kể về những gì đã xảy đến với mình như sau, cụ thể là dường như anh ta thấy một người cao hơn mặc giáp đầy đủ giao chiến với mình, với bộ râu che kín cả chiếc khiên của anh ta; bóng ma này đi qua bên cạnh anh ta, nhưng giết chết người đồng đội đứng cạnh anh ta. Đó là câu chuyện Epizelos đã kể như tôi được cho hay.

118. Về phần Datis, trong khi ông ta đang cùng đạo quân của mình trở về châu Á, khi tới Mykonos ông ta đã có một giấc mơ trong khi ngủ. Giấc mơ đó cụ thể là gì không được kể lại, nhưng ngay khi trời rạng sáng, ông ta liền ra lệnh lục soát các thuyền, và tìm thấy trong một chiếc thuyền Phoinike một bức tượng Apollon dát vàng, ông ta liền hỏi bức tượng đã được mang đi từ đâu. Sau khi được cho biết bức tượng được mang đi từ ngôi đền nào, Datis liền đi trên chính chiếc thuyền của mình tới Delos. Thấy rằng cư dân Delos đã trở về hòn đảo, ông ta liền đặt bức tượng vào ngôi đền và yêu cầu người Delos mang trả bức tượng về Delion trên lãnh thổ của người Thebai, nằm bên bờ biển ngay đối diện với Khalkis. Sau khi đưa ra yêu cầu này, Datis lên thuyền ra khơi. Tuy thế, người Delos đã không trả lại bức tượng, mà 20 năm sau đó chính người Thebai mang bức tượng trở về Delion vì một thần dụ.

119. Về phần những người Eretria bị bắt làm nô lệ, Datis và Artaphernes, khi họ về tới châu Á sau chuyến hải hành, liền đưa những người này tới Sousa. Và vua Dareios, cho dù rất tức giận những người Eretria trước khi họ bị bắt làm tù nhân, vì người Eretria đã xúc phạm ông dù không hề bị khiêu khích, nhưng dẫu vậy khi nhà vua thấy họ bị điệu tới trước mặt mình và nằm dưới quyền định đoạt của ông, Dareios không làm gì thêm có hại cho họ, mà đưa họ tới định cư ở vùng đất Kissia, tại một trong những lãnh địa của chính nhà vua có tên Arderikka, nơi này cách Sousa 210 *stadia*, và cách 40 *stadia* nơi tọa lạc chiếc giếng cho ra ba sản vật, vì người ta lấy từ giếng này hắc ín, muối và dầu theo cách như sau: Chất lỏng được lấy ra với một cái cần ở đầu buộc nửa bộ da cừu thay vì một cái gầu, và một người nhúng cần xuống rồi kéo lên, đổ chất lỏng vào một bể chứa, từ đó thứ chất lỏng chảy vào một bình đựng khác, được tách theo ba đường khác nhau. Hắc ín

và muối sẽ lập tức đông cứng lại, còn chất dầu được người Ba Tư gọi là *rhadinake* có màu đen và mùi khó chịu. Vua Dareios cho đưa người Eretria tới đó định cư, và thậm chí tới tận thời của tôi họ vẫn tiếp tục sống ở vùng đất này, vẫn giữ nguyên thứ ngôn ngữ trước đây của họ. Đó là những gì đã xảy ra với người Eretria.

120. Hai nghìn người Lakedaimon tới Athenai sau dịp trăng tròn. Họ đã rất khẩn trương để có mặt kịp thời, vì thế họ tới Attika vào ngày thứ ba sau khi rời Sparta. Và mặc dù họ đến quá trễ để tham chiến, họ vẫn muốn được nhìn thấy người Media. Vậy là họ tới Marathon và xem xét thi thể những người bị giết, rồi sau đó lên đường trở về nhà, khen ngợi người Athenai về chiến công của họ.

121. Tôi thấy rất ngạc nhiên và không chấp nhận lời thuật lại rằng các Alkmaionidai từng giơ một chiếc khiên lên cho người Ba Tư xem như đã nói lúc trước, với mong muốn người Athenai sẽ phải chịu sự cai trị của man tộc và Hippias, nếu thấy rằng họ rõ ràng đã chứng tỏ họ là những người căm ghét các tiếm chúa cũng ngang hay thậm chí còn hơn Kallias, con trai của Phainippos và cha của Hipponikos. Kallias về phần mình là người duy nhất trong toàn bộ người Athenai dám mua các tài sản của Peisistratos mà thành bang mang ra bán khi Peisistratos bị trục xuất khỏi Athenai, cũng như thể hiện qua nhiều cách khác một thái độ thù địch vô cùng với Peisistratos.

122. Về Kallias, cũng là hợp lẽ khi tất cả mọi người đều nên nhớ tới vì nhiều lý do. Trước hết vì lý do tôi vừa nói ở trên, cụ thể là ông ta là một người xuất sắc trong việc giành tự do cho vùng đất của mình. Thứ đến là vì những gì ông ta đã làm tại các hội Olympia, tại đó Kallias đã giành thắng lợi trong cuộc đua ngựa và về nhì trong cuộc đua xe ngựa, rồi trước đó ông từng giành thắng lợi tại hội thi Pythia, nhờ thế trở nên nổi bật trong mắt tất cả người Hy Lạp bởi những khoản tiền ông ta đã bỏ ra. Và cuối cùng vì ông ta đã chứng tỏ bản thân là một người có quan điểm cực kỳ phóng khoáng với ba người con gái của mình, khi họ tới tuổi kết hôn, Kallias dành cho các con gái mình một món hồi môn cực kỳ hậu hĩnh, đồng thời cũng chấp nhận những mong muốn của họ, cụ thể ông ta chấp nhận gả các con gái của mình cho bất cứ người đàn ông Athenai nào mà mỗi cô muốn chọn làm chồng.

123. Các Alkmaionidai căm ghét các tiếm chúa tương tự như ông. Vì thế, tôi cảm thấy rất băn khoăn, và không chấp nhận lời cáo buộc rằng chính họ là những người đã giơ chiếc khiên ra, nếu xét tới việc họ đã bị các tiếm chúa lưu đày trong suốt thời kỳ cai trị, và nhờ vào mưu tính của họ mà các con trai Peisistratos đã từ bỏ

quyền lực. Bởi thế, theo đánh giá của tôi, họ chính là những người đã góp công để giành tự do cho Athenai còn nhiều hơn nhiều so với Harmodios và Aristogeiton, vì việc hai người này giết Hipparkhos khiến các Peisistratidai càng trở nên quá đáng hơn, và không hề khiến những người khác ngưng việc cai trị một cách chuyên quyền. Trái lại, các Alkmaionidai hiển nhiên đã giúp Athenai giành tự do, ít nhất nếu họ quả thực chính là những người đã thuyết phục nữ tư tế Pythia phán cho Lakedaimon rằng họ cần phải giúp Athenai giành tự do như tôi đã thuật lại ở phần trước.

124. Tuy nhiên, có thể nói rằng họ có lý do để bất bình với dân chúng Athenai, và do đó tìm cách phản bội đô thị mình. Nhưng trái lại, không ai có danh tiếng lớn hơn họ, ít nhất là trong những người Athenai, và cũng không có ai từng được tôn vinh hơn. Thế nên thật vô lý khi giả thiết rằng qua họ một chiếc khiên đã được giơ ra vì bất kỳ mục đích nào như thế. Tuy nhiên, không thể chối cãi việc một chiếc khiên đã được giơ ra, vì việc đó đã diễn ra. Song còn về việc ai đã làm việc đó, tôi không thể nói nhiều hơn những gì đã bày tỏ.

125. Gia tộc Alkmaionidai đã nổi danh ở Athenai vào thời kỳ xa xưa nhất, và kể từ thời kỳ của Alkmaion, rồi sau đó là Megakles, họ đã trở nên rất có tiếng tăm. Vì trước tiên Alkmaion, con trai Megakles, đã đứng ra giúp đỡ những người Lydia được Kroisos phái từ Sardis đến hỏi ý dự ngôn giả tại Delphoi, và trợ giúp họ một cách nhiệt thành. Và Kroisos, sau khi biết được từ các sứ giả rằng người này đã giúp đỡ mình, đã sai người mời Alkmaion tới Sardis. Khi ông ta tới, Kroisos tặng cho Alkmaion lượng vàng nhiều nhất mà ông ta có thể tự mình mang đi một lần. Với món quà được đưa ra như thế, Alkmaion liền thu xếp chuẩn bị và sử dụng tới những mẹo sau: Ông ta mặc một chiếc áo tunic rộng với một nếp gấp sâu rủ xuống ở vạt trước, rồi xỏ vào chân đôi ủng rộng nhất có thể tìm được, và cứ như thế tới bảo khố mà người ta dẫn ông ta đến. Ông ta lao tới một đống vàng cám, và trước hết nhét vào bên cạnh hai chân mình nhiều vàng nhất mà đôi ủng có thể chứa được, rồi đổ đầy vàng vào nếp gấp trên áo tunic của mình, rồi vãi vàng cám lên mái tóc và nhét cả một ít vào mồm ngậm. Sau khi làm xong, Alkmaion rời khỏi bảo khố, nhọc nhằn lết đôi ủng đi và trông giống bất cứ thứ gì khác trên thế giới này hơn là một con người, vì miệng ông ta bị nhồi đầy vàng cám đến phình ra, và khắp quanh người ông ta đều căng phồng. Kroisos phá lên cười khi thấy Alkmaion, rồi nhà vua không chỉ ban cho ông ta tất cả số vàng ấy, mà còn tặng thêm làm quà cho ông ta lượng vàng có giá trị không hề kém hơn. Nhờ vậy gia tộc này trở

nên cực kỳ giàu có, và thế là nhân vật Alkmaion tôi đang nói tới trở thành một người nuôi ngựa để đua xe và giành chiến thắng tại Olympia.

126. Rồi đến thế hệ tiếp theo, Kleisthenes tiếm chúa Sikyon ban vinh dự cho gia tộc này, khiến nó trở nên tiếng tăm hơn nhiều trong thế giới Hy Lạp so với trước đây.

Vì Kleisthenes con trai Aristonymos, cháu Myron, và chắt Andreas, có một con gái tên Agariste, và ông muốn gả cô cho người đàn ông xuất chúng nhất trong toàn cõi Hy Lạp. Vậy là khi hội Olympia được tổ chức và Kleisthenes giành chiến thắng trong cuộc đua chiến xa, nhà vua liền cho tuyên cáo rằng bất cứ người đàn ông Hy Lạp nào nghĩ mình xứng đáng trở thành con rể Kleisthenes hãy tới Sikyon vàongày thứ 60, hay trước đó nếu muốn, vì Kleisthenes dự định hoàn tất hôn lễ trong vòng một năm tính từ ngày thứ 60. Thế là tất cả những người Hy Lạp tự hào về bản thân hay về xuất thân cao quý của mình đã tới để cầu hôn, và Kleisthenes tổ chức cho họ thi việt dã và đấu vật để họ thể hiện bản thân.

127. Từ Italia tới đó có Smindyrides thành Sybaris, con trai Hippokrates, người đã có cuộc sống xa hoa nhất trên thế giới (vì Sybaris vào thời đó đang đỉnh thịnh). Damasos thành Siris, con trai của Amyris được gọi là Người thông tuệ. Hai người kể trên tới từ Italia. Từ vịnh Ionia tới có Amphimnestos thành Epidamnos, con trai Epistrophos. Từ Aitolia có Males em trai Titormos, người hơn tất cả người Hy Lạp về sức mạnh, và muốn lánh xa con người, đã đến sống ở nơi xa xôi nhất của Aitolia. Từ Peloponnesos tới có Leokedes con trai Pheidon, tiếm chúa Argos, người đã lập cho người Peloponnesos các đơn vị đo lường mà họ sử dụng, và cũng là người vượt xa những người Hy Lạp khác về sự ngạo mạn, vì ông ta đã loại bỏ tất cả những người chủ trì các môn thi đấu được người Elis chỉ định và đích thân chủ trì các môn thi đấu tại Olympia; có Amiantos con trai Lykourgos, từ Trapezous tại Arkadia, và Laphanes một người Azania từ Paios, con trai của Ephorion, người (theo như câu chuyện được kể tại Arkadia) đã tiếp đón Dioskouroi làm khách trong nhà mình và từ đó thường đón tiếp tất cả những ai tới nhà, và Onomastos, con trai Agaios người Elis. Từ Athenai tới có Megakles, con trai Alkmaion, người đã tới gặp Kroisos, ngoài ra còn có Hippokleides con trai Tisandros, người hơn hẳn những người Athenai khác về sự giàu có và sự tuấn tú. Từ Eretria, hồi đó còn đang phồn thịnh, có một người Euboia là Lysanias tới cầu hôn. Từ Thessalia tới có Diaktorides, một trong các Skopadai, người Krannon. Rồi có cả

Alkon từ Molossia. Đây là danh sách những người tới cầu hôn.

128. Khi tất cả họ đã có mặt vào ngày được ấn định, Kleisthenes trước hết hỏi bản quán của từng người, rồi trong khi lưu họ lại trong một năm, nhà vua liên tục thử thách họ cả về phẩm hạnh nam nhi, thiên hướng, sự dạy dỗ và tính cách của họ, với từng người và với tất cả. Và ông thử thách họ cả bằng việc tổ chức các cuộc thi đấu thể thao cho những người trẻ tuổi hơn, cả trong những buổi tiệc chung, vì trong suốt thời gian nhà vua lưu họ lại, ông làm mọi thứ có thể làm, đồng thời cũng khoản đãi họ. Kết quả là những ứng viên cầu hôn khiến nhà vua ưng ý nhất là những người tới từ Athenai, và trong số họ Hippokleides con trai Tisandros có phần được ưu ái hơn, cả vì những phẩm chất nam nhi lẫn vì anh ta có liên hệ về hậu duệ với gia tộc của Kypselos thành Korinthos.

129. Khi đến ngày ấn định tổ chức tiệc cưới, cũng là ngày Kleisthenes đích thân công bố người được ông chọn trong số những người tới cầu hôn, Kleisthenes cho hiến sinh 100 con bò mộng và mở tiệc thết đãi cả những người tới cầu hôn lẫn toàn dân Sikyon. Và khi bữa tiệc kết thúc, những người cầu hôn bắt đầu ganh đua nhau về tài âm nhạc và hùng biện để mua vui cho mọi người, và khi cuộc chè chén tiếp tục, Hippokleides rất thu hút được sự chú ý của những người khác, anh ta lệnh cho nhạc công thổi cho mình một vũ khúc, rồi anh ta nhảy múa và rất thích thú với vũ điệu của mình, nhưng Kleisthenes lại quan sát toàn bộ chuyện này một cách nghi hoặc. Thế rồi một lúc sau đó Hippokleides yêu cầu một người hầu mang vào một chiếc bàn. Khi bàn được mang vào, thoạt tiên anh ta nhảy trên đó một vũ điệu Lakonia, rồi kế đến cả một vũ điệu Attika, rồi thứ đến anh ta chúc đầu xuống bàn chổng ngược người múa bằng hai chân. Trong thời gian ấy, trong lúc anh ta thể hiện vũ điệu thứ nhất và thứ hai, Kleisthenes cho dù căm ghét ý nghĩ Hippokleides sẽ trở thành con rể của mình bởi cách nhảy múa và thái độ không biết xấu hổ của anh ta, song nhà vua vẫn kiềm chế, không muốn nổi giận với anh ta. Thế nhưng đến khi Kleisthenes thấy anh ta uốn éo với đôi chân của mình, ông không tài nào kìm mình nổi nữa mà nói: "Vậy là ngươi đã nhảy mất cuộc hôn nhân của mình rồi đấy, hỡi con trai của Tisandros!" và Hippokleides trả lời rằng: "Hippokleides bất cần!"

130. Câu trả lời ấy đã trở thành giai thoại.

Kleisthenes yêu cầu thực khách im lặng và nói với họ như sau: "Hỡi các vị cầu hôn con gái ta, ta trân trọng các vị, và giá như có

thể, hẳn ta đã làm hài lòng tất cả các vị chứ không chọn lấy một người và từ chối những người còn lại. Song vì không thể làm hài lòng tất cả, vì ta chỉ kén rể cho một trinh nữ mà thôi, nên với những ai trong các vị bị từ chối lời cầu hôn ta sẽ tặng làm quà cho mỗi người 1 *talanton* bạc để cảm tạ sự trân trọng quý báu các vị đã dành cho ta khi muốn kết hôn với con gái ta, cũng như để bù đắp cho quãng thời gian vắng mặt khỏi nhà của các vị. Và ta sẽ gả con gái Agariste của ta cho Megakles, con trai của Alkmaion theo phong tục của người Athenai". Đến đây, Megakles nói anh chấp nhận cuộc hôn nhân. Vậy là hôn lễ được Kleisthenes định đoạt.

131. Việc tuyển chọn từ những người cầu hôn đã diễnra như thế, và nhờ vậy các Alkmaionidai trở nên nổi tiếng trên toàn cõi Hy Lạp.

Từ cuộc hôn nhân này Kleisthenes (đặt theo tên ông ngoại, Kleisthenes thành Sikyon) đã xuất chinh, người tái tổ chức các bộ lạc và thiết lập dân chủ chế cho người Athenai. Như tôi đã nói, Megakles đã có người con trai này, cùng một người con trai nữa là Hippokrates. Hippokrates lại sinh ra một Megakles và một Agariste nữa, được đặt tên theo Agariste, con gái của Kleisthenes. Bà kết hôn với Xanthippos con trai của Ariphron, đã mang thai và nằm mơ thấy trong giấc ngủ rằng dường như bà hạ sinh một con sư tử. Rồi vài ngày sau, bà hạ sinh Perikles.

132. Sau chiến thắng tại Marathon, Miltiades, người thậm chí từ trước đó đã rất có uy danh trong người Athenai, lại càng được đánh giá cao hơn nữa, và khi ông ta yêu cầu từ người Athenai 70 chiến thuyền cùng một đạo quân bộ với chiến phí, trong khi không hề tuyên bố với họ ông ta dự định tổ chức một cuộc viễn chinh tấn công miền đất nào mà chỉ nói ông ta sẽ giúp họ giàu có lên rất nhiều nếu họ chịu đi theo ông ta, vì ông ta sẽ dẫn họ tới một miền đất nơi họ có thể lấy được nhiều vàng, lúc ấy người Athenai, phấn chấn trước những lời nói của Miltiades, đã giao cho ông ta những thứ ông ta yêu cầu.

133. Thế rồi sau khi có được quân đội, Miltiades liền dong buồm tới Paros lấy cớ rằng người Paros đã tấn công Athenai trước vì phái những chiếc *triereis* viễn chinh tới Marathon cùng với người Ba Tư. Đây là cái cớ Miltiades đưa ra, nhưng ông ta cũng hiềm khích với người Paros về Lysagoras, con trai Tisias, một người Paros, vì đã tố cáo mình cho Hydarnes người Ba Tư. Vậy là khi Miltiades tới đích, ông ta bắt đầu vây hãm người Paros với đạo quân của mình, sau khi đã buộc họ phải lui vào cố thủ bên trong các bức tường thành, rồi phái một sứ giả tới gặp họ, Miltiades đòi 100 *talanta*,

nói rằng nếu người Paros từ chối giao tiền, đạo quân của ông ta sẽ vây hãm cho đến khi chiếm được thành. Tuy nhiên, người Paros không hề có ý trao bất cứ món tiền nào cho Miltiades, mà chỉ nghĩ xem bằng cách nào họ có thể phòng thủ thành phố của mình, và nghĩ ra nhiều cách khác nhau, trong đó có cách sau đây: Vào bất cứ thời điểm nào, khi bất cứ nơi nào trên tường thành bị chứng tỏ là có nguy cơ bị tấn công, đến đêm tường thành tại điểm đó sẽ được đắp cao gấp đôi chiều cao trước đó.

134. Đó là những gì được tất cả người Hy Lạp kể lại, song những biến cố tiếp sau đây thì chỉ mình người Paros kể lại, và theo lời họ chúng đã xảy ra như sau: Khi Miltiades đang lúng túng, có một phụ nữ tới nói chuyện với ông ta, người phụ nữ này là một người Paros bị bắt có tên là Timo, nữ tư tế của các nữ thần Đất. Người phụ nữ này, theo lời kể của người Paros, đã tới gặp Miltiades và khuyên ông ta rằng nếu ông ta coi việc chinh phục Paros là điều quan trọng, ông ta có thể làm theo những gì bà ta đề xuất, rồi nói cho Miltiades nghe ý của mình. Theo lời người phụ nữ, ông ta liền đi tới quả đồi nằm trước thành phố rồi leo qua tường bao quanh ngôi đền Demeter Lập Pháp Giả vì không thể mở cổng vào. Sau khi trèo qua tường, ông ta đi vào thánh điện với mục đích làm điều gì đó ở bên trong, có thể là ông ta muốn đụng chạm tới thứ gì đó không được phép, hoặc giả có định làm vậy. Khi tới cửa đền, một cơn sợ hãi bỗng khiến ông ta rùng mình và vội vàng quay ra theo đúng đường đã vào, và trong khi ông ta đang nhảy từ trên bức tường xây bằng những tảng đá xù xì xuống, đùi ông ta bị trật khớp, hoặc như một số người khác kể, ông ta bị đập đầu gối vào tường.

135. Vậy là Miltiades dong buồm quay về trong thảm cảnh, chẳng hề mang về sự giàu có cho người Athenai hay giúp họ sở hữu thêm Paros, mà đã chỉ vây hãm thành phố trong 26 ngày và tàn phá hòn đảo. Về phần người Paros, biết tin Timo, tiểu tư tế của nữ thần Demeter đã chỉ đường cho Miltiades, liền muốn báo thù bà ta về chuyện này, và họ phái sứ giả tới Delphoi hỏi ý thần ngay khi cuộc vây hãm kết thúc. Các sứ giả họ phái đi hỏi rằng liệu họ có nên giết người phụ lễ của nữ thần đã chỉ đường cho kẻ thù chiếm bản quán của họ, đồng thời đã tiết lộ với Miltiades những bí mật không được phép nói cho một người đàn ông hay không. Tuy nhiên, nữ tư tế Pythia cấm họ làm vậy, nói rằng Timo không phải là người thực sự làm ra những việc đó, vì định mệnh đã quyết rằng Miltiades phải kết thúc cuộc đời một cách không tốt đẹp, nên bà ta đã xuất hiện để đưa ông ta tới kết thúc tồi tệ của mình.

136. Nữ tư tế Pythia đã trả lời những người Paros như vậy.

Khi Miltiades từ Paros trở về, người Athenai bắt đầu nói về ông ta, và đặc biệt là Xanthippos con trai Ariphron, người đưa Miltiades ra trước dân chúng, đề nghị án tử hình và xét xử ông ta vì lừa dối người Athenai. Miltiades không tự bào chữa cho mình, cho dù ông ta có mặt, và không thể làm vậy vì đùi của ông ta đang hoại tử, song ông ta vẫn nằm trước mắt công chúng trên một chiếc giường, trong khi bạn bè bào chữa cho ông ta, nhắc tới cả trận đánh diễn ra tại Marathon lẫn cuộc chinh phục Lemnos, cụ thể là cách ông ta đã chinh phục Lemnos và báo thù người Pelasgoi, và trao lại nơi này cho người Athenai, và dân chúng đã đứng về phía Miltiades trong việc bãi án tử hình, nhưng họ đưa ra khoản nộp phạt 50 *talanta* cho những sai lầm ông ta phạm phải, rồi sau đó Miltiades chết do đùi thối rữa và hoại tử, và Kimon con trai ông trả 50 *talanta*.

137. Miltiades con trai của Kimon đã chiếm được Lemnos như sau: Sau khi người Pelasgoi đã bị người Athenai đánh đuổi khỏi Attika, một cách công bằng hay bất công – về chuyện này tôi không thể nói gì hơn ngoại trừ những điều được thuật lại, cụ thể như sau: Một mặt, Hekataios con trai Hegesandros kể trong lịch sử của mình rằng chuyện đó diễn ra một cách bất công. Theo ông này, khi người Athenai thấy vùng đất trải rộng ra phía dưới Hymettos, nơi chính họ đã nhường lại cho người Pelasgoi định cư để trả công cho bức tường được xây quanh Akropolis vào thời trước đó, và thấy vùng đất này đem lại nhiều hoa lợi khi được trồng trọt, trong khi trước đó là một vùng đất cằn cỗi và vô giá trị, họ liền đố kị và muốn chiếm hữu vùng đất, vậy là họ đánh đuổi người Pelasgoi mà chẳng cần tới nguyên do nào khác. Thế nhưng theo lời kể của chính người Athenai, họ đã đánh đuổi người Pelasgoi một cách công bằng, vì chính người Pelasgoi, sau khi định cư dưới chân núi Hymettos đã biến nơi này thành căn cứ xuất phát và gây ra những điều sai trái với người Athenai như sau: Các con trai và con gái của người Athenai thường tới lấy nước ở Cửu Tuyền, vì vào thời đó cả họ lẫn những tộc người Hy Lạp khác đều chưa có gia nhân, và khi những cô gái tới đó, người Pelasgoi, xuất phát từ sự ương ngạnh và coi thường người Athenai, liền làm nhục những cô gái, và thậm chí như vậy vẫn là chưa đủ với người Pelasgoi, mà rốt cuộc họ còn bị phát giác âm mưu tấn công thành Athenai. Và những người thuật chuyện kể rằng người Athenai trong chuyện này đã chứng tỏ họ tài giỏi hơn người Pelasgoi, và trong khi họ đã có thể giết người Pelasgoi, những người bị phát giác âm mưu chống lại họ, người Athenai đã không lựa chọn làm như thế, mà chỉ ra lệnh cho người Pelasgoi phải rời đi. Bị buộc phải rời đi như thế, người Pelasgoi tới chiếm cứ một số vùng đất cổ xưa

hơn, nhất là Lemnos. Như đã nói, câu chuyện thứ nhất ở trên do Hekataios kể lại, còn câu chuyện thứ hai do chính người Athenai kể.

138. Sau khi định cư tại Lemnos, người Pelasgoi muốn trả thù người Athenai, và vì cũng biết rõ về các lễ hội của người Athenai, họ liền chuẩn bị những chiếc *pentekonteroi* và phục kích chờ đợi những người phụ nữ Athenai khi những phụ nữ này đang tổ chức lễ hội của nữ thần Artemis tại Brauron. Rồi sau khi bắt đi một số phụ nữ từ nơi này, người Pelasgoi liền ra khơi quay về nhà, và sau khi đưa những người phụ nữ về Lemnos, họ liền chiếm lấy những phụ nữ này làm tỳ thiếp. Khi những người phụ nữ này ngày càng có nhiều con, họ có thói quen dạy các con trai của mình cả tiếng Attika lẫn phong tục của người Athenai. Và những đứa trẻ này không sẵn lòng hòa đồng với con trai của các phụ nữ Pelasgoi, hơn nữa nếu có một đứa bé nào do một người mẹ Athenai sinh ra bị bất cứ đứa bé nào do phụ nữ Pelasgoi sinh ra đánh, tất cả những đứa con trai của các phụ nữ Athenai lại tập hợp tới ứng cứu và trợ giúp. Thêm nữa, những đứa trẻ này được kể là có thể khống chế những đứa con trai của phụ nữ Pelasgoi và dễ dàng khuất phục chúng. Nhận ra những điều này, người Pelasgoi liền bàn bạc về vấn đề kể trên, và họ chợt cảm thấy lo sợ và nghĩ rằng nếu những đứa con trai đó thực sự giúp đỡ nhau chống lại con trai của những người vợ chính thức, và thậm chí ngay từ lúc này đã thể hiện khả năng khống chế kiểm soát, thì chúng sẽ có thể làm gì khi trưởng thành và trở thành những người đàn ông? Vậy là họ quyết định giết chết những đứa con trai của các phụ nữ Athenai, và đã thực sự làm việc này, rồi thêm vào đó họ giết luôn cả những người mẹ. Vì hành động này cũng như từ việc đã xảy ra trước đó, điều những người phụ nữ đã làm khi họ giết những người chồng của chính họ, gồm Thoas và những người còn lại, ở Hy Lạp đã hình thành thói quen gọi những hành động cực kỳ tàn nhẫn là "những tội ác kiểu Lemnos".

139. Sau khi người Pelasgoi giết chết các con trai và tỳ thiếp của chính họ, đất không còn ban quả ngọt cho họ, và phụ nữ cũng như bò cái của họ cũng không còn sinh con như trước. Bị nạn đói và nạn vô sinh hành hạ, họ phái người tới Delphoi cầu xin được giải thoát khỏi những tai ương đã giáng xuống đầu mình, và nữ tư tế Pythia bảo họ phải chấp nhận bất cứ hình phạt nào do chính người Athenai đưa ra. Vậy là người Pelasgoi tới Athenai bày tỏ rằng họ sẵn sàng gánh chịu hình phạt cho những sai trái họ đã làm. Và người Athenai bày ra tại Thị chính sảnh một chiếc trường kỷ được trang hoàng theo cách đẹp nhất có thể, và đặt cạnh đó một cái bàn bày đủ thức ngon lành, họ liền yêu cầu người Pelasgoi

trao cho họ đất đai của mình trong điều kiện đó. Người Pelasgoi liền trả lời rằng: "Khi nào nhờ gió Bắc chỉ trong một ngày duy nhất một chiếc thuyền có thể thực hiện được chuyến đi từ vùng đất của các vị tới vùng đất của chúng tôi, khi đó chúng tôi sẽ giao nộp nó", và yên chí rằng chuyện này không thể xảy ra, vì Attika nằm rất xa về phía nam Lemnos.

140. Đó là những gì đã diễn ra khi đó. Nhiều năm sau, sau khi Khersonesos nằm bên bờ eo Hellespontos đã nằm dưới quyền cai quản của người Athenai, khi gió Etesiai[1] thổi đều, Miltiades con trai Kimon đã thực hiện chuyến đi trên một chiếc thuyền từ Elaious ở Khersonesos tới Lemnos, và tuyên bố với người Pelasgoi rằng họ cần phải rời khỏi hòn đảo, nhắc nhở họ về thần dụ mà người Pelasgoi không bao giờ nghĩ sẽ trở thành hiện thực với họ. Người Hephaistia liền tuân theo, nhưng người Myrina, vì không thừa nhận rằng Khersonesos là vùng Attika, liền bị vây hãm cho tới khi họ chịu khuất phục. Đó là cách người Athenai và Miltiades đã đoạt lấy Lemnos.

---

[1]. Loại gió mùa hè thổi từ phía bắc xuống ở nhiều vùng thuộc Hy Lạp và biển Địa Trung Hải.

Quyển 7
Polymnia[1]

[1]. Nữ thần hùng biện trong thần thoại Hy Lạp.

1. Khi Dareios, con trai Hystaspes, nhận được tin tức về trận đánh diễn ra tại Marathon, nhà vua, người thậm chí từ trước biến cố này đã vô cùng tức giận với người Athenai vì cuộc tấn công Sardis, liền tỏ ra phẫn nộ hơn trước, và càng mong muốn khởi quân tấn công Hy Lạp. Nhà vua phái sứ giả tới các thành phố khác nhau và lệnh cho họ chuẩn bị sẵn sàng một đội quân, yêu cầu mỗi tộc người phải cống nạp nhiều hơn trước đây, không chỉ chiến thuyền, mà cả ngựa, lương thực và phương tiện vận tải; và khi những mệnh lệnh này được truyền đi, cả châu Á chấn động trong ba năm, vì tất cả chiến binh giỏi nhất đều được gọi tòng quân và chuẩn bị cho cuộc viễn chinh tấn công Hy Lạp. Tuy nhiên, đến năm thứ tư, người Ai Cập, trước đó đã bị Kambyses chinh phục, nổi dậy chống lại người Ba Tư, và đến lúc này Dareios càng khao khát xuất quân chinh phạt cả hai dân tộc này.

2. Trong khi Dareios chuẩn bị để xuất quân tấn công Ai Cập và Athenai, giữa các con trai của ông bùng lên một mối bất hòa nhằm giành vương quyền, và theo luật Ba Tư một vị vua không nên thực hiện các cuộc viễn chinh cho tới khi chỉ định được người kế vị.

Trước khi trở thành vua, Dareios vốn đã có ba con trai với người vợ trước, con gái của Gobryas; sau khi trở thành vua, Dareios có thêm bốn con trai nữa từ Atossa, con gái của Kyros. Trong số các hoàng tử do Gobryas sinh ra, người lớn tuổi nhất là Artobazanes, còn trong số các hoàng tử do Atossa sinh ra, người lớn tuổi nhất là Xerxes. Các hoàng tử vốn không cùng một mẹ sinh ra này bất hòa với nhau, Artobazanes coi mình là hoàng tử lớn tuổi nhất trong các hoàng tử, và theo phong tục được tất cả tộc người duy trì, con

trai lớn tuổi nhất phải được trao quyền trị vì, trong khi Xerxes lập luận rằng ông ta là con trai của Atossa, con gái Kyros, và Kyros là người đã giành tự do cho người Ba Tư.

3. Trong khi Dareios chưa tuyên bố quyết định của mình, tình cờ Demaratos, con trai Ariston, lại tới Sousa đúng vào thời gian đó, sau khi bị truất ngôi vua Sparta và phải chịu án phải lưu đày khỏi Lakedaimon. Ông này, khi nghe nói tới bất hòa giữa các con trai của Dareios, liền (theo lời thuật lại) tới gặp và khuyên Xerxes bên cạnh những điều hoàng tử vẫn nói, hãy nói thêm những điều sau đây, rằng Xerxes được sinh ra khi Dareios đã là vua trị vì và giữ quyền uy tối thượng với người Ba Tư, trong khi Artobazanes được sinh ra khi Dareios vẫn chỉ là một thường dân. Vì thế, sẽ là không thích hợp hay công bằng nếu một hoàng tử khác được trao quyền bính trước Xerxes. Bởi ngay cả ở Sparta, Demaratos đề xuất, phong tục cũng quy định rằng nếu một vị vua có con trai được sinh ra trước khi người cha bắt đầu trị vì, và một con trai khác sinh ra trong khi người cha đang trị vì, quyền kế vị ngôi vua sẽ thuộc về người con trai sinh ra sau. Vậy là Xerxes làm theo lời khuyên của Demaratos, và Dareios, thấy rằng điều Xerxes nói ra là hợp lẽ, liền chỉ định Xerxes kế vị. Tuy nhiên, theo quan điểm của tôi, ngay cả không có lời gợi ý này thì Xerxes hẳn cũng sẽ trở thành vua, vì Atossa có quyền lực rất lớn.

4. Sau khi chỉ định Xerxes làm vua của người Ba Tư, Dareios mong muốn gây chiến. Tuy nhiên, vào năm sau, và sau khi cuộc nổi dậy nổ ra tại Ai Cập, Dareios qua đời, trị vì trong 36 năm. Và như thế, nhà vua đã không thành công trong việc báo thù người Ai Cập nổi loạn cũng như người Athenai. Sau khi Dareios qua đời, vương quốc được truyền lại cho Xerxes, con trai ông.

5. Thoạt đầu, Xerxes không hề nóng lòng muốn tấn công Hy Lạp, song vẫn tiếp tục tập hợp một đạo quân để chinh phạt Ai Cập. Tuy nhiên, Mardonios, con trai Gobryas, cũng là em họ của Xerxes, vì là con trai của em gái Dareios, luôn cận kề bên cạnh Xerxes, và có ảnh hưởng tới vị vua mới hơn bất cứ người Ba Tư nào khác, liên tục nói những lời sau: “Bệ hạ, thật không thích đáng khi người Athenai, sau khi đã gây ra những tai họa lớn lao cho người Ba Tư, lại không phải chịu trừng phạt gì. Lúc này đây bệ hạ hãy cứ làm những gì bệ hạ đang phải gánh trên tay. Và sau khi bệ hạ khuất phục đất Ai Cập, miền đất đã dám hỗn xược nổi loạn chống lại chúng ta, bệ hạ hãy xuất quân chinh phạt Athenai, để người đời ca tụng bệ hạ, để trong tương lai bất cứ kẻ nào cũng phải dè chừng khi toan tính xâm lược đất đai của bệ hạ”. Cho tới đây, những lời của Mardonios chỉ toàn nhắc tới báo thù, rồi thêm vào đó, ông ta

kể rằng châu Âu là một vùng đất rất đẹp đẽ và có đủ loại cây được trồng lấy quả, một vùng đất hết sức phì nhiêu, đến độ trong tất cả người trần thế chỉ vua Ba Tư xứng đáng sở hữu.

6. Đây là những điều Mardonios vẫn thường nói, vì ông ta là một người mong muốn thực hiện những công cuộc nguy hiểm và muốn bản thân trở thành tỉnh trưởng Hy Lạp dưới quyền nhà vua. Vậy là theo thời gian, ông ta khiến Xerxes ngả theo ý mình, thuyết phục nhà vua tấn công Hy Lạp, bởi có những thứ khác cũng trợ giúp ông ta và chứng tỏ có ích cho Mardonios trong việc thuyết phục Xerxes. Trước hết, có những sứ giả do các Aleuadai phái tới từ Thessalia, thỉnh cầu nhà vua tấn công Hy Lạp và tỏ ra sốt sắng với công cuộc này (gia tộc Aleuadai là vua của Thessalia). Thứ đến, các Peisistratidai đã tới Sousa cũng mời nhà vua như vậy, và cũng đưa ra những lý lẽ như người Aleuadai. Hơn nữa, họ đem đến cho nhà vua thêm nhiều động lực bên cạnh những lời mời này. Vì có một người Athenai tên là Onomakritos, người sưu tầm thần dụ, đã sưu tầm và sắp xếp các thần dụ của Mousaios, và họ đã tới gặp người này sau khi đã hòa giải mối hiềm khích với ông ta. Vì Onomakritos đã bị Hipparkhos, con trai Peisistratos, trục xuất khỏi Athenai, do đã bị Lasos thành Hermione bắt quả tang đang thêm vào các thần dụ của Mousaios một lời tiên tri rằng những hòn đảo gần Lemnos sẽ biến mất dưới biển. Vì lý do này, Hipparkhos đã trục xuất Onomakritos, trong khi trước đó thường xuyên tới tham vấn ông ta. Tuy nhiên, tới thời điểm này Onomakritos đã hòa giải với các Peisistratidai, và khi ông ta vào diện kiến nhà vua, họ ca ngợi ông ta bằng những lời lẽ rất khoa trương, và ông ta nhắc lại một số thần dụ, song lại không nói gì tới tai họa giáng xuống man tộc, mà chọn nói ra những lời tiên tri may mắn nhất, nói rằng eo Hellespontos cần bị khuất phục bởi một cây cầu do một người Ba Tư bắc qua, rồi kể ra cách thức của cuộc hành quân. Cứ như vậy, Onomakritos hối thúc Xerxes bằng những thần dụ, trong khi các Peisistratidai và các Aleuadai giục giã nhà vua với những lời khuyên của họ.

7. Khi Xerxes đã được thuyết phục tổ chức cuộc viễn chinh tấn công Hy Lạp, vào năm tiếp sau năm Dareios qua đời, nhà vua trước hết xuất quân tấn công những kẻ nổi loạn. Sau khi khuất phục họ và áp đặt lên toàn cõi Ai Cập ách nô dịch còn nặng nề hơn những gì miền đất này từng phải chịu dưới thời trị vì của Dareios, nhà vua liền giao quyền trị vì Ai Cập cho Akhaimenes, em trai mình. Akhaimenes, trong khi đang là tỉnh trưởng Ai Cập, về sau bị giết bởi tay Inaros, con trai Psammetikhos, một người Libya.

8. Sau khi chinh phục Ai Cập, Xerxes, sắp sửa bắt tay vào viễn

chinh tấn công Athenai, đã triệu tập một hội nghị gồm những người xuất chúng nhất Ba Tư, để có thể nghe được quan điểm của họ, đồng thời để chính nhà vua tuyên bố ý định của mình trước mặt tất cả. Khi tất cả những người dự hội nghị đã tập hợp, Xerxes liền nói với họ như sau.

A. "Hỡi người Ba Tư, ta sẽ không phải là người đầu tiên thiết lập phong tục này trong dân tộc các vị, nhưng sau khi nhận lấy nó từ người khác, ta sẽ làm theo nó: Vì ta được cho hay từ những người lớn tuổi hơn ta, chúng ta chưa bao giờ chịu ngồi yên kể từ khi chúng ta giành bá quyền này kế tục người Media, khi Kyros đánh đổ Astyages. Thần linh đã chỉ đường cho chúng ta như thế, và bản thân chúng ta đã thành công trong rất nhiều cuộc chinh phục. Về những dân tộc mà Kyros, Kambyses cũng như Dareios cha ta đã chinh phục, ta không cần phải nhắc tới vì các vị đã biết quá rõ. Về phần ta, kể từ ngày kế thừa ngôi báu mà ta đang ngồi đây, ta luôn cẩn trọng cân nhắc xem bằng cách nào trên ngôi báu cao quý này ta sẽ không kém cỏi hơn các bậc tiên vương, hay đem đến thêm ít quyền lực hơn cho người Ba Tư. Sau khi đã cẩn trọng cân nhắc, ta đã tìm ra một cách để chúng ta không chỉ giành được vinh quang cùng với một vùng đất không hề hẹp hơn hay kém phì nhiêu hơn những vùng đất chúng ta đang sở hữu (và trên thực tế vùng đất ấy còn phong phú hơn về sản vật), mà chúng ta còn có thể báo thù và buộc kẻ thù phải trả giá. Bởi thế ta đã triệu tập các vị tại đây, để có thể báo cho các vị biết điều ta dự định làm.

B. Ta dự định sẽ bắc một cây cầu qua eo Hellespontos, đưa một đạo quân sang châu Âu chinh phạt Hy Lạp, để ta có thể báo thù người Athenai về những gì chúng đã làm với người Ba Tư cũng như với cha ta. Các vị đã thấy cha ta, Dareios, cũng đã muốn thực hiện một cuộc viễn chinh tấn công những kẻ này; song cha ta đã qua đời mà chưa thành công trong việc trả thù chúng. Ta, nhân danh cha ta và cũng nhân danh những người Ba Tư khác, sẽ không ngừng nghỉ cho tới khi chinh phục được Athenai và dùng lửa đốt trụi nó, sau những điều sai trái chúng đã vô cớ gây ra với ta và cha ta. Trước tiên chúng đã tới Sardis, sau khi nhập bọn cùng xâm lược với Aristagoras, gã nô lệ người Miletos của chúng ta, và chúng đã phóng hỏa đốt các khu rừng thiêng và các đền. Thứ đến là những gì chúng ta gây ra cho chúng ta khi chúng ta đổ bộ lên đất của chúng lúc Datis và Artaphernes đang là chỉ huy đạo quân của chúng ta, mà theo ta nghĩ các vị đều biết rõ.

C. Vì những lý do này, ta đã quyết định thực hiện một cuộc viễn chinh tấn công chúng, và trong cuộc viễn chinh này ta thấy có rất nhiều điều tốt lành: Nếu chúng ta khuất phục được chúng và các

dân tộc láng giềng của chúng, người Phrygia cư trú ở vùng đất của Pelops, chúng ta sẽ giúp đất Ba Tư không còn biên giới nào khác ngoài thiên đình của thần Zeus, vì quả thực mặt trời rồi sẽ không chiếu xuống bất cứ miền đất nào nằm ngoài đất Ba Tư nữa, và ta, với sự giúp đỡ của các vị, sẽ hợp nhất tất cả các vùng đất, sau khi đã tiến qua toàn bộ châu Âu. Vì ta cũng đã được cho hay cả điều này nữa, đó là không còn lại thành phố nào của con người hay tộc người nào có thể đối đầu với chúng ta một khi những kẻ ta vừa nhắc đến đã bị loại bỏ. Như thế cả những kẻ đã phạm tội với chúng ta lẫn những kẻ không phạm tội đều sẽ phải chịu ách nô lệ.

D. Và các vị sẽ làm ta hài lòng nhất nếu làm như sau. Vào bất cứ thời điểm nào khi ta thông báo cho các vị phải có mặt, tất cả sẽ có mặt và phụng sự một cách nhiệt thành, và bất cứ ai tới hội quân với một đạo quân được trang bị tốt nhất, ta sẽ ban cho người đó những phần thưởng được coi là cao quý nhất ở đất nước chúng ta. Đó là những điều cần phải làm, nhưng vì ta không muốn các vị chỉ làm theo ý của ta, ta đề nghị đưa việc này ra thảo luận, và yêu cầu bất cứ ai trong các vị mong muốn hãy nói lên quan điểm của mình".

Nói tới đây, Xerxes ngừng lời.

9. Mardonios liền nói tiếp: "Bệ hạ, ngài quả thực không chỉ hơn hẳn tất cả người Ba Tư từng sống trước mình, mà cả những người sẽ sinh ra sau này, vì bệ hạ đã không chỉ đã bằng lời nói đạt tới những gì tốt nhất và đúng đắn nhất về các vấn đề khác, mà bệ hạ cũng sẽ không cho phép những người Ionia sống ở châu Âu bỡn cợt chúng ta, vì chúng không có quyền chính đáng nào để làm như thế, vì sẽ là thật lạ lùng nếu trong khi chúng ta đã khuất phục và giữ làm nô bộc người Sakai, người Ấn Độ, người Aithiopia, người Assyria, và rất nhiều dân tộc lớn nữa, chúng ta lại không báo thù những tên Hy Lạp đã vô cớ xúc phạm chúng ta.

A. Chúng ta phải e ngại gì chứ? Quân số đông đảo chúng có thể tập hợp, hay tiền bạc chúng có thể huy động? Về cách chiến đấu của chúng thì chúng ta đã biết, về nguồn tiền bạc, chúng ta cũng biết rằng chúng rất eo hẹp, và hơn nữa, chúng ta vốn đã khuất phục được những đứa con trai của chúng, ý thần muốn nói tới những kẻ sinh sống trên lãnh thổ của chúng ta và được gọi là người Ionia, Aiolis và Doris. Hơn nữa, trước đây chính bản thân thần đã cầm quân giao chiến với những kẻ này theo lệnh của cha bệ hạ, và cho dù thần đã hành quân tới tận Makedonia, và chỉ thiếu chút nữa là tới được chính Athenai, đã không hề có kẻ nào giao chiến ngăn trở thần.

B. Cho dù đúng là người Hy Lạp có chinh chiến, nhưng (như thần được biết) đa phần là không hề có cân nhắc khôn ngoan, xuất phát từ sự bướng bỉnh và thiếu khôn khéo: Khi chúng đã tuyên chiến với nhau, đầu tiên chúng tìm một nơi đẹp nhất và bằng phẳng nhất, kéo tới đó và giao chiến, để rồi kể cả những kẻ chiến thắng cũng rời khỏi chiến trường với tổn thất nặng nề, còn về phần những kẻ thua trận thần sẽ chẳng nhắc tới làm gì, bởi những kẻ này luôn bị hủy diệt hoàn toàn. Dẫu vậy, vốn là những người nói cùng ngôn ngữ, đáng lẽ chúng phải dùng tới các truyền lệnh sứ và sứ giả để thương lượng những khác biệt và giải quyết theo bất cứ cách nào khác hơn là bằng những trận đánh, còn nếu đã nhất quyết phải giao chiến, đáng lẽ mỗi bên phải tìm địa điểm nào họ khó bị đánh bại nhất rồi giao chiến ở đó. Vì thế những người Hy Lạp, bởi không dùng tới bất kỳ cách thức sáng suốt nào, đã không thể đi tới quyết tâm giao chiến với thần khi thần hành quân xa tới tận Makedonia.

C. Tâu bệ hạ, kẻ nào đây sẽ có thể đứng ra chống lại bệ hạ, tuyên chiến với bệ hạ, khi bệ hạ thống lĩnh toàn bộ những đạo quân đông đảo của châu Á lẫn toàn bộ chiến thuyền? Về phần mình, thần cho rằng sức mạnh của người Hy Lạp vẫn chưa đạt tới mức táo tợn như thế. Nhưng nếu rốt cuộc thần bị chứng tỏ sai lầm trong nhận xét của mình, và chúng đủ điên rồ để giao chiến với chúng ta, chúng hẳn sẽ học được rằng chúng ta là những người giỏi nhất trong mọi tộc người về chiến trận. Dù thế nào đi nữa hãy thử mọi khả năng, vì không gì tự nó diễn ra mà thường từ thử thách người ta sẽ giành được mọi thành quả".

10. Mardonios, sau khi bằng cách đó đã làm dịu bớt sự kiên quyết Xerxes thể hiện, liền ngừng lời. Và khi những người Ba Tư khác im lặng không dám lên tiếng đưa ra một quan điểm trái ngược với điều đã được đề xuất, thì Artabanos, con trai Hystaspes, chú của Xerxes và trông cậy vào điều này, đã lên tiếng như sau.

A. "Tâu bệ hạ, nếu những quan điểm trái ngược nhau không được nói ra, thì sẽ không thể chọn ra được quan điểm tốt nhất, mà người ta sẽ buộc phải chấp nhận điều đã được nói ra. Tuy nhiên, nếu những quan điểm trái ngược được đưa ra thì lựa chọn tốt nhất ấy là có thể. Cũng giống như chúng ta không thể phân biệt được vàng không lẫn tạp chất khi mẫu vàng đó chỉ có một mình, nhưng khi chúng ta cọ nó lên viên đá thử vàng và so sánh với những mẫu vàng khác, chúng ta có thể phân biệt được thứ vàng nào tốt hơn. Thần đã từng khuyên nhủ tiên vương Dareios, cha của bệ hạ, và cũng là anh trai thần, không tấn công người Skythia, những người không nắm giữ bất cứ thành phố tồn tại lâu dài nào

ở bất cứ nơi nào trên thế giới. Thế nhưng tiên vương, tin tưởng rằng ngài sẽ khuất phục được người Skythia vốn chỉ là những người du mục, đã không nghe thần mà xuất quân rồi trở về sau cuộc viễn chinh mất đi rất nhiều chiến binh cừ khôi. Nhưng tâu bệ hạ, người lại đang định tiến đánh những kẻ giỏi giang hơn người Skythia rất nhiều, những kẻ được kể là xuất sắc cả trên biển lẫn trên bộ, và thần cũng nên tâu để bệ hạ rõ những gì đáng e ngại trong việc này.

B. Bệ hạ nói rằng bệ hạ sẽ bắc một cây cầu qua eo Hellespontos và đưa một đạo quân sang châu Âu tới Hy Lạp. Giờ hãy giả sử rằng chúng ta bị đánh bại hoặc trên bộ hoặc trên biển, hoặc trên cả hai chiến trường, vì những người đó theo lời kể rất dũng cảm trong chiến đấu (và tự thân chúng ta cũng có thể khẳng định đúng là vậy, vì chính những người Athenai đã tiêu diệt đạo quân lớn đã đi cùng Datis và Artaphernes tới Attika), thôi thì hãy cứ giả thiết rằng chúng không thành công trên cả hai mặt trận, nhưng sẽ thế nào nếu chúng dùng chiến thuyền tấn công và thắng lợi trong một trận hải chiến, rồi sau đó dong buồm tới Hellespontos và phá hủy cây cầu, điều này chính là một mối hiểm nguy to lớn, tâu bệ hạ.

C. Tuy nhiên, không phải từ trí tuệ vốn có của mình mà thần suy đoán được điều này có thể xảy ra. Thần suy đoán như vậy chỉ vì một tai họa tương tự thiếu chút nữa đã xảy ra với chúng ta trước đây, khi cha của bệ hạ, sau khi bắc cầu qua Bosporos Thraikios và sông Istros, đã vượt sông để chinh phạt người Skythia. Vào thời điểm đó, người Skythia đã dùng mọi cách để thuyết phục những người Ionia được giao phó canh gác cây cầu qua sông Istros phá cầu đi. Khi đó, nếu Histiaios tiếm chúa Miletos ngả theo ý kiến của những tiếm chúa khác mà không phản đối lại họ, quyền lực của người Ba Tư rất có thể đã kết thúc. Quả là một điều đáng sợ khi phải nghe kể rằng tất cả quyền lực của nhà vua đã phải phụ thuộc vào chỉ một con người.

D. Vậy nên xin bệ hạ đừng đề xuất việc dấn thân vào một mối nguy hiểm như thế trong khi không cần thiết, hãy làm như thần nói: Hãy cho giải tán hội nghị này, sau đó, vào bất cứ lúc nào bệ hạ cảm thấy thích hợp, khi đã cẩn thận cân nhắc, bệ hạ hãy tuyên bố điều ngài cảm thấy là tốt nhất, vì thần cho rằng suy nghĩ thấu đáo là một lợi thế rất lớn. Vì thậm chí dù có bất cứ điều gì bất lợi xảy ra, ý nghĩ thấu đáo lúc trước cũng không vì thế mà bớt đúng đắn, cho dù nó đã bị vận may đánh bại. Trong khi đó, người suy nghĩ không thấu đáo ngay từ đầu, cho dù gặp được vận may tình cờ, cũng không vì thế mà suy nghĩ của người đó bớt tồi đi. Bệ hạ đã

thấy thần linh giáng sấm sét xuống đầu những tạo vật vươn lên cao hơn những tạo vật khác để không cho chúng tỏ ra kiêu hãnh, trong khi những tạo vật nhỏ mọn không hề khiến thần linh ghen tị.

E. Bệ hạ đã thấy thần linh trút thịnh nộ xuống những tòa nhà cao nhất cũng như những cái cây cao nhất, vì thần linh thường quật ngã những tạo vật nào vươn cao hơn những tạo vật còn lại. Cũng tương tự, một đạo quân đông đảo bị hủy diệt bởi một số ít người khi thần linh trở nên ghen tị với họ và gieo rắc xuống họ sự hoảng loạn hay nổi sấm từ thiên giới, khi đó họ sẽ bị hủy diệt hoàn toàn và không xứng với những gì họ đáng nhận được, vì thần linh không muốn cho bất cứ tạo vật nào khác có những ý nghĩ cao vọng ngoài bản thân mình.

F. Thêm nữa, sự hấp tấp trong bất cứ công cuộc nào cũng đem đến thảm họa, khi đó thường sẽ có tổn thất nặng nề. Nhưng trong chờ đợi có nhiều điều có lợi, và dù thoạt đầu chúng không có vẻ có lợi, nhưng theo thời gian người ta sẽ thấy đúng là như thế.

G. Tâu lên người, thưa bệ hạ, thần xin khuyên như thế.

Còn ngươi, hỡi Mardonios, con trai Gobryas, hãy thôi nói những lời ngu ngốc về những người Hy Lạp, vì họ không hề đáng để bị nói tới một cách đầy khinh mạn về bất cứ mặt nào. Khi nói ra những lời phỉ báng cùng cực về người Hy Lạp, ngươi đang kích động nhà vua xuất quân, và ta nghĩ rằng ngươi đang nỗ lực hết sức nhắm tới mục đích ấy. Hãy thôi làm như thế, vì phỉ báng là hành vi tồi tệ nhất, trong đó hai người làm điều xấu xa và một người phải hứng chịu điều xấu xa. Kẻ phỉ báng làm điều sai trái vì lên tiếng chống lại một người không có mặt, kẻ lắng nghe phỉ báng sai trái vì để mình bị thuyết phục bởi vấn đề những lời nói đó nhắc tới trước khi biết chắc chắn về nó, còn người không có mặt khi những lời lẽ được nói ra phải hứng chịu sự sai trái cả vì anh ta đã bị một người phỉ báng và bị người còn lại tin là kẻ xấu xa.

H. Tuy nhiên, nếu tuyệt đối cần thiết phải xuất quân chinh phạt những tộc người đó, hãy tiến hành, nhưng hãy để nhà vua ở lại trong biên giới của người Ba Tư, và cả hai chúng ta hãy mang những đứa con trai của chúng ta ra làm cược cho những lời chúng ta nói, rồi sau đó đích thân ngươi hãy tự mình chỉ huy một đạo quân, hãy lựa chọn cho ngươi những người ngươi muốn, hãy mang theo một đạo quân lớn đến mức nào ngươi nghĩ là cần thiết, và nếu mọi việc của bệ hạ diễn ra như ngươi nói, hãy mang các

con trai của ta ra xử tử, và hãy mang cả ta ra xử tử cùng chúng. Nhưng nếu thực tế diễn ra như ta dự đoán, hãy để các con trai ngươi phải chịu tử hình, và cả ngươi cũng phải chịu cùng số phận với chúng, nếu ngươi quay trở về. Nếu ngươi không sẵn sàng chấp nhận cuộc đánh cược này, nhưng bằng mọi giá vẫn muốn dẫn một đạo quân tấn công Hy Lạp, thì ta xin nói rằng những người ở lại mảnh đất này sẽ nghe được rằng Mardonios, sau khi đã gây ra những tai họa lớn lao cho người Ba Tư, đã bị chó và chim xé xác, hoặc trên đất của người Athenai, hoặc nếu không là trên đất của người Lakedaimon (trừ khi quả thực chuyện này diễn ra còn sớm hơn thế trên đường xuất trận), và rằng ngươi đã được cảnh báo không ngớt về việc ngươi đã thuyết phục nhà vua ra quân tấn công những người như thế nào".

11. Xerxes nổi giận trước những lời nói đó của Artabanos, đã trả lời như sau: "Artabanos, ngươi là em trai của cha ta, và điều này đã giúp ngươi thoát khỏi phải nhận sự trừng phạt xứng đáng với những lời lẽ điên rồ của ngươi. Thế nhưng ta sẽ dành cho ngươi sự nhục nhã này, bởi ngươi là một kẻ hèn nhát và không có chí khí, đó là ngươi sẽ không cùng ta xuất quân tấn công Hy Lạp, mà ở lại đây cùng những người đàn bà. Và ta, cho dù không có sự trợ giúp của ngươi, sẽ hoàn thành được tất cả những gì ta nói, vì ta thề rằng ta sẽ không phải là hậu duệ của Dareios, con trai Hystaspes, con trai Arsames, con trai Ariaramnes, con trai Teispes, con trai Akhaimenes, nếu ta không báo thù được người Athenai, vì ta biết quá rõ dù nếu chúng ta án binh bất động thì chúng cũng sẽ không làm như thế, chúng sẽ lại tấn công lãnh thổ của chúng ta, nếu chúng ta suy xét từ những gì chúng đã làm trước đây, chúng đã phóng hỏa đốt Sardis và xâm lược châu Á. Do đó, không thể có chuyện một bên rút khỏi cuộc tranh chấp, mà câu hỏi đặt ra phía trước chúng ta là liệu chúng ta sẽ hành động hay chịu tai ương, liệu tất cả những vùng đất này sẽ thuộc về người Hy Lạp hay thuộc về người Ba Tư, vì trong sự thù địch giữa ta và chúng không có chỗ cho sự nửa vời. Do đó, với chúng ta, sau khi bị gây hấn trước, sẽ là hợp lẽ nếu ra tay báo thù, và cũng là để ta có thể tìm hiểu xem ta sẽ phải chịu đựng điều gì ghê gớm nếu ta dẫn một đạo quân tấn công những kẻ đó, những kẻ mà Pelops người Phrygia, người từng là nô lệ của tổ tiên ta, đã khuất phục tới mức thậm chí tới tận ngày nay cả chính những kẻ đó lẫn vùng đất của chúng vẫn còn được gọi theo tên người đã khuất phục chúng".

12. Đó là tất cả những gì được nói ra lúc ấy, nhưng khi tối đến, quan điểm của Artabanos không ngớt ám ảnh Xerxes, rồi sau khi suy nghĩ suốt đêm, nhà vua thấy mình không hề có lợi thế để xuất quân tấn công Hy Lạp. Vậy là khi đã đưa ra quyết định mới, nhà

vua ngủ thiếp đi, trong đêm Xerxes nằm mơ, như lời người Ba Tư thuật lại, thấy một giấc mơ như sau. Xerxes mơ thấy một người đàn ông cao lớn, đẹp đẽ tới đứng cạnh mình và nói: "Hỡi người Ba Tư, lẽ nào ngươi đã thực sự đổi ý về việc chỉ huy một cuộc viễn chinh chống lại Hy Lạp, khi mà giờ đây ngươi đã ban lệnh cho người Ba Tư tập hợp một đạo quân sao? Ngươi đã không làm tốt khi đổi ý, người đang hiện diện tại đây cạnh ngươi cũng sẽ không tha thứ cho ngươi về việc đó; vậy nên hãy làm theo ý ngươi đã quyết lúc ban ngày".

13. Sau khi nói những lời này, Xerxes nghĩ rằng ngườiđã nói với mình bay đi, rồi khi trời sáng, nhà vua không bận tâm gì tới giấc mơ mà triệu tập những người Ba Tư ông đã tập hợp hôm trước và nói như sau: "Hỡi những người Ba Tư, thứ lỗi cho ta vì đã nhanh chóng đổi ý, vì trong suy xét ta vẫn chưa đạt được sự chín chắn, và những người đã khuyên ta làm những điều ta đã nói đã không để ta ở yên một mình trong một thời gian dài vào bất cứ lúc nào. Tuy nhiên, cho dù thoạt đầu khi ta nghe ý kiến của Artabanos, sự bồng bột nóng nảy của tuổi trẻ trong ta đã bùng lên, khiến ta nói ra những lời không thích hợp với một người lớn tuổi hơn ta, nhưng giờ đây ta thừa nhận chú của ta nói đúng, và ta sẽ làm theo ý ngài. Sau khi cân nhắc, ta đã thay đổi quyết tâm xuất quân tấn công Hy Lạp, và các vị hãy án binh bất động".

14. Những người Ba Tư khi nghe những lời này đều rất vui mừng và tuân lệnh. Nhưng khi đêm đến, lại cùng giấc mơ cũ diễn ra, người kia lại tới đứng cạnh Xerxes trong khi nhà vua nằm ngủ và nói: "Con trai của Dareios, vậy là ngươi đã từ bỏ cuộc viễn chinh trước đại hội những người Ba Tư, và ngươi đã không để ý gì tới lời ta, như thể ngươi không hề nghe thấy. Vì thế, giờ hãy đoan chắc điều này: Nếu ngươi không xuất quân, hậu quả sẽ đến với ngươi, cũng giống như việc ngươi đã trở nên vĩ đại và hùng mạnh chỉ trong thời gian ngắn, ngươi cũng sẽ trở lại địa vị thấp hèn một cách nhanh chóng".

15. Xerxes vô cùng sợ hãi trước người lạ trong giấc mơ, giật mình bật dậy và sai người đi triệu Artabanos. Khi ông này tới, Xerxes liền nói với chú mình như sau: "Artabanos, thoạt đầu ta đã không tế nhị khi nói với chú những lời ngớ ngẩn về lời khuyên sáng suốt của chú, nhưng sau đó ta đã nhanh chóng đổi ý và nhận ra rằng ta cần phải làm những điều chú khuyên ta. Tuy nhiên, ta không thể thực hiện chúng, cho dù ta muốn, vì quả thực vào lúc này đây, khi ta đã cân nhắc và đổi ý, một giấc mơ xuất hiện ám ảnh ta và không tán thành ta làm như vậy, thậm chí kẻ trong mơ đó vừa mới đe dọa ta. Vì thế, nếu là thần linh gửi giấc mơ tới cho ta, thì ý

chí tuyệt đối và mong muốn của thần linh là một đạo quân phải được phái đi chinh phục Hy Lạp, thì cùng giấc mơ này cũng sẽ tới với chú, ra lệnh cho chú cũng như đã ra lệnh cho ta, và ta chợt nghĩ là việc đó có thể xảy ra như thế này, đó là chú hãy mặc hết trang phục của ta lên người, sau đó ngồi lên ngai của ta, rồi tiếp đó nằm ngủ trên giường của ta".

16. Xerxes nói với chú mình như vậy, và thoạt đầu Artabanos không sẵn lòng tuân lệnh, vì ông ta không nghĩ mình xứng đáng được ngồi lên ngai vua, nhưng rốt cuộc, sau khi bị hối thúc thêm, ông ta làm như được ra lệnh, sau khi đã nói những lời này.

A. "Tâu bệ hạ, theo thần nghĩ, cho dù là một người có trí tuệ hay sẵn lòng làm theo lời khuyên của người nói ra lời phải thì cũng đều tốt như nhau. Và bệ hạ, người có cả hai phẩm chất quý báu này, đã bị làm cho sai lầm bởi những lời xúi giục của những kẻ xấu xa, cũng giống như người ta vẫn nói là biển cả, thứ hữu ích nhất với con người trong mọi thứ, đã bị những cơn gió thổi qua trên bề mặt ngăn cản thể hiện đúng tính chất tự nhiên của nó. Tuy nhiên, khi thần bị nói xấu với bệ hạ, thần không quá buồn phiền vì việc này bằng việc khi hai ý kiến được đưa ra trước những người Ba Tư, một nhằm mục đích kích động sự ngạo mạn và một nhằm kiềm chế nó và nói rằng việc luôn thôi thúc tâm trí thèm muốn có thêm thứ gì đó nhiều hơn những gì đang có trong tay là không tốt, bệ hạ đã lựa chọn quan điểm nguy hiểm hơn cho cả bản thân bệ hạ lẫn người Ba Tư.

B. Và giờ đây, khi bệ hạ đã quay sang quan điểm đúng đắn hơn và nói rằng bệ hạ quyết định bãi bỏ cuộc viễn chinh tấn công Hy Lạp, một vị thần nào đó lại gửi tới một giấc mơ ám ảnh bệ hạ, cấm bệ hạ từ bỏ dự định ấy. Không đâu, bệ hạ đang nhầm lẫn đấy, hỡi con trai của ta, vì giấc mơ đó không phải từ thần linh, vì những giấc mơ trong lúc ngủ vẫn thường đến với con người vốn có bản chất như thần xin thưa với bệ hạ, vì thần đã sống lâu hơn bệ hạ nhiều năm. Những hình ảnh trong giấc mơ ám ảnh chúng ta phần lớn là những điều chúng ta nghĩ tới ban ngày, và trong những ngày trước đó chúng ta bận tâm rất nhiều tới chiến dịch này.

C. Tuy nhiên, nếu tất cả chuyện này không phải như thần luận giải, mà là một điều liên quan tới thần linh, bệ hạ đã tóm lược toàn bộ vấn đề trong những lời bệ hạ đã nói, hãy để giấc mơ đó xuất hiện với thần như đã xuất hiện với bệ hạ. Nhưng nếu nó quả thực muốn xuất hiện với thần, thì cũng không vì thần mặc trang phục của bệ hạ thay vì trang phục của thần mà giấc mơ sẽ đến thay vì không đến, và cũng tương tự như vậy dù thần có ngủ trên

giường của bệ hạ thay vì trên giường của thần. Vì chắc chắn giấc mơ đã xuất hiện với bệ hạ trong mơ, dù nó là gì đi chăng nữa, sẽ không ngốc tới mức cho rằng thần là bệ hạ khi nó nhìn thấy thần chỉ vì trang phục trên người thần là của bệ hạ. Tuy nhiên, điều hiện giờ chúng ta phải tìm ra là liệu nếu giấc mơ đó có không đếm xỉa đến thần, và không nghĩ hiện ra với thần là phù hợp, cho dù thần có mặc trang phục của thần hay trang phục của bệ hạ, mà tiếp tục ám ảnh bệ hạ hay không. Vì nếu quả thực nó tiếp tục ám ảnh bệ hạ, cả thần cũng sẽ tin đó là do thần linh gửi tới.

Nhưng nếu bệ hạ đã nhất quyết và không thể thay đổi được quyết định, rằng thần phải ngủ trên giường của bệ hạ, vậy hãy để giấc mơ đó hiện đến với cả thần nữa khi thần làm những việc này. Nhưng từ giờ cho tới lúc đó, thần sẽ giữ nguyên ý kiến hiện tại của thần".

17. Nói xong, Artabanos liền làm theo những gì được ra lệnh, trông đợi rằng điều đó sẽ chứng minh Xerxes đang nói những điều thiếu minh mẫn. Vậy là sau khi mặc lên mình trang phục của Xerxes và ngồi lên ngai vàng, Artabanos liền đi ngủ. Khi ông ta ngủ thiếp đi, cũng chính người trong giấc mơ từng tới gặp Xerxes đến gặp ông ta, vừa đứng bên Artabanos vừa nói: "Có phải ngươi quả thực là kẻ cố gắng thuyết phục Xerxes từ bỏ cuộc tấn công Hy Lạp, giả bộ rằng ngươi lo lắng cho hắn hay không? Hãy biết cho dù trong tương lai hay hiện tại ngươi cũng sẽ không thoát khỏi bị trừng phạt vì cố gắng làm thay đổi điều đã được tiền định phải xảy ra. Còn về phần Xerxes, những tai họa hắn sẽ phải hứng chịu nếu hắn bất tuân cũng đã được truyền báo cho chính hắn rồi".

18. Artabanos mơ thấy dường như người trong giấc mơ đang đe dọa ông ta, và cùng lúc sắp sửa đốt mù đôi mắt ông ta bằng sắt nung đỏ. Vậy là ông ta hét lớn, giật mình bật dậy khỏi giường, rồi ngồi xuống bên Xerxes và thuật lại cho nhà vua những gì diễn ra trong mơ, rồi nói với nhà vua như sau: "Tâu bệ hạ, thần, một người đã từng thấy qua trước đây những thứ hùng mạnh bị đánh đổ bởi những thứ yếu hơn, khẩn thiết van xin bệ hạ nhất quyết không được nhượng bộ theo những suy nghĩ bộc phát của tuổi trẻ trong mọi chuyện, vì thần biết việc thèm muốn quá nhiều thứ là nguy hiểm. Thần một mặt vẫn nhớ tới cuộc viễn chinh của Kyros chống lại người Massagetai và kết cục của nó, cũng như kết cục cuộc chinh phạt người Aithiopia của Kambyses, đồng thời chính bản thân thần cũng đã đi cùng Dareios trong chiến dịch tấn công người Skythia. Biết rõ những việc này, thần cho rằng chừng nào bệ hạ còn không động binh, người sẽ là người đáng được ao ước nhất trên đời. Tuy nhiên, vì thần linh đã hối thúc như vậy, và

dường như các vị thần đang sắp giáng một sự hủy diệt xuống người Hy Lạp, thần cũng đã thay đổi và thay đổi cả quan điểm của mình. Xin bệ hạ hãy truyền đến người Ba Tư thông điệp thần linh đã gửi tới bệ hạ, lệnh cho họ làm theo mệnh lệnh bệ hạ đã ban lúc đầu về công việc chuẩn bị cần thực hiện, và bệ hạ hãy đảm bảo để về phía bệ hạ sẽ không có gì thiếu sót, vì thần linh đã giao trọng trách này vào tay bệ hạ".

Sau những lời này, cả hai người đều thấy phấn khích tin tưởng bởi giấc mơ, và ngay khi trời sáng, Xerxes thông báo câu chuyện với người Ba Tư, còn Artabanos, người duy nhất trước đó đứng ra can gián nhà vua, giờ đây lại lên tiếng hối thúc việc thực hiện chiến dịch.

19. Sau khi Xerxes trở nên hăng hái muốn xuất quân như vậy, nhà vua lại mơ thấy một giấc mơ thứ ba, và các Magoi khi được nghe kể liền giải thích rằng giấc mơ này ám chỉ việc cai trị toàn bộ mặt đất và có nghĩa là tất cả tộc người sẽ phải quy phục nhà vua. Và giấc mơ của Xerxes như sau: Xerxes nghĩ rằng ông đã được đội lên đầu một chiếc vòng đan từ cành ô-liu, và những chồi non mọc ra từ cây ô-liu bao phủ khắp mặt đất, thế rồi chiếc vương miện đan từ cành ô-liu đang ở trên đầu nhà vua biến mất. Khi các Magoi giải mộng như vậy, tất cả những người Ba Tư về dự đại hội lập tức quay trở về trấn của mình và nỗ lực bằng mọi cách để thực thi mệnh lệnh, mỗi người đều mong muốn dành cho mình phần thưởng như đã được hứa hẹn. Và như thế Xerxes tập hợp đạo quân của mình, huy động tất cả các vùng trên lục địa.

20. Trong trọn bốn năm kể từ sau cuộc chinh phục Ai Cập, nhà vua chuẩn bị quân đội và tất cả những thứ để phục vụ cho quân đội, và vào năm thứ năm, ông bắt đầu chiến dịch với một đạo quân vô cùng đông đảo.

Trong số tất cả những đạo quân chúng ta từng biết đến thì đây là đạo quân lớn nhất vượt trội hẳn về quân số, tới mức nếu so sánh, mọi đạo quân khác đều chẳng là gì, cho dù đó là đạo quân Dareios từng thống lĩnh chinh phạt người Skythia hay đạo quân Skythia du mục khi người Skythia thừa dịp truy đuổi người Kimmerioi xâm lược vào lãnh thổ Media để khuất phục và chiếm giữ gần như toàn bộ phần thượng châu Á để rồi sau đó Dareios tìm cách báo thù họ, hay đạo quân mà các Atreidai đã mang tới Ilion nếu xem xét theo những gì được thuật lại về cuộc viễn chinh của họ, hay cả những người Mysia và người Teukroi đã vượt biển sang châu Âu qua eo Bosporos trước khi xảy ra cuộc chiến thành Troia và đã không chỉ khuất phục tất cả người Thraike mà còn tiến xa tới tận

biển Ionia và hành quân về phía nam tới sông Peneios.

21. Tất cả những cuộc viễn chinh kể trên cộng lại, và ngay cả cộng thêm những những cuộc viễn chinh khác nữa nếu còn cũng không thể sánh ngang với chỉ riêng đạo quân này. Vì còn dân tộc nào nữa mà Xerxes không thống lĩnh tiến quân khỏi châu Á để tấn công Hy Lạp? Vì còn nguồn nước nào nữa không cạn kiệt khi bị đạo quân của nhà vua uống trừ những dòng sông lớn? Một số dân tộc cung cấp chiến thuyền, một số khác tham gia vào đạo quân bộ, trong đó một số dân tộc cung cấp kỵ binh, số khác cung cấp thuyền chở ngựa, trong khi chính họ cũng tham gia vào cuộc viễn chinh, rồi có những dân tộc được lệnh cung cấp thuyền để dùng bắc cầu, hay những dân tộc khác cung cấp thuyền chở lương thực.

22. Rồi sau đó, vì hạm đội trong lần viễn chinh trước đã gặp phải thảm họa khi dong buồm vòng quanh núi Athos, trước hết công việc chuẩn bị đã được thực hiện trong suốt ba năm trước đó ở vùng Athos. Những chiếc *triereis* thả neo tại Elaious ở Khersonesos, và từ điểm khởi đầu ở đây, nhân lực từ tất cả các dân tộc bắt đầu đào kênh dưới sự thúc ép của đòn roi, và lực lượng nhân công kế tiếp nhau đều đặn làm việc. Thêm nữa, những người sống quanh Athos cũng lao động tại công trường đào kênh, và Boubares, con trai Megabazos, cùng Artakhaies, con trai Artaios, cả hai đều là người Ba Tư, được giao giám sát công việc.

Athos là một ngọn núi lớn và nổi tiếng, chạy thẳng xuống tới biển và có người cư trú. Tại nơi ngọn núi kết thúc ở phía lục địa, nơi này giống như một bán đảo với một Eo đất rộng khoảng 12 *stadia*. Đây là khu vực gồm đất bằng phẳng hoặc đồi nhỏ chạy dài từ vùng biển của người Akanthos tới tận vùng biển ngoài khơi Torone, và trên Eo đất này, nơi núi Athos kết thúc, tọa lạc một đô thị Hy Lạp có tên Sane. Hơn nữa, còn có những đô thị khác nằm ở xa hơn Sane trong vùng bán đảo Athos, tất cả đều tồn tại vào thời điểm người Ba Tư quyết định biến chúng thành các đô thị trên đảo chứ không còn trên lục địa nữa, bao gồm Dion, Olophyxos, Akrothoon, Thyssos, Kleonai.

23. Và người Ba Tư tiến hành như sau, công việc được phân chia giữa các man tộc theo dân tộc: Tại thành phố Sane, họ vạch một đường thẳng cắt qua Eo đất, rồi khi con kênh bắt đầu sâu dần, những người đứng sâu nhất sẽ đào đất, trong khi những người khác chuyển đất lên cho những người đứng ở phía cao hơn sau khi đất được đào, như theo các bậc thang, rồi những người này lại chuyển đất cho những người khác sau, cho tới khi đến tay những người đứng trên cao nhất sẽ mang đất đổ đi. Tất cả những tộc

người ngoài người Phoinike đã phải làm việc vất vả gấp đôi, vì các bờ dốc đứng của con kênh không ngừng đổ sụp xuống khi họ đào, vì rằng họ đã đào lòng kênh có chiều rộng bằng nhau cả ở dưới đáy lẫn trên bề mặt, những chuyện như thế rất dễ xảy ra khi người ta đào tiếp. Về phần người Phoinike, những người luôn thể hiện năng lực của mình trong mọi công việc nói chung, cũng đã chứng tỏ được điều đó trong việc đào kênh, vì khi họ phải đảm nhiệm đào một đoạn kênh theo rút thăm, họ liền tiến hành đào kênh, thu xếp để đào trên bề mặt rộng gấp đôi so với chiều rộng dự kiến của con kênh, rồi càng đào xuống họ càng thu hẹp chiều rộng lại, để khi tới đáy, phần kênh họ đào cũng rộng bằng phần của những tộc người khác. Ở đó có một bãi phẳng, tại đó có một khu sinh hoạt cộng đồng được mở cho họ, cùng một khu chợ để mua bán, và lượng lớn lúa mì đều đặn được chuyển tới cho họ từ châu Á.

24. Theo tôi, Xerxes khi ra lệnh đào con kênh này đã xuất phát từ sự yêu thích những gì kỳ vĩ và mong muốn thể hiện uy quyền của bản thân cũng như để lại một công trình gắn liền tên tuổi mình cho hậu thế, vì cho dù người Ba Tư đã có thể đưa thuyền qua Eo đất không mấy khó khăn nhưng nhà vua đã ra lệnh cho nhân công đào một con kênh thông ra biển đủ rộng để hai chiếc *triereis* có thể chèo qua cùng lúc song song với nhau. Cùng những nhân công được giao phó việc đào con kênh còn được giao việc bắc một cây cầu qua sông Strymon để nối hai bờ với nhau.

25. Trong thời gian đó, Xerxes ra lệnh chuẩn bị dây thừng cho các cây cầu, được bện từ cói và lanh trắng, giao việc này cho người Phoinike và người Ai Cập. Nhà vua cũng chuẩn bị dự trữ lương thực cho đạo quân của mình trên đường hành quân, để đảm bảo rằng cả binh sĩ lẫn súc vật thồ đều không bị thiếu lương thực khi hành quân tới Hy Lạp. Do đó, sau khi đã biết được qua việc cho tìm hiểu tại nhiều địa điểm, Xerxes ra lệnh dựng kho dự trữ ở những nơi thuận tiện nhất, mang lương thực tiếp tế tới từ các vùng khác nhau bằng thương thuyền từ tất cả các dân tộc ở châu Á. Họ vận chuyển phần lớn lúa mì tới nơi có tên Leuke Akte ở Thraike, trong khi một phần lúa mì khác được chuyển tới trữ ở Tyrodiza thuộc vùng của người Perinthos, phần khác tới Doriskos, tới Eion bên sông Strymon, rồi một phần tới Makedonia, công việc được phân chia giữa các dân tộc.

26. Trong khi những người được phân công thực hiện những nhiệm vụ kể trên, toàn bộ đạo quân bộ được tập hợp và cùng Xerxes hành quân tới Sardis từ Kritalla trên đất Kappadokia, vì trước đó đã có lệnh toàn bộ lực lượng sẽ đi theo chính Xerxes bằng đường bộ phải tập trung lại. Song về việc tỉnh trưởng của tỉnh nào

đem tới lực lượng được trang bị tốt nhất và nhận được từ nhà vua các phần thưởng đã được hứa thì tôi không thể nói được, vì tôi không rõ thậm chí liệu họ có ganh đua nhau về mặt này hay không. Sau khi đã vượt sông Halys và tiến vào đất Phrygia rồi hành quân qua vùng đất này, đạo quân tới Kelainai, nơi khởi nguồn của sông Maiandros, và cũng là khởi nguồn của một dòng sông nữa lớn không kém gì sông Maiandros có tên là Katarrhaktes, dòng sông này chạy qua chính khu chợ của Kelainai rồi đổ vào sông Maiandros. Và tại đây, trong thành phố, cũng treo bộ da của dương thần Marsyas mà theo lời người Phrygia đã bị thần Apollon lột ra và treo lên.

27. Tại thành phố này, Pythios con trai của Atys, một người Lydia, chờ sẵn nhà vua và thết đãi cả đạo quân cũng như bản thân Xerxes với lòng hiếu khách nồng nhiệt nhất. Thêm nữa, ông ta bày tỏ sẵn sàng cung cấp chiến phí. Vậy là khi Pythios ngỏ ý dâng tiền, Xerxes liền hỏi những người Ba Tư có mặt ở đó xem Pythios là ai và có bao nhiêu tiền mà ngỏ ý như vậy. Họ liền tâu: "Tâu bệ hạ, đây là người đã dâng lên Dareios cha của bệ hạ một cây tiêu huyền và một cây nho bằng vàng; ông ta là người giàu nhất trong tất cả những người chúng tôi biết, ngoại trừ chính bệ hạ".

28. Ngỡ ngàng trước những lời nghe được, Xerxes bèn đích thân hỏi Pythios xem ông ta có bao nhiêu tiền, và ông ta nói: "Tâu bệ hạ, thần sẽ không dám giấu giếm sự thật trước người, cũng không đưa ra làm cớ thoái thác rằng thần không biết rõ chính tài sản của mình, thần sẽ tâu lên chính xác với bệ hạ, vì thần biết rõ sự thật, vì ngay khi thần nghe tin bệ hạ ngự giá tới Biển Hy Lạp, với mong muốn dâng tiền bạc lên bệ hạ làm chiến phí, thần đã kiểm tra thực tế, và qua tính toán thần thấy rằng mình có 2.000 *talanta* bạc, và thiếu 7.000 *stateres*[1] nữa thì vừa tròn bốn triệu dareikos *stateres* vàng, và thần xin dâng số tiền này lên bệ hạ. Về bản thân mình, thần đã có đủ nguồn sống từ các nô lệ và tài sản của thần rồi".

---

[1]. Một *stater* vàng (hay *dareikos*) tương ứng 8,36 g.

---

29. Xerxes rất hài lòng trước những lời Pythios đã nói, và trả lời như sau: "Hỡi vị gia chủ Lydia, từ khi ta xuất chinh khỏi đất Ba Tư, cho tới lúc này chưa bao giờ ta gặp một người mong muốn khoản đãi đạo quân của ta, hay tới diện kiến ta và tình nguyện đóng góp chiến phí, ngoại trừ ngươi. Ngươi không chỉ khao quân ta một cách hào phóng, mà còn xin đóng góp những khoản tiền lớn lao. Thế nên để đổi lại ta sẽ ban thưởng cho ngươi như sau. Ngươi sẽ

thành khách-hữu của ta, và ta sẽ giúp người có trọn vẹn bốn triệu *stateres* bằng cách tặng cho ngươi thêm 7.000 *stateres* nữa. Hãy giữ lấy những tài sản lại cho ngươi, và hãy chắc chắn là ngươi sẽ luôn xử sự như thế. Vì nếu ngươi xử sự như vậy, ngươi sẽ không có lý do gì để ân hận dù là bây giờ hay về sau".

30. Sau khi nói vậy và thực hiện lời hứa của mình, nhà vua tiếp tục hành quân, và sau khi đi qua một thành phố của người Phrygia có tên là Anaua và qua một cái hồ nơi muối được lấy lên, Xerxes tới Kolossai, một thành phố lớn ở Phrygia, nơi sông Lykos trút nước xuống một miệng hang trên mặt đất và biến mất khỏi tầm mắt, rồi sau khoảng 5 *stadia* dòng sông lại xuất hiện lại trong tầm mắt, và dòng sông này cũng đổ vào sông Maiandros. Từ Kolossai lên đường đến phía biên giới của Phrygia và Lydia, đạo quân tới thành phố Kudrara, nơi có một thạch trụ được Kroisos dựng lên, trên trụ có khắc chữ cho hay nơi này là biên giới.

31. Từ Phrygia, vua Ba Tư tiến vào Lydia. Tại đây, đường đi tách thành hai nhánh, nhánh bên trái dẫn về phía Karia, trong khi nhánh bên phải dẫn tới Sardis. Nếu đi theo con đường sau, người ta cần vượt sông Maiandros và đi qua thành Kallatebos, nơi có những người sống bằng nghề làm mật từ cây thánh liễu và bột mì. Xerxes tiến quân theo con đường này và bắt gặp một cây tiêu huyền, vì vẻ đẹp của cái cây này, nhà vua liền lấy vàng trang hoàng cho nó, và chỉ định một người có nhiệm vụ phải canh giữ cái cây kế tiếp nhau mãi mãi, rồi tới ngày hôm sau, nhà vua tới thành phố của người Lydia.

32. Sau khi tới Sardis, Xerxes trước hết phái các sứ giả tới Hy Lạp đòi đất và nước, và cũng báo trước cần chuẩn bị bữa ăn cho nhà vua; Xerxes không hề phái sứ giả tới Athenai hay Lakedaimon để đòi đất, mà tới tất cả các thành bang khác, và nhà vua phái sứ giả đi đòi đất và nước lần thứ hai vì lý do sau đây: Xerxes nghĩ rằng tất cả những thành bang đã không trao đất và nước vào lần trước khi Dareios phái sứ giả tới, lần này hẳn sẽ trao đất và nước cho nhà vua vì sợ hãi. Đây chính là điều nhà vua muốn biết chắc chắn, vì thế liền phái các sứ giả đi.

33. Sau đó, nhà vua thực hiện các việc chuẩn bị cho việc hành quân tới Abydos, nơi cây cầu đã được bắc qua eo Hellespontos từ châu Á sang châu Âu. Tại mũi đất của eo Hellespontos giữa các thành phố Sestos và Madytos có một dải đất rộng lồi ra xuống tận biển ở đúng đối diện với Abydos. Đây là nơi không lâu sau đó người Athenai dưới sự chỉ huy của Xanthippos con trai Ariphron, sau khi bắt Artayktes, một người Ba Tư, khi đó là tỉnh trưởng

Sestos, đã kéo căng chân tay ông ta trên một tấm ván rồi đóng đinh trong khi ông ta vẫn còn sống. (Ông ta là người thường hay đưa phụ nữ đi cùng tới đền Protesilaos ở Elaious và làm những việc không hợp lệ ở đó).

34. Những người được giao nhiệm vụ đang thi công cây cầu của họ bắt đầu từ Abydos bắc sang dải đất này, người Phoinike thi công cây cầu được cột bằng thừng bện từ lanh trắng, và người Ai Cập thi công cây cầu còn lại, được cột bằng thừng làm từ cói. Khoảng cách từ Abydos tới bờ đối diện là 7 *stadia*. Nhưng khi eo biển đã được bắc cầu qua, một cơn bão lớn ập tới làm những gì đã được thi công va đập vào nhau và vỡ hết.

35. Khi Xerxes biết tin, nhà vua vô cùng giận dữ, và sai người đánh eo Hellespontos 300 roi và ném xuống biển một cặp xiềng. Tôi còn nghe nói thêm rằng nhà vua cũng đã phái đi cả những người chuyên đóng dấu bằng sắt nung để đóng dấu eo Hellespontos. Cho dù chuyện này thực hư thế nào, nhà vua cũng đã ra lệnh cho họ khi quất roi xuống eo biển phải nói những từ man rợ và kiêu ngạo sau đây: "Hỡi thứ nước đắng ngắt, chủ nhân của ngươi giáng xuống ngươi hình phạt này, vì ngươi đã gây ra chuyện sai trái với chủ nhân của mình trong khi không phải chịu bất công gì từ chủ nhân của ngươi. Và vua Xerxes sẽ vượt qua ngươi dù ngươi có muốn hay không, và quả thực cũng là chính đáng khi không ai dâng lễ hiến sinh cho ngươi, vì ngươi là một dòng nước phản trắc và mặn chát". Nhà vua ra lệnh cho người trừng phạt eo biển như vậy, và cũng ra lệnh chặt đầu những người được giao chỉ huy việc bắc cầu qua eo Hellespontos.

36. Những người được giao thi hành nhiệm vụ kinh khủng này liền thực hiện mệnh lệnh, rồi trong cùng thời gian những người chỉ huy thi công khác tiến hành bắc những cây cầu mới, và họ thi công chúng như sau: Họ ghép lại những chiếc *pentekonteroi* và *triereis*, tổng cộng có 360 chiếc được dùng dưới cây cầu hướng về phía biển Euxeinos, và 314 chiếc được dùng dưới cây cầu còn lại, tất cả thuyền đều nằm xuôi theo hướng dòng chảy của eo Hellespontos (cho dù là nằm vuông góc so với Pontos) để đỡ sức căng của các dây thừng. Người ta ghép những chiếc thuyền lại như thế, rồi thả xuống những chiếc neo rất lớn, ở một đầu những chiếc neo hướng về phía Pontos vì những cơn gió thổi từ trong ra ngoài, còn đầu kia, những chiếc neo hướng về phía Tây và biển Aigaion, vì những cơn gió đông nam và gió nam. Người ta cũng để mở một lối đi qua để bất cứ ai muốn vẫn có thể đi vào Pontos với những chiếc thuyền nhỏ, cũng như đi từ Pontos ra ngoài. Thực hiện xong việc này, những người thi công cầu kéo căng các dây

thừng, siết chặt dây thừng bằng các trục quay gỗ, lúc này không còn dùng riêng rẽ hai loại dây thừng nữa, mà dùng trên mỗi cây cầu cả hai loại thừng làm từ lanh trắng và thừng làm từ cói. Độ dày và vẻ đẹp của chúng là tương tự nhau, song thừng làm từ lanh nặng hơn, cứ mỗi *pekhys* của loại thừng này nặng 1 *talanton*. Khi thân cầu đã được bắc xong, các nhân công cưa các khúc gỗ thành từng đoạn có chiều dài bằng nhau tương ứng với chiều rộng cây cầu, đặt chúng lên trên các dây thừng được căng ra, rồi họ lại buộc chặt các khúc gỗ vào nhau từ phía trên. Khi việc này hoàn tất, họ mang tới những cành cây nhỏ, sau khi xếp các cành cây nhỏ vào đúng chỗ, họ đổ đất lên trên. Sau khi đã đầm đất thật chặt, họ dựng một lan can lên dọc theo hai mé cầu để ngựa và súc vật thồ không bị hoảng sợ khi nhìn xuống biển.

37. Khi việc bắc các cây cầu đã hoàn tất, còn việc thi công kênh đào ở Athos, cả những bờ kè ở hai đầu kênh đào, được thi công nhằm tránh cho hai cửa vào kênh đào khỏi bị bồi lấp vì sóng biển vỗ mạnh lên bờ, cũng như bản thân con kênh, được báo cáo là đã hoàn thành, lúc đó, sau khi quân Ba Tư đã trải qua mùa đông tại Sardis, họ liền từ đây xuất quân vào đầu mùa xuân, được trang bị đầy đủ, hành quân tới Abydos. Khi đạo quân xuất phát, Mặt trời rời khỏi vị trí của mình trên bầu trời và mất dạng, cho dù trên bầu trời không hề có mây và hoàn toàn quang đãng, và thay vì ngày, lúc đó trời chuyển thành đêm. Khi Xerxes thấy hiện tượng này, nhà vua trở nên lo lắng, và hỏi các Magoi xem hiện tượng này báo điềm gì. Họ liền tuyên bố rằng thần linh đang báo trước cho người Hy Lạp về sự hủy diệt của các thành phố của họ, nói rằng Mặt trời báo trước các biến cố xảy ra với người Hy Lạp, còn Mặt trăng báo trước những gì sẽ đến với người Ba Tư. Được nghe tâu lên như vậy, Xerxes vô cùng phấn khởi, tiếp tục hành quân.

38. Khi nhà vua bắt đầu hành quân, Pythios người Lydia, hốt hoảng trước điềm báo diễn ra trên bầu trời và trở nên bạo gan vì những phần thưởng được ban tặng, liền tới gặp Xerxes và tâu như sau: “Bệ hạ, thần mong nhận được từ bệ hạ một điều như thần cầu xin đây, và với bệ hạ đó là điều thật dễ dàng để ban ra, song với thần lại là điều rất lớn lao nếu nhận được”. Khi đó Xerxes, nghĩ rằng điều Pythios cầu xin sẽ là bất cứ thứ gì khác chứ không phải điều ông ta thực sẽ sự cầu xin, liền ưng thuận, ban cho Pythios được nói điều ông ta muốn. Nghe được những lời này, Pythios liền bạo dạn tâu lên rằng: “Bệ hạ, thần có năm con trai, và tất cả chúng đều có vinh hạnh được phù tá bệ hạ trong cuộc viễn chinh tấn công Hy Lạp. Tâu bệ hạ, liệu bệ hạ có thể cảm thông cho thần, một kẻ già nua, và miễn cho một trong các con trai thần, là đứa con trai cả, không phải tòng chinh trong cuộc xuất quân này, để nó có

thể trông nom thần và tài sản của thần. Bốn đứa còn lại bệ hạ hãy đem theo, và sau khi bệ hạ đã hoàn tất ý nguyện của mình, cầu mong bệ hạ được bình yên trở về nhà".

39. Lúc ấy, Xerxes vô cùng phẫn nộ đã trả lời như sau: "Kẻ xấu xa kia, trong khi ta đang thân chinh ra trận chống lại người Hy Lạp, và đang mang theo các con trai ta, các anh em trai của ta, các họ hàng bạn bè của ta cùng ra trận, có lẽ nào ngươi lại dám nhắc tới một đứa con trai của ngươi, trong khi ngươi là nô lệ của ta, kẻ lẽ ra phải tòng chinh cùng ta với toàn bộ người thân và cả vợ ngươi nữa? Giờ hãy chắc chắn điều này, đó là linh hồn dễ xúc động của con người nằm trong đôi tai, và khi nó nghe thấy những lời tốt lành, nó sẽ khiến cả cơ thể tràn đầy hân hoan, nhưng khi nghe thấy những lời ngược lại, nó sẽ bùng lên thịnh nộ. Vì lúc trước ngươi đã không thể huênh hoang về việc vượt quá cả nhà vua trong sự hào phóng, khi ngươi cư xử với chúng ta một cách tận tâm và tâu xin muốn cống hiến nhiều hơn nữa, thì giờ khi ngươi trở nên vô liêm sỉ như vậy, ngươi cũng sẽ không phải nhận trọn vẹn hình phạt ngươi xứng đáng phải nhận mà chỉ phải nhận ít hơn thế. Vì món quà hiếu khách của ngươi sẽ giúp cả ngươi lẫn bốn đứa con trai còn lại của ngươi thoát khỏi tử tội, nhưng ngươi sẽ phải trả giá bằng tính mạng của đứa con ngươi gắn bó nhất". Sau khi trả lời như vậy, nhà vua lập tức ra lệnh cho các đao phủ tìm người con trai cả của Pythios và chặt anh ta thành hai khúc. Sau đó, họ liền đặt một nửa ở bên phải con đường, nửa kia ở bên trái, và đạo quân sẽ đi qua giữa hai nửa thân người này.

40. Khi hình phạt đã được thực thi, đạo quân xuất phát đi qua giữa hai nửa xác người, đi đầu là những phu tải đồ cùng ngựa của họ, sau đó đến đạo quân đông đảo của các dân tộc trộn lẫn vào nhau không phân biệt. Và khi hơn nửa đạo quân đã đi qua, một khoảng cách được để trống để tách những người đi trước khỏi nhà vua. Vì trước khi xa giá của nhà vua xuất phát, trước hết có 1.000 kỵ binh được chọn ra từ tất cả người Ba Tư. Tiếp đến là 1.000 bộ binh cầm giáo được chọn ra từ tất cả người Ba Tư, những chiến binh này chĩa mũi giáo xuống đất. Sau đó là 10 con ngựa thiêng, được gọi là ngựa Nisaia được thắng những bộ yên cương đẹp nhất. Những con ngựa này được gọi là ngựa Nisaia vì lý do sau: Ở vùng đất Media có một đồng bằng rộng lớn được gọi là đồng bằng Nisaia, và đồng bằng này sản sinh ra giống ngựa to lớn mà tôi đang nhắc tới. Đằng sau 10 con ngựa này đến lượt cỗ chiến xa thiêng liêng của thần Zeus, được tám con ngựa trắng kéo, và phía sau những con ngựa là một người đánh xe đi bộ giữ dây cương, vì không người trần nào được phép ngồi lên cỗ chiến xa đó. Đằng sau đến lượt đích thân Xerxes trên một cỗ chiến xa do những con

ngựa Nisaia kéo, và bên cạnh nhà vua là một người đánh xe có tên là Patiramphes, con trai của Otanes, một người Ba Tư.

41. Xerxes đã xuất quân rời khỏi Sardis như vậy, và mỗi khi muốn, nhà vua thường chuyển từ chiến xa xuống một cỗ xe ngựa. Và đi sau nhà vua là 1.000 bộ binh cầm giáo, những chiến binh xuất sắc và có xuất thân cao quý nhất trong những người Ba Tư, chĩa mũi giáo của họ theo cách truyền thống, và đằng sau họ là thêm 1.000 kỵ binh nữa được lựa chọn từ những người Ba Tư, và sau đội kỵ binh là thêm 10.000 quân lựa chọn từ những người Ba Tư còn lại. Số quân này là bộ binh, và trong số này có 1.000 người mang trên giáo của họ những hình quả lựu bằng vàng thay vì mũi kích ở phần đốc cán, và những người này đứng ở hai phía đầu hàng bao bọc lấy số còn lại, trong khi 9.000 người ở phía trong họ có gắn những quả lựu bằng bạc trên đốc giáo. Và những người có gắn quả lựu bằng vàng trên đốc giáo cũng chĩa mũi giáo xuống đất, trong khi 1.000 bộ binh hộ vệ ngay sau Xerxes trên giáo có gắn những quả táo vàng. Sau 10.000 bộ binh vừa kể ở trên là một đội 10.000 kỵ binh Ba Tư, và sau kỵ binh có một khoảng trống dài tới 2 *stadia* trên đường. Kế đến là phần còn lại của đạo quân, hành quân không tách biệt.

42. Vậy là đạo quân Ba Tư hành quân từ Lydia tới sông Kaikos và Mysia. Rồi từ sông Kaikos men theo núi Kane về bên tay trái, đạo quân tiến qua vùng Atarneus tới thành phố Karene. Từ nơi này, quân Ba Tư tiến qua đồng bằng Thebe, qua các thành Atramytteion và Antandros của người Pelasgoi. Men theo núi Ida nằm ở bên tay trái, đạo quân tiến vào lãnh thổ Ilion. Trước đó khi quân Ba Tư dừng lại nghỉ đêm gần dưới chân núi Ida, sấm sét và những tia chớp đã giáng xuống họ, khiến nhiều người tử vong tại đây.

43. Sau đó, khi đạo quân tới sông Skamandros[1], đây là dòng sông đầu tiên trong số tất cả các dòng sông đạo quân đã đi qua kể từ khi khởi hành từ Sardis và tiếp tục hành quân không có đủ nước để cung cấp nước uống cho đạo quân và súc vật đi cùng. Khi Xerxes tới bên dòng sông, nhà vua leo lên tận cổ thành của Priamos vì mong muốn được nhìn thấy nó, rồi sau khi đã tận mắt thấy nơi này và hỏi han nhiều người về mọi chuyện, nhà vua liền hiến sinh 1.000 con bò cái tơ dâng lên thần Athena Ilia, và các Magoi rưới rượu lễ để dâng lên các vị anh hùng. Sau khi họ thực hiện nghi lễ này, một cảm giác sợ hãi ám ảnh cả đạo quân trong đêm. Tới rạng ngày, Xerxes khởi quân rời khỏi đó, với các thành phố Rhoition, Phryneion và Dardanos nằm ở bên trái nhà vua, trong đó thành phố sau cùng giáp ranh với Abydos, còn ở bên phải là vùng của

người Teukroi thuộc Gergis.

---

1. Nay là sông Karamenderes, nằm trọn vẹn trong tỉnh Çanakkale của Thổ Nhĩ Kỳ.

---

44. Khi Xerxes vào thành Abydos, nhà vua mong muốn trông thấy toàn bộ đạo quân, và trước đó một chiếc ngai trên bệ cao bằng đá trắng đã được chuẩn bị sẵn dành cho nhà vua trên một quả đồi, được cư dân Abydos thi công từ trước theo lệnh của vua Ba Tư. Nhà vua liền ngồi trên ngai của mình, và khi nhìn xuống bờ biển, nhà vua chăm chú quan sát cả đạo quân bộ lẫn các chiến thuyền, và khi đưa mắt dõi theo nó, nhà vua nóng lòng được chứng kiến một cuộc đua tài giữa các chiến thuyền, và khi việc đó diễn ra với phần thắng nghiêng về những người Phoinike ở Sidon, nhà vua rất vui vẻ với cả cuộc đua tài lẫn toàn bộ đạo quân.

45. Khi thấy rằng cả eo Hellespontos đông nghịt chiến thuyền, và tất cả dải bờ biển cùng các khu đất bằng phẳng của Abydos đông nghịt người, Xerxes liền tự tuyên bố mình là một người hạnh phúc, rồi sau đó nhà vua bật khóc.

46. Artabanos, người chú của nhà vua, cũng chính là người ban đầu đã cả gan khuyên Xerxes không nên xuất quân tấn công Hy Lạp, khi thấy Xerxes khóc, liền hỏi nhà vua như sau: “Tâu bệ hạ, điều bệ hạ đang làm thật khác xa biết bao so với điều bệ hạ mới làm chỉ vừa nãy! Sau khi nói mình là một người hạnh phúc, bệ hạ giờ đây lại rơi lệ”. Xerxes nói: “Phải, vì sau khi đã ngẫm nghĩ, ta chợt cảm thấy xót xa trước ý nghĩ cả cuộc đời con người mới ngắn ngủi làm sao, khi biết rằng cả đám người đông đảo kia sẽ chẳng ai còn sống khi 100 năm nữa trôi qua”. Artabanos liền trả lời như sau: “Con người chúng ta vốn phải chịu đựng một tai ương còn thê thảm hơn cả cái chết trong cuộc đời. Vì trong thời gian của một cuộc đời, dẫu rằng ngắn ngủi như vậy, không ai, dù là những người đang tập trung ở đây hay là những người khác, lại được tự nhiên tạo ra hạnh phúc đến nỗi anh ta không cảm thấy không chỉ một lần mà nhiều lần mong muốn thà được chết còn hơn phải sống. Bởi những rủi ro rơi xuống đầu chúng ta, và bệnh tật quấy rầy hạnh phúc của chúng ta, khiến cho thời gian của cuộc đời, dù quả thực ngắn ngủi, có vẻ thật dài. Thế nên, vì cuộc đời đầy rẫy những phiền toái, cái chết đã trở thành nơi ẩn náu khả dĩ chấp nhận được hơn cả cho con người; và thần linh, sau khi đã cho con người nếm vị ngọt của cuộc đời, đã chứng tỏ mình đầy ghen tị trong chuyện này”.

47. Xerxes trả lời như sau: “Artabanos, về đời người, vốn đúng như

chú vừa nói, chúng ta hãy thôi không bàn đến nữa, và không nên nhớ đến những tai ương khi chúng ta có những điều tốt đẹp trong tay. Nhưng chú cũng đã nói với ta thế này: Nếu giấc mơ không xuất hiện một cách rõ ràng đến thế, hẳn chú vẫn sẽ giữ ý kiến trước đây, cố gắng ngăn cản ta tiến đánh Hy Lạp, hay chú sẽ đổi ý? Nào, hãy nói cho ta biết chính xác chuyện này". Artabanos liền trả lời: "Tâu bệ hạ, mong sao giấc mơ đã xuất hiện sẽ có hồi kết như cả hai chúng ta mong muốn! Nhưng thậm chí cả vào lúc này đây thần vẫn đầy lo sợ và không thể kiềm chế bản thân khi cân nhắc tới nhiều điều khác cũng như thấy rằng hai điều, lớn hơn tất thảy, đang rõ ràng thù địch với bệ hạ".

48. Nghe tới đây, Xerxes liền trả lời với những lời sau: "Ngươi quả là người kỳ lạ nhất, hai thứ mà ngươi nói đang rõ ràng thù địch với ta là gì vậy? Có phải là đạo quân bộ chưa đủ về số lượng, hay đạo quân của người Hy Lạp có vẻ đông hơn chúng ta nhiều lần chăng? Hay ngươi nghĩ hạm đội của chúng ta yếu kém hơn hạm đội của chúng? Hay rằng cả hai điều kể trên sẽ được chứng tỏ là đúng? Vì nếu ngươi nghĩ rằng về những mặt đó sức mạnh của chúng ta là không đủ, chúng ta có thể tập hợp thêm ngay lập tức một đạo quân nữa".

49. Thế rồi Artabanos trả lời rằng: "Tâu bệ hạ, không có bất cứ ai hiểu biết lại có thể tìm ra được khiếm khuyết nào ở đạo quân này hay ở số lượng chiến thuyền và quả thực nếu bệ hạ tập hợp thêm nhiều nữa, hai thứ thần nói tới sẽ còn thù địch với bệ hạ rõ ràng hơn nữa, hai thứ đó là đất và biển. Vì như thần phỏng đoán, nếu có một cơn bão xảy ra, ở vùng biển này không đâu có hải cảng đủ lớn để chứa toàn bộ hạm đội của bệ hạ, điều nhất thiết phải có để đảm bảo an toàn cho các chiến thuyền. Mà không chỉ hải cảng này cần lớn như thế, mà còn cần phải có những cảng tương tự ở suốt dọc theo bờ biển lục địa nơi bệ hạ tiến quân tới, và nếu không có vịnh để chiến thuyền của bệ hạ trú đậu, bệ hạ cũng biết rằng những tai họa sẽ kiểm soát con người chứ con người không kiểm soát được tai họa. Sau khi đã tâu với bệ hạ về một thứ, thần sẽ tâu nốt thứ còn lại. Theo thần, đất trở nên đối nghịch với bệ hạ theo cách như thế này: Cho dù không có điều gì xảy ra cản trở bệ hạ, đất sẽ càng thù địch với bệ hạ khi bệ hạ tiến quân càng xa, ngày càng chiếm đoạt nhiều hơn, vì con người không bao giờ thấy thỏa mãn với vận may của mình. Và thần nói đó là khi không có ai đứng lên ngăn cản bệ hạ trên vùng đất phải vượt qua, vùng lãnh thổ ấy sẽ ngày càng lớn hơn theo thời gian, và sẽ mang đến cho bệ hạ cái đói. Tuy nhiên, con người ta sẽ khôn ngoan nhất nếu khi cân nhắc anh ta cảm nhận được nỗi sợ hãi, lường đến mọi bất trắc hiểm họa có thể xảy ra, nhưng khi hành động anh ta lại can đảm".

50. Xerxes liền trả lời: “Artabanos, những điều ngươi vừa nói kể cũng phải lẽ, nhưng ngươi chớ nên sợ hãi mọi thứ hay bận tâm đến tất cả mọi thứ, vì nếu ngươi buộc mình phải dè chừng mọi thứ có thể xảy đến bất cứ lúc nào, bận tâm đến tất cả mọi điều, ngươi sẽ chẳng bao giờ làm được việc gì hết. Thà rằng hãy có lòng can đảm trước mọi chuyện và chấp nhận chịu đựng một nửa những tai ương đang đe dọa, còn hơn lo sợ trước mọi thứ để rồi không phải chịu đựng chút tai ương nào. Và nếu trong khi phản đối lại mọi quan điểm được đưa ra, ngươi quên mất nói ra kế sách vẹn toàn, khi đó ngươi cũng phải chịu chê trách về thất bại tương tự như người đã nói những điều đối nghịch lại. Thế nên theo ta tất cả đều cân bằng. Nhưng làm thế nào một người trần thế có thể biết được thế nào là kế sách vẹn toàn? Ta nghĩ là không thể. Thế nên phần thắng trong đa số trường hợp thường đến với những người chọn cách hành động. Ngươi đã thấy sức mạnh của người Ba Tư, thấy chúng ta đã vươn lên thành vĩ đại như thế nào. Nếu những người đã là vua Ba Tư trước ta cũng có những ý nghĩ như của ngươi, hay, cho dù không có những ý nghĩ như vậy, đã có những bầy tôi như ngươi, hẳn ngươi đã không thể thấy Ba Tư vươn lên được như hiện tại. Và các tiên vương đã đưa vương quốc tới vị thế lúc này đây bằng cách dám mạo hiểm, vì uy quyền vĩ đại thường được giành lấy bằng cách chấp nhận mạo hiểm lớn lao. Thế nên chúng ta, noi theo gương họ, lúc này đây đang tiến quân giữa mùa đẹp nhất trong năm. Và sau khi đã khuất phục toàn bộ châu Âu, chúng ta sẽ trở về nhà, sau khi đã không hề phải đối diện với cái đói ở bất cứ nơi nào hay phải chịu đựng bất cứ điều gì khó chịu. Vì trước hết, chúng ta hành quân mang theo lượng lớn lương thực dự trữ, và thứ đến chúng ta sẽ có được mùa màng của tất cả các tộc người mà chúng ta chinh phục cả dân tộc và lãnh thổ, và chúng ta đang xuất quân tấn công những kẻ làm nông nghiệp chứ không phải chống lại các bộ lạc du mục”.

51. Nghe xong, Artabanos liền nói: “Tâu bệ hạ, vì bệ hạ hối thúc chúng tôi không được sợ bất cứ thứ gì, thần cầu xin bệ hạ hãy chấp nhận một lời khuyên từ thần, vì khi nói tới quá nhiều điều, nhất thiết phải nói dài. Kyros, con trai Kambyses, đã chinh phục toàn bộ Ionia ngoại trừ người Athenai, và những tộc người này phải triều cống người Ba Tư. Vì thế, thần khuyên bệ hạ dù bất kể thế nào cũng không nên dẫn họ đi chống lại đồng bào của họ, bởi dù không có họ chúng ta vẫn có thể chiếm ưu thế trước kẻ thù của mình. Vì nếu họ đi cùng chúng ta, hoặc họ sẽ phải chứng minh bản thân là những kẻ làm chuyện xấu xa ghê gớm nếu họ tham gia vào việc nô dịch bản thành của chính mình, hay là những kẻ làm những chuyện chính trực lớn lao, nếu bọn họ góp sức vào

giành tự do cho thành phố đó. Nếu họ chứng tỏ bản thân là những kẻ làm chuyện xấu xa ghê gớm, họ sẽ đem đến cho chúng ta lợi ích lớn lao, nhưng nếu họ chứng tỏ bản thân là những kẻ làm chuyện chính trực lớn lao, khi đó họ có thể gây tổn hại nặng nề cho đạo quân của bệ hạ. Thế nên bệ hạ hãy lưu tâm câu ngạn ngữ cổ, lời dạy ấy thật chí lý khi nói rằng khi mọi thứ khởi đầu thì kết cục vẫn chưa hoàn toàn rõ ràng".

52. Trước những lời này, Xerxes trả lời: "Artabanos, trong tất cả những lý lẽ ngươi nói ra, đây là điều ngươi đã nhầm lẫn hơn cả khi ngươi sợ những người Ionia sẽ trở cờ, về bọn họ chúng ta có một bằng chứng chắc chắn nhất, mà chính ngươi đã tự chứng kiến, cũng như những người đã tháp tùng Dareios chinh phạt người Skythia. Cụ thể là khi đó cả đạo quân Ba Tư phải trông cậy vào những người Ionia, họ có thể quyết định xem sẽ hủy diệt hay cứu sống đạo quân ấy, và họ đã hành xử một cách chính trực và đáng tin cậy, và không hề tỏ ra thù địch. Bên cạnh đó, bởi họ đã để lại vợ con, tài sản trên đất của chúng ta, chúng ta thậm chí không cần phải tưởng tượng rằng họ sẽ có bất cứ hành vi nổi loạn nào. Thế nên hãy chớ lo sợ việc này, mà hãy phấn chấn lên và giữ an toàn cho người thân và triều đình của ta, vì trong tất cả mọi người, ta ủy thác vương trượng của ta cho ngươi".

53. Sau khi nói như vậy và phái Artabanos trở lại Sousa, tiếp theo Xerxes triệu những người Ba Tư có danh vọng nhất. Khi những người này đã có mặt, nhà vua liền nói với họ như sau: "Hỡi người Ba Tư, ta tập trung các ngươi vì mong muốn điều này từ các ngươi, đó là các ngươi hãy chứng tỏ mình là những người chính trực và không làm ô danh những kỳ công vĩ đại và huy hoàng người Ba Tư từng thực hiện trong quá khứ. Mỗi người trong chúng ta, và tất cả chúng ta, hãy nhiệt thành trong công cuộc này, vì công cuộc chúng ta đang cùng nỗ lực là vì lợi ích chung. Ta kêu gọi các ngươi hãy luôn nỗ lực không buông lỏng trong chiến tranh, vì như ta được biết, chúng ta đang hành quân chống lại những chiến binh cừ khôi, và nếu chúng ta khuất phục được chúng, sẽ không bao giờ có thêm đạo quân nào của loài người dám đứng lên chống lại chúng ta nữa. Vì thế, giờ chúng ta hãy bắt đầu vượt biển, sau khi đã cầu nguyện các vị thần hộ mệnh cho người Ba Tư".

54. Vậy là trong ngày hôm ấy người Ba Tư chuẩn bị cho việc vượt qua eo biển. Đến ngày hôm sau, họ đợi mặt trời, mong muốn thấy mặt trời mọc, và trong khi chờ đợi, họ đốt dâng lễ đủ loại hương liệu trên các cây cầu và rải lên đường những cành hương đào. Rồi khi mặt trời lên, Xerxes rưới rượu lễ xuống biển từ một chiếc cốc vàng, cầu khấn Mặt trời để mong sao không có tai ương nào giáng

xuống khiến nhà vua phải đình lại việc khuất phục châu Âu, cho tới khi nhà vua đã đi tới giới hạn tận cùng của châu lục này. Sau khi cầu nguyện, Xerxes ném chiếc cốc xuống eo Hellespontos cùng một bình pha rượu bằng vàng và một thanh kiếm Ba Tư mà họ gọi là *akinakes*. Nhưng liệu nhà vua ném chúng xuống biển như lễ vật dâng lên Mặt trời hay vì hối hận về việc đã sỉ nhục eo Hellespontos và muốn dâng một lễ vật để tạ lỗi, tôi không thể nói một cách chắc chắn.

55. Khi Xerxes làm xong việc đó, đạo quân Ba Tư bắt đầu vượt qua eo biển, toàn bộ đạo quân gồm cả bộ binh và kỵ binh vượt biển trên một cây cầu, chính là cây cầu nằm về phía Pontos, trong khi súc vật thồ và phu phen đi qua cây cầu còn lại, nằm về phía biển Aigaion. Đầu tiên, 10.000 quân Ba Tư đi tiên phong, tất cả đều đội một vòng hoa trên đầu, và đằng sau họ là lực lượng của đạo quân được hợp thành từ đủ các dân tộc. Những lực lượng này vượt biển trong hôm ấy. Đến ngày hôm sau, vượt biển đầu tiên là các kỵ binh, những người này cầm giáo chĩa mũi xuống đất, và trên đầu cũng đội vòng hoa; đi sau họ là những con ngựa thiêng và cỗ xe thiêng liêng, rồi đến lượt chính Xerxes và các cận vệ cầm giáo cùng 1.000 kỵ binh. Phía sau họ là phần còn lại của đạo quân. Trong cùng thời gian đó, những chiếc thuyền cũng rời bờ và đi sang bờ bên kia. Tuy nhiên, tôi cũng đã nghe được một lời kể khác nói rằng nhà vua là người vượt qua eo biển sau cùng.

56. Khi Xerxes đã vượt biển sang châu Âu, nhà vua đưa mắt dõi theo đạo quân vượt biển dưới sự đốc thúc của đòn roi, và đạo quân của nhà vua vượt qua eo biển trong bảy ngày và bảy đêm, liên tục không ngừng nghỉ. Thế rồi người ta kể rằng sau khi Xerxes đã qua cầu, một người Hellespontos đã thốt lên: "Hỡi thần Zeus, vì sao trong hình hài của một người Ba Tư người lại chọn cho mình cái tên Xerxes thay vì Zeus, không lẽ người muốn tàn phá Hy Lạp hay sao khi mang theo người tất cả các dân tộc của con người như vậy? Vì người hoàn toàn có thể làm như thế mà thậm chí không cần tới sự giúp đỡ của đám người này".

57. Khi toàn bộ đạo quân đã vượt qua eo biển, họ tiếp tục lên đường, một điềm báo lớn xuất hiện với họ, nhưng Xerxes đã không đoái hoài, cho dù có thể dễ dàng đoán ra ý nghĩa của nó – một con ngựa cái đẻ ra một con thỏ rừng. Ý nghĩa của điềm báo này có thể dễ dàng đoán được, đó là Xerxes sắp sửa đem một đạo quân đi tấn công Hy Lạp một cách vô cùng kiêu hãnh và huy hoàng, nhưng rồi sẽ phải quay trở lại nơi nhà vua xuất phát, và phải cuống cuồng chạy trốn để bảo toàn tính mệnh. Và tình cờ cũng có một điềm báo khác xảy ra khi nhà vua vẫn còn ở Sardis –

một con la để ra một con la con có cả bộ phận sinh dục đực và cái, với bộ phận sinh dục đực nằm ở trên. Tuy nhiên, Xerxes không để tâm gì tới các điềm báo này mà tiếp tục tiến quân cùng đạo quân bộ của mình.

58. Trong cùng lúc, hạm đội dong buồm ra khỏi Hellespontos và men theo bờ biển, đi theo hướng đối diện với đạo quân bộ, vì hạm đội đi về phía tây, hướng tới mũi đất Sarpedon, nơi hạm đội đã được lệnh hướng tới từ trước, rồi đợi đạo quân bộ ở đó. Nhưng trong cùng thời gian này, đạo quân bộ lại tiến về phía đông, theo hướng mặt trời mọc, qua Khersonesos, với mộ phần của Helle, con gái Athamas, nằm bên phải đường hành quân của họ, còn về bên trái là thành Kardia, và họ hành quân qua một thành phố có tên Agora. Rồi sau khi đi vòng theo một vịnh có tên Melas và đã vượt qua sông Melas, dòng nước của nó không đủ cung cấp nước cho đạo quân uống. Khi đã vượt qua dòng sông này, tên của nó vốn cũng được đặt cho vịnh, đạo quân tiến về phía tây, đi qua Ainos, một thành phố của người Aiolis, và qua bên hồ Stentoris, rồi cuối cùng tới Doriskos.

59. Doriskos là một đồng bằng rộng lớn trên bờ biển Thraike, nơi có dòng sông lớn Hebros chảy qua. Tại đây có một pháo đài hoàng gia được xây dựng, cũng chính là tòa thành ngày nay được gọi là Doriskos, và Dareios đã lập một doanh trại Ba Tư đồn trú ở đây suốt từ khi ông ta xuất quân tấn công người Skythia. Khi đó, Xerxes cảm thấy nơi này thuận tiện cho việc tổ chức và điểm binh toàn bộ đạo quân của mình, vì thế nhà vua liền cho thực hiện việc này. Theo lệnh Xerxes, chỉ huy các chiến thuyền đã đưa tất cả chiến thuyền của họ tới, và khi họ đến Doriskos, cập bờ ở bãi biển nằm kề pháo đài Doriskos, tại đây tọa lạc thành phố Sale của người Samothraike cũng như Zone, và điểm tận cùng của nơi này là mũi đất Serreion, một nơi nổi tiếng, và vào thời cổ đại vùng đất này thuộc về người Kikonoi. Các chỉ huy hải quân Ba Tư vậy là đã đưa chiến thuyền của họ tới bãi biển này, rồi sau khi kéo chiến thuyền lên bờ, họ để thuyền khô đi. Trong thời gian này, Xerxes tiến hành điểm quân tại Doriskos.

60. Về quân số mỗi dân tộc riêng rẽ cung cấp tôi không thể đưa ra thông tin chắc chắn, vì điều này không được bất cứ ai thuật lại. Nhưng về tổng quân số của bộ binh được kiểm lại là 170 vạn, và người Ba Tư đếm quân số của họ theo cách như sau: Họ tập hợp lại một nơi một nhóm 10.000 người, xếp những người này đứng sát nhau hết mức có thể, rồi vẽ một đường vòng bên ngoài. Sau khi đã vẽ một vòng như thế và cho 10.000 người đó ra khỏi vòng, họ, xây một bức tường bằng đá thô bao quanh vòng, cao tới ngang rốn

người. Xong việc, họ cho những binh lính khác bước vào trong không gian đã được xây tường bao quanh, cho tới khi đã điểm qua hết quân số của họ theo cách như thế. Sau khi điểm quân số, người Ba Tư ra lệnh cho binh lính tách riêng theo từng dân tộc.

61. Những binh lính phục vụ trong đạo quân bao gồm: Những người Ba Tư với trang bị như sau: Những người lính này đội mũ dạ mềm gọi là *tiaras*, mặc những chiếc áo tunic nhiều màu có tay áo, có phủ những chiếc vảy bằng sắt trông như vảy cá, và phần dưới họ mặc quần. Thay vì những chiếc khiên thông thường, những người này mang những chiếc khiên đan bằng liễu gai, ở dưới có treo ống đựng tên. Họ cầm những cây giáo ngắn, những cây cung lớn và tên làm bằng sậy, cùng những con dao găm đeo vào thắt lưng bên đùi phải. Chỉ huy lực lượng này là Otanes, cha của Amestris, vợ của Xerxes. Thời cổ đại, những chiến binh này được người Hy Lạp gọi là người Kephenes. Tuy nhiên, bản thân họ cũng như những tộc người láng giềng gọi họ là người Artaioi. Nhưng khi Perseus, con trai Danae và Zeus, tới gặp Kepheus, con trai Belos và lấy con gái Andromeda của Kepheus làm vợ, hai người có một người con trai được Perseus đặt tên là Perses, và Perseus để người con trai này lại đó, vì Kepheus không có con trai, và người Ba Tư được đặt theo tên của Perses.

62. Người Media tham gia cuộc viễn chinh được trang bị theo cùng cách như trên, vì trên thực tế những thứ trang bị vừa được kể là của người Media chứ không phải của người Ba Tư, và chỉ huy lực lượng quân Media là Tigranes, một Akhaimenides. Những người này vào thời cổ đại thường được gọi là người Arioi. Nhưng khi Medeia người Kolkhis từ Athenai tới chỗ họ, họ đã đổi tên gọi của mình. Người Media kể về chính họ như thế.

Người Kissia ra trận với trang bị khá giống người Ba Tư, song thay vì mũ dạ mềm họ quấn dải vải trên đầu. Chỉ huy người Kissia là Anaphes, con trai Otanes.

Người Hyrkania được trang bị như người Ba Tư, chỉ huy của họ là Megapanos, người sau những biến cố này đã trở thành tỉnh trưởng Babylon.

63. Người Assyria ra trận đội những chiếc mũ chiến làm bằng thanh đồng và kết lại theo kiểu man tộc không dễ miêu tả, và họ sử dụng khiên và giáo, cùng những con dao găm giống như dao kiểu Ai Cập, thêm nữa, họ còn sử dụng chùy gỗ với đầu chùy bằng sắt, và mặc áo giáp bằng vải lanh. Người Hy Lạp gọi họ là người Syria, nhưng với man tộc họ luôn được gọi là người Assyria (trong

số họ có cả những người Khaldaia). Chỉ huy của người Assyria là Otaspes, con trai Artakhaies.

64. Người Baktria ra trận đội trên đầu những chiếc mũ gần giống người Media, và sử dụng những cây cung bản địa của họ làm bằng sậy và những cây giáo ngắn. Người Sakai, hoặc Skythia, đội những chiếc mũ chỏm nhọn dựng thẳng và cứng, họ mặc quần, sử dụng những cây cung bản địa và dao găm, cùng với loại rìu chiến gọi là *sagaris*. Họ được gọi là người Amyrgioi Sakai, trong khi trên thực tế họ là người Skythia, vì tất cả người Ba Tư đều gọi tất cả các tộc người Skythia là Sakai, và chỉ huy người Baktria và Sakai là Hystaspes, con trai Dareios và Atossa, con gái Kyros.

65. Người Ấn Độ mặc quần áo làm từ sợi bông, họ dùng cung tên làm bằng sậy với mũi tên bằng sắt. Đó là trang bị của người Ấn Độ, và khi phục vụ cùng các dân tộc khác, họ được giao nằm dưới quyền chỉ huy của Pharnazathres, con trai Artabates.

66. Người Arioi được trang bị những cây cung Media, về những mặt khác họ giống như người Baktria. Chỉ huy lực lượng Arian là Sisamnes, con trai Hydarnes.

Chỉ huy người Parthia và người Khorasmia là Artabazos, con trai Pharnakes; chỉ huy người Sogdia là Azanes, con trai Artaios, chỉ huy người Gandarioi và người Dadikai là Artyphios, con trai Artabanos.

67. Người Kaspia tòng chinh mặc áo choàng da thú, mang những cây cung bản địa làm bằng sậy và những thanh kiếm ngắn. Chỉ huy của họ là Ariomardos, em trai Artyphios.

Người Sarangeis nổi bật giữa những tộc người còn lại vì mặc trang phục được nhuộm phẩm màu, đi ủng cao tới đầu gối, dùng cung kiểu Media và giáo, chỉ huy của họ là Pherendates, con trai Megabazos.

Người Paktyes mặc áo khoác da, dùng cung bản địa và dao, chỉ huy của họ là Artayntes, con trai Ithramitres.

68. Chỉ huy người Outioi và người Mykoi là Arsamenes, con trai Dareios, và chỉ huy người Parikanioi là Somitres, con trai Oiobazos.

69. Người Arabia khoác những tấm áo choàng rộng có thắt đai, họ đeo bên sườn phải những cây cung rất dài uốn cong ra sau. Người Aithiopia khoác trên người những bộ da báo và da sư tử, dùng

những cây cung rất dài làm từ một cành cọ, dài không dưới 4 *pekhes*, và sử dụng với những cây cung này là những mũi tên nhỏ làm từ sậy có đầu tên bằng đá mài nhọn thay vì bằng sắt được chế tác từ cùng thứ đá họ dùng để khắc ấn tín. Ngoài cung tên, họ còn mang giáo có mũi là sừng linh dương mài nhọn và mang theo cả gậy có gắn quả chùy. Họ thường sơn trắng nửa người khi xung trận, còn nửa người bên kia sơn đỏ. Chỉ huy quân người Arabia và người Aithiopia sống phía trên Ai Cập là Arsames, con trai của Dareios và Artystone, con gái của Kyros, người vợ được Dareios yêu quý nhất trong số những người vợ của ông, và cũng là người được nhà vua cho tạc tượng bằng vàng.

70. Như tôi đã nói, chỉ huy người Arabia và người Aithiopia sống phía trên Ai Cập là Arsames, nhưng người Aithiopia đến từ phía đông (vì người Aithiopia gồm có hai nhóm) lại được chỉ định phục vụ cùng lực lượng người Ấn Độ, những người này không hề khác biệt gì so với những người Aithiopia đã kể ở trên ngoại trừ ngôn ngữ và tóc của họ. Người Aithiopia đến từ phía đông có tóc thẳng, nhưng người Aithiopia ở Libya lại có mái tóc dày và xoăn rậm hơn bất cứ tộc người nào khác. Những người Aithiopia đến từ châu Á chủ yếu được vũ trang giống như người Ấn Độ, song trên đầu họ lại đội một miếng da trán ngựa được lột ra kèm theo cả đôi tai và cái bờm của con ngựa, cái bờm ngựa được dùng thay cho mào lông trên mũ chiến, trong khi họ dựng hai tai ngựa thẳng lên và cố định. Thay vì khiên, họ thường dùng những tấm da sếu để che chắn trước người.

71. Người Libya ra trận mặc đồ da, và họ dùng những cây lao được đốt ở mũi. Chỉ huy của họ là Massages, con trai Oarizos.

72. Người Paphlagonia ra trận đội trên đầu những chiếc mũ chiến được tết lại, cầm những chiếc khiên nhỏ, những cây giáo có kích thước không lớn, cùng với lao và dao găm, dưới chân họ đi những đôi ủng bản địa có ống cao tới giữa cẳng chân.

Người Ligyes, người Matienoi, người Mariandynoi và người Syria (người Ba Tư gọi là người Kappadokia) ra trận với trang bị như người Paphlagonia. Chỉ huy người Paphlagonia và người Matienoi là Dotos, con trai Megasidros, còn chỉ huy người Mariandynoi và người Syria là Gobryas, con trai của Dareios và Artystone.

73. Người Phrygia được trang bị rất giống người Paphlagonia với chút dị biệt. Người Phrygia, như người Makedonia kể, từng được gọi là người Briges vào quãng thời gian họ còn cư ngụ ở châu Âu và sống cùng người Makedonia; nhưng sau khi dời sang sống ở

châu Á, cùng với việc thay đổi vùng đất, họ cũng đổi tên gọi của mình và được gọi là người Phrygia.

Người Armenia cũng được trang bị như người Phrygia, vì họ cũng là những người định cư tại vùng đất của người Phrygia. Chỉ huy lực lượng của hai tộc người này là Artokhmes, con rể Dareios.

74. Người Lydia có vũ khí rất giống với vũ khí của người Hy Lạp. Vào thời cổ xưa, người Lydia được gọi là người Maiones, và họ được đặt tên lại theo tên của Lydos, con trai Atys. Người Mysia đội một thứ mũ chiến bản địa, và họ mang những chiếc khiên nhỏ cùng những cây lao được đốt ở mũi. Họ là những người Lydia đi lập khu định cư mới, và họ được gọi là người Olympienoi theo tên núi Olympos. Chỉ huy người Lydia và người Mysia là Artaphernes, con trai của Artaphernes, người đã cùng Datis tấn công Marathon.

75. Người Thraike ra trận đội bộ da lông cáo trên đầu, thân mình mặc áo tunic với những tấm áo choàng nhiều màu quấn quanh người. Dưới chân họ đi ủng da hươu, họ mang theo những cây lao, những tấm khiên tròn và dao nhỏ. Những người này khi vượt biển sang châu Á dần được gọi là người Bithynia, nhưng trước đó, như chính họ kể, họ được gọi là người Strymonioi, vì họ sống bên dòng sông Strymon; và họ nói rằng họ đã bị người Teukroi và người Mysia đánh đuổi khỏi lãnh thổ của mình. Chỉ huy người Thraike sống ở châu Á là Bassakes, con trai Artabanos.

76. Người [...][1] mang những chiếc khiên nhỏ làm bằng da bò đực không thuộc, mỗi chiến binh mang theo hai cây giáo săn do người Lykia chế tạo. Trên đầu họ đội mũ chiến bằng thanh đồng, trên có gắn đôi tai và cặp sừng của một con bò đực được làm bằng thanh đồng, và ở phía trên có đính mào ngù lông. Phần dưới đôi chân họ được quấn những băng vải đỏ. Vùng đất của họ có một dự ngôn giả của Ares.

---

1. Tên của một dân tộc nào đó tại Tiểu Á, đã không còn trong văn bản gốc. (BT)

---

77. Người Kabaleis, vốn là người Maiones, được gọi là người Lasonioi, có trang bị tương tự người Kilikia, và tôi sẽ giải thích rõ khi nói tới trang bị của người Kilikia. Người Milyai dùng những cây giáo ngắn, và trang phục của họ được thắt lại bằng những chiếc khóa, một số chiến binh của họ được trang bị cung Lykia, và trên đầu họ đội mũ da. Lực lượng của tất cả tộc người kể trên do Badres, con trai của Hystanes, chỉ huy.

78. Người Moskhoi trên đầu đội mũ bằng gỗ, mang khiên và giáo nhỏ có gắn những mũi giáo dài. Người Tibarenoi, người Makrones và người Mossynoikoi ra trận với trang bị giống như người Moskhoi, và các toán quân này được tập hợp dưới quyền chỉ huy như sau: Người Moskhoi và người Tibarenoi được chỉ huy bởi Ariomardos, con trai Dareios và Parmys, con gái của Smerdis, con trai Kyros; chỉ huy người Makrones và người Mossynoikoi là Artayktes, con trai Kherasmis, tỉnh trưởng Sestos bên eo Hellespontos.

79. Người Mares đội trên đầu những chiếc mũ chiến bản địa được kết lại, mang những chiếc khiên nhỏ bằng da không thuộc và lao, còn người Kolkhis đội mũ chiến bằng gỗ trên đầu, sử dụng những chiếc khiên nhỏ bằng da bò đực không thuộc và những cây giáo ngắn, cùng với dao. Chỉ huy người Mares và người Kolkhis là Pharandates, con trai Teaspis.

Người Alarodioi và người Saspeires được trang bị như người Kolkhis, và chỉ huy lực lượng của hai tộc người này là Masistios, con trai Siromitras.

80. Đảo dân từ Biển Erythra tới hội quân, họ thuộc về những hòn đảo nơi nhà vua cho định cư những người được gọi là những kẻ "bị di dời", những người này có trang phục và vũ khí rất giống người Media. Chỉ huy những chiến binh từ các hòn đảo này là Mardontes, con trai Bagaios, người vào một năm sau những sự kiện này sẽ là một tướng lĩnh chỉ huy tại Mykale và tử trận.

81. Trên đây là những dân tộc tham gia chiến dịch trong đạo quân bộ và được phân bổ vào lực lượng bộ binh. Các tướng lĩnh chỉ huy đạo quân này cũng đã được kể đến ở trên. Các vị chỉ huy này là những người sắp xếp đạo quân ngồi theo thứ tự từng đội quân, rồi kiểm đếm quân số và chỉ định các thiên binh trưởng và vạn binh trưởng, còn các bách binh trưởng và thập binh trưởng được các vạn binh trưởng chỉ định, và đây là các cấp chỉ huy khác của các đội quân và lực lượng chiến binh của mỗi dân tộc.

82. Như tôi đã nói, được liệt kê ở trên là các tướng lĩnh chỉ huy của đạo quân, còn thống lĩnh tất cả và chỉ huy toàn thể bộ binh là Mardonios con trai Gobryas, Tritantaikhmes con trai của Artabanos, người có quan điểm rằng họ không nên xuất quân tấn công Hy Lạp, Smerdomenes con trai của Otanes (cả hai người sau đều là cháu trai của Dareios và do đó là anh em họ của Xerxes), Masistes con trai của Dareios và Atossa, Gergis con trai của Ariazos, và Megabazos con trai của Zopyros.

83. Đây là các tướng lĩnh chỉ huy toàn bộ lực lượng bộ binh, ngoại trừ 10.000 chiến binh Ba Tư, và tướng chỉ huy 10.000 quân Ba Tư được tuyển chọn này là Hydarnes, con trai của Hydarnes. Những chiến binh Ba Tư này được gọi là "Bất tử quân", vì nếu có bất cứ ai trong số họ bị loại khỏi vòng chiến bởi cái chết hay bệnh tật, khiến số lượng của họ không trọn vẹn, sẽ có một người khác được chọn thế vào vị trí của anh ta, và số lượng của họ không bao giờ nhiều hay ít hơn 10.000.

Trong tất cả các dân tộc, người Ba Tư có trang phục lộng lẫy nhất và bản thân họ cũng là những chiến binh xuất sắc nhất. Họ được trang bị vũ khí như đã kể ở trên, bên cạnh đó họ còn nổi bật so với những tộc người còn lại vì lượng lớn vàng được họ tùy nghi sử dụng. Họ mang theo những cỗ xe ngựa chở các tỳ thiếp cùng rất nhiều người hầu được cung đốn chu đáo, và ngoài lương thực hậu cần cho binh lính, lương thực dành cho những người này được chuyên chở bằng lạc đà và các súc vật thồ.

84. Tham gia lực lượng kỵ binh gồm có những dân tộc sau đây, không phải tất cả đều đóng góp kỵ binh, mà chỉ có những dân tộc sau:

(i.) Người Ba Tư được trang bị giống như bộ binh của họ, ngoại trừ một số người đội mũ được rèn từ kim loại, có thể là bằng thanh đồng hoặc sắt.

85. (ii.) Ngoài ra còn một bộ lạc du mục được gọi là người Sagartioi, họ là người Ba Tư về dòng dõi và tiếng nói, có trang phục pha trộn giữa trang phục của người Ba Tư và người Paktyas. Họ cung cấp 8.000 chiến mã, và thường họ không có bất cứ vũ khí nào khác bằng thanh đồng hay sắt ngoài dao găm, song họ sử dụng những chiếc thòng lọng bện từ dây thừng, và tin tưởng món vũ khí này khi ra trận. Cách chiến đấu của họ như sau: Khi giao chiến với kẻ thù, họ quăng thòng lọng về phía kẻ địch, rồi dù người hay ngựa bị thòng lọng chụp trúng, họ liền giật về phía mình, vậy là kẻ địch bị mắc kẹt trong thòng lọng sẽ bị tiêu diệt. Lực lượng của họ được xếp bên cạnh người Ba Tư.

86. (iii.). Người Media và Kissia cũng được vũ trang tương tự bộ binh của họ.

(iv.) Người Ấn Độ cũng được trang bị như bộ binh, và họ vừa cưỡi ngựa vừa đánh chiến xa, những cỗ chiến xa này được thắng ngựa hoặc lừa hoang.

(v.) Người Baktria và Kaspia được trang bị tương tự bộ binh của họ.

(vi.) Người Libya cũng được trang bị tương tự bộ binh, và họ cũng sử dụng cả chiến xa.

(vii.) Người Kaspeirioi và Parikanioi cũng trang bị giống bộ binh của họ.

(viii.) Người Arabia trang bị giống bộ binh của họ, nhưng tất cả đều cưỡi lạc đà, những con vật này nhanh nhẹn không kém gì ngựa.

87. Chỉ có các dân tộc kể trên tham gia vào lực lượng kỵ binh, và số lượng kỵ binh tổng cộng là 8 vạn, chưa kể số lạc đà và chiến xa. Các đội kỵ binh khác được sắp xếp thành các đội, song lực lượng người Arabia lại được bố trí đằng sau các đội kỵ binh kể trên và xếp sau cùng, vì ngựa không chịu được sự có mặt của lạc đà, do đó lạc đà được xếp sau cùng, để không làm lũ ngựa hoảng sợ.

88. Các tướng lĩnh chỉ huy kỵ binh gồm Harmamithres và Tithaios con trai của Datis, còn vị tướng thứ ba cùng chỉ huy kỵ binh với họ, Pharnoukhes, đã bị bỏ lại Sardis vì bệnh tật. Do vào thời điểm đạo quân khởi hành từ Sardis, một tai nạn không mong muốn đã xảy đến với vị tướng này. Ông ta lúc đó đang cưỡi ngựa thì một con chó chạy lao qua dưới chân ngựa của ông ta, con ngựa, vì không thấy con chó từ trước, đã phát hoảng nhảy dựng hai chân sau lên hất Pharnoukhes ngã xuống khỏi lưng nó, làm ông ta nôn ra máu, rồi chuyển thành chứng suy kiệt. Còn về phần con ngựa, người ta đã xử trí nó ngay lập tức như ông ta ra lệnh, cụ thể là những người hầu của viên tướng đã dắt con ngựa tới nơi nó hất ngã chủ nhân rồi chặt đứt chân con ngựa ở đầu gối. Vì tai nạn này, Pharnoukhes bị bãi chức chỉ huy.

89. Về các *triereis*, số lượng kiểm được là 1.207 chiếc, và số chiến thuyền này được cung cấp bởi các dân tộc sau:

(i.) Người Phoinike và người Syria thuộc Palaistine cung cấp 300 chiếc, các thủy binh của họ đội mũ da được chế tác rất giống với kiểu Hy Lạp, họ mặc áo giáp bằng vải lanh, dùng khiên không có viền và lao. Vào thời cổ đại, dân tộc, theo lời chính họ kể lại, cư trú ở vùng Biển Erythra, rồi từ đó họ di chuyển tới định cư dọc bờ biển Syria, và vùng lãnh thổ này của Syria trải dài tới tận Ai Cập được gọi là Palaistine.

(ii.) Người Ai Cập cung cấp 200 chiến thuyền, thủy binh của họ

đội mũ chiến được kết lại, dùng những chiếc khiên rỗng có rìa rộng, những cây giáo chuyên dùng cho hải chiến và những cây rìu lớn. Phần lớn họ mặc áo giáp, và mang theo những con dao to.

90. (iii.) Người Kypros cung cấp 150 chiến thuyền. Vua của họ đội mũ tròn có các dải lưới, những người khác mặc áo tunic, về những mặt khác họ giống với người Hy Lạp. Một số người tới từ Salamis và Athenai, số khác từ Arkadia, một số lại từ Kythnos, lại số khác từ Phoinike hay từ Aithiopia, như chính người Kypros thuật lại.

91. (iv.) Người Kilikia cung cấp 100 chiến thuyền, họ đội mũ chiến bản địa, mang theo những tấm da bò đực không thuộc làm khiên, mặc áo tunic dệt từ len và mỗi người được trang bị hai cây lao và một thanh kiếm, thanh kiếm này được chế tạo rất giống những con dao Ai Cập. Vào thời xa xưa, họ được gọi là người Hypakhaioi, và có tên gọi Kilikia từ tên của Kilix, con trai Agenor, một người Phoinike.

(v.) Người Pamphylia cung cấp 30 chiến thuyền và được trang bị vũ khí Hy Lạp. Họ là hậu duệ của những người đã bị di tản khỏi thành Troia cùng Amphilokhos và Kalkhas.

92. (vi.) Người Lykia cung cấp 50 chiến thuyền, họ mặc áo giáp và mang ống bảo vệ cẳng chân, sử dụng những cây cung làm từ gỗ phù du và mũi tên làm từ sậy không gắn lông vũ cùng những cây lao, trên vai họ khoác một bộ da dê. Họ cũng dùng dao găm và lưỡi hái. Người Lykia trước đây được gọi là người Termilai, có nguồn gốc từ đảo Krete, và họ có tên gọi Lykia từ Lykos, con trai của Pandion, một người Athenai.

93. (vii.) Người Doris ở châu Á cung cấp 30 chiến thuyền, họ sử dụng vũ khí kiểu Hy Lạp. Vốn có nguồn gốc Peloponnesos, họ được trang bị theo kiểu Hy Lạp.

(viii.) Người Karia cung cấp 70 chiến thuyền, về những mặt khác, họ được trang bị giống như người Hy Lạp, ngoài ra họ mang liềm và dao găm. Tên gọi trước đây của những tộc người này đã được nhắc trong phần đầu tiên của khảo cứu này.

94. (ix.) Người Ionia cung cấp 100 chiến thuyền, và họ có trang bị như người Hy Lạp. Trong thời gian họ còn cư trú tại Peloponnesos ở vùng đất ngày nay được gọi là Akhaia vào trước thời kỳ Danaos và Xouthos tới Peloponnesos, người Ionia, theo người Hy Lạp thuật lại, được gọi là người Pelasgoi vùng bờ biển, rồi sau đó họ được gọi là Ionia theo tên Ion, con trai của Xouthos.

95. Các đảo nhân cung cấp 70 chiến thuyền, họ có trang bị giống người Hy Lạp, và họ cũng thuộc nòi giống Pelasgoi, cho dù sau này họ được gọi là người Ionia cũng giống như những người Ionia của 12 thành phố, những tộc người có gốc gác từ Athenai.

Người Aiolis cung cấp 60 chiến thuyền, họ được trang bị giống người Hy Lạp và thời xa xưa từng được gọi là người Pelasgoi, như người Hy Lạp thuật lại.

Người Hellespontos, ngoại trừ người Abydos (vì người Abydos đã được nhà vua ra lệnh ở lại thành phố của họ và canh giữ các cây cầu), những tộc người còn lại phục vụ trong hạm đội viễn chinh từ Pontos cung cấp 100 chiến thuyền, họ có trang bị giống người Hy Lạp. Họ là những thực dân Ionia và người Doris.

96. Thủy binh trên tất cả các chiến thuyền là người Ba Tư, người Media, hoặc người Sakai. Và trong số chiến thuyền, những chiếc vận hành tốt nhất trên biển là thuyền do người Phoinike cung cấp, và trong số thuyền của người Phoinike, thì tốt nhất là thuyền do người Sidon cung cấp. Mỗi tộc người đều có những thủ lĩnh chỉ huy các chiến binh phục vụ trong hạm đội cũng như trong đạo quân bộ. Về phần những người này, vì tôi không buộc phải tìm hiểu, tôi sẽ không nhắc tới, bởi trước hết các thủ lĩnh của từng dân tộc riêng rẽ không phải là những người đáng nhắc tới, rồi thêm nữa trong lực lượng của mỗi dân tộc, số thủ lĩnh cũng nhiều như số thành phố vậy. Những người này ra trận không phải với vai trò như những chỉ huy, mà như các chiến binh khác cũng phụng sự với vai trò nô lệ, vì các tướng lĩnh nắm quyền lực tuyệt đối và chỉ huy các dân tộc khác nhau đều là người Ba Tư và đã được tôi điểm qua.

97. Chỉ huy lực lượng hải quân gồm các tướng lĩnh sau đây: Ariabignes, con trai Dareios; Prexaspes, con trai Aspathines; Megabazos, con trai Megabates; và Akhaimenes, con trai Dareios. Trong đó Ariabignes, con trai của Dareios với con gái Gobryas, chỉ huy lực lượng Ionia và Karia; Akhaimenes, em ruột Xerxes, chỉ huy lực lượng Ai Cập; hai người còn lại chỉ huy những hải đội khác. Về phần số lượng các *triakonteroi*, *pentekonteroi*, *kerkouroi* và thuyền chở chiến mã đã được tập hợp lại, tất cả có 3.000 chiếc.

98. Bên cạnh các tướng lĩnh chỉ huy, những người đáng kể ra nhất gồm có: Tetramnestos con trai Anysos, người Sidon; Matten con trai Siromos, người Tyros; Merbalos con trai Agbalos, người Arados; Syennis con trai Oromedon, người Kilikia; Kybernisos con trai Sikas, người Lykia; Gorgos con trai Khersis và Timonax con

trai Timagoras, người Kypros; Histiaios con trai Tymnes, Pigres con trai Hysseldomos, và Damasithymos con trai Kandaules, người Karia.

99. Về những chỉ huy còn lại tôi sẽ không nhắc tới (vì tôi không buộc phải làm thế) ngoại trừ Artemisia, người tôi thấy kinh ngạc nhất về việc bà tham gia cuộc viễn chinh Hy Lạp, vì đây là một phụ nữ. Sau khi chồng qua đời, Artemisia tự nắm quyền cho dù bà có một con trai đã trưởng thành, và tham gia vào cuộc viễn chinh vì chí khí và lòng dũng cảm đầy nam tính, trong khi không hề bị bắt buộc. Bà là con gái của Lygdamis, có gốc Halikarnassos theo bên nội, và Krete theo bên ngoại. Bà chỉ huy quân đội Halikarnassos, Kos, Nisyra và Kalydna, cung cấp năm chiến thuyền cho hạm đội, và những chiến thuyền bà cung cấp có tiếng là tốt nhất trong cả hạm đội sau những chiến thuyền của người Sidon, và trong số tất cả đồng minh của Xerxes, bà là người đưa ra những lời khuyên tốt nhất cho nhà vua. Những đô thị bà trị vì có dân cư đều thuộc nòi giống Doris, người Halikarnassos là thực dân từ Troizen, những người còn lại là người Epidauros.

100. Đến đây tôi xin dừng việc nói về lực lượng hải quân.

Khi Xerxes đã điểm quân xong, và đạo quân đã được sắp xếp thành cơ đội, nhà vua muốn đánh xe qua toàn bộ đạo quân để duyệt binh. Đi trên một cỗ chiến xa qua lực lượng của từng dân tộc, nhà vua hỏi han họ và các thư lại của nhà vua ghi lại tên, cho tới khi nhà vua đã đi hết một lượt cả lực lượng kỵ binh và bộ binh. Sau khi duyệt xong đạo quân bộ, các chiến thuyền được đưa xuống biển, còn Xerxes chuyển từ chiến xa xuống một chiếc thuyền của Sidon, ngồi dưới một mái che bằng vàng và dong buồm đi qua trước mũi của các chiến thuyền, hỏi han tất cả như nhà vua đã làm với đạo quân bộ, và cho ghi chép lại những câu trả lời. Còn các thuyền trưởng đã đưa thuyền ra ngoài biển cách bãi biển chừng 4 *plethra* và dừng thuyền lại đó, tất cả cùng quay mũi thuyền về phía bờ thành một hàng thẳng và trang bị cho tất cả chiến binh sẵn sàng như chuẩn bị tham chiến, và nhà vua bơi thuyền đi vào khoảng giữa các mũi thuyền và bãi biển để duyệt hạm đội.

101. Sau khi Xerxes đã dong buồm qua trước toàn bộ hạm đội và xuống thuyền lên bờ, nhà vua cho triệu Demaratos, con trai Ariston, người cùng nhà vua xuất chinh tấn công Hy Lạp. Khi ông ta tới, nhà vua liền hỏi như sau: “Demaratos, giờ ta muốn hỏi ngươi một điều. Ngươi không chỉ là một người Hy Lạp, mà như ta được biết từ cả ngươi lẫn từ những người Hy Lạp khác tới nói

chuyện cùng ta, ngươi xuất thân từ một thành phố không phải là kém cỏi hay yếu kém nhất Hy Lạp. Thế nên giờ hãy nói cho ta hay liệu người Hy Lạp có dám giơ tay lên chống lại ta chăng. Vì, như ta đoán, cho dù tất cả người Hy Lạp cùng những dân tộc khác nằm về phía Tây cùng hợp sức, họ cũng không đủ mạnh về lực lượng để chịu đựng cuộc tấn công của ta, giả dụ họ là kẻ thù của ta. Tuy nhiên, ta vẫn muốn biết quan điểm của ngươi, muốn biết ngươi sẽ nói gì về chuyện này". Nhà vua hỏi như vậy, và Demaratos trả lời: "Tâu bệ hạ, thần nên nói ra sự thật khi tâu lên người, hay nói ra điều sẽ khiến người vui đây?" và Xerxes lệnh cho ông ta nói sự thật, nói rằng ông ta sẽ không phải chịu điều gì không hay từ việc nói thật ngoài những gì ông ta đã phải chịu đựng trước đó.

102. Khi Demaratos nghe được những lời này, ông ta liền tâu như sau: "Tâu bệ hạ, vì bệ hạ đã lệnh cho thần bằng mọi giá phải nói ra sự thật, và nói ra như một người sau đó sẽ không bị bệ hạ kết tội vì đã nói dối, thần xin tâu rằng: Với Hy Lạp sự bần hàn vẫn luôn là thứ nơi này vốn lớn lên cùng, trong khi dũng khí là thứ đã được mang tới, được giành lấy nhờ trí thông minh và sức mạnh của pháp luật. Và Hy Lạp sẽ luôn dùng đến nó để tránh cho mình khỏi không chỉ sự nghèo khó mà cả việc phải phục tùng một chủ nhân. Thần đánh giá cao tất cả những người Hy Lạp sinh sống trên các miền đất Doris ấy, song những điều thần sắp nói đây không phải về tất cả họ, mà chỉ về người Lakedaimon. Về họ, trước hết thần xin nói không thể nào có chuyện có lúc nào đó họ chấp nhận các điều kiện của bệ hạ, vốn đem tới ách nô dịch cho Hy Lạp. Thứ đến, thần xin nói rằng họ sẽ chiến đấu chống lại bệ hạ, cho dù tất cả những người Hy Lạp khác có đứng về phía bệ hạ. Còn về số lượng của họ, hẳn bệ hạ sẽ muốn hỏi họ có bao nhiêu người mà có thể làm như vậy. Bệ hạ hãy biết cho dù trên chiến trường họ chỉ có 1.000 người, những người này sẽ giao chiến với bệ hạ, hay dù họ có ít người hay nhiều người hơn thế".

103. Nghe đến đây, Xerxes phá lên cười và nói: "Demaratos, ngươi đã nói ra những lời mới hoang đường làm sao, khi bảo rằng 1.000 người sẽ chiến đấu với đạo quân đông đảo này! Giờ hãy nói cho ta hay điều này: Người từng nói ngươi đã là vua của những người đó, vậy liệu ngươi có sẵn lòng ra trận chiến đấu với 10 người hay không? Và nếu thành bang của ngươi đúng như ngươi đã miêu tả, theo pháp luật chính ngươi, vua của họ, sẽ phải đứng vào hàng ngũ và chống lại số kẻ địch gấp đôi so với những chiến binh khác, nghĩa là nếu mỗi người trong số họ mạnh ngang với 10 người trong đạo quân của ta, thì ta trông đợi ngươi sẽ mạnh ngang với 20 người. Điều đó sẽ xác nhận cho những gì ngươi kể. Nhưng nếu những chiến binh mà ngươi ca ngợi ghê gớm như thế về tầm vóc

cũng chỉ giống những người Hy Lạp vẫn hay tới nói chuyện với ta, trong đó có cả ngươi nữa, thì hãy cẩn thận kẻo những lời ngươi đã nói rồi đây sẽ được chứng tỏ là rỗng tuếch. Và giờ hãy nghe ta xem xét nó về mọi phương diện khả dĩ: Làm thế nào 1.000 người, hay 10.000 người, hay thậm chí là 50.000 người, chí ít tất cả đều tự do ngang nhau và không bị một người cai trị, lại có thể chống lại một đạo quân đông như thế được? Vì như ngươi cũng biết, chúng ta sẽ có hơn 1.000 người để chống lại mỗi người của họ, nếu giả dụ số lượng của họ là 5.000 người. Nếu quả thực họ do một người cai trị theo như cách của chúng ta, họ có thể sẽ vì sợ người đó mà trở nên dũng mãnh hơn bản chất của họ, hoặc họ sẽ vì bị đòn roi cưỡng ép mà giao chiến với số đối thủ đông hơn, trong khi họ ít người hơn. Nhưng nếu được để tự do, họ sẽ không làm cả hai việc trên, và ta cho rằng dù ngang hàng về số lượng, người Hy Lạp cũng sẽ khó lòng dám giao chiến dù chỉ với người Ba Tư. Tuy nhiên, ở phía chúng ta có thể tìm thấy những cá nhân như ngươi nói, dù rằng không thường xuyên mà rất hiếm gặp. Vì trong số những tay giáo của ta có những người Ba Tư sẵn sàng giao chiến cùng lúc với ba người Hy Lạp, nhưng ngươi thì chưa từng trải nghiệm qua những điều như vậy, bởi thế ngươi nói rất vu vơ".

104. Demaratos liền trả lời: "Tâu bệ hạ, ngay từ đầu thần đã chắc rằng nếu thần nói sự thật, hẳn nhiên điều thần nói sẽ không làm bệ hạ hài lòng; nhưng vì bệ hạ đã lệnh cho thần nói sự thật, thần đã nói với bệ hạ những gì có liên quan tới người Sparta. Bệ hạ cũng rõ hơn ai hết vào lúc này đây thần có tình cảm thế nào với họ, khi mà họ trước hết đã tước bỏ của thần địa vị và những đặc quyền thần được thừa hưởng từ cha ông của thần, rồi sau đó họ đã biến thần thành kẻ không có tổ quốc, một kẻ lưu vong. Nhưng cha của bệ hạ đã nuôi dưỡng thần, cho thần cái ăn, nơi ở. Hiển nhiên không thể phỏng đoán rằng một người thận trọng sẽ vứt bỏ đi tình thân hữu đã được ban cho anh ta, mà trái lại anh ta sẽ vô cùng hài lòng mà chấp nhận. Và thần cũng không tỏ ý rằng thần có khả năng chiến đấu với 10 người hay với hai người. Không, nếu được chọn, thần thậm chí sẽ không chiến đấu dù chỉ với một người. Nhưng nếu cần thiết hay công cuộc thôi thúc thần ra trận là một công cuộc lớn lao, hẳn thần sẽ sẵn sàng chiến đấu với một trong những người nói rằng người đó sánh ngang với ba người Hy Lạp. Thêm nữa, người Lakedaimon không kém bất cứ ai khi chiến đấu một chọi một, và họ là những chiến binh xuất sắc nhất khi chiến đấu thành một đội ngũ. Vì cho dù tự do, song họ không tự do về mọi thứ, vì phía trên họ pháp luật được thiết lập như một chủ nhân, là thứ họ e sợ thậm chí còn hơn nhiều mức thần dân của bệ hạ e sợ bệ hạ. Ít nhất chắc chắn họ sẽ làm bất cứ điều gì chủ

nhân của họ ra lệnh, và vị chủ nhân này luôn đưa ra cùng một mệnh lệnh, đó là nó ngăn cấm họ không được bỏ chạy khỏi chiến trường trước bất cứ đối thủ đông đảo nào, phải giữ vững vị trí và giành chiến thắng hoặc mất đi tính mạng. Nhưng nếu khi thần nói ra những điều này bệ hạ cho rằng thần đang nói vu vơ, thần xin im lặng về những chuyện khác, và lần này thần đã nói chỉ vì thần buộc phải nói. Tuy nhiên, mong sao mọi thứ diễn ra đúng như suy nghĩ của bệ hạ, tâu bệ hạ".

105. Demaratos trả lời như vậy, Xerxes chỉ cười mà không hề cảm thấy giận dữ, và vui vẻ cho ông ta lui.

Rồi sau khi đã trò chuyện với ông ta, và đã phong Maskames,con trai Megadostes làm tỉnh trưởng Doriskos thay thế cho vị tỉnh trưởng đã được Dareios chỉ định, Xerxes cho tiến quân qua Thraike để tấn công Hy Lạp.

106. Và Maskames, người được nhà vua lưu lại đó, đã chứng tỏ mình là một người có năng lực tới mức chỉ ông ta hay được Xerxes ban quà tặng, coi ông ta là người giỏi giang nhất trong tất cả những người từng được chính nhà vua hay Dareios phong làm tỉnh trưởng. Nhà vua hằng năm thường ban quà tặng cho Maskames, và cả Artaxerxes, con trai Xerxes, về sau cũng ban quà tặng cho hậu duệ của Maskames. Vì từ trước khi cuộc hành quân bắt đầu, nhà vua đã chỉ định các tỉnh trưởng tại Thraike và tất cả các vùng quanh eo Hellespontos, và những vùng đất này, cả ở Thraike lẫn ở Hellespontos, đều bị người Hy Lạp chinh phục sau cuộc viễn chinh này, trừ vùng đất tại Doriskos, vì không ai có thể chinh phục được Maskames tại Doriskos, cho dù nhiều người đã thử. Vì lý do này vua Ba Tư liên tục ban quà tặng cho ông ta.

107. Tuy nhiên, về phần các tỉnh trưởng bị người Hy Lạp đánh đuổi, Xerxes không coi bất cứ ai là người tốt ngoại trừ Boges, tỉnh trưởng Eion. Nhà vua không ngừng khen ngợi ông này, và rất ân sủng các con của ông ta còn sống trên đất Ba Tư. Quả thực Boges đã chứng tỏ bản thân xứng đáng được khen ngợi, vì khi ông ta bị người Athenai do Kimon, con trai Miltiades, chỉ huy vây hãm, cho dù ông ta đã có thể thoát thân nhờ một cuộc đình chiến và trở về nhà ở châu Á, Boges đã quyết định không làm vậy, vì e rằng nhà vua sẽ cho rằng ông ta sống sót nhờ hèn nhát, mà ông ta tiếp tục cố thủ đến cùng. Rồi đến khi trong thành không còn lương thực, Boges chất một giàn thiêu lớn, rồi ông ta cắt cổ các con, vợ, tỳ thiếp và người hầu của mình và ném họ vào đống lửa. Sau khi đã ném tất cả vàng bạc trong thành phố từ trên tường thành xuống sông Strymon, ông ta gieo mình vào đống lửa. Do vậy, thậm chí

tới tận ngày nay ông ta vẫn được người Ba Tư ca ngợi một cách xứng đáng.

108. Từ Doriskos, Xerxes tiếp tục tiến quân tấn công Hy Lạp, và trên đường hành quân, nhà vua ép buộc các tộc người lần lượt nằm trên đường tiến quân phải tham gia cuộc hành quân, vì toàn bộ Hy Lạp tới tận Thessalia đã bị khuất phục, như tôi đã kể qua trước đây, và trở thành chư hầu của nhà vua, sau khi bị chinh phục bởi Megabazos, và sau đó bởi Mardonios. Khi xuất quân từ Doriskos, đầu tiên nhà vua đi qua các thành trì Samothraike, trong đó nằm xa nhất về phía tây là một thành phố có tên Mesambria. Kế đến là Stryme, một thành phố của người Thasos, và giữa hai thành phố này có dòng sông Lisos chảy qua, nước của nó không đủ để cung cấp cho đạo quân của Xerxes. Vùng đất này thời xưa được gọi là Gallaika, nhưng ngày nay được gọi là Briantika, tuy nhiên, nói một cách công bằng, nơi này thuộc về người Kikonoi.

109. Sau khi vượt qua lòng sông Lisos đã cạn khô, nhà vua hành quân qua những thành phố Hy Lạp sau đây: Maroneia, Dikaia và Abdera; và cũng qua hai hồ nước đáng lưu ý nằm gần chúng: hồ Ismaris nằm giữa Maroneia và Stryme, và hồ Bistonis gần Dikaia, nơi hai dòng sông Trauos và Kompsatos đổ nước vào, còn tại Abdera quả thực Xerxes không đi qua hồ nước nào đáng nhắc đến mà đi qua sông Nestos, dòng sông này đổ ra biển tại đó. Sau khi hành quân qua những nơi này, nhà vua tiến quân qua các thành phố trong nội địa, và ở gần một thành phố tình cờ lại có một hồ nước có chu vi chừng 30 *stadia*, rất nhiều cá và nước rất mặn. Chỉ riêng các súc vật thồ khi uống nước đã làm cạn hồ nước này, và thành phố đó tên là Pistyros.

110. Xerxes đã hành quân qua những thành phố kể trên, chúng nằm bên bờ biển, thuộc về người Hy Lạp, và nằm bên trái đường hành quân của người Ba Tư. Nhà vua đã hành quân qua lãnh thổ của nhiều tộc người Thraike, đó là người Paitoi, Kikonoi, Bistones, Sapaioi, Dersaioi, Edonoi, và Satrai. Trong số các tộc người này, những tộc người cư trú dọc theo bờ biển cùng hành quân theo nhà vua trên các chiến thuyền của họ, còn những tộc người sống trong nội địa đã được tôi kể tên buộc phải tháp tùng nhà vua trên bộ, ngoại trừ người Satrai.

111. Theo những gì chúng ta biết, duy nhất trong tất cả tộc người Thraike, người Satrai không bao giờ chịu khuất phục bất cứ ai, vẫn tự do cho tới tận thời của tôi, vì họ sống trên các vùng núi cao được phủ kín bởi rừng rậm với đủ loại cây và tuyết, và họ cũng rất

giỏi về chiến trận. Họ chính là tộc người sở hữu thần miếu của Dionysos, nơi này tọa lạc trên ngọn núi cao nhất của họ. Trong cộng đồng người Satrai, những nhà tiên tri của ngôi đền là người Bessoi; phán ra những thần dụ là một nữ tư tế, cũng giống như tại Delphoi; và ngoài chuyện này không có gì khác đáng chú ý.

112. Sau khi hành quân qua vùng đất được nhắc tới ở trên, Xerxes hành quân qua các thành trì của người Pieria, một có tên là Phagres, thành trì còn lại tên là Pargamos. Nhà vua hành quân theo lộ tuyến như vậy, tiến quân sát tường thành của các thành trì kể trên, men theo núi Pangaion về bên phải, đây là ngọn núi vừa lớn vừa cao, trên đó có các mỏ vàng và mỏ bạc thuộc quyền sở hữu của người Pieria, người Odomantoi và nhất là người Satrai.

113. Và sau khi đi qua lãnh thổ của các bộ lạc Paionia cư trú về phía bắc Pangaion (người Doberes và Paioplai), nhà vua tây tiến đến tận sông Strymon và thành Eion, nơi Boges là tỉnh trưởng trong suốt thời gian ông này còn sống, đây cũng chính là nhân vật tôi đã nói đến trước đây không lâu. Vùng đất nằm quanh núi Pangaion được gọi là Phyllis, và vùng này trải dài về phía tây tới sông Angites, dòng sông chảy vào sông Strymon, và về phía nam vùng này trải dài tới tận chính sông Strymon. Tại dòng sông này, các Magoi giết những con ngựa trắng làm lễ hiến sinh để cầu điềm lành.

114. Làm xong lễ hiến sinh này cùng nhiều nghi lễ khác để trấn an dòng sông, tại Cửu Đạo trên đất của người Edonoi, đạo quân vượt sông bằng cầu, vì họ thấy có sẵn cầu bắc qua sông Strymon, và khi được biết nơi đó được gọi là Cửu Đạo, họ liền đem chôn sống chín thanh niên và chín thanh nữ bản địa tại đó. Nghi lễ chôn sống người này là một phong tục Ba Tư, vì tôi được cho hay rằng cả Amestris, vợ của Xerxes, khi về già cũng đã tạ ơn vị thần được kể là sống dưới mặt đất vì sinh mạng của mình bằng cách chôn sống bảy người con trai và bảy người con gái của những người Ba Tư danh tiếng.

115. Đạo quân tiếp tục hành quân từ sông Strymon, sau con sông này họ gặp một bãi biển trải dài về phía mặt trời lặn, và đi qua thành phố Hy Lạp Argilos tọa lạc ở đó. Vùng này và vùng đất nằm phía trên nó được gọi là Bisaltia. Từ vùng này, men theo vịnh Posideion nằm bên tay trái, nhà vua tiến quân qua vùng đất bằng phẳng được gọi là đồng bằng Syleos, đi qua Stageira, một thành phố Hy Lạp, rồi tới Akanthos, đi đến đâu nhà vua lại mang theo tất cả các tộc người này, cũng như những người sống ở vùng núi Pangaion, như nhà vua đã làm với những tộc người tôi kể trước

đó, phân phối những người sống ven bờ biển phục vụ trên các thuyền, còn những người sống trong nội địa tháp tùng nhà vua cùng đạo quân bộ. Tuyến đường mà vua Xerxes cho đạo quân tiến qua không hề bị người Thraike động đến hay gieo trồng mùa màng, mà họ vẫn để yên một cách rất kính cẩn cho tới tận thời của tôi.

116. Khi đến Akanthos, Xerxes tuyên bố tình khách-hữu với người Akanthos, đồng thời cũng mang tặng họ trang phục Media và khen ngợi họ vì thấy rằng họ nhiệt tình phụng sự nhà vua trong cuộc chiến cũng như được nghe kể về con kênh đã được đào.

117. Trong thời gian Xerxes lưu lại Akanthos, người được giao giám sát việc đào kênh, tên là Artakhaies, chết vì bệnh, ông này là người được Xerxes đánh giá rất cao, và cũng là một Akhaimenides, và về tầm vóc Artakhaies cũng là người cao nhất trong số những người Ba Tư, chỉ thiếu 5 *pekhes* là cao tròn 4 *daktyloi*, và ông ta cũng có giọng nói to nhất thế gian. Vì thế Xerxes hết sức phiền muộn trước cái chết của ông ta, cho để tang và an táng Artakhaies cực kỳ long trọng, và cả đạo quân tham gia đắp mộ phần cho ông ta. Tuân theo một thần dụ, người Akanthos dâng lễ hiến sinh lên Artakhaies như một vị anh hùng, gọi tên ông ta trong khi cầu khấn. Như đã nói, Xerxes hết sức phiền muộn khi mất đi Artakhaies.

118. Những người Hy Lạp đang cung đốn cho đạo quân của nhà vua và dâng bữa tối hằng ngày cho Xerxes đã bị đẩy vào cảnh khánh kiệt, tới mức họ phải rời bỏ nhà cửa. Khi người Thasos khoản đãi đạo quân của Xerxes và dâng bữa tối cho nhà vua đại diện cho các thành phố của họ trên lục địa, Antipatros con trai Orgeos, người được giao phụ trách việc này, một người có tiếng tăm hàng đầu trong số các công dân, có thuật lại rằng 400 *talanta* bạc đã được dùng để chuẩn bị bữa tối.

119. Ở các thành phố khác, những người phụ trách việc này cũng kể lại mức phí tổn tương tự hoặc gần như thế, vì bữa tối cho nhà vua được phục vụ như sau, sau khi đã được lệnh chuẩn bị trước đó từ lâu và được họ coi là một việc rất quan trọng: Trước tiên, ngay khi họ biết yêu cầu của nhà vua từ các viên xướng lệnh có nhiệm vụ đi thông báo, các công dân ở các thành phố khác nhau đã chia nhau chuẩn bị ngũ cốc, rồi tất cả tiếp tục tập trung chuẩn bị bánh mì và bánh lúa mạch trong nhiều tháng. Rồi họ nuôi bò, tìm mua những con vật đẹp nhất với giá cao, rồi bắt nuôi các loài chim cạn và các loài chim nước, nhốt trong lồng hoặc nuôi dưới các ao, tất cả để tiếp đón đạo quân. Rồi họ cho chế tác ly và bình pha rượu

bằng vàng và bạc, cũng như tất cả các vật dụng khác để bày lên bàn tiệc: Những vật dụng này được chế tác cho nhà vua và những người cùng ăn tại bàn ăn của nhà vua. Về phần còn lại của đạo quân, chỉ những gì được giao phó về lương thực là được cung cấp. Rồi bất cứ khi nào đạo quân tới một nơi, luôn có một chiếc lều được căng sẵn để Xerxes nghỉ lại, trong khi phần còn lại của đạo quân nghỉ lại ngoài trời. Và khi đến lúc ăn tối, những người làm nhiệm vụ tiếp đãi nỗ lực hết mức; còn về phần đạo quân, đến ngày hôm sau họ giữ tung chiếc lều ra, mang theo tất cả những đồ đạc có thể mang đi trong cuộc hành quân, không để lại gì.

120. Thế rồi có một ý kiến hợp lý được Megakreon, một người Abdera, nói ra. Ông ta khuyên người Abdera cùng vợ của họ nhất loạt tới các ngôi đền của họ, rồi ngồi xuống như những người khẩn cầu các vị thần, cầu xin các thần xua đi khỏi họ một nửa những tai ương đang đe dọa, rồi ông ta bảo họ hãy cảm thấy biết ơn các vị thần vì những gì xảy ra trong quá khứ, vì vua Xerxes đã không nghĩ đến việc dùng bữa hai lần mỗi ngày, vì nếu trước đó họ nhận được lệnh phải chuẩn bị cả bữa sáng theo cùng cách như bữa tối, khi đó người Abdera hoặc sẽ không thể chờ đợi Xerxes tới, hoặc nếu ở lại, họ sẽ bị nỗi thống khổ đè nặng hơn bất cứ tộc người nào khác trên đời.

121. Mặc dù phải chịu gánh nặng ghê gớm, song họ vẫn thực hiện những bổn phận được giao phó cho mình. Từ Akanthos, Xerxes, sau khi lệnh cho các tướng chờ đợi hạm đội ở Therma, liền cho các chiến thuyền tiếp tục hành trình theo lộ tuyến cách xa khỏi nhà vua (vùng Therma này là vùng đất trên bờ vịnh Therma, và vịnh cũng có tên gọi từ tên của nơi này); và nhà vua làm như vậy vì ông được cho hay đó là con đường ngắn nhất. Vì từ Doriskos tới tận Akanthos, đạo quân đã hành quân như sau: Xerxes đã chia toàn bộ đạo quân bộ thành ba cánh quân, trong đó một cánh quân nhà vua lệnh đi dọc theo bờ biển tháp tùng hạm đội, chỉ huy cánh quân này là Mardonios và Masistes. Một cánh quân thứ hai được chỉ định hành quân theo tuyến đường trong nội địa, do các tướng Tritantaikhmes và Gergis chỉ huy. Trong khi đó, cánh quân thứ ba, với Xerxes ngự giá đi cùng, hành quân giữa hai cánh quân kể trên, và chỉ huy cánh quân này là Smerdomenes và Megabyzos.

122. Hạm đội, sau khi được Xerxes cho phép xuất phát và đã dong buồm qua kênh đào ở Athos (tuyến kênh này chạy tới vịnh nơi có các thành phố Assa, Piloros, Singos và Sarte tọa lạc trên bờ vịnh), đồng thời cũng lấy thêm một đội quân từ các thành phố này, liền từ đó đi thẳng tới vịnh Therma, rồi sau khi vòng qua Amphelos, mũi đất của Torone, hạm đội liền đi qua các thành phố Hy Lạp

Torone, Galepsos, Sermyle, Mekyberna, Olynthos, và lấy từ các thành phố này các đội thuyền và thủy thủ. Vùng này được gọi là vùng Sithonia.

123. Hạm đội của Xerxes, sau khi vượt biển từ mũi Ampelos tới mũi Kanastraios, nơi nhô ra biển xa nhất trong toàn vùng Pallene, cũng lấy thêm các đội thuyền và thủy thủ từ Potidaia, Aphytis, Neapolis, Aiga, Therambo, Skione, Mende và Sane. Đây là các đô thị nằm ở vùng ngày nay được gọi là Pallene, song trước đây gọi là Phlegra. Rồi hạm đội tiếp tục dong buồm men theo bờ biển vùng này hướng tới điểm hẹn đã được nói tới ở phần trước, lấy thêm các đội quân từ cả các thành phố nằm kế tiếp vùng Pallene và giáp ranh với vịnh Therma, đó là các thành phố Lipaxos, Kombreia, Lisai, Gigonos, Kampsa, Smila, Aineia, và vùng tọa lạc các thành phố này cho tới tận ngày nay vẫn được gọi là Krossaia. Rồi dong buồm từ Aineia, thành phố cuối cùng tôi liệt kê trong danh sách ở trên, hạm đội đến vịnh Therma và vùng Mygdonia, và vậy là tới được vùng Therma đã được nhắc tới ở phần trước tại các thành phố Sindos và Khalestra nằm trên sông Axios. Dòng sông này là ranh giới giữa hai vùng đất Mygdonia và Bottiaia, dải bờ biển hẹp của vùng Bottiaia là nơi tọa lạc các thành phố Ikhnai và Pella.

124. Trong khi hải lực của Xerxes đóng lại gần sông Axios tại thành phố Therma và các thành phố nằm giữa nơi này và dòng sông chờ đợi nhà vua tới, Xerxes và đạo quân bộ đang tiến binh từ Akanthos, đi theo con đường ngắn nhất băng qua nội địa để nhằm tới được Therma. Và nhà vua hành quân qua Paionia và Krestonia tới sông Ekheidoros, bắt nguồn từ vùng đất của người Kreston, chảy qua vùng Mygdonia và chảy dọc theo đầm lầy nằm bên sông Axios.

125. Trong khi nhà vua đang hành quân theo tuyến đường này, những con sư tử tấn công lũ lạc đà chở lương thực của Xerxes, vì những con sư tử thường xuyên xuất hiện vào ban đêm, rời khỏi hang của chúng, không tấn công bất cứ loại súc vật thồ nào khác hay con người, mà chỉ giết lạc đà. Và tôi kinh ngạc về nguyên do của việc này, và điều gì đã khiến lũ sư tử bỏ qua mọi con mồi khác để chỉ tấn công lạc đà, những sinh vật chúng chưa bao giờ trông thấy và cũng chưa từng có kinh nghiệm gì.

126. Ở những vùng đó có rất nhiều sư tử và bò rừng, những con vật có sừng rất lớn thường được đưa vào Hy Lạp, và giới hạn của vùng đất nơi có sư tử về một phía là sông Nestos, dòng sông chảy qua Abdera, và phía bên kia là sông Akheloos, dòng sông chảy qua Akarnania. Vì về phía đông sông Nestos, dù ta có đi tới vùng nào

của châu Âu trước khi đặt chân tới vùng này, ta cũng sẽ không thấy con sư tử nào, và cũng như vậy ở phần châu Âu nằm về phía tây sông Akheloos, nhưng chúng sinh sống ở vùng đất nằm giữa hai dòng sông này.

127. Khi Xerxes đã tới Therma, nhà vua đóng quân tại đó, và đạo quân của nhà vua khi đóng trại tại đó đã chiếm cứ vùng đất nằm dọc theo bờ biển trải dài không ít hơn như sau: Bắt đầu từ thành phố Therma và từ Mygdonia đạo quân đóng trại trải dài tới tận sông Lydias và sông Haliakmon, ranh giới giữa các vùng đất Bottiaia và Makedonia, hai dòng sông này cùng hòa dòng chảy vào làm một. Man tộc đã đóng quân tại các vùng đó, và trong số những dòng sông được kể tên, chỉ có sông Ekheidoros chảy từ vùng đất của người Kreston là không đủ nước để đạo quân uống và đã bị cạn.

128. Từ Therma, Xerxes thấy đỉnh núi Olympos và Ossa tại Thessalia rất cao, và được cho hay rằng ở giữa chúng có một hẻm núi hẹp nơi sông Peneios chảy qua, cũng đồng thời được biết theo lối đó có một con đường tốt dẫn tới Thessalia, liền nảy ra ý muốn dong buồm tới chỗ hẻm núi đó và nhìn tận mắt nơi sông Peneios chảy ra, vì nhà vua định hành quân qua thượng đạo, qua vùng đất của người Makedonia cư trú trong nội địa, cho tới khi nhà vua tới lãnh thổ của người Perrhaiboi, đi qua thành phố Gonnos. Vì nhà vua được cho hay tuyến đường này là an toàn nhất. Sau khi hình thành ý tưởng này, Xerxes liền thực hiện nó, tức là nhà vua lên một chiến thuyền Sidon, cũng vẫn là chiếc thuyền nhà vua luôn sử dụng khi muốn làm những việc như thế, rồi nhà vua ra lệnh cho những chiến thuyền khác ra biển, để đạo quân bộ lại tại chỗ. Khi Xerxes đã tới xem nơi sông Peneios chảy ra, nhà vua vô cùng ngỡ ngàng, liền triệu các hướng đạo của mình tới hỏi họ xem liệu có thể nắn dòng chảy của con sông để nó chảy ra biển theo một lộ tuyến khác hay không.

129. Người ta kể rằng thời xưa ở Thessalia có một hồ nước được bao quanh bốn bề bởi những dãy núi sừng sững. Về phía đông, hồ nước bị khép kín bởi các dãy núi Pelion và Ossa, phần sườn thấp của hai dãy núi này nối liền với nhau. Về phía bắc, hồ được chắn kín bởi dãy Olympos, về phía tây bởi dãy Pindos và về phía nam bởi dãy Othrys. Và khu vực nằm giữa các dãy núi đã được kể tên ở trên là Thessalia, một vùng đất lõm xuống. Có rất nhiều dòng sông chảy vào vùng đất này, trong số đó đáng kể nhất là năm con sông Peneios, Apidnos, Onokhonos, Enipeos và Pamisos, những dòng sông này lấy nước từ các dãy núi bao quanh Thessalia, rồi chảy xuống vùng đồng bằng này theo dòng chảy riêng rẽ, trong

khi cùng đổ ra biển theo một hẻm núi hẹp thành một dòng chảy chung, và khi các dòng sông này hợp lưu với nhau, từ điểm đó trở đi tên gọi của sông Peneios hay được dùng hơn hẳn so với tên của các dòng sông khác và khiến những dòng sông khác mất đi tên riêng của chúng. Và người ta cũng kể rằng vào thời cổ xưa vẫn chưa có dòng chảy ra biển này của các dòng sông giữa các dãy núi, và các dòng sông cùng với hồ Boibeis, khi đó vẫn chưa có những cái tên như ngày nay, cùng dồn nước lại biến Thessalia thành một biển nước mênh mông. Bản thân người Thessalia kể rằng thần Poseidon đã tạo nên khe núi nơi sông Peneios chảy qua, và họ kể như vậy cũng là hợp lẽ vì bất cứ ai tin rằng Poseidon là người rung chuyển mặt đất và những vết nứt do động đất là tác phẩm của thần, hẳn sẽ nói rằng hẻm núi đó là do Poseidon tạo nên khi tận mắt nhìn thấy nó, vì theo tôi rõ ràng khe núi này là do một trận động đất gây ra.

130. Vậy là những người hướng đạo, khi được Xerxes hỏi liệu có đường ra biển khả dĩ nào khác cho sông Peneios hay không, liền nói với hiểu biết chính xác: "Tâu bệ hạ, với dòng sông này không có lối thoát nào khác ra tận biển mà chỉ có đường này, vì cả vùng Thessalia đều có núi bao quanh". Người ta kể rằng Xerxes đã trả lời như sau: "Người Thessalia quả là thông tuệ. Có vẻ như họ đã muốn phòng xa bất trắc khi bàn bạc với nhau, và đã đặc biệt nhận ra rằng vùng đất của họ dễ bị chinh phạt và có thể bị xâm chiếm chóng vánh, vì đã có thể khiến nước sông chảy tràn trên vùng đất của họ bằng cách đắp một con đê ngăn không cho dòng sông chảy theo dòng chảy hẹp hiện tại của nó và làm thay đổi dòng chảy của sông Peneios để làm toàn vùng Thessalia chìm dưới nước, trừ các dãy núi". Nhà vua nói những lời này để chỉ các Aleuadai, gia tộc Thessalia này là những người Hy Lạp đầu tiên quy phục nhà vua, vì Xerxes nghĩ những người này đã dành tình bằng hữu cho mình vì cả dân tộc họ. Sau khi nói vậy và xem xét tại chỗ, nhà vua dong buồm trở lại Therma.

131. Sau đó, nhà vua nán lại vùng Pieria trong nhiều ngày, vì con đường qua các dãy núi ở Makedonia trong thời gian đó đang bị cánh quân thứ ba trong đạo quân của nhà vua sử dụng để tất cả các đội quân có thể đi theo tuyến đường này tới vùng đất của người Perrhaiboi. Lúc này các sứ giả được phái tới Hy Lạp đòi đất và nước đã quay trở về, một số trở về tay không, số khác có mang thEo đất và nước.

132. Các tộc người giao ra lễ vật được yêu cầu gồm có người Thessalia, người Dolopes, người Ainianes, người Perrhaiboi, người Lokroi, người Magnesia, người Malis, người Akhaia ở Phthiotis, và

người Thebai, cùng các tộc người còn lại của người Boiotia, ngoại trừ người Thespiai và người Plataia. Những người Hy Lạp lựa chọn chiến tranh với man tộc đã lập thệ nhằm vào các tộc người kể trên, và lời thề đó như sau: Bất cứ ai là người Hy Lạp đã trao mình cho người Ba Tư trong khi không bị ép buộc làm như vậy, nếu cuộc chiến của họ giành phần thắng, những kẻ đầu hàng sẽ phải dâng một phần mười tài sản làm lễ vật cho thần linh tại Delphoi.

133. Tuy nhiên, Xerxes đã không phái sứ giả tới Athenai hay Sparta để đòi đất và nước vì lý do trước đó khi Dareios phái sứ giả đi làm việc này, người Athenai đã ném các sứ giả xuống hố[1], còn người Sparta ném các sứ giả xuống giếng, và bảo các sứ giả hãy lấy đất và nước từ dưới đó mang về cho vua Ba Tư. Vì lý do này Xerxes đã không phái sứ giả đi nữa. Và tai ương nào đã giáng xuống đầu những người Athenai vì đã xử sự như vậy với các sứ giả thì tôi không thể nói, ngoại trừ quả thực lãnh thổ và thành phố của họ đã bị tàn phá, song tôi không nghĩ chuyện đó xảy ra vì lý do này.

---

1. Một hẻm vực ở Athenai, nơi người Athenai quẳng các phạm nhân bị kết án tử hình xuống.

---

134. Về phần người Lakedaimon, sự phẫn nộ giáng xuống từ Talthybios, sứ giả của Agamemnon. Vì ở Sparta có một ngôi đền Talthybios, và cũng có các hậu duệ của Talthybios, được gọi là các Talthybiadai, những người này được ban cho quyền thực thi mọi sứ mệnh của Sparta. Sau khi họ xử sự với các sứ giả Ba Tư như đã kể, người Sparta không thể có được điềm báo thuận lợi khi thực hiện các lễ hiến sinh. Chuyện này diễn ra với họ trong suốt một thời gian dài. Rất phiền muộn và coi đây là một bất hạnh lớn, người Lakedaimon tổ chức hội nghị thường xuyên và hỏi liệu có người Lakedaimon nào sẵn lòng chết vì Sparta hay không. Cuối cùng Sperthias con trai Aneristos và Boulis con trai Nikolaos, những công dân Sparta có xuất thân cao quý và giàu có nhất, tình nguyện cam chịu hình phạt của Xerxes để trả món nợ các sứ giả của Dareios đã chết tại Sparta. Người Sparta liền cử hai người này tới chỗ người Media để bị xử tử.

135. Không chỉ lòng dũng cảm hai người này thể hiện là đáng khâm phục, mà cả những lời nói sau đây của họ cũng vậy. Trong khi họ đang trên đường tới Sousa, hai người gặp Hydarnes (Hydarnes là một người Ba Tư, cai quản các tộc người sống ở bờ biển châu Á), và ông này ân cần tiếp đón và khoản đãi họ. Khi hai người đang là khách của Hydarnes, ông ta hỏi họ như sau: "Hỡi

người Lakedaimon, tại sao các vị lại từ chối trở thành bằng hữu của nhà vua? Vì các vị có thể thấy nhà vua biết cách trân trọng những người tốt, khi các vị nhìn vào ta và hạnh vận của ta. Với các vị cũng vậy, nếu các vị quy phục nhà vua, bởi vì các vị vốn đã nổi danh là những người chính trực, mỗi người các vị đều sẽ được cai trị trên đất Hy Lạp nhờ ân huệ của nhà vua". Hai người Sparta liền trả lời như sau: "Hydarnes, lời khuyên ông dành cho chúng tôi không hoàn toàn cân xứng, vì ông đã đưa ra lời khuyên sau khi quả thực đã trải nghiệm một thứ nhưng chưa hề trải nghiệm thứ còn lại. Ông biết rõ làm một nô lệ là thế nào, nhưng ông chưa bao giờ trải nghiệm tự do, cho dù điều đó có dễ chịu hay không đi nữa. Vì nếu ông đã trải nghiệm qua tự do, hẳn ông sẽ khuyên chúng tôi chiến đấu vì nó không chỉ bằng giáo mà cả bằng rìu chiến nữa".

136. Họ đã trả lời Hydarnes như thế. Rồi sau khi tới Sousa và vào diện kiến nhà vua, đầu tiên khi những tay giáo trong đội cận vệ ra lệnh và tìm cách buộc họ phải bày tỏ sự quy phục nhà vua bằng cách quỳ xuống trước mặt Xerxes, họ liền nói rằng họ sẽ không làm điều gì như thế, cho dù họ có bị các cận vệ dúi đầu xuống, vì phong tục của họ không có việc quy phục trước một người, và họ đến cũng không phải để làm điều đó. Sau khi đã cự tuyệt việc bắt quỳ, họ liền nói ra những lời như sau hoặc có nghĩa như sau: "Hỡi vua của người Media, người Lakedaimon phái chúng tôi tới đây thế cho những sứ giả đã bị giết tại Sparta, để đền mạng cho họ". Khi họ nói như vậy, Xerxes chợt bị lay chuyển bởi lòng khoan dung và trả lời rằng ông sẽ không xử sự như người Lakedaimon, vì họ đã vi phạm những quy định phổ biến trong mọi tộc người khi sát hại các sứ giả, nhưng ông sẽ không tự mình làm điều nhà vua đã trách cứ người khác vì đã làm, đồng thời cũng sẽ không tha thứ người Lakedaimon tội lỗi của họ bằng việc giết hai kẻ được cử tới đền mạng.

137. Vậy là cơn phẫn nộ của Talthybios tạm ngưng vào thời điểm đó cho dù người Sparta không làm gì thêm nữa và cho dù Sperthias và Boulis đều quay trở về Sparta. Nhưng rất lâu sau đó, cơn thịnh nộ ấy lại bùng lên trong cuộc chiến tranh giữa người Peloponnesos và người Athenai, như người Lakedaimon thuật lại. Điều này tôi nhận thấy rõ ràng nhất là một hành động của thần linh: Vì cơn thịnh nộ của Talthybios giáng xuống các sứ giả và không dừng lại cho tới khi ông đã hả giận, chừng đó hoàn toàn là phù hợp với công lý; nhưng về việc con của những người tới gặp nhà vua phải trả giá cho sự phẫn nộ, cụ thể là Nikolaos, con trai Boulis, và Aneristos, con trai Sperthias (cũng chính là người đã chiếm Halieis, thực dân địa của Tiryns, bằng cách tiến vào cảng của họ với một thuyền buôn chở đầy chiến binh), thì với tôi rõ

ràng chuyện xảy ra là do hành động của thần linh. Vì những người này, được người Lakedaimon phái làm sứ giả tới châu Á, sau khi bị Sitalkes, con trai Teres, vua Thraike, và Nymphodoros, con trai Pythes, một người Abdera, phản bội, đã bị bắt tại Bisanthe trên Hellespontos. Rồi sau khi bị đưa tới Attika, họ đã bị người Athenai xử tử cùng với Aristeas, con trai Adeimantos, người Korinthos. Những sự việc này xảy ra nhiều năm sau cuộc viễn chinh của nhà vua, và giờ tôi sẽ quay trở lại với dòng tường thuật trước.

138. Trên danh nghĩa, đạo quân của nhà vua đang hành quân tấn công Athenai, nhưng trên thực tế đang tấn công toàn cõi Hy Lạp. Và người Hy Lạp, được báo trước từ lâu về cuộc tấn công này, đã không bị nó tác động theo cách giống nhau. Vì một số trong hàng ngũ của họ đã giao đất và nước cho các sứ giả Ba Tư, cho rằng họ sẽ không phải chịu tai ương gì từ man tộc; trong khi những người khác chưa quy phục đều vô cùng hoảng sợ vì biết rằng ở Hy Lạp không có đủ số lượng chiến thuyền để đón đánh những kẻ xâm lược, đồng thời cũng nhận thấy phần lớn các thành bang không sẵn sàng giao chiến mà sẵn lòng ngả sang phía người Media.

139. Và tới đây, bởi sự cần thiết, tôi buộc phải đưa ra một quan điểm mà trong mắt phần lớn mọi người dường như là mang tính cá nhân, nhưng bất chấp vậy tôi sẽ vẫn nói ra điều tôi thấy rõ ràng là sự thực. Nếu người Athenai đã hoảng sợ trước mối đe dọa và rời bỏ lãnh thổ của họ, hoặc nữa, nếu họ không rời bỏ lãnh thổ của mình mà ở lại và đầu hàng Xerxes, hẳn đã không có ai thử có hành động nào chống lại nhà vua trên biển. Và nếu không ai đối địch với Xerxes trên biển, hẳn trên bộ đã diễn ra những biến cố như sau: Cho dù người Peloponnesos đã dựng lên nhiều tuyến tường lũy chạy ngang qua Eo đất, người Lakedaimon hẳn đã bị các đồng minh của họ bỏ rơi, không phải một cách tự nguyện mà vì cần thiết buộc phải làm thế, vì những tộc người này chắc hẳn đã bị chinh phục lần lượt từng thành phố một bởi hạm đội của man tộc, và như thế người Lakedaimon sẽ chỉ còn cô độc một mình. Và sau khi chỉ còn cô độc và đã thể hiện những chiến công dũng cảm lớn lao, chắc hẳn họ đã đón nhận cái chết một cách cao cả. Hoặc họ đã phải chịu số phận như vậy, hoặc trước đó, khi thấy rằng các thành bang Hy Lạp khác cũng đã ngả sang phía người Media, họ có thể đã thu xếp một thỏa hiệp với Xerxes, và như thế trong cả hai trường hợp Hy Lạp cũng đã nằm dưới quyền cai trị của người Ba Tư, vì tôi không thể thấy được bất cứ hiệu quả khả dĩ nào từ các tường lũy đắp ngang qua Eo đất khi vua Ba Tư kiểm soát biển. Vậy nên nếu một người nói người Athenai đã chứng tỏ họ là cứu tinh của Hy Lạp, anh ta đã không hề nói sai, bởi dù người Athenai đứng

về bên nào, cán cân đều có vẻ sẽ ngả về bên đó. Và người Athenai, mong muốn Hy Lạp sẽ tiếp tục tồn tại trong tự do, liền kêu gọi tất cả những tộc người Hy Lạp còn lại, nghĩa là tất cả những ai còn chưa quy phục người Media, và chính những người này, ít nhất là sau các vị thần, đã đẩy lui nhà vua. Và ngay cả các thần dụ đáng sợ từ Delphoi truyền tới khiến họ kinh hãi cũng không làm họ rời bỏ Hy Lạp mà họ vẫn trụ lại và chấp nhận đối đầu với những kẻ xâm lược lãnh thổ của họ.

140. Vì người Athenai đã cử người tới Delphoi tìm hiểu và chuẩn bị tham vấn dự ngôn giả. Và sau khi các sứ giả này đã thực hiện xong các nghi thức thông thường tại các khu vực bên ngoài, lúc họ đã vào trong thánh điện và đang ngồi tại đó, nữ tư tế Pythia có tên là Aristonike, đã phán cho họ thần dụ sau:

> Lũ khốn khổ, sao các ngươi lại ngồi đây? Hãy chạy đến nơi tận cùng mặt đất,
>
> Bỏ lại tư gia và thành lũy của đô thị hình bánh xe.
>
> Cả đầu lẫn thân thể không còn nữa,
>
> Cũng như chân, tay, hoặc bất cứ thứ gì ở giữa;
>
> Nhưng tất cả sẽ bị tiêu diệt. Vì lửa và Ares hăng hái,
>
> Tăng tốc trên chiếc mã chiến xa Syria, sẽ hạ gục nó.
>
> Thần sẽ hủy diệt nhiều tòa tháp khác, không chỉ của riêng các ngươi;
>
> Thần sẽ đem nhiều ngôi đền vào ngọn lửa thiêu đốt,
>
> Ngay cả khi đứng vững, chúng vẫn đẫm hồ hôi,
>
> Run rẩy vì sợ hãi, trong khi dòng máu đen,
>
> Điềm báo nỗi đau cận kề, nhỏ giọt từ mái nhà xuống.
>
> Hãy biến khỏi đền, và tôi luyện trái tim trước nỗi đau.

141. Nghe được những lời này, các sứ giả Athenai hết sức phiền muộn; và trong khi họ đang thất vọng vì tai ương đã được tiên tri cho họ, Timon, con trai Androboulos, một người Delphoi có danh tiếng hàng đầu, liền khuyên họ hãy cầm lấy một cành ô-liu của người khẩn cầu và tới tham vấn dự ngôn giả lần thứ hai với tư cách kẻ cầu xin. Sứ đoàn Athenai làm như ông ta khuyên và nói:

“Thưa thần, chúng tôi cầu xin thần hãy ban cho chúng tôi một lời tiên tri tốt hơn về đất nước của chúng tôi từ sự tôn trọng những cành ô-liu cầu khẩn mà chúng tôi đã cầm theo khi tới cầu kiến ngài. Nếu không chắc chắn chúng tôi sẽ không rời khỏi thánh điện mà sẽ ở lại nơi này cho đến chết”. Khi họ nói ra những lời như vậy, nữ tư tế liền phán thần dụ thứ hai như sau:

Pallas không thể xoa dịu Zeus Olympios,

Dù nàng khẩn cầu thần bằng vô vàn lời lẽ và sự xảo quyệt.

Nhưng ta sẽ nói cho các ngươi tin này, chắc nịch như adamas:

Khi tất cả đã bị tước đoạt trong biên giới của Kekrops,

Và tất cả những gì Kithairon linh thiêng chở che,

Lúc đó Zeus viễn-kiến theo lời khấn của Athena sẽ ban

Cho các ngươi và con cái bức tường gỗ để chống đỡ.

Chớ lặng lẽ đợi bầy ngựa và bộ binh,

Mà hãy quay lưng về kẻ thù và triệt thoái.

Sẽ đến ngày các ngươi gặp hắn trong trận chiến.

Hỡi Salamis thần thánh, ngươi sẽ khiến con trai của những phụ nữ phải chết,

Khi hạt được gieo hoặc vụ mùa được thu hoạch.

142. Lời tiên tri này đối với họ quả thực là một lời phán nhẹ nhàng hơn so với lời tiên tri trước đó. Vì vậy, họ ghi lại nó rồi đem theo quay trở về Athenai. Và lúc các sứ giả thông báo lại cho dân chúng sau khi về đến nơi, nhiều ý kiến được những người lý giải về hàm nghĩa của lời tiên tri đưa ra, trong đó có những ý kiến sau đây là đối lập với nhau hơn cả: Một số nguyên lão nói họ nghĩ rằng thần linh đã tiên tri với họ là Akropolis sẽ thoát khỏi bị phá hủy, vì Akropolis của người Athenai thời xưa được bao quanh bởi một bức rào gai, và từ điều này họ suy đoán những lời tiên tri về “bức tường gỗ” nhắc tới hàng rào đó. Trái lại, những người khác lại nói rằng qua những lời đó thần linh muốn nói tới các chiến thuyền của họ, và những người này khuyên bỏ lại tất cả những thứ khác và chuẩn bị chiến thuyền sẵn sàng. Song những người nói rằng

các chiến thuyền là thành lũy bằng gỗ bị dao động niềm tin vào lời lý giải của họ bởi hai dòng cuối cùng của thần dụ:

> Hỡi Salamis thần thánh, ngươi sẽ khiến con trai của
> những phụ nữ phải chết,
>
> Khi hạt được gieo hoặc vụ mùa được thu hoạch.

Về hai câu này, những người đưa ra ý kiến rằng các chiến thuyền chính là bức tường gỗ rất bối rối, vì những người giải thần dụ coi hai câu này có nghĩa là định mệnh đã quyết rằng sau khi sẵn sàng cho một trận hải chiến, họ sẽ phải chịu thất bại quanh Salamis.

143. Trong số người Athenai, có một người trước đó đã đứng trong hàng ngũ của những người có quan điểm thứ nhất, tên là Themistokles, được cho là con trai Neokles. Người này nói rằng những người giải đoán lời tiên tri đã không đoán đúng về toàn bộ, và ông ta nói như sau, cho rằng nếu những lời đã được phán truyền tới người Athenai thì ông ta không nghĩ lại được diễn đạt một cách nhẹ nhàng là "Salamis thần thánh" trong lời tiên tri, mà phải được nói là "Salamis tàn khốc", ít nhất nếu như người Athenai theo định mệnh sẽ phải chết ở nơi đó. Song trên thực tế thần dụ ám chỉ kẻ thù chứ không phải người Athenai, nếu người ta hiểu đúng. Vì thế Themistokles khuyên người Athenai hãy chuẩn bị sẵn sàng cho một trận hải chiến, vì đây là bức tường gỗ của họ. Khi Themistokles đưa ra ý kiến như vậy, những người Athenai cho rằng ý kiến này với họ hợp lý hơn lời khuyên của những người giải đoán lời tiên tri, vốn khuyên họ không nên chuẩn bị sẵn sàng cho một trận hải chiến, mà nói tóm lại không nên chống trả bằng vũ lực mà hãy rời khỏi đất Attika tới định cư ở một vùng đất khác.

144. Vào một dịp trước đó, lời khuyên của Themistokles từng chứng tỏ là hợp lý nhất vào đúng thời điểm, khi người Athenai định chia nhau mỗi người 10 *drakhmai* từ những khoản tiền lớn đổ vào công khố của họ từ các khu mỏ tại Laureion. Lúc ấy Themistokles đã khuyên người Athenai từ bỏ ý định chia tiền này mà dùng số tiền đó đóng 200 chiến thuyền, dự định chuẩn bị cho cuộc chiến với người Aigina. Và cuộc chiến này đã chứng tỏ nó là sự cứu rỗi cho Hy Lạp vào thời kỳ đó, qua việc buộc người Athenai phải trở thành một thế lực về hải quân. Và những chiến thuyền không được sử dụng cho mục đích chúng được dự tính đã chứng tỏ hết sức hữu dụng khi Hy Lạp cần. Vậy là lúc ấy những người Athenai đã có sẵn các chiến thuyền đã đóng từ trước, thêm vào đó họ cần phải đóng thêm chiến thuyền mới. Và khi đã bàn bạc về lời

tiên tri được phán truyền, họ liền quyết định đón đánh man tộc xâm lược Hy Lạp với tất cả lực lượng chiến thuyền của họ theo lệnh thần linh, kết hợp với lực lượng của những tộc người Hy Lạp khác sẵn sàng hội quân cùng họ.

145. Những thần dụ này trước đó đã được phán cho người Athenai, và khi những người Hy Lạp có tinh thần muốn bảo vệ tự do của Hy Lạp hội họp với nhau xem xét công cuộc chung và cam kết với nhau, họ nghĩ rằng điều trước tiên cần làm là hòa giải những hiềm khích và chấm dứt những cuộc chiến giữa họ. Vì giữa các thành bang Hy Lạp vẫn có các cuộc chiến với nhau, nhất là giữa người Athenai và người Aigina. Sau đó, được tin báo rằng Xerxes đang ngự giá thân chinh cùng đạo quân tại Sardis, họ quyết định phái gián điệp tới châu Á để do thám sức mạnh của nhà vua. Thêm vào đó, họ quyết định gửi sứ giả tới Argos để thành lập một liên minh chống lại người Ba Tư, và phái các sứ giả khác tới Sikelia gặp Gelon, con trai Deinomenes, và tới Korkyra, để hối thúc họ tới trợ giúp Hy Lạp, rồi còn có cả các sứ giả nữa được phái tới Krete, vì họ đặt ra mục tiêu nếu có thể, toàn bộ người Hy Lạp cần thống nhất, để có thể hợp sức và hành động vì lợi ích chung, vì mối nguy hiểm đang đe dọa tất cả người Hy Lạp. Gelon được kể là có sức mạnh rất lớn, lớn hơn bất cứ thành bang Hy Lạp nào khác.

146. Sau khi đã quyết định như vậy, họ giải quyết các tranh chấp và trước hết phái ba người tới châu Á làm gián điệp. Những người này, sau khi tới Sardis và đã tìm hiểu được về đạo quân của nhà vua, đã bị phát hiện. Sau khi bị các tướng lĩnh bộ binh xét hỏi, những người này bị điệu đi xử tử. Họ vốn đã bị kết án tử, song Xerxes khi được báo tin liền thấy rằng quyết định của các tướng lĩnh là không ổn và cử vài cận vệ của mình đi, ra lệnh cho họ nếu tìm thấy các gián điệp vẫn còn sống thì đưa về gặp nhà vua. Vậy là sau khi tìm được mấy gián điệp còn sống, các cận vệ giải những người này về diện kiến nhà vua. Và Xerxes, sau khi được cho hay các gián điệp tới vì mục đích gì, liền ra lệnh cho các cận vệ dẫn những gián điệp này đi, chỉ cho họ thấy tất cả bộ binh lẫn kỵ binh, sau đó thả cho họ lành lặn đi tới bất cứ nơi nào họ muốn.

147. Vua Ba Tư đã ra lệnh như thế, đồng thời nói thêm rằng nếu các gián điệp bị xử tử, người Hy Lạp sẽ không được biết trước về sức mạnh của nhà vua, về mức độ vượt quá khả năng miêu tả của nó. Trong khi việc xử tử ba người họ sẽ chẳng làm kẻ thù tổn hại bao nhiêu, thì nếu để những người này trở về Hy Lạp, có thể người Hy Lạp khi nghe về sức mạnh của nhà vua sẽ tự dâng tự do của họ cho nhà vua trước khi cuộc viễn chinh được tiến hành. Như thế

người Ba Tư sẽ không phải nhọc nhằn đưa một đạo quân đi tấn công họ nữa.

Quan điểm này của nhà vua cũng giống như cách Xerxes vẫn suy nghĩ vào những thời điểm khác, vì khi Xerxes đang ở Abydos, nhà vua thấy những chiếc thuyền chở lương thực từ Pontos đi qua eo Hellespontos trên đường tới Aigina và Peloponnesos. Những người có mặt cạnh nhà vua khi đó, khi được báo rằng những chiếc thuyền đó thuộc về kẻ thù, đã sửa soạn để chặn bắt chúng, và quay sang nhìn nhà vua để đợi Xerxes ban lệnh. Nhưng Xerxes hỏi họ những chiếc thuyền kia đang đi tới đâu, và họ trả lời: "Tâu bệ hạ, chúng tới chỗ kẻ thù của người, mang lương thực tới cho chúng". Nhà vua liền nói: "Chẳng phải chúng ta cũng đang dong buồm tới cùng một đích như những kẻ kia, được cung cấp cả lương thực lẫn những thứ cần thiết khác hay sao? Vậy thì những kẻ kia có làm gì sai với chúng ta chứ, vì chúng đang vận chuyển lương thực cho chúng ta sử dụng?"

Sau khi đã thấy qua mọi thứ rồi được thả về, ba gián điệp liền quay lại châu Âu.

148. Người Hy Lạp đã thề chống lại Ba Tư, sau khi phái gián điệp đi liền cử sứ giả tới Argos. Người Argos thuật lại những gì đã xảy ra liên quan tới họ như sau: Họ kể là họ đã được báo tin ngay từ đầu về ý đồ đang được thực hiện của man tộc để chống lại Hy Lạp; và sau khi biết tin về việc này cũng như nhận thấy người Hy Lạp đang nỗ lực thành lập một liên minh để chống lại người Ba Tư, họ đã phái sứ giả tới thỉnh ý thần linh tại Delphoi để hỏi xem họ nên xử sự ra sao để tốt nhất cho bản thân họ, vì trước đó không lâu 6.000 người của họ đã bị giết dưới tay người Lakedaimon và Kleomenes, con trai Anaxandridas, và chính đây là lý do họ cử người đi hỏi ý thần linh. Khi họ đưa ra lời thỉnh ý, nữ tư tế Pythia liền trả lời họ như sau:

> Thù địch với lân bang, thân thiết với các vị thần bất tử,
>
> Giữ cây thương của ngươi bất động, ngồi yên, trông chừng,
>
> Bảo vệ cái đầu, và cái đầu sẽ bảo toàn cơ thể.

Theo lời họ kể, nữ tư tế Pythia đã trả lời họ như thế từ trước đó, và về sau, khi các sứ giả của người Hy Lạp tới Argos như tôi đã kể, họ bước vào hội trường và nói ra thông điệp đã được ủy thác cho họ. Người Argos đáp rằng họ sẵn sàng gia nhập liên minh, với điều

kiện họ có được hòa bình với người Lakedaimon trong 30 năm và họ có một nửa vị trí lãnh đạo của liên minh. Cho dù theo lời họ quyền lãnh đạo trọn vẹn một cách phải lẽ là thuộc về họ, song họ sẵn sàng hài lòng với một nửa vị trí lãnh đạo.

149. Người Argos kể rằng dân hội đã trả lời như thế, cho dù thần dụ không cho phép họ liên minh với người Hy Lạp. Dù rất nóng lòng muốn có được một thỏa thuận đình chiến trong 30 năm để những người con trai của dân Argos có thể trưởng thành trong thời gian đó, dù rằng họ e sợ thần dụ, vì họ sợ rằng nếu không có thỏa thuận đình chiến, giả dụ một tai họa nữa đến với họ khi giao chiến với người Ba Tư để thêm vào tai họa vốn họ đã phải hứng chịu, trong tương lai họ sẽ vĩnh viễn phải chịu khuất phục người Lakedaimon.

Trước yêu cầu của người Argos, sứ đoàn Sparta liền trả lời rằng về thỏa thuận đình chiến họ sẽ đề đạt lại với nhân dân, nhưng còn về quyền lãnh đạo thì bản thân họ đã được ủy quyền để trả lời, và quả thực những người này đã trả lời rằng họ có hai vua, trong khi người Argos có một vua, và không thể loại bỏ ai trong hai vị vua Sparta khỏi quyền lãnh đạo, nhưng không có gì ngăn cản vua Argos có quyền biểu quyết tương đương với mỗi người trong số hai vị vua của họ. Khi đó, theo lời kể của người Argos, họ không thể chấp nhận được sự kiêu ngạo, và họ thà bị cai trị bởi man tộc còn hơn nhượng bộ người Lakedaimon, và họ yêu cầu sứ đoàn rời khỏi lãnh thổ Argos trước khi mặt trời lặn, nếu không những người này sẽ bị coi là kẻ thù.

150. Bản thân người Argos kể về chuyện đó như vậy, song còn một câu chuyện khác được lưu truyền ở Hy Lạp về việc Xerxes phái một sứ giả tới Argos trước khi nhà vua khởi quân tấn công Hy Lạp, và theo lời kể vị sứ giả này đã nói như sau: “Hỡi người Argos, vua Xerxes nói với các vị như sau: Chúng ta luôn coi Perses, tổ phụ mà chúng ta là hậu duệ, là con trai của Perseus, con trai Danae, được sinh ra bởi Andromeda, con gái Kepheus. Và như thế có vẻ chúng ta có nguồn gốc từ các vị. Vì thế thật không phải lẽ khi chúng ta lại tấn công những người vốn là nguồn gốc dòng dõi chúng ta, và các vị cũng không nên chống lại chúng ta bằng cách trợ giúp những kẻ khác. Ngược lại, sẽ là hợp lẽ nếu các vị án binh bất động và không liên kết với ai. Vì nếu mọi thứ diễn ra như ta suy nghĩ, ta sẽ không trân trọng bất cứ tộc người nào hơn các vị”. Sau khi nghe những lời này, người Argos, theo câu chuyện thuật lại, coi đây là một việc quan trọng. Vì thế, trước hết họ không đưa ra lời đề nghị giúp đỡ nào và cũng không yêu cầu ai giúp đỡ. Nhưng về sau, khi người Hy Lạp tìm cách lôi kéo họ, khi đó, vì

người Argos biết rõ người Lakedaimon sẽ không đời nào cho họ dự phần trong việc chỉ huy, họ đã đòi hỏi chuyện này chỉ để có cớ tiếp tục án binh bất động.

151. Cũng theo một số nguồn tường thuật của Hy Lạp nhất trí với câu chuyện kể trên, biến cố sau đây đã xảy ra nhiều năm sau những sự kiện kể trên. Theo lời kể, khi đó các sứ giả của người Athenai tới Sousa, thành phố của Memnon, về một vấn đề khác, sứ đoàn này gồm Kallias con trai Hipponikos và những người khác đi cùng ông ta. Cùng thời điểm đó, người Argos cũng phái sứ giả tới Sousa, và những sứ giả này đã hỏi Artaxerxes, con trai Xerxes, rằng liệu tình bằng hữu với Xerxes vẫn tiếp tục được duy trì hay không nếu bản thân họ mong muốn duy trì nó, hay liệu nhà vua coi họ là kẻ thù. Và vua Artaxerxes đã nói rằng tình thân hữu đó chắc chắn vẫn còn nguyên vẹn, và không có thành phố nào nhà vua coi là bằng hữu của mình hơn Argos.

152. Liệu Xerxes có thực sự phái một sứ giả tới Argos để nói những lời đã được thuật lại, và liệu các sứ giả Argos tới Sousa có hỏi Artaxerxes về tình bằng hữu hay không, tôi không thể nói được, và tôi cũng không đưa ra bất cứ quan điểm nào về những vấn đề đang được xem xét, ngoài những gì chính người Argos đã kể. Nhưng tôi cũng biết điều này, đó là nếu tất cả các dân tộc của con người có thể mang tới dồn lại một chỗ mọi tai ương mà bản thân họ đã phải chịu đựng và mong muốn trao đổi với các làng giềng của họ, mỗi dân tộc, sau khi đã xem xét kỹ lưỡng những tai ương mà đồng loại của họ phải chịu đựng, hẳn sẽ vui vẻ mang trở về những gì họ đã mang tới. Như thế có nghĩa là không phải người Argos là những người đã hành động thấp hèn nhất. Tuy nhiên, tôi buộc phải thuật lại những gì được kể, cho dù tôi không buộc phải hoàn toàn tin chúng. Và hãy cân nhắc những lời vừa rồi khi xem xét mọi điều được thuật lại trong lịch sử, vì tôi nhất thiết phải nói thêm rằng cả chuyện sau đây cũng đã được kể lại, đó là người Argos kỳ thực chính là những người mời người Ba Tư xâm lược Hy Lạp, vì cuộc chiến của họ với người Lakedaimon đã có kết cục tồi tệ, họ sẵn sàng chấp nhận bất cứ điều gì hơn là tình cảnh họ lâm vào lúc đó.

153. Đến đây những gì liên quan tới người Argos đã được nói xong. Và trong cùng thời gian đó, các sứ giả của các đồng minh cũng đã tới Sikelia để bàn bạc với Gelon, trong sứ đoàn này cũng có Syagros là người Lakedaimon.

Tổ tiên của Gelon, người đã tới định cư tại Gela, là một người gốc gác trên đảo Telos, nằm ở ngoài khơi Triopion. Và khi Gela được

thành lập bởi người Lindos từ Rhodos tới và bởi Antiphemos, ông ta cũng tham gia công cuộc ấy. Thế rồi theo thời gian, hậu duệ của ông ta trở thành và tiếp tục là tư tế các nghi thức bí mật của các nữ thần Đất, một địa vị mà Telines, một trong các tổ tiên của họ, giành được bằng cách như sau: Một số cư dân Gela, thua cuộc trong một cuộc tranh đấu phe phái, đã bỏ chạy tới Maktorion, thành phố nằm ở phía trên Gela. Telines đã đưa những người này từ cảnh lưu vong trở lại Gela không phải bằng sức mạnh của con người mà bằng các nghi lễ thiêng liêng của các vị nữ thần nói trên. Về việc ông ta nhận được chúng từ ai, hay tự có được nhờ chính bản thân mình, thì tôi không thể nói. Tuy nhiên, tin tưởng vào những nghi lễ đó, ông ta đã đưa những người đó trở về từ cảnh lưu vong với điều kiện là hậu duệ của ông ta sẽ là tư tế giảng giải các bí ẩn của các nữ thần. Với tôi, chuyện này cũng khiến tôi băn khoăn về việc Telines đã có thể thực hiện một điều lớn lao như thế, nếu xét đến những gì tôi được nghe kể. Vì tôi nghĩ rằng những thành công như thế khó lòng được tạo ra từ mọi người, mà chỉ từ một người có tinh thần can đảm và sự mạnh mẽ nam tính, trong khi người Sikelia lại kể rằng Telines là một người có tính khí đàn bà và tinh thần khá rụt rè.

154. Sau đó ông ta đã dành được đặc quyền mà tôi đã nói,và khi Kleandros, con trai Pantares, qua đời sau khi đã là tiếm chúa Gela trong bảy năm và rốt cuộc bị giết bởi Sabyllos, một công dân Gela, Hippokrates em trai Kleandros liền kế vị. Trong khi Hippokrates đang là tiếm chúa, Gelon, hậu duệ của Telines, tư tế các nghi lễ bí mật, là một tay giáo trong đội cận vệ của Hippokrates cùng nhiều người khác, trong đó có Ainesidemos, con trai Pataikos. Thế rồi không lâu sau, vì năng lực của mình, ông ta được phong làm chỉ huy toàn bộ kỵ binh, vì khi Hippokrates vây hãm lần lượt các thành phố Kallipolis, Naxos, Zankle, Leontinoi và cả Syrakousai và nhiều đô thị khác của man tộc, Gelon đã chứng tỏ mình là một chiến binh xuất sắc trong những cuộc chiến này, và trong số những thành phố tôi vừa nhắc tới, không nơi nào ngoại trừ Syrakousai thoát khỏi bị Hippokrates khuất phục. Tuy nhiên, người Syrakousai, sau khi bại trận bên sông Eloros, đã được người Korinthos và người Korkyra cứu giúp. Những tộc người này cứu nguy cho họ và đứng ra dàn xếp cuộc xung đột với điều kiện người Syrakousai giao Kamarina cho Hippokrates.

155. Và định mệnh của Hippokrates là sau khi làm tiếm chúa trong từng đó năm như anh trai Kleandros của mình, sẽ bị giết tại thành Hybla khi ông ta tới đó trong một cuộc viễn chinh chống lại người Sikeloi. Lúc ấy, Gelon giả bộ giúp đỡ các con trai của Hippokrates là Eukleides và Kleandros khi các công dân không

còn sẵn sàng quy phục nữa. Nhưng trên thực tế, khi đã giành được chiến thắng trong một trận đánh trước người Gela, ông ta đoạt quyền từ các con trai của Hippokrates và tự cai trị. Sau vận may này, Gelon khôi phục những người Syrakousai được gọi là "địa chủ" sau khi họ đã bị giới bình dân và nô lệ của chính họ, những người được gọi là các Kyllyria đẩy vào cảnh lưu vong. Gelon đưa những người đó từ thành Kasmenai về Syrakousai, và nhờ đó giành được quyền kiểm soát cả thành phố cuối cùng này, vì những người bình dân ở Syrakousai đã đầu hàng và giao thành phố cho Gelon khi ông ta tấn công họ.

156. Vậy là sau khi đã nắm quyền trị vì cả Syrakousai, ông ta ít quan tâm hơn tới Gela, nơi ông ta cũng cai trị, và giao phó thành phố này cho Hieron, em trai mình, trong khi ông ta tiến hành củng cố Syrakousai.

Đô thị này lập tức trở nên phồn vinh, vì trước hết Gelon đưa tất cả những người sống tại Kamarina tới Syrakousai và cho họ trở thành công dân, đồng thời san bằng thành Kamarina. Thứ đến, Gelon làm điều tương tự với hơn nửa cư dân Gela, giống như ông ta đã làm với cư dân Kamarina. Còn về phần người Megara ở Sikelia, khi họ bị vây hãm và đầu hàng, những cư dân giàu có tại đây, cho dù đã khuấy động chiến tranh với Gelon và trông đợi bị xử tử vì lý do này, được Gelon đưa tới Syrakousai là cho trở thành công dân, trong khi bình dân tại Megara, vốn không có phần tội lỗi nào trong cuộc chiến này và không trông đợi phải chịu đựng bất cứ tai ương nào, cũng bị Gelon đưa tới Syrakousai và bán làm nô lệ để rồi bị đưa đi khỏi Sikelia. Thêm nữa, Gelon cũng làm điều tương tự với người Euboia ở Sikelia, đưa ra một sự phân biệt trong số họ. Gelon xử sự với hai thành phố kể trên như thế vì ông ta nghĩ rằng bình dân là yếu tố phiến toái nhất trong thành bang. Gelon đã trở thành một tiếm chúa hùng mạnh theo cách này.

157. Khi các sứ giả Hy Lạp tới Syrakousai, họ cầu kiến và nói với ông như sau: "Người Lakedaimon và các đồng minh của họ cử chúng tôi tới đề nghị bệ hạ đứng về phía chúng tôi chống lại man tộc, vì chúng tôi đoán rằng bệ hạ hẳn đã được biết về kẻ sắp sửa xâm lược Hy Lạp, cụ thể là một người Ba Tư đang có ý định bắc cầu qua eo Hellespontos để thực hiện một cuộc viễn chinh chống lại Hy Lạp, dẫn tới chống lại chúng tôi tất cả cả các đạo quân của phương Đông từ châu Á dưới cái cớ hành quân tới Athenai, nhưng trên thực tế nhằm mục đích khuất phục toàn cõi Hy Lạp. Bởi vậy, tâu bệ hạ, vì bệ hạ có trong tay sức mạnh lớn lao và đang cai trị một phần không nhỏ của Hy Lạp trong cương vị người cai trị Sikelia, mong bệ hạ hãy tới hỗ trợ cho những người đang nỗ lực

giữ lấy tự do cho Hy Lạp, giúp sức giành lại tự do cho nó. Vì nếu toàn Hy Lạp hợp nhất, chúng tôi sẽ tạo thành một khối vĩ đại, và chúng tôi sẽ trở thành đối thủ xứng đáng cho những kẻ đang tới xâm lược chúng ta. Nhưng nếu một số trong hàng ngũ chúng tôi chạy sang phía kẻ thù và những người khác không sẵn lòng giúp đỡ, như thế phần Hy Lạp còn giữ được sáng suốt sẽ rất nhỏ bé, và tình thế này lập tức sẽ dẫn tới mối nguy rằng toàn thể Hy Lạp có thể sụp đổ. Vì bệ hạ sẽ không thể hy vọng nếu vua Ba Tư đánh bại chúng tôi trên chiến trường, ông ta sẽ không tới chỗ bệ hạ, mà hãy sẵn sàng lường trước tới nguy cơ này. Vì khi trợ giúp chúng tôi, bệ hạ đang giúp chính mình, và những gì được lên kế hoạch một cách khôn ngoan về phần nhiều sau đó đều sẽ có kết quả tốt đẹp".

158. Các sứ giả đã nói như vậy, và Gelon tỏ ra rất gay gắt với họ, trả lời như sau: "Người Hy Lạp, các người đã dám tới đây mời ta trở thành đồng minh của các người chống lại man tộc với những lời lẽ ích kỷ vậy sao. Trong khi chính các người, trước đây ta đề nghị các người hội quân cùng ta chiến đấu chống lại một man tộc vào thời điểm có tranh chấp giữa ta và người Karkhedon, và ta đề nghị các người hãy báo thù người Egesta vì cái chết của Dorieus, con trai Anaxandridas, đồng thời ta cũng ngỏ ý giúp đỡ việc khôi phục hoạt động tự do của các thương điếm, từ đó các ngươi có thể thu được lợi thế và nguồn thu nhập lớn lao, khi đó các ngươi đã chẳng vì ta mà tới trợ giúp, mà cũng chẳng báo thù cho cái chết của Dorieus. Và vì các ngươi, cho tới tận bây giờ những vùng lãnh thổ đó vẫn còn dưới sự cai trị của man tộc. Nhưng vì cuộc chiến đã xoay chiều có lợi cho chúng ta và đi đến một kết cục tốt đẹp hơn, giờ đây khi đến lượt các ngươi bị chiến tranh đe dọa, các ngươi rốt cuộc mới nhớ tới Gelon. Tuy nhiên, cho dù ta đã bị các ngươi coi thường, ta sẽ không xử sự như các ngươi, mà ta đã sẵn sàng trợ giúp các ngươi, cung cấp 200 *triereis* và 20.000 *hoplitai*, cùng 2.000 kỵ binh, 2.000 cung thủ, 2.000 quân lăng đá và 2.000 khinh kỵ binh. Thêm nữa, ta sẽ đảm nhận cung cấp lương thực cho toàn bộ quân đội của người Hy Lạp cho tới khi chúng ta kết thúc cuộc chiến. Những thứ kể trên ta cam kết cung cấp với điều kiện là ta sẽ nắm quyền chỉ huy, lãnh đạo người Hy Lạp chống lại man tộc, với bất cứ điều kiện nào khác ta sẽ không tới trợ chiến cũng không cử ai tham gia".

159. Nghe tới đây, Syagros không thể kìm mình mà nói ra những lời này: "Thần đoán hẳn Agamemnon, con trai Pelops, sẽ than phiền nếu ông nghe được rằng người Sparta đã để quyền lãnh đạo bị lấy đi khỏi tay họ bởi Gelon và người Syrakousai. Không, bệ hạ hãy chớ có nhắc thêm đến điều kiện chúng ta phải giao lại quyền lãnh đạo cho bệ hạ nữa, nếu bệ hạ mong muốn trợ giúp người Hy

Lạp, hãy biết rằng ngài sẽ ở dưới sự chỉ huy của người Lakedaimon. Và nếu bệ hạ quả thực tuyên bố không muốn ở dưới quyền chỉ huy của người khác, tốt nhất hãy đừng tới giúp chúng tôi".

160. Gelon, thấy rằng những lời nói của Syagros hoàn toàn đối nghịch, liền đưa ra với sứ đoàn đề xuất cuối cùng của mình như sau: "Hỡi kẻ ngoại bang tới từ Sparta, những lời chê trách khi ngấm vào trái tim một con người thường khiến người đó nổi giận với chúng. Tuy nhiên, cho dù ngươi đã nhục mạ ta trong những lời ngươi nói, ngươi sẽ không làm ta hành xử bất xứng khi trả lời. Nhưng trong khi các người nhất quyết tuyên bố quyền lãnh đạo của mình, cũng là hợp lẽ khi ta còn có nhiều quyền đòi hỏi vai trò đó hơn các người, bởi ta là chủ tướng của một đạo quân đông đảo hơn và số lượng chiến thuyền nhiều hơn nhiều lần. Tuy nhiên, vì điều kiện này có vẻ khiến các ngươi bất bình đến thế, chúng ta sẽ nhượng bộ đôi phần so với đề xuất trước. Ta đề xuất rằng các ngươi sẽ chỉ huy đạo quân bộ còn ta chỉ huy hạm đội; hoặc nếu các ngươi thích chỉ huy hải quân hơn, ta sẵn sàng chỉ huy lực lượng trên bộ. Và hoặc các ngươi buộc phải đồng ý với những điều kiện này, hoặc các ngươi sẽ phải ra về mà không có được mối liên minh ta dành cho các người".

161. Gelon đã đưa ra đề xuất như vậy, và sứ giả của người Athenai, lên tiếng trước sứ giả Lakedaimon, trả lời nhà vua như sau: "Hỡi vua của người Syrakousai, khi cử chúng tôi tới cầu kiến bệ hạ, thứ Hy Lạp thiếu không phải là một thủ lĩnh mà là một đạo quân. Tuy nhiên, bệ hạ đã không cho chúng tôi có được hy vọng rằng bệ hạ sẽ phái đi một đạo quân, trừ khi bệ hạ có quyền lãnh đạo Hy Lạp. Và bệ hạ đang tranh cãi làm thế nào để bệ hạ có thể trở thành chỉ huy các đạo quân Hy Lạp. Chừng nào yêu cầu của bệ hạ là trở thành tư lệnh toàn bộ quân đội của người Hy Lạp, người Athenai chúng tôi chỉ cần giữ im lặng là đủ, vì biết rằng người Lakedaimon sẽ có thể biện hộ cho cả hai thành bang. Nhưng giờ đây, vì bị từ chối yêu cầu được thống lĩnh tất cả, bệ hạ lại đề nghị được là tư lệnh lực lượng hải quân, chúng tôi xin thưa như sau: Ngay cả nếu người Lakedaimon chấp nhận để bệ hạ chỉ huy hạm đội, chúng tôi cũng sẽ không chấp nhận điều này, vì ít nhất đây là lực lượng của chúng tôi, nếu những người Lakedaimon không tự mình thấy muốn chỉ huy lực lượng này. Với người Lakedaimon, nếu họ muốn chỉ huy, chúng tôi không tranh cãi, nhưng chúng tôi sẽ không chấp nhận để bất cứ ai khác ngoài chúng tôi chỉ huy các chiến thuyền, vì chúng tôi sở hữu một hải lực lớn hơn bất cứ hải lực của các thành bang Hy Lạp khác không phải là không có mục đích. Và có thể nào người Athenai chúng tôi, vốn tự hào là một dòng dõi cổ

xưa hơn tất cả và là tộc người duy nhất trong tất cả tộc người Hy Lạp chưa từng di chuyển từ một vùng đất sang một vùng đất khác, cũng là tộc người sản sinh ra người được Homeros, thi sĩ của các hùng ca, kể là người xuất sắc nhất trong số những người đã tới Ilion trong việc thiết lập một đạo quân và sắp xếp nó thành đội ngũ, lại phải nhường quyền chỉ huy cho người Syrakousai. Sẽ là không công bằng nếu chúng tôi bị chê trách vì đã nói ra những điều này".

162. Gelon liền trả lời như sau: "Hỡi người Athenai lạ mặt, dường như các ngươi có các tướng lĩnh chỉ huy, song các ngươi sẽ chẳng có ai để mà chỉ huy cả. Vì nếu các ngươi không nhượng bộ mà mong muốn nắm giữ tất cả, cũng là phải lẽ khi các ngươi nên trở về nhà càng nhanh càng tốt và báo với người Hy Lạp rằng mùa xuân đã bị tước đi khỏi năm của họ". Ý nghĩa của những lời này là: Rõ ràng mùa xuân là phần quý giá nhất của năm, và qua đó Gelon muốn nói đạo quân của ông ta là phần tinh túy nhất trong số các đạo quân của người Hy Lạp. Và vì Hy Lạp đã để mất mối liên minh với Gelon, theo nhà vua điều đó cũng giống như mùa xuân đã bị lấy đi khỏi thời gian của năm vậy.

163. Các sứ giả Hy Lạp, sau khi đã thương thảo với Gelon, liền dong buồm rời đi.

Trước việc này, Gelon, một mặt lo lắng rằng người Hy Lạp có thể sẽ không đủ sức thắng được man tộc, mặt khác lại coi việc mình phải tới Peloponnesos và dưới quyền chỉ huy của người Lakedaimon là kinh khủng và không thể chịu đựng nổi vì ông ta là tiếm chúa của Sikelia, liền từ bỏ những suy nghĩ theo hướng này và toan tính theo một hướng khác. Vì ngay khi Gelon được tin vua Ba Tư đã vượt qua eo Hellespontos, ông ta liền phái Kadmos, con trai Skythes, một người Kos, đem theo ba chiếc *pentekonteroi* tới Delphoi, mang theo những món tiền lớn cùng những lời đề nghị hữu hảo, rồi đợi ở đó và quan sát xem trận chiến có kết cục ra sao. Nếu man tộc chiến thắng, Kadmos sẽ trao tiền cho vua Ba Tư và dâng lên nhà vua đất và nước từ những thần dân dưới quyền cai trị của Gelon. Nhưng nếu người Hy Lạp thắng, Kadmos được lệnh mang lễ vật quay trở về.

164. Trước đó, sau khi nhận được từ cha mình quyền cai trị dân chúng Kos đang ở trong thời thịnh vượng, Kadmos đã tình nguyện trao chính quyền lại cho dân chúng Kos dù không hề bị mối nguy hiểm nào đe dọa, mà chỉ xuất phát từ bản tính cao thượng, rồi lên đường tới Sikelia, lấy từ tay người Samos thành phố Zankle và định cư tại đó, sau đó tên thành phố được đổi thành

Messene. Cũng chính Kadmos, người đã tới thành phố vừa kể theo cách tôi đã nói ở trên, giờ đây được Gelon phái đi, sau khi đã lựa chọn ông vì những phẩm chất mà Gelon đã nhận thấy ở Kadmos trong những vấn đề khác. Và Kadmos, bên cạnh những hành động chính trực khác từng làm, cũng để lại cả hành động này khiến người đời ghi nhớ, và đây cũng không phải là hành động ít đáng nhớ nhất. Vì sau khi đã nắm trong tay khoản tiền lớn Gelon tin cẩn giao phó, dù rằng Kadmos đã có thể chiếm đoạt chúng nếu muốn, song ông ta đã không chọn làm như vậy, mà sau khi người Hy Lạp giành phần thắng trong trận hải chiến, còn Xerxes đã lui quân rời đi, Kadmos cũng trở về Sikelia mang theo toàn bộ số tiền.

165. Câu chuyện sau đây cũng được người Sikelia thuật lại, đó là cho dù ông ta phải nằm dưới quyền chỉ huy của người Lakedaimon, Gelon đáng lẽ đã tới trợ giúp người Hy Lạp, tuy nhiên vì Terillos con trai Krinippos, tiếm chúa Himera, sau khi bị Theron con trai Ainesidemos, vua Akragas đánh đuổi khỏi Himera, vào đúng tới điểm đó dẫn tới một đạo quân của người Phoinike, Libya, Iberia, Liguria, Helisykia, Sardo và Kyrnos, tổng cộng lên tới 30 vạn người, do Amilkas con trai Annon, vua của người Karkhedon, thống lĩnh. Amilkas đã được Terillos thuyết phục một phần từ quan hệ khách-hữu của chính ông ta, và đặc biệt từ sự hỗ trợ nhiệt thành của Anaxilaos con trai Kretines, vua Rhegion, người đã nỗ lực lôi kéo Amilkas dẫn quân tới Sikelia để trợ giúp cho cha vợ của mình, và vì mục đích này đã dùng cả các con trai ông ta làm con tin, vì Anaxilaos đã kết hôn với Kydippe, con gái Terillos. Người ta kể rằng chính vì thế mà Gelon đã không thể tới trợ giúp người Hy Lạp, và vì thế đã sai người mang tiền tới Delphoi.

166. Ngoài chuyện này, người ta cũng kể rằng Gelon và Theron đã chiến thắng Amilkas vua Karkhedon đúng vào ngày người Hy Lạp chiến thắng tại Salamis trước người Ba Tư.

Amilkas, người mang dòng máu Karkhedon về đằng cha nhưng lại mang dòng máu Syrakousai theo đằng mẹ, người đã trở thành vua của người Karkhedon nhờ vào sự xứng đáng của mình, đã biến mất khi giao chiến xảy ra và ông ta thua trận, theo những gì tôi được biết. Amilkas không xuất hiện trở lại, dù đã chết hay còn sống, ở bất cứ đâu trên mặt đất, cho dù Gelon đã viện tới mọi cách để tìm kiếm ông ta.

167. Ngoài ra còn có cả câu chuyện sau đây được chính người Karkhedon kể lại, một câu chuyện có vẻ rất đáng tin. Họ kể rằng trong khi man tộc giao chiến với người Hy Lạp từ sáng sớm cho tới

tận chiều muộn (vì người ta kể rằng trận đánh kéo dài), trong thời gian này Amilkas ở lại trong trại và thực hiện các lễ hiến sinh để dành được điềm may mắn cho chiến thắng, dâng toàn bộ tế vật lên một đống lửa lớn. Khi thấy đạo quân của mình tan vỡ, Amilkas trong khi đang rưới rượu lễ lên tế vật đã gieo mình vào lửa, bị thiêu cháy và biến mất. Sau khi Amilkas biến mất, cho dù theo cách như kể trên theo lời người Phoinike, hoặc theo cách nào khác, người Karkhedon vừa dâng lễ hiến sinh lên ông ta, vừa dựng tượng tưởng nhớ Amilkas tại tất cả các thành phố tại những vùng định cư của họ, và bức tượng lớn nhất đặt ở chính Karkhedon.

168. Còn về phần người Korkyra, họ trả lời các sứ giả như sau, rồi sau đó hành động như tôi sẽ kể: Cũng cùng sứ đoàn đã tới Sikelia đã tìm cách kêu gọi sự giúp đỡ của người Korkyra, và nói ra cùng những lời như họ đã nói với Gelon. Khi đó người Korkyra cam kết sẽ gửi tới một đạo quân và giúp đỡ việc phòng thủ Hy Lạp, tuyên bố rằng họ sẽ không chấp nhận để Hy Lạp bị hủy hoại mà họ không thực hiện bất cứ nỗ lực nào, vì nếu cõi Hy Lạp phải chịu thảm họa, họ sẽ bị đẩy vào cảnh phải quy phục từ ngay ngày đầu tiên, mà họ nhất định phải trợ giúp hết sức có thể. Người Korkyra đã trả lời hào phóng như vậy. Nhưng khi đến thời điểm phái viện quân đi trợ giúp, họ trang bị 60 chiến thuyền, với những dự định khác trong đầu, và sau khi viện ra đủ thứ khó khăn, họ ra khơi và tới Peloponnesos, rồi ở gần Pylos và Tainaron trên lãnh thổ của người Lakedaimon, họ cho chiến thuyền thả neo chờ đợi giống như Gelon, để xem chiến sự diễn biến ra sao. Vì người Korkyra không trông đợi người Hy Lạp sẽ thắng mà cho rằng người Ba Tư sẽ thắng dễ dàng và trở thành chúa tể của toàn cõi Hy Lạp. Theo đó, họ hành động theo chủ đích đã định sẵn, để có thể nói với vua Ba Tư những lời thế này: "Tâu bệ hạ, khi những người Hy Lạp tìm cách có được sự giúp đỡ của chúng tôi trong cuộc chiến này, chúng tôi, dù có trong tay sức mạnh không phải là nhỏ nhất trong tất cả các thành bang, và có thể đóng góp một đội chiến thuyền không phải là nhỏ nhất mà chỉ đứng sau hải đội lớn nhất của người Athenai, đã không lựa chọn đối kháng bệ hạ hay làm bất cứ điều gì trái ý bệ hạ". Bằng cách này, họ hy vọng có thể dành được ưu ái nào đó so với những tộc người khác, và theo ý tôi hẳn đã có thể là như vậy. Trong khi đó, họ cũng chuẩn bị một lời biện hộ dành cho những người Hy Lạp, chính là những lời trên thực tế họ đã dùng đến. Bởi khi người Hy Lạp trách cứ vì họ không tới trợ giúp, họ nói rằng họ đã trang bị 60 chiếc *triereis*, nhưng đã không thể vượt qua được Malea vì gió Etesiai. Vì thế họ không thể tới Salamis, và họ đã không thể tham gia cuộc hải chiến không phải

vì thiếu can đảm. Người Korkyra đã lẩn tránh đề nghị của người Hy Lạp theo cách như vậy.

169. Nhưng người Krete, khi các sứ giả được chỉ định của người Hy Lạp tới tìm cách giành lấy sự giúp đỡ từ họ, đã làm như sau: Họ họp lại rồi cử người đi hỏi ý thần linh tại Delphoi xem tốt hơn họ có nên giúp đỡ Hy Lạp hay không. Nữ tư tế Pythia trả lời như sau: "Hỡi những kẻ ngu ngốc, chẳng phải các người nghĩ rằng những tai ương Minos đã giáng xuống đầu các ngươi trong cơn thịnh nộ vì sự trợ giúp các người dành cho Menelaos còn là chưa đủ sao? Trong khi họ không hề tới hội quân cùng các ngươi để báo thù cho cái chết của Minos tại Kamikos, dù thế các người vẫn hội quân cùng bọn họ để báo thù cho người đàn bà mà một man nhân đã mang đi từ Sparta". Khi người Krete nghe thấy câu trả lời này được thuật lại, họ liền không trợ giúp người Hy Lạp nữa.

170. Vì người ta kể lại rằng vua Minos, sau khi tới Sikania, ngày nay được gọi là Sikelia, để tìm kiếm Daidalos, đã chết một cái chết bạo lực, và sau một thời gian tất cả người Krete, ngoại trừ người Polikhne và Praisos, được một vị thần hối thúc tới đó, liền kéo một đạo quân lớn tới Sikania và vây hãm thành phố Kamikos trong bảy năm, nơi này vào thời của tôi do người Akragas chiếm giữ. Rồi cuối cùng, không thể chiếm được thành phố hay nán lại thêm, vì bị nạn đói thúc bách dữ dội, người Krete đành kết thúc cuộc vây hãm và rời đi. Và trên đường dong buồm quay về, khi đến ngoài khơi Iapygia, một cơn bão lớn ập xuống và hất họ dạt vào bờ. Vì thuyền của họ đều bị sóng đánh vỡ tan, những người còn sống sót, do không thấy còn cách nào để trở về Krete, liền lập thành Hyria tại đó. Họ định cư lại nơi này và thay đổi nhiều tới mức thay vì là người Krete, họ trở thành người Messapioi của Iapygia, và thay vì là những cư dân đảo, họ trở thành những người sống trên lục địa. Rồi từ thành Hyria, họ lập nên những vùng định cư nữa mà rất lâu sau này người Taras tìm cách phá hủy và đã phải chịu thảm họa lớn trong việc ấy, đến mức biến cố này trở thành cuộc tàn sát người Hy Lạp lớn nhất mà chúng ta biết, không chỉ là cuộc tàn sát chính người Taras mà cả những công dân Rhegion bị Mikythos con trai Khoiros, buộc phải đi trợ giúp người Taras, và 3.000 người trong số họ bị giết. Tuy nhiên, về số người Taras bị giết thì không có con số nào được đưa ra. Mikythos, vốn là người hầu của Anaxilaos, đã được ông này giao ở lại cai quản Rhegion. Cũng chính Mikythos, sau khi bị đánh đuổi khỏi Rhegion, đã tới lập nghiệp tại Tegea trên vùng đất của người Arkadia và dâng tặng rất nhiều bức tượng tại Olympia.

171. Câu chuyện về người Rhegion và người Taras này chỉ là một

câu chuyện bên lề trong tường thuật của tôi.

Còn trên đảo Krete, như người Praisos kể lại, sau khi mất đi dân cư như vậy, người của nhiều dân tộc đã tới đây định cư, nhất là người Hy Lạp. Và chỉ một thế hệ sau khi Minos chết, cuộc chiến thành Troia diễn ra, trong cuộc chiến này người Krete đã chứng tỏ họ là những kẻ đáng khinh nhất trong số những người tới trợ giúp Menelaos. Sau cuộc chiến, khi họ đã từ Troia trở về nhà, nạn đói và dịch bệnh trút xuống đầu cả con người lẫn gia súc của họ, cho tới khi cuối cùng Krete lại mất hết dân cư thêm một lần thứ hai, và một cộng đồng dân cư thứ ba của Krete giờ đây đang cư trú trên hòn đảo cùng những hậu duệ còn sót lại của những cư dân cũ. Nữ tư tế Pythia, bằng việc nhắc nhở họ về những biến cố trong quá khứ này, đã ngăn cản họ trợ giúp người Hy Lạp cho dù họ mong muốn làm vậy.

172. Còn về phần người Thessalia, thoạt đầu họ đã đứng về phía người Ba Tư trái với mong muốn của chính mình, và họ đã thể hiện bằng chứng cho thấy họ không hài lòng với điều các Aleuadai đang toan tính. Vì ngay khi họ nghe tin vua Ba Tư sắp vượt biển vào châu Âu, họ liền cử người tới Eo đất[1]. Tại Eo đất, các đại diện của Hy Lạp được những thành phố quyết tâm chiến đấu vì Hy Lạp đang hội họp, và người Thessalia được phái đi khi tới gặp những người này liền nói: “Hỡi người Hy Lạp, các vị cần trấn giữ sơn đạo cạnh Olympos để cả Thessalia lẫn toàn Hy Lạp có thể được che chở khỏi chiến tranh. Chúng tôi sẵn sàng gia nhập cùng các vị để trấn giữ nó, song các vị nhất định cũng phải điều tới đó một lực lượng lớn giống như chúng tôi. Vì nếu các vị không điều quân tới, hãy tin chắc rằng chúng tôi sẽ thỏa thuận với vua Ba Tư, vì sẽ là không phải lẽ khi chúng tôi, với vị trí như một tiền đồn ở quá xa phần còn lại của Hy Lạp, lại phải tiêu vong một mình để bảo vệ các vị. Và nếu không sẵn sàng tới giúp chúng tôi, các vị sẽ không thể dùng bất cứ sức ép nào với chúng tôi, vì sự bất lực mạnh hơn tất cả mọi ép buộc, và chúng tôi sẽ tìm cách để đảm bảo an toàn cho bản thân chúng tôi”. Người Thessalia đã nói như vậy.

[1]. Tức Eo đất Korinthos nối giữa bán đảo Peloponnesos và vùng lãnh thổ chính của Hy Lạp.

173. Trước điều này người Hy Lạp quyết định cử tới Thessalia bằng đường biển một lực lượng bộ binh để trấn giữ sơn đạo. Và khi đạo quân được tập hợp, lực lượng này liền xuống thuyền đi qua Euripos, rồi sau khi đã tới Alos trên đất Akhaia, đạo quân liền lên bộ và hành quân vào đất Thessalia, để thuyền lại Alos, rồi tới Tempe, tuyến đường từ hạ Makedonia tới Thessalia men theo sông Peneios và chạy qua giữa các dãy núi Olympos và Ossa. Người Hy Lạp đóng trại tại đó, gồm khoảng 10.000 *hoplitai*, và thêm vào số quân này còn có kỵ binh Thessalia. Và chỉ huy quân Lakedaimon là Euanetos con trai Karenos, người đã được lựa chọn từ các *polemarkhoi*, và không thuộc hoàng thất, còn chỉ huy quân Athenai là Themistokles, con trai Neokles.

Tuy nhiên, họ chỉ nán lại đó vài ngày, vì có các tín sứ tới gặp họ do Alexandros, con trai Amyntas người Makedonia phái đi, khuyên họ rời khỏi nơi đó và không nán lại ở lối qua núi để bị xéo nát dưới chân đạo quân xâm lược, và báo cho họ biết cả quân số khổng lồ của đạo quân Ba Tư và số chiến thuyền đông đảo họ có trong tay. Khi các tín sứ đưa ra lời khuyên như vậy, họ liền làm theo, vì nghĩ rằng lời khuyên đó hợp lý, và người Makedonia hiển nhiên có thiện chí với họ. Và theo tôi nghĩ cả nỗi sợ hãi cũng đã thuyết phục họ làm như vậy khi họ được biết có một con đường khác bên cạnh tuyến đường qua đất Thessalia từ thượng Makedonia qua người Perrhaiboi và thành phố Gonnos, tuyến đường trên thực tế đạo quân của Xerxes đã dùng để tiến vào Hy Lạp.

Vậy là người Hy Lạp lại rút xuống thuyền của họ và quay trở lại Eo đất.

174. Đó là cuộc viễn chinh tới Thessalia, vốn đã diễn ra khi nhà vua sắp vượt biển từ châu Á sang châu Âu và đã ở Abydos. Vậy là người Thessalia, mất hết đồng minh, sau việc này liền ngả sang phía người Media một cách dứt khoát chứ không còn miễn cưỡng, kết quả là trong những biến cố về sau họ đã chứng tỏ họ rất hữu ích cho vua Ba Tư.

175. Khi người Hy Lạp quay trở lại Eo đất, sau khi đã cân nhắc những gì được Alexandros thông báo, họ liền bàn bạc xem cần giao chiến ở đâu, tại vùng nào. Và ý kiến được đa số ủng hộ là trấn giữ sơn đạo ở Thermopylai, vì tuyến đường này chật hẹp hơn

tuyến đường dẫn vào Thessalia, và cũng nằm gần vùng lãnh thổ của họ hơn. Còn về phần con đường mòn đã khiến những người Hy Lạp trấn giữ Thermopylai bị kẻ thù phục kích, họ thậm chí còn không biết đến sự tồn tại của nó mãi tới khi họ được người Trakhis cho hay sau khi đã tới Thermopylai. Vậy là người Hy Lạp quyết định trấn giữ tuyến đường này, không cho phép man tộc dùng nó để tiến vào Hy Lạp. Họ cũng quyết định rằng hạm đội cần dong buồm tới Artemision trên lãnh thổ Histiaiotis, vì hai địa điểm này nằm ở gần nhau, nhờ đó mỗi cánh quân của họ có thể biết thông tin về những gì xảy đến với cánh quân còn lại. Và hai nơi này có vị trí như tôi sẽ miêu tả sau đây.

176. Trước hết, về Artemision, khi ra khỏi Biển Thraike[1], mặt nước từ chỗ trải rộng thu hẹp lại thành một kênh hẹp nằm giữa đảo Skiathos và Magnesia trên lục địa; rồi sau đoạn eo biển này ở trên đảo Euboia là bãi biển mang tên Artemision, trên đó có một ngôi đền Artemis.

---

1. Vùng phía bắc của biển Aigaion.

Còn về tuyến đường dẫn vào Hy Lạp qua Trakhis ở nơi hẹp nhất chỉ rộng nửa *plethron*. Tuy nhiên, đây không phải là nơi hẹp nhất của cả vùng, nơi hẹp nhất nằm phía trước Thermopylai và cả đằng sau nơi này, chỉ vừa đủ một chiếc xe đi qua, cả ở Alpenoi nằm phía sau Thermopylai lẫn ở bên sông Phoinix gần thành Anthela, con đường cũng chỉ rộng tương đương. Về phía tây Thermopylai có một ngọn núi không thể vượt qua được với các vách cao dựng đứng và trải dài về phía dãy Oita, trong khi về phía đông của con đường là biển với các đầm lầy kế tiếp nhau. Trên con đường này có các suối nước nóng, được người bản địa gọi là các "vạc", và ở gần chúng có một ban thờ Herakles được thiết lập. Thêm nữa, từng có một tường thành được xây ở con đường này, và vào thời xa xưa trên tường thành này có dựng một cổng thành. Bức tường thành đó là do người Phokis xây dựng do sợ hãi vì người Thessalia đã từ vùng đất của người Thesprotia tới định cư trên lãnh thổ Aiolis, tại chính nơi hiện họ vẫn chiếm cứ. Vì cho rằng người Thessalia khi đó đang toan tính chinh phục họ, người Phokis liền lo phòng bị để bảo vệ bản thân khỏi nguy cơ này. Và khi đó họ đã để nước từ các suối nước nóng chảy tràn lên con đường để nơi này biến thành một hẻm suối, đồng thời nghĩ ra mọi phương cách để đảm bảo người Thessalia không xâm lược lãnh thổ của họ. Bức tường thành cổ xưa đã được xây từ rất lâu rồi, và vào thời điểm này, phần lớn nó đã thành phế tích theo thời gian.

Tuy nhiên, người Hy Lạp quyết định xây lại bức tường thành, và đẩy lùi man tộc ra khỏi Hy Lạp chính từ nơi đây. Ở rất gần con đường có một ngôi làng mang tên Alpenoi, người Hy Lạp trông đợi lấy nguồn cung cấp lương thực từ nơi này.

177. Vậy là người Hy Lạp nhận định rằng hai địa điểm kể trên là thích hợp với mục đích của họ, vì họ đã cân nhắc trước tới mọi thứ và tính toán rằng man tộc không thể tận dụng được lợi thế về quân số áp đảo hay về kỵ binh, do đó họ quyết định chặn những kẻ tới xâm lược Hy Lạp. Và khi họ biết tin vua Ba Tư đang ở Pieria, họ liền rời khỏi Eo đất và xuất quân thực hiện chiến dịch, một số tới Thermopylai theo đường bộ, một số khác tới Artemision theo đường biển.

178. Người Hy Lạp khẩn trương hành quân tới nơi trấn giữ sau khi đã được phân công vị trí cụ thể. Trong cùng thời gian đó, người Delphoi lo sợ cho bản thân và Hy Lạp, liền hỏi ý dự ngôn giả. Vị thần khuyên họ cầu khấn các cơn gió, vì đây sẽ là những cứu tinh hùng mạnh cho người Hy Lạp trong chiến đấu. Vậy là người Delphoi, sau khi chấp nhận thần dụ, trước hết liền báo câu trả lời cho những tộc người Hy Lạp muốn tự do, và vì đã báo cho những tộc người này thần dụ đó trong lúc họ đang khiếp sợ man tộc, người Delphoi sau này đã giành về cho chính mình sự biết ơn bất diệt. Sau đó, người Delphoi lập một tế đàn các thần Gió ở Thyia, nơi có một thánh địa thờ Thyia, con gái Kephisos, và cũng từ đó mà nơi này có tên Thyia, và họ dâng lễ hiến sinh tại đó. Cho tới tận ngày nay, để tri ân dự ngôn giả, người Delphoi vẫn hiến sinh cho các ngọn gió.

179. Trong lúc ấy, hạm đội của Xerxes sau khi khởi hành từ thành phố Therma đã phái 10 chiến thuyền có khả năng đi biển tốt nhất tiến thẳng về phía Skiathos, nơi ba chiến thuyền Hy Lạp, một của Troizen, một của Aigina và một của Athenai, đang trấn giữ. Khi thủy thủ đoàn của những chiến thuyền này phát hiện ra các chiến thuyền man tộc, họ liền nhổ neo tháo chạy.

180. Chiến thuyền của Troizen do Prexinos chỉ huy lập tức bị man tộc truy đuổi và bắt giữ. Sau đó chúng liền điệu người có ngoại hình đẹp đẽ nhất trong số các chiến binh trên chiếc thuyền Troizen ra cắt cổ ở mũi thuyền, coi việc người Hy Lạp đầu tiên bị họ bắt lại là người đẹp đẽ như vậy là một điềm may mắn. Tên của người chiến binh bị hiến sinh là Leon, và có thể số phận đã xảy đến với anh ta một phần cũng bắt nguồn từ cái tên này.

181. Tuy nhiên, chiếc thuyền của Aigina, do Asonides chỉ huy, đã

khiến man tộc gặp ít nhiều khó khăn để chiếm lấy, vì Pytheas, con trai Iskhenoos, phục vụ trên chiếc thuyền này và đã chứng tỏ mình là chiến binh dũng cảm nhất ngày hôm ấy. Vì khi chiếc thuyền bị chiếm, anh ta tiếp tục chiến đấu cho tới khi bị chém nát. Khi Pytheas ngã xuống, anh ta vẫn còn thở, những chiến binh Ba Tư phục vụ trên các chiến thuyền truy kích đã tìm mọi cách để cứu mạng Pytheas vì lòng can đảm của anh ta, vừa bôi thuốc mỡ chứa nhựa thơm để chữa trị các vết thương, vừa băng bó cho anh ta bằng những dải vải lanh loại tốt nhất. Rồi khi trở lại với chủ lực, họ mang Pytheas chỉ cho cả hạm đội thấy, coi anh ta như một kỳ quan và đối xử với anh ta tử tế, trong khi những tù binh còn lại bị bắt trên chiếc thuyền đó bị họ đối xử như nô lệ.

182. Hai trong số ba chiến thuyền đã bị bắt giữ, nhưng chiếc thứ ba, do Phormos, một người Athenai chỉ huy, đã dạt vào bờ ở cửa sông Peneios trên đường tháo chạy, và man tộc chiếm được chiếc thuyền nhưng không bắt được thủy thủ đoàn. Vì ngay khi những người Athenai dạt thuyền vào bờ, họ liền rời thuyền chạy trốn qua Thessalia trở về Athenai.

183. Quân Hy Lạp đóng tại Artemision đã được thông báo những biến cố này qua lửa hiệu từ Skiathos. Được biết tin và hoảng sợ, họ liền nhổ neo rời khỏi Artemision tới Khalkis, dự định trấn giữ Euripos, nhưng đồng thời cũng bố trí người trấn giữ vào ban ngày trên các cao điểm của đảo Euboia.

Trong số 10 chiến thuyền man tộc, ba chiếc tới chỗ dải đá ngầm có tên Myrmex nằm giữa Skiathos và Magnesia. Sau khi hạm đội man tộc đã dựng lên ở đó một trụ đá, cũng là mục đích của họ khi tới chỗ bãi đá ngầm, những chiếc thuyền này liền khởi hành rời đi cùng chủ lực của hạm đội từ Therma tới, lực lượng này đã từ Therma ra khơi sau khi những trở ngại đã được dẹp bỏ, 11 ngày sau khi vua Ba Tư lên đường hành quân từ Therma. Bãi đá ngầm Myrmex nằm ở đúng giữa tuyến đường biển mà Pammon người Skyros đã chỉ dẫn cho người Ba Tư. Sau khi dong buồm đi suốt cả ngày, man tộc hoàn tất cuộc hải trình tới Sepias ở Magnesia và tới bãi biển nằm giữa thành phố Kasthanaia và mũi đất Sepias.

184. Cho tới khi hạm đội tới nơi này và đạo quân bộ tới Thermopylai, đạo quân Ba Tư đã không gặp phải tai họa nào, và số lượng của họ khi đó vẫn như con số tôi tìm được qua tính toán như sau: Về số chiến thuyền đi từ châu Á tới, tổng số là 1.207 chiếc, số lượng các thủy thủ đoàn ban đầu do một số dân tộc cung cấp tôi tính được là 241.400 người, nếu coi rằng mỗi chiến thuyền có 200 thủy thủ, và trên mỗi chiến thuyền, bên cạnh các chiến

binh thuộc về dân tộc sở hữu chiếc thuyền đó, còn có 30 chiến binh là người Ba Tư, Media và Sakai, và tổng quân số của lực lượng này là 36.250 người thêm vào số quân của các dân tộc khác. Tôi cũng sẽ cộng thêm vào con số này và số lượng thủy thủ lúc trước cả thủy thủ đoàn của những chiếc *pentekonteroi*, với giả sử rằng trên mỗi chiếc có chừng 80 người. Như đã nói trước đây, số lượng thuyền này là 3.000 chiếc, như vậy trên chúng sẽ có 24 vạn người. Đây là lực lượng hải quân xuất phát từ châu Á, tổng cộng gồm 517.610 người. Về bộ binh, tổng quân số là 170 vạn, về kỵ binh tổng quân số là 8 vạn, và bên cạnh lực lượng này tôi sẽ thêm cả những chiến binh Arabia cưỡi lạc đà và những chiến binh Libya đánh chiến xa, phỏng đoán rằng số lượng của họ là 20.000 người. Kết quả là tổng quân số phục vụ trên các thuyền và trong đạo quân bộ lên tới 2.317.610 người. Đây là quy mô của đạo quân Ba Tư đã xuất quân rời khỏi châu Á, chưa kể tới các phu phen tháp tùng, hoặc các thuyền chở lương thực và thủy thủ đoàn phục vụ trên những thuyền này.

185. Bên cạnh những gì đã được tính đếm, vẫn còn phải kể đến cả những lực lượng được huy động từ châu Âu, và chúng ta sẽ phải đưa ra một ước lượng gần đúng nhất. Người Hy Lạp ở Thraike và các đảo nằm ngoài khơi Thraike cung cấp 120 chiến thuyền, từ số thuyền này dẫn tới tổng số người là 24.000. Còn về lực lượng quân bộ được cung cấp bởi người Thraike, người Paionia, người Eordoi, người Bottiaia, người Khalkidike, người Brygoi, người Pieria, người Makedonia, người Perrhaiboi, người Ainianes, người Dolopes, người Magnesia, người Akhaia, tổng số lực lượng của tất cả các dân tộc này tôi ước tính khoảng 30 vạn người. Số quân này như vậy sẽ cộng thêm vào số quân tới từ châu Á, đem tới tổng số 2.641.610 người.

186. Đó là quân số của đạo quân này, còn về phần phu phen phục vụ đi cùng các chiến binh cũng như những người đi trên các thuyền nhỏ chở lương thực, tôi phỏng chừng số lượng của họ không hề ít hơn mà trái lại còn đông hơn số chiến binh. Tôi giả sử rằng số lượng những người phục dịch này cũng đông bằng số lượng chiến binh, cũng gồm từng ấy vạn người. Như thế 5.283.220 là số người mà Xerxes, con trai Dareios, thống lĩnh cho tới tận Sepias và Thermopylai.

187. Đây là số lượng của toàn bộ đạo quân dưới quyền Xerxes. Nhưng về phần những người phụ nữ làm bánh mì cho đạo quân này, cũng như về số lượng thê thiếp và hoạn nô, không ai có thể đưa ra con số chính xác, và cũng như thế không ai có thể đưa ra số lượng của súc vật kéo xe, súc vật thồ hay số lượng chó săn Ấn Độ

đi theo đạo quân, vì chúng quá đông đảo. Vì thế tôi không hề thấy ngỡ ngàng khi nước của một số dòng sông lại không đủ cung cấp cho đạo quân này, mà tôi băn khoăn về việc làm thế nào có đủ lương thực để nuôi ăn từng ấy vạn người, vì khi tính toán tôi thấy rằng nếu mỗi người cần một *khoinix* lúa mì mỗi ngày và không gì khác nữa, mỗi ngày sẽ phải dùng đến 110.340 *medimnoi* lúa mì, và ở đây tôi chưa tính đến bất cứ thứ gì dành cho những người phụ nữ, các hoạn nô, súc vật thồ hay chó. Trong số bấy nhiêu vạn người đông đảo như vậy, không ai có vẻ đẹp và vóc dáng xứng đáng hơn chính Xerxes để nắm giữ sức mạnh này.

188. Như tôi đã nói, hạm đội Ba Tư đã dong buồm ra khơi, và khi hạm đội này cập bờ ở vùng Magnesia tại bãi biển nằm giữa thành phố Kasthanaia và mũi đất Sepias, những chiếc thuyền đầu tiên tới nơi thả neo sát bờ và những chiếc khác tới thả neo đằng sau chúng, và vì bãi biển không dài lắm, những chiếc thuyền được thả neo quay mũi ra phía biển thành từng hàng, mỗi hàng tám chiếc. Hạm đội thả neo qua đêm hôm ấy như vậy, nhưng tới gần sáng, sau thời gian trời quang đãng và biển lặng không gió, biển bắt đầu động dữ dội và một cơn bão lớn giáng xuống họ với gió đông cực mạnh, thứ gió mà cư dân ở vùng này gọi là Hellespontos. Tất cả những người nhận thấy gió đang nổi mạnh và có thuyền thả neo ở vị trí cho phép, họ đều đẩy thuyền lên bờ trước khi cơn bão ập tới, và cả họ lẫn thuyền đều thoát nạn. Nhưng về những chiếc thuyền bị cơn bão tấn công ngoài biển, một số bị đánh dạt tới nơi có tên là Ipnoi ở Pelion, số khác bị dạt lên bãi biển, trong khi một số bị va vào chính mũi đất Sepias và vỡ tan, số khác bị dạt tới thành phố Meliboia, và số khác nữa bị hất lên bờ tại Kasthanaia, và không thể nào cưỡng lại nổi sự dữ dội của cơn bão.

189. Có một câu chuyện kể lại rằng người Athenai đã kêu gọi Boreas[1] trợ giúp họ theo gợi ý từ một thần dụ, vì từ thần linh đã gửi thêm một lời tiên tri tới họ, chỉ dẫn họ hãy kêu gọi sự giúp đỡ từ người con rể. Theo như câu chuyện người Hy Lạp kể, Boreas có một người vợ là người Attika, Oreithyia, con gái Erekhtheus. Vì mối liên hệ này, người Athenai, theo như câu chuyện kể được truyền ra nước ngoài, liền suy đoán rằng "người con rể" này của họ là Boreas, và khi họ thấy gió nổi lên trong lúc đóng quân với chiến thuyền của họ ở Khalkis ở Euboia, hay thậm chí từ trước đó, họ liền dâng lễ hiến sinh và kêu gọi Boreas và Oreithyia tới trợ giúp họ và phá hủy thuyền của man tộc, như hai vị thần đã làm trước đây ở gần núi Athos. Liệu có phải vì lý do này mà cơn gió Boreas ập xuống đầu hạm đội man tộc trong khi họ đang thả neo hay không thì tôi không thể đoan chắc, nhưng dù thế nào đi nữa, người Athenai cũng đã kể rằng Boreas từng tới trợ giúp họ trước

đây, và lần này thần đã thực hiện những việc tôi vừa kể vì họ, và khi trở về nhà, người Athenai xây một ngôi đền thần Boreas bên sông Ilissos.

---

[1]. Vị thần gió bắc trong thần thoại Hy Lạp.

---

190. Trong tai họa này, số chiến thuyền Ba Tư bị mất không ít hơn 400 chiếc, theo tường thuật của những người đưa ra con số thấp nhất, cùng số lượng người nhiều không kể xiết và rất nhiều của cải quý giá, nhiều tới mức với Ameinokles con trai Kretines, một người Magnesia có đất đai ở vùng Sepias, vụ đắm thuyền hàng loạt này đã chứng tỏ là một món lợi lớn, vì ông ta vớt lên được rất nhiều cốc vàng cốc bạc, và tìm thấy cả những rương châu báu thuộc về những người Ba Tư, và thu nhặt được nhiều món đồ bằng vàng khác hơn mức có thể miêu tả khi chúng bị đánh dạt lên bờ. Tuy nhiên, người đàn ông này, cho dù trở nên rất giàu có vì những thứ tìm thấy, lại không may trong những mặt khác, vì cả ông ta cũng phải chịu đựng vận rủi, bị ám ảnh bởi việc một đứa con bị giết.

191. Về phần những chiếc thuyền vận lương và các loại thuyền khác bị đắm, không có con số nào được đưa ra, và tổn thất lớn tới mức các tướng lĩnh chỉ huy hạm đội, lo sợ rằng người Thessalia có thể tấn công họ khi giờ đây họ vừa gặp phải một tai ương, đã cho dựng một bức lũy cao bao quanh trại của họ từ các mảnh thuyền đắm.

Cơn bão tiếp tục trong ba ngày, nhưng rồi cuối cùng các Magoi, thực hiện các lễ hiến sinh và hát các bài khấn nguyện để xoa dịu thần Gió, đồng thời cũng dâng lễ vật lên nữ thần Thetis và các Nereides, khiến cơn bão tan vào ngày thứ tư, hoặc giả như cơn bão tự ngừng lại vì một lý do nào đó. Họ đang lễ hiến sinh lên Thetis sau khi được biết từ người Ionia câu chuyện kể rằng nữ thần bị Peleus đoạt mang đi từ nơi đó, và toàn bộ mũi đất Sepias thuộc về nữ thần và các Nereides khác.

192. Vậy là cơn bão tan vào ngày thứ tư, và trong cùng thời gian này, những người trấn giữ đã chạy xuống từ các cao điểm ở Euboia vào ngày sau khi cơn bão đầu tiên bắt đầu, và giúp người Hy Lạp được thông báo liên tục về tất cả những gì diễn ra trong vụ đắm thuyền. Khi biết tin, người Hy Lạp trước hết tạ ơn thần Poseidon Vị Cứu Tinh, rồi rưới rượu lễ, và sau đó họ khẩn trương quay trở lại Artemision, kỳ vọng rằng chỉ có vài chiến thuyền địch được để lại tấn công họ. Đến đó lần thứ hai, họ liền thả neo. Kể từ thời

điểm đó trở đi, họ giữ lại cách gọi "Vị Cứu Tinh" dành cho thần Poseidon.

193. Trong cùng thời gian, khi gió đã ngừng và biển đã lặng, man tộc đưa thuyền của họ ra biển và dong buồm dọc theo bờ biển, rồi sau khi đã vòng qua nơi tận cùng của Magnesia, họ tiến thẳng vào vịnh biển dẫn tới Pagasai. Trên vịnh Magnesia này có một nơi người ta kể là nơi Herakles đã bị Iason và các bạn đồng hành bỏ lại sau khi được cử đi lấy nước từ con thuyền Argo, khi họ dong buồm tới Aia tại Kolkhis trong hành trình tìm bộ lông cừu vàng: Vì từ nơi này, sau khi đã lấy nước, họ dự định dong buồm của mình ra biển rộng; và từ đó nơi này có tên gọi là Aphetai. Hạm đội của Xerxes thả neo tại đây.

194. Khi đó, có 15 chiếc thuyền ra khơi muộn hơn nhiều so với phần còn lại của hạm đội, và họ tình cờ trông thấy các thuyền Hy Lạp tại Artemision. Man tộc cho rằng những chiếc thuyền này của họ, và vì thế những chiếc thuyền này lại gần và lọt vào giữa kẻ thù.

Chỉ huy đội thuyền này là Sandokes, con trai Thamasios, tỉnh trưởng Kyme ở Aiolis, người trước đó đã bị vua Dareios bắt và đóng đinh (ông ta là một trong các quan tòa hoàng gia) vì Sandokes đã tuyên án không công minh vì tiền. Rồi sau khi ông này bị đưa lên thập tự giá, Dareios nghĩ lại mà thấy rằng Sandokes đã có nhiều công lao với hoàng gia hơn so với tội lỗi của ông ta, đồng thời nhận ra mình đã hành động một cách hấp tấp hơn là sáng suốt, nhà vua tha cho ông ta. Vậy là ông ta thoát khỏi bị trừng phạt bởi vua Dareios và thoát khỏi cái chết. Tuy nhiên, đến lúc này, khi ông ta dong buồm về phía người Hy Lạp, định mệnh đã quyết rằng ông ta sẽ không thoát được lần thứ hai. Vì khi những người Hy Lạp thấy các thuyền Ba Tư tới gần, nhận ra nhầm lẫn của đối phương, họ liền xông tới tấn công chúng và chiếm được những chiếc thuyền này không chút khó khăn.

195. Aridolis, tiếm chúa Alabanda ở Karia, có mặt trên một trong số những chiếc thuyền này, đã bị bắt; và trên một thuyền khác là chỉ huy lực lượng Paphos, Penthylos, con trai Demonoos, người đã đem 12 thuyền từ Paphos, nhưng mất 11 chiếc trong cơn bão xảy ra ở Sepias, và đến lúc này bị bắt khi đi tới Artemision trên chiếc thuyền đã thoát khỏi cơn bão. Những người này bị người Hy Lạp giải tới Eo đất Korinthos trong gông xiềng, sau khi đã tìm hiểu từ các tù binh những gì họ muốn biết về đạo quân của Xerxes.

196. Vậy là hạm đội man tộc, ngoại trừ 15 chiếc thuyền do

Sandokes chỉ huy như tôi đã kể, đã tới Aphetai. Trong cùng thời gian đó, Xerxes và đạo quân bộ, sau khi hành quân qua Thessallia và Akhaia, đã tiến vào lãnh thổ của người Malis trước đó hai ngày, sau khi đã tổ chức tại Thessalia một cuộc thi đấu cho lực lượng kỵ binh của chính nhà vua, đồng thời cũng thử thách cả kỵ binh Thessalia, vì nhà vua được cho biết họ là những kỵ binh giỏi nhất trong các tộc người Hy Lạp. Và trong cuộc thi đấu, kỵ binh của người Hy Lạp kém xa các kỵ binh khác. Trong số những con sông ở Thessalia, chỉ mình sông Onokhonos không có đủ nước cung cấp cho đạo quân uống, nhưng về những dòng sông ở Akhaia, thậm chí cả sông lớn nhất là Apidanos cũng chỉ có vừa đủ nước cho đạo quân.

197. Khi Xerxes tới Alos ở Akhaia, những người hướng đạo đã chỉ đường cho nhà vua, vì muốn nhà vua biết đầy đủ mọi thứ liền kể với Xerxes một huyền thoại về nơi này, liên quan tới ngôi đền thần Zeus Laphystios, rằng làm thế nào Athamas, con trai Aiolos, đã mưu toan sát hại Phrixos sau khi bàn bạc với Ino, rồi sau đó người Akhaia đã yêu cầu hậu duệ của ông ta phải thực hiện những điều sau đây từ mệnh lệnh của một thần dụ: Bất cứ ai lớn tuổi nhất thuộc dòng dõi này đều phải chịu lệnh cấm không được bước vào Hội trường, và bản thân những người này sẽ phải kiểm soát lệnh cấm đó. Người Akhaia gọi Hội trường là "Nhân dân sảnh", và nếu người bị cấm đặt chân vào đó, anh ta sẽ không thể ra được cho tới khi sắp sửa bị đem hiến sinh. Ngoài ra, người ta còn kể thêm rằng rất nhiều người sắp sửa bị hiến sinh trước đây đã bỏ chạy khỏi bản quán tới một vùng đất khác vì sợ hãi, và nếu sau đó họ quay trở về quê hương và bị bắt, họ sẽ bị đưa trở lại Thị chính sản. Và những người hướng đạo cũng kể lại cách nạn nhân bị hiến sinh, trên người phủ đầy các tràng hoa, cũng như nghi thức trong đó nạn nhân bị đưa tới nơi hiến sinh. Việc này bị áp đặt lên các hậu duệ của Kytissoros con trai Phrixos vì khi người Akhaia đem Athamas con trai Aiolos ra hiến sinh để thanh tẩy tội lỗi của vùng đất này theo một thần dụ, Kytissoros xuất thân từ Aia thuộc Kolkhis đã giải cứu Athamas. Sau khi làm như vậy, anh ta đã chuốc lấy cơn thịnh nộ của các vị thần xuống chính hậu duệ của mình.

Sau khi nghe câu chuyện, Xerxes, khi tới khu rừng thiêng, vừa không đặt chân vào đó, vừa ra lệnh cho cả đạo quân làm tương tự, đồng thời nhà vua cũng thể hiện sự tôn trọng với cả ngôi nhà cũng như thánh địa của hậu duệ Athamas.

198. Đó là những gì đã diễn ra ở Thessalia và Akhaia. Và từ những vùng này, nhà vua tiến tới đất Malis, đi dọc bờ một vịnh biển, tại đó mỗi ngày đều có thủy triều lên và xuống. Quanh vịnh biển là

một vùng đất bằng phẳng, có những khu vực rộng rãi, nhưng ở những khu vực khác lại hẹp, và những dãy núi cao không thể leo lên chạy dài quanh khu vực này bao kín toàn vùng đất Malis, được gọi là Vách đá Trakhis. Thành phố đầu tiên nằm trên bờ vịnh này kể từ Akhaia là Antikyra, nơi sông Sperkheios chảy từ vùng đất của người Ainianes ra biển. Cách dòng sông này khoảng 20 *stadia* có một con sông nữa có tên Melas.

199. Từ sông Melas tới thành phố Trakhis khoảng cách là 5 *stadia*, và ở đây, nơi Trakhis tọa lạc, là phần rộng nhất của toàn bộ vùng này, nếu xét tới khoảng cách từ các dãy núi tới biển, vì đồng bằng trải dài 22.000 *plethra*. Trên dãy núi bao trọn quanh đất Trakhis có một khe núi nằm về phía nam của Trakhis, và chảy qua khe núi này là sông Asopos, với dòng sông chạy dọc theo chân núi.

200. Còn có một con sông nữa có tên Phoinix, nằm ở phía nam sông Asopos, đây là một dòng sông nhỏ, chảy từ các dãy núi kể trên rồi đổ vào sông Asopos, và nơi có sông Phoinix cũng là nơi hẹp nhất, vì tại đây có một con đường đã được mở chỉ cho phép một cỗ xe đi lọt. Rồi cách sông Phoinix 15 *stadia* là Thermopylai. Trên quãng đường giữa sông Phoinix và Thermopylai có một ngôi làng tên là Anthela, nơi sông Asopos chảy qua khi đổ ra biển. Ở chỗ ngôi làng này có một khu đất rộng tại đó tọa lạc một ngôi đền Demeter Amphiktyonis[1], tại đó có chỗ ngồi dành cho các hội viên của Amphiktyonia, và một ngôi đền của Amphiktyon.

---

[1]. Một vị vua của Thermopylai, và sau này là vua Athenai, theo thần thoại Hy Lạp.

---

201. Vậy là vua Xerxes đóng trại tại Trakhis trên lãnh thổ của người Malis, còn người Hy Lạp chiếm giữ sơn đạo. Nơi này thường được người Hy Lạp gọi là Thermopylai, nhưng cư dân bản địa và những người sống quanh vùng gọi nơi đó là Pylai. Vậy là cả hai phía cùng đóng trại ở khu vực này, một bên chiếm giữ toàn bộ vùng đất nằm xa hơn Trakhis về phía bắc, còn bên kia chiếm giữ toàn bộ lãnh thổ nằm về phía nam của lục địa.

202. Dưới đây là lực lượng Hy Lạp chờ đợi cuộc tấn công của quân Ba Tư tại Thermopylai: Về phía Sparta có 300 *hoplitai*, về phía người Tegea và Mantineia có tổng cộng 1.000 quân với mỗi tộc người góp một nửa quân số, từ Orkhomenos ở Arkadia có 120 người, và từ phần còn lại của Arkadia có 1.000 quân. Đó là tất cả lực lượng của người Arkadia. Từ Korinthos có 400 quân, từ Phleious 200 quân, người Mykenai góp 80 chiến binh. Đây là những người tới từ Peloponnesos. Còn từ người Boiotia có 700

người Thespiai, 400 người Thebai.

203. Bên cạnh những đội quân kể trên, người Lokroi tại Opous huy động hết lực lượng của họ, và còn có 1.000 chiến binh Phokis, vì chính người Hy Lạp đã gửi lời hiệu triệu tới họ, phái sứ giả đi nói rằng họ đã tới nơi trước những người khác, và các đồng minh còn lại đang được trông đợi từng ngày, và rằng biển của họ đã được trấn giữ an toàn, do người Athenai, người Aigina cũng như những chiến binh khác được phân phối phục vụ trong hạm đội canh giữ, và họ không có gì phải sợ, vì kẻ đang tới tấn công Hy Lạp không phải là một vị thần, mà chỉ là một con người, và không có người trần thế nào, và sẽ không thể có bất cứ người nào, mà lại không bị tai ương bám lấy từ lúc chào đời, và những tai ương lớn nhất được dành cho những người vĩ đại nhất. Vì thế, kẻ đang hành quân tấn công họ, bởi là một người trần thế, chắc chắn đã bị số mệnh tiền định phải thất bại trong toan tính của ông ta. Những người được hiệu triệu khi nghe những lời này đã tới trợ giúp các tộc người khác tại Trakhis.

204. Về phần lực lượng này, cho dù có các tướng lĩnh khác để chỉ huy từng đội quân thuộc về các dân tộc khác nhau, song người được nể trọng nhất và là tổng chỉ huy của cả đạo quân là Leonidas người Lakedaimon, con trai Anaxandridas, con trai Leon, con trai Eurykratides, con trai Anaxandros, con trai Eurykrates, con trai Polydoros, con trai Alkamenes, con trai Telekhles, con trai Arkhelaos, con trai Agesilaos, con trai của Doryssos, con trai Leobotas, con trai Ekhestratos, con trai Agis, con trai Eurysthenes, con trai của Aristodemos, con trai Aristomakhos, con trai Kleodaios, con trai Hyllos, con trai Herakles, người đã giành được vương quốc Sparta trái với dự kiến.

205. Vì ông ta có hai người anh trai hơn tuổi mình là Kleomenes và Dorieus, ông ta không hề có ý nghĩ trở thành vua. Tuy nhiên, vì Kleomenes đã chết mà không có con trai, và khi đó Dorieus cũng không còn sống nữa mà đã kết thúc cuộc đời ở Sikelia, vậy là ngôi vua thuộc về Leonidas, vừa vì ông sinh ra trước Kleombrotos (vì Kleombrotos là con út của Anaxandridas), đồng thời cũng vì ông đã cưới con gái của Kleomenes.

Giờ Leonidas đã đến Thermopylai, sau khi lựa chọn 300 người được luật pháp chỉ định và là những người đã có con trai. Ngoài ra, trước khi tới đây, ông còn đem theo những người Thebai mà tôi đã nhắc tới khi điểm qua họ trong số quân, chỉ huy các chiến binh Thebai này là Leontiades con trai Eurymakhos, và trong số tất cả người Hy Lạp, Leonidas lo lắng muốn đưa những người này đi

cùng với mình với lý do là những lời buộc tội gay gắt tố cáo họ ngả về phía người Media. Vì thế Leonidas triệu tập họ tới tham chiến, mong muốn biết xem liệu họ sẽ điều quân đi cùng người Lakedaimon hay sẽ công khai chối bỏ mối liên minh của người Hy Lạp. Và người Thebai đã cử quân tới, trong khi vẫn có những ý đồ khác.

206. Người Sparta đã cử đi trước những chiến binh xuất quân cùng Leonidas để khi thấy các chiến binh này, những đồng minh khác sẽ gia nhập vào chiến dịch, cũng đồng thời vì sợ rằng các đồng minh đó có thể cũng sẽ ngả về phía người Media nếu họ nghe được tin người Sparta đã đình chỉ hành động. Rồi sau đó, khi họ đã tổ chức xong lễ hội (vì lễ hội Karneia đang diễn ra), người Sparta dự định tới khi đó sẽ để lại một lực lượng phòng thủ ở Sparta và tới trợ giúp bằng tất cả sức mạnh của mình một cách khẩn trương, và các đồng minh còn lại cũng đã nghĩ sẽ hành động như thế, vì tình cờ hội Olympia diễn ra cùng thời điểm với những biến cố này. Do đó, vì các đồng minh Hy Lạp không cho rằng giao chiến tại Thermopylai sẽ sớm xảy ra, họ chỉ phái đi các lực lượng tiền trạm của mình.

207. Đó là dự định của các đồng minh Hy Lạp, và cũng trong lúc ấy, những người Hy Lạp tại Thermopylai rất hoảng sợ khi vua Ba Tư đã tới gần sơn đạo, và cân nhắc tới việc rút lui khỏi vị trí của họ. Với những người Peloponnesos khác, vào lúc ấy dường như tốt nhất họ nên quay về Peloponnesos và trấn giữ Eo đất Korinthos. Song Leonidas, khi những người Phokis và Lokroi tỏ ra phẫn nộ trước ý kiến này, đã biểu quyết ủng hộ việc ở lại, đồng thời gửi tín sứ tới các thành bang kêu gọi sự giúp đỡ, vì họ chỉ có quân số ít ỏi để đẩy lùi đạo quân của người Media.

208. Trong khi họ đang bàn bạc như vậy, Xerxes phái trinh sát tới xem người Hy Lạp có bao nhiêu quân và đang làm gì, vì nhà vua đã nghe được từ khi còn đang ở Thessalia rằng có một đội quân nhỏ đã tập hợp tại nơi này, và chỉ huy đội quân đó là những người Lakedaimon cùng với Leonidas, một Herakleides. Khi trinh sát phi ngựa về phía doanh trại Hy Lạp, anh ta nhìn về phía họ và thấy không phải toàn bộ đội quân của họ, vì những người được bố trí bên trong bức tường thành đã được người Hy Lạp sửa lại và luôn bố trí một lính canh không thể trông thấy từ bên ngoài, và viên thám mã quan sát được những người ở bên ngoài, đóng quân phía trước bức tường. Và tình cờ vào lúc đó người Lakedaimon đang được bố trí ở bên ngoài, vì thế viên thám mã thấy một số người đang tập điền kinh, một số khác đang chải mái tóc dài của họ. Trong khi viên trinh sát quan sát những cảnh này anh ta ngỡ

ngàng, và đồng thời anh ta xem xét số lượng của người Hy Lạp. Đến khi đã quan sát chính xác tất cả, anh ta quay ngựa trở về không hề hấn gì, vì không ai tìm cách truy đuổi anh ta.

209. Khi quay về đến doanh trại, anh ta tâu lên Xerxes tất cả những gì đã thấy. Nghe những lời này, Xerxes không thể đoán ra sự thật về việc những người Hy Lạp đang chuẩn bị sẵn sàng để chết và khiến kẻ thù phải chết bằng mọi khả năng của họ, mà vua Ba Tư cảm thấy dường như những người này chỉ đang hành xử một cách lố bịch, vì thế nhà vua cho gọi Demaratos, lúc đó đang ở trong doanh trại của ông, tới gặp. Và khi ông ta tới, Xerxes hỏi ông ta về những việc này, mong muốn hiểu xem những người Lakedaimon đang làm gì, và Demaratos nói: "Bệ hạ đã từng nghe từ miệng thần trước đây, khi chúng ta khởi quân tấn công Hy Lạp, về những điều liên quan tới người Hy Lạp, và sau khi nghe xong, bệ hạ đã cười thần, vì thần đã tâu với bệ hạ những điều mà thần nhận thấy sẽ xảy ra, vì với thần điều quan trọng hơn tất thảy là luôn nói ra sự thật trước mặt bệ hạ, tâu bệ hạ. Vì thế bây giờ xin bệ hạ cũng hãy lắng nghe: Những chiến binh đó tới để giao chiến với chúng ta để trấn giữ sơn đạo, và đó là điều họ chuẩn bị làm, vì họ có phong tục như sau: Bất cứ khi nào sắp sửa mạo hiểm với tính mạng của mình, họ liền chăm chút cho mái tóc họ. Tuy nhiên, hãy yên chí rằng một khi bệ hạ đã khuất phục được những chiến binh này cũng như lực lượng còn lại của họ vẫn đang ở Sparta, sẽ không có tộc người nào khác dám chờ đón cuộc tấn công của bệ hạ hay dám giơ tay lên chống lại bệ hạ. Vì giờ bệ hạ sắp sửa giao chiến với vương quốc và thành bang kiêu hùng nhất trong hàng ngũ những người Hy Lạp, với những chiến binh xuất sắc nhất". Với Xerxes, những lời vừa được nói có vẻ hoàn toàn không thể tin nổi, và nhà vua lại hỏi lại lần thứ hai xem có thể nào mà đội quân ít ỏi đó sẽ chiến đấu với đạo quân đông đảo của mình. Demaratos liền nói: "Tâu bệ hạ, hãy đối xử với thần như với một kẻ dối trá nếu bệ hạ không thấy những việc này diễn ra như thần đã nói".

210. Khi nói như thế, Demaratos đã không thể thuyết phục được Xerxes, nhà vua để bốn ngày trôi qua, luôn trông đợi đối phương sẽ tháo chạy. Nhưng đến ngày thứ năm, khi những người Hy Lạp không rời đi mà vẫn trụ lại, tiếp tục bướng bỉnh trong sự xấc xược và điên rồ của họ, như nhà vua suy nghĩ, Xerxes liền nổi giận và sai quân Media và quân Kissia tấn công họ, ra lệnh cho các đội quân này phải bắt sống các chiến binh Hy Lạp và giải về trước mặt nhà vua. Người Media liền xông lên và tấn công kẻ thù, nhưng rất nhiều người tử trận. Những người khác tiếp tục xông tới không ngừng, và cầm cự được dù tổn thất nặng nề. Các chiến binh Hy Lạp chứng tỏ cho tất cả mọi người thấy, trong đó có cả nhà vua,

rằng người thì nhiều nhưng nam tử thì ít. Trận chiến tiếp diễn suốt cả ngày.

211. Người Media bị đánh bại nặng nề, cuối cùng đành lui quân, và quân Ba Tư, chính là những người được nhà vua gọi là "Bất tử quân" do Hydarnes chỉ huy, liền thay thế người Media xông lên tấn công, đoán chừng rằng ít nhất họ sẽ dễ dàng khuất phục kẻ thù. Tuy nhiên, khi đội quân này giao chiến với những người Hy Lạp, họ cũng không thành công hơn quân Media mà phải chịu chung số phận, bởi vì họ đang giao chiến trong một con đường chật hẹp, lại sử dụng những cây giáo ngắn hơn giáo của quân Hy Lạp, và không thể tận dụng được lợi thế từ quân số đông đảo hơn của mình. Trong khi đó, những người Lakedaimon chiến đấu một cách đáng nhớ, và bên cạnh những phẩm chất khác mà họ thể hiện, là những người thành thục trong việc giao chiến với những kẻ kém thông thạo chiến đấu, họ sẽ quay lưng lại với kẻ thù và giả bộ tháo chạy. Thấy họ tháo chạy như thế, man tộc sẽ hò hét và gõ vũ khí rồi đuổi theo họ. Đến lúc ấy, người Lakedaimon, khi bị đuổi kịp, liền quay lại đối diện với man tộc. Quay người lại như thế, họ giết quân Ba Tư nhiều vô kể, và trong những cuộc giao chiến này cũng có một số ít chiến binh Sparta ngã xuống. Và vì các chiến binh Ba Tư không có được chút thành công nào khi thử đánh chiếm sơn đạo và tấn công vào đó bằng những đội hình lớn và theo mọi cách, họ đành lui lại.

212. Và trong khi những cuộc giao chiến này diễn ra, người ta kể rằng nhà vua trong khi quan sát đã ba lần đứng bật dậy khỏi ngai của mình, bị chấn động vì lo sợ cho đạo quân của mình. Hai bên đã giao chiến như thế, và vào ngày hôm sau man tộc lại tấn công song cũng chẳng thành công hơn. Bởi đối thủ đang giao chiến với họ có số lượng ít ỏi, man tộc xung trận với kỳ vọng rằng những người Hy Lạp đã kiệt sức và không còn có thể nhấc tay giao chiến. Tuy nhiên, người Hy Lạp ngoài việc được tổ chức theo dân tộc còn được tổ chức thành các đơn vị, và các đơn vị này thay nhau lần lượt giao chiến, ngoại trừ người Phokis, vì họ được bố trí trên núi để canh phòng sơn đạo. Vậy là người Ba Tư, thấy không có gì khác biệt so với những gì họ đã chứng kiến ngày hôm trước, liền tháo lui không giao chiến nữa.

213. Trong khi vua Ba Tư đang tiến thoái lưỡng nan không biết nên làm gì trước thách thức gặp phải, Ephialtes con trai Eurydemos, một người Malis, tìm đến cầu kiến nhà vua, cho rằng anh ta sẽ có được một phần thưởng lớn từ nhà vua. Anh ta tâu với nhà vua về đường mòn qua núi tới Thermopylai, và tiêu diệt những người Hy Lạp đang trấn giữ ở đó. Sau đó, vì sợ người

Lakedaimon, anh ta bỏ trốn tới Thessalia, và khi chạy trốn người ta treo thưởng cho tính mệnh anh ta khi các Amphiktyones họp tại Pylaia. Rồi một thời gian sau đó, khi đã trở lại Antikyra, anh ta bị Athenades người Trakhis giết. Athenades đã giết Ephialtes vì một lý do khác, mà tôi sẽ kể trong phần sau của bộ lịch sử này, song dẫu vậy Athenades vẫn được người Lakedaimon tưởng thưởng.

214. Tuy nhiên, còn có một câu chuyện khác được kể, đó là Onetes, con trai Phanagoras thành Karystos, và Korydallos thành Antikyra là những người đã chỉ cho quân Ba Tư con đường vòng qua núi. Nhưng tôi không thể chấp nhận câu chuyện này. Vì trước nhất chúng ta cần xem xét qua thực tế này, đó là các đại biểu của các thành bang Hy Lạp không hề treo giải thưởng tính mạng của Onetes và Korydallos, mà chỉ treo thưởng tính mạng của Ephialtes người Trakhis, sau khi chắc chắn đã có được thông tin chính xác nhất về chuyện này. Thứ đến, chúng ta biết rằng Ephialtes đã lưu vong khỏi quê hương mình để trốn tránh hình phạt này. Đúng là Onetes có thể cũng biết con đường này, cho dù anh ta không phải là một người Malis, nếu anh ta đã quen thuộc với khu vực, song Ephialtes là người đã dẫn quân Ba Tư qua núi theo đường mòn, vì thế tôi viết lại rằng anh ta là kẻ có tội.

215. Xerxes, hài lòng với những gì Ephialtes đề nghị thực hiện, liền lập tức phấn khởi phái Hydarnes và những chiến binh do ông ta chỉ huy lên đường, và đội quân này khởi hành từ doanh trại vào khoảng thời gian khi những cây đèn được thắp lên.

Con đường mòn chúng ta đang nói tới đã được người Malis sinh sống ở vùng này tìm ra, và sau khi tìm ra nó, họ đã dẫn người Thessalia đi theo con đường đó tấn công những người Phokis vào thời kỳ những người Phokis đã chắn đường qua núi bằng một bức tường thành để ngăn chặn những cuộc tấn công nhằm vào họ. Và đã từ lâu con đường mòn này chẳng có chút giá trị gì với người Malis.

216. Con đường mòn này được mô tả như sau: Nó bắt đầu từ sông Asopos, con sông chảy qua khe núi, và tên của ngọn núi cũng như của lối mòn đều là Anopaia. Tuyến đường Anopaia này chạy trên dãy núi và dừng ở thành Alpenos, thị trấn đầu tiên của người Lokroi về phía Malis, và cạnh tảng đá được gọi là Melampygos và chỗ ngồi của các Kerkopes, nơi tuyến đường hẹp nhất.

217. Vậy là quân Ba Tư đi theo con đường này sau khi đã vượt sông Asopos và hành quân suốt đêm, bên phải họ là Dãy Oita, và

bên trái là các ngọn núi của người Trakhis. Rồi khi trời rạng sáng, họ đã lên tới đỉnh núi. Như tôi đã nói khi trước, tại khu vực này trên núi có 1.000 *hoplitai* Phokis canh gác để bảo vệ chính vùng đất của họ cũng như để trấn giữ con đường. Vì trong khi hạ sơn đạo được các đội quân đã kể trấn giữ, thì con đường đi trên núi lại do người Phokis bảo vệ, họ đã tự đề nghị đảm nhiệm việc này với Leonidas.

218. Trong khi quân Ba Tư leo lên núi, họ được che khuất khỏi tầm nhìn của người Phokis, do cả ngọn núi đều có cây sồi phủ kín. Và người Phokis phát hiện ra quân Ba Tư khi họ đã leo lên núi như sau: Ngày hôm đó lặng gió, và quân Ba Tư đã gây ra không ít tiếng động, như rất dễ xảy ra khi lá cây nằm rải đầy trên mặt đất dưới chân họ. Nghe tiếng động, người Phokis choàng tỉnh và bắt đầu cầm lấy vũ khí, đến lúc này man tộc đã tới sát gần họ. Khi tận mắt trông thấy những người có vũ trang, người Phokis liền ngỡ ngàng vì họ không trông đợi sẽ có bất cứ kẻ thù nào tới tấn công mình, và thay vì thế họ đã gặp phải cả một đội quân. Thế rồi Hydarnes, lo sợ rằng nhỡ những người Phokis kia lại là người Lakedaimon, liền hỏi Ephialtes xem lực lượng kia của tộc người nào, rồi sau khi được biết chính xác, ông ta liền lệnh cho quân Ba Tư dàn trận. Tuy nhiên người Phokis, khi bị những mũi tên của địch bắn tới như mưa, liền bỏ chạy và lập tức lui lên đỉnh cao nhất của ngọn núi, hoàn toàn đoan chắc rằng quân địch chủ ý tới tấn công họ, và họ sẵn sàng đối diện cái chết ở đó. Họ nghĩ vậy, trong cùng thời gian ấy Ephialtes và Hydarnes lại không để tâm gì tới người Phokis mà gấp gáp xuống núi nhanh nhất có thể.

219. Với những người Hy Lạp trấn thủ tại Thermopylai, đầu tiên là nhà tiên tri Megistias, sau khi nhìn vào các lễ vật vừa được hiến sinh, đã tuyên bố rằng cái chết sẽ tới với họ vào lúc rạng sáng, và sau đó những người tháo chạy mang đến tin quân Ba Tư đã vòng ra sau lưng họ. Những người tháo chạy báo tin này cho họ khi trời vẫn còn tối, và thứ ba là những người cảnh giới ban ngày, họ đã từ các cao điểm chạy xuống khi trời đã rạng. Khi đó người Hy Lạp bàn bạc, và ý kiến của họ bị chia rẽ, một số kêu gọi rằng họ không nên rời bỏ vị trí, trong khi số khác phản đối ý kiến này. Sau cuộc bàn bạc này, họ bỏ đi, ai nấy về thành phố của mình, trong khi số khác sẵn sàng ở lại tập hợp cùng Leonidas.

220. Tuy nhiên, người ta cũng kể rằng chính Leonidas đã bảo những người đó rời đi, vì mong muốn những người này không phải chết, nhưng đồng thời Leonidas cũng nghĩ với bản thân ông và những người Sparta đang có mặt tại đó sẽ là không xứng đáng nếu rời bỏ vị trí họ đã tới đầu tiên để trấn giữ. Tôi nghiêng về quan

điểm thứ hai này hơn, cụ thể là vì Leonidas nhận thấy các đồng minh đều nản chí và không muốn đối diện hiểm nguy tới cùng, nên ông đã lệnh cho họ rời đi, nhưng cho rằng với bản thân ông rời đi sẽ là không xứng với danh dự, trong khi nếu ông ở lại, ông sẽ để lại uy danh, và sự phồn vinh của Sparta sẽ không bị xóa nhòa, vì nữ tư tế Pythia đã phán một thần dụ cho người Sparta khi họ tới hỏi về cuộc chiến tranh này khi nó bắt đầu khởi phát, rằng Lakedaimon phải bị quân man tộc tiêu diệt, hoặc vua của họ phải vong mệnh. Câu trả lời này được nữ tư tế phán bằng những câu thơ lục bộ cách như sau:

> Về phần các ngươi, những kẻ cư trú tại Sparta rộng lớn,
>
> Đô thị vinh quang của các người sẽ bị các con trai Perseus cướp phá,
>
> Hoặc vùng đất Lakedaimon sẽ thương tiếc cái chết của một vị vua,
>
> Một hậu duệ của Herakles. Kể cả sức mạnh của bò mộng hoặc sư tử
>
> Cũng không giữ nổi ông[1]; vì ông có sức mạnh của Zeus
>
> Và sẽ không bị kiềm chế đến khi một trong hai thứ này bị hủy diệt[2].

---

[1]. Ám chỉ vua Ba Tư Xerxes.

[2]. Tức là thành Sparta hoặc một vị vua Sparta, và đúng là thi thể Leonidas đã bị sỉ nhục sau khi ông tử trận.

Tôi cho rằng Leonidas sau khi cân nhắc tới những lời này và mong muốn đoạt về cho mình vinh quang lớn hơn tất cả những người Sparta khác đã cho các đồng minh rời đi, chứ không phải những người rời đi đã thực hiện việc này một cách hỗn loạn vì họ bị chia rẽ về ý kiến.

221. Về việc này điều sau đây theo tôi là một bằng chứng cũng thuyết phục như bất cứ bằng chứng nào khác, đó là người ta biết rằng Leonidas đã tìm cách cho nhà tiên tri tháp tùng đội quân này rời đi, Megistias người Akarnania, người được kể là hậu duệ của Melampous, để ông ta không chết cùng họ sau khi ông ta đã tuyên bố khi xem xét lễ vật hiến sinh rằng cái chết sắp sửa đến với họ. Tuy nhiên, khi được yêu cầu rời đi, Megistias đã không tự mình

rời khỏi Thermopylai, mà để đứa con trai đã đi cùng ông trong đội quân rời khỏi đó, ngoài đứa con trai này ông không còn người con nào khác.

222. Vậy là các đồng minh được lệnh giải tán đều lên đường rời khỏi Thermopylai, tuân lệnh Leonidas, chỉ có người Thespiai và người Thebai ở lại cùng người Lakedaimon. Trong số này, người Thebai bị giữ lại không phải do họ mong muốn mà vì Leonidas giữ họ lại như những con tin, song người Thespiai thì rất sẵn sàng, họ nói họ sẽ không rời đi bỏ lại Leonidas, họ sẽ ở lại và chết cùng người Lakedaimon. Chỉ huy người Thespiai là Demophilos, con trai Didromes.

223. Trong cùng thời gian đó, Xerxes, sau khi làm nghi thức rưới rượu lễ vào lúc bình minh, án binh bất động một hồi, cho tới thời điểm tương đương lúc chợ đã đông, tiến quân về phía những người Hy Lạp, vì điều này đã được Ephialtes thỏa thuận từ trước bởi việc tiến xuống núi nhanh chóng hơn, quãng đường phải đi ngắn hơn nhiều so với khi đi vòng và leo lên núi.

Man tộc cùng Xerxes tiến lên để tấn công, và người Hy Lạp cùng Leonidas, cảm thấy cái chết cận kề, lúc này tiến tới xa hơn nhiều so với lúc đầu ra khúc rộng hơn của con đường, vì khi bức tường lũy được canh gác, vào những ngày trước họ đã vừa đánh vừa lui trước kẻ thù vào phần hẹp của con đường qua núi, nhưng lúc này họ giao chiến với kẻ thù ở bên ngoài quãng hẹp, và rất nhiều man nhân gục ngã, vì đằng sau binh lính, chỉ huy các đội quân với roi trong tay đã quất vào từng người lính, không ngừng thúc giục họ tiến ra trận tiền. Khi đó rất nhiều man nhân bị dồn ngã xuống biển và chết, và còn nhiều hơn thế giẫm đạp lên nhau trong khi vẫn còn sống, và không ai để ý tới số người đã chết. Biết rằng cái chết sắp cận kề vì cánh quân địch đang vòng qua núi, người Hy Lạp xông vào man tộc với tất cả sức mạnh tới mức dữ dội nhất, không màng nguy hiểm và chiến đấu như thể bị một linh hồn liều lĩnh chiếm giữ.

224. Đến lúc này, những cây giáo của phần lớn họ đều đã gãy trong trận chiến này, và họ đang giết người Ba Tư bằng những thanh gươm của mình. Và trong trận chiến này Leonidas ngã xuống sau khi đã chứng tỏ bản thân là một chiến binh xuất sắc, và cùng với nhà vua cũng đã ngã xuống những người Sparta khác, những người có danh tiếng, mà tên của họ tôi sẽ kể ra đây như những người đã chứng tỏ sự xứng đáng của mình, và quả thực tôi đã được kể cho nghe tên của cả 300 người.

Hơn nữa, trong số người Ba Tư tử trận tại đây, bên cạnh rất nhiều người tên tuổi khác, đặc biệt có cả hai con trai của Dareios, Abrokomes và Hyperanthes, do Phratagyne con gái Artanes hạ sinh cho Dareios. Artanes là em trai của vua Dareios và là con trai Hystaspes, con trai của Arsames. Và ông này, khi gả con gái của mình cho Dareios cũng trao đi luôn cùng con gái tất cả gia tài mình, vì đó là người con duy nhất của ông ta.

225. Hai người em trai của Xerxes đã ngã xuống tại đây.

Và trong khi đó, bên trên thi thể của Leonidas diễn ra một trận chiến lớn giữa người Ba Tư và người Lakedaimon, cho tới khi những người Hy Lạp bằng sự dũng cảm đã kéo được thi thể nhà vua khỏi kẻ thù và khiến đối phương phải bốn lần tháo chạy. Trận chiến tiếp tục cho tới khi cánh quân đi cùng Ephialtes xuất hiện. Và khi những người Hy Lạp biết rằng cánh quân này đã tới, từ khoảnh khắc đó trở đi tính chất của trận chiến thay đổi. Vì họ rút lui về đoạn hẹp của con đường, rồi sau khi lui qua bên cạnh bức tường, họ đi tới cố thủ trên một quả đồi thấp, tất cả cùng xếp thành một khối, ngoại trừ người Thebai. Ngọn đồi đó nằm bên cửa vào núi của con đường, nơi ngày nay có một con sư tử đá được dựng lên để tưởng niệm Leonidas. Tại đây họ tự vệ đến người cuối cùng bằng dao găm nếu có, hoặc nếu không thì bằng tay và răng, cho đến khi man tộc, một số lao thẳng vào sau khi kéo sập tường, một số khác vòng lại và vây chặt từ phía sau, cuối cùng đã áp đảo họ bằng tên và lao.

226. Đó là những bằng chứng về lòng can đảm mà người Lakedaimon và người Thespiai đã thể hiện, thế nhưng Dienekes người Sparta được kể là người đã chứng tỏ mình xuất sắc hơn tất thảy, đó cũng là người mà theo lời kể đã nói ra những lời sau đây trước khi người Hy Lạp giao chiến với quân Media: Khi được một người Trakhis cho hay rằng khi man tộc bắn tên, chúng sẽ làm che khuất ánh sáng mặt trời bởi số tên nhiều vô kể, Dienekes không hề lo ngại trước chuyện này mà coi thường số lượng của quân Media, nói rằng những vị khách người Trakhis đã mang đến tin tốt lành, bởi nếu quân Media làm che khuất ánh sáng của mặt trời, trận chiến chống lại bọn họ sẽ diễn ra trong bóng râm chứ không phải dưới nắng. Những lời nói này cũng như những câu nói khác tương tự theo lời thuật lại được Dienekes để lại như ký ức về bản thân mình.

227. Đứng sau Dienekes về sự anh dũng trong hàng ngũ Lakedaimon theo lời kể là hai anh em Alpheos và Maron, các con trai của Orsiphantos. Về phần người Thespiai, người giành được

nhiều chiến công nhất là Dithyrambos con trai Harmatides.

228. Các chiến binh được chôn cất ở nơi họ ngã xuống, và dành cho họ, cũng như dành cho những người đã tử trận trước khi các đồng minh được Leonidas ra lệnh rời đi, có một dòng bia được khắc như sau:

Tại đây 4.000 người từ Peloponnesos

Đã từng giao chiến với ba triệu kẻ thù.

Đó là dòng bia tưởng niệm dành cho tất cả họ, và dành riêng cho những người Sparta là những dòng chữ sau:

Bằng hữu ơi, báo lại với người Sparta rằng tại đây

Chúng tôi an nghỉ, vẫn tuân theo lệnh họ.

Đó là những lời dành cho các chiến binh Lakedaimon, còn về phần nhà tiên tri là những lời sau:

Megistias lừng danh an nghỉ tại đây, bị người Media sát hại

Khi chúng vượt sông Sperkheios;

Nhà tiên tri biết rõ cái chết đang cận kề

Nhưng khước từ việc bỏ rơi các chỉ huy Sparta của mình.

Chính các Amphiktyones đã tôn vinh họ bằng các dòng khắc và các trụ tưởng niệm, ngoại trừ dòng chữ dành cho nhà tiên tri. Chỉ riêng bia tưởng niệm nhà tiên tri Megistias được tạc bởi Simonides, con trai Leoprepes, xuất phát từ tình khách-hữu.

229. Người ta kể rằng có hai người trong số 300 chiến binh Sparta, Eurytos và Aristodemos, hai người này, nếu như họ thỏa thuận với nhau, đã rất có thể cùng nhau quay về Sparta an toàn (bởi họ đã bị Leonidas ra lệnh rời khỏi doanh trại và đang nằm tại Alpenoi vì bệnh đau mắt, và khi đó đang rất đau đớn), hoặc giả nếu không muốn quay về nhà, họ đã có thể chết cùng những người còn lại. Thế nhưng trong khi họ có thể lựa chọn, hai người này lại không nhất trí với nhau mà bất đồng về ý kiến. Người ta kể rằng khi biết tin quân Ba Tư đã vòng ra sau, Eurytos đã đòi vũ khí của mình, rồi sau khi đã mặc quân trang và cầm vũ khí, anh ta ra lệnh cho *heilotes* của mình dẫn anh ta tới chỗ các chiến binh đang chiến đấu. Sau khi dẫn anh ta tới đó, gã nô lệ liền bỏ chạy, nhưng

Eurytos thì xông trận và thiệt mạng. Còn Aristodemos thì bất tỉnh và bị bỏ lại sau. Nếu hoặc chỉ Aristodemos bị ốm và như thế trở về Sparta, hoặc cả hai người họ cùng trở về, tôi không cho rằng người Sparta sẽ tỏ ra có chút giận dữ nào với họ. Nhưng trong trường hợp này, vì một trong hai người tử trận còn người kia, bám lấy một cái cớ mà người thứ nhất đáng ra cũng có thể sử dụng, đã không sẵn sàng chết, nên đương nhiên người Sparta đã tỏ ra rất phẫn nộ với Aristodemos.

230. Một số người nói rằng Aristodemos đã an toàn quay về Sparta như thế, và lấy cớ như tôi đã nói. Song một số người khác lại kể rằng anh ta được cử làm người đưa tin từ doanh trại về, và khi anh ta đáng lẽ đã có thể trở lại kịp thời gian khi trận chiến còn đang diễn ra, Aristodemos đã không sẵn sàng làm như thế mà nán lại dọc đường và nhờ thế cứu được mạng mình, trong khi người cùng làm nhiệm vụ đưa tin với anh ta trở lại chiến địa và tử trận.

231. Khi Aristodemos trở về nhà ở Lakedaimon, anh ta bị trách cứ và khinh bỉ, và anh ta đã khổ sở bởi sự khinh bỉ như sau: Không người Sparta nào cho anh ta lửa để nhóm bếp hay nói chuyện với anh ta, và anh ta bị trách cứ bằng việc bị gọi là Aristodemos kẻ hèn nhát. Tuy nhiên, trong trận đánh ở Plataia, Aristodemos đã rũ bỏ được tội trạng.

232. Song người ta còn kể rằng có một người nữa trong số 300 chiến binh cũng sống sót, người này có tên là Pantites, trước đó được cử làm người đưa tin tới Thessalia, và khi anh ta trở về Sparta để rồi thấy mình bị khinh bỉ, Pantites đã tự sát.

233. Về phần người Thebai do Leontiades chỉ huy, họ đã đứng trong hàng ngũ Hy Lạp giao chiến chống lại đạo quân của nhà vua một thời gian do bị buộc phải làm thế. Nhưng khi họ thấy vận may ngả về phía Ba Tư, chỉ vào lúc đó chứ không phải trước đó, trong khi những người Hy Lạp mang theo Leonidas đang hối hả lui về phía quả đồi thấp, họ liền tách khỏi người Hy Lạp và giơ tay ra trước tiến về phía man tộc, đồng thời nói ra những lời rất đúng đắn, đó là họ đứng về phía người Media và họ là một trong những tộc người đầu tiên đã trao đất và nước cho nhà vua. Thêm nữa, họ đã bị ép buộc phải tới Thermopylai, và không có lỗi về những tổn thất nhà vua phải chịu. Bằng những lời nói này, họ trông đợi giữ được mạng sống, vì họ cũng có cả những người Thessalia làm chứng cho những lời nói của mình. Tuy nhiên, những người Thebai cũng chẳng gặp được vận may, vì một số người trong bọn họ thậm chí đã bị giết từ lúc tiến lại gần man tộc, rồi đến khi họ đã tới nơi và bị man tộc khống chế, phần lớn họ theo lệnh của Xerxes

bị đóng ngự ấn lên người, bắt đầu từ chỉ huy của họ, Leontiades, cũng chính là người có con trai là Eurymakhos về sau bị người Plataia giết khi anh ta chỉ huy 400 quân Thebai và trước đó đã chiếm thành phố của người Plataia.

234. Người Hy Lạp đã chiến đấu như thế ở Thermopylai, và Xerxes triệu Demaratos tới để hỏi chuyện ông ta sau khi trước hết đã nói như sau: "Demaratos, ngươi là một người trung thực. Ta kết luận như vậy từ sự trung thực trong những lời ngươi nói, vì tất cả những gì ngươi nói đều diễn ra đúng như vậy. Tuy nhiên, bây giờ ngươi hãy nói cho ta hay số lượng còn lại của người Lakedaimon, và trong số họ có bao nhiêu người giống như những người này khi ra trận, hay tất cả họ đều như vậy?" Demaratos liền tâu: "Tâu bệ hạ, số lượng của tất cả người Lakedaimon rất lớn, và họ có nhiều thành phố, nhưng về những gì bệ hạ muốn biết, bệ hạ sẽ biết. Tại Lakedaimon có thành Sparta, có khoảng 8.000 người, và những chiến binh này tất cả đều sánh ngang với những người đã chiến đấu tại đây. Những người Lakedaimon khác không thể sánh bằng những người này, nhưng cả họ cũng là những chiến binh giỏi". Nghe xong Xerxes liền nói: "Demaratos, bằng cách nào chúng ta có thể chiến thắng những người này ít nhọc nhằn nhất? Hãy nói cho chúng ta, ngươi biết những ý đồ của họ do người từng là vua của những người này".

235. Demaratos liền trả lời: "Tâu bệ hạ, nếu bệ hạ thực sự muốn hỏi ý thần, thần đương nhiên phải tâu lên bệ hạ điều tốt nhất. Sẽ thế nào nếu bệ hạ phái 300 chiến thuyền từ hạm đội của bệ hạ tấn công đất Lakonia? Ở gần đó có một hòn đảo có tên Kythera mà Khilon, một người rất thông tuệ ở chỗ tôi, từng nói sẽ có ích cho người Sparta hơn nếu hòn đảo này chìm xuống dưới biển thay vì nổi ở phía trên. Vì ông ta luôn tiên đoán rằng từ hòn đảo đó rồi sẽ xảy ra điều như lúc này thần sắp sửa tâu lên bệ hạ. Không phải ông ta biết trước về đạo quân của bệ hạ, mà ông ta e sợ như nhau đối với mọi đạo quân. Hãy để quân của bệ hạ xuất phát từ hòn đảo này và khiến người Lakedaimon luôn phải sợ hãi. Và trong khi họ đang có một cuộc chiến của chính mình ở ngay trước ngưỡng cửa, bệ hạ sẽ không phải lo về việc khi phần còn lại của Hy Lạp bị đạo quân bộ của bệ hạ chinh phục, họ sẽ tới ứng cứu. Như thế, sau khi phần còn lại của Hy Lạp đã bị chinh phục, từ thời điểm đó trở đi sức mạnh của người Lakedaimon sẽ chỉ còn đơn độc và do đó rất yếu. Tuy nhiên, nếu bệ hạ không hành động như vậy, thần xin tâu lên bệ hạ điều bệ hạ sẽ phải trông đợi. Có một Eo đất hẹp dẫn tới Peloponnesos, và tại nơi này bệ hạ sẽ phải trông đợi rằng những trận đánh khác diễn ra ác liệt hơn những gì đã xảy ra, bởi tất cả người Peloponnesos đã thề liên minh chống lại bệ hạ. Nhưng nếu

bệ hạ làm theo lời thần tâu, Eo đất này cũng như các thành phố nằm ở đó sẽ ngả sang phía bệ hạ mà không cần đến một trận đánh nào".

236. Sau khi Demaratos tâu xong, Akhaimenes em trai Xerxes, cũng là tư lệnh hạm đội, người tình cờ cũng có mặt khi cuộc thảo luận này diễn ra và sợ rằng Xerxes sẽ bị thuyết phục làm như thế, liền lên tiếng: "Tâu bệ hạ", ông nói, "thần thấy rằng bệ hạ đang chấp nhận lời nói của một kẻ ghen tị với hạnh vận của bệ hạ, hay thậm chí còn là kẻ phản bội lại đại nghiệp của bệ hạ. Vì quả thực người Hy Lạp hay có tính khí như vậy, bọn họ ghen tị một người vì hạnh vận của người đó, và bọn họ căm ghét ai mạnh mẽ hơn bọn họ. Và nếu, bên cạnh những không may chúng ta đã gặp phải, bởi 400 chiến thuyền của chúng ta đã bị chìm, bệ hạ lại phái đi thêm 300 chiến thuyền nữa khỏi hạm đội để đi vòng quanh bán đảo Peloponnesos, khi đó các đối thủ sẽ trở nên ngang sức với bệ hạ trong chiến đấu. Trái lại trong khi tất cả chiến thuyền của ta cùng tập trung một chỗ, hạm đội của chúng ta sẽ khiến chúng khó lòng đối phó, và chúng sẽ không phải là đối thủ của bệ hạ. Thêm nữa, tất cả hạm đội sẽ hỗ trợ cho đạo quân bộ và được đạo quân bộ yểm trợ nếu cả hai đạo quân cùng tiến với nhau. Nhưng nếu bệ hạ tách rời chúng, bệ hạ sẽ không giúp ích gì cho các đạo quân này, cũng như chúng không thể giúp ích cho bệ hạ. Thần nhất quyết cho rằng nên sắp đặt chu toàn cho công việc của bệ hạ và không quan tâm tới dự định của kẻ thù, cho dù là chúng định giao chiến ở đâu hay chúng sẽ làm gì hoặc chúng có bao nhiêu quân, cứ để chúng lo việc của chúng, còn ta lo việc của ta, thế là đủ. Và nếu những người Lakedaimon tới đối đầu với người Ba Tư trên chiến trường, chắc chắn chúng sẽ không thể chữa lành được vết thương hiện nay chúng đang phải chịu".

237. Xerxes liền trả lời em trai mình như sau: "Akhaimenes, ta nghĩ rằng ngươi nói rất phải lẽ, thế nên ta sẽ làm như vậy. Song Demaratos đã nói ra những gì ông ấy tin là tốt nhất cho ta, dù ý kiến của ông ấy đã bị ý kiến của ngươi đánh bại, vì ta chắc chắn sẽ không thừa nhận việc ngươi đã nói rằng ông ấy không ủng hộ đại nghiệp của ta, khi xét tới cả những gì ông ấy đã nói trước đây và cả những gì đúng sự thực, đó là cho dù một người có thể ghen tị với một người khác về vận may của người đó và thù hằn với người đó bằng sự im lặng của mình, và một người khi có một đồng bào hỏi ý kiến anh ta hẳn sẽ không đề xuất ra điều gì dường như là tốt nhất theo anh ta, trừ khi anh ta là người có phẩm cách rất cao thượng, và những người như thế rất hiếm, không nghi ngờ gì nữa. Thế nhưng một bằng hữu sẽ có thiện ý với một bằng hữu đang thịnh vượng hơn bất kỳ điều gì trên đời, và nếu người bạn hỏi ý

anh ta, hẳn anh ta sẽ đưa ra lời khuyên tốt nhất. Thế nên về những lời nói xấu chống lại Demaratos, nghĩa là chống lại một bằng hữu của ta, ta yêu cầu tất cả mọi người hãy thôi làm điều đó trong tương lai".

238. Nói xong, Xerxes đi xem thi thể của những người tử trận. Về phần Leonidas, khi biết được ông là vua và là chỉ huy các chiến binh Lakedaimon, nhà vua liền ra lệnh chặt đầu Leonidas và bêu lên. Và việc này đã được làm rõ với tôi bởi nhiều bằng chứng khác nữa, nhưng không gì thuyết phục hơn điều này, đó là vua Xerxes tức giận với Leonidas khi ông còn sống hơn với bất cứ người nào khác trên đời, vì nếu không nhà vua đã không bao giờ làm chuyện sỉ nhục này với thi thể Leonidas, bởi trong số tất cả các tộc người tôi biết, người Ba Tư vốn có tập quán trân trọng những chiến binh xuất sắc hơn ai hết. Thế rồi những người được chỉ định làm việc đó bắt tay vào việc.

239. Tôi sẽ trở lại với mạch kể của mình. Người Lakedaimon được báo tin trước tất cả những thành bang khác về việc vua Ba Tư đang chuẩn bị một cuộc viễn chinh tấn công Hy Lạp, và bởi thế họ đã phái người tới dự ngôn giả tại Delphoi, nơi mà câu trả lời tôi đã kể qua không lâu trước đó được đưa ra. Và họ biết tin về cuộc tấn công theo một cách lạ lùng.

Demaratos, con trai Ariston, sau khi lưu vong ở chỗ người Media đã không còn có cảm tình với người Lakedaimon, theo như quan điểm của tôi và như mọi điều chứng tỏ cho quan điểm ấy, thế nhưng tất cả mọi người đều có thể tự mình suy đoán liệu Demaratos đã làm điều này xuất phát từ thiện chí hay từ sự đắc thắng độc địa với người Lakedaimon. Khi Xerxes đã quyết mở chiến dịch tấn công Hy Lạp, Demaratos, khi đó ở Sousa và được biết việc này, liền mong muốn báo cho người Lakedaimon biết. Ông ta không thể làm được việc này theo bất cứ cách nào khác vì sẽ gặp nguy hiểm nếu bị phát giác, song ông ta đã nghĩ ra cách sau đây, đó là ông ta lấy một tấm bảng gấp và cạo bỏ lớp sáp phủ trên mặt bảng, rồi sau đó viết dự định của nhà vua lên mặt gỗ của tấm bảng, rồi khi đã làm xong, ông ta đun chảy sáp và đổ lên trên các dòng chữ, như thế tấm bảng (được mang đi mà không có chữ nào viết trên đó) sẽ không gặp rắc rối nào từ quân canh đường. Thế rồi khi nó đã tới được Lakedaimon, người Lakedaimon đã không thể đoán ra cho đến khi cuối cùng Gorgo con gái Kleomenes và là vợ của Leonidas, theo những gì tôi được cho hay, đã đề xuất một cách mà chính bà nghĩ ra, yêu cầu họ cạo lớp sáp đi và họ sẽ thấy chữ viết trên lớp gỗ. Làm như lời bà nói, họ tìm ra mật thư và đọc nó, rồi sau đó họ báo tin tới các thành bang Hy Lạp khác. Những việc

này được kể là đã xảy ra như vậy.

Quyển 8
Ourania[1]

---

[1]. Nữ thần của thiên văn học trong thần thoại Hy Lạp.

---

1. Những người Hy Lạp tham gia vào hạm đội bao gồm:

Người Athenai cung cấp 127 chiến thuyền, người Plataia, từ lòng can đảm và nhiệt huyết muốn phụng sự, cho dù họ không có chút kinh nghiệm hàng hải nào, cũng vẫn cùng phục vụ với người Athenai trên các chiến thuyền của họ. Người Korinthos cung cấp 40 chiến thuyền, người Megara cung cấp 20 chiến thuyền, người Khalkis cung cấp thủy thủ đoàn cho 20 chiến thuyền mà người Athenai dành cho họ, người Aigina cung cấp 18 chiến thuyền, người Sikyon 12 chiến thuyền, người Lakedaimon 10 chiến thuyền, người Epidauros 8 chiến thuyền, người Eretria 7 chiến thuyền, người Troizen 5 chiến thuyền, người Styra 2 chiến thuyền, người Keos 2 chiến thuyền và 2 *pentekonteroi*, trong khi người Lokroi ở Opous cũng tới hỗ trợ các thành bang khác với 7 *pentekonteroi*.

2. Trên đây là những người hội quân trong cuộc xuất quân tới Artemision, và tôi đã liệt kê các tộc người theo số lượng chiến thuyền họ cung cấp. Như thế, số lượng chiến thuyền tập hợp ở Artemision (không kể các *pentekonteroi*) là 271 chiếc. Và vị tư lệnh nắm quyền chỉ huy tối cao của hạm đội là người Sparta, đó là Eurybiades, con trai Eurykleides, vì các đồng minh từ chối phục tùng người Athenai,và tuyên bố rằng họ sẽ dừng cuộc viễn chinh đã được lên kế hoạch, trừ phi một người Lakedaimon nắm quyền chỉ huy.

3. Điều đầu tiên được nói đến, thậm chí từ trước khi người Hy Lạp phái sứ giả tới Sikelia tìm kiếm đồng minh, là hạm đội phải nằm dưới quyền kiểm soát của người Athenai. Nhưng vì các đồng minh

phản đối chuyện này, những người Athenai liền nhượng bộ, vì với họ việc cứu nguy cho Hy Lạp là quan trọng nhất, và hiểu rằng nếu các đồng minh bất đồng về quyền chỉ huy, Hy Lạp sẽ diệt vong. Và trong chuyện này họ đã suy nghĩ đúng đắn, vì bất đồng giữa những người đồng chủng là điều còn tồi tệ hơn chiến tranh cũng như chiến tranh luôn tồi tệ hơn hòa bình. Chắc chắn về thực tế này, họ không khăng khăng giữ ý của mình, mà nhượng bộ trong thời gian họ cần đến các đồng minh một cách khẩn cấp; và cách hành xử của họ đã chứng tỏ điều đó. Bởi vì sau khi đẩy lui vua Ba Tư khỏi lãnh thổ của mình, người Athenai giờ đây tranh đấu để giành lấy đất đai của Ba Tư chứ không còn để giữ lấy đất của họ nữa, họ liền lấy sự ngạo mạn của Pausanias ra làm cớ để rồi truất quyền chỉ huy của người Lakedaimon. Tuy nhiên, chuyện này diễn ra về sau.

4. Vào thời điểm này, những người Hy Lạp kể trên, cũng là những người đã tới Artemision, khi họ thấy một lượng lớn thuyền đã tập trung ở Aphetai và tất cả đều đầy ắp quân lính, liền cảm thấy lo sợ, vì vận hội của man tộc đã diễn ra trên thực tế khác hẳn với những gì họ trông đợi, và họ suy tính về việc rút lui từ Artemision về khu vực nằm sâu hơn trong nội địa Hy Lạp. Và người Euboia, nhận thấy họ đang suy tính như vậy, đã yêu cầu Eurybiades nán lại ở đó cùng họ một thời gian ngắn, cho tới khi họ đã mang đi khỏi vùng đất con cái và gia tộc của họ. Vì không thuyết phục nổi ông này, họ liền tới gặp và thuyết phục Themistokles, chỉ huy lực lượng Athenai, bằng một khoản tiền 30 *talanta* với điều kiện hạm đội sẽ ở lại và giao chiến trên biển ở phía trước mặt Euboia.

5. Themistokles liền khiến người Hy Lạp ở lại bằng cách như sau: Ông ta đưa cho Eurybiades 5 *talanta* trong số tiền kể trên và vờ rằng trao nó từ tiền túi của chính mình. Và khi Eurybiades đã bị ông ta thuyết phục thay đổi quyết định, Adeimantoscon trai Okytos, chỉ huy của lực lượng Korinthos, là người duy nhất còn lại trong những người khác vẫn chống đối, nói rằng ông ta sẽ dong buồm rời khỏi Artemision và sẽ không ở lại cùng những người khác. Vậy là Themistokles nói với ông này kèm theo một lời thề như sau: "Ông ít nhất sẽ không rời khỏi chúng tôi, vì tôi sẽ trao cho ông món quà lớn hơn thứ vua của người Media sẽ trao cho ông nếu ông từ bỏ hàng ngũ đồng minh". Ông ta nói như vậy, đồng thời cũng đưa tới thuyền của Adeimantos 3 *talanta* bạc. Vậy là tất cả các chỉ huy đã được thuyết phục thay đổi quyết định của họ bằng quà tặng, đồng thời lời đề nghị của người Euboia cũng được chấp thuận, và bản thân Themistokles cũng kiếm được tiền; và không ai biết ông ta có được phần tiền còn lại, mà những người đã nhận một phần khoản tiền đều được thuyết phục hoàn toàn

rằng tiền đó do thành bang Athenai gửi tới vì mục đích như vậy.

6. Thế là hạm đội Hy Lạp nán lại Euboia và giao chiến một trận trên biển, và việc này xảy ra như sau: Khi man tộc đã tới Aphetai vào khoảng đầu buổi chiều sau khi được báo tin, thậm chí từ trước lúc họ tới nơi, rằng có số ít chiến thuyền Hy Lạp đang đóng tại Artemision và lúc này, khi tận mắt thấy những chiếc thuyền đó, man tộc liền hăm hở muốn tấn công những chiến thuyền Hy Lạp này để xem họ có thể chiếm được chúng hay không. Lúc này họ nghĩ chưa phải thời điểm tốt để tiến thẳng tới tấn công chúng, bởi họ sợ rằng người Hy Lạp, khi thấy họ dong buồm tới tấn công, sẽ tháo chạy và màn đêm sẽ giúp cho cuộc tháo chạy của người Hy Lạp thêm thuận lợi, và như thế quân Ba Tư nghĩ rằng người Hy Lạp nhiều khả năng sẽ trốn thoát mất. Trái lại, theo tính toán của người Ba Tư, nếu tấn công đúng thời điểm thì cả người giữ lửa của phe Hy Lạp cũng không chạy thoát và bảo toàn tính mạng được[1].

---

[1]. Ở đây tác giả nhắc tới người được gọi là pyrphoros có trách nhiệm nhóm lửa cho lễ hiến sinh trên ban thờ thần Zeus Agetor ở Sparta, và người này được coi là một nhân vật thiêng liêng, vì vậy cách diễn đạt "cả người giữ lửa cũng không chạy thoát" hàm ý một thất bại hoàn toàn.

---

7. Với mục đích như vậy, họ liền mưu tính như sau: Từ tổng số chiến thuyền của mình, người Ba Tư tách ra 200 chiếc, phái chúng chèo tới Kaphereus và vòng qua Geraistos tới thành phố Euripos, đi ra tận ngoài Skiathos để những chiếc thuyền này không bị kẻ thù trông thấy khi vòng quanh đảo Euboia. Mục đích của người Ba Tư là với các chiến thuyền kể trên tới từ phía đó và chặn đường rút lui của kẻ thù, trong khi chủ lực của hạm đội Ba Tư tiến thẳng tới phía địch, họ có thể vây kín quân Hy Lạp từ mọi phía. Sau khi hình thành kế hoạch này, họ liền điều các chiến thuyền được lựa chọn cho mục đích tập hậu, còn chủ lực hạm đội thì không hề dự định tấn công người Hy Lạp vào ngày hôm ấy hay cho tới tận khi tín hiệu đã được thống nhất trước sẽ được cánh quân tập hậu phát đi gửi tới họ để báo hiệu các chiến thuyền này đã tới nơi. Như tôi đã nói ở trên, đây là những thuyền được phái đi vòng ra sau kẻ thù, trong khi đó họ điểm số lượng những chiến thuyền còn lại tại Aphetai.

8. Trong khi người Ba Tư đang điểm số lượng thuyền của họ, chuyện sau đây xảy ra: Trong trại quân Ba Tư có một người Skione tên là Skyllias, người có tài lặn giỏi nhất thời đó, cũng là người khi xảy ra vụ đắm thuyền ở Pelion đã cứu được rất nhiều của cải cho người Ba Tư và cũng giành lấy cho mình rất nhiều của cải. Skyllias

vốn từ trước đã có ý định đào ngũ sang phía người Hy Lạp nhưng chưa thể thực hiện được cho tới lúc này. Tôi không thể nói rõ một cách chắc chắn anh ta trên thực tế đã tới chỗ những người Hy Lạp bằng cách nào, song tôi thực sự kinh ngạc nếu câu chuyện được thuật lại là thực. Bởi người ta kể rằng anh ta đã lặn xuống biển tại Aphetai và không hề ngoi lên mặt nước cho tới khi đến Artemision, sau khi đã lặn khoảng 80 *stadia*. Còn có vài câu chuyện nữa được kể về nhân vật này có vẻ là không đúng, nhưng cũng có một số chuyện có vẻ đúng. Tuy nhiên, về chuyện này tôi xin bày tỏ quan điểm của mình là anh ta đã tới Artemision trên một chiếc thuyền. Rồi khi đã đến đó, anh ta lập tức cho các chỉ huy Hy Lạp biết về vụ đắm thuyền của người Ba Tư, về cách nó đã xảy ra, cũng như về các chiến thuyền đã được cử đi vòng quanh Euboia.

9. Nghe được tin này, những người Hy Lạp liền bàn bạc tình hình với nhau. Sau khi rất nhiều ý kiến được đưa ra, quan điểm chiếm ưu thế là họ cần ở nguyên tại chỗ trong ngày hôm ấy và cắm trại trên bờ, rồi khi đã quá nửa đêm, họ sẽ ra khơi và tới đón đầu những chiến thuyền Ba Tư đang đi vòng. Tuy nhiên sau đó, vì không có kẻ thù nào tới tấn công họ, họ liền chờ tới lúc chiều muộn rồi ra khơi tấn công man tộc, mong muốn thử thách cả cách thức chiến đấu của họ lẫn mẹo để phá vỡ đội hình địch.

10. Khi thấy những người Hy Lạp xuất kích tấn công mình với ít chiến thuyền như vậy, không chỉ các thủy binh trong hạm đội của Xerxes mà cả các tướng lĩnh chỉ huy cũng coi những người Hy Lạp là bị sự điên rồ xui khiến, và bản thân người Ba Tư cũng đưa các chiến thuyền của mình ra khơi, đoán chừng họ có thể dễ dàng chiếm các chiến thuyền Hy Lạp. Phỏng đoán của họ quả thực cũng có lý, vì họ thấy số thuyền Hy Lạp ít, trong khi số thuyền của họ nhiều hơn gấp bội và di chuyển tốt hơn trên biển. Quyết định như vậy, người Ba Tư liền dong buồm đi vòng vây người Hy Lạp vào giữa. Khi đó có nhiều người Ionia có cảm tình với người Hy Lạp và phải bất đắc dĩ tham gia cuộc viễn chinh, cảm thấy hết sức buồn phiền khi chứng kiến người Hy Lạp bị vây và cảm thấy chắc chắn rằng không ai trong những người này có thể quay về được nhà, vì họ cho rằng chiến lực của người Hy Lạp quá yếu. Trong khi đó, những người chủ chiến với Hy Lạp, ai cũng nỗ lực muốn là người đầu tiên chiếm được một chiến thuyền Athenai và nhận ban thưởng từ nhà vua, vì ở phía Ba Tư, người Athenai được nói đến nhiều hơn bất cứ tộc người Hy Lạp nào khác.

11. Trong khi đó, người Hy Lạp khi có hiệu lệnh liền bố trí chiến thuyền của họ quay mũi về phía man tộc còn đuôi thuyền chụm

vào nhau ở giữa. Rồi khi hiệu lệnh được đưa ra lần thứ hai, cho dù bị dồn lại trong một không gian hẹp với các mũi thuyền kề sát nhau, người Hy Lạp tấn công dữ dội, và họ chiếm được 30 chiến thuyền man tộc, và bắt được cả Philaion, con trai Khersis, em trai Gorgos, vua của người Salamis, một người rất có danh tiếng trong đạo quân Ba Tư. Người đầu tiên trong hàng ngũ Hy Lạp chiếm được một thuyền địch là Lykomedes, con trai Aiskhraios, một người Athenai, và anh này đã giành được phần thưởng cho lòng dũng cảm của mình. Hai hạm đội này vậy là chạm trán trên biển với kết quả thắng thua chưa phân định rõ ràng và lại lui thuyền tách khỏi nhau khi đêm đến. Người Hy Lạp liền dong buồm tới Artemision, còn man tộc về Aphetai, sau khi trận hải chiến diễn ra khác hẳn với trông đợi của họ. Trong trận hải chiến này, Antidoros người Lemnos là người duy nhất trong số những người Hy Lạp đang phụng sự vua Ba Tư chạy sang phía Hy Lạp, và người Athenai vì việc này đã tặng cho anh ta một mảnh đất ở Salamis.

12. Khi đêm đến, cho dù đang giữa mùa hè, mưa vẫn trút xuống dữ dội và kéo dài suốt đêm, với những tiếng sấm vang dội từ núi Pelion, xác chết và mảnh thuyền đắm bị hất dạt vào Aphetai và dồn lại quanh các mũi thuyền, mắc vào các mái chèo. Binh sĩ của hạm đội ở đó khi biết chuyện này đều trở nên sợ hãi, cho rằng họ sẽ chết vì đã tới đây để chuốc lấy bấy nhiêu phiền phức bởi họ chưa kịp lấy lại bình tĩnh sau cơn bão và vụ đắm thuyền đã xảy ra ngoài khơi gần núi Pelion đã phải đánh một trận hải chiến khốc liệt, rồi sau trận hải chiến lại phải trải qua một cơn mưa bão dữ dội, những dòng nước chảy cuồn cuộn ra biển cùng tiếng sấm rung trời.

13. Người Ba Tư đã phải trải qua một đêm như tôi vừa nói, và trong cùng thời gian đó, hải đội được chỉ định dong buồm vòng quanh đảo Euboia cũng phải trải qua một đêm tương tự, nhưng bão tố trút xuống đầu họ còn dữ dội hơn, chưa kể họ gặp phải mưa bão khi đang ở giữa biển khơi. Và cơn bão tố đã gây tai họa lớn cho họ, bởi khi mưa bão cùng ập xuống hải đội này, họ đang ở chỗ các bãi đá ngầm của Euboia, họ bị gió cuốn đi mà không biết mình đang dạt về hướng nào, và bị hất vào đá. Và tất cả chuyện này đã được thần linh tạo ra để lực lượng Ba Tư trở nên cân bằng với lực lượng Hy Lạp chứ không còn lớn hơn nhiều.

14. Vậy là toàn hải đội đó bị diệt ở chỗ các bãi đá ngầm của Euboia Man tộc tại Aphetai cảm thấy rất vui mừng khi trời hửng sáng, giữ chiến thuyền của họ án binh bất động và hài lòng ở yên vào lúc này sau những tai ương vừa gặp phải. Nhưng về phía Hy Lạp có 35 chiến thuyền Athenai tới tăng viện. Sự xuất hiện của các chiến

thuyền này khiến người Hy Lạp thêm dũng cảm, đồng thời họ cũng được tiếp thêm hưng phấn từ tin báo cho hay hải đội man tộc đi vòng quanh đảo Euboia đã bị cơn bão tối hôm trước hủy diệt hoàn toàn. Thế rồi họ chờ tới cùng thời điểm như ngày hôm trước để ra khơi tập kích một số thuyền Kilikia, sau khi phá hủy những chiếc thuyền này, họ rút lui khi màn đêm buông xuống và quay trở lại Artemision.

15. Đến ngày thứ ba, các tướng lĩnh man tộc, vô cùng tức giận trước việc một số lượng chiến thuyền nhỏ như vậy lại có thể gây tổn thất cho họ, đồng thời sợ hình phạt Xerxes có thể đưa ra, lần này liền không chờ người Hy Lạp khai chiến nữa mà truyền lệnh dong buồm của họ vào khoảng giữa trưa.

Những trận hải chiến này và các trận bộ chiến tại Thermopylai diễn ra trong cùng quãng thời gian, và với những người Hy Lạp chiến đấu trên biển, mục đích giao chiến của họ là eo biển Euripos, cũng giống như mục đích của Leonidas và đội quân dưới quyền ông là trấn giữ con đường qua núi. Vậy là người Hy Lạp động viên lẫn nhau không cho man tộc tiến vào Hy Lạp, trong khi man tộc hô hào thúc giục nhau tiêu diệt hạm đội Hy Lạp để chiếm lĩnh eo biển.

16. Trong lúc hạm đội của Xerxes đang dong buồm dàn thành đội hình chiến đấu tiến tới phía người Hy Lạp, người Hy Lạp vẫn án binh bất động tại Artemision. Và man tộc, sau khi bố trí chiến thuyền thành một hình lưỡi liềm, liền tìm cách vây lấy đối phương. Khi đó người Hy Lạp liền xông ra biển và giao chiến, và trong trận chiến này hai bên gần như cân bằng nhau, vì hạm đội của Xerxes, do quy mô và số lượng chiến thuyền đã tự gây ra cho chính mình thiệt hại, vì các chiến thuyền bị rối loạn và va vào nhau. Dẫu vậy, hạm đội Ba Tư vẫn đứng vững và không chịu lùi bước, vì họ không chấp nhận phải tháo lui trước ít chiến thuyền địch đến thế. Vì thế, nhiều chiến thuyền Hy Lạp bị phá hủy, nhiều thủy binh Hy Lạp tử trận, nhưng thiệt hại về thuyền và binh sĩ của man tộc còn lớn hơn nhiều. Vậy là hai bên ngừng chiến bất phân thắng bại và mỗi bên quay về nơi đóng quân của mình.

17. Trong trận hải chiến này, người Ai Cập chiến đấu tốt nhất trong số các tộc người chiến đấu cho Xerxes, và những người Ai Cập, bên cạnh những chiến công hiển hách, đã chiếm được năm chiến thuyền Hy Lạp cùng thủy thủ đoàn. Trong khi đó, những người Hy Lạp chiến đấu xuất sắc nhất hôm đó là người Athenai, và trong hàng ngũ người Athenai xuất sắc nhất là Kleinias, con trai Alkibiades, người tham gia hạm đội với 200 chiến binh và

một chiến thuyền của riêng anh ta, được trang bị bằng tiền của anh ta.

18. Sau khi ngưng giao chiến, cả hai bên đều hối hả vui mừng quay trở lại nơi đậu thuyền của mình, rồi sau khi hai hạm đội đã tách khỏi nhau và rời khỏi chiến trường, cho dù người Hy Lạp nắm trong tay thi thể của những người chết và xác các thuyền đắm, nhưng vì họ đã bị tổn thất nặng nề (nhất là người Athenai, một nửa số chiến thuyền của họ đã bị loại khỏi vòng chiến), lúc này họ quyết định rút lui về các vùng nằm sâu hơn trong lãnh hải Hy Lạp.

19. Tuy nhiên, Themistokles đã nhận ra rằng nếu có thể tách người Ionia và Kariara khỏi hạm đội man tộc, người Hy Lạp có thể đánh bại được lực lượng còn lại. Và trong khi người Euboia đang sơ tán gia súc của họ về phía vùng biển đó, Themistokles liền họp các tướng lĩnh và nói với họ rằng ông nghĩ có một phương cách mà ông hy vọng sẽ khiến những đồng minh tốt nhất của vua Ba Tư rời bỏ nhà vua. Vấn đề này ông chỉ hé lộ đến đó, và về hoàn cảnh hiện tại, ông nói họ cần phải làm như sau: Tất cả họ cần giết bao nhiêu tùy thích số gia súc của người Euboia, vì thà để đạo quân của họ có được những đầu gia súc này còn hơn là để kẻ thù có được. Thêm nữa, ông khuyên mỗi tướng lĩnh cần ra lệnh cho binh lính dưới quyền đốt một đống lửa, còn về thời điểm rút lui của họ, ông sẽ xem xét lựa chọn một cách sáng suốt để họ có thể rút về Hy Lạp an toàn. Các tướng lĩnh đều đồng ý làm theo, và ngay sau khi đã nhóm lửa họ liền quay sang giải quyết đàn gia súc.

20. Người Euboia, tảng lờ thần dụ của Bakis như thể nó chẳng hề có ý nghĩa gì, đã không hề sơ tán bất cứ thứ gì khỏi lãnh thổ của họ hay chuẩn bị sẵn bất cứ kho dự trữ lương thực nào phòng khi chiến tranh xảy đến, hơn nữa cách xử sự của họ cũng đem đến cho họ thêm nhiều phiền toái. Vì thần dụ được Bakis phán về những biến cố này như sau:

> Khi một kẻ lạ mặt ném chiếc ách bằng cói qua biển,
>
> Hãy cẩn trọng lùa lẽ dê kêu be be xa khỏi Euboia.

Trước những tai ương hoặc đã xảy đến với họ lúc này hoặc phải trông đợi sẽ sớm xảy ra, hẳn họ sẽ thấy hối tiếc ít nhiều vì đã không để tâm tới những lời tiên tri này.

21. Trong khi người Hy Lạp bắt tay vào những việc kể trên, người báo tin từ Trakhis đã tới chỗ họ. Vì tại Artemision có một người

báo tin tên là Polyas người Antikyra, người này đã được chỉ định sẽ báo tin cho đạo quân ở Thermopylai trong trường hợp hạm đội bị loại khỏi vòng chiến, và Polyas có một chiếc thuyền được trang bị sẵn sàng dành cho anh ta nhằm mục đích này. Tương tự, ở chỗ Leoniadas có Abronykhos con trai Lysikles, một người Athenai, sẵn sàng mang tin tới chỗ hạm đội ở Artemision bằng một chiếc *triekonteros* nếu có bất cứ thảm họa nào xảy đến với đạo quân bộ. Khi đó Abronykhos đã tới Artemision, và báo cho hạm đội Hy Lạp biết điều đã xảy đến với Leonidas và đội quân của ông. Khi người Hy Lạp hay tin, họ không trì hoãn thêm nữa cuộc rút lui của mình, mà lập tức ra khơi theo thứ tự được chỉ định, với người Korinthos đi đầu tiên trong đội hình của hạm đội và người Athenai đi sau cùng.

22. Tuy nhiên Themistokles lựa chọn những chiến thuyền nhanh nhất của Athenai và đi tới chỗ các nguồn nước uống rồi khắc chữ lên các tảng đá ở đây, những người Ionia sau đó đọc được những dòng chữ này khi tới nơi vào ngày hôm sau. Những dòng chữ được khắc trên đá như sau: "Hỡi người Ionia, các vị đã hành động không đúng đắn khi tham gia vào cuộc viễn chinh chống lại tổ tiên nòi giống của các vị và tìm cách đẩy Hy Lạp vào ách nô dịch. Sẽ là tốt hơn cả nếu các vị tới và đứng vào hàng ngũ của chúng tôi; nhưng nếu các vị không thể làm vậy, hãy đứng ngoài thậm chí ngay cả từ lúc này, khỏi cuộc chiến chống lại chúng tôi và đề nghị người Karia cũng làm tương tự các vị. Tuy nhiên, nếu không thể làm được việc nào trong cả hai việc kể trên, và các vị bị kiềm chế quá nặng nề để có thể nổi dậy, thì các vị hãy cố tình trễ nải khi chúng tôi giao chiến, và nhớ rằng các vị có nguồn gốc từ chúng tôi và cuộc xung đột của chúng tôi với man tộc trước hết bắt nguồn từ các vị".

Themistokles đã viết như vậy sau khi có đồng thời hai mục đích trong đầu, đó là hoặc những lời nhắn này sẽ qua mắt được sự chú ý của vua Ba Tư và khiến người Ionia thay đổi và ngả sang phía mình, hoặc sau khi những lời nhắn này bị ghi nhận và tố cáo lên Xerxes, chúng có thể khiến nhà vua nghi ngờ người Ionia, và như thế sẽ không cho họ tham chiến trên biển.

23. Vậy là Themistokles cho khắc những dòng chữ như vậy, và ngay sau những biến cố kể trên, một người Histiaia đi trên một chiếc thuyền đã mang tin quân Hy Lạp rút khỏi Artemision tới báo cho man tộc. Tuy nhiên, họ không tin việc này và bắt giữ người đưa tin, đồng thời cử những chiếc thuyền di chuyển nhanh đi thám thính. Khi những chiếc thuyền này báo về sự thật, khi trời đã sáng rõ, toàn bộ hạm đội Ba Tư nhất loạt hành quân tới

Artemision. Sau khi nán lại nơi này tới trưa, họ dong buồm tới Histiaia, và khi đến đó man tộc đánh chiếm thành Histiaia, tàn phá tất cả làng nằm dọc theo bờ biển ở vùng Ellopia, thuộc lãnh thổ của Histiaia.

24. Trong lúc hạm đội đang ở đó, Xerxes, sau khi đã cho xử trí xong thi thể những người chết ở Thermopylai, phái một truyền lệnh sứ tới hạm đội. Trước đó nhà vua đã xử trí những người chết trận như sau: về phần tất cả binh sĩ của Xerxes tử trận ở Thermopylai (có tới 20.000 người), ngoại trừ 1.000 người được nhà vua để lại, Xerxes cho đào những con hào và chôn những người còn lại, phủ lá rồi đắp đất lên trên các thi thể, để người của hạm đội không thể nhìn thấy những cái xác này. Sau đó, khi truyền lệnh sứ đã đi tới Histiaia, người này cho tập trung toàn thể hạm đội và nói những lời sau: "Hỡi các đồng minh, vua Xerxes cho phép bất cứ ai trong số các người nếu muốn có thể rời vị trí của mình để tới và nhìn xem nhà vua chiến đấu ra sao chống lại những kẻ bất trí nhất đã muốn khuất phục quyền lực của nhà vua".

25. Khi truyền lệnh sứ đã tuyên bố xong, thuyền trở thành thứ được tìm kiếm nhiều nhất, vì có rất nhiều người mong muốn được chứng kiến cảnh đó. Và khi những người này đã vào tới bờ, họ đi qua chỗ các xác chết và quan sát. Và ai cũng cho rằng những thi thể nằm đó đều là người Lakedaimon hay người Thespiai, cho dù trong số những cái xác họ thấy cũng có cả các *heilotai*. Tuy nhiên, những người đã ghé qua chiến trường không khỏi phát hiện ra điều Xerxes đã làm với thi thể của binh sĩ như tôi đã kể qua ở trên, vì trên thực tế chuyện che giấu đó thậm chí đã trở thành trò cười. Vì 1.000 thi thể nằm rải rác trên chiến trường về một phía, và phía bên kia 4.000 thi thể nằm cùng một chỗ.

Trong suốt ngày hôm ấy, binh sĩ hạm đội bận rộn với việc tham quan chiến trường, rồi đến hôm sau họ quay trở lại chỗ các chiến thuyền ở Histiaia, trong lúc Xerxes và đạo quân bộ của nhà vua bắt đầu hành quân.

26. Tới gia nhập đạo quân Ba Tư cũng có một số kẻ đào ngũ từ Arkadia, những người không có kế sinh nhai và muốn được chiêu dụng. Người Ba Tư đưa những người này tới diện kiến nhà vua và hỏi han bọn họ về những gì quân Hy Lạp đang làm, và những câu hỏi này được một người Ba Tư đưa ra thay mặt tất cả những người còn lại. Những người Arkadia này liền trả lời người Ba Tư rằng người Hy Lạp đang tổ chức hội Olympia và đang đi xem các cuộc thi đấu điền kinh và đua ngựa. Người Ba Tư liền hỏi lại rằng người

Hy Lạp thi đấu để giành lấy giải thưởng nào; và người Arkadia trả lời họ rằng một vòng đội đầu làm từ cành ô-liu được trao cho người chiến thắng. Khi đó Tigranes con trai Artabanos liền thốt lên một suy nghĩ cao thượng nhất, cho dù vì nó mà ông ta bị nhà vua quở trách là hèn nhát. Vì khi nghe được rằng giải thưởng là một vòng đội đầu từ cành ô-liu chứ không phải tiền, Tigranes đã không thể giữ im lặng mà nói ra những lời sau đây trước sự có mặt của tất cả mọi người: "A! Mardonios, ông đã đẩy chúng ta tới chỗ chiến đấu với những con người thế nào đây, những con người thi tài không phải vì tiền mà vì danh dự!"

27. Trong cùng thời gian này, ngay sau khi tai họa tại Thermophylai xảy ra, người Thessalia đã gửi một sứ giả tới chỗ người Phokis vốn luôn có thù địch với họ, nhất là từ tai họa cuối cùng mà họ đã phải chịu đựng, vì khi người Thessalia cùng các đồng minh của họ xâm lược đất Phokis chỉ vài năm trước khi diễn ra cuộc viễn chinh của vua Ba Tư, họ đã bị người Phokis đánh bại và giáng cho những đòn nặng nề. Khi đó trong số những người Phokis cố thủ trên núi Parnassos có một nhà tiên tri tên là Tellias người Elis, và Tellias đã nghĩ cho họ một kế như sau: Ông ta chọn 600 chiến binh giỏi nhất trong số người Phokis, lấy phấn bôi trắng cả thân mình lẫn áo giáp của những người này, rồi sau đó tấn công người Thessalia vào ban đêm sau khi đã dặn trước những người Phokis giết tất cả những ai không bôi trắng khắp người. Vậy là không chỉ các lính canh Thessalia, những người thấy các chiến binh kể trên đầu tiên, là bị họ dọa cho phát hoảng vì cho rằng họ là những bóng ma báo điềm gở hay thứ gì đó chứ không phải người thường, mà cả đạo quân Thessalia cũng bị dọa như thế. Vậy là người Phokis làm chủ chiến trường nắm trong tay thi thể của 4.000 kẻ thù bị giết cùng khiên của họ. Số khiên này họ đem dâng một nửa làm lễ vật tại Abai, nửa còn lại tại Delphoi. Một phần mười số của cải chiến lợi phẩm đoạt được từ trận đánh này được dùng để chế tác những bức tượng lớn trong tư thế đang tranh giành chiếc giá ba chân trước ngôi đền tại Delphoi, và những bức tượng tương tự như thế được dâng làm lễ vật tại Abai.

28. Đó là những gì người Phokis đã giáng xuống đầu bộ binh Thessalia khi họ bị người Thessalia bao vậy, và họ cũng gây ra cho kỵ binh Thessalia những tổn thất không thể bù đắp được, khi lực lượng này xâm lược lãnh thổ của họ. Vì tại con đường qua núi gần Hyampolis họ đã đào một cái hào rộng và bỏ xuống đáy hào những vò đựng rượu vang rỗng, sau khi đã phủ đất lên trên hào ngụy trang cho giống với mặt đất xung quanh, họ chờ đợi người Thessalia xâm nhập vào lãnh thổ của mình. Các kỵ binh Thessalia cho rằng họ có thể nhanh chóng đánh bại người Phokis, vậy là

trong lúc thúc ngựa phi hết tốc độ họ rơi xuống những cái vò rượu, làm cho những con ngựa của họ bị què chân hết cả.

29. Sẵn mang mối hận vì những thất bại này, người Thessalia phái đi một sứ giả và gửi tới người Phokis thông điệp sau: "Hỡi người Phokis, chúng ta khuyên các người lúc này đây hãy sẵn sàng đổi ý và thừa nhận rằng các người không ở cùng một đẳng cấp với chúng ta. Vì trong quá khứ, trong hàng ngũ các tộc người Hy Lạp, khi chúng ta còn vui lòng ở trong hàng ngũ ấy, chúng ta vẫn luôn được đánh giá cao hơn các người. Và giờ đây, chúng ta có quyền lực lớn lao với man tộc đến mức chúng ta có thể khiến các người bị tước đi lãnh thổ và bị bán làm nô lệ. Tuy nhiên, dù có trong tay tất cả sức mạnh, chúng ta không hề có dụng ý xấu, và chỉ cần các người trả cho chúng ta 50 *talanta* bạc, chúng ta sẽ cam kết ngăn chặn những mối nguy hiểm đang đe dọa tiến tới đất đai của các người".

30. Người Thessalia đã đề xuất như vậy, vì trong số các tộc người ở khu vực đó chỉ người Phokis là không ngả về phía người Media, và tôi suy đoán nguyên nhân của việc này không gì khác ngoài mâu thuẫn của họ với người Thessalia.

Khi người Thessalia đưa ra đề nghị, người Phokis liền nói rằng họ sẽ không giao tiền, và rằng họ cũng có thể ngả sang phía người Media như người Thessalia nếu họ muốn vì những lý do khác, song bản thân họ không muốn trở thành những kẻ phản bội Hy Lạp.

31. Khi những lời này được báo lại, người Thessalia, vô cùng tức giận người Phokis, liền trở dẫn đường cho man tộc. Và từ đất Trakhis, quân Ba Tư tiến vào Doris, vì có một dải đất hẹp thuộc lãnh thổ Doris chạy dài về phía này, rộng chừng 30 *stadia*, nằm giữa Malis và Phokis, vùng đất thời cổ xưa được gọi là Dryopis; đây là nơi phát tích của người Doris ở Peloponnesos. Man tộc không tàn phá vùng đất Doris khi họ tiến vào vùng này, do cư dân ở đây đã ngả về phía người Media, và người Thessalia cũng không mong muốn điều đó.

32. Tuy nhiên, khi quân Ba Tư từ Doris tiến vào Phokis, họ đã không thể bắt được chính những người Phokis, vì một số người Phokis đã lánh lên các đỉnh núi cao của Parnassos, và đỉnh núi Parnassos đó, có tên là Tithorea, rất phù hợp để đón nhận một số lớn người, và đỉnh núi này nằm ngay gần thành phố Neon. Một phần người Phokis trốn lên đỉnh núi đó, nhưng phần lớn người Phokis đã mang của cải của họ tới người Ozoloi Lokroi, đến thành

phố Amphissa tọa lạc phía trên đồng bằng Krisa. Tuy thế, man tộc tàn phá toàn bộ vùng Phokis, và người Thessalia đã dẫn đường cho man tộc nhằm mục đích này, và đi tới đâu man tộc cũng đốt phá hay chặt hạ mọi thứ, và thiêu rụi cả các thành phố lẫn các đền.

33. Man tộc tàn phá mọi thứ, tiến hành cuộc hủy diệt theo sông Kephisos, và họ đốt cháy thành Drymos, Kharadra, Epokhos, Tethronios, Amphikaia, Neon, Pediai, Tritai, Elateia, Hyampolis, Parapotamioi và Abai, ở Abai có một đền thờ Apollon, ngôi đền rất giàu có và sở hữu những kho báu cũng vô vàn lễ vật. Vào thời ấy, và cả bây giờ cũng vậy, nơi này có một thần miếu. Man tộc đã cướp bóc và đốt cháy ngôi đền. Họ cũng truy đuổi và bắt giữ một số người Phokis trên các ngọn núi, và có những phụ nữ bị man tộc hành hạ đến chết.

34. Đi qua Parapotamioi, man tộc tiến tới Panopeis, và từ đây trở đi, đạo quân của họ được tách ra hành quân theo các lộ tuyến khác nhau. Cánh quân lớn nhất và mạnh nhất của đạo quân đi cùng Xerxes hướng tới Athenai, tiến vào vùng đất của người Boiotia, xâm nhập lãnh thổ của Orkhomenos. Đa số người Boiotia khi đó đứng về phía người Media, và cai quản các thành phố của họ là những người Makedonia đã được Alexandros cử tới từng đô thị. Và các thành phố này giữ lại những người đó nhằm chứng tỏ với Xerxes rằng người Boiotia quyết định ở bên phía người Media.

35. Vậy là man tộc đi theo hướng này, nhưng số khác có người hướng đạo đã lên đường tới chỗ ngôi đền tại Delphoi, với Parnassos nằm bên phía phải lộ tuyến của họ. Cánh quân này tàn phá những phần đất Phokis mà họ hành quân qua, vì họ đã phóng hỏa thiêu trụi các thành phố Panopeis, Daulis và Aiolis. Cũng vì lý do này mà cánh quân đang được nhắc tới hành quân theo hướng như vậy, tách khỏi phần còn lại của đạo quân, nhằm cướp bóc ngôi đền tại Delphoi và dâng các kho báu ở đó lên vua Xerxes. Và tôi được kể rằng Xerxes biết rõ tất cả những báu vật nào có giá trị tại đó còn hơn những thứ nhà vua đã để lại trong cung điện của mình ở Ba Tư, bởi lẽ có nhiều người liên tục nói về những báu vật ấy, nhất là những lễ vật được Kroisos, con trai Alyattes, dâng tặng ngôi đền.

36. Trong thời gian đó, người Delphoi vô cùng hoảng sợ khi được thông báo tin dữ. Trong cơn hoảng hốt tột độ, họ hỏi ý vị thần rằng liệu họ nên chôn bảo vật thiêng hay mang chúng theo tới một vùng đất khác. Nhưng thần đã cấm họ không được động đến các báu vật, phán truyền rằng ngài có thể tự chăm lo cho các báu

vật của mình. Nghe được những lời này, người Delphoi bắt đầu suy nghĩ cho bản thân họ, và họ gửi trẻ nhỏ và phụ nữ tới Akhaia ở bên kia biển, trong khi phần lớn những người đàn ông leo lên các đỉnh núi của Parnassos và mang của cải của họ tới hang Korykion, trong khi có những người khác chạy trốn tới thành phố Amphissa của người Lokroi để tị nạn. Vậy là tất cả người Delphoi, ngoại trừ 60 người và người giải nghĩa của thần miếu, đều rời bỏ đô thị.

37. Khi man tộc đã tới gần và có thể thấy ngôi đền, người giải nghĩa có tên Akeratos thấy các món vũ khí thiêng mà không ai được phép động tay vào lại đã được đưa khỏi thánh thất và bày nằm bên ngoài phòng. Ông ta liền tới báo điềm lạ này cho những người Delphoi vẫn còn đang ở đó, nhưng khi man tộc tiến lại gần đi ngang qua đối diện với đền Athena Pronaia, lúc ấy có thêm những điềm lạ nữa xảy đến với họ, ghê gớm hơn những gì đã xảy ra, bởi lẽ dù chuyện những món vũ khí xuất hiện bên ngoài thánh thất đã là một điều kỳ lạ, nhưng chuyện xảy ra ngay sau đó thậm chí còn đáng kinh ngạc hơn cả những phép màu khác. Khi man tộc đi ngang qua đối diện với ngôi đền Athena Pronaia, đúng thời điểm đó sấm sét từ trên trời giáng xuống họ, và từ đỉnh Parnassos hai tảng đá nứt tách ra và rơi ập xuống rất nhiều người với tiếng ầm ầm dữ dội, cùng lúc đó từ ngôi đền Pronaia có một tiếng hét vang lên, rồi đến lượt tiếng hô xung trận vang dội.

38. Vì tất cả những biến cố này xảy ra cùng lúc, chúng đã khiến man tộc hoảng sợ. Về phần người Delphoi, sau khi thấy rằng quân địch đang tháo chạy, họ liền xông xuống truy đuổi kẻ thù và giết chết một số lớn man tộc, còn những kẻ sống sót thì tháo chạy một mạch tới Boiotia. Như tôi được biết, các man nhân quay trở lại được còn kể thêm rằng họ cũng đã trông thấy những điều kỳ lạ khác. Theo lời họ, hai người mặc giáp trụ đầy đủ có vóc dáng cao lớn hơn người thường đã truy đuổi và tàn sát họ.

39. Theo lời người Delphoi, hai người đó là những người anh hùng bản địa Phylakos và Autonoos, và nơi thờ phụng hai vị anh hùng này tọa lạc ngay gần ngôi đền, điện thờ Phylakos nằm cạnh đền bên con đường đi qua phía trên ngôi đền Pronaia, còn điện thờ Autonoos ở gần Kastalia dưới một ngọn núi có tên Hyampeia. Thêm nữa, những tảng đá rơi từ trên Parnassos xuống vẫn còn được lưu giữ lại thậm chí tới tận thời của tôi, nằm trong khuôn viên ngôi đền thiêng Athena Pronaia, nơi chúng đã rơi vào sau khi lăn qua hàng ngũ của man tộc. Chúng đã phải tháo lui khỏi ngôi đền trong bối cảnh như vậy.

40. Trong thời gian đó, hạm đội Hy Lạp sau khi rời khỏi

Artemision liền cập bờ tại Salamis theo lời đề nghị của người Athenai. Người Athenai đề nghị hạm đội cập bờ tại Salamis để họ có thể di chuyển trẻ nhỏ và phụ nữ của họ khỏi Attika tới một nơi an toàn, đồng thời cũng để thảo luận xem họ cần làm gì, bởi trong hoàn cảnh hiện tại, người Athenai thấy cần phải cân nhắc lại bởi họ đã bị thất vọng trong chính những điều họ kỳ vọng. Người Athenai vốn nghĩ họ sẽ thấy toàn bộ lực lượng của người Peloponnesos chờ đợi man tộc ở Boiotia, tuy nhiên họ lại chẳng thấy lực lượng nào mà trái lại còn được cho hay rằng người Peloponnesos đang xây một bức tường thành để phòng thủ Eo đất Korinthos và đặt quân canh giữ tường thành, đặt lên trên hết sự an toàn của vùng Peloponnesos và sẵn sàng chấp nhận để tất cả những vùng khác bị chiếm giữ. Được biết tin này, người Athenai liền đề nghị hạm đội cập bờ tại Salamis.

41. Các thành bang khác đưa chiến thuyền của họ vào bờ tại Salamis, nhưng người Athenai thì đưa thuyền tới vùng lãnh thổ của họ. Khi về tới nơi, họ đưa ra bố cáo rằng tất cả người Athenai cần nỗ lực hết sức để cứu lấy trẻ nhỏ và gia đình của mình. Phần lớn người Athenai gửi người thân tới Troizen, nhưng cũng có những người sơ tán tới Aigina, số khác tới Salamis; họ gấp gáp đưa trẻ nhỏ và người thân tránh khỏi nguy hiểm vừa vì họ muốn tuân theo thần dụ, vừa vì một lý do khác sau đây.

Người Athenai kể rằng có một con rắn lớn sống trong ngôi đền và canh giữ Akropolis, và họ không chỉ kể vậy mà còn dâng lễ vật cho nó hằng tháng, như thể con rắn thực sự có ở đó; và lễ vật hằng tháng này là một chiếc bánh mật ong. Chiếc bánh mật ong này vốn trước đó luôn được ăn hết, nhưng lần này lại còn nguyên không được động đến. Khi vị nữ tư tế báo lại việc này, người Athenai đã rời khỏi thành phố với số lượng đông hơn và một cách khẩn trương hơn trước, khi họ thấy rằng cả vị nữ thần (như họ nghĩ) đã rời khỏi Akropolis. Rồi đến khi tất cả của cải của họ đã được sơ tán khỏi vòng nguy hiểm, họ liền dong buồm tới nơi đóng quân của hạm đội.

42. Khi những người rút về từ Artemision đã đưa chiến thuyền của họ lên bờ tại Salamis, hải lực còn lại của người Hy Lạp cũng được báo tin và dần dần từ Troizen tới hội quân cùng họ, vì trước đó những lực lượng kể trên đã được lệnh tập trung tại Pogon, cảng của người Troizen. Tại Salamis vì thế vào lúc này tập hợp nhiều chiến thuyền hơn số lượng có mặt trong trận hải chiến ở Artemision, và các thuyền này tới từ nhiều thành phố hơn. Người được cử làm đô đốc chỉ huy toàn bộ hạm đội vẫn giống như tại Artemision, là Eurybiades, con trai Eurykleides, một người Sparta

nhưng không phải thành viên hoàng gia. Tuy nhiên, người Athenai đóng góp số lượng chiến thuyền lớn nhất và đây cũng là những chiến thuyền tốt nhất.

43. Sau đây là những lực lượng đã tới hội quân: Từ Peloponnesos người Lakedaimon đóng góp 16 chiến thuyền, người Korinthos cung cấp lực lượng tương tự như tại Artemision, người Sikyon cung cấp 15 chiến thuyền, người Epidauros 10 chiến thuyền, người Troizen năm chiếc, người Hermione ba chiếc, tất cả những tộc người kể trên, ngoại trừ người Hermione, đều thuộc các dòng dõi Doris và Makedonia, và đã di dân lần cuối cùng từ Erineos, Pindos và vùng đất Dryopis. Song người Hermione là người Dryopis, bị Herakles và người Malis xua đuổi khỏi vùng đất ngày nay được gọi là Doris.

44. Đó là những người Peloponnesos đã gia nhập hạm đội, còn lực lượng của những thành bang trên đất Hy Lạp ngoài Peloponnesos gồm có: Người Athenai, đóng góp một số lượng chiến thuyền lớn hơn tất cả các thành bang còn lại, cụ thể là 180 chiếc, và chỉ riêng người Athenai phục vụ trên các chiến thuyền đó; vì người Plataia không cùng người Athenai tham gia hải chiến tại Salamis vì khi những người Hy Lạp rời khỏi Artemision lui về gần Khalkis, người Plataia liền lên bờ ở bên bờ đối diện với Boiotia và bắt tay vào sơ tán người thân của họ. Vì bận rộn với việc thu xếp an toàn cho người thân, họ đã bị bỏ lại sau. Còn về phần người Athenai, vào thời kỳ người Pelasgoi chiếm cứ vùng lãnh thổ ngày nay được gọi là Hy Lạp, họ là người Pelasgoi được gọi bằng cái tên Kranaoi, và vào thời vua Kekrops họ được gọi là các Kekropidai. Rồi khi Erekhtheus kế vị, họ đổi tên thành người Athenai; và sau khi Ion con trai Xouthos trở thành chỉ huy người Athenai, họ lấy theo tên ông và được gọi là người Ionia.

45. Người Megara cung cấp số thuyền cũng giống như tại Artemision, người Ambrakia tới trợ giúp các thành bang còn lại với bảy chiến thuyền, người Leukas với ba chiếc, hai tộc người này đều thuộc dòng dõi Doris từ Korinthos.

46. Về đảo dân, người Aigina cung cấp 30 chiến thuyền. Họ cũng còn những chiến thuyền khác có đủ binh sĩ, nhưng dùng các thuyền này để bảo vệ lãnh thổ của mình, trong khi đem 30 chiến thuyền đi biển tốt nhất tới hội quân cho cuộc hải chiến tại Salamis. Người Aigina là người Doris từ Epidauros, và trước kia hòn đảo của họ có tên là Oinone.

Người Khalkis tới hội quân với 20 chiến thuyền từng có mặt tại

Artemision, người Eretria hội quân với bảy chiến thuyền. Trên đây là các tộc người Ionia.

Người Keos, cung cấp cùng số lượng chiến thuyền như trước, và về dòng dõi họ là người Ionia từ Athenai.

Người Naxos cung cấp bốn chiến thuyền, những chiếc thuyền này đã được các công dân thành bang của họ cử đi gia nhập hàng ngũ Ba Tư, giống như những tộc người sống trên các đảo khác. Nhưng họ đã tảng lờ mệnh lệnh này và gia nhập hàng ngũ Hy Lạp theo lời kêu gọi hối thúc của Demokritos, một người có danh tiếng trong số các công dân, đồng thời lúc đó đang chỉ huy một chiếc *trieres*. Những người Naxos là người Ionia có gốc gác từ Athenai.

Người Styra cung cấp vẫn số lượng thuyền như tại Artemision, và người Kythnos cung cấp một chiến thuyền và một chiếc *pentekonteros*, cả hai tộc người này đều là người Dryopis.

Người Seriphnioi, người Siphnioi và người Melos cũng hội quân với các tộc người khác, vì chỉ có họ là không trao đất và nước cho man tộc trong số đảo dân.

47. Tất cả các tộc người đã được kể tên đều sống ở bên trong vùng đất của người Thesprotia và sông Akheron, bởi Thesprotia nằm giáp ranh với lãnh thổ của người Ambrakia và người Leukas, và họ là những người đã đi quãng đường xa nhất để tới hội quân. Về phần các tộc người sống bên ngoài các ranh giới kể trên, người Kroton là tộc người duy nhất tới trợ giúp Hy Lạp trong lúc hiểm nguy. Và họ cử tới một chiến thuyền do Phayllos, một người đã ba lần giành thắng lợi tại các hội thi Pythia, chỉ huy. Người Kroton có gốc gác là người Akhaia.

48. Tất cả các thành bang còn lại tham gia vào hạm đội đều cung cấp những chiếc *triereis*, chỉ riêng người Melos, người Siphnioi và người Seriphnioi đóng góp những chiếc *pentekonteroi*. Người Melos, có gốc gác từ Lakedaimon, đóng góp hai chiếc. Người Siphnioi và người Seriphnioi, đều là người Ionia gốc gác từ Athenai, mỗi tộc người đóng góp một chiếc. Và tổng số chiến thuyền của hạm đội, không kể tới các *pentekonteroi*, là 378 chiếc.

49. Khi các chỉ huy tới từ các thành bang đã kể ra ở trên tập hợp đủ tại Salamis, họ bắt đầu bàn bạc. Eurybiades, sau khi đề xuất rằng bất cứ ai muốn, nói ra quan điểm của mình về việc nhìn nhận địa điểm nào là thích hợp nhất cho một trận hải chiến ở khu vực nơi họ sống, bởi vì Attika giờ đã bị buông bỏ, và ông ta lúc này

đưa ra câu hỏi về các vùng khác. Và quan điểm mà đa số những người lên tiếng đưa ra đều đồng ý rằng họ nên dong buồm tới Eo đất và đánh một trận hải chiến ở đó để bảo vệ Peloponnesos. Những người này lập luận rằng nếu họ bị đánh bại trong trận hải chiến, giả sử họ ở Salamis, khi đó họ sẽ bị phong tỏa trong một hòn đảo, nơi không có cứu viện nào có thể đến với họ, nhưng tại Eo đất họ có thể lên bờ ở nơi có sẵn quân của bên mình.

50. Trong khi các tướng lĩnh Peloponnesos lập luận như vậy, một người Athenai tới nơi thông báo rằng man tộc đã tới Attika và toàn bộ vùng đất đã bị đốt trụi. Bởi đạo quân hành quân qua Boiotia tháp tùng Xerxes, sau khi đã đốt thành phố của người Thespiai (dân cư đã rời bỏ thành phố tới Peloponnesos) và thành phố của người Plataia, lúc này đã tới Athenai và tàn phá mọi thứ trong vùng. Vua Ba Tư cho đốt Thespiai và Plataia vì được người Thebai cho hay rằng hai thành bang kể trên không đứng về phía người Media.

51. Vậy là sau ba tháng kể từ khi man tộc vượt eo Hellespontos và bắt đầu cuộc hành quân của họ, sau khi đã nán lại đó một tháng trong lúc vượt biển sang châu Âu, họ đã tới Attika, vào năm mà Kalliades là chấp chính quan Athenai.

Man tộc chiếm khu hạ thành lúc đó bị bỏ trống, và khi đó họ phát hiện ra vẫn còn một số ít người Athenai ở lại trong ngôi đền, hoặc là những người phụ lễ trong đền, hoặc là những người nghèo túng. Những người này đã chặn lối vào Akropolis bằng những tấm cánh cửa và một bức lũy bằng gỗ và cố gắng tự vệ chống lại những đợt tấn công của kẻ thù, họ đã không đến Salamis một phần vì sự nghèo túng của bản thân, và cũng vì họ nghĩ rằng họ hiểu ý thần dụ mà nữ tư tế Pythia đã phán truyền với họ, cụ thể là về "tường gỗ" sẽ không thể bị đánh chiếm, và cho rằng Akropolis kỳ thực là nơi ẩn náu an toàn theo lời tiên tri chứ không phải các chiến thuyền.

52. Vậy là người Ba Tư chiếm lĩnh vị trí trên ngọn đồi cao đối diện với Akropolis mà người Athenai gọi là Areos Pagos, rồi tiến hành vây hãm những người Hy Lạp bằng cách quấn vải lanh quanh các mũi tên rồi châm lửa và bắn tên vào bức lũy gỗ. Dẫu vậy, những người Athenai bị vây hãm tiếp tục chống cự, dù họ đã lâm vào cảnh khốn cùng và bức lũy đã phản bội niềm tin của họ, và họ cũng không chấp nhận những đề xuất đầu hàng khi các Peisistratidai đưa ra. Trong lúc cố gắng tự vệ, họ đã nghĩ ra một số phương cách để chống lại kẻ thù, trong đó có việc lăn những tảng đá lớn xuống khi man tộc lại gần các cổng vào, khiến cho trong

một thời gian dài Xerxes gặp khó khăn không thể bắt được họ.

53. Tuy nhiên, sau một thời gian gặp khó khăn, man tộc cũng nghĩ ra một cách tiếp cận Akropolis, vì theo thần dụ toàn bộ phần Attika trên đất liền sẽ bị người Ba Tư chiếm. Khi đó ở phía mặt trước của Akropolis, đằng sau các cổng vào và con đường dẫn lên lối vào, tại một vị trí không có ai đứng gác, và cũng không ai ngờ rằng có bất cứ người nào lại có thể leo lên theo lối này, man tộc đã leo lên chỗ ngôi đền Aglauros, con gái của Kekrops, dù rằng vách đá ở đây đúng là dốc đứng. Khi người Athenai thấy quân địch đã leo lên Akropolis, một số người liền gieo mình từ trên tường thành xuống và chết, trong khi những người khác ẩn trốn trong thánh địa của ngôi đền. Những người Ba Tư leo lên được Akropolis trước hết xông tới chỗ các cổng vào, rồi sau khi mở chúng ra, họ bắt tay vào giết những người đang trốn trong đền, và khi đã giết sạch tất cả những người này, quân Ba Tư cướp bóc ngôi đền và châm lửa đốt toàn bộ Akropolis.

54. Xerxes, sau khi làm chủ toàn bộ Athenai, liền sai một tín sứ cưỡi ngựa về Sousa thông báo với Artabanos về thành công của quân Ba Tư. Và hôm sau ngày cử tín sứ đi, nhà vua cho triệu tập tất cả những người Athenai lưu vong đang tháp tùng mình, và bảo họ lên Akropolis dâng lễ hiến sinh theo đúng cách của họ. Có thể nhà vua đã mơ thấy điều gì đó khiến ông ra mệnh lệnh này, hoặc cũng có thể nhà vua thấy bất an trong tâm trí vì đã đốt ngôi đền. Những người Athenai lưu vong làm đúng theo những gì được ra lệnh.

55. Và kế tiếp đây tôi sẽ nói đến nguyên do vì sao tôi lại nhắc tới việc này. Ở trên Akropolis có một ngôi đền Erekhtheus, người theo lời kể được sinh ra từ Đất, và trong ngôi đền đó có một cây ô-liu và một dòng suối nước mặn mà theo lời kể của người Athenai do Poseidon và Athena lưu lại đó làm nhân chứng cho hai vị thần khi hai thần tranh đấu giành quyền bảo hộ Athenai. Cây ô-liu kể trên đã bị man tộc đốt cháy cùng phần còn lại của ngôi đền, và vào ngày hôm sau vụ cháy, những người Athenai được nhà vua ra lệnh đi dâng lễ hiến sinh khi lên tới ngôi đền liền thấy rằng một chồi non dài khoảng 1 *pekhys* đã mọc lên từ gốc của cây ô-liu. Những người đó liền kể lại chuyện này.

56. Trong cùng thời gian này, tại Salamis, khi những người Hy Lạp nhận được tin báo về những gì xảy đến với Akropolis của người Athenai, đã bị chấn động mạnh tới mức một số chỉ huy thậm chí không đợi đến khi câu hỏi được đưa ra có câu trả lời mà bắt đầu hối hả tới chỗ thuyền của họ và kéo buồm lên nhằm nhanh chóng

rời đi. Và những người còn ở lại cuối cùng cũng quyết định sẽ chiến đấu trên biển để bảo vệ Eo đất. Vậy là khi đêm xuống, các chỉ huy của hạm đội quay về chiến thuyền của họ sau khi cuộc họp giải tán.

57. Và khi Themistokles lên thuyền của ông, Mnesiphilos, một người Athenai, đã hỏi ông xem các tướng lĩnh quyết định ra sao. Sau khi được ông cho hay hội đồng đã quyết định đưa các chiến thuyền tới Eo đất và đánh một trận trên biển để bảo vệ Peloponnesos, Mnesiphilos liền nói: "Không thể thế được! Nếu họ di chuyển hạm đội khỏi Salamis, ngài sẽ không còn chiến đấu vì một vùng đất. Mọi người ai sẽ quay về bản quán người nấy, và Eurybiades hay bất cứ kẻ nào khác sẽ không thể ngăn lực lượng chúng ta khỏi tan rã. Những lời khuyên ngu xuẩn sẽ hủy hoại Hy Lạp. Quay về ngay đi và làm hết sức ngài để đảo ngược quyết định. Ngài có thể thuyết phục Eurybiades đổi ý và ở lại đây".

58. Themistokles thấy bản thân lời khuyên này rất có lý, và không hề trả lời, ông liền đi tới chỗ thuyền của Eurybiades. Tới đó, ông nói muốn trao đổi với đô đốc về một vấn đề liên quan tới lợi ích chung. Eurybiades liền mời ông lên thuyền và nói, nếu ông có gì muốn nói. Khi đó Themistokles bèn ngồi xuống bên cạnh đô đốc và nhắc lại tất cả những gì ông đã nghe Mnesiphilos nói, làm như thể đó là suy nghĩ của chính mình, rồi thêm vào những lời này nhiều lý lẽ nữa, cho tới khi rốt cuộc bằng đề nghị khẩn cấp, ông thuyết phục được Eurybiades rời khỏi thuyền của mình và cho tập hợp các chỉ huy để họp.

59. Khi họ đã tập hợp lại, trước lúc Eurybiades đề nghị thảo luận vấn đề khiến ông cho triệu tập các chỉ huy, Themistokles đã nói một cách đầy nhiệt huyết vì rất nóng lòng muốn đạt được mục đích của mình. Và trong khi ông đang nói, vị chỉ huy hải đội Korinthos, Adeimantos con trai Okytos, liền lên tiếng: "Themistokles, trong các cuộc thi đấu những ai xuất phát trước thời điểm quy định đều bị phạt đánh roi". Themistokles liền biện hộ cho mình: "Phải, nhưng những ai ở lại sau cũng không được trao vòng nguyệt quế".

60. Khi ấy, ông đã trả lời vị chỉ huy Korinthos một cách mềm mỏng, còn với Eurybiades lúc này ông không nói gì tới những điều đã nói lúc trước, cụ thể là nếu họ rời khỏi Salamis họ sẽ bị phân tán theo các hướng khác nhau, vì sẽ là không thích hợp nếu ông lại chỉ trích các đồng minh như thế trước sự có mặt của họ. Trái lại, Themistokles đưa ra cách lập luận khác, nói rằng:

A. “Lúc này các ngài nắm trong tay sức mạnh để cứu Hy Lạp nếu các ngài làm theo lời khuyên của tôi, đó là ở lại đây và đánh một trận hải chiến, và nếu các ngài không làm theo lời khuyên của một số người ở đây thúc giục các ngài đưa thuyền tới Eo đất. Vì các ngài hãy lắng nghe cả hai bên, rồi sau đó so sánh. Nếu các ngài giao chiến tại Eo đất, các ngài sẽ phải chiến đấu ngoài biển khơi, điều kiện không hề thuận lợi bởi chúng ta có các chiến thuyền nặng nề hơn và ít hơn về số lượng so với chiến thuyền của kẻ thù. Thứ đến, các ngài sẽ bỏ mặc Salamis, Megara và Aigina bị hủy diệt, thậm chí nếu chúng ta có thắng trận, bởi cùng với hạm đội Ba Tư sẽ còn có cả đạo quân bộ, và như thế chính các ngài sẽ đưa chúng tới Peloponnesos và mạo hiểm với sự an nguy của toàn Hy Lạp.

B. Tuy nhiên, nếu các ngài chịu làm như tôi nói, các ngài sẽ thấy trong lựa chọn đó những lợi thế. Trước hết, bằng cách giao chiến ở một nơi chật hẹp với ít chiến thuyền chống lại nhiều, nếu trận chiến có kết cục như có thể trông đợi một cách hợp lý, chúng ta sẽ có kết quả tốt hơn rất nhiều. Bởi lẽ chiến đấu trên biển ở một nơi chật hẹp sẽ cho chúng ta lợi thế, trong khi chiến đấu ở nơi rộng rãi lợi thế sẽ thuộc về kẻ địch. Thêm nữa, Salamis, nơi vợ con chúng ta đã được chuyển tới để an toàn, sẽ được bảo tồn. Và thêm nữa cả điều mà các ngài bận tâm đến nhất cũng sẽ được đảm bảo, đó là bằng cách ở lại đây các ngài sẽ chiến đấu để bảo vệ Peloponnesos cũng nhiều như khi trận chiến diễn ra ở Eo đất, và nếu các ngài khôn ngoan, các ngài sẽ không dẫn kẻ thù vào Peloponnesos.

C. Thế nên nếu điều tôi trông đợi diễn ra và chúng ta giành chiến thắng với các chiến thuyền của mình, man tộc sẽ không thể tới chỗ các ngài ở Eo đất, và chúng cũng sẽ không tiến xa hơn Attika mà sẽ rút lui trong hỗn loạn, và chúng ta sẽ là những người giành phần thắng với việc gìn giữ được Megara, Aigina và Salamis, nơi một lời tiên tri cũng đã báo cho chúng ta biết là chúng ta sẽ giành chiến thắng trước kẻ thù. Khi người ta đón nhận những lời khuyên hợp lý, theo quy luật thường những kết quả hợp lý sẽ tới, nhưng nếu người ta không đón nhận những lời khuyên hợp lý, thì Thần linh nói chúng thường sẽ không ủng hộ cho lựa chọn của những người đó”.

61. Khi Themistokles nói như vậy, Adeimantos người Korinthos lại phản đối ông kịch liệt một lần nữa, yêu cầu Themistokles im lặng vì ông không còn bản quán, và hối thúc Eurybiades không đưa ra biểu quyết đề nghị của một người là công dân của chẳng thành phố nào cả, vì Adeimantos nói rằng Themistokles có thể đưa ý kiến ra trước hội nghị nếu ông có thể chỉ ra một thành phố ông thuộc về, còn nếu không thì không thể. Adeimantos đưa ra lời

phản đối này nhắm vào Themistokles bởi Athenai đã bị chiếm và nằm trong tay kẻ thù. Khi đó Themistokles đã nói rất nhiều điều tệ hại về Adeimantos cũng như về người Korinthos, đồng thời tuyên bố rằng bản thân ông và các đồng bào của ông trên thực tế có một thành phố và một vùng đất lớn hơn của người Korinthos, chừng nào người Athenai có 200 chiến thuyền với thủy thủ đoàn đầy đủ, vì không ai trong số các thành bang Hy Lạp có thể đẩy lùi người Athenai nếu người Athenai tấn công họ.

62. Tuyên bố như vậy, Themistokles liền quay sang Eurybiades và nói còn khẩn thiết hơn: "Nếu ngài ở lại đây, và việc ở lại đây sẽ chứng tỏ ngài là một người tốt, thế thì ổn; nhưng nếu không, ngài sẽ gây ra sự sụp đổ của Hy Lạp, vì tất cả sức mạnh của chúng ta trong cuộc chiến phụ thuộc cả vào những chiến thuyền này. Không, hãy làm như tôi khuyên ngài. Tuy nhiên, nếu ngài không làm như vậy, chúng tôi sẽ lập tức mang theo người thân của chúng tôi và đi tới Siris ở Italia, nơi vốn thuộc về chúng tôi từ xưa và là nơi những lời tiên tri phán truyền rằng theo định mệnh chúng tôi sẽ đến định cư. Còn các ngài, khi các ngài chỉ còn lại một mình và mất đi đồng minh như chúng tôi, hãy nhớ những lời tôi nói".

63. Khi Themistokles nói như vậy, Eurybiades liền được thuyết phục đổi ý. Theo tôi nghĩ, ông đổi ý chủ yếu vì sợ rằng người Athenai sẽ rời bỏ họ nếu ông đưa các chiến thuyền tới Eo đất, bởi nếu những người Athenai rời khỏi hạm đội và bỏ đi, lực lượng còn lại sẽ không còn có thể chiến đấu với kẻ thù. Vậy là ông làm theo lời khuyên của Themistokles, ở lại Salamis và quyết định thành bại bằng một trận hải chiến.

64. Vậy là các chỉ huy của hạm đội tại Salamis, sau khi đã lời qua tiếng lại, bắt tay vào chuẩn bị cho một trận hải chiến ở nơi này, vì Eurybiades đã quyết định như thế. Và khi ngày dần rạng, vào đúng thời gian mặt trời mọc xảy ra một trận động đất, có thể nhận thấy được cả trên đất liền lẫn trên biển. Vậy là người Hy Lạp quyết định cầu khấn các vị thần và kêu gọi các con trai của Aiakos đến trợ giúp. Sau khi quyết định liền làm đúng như vậy, vì khi đã cầu khấn các vị thần, họ kêu gọi Aias và Telamon tới giúp đỡ họ từ Salamis, nơi hạm đội trú quan, rồi phái một chiếc thuyền tới Aigina đưa Aiakos và những con trai còn lại của Aiakos tới.

65. Thêm nữa, Dikaios con trai Theokydes, một người Athenai, cũng đang là một người lưu vong và đã trở nên rất tiếng tăm trong hàng ngũ người Media vào thời gian này, tuyên bố rằng khi đất Attika bị đạo quân bộ của Xerxes tàn phá sau khi bị người

Athenai rời bỏ, ông ta khi đó tình cờ đã ở bên Demaratos người Lakedaimon trên đồng bằng Thria, và ông ta thấy một đám mây bụi cuộn lên từ Eleusis, như thể do một đội quân gồm khoảng 30.000 người tạo nên, và hai người đã băn khoăn về đám mây bụi đó cũng như ai đã gây ra nó. Ngay sau đó họ nghe thấy tiếng người nói, và Dikaios nhận ra rằng âm thanh ấy là tiếng hét thần bí *iakkhos*. Nhưng Demaratos, người không biết gì về các nghi lễ linh thiêng được thực hiện tại Eleusis, đã hỏi Dikaios cái gì đã phát ra âm thanh đó, và Dikaios nói: "Demaratos, điều này chỉ có thể nghĩa là một sự hủy diệt lớn sắp xảy đến với đạo quân của nhà vua. Bởi Attika giờ đã bị bỏ hoang nên rõ ràng âm thanh ấy là do thần linh tạo ra, và thần linh đang tới từ Eleusis để trợ giúp cho người Athenai cùng các đồng minh của họ. Nếu thần linh tới Peloponnesos, sẽ có bất trắc cho bản thân nhà vua và đạo quân ở trên bộ, nhưng nếu thần linh hướng tới những chiến thuyền đang ở Salamis, thì nhà vua sẽ có nguy cơ mất đi hạm đội của mình. Mỗi năm người Athenai đều cử hành lễ hội cho nữ thần Demeter và nữ thần Persephone con gái bà, và những ai muốn biết, dù là người Athenai hay các tộc người Hy Lạp khác, đều được khai tâm về những bí ẩn. Và tiếng nói mà ông nghe thấy là tiếng hô *iakkhos* người ta vẫn hô lên vào lễ hội này".

Nghe xong Demaratos liền nói: "Hãy giữ im lặng và chớ kể chuyện này cho bất cứ ai khác, vì nếu những lời ông vừa nói đến tai nhà vua, chắc chắn ông sẽ mất đầu, và không ai, dù là ta hay người nào khác trên đời, có thể cứu được ông. Thế nên hãy giữ im lặng, còn về cuộc viễn chinh này các vị thần sẽ có định đoạt". Ông ta khuyên Dikaios như vậy, và sau đám mây bụi và tiếng nói, một màn sương mù xuất hiện trên cao và bay về phía Salamis tới doanh trại của người Hy Lạp. Và nhờ điềm báo này họ biết (theo lời Dikaios) rằng hạm đội của Xerxes sẽ bị hủy diệt theo định mệnh an bài. Và đó là những gì được Dikaios, con trai Theokydes, thuật lại và kêu gọi Demaratos cùng những người khác làm chứng.

66. Trong khi đó, những người phục vụ trong hạm đội của Xerxes, sau khi đã tận mắt chứng kiến thảm họa của người Lakedaimon ở Trakhis và từ đó đưa thuyền tới Histiaia rồi nghỉ tại đây ba ngày, đã dong buồm tới Euripos, rồi sau ba ngày nữa họ đã tới Phaleron.

Theo tôi đoán, man tộc tấn công Athenai với số lượng cả trên bộ lẫn trên biển không ít hơn quân số của họ khi họ tới Sepias và Thermopylai. Vì để bù vào số quân bị chết vì bão cũng như bị giết tại Thermopylai và trong các trận hải chiến ở Artemision, tôi sẽ thêm vào những đội quân vào thời điểm đó vẫn chưa tháp tùng

nhà vua, gồm người Malis, người Doris, người Lokroi và người Boiotia (ngoại trừ người Thespiai và người Plataia), tất cả họ đều đi theo nhà vua, và thêm nữa còn có người Karystos, Andros và Tenos, cùng tất cả cư dân các đảo khác ngoài năm thành phố tôi đã kể tên ra ở phần trước. Vì vua Ba Tư càng tiến xa hơn về phía trung tâm Hy Lạp, càng có nhiều thành bang gia nhập cùng Xerxes.

67. Vậy là tất cả các đội quân này đã tới Athenai ngoại trừ người Paros (người Paros đã nán lại ở Kythnos để chờ xem chiến tranh diễn biến ra sao), khi đó các hải đội khác đã tới Phaleron, đích thân Xerxes xuống chỗ các chiến thuyền, mong muốn xem xét chúng và tìm hiểu ý kiến của các binh sĩ phục vụ ở đó. Và khi nhà vua tới nơi, được bố trí ở một vị trí dễ quan sát, rồi các vị vua của các dân tộc tòng chinh hoặc tướng chỉ huy các hải đội được phái tới tham chiến đều từ thuyền của họ tới diện kiến trước nhà vua, và ngồi xuống chỗ mà nhà vua đã sắp xếp theo địa vị của từng người, đầu tiên là vua Sidon, rồi đến vua Tyros, và lần lượt những người còn lại. Khi tất cả đã ngồi theo đúng thứ tự, Xerxes sai Mardonios đi dò hỏi xem nhà vua có nên đánh một trận hải chiến hay không để thử thách họ.

68. Vậy là khi Mardonios đi vòng quanh và hỏi họ, bắt đầu từ vua Sidon, tất cả những người khác đều đưa ra ý kiến giống nhau, khuyên nhà vua hãy giao chiến một trận trên biển, nhưng Artemisia đã nói như sau:

A. “Mardonios, làm ơn hãy tâu lên nhà vua rằng ta, người đã chứng tỏ bản thân không phải là kẻ tồi tệ nhất trong các trận hải chiến diễn ra gần Euboia, và cũng đã có những chiến công không hề kém những người khác, xin tâu với nhà vua như sau: Thưa chủ nhân, cũng là phải lẽ khi thần tỏ bày ý kiến thần thực sự suy nghĩ, và nói ra điều thần cho là tốt nhất cho sự nghiệp của bệ hạ. Thần xin tâu như sau: Hãy gìn giữ các chiến thuyền của bệ hạ và không đánh một trận hải chiến, vì những người Hy Lạp mạnh hơn nhiều so với chiến binh của bệ hạ ở trên biển, cũng giống như đàn ông mạnh hơn phụ nữ vậy. Và tại sao bệ hạ nhất thiết phải mạo hiểm với rủi ro của những trận hải chiến? Chẳng phải bệ hạ đã chiếm được Athenai, mục đích đã khiến bệ hạ khởi quân, cũng như phần còn lại của Hy Lạp đó sao? Và không có ai dám cản đường chống lại bệ hạ, còn những kẻ thực sự làm thế đã gặp phải số phận xứng đáng.

B. Còn bây giờ thần xin nói ra những gì thần nghĩ sẽ xảy đến với các đối thủ của bệ hạ. Nếu bệ hạ không vội vã thực hiện một trận

hải chiến mà giữ chiến thuyền của bệ hạ ở đây, tại bờ biển, dù bệ hạ có lưu lại đây hay thậm chí tiến quân tới Peloponnesos, bất cứ điều gì bệ hạ làm cũng sẽ dễ dàng thành công, vì người Hy Lạp không thể chống lại bệ hạ lâu được nữa, bệ hạ sẽ sớm đánh tan bọn họ, và bọn họ sẽ tháo chạy về các thành phố của mình, bởi theo thần được biết, bọn họ không hề có lương thực dự trữ trên hòn đảo này, mà nếu bệ hạ đưa đạo quân bộ tấn công Peloponnesos, những người từ nơi đó tới tham gia vào hạm đội Hy Lạp khi ấy cũng sẽ khó lòng còn ở lại Salamis, bởi bọn họ chẳng hề bận tâm tới việc đánh một trận vì người Athenai.

C. Tuy nhiên, nếu bệ hạ vội vã đánh ngay, thần e tổn thất hạm đội phải chịu có thể sẽ làm hủy hoại cả đạo quân bộ nữa. Thêm nữa, tâu bệ hạ, xin bệ hạ cũng hãy cân nhắc tới điều này, đó là người hầu của những chủ nhân tốt thường hay trở nên xấu xa, trong khi người hầu của những chủ nhân tồi tệ lại thường tử tế. Và bệ hạ, vị chủ nhân tốt nhất trên đời, đã có những người hầu tệ hại, chính là những người được bệ hạ coi như đồng minh, người Ai Cập, người Kypros, người Kilikia và người Pamphylia, những tộc người không thể trông cậy điều gì có ích".

69. Khi nữ vương nói như vậy với Mardonios, những người thân thiết với Artemisia liền thấy buồn phiền trước những lời của bà, bởi họ cho rằng nữ vương sẽ gặp phải tai ương nào đó từ tay nhà vua, vì bà hối thúc nhà vua không giao chiến trên biển. Trong khi đó, những ai ghen tị với bà vì bà đã được trân trọng hơn tất cả các đồng minh khác lại vui mừng trước những lời đối nghịch này bởi cho rằng lần này bà sẽ bị thất sủng. Tuy nhiên, khi các ý kiến được tâu lại với Xerxes, nhà vua rất tán thưởng ý kiến của Artemisia. Và cho dù trước đây nhà vua vốn đã đánh giá rất cao nữ vương, giờ đây Xerxes còn trân trọng bà hơn nữa. Dẫu vậy, nhà vua vẫn ra lệnh làm theo lời khuyên của đa số, nghĩ rằng khi giao chiến tại Euboia các chư hầu đã cố tình không nỗ lực bởi ông không đích thân hiện diện cùng họ, trong khi lúc này nhà vua đã sẵn sàng quan sát họ đánh một trận hải chiến.

70. Vậy là khi các tướng lĩnh hải quân phát lệnh ra khơi, họ liền đưa các chiến thuyền của mình tới Salamis và lặng lẽ dàn thuyền dọc bờ biển theo vị trí của từng hải đội. Khi đó, ánh sáng ban ngày không còn đủ để họ giao chiến vì đêm đang tới, song họ chuẩn bị để khai chiến vào hôm sau. Cũng khi đó, người Hy Lạp lâm vào cảnh sợ hãi mất tinh thần, nhất là những người tới hội quân từ Peloponnesos. Những người này lo sợ bởi khi ở lại Salamis họ buộc phải chiến đấu vì lãnh thổ của người Athenai, và nếu thua họ sẽ bị cắt đứt đường lui, bị phong tỏa trên một hòn đảo, bỏ lại lãnh thổ

của họ không được bảo vệ.

71. Tối hôm ấy, quân đội Ba Tư tiến về Peloponnesos. Tất cả các biện pháp nhằm khiến man tộc không thể tiến vào Peloponnesos theo đường bộ đã được thực hiện, vì ngay khi người Peloponnesos hay tin Leonidas cũng như đội quân của ông đã tử trận tại Thermopylai, họ nhanh chóng tập hợp lại từ các thành phố và chiếm lĩnh vị trí tại Eo đất, và Kleombrotos con trai Anaxandridas và là em trai Leonidas được chọn làm chỉ huy lực lượng này. Đạo quân kể trên trấn giữ tại Eo đất đã phá hủy con đường Skironis, rồi sau khi đã bàn bạc và cùng nhau đi đến quyết định, tiếp theo họ bắt đầu xây một bức tường thành chạy ngang qua Eo đất. Và vì đạo quân này đông hàng vạn người, đồng thời tất cả đều tham gia vào xây thành, việc này tiến triển nhanh chóng. Đá, gạch, gỗ và những sọt đầy cát được chuyển tới liên tục, những người tham gia làm việc không ngừng nghỉ bất kể ngày đêm.

72. Những tộc người Hy Lạp huy động hết lực lượng tới Eo đất để cứu nguy cho đất nước của họ gồm có người Lakedaimon, tất cả người Arkadia, người Elis, người Korinthos, người Sikyon, người Epidauros, người Phleious, người Troizen và người Hermione. Đây là những tộc người đã có mặt bảo vệ Hy Lạp trong cơn nguy khốn và lo lắng cho Hy Lạp, trong khi những thành bang khác ở Peloponnesos không hề bận tâm. Tới lúc này hội Olympia và Karneia đều đã kết thúc.

73. Tại Peloponnesos có bảy tộc người sinh sống. Trong đó có hai tộc người bản địa ngày nay đang cư trú ở nơi họ vốn đã sống từ xa xưa, gồm có người Arkadia và người Kynouria. Một tộc người nữa, người Akhaia, những người này dù chưa từng rời khỏi Peloponnesos nhưng vào thời xa xưa đã rời khỏi bản quán và ngày nay cư trú ở vùng đất khác. Bốn tộc người còn lại di cư tới từ bên ngoài, gồm có người Doris, người Aitolia, người Dryopis và người Lemnos. Người Doris có nhiều đô thị nổi tiếng, người Aitolia chỉ có thành Elis, người Dryopis có các thành phố Hermione và Asine, thành phố thứ hai nằm đối diện với Kardamyle tại Lakonia. Về phần người Lemnos, họ có toàn bộ Paroreatai. Người Kynouria, một tộc người bản địa, có vẻ là những người duy nhất có gốc gác Ionia, nhưng họ đã hoàn toàn trở thành người Doris do họ quy phục người Argos cũng như theo thời gian trôi qua, trong khi ban đầu họ là các công dân của Orneai hoặc cư dân của vùng đất quanh Orneai. Trong bảy tộc người này, ngoại trừ các thành phố tôi vừa liệt kê ở trước, tất cả các thành phố còn lại đều đứng ngoài cuộc và không làm gì. Và nếu người ta được phép thẳng thừng mà nói, khi đứng ngoài cuộc như vậy kỳ thực họ đã ngả về phía người

Media.

74. Những người hội quân ở Eo đất nỗ lực xây tường thành như tôi đã kể, bởi giờ đây họ đang phải tranh đấu cho sự sống còn của chính mình, và họ không trông đợi sẽ có được thành công vang dội nào với các chiến thuyền của mình. Cùng thời gian đó, những người tham gia hạm đội ở Salamis cho dù được báo tin về việc xây tường thành này vẫn rất lo lắng, họ trên hết không lo sợ cho bản thân mình mà cho Peloponnesos. Trong một thời gian binh sĩ bàn tán riêng với nhau về chuyện này, từ người này sang người khác, và họ băn khoăn về lời khuyên tệ hại của Eurybiades, nhưng cuối cùng sự lo lắng trở thành công khai. Vậy là một cuộc họp được tổ chức, và nhiều lời qua tiếng lại được nói ra cũng về những quan điểm tương tự như khi trước, một số cho rằng họ cần phải dong buồm tới Peloponnesos và chấp nhận mạo hiểm để bảo vệ bán đảo chứ không nên ở lại và chiến đấu vì một vùng đất vốn đã bị kẻ thù chiếm đóng. Trong khi đó, người Athenai, người Aigina và người Megara hối thúc rằng họ cần ở lại Salamis và tự vệ.

75. Khi đó Themistokles, vào thời điểm ý kiến của ông có vẻ sắp bị những người Peloponnesos đánh bại, bí mật rời khỏi cuộc họp. Ra ngoài, ông phái một người đi thuyền tới trại của quân Media, căn dặn anh ta cần nói những gì. Tên anh ta là Sikinnos, một nô lệ của Themistokles, cũng đồng thời là gia sư của các con ông, và sau khi những biến cố này diễn ra, Themistokles liền giúp Sikinnos trở thành một công dân Thespiai khi người Thespiai thừa nhận những công dân mới, và khiến Sikinnos trở thành một người giàu có.

Sikinnos đi thuyền tới thủy trại Ba Tư và nói với các tướng lĩnh man tộc như sau: “Chỉ huy hải quân Athenai cử riêng tôi tới đây trong khi những người Hy Lạp khác không hề biết (bởi ông ấy ủng hộ sự nghiệp của nhà vua, và mong muốn rằng phía các ngài sẽ giành chiến thắng hơn là phía Hy Lạp) để báo với các ngài rằng những người Hy Lạp đang toan tính tháo chạy sau khi rơi vào tình trạng hoảng loạn. Vào lúc này đây các ngài có thể lập được một chiến công cao cả nếu các ngài không cho phép họ chạy thoát đi, bởi họ đang không nhất trí với nhau và sẽ không giao chiến với các ngài, mà các ngài sẽ thấy họ giao chiến với nhau trên biển, những người muốn ngả sang phía các ngài chống lại những người không đồng ý”.

76. Sau khi đã báo với man tộc như vậy, Sikinnos liền lập tức rời đi. Còn các tướng lĩnh man tộc, nghĩ rằng tin báo này đáng tin, liền trước hết đổ bộ một lượng lớn quân Ba Tư lên hòn đảo nhỏ

Psyttaleia nằm giữa Salamis và đất liền. Sau đó, khi gần tới nửa đêm, họ cho cánh tây hạm đội của mình ra khơi, bơi thuyền đi vòng hướng về phía Salamis, đồng thời các hải đội đóng gần Keos và Kynosoura cũng cho thuyền ra biển, và họ dàn thuyền chiếm giữ toàn bộ eo biển tới tận Mounykhia. Man tộc đưa thuyền ra khơi nhằm mục đích không cho phép người Hy Lạp đào thoát mà bị vây chặt tại Salamis và phải trả giá cho các trận chiến tại Artemision. Và họ cho đổ bộ quân Ba Tư lên hòn đảo nhỏ Psyttaleia để khi trận đánh diễn ra, những người này sẽ cứu người bên họ và tiêu diệt người bên địch, vì nhiều khả năng là người và xác thuyền vỡ sẽ bị dạt vào bờ ở đây, vì hòn đảo nằm ở khu vực trận hải chiến sẽ diễn ra. Họ thực hiện những việc này trong im lặng để kẻ thù không biết được. Họ chuẩn bị như thế trong đêm mà không hề ngủ.

77. Về phần các thần dụ, tôi không thể bác bỏ là chúng không đúng vì tôi không muốn tìm cách đánh đổ sự xác tín của chúng khi những lời tiên tri nói rõ ràng vào những chuyện sau đây:

> Khi chúng bắc cầu qua biển từ Kynosoura bằng thuyền
>
> Đến bờ biển thiêng của Artemis có thanh kiếm vàng,
>
> Phấn khích với niềm hy vọng cướp phá Athenai rực rỡ,
>
> Lúc đó Công lý thần thánh sẽ dập tắt Lòng tham, đứa con của Kiêu ngạo,
>
> Đáng sợ và cuồng nộ, kẻ muốn nuốt chửng mọi thứ.
>
> Thanh đồng chạm thanh đồng, và Ares sẽ nhuộm đỏ biển
>
> Bằng máu. Khi đó con trai toàn tri của Kronos
>
> Và bà chủ Nike sẽ mang tới Hy Lạp ngày tự do.

Xét đến những việc như thế này, và khi mà Bakis nói rõ ràng như vậy, bản thân tôi không dám đưa ra bất cứ lời phản bác nào với những lời tiên tri, và cũng không thể thừa nhận những lời phản bác như thế từ người khác.

78. Khi đó, các tướng lĩnh của hạm đội có mặt tại Salamis đang tranh cãi gay gắt, đồng thời họ vẫn chưa biết là man tộc đang dùng chiến thuyền bao vây họ, mà vẫn nghĩ rằng hạm đội địch còn đang ở nguyên nơi họ đã thấy chúng neo đậu ban ngày.

79. Rồi trong khi các tướng lĩnh Hy Lạp đang tranh cãi, Aristeides con trai Lysimakhos, một người Athenai từng bị dân chúng bắt lưu đày, người tôi cho là tốt đẹp và chính trực nhất trong tất cả người Athenai theo những gì tôi được nghe kể về tính cách của ông, đã từ Aigina tới Salamis. Ông tới chỗ cuộc họp của các tướng lĩnh và lớn tiếng gọi Themistokles, người không phải là bạn mà là một kẻ thù không đội trời chung với ông. Nhưng vì mức độ nghiêm trọng của hiểm họa trước mắt, ông đã quên đi thù hận và gọi Themistokles, mong muốn nói chuyện với ông này. Trước đó, Aristeides đã nghe được chuyện người Peloponnesos đang gây sức ép muốn đưa các chiến thuyền tới Eo đất. Vậy là khi Themistokles ra gặp ông, Aristeides liền nói như sau: "Cả vào thời điểm khác khi có cơ hội xuất hiện, và nhất là vào lúc này đây, chúng ta nhất định phải tiếp tục sự đối địch của mình bằng cách xem ai trong chúng ta sẽ phụng sự được nhiều hơn cho đất nước mình. Và lúc này đây ta muốn nói với ông rằng dù người Peloponnesos có nói nhiều hay nói ít về việc đưa thuyền rời khỏi đây cũng vô ích, bởi sau những gì đã tận mắt chứng kiến, ta nói để ông hay rằng giờ đây cho dù người Korinthos hay chính Eurybiades có muốn rời đi thì họ cũng không thể, bởi chúng ta đã bị kẻ thù bao vây. Ông hãy vào trong đó và báo để họ biết việc này.

80. Themistokles trả lời như sau: "Ông đã đưa ra lời khuyên rất hay, và tin ông mang tới cũng rất tốt, vì ông tới đây sau khi đã tận mắt chứng kiến điều ta mong muốn xảy ra, vì ông hãy biết những gì quân Media đang làm là theo đề xuất của ta. Bởi khi người Hy Lạp không tự nguyện xung trận, thì cần phải đẩy họ vào thế buộc phải chiến đấu. Vì ông đã mang tin tốt lành này tới, liệu ông có thể tự mình báo tin cho họ được không, bởi nếu ta nói ra những điều này, họ sẽ cho rằng ta nói những gì ta đã tự mình nghĩ ra, và ta sẽ không thể thuyết phục được họ, do đó họ sẽ nghĩ không phải man tộc đang hành động như vậy. Chính ông hãy vào và lên tiếng thông báo tình hình với họ. Khi ông đã báo tin, nếu họ được thuyết phục thì sẽ là tốt nhất. Còn nếu họ không tin, với chúng ta vẫn sẽ chẳng có gì khác, bởi họ sẽ không thể tháo chạy được nữa, nếu quả thực chúng ta bị bao vây từ mọi hướng như ông vừa nói".

81. Vậy là Aristeides ra trước mặt các tướng lĩnh và báo tin với họ, nói rằng ông từ Aigina tới và phải rất khó khăn mới thoát khỏi bị các chiến thuyền địch đang phong tỏa họ phát hiện, bởi toàn bộ thủy trại của người Hy Lạp đã bị các chiến thuyền của Xerxes bao vậy, và ông khuyên họ hãy sẵn sàng để tự vệ. Sau khi báo tin xong, Aristeides lui ra ngoài, và trong các tướng lĩnh tranh cãi lại nổ ra, vì phần lớn các tướng lĩnh không tin những gì vừa được báo cho họ.

82. Và trong lúc những người này đang nghi ngờ, có một chiếc *trieres* với thủy thủ đoàn người Tenos do Panaitios con trai Sosimenes, chỉ huy đào ngũ khỏi phía Ba Tư tới chỗ hạm đội Hy Lạp báo cho họ sự thật. Vì quả thực người Tenos đã được ghi lại ở Delphoi trên chiếc giá ba chân trong số tên tuổi những người đã đánh bại man tộc. Cộng thêm chiếc thuyền Tenos đào ngũ tại Salamis và chiếc thuyền Lemnos đã đào ngũ trước đó gia nhập phía Hy Lạp ở Artemision, hạm đội của Hy Lạp tất cả gồm 380 chiến thuyền, vì trước đó họ còn thiếu đúng hai chiếc để đạt tới con số tròn này.

83. Người Hy Lạp, bởi họ tin vào những gì thủy thủ đoàn người Tenos nói, liền chuẩn bị cho một trận hải chiến. Và khi trời rạng sáng, họ tập hợp tất cả các thủy binh chiến đấu trên các chiến thuyền lại và Themistokles phát biểu trước họ một bài diễn văn hùng hồn hơn những người còn lại. Trong bài diễn thuyết đó ông đưa ra những điều tốt đẹp hơn và so sánh với những điều tồi tệ hơn trong mọi điều xuất hiện từ bản tính và thể chất của con người, rồi sau khi kêu gọi họ hãy chọn điều tốt đẹp hơn, Themistokles ra lệnh cho họ lên thuyền. Các chiến binh sau đó bắt đầu lên thuyền, và trong thời gian đó chiếc *trieres* đã được phái đi đón các con trai của Aiakos cũng quay về đến nơi. Lúc ấy, người Hy Lạp cho tất cả chiến thuyền của họ ra khơi, và trong khi họ xuất phát từ bờ, man tộc lập tức tấn công họ.

84. Người Hy Lạp khác bắt đầu lùi thuyền và sắp sửa đưa thuyền vào bờ, nhưng Ameinias người Pallene, một thuyền trưởng Athenai, lại tiến tới trên chiến thuyền của mình và tấn công một thuyền địch. Khi thuyền của ông bị kẹt giữa trận chiến và thủy thủ đoàn không thể thoát đi, những chiếc thuyền khác liền xông vào giao chiến để hỗ trợ Ameinias. Người Athenai kể rằng trận chiến đã bắt đầu như vậy, song người Aigina lại kể rằng chính chiếc thuyền đã rời đi tới Aigina để đón các con trai của Aiakos là chiếc thuyền đã bắt đầu cuộc giao chiến. Người ta cũng kể lại rằng những người Hy Lạp nhìn thấy một phụ nữ hiện ra, và sau khi xuất hiện người phụ nữ liền cổ vũ họ xông tới giao chiến để cả đạo quân Hy Lạp đều nghe thấy, sau khi trước tiên đã quở trách họ bằng những lời sau: "Hỡi những kẻ lạ mặt, các ngươi có thể lui thuyền lại bao xa đây?"

85. Dàn trận đối diện với người Athenai là người Phoinike, họ giữ cực tây của đường hướng về Eleusis, còn đối diện với người Lakedaimon là người Ionia, họ giữ cực đông hướng Peiraieus. Tuy nhiên, trong hàng ngũ của họ một số ít cố tình trễ nải trong chiến đấu theo những lời đề nghị của Themistokles, nhưng đa số thì

không. Đến đây tôi có thể nhắc tới tên của rất nhiều thuyền trưởng của các chiến thuyền đã tiêu diệt thuyền của người Hy Lạp, nhưng tôi sẽ không nói tới tên của những người này ngoại trừ trường hợp của Theomestor con trai Androdamas và Phylakos con trai Histiaios, cả hai đều là người Samos. Và tôi nhắc tới họ chứ không phải những người còn lại bởi vì nhờ những chiến công này Theomestor đã được người Ba Tư phong làm tiếm chúa Samos, còn Phulakos được ghi nhận như ân nhân của nhà vua và được nhận rất nhiều đất đai làm phần thưởng. Những người nhà vua mang ơn được gọi là *orosangai* trong tiếng Ba Tư.

86. Đó là về phần hai người đó, song đa số chiến thuyền của man tộc đã bị loại khỏi vòng chiến đấu ở Salamis, một số bị người Athenai phá hủy, số khác bị người Aigina phá hủy. Vì trong khi người Hy Lạp chiến đấu thành đội hình trật tự trong hàng ngũ của họ, man tộc không thể bố trí thành đội hình hay thực hiện bất cứ điều gì có chủ định, rõ ràng kết quả ít nhiều sẽ phải đến như trên thực tế đã diễn ra. Dẫu vậy, trong ngày hôm đó man tộc đã chiến đấu xuất sắc hơn rất nhiều so với chính họ khi giao chiến ở Euboia, người nào cũng hăng hái và sợ Xerxes, và mỗi người đều nghĩ nhà vua đang chú ý nhìn mình.

87. Về phần còn lại, tôi không thể nói về họ một cách riêng rẽ, hay chỉ ra một cách chính xác cách thức từng man nhân hay người Hy Lạp chiến đấu trong trận đánh. Nhưng về phần Artemisia, những chuyện sau đây đã xảy ra, và từ đó nữ vương còn được vua Ba Tư đánh giá cao hơn trước. Khi tình hình trận đánh về phía Ba Tư lâm vào thế rối loạn lớn, ở thời điểm gay go đó chiến thuyền của Artemisia bị một chiến thuyền Athenai truy đuổi. Và vì nữ vương không thể thoát đi được do phía trước bà còn có các chiến thuyền khác của bên mình, trong khi thuyền của bà lại là chiếc tiến xa nhất về phía kẻ thù, nữ vương liền quyết định điều bà cần làm, và hành động ấy đã chứng tỏ rất có lợi cho bà. Khi bị chiếc thuyền Athenai truy đuổi, bà cho thuyền của mình đâm với tốc độ tối đa vào một chiến thuyền khác cũng ở bên mình của người Kalyndos, cũng là chiếc thuyền trên đó có mặt Damasithymos, vua Kalyndos. Cho dù đúng là nữ vương từng có mâu thuẫn với vị vua này trước đó, khi họ vẫn còn đang ở eo Hellespontos, song tôi không thể nói liệu bà làm như vậy một cách cố ý, hay chỉ tình cờ là chiếc thuyền Kalyndos nằm chắn trên đường của bà. Tuy nhiên, sau khi đâm vào chiếc thuyền này và đánh chìm nó, nữ vương đã gặp may và thu được lợi ích theo hai cách. Thứ nhất, viên thuyền trưởng của chiến thuyền Athenai, khi thấy bà tấn công một chiếc thuyền địch, liền quay đi truy đuổi những thuyền địch khác vì đoán rằng thuyền của Artemisia hoặc là một chiến thuyền Hy

Lạp, hoặc đã đào ngũ khỏi người Ba Tư và đang chiến đấu bên phía Hy Lạp.

88. Như vậy, may mắn thứ nhất của nữ vương là đã thoát nạn và không bị tiêu diệt. Còn may mắn thứ hai là cho dù bà đã có một hành động sai trái, nữ vương dẫu thế vẫn nhờ nó mà có được danh tiếng lớn lao với Xerxes. Bởi người ta kể rằng khi nhà vua quan sát trận chiến đã nhìn thấy chiến thuyền của bà tấn công chiếc thuyền kia, và một cận thần có mặt đã nói: "Tâu bệ hạ, ngài có thấy Artemisia chăng, có thấy bà ta chiến đấu giỏi thế nào, và giờ thậm chí còn đánh chìm cả một chiến thuyền của kẻ thù nữa?" Nhà vua liền hỏi liệu đó có thực là chiến công của Artemisia hay không, và các cận thần tâu rằng đúng như vậy, bởi vì (họ tuyên bố) họ biết rất rõ dấu hiệu chiến thuyền của nữ vương, còn chiếc thuyền bị phá hủy họ đoan chắc là một chiến thuyền của địch, vì ngoài những việc khác đã diễn ra một cách thuận lợi cho nữ vương, còn có cả chuyện không người nào trong thủy thủ đoàn của chiếc thuyền Kalyndos còn sống sót để tố giác bà. Và theo lời kể, để đáp lại những gì được tâu lên mình, Xerxes đã thốt lên như sau: "Những người đàn ông dưới quyền ta đã biến thành phụ nữ, còn những phụ nữ dưới quyền ta thành đàn ông".

89. Và trong thời gian đó, trong trận hải chiến này, tướng Ariabignes, con trai Dareios và em trai của Xerxes, đã tử trận, và cũng tử trận tại đây còn có rất nhiều người danh tiếng trong hàng ngũ của người Ba Tư và Media, cũng như của các đồng minh với Ba Tư. Về phần người Hy Lạp, họ tổn thất rất ít vì họ biết bơi, bởi thế những người có chiến thuyền bị phá hủy và không bị giết trong cận chiến đều bơi về Salamis, còn phía man tộc một số lớn chết đuối trên biển vì không biết bơi. Và khi những chiến thuyền trên hàng đầu quay lại để tháo chạy là lúc tổn thất của họ lớn nhất, bởi vì những người được bố trí ở phía sau trong khi tìm cách tiến lên tiền tuyến với thuyền của họ nhằm giành lấy ít nhiều chiến công trước mắt nhà vua đã đâm vào các chiến thuyền ở cùng bên phía họ khi những chiếc thuyền này tháo chạy.

90. Và trong khi cảnh hỗn loạn này xảy ra, một số người Phoinike có chiến thuyền bị phá hủy đã tới gặp nhà vua và buộc tội người Ionia, nói rằng chính vì người Ionia mà chiến thuyền của họ đã bị mất, và người Ionia là những kẻ phản bội sự nghiệp của nhà vua. Và không chỉ các tướng lĩnh Ionia không bị mất mạng, mà những người Phoinike tố cáo họ cũng nhận được phần thưởng như tôi sẽ kể. Trong lúc những người này đang tâu vua như vậy, một chiến thuyền Samothraike tấn công một chiến thuyền Athenai. Khi chiếc thuyền Athenai bị nó đánh chìm, một chiến thuyền Aigina

xông tới tấn công người Samothraike đã đâm chìm thuyền của họ. Khi đó người Samothraike, vốn là những tay ném lao cừ khôi, liền dùng lao tiêu diệt hết các thủy binh của chiếc thuyền đã đánh chìm thuyền của họ rồi nhảy lên chiếm lấy nó. Việc này đã cứu những người Ionia khỏi bị trừng phạt, vì khi Xerxes nhìn thấy họ thể hiện một chiến công xuất sắc, nhà vua liền quay sang người Phoinike (vì nhà vua đang vô cùng bực dọc và sẵn sàng bới lỗi của tất cả) và ra lệnh chém đầu những người này để họ, sau khi đã là những kẻ hèn nhát, không còn có thể tố cáo những người can đảm hơn họ. Vì bất cứ khi nào Xerxes (ngồi ngay dưới ngọn núi Aigaleos đối diện với Salamis) nhìn thấy bất cứ ai bên phía quân mình có một chiến công trong trận hải chiến, nhà vua lại hỏi xem người thực hiện chiến công là ai, và các thư lại ghi chú lại tên thuyền trưởng của chiếc thuyền cùng tên người cha của vị thuyền trưởng và bản quán của người đó. Và cả Ariaramnes, một người Ba Tư có mặt tại đó, vì đứng về phía người Phoinike, cũng đã phải chịu chung số phận của họ.

91. Trong lúc đó, khi man tộc quay thuyền tháo chạy và đang dong buồm về phía Phaleron, người Aigina phục sẵn chờ họ ở eo biển và thể hiện những chiến công đáng nhớ. Vì trong khi những người Athenai trong cuộc chiến hỗn loạn tiêu diệt cả những thuyền địch chống cự lẫn những chiếc đang tháo chạy, người Aigina phá hủy những thuyền địch tìm cách rời đi, và bất cứ thuyền địch nào thoát khỏi tay người Athenai đều hối hả tháo chạy và rơi vào tay người Aigina.

92. Thế rồi chiến thuyền của Themistokles, khi đó đang truy đuổi thuyền địch, gặp thuyền của Polykritos con trai Krios, một người Aigina. Ông này đã tấn công một chiến thuyền Sidon, cũng chính chiếc thuyền đã bắt giữ chiến thuyền Aigina làm nhiệm vụ cảnh giới ở Skiathos trên đó có Pytheas con trai Iskhenoos, người được quân Ba Tư giữ lại trên thuyền của họ trong tình trạng bị chém tả tơi, coi như một kỳ quan vì lòng dũng cảm của anh này. Chiếc thuyền Sidon khi bị chiếm đang chở theo cả Pytheas lẫn những người Ba Tư tôi nhắc tới ở trên, vậy là Pytheas an toàn trở về Aigina.

Khi Polykritos nhìn sang chiến thuyền Athenai, ông nhận ra ngay khi trông thấy hiệu kỳ của soái hạm, và ông nói lớn với Themistokles một cách giễu cợt về lời buộc tội người Aigina ngả về phía Media, đồng thời trách cứ Themistokles. Những lời chỉ trích này Polykritos nhắm vào Themistokles sau khi ông đã tấn công chiếc thuyền Sidon.

Trong cùng lúc đó, những chiến thuyền man tộc thoát khỏi sự hủy diệt tháo chạy tới Phaleron để ở dưới sự yểm trợ của đạo quân bộ.

93. Trong trận hải chiến này, người Aigina được kể lại là xuất sắc nhất trong tất cả các thành bang Hy Lạp, sau họ là người Athenai. Còn về cá nhân, nổi bật nhất là Polykritos người Aigina và hai thuyền trưởng Athenai, Eumenes người Anagyrous và Ameinias người Pallene, người đã truy đuổi Artemisia. Giá như biết được Artemisia đang ở trên chiếc thuyền đó, hẳn ông đã không dừng lại cho tới khi hoặc ông bắt được nữ vương, hoặc chính ông bị bắt, vì mệnh lệnh đã được ban ra cho các thuyền trưởng Athenai, và thêm nữa một giải thưởng 10.000 *drakhmai* được hứa dành cho ai bắt sống được nữ vương, bởi họ nghĩ việc một phụ nữ tham gia cuộc viễn chinh chống lại Athenai là điều không thể chấp nhận được. Và như đã nói ở trên, nữ vương đã thoát được, và những người khác đưa thuyền thoát được khỏi bị tiêu diệt cũng lui cả về Phaleron.

94. Về phần Adeimantos, đô đốc của người Korinthos, người Athenai kể rằng ngay khi các chiến thuyền giao chiến, ông ta đã kinh hoàng và hốt hoảng kéo buồm lên tháo chạy. Vậy là những người Korinthos, khi họ thấy thuyền của đô đốc tháo chạy, cũng làm theo và rời đi. Và sau đó, theo như lời kể, khi trên đường tháo chạy họ đi qua đối diện với ngôi đền Athena Skiras ở Salamis, thần linh đã chỉ dẫn cho họ dưới hình dạng một chiếc thuyền nhẹ, bởi không bao giờ tìm được người nào đã phái chiếc thuyền đó đi, và chiếc thuyền này lại gần hải đội Korinthos vào thời điểm họ không biết gì về những biến cố xảy đến với hạm đội. Và vì nguyên do này người ta cho rằng chiếc thuyền được thần linh cử đến, bởi khi nó lại gần các chiến thuyền, những người ở trên thuyền nhẹ liền nói: "Hỡi Adeimantos, ông đã quay thuyền rời đi và tháo chạy, từ bỏ sự nghiệp của người Hy Lạp, trong khi trên thực tế họ đang giành chiến thắng và đánh bại được kẻ thù đúng như họ mong muốn". Khi những người ấy nói như vậy, vì Adeimantos nghi ngờ, họ liền nói lại lần thứ hai và nói thêm rằng những người Korinthos có thể giữ họ làm con tin và giết họ nếu không phải người Hy Lạp giành chiến thắng. Khi đó Adeimantos liền quay thuyền trở lại cùng các chiến thuyền Korinthos khác, và họ về tới thủy trại khi trận chiến đã kết thúc. Đó là những gì người Athenai lan truyền về người Korinthos. Tuy nhiên, người Korinthos không chấp nhận bị nói như vậy, mà nhất quyết rằng họ nằm trong số những người xông lên hàng đầu trong cuộc hải chiến, và phần còn lại của Hy Lạp cũng làm chứng xác nhận cho họ.

95. Về phần Aristeides con trai Lysimakhos, người Athenai mà tôi đã nhắc tới trước đây chưa lâu như một người rất chính trực, ông này đã hành động như sau trong cuộc hỗn chiến diễn ra tại Salamis. Dẫn theo mình một số *hoplitai* người Athenai vốn trước đó được bố trí dọc theo bờ biển ở Salamis, ông cùng họ đổ bộ lên đảo Psyttaleia, rồi cùng những chiến binh này tiêu diệt tất cả quân Ba Tư đang có mặt trên hòn đảo nhỏ.

96. Khi cuộc hải chiến đã kết thúc, người Hy Lạp kéo về Salamis rất nhiều những chiến thuyền hư hỏng vẫn còn nằm bất động trên chiến trường, rồi chuẩn bị sẵn sàng cho một trận hải chiến nữa, vì họ trông đợi vua Ba Tư sẽ còn sử dụng những chiến thuyền chưa bị tổn thất. Nhưng còn nhiều thuyền hư hỏng bị gió Tây thổi dạt tới vùng bờ biển của Attika có tên Kolias, và như thế biến thành hiện thực không chỉ tất cả những gì lời tiên tri của Bakis và Mousaios đã nói về trận hải chiến, mà cả những điều được phán trong một thần dụ được nói ra từ nhiều năm trước các biến cố này bởi Lysistratos, một nhà tiên tri người Athenai, và trước đó không được bất cứ người Hy Lạp nào để ý đến: Và khi đó các phụ nữ Kolias sẽ nướng bánh lúa mạch bằng củi từ các mái chèo. Việc này được tiền định sẽ xảy ra sau khi vua Ba Tư lui quân.

97. Khi Xerxes nhận ra tai họa đã đến với mình, nhà vua sợ rằng ai đó trong số những người Ionia sẽ đề xuất với người Hy Lạp, hay chính những người Hy Lạp sẽ nảy ra ý định dong buồm tới eo Hellespontos và phá hủy các cây cầu, như thế nhà vua sẽ bị mắc kẹt ở châu Âu và có nguy cơ sẽ mất mạng. Bởi vậy, Xerxes bắt đầu cân nhắc tới việc rút chạy. Tuy nhiên, nhà vua mong muốn rằng ý định của mình không bị cả người Hy Lạp lẫn thuộc hạ của ông phát hiện ra. Do đó, ông tìm cách xây dựng một con đập chạy dài tới tận Salamis, và cho buộc các thương thuyền Phoinike lại với nhau để chúng có thể tạo thành vừa là một cây cầu vừa là một bức tường cho nhà vua, rồi cho tiến hành việc chuẩn bị chiến đấu như thể sắp sửa thực hiện một trận hải chiến nữa. Thấy nhà vua cho làm như vậy, tất cả những người khác đều đoan chắc rằng Xerxes đang thực sự chuẩn bị sẵn sàng và dự định nán lại chiến đấu. Song Mardonios không khỏi nhận ra ý nghĩa thực của những việc đó, vì bằng kinh nghiệm của mình ông ta biết quá rõ cách suy nghĩ của nhà vua.

98. Trong khi Xerxes làm như vậy, nhà vua cũng phái một người đưa tin về gặp người Ba Tư để thông báo về thảm họa vừa xảy đến với họ. Không có ai có thể hoàn tất một cuộc hành trình nhanh hơn những người đưa tin này, được người Ba Tư sáng tạo ra một cách rất khôn khéo. Bởi người ta kể rằng theo số ngày cần thiết

cho toàn bộ cuộc hành trình, một số lượng tương ứng ngựa và người được bố trí ở các khoảng cách nhất định, mỗi người và một ngựa được chỉ định cho một ngày đường. Cả tuyết, mưa, cái nóng hay đêm tối đều không thể ngăn cản mỗi người trong số họ hoàn tất nhiệm vụ được giao phó với tốc độ nhanh nhất có thể. Người đầu tiên sẽ cưỡi ngựa và chuyển thư tín được giao phó cho người thứ hai, rồi người thứ hai cho người thứ ba, rồi sau đó thư tín được truyền từ người này sang người khác, giống như trong các cuộc đua rước đuốc được người Hy Lạp thực hiện để tỏ lòng tôn kính Hephaistos. Kiểu chạy ngựa tiếp sức như thế được người Ba Tư gọi là *angareion*.

99. Thông điệp đầu tiên gửi về Sousa thông báo rằng Xerxes đã chiếm được Athenai, khiến những người Ba Tư ở trong nước vô cùng phấn khởi, khiến họ rải các cành hương đào ra các con đường và liên tục đốt hương, và bản thân họ cũng không ngừng dâng lễ hiến sinh và tiệc tùng. Tuy nhiên, thông điệp thứ hai được gửi về cho họ sau đó khiến họ bị chấn động tới mức tất cả người Ba Tư đều xé trang phục than khóc thảm thiết, và quy trách nhiệm cho Mardonios. Và người Ba Tư tỏ ra khổ sở như vậy phần nhiều không phải vì họ đau buồn cho các chiến thuyền mà vì họ lo sợ cho bản thân Xerxes.

100. Về phần người Ba Tư, sự lo lắng phiền muộn của họ tiếp tục trong suốt thời gian sau đó cho tới khi chính Xerxes trở về khiến họ bình tâm trở lại. Còn Mardonios, thấy rằng Xerxes đã bị chấn động mạnh bởi trận hải chiến, và nghi ngờ rằng nhà vua có ý tháo chạy khỏi Athenai, liền nghĩ về bản thân mình và thấy ông ta hẳn sẽ phải chịu trừng phạt vì đã thuyết phục nhà vua thực hiện cuộc viễn chinh tấn công Hy Lạp, và với bản thân ông ta tốt hơn là chấp nhận mạo hiểm để hoặc khuất phục Hy Lạp, hoặc kết thúc cuộc đời mình trong danh dự, chấp nhận đánh đổi sự an toàn của bản thân lấy một cái kết huy hoàng, cho dù trong suy nghĩ của Mardonios, ông ta cho rằng mình sẽ khuất phục được Hy Lạp. Ông ta cân nhắc như vậy, rồi tâu với nhà vua như sau:

> Tâu bệ hạ, xin bệ hạ chớ phiền muộn, cũng đừng lo lắng vì việc đã xảy ra, bởi vận hội của chúng ta không phải phụ thuộc toàn bộ vào một cuộc tranh đua của những tấm gỗ, mà vào chiến binh và chiến mã. Và không ai trong số những kẻ lúc này đoán rằng chúng đã đạt được tất cả sẽ tìm cách rời khỏi chiến thuyền và đối địch với bệ hạ, và cũng không có kẻ nào trên lục địa sẽ làm như thế, còn những kẻ thực sự dám cản đường chúng ta đều đã phải chịu trừng phạt. Vì thế, nếu bệ hạ nghĩ rằng việc này nên

làm, chúng ta hãy lập tức thử tấn công Peloponnesos, hoặc nếu bệ hạ nghĩ nên lui lại, chúng ta có thể làm như thế. Tuy nhiên, xin bệ hạ hãy đừng ngã lòng, bởi đám người Hy Lạp không có cách nào tránh khỏi trở thành nô lệ của bệ hạ, sau khi trước hết chúng đã phải trả giá cho những gì chúng đã gây ra cho bệ hạ cả lúc này lẫn trước đây. Đó là điều tốt nhất để làm. Song nếu quả thực bệ hạ quyết định quay về nước và rút quân, thần có một đề nghị nữa muốn tâu lên trong cả trường hợp đó nữa. Xin bệ hạ đừng để người Ba Tư trở thành chủ đề để người Hy Lạp chê cười, bởi không hề có việc gì của bệ hạ bị trắc trở do lỗi của người Ba Tư, mà bệ hạ cũng không thể kể ra bất cứ nơi nào chúng ta đã tỏ ra hèn nhất. Nhưng nếu người Phoinike, người Ai Cập, người Kypros hay người Kilikia đã chứng tỏ bọn họ là những kẻ hèn nhát, thì thảm họa đã xảy ra không phải do người Ba Tư theo bất cứ khía cạnh nào. Thế nên, bởi không phải người Ba Tư đã có lỗi với bệ hạ, xin bệ hạ hãy làm theo lời khuyên của thần. Nếu bệ hạ đã quyết không ở lại đây, xin bệ hạ hãy trở về vương quốc của mình, đem theo chủ lực của quân đội, và khi đó thần sẽ là người dâng lên bệ hạ cõi Hy Lạp đã bị thần phục sau khi đã chọn lấy 30 vạn người từ quân đội của ta cho mục đích này.

101. Nghe những lời này, Xerxes hài lòng và vui vẻ hết mức có thể sau những không may gặp phải, và nhà vua nói với Mardonios rằng sau khi đã hỏi ý kiến cận thần ông sẽ trả lời và cho biết sẽ làm việc nào trong hai lựa chọn. Và khi Xerxes bàn bạc với những người Ba Tư được gọi tới để cố vấn cho mình, nhà vua cảm thấy cũng nên triệu cả Artemisia tới để đưa ra lời khuyên cho mình, vì lần trước chỉ một mình bà đã chứng tỏ mình nhìn nhận ra được điều gì cần phải làm. Vậy là khi Artemisia đã tới, Xerxes cho tất cả những người khác lui ra, cả các cận thần người Ba Tư lẫn các cận vệ, rồi nói với nữ vương như sau: “Mardonios cầu xin ta ở lại đây và thử tấn công Peloponnesos, nói rằng người Ba Tư và đạo quân bộ không có bất cứ tội lỗi nào trong tai họa ta gặp phải, và rằng họ sẽ vui mừng được cho ta thấy bằng chứng của điều đó. Vì thế ông ta khuyên ta hoặc làm như vậy, hoặc nếu không ông ta muốn tự mình chọn lấy 30 vạn quân từ đạo quân và dâng lên ta Hy Lạp đã bị khuất phục. Và ông ta khuyên ta cùng phần còn lại của đạo quân rút lui về vương quốc của ta. Vậy nhà ngươi, vốn đã đưa ra lời khuyên đúng đắn về trận hải chiến đã diễn ra, hối thúc rằng chúng ta không nên tìm kiếm nó, giờ hãy cũng khuyên ta xem trong hai việc đó ta sẽ nên làm việc nào để ta có thể quyết định đúng đắn”.

102. Vua Ba Tư hỏi nữ vương lời khuyên như vậy, và bà đã trả lời như sau: “Tâu bệ hạ, thật khó để thần nói ra được điều gì là tốt nhất khi một người hỏi lời khuyên từ thần; thế nhưng với thần hiện tại tốt hơn bệ hạ nên lui quân về và để Mardonios lại đây nếu ông ta muốn thế và xin nhận làm điều đó cùng những chiến binh ông ta muốn có. Vì như thể một mặt nếu ông ta khuất phục được những kẻ mà ông ta nói muốn khuất phục, và nếu cuộc chinh phạt ông ta đang nghĩ trong đầu khi nói ra những lời đó thành công, thì nói cho cùng vinh quang sẽ thuộc về ngài, thưa bệ hạ, bởi chiến công đó do các nô lệ của bệ hạ giành được. Mặt khác, nếu điều trái ngược với dự định của Mardonios sẽ xảy ra, nó cũng sẽ không là một bất hạnh lớn, vì khi đó bản thân bệ hạ đã an toàn, và quyền lực ở các vùng liên quan tới gia tộc của bệ hạ cũng vậy, bởi nếu bệ hạ và gia tộc của ngài an toàn, người Hy Lạp sẽ còn phải trải qua nhiều cuộc giao tranh nữa để bảo toàn sự sống còn của chính bọn họ. Còn về phần Mardonios, nếu ông ta gặp tai họa, sẽ không có gì đáng kể xảy ra. Và nếu người Hy Lạp thắng, họ sẽ giành được một chiến thắng vốn chẳng phải là chiến thắng khi chỉ tiêu diệt được một nô lệ của bệ hạ. Còn về phần mình, bệ hạ sẽ lui quân sau khi đã thực hiện được điều đã khiến bệ hạ xuất quân, đó là đã thiêu trụi được Athenai”.

103. Xerxes hết sức hài lòng với lời khuyên này, vì nữ vương đã nói ra đúng điều bản thân nhà vua định làm, bởi cho dù tất cả đàn ông và phụ nữ trên đời có khuyên Xerxes ở lại hẳn nhà vua cũng sẽ không làm như vậy, vì lúc đó nhà vua đang bị nỗi kinh hoàng ám ảnh. Vậy là nhà vua khen ngợi Artemisia rồi phái nữ vương đi hộ tống các con trai ông tới Ephesos, bởi có một số con trai ngoài giá thú của Xerxes tháp tùng nhà vua.

104. Để chăm sóc cho những đứa con trai này, nhà vua phái Hermotimos đi, ông này là người Pedasos và được nhà vua đánh giá cao nhất trong số các hoạn quan. (Người Pedasos cư trú ở phía thượng du so với Halikarnassos, và tại Pedasos có một việc diễn ra như sau: Bất cứ khi nào sắp sửa có rắc rối gì đó sắp xảy đến với toàn bộ cư dân của thành phố này, khi ấy nữ tư tế của nữ thần Athena tại đó lại mọc ra một bộ râu dài, và việc này đã xảy ra hai lần trước đây.

105. Hermotimos là một người Pedasos. Và cho tới ngày nay, trong tất cả mọi người tôi biết đến, ông ta là người đã có được sự báo thù ghê gớm nhất cho một sự bất công ông ta phải chịu đựng. Vì ông ta đã bị kẻ thù bắt và đem bán làm nô lệ, rồi Panionios, một người Khios, đã mua ông ta, và người này kiếm sống bằng nghề trái đạo lý nhất trên đời, bởi bất cứ khi nào Panionios mua được

những đứa bé trai đẹp đẽ, y liền đem hoạn những đứa trẻ này, rồi sau đó đưa chúng tới Sardis hay Ephesos bán lấy những món tiền lớn, bởi với man tộc các hoạn nô được coi là có giá trị hơn trong tất cả những vấn đề cần sự tin cẩn so với những người không phải là hoạn nô. Và Panionios biến nhiều người thành hoạn nô vì đó là cách kiếm sống của y, và trong số những người đó có cả Hermotimos, người tôi đang nói tới. Không hề bất hạnh trong tất cả mọi chuyện, Hermotimos được đưa tới Sardis dâng lên nhà vua cùng các món quà khác, rồi theo thời gian ông ta được Xerxes tin cẩn hơn các hoạn quan khác.

106. Và khi nhà vua, lúc đó đang ở Sardis, ra lệnh cho đạo quân Ba Tư xuất phát để hành quân đi đánh Athenai, Hermotimos, sau khi đi tới khu vực của Mysia có người Khios sinh sống được gọi là Atarneus để làm một công việc gì đó, đã tìm thấy Panionios tại đó. Rồi sau khi nhận ra y, ông ta nói với y rất nhiều lời thân mật, trước hết thuật lại với y tất cả những điều tốt đẹp ông ta có được nhờ y, rồi tiếp đến hứa sẽ báo đáp và nói về những điều tốt đẹp ông ta sẽ làm cho y nếu y đưa cả người thân tới sống ở vùng đất đó. Vậy là Panionios vui vẻ chấp nhận lời đề nghị của Hermotimos và đưa vợ cùng các con của mình tới.

Thế rồi khi đã bắt lấy Panionios cùng với toàn bộ gia đình y, Hermotimos liền nói như sau: "Hỡi tên kia, kẻ đã kiếm sống cho tới lúc này bằng những hành vi trái đạo lý nhất trên đời, ta hay cha ông ta đã làm gì tồi tệ với ngươi hay với bất cứ người thân của ngươi, mà ngươi khiến ta trở thành một kẻ chẳng còn là gì nữa thay vì được là một người đàn ông hả? Ngươi tin rằng những gì ngươi làm sẽ thoát khỏi mắt các vị thần sao? Ấy thế nhưng các vị thần đã theo công lý mà trao ngươi vào tay ta, vì ngươi đã làm những việc trái đạo lý, và để ngươi không còn lý do nào để thấy oan uổng với hình phạt ta sẽ dành cho ngươi". Sau khi Hermotimos đã trách cứ Panionios như vậy, các con trai của Panionios bị đưa tới trước mặt cha chúng, rồi Panionios bị buộc phải hoạn chính các con trai mình, tất cả gồm bốn người. Rồi sau khi y đã làm như vậy, những đứa con trai bị buộc phải làm điều tương tự với cha của chúng. Đó là sự báo thù Panionios phải chịu dưới tay Hermotimos.

107. Khi Xerxes đã ủy thác các con trai cho Artemisia đưa lũ trẻ trở về Ephesos, nhà vua liền cho triệu Mardonios tới và lệnh cho ông ta lựa chọn những binh sĩ nào ông ta muốn trong đạo quân và thực hiện các chiến công theo như lời ông ta đã nói nếu có thể. Trong ngày hôm ấy có những việc như vậy diễn ra, rồi đến đêm, theo lệnh nhà vua, các tướng lĩnh chỉ huy hạm đội bắt đầu rút các

chiến thuyền của họ từ Phaleron về eo Hellespontos nhanh hết mức mà mỗi người có thể để bảo vệ các cây cầu cho nhà vua vượt qua. Rồi khi man tộc tới gần Zoster trong chuyến hải hành, họ nhìn thấy những mũi đá nhỏ nhô ra biển từ đất liền ở nơi này và nghĩ rằng đó là những chiến thuyền để rồi tháo chạy ra thật xa. Tuy nhiên sau đó khi nhận ra chúng không phải là các chiến thuyền mà chỉ là những mũi đá, họ lại tập hợp đội hình rồi tiếp tục chuyến đi.

108. Khi mới tảng sáng, người Hy Lạp thấy đạo quân bộ của địch vẫn đóng nguyên vị trí thì đoán rằng các chiến thuyền Ba Tư cũng đang ở Phaleron, và nghĩ rằng sẽ phải đánh một trận hải chiến nữa, họ liền sửa soạn chuẩn bị để đẩy lui kẻ thù. Tuy nhiên, khi họ được tin báo là các chiến thuyền địch đã rời đi, ngay lập tức những người Hy Lạp nghĩ rằng nên truy đuổi theo chúng. Vậy là họ đuổi theo hạm đội địch tới tận Andros, nhưng chẳng thấy bóng dáng hạm đội của Xerxes đâu. Rồi khi đã tới Andros, họ liền bàn bạc xem nên làm gì. Khi đó Themistokles liền tuyên bố quan điểm của mình rằng họ nên dong buồm đi qua giữa các hòn đảo và truy đuổi thuyền địch, rồi sau đó tiến thẳng tới eo Hellespontos để phá hủy các cây cầu. Song Eurybiades liền bày tỏ quan điểm trái ngược, nói rằng nếu họ phá hủy các cây cầu nổi, khi đó họ sẽ gây ra tai ương lớn nhất có thể cho Hy Lạp. Bởi nếu vua Ba Tư bị cắt đường lui và buộc phải ở lại châu Âu, ông ta sẽ không chịu án binh bất động, bởi nếu án binh bất động thì chẳng những ông ta không có được tiến triển gì và cũng không có con đường quay về nhà nào xuất hiện, mà cả đạo quân của ông ta sẽ chết đói. Trái lại nếu ông ta nỗ lực và kiên tâm vào chuyện đó, rất có thể ông ta sẽ chiếm được toàn bộ châu Âu, hết thành phố này tới thành phố khác, hết nước này tới nước khác, cư dân hoặc sẽ bị khuất phục hoặc sẽ đầu hàng theo điều kiện trước khi bị chinh phục. Thêm nữa, quân Ba Tư sẽ có mùa màng của người Hy Lạp trồng hằng năm để làm lương thực. Tuy nhiên, Eurybiades nghĩ rằng sau khi bại trận trên biển vua Ba Tư sẽ không ở lại châu Âu, vì thế nên để ông ta được phép tháo chạy cho tới khi ông ta đã về đến bản quán. Kế đến, người Hy Lạp có thể bắt đầu đánh chiếm những vùng đất thuộc về vua Ba Tư. Các tướng lĩnh người Peloponnesos cũng ủng hộ quan điểm này.

109. Khi Themistokles nhận ra ông không thể thuyết phục được họ, hay ít nhất là đa số họ, tiến đến eo Hellespontos, ông liền đổi ý và quay sang người Athenai (vì họ là những người buồn phiền nhất về việc hạm đội địch chạy thoát mất và nóng lòng muốn dong buồm tới Hellespontos dù chỉ có mình họ nếu các đồng minh khác không sẵn sàng) và nói với họ như sau: “Bản thân ta

trước đây cũng đã từng trải qua nhiều tình thế như hiện tại, và đã nghe nói tới còn nhiều dịp hơn thế, trong đó chuyện tương tự đã xảy ra, cụ thể là những kẻ bị dồn ép vào thế cùng đường sau khi họ đã bị đánh bại đã tái chiến và bù đắp lại tai họa trước đó của họ. Còn về chúng ta, vì chúng ta đã nhận được từ vận may phần thưởng là sự tồn tại của bản thân chúng ta cũng như của Hy Lạp nhờ đẩy lui khỏi đất đai của chúng ta một đạo quân đông đảo đến thế, chúng ta hãy chớ đuổi theo kẻ thù đang tháo chạy khỏi chúng ta. Bởi chiến thắng đó có được không phải nhờ sức mạnh của chúng ta, mà nhờ các vị thần và các vị anh hùng, những người khó chịu trước việc một người trần lại có thể trở thành vua của cả châu Á lẫn châu Âu, trong khi kẻ đó lại là một kẻ xấu xa và kiêu ngạo, kẻ không hề biết phân biệt giữa những thứ thiêng liêng và phàm tục, kẻ đã đốt cháy các đền và kéo đổ các tượng thần, cũng là kẻ đã đánh roi Biển và ném xiềng xích xuống biển. Nhưng trong bối cảnh hiện tại, tốt hơn chúng ta nên ở lại Hy Lạp lo lắng cho bản thân và gia đình của chúng ta. Mỗi người hãy sửa lại nhà của mình, chuyên tâm canh tác đất đai của mình sau khi đã đánh đuổi man tộc. Rồi sau đó, đến đầu mùa xuân, chúng ta hãy dong buồm tiến xuống phía eo Hellespontos và Ionia".

Ông đã nói như vậy, với dụng ý giành lấy cho mình lòng biết ơn từ phía người Ba Tư, để nếu rốt cuộc nếu có tai ương gì xảy đến với ông từ tay người Athenai, ông sẽ có thể có một nơi tị nạn, và quả thực đó là điều đã xảy ra.

110. Vậy là Themistokles đã nói như vậy để lừa phỉnh người Athenai, và họ nghe theo lời khuyên của ông, bởi thậm chí từ trước đó ông đã có tiếng là một người có năng lực và giờ đây ông đã chứng minh được mình quả thực là người vừa có năng lực vừa có những ý kiến xác đáng. Vì thế, người Athenai sẵn sàng làm mọi thứ theo lời khuyên của ông khi ông lên tiếng. Ngay sau đó, Themistokles phái đi trên một chiếc thuyền những người ông tin tưởng sẽ giữ im lặng cho dù gặp phải thử thách gì đi nữa, và giao phó cho họ những lời ông muốn họ tâu lên nhà vua, và Sikinnos gia nhân của Themistokles, lại là một trong số những người thân tín này. Khi những người này tới Attika, những người còn lại ở trên thuyền, trong khi Sikinnos tới gặp Xerxes và nói như sau: "Themistokles con trai Neokles, đô đốc của người Athenai, cũng là người giỏi nhất và có năng lực nhất trong số các đồng minh, phái thần tới đây để tâu lên bệ hạ rằng Themistokles người Athenai, vì mong muốn phụng sự bệ hạ, đã kìm chân người Hy Lạp lại khi họ muốn truy kích các chiến thuyền của bệ hạ và phá hủy những cây cầu bắc qua eo Hellespontos. Vì thế giờ đây bệ hạ có thể quay về nhà mà không bị quấy nhiễu". Sau khi đã báo tin như vậy, những

người thân tín của Themistokles liền dong buồm rời đi.

111. Trong thời gian đó, những người Hy Lạp, sau khi đã quyết định không truy đuổi hạm đội man tộc xa hơn nữa, cũng không tới eo Hellespontos để phá những cây cầu vượt biển, liền tấn công Andros với chủ đích muốn chiếm nơi này, vì người Andros là tộc người trên đảo đầu tiên đã từ chối cung cấp tiền khi Themistokles yêu cầu họ, và khi Themistokles đề nghị với họ và nói rằng người Athenai đã tới cùng với hai vị thần vĩ đại, Peitho và Ananke, bởi thế người Andros bằng mọi cách phải đưa tiền cho họ, người Andros liền đưa ra câu trả lời mà giờ đây nhìn lại không phải không có lý, đó là Athenai thì vĩ đại và giàu có bởi Athenai được cung cấp chu đáo bởi các vị thần hữu ích; còn về phần người Andros, họ nghèo khó và đã trở nên trứ danh về sự nghèo khó của mình, và có hai vị thần vô ích không bao giờ rời khỏi hòn đảo của họ mà luôn ở rịt lại đó, là Penia và Amekhania, và bởi có những vị thần này nên người Andros không thể đưa tiền, vì sức mạnh của Athenai sẽ chẳng bao giờ thắng được sự bất lực của người Andros. Người Andros đã trả lời như thế, và sau khi từ chối đưa tiền họ liền bị vây hãm.

112. Và Themistokles, vẫn chưa thôi mong muốn kiếm tiền liền gửi những thông điệp đe dọa tới các hòn đảo khác, đồng thời cũng lệnh cho các tín sứ của mình đòi tiền họ, và ông ta sử dụng cũng vẫn những người trước đó đã được cử đi gặp vua Ba Tư. Themistokles nói rằng nếu những người trên các đảo không giao nộp khoản tiền được yêu cầu ở họ, ông ta sẽ đưa hạm đội Hy Lạp tới vây hãm họ và hủy diệt họ. Bằng cách đe dọa như vậy, ông ta thu được những khoản tiền lớn từ người Karystos và người Paros, những tộc người này, sau khi được cho hay Andros đã bị vây hãm ra sao vì cư dân đảo này đứng về phía người Media, cũng như việc Themistokles được vị nể hơn bất cứ tướng lĩnh nào khác, đã nộp tiền ra vì sợ hãi. Liệu các tộc người trên những hòn đảo khác có chịu nộp tiền hay không thì tôi không thể nói chắc, nhưng tôi nghĩ một số tộc người khác cũng nộp tiền chứ không riêng gì cư dân hai hòn đảo kể trên. Ấy thế nhưng ít nhất người Karystos cũng không vì thế mà tránh khỏi tai ương, còn người Paros thoát khỏi bị tấn công vì họ đã xoa dịu Themistokles bằng tiền. Vậy là Themistokles, lấy Andros làm điểm khởi đầu, đã thu về tiền cho bản thân mình từ cư dân của các hòn đảo mà các tướng lĩnh khác của hạm đội không hề biết.

113. Trong cùng thời gian đó, Xerxes và đạo quân bộ của nhà vua nán lại vài ngày sau trận hải chiến, sau đó tất cả bắt đầu hành quân về phía Boiotia theo đúng tuyến đường họ đã dùng để tiến

quân, vì Mardonios nghĩ rằng sẽ có lợi cho ông ta khi hộ tống nhà vua trên đường, đồng thời cũng vì lúc này đã quá muộn trong năm để tiếp tục cuộc chiến. Ông ta nghĩ rằng tốt hơn nên trú quân mùa đông tại Thessalia rồi sau đó thử tấn công Peloponnesos vào đầu mùa xuân. Khi đã tới Thessalia, tại đó Mardonios trước hết chọn cho mình tất cả các chiến binh Ba Tư được gọi là "Bất tử quân", ngoại trừ viên chỉ huy của đội quân này, Hydarnes (bởi Hydarnes nói rằng nhà vua sẽ không để ông ta ở lại), rồi kế đến là những chiến binh Ba Tư khác có mặc giáp, và đội quân gồm 1.000 kỵ binh, cũng như cả quân Media, Sakai, Baktria và Ấn Độ, gồm cả bộ binh và kỵ binh. Ông ta chọn rất nhiều binh lính từ các dân tộc này, nhưng chỉ chọn số ít từ đồng minh khác, chọn lấy những người ông ta biết đã phụng sự tốt trong số những người có vóc dáng uy dũng. Ông ta chọn nhiều người từ các chiến binh Ba Tư hơn từ bất cứ dân tộc nào khác, và những người này có đeo vòng cổ bằng kim loại uốn lại và những chiếc vòng tay. Sau họ là những người Media, với quân số không hề ít hơn người Ba Tư về số lượng, mà chỉ kém hơn về thể lực. Kết quả là tổng cộng có 30 vạn quân được chọn, bao gồm cả kỵ binh.

114. Trong thời gian này, khi Mardonios đang lựa chọn binh lính cho đạo quân của mình và Xerxes đang ở Thessalia, một thần dụ từ Delphoi đã được phán cho người Lakedaimon, bảo họ đòi hỏi Xerxes phải trả giá cho cái chết của Leonidas và chấp nhận những gì vua Ba Tư trả. Vậy là người Sparta liền phái đi một sứ giả nhanh hết mức có thể. Sau khi phát hiện ra toàn đạo quân Ba Tư vẫn đang ở Thessalia, sứ giả liền vào yết kiến Xerxes và nói những lời sau: "Hỡi vua của người Media, người Lakedaimon và các con trai của Herakles tại Sparta yêu cầu ngài phải trả giá cho tính mạng vua của họ, bởi ngài quả thực đã giết vua của họ khi ông chiến đấu bảo vệ Hy Lạp". Xerxes bật cười rồi im lặng hồi lâu, sau đó chỉ sang Mardonios, người tình cờ đang đứng cạnh mình, nhà vua nói: "Vậy thì Mardonios đây sẽ cho họ được hài lòng, với cái giá đúng như họ xứng đáng có được".

115. Sứ giả liền chấp nhận câu trả lời và quay về, còn Xerxes, để Mardonios lại Thessalia, hối hả đi tiếp tới Hellespontos và sau 35 ngày tới được nơi có lối qua eo biển, đem theo về một đạo quân có thể nói là gần như chẳng còn gì. Và hành quân tới đâu, cho dù là nước nào, đạo quân này cũng cướp đoạt mùa màng của dân chúng tại đó làm lương thực cho họ. Còn nếu họ không tìm thấy mùa màng, họ liền nhổ cỏ mọc lên khỏi mặt đất, bóc vỏ cây, vặt lá cây và nhai ngấu nghiến, dù là cây trồng hay cây mọc hoang, và không để sót bất cứ thứ gì lại sau lưng. Đám tàn quân làm vậy vì đói. Rồi dịch bệnh cũng xảy ra với đạo quân cùng chứng kiết lị hủy

hoại họ trên đường hành quân, một số người bị ốm nhà vua cho để lại sau, giao phó cho các thành phố nơi nhà vua tình cờ đang dừng chân lại vào thời điểm đó trên đường hành quân phải chăm sóc cho những người bị ốm đó. Một số bệnh binh bị bỏ lại ở Thessalia, số khác ở Siris tại Paionia, và một số nữa ở Makedonia. Nhà vua cũng đã để lại cỗ chiến xa thiêng của thần Zeus ở những vùng này khi hành quân tấn công Hy Lạp, nhưng khi quay trở lại Xerxes không lấy lại được cỗ xe vì người Paionia đã trao nó cho người Thraike, và khi Xerxes hỏi đến cỗ xe, họ liền tâu rằng trong khi ăn cỏ ngoài đồng những con ngựa cái đã bị người Thraike ở vùng thượng du sống gần nguồn sông Strymon bắt đi.

116. Ở đây một người Thraike, vua của người Bisaltai và vùng đất Krestonia, đã gây ra một hành vi cực kỳ ghê rợn. Ông ta đã nói là bản thân mình sẽ không tự nguyện quy phục Xerxes và đã đi lên tận núi Rhodope, đồng thời cũng đã cấm các con trai mình tham gia vào cuộc chinh phạt Hy Lạp. Tuy nhiên, những người con trai của ông ta, hoặc vì họ không để tâm tới lệnh cha, hoặc vì họ nảy ra mong muốn được chứng kiến cuộc chiến, đã gia nhập cuộc hành quân cùng với vua Ba Tư. Và khi tất cả họ, gồm cả thảy sáu người, đều quay trở về nguyên vẹn, người cha liền móc mắt họ ra vì đã trái lời mình.

117. Những đứa con trai đã nhận được hình phạt như thế.

Còn về phần quân Ba Tư, khi đi tiếp từ đất Thraike họ về tới chỗ vượt eo biển, rồi vội vã vượt qua eo Hellespontos tới Abydos bằng thuyền, vì họ không tìm thấy các cầu nổi vẫn còn bắc nguyên vẹn qua eo biển mà đã bị một cơn bão phá hủy. Trong khi đạo quân dừng lại đó một thời gian, binh lính được cung cấp khẩu phần lương thực đầy đủ hơn so với trên đường hành quân trước đó, và vì thỏa mãn cái đói một cách không chừng mực cũng như vì thay đổi nước uống, rất nhiều người trong đạo quân vốn vẫn vô sự cho tới lúc đó liền bị chết. Những người còn lại cùng Xerxes về tới Sardis.

118. Còn có một câu chuyện khác cũng được kể lại như sau, đó là khi Xerxes đang trên đường lui binh từ Athenai về đã tới Eion bên sông Strymon, từ nơi này trở đi nhà vua không tiếp tục đi bằng đường bộ, mà giao cho Hydarnes đưa đạo quân về Hellespontos, trong khi bản thân Xerxes lên một chiếc thuyền Phoinike và lên đường về châu Á. Trong khi hải hành, thuyền của nhà vua gặp phải một cơn gió mạnh thổi từ Strymon tới, gió dữ dội làm sóng lớn cồn lên. Và vì Xerxes bị cơn bão làm lắc lư ngày càng mạnh, chiếc thuyền lại chở nặng (vì trên thuyền có rất nhiều người Ba Tư

cùng tháp tùng Xerxes), nhà vua trong lúc hoảng sợ liền hét lớn lên và hỏi người lái thuyền xem có cách nào đảm bảo an toàn cho họ hay không. Người này đáp: "Tâu bệ hạ, không có cách nào cả, trừ khi tìm được cách nào đó để giải thoát chúng ta khỏi số người quá đông trên thuyền". Sau đó theo như lời kể lại, khi Xerxes nghe được câu trả lời, nhà vua liền nói như sau: "Hỡi những người Ba Tư, giờ mỗi người trong các ngươi hãy chứng tỏ các ngươi lo lắng cho nhà vua, bởi có vẻ như an toàn của ta phụ thuộc vào các ngươi". Nhà vua đã nói như vậy, và những người Ba Tư tuân lệnh Xerxes và nhảy cả xuống biển, nhờ thế chiếc thuyền được nhẹ bớt về tới châu Á an toàn. Ngay khi mọi người lên bờ, theo như lời kể Xerxes trước hết tặng cho người lái thuyền một vòng đội đầu bằng vàng vì anh ta đã cứu mạng nhà vua, rồi sau đó chém đầu anh ta vì đã gây ra cái chết của nhiều người Ba Tư.

119. Câu chuyện này đã được kể lại về chuyến trở về của Xerxes, song về phần mình tôi không thể tin vào nó, cho dù là về những mặt khác lẫn việc được kể đã xảy ra với những người Ba Tư. Bởi nếu những gì tôi vừa thuật lại quả thực đã được người lái thuyền nói với Xerxes, cho dù có hỏi 10.000 người hẳn cũng không có nổi một người đưa ra ý kiến khác của tôi về điều nhà vua hẳn đã làm trong trường hợp như vậy, đó là lệnh cho những người ở trên mặt boong thuyền xuống dưới khoang thuyền, bởi đó là những người Ba Tư có địa vị cao nhất trong hàng ngũ Ba Tư; và nhà vua sẽ cho ném xuống biển một số tương tự những người chèo thuyền, vốn đều là người Phoinike. Tuy nhiên, trên thực tế, như tôi đã kể ở phần trước, nhà vua đã quay về châu Á cùng phần còn lại của đạo quân theo đường bộ.

120. Và cả việc tiếp theo đây nữa cũng là bằng cớ rõ ràng cho điều đó, vì người ta biết rằng Xerxes đã tới Abdera trên đường quay về, và đã kết họ làm khách-hữu, đồng thời tặng họ một thanh kiếm Ba Tư bằng vàng và một chiếc mũ miện dát vàng. Và như chính người Abdera nói (cho dù về phần mình tôi không thể tin điều đó), lần đầu tiên nhà vua tháo đai lưng trong chuyến tháo lui từ Athenai vì coi mình giờ đã được an toàn. Abdera nằm xa hơn sông Strymon và Eion về hướng Hellespontos, là nơi câu chuyện khi trước kể rằng nhà vua đã xuống thuyền.

121. Trong khi đó, người Hy Lạp khi thấy rằng họ không thể chinh phục Andros, liền quay sang Karystos, rồi sau khi đã tàn phá vùng đất của những người Karystos, họ liền rời đi trở về Salamis. Sau đó, trước tiên họ lấy một phần chiến lợi phẩm làm lễ vật dâng lên các vị thần, trong đó có ba chiếc *triereis* Ba Tư, một chiếc được dâng làm lễ vật tại Eo đất, và vẫn còn ở nguyên đó cho

tới tận thời của tôi, một chiếc khác tại Sounion, còn chiếc thứ ba làm lễ vật dâng lên Aias tại Salamis. Sau đó, họ chia nhau chiến lợi phẩm và dâng một phần lễ vật từ chiến lợi phẩm tới Delphoi, từ số của cải này người ta chế tác một pho tượng cao 12 *pekhes* cầm trên tay một chiếc mũi thuyền. Pho tượng này tọa lạc ở cùng một chỗ với bức tượng vàng của Alexandros xứ Makedonia.

122. Khi người Hy Lạp đã dâng lễ vật tại Delphoi, họ liền hỏi thần nhân danh tất cả xem liệu các lễ vật thần nhận được đã đủ và chấp nhận được hay chưa. Thần Apollon phán rằng thần đã nhận được đủ từ người Hy Lạp, song từ người Aigina thì chưa, và thần yêu cầu họ dâng lễ vật từ sự can đảm của họ trong trận hải chiến ở Salamis. Nghe được lời phán truyền này, người Aigina liền dâng lên ba ngôi sao bằng vàng gắn trên một cây cột buồm bằng thanh đồng, lễ vật này được đặt vào trong góc gần bình pha rượu của Kroisos.

123. Sau khi chia chiến lợi phẩm, những người Hy Lạp dong buồm tới Eo đất để tặng phần thưởng cho người đã chứng tỏ mình xuất sắc nhất ở cuộc chiến này trong tất cả người Hy Lạp. Khi họ đã tới nơi, các tướng lĩnh liền tiến hành bầu chọn tại ban thờ thần Poseidon, lựa ra từ tất cả người xứng đáng nhất và người xứng đáng thứ hai. Khi đó tất cả tướng lĩnh ai nấy đều bầu cho chính mình, mỗi người đều nghĩ anh ta là người xuất sắc nhất, nhưng về vị trí thứ nhì, đa số phiếu bầu đều nhất trí lựa chọn Themistokles. Vậy là mỗi người đều chỉ có một phiếu bầu cho vị trí thứ nhất, trong khi Themistokles vượt xa những người khác về số phiếu bầu cho vị trí thứ nhì.

124. Và cho dù người Hy Lạp không đưa ra quyết định về bầu chọn bởi sự ganh tị mà mỗi hải đội đều trở về thành phố của họ mà không quyết định gì, song Themistokles được nói đến rất nhiều và được đánh giá trên toàn cõi Hy Lạp là tướng lĩnh có năng lực vượt trội hơn cả trong hàng ngũ Hy Lạp. Và vì ông không nhận được sự tôn vinh từ những người đã chiến đấu tại Salamis, cho dù ông là người có kết quả cao nhất khi bầu chọn, sau sự kiện này ông liền đi ngay tới Lakedaimon, mong muốn nhận được vinh dự tại đó. Người Lakedaimon tiếp đón ông chu đáo và ban cho ông nhiều vinh dự. Họ tặng Eurybiades một vòng ô-liu làm phần thưởng cho sự can trường, và cũng tặng Themistokles một vòng ô-liu vì năng lực và sự khéo léo. Đồng thời họ còn tặng cho Themistokles cỗ chiến xa được xem là tốt nhất ở Sparta. Sau khi đã khen ngợi Themistokles như thế, họ tiễn ông rời đi bằng cách cử 300 chiến binh được lựa chọn từ những người Sparta và được gọi là các "kỵ sĩ" hộ tống ông tới tận biên giới với Tegea. Và theo những gì chúng

ta được biết, ông là người duy nhất từng được người Sparta hộ tống như thế.

125. Tuy nhiên, khi Themistokles từ Lakedaimon trở về Athenai, Timodemos người Aphidnai, một trong những đối thủ của Themistokles, nhưng về những mặt khác không nằm trong số những người xuất chúng, vì ghen tị đã điên cuồng chỉ trích Themistokles, lấy việc ông này đã tới Lakedaimon để buộc tội ông, và nói rằng Themistokles có được những vinh dự mà người Lakedaimon dành cho ông là nhờ vào Athenai chứ không phải vì bản thân Themistokles. Thế rồi khi Timodemos không ngừng nhắc lại điều này, Themistokles liền nói: "Ta nói với ông thế này: Nếu ta là một người Belbina, hẳn ta đã chẳng bao giờ được những người Sparta trân trọng như thế. Nhưng ông cũng sẽ chẳng bao giờ nhận được vinh dự ấy đâu, ông bạn thân mến, cho dù ông có là người Athenai đi chăng nữa".

126. Trong cùng thời gian ấy Artabazos con trai Pharnakes, một người được dân chúng Ba Tư rất kính trọng ngay từ trước thời kỳ này và thậm chí còn được kính trọng hơn nữa sau những biến cố tại Plataia, đã tháp tùng nhà vua tới tận chỗ qua eo biển cùng 6 vạn quân thuộc đạo quân mà Mardonios đã chọn ra cho mình. Khi nhà vua đã ở châu Á còn Artabazos về tới gần Pallene trên đường quay trở lại, Artabazos thấy rằng Mardonios đang trú đông tại Thessalia và Makedonia và lúc này ông ta không cần gấp gáp trở lại hội quân với phần còn lại của đạo quân, còn người Potidaia khi đó đang nổi dậy, Artabazos nghĩ sẽ là không hay nếu ông ta dẫn quân đi qua mà không khuất phục người Potidaia thành nô lệ. Vì người Potidaia đã công khai nổi dậy chống lại man tộc sau khi vua Ba Tư lui quân qua vùng của họ còn hạm đội Ba Tư đã tháo chạy khỏi Salamis, và những tộc người khác sống ở Pallene cũng vậy.

127. Vậy là Artabazos bắt đầu vây hãm Potidaia, đồng thời vì nghi ngờ rằng người Olynthos cũng đang định nổi dậy chống lại nhà vua, ông ta liền bắt đầu vây hãm cả thành phố này, vốn là nơi sinh sống của những người Bottiaia đã bị người Makedonia đánh đuổi khỏi vùng vịnh Thermaios. Sau khi đã khuất phục được họ bằng cuộc vây hãm, Artabazos giải họ tới một hồ nước rồi giết họ ở đó, còn thành phố ông ta giao cho Kritoboulos người Torone cai quản, cũng như cho những người bản địa Khalkidike tới đó sống. Vì thế mà người Khalkidike có được Olynthos.

128. Sau khi hạ Olynthos, Artabazos tấn công Potidaia dữ dội, và trong khi ông ta dồn tâm trí vào việc này, Timoxenos, tướng chỉ huy đội quân người Skione đã bàn tính với Artabazos để bán đứng

thành phố. Thoạt đầu Timoxenos đã hành động ra sao, về phần mình tôi không thể nói ra đây, bởi việc này không được thuật lại. Tuy nhiên, cuối cùng âm mưu đã diễn ra như sau. Cứ khi nào Timoxenos viết một lá thư để gửi tới Artabazos hay Artabazos muốn gửi thư cho Timoxenos, họ liền quấn thư vào quanh đốc cầm tay của một mũi tên, rồi sau đó, bọc lông vũ lên trên tờ thư, họ bắn mũi tên tới một địa điểm hai người đã thỏa thuận với nhau. Nhưng rồi việc Timoxenos tìm cách phản trắc để bán đứng Potidaia cũng bại lộ vì Artabazos, trong một lần bắn tên vào vị trí thỏa thuận trước đã bắn chệch đích làm mũi tên trúng vai một người Potidaia. Khi người này trúng tên, một đám đông ùa lại chỗ anh ta như vẫn thường xảy ra khi có giao chiến, những người này lập tức lấy mũi tên, rồi sau khi phát giác ra mật thư họ liền mang tới chỗ các tướng lĩnh. Ở Potidaia khi đó có cả một lực lượng đồng minh gồm các tộc người khác tại Pallene. Sau khi các tướng lĩnh đọc thư và phát giác ra người phạm tội mưu phản, họ liền quyết định sẽ không kết tội phản bội Timoxenos vì thành Skione, để tránh cho người Skione khỏi bị coi là những kẻ phản bội về sau này.

129. Sau khi Artabazos đã vây thành được ba tháng, nước biển đột nhiên hạ xuống rất nhiều và giữ như vậy trong một thời gian dài. Man tộc, thấy rằng nước hạ xuống, liền tìm cách tiến vào bán đảo Pallene. Nhưng khi họ đi được hai phần năm quãng đường,và vẫn còn ba phần năm chặng đường họ phải vượt qua trước khi tới được Pallene, một đợt thủy triều lớn dâng lên từ ngoài biển ập vào, còn cao hơn cả trước đó theo lời cư dân bản địa, cho dù thủy triều dâng cao vẫn hay xảy ra ở nơi này. Vậy là những ai trong bọn họ không biết bơi đều bỏ mạng, còn những người biết bơi thì bị người Potidaia kéo họ lên thuyền giết chết. Nguyên nhân của thủy triều dâng cao làm ngập nước và tai họa xảy đến với quân Ba Tư theo lời người Potidaia là do những người Ba Tư bị biển làm chết đuối đã có hành động bất kính với ngôi đền thần Poseidon và bức tượng của thần ở bên ngoài thành phố Potidaia. Và theo ý tôi, họ đã nói đúng khi cho rằng đó là nguyên nhân. Artabazos dẫn tàn quân còn sống sót rút lui tới Thessalia để hội quân cùng Mardonios. Đó là chuyện đã xảy ra với những người đã hộ tống vua Ba Tư trên đường về nước.

130. Sau khi đã tháo chạy từ Salamis về tới châu Á và đã chuyên chở nhà vua cùng đạo quân bộ qua biển từ Khersonesos tới Abydos, những chiếc thuyền còn lại thuộc hạm đội của Xerxes trú qua mùa đông tại Kyme. Khi mùa xuân tới, hạm đội sớm tập hợp tại Samos, thậm chí một số thuyền đã trú đông tại đó, và phần lớn người Ba Tư và người Media vẫn đóng vai trò thủy binh trên các

chiến thuyền. Tới Samos để chỉ huy hạm đội có Mardontes con trai Bagaios và Artayntes con trai Artakhaies, và đi cùng họ còn có Ithramitres cùng nắm quyền chỉ huy. Ithramitres là cháu của Artayntes và được chính Artayntes lựa chọn thêm vào. Bởi đã phải chịu một thất bại nặng nề, họ không tiến thêm nữa về phía Tây, mà cũng không ai thúc ép họ làm vậy. Thay vì thế, hạm đội án binh bất động tại Samos và canh chừng Ionia phòng khi vùng này nổi dậy, với trong tay 300 chiến thuyền, bao gồm cả số chiến thuyền của người Ionia. Họ không trông đợi rằng người Hy Lạp sẽ tiến tới Ionia, mà nghĩ rằng người Hy Lạp sẽ hài lòng với việc canh giữ lãnh thổ của mình, và người Ba Tư nghĩ vậy xuất phát từ việc người Hy Lạp đã không truy đuổi họ mà hài lòng trở về nhà khi họ tháo chạy từ Salamis. Khi đó, tinh thần người Ba Tư đã bị bẻ gãy hoàntoàn khi nói tới giao chiến trên biển, nhưng trên bộ họ nghĩ rằng Mardonios có thể giành được nhiều lợi thế. Vậy là trong khi hạm đội Ba Tư đóng tại Samos, họ bàn bạc cách để có thể gây ra ít nhiều tổn hại cho kẻ thù, đồng thời cũng nghe ngóng tin tức về vận hội của Mardonios.

131. Về phần mình, người Hy Lạp động binh khi mùa xuân tới cũng như bởi sự hiện diện của Mardonios tại Thessalia. Đạo quân bộ của họ vẫn chưa bắt đầu tập hợp khi hạm đội tới Aigina với tổng cộng 110 chiến thuyền, và đô đốc chỉ huy là Leotykhides, con trai Menares, con trai Agesilaos, con trai Hippokratides, con trai Leotykhides, con trai Anaxilaos, con trai Arkhidamos, con trai Anaxandridas, con trai Theopompos, con trai Nikandros, con trai Kharileos, con trai Eunomos, con trai Polydektes, con trai Prytanios, con trai Europhontos, con trai Prokles, con trai Aristodemos, con trai Aristomakhos, con trai Kleodaios, con trai Hyllos, con trai Herakles, thuộc về hoàng tộc thứ hai. Tất cả họ, ngoại trừ hai người đầu tiên được kể tên sau Leotykhides, đều từng là vua Sparta. Và chỉ huy lực lượng Athenai là Xanthippos con trai Ariphron.

132. Khi tất cả chiến thuyền đã tới Aigina, có các tín sứ Ionia tìm đến doanh trại Hy Lạp, những người này không lâu trước đó cũng đã tới Sparta và đề nghị người Lakedaimon giúp Ionia giành lại tự do. Một trong các tín sứ này là Herodotos con trai Basileides. Những người này đã tập hợp thành đảng và lập mưu giết Strattis, tiếm chúa Khios. Ban đầu họ có bảy người, nhưng khi một trong số những người dự mưu để lộ chuyện, vậy là họ bị phát giác đang mưu đồ chống lại Strattis, khi đó sáu người còn lại tẩu thoát khỏi Khios và tới Sparta cũng như tới Aigina vào lúc này, đề nghị người Hy Lạp hãy dong buồm tới Ionia. Nhưng những người này phải rất khó khăn mới khiến người Hy Lạp tiến xa được tới Delos, bởi

những vùng nằm xa hơn nơi này tất cả đều đáng sợ với người Hy Lạp, do họ không có chút kinh nghiệm nào về những vùng đó và với họ dường như tất cả các vùng này đều đầy ắp các đạo quân, trong khi họ tin chắc cuộc hành trình tới Samos cũng dài như tới Các trụ của Herakles. Đồng thời man tộc cũng tình cờ không dám đi về phía Tây xa hơn Samos bởi sợ hãi, còn người Hy Lạp thì không dám đi về phía Đông xa hơn Delos khi nhóm người Khios tới cầu viện người Hy Lạp. Vậy là nỗi sợ duy trì khoảng cách giữa người Hy Lạp và man tộc.

133. Trong khi người Hy Lạp dong buồm tới Delos, Mardonios, đang tránh rét ở Thessalia, đã phái một người bản địa Europos tên là Mys đi tới các dự ngôn giả, hỏi rằng liệu ông có thể hỏi ý họ được không. Ông ta muốn biết gì từ các dự ngôn giả này thì tôi không thể nói bởi chuyện này không được thuật lại, song về phần mình tôi đoán rằng ông ta phái người đi để hỏi về tình thế hiện tại của mình chứ không phải về việc gì khác.

134. Được biết rằng Mys đã tới Labadeia, rồi sau khi dùng tiền thuyết phục một người bản địa đã đi xuống tới Trophonios, và tới Abai tại Phokis. Thêm nữa, khi lần đầu ông ta tới Thebai, ông ta hỏi dự ngôn giả của đền Apollon Ismenios – ở đó người ta có thể thỉnh cầu thần dụ bằng tế vật như tại Olympia – mà bằng khoản tiền mua chuộc ông ta đã thuyết phục một người ngoại quốc – không phải là người Thebai – rồi xui khiến người này ngủ lại trong ngôi đền Amphiaraos. Không người Thebai nào được phép hỏi thần linh trong ngôi đền này bởi lý do sau đây. Qua một dự ngôn giả, Amphiaraos đã yêu cầu người Thebai chọn một trong hai điều sau đây, chọn ông làm nhà tiên tri, hoặc làm một đồng minh trong chiến tranh, và không được phép dùng tới lựa chọn còn lại. Chính vì lý do này không người Thebai nào được phép ngủ trong đền của ông.

135. Sau chuyện này, có một điều với tôi đúng là hết sức kỳ lạ đã xảy ra theo như người Thebai thuật lại: Dường như Mys người Europos đó, trong khi đi lần lượt qua tất cả các thần miếu, cũng đã ghé vào thánh địa của ApollonPtoios. Ngôi đền này được gọi là Ptoion, và thuộc về người Thebai. Đền tọa lạc ở phía trên hồ Kopais, dưới chân một ngọn núi gần thành phố Akraiphia. Khi Mys tới ngôi đền này cùng ba người tháp tùng được lựa chọn từ các công dân được nhà cầm quyền cử tới để ghi lại câu trả lời của vị thần. Nhà tiên tri bắt đầu ban thần dụ bằng man ngữ. Và trong khi những người Thebai đi cùng Mys đều ngỡ ngàng khi nghe thấy man ngữ thay vì tiếng Hy Lạp, đồng thời không rõ phải làm thế nào về những gì được nói ra trước họ thì Mys người Europos

liền giật lấy tấm bảng họ mang theo và viết lại câu trả lời. Rồi ông ta nói rằng nhà tiên tri đang trả lời bằng tiếng Karia. Và khi đã ghi lại xong, ông ta rời đi và trở về Thessalia.

136. Sau khi đã đọc những gì nhà tiên tri phán, cho dù những lời ấy có là gì đi nữa, Mardonios liền phái Alexandros con trai Amyntas, người Makedonia làm tín sứ tới Athenai, bởi vì ông này có liên hệ với người Ba Tư qua hôn nhân (Gygaia, em gái Alexandros, con trai Amyntas, đã kết hôn với Boubares, một người Ba Tư, và bà đã hạ sinh cho chồng người con trai Amyntas sống ở châu Á, được đặt tên theo tên ông ngoại, và được vua Ba Tư ban cho sở hữu Alabanda, một thành phố lớn ở Phrygia), và cũng vì Mardonios được biết Alexandros là một khách danh dự và là ân nhân của người Athenai. Như thế, Mardonios nghĩ Alexandros sẽ có nhiều khả năng nhất trong việc lôi kéo người Athenai ngả về phía mình, bởi ông ta được biết họ là một tộc người đông đảo, can trường trong chiến tranh, và cũng biết thêm rằng chính người Athenai đã đóng vai trò lớn hơn bất cứ ai khác trong việc gây ra thảm họa người Ba Tư gặp phải trên biển. Vì thế, nếu người Athenai đứng về phía ông ta, Mardonios nghĩ ông ta sẽ dễ dàng khống chế được biển (và quả thực chắc hẳn sẽ là như thế) trong khi trên đất liền Mardonios cho rằng ông ta vốn đã có lực lượng áp đảo hơn nhiều rồi. Khi đó, Mardonios cho rằng sức mạnh của mình sẽ lớn hơn nhiều sức mạnh của những người Hy Lạp. Cũng có thể lời tiên tri đã báo trước với Mardonios điều này, khuyên ông ta hãy lôi kéo người Athenai làm đồng minh, và vì thế ông ta tuân theo lời tiên tri phái người đi thuyết phục họ.

137. Ông tổ bảy đời của Alexandros chính là Perdikkas, người đã trở thành vua đầu tiên của Makedonia trong hoàn cảnh như sau: Có ba anh em là con trai của Temenos gồm Gauanes, Aeropes và Perdikkas đã chạy trốn từ Argos tới chỗ người Illyria, rồi đi qua vùng đất của người Illyria tới vùng thượng Makedonia, họ đến thành phố Lebaia. Tại đó, họ trở thành người làm công trong nông trại của gia tộc nhà vua, một người chăn ngựa đi ăn cỏ, một người chăn bò, còn người em út, chính là Perdikkas, chăn các loại gia súc nhỏ hơn, bởi vào thời xa xưa cả những vị vua cũng có rất ít tiền chứ không chỉ thường dân, và vương hậu tự mình nấu đồ ăn cho mấy anh em họ. Rồi cứ mỗi khi bà nướng bánh, ổ bánh dành cho cậu gia nhân trẻ tuổi của gia đình nhà vua, chính là Perdikkas, luôn trở nên to gấp đôi so với kích thước đáng lẽ là tự nhiên của nó. Khi chuyện này liên tục xảy ra theo cùng một cách, vương hậu liền nói với chồng, và khi nghe được nhà vua lập tức đoán ra đây là điềm báo một điều gì đó lớn lao. Nhà vua liền triệu ba anh em người làm công tới và bảo họ rời khỏi lãnh thổ của ông. Ba anh em

liền nói rằng theo lẽ phải trước khi đi họ cần được nhận lương của mình. Tình cờ khi đó mặt trời đang chiếu sáng vào trong ngôi nhà từ ống khói, và nhà vua khi nghe nói tới lương liền nói với họ như một người đã bị thần linh làm mất đi sáng suốt: "Vậy thì ta trả cho các ngươi thứ này làm lương, và đó là thứ các ngươi xứng đáng". Và nhà vua chỉ vào ánh sáng mặt trời. Khi đó Gauanes và Aeropes đứng sững sờ kinh ngạc trước những lời này, song cậu em út, tình cờ lại đang cầm trên tay một con dao vào lúc ấy, liền nói như sau: "Tâu bệ hạ, chúng tôi chấp nhận thứ mà bệ hạ ban". Rồi anh ta dùng con dao vạch một đường quanh vệt nắng trên sàn nhà, rồi sau khi vạch đường vòng này, anh ta hứng ánh nắng rọi lên ngực mình ba lần, và sau đó cùng hai người anh rời đi.

138. Khi đó ba anh em đang rời đi, và một trong các cận thần ngồi cạnh bên bàn của nhà vua tâu với nhà vua những gì cậu em út đã làm, cũng như việc cậu ta nhận thứ được nhà vua ban là có dụng ý gì đó. Nghe xong, nhà vua liền nổi giận và phái các kỵ sĩ đuổi theo ba anh em để giết họ. Ở vùng đất này có một dòng sông mà hậu duệ của ba anh em ruột lang bạt từ Argos vẫn dâng lễ hiến sinh lên như một ân nhân. Ngay sau khi các con trai của Temenos đã lội qua sông, dòng sông liền bắt đầu chảy với dòng nước rộng tới mức các kỵ sĩ không thể nào vượt qua được. Vậy là sau khi đã tới một vùng đất khác thuộc Makedonia, ba anh em liền định cư ở gần nơi được gọi là các khu vườn của Midas, con trai Gordias, nơi hoa hồng mọc dại nở ra với 60 cánh hoa và có mùi hương hơn xa mọi thứ hoa khác. Silenos cũng đã bị giam giữ tại những khu vườn này, theo như lời kể của người Makedonia. Ở phía trên các khu vườn có một ngọn núi mang tên Bermios, nơi không thể tới được vì cái lạnh. Sau khi đã chiếm hữu vùng đất đó, họ biết nơi này làm xuất phát điểm rồi tiến hành chinh phục cả phần còn lại của Makedonia.

139. Từ Perdikkas, các hậu duệ cho tới Alexandros gồm như sau: Alexandros là con trai Amyntas, con trai Alketes, con trai Aeropes, con trai Philippos, con trai Argaios, con trai Perdikkas, người đầu tiên giành được vương quốc.

140. A. Alexandros con trai Amyntas có xuất thân như vậy. Khi ông này được Mardonios phái đi và tới Athenai, Alexandros đã nói như sau: "Hỡi người Athenai, Mardonios nói như sau: Ta đã nhận được một thông điệp từ nhà vua viết như sau: Ta miễn cho người Athenai tất cả những xúc phạm trước đây họ gây ra chống lại ta. Và giờ Mardonios hãy làm như sau: trước hết, trả lại đất đai cho họ, thứ đến hãy cho phép họ tự chọn thêm một miền đất nữa tùy thích, hãy cứ cho họ tiếp tục độc lập; và hãy dựng lại cho họ tất cả

những ngôi đền của họ mà ta đã đốt với điều kiện họ đồng ý thỏa thuận một hòa ước với ta. Bởi thông điệp này đã được nhà vua truyền đến cho ta, ta cần phải làm theo, trừ khi các người ngăn ta làm như thế. Bởi vậy giờ ta nói với các người rằng: Tại sao các người lại điên rồ tới mức gây chiến với nhà vua? Bởi các người sẽ không bao giờ đánh bại được nhà vua, cũng không thể chống đỡ được nhà vua mãi mãi. Bởi các người cũng đã thấy đạo quân đông đảo của Xerxes và những gì họ đã làm, và các người cũng đã được biết về sức mạnh ta có trong tay vào thời điểm này. Thế nên dẫu các người có đánh bại và khuất phục được chúng ta (về chuyện đó các người không thể có chút hy vọng nào nếu đầu óc các người tỉnh táo), một đạo quân mạnh mẽ khác lớn hơn nhiều lần sẽ tới. Vậy không lẽ các người muốn đọ sức với nhà vua để rồi mất cả đất đai đồng thời mãi phải chạy trốn để bảo mạng hay sao? Hãy giảng hòa với nhà vua, và các người đang có một cơ hội để giảng hòa trong danh dự, bởi nhà vua đã đích thân mở ra con đường này. Hãy đồng ý liên minh cùng chúng ta mà không dối trá hay lừa lọc, và vẫn tiếp tục tự do.

B. Đó là những gì Mardonios giao cho ta nói tới các vị, hỡi người Athenai. Còn về phần ta, ta sẽ không nói gì từ thiện chí với các vị của ta, bởi các vị sẽ không thấy được nó lần đầu tiên vào lúc này đây, mà ta đề nghị các vị hãy làm như Mardonios nói, bởi ta nhận thấy các vị sẽ không thể giao chiến mãi với Xerxes – nếu ta thấy được ở các vị khả năng làm nổi điều đó, ta sẽ không bao giờ tới đây gặp các vị để nói ra những lời này – bởi sức mạnh của nhà vua vượt quá sức mạnh của một con người, và cánh tay nhà vua rất dài. Thế nên nếu các vị không đồng ý lập tức nghị hòa khi họ ngỏ ý với các vị những điều tuyệt vời như những điều kiện họ sẵn sàng chấp nhận để đi tới một hòa ước, ta thấy e sợ cho các vị, bởi các vị cư trú ở sát đường chính hơn bất cứ ai khác trong số đồng minh của các vị và luôn nằm trong cảnh một mình bị hủy diệt, lãnh thổ của các vị bị tách khỏi những đồng minh còn lại và nằm giữa các đạo quân đang đối đầu với nhau. Hãy tin chắc rằng đây là vấn đề vô cùng hệ trọng cho các vị, bởi nhà vua vĩ đại chỉ tha thứ những tội lỗi đã phạm phải cho riêng các vị và mong muốn trở thành bạn với các vị trong số tất cả những người Hy Lạp".

141. Alexandros đã nói như vậy, và người Lakedaimon, sau khi được tin Alexandros đã tới Athenai để thuyết phục người Athenai nghị hòa với man tộc, đồng thời cũng nhớ tới thần dụ phán rằng họ cũng như những người Doriskhác sẽ bị xua đuổi khỏi Peloponnesos bởi người Media và người Athenai hợp sức với nhau, liền rất lo sợ nhỡ người Athenai sẽ lập hòa ước với người Ba Tư và ngay lập tức quyết định phái sứ giả đi. Thêm nữa, những sứ giả

này đưa vào gặp hội đồng cùng lúc với Alexandros, bởi người Athenai đã chờ đợi các sứ giả đó và căn thời gian cho khớp, bởi họ biết chắc người Lakedaimon kiểu gì cũng biết một tín sứ đã được man tộc phái tới nghị hòa, và một khi biết tin này người Lakedaimon hẳn cũng sẽ gấp gáp cử sứ giả tới. Vậy là người Athenai hành động theo chủ ý đã sắp đặt sẵn để người Lakedaimon có mặt.

142. Khi Alexandros ngừng lời, các sứ giả từ Sparta tới ngay lập tức lên tiếng sau ông ta: "Còn về chúng tôi, người Lakedaimon phái chúng tôi tới để nghị các vị không có bất cứ thay đổi nào liên quan tới Hy Lạp, cũng không chấp nhận những đề nghị từ vua Ba Tư, bởi làm thế không chỉ không đúng đắn và không có danh dự với bất cứ người Hy Lạp nào, với các vị lại càng không, mà còn vì nhiều lý do khác. Chính các vị đã khuấy động nên cuộc chiến tranh này, trong khi chúng tôi không hề mong muốn nó. Và ban đầu cuộc chiến chỉ can dự tới các vị, nhưng giờ đây nó đã lan rộng ra toàn cõi Hy Lạp. Bên cạnh đó, sẽ là không thể chấp nhận được nếu người Athenai các vị, những người đã gây nên tất cả chuyện này, cũng lại là nguyên do đẩy người Hy Lạp vào kiếp nô lệ, trong khi các vị từ thời xa xưa đến giờ vẫn được biết là những người giải phóng cho nhiều tộc người. Dẫu vậy, chúng tôi đồng cảm với nỗi thống khổ của các vị, bởi các vị đã hai lần bị tước đi mùa màng của mình, và tất cả của cải của các vị lúc này đây ở vào cảnh bị hủy hoại trong một thời gian dài nữa. Để bù đắp lại việc này, người Lakedaimon và các đồng minh của họ đề nghị trợ giúp cho vợ và các thành viên gia đình của các vị không thể tham chiến chừng nào cuộc chiến này còn tiếp diễn. Nhưng chớ để Alexandros người Makedonia thuyết phục các người bằng cách dùng lời lẽ êm tai thuật lại lời của Mardonios. Bởi đó là điều thích hợp để ông ta làm, bởi ông ta đang đứng về phía một vị vua vì bản thân ông ta cũng là một vị vua. Tuy nhiên, điều đó lại không thích hợp với các vị, nếu các vị tỉnh táo, bởi các vị biết rằng ở chỗ man tộc không có sự thành tín lẫn chân lý".

143. Người Athenai đã trả lời Alexandros như sau: "Thậm chí tự thân chúng ta cũng biết rằng vua Media có quân đội đông đảo hơn chúng ta nhiều lần, bởi thế không cần ông phải mang chuyện này ra dọa chúng ta. Tuy nhiên, vì chúng ta yêu quý tự do, chúng ta sẽ tự vệ theo khả năng có thể, và ông hãy đừng tìm cách thuyết phục chúng ta lập hòa ước với vua Ba Tư, bởi về phần mình chúng ta sẽ không bị thuyết phục. Giờ hãy về báo với Mardonios rằng người Athenai nói như sau: Chừng nào mặt trời vẫn di chuyển như lúc này, chúng ta sẽ không bao giờ lập hòa ước với Xerxes mà sẽ tiếp tục tự vệ, đặt niềm tin vào các vị thần và các đấng anh hùng như

những đồng minh của chúng ta, bởi nhà vua đã không hề tôn trọng họ khi nổi lửa đốt đền và tượng của họ. Và trong tương lai ông chớ có xuất hiện trước người Athenai đem theo những đề nghị như vừa rồi, cũng đừng nghĩ ông đang giúp đỡ họ khi khuyên họ làm điều không hợp pháp, bởi chúng ta không muốn ông gặp phải điều gì không hay dưới tay người Athenai, trong khi ông là quốc khách và bạn hữu của họ".

144. Họ trả lời Alexandros như vậy, nhưng với các sứ giả đến từ Sparta họ trả lời như sau: "Việc người Lakedaimon e ngại chúng tôi có thể lập hòa ước với vua Ba Tư cũng là lẽ tự nhiên, không nghi ngờ gì nữa. Nhưng đó có vẻ là một nỗi lo ngại không xứng đáng với những người biết quá rõ tinh thần của người Athenai, cụ thể là không có lượng vàng nào dù lớn đến đâu ở bất cứ nơi nào trên thế gian này, cũng như không có miền đất nào dù đẹp đẽ và phì nhiêu đến mấy, có thể khiến chúng tôi chấp nhận nó và đẩy Hy Lạp vào kiếp nô lệ bằng cách ngả sang phía người Media. Vì có nhiều nguyên nhân lớn lao ngăn cản chúng tôi làm điều đó, cho dù chúng tôi có muốn làm vậy đi chăng nữa. Trước hết, và lớn lao hơn hết, là những bức tượng và ngôi đền các vị thần bị đốt cháy hoặc biến thành đống đổ nát mà chúng tôi dứt khoát phải báo thù tới cùng thay vì lập hòa ước với kẻ đã gây ra những tội ác đó. Thứ đến, còn đó mối ràng buộc của dòng giống Hy Lạp, theo đó chúng ta cùng chung một dòng máu và một ngôn ngữ, cùng chung những ngôi đền các vị thần và những lễ hiến sinh, cùng chung cách sống tương tự với tất cả các tộc người, sẽ thật không phải với họ nếu người Athenai trở thành những kẻ phản bội. Và hãy yên chí, nếu vì cớ nào đó mà trước đây các vị vẫn chưa chắc chắn, rằng chừng nào có một người Athenai còn sống, chúng tôi sẽ không bao giờ lập hòa ước với Xerxes.

Tuy nhiên, chúng tôi trân trọng sự lo lắng chu đáo các vị dành cho chúng tôi khi nghĩ tới chúng tôi, những người đã bị hủy hoại tài sản, và sẵn lòng giúp đỡ cho người thân chúng tôi. Về phần các vị, lòng tốt ấy đã được thể hiện trọn vẹn, song chúng tôi sẽ tiếp tục chịu đựng hết mức có thể để không là gánh nặng theo bất cứ cách nào cho các vị. Bởi thế, với sự tin tưởng hoàn toàn, giờ các vị hãy phái tới một đạo quân nhanh nhất có thể. Vì như chúng tôi suy đoán, vua Ba Tư sẽ xâm lược lãnh thổ của chúng tôi trong thời gian không xa nữa, ngay khi ông tôi được biết về câu trả lời được gửi lại rằng chúng ta sẽ không làm những gì ông ta mong muốn ở chúng tôi. Thế nên trước khi nhà vua tới Attika, sẽ là hợp lẽ nếu các vị khẩn trương tới trợ giúp chúng tôi tại Boiotia".

Người Athenai đã trả lời như thế, và sau câu trả lời ấy các sứ giả

liền quay trở về Sparta.

Quyển 9
Kalliope[1]

[1]. Nữ thần của anh hùng ca trong thần thoại Hy Lạp.

1. Khi Alexandros quay về báo cho Mardonios biết những gì người Athenai đã nói, Mardonios liền khởi hành từ Thessalia và dẫn đạo quân của mình tiến về Athenai một cách gấp gáp. Đi tới bất cứ vùng đất nào, ông ta cũng đem theo toàn bộ dân cư vùng đất đó. Trong khi đó các vị vua của Thessalia chẳng những không ăn năn về tất cả những gì họ đã làm mà ngược lại còn hối thúc người Ba Tư hơn nữa, và Thorax thành Larissa đã cùng tháp tùng Xerxes trong cuộc rút chạy của nhà vua, và lúc này ông ta công khai mời Mardonios dẫn quân qua để xâm lược Hy Lạp.

2. Khi quân Ba Tư tới, người Thebai tìm cách giữ chân Mardonios và khuyên ông ta rằng không có vùng nào thuận tiện hơn nơi đây cho ông ta đóng quân. Họ hối thúc Mardonios không tiến quân xa hơn, hãy dừng tại đó và tìm cách khiến cả Hy Lạp khuất phục mà không phải giao chiến. Bởi khuất phục người Hy Lạp bằng vũ lực công khai khi họ đã đoàn kết, là một thách thức rất khó khăn, dù với cả thế giới hợp lại. "Nhưng", người Thebai nói thêm, "nếu ngài làm điều chúng tôi đề nghị, sẽ không mất mấy công sức để ngài có trong tay toàn bộ kế hoạch chống cự của bọn họ. Hãy gửi tiền tới những người nắm quyền lực tại các thành phố của họ, bằng cách đó ngài sẽ chia rẽ Hy Lạp thành hai phe. Sau đó, ngài sẽ dễ dàng khuất phục những kẻ không chịu ngả về phía ngài với sự trợ giúp của phe quy phục ngài".

3. Người Thebai đã khuyên như vậy, song Mardonios không nghe theo lời khuyên này. Trong thâm tâm ông ta đã nung nấu khao khát lớn lao muốn chiếm Athenai lần thứ hai, một phần vì sự ương ngạnh, một phần vì ông ta muốn báo cho nhà vua tại Sardis biết ông ta đã chiếm cứ được Athenai bằng các đài lửa được nhóm

lên chạy dài qua các hòn đảo. Tuy nhiên, lần này thậm chí ông ta đã không thể tìm thấy người Athenai ở đó khi tới Attika, mà được cho hay rằng phần lớn người Athenai hoặc đang ở Salamis hoặc đang trên các chiến thuyền, và ông ta thấy thành phố vắng tanh khi đánh chiếm nó. Cuộc tấn công Athenai của Mardonios diễn ra 10 tháng sau khi thành phố bị vua Ba Tư chiếm.

4. Khi Mardonios đã tới Athenai, ông ta phái tới Salamis một người Hellespontos tên là Mourykhides. Người này mang theo những đề nghị cũng giống như Alexandros đã đem đến cho người Athenai. Ông ta lại gửi những lời đề nghị này đi lần thứ hai, dù biết trước rằng người Athenai có thái độ thù địch, song Mardonios vẫn hy vọng họ sẽ buông xuôi và từ bỏ sự cứng đầu, bởi đất Attika đã bị đối phương chiếm giữ và đang nằm trong tay ông ta. Vì lý do này, ông ta phái Mourykhides tới Salamis.

5. Khi Mourykhides tới Hội trường và nhắc lại những lời của Mardonios, một hội viên là Lykidas bày tỏ quan điểm rằng tốt hơn nên đón nhận đề nghị được Mourykhides mang tới và đem đề nghị này ra bàn với dân hội. Lykidas đưa ra ý kiến như vậy có thể vì ông ta đã nhận tiền từ Mardonios, cũng có thể vì suy nghĩ riêng của chính ông ta. Dù là thế nào đi nữa, người Athenai, cả các hội viên lẫn những người ở ngoài, khi nghe được những lời đề nghị đều rất phẫn nộ, vậy là họ vây quanh Lykidas và ném đá ông ta đến chết. Nhưng Mourykhides người Hellespontos thì họ đuổi về mà không gây tổn hại gì. Thế rồi khi câu chuyện về Lykidas đã gây ra nhiều xôn xao tại Salamis, phụ nữ Athenai nghe được chuyện đã xảy ra, và từ người này truyền lời lôi kéo sang người khác, tất cả họ cùng nhất trí kéo tới nhà Lykidas ném đá vợ và các con ông ta đến chết.

6. Người Athenai đã di chuyển tới Salamis như sau: Trong thời gian họ còn trông đợi sẽ có một đạo quân từ Peloponnesos tới trợ giúp, họ ở lại Attika. Nhưng vì người Peloponnesos hành động rất chậm chạp và trì hoãn rất lâu, trong khi đạo quân xâm lược theo tin báo đã tới Boiotia, người Athenai liền di chuyển mọi thứ ra khỏi vòng nguy hiểm, và bản thân họ lánh tới Salamis. Trong cùng thời gian, họ phái sứ giả tới Lakedaimon để trách cứ người Lakedaimon vì đã cho phép man tộc xâm lược Attika và vì đã không tới Boiotia để cùng đón đánh địch với họ, đồng thời cũng nhắc nhở người Lakedaimon về những gì vua Ba Tư đã hứa sẽ trao cho người Athenai nếu người Athenai trở cờ. Người Athenai cũng yêu cầu các sứ giả của họ cảnh cáo người Lakedaimon rằng nếu người Lakedaimon không giúp người Athenai, người Athenai sẽ tìm nơi lánh nạn cho chính mình.

7. Trên thực tế, người Lakedaimon đang tổ chức một lễ hội vào thời gian này, đó là hội Hyakinthia, và họ hết sức coi trọng việc cung đốn những lễ vật dâng lên thần, trong khi cùng thời gian đó bức tường thành họ đang xây dựng tại Eo đất đúng lúc ấy cũng được hoàn tất với các tháp phòng thủ.

Khi các sứ giả của người Athenai tới Lakedaimon dẫn theo cả các sứ giả từ Megara và Plataia, họ liền đến trước các *ephoroi* và nói như sau:

A. "Người Athenai phái chúng tôi tới đây để nói rằng vua Media không chỉ đề nghị trả lại đất cho chúng tôi, mà cũng muốn chúng tôi trở thành đồng minh của nhà vua theo những điều kiện công bằng và bình đẳng, không có lừa lọc hay phản trắc, thêm nữa còn mong muốn trao cho chúng tôi thêm một miền đất nữa để cộng vào miền đất của chúng tôi, bất cứ vùng nào do chính chúng tôi tự chọn. Tuy nhiên, vì tôn kính thần Zeus của người Hy Lạp và khinh bỉ chuyện trở thành những kẻ phản bội lại Hy Lạp, chúng tôi đã không đồng ý mà từ chối, cho dù chúng tôi đã phải nhận sự đối xử bất công từ những người Hy Lạp khác và bị bỏ mặc cho rơi vào cảnh hủy diệt, cho dù chúng tôi biết sẽ có lợi hơn nếu nghị hòa với vua Ba Tư thay vì tiếp tục chiến tranh. Và chúng tôi sẽ không bao giờ nghị hòa trong tương lai nếu có quyền tự quyết. Vì thế chúng tôi đã thực hiện bổn phận của mình với người Hy Lạp một cách trung thực.

B. Song các vị, sau khi đã vô cùng hoảng hốt lo rằng chúng tôi sẽ nghị hòa với vua Ba Tư, ngay lúc biết được chắc chắn tinh thần của chúng tôi, cụ thể là chúng tôi sẽ không bao giờ phản bội Hy Lạp, đồng thời cũng bởi bức tường thành chạy ngang qua Eo đất của các vị đã gần hoàn tất, giờ đây các vị không quan tâm gì nữa tới những người Athenai. Sau khi đã nhất trí với chúng tôi sẽ tới Boiotia để chống lại quân Ba Tư, giờ đây các vị lại bỏ rơi chúng tôi, hơn nữa còn cho phép man tộc xâm lược Attika. Hiện tại người Athenai đang tức giận các vị vì đã không làm những gì nên làm, và giờ họ yêu cầu các vị nhanh chóng phái đi một đạo quân cùng với chúng tôi, để chúng ta có thể đón đánh man tộc trên đất Attika, sau khi chúng ta đã không làm được điều đó ở Boiotia, địa điểm thích hợp nhất để chiến đấu trên lãnh thổ của chúng tôi là đồng bằng Thria".

8. Khi các *ephoroi* đã lắng nghe xong, họ trì hoãn đưa ra câu trả lời cho tới ngày hôm sau, rồi đến hôm sau lại trì hoãn sang ngày kế tiếp. Họ cứ làm như vậy trong 10 ngày liên tiếp, trì hoãn từ hôm trước sang hôm sau, trong khi trong cùng thời gian ấy cả một lực

lượng người Peloponnesos khẩn trương xây dựng bức tường thành chạy ngang Eo đất và đã gần hoàn thành nó. Đến đây tôi không thể đưa ra lý do nào để giải thích vì sao khi Alexandros người Makedonia tới Athenai, người Lakedaimon lại vô cùng lo lắng nguy cơ người Athenai ngả sang phía quân Media, trong khi lúc này họ lại không hề bận tâm tới việc đó, ngoại trừ chuyện quả thực bức tường thành chạy ngang qua Eo đất của họ giờ đây đã hoàn tất, và họ nghĩ mình không còn cần tới người Athenai nữa, còn khi Alexandros tới Attika, bức tường thành vẫn chưa hoàn thành mà lúc đó người Peloponnesos còn đang hối hả xây dựng trong tình trạng rất sợ hãi người Ba Tư.

9. Tuy nhiên, cuối cùng câu trả lời cũng được đưa ra, và người Sparta xuất quân trong bối cảnh như sau: Trước ngày được ấn định cho cuộc tiếp kiến cuối cùng của các sứ giả Khileos, một người Tegea, là người ngoại quốc có ảnh hưởng nhất tại Lakedaimon, được biết từ các *ephoroi* tất cả những gì sứ giả Athenai đã nói. Và dường như ông này đã nói như sau: "Hỡi các *ephoroi*, vấn đề bây giờ là, nếu người Athenai không thân thiện với chúng ta mà trở thành đồng minh của man tộc, khi đó dù có một bức tường thành vững chắc đã được xây chắn ngang qua Eo đất, song đã có một cánh cửa rộng cho vua Ba Tư tiến vào Peloponnesos được mở ra. Thế nên hãy lắng nghe lời đề nghị của họ trước khi người Athenai hạ quyết tâm làm một điều sẽ dẫn tới sự sụp đổ của Hy Lạp".

10. Khileos khuyên như vậy, và các *ephoroi* lập tức nghe theo lời ông ta. Không nói gì với các sứ giả tới từ các thành phố khác, ngay trong đêm họ phái đi 5.000 chiến binh Sparta, với không dưới bảy *heilotai* đi cùng để phục vụ cho mỗi chiến binh này, và chỉ định Pausanias, con trai Kleombrotos, chỉ huy đạo quân. Khi đó quyền chỉ huy thuộc về Pleistarkhos, con trai Leonidas, nhưng đó mới chỉ là một cậu bé, và Pausanias đóng vai trò vừa là người giám hộ vừa là anh họ của Pleistarkhos. Bởi vì Kleombrotos, cha của Pausanias và là con trai Anaxandridas, đã qua đời không lâu sau khi đưa đạo quân đã xây dựng tường thành từ Eo đất trở về Sparta. Kleombrotos đã dẫn đạo quân này từ Eo đất trở về Sparta vì lý do sau: Trong khi ông ta dâng lễ hiến sinh cho việc chiến đấu chống lại người Ba Tư, mặt trời đột nhiên tối sầm trên bầu trời. Và Pausanias chọn Euryanax, con trai Dorieus, một người thuộc cùng gia tộc, làm chỉ huy cùng với mình.

11. Vậy là Pausanias cùng đạo quân của mình lên đường rời khỏi Sparta. Còn các sứ giả, không hề biết gì về việc xuất quân này, đã tới trước các *ephoroi* khi trời sáng với ý định cũng sẽ rời đi, ai trở

về thành phố của người ấy. Họ đến trước *ephoroi* và nói những lời sau: "Hỡi người Lakedaimon, các vị ở lì lại đây, kỷ niệm lễ hội Hyakinthia này và vui chơi sau khi đã bỏ mặc các đồng minh cho sự hủy diệt. Và người Athenai, vì bị các vị lừa dối và vì không có đồng minh sẽ lập hòa ước với người Ba Tư theo những điều kiện mà họ có thể đạt được. Rồi sau khi đã lập hòa ước, hiển nhiên chúng tôi sẽ trở thành đồng minh của nhà vua, chúng tôi sẽ hội quân cùng nhà vua trong những cuộc viễn chinh tấn công bất cứ miền đất nào mà người Ba Tư dẫn chúng tôi tới. Rồi các vị sẽ biết kết quả dành cho các vị trong chuyện này". Khi các sứ giả nói như vậy, các *ephoroi* liền nói và khẳng định bằng một lời thề rằng theo họ ước đoán vào lúc này các chiến binh Sparta đang ở Orestheion trên đường chiến đấu chống lại ngoại bang, vì họ từng gọi những man tộc là "người ngoại bang". Vậy là các sứ giả, không hề biết chuyện xuất quân, liền hỏi ý nghĩa của những lời này, và qua đó họ biết được toàn bộ sự thật. Điều đó làm các sứ giả sững sờ và hối hả lên đường nhanh nhất có thể để đuổi theo đạo quân. Và đi cùng họ là 5.000 *hoplitai,* là người Lakedaimon lựa chọn từ cư dân của vùng đất lân cận quanh Sparta.

12. Đạo quân này khẩn trương hành quân về phía Eo đất. Người Argos, ngay khi nghe tin Pausanias cùng đạo quân của mình đã lên đường từ Sparta, liền phái tới Attika một người đưa tin là người giỏi nhất họ có thể tìm được từ những tay chạy đường dài, vì trước đây họ đã tự nguyện cam kết với Mardonios rằng họ sẽ ngăn cản người Sparta xuất quân. Khi tới Athenai, người đưa tin liền nói như sau: "Hỡi Mardonios, người Argos phái tôi tới đây để báo với ngài rằng các chiến binh trẻ tuổi đã xuất phát từ Lakedaimon, và người Argos đã không thể ngăn cản họ xuất quân. Vì thế mong sao hạnh vận giúp ngài có quyết định sáng suốt về việc này". Người đưa tin nói xong liền lên đường quay trở về, còn Mardonios khi nghe được tin này không còn muốn nấn ná thêm tại Attika nữa. Trước khi biết tin này, ông ta đã chờ đợi vì muốn biết tin từ người Athenai xem họ sắp sửa làm gì, và ông ta đã không làm nhục hay hủy hoại vùng đất Attika vì vẫn hy vọng người Athenai sẽ lập hòa ước với mình.

13. Nhưng vì không thuyết phục được người Athenai, giờ đây khi đã biết mọi chuyện, Mardonios bắt đầu rút lui khỏi Attika trước khi đạo quân của Pausanias tới được Eo đất, sau khi đã đốt cháy Athenai và quật đổ, phá hủy tất cả những gì còn đứng vững của các tường thành, nhà cửa hay các ngôi đền. Mardonios lui quân trước hết vì Attika không phải là một vùng đất nơi kỵ binh có thể tự do tác chiến, đồng thời cũng vì nếu ông ta thua trận tại Attika sẽ không có đường lui nào ngoài một con đường hẹp qua núi,

khiến cho chỉ một số ít người có thể chặn đứng họ. Do vậy Mardonios dự định lui quân về Thebai rồi giao chiến một trận ở gần một thành phố đồng minh với mình, trên địa hình nơi kỵ binh có thể tự do hành động.

14. Khi đó Mardonios đang lui quân, và trong lúc ông ta đã ở trên một con đường, có tin báo đến rằng một đội quân địch đi trước phần còn lại đã tới Megara, bao gồm 1.000 quân Lakedaimon. Hay tin, Mardonios liền suy tính và muốn trước tiên bắt sống những chiến binh này nếu có thể. Vậy là ông ta quay lại và dẫn đạo quân của mình về phía Megara, lực lượng kỵ binh đi trước phần còn lại tràn qua vùng đất Megara, đây là vùng đất nằm xa nhất về phía đông ở châu Âu mà đạo quân Ba Tư này tới được.

15. Sau đó, Mardonios lại nhận được tin báo rằng những người Hy Lạp đang hội quân tại Eo đất. Vì thế, ông ta lui quân theo con đường qua Dekeleia, vì các quan của Thebai đã cho gọi người Asopioi sống gần tuyến đường hành quân, những người này đã làm hướng đạo cho Mardonios trên tuyến đường tới Sphendale và từ đó tới Tanagra. Sau khi đã đóng trại nghỉ qua đêm tại Tanagra rồi hướng đạo quân tiến tới Skolos vào ngày hôm sau, lúc này ông ta đã ở trong lãnh thổ của người Thebai. Khi đó, Mardonios sai chặt hạ cây trên đất của người Thebai, cho dù những người này đứng về phía Media, xuất phát không phải từ sự thù ghét họ, mà do bị thôi thúc bởi sự cần thiết khẩn cấp phải thiết lập hàng rào phòng thủ cho doanh trại của mình, cũng vì ông ta lập trại như nơi trú ẩn phòng trường hợp khi giao chiến tình hình không diễn ra như ông ta mong muốn. Doanh trại đạo quân của Mardonios trải dài từ Erythrai qua gần Hysiai và tới tận sông Asopos. Tuy nhiên, Mardonios không dựng tường lũy chạy dài đến thế, mà mỗi mặt chỉ dài khoảng 10 *stadia*.

Trong khi man tộc đang bận rộn với việc này, Attaginos con trai Phrynon, một người Thebai, sau khi chuẩn bị linh đình đã mời Mardonios cùng 50 người Ba Tư có địa vị cao quý nhất tới để khoản đãi. Những người này liền tới khi được mời; và bữa tiệc tối diễn ra tại Thebai.

16. Những điều tiếp sau đây tôi nghe được từ Thersandros, một người rất có tiếng tăm tại Orkhomenos. Thersandros kể rằng chính ông ta cũng được Attaginos mời tới dự bữa tiệc đó, và còn có 50 người Thebai được mời tới dự tiệc, và vị gia chủ không sắp xếp thực khách riêng rẽ theo dân tộc của họ, mà bố trí một người Ba Tư cùng một người Thebai tại mỗi trường kỷ. Khi bữa tiệc kết thúc, trong khi họ đang uống rượu chúc tụng nhau, người Ba Tư ở

cùng trường kỷ với Thersandros hỏi ông là người ở đâu, và Thersandros trả lời ông là người Orkhomenos. Người Ba Tư liền nói: "Vì giờ ông đã là bạn cùng bàn tiệc và cùng uống rượu với nhau, tôi muốn để lại với ông một ký ức về những cảm nghĩ của tôi, để chính ông cũng có thể được biết trước và có thể dùng những lời tôi nói cho mình theo cách có ích với ông. Ông có thấy những người Ba Tư đang tiệc tùng tại đây, cũng như đạo quân chúng tôi để lại bên sông, hay không? Trong tất cả những người này, sau một thời gian ngắn nữa trôi qua, ông sẽ thấy chỉ còn rất ít người sống sót". Trong khi nói ra những lời này, người Ba Tư rơi nước mắt rất nhiều, theo Thersandros kể lại. Thersandros, ngỡ ngàng trước những gì người Ba Tư nói, liền nói với ông ta: "Nếu thế không phải nên nói với Mardonios và những người Ba Tư cao quý nhất sau ông ấy hay sao?" Người Ba Tư nghe xong liền nói: "Ông bạn, những gì thần linh đã tiền định sẽ tới, một người không thể tránh được. Bởi không ai sẵn sàng làm theo những lời khuyên, cho dù khi một người nói ra điều có lý. Và những điều tôi vừa nói có rất nhiều người Ba Tư biết rõ; thế nhưng chúng tôi vẫn đi cùng những người còn lại, bị sự cần thiết ràng buộc. Và nỗi phiền muộn đáng căm ghét nhất trong tất cả những nỗi phiền muộn của con người là biết sự thật nhưng bất lực trước biến cố". Trên đây là những gì tôi nghe được từ Thersandros người Orkhomenos, và thêm vào đó là cả điều này nữa, cụ thể là ông đã nói những điều tương tự với nhiều người khác nhau ngay sau đó, trước khi trận đánh diễn ra tại Plataia.

17. Mardonios khi đó đóng trại ở Boiotia, và tất cả những người Hy Lạp còn lại cư trú ở vùng đó và đứng về phía Media đều cung cấp quân cũng như tham gia vào cuộc xâm lược Attika, ngoại trừ duy nhất những người Phokis không tham gia cuộc xâm lược đó. Vào thời điểm ấy, những người Phokis cũng nghiêng về phía Media, không phải một cách tự nguyện mà do bắt buộc. Tuy nhiên, không lâu sau khi Mardonios tới Thebai, người Phokis phái tới 1.000 *hoplitai* được chỉ huy bởi Harmokydes, người có danh tiếng nhất trong số các công dân Phokis. Khi cả những chiến binh này cũng đã tới Thebai, Mardonios phái kỵ binh tới và yêu cầu các chiến binh Phokis đóng quân riêng trên đồng bằng. Sau khi họ đã làm vậy, toàn bộ kỵ binh Ba Tư xuất hiện. Và từ chuyện này một tin đồn lan truyền trong lực lượng Hy Lạp đang tham chiến cùng người Media rằng kỵ binh Ba Tư sắp sửa tiêu diệt họ bằng những cây lao, và cũng lời đồn này lan truyền trong hàng ngũ của chính người Phokis. Khi đó Harmokydes, chỉ huy của họ, liền hô hào họ, nói như sau: "Hỡi người Phokis, rõ ràng là đám kỵ binh kia được phái đến với mục đích dành cho chúng ta một cái chết mà chúng

ta có thể nhìn thấy trước, vì chúng ta đã bị người Thessalia tố cáo một cách sai trái, theo như ta phỏng đoán. Vì thế, giờ đây cũng là hợp lẽ khi tất cả các ngươi chứng tỏ bản thân mỗi người là một đấng nam nhi, bởi tốt hơn hãy kết thúc mạng sống của chúng ta trong khi thực hiện những chiến công anh dũng và bảo vệ chính mình, thay vì để bị hủy diệt trong một cái chết nhục nhã khi chúng ta cam chịu bị tàn sát. Hãy để từng kẻ trong số chúng hiểu rằng chúng là man tộc và rằng chúng ta, những người chúng toan sát hại, là những người Hy Lạp".

18. Kỵ binh Ba Tư sau khi vây quanh người Phokis liền thúc ngựa phi về phía họ như thể để tiêu diệt họ, và các kỵ binh này đã giơ những cây lao của mình lên ngắm như chuẩn bị phóng đi, và một số có lẽ đã phóng lao đi rồi. Cùng lúc ấy, các chiến binh Phokis đứng đối diện với kỵ binh Ba Tư, hàng ngũ thắt chặt hết mức có thể theo mọi hướng. Thế rồi các kỵ binh quay ngựa phi trở lại. Đến đây tôi không thể đoan chắc liệu có phải họ tới để tiêu diệt người Phokis theo đề nghị của người Thessalia, rồi sau đó khi thấy người Phokis dàn trận phòng ngự, các kỵ binh này đã sợ rằng bản thân cũng có thể sẽ bị tổn thất ít nhiều nên đã quay ngựa lui lại hay không, vì Mardonios đã ra lệnh cho họ như vậy. Hoặc có thể mặt khác ông ta muốn thử thách người Phokis để xem họ có chút tinh thần thượng võ nào hay không. Khi các kỵ binh đã lui đi, Mardonios phái một truyền lệnh sứ tới nói với người Phokis như sau: "Hãy yên tâm, hỡi người Phokis, vì các ngươi đã chứng tỏ mình là những đấng nam nhi chứ không phải như ta đã được thông báo. Vì thế hãy tiếp tục thể hiện một cách can trường như thế, bởi các ngươi không thể nào vượt trội hơn sự hào phóng của chính ta hay của nhà vua".

19. Người Lakedaimon tới Eo đất và hạ trại; khi nghe được tin này, những tộc người Peloponnesos còn lại ủng hộ chiến đấu vì Hy Lạp, và một số cũng bởi vì họ thấy người Sparta đã xuất quân, liền nghĩ rằng sẽ là không phải khi tụt lại sau người Lakedaimon trong chuyện xuất quân. Vậy là từ Eo đất, khi các lễ hiến sinh đã cho thấy kết quả khả quan, họ cùng nhau hành quân và tới Eleusis. Rồi sau khi làm lễ hiến sinh cả tại đây nữa, và kết quả cũng thuận lợi, họ lại tiếp tục tiến quân, lần này cùng với người Athenai, những người đã vượt biển từ Salamis tới hội quân cùng họ tại Eleusis. Tiếp đó, họ tới Erythrai trên đất Boiotia và biết được man tộc đang đóng trại bên sông Asopos. Sau khi nhận ra điều này, họ dàn trận chống lại quân Ba Tư trên các sườn dốc thấp của Kithairon.

20. Khi người Hy Lạp không tiến xuống vùng đất bằng, Mardonios

liền phái tất cả kỵ binh của ông ta tiến về phía họ, lực lượng này do Masistios (người Hy Lạp gọi là Makistios) chỉ huy. Đây là một người có danh tiếng trong hàng ngũ Ba Tư, cưỡi một con ngựa Nisaia với dây cương vàng và được trang trí đẹp đẽ về cả những mặt khác. Khi kỵ binh Ba Tư đã phi ngựa xông lên tới chỗ người Hy Lạp, họ tấn công người Hy Lạp theo từng đội, và bằng cách này gây ra nhiều tổn thất cho quân Hy Lạp, thêm nữa họ còn khinh miệt gọi những người Hy Lạp là đám đàn bà.

21. Tình cờ khi đó người Megara được bố trí ở chỗ dễ bị tấn công nhất trên toàn bộ vị trí dàn quân, cũng là nơi kỵ binh dễ tiếp cận nhất. Vì thế khi kỵ binh Ba Tư tấn công, các chiến binh Megara bị gây sức ép nặng nề đã phái một truyền lệnh sứ tới gặp các chỉ huy của quân Hy Lạp, và truyền lệnh sứ khi tới nơi đã nói những lời này: "Người Megara thông báo: Hỡi các đồng minh, chúng tôi không thể tự chống đỡ được các cuộc tấn công của kỵ binh Ba Tư và giữ vững nơi chúng tôi trấn giữ từ đầu. Cho dù chỉ bằng sức chịu đựng và sự can trường cho tới lúc này chúng tôi đã đứng vững trước quân thù, dù bị gây sức ép dữ dội, lúc này đây trừ khi các ngài phái những người khác tới tiếp quản vị trí thay thế cho chúng tôi, hãy biết rằng chúng tôi sẽ rời khỏi vị trí đang trấn giữ này". Truyền lệnh sứ đã báo với các chỉ huy Hy Lạp như thế, và với thông báo này Pausanias liền thử thách những người Hy Lạp, hỏi xem có ai tình nguyện nhận tới chỗ đó trấn giữ thay thế cho những người Megara hay không. Trong khi những người khác không muốn đi, người Athenai liền lãnh trách nhiệm, và đó là 300 chiến binh tinh nhuệ trong hàng ngũ Athenai do Olympiodoros, con trai Lampon chỉ huy.

22. Chính những người này đã nhận nhiệm vụ và được bố trí tại Erythrai trong số các đội quân Hy Lạp còn lại có mặt, sau khi có cả những cung thủ đi cùng họ. Họ chiến đấu một hồi, và cuối cùng cuộc giao chiến kết thúc theo cách như sau: Trong khi kỵ binh Ba Tư tấn công thành từng đội, con ngựa của Masistios, phi vượt lên trước những kỵ binh khác, bị một mũi tên bắn trúng sườn. Bị đau, nó nhảy dựng thẳng lên trên hai chân sau và hất Masistios ngã ngựa. Khi ông ta ngã ngựa, người Athenai lập tức ập tới, bắt lấy con ngựa và giết Masistios khi ông ta chống cự, dù ban đầu họ không thể làm được vì Masistios được trang bị như sau: Ông ta mặc một bộ áo giáp kết từ các vảy cá bằng vàng, và phía trên áo giáp ông ta khoác một chiếc áo choàng màu huyết dụ. Khi người Athenai đâm chém vào áo giáp, họ không thể gây ra chút tổn hại nào, cho tới khi một người phát hiện ra vấn đề liền đâm vào mắt Masistios. Sau một hồi ông ta ngã xuống và bị giết như đã kể; vì lý do nào đó các kỵ binh khác không chứng kiến được việc này,

không thấy Masistios khi ông ta ngã ngựa hay khi ông ta bị giết, và trong khi thực hiện lui quân rồi vòng trở lại, kỵ binh Ba Tư đã không phát hiện được chuyện vừa xảy ta. Nhưng khi họ dừng ngựa lại, lập tức họ nhận ra thiếu Masistios, bởi không có ai để chỉ huy họ, và khi kỵ binh Ba Tư hiểu chuyện gì đã xảy ra, họ liền truyền tin cho nhau và tất cả nhất loạt thúc ngựa xông tới để đoạt thi thể Masistios nếu có thể.

23. Thấy rằng kỵ binh địch xông tới tấn công không phải thành từng đội mà bằng tất cả lực lượng, người Athenai liền lớn tiếng kêu gọi phần còn lại của đạo quân Hy Lạp tới ứng cứu họ. Trong khi toàn bộ bộ binh Hy Lạp tới trợ giúp người Athenai, một cuộc giao tranh dữ dội nổ ra để giành giật cái xác; và khi 300 chiến binh Athenai chỉ chiến đấu đơn độc, họ bị rơi vào thế hạ phong và sắp sửa phải bỏ lại cái xác, nhưng tới lúc cả đạo quân dồn tới trợ giúp họ, kỵ binh Ba Tư không thể tiếp tục giao chiến được nữa, và cũng không cướp lại được xác Masistios. Không những thế, họ còn tổn thất thêm một số nữa. Khi đó kỵ binh Ba Tư lui lại khoảng 2 *stadia* và bàn bạc xem họ nên làm gì. Và bởi họ không còn chỉ huy, kỵ binh Ba Tư quay trở lại với Mardonios.

24. Khi kỵ binh về tới trại, cả đạo quân Ba Tư cũng như Mardonios long trọng để tang Masistios, cắt tóc của họ và cắt lông ngựa cũng như lông súc vật thồ và than khóc không hề kìm nén, khiến cả vùng Boiotia âm vang những tiếng than khóc đó, bởi người vừa tử trận là nhân vật được người Ba Tư và nhà vua trọng vọng nhất, chỉ sau Mardonios.Man tộc khi đó tưởng niệm Masistios bị tử trận theo cách riêng của họ.

25. Về phần người Hy Lạp, sau khi đã chống đỡ được cuộc tấn công của kỵ binh địch rồi sau đó đẩy lùi quân địch, họ trở nên phấn chấn hơn nhiều. Trước hết, họ đặt xác Masistios lên một cái xe rồi đưa đi dọc theo hàng ngũ của họ; thi thể này quả là đáng ngắm nhìn bởi kích thước và vẻ đẹp của nó, bởi thế nhiều người đã rời khỏi vị trí trong hàng ngũ và lần lượt từng người tới xem thi thể Masistios.

Sau đó, người Hy Lạp quyết định đi xuống xa hơn về hướng Plataia; bởi vùng Plataia được cho là thuận tiện hơn nhiều để quân Hy Lạp đóng trại so với Erythrai, cả vì những lý do khác cũng như vì nơi này có nguồn nước dồi dào hơn. Vậy là người Hy Lạp quyết định rằng họ cần chuyển quân tới vùng Plataia và tới con suối Gargaphia ở vùng này, rồi đóng trại tại một số vị trí. Quyết định như vậy, họ cầm lấy vũ khí và đi theo những triền dốc thấp của Kithairon qua Hysiai tới đất Plataia. Sau khi tới đó, họ bố

trí đóng quân theo từng dân tộc ở gần suối Gargaphia và thánh địa của vị anh hùng Androkrates, trên những ngọn đồi thấp hoặc trên đất bằng.

26. Trong khi dàn xếp các vị trí đóng quân đã nảy sinh một cuộc tranh cãi nảy lửa giữa người Tegea và người Athenai, vì cả hai bên đều tuyên bố mình có quyền được chiếm lĩnh một cánh của đạo quân, viện ra những chiến công cả mới lẫn cũ. Một mặt, người Tegea nói như sau: "Chúng tôi vẫn được tất cả các đồng minh đánh giá là xứng đáng cho vị trí này trong tất cả cuộc xuất chinh mà người Peloponnesos cùng nhau thực hiện trước đây, dù là vào thời xa xưa hay gần đây, kể từ khi các Herakleidai tìm cách trở lại Peloponnesos sau cái chết của Eurystheus. Vinh dự này chúng tôi giành được nhờ biến cố sau đây: Khi chúng tôi cùng những người Akhaia và những người Ionia khi đó đang sống ở Peloponnesos tiến ra Eo đất để bảo vệ lãnh thổ và đóng trại đối diện với những người đang muốn trở về, người ta kể lúc ấy Hyllos đã phát biểu rằng, sẽ là không phải khi một đạo quân phải mạo hiểm sự an toàn để giao chiến với đạo quân kia, rồi kêu gọi người chiến binh được đạo quân Peloponnesos coi là người giỏi nhất sẽ đấu tay đôi với chính ông ta theo điều kiện do hai người thỏa thuận. Người Peloponnesos khi đó quyết định rằng nên làm như vậy, và hai bên lập thệ với nhau theo điều kiện sau: Nếu Hyllos thắng chiến binh Peloponnesos giỏi nhất, khi đó các Herakleidai sẽ được trở về giành lại di sản của cha họ; nhưng nếu Hyllos thất bại, các Herakleidai sẽ lên đường dẫn đạo quân của họ rời đi, và sẽ không tìm cách trở lại Peloponnesos trong 100 năm sau đó. Sau đó, từ tất cả các đồng minh, Ekhemos con trai Aeropes, con trai Phages, chỉ huy và vua của chúng tôi, đã đích thân tình nguyện ra giao chiến và được lựa chọn. Ekhemos đã đấu tay đôi và giết Hyllos. Vì chiến công kể trên, giành được trong hàng ngũ những người Peloponnesos vào thời điểm ấy, bên cạnh nhiều đặc quyền lớn khác mà chúng tôi vẫn nắm giữ, chúng tôi cũng có quyền luôn được chỉ huy một cánh của đạo quân khi có một cuộc xuất chinh chung. Với các vị, hỡi người Lakedaimon, chúng tôi không có lời phản đối nào, nhưng chúng tôi cho các vị quyền tự do lựa chọn, và cho phép các vị chỉ huy bất cứ cánh quân nào các vị mong muốn, nhưng về cánh quân còn lại, chúng tôi xin nói rằng quyền chỉ huy thuộc về chúng tôi giống như trước kia. Và bên cạnh chiến công vừa kể, chúng tôi xứng đáng hơn người Athenai để được trao vai trò này. Bởi vì trong nhiều cuộc chiến vinh quang chúng tôi đã giao chiến với các vị, hỡi người Sparta, và chống lại những người khác trong nhiều cuộc chiến nữa. Vì thế cũng là phải lẽ để chúng tôi được quyền chỉ huy cánh quân còn lại thay vì người Athenai,

bởi họ đã không có được những chiến công như chúng tôi, dù mới đây hay từ xa xưa".

27. Người Tegea đã nói như vậy, và người Athenai đáp lại như sau: "Dù chúng tôi biết rằng đạo quân này được tập hợp để chiến đấu với man tộc chứ không phải để diễn thuyết, nhưng vì người Tegea đã đặt ra cho chúng tôi thách thức phải nói đến những điều cả cũ lẫn mới, những chiến công anh dũng mà mỗi bên từng đạt được từ trước đến nay, chúng tôi cần thiết phải chỉ ra cho các vị thấy từ đâu mà chúng tôi, vốn luôn là những người dũng cảm, lại có được vai trò đứng đầu như một di sản thay vì người Arkadia. Khi các Herakleidai (có thủ lĩnh bị người Tegea giết tại Eo đất theo như họ vừa kể) bị xua đuổi bởi tất cả các tộc người Hy Lạp mà họ tìm đến, và đang chạy trốn khỏi kiếp nô lệ từ người Mykenai, chỉ người Athenai chúng tôi đón nhận họ. Và cùng với họ, chúng tôi đã khuất phục sự ngạo mạn của Eurystheus, sau khi đã chinh phục những tộc người khi đó sinh sống tại Peloponnesos bằng chiến đấu. Thêm nữa, khi người Argos cùng Polyneikes tiến quân về Thebai đã bị giết và nằm phơi xác không được chôn cất, chúng tôi đã tuyên bố sẽ xuất quân chống lại người Kadmeioi, lấy lại các thi thể và chôn cất họ trên đất của chúng tôi tại Eleusis. Không chỉ vậy, chúng tôi còn có một chiến công vinh quang nữa chống lại các Amazones khi họ xâm lược đất Attika từ phía sông Thermodon. Và trong cuộc chinh phạt Troia chúng tôi cũng không kém bất cứ ai. Nhưng chẳng ích gì khi nhắc tới những việc đó, bởi một mặt dù chúng tôi từng là những người dũng cảm vào thời đó, chúng tôi vẫn có thể trở thành vô dụng vào lúc này, và ngược lại, dù khi đó chúng tôi vô dụng, nhưng giờ đây có thể chúng tôi lại khá hơn. Vậy nên về những chiến công thời xa xưa hãy coi vậy là đủ; nhưng cho dù chúng tôi không thực hiện được bất cứ chiến công nào khác (cho dù những chiến công ấy rất nhiều và vinh quang, không kém cạnh bất cứ tộc người Hy Lạp nào khác), thì chỉ riêng với chiến công tại Marathon chúng tôi cũng đã xứng đáng để có được đặc quyền này cùng nhiều đặc quyền khác nữa, bởi trong tất cả tộc người Hy Lạp, chỉ có chúng tôi đơn độc giao chiến với quân Ba Tư, và sau khi đã thực hiện một chiến công huy hoàng như thế, chúng tôi đã đánh bại và chinh phục 46 dân tộc. Chẳng lẽ chúng tôi không xứng đáng với vị trí chỉ huy chỉ với riêng chiến công đó thôi sao? Tuy nhiên, bởi vào một thời điểm như hiện tại không phải lúc thích hợp để tranh giành vị trí, chúng tôi sẵn lòng làm theo lời các vị, hỡi người Lakedaimon, về việc các vị coi chúng tôi nên được bố trí ở đâu, chống lại kẻ thù nào là thích hợp nhất. Bởi dù được bố trí ở đâu, chúng tôi sẽ cố gắng để là những người dũng cảm. Hãy ra lệnh cho chúng tôi, chúng tôi sẽ

tuân lệnh".

28. Người Athenai trả lời như thế; và toàn quân Lakedaimon hô lớn rằng người Athenai xứng đáng đảm nhiệm bên cánh hơn so với người Arkadia. Vậy là người Athenai giành được bên cánh và vượt qua người Tegea.

Sau đó, người Hy Lạp được sắp xếp như sau, cả những đội quân tiếp tục kéo đến về sau lẫn những người đã có mặt từ đầu. Cánh phải do 10.000 người Lakedaimon trấn giữ; trong số này, 5.000 chiến binh Sparta có 35.000 *heilotai* đi kèm phục vụ trong vai trò khinh bộ binh, bảy người được phân bổ cho mỗi chiến binh. Bên cạnh họ, những người Sparta lựa chọn các chiến binh Tegea, vừa để khiến họ được vinh dự, cũng vì sự dũng cảm của họ; và đội ngũ Tegea gồm 1.500 *hoplitai*. Tiếp theo đội quân Tegea là vị trí của 5.000 quân Korinthos, và họ đã được sự chấp thuận từ Pausanias cho phép 300 người Potidaia từ Pallene sẽ được bố trí bên cạnh họ. Kế bên những chiến binh này là 600 người Arkadia từ Orkhomenos; bên cạnh họ là 3.000 quân Sikyon. Tiếp theo là 800 quân Epidauros. Bên cạnh họ là 1.000 quân Troizen. Kế bên người Troizen là 200 người Lepreon. Bên cạnh họ là 400 người Mykenai và Tiryns; rồi tiếp đến là 1.000 người Phleious. Kề bên đội quân này là 300 người Hermione, và 600 người Eretria và Styra; tiếp theo họ là 400 chiến binh Khalkis, rồi đến 500 người Ambrakia. Sau đội quân này đến lượt 800 người Leukas và Anaktorion. Và bên cạnh các chiến binh này là 200 người từ Pale ở Kephallenia. Tiếp sau các đội quân kể trên là 500 chiến binh Aigina; rồi tiếp sau họ là 3.000 quân Megara; rồi đến 600 quân Plataia. Cuối cùng, hay trước tiên nếu bạn muốn coi như vậy, là người Athenai trấn giữ bên cánh trái, với tổng cộng 8.000 quân, chỉ huy của họ là Aristeides, con trai Lysimakhos.

29. Tất cả các đội quân này, ngoại trừ những người được chỉ định phục vụ các chiến binh Sparta, bảy người cho mỗi chiến binh, đều là *hoplitai*, với tổng quân số 38.700 người. Đây là tổng số *hoplitai* được tập hợp để chống lại man tộc. Còn số lượng khinh bộ binh như sau: Đội quân Sparta có 35.000 người, với tỷ lệ bảy người cho mỗi *hoplites*, và tất cả số người này đều được vũ trang để chiến đấu. Còn số lượng khinh bộ binh của các cánh quân Lakedaimon khác cũng như các tộc người Hy Lạp khác, có tỷ lệ khoảng một người cho mỗi *hoplites*, tổng cộng lên tới 34.500 người. Như vậy, tổng số khinh bộ binh là 69.500 người.

30. Tổng quân số của lực lượng Hy Lạp tập trung ở Plataia (gồm cả *hoplitai* lẫn khinh bộ binh) thiếu 1.800 là vừa tròn 11 vạn người;

và số quân Thespiai có mặt vừa đủ để làm tròn con số 11 vạn, vì trong đạo quân này cũng bao gồm cả những người Thespiai còn sống sót, gồm tổng cộng 1.800 người, và những người này cũng không có vũ khí nặng.

31. Sau khi được sắp xếp thành đội ngũ, họ được bố trí đóng trại bên sông Asopos.

Trong cùng thời gian đó, man tộc và Mardonios, sau khi đã than khóc đủ cho Masistios và được báo rằng người Hy Lạp đang có mặt tại Plataia, cũng hành quân tới đoạn sông Asopos chảy qua vùng đó. Khi tới nơi, họ được Mardonios bố trí dàn trận đối diện với kẻ địch như sau: Để chống lại người Lakedaimon, ông ta bố trí quân Ba Tư; và vì người Ba Tư đông hơn nhiều, họ được sắp xếp thành đội hình có chiều sâu nhiều hàng ngang hơn so với người Lakedaimon, và bất chấp điều đó, trận thế của họ trải rộng tới cả trước mặt người Tegea. Mardonios sắp xếp quân Ba Tư như sau: Lực lượng mạnh nhất của đội quân này được ông ta chọn riêng khỏi phần còn lại và bố trí đối diện với người Lakedaimon, còn phần yếu hơn ông ta bố trí đối diện với người Tegea. Cạnh người Ba Tư ông ta bố trí người Media; và người Media trải rộng tới tận trước mặt người Korinthos, Potidaia, Orkhomenos và Sikyon. Bên cạnh người Media, Mardonios bố trí người Baktria, trải ra trước mặt người Epidauros, Troizen, Lepreon, Tiryns, Mykenai và Phleious. Sau người Baktria ông ta bố trí người Ấn Độ đối diện với người Hermione, Eretria, Styra và Khalkis. Tiếp theo người Ấn Độ, Mardonios bố trí người Sakai, đội quân này trải ra trước người Ambrakia, Anaktorion, Leukas, Pale và Aigina. Tiếp theo người Sakai và đối diện với người Athenai, Plataia và Megara, ông ta bố trí người Boiotia, Lokroi, Malis, Thessalia, và 1.000 người Phokis; vì không phải tất cả người Phokis đều ngả về phía quân Media, mà một số họ thậm chí còn ủng hộ sự nghiệp của người Hy Lạp và đã cố thủ ở Parnassos. Xuất quân từ đó, họ cướp phá đạo quân của Mardonios và những người Hy Lạp ủng hộ ông ta. Mardonios cũng bố trí người Makedonia và những người sống ở khu vực biên giới Thessalia đối diện với người Athenai.

32. Những đội quân được điểm tên ở trên thuộc về những dân tộc lớn nhất ra trận dưới quyền Mardonios, ý tôi là những dân tộc có danh tiếng và đáng kể nhất. Song trong đạo quân của ông ta còn có những chiến binh của các dân tộc khác tham gia, gồm người Phrygia, Thraike, Mysia, Paionia, và những dân tộc khác. Trong hàng ngũ man tộc cũng có một số chiến binh Aithiopia, và những tộc người Ai Cập được gọi là người Hermotybies và người Kalasiries mang dao, đây là những chiến binh duy nhất ở Ai Cập.

Khi vẫn còn ở Phaleron, Mardonios đã cho đưa những chiến binh này rời khỏi các chiến thuyền nơi họ làm thủy binh, vì người Ai Cập không được huy động để phục vụ trong đạo quân bộ cùng xuất chinh với Xerxes tới Athenai. Như đã nói trước đây, man tộc có 30 vạn quân, nhưng về quân số của các tộc người Hy Lạp là đồng minh của Mardonios thì không ai biết rõ, vì số lượng của họ không được ghi lại. Nhưng qua tìm hiểu, tôi suy đoán rằng lực lượng này được tập hợp với quân số là 5 vạn người. Những chiến binh được tập hợp thành các đội hình kế tiếp nhau như ở trên đều là bộ binh; còn lực lượng kỵ binh được bố trí tách thành một khối riêng biệt.

33. Khi cả hai bên đã bố trí đội hình theo dân tộc và đội quân, đến ngày hôm sau họ đều làm lễ hiến sinh. Về phía Hy Lạp, Tisamenos con trai Antiokhos, là người thực hiện lễ hiến sinh, vì ông ta đi cùng đạo quân với vai trò thầy bói. Người Lakedaimon đã kết nạp ông ta, vốn là người Elis, một Klytiades thuộc gia tộc Iamidai, làm một công dân của họ, vì khi Tisamenos đang ở Delphoi tìm kiếm lời tiên tri về hậu vận của mình, nữ tư tế Pythia trả lời rằng ông ta cần thắng năm cuộc thi đấu lớn nhất. Hiểu sai ý thần dụ, ông ta liền bắt đầu tham dự các cuộc thi đấu điền kinh, đoán rằng ông ta cần thắng các cuộc thi đấu này; và ông ta luyện tập "ngũ hạng"[1] và thiếu chút nữa đã giành một chiến thắng tại hội Olympia, khi được xếp thi đấu với Hieronymos người Andros. Tuy nhiên, người Lakedaimon đã hiểu ra rằng thần dụ về Tisamenos không ám chỉ thi đấu điền kinh mà là những cuộc giao chiến, và họ tìm cách thuyết phục Tisamenos bằng cách trả tiền và biến ông ta thành một chỉ huy trong những cuộc chiến họ tiến hành cùng các vị vua thuộc dòng dõi của Herakles. Khi đó, thấy rằng người Sparta trông đợi rất nhiều ở việc lôi kéo được mình làm bằng hữu, Tisamenos liền nâng giá bản thân và ngỏ ý rằng ông ta sẽ làm như họ muốn, nếu họ cho ông ta trở thành một công dân của Sparta và trao cho ông ta trọn vẹn quyền công dân, ông ta sẽ không đồng ý với bất cứ điều kiện nào khác. Thoạt đầu, khi người Sparta nghe được yêu cầu này, họ tỏ ra phẫn nộ và rút lại hoàn toàn đề nghị của mình, nhưng cuối cùng, khi cuộc xâm lược của người Ba Tư đem đến một nỗi kinh hoàng lơ lửng trên đầu họ, người Sparta liền nhượng bộ và đồng ý. Nhận ra người Sparta đổi ý, Tisamenos liền nói giờ đây ông ta sẽ không hài lòng kể cả với chừng đó, cũng như với chỉ nguyên những điều kiện như vậy; mà cả em trai Hegias của ông ta cũng phải được làm công dân Sparta với những quyền lợi như ông ta.

---

1. Gồm chạy, nhảy xa, vật, quyền và ném đĩa.

34. Khi nói như vậy, ông ta đi theo tấm gương của Melampous trong yêu cầu của mình, nếu người ta có thể so sánh vương quyền với công dân quyền đơn thuần; bởi Melampous về phần mình đã đưa ra cái giá được nhận là một nửa vương quyền khi những người phụ nữ ở Argos bị hóa điên và người Argos muốn mời ông ta từ Pylos tới để chữa cho phụ nữ của họ khỏi bệnh. Người Argos không cam chịu chấp nhận như vậy mà bỏ đi. Nhưng rồi sau đó, khi nhiều phụ nữ của họ hơn bị hóa điên, rốt cuộc họ cũng chấp nhận những gì Melampous đòi hỏi, và đến đề nghị dành chúng cho ông ta. Thế nhưng Melampous, khi thấy người Argos đổi ý, đã tăng yêu sách của mình lên, nói rằng ông ta sẽ không làm điều họ mong muốn trừ khi họ cũng cho em trai Bias của ông ta một phần ba quyền lực của vua. Và người Argos, bị đẩy vào thế bí, đã chấp nhận cả điều kiện này.

35. Người Sparta cũng vậy, bởi rất cần Tisamenos, họ đã đồng ý bất cứ điều kiện nào ông ta đưa ra. Và khi người Sparta đã chấp nhận cả những đòi hỏi về sau của ông ta, Tisamenos người Elis sau khi trở thành công dân Sparta, đã cùng họ xuất quân và giành chiến thắng trong năm cuộc giao chiến lớn nhất trong vai trò thầy bói. Đây cũng là những người duy nhất từng được người Sparta kết nạp làm công dân của họ. Năm chiến thắng kể trên bao gồm: Chiến thắng đầu tiên chính là trận Plataia. Sau đó là trận Tegea, diễn ra với người Tegea và người Argos. Tiếp theo là trận đánh ở Dipaies chống lại tất cả người Arkadia ngoại trừ người Mantineia. Sau nữa là trận đánh với người Messenia tại Ithome, và cuối cùng là trận Tanagra chống lại người Athenai và người Argos. Đây là trận chiến xảy ra sau cùng trong số năm trận đánh.

36. Khi đó, Tisamenos đang đảm đương vai trò thầy bói cho quân Hy Lạp tại đất Plataia, sau khi được người Sparta đưa tới đó. Với người Hy Lạp, các lễ hiến sinh đã cho điềm lành nếu họ chỉ phòng ngự, nhưng không được vậy nếu họ vượt sông Asopos và khai chiến.

37. Và cả Mardonios, người nóng lòng muốn giao chiến, cũng nhận được kết quả hiến sinh không thuận lợi nếu ông ta tấn công, nhưng lại cho điềm lành nếu ông ta chỉ phòng ngự; bởi Mardonios cũng sử dụng cách hiến sinh của người Hy Lạp do nhà tiên tri của ông ta là Hegesistratos thành Elis, và là người nổi tiếng nhất trong gia tộc Telliadai, người từng bị người Sparta bắt trói để xử tử trước khi diễn ra các biến cố này, bởi họ đã phải chịu nhiều tổn hại do ông ta. Rơi vào tình cảnh hiểm nghèo, chẳng những tính mạng khó bảo toàn mà nhiều khả năng còn phải chịu nhiều tra tấn hành hạ trước khi chết, Hegesistratos đã làm được một kỳ công mà

nhiều người khó lòng tin nổi. Bị buộc vào một khối bọc sắt, ông ta đã kiếm được một lưỡi dao sắt được mang vào theo cách nào đó, và dùng nó thực hiện một hành động dũng cảm hơn bất cứ hành động nào chúng ta từng biết đến. Sau khi đã tính toán làm cách nào để phần còn lại của hai bàn chân mình có thể rút được ra khỏi cùm, ông ta cắt đi một phần trước bàn chân của mình, rồi sau đó, vì ông ta vẫn bị cai ngục canh giữ, ông ta liền khoét tường để thoát ra ngoài và chạy trốn tới Tegea, di chuyển vào ban đêm, còn ban ngày trốn vào một khu rừng để nghỉ ngơi. Bởi vậy, dù người Lakedaimon truy đuổi gắt gao, ông ta vẫn tới được Tegea vào buổi tối thứ ba. Người Lakedaimon đã bị ám ảnh bởi nỗi bàng hoàng trước sự can đảm của ông ta, khi họ thấy bàn chân bị cắt cụt nằm đó, và cũng trước việc họ không thể tìm thấy ông ta. Về phần Hegesistratos, sau khi đã thoát khỏi tay người Lakedaimon theo cách như vậy liền tị nạn ở Tegea, lúc ấy đang bất hòa với người Lakedaimon. Khi đã bình phục và làm cho mình một bàn chân bằng gỗ, ông ta trở thành kẻ thù công khai của người Lakedaimon. Tuy nhiên, cuối cùng mối thù hận với người Lakedaimon đã không có lợi cho Hegesistratos, ông ta bị họ bắt trong lúc đang hành nghề tiên tri tại Zakynthos, và bị xử tử.

38. Tuy nhiên, cái chết của Hegesistratos xảy ra sau các sự kiện tại Plataia, và khi ấy ông ta đang ở bên sông Asopos sau khi được Mardonios thuê bằng một khoản tiền không nhỏ để thực hiện lễ hiến sinh, tỏ ra rất nhiệt tình ủng hộ Mardonios vừa bởi mối thù của ông ta với người Lakedaimon, vừa bởi món lợi ông ta thu được. Nhưng vì các lễ hiến sinh không đem đến điềm báo thuận lợi cho việc giao chiến với cả bản thân người Ba Tư lẫn với người Hy Lạp đang ở cùng phe với họ (vì những người này cũng có một nhà tiên tri của riêng họ, Hippomakhos người Leukas), và vì phía Hy Lạp liên tục có quân kéo tới và ngày càng trở nên đông hơn, Timagenides, con trai Herpys, một người Thebai, khuyên Mardonios bố trí quân canh giữ sơn đạo ở Kithairon, nói rằng người Hy Lạp đang không ngừng kéo tới hằng ngày và bằng cách đó Mardonios có thể ngăn chặn lượng lớn viện binh địch.

39. Tám ngày đã trôi qua trong khi hai đạo quân ngồi án binh bất động đối diện với nhau vào thời điểm Timagenidas đưa ra lời khuyên này với Mardonios. Và Mardonios, nhận thấy lời khuyên đúng đắn, khi đêm xuống đã phái kỵ binh tới con đường qua núi ở Kithairon dẫn tới Plataia, được người Boiotia gọi là "Tam đầu", còn người Athenai gọi là "Đầu sồi". Được phái đi như vậy, lực lượng kỵ binh đã ít nhiều thành công, vì họ đã bắt được 500 súc vật thồ đang đi xuống đồng bằng, mang theo lương thực từ Peloponnesos tới cho đạo quân Hy Lạp, cùng với những người đi theo đoàn súc

vật thồ. Sau khi bắt được phần thưởng này, kỵ binh Ba Tư liền ra tay tàn sát cả người lẫn vật không nương tay. Rồi khi đã giết thỏa thuê, họ bao vây số còn lại và giải về trại nộp Mardonios.

40. Sau biến cố này, cả hai đạo quân trải qua thêm hai ngày án binh bất động nữa, không bên nào muốn khai chiến, vì man tộc tiến xa tới tận sông Asopos để thử thách người Hy Lạp, nhưng không bên nào vượt sông. Tuy nhiên, kỵ binh của Mardonios tấn công liên tục và gây thiệt hại cho người Hy Lạp; người Thebai, rất nhiệt thành ủng hộ quân Media, tham chiến một cách hăng hái, và luôn dẫn đầu họ cho tới khoảnh khắc giao chiến, sau đó người Ba Tư và người Media làm phần việc còn lại, và đến lượt chính những người này thể hiện sự dũng cảm.

41. Vậy là trong 10 ngày không có gì hơn xảy ra ngoài những việc kể trên. Nhưng đến ngày thứ 11, trong khi hai phe vẫn ở đối diện với nhau tại Plataia, đến lúc này người Hy Lạp đã trở nên đông đảo hơn, còn Mardonios đang vô cùng bực bội trước việc trì hoãn hành động, lúc ấy Mardonios con trai Gobryas và Artabazos con trai Pharnakes, một trong số ít người Ba Tư được Xerxes đánh giá cao nhất, tới nói chuyện với nhau. Trong khi trao đổi, những quan điểm họ được bày tỏ như sau: Về phần Artabazos, ý kiến là họ cần cho toàn bộ đạo quân khởi hành càng sớm càng tốt và đi tới những bức tường thành của Thebai, nơi một lượng lớn lương thực đã được tích trữ cho binh lính và cỏ khô cho súc vật. Và họ nên bình thản đóng quân ở đó và hoàn tất công việc phải làm theo cách sau. Theo lời Artabazos, họ có lượng vàng lớn, cả tiền lẫn thỏi, cũng như một lượng lớn bạc và cốc uống rượu. Ông ta khuyên họ nên gửi những thứ này tới chỗ người Hy Lạp không hạn chế, nhất là tới những người Hy Lạp là vua tại các thành phố của họ. Và những người này, theo Artabazos, sẽ nhanh chóng giao nộp tự do của họ. Ông ta khuyên họ không nên mạo hiểm giao chiến. Quan điểm của Artabazos cũng giống với người Thebai, vì ông ta cũng như họ, đã có ít nhiều sự nhìn xa trông rộng.

Tuy nhiên, quan điểm của Mardonios lại quyết liệt và bướng bỉnh hơn, và ông ta không hề sẵn sàng chịu nhượng bộ, vì theo Mardonios đạo quân của họ hơn xa đạo quân của người Hy Lạp, và người Ba Tư cần giao chiến nhanh nhất có thể, không cho phép người Hy Lạp tập hợp với quân số đông hơn số lượng họ đã tập trung. Còn về những lễ hiến sinh của Hegesistratos, họ nên để mặc chúng và không tìm cách cố kiếm bằng được điềm lành mà làm theo phong tục Ba Tư và giao chiến.

42. Khi Mardonios bày tỏ ý kiến như vậy, không ai phản đối, vậy là

quan điểm của ông ta áp đảo, bởi Mardonios chứ không phải Artabazos nắm quyền chỉ huy quân đội mà nhà vua đã trao cho ông ta. Bởi vậy, ông ta triệu tập tướng chỉ huy các đội quân và các tướng lĩnh Hy Lạp cùng ở bên phía mình rồi hỏi liệu họ có biết bất cứ lời tiên tri nào liên quan tới người Ba Tư nói rằng họ sẽ bị tiêu diệt ở Hy Lạp hay không. Những người được triệu tập tới họp đều im lặng, một số không biết thần dụ, số khác có biết nhưng không nghĩ nói ra sẽ là an toàn. Đích thân Mardonios liền nói: "Vì các người hoặc không biết gì hoặc không dám nói ra, ta sẽ nói với các người, vì ta biết rất rõ. Có một thần dụ nói rằng số mệnh đã định khi tới Hy Lạp, người Ba Tư sẽ cướp phá ngôi đền tại Delphoi, và sau khi cướp phá ngôi đền, tất cả họ sẽ chết. Vì chúng ta đã biết điều đó, chúng ta sẽ không tới ngôi đền này và cũng sẽ không tìm cách cướp phá nó; chúng ta sẽ không chết. Bởi thế tất cả những ai trong các người muốn điều tốt đẹp cho Ba Tư, hãy phấn chấn lên về chuyện này, và hãy tin chắc rằng chúng ta sẽ vượt qua người Hy Lạp". Sau khi nói với các tướng lĩnh như vậy, tiếp theo ông ta ra lệnh chuẩn bị mọi thứ và sắp xếp tất cả vào trật tự, vì trận đánh sẽ bắt đầu vào rạng sáng hôm sau.

43. Về thần dụ mà Mardonios nói về người Ba Tư, tôi biết nó nhắc tới người Illyria và người Enkheles, chứ không phải về người Ba Tư. Tuy nhiên, thần dụ dưới đây được Bakis đưa ra về trận này:

> Cạnh Thermodon và hai bờ sông Asopos đầy cỏ,
>
> Người Hy Lạp sẽ tập hợp và có tiếng man tộc la hét,
>
> Và ở đó, trước thời khắc định mệnh, nhiều người Media sẽ ngã xuống,
>
> Mang theo cung, khi ngày tận số đến.

Những lời này nói như vậy, và tôi biết có những lời tương tự được Mousaios đưa ra nhắc tới người Ba Tư. Còn sông Thermodon chảy giữa Tanagra và Glisas.

44. Sau cuộc dò hỏi về các thần dụ và những lời cổ vũ của Mardonios, đêm buông xuống và lính gác được bố trí. Rồi khi đêm đã khuya, và có vẻ khắp nơi đều yên tĩnh trong các trại, tất cả mọi người đã ngủ say, khi đó Alexandros con trai Amyntas, vua và cũng là chỉ huy người Makedonia, cưỡi ngựa tới chốt gác của người Athenai và đề nghị được nói chuyện với các tướng lĩnh Athenai. Vậy là trong khi đa số lính canh ở lại vị trí của họ, một số chạy tới gặp các tướng lĩnh, báo cáo rằng có một người cưỡi ngựa

từ trại Media tới, người này không tiết lộ gì thêm, chỉ nêu tên các vị tướng và nói muốn nói chuyện với các tướng lĩnh.

45. Nghe xong, những tướng lĩnh lập tức đi theo những người lính canh đến chốt gác. Khi họ tới đó, Alexandros liền nói với họ như sau: "Hỡi người Athenai, ta nói ra những lời này như một điều bí mật mà ta yêu cầu các vị giữ kín và không nói với ai khác ngoại trừ Pausanias, nếu không ta sẽ gặp nguy hiểm. Ta sẽ không nói ra những lời này nếu không lo lắng rất nhiều cho an nguy chung của Hy Lạp, bởi bản thân ta cũng là một người Hy Lạp về nguồn gốc và ta không muốn thấy Hy Lạp bị nô dịch thay vì tự do. Bởi thế ta xin nói Mardonios và đạo quân của y đã không thể có được kết quả hiến sinh như ý của họ, nếu không các vị đã phải giao chiến lâu rồi. Tuy nhiên, bây giờ ông ta quyết định dẹp lễ hiến sinh sang bên và tấn công vào rạng sáng mai, vì theo như ta đoán, ông ta sợ rằng các vị sẽ tập trung thêm quân. Bởi thế các vị hãy chuẩn bị; và nếu rốt cuộc Mardonios đình chỉ trận đánh và không tấn công, hãy ở yên vị trí của các vị và kiên nhẫn cố thủ, bởi quân Ba Tư chỉ còn lại vài ngày lương thực. Và nếu theo cách này các vị có được kết cục như ý, mỗi người trong các vị hãy nhớ cả ta cũng góp phần vào sự giải thoát, bởi ta đã vì người Hy Lạp mà làm một việc hết sức mạo hiểm, xuất phát từ nhiệt tâm với các vị, mong muốn báo cho các vị ý định của Mardonios để man tộc không ập tới các vị khi các vị không ngờ đến. Và ta là Alexandros xứ Makedonia". Nói xong, ông ta phi ngựa đi, quay trở về trại, trở lại vị trí của mình.

46. Khi đó các tướng lĩnh Athenai đi tới bên cánh phải và nói với Pausanias những gì họ nghe được từ Alexandros. Nghe được, ông ta bị nỗi sợ người Ba Tư làm chấn động và nói như sau: "Bởi trận đánh sẽ bắt đầu lúc rạng sáng, sẽ là hợp lý khi các vị, những người Athenai, chống giữ đối phó với người Ba Tư, còn chúng tôi đối diện với người Boiotia và những đội quân Hy Lạp lúc này đang được bố trí đối diện với các vị bởi các vị đã quen với quân Media và cách chiến đấu của họ vì đã chiến đấu với họ tại Marathon, trong khi chúng tôi không có kinh nghiệm nào với họ và cũng không biết gì về họ, chưa người Sparta nào từng giao chiến với quân Media, nhưng về người Boiotia và người Thessalia, chúng tôi đã có kinh nghiệm. Vì thế đúng đắn nhất là các vị mang vũ khí chuyển sang cánh bên này của đạo quân, còn chúng tôi chuyển sang cánh trái". Người Athenai trả lời như sau: "Về phần chúng tôi, ngay từ đầu khi chúng tôi thấy quân Ba Tư được bố trí đối diện với các vị, chúng tôi đã nghĩ đến việc nói ra điều đó, song chúng tôi e rằng những lời ấy sẽ khiến các vị không hài lòng. Tuy nhiên, bởi chính các vị đã nói đến việc này, hãy biết rằng những lời của các vị khiến chúng tôi rất vui mừng, và chúng tôi sẵn sàng làm điều các vị đề

nghị".

47. Vậy là cả hai bên đều ưng thuận thực hiện thay đổi, khi bình minh hé rạng, họ bắt đầu hoán đổi vị trí với nhau, và những người Boiotia phát hiện được việc đang diễn ra liền báo cáo với Mardonios. Khi biết tin, Mardonios cũng lập tức thay đổi bố trí quân, đưa quân Ba Tư tới đối diện với người Lakedaimon. Khi Pausanias biết chuyện, nhận ra mình đang bị theo dõi, và ông ta dẫn các chiến binh Sparta quay trở lại cánh phải, và Mardonios cũng làm điều tương tự với cánh trái của mình.

48. Khi đã trở về vị trí trước đây như vậy, Mardonios phái một truyền lệnh sứ tới chỗ người Sparta và nói như sau: "Hỡi người Lakedaimon, những người có mặt tại đây vẫn nói các ngươi là những chiến binh giỏi, và họ ngưỡng mộ các ngươi vì các ngươi không tháo chạy trong chiến trận cũng không rời vị trí của mình, mà đứng vững tại chỗ và tiêu diệt kẻ thù hoặc chết. Tuy nhiên hiện tại điều này có vẻ không phải là sự thật. Bởi trước khi chúng ta giao chiến và chiến đấu giáp lá cà, chúng ta đã thấy các ngươi bỏ chạy và rời khỏi vị trí của mình, mong muốn để người Athenai thử sức với chúng ta trước, trong khi các ngươi dàn quân đối diện với các nô lệ của chúng ta. Đây không phải là hành động của những người dũng cảm trong chiến tranh, và chúng ta thấy vô cùng thất vọng về các ngươi, bởi chúng ta đã trông đợi từ tiếng tăm của các ngươi rằng các ngươi sẽ phái một truyền lệnh sứ tới chỗ chúng ta, thách thức chúng ta và tỏ ý muốn chiến đấu chỉ với mình người Ba Tư. Nhưng cho dù về phần mình chúng ta sẵn sàng làm vậy, chúng ta không hề thấy các ngươi nói điều gì như thế, mà lại thấy các ngươi co rúm lại vì sợ. Giờ thì bởi các ngươi không chịu nói ra điều này, chúng ta sẽ là bên nói trước tiên. Tại sao hai bên chúng ta không lập tức giao chiến, các ngươi đại diện cho những người Hy Lạp, vì các ngươi có danh tiếng là những chiến binh giỏi nhất, còn chúng ta đại diện cho các man tộc, với số lượng bằng nhau ở mỗi bên? Và nếu cả hai bên chúng ta thấy rằng cả các tộc người khác cũng nên chiến đấu, thì hãy để họ chiến đấu sau đó. Ngược lại, nếu hai bên chúng ta nghĩ điều đó không cần thiết, chỉ cần hai bên chúng ta chiến đấu, thì chúng ta hãy chiến đấu đến cùng, và bên nào giành chiến thắng, hãy coi đó như chiến thắng với toàn bộ đạo quân phía mình".

49. Sau khi nói xong, truyền lệnh sứ chờ đợi một lúc, rồi sau đó, vì không ai cho anh ta bất cứ câu trả lời nào, anh ta liền quay trở về. Về tới bên quân nhà, anh ta bẩm lại với Mardonios điều đã xảy ra với mình. Mardonios khi đó rất phấn khởi và hãnh diện về chiến thắng trống rỗng của mình, và tung kỵ binh tấn công quân Hy

Lạp. Khi lực lượng kỵ binh Ba Tư thúc ngựa tấn công quân Hy Lạp, họ đã gây thiệt hại cho người Hy Lạp bằng cách phóng lao và bắn tên về phía đối phương, bởi đây là những cung thủ cưỡi ngựa và do vậy rất khó chống lại. Kỵ binh Ba Tư quấy rối và phong tỏa con suối Gargaphia, nơi toàn bộ đạo quân Hy Lạp lấy nước. Chỉ người Lakedaimon đóng gần con suối này, những người Hy Lạp còn lại đều ít nhiều cách xa con suối, tùy thuộc vào vị trí đóng quân được phân phối cho họ, trong khi sông Asopos ở ngay gần. Nhưng vào lúc ấy người Hy Lạp bị ngăn cản không tiếp cận được con sông do kỵ binh và cung thủ Ba Tư không cho phép họ lấy nước từ sông, bởi thế họ thường lui tới dòng suối để lấy nước mang về.

50. Tình hình lúc ấy là như vậy, các tướng lĩnh Hy Lạp, bởi đạo quân của họ đã bị cắt mất nguồn nước và bị kỵ binh Ba Tư quấy rối, liền tập hợp ở chỗ Pausanias bên cánh phải để bàn bạc về những vấn đề này cũng như những vấn đề khác. Bởi còn có cả những vấn đề khác khiến họ lo ngại hơn hai vấn đề đã nói ở trên, vì đạo quân Hy Lạp không còn được tiếp tế lương thực, và những phu phen được phái đi Peloponnesos để lấy lương thực đã bị kỵ binh Ba Tư chặn đường không thể quay về doanh trại.

51. Các tướng lĩnh hội họp liền thống nhất với nhau rằng nếu quân Ba Tư nán lại không khai chiến ngày hôm đó, họ sẽ đi ra đảo. Hòn đảo này cách sông Asopos và suối Gargaphia, nơi họ đang đóng trại, 10 *stadia*, và nằm ở phía trước thành phố của người Plataia. Và nếu bạn đọc băn khoăn làm thế nào lại có một hòn đảo trên đất liền, thì lý do là: Dòng sông khi chảy từ Kithairon xuống đồng bằng đã tách thành hai nhánh cách nhau khoảng 3 *stadia*, rồi sau đó hai nhánh này lại hợp thành một dòng sông, được đặt tên là Oeroe, mà theo người bản địa là con gái của Asopos. Đây chính là nơi người Hy Lạp quyết định di chuyển tới để họ có thể có thoải mái nguồn nước và kỵ binh địch không thể gây tổn thất cho họ như lúc này khi hai bên trực tiếp đối diện với nhau. Và họ dự định sẽ di chuyển tới đó vào quãng phiên gác thứ hai trong đêm, để quân Ba Tư không thấy được họ và dùng kỵ binh truy kích họ. Các tướng lĩnh Hy Lạp cũng dự định rằng sau khi tới đảo, là nơi Oeroe, dòng sông con gái của Asopos chảy qua tách làm hai nhánh khi từ Kithairon chảy tới, họ sẽ phái nửa đạo quân tới Kithairon ngay trong đêm đó để đón các phu phen đã được phái đi trước đó để lấy lương thực tiếp tế, vì những người này bị cắt khỏi đạo quân ở Kithairon.

52. Sau khi quyết định như vậy, suốt cả ngày hôm ấy họ bị kỵ binh Ba Tư tấn công. Nhưng khi ngày tàn và những cuộc tấn công của kỵ binh địch đã ngừng, bởi lúc đó trời chuyển tối và đã tới thời

điểm thống nhất trước để rút lui khỏi vị trí đóng quân, đa số quân Hy Lạp lên đường và bắt đầu rút lui, nhưng lại không ghi nhớ đến chuyện di chuyển tới địa điểm đã thống nhất. Ngược lại, khi bắt đầu di chuyển, họ lập tức nhân cơ hội để tháo chạy khỏi kỵ binh địch về phía thành phố của người Plataia, và trong cuộc tháo chạy họ đi xa tới tận ngôi đền Hera, tọa lạc ở trước mặt thành phố của người Plataia, cách suối Gargaphia 20 *stadia*. Khi tới đó, người Hy Lạp dừng lại trước ngôi đền.

53. Khi đó các chiến binh này đóng trại gần đền Hera, và Pausanias, thấy rằng những đội quân này rút lui khỏi doanh trại, liền ra lệnh cho những người Lakedaimon cũng cầm vũ khí và đi theo những đội quân trước đã lui trước họ, cho rằng những đội quân này đang di chuyển về nơi các tướng lĩnh đã thống nhất từ trước. Sau đó, khi tất cả các tướng lĩnh khác đều sẵn sàng tuân lệnh Pausanias, Amompharetos con trai Poliades, tướng chỉ đạo quân Pitana, nói rằng ông ta sẽ không chạy trốn trước những kẻ ngoại bang, và cũng sẽ không chấp nhận làm mất danh dự người Sparta, và bởi không có mặt trong buổi bàn bạc lúc trước, ông ta bày tỏ ngạc nhiên khi thấy chuyện đang diễn ra. Và Pausanias cùng Euryanax rất bối rối trước việc Amompharetos không tuân lệnh họ, và càng bối rối hơn khi họ buộc phải để lại sau đạo quân Pitana, vì người chỉ huy này từ chối di chuyển, bởi họ sợ rằng nếu họ bỏ những chiến binh này lại để làm theo những gì đã thống nhất với các tướng lĩnh Hy Lạp khác, cả Amompharetos lẫn đội quân bị bỏ lại của ông này sẽ chết. Bởi ý nghĩ này, họ không cho lực lượng Lakedaimon di chuyển, đồng thời cố gắng thuyết phục Amompharetos rằng ông ta làm như vậy là không phải.

54. Khi đó hai vị tướng đang thuyết phục Amompharetos, người duy nhất trong số các đội quân Lakedaimon và Tegea nhất quyết ở lại. Trong cùng thời gian ấy, người Athenai án binh bất động tại vị trí của họ, vì người Athenai biết rõ tính cách người Lakedaimon, hiểu rằng người Lakedaimon thường hay nói một đường làm một nẻo. Và khi các đội quân Hy Lạp bắt đầu di chuyển, họ phái một kỵ sĩ của mình tới xem liệu người Sparta có tìm cách chuyển quân hay không, hay trên thực tế người Sparta không hề có ý lui quân. Đồng thời, người Athenai giao phó cho người kỵ sĩ hỏi Pausanias xem họ phải làm gì.

55. Khi kỵ sĩ này tới chỗ người Lakedaimon, anh ta thấy rằng họ vẫn đang ở nguyên chỗ cũ, còn các tướng lĩnh của họ thì đang tranh cãi với nhau. Bởi vì khi cả Euryanax và Pausanias cùng thuyết phục Amompharetos không mạo hiểm ở lại một mình cùng chiến binh của mình khi những người Lakedaimon khác đều

rời đi cả, họ không thể thuyết phục được ông ta, và cuối cùng ba người đi đến chỗ tranh cãi kịch liệt; và trong thời gian ấy người kỵ sĩ được quân Athenai phái đến đã tới nơi và đứng bên cạnh họ. Amompharetos, trong lúc cãi cọ, đã dùng cả hai bàn tay bê một hòn đá đặt xuống dưới chân Pausanias rồi nói rằng với hòn cuội này ông ta biểu quyết không tháo chạy trước ngoại bang, ý nói tới man tộc. Khi đó Pausanias liền gọi ông này là một người điên đã đánh mất đi sự sáng suốt, rồi thông báo lại tình thế của họ với kỵ sĩ Athenai, người đang hỏi điều anh ta được giao thực hiện. Đồng thời, Pausanias đề nghị người Athenai di chuyển về phía người Lakedaimon và thực hiện rút lui đúng như người Lakedaimon thực hiện.

56. Người kỵ sĩ sau đó quay về chỗ người Athenai. Đến rạng sáng, mấy viên tướng Lakedaimon vẫn đang tranh cãi với nhau. Pausanias, người vẫn án binh bất động trong suốt thời gian này, liền phát hiệu lệnh rồi dẫn tất cả các đội quân khác lui về qua những ngọn đồi thấp, đoán rằng Amompharetos sẽ không ở lại sau khi những chiến binh Lakedaimon khác đã rời đi (về chuyện này ông đã đúng), những người Tegea cũng rút lui cùng họ. Trong khi đó những người Athenai, theo mệnh lệnh được chuyển tới cho họ, đang di chuyển theo hướng ngược lại với người Lakedaimon. Bởi người Lakedaimon đang bám lấy các ngọn đồi và sườn dốc thấp ở Kithairon vì sợ kỵ binh Ba Tư, trong khi người Athenai hành quân phía dưới về phía đồng bằng.

57. Về phần Amompharetos, thoạt đầu ông ta không tin rằng Pausanias có thể dám bỏ ông ta và binh lính dưới quyền ông ta ở lại sau, vì thế ông ta kiên quyết bám lấy ý kiến rằng họ cần ở lại đó, không rời vị trí. Nhưng khi Pausanias và binh lính của ông này đã ở xa phía trước, Amompharetos nhận ra họ đã bỏ lại mình ở đằng sau, liền ra lệnh cho đội quân của mình cầm vũ khí rồi dẫn họ chậm rãi di chuyển về phía chủ lực. Lực lượng này, sau khi hành quân được khoảng 10 *stadia*, liền dừng lại đợi cánh quân của Amompharetos, đóng quân bên sông Moloeis ở nơi có tên là Argiopios, cũng là nơi tọa lạc một ngôi đền Demeter Eleusinios, và họ dừng chân ở đó với mục đích nếu cánh quân của Amompharetos không rời vị trí mà ở lại, thì họ có thể tới trợ giúp những người này. Vậy là Amompharetos cùng người của ông ta tới hội quân với quân chủ lực, và cùng lúc ấy kỵ binh man tộc bắt đầu tung hết sức tấn công họ, vì kỵ binh Ba Tư vào ngày hôm ấy lại làm như họ vẫn làm mọi ngày, và khi thấy vị trí quân Hy Lạp chiếm giữ những ngày trước bỏ trống, họ liền thúc ngựa tiếp tục tiến xa hơn, và ngay khi bắt kịp quân Hy Lạp, họ liền bắt đầu tấn công kẻ địch.

58. Khi đó Mardonios, được báo tin người Hy Lạp đã lui quân trong đêm và đã thấy vị trí của họ bỏ trống, liền gọi Thorax thành Larissa và các em trai Eurypylos và Thrasydaios của ông tới rồi nói: "Hỡi các con trai của Aleues, các ngươi sẽ không nói gì sao, khi giờ các ngươi thấy những nơi này bỏ trống? Bởi các ngươi, những người sống gần bọn họ, vẫn hay nói rằng người Lakedaimon không chạy trốn khỏi một trận chiến, là những người không ai sánh được trong chiến trận. Và không chỉ lúc trước các ngươi đã thấy bọn họ thay đổi vị trí đóng quân của mình, giờ đây tất cả chúng ta đều thấy họ đã tháo chạy trong đêm hôm qua. Với hành động này, họ cho thấy rõ rằng, khi đến thời điểm phải giao chiến với những người trên thực tế là những chiến binh giỏi nhất, họ rốt cuộc là những kẻ vô dụng, họ chỉ thể hiện được sự can đảm giữa những người Hy Lạp, một giống người vô giá trị. Còn về các ngươi, bởi các ngươi không có chút hiểu biết nào về người Ba Tư, ta rất sẵn lòng lượng thứ cho các ngươi khi các ngươi ca ngợi những kẻ này, những kẻ nói cho cùng các ngươi cũng thấy có điểm đáng vị nể. Nhưng ta thấy ngạc nhiên hơn về Artabazos khi ông ta lại sợ người Lakedaimon, và từ nỗi sợ hãi ấy đã đưa ra ý kiến hèn nhát tột cùng, đó là chúng ta cần lui quân về thành phố của người Thebai để bị bao vây ở đó – một ý kiến rồi ta sẽ tâu lên nhà vua. Về những chuyện này chúng ta sẽ nói đến ở chỗ khác, còn lúc này chúng ta nhất định không cho phép kẻ địch hành động như vậy, chúng ta cần truy kích cho tới khi chúng bị bắt kịp và phải trả giá cho tất cả những gì chúng đã làm với người Ba Tư trong quá khứ".

59. Nói xong, Mardonios liền dẫn đầu quân Ba Tư đuổi theo dấu vết người Hy Lạp sau khi họ đã vượt qua sông Asopos, cho rằng đạo quân Hy Lạp đang chạy trốn mình. Và ông ta chỉ nhằm cuộc tấn công của mình vào người Lakedaimon và người Tegea, vì Mardonios không thể thấy được người Athenai, vốn đang hành quân về phía đồng bằng, do bị các ngọn đồi che khuất.

Các tướng lĩnh man tộc còn lại, thấy rằng quân Ba Tư đã bắt đầu truy kích người Hy Lạp, lập tức tất cả đều phát hiệu lệnh chiến đấu và bắt đầu truy kích, mỗi đội quân đều xông lên nhanh hết mức có thể, không bố trí thành đội hình hay theo trật tự nào. Các đội quân này hò hét xông tới một cách hỗn độn, nghĩ rằng họ sẽ nhanh chóng tiêu diệt người Hy Lạp.

60. Khi kỵ binh địch bắt đầu tấn công, Pausanias liền phái một kỵ sĩ tới chỗ người Athenai và nói như sau: "Hỡi người Athenai, giờ đây cuộc chiến vĩ đại nhất đã bày ra trước mặt chúng ta, cuộc chiến sẽ định đoạt tự do hay nô dịch cho Hy Lạp, và chúng ta, người Lakedaimon chúng tôi và người Athenai các vị, đã bị các

đồng minh của chúng ta bỏ rơi, vì họ đã tháo chạy trong đêm qua. Bởi thế, giờ đây số mệnh quyết định chúng ta phải làm như sau, cụ thể là phải phòng vệ bản thân và bảo vệ lẫn nhau tốt nhất có thể. Nếu kỵ binh địch tấn công các vị trước, chúng tôi và những người Tegea, những người đã cùng chúng tôi từ chối phản bội sự nghiệp của Hy Lạp, hẳn sẽ tới cứu giúp các vị. Nhưng vì trên thực tế toàn bộ kỵ binh địch đã tấn công chúng tôi, cũng là hợp lẽ rằng các vị nên tới trợ giúp cho cánh quân bị sức ép nặng nề nhất. Tuy nhiên, nếu có điều gì đó xảy ra khiến các vị không thể tới trợ giúp chúng tôi, khi đó làm ơn hãy gửi các cung thủ tới cho chúng tôi. Và chúng tôi biết rằng các vị là những người nhiệt huyết hơn cả trong suốt cuộc chiến này, bởi thế hẳn các vị sẽ lắng nghe đề nghị của chúng tôi trong cả chuyện này nữa".

61. Khi người Athenai biết tin, họ mong muốn tới ứng cứu và hỗ trợ người Lakedaimon nhiều nhất có thể. Khi họ đang trên đường đi thì bị những chiến binh Hy Lạp ủng hộ vua Ba Tư vốn được bố trí đối diện với họ tấn công, bởi vậy người Athenai không còn có thể tới trợ giúp người Lakedaimon, do lực lượng tấn công họ khiến họ gặp nhiều khó khăn. Như thế người Lakedaimon và người Tegea chỉ còn trông cậy được vào chính bản thân, và quân số của họ, kể cả số quân trang bị nhẹ, gồm 50.000 người Lakedaimon và 3.000 người Tegea, vì những người này không hề tách khỏi người Lakedaimon. Họ bắt đầu làm lễ hiến sinh, quyết định giao chiến với Mardonios và lực lượng đang xông tới tấn công họ. Thế rồi vì lễ hiến sinh của họ không cho kết quả thuận lợi, và nhiều người trong hàng ngũ của họ bị giết trong thời gian này, đồng thời nhiều người khác bị thương – do quân Ba Tư đã dùng những chiếc khiên bằng sậy của họ xếp thành một bức tường và dội mưa tên không ngừng nghỉ – Pausanias, thấy rằng quân Sparta đang bị ép mạnh và lễ hiến sinh không thuận lợi, đưa mắt nhìn chăm chú về phía ngôi đền Hera của người Plataia và cầu khẩn nữ thần trợ giúp, cầu xin rằng họ sẽ không bị đoạt mất niềm hy vọng.

62. Trong khi ông ta đang cầu khẩn nữ thần như vậy, các chiến binh Tegea bắt đầu đi lên phía trước người Lakedaimon và tiến về phía man tộc, và ngay sau lời cầu khẩn của Pausanias, lễ hiến sinh lập tức cho điềm thuận lợi với người Lakedaimon. Khi điều này diễn ra, họ cũng tiến lên giao chiến với quân Ba Tư. Và người Ba Tư bỏ cung xuống xông tới giáp chiến. Lúc đầu, giao chiến diễn ra ở chỗ bức tường kết bằng những chiếc khiên sậy, rồi khi những chiếc khiên này đã bị phá vỡ, giao chiến diễn ra dữ dội bên cạnh ngôi đền Demeter, và tiếp diễn suốt một hồi lâu, cho tới khi hai bên xô đẩy vật lộn với nhau, vì man tộc túm lấy những cây giáo và

bẻ gãy chúng. Về sự dũng cảm và mạnh mẽ, người Ba Tư không hề kém ai, nhưng họ không có áo giáp hộ thân, hơn nữa họ không thành thạo về chiến tranh và kém hơn đối thủ về kỹ năng chiến đấu. Họ thường xông tới từng người hoặc theo nhóm khoảng 10 người, đôi khi nhiều hơn hay ít hơn, lao vào những người Sparta và chết.

63. Tại nơi Mardonios có mặt, cưỡi một con ngựa trắngvà có quanh mình 1.000 chiến binh Ba Tư giỏi nhất được tuyển chọn riêng, người Ba Tư gây được sức ép mạnh nhất lên đối phương của họ. Và khi Mardonios còn sống, họ đứng vững trước người Hy Lạp, và trong lúc tự vệ họ giết rất nhiều chiến binh Lakedaimon. Nhưng khi Mardonios bị giết và những người tập hợp quanh ông ta, cũng là những chiến binh giỏi nhất của cả đạo quân, đều đã ngã xuống, những người khác liền lùi bước và tháo lui trước người Lakedaimon. Trang phục của họ, vốn không có giáp hộ thân, là một lý do quan trọng gây ra sự hủy diệt cho man tộc, vì trên thực tế họ chiến đấu với các *hoplitai* mà không có giáp bảo vệ.

64. Việc báo thù cho cái chết của Leonidas đã khiến Mardonios phải trả giá theo đúng thần dụ, và chiến thắng lẫy lừng nhất trong số những chiến thắng mà chúng ta từng biết đã diễn ra nhờ Pausanias, con trai Kleombrotos và cháu Anaxandridas, còn về các tổ tiên xa hơn nữa tên của họ đã được liệt kê cho Leonidas, và ở đây cũng tương tự với Pausanias. Mardonios bị giết dưới tay Arimnestos, một người có tiếng tăm ở Sparta, người này về sau, khi các cuộc chiến với người Media đã kết thúc, đã cùng 300 chiến binh chiến đấu chống lại cả một đạo quân của người Messenia, lúc ấy đang có chiến tranh với người Lakedaimon, tại Stenykleros, và cả ông ta cũng như 300 người này đều tử trận.

65. Khi quân Ba Tư quay đầu bỏ chạy trước người Lakedaimon tại Plataia, họ tháo chạy hỗn loạn về phía doanh trại của họ và tới chỗ bức lũy họ đã thiết lập trên đất Thebai. Và tôi rất ngạc nhiên rằng trong khi cuộc chiến diễn ra bên cạnh thánh địa của Demeter, không một người Ba Tư nào được phát hiện là đã bước chân vào trong đó hoặc bị giết trong thánh địa, nhưng ở phần không thuộc thánh địa nằm quanh ngôi đền thì rất nhiều người bị giết. Tôi đoán (nếu một người buộc phải phỏng đoán về những việc liên quan tới thần linh) là nữ thần đã từ chối tiếp nhận bọn họ, bởi họ đã phóng hỏa thánh địa tại Eleusis của nữ thần.

66. Giờ Artabazos, con trai Pharnakes, đã bất mãn từ đầu vì Mardonios ở lại sau khi vua Ba Tư đã về nước. Từ lúc đó về sau, ông ta liên tục đưa ra những lời phản bác và không làm gì cả, mà

luôn hối thúc man tộc không giao chiến. Về bản thân, ông ta hành động như sau vì không hài lòng với những gì Mardonios làm. Những chiến binh dưới quyền Artabazos (ông ta có trong tay lực lượng đông tới 4 vạn người), ông ta đã chỉ huy họ một cách thận trọng khi trận chiến bắt đầu, vì ông ta tiên liệu được kết cục của nó. Trước hết, Artabazos ra lệnh rằng tất cả binh sĩ phải đi theo hướng ông ta dẫn họ, và với cùng tốc độ như họ thấy ông ta đi. Sau khi ra lệnh như vậy, ông ta dẫn quân của mình giả bộ như thể chỉ huy họ xung trận. Và khi đã ở trên đường, ông ta thấy quân Ba Tư đã bắt đầu bỏ chạy. Lúc đó, ông ta không dẫn quân của mình đi với tốc độ như trước nữa, mà bắt đầu chạy, tháo lui theo đường ngắn nhất, không phải tới chỗ bức lũy, cũng không phải tới tường thành của người Thebai, mà tới Phokis, nhằm tới được Hellespontos nhanh nhất có thể.

67. Những người Hy Lạp ở bên phía Ba Tư đều cố tình trễ nải trong chiến đấu, người Boiotia giao chiến hồi lâu với người Athenai, vì người Thebai đứng về phía Media đều rất nhiệt tình với công cuộc của người Media, và họ chiến đấu không hề trễ nải, kết quả là 300 người của họ, những người đi đầu và là những chiến binh giỏi nhất, đều ngã xuống ở đó dưới tay người Athenai. Và khi họ quay đầu bỏ chạy, họ rút lui về Thebai chứ không về cùng nơi như người Ba Tư. Đa phần lực lượng của các đồng minh khác tháo chạy trong khi không hề giao chiến liên tục với bất cứ đối thủ nào hay lập được bất cứ chiến công đáng nói nào.

68. Với tôi, thêm một bằng chứng nữa cho thấy vận hội của man tộc phụ thuộc vào người Ba Tư, cụ thể là các đội quân đồng minh tháo chạy từ trước khi chạm trán kẻ thù bởi họ thấy người Ba Tư làm như thế. Vậy là tất cả man tộc tháo chạy ngoại trừ kỵ binh, kể cả kỵ binh Boiotia, và lực lượng này giúp đỡ cho những kẻ đào tẩu bằng cách liên tục bám sát kẻ địch và ngăn cách giữa người Hy Lạp với những kẻ đang tháo chạy ở phía bên họ. Kẻ chiến thắng tiếp tục truy kích và tàn sát quân của Xerxes.

69. Trong thời gian này, khi hỗn loạn xảy ra, tin được báo tới chỗ những người Hy Lạp đóng quân ở gần đền Hera, rằng một trận đánh đang diễn ra và binh lính dưới quyền Pausanias đang giành chiến thắng. Khi nghe tin, những người Korinthos và các đội quân khác ở gần họ, không bố trí thành bất cứ đội hình nào, liền đi men theo triền núi và các quả đồi thấp dọc con đường dẫn thẳng tới đền Demeter, trong khi người Megara và Phleious cùng các đội quân ở gần họ đi xuống đồng bằng theo con đường bằng phẳng nhất. Tuy nhiên, khi người Megara và Phleious tới gần kẻ thù, kỵ binh Thebai phát hiện họ từ xa đang xông tới không bố trí thành

đội hình, bèn phi ngựa tấn công họ. Chỉ huy lực lượng kỵ binh này là Asopodoros con trai Timandros. Sau khi ập tới cánh quân Hy Lạp, kỵ binh Thebai giết chết 600 người của đội quân này, rồi truy kích và đánh đuổi phần còn lại tới tận Kithairon.

70. Những người này thiệt mạng không chút vinh quang, và trong cùng thời gian ấy người Ba Tư cùng phần còn lại của đám tàn quân, sau khi đã chạy về chỗ bức lũy để trú ẩn, đã kịp tới chỗ các tòa tháp trước khi người Lakedaimon tới, rồi họ bắt đầu củng cố bức lũy phòng thủ hết mức có thể. Khi người Lakedaimon tới tấn công, hai bên bắt đầu giao chiến dữ dội để tranh giành bức lũy. Trong khi những người Athenai còn chưa tới kịp, man tộc phòng thủ kiên cường và có nhiều lợi thế so với người Lakedaimon, bởi người Lakedaimon không thạo công thành. Nhưng khi người Athenai tới trợ giúp họ, giao chiến diễn ra ác liệt để giành lấy tường lũy và kéo dài hồi lâu, cuối cùng bằng lòng dũng cảm và khả năng chịu đựng, người Athenai leo lên tường lũy và phá vỡ một mảng tường, qua đó người Hy Lạp ùa vào. Các chiến binh Tegea là những người đầu tiên vượt qua bức lũy, và chính họ cướp phá lều của Mardonios, đoạt lấy những thứ ở trong lều, bao gồm cả máng ngựa của ông ta, được làm toàn bằng thanh đồng và là một vật đáng để ngắm nhìn. Cái máng ngựa được những người Tegea dâng lên đền Athena Alea, nhưng tất cả chiến lợi phẩm còn lại họ đều mang tới công khố của người Hy Lạp. Sau khi bức tường lũy đã bị chiếm, man tộc không còn tập hợp thành bất cứ đội hình chặt chẽ nào nữa, và cũng không còn ai trong bọn họ nghĩ đến chuyện kháng cự, mà họ hoàn toàn lúng túng như ta có thể trông đợi ở những người đang hoảng loạn, với nhiều vạn người bị dồn lại ở một không gian chật hẹp. Kết quả là người Hy Lạp có thể tàn sát họ khủng khiếp tới mức trong 30 vạn người, không tính 4 vạn quân tháo chạy cùng Artabazos, chỉ còn 3.000 người sống sót. Trong số các chiến binh Lakedaimon từ Sparta tới, có 91 người bị giết, trong số chiến binh Tegea có 16 người tử trận, và trong hàng ngũ Athenai có 52 người chết trận.

71. Trong hàng ngũ man tộc, thể hiện can trường hơn cả là bộ binh Ba Tư và kỵ binh Sakai, còn về cá nhân thì Mardonios là người dũng cảm nhất. Về phần người Hy Lạp, cho dù cả người Tegea lẫn người Athenai đều đã chứng tỏ họ là những chiến binh can trường, song người Lakedaimon vẫn vượt trội hơn họ về lòng dũng cảm. Về chuyện này tôi không có bằng chứng nào khác (bởi tất cả họ đều chiến thắng đối thủ của mình) ngoài việc người Lakedaimon đã chiến đấu với lực lượng mạnh nhất của quân địch và đánh bại lực lượng này. Và người đã chứng tỏ mình xuất sắc hơn cả, theo tôi là Aristodemos, người đã phải chịu sự chê trách và

mất danh dự khi là người duy nhất trong số 300 chiến binh bình an trở về từ Thermopylai. Sau anh ta, can đảm hơn cả là Poseidonios, Philokyon và Amompharetos người Sparta. Tuy nhiên, nếu muốn nói ai là người đã chứng tỏ mình xuất sắc hơn cả, những người Sparta có mặt đều cho rằng Aristodemos rõ ràng đã muốn bị giết vì lời buộc tội phải chịu đựng, bởi thế trong trạng thái như thể hóa điên và rời khỏi vị trí của mình trong đội ngũ, anh ta đã lập được những chiến công hiển hách, trong khi Poseidonios đã chứng tỏ mình là một chiến binh giỏi cho dù không hề muốn bị giết, bởi vậy anh ta là người giỏi hơn trong hai người. Tuy nhiên, rất có thể họ nói như vậy xuất phát từ ác ý, và tất cả những người có tên được tôi nhắc tới trong số những người ngã xuống trong trận đánh đều đặc biệt được tôn vinh, ngoại trừ Aristodemos. Vì Aristodemos mong muốn bị giết bởi lời buộc tội đã nói ở trên, anh ta không được tôn vinh.

72. Những người kể trên là các chiến binh nổi tiếng nhất đã chiến đấu tại Plataia, còn về Kallikrates, người tuấn tú nhất có mặt tại doanh trại, không chỉ trong hàng ngũ Lakedaimon, mà trong toàn bộ người Hy Lạp vào thời của anh ta, người này không bị giết trong trận đánh, mà khi Pausanias đang làm lễ hiến sinh thì anh ta bị thương bởi một mũi tên trúng vào sườn trong lúc đang ngồi tại vị trí của mình trong hàng ngũ. Và trong khi những người khác đang chiến đấu, anh ta hấp hối bởi một cái chết từ từ sau khi được khiêng ra khỏi đội hình. Anh ta nói với Arimnestos, một người Plataia, rằng anh ta không đau khổ vì chết cho Hy Lạp, anh ta chỉ đau khổ vì đã không chứng tỏ được sức mạnh của bàn tay mình, và đã không lập được chiến công nào xứng đáng với tinh thần mong muốn thực hiện những chiến công hiển hách đang sôi sục trong mình.

73. Trong số những người Athenai, chiến binh giành được nhiều vinh quang nhất được kể là Sophanes, con trai Eutykhides từ làng Dekeleia – dân làng này xưa kia đã làm được một việc đem đến lợi ích mãi mãi cho họ, như chính người Athenai kể lại. Thời xưa, khi các con trai của Tyndareos xâm lược đất Attika với một đạo quân đông đảo nhằm đưa Helene về nhà và đang tàn phá các làng bởi không biết Helene đã được mang giấu ở đâu, người ta kể rằng người Dekeleia, hoặc như một số người kể lại là chính Dekelos, do buồn phiền trước sự ngạo ngược của Theseus và lo sợ cho toàn lãnh thổ của người Athenai, liền cho những kẻ xâm lược biết mọi chuyện và dẫn họ tới Aphidnai, nơi Titakos, một người bản địa, dâng cho các con trai của Tyndareos một cách phản trắc. Do hành động này, người Dekeleia liên tục được miễn các khoản cống nạp ở Sparta và có chỗ ngồi ở hàng đầu tại các hội thi đấu thể thao,

những đặc quyền vẫn tồn tại tới tận ngày nay. Thậm chí trong các cuộc chiến tranh nổ ra nhiều năm sau những biến cố này giữa người Athenai và người Peloponnesos, khi những người Lakedaimon tàn phá toàn bộ phần còn lại của đất Attika, họ vẫn không gây tổn hại gì cho Dekeleia.

74. Sophanes đến từ làng này, người chứng tỏ mình xuất sắc nhất trong tất cả những người Athenai ở trận đánh này. Về anh ta có hai câu chuyện khác nhau được kể lại. Theo một câu chuyện, anh ta mang theo một mỏ neo bằng sắt được gắn một sợi xích bằng thanh đồng vào đai lưng áo giáp. Và anh ta ném mỏ neo bất cứ khi nào gặp kẻ thù, theo người ta nói thì để khi kẻ thù xông ra khỏi hàng ngũ sẽ không thể lôi được anh ta khỏi vị trí, và khi đối thủ của anh ta tháo chạy, anh ta trước hết sẽ nhổ cái neo lên rồi đuổi theo. Câu chuyện thứ nhất được kể lại như vậy, còn câu chuyện thứ hai, tranh giành sự thật với câu chuyện kể trên, được thuật lại rằng, trên tấm khiên của Sophanes, vốn luôn di chuyển và không bao giờ ở yên một chỗ, có hình một mỏ neo làm biểu tượng, chứ không phải một mỏ neo sắt được gắn vào áo giáp của anh ta.

75. Một chiến công lẫy lừng khác cũng do Sophanes thực hiện, là khi người Athenai vây hãm Aigina, anh ta đã thách đấu và giết Eurybates người Argos, người đã chiến thắng trong ngũ hạng. Sau những biến cố này, Sophanes trở thành tướng của người Athenai cùng với Leagros con trai Glaukon, và chứng tỏ mình là một chiến binh giỏi trước khi bị người Edonoi giết tại Daton khi chiến đấu giành lấy các mỏ vàng.

76. Khi man tộc bị người Hy Lạp đánh bại ở Plataia, có một người phụ nữ là tỳ thiếp của Pherandates con trai Teaspis, một người Ba Tư, tự nguyện đi về phía người Hy Lạp. Người phụ nữ này, khi nhận ra quân Ba Tư đã bị tiêu diệt và người Hy Lạp giành chiến thắng, liền xuống khỏi xe của mình và tới chỗ người Lakedaimon trong khi họ còn đang chém giết. Người phụ nữ mang trên mình rất nhiều đồ trang sức bằng vàng, những nữ tỳ của bà cũng vậy, và bà mặc trên người chiếc váy đẹp nhất của mình. Khi người phụ nữ nhận thấy Pausanias đang chỉ huy mọi thứ ở đó, và trước đó đã biết rõ tên và dòng dõi của ông ta vì thường xuyên được nghe nói tới, bà nhận ra Pausanias, vừa ôm lấy đầu gối ông ta vừa nói như sau: “Hỡi vua của Sparta, hãy giải thoát cho thiếp, người đang cầu xin ngài, khỏi kiếp nô lệ, bởi ngài vốn đã giúp đỡ thiếp cho tới lúc này bằng việc tiêu diệt những kẻ này, những kẻ không có chút tôn trọng nào dành cho các bán thần cũng như cho các vị thần. Thiếp là người Kos, con gái của Hegetorides, con trai Antagoras. Người Ba Tư đã bắt giữ thiếp bằng vũ lực ở Kos làm tù nhân”. Pausanias

trả lời như sau: "Người đàn bà kia, hãy can đảm lên, bởi vì ngươi là một người cầu xin sự che chở, nếu thêm vào đó ngươi còn đang nói thật và ngươi đúng là con gái của Hegetorides người Kos, người có tình khách-hữu thân thiết với ta hơn bất cứ ai ở vùng đó". Nói xong, ông ta trao người phụ nữ cho các *ephoroi* có mặt trông coi, rồi sau đó cho đưa người phụ nữ tới Aigina, nơi bà ta muốn tới.

77. Ngay sau sự xuất hiện của người phụ nữ là người Mantineia, khi trận đánh đã kết thúc. Khi biết rằng họ đến nơi quá muộn để tham gia trận đánh, những người này rất buồn phiền và nói rằng họ đáng bị trừng phạt. Rồi khi được cho hay quân Media dưới quyền Artabazos đang tháo chạy, họ liền truy đuổi đám quân này tới tận Thessalia, dù người Lakedaimon đã cố gắng ngăn cản họ. Vậy là họ hồi hương, và trục xuất tướng lĩnh của họ. Sau người Mantineia đến lượt người Elis xuất hiện. Và họ rất phiền muộn bởi sự chậm trễ của mình; sau đó họ hồi hương và cũng trục xuất tướng lĩnh của họ.

78. Chiến đấu với người Aigina tại Plataia là Lampon, con trai Pytheas, một công dân Aigina có tiếng tăm. Ông đã tới gặp Pausanias với một lời đề nghị bất kính nhất như sau: "Hỡi con trai của Kleombrotos, ngài đã thực hiện được một chiến công vĩ đại và vinh quang, và thần linh đã ban cho ngài tiếng tăm vang dội nhất trong tất cả người Hy Lạp chúng ta từng biết đến ít nhiều thông qua việc cứu nguy cho Hy Lạp. Liệu ngài có thể thực hiện nốt cả điều còn lại cần làm sau chiến công này, để ngài có thể giành được tiếng tăm còn vang dội hơn nữa, và cũng để trong tương lai tất cả man tộc sẽ phải coi chừng khi trở thành kẻ khơi mào những hành động kiêu ngạo với người Hy Lạp. Bởi khi Leonidas tử trận tại Thermopylai, Mardonios và Xerxes đã chặt đầu ông ấy và cắm lên cọc. Thế nên ngài hãy trả lại Mardonios điều tương tự, và ngài sẽ được ca ngợi trước hết bởi những người Sparta, rồi kế đến bởi cả những người Hy Lạp khác nữa. Vì nếu ngài sỉ nhục thi thể Mardonios, ngài sẽ báo thù được cho Leonidas, em trai của cha ngài".

79. Lampon nói vậy, nghĩ rằng sẽ làm Pausanias hài lòng, nhưng ông này đã trả lời Lampon: "Anh bạn, ta ngưỡng mộ thiện chí cũng như việc anh đã lo nghĩ cho ta, nhưng dẫu vậy anh đã không hề đưa ra được một lời khuyên tốt. Bởi sau khi đã ca ngợi ta hết lời, cũng như ca ngợi gia đình và chiến công của ta, anh lại đẩy ta xuống vị thế chẳng còn chút thể diện gì khi khuyên ta sỉ nhục một xác chết, đồng thời lại nói nếu làm thế ta sẽ được nhắc đến một cách trọng vọng hơn. Những điều này xứng đáng để man tộc làm

hơn là người Hy Lạp, và cho dù với họ chúng ta cũng chê trách hành động ấy. Dù thế nào đi nữa, ta không mong muốn dùng đến bất cứ phương cách nào như thế để làm vui lòng dù là người Aigina hay bất cứ ai khác thích những hành động trả thù như vậy. Với ta, hành động và phát ngôn đứng đắn để làm hài lòng người Sparta là đủ rồi. Về Leonidas, người anh đã hối thúc ta vì ngài mà báo thù, ta xin nói luôn ngài đã được báo thù xứng đáng rồi, và Leonidas đã được vinh danh bởi vô vàn tính mạng của kẻ thù, và không chỉ Leonidas mà cả những chiến binh còn lại đã ngã xuống tại Thermopylai. Chớ có tìm ta đem theo một lời đề nghị như thế, hay dành cho ta những lời khuyên như vậy, và hãy biết ơn vì anh đã không bị trừng phạt". Nghe xong, Lampon liền bỏ đi.

80. Pausanias bố cáo rằng không ai được động tới chiến lợi phẩm, và lệnh cho các *heilotai* thu thập tất cả lại. Theo lệnh, họ liền tản đi khắp doanh trại và tìm thấy những căn lều trang hoàng đầy vàng bạc, những chiếc trường kỷ khảm vàng, khảm bạc, những bình pha rượu bằng vàng, cùng chén và vật dụng đựng đồ uống khác. Họ cũng tìm thấy những cái bao để trên các cỗ xe, bên trong các những chậu vàng và bạc. Từ các thi thể nằm đó, họ lột các vòng cổ, vòng tay, dao găm vàng, còn về trang phục thêu thùa thì không có ghi chép nào. Khi đó các *heilotai* đánh cắp nhiều thứ rồi bán cho những người Aigina, nhưng họ cũng mang về giao nộp rất nhiều thứ, tất cả những gì họ không thể giấu được. Vậy là sự giàu có của người Aigina đầu tiên bắt nguồn từ việc họ mua các món đồ bằng vàng từ các *heilotai* trong khi giả bộ rằng đó là đồ bằng thanh đồng.

81. Người Hy Lạp, sau khi tập hợp chiến lợi phẩm và đã dành riêng một phần mười cho vị thần ở Delphoi, với lễ vật là một chiếc giá ba chân bằng vàng được đặt trên một con rắn ba đầu bằng thanh đồng để gần ban thờ, cũng như một phần mười cho thần Zeus tại Olympia, với lễ vật là một bức tượng Zeus bằng thanh đồng cao 10 *pekhes*, và cuối cùng là cho thần Poseidon ở Eo đất, với lễ vật là một bức tượng Poseidon bằng thanh đồng cao 7 *pekhes*, họ chia nhau phần còn lại, và mỗi người lĩnh phần được hưởng, bao gồm cả tỳ thiếp của người Ba Tư, vàng bạc, những thứ của cải khác, và cả súc vật thồ. Không ai thuật lại chuyện đã có bao nhiêu của cải được để ra cho những người đã chứng tỏ mình xuất sắc nhất tại Plataia, dẫu vậy tôi đoán rằng những người này cũng được trao phần thưởng. Về phần Pausanias, ông này được chia một phần mười của mọi loại chiến lợi phẩm, gồm có phụ nữ, ngựa, vàng bạc, lạc đà và những thứ khác.

82. Người ta còn kể rằng chuyện sau đây cũng đã diễn ra. Cụ thể là

khi Xerxes tháo chạy khỏi Hy Lạp đã để lại cho Mardonios toàn bộ đồ đạc trong lều của mình, và Pausanias sau đó khi thấy rằng đồ đạc của Mardonios được trang hoàng bằng vàng và bạc cùng thảm treo nhiều màu đã ra lệnh cho thợ làm bánh và đầu bếp chuẩn bị một bữa ăn như họ thường chuẩn bị cho Mardonios. Sau khi những người này làm như được ra lệnh, người ta kể rằng Pausanias thấy những chiếc trường kỷ khảm vàng và bạc có chăn đệm sang trọng, những chiếc bàn khảm vàng bạc, và những thực cụ lộng lẫy dùng cho yến tiệc, đã rất kinh ngạc trước những thứ đẹp đẽ bày ra trước mắt mình, và để giải trí, ông ra lệnh cho người hầu của mình chuẩn bị một bữa ăn Lakonia. Khi bữa tiệc được dọn ra, sự khác biệt giữa hai thực đơn lớn đến mức Pausanias phá lên cười và cho gọi các tướng lĩnh Hy Lạp khác tới. Khi họ đến nơi, Pausanias vừa nói vừa chỉ vào hai bữa ăn được chuẩn bị: "Hỡi người Hy Lạp, ta triệu các vị tới đây để cho các vị thấy sự ngu xuẩn của gã Media, kẻ dù sống như thế này, nhưng lại tới cướp sự nghèo khổ của chúng ta".

83. Tuy nhiên, sau khi những biến cố này diễn ra, Pausanias cũng tìm thấy những chiếc rương đựng đầy vàng, bạc và những thứ có giá trị khác. Thêm vào đó, về sau còn có chuyện này: Sau khi da thịt đã tuột khỏi xác, và tất cả xương cốt đã được tập hợp ở một chỗ, người Plataia thấy có một xương sọ không hề có các khớp nối mà chỉ gồm một khối xương duy nhất, và người ta cũng thấy một xương hàm trên có những chiếc răng nối liền với nhau thành một khối xương, cả răng cửa lẫn răng hàm, và còn có các xương cốt của một người cao 5 *pekhes*.

84. Tuy nhiên, xác của Mardonios đã biến mất vào ngày hôm sau trận đánh, bị lấy đi bởi ai thì tôi không thể tìm hiểu chính xác, song người ta thuật lại với ít nhiều bằng chứng rằng Dionysophanes, một người Ephesos, chính là người đã chôn cất Mardonios. Như vậy Mardonios có vẻ đã được chôn cất theo cách nào đó.

85. Người Hy Lạp, sau khi đã phân chia chiến lợi phẩm tại Plataia, cũng bắt tay vào chôn cất tử sĩ của họ, theo từng dân tộc. Người Sparta chôn cất người của họ ở ba nơi riêng biệt, một nơi họ dành để chôn những người Sparta trẻ tuổi hơn, trong số này có cả Poseidonios, Amompharetos, Philokyon và Kallikrates. Như tôi vừa kể, một trong các ngôi mộ được dành cho những người trẻ tuổi hơn, ngôi mộ thứ hai cho những chiến binh Sparta còn lại, và ngôi mộ thứ ba để chôn các *heilotai*. Người Tegea chôn tất cả tử sĩ của họ ở cùng một chỗ, người Athenai cũng chôn tử sĩ của họ như vậy, và người Megara cũng như người Phleious cũng chôn cất

những chiến binh đã bị kỵ binh địch giết. Tất cả những nấm mộ kể trên đều có thi thể được chôn cất bên dưới, nhưng về mộ phần của các dân tộc khác có mặt tại Plataia, tôi được cho hay rằng đó chỉ là những nấm đất không chôn thi thể nào bên dưới, được những tộc người đó đắp nên sau này, bởi họ xấu hổ về việc đã vắng mặt khi giao chiến. Trong số những nấm mộ như vậy có một nấm mộ được coi là nơi chôn cất những người Aigina, mà theo tôi nghe kể, Kleades con trai Autodikos, một người Plataia là khách-hữu của người Aigina, đắp lên theo đề nghị của họ sau khi trận đánh diễn ra không dưới 10 năm.

86. Khi những người Hy Lạp đã chôn cất xong tử sĩ của họ tại Plataia, họ lập tức quyết định trong hội nghị là sẽ hành quân tới Thebai và đòi người Thebai giao nộp những kẻ đã đứng về phía quân Media, trong đó trước nhất là Timagenidas và Attaginos, hai người cầm đầu phe này. Và nếu người Thebai không chịu giao nộp những người này, họ quyết tâm sẽ không rút lui khỏi thành phố cho tới khi đã chiếm được nó. Sau khi quyết định như vậy, họ hành quân tới đó vào ngày thứ 11 sau trận đánh và bắt đầu vây Thebai, yêu cầu giao nộp người. Vì người Thebai từ chối giao nộp những người đó, liên quân Hy Lạp bắt đầu tàn phá lãnh thổ của họ và tấn công tường thành.

87. Bởi quân Hy Lạp không ngừng tàn phá, đến ngày thứ 20, Timagenidas liền nói với người Thebai: "Hỡi người Thebai, vì người Hy Lạp đã quyết tâm không từ bỏ cuộc vây hãm cho tới khi chiếm được Thebai hoặc các bạn đã giao nộp chúng tôi cho bọn họ, giờ hãy đừng để đất Boiotia phải chịu tàn phá thêm nữa vì chúng tôi, nhưng nếu họ muốn có tiền và đòi giao nộp chúng tôi chỉ để lấy cớ, chúng ta hãy đưa cho họ tiền từ công khố, bởi chúng tôi đã đứng về phía Media cùng với cả thành bang chứ không chỉ nhân danh cá nhân. Nhưng nếu họ vây thành thực sự để bắt chúng tôi, chúng tôi sẽ nộp mình cho họ xét xử". Những lời ông ta nói được cho là đúng đắn và có lý, vậy là người Thebai phái một truyền lệnh sứ tới gặp Pausanias đề nghị giao nộp người.

88. Sau khi hai bên đã thống nhất về các điều khoản, Attaginos đào thoát khỏi thành phố. Khi các con trai của ông này bị nộp cho Pausanias, ông trả tự do không bắt tội họ, nói rằng con cái không thể chia sẻ tội lỗi của việc đứng về phía Media. Còn về phần những người khác mà người Thebai giao nộp, họ phỏng đoán mình sẽ được đưa ra xét xử, và hơn nữa tin rằng họ có thể đẩy lùi nguy hiểm bằng cách trả tiền. Song Pausanias, khi đã nhận được những người này, đã nghi ngờ chính khả năng ấy và trước hết cho giải thể toàn bộ đội quân liên minh, rồi giải những kẻ bị giao nộp tới

Korinthos và xử tử họ tại đó. Đây là những gì đã xảy ra tại Plataia và Thebai.

89. Trong cùng thời gian ấy, Artabazos con trai Pharnakes trên đường chạy trốn từ Plataia lúc này vẫn tiếp tục tháo chạyxa hơn. Và người Thessalia đã dành cho ông ta lòng hiếu khách và hỏi thăm về phần còn lại của đạo quân khi ông ta tới chỗ họ, vì họ không biết gì về những biến cố đã xảy ra tại Plataia. Biết rằng nếu nói với họ toàn bộ sự thật về trận đánh thì cả bản thân ông ta lẫn đội quân đang đi cùng sẽ bị tiêu diệt (vì ông ta nghĩ họ sẽ xông cả vào tấn công mình nếu biết chuyện đã xảy ra), Artabazos sau khi ngẫm nghĩ về nguy cơ này đã không nói gì tới trận đánh với người Phokis, còn giờ đây ông ta nói như sau với người Thessalia: "Hỡi người Thessalia, như các vị cũng thấy, ta đang nóng lòng đi theo con đường ngắn nhất tới Thraike, và ta đang rất vội vì ta được phái đi cùng những người này từ đạo quân để thực hiện một công việc. Hơn nữa chính Mardonios và đạo quân của ngài sẽ sớm qua đây bởi họ hành quân ngay sau ta. Hãy giải khuây cho ngài và cho thấy các vị hữu dụng, vì cuối cùng các vị sẽ không phải hối tiếc đã làm như vậy". Nói xong, ông ta hành quân qua Thessalia và Makedonia thẳng tới Thraike, theo tuyến đường trong đất liền ngắn nhất có thể. Và thế là ông ta tới Byzantion, sau khi đã bỏ lại sau phần lớn đội quân của mình, số này hoặc bị giết dọc đường bởi người Thraike, hoặc gục ngã vì đói và mệt. Rồi từ Byzantion, ông ta xuống thuyền vượt biển. Bản thân Artabazos đã trở lại châu Á theo cách như vậy.

90. Vào cùng ngày man tộc chiến bại ở Plataia, số mệnh đã quyết định rằng họ phải chịu thêm một thất bại nữa tại Mykale trên đất Ionia. Vì khi người Hy Lạp đã tới nơi trên các chiến thuyền cùng với Leotykhides người Lakedaimon đang án binh bất động tại Delos, Lampon con trai Thrasykles, Athenagoras con trai Arkhestratides, và Hegesistratos con trai Aristagoras, đã được người dân Samos cử làm sứ giả tới gặp người Hy Lạp mà người Ba Tư cũng như Theomestor con trai Androdamas, người được quân Ba Tư đưa lên làm tiếm chúa Samos, đều không hay biết. Khi những sứ giả này được dẫn vào diện kiến các tướng lĩnh Hy Lạp, Hegesistratos liền nói một hồi lâu, viện ra đủ lý lẽ, và nói rằng ngay khi người Ionia thấy quân Hy Lạp họ sẽ lập tức nổi dậy chống lại người Ba Tư, và man tộc sẽ không trông đợi cuộc tấn công của quân Hy Lạp. Và nếu họ làm vậy, người Hy Lạp sẽ có được một thành quả lớn lao mà về sau họ sẽ không bao giờ có lại được, rồi vừa viện đến các vị thần mà họ cùng thờ phụng, ông ta cố gắng thuyết phục người Hy Lạp hãy cứu vớt khỏi cảnh nô lệ những người cũng mang dòng máu Hy Lạp và đánh đuổi man tộc,

vì các chiến thuyền của kẻ thù di chuyển rất tồi trên biển và không phải là đối thủ của chiến thuyền Hy Lạp khi giao chiến. Thêm nữa, nếu những người Hy Lạp nghi ngờ các sứ giả đang tìm cách lừa họ vào bẫy, các sứ giả sẵn sàng để bị giữ lại làm con tin trên thuyền chiến Hy Lạp.

91. Trong khi người Samos đang khẩn thiết cầu xin, Leotykhides hỏi như sau, hoặc giả muốn lắng nghe từ câu trả lời một điềm báo, hoặc cũng có thể do Định mệnh xui khiến: "Hỡi người lạ mặt Samos, tên ngươi là gì?" Anh ta liền trả lời: "Hegesistratos". Leotykhides cắt ngang lời nói của ông ta, ngăn lại tất cả những gì Hegesistratos định nói thêm, và nói: "Ta chấp nhận điềm báo được đem đến bởi Hegesistratos, người bạn từ Samos. Về phần ngươi và những người đi cùng ngươi, liệu các ngươi có thể cam đoan với chúng ta rằng người Samos sẽ chắc chắn là những đồng minh trung thành với chúng ta, rồi sau đó quay thuyền về nhà chăng?"

92. Leotykhides đã nói như vậy, và thêm vào lời nói là cả hành động. Vì ngay sau khi người Samos đã cam đoan và lập thệ là đồng minh với người Hy Lạp, hai người trong số họ ra khơi, còn Hegesistratos thì ông yêu cầu đi cùng hạm đội Hy Lạp, coi tên của ông này là một điềm báo thành công. Rồi người Hy Lạp, vốn vẫn án binh bất động cho tới ngày hôm đó, làm lễ hiến sinh để cầu thành công vào ngày hôm sau, nhà tiên tri của họ là Deiphonos con trai Euenios, một người Apollonia, nơi này tọa lạc tại Ionia. Một chuyện lạ đã xảy ra với Euenios, cha của Deiphonos.

93. Ở Apollonia có những con cừu thiêng được dành để dâng lễ lên Mặt trời, ban ngày chúng được chăn thả bên một dòng sông chảy xuống từ núi Lakmon qua đất Apollonia rồi đổ ra biển cạnh cảng Orikos. Đêm đến, đàn cừu được canh giữ bởi những người được lựa chọn từ các gia đình giàu có và cao quý nhất, mỗi người phụng sự trong một năm. Đàn cừu này rất quan trọng với người Apollonia vì một thần dụ, và chúng được nhốt trong một cái hang nằm cách xa đô thị. Vào thời điểm tôi đang nói tới, Euenios đang làm nhiệm vụ trông coi đàn cừu sau khi được chọn làm việc này. Một buổi tối, ông ta đã ngủ quên trong khi trông coi, vậy là lũ sói xông vào hang giết mất khoảng 60 con cừu. Khi phát hiện ra chuyện này, ông ta giữ bí mật và không nói cho ai biết, định bụng sẽ mua những con cừu khác thay thế những con bị giết. Tuy nhiên, thị dân vẫn phát giác ra câu chuyện, và họ đưa Euenios ra tòa và kết tội ông ta bị tước đi thị lực vì đã ngủ quên trong khi canh gác. Nhưng khi họ làm mù mắt Euenios, gia súc của họ thôi không sinh sôi, đất đai của họ không cho mùa màng như trước

nữa. Khi người Apollonia tham vấn các dự ngôn giả tại Dodona và Delphoi về nguyên nhân của sự bất hạnh, họ được bảo rằng họ đã xử sự bất công khi tước đi thị giác của Euenios, người canh gác những con cừu thiêng. Bởi chính các vị thần mà họ cầu hỏi đã phái những con sói tới tấn công bầy cừu. Các vị thần sẽ không thôi báo thù cho ông ta cho đến khi người Apollonia bồi thường cho Euenios những gì đích thân ông ta lựa chọn và coi là đủ. Khi việc này được thực hiện, các vị thần sẽ ban cho Euenios một phần thưởng khiến nhiều người nghĩ rằng ông ta thật hạnh phúc khi được sở hữu nó.

94. Đó là câu trả lời của dự ngôn giả, và người Apollonia, sau khi giữ bí mật về chúng, đã đề nghị một số công dân giải quyết chuyện này. Và họ làm như sau: Khi Euenios đang ngồi ở nơi công cộng, họ liền tới ngồi cạnh ông ta và trò chuyện về những chủ đề khác, rồi cuối cùng tỏ vẻ thông cảm với ông ta trong nghịch cảnh ông ta gặp phải. Gợi chuyện với Euenios như thế, họ hỏi ông ta muốn chọn sự đền bù thế nào, nếu người Apollonia muốn đền bù cho Euenios về những gì họ đã làm. Không hề biết tới lời tiên tri, Euenios liền đưa ra lựa chọn và nói nếu ông ta được trao cho những khoảnh đất thuộc về vài công dân khác, chính là những người ông ta biết đang sở hữu hai khu đất tốt nhất ở Apollonia, kèm theo là một căn nhà mà ông ta biết tốt nhất trong thành phố làm nơi ở, khi đó ông ta sẽ không còn oán hận người Apollonia, và nếu những thứ này được trao cho ông ta thì đền bù với ông ta vậy là đủ. Khi Euenios nói như thế, mấy người ngồi cạnh ông ta liền ngắt lời và nói: "Hỡi Euenios, người Apollonia bồi thường cho ông vì ông bị mù lòa theo đúng những thần dụ phán cho họ". Nghe tới đây, Euenios liền nổi giận khi biết toàn bộ câu chuyện và cho rằng mình đã bị lừa. Còn người Apollonia thì mua lại các món tài sản từ các chủ sở hữu rồi trao cho Euenios những gì ông ta đã chọn. Ngay sau chuyện này, ông ta trở nên có năng lực tiên tri, và vì thế mà trở nên rất nổi tiếng.

95. Deiphonos, con trai của Euenios này, và lúc đó đang làm nhà tiên tri của quân đội sau khi được người Korinthos đưa tới. Tuy nhiên, tôi cũng nghe được rằng Deiphonos đã mạo nhận mối quan hệ với Euenios, rồi hành nghề tiên tri khắp Hy Lạp, dù không phải thực sự là con trai Euenios.

96. Khi các lễ hiến sinh thuận lợi cho người Hy Lạp, họ dong buồm từ Delos để đi tới Samos. Rồi sau khi tới ngoài khơi Kalamoi ở Samos, họ neo thuyền đối diện với đền Hera tọa lạc nơi này, rồi chuẩn bị cho một trận hải chiến. Nhưng người Ba Tư, được báo rằng hạm đội Hy Lạp đang dong buồm tới đó, cũng ra khơi và lui

về lục địa với các chiến thuyền còn lại của họ (các chiến thuyền của người Phoinike đã được cho quay về nhà từ trước đó), vì khi cân nhắc tình hình họ nghĩ sẽ là không hay nếu giao chiến trên biển, vì người Ba Tư không cho rằng họ là đối thủ ngang tay với kẻ thù. Và họ ra khơi dong buồm về lục địa nhằm ở dưới sự bảo vệ của đạo quân bộ đang đóng tại Mykale, một đạo quân đã ở lại tách khỏi phần còn lại của quân đội theo lệnh Xerxes và làm nhiệm vụ kiểm soát Ionia. Đạo quân này đông 6 vạn người và dưới sự chỉ huy của Tigranes, một người có vóc dáng và vẻ đẹp vượt xa những người Ba Tư khác. Các chỉ huy hạm đội Ba Tư khi đó quyết định nương nhờ sự bảo vệ của đạo quân này, và họ đưa các chiến thuyền lên bờ và dựng một bức lũy bao quanh nhằm bảo vệ các chiến thuyền, đồng thời cũng làm nơi ẩn náu cho chính họ.

97. Sau khi quyết định như thế, họ liền ra khơi, và họ đi ngang qua ngôi đền của Eumenides tới Gaison và tới Skolopeis ở Mykale, nơi có một ngôi đền nữ thần Demeter Eleusinios, được Philistos con trai Pasikles, xây dựng khi ông ta theo Neleus con trai Kodros đi lập thành Miletos. Tại đó, người Ba Tư kéo chiến thuyền của họ lên bờ và dựng nên một bức lũy bằng đá và gỗ bao quanh, chặt các cây ăn quả xuống dùng vào việc này, rồi họ cắm cọc bao quanh tường lũy để hoặc chống cự cuộc vây hãm hoặc để giành một chiến thắng, vì khi thực hiện việc chuẩn bị, họ cân nhắc tới cả hai khả năng.

98. Tuy nhiên, khi được tin man tộc đã tháo chạy về lục địa, người Hy Lạp rất tức giận vì nghĩ kẻ thù đã thoát mất. Và họ lâm vào cảnh khó khăn không biết nên làm gì, nên trở về nhà hay dong buồm tới eo Hellespontos. Cuối cùng, họ quyết định không làm cả hai, mà dong buồm tới lục địa. Bởi vậy, sau khi đã chuẩn bị cho một trận hải chiến với các cầu ván áp mạn và những chiến cụ cần thiết khác, họ tiến về phía Mykale. Khi họ tới gần doanh trại địch mà không thấy ai ra chống trả, nhưng đồng thời họ cũng thấy chiến thuyền địch được kéo lên bờ, và một đạo quân bộ lớn dàn trận dọc theo bờ biển, khi đó Leotykhides, đi trên chiến thuyền của mình và tiến sát vào gần sát bờ hết mức có thể, trước hết sai một truyền lệnh sứ nói với người Ionia như sau: “Hỡi người Ionia, những ai trong các ngươi có thể nghe thấy ta, hãy lắng nghe những gì ta nói, bởi người Ba Tư sẽ không hiểu bất cứ điều gì trong những lời ta nói với các ngươi. Khi chúng ta giao chiến, mỗi người trong các ngươi trước hết cần nhớ tới sự tự do của tất cả, và thứ đến, hãy nhớ tới mật khẩu ‘Hera’, và hãy nói lại cả cho những người không nghe thấy ta được biết từ những người nghe thấy”. Mục đích của hành động này cũng giống như hành động của Themistokles tại Artemision, nghĩa là hoặc những lời nói ra sẽ

không bị man tộc biết được và thuyết phục người Ionia, hoặc chúng sẽ được báo lại với man tộc và khiến họ nghi ngờ người Hy Lạp bên phía mình.

99. Sau khi Leotykhides làm vậy, những người Hy Lạp bắt đầu đưa chiến thuyền cập bờ, rồi họ đổ bộ lên bờ. Những chiến binh này sau đó sắp xếp thành đội hình chiến đấu, còn quân Ba Tư, khi thấy người Hy Lạp chuẩn bị chiến đấu, đồng thời lại gửi lời kêu gọi tới người Ionia, liền trước hết tước khí giới của người Samos vì nghi ngờ họ ngả về phía Hy Lạp. Bởi vì khi tù binh Athenai, những người bị quân của Xerxes bắt còn ở lại Attika, tới nơi trên các thuyền của man tộc, người Samos đã chuộc những người này rồi trả họ về Athenai, thu xếp phương tiện cho chuyến đi của họ. Do chuyện này mà họ bị nghi ngờ hơn cả, vì họ đã chuộc lại 500 người trong số kẻ thù của Xerxes. Tiếp theo, người Ba Tư chỉ định người Miletos trấn giữ các sơn đạo dẫn lên các đỉnh núi ở Mykale, lấy cớ rằng những người này biết rõ địa hình nhất, song lý do thực của họ khi làm vậy là để người Miletos không có mặt trong doanh trại. Để đối phó với những người Ionia mà họ nghi ngờ sẽ có hành vi thù địch nếu cơ hội xuất hiện, người Ba Tư tìm cách đảm bảo an toàn cho mình bằng cách như đã nói, rồi sau đó họ kết những tấm khiên sậy của mình lại thành một thứ hàng rào.

100. Khi người Hy Lạp đã chuẩn bị xong, họ liền tấn công man tộc. Trong lúc họ tiến quân, một tin đồn đột nhiên lan truyền trong khắp đạo quân, cùng lúc một cây gậy của truyền lệnh sứ được phát hiện nằm trên bãi biển. Tin đồn lan ra trong đạo quân của họ nói rằng quân Hy Lạp đã giao chiến tại Boiotia và đánh bại đạo quân của Mardonios. Đã nhiều lần những điềm báo từ các vị thần được thể hiện ở các sự vật trần thế, và đây là một điềm báo như thế, lần này vào đúng thời điểm ấy, vào ngày quân Ba Tư bị đánh bại tại Plataia và trận chiến tại Mykale sắp sửa diễn ra theo chiều hướng tương tự, tin đồn lan tới các chiến binh Hy Lạp ở đây để đạo quân được cổ vũ thêm phấn chấn và thêm hăng hái đối diện với hiểm nguy.

101. Ngoài ra, còn có cả việc này cũng diễn ra một cách trùng hợp, đó là thánh địa của Demeter Eleusinios ngay gần chiến địa của cả hai trận đánh, bởi không chỉ ở Plataia trận đánh xảy ra gần địa điểm ngôi đền Demeter như tôi đã nói trước đây, mà tại Mykale cũng thế. Và tin đồn truyền tới họ nói rằng người Hy Lạp đã giành được một chiến thắng với Pausanias chứng tỏ là một thông báo đúng đắn, bởi chiến thắng tại Plataia diễn ra khi vẫn còn sáng sớm, còn giao chiến tại Mykale diễn ra vào buổi chiều, và việc trận chiến này diễn ra vào cùng ngày, cùng tháng với trận chiến kia trở

nên rõ ràng với họ không lâu sau đó, khi họ tìm hiểu tin tức. Người Hy Lạp vốn đã lo sợ trước khi tin đồn truyền tới, không phải lo sợ cho họ mà cho người Hy Lạp nói chung, rằng Hy Lạp có thể thất trận và rơi vào tay Mardonios. Song khi tin đồn này bất thần tới với họ, các chiến binh Hy Lạp tiến về phía kẻ thù hăng hái và nhanh chóng hơn lúc trước. Vậy là khi đó người Hy Lạp và man tộc cùng hăng hái ra trận, vì cả các hòn đảo lẫn eo Hellespontos đều ở phía trước họ, như phần thưởng của cuộc giao chiến.

102. Về phần người Athenai và những người được bố trí bên cạnh họ, với số lượng lên tới khoảng một nửa đạo quân, con đường tiến quân nằm dọc bãi biển trên địa hình bằng phẳng, trong khi người Lakedaimon và các đội quân được bố trí cạnh họ buộc phải tiến quân theo một hẻm núi và men theo triền núi. Vậy là trong khi người Lakedaimon vẫn còn đang phải đi vòng di chuyển, các chiến binh bên cánh quân còn lại đã bắt đầu giao chiến. Và khi những chiếc khiên sậy của người Ba Tư còn đứng vững, họ tiếp tục phòng ngự và thậm chí còn chiếm ưu thế trong trận đánh. Nhưng khi quân Athenai và các đội quân sát bên họ, mong muốn rằng chiến công sẽ thuộc về mình chứ không thuộc về người Lakedaimon, vừa cổ vũ lẫn nhau vừa ra sức tấn công dữ dội hơn, từ thời điểm ấy chiều hướng của trận đánh đã thay đổi. Bởi họ đã đẩy dạt sang bên bức tường khiên sậy và đồng loạt xông vào người Ba Tư thành một khối thống nhất, còn người Ba Tư chống đỡ đợt tấn công đầu tiên của họ và tiếp tục tự vệ thêm một thời gian dài nữa, nhưng cuối cùng người Ba Tư cũng tháo chạy về phía tường thành. Người Athenai, Korinthos, Sikyon và Troizen, đây là thứ tự bố trí của các đội quân này, đuổi sát họ và cùng ùa theo quân địch vào trong thành. Rồi đến khi cả tường thành cũng đã bị đánh chiếm, man tộc không còn chống cự nữa mà lập tức tháo chạy, ngoại trừ những người Ba Tư tập hợp thành các nhóm nhỏ và tiếp tục chiến đấu với người Hy Lạp khi quân Hy Lạp ùa vào trong thành. Trong số các tướng lĩnh Ba Tư, hai người chạy thoát và hai người bị giết; Artayntes và Ithramitres, các chỉ huy hạm đội, đều chạy thoát, trong khi Mardontes và chỉ huy đạo quân bộ Tigranes bị giết.

103. Trong khi quân Ba Tư vẫn đang tiếp tục chiến đấu, người Lakedaimon và đội quân đi cùng họ tới nơi, và gia nhập phần còn lại của cuộc giao chiến. Trong chính hàng ngũ Hy Lạp cũng có nhiều người ngã xuống tại đó, đặc biệt là nhiều người Sikyon cùng tướng chỉ huy của họ, Perilaos. Và người Samos phục vụ trong quân đội man tộc, ở bên phe Media và đã bị tước vũ khí, khi họ thấy ngay từ đầu rằng trận đánh bắt đầu trở nên bất lợi, họ liền cố gắng hết mức để trợ giúp người Hy Lạp. Những người Ionia khác,

chứng kiến người Samos đã nêu gương, liền nhân đó nổi dậy chống lại người Ba Tư và tấn công man tộc.

104. Người Miletos cũng đã được chỉ định canh phòng những tuyến đường của người Ba Tư để đảm bảo an toàn cho họ, để nếu rốt cuộc những gì xảy ra trên thực tế có xảy đến với họ, họ cũng có người hướng đạo và nhờ đó thoát đi an toàn lên các đỉnh núi ở Mykale. Đây là nhiệm vụ người Miletos được giao phó như tôi đã nói, không chỉ nhằm mục đích đó mà còn vì nỗi lo sợ rằng nếu các chiến binh Miletos có mặt trong doanh trại, họ có thể có một động thái thù địch nào đó, thế nhưng trên thực tế họ đã làm ngược lại những gì được giao phó. Chẳng những không hướng đạo cho người Ba Tư đi đúng đường khi họ tháo chạy, mà trên thực tế là chỉ dẫn cho họ đi theo các con đường dẫn tới phía kẻ thù, mà người Miletos cuối cùng còn trở thành những kẻ thù tồi tệ nhất của họ và bắt đầu chém giết họ. Vậy là lần thứ hai Ionia nổi dậy chống lại người Ba Tư.

105. Trong trận đánh này, về phía Hy Lạp những người Athenai là xuất sắc nhất, và trong hàng ngũ Athenai người xuất sắc nhất là Hermolykos, con trai Euthoinos, một người đã được huấn luyện để đấu *pankration*[1]. Anh đã tử trận tại Kyrnos trên đất Karystos trong cuộc chiến giữa người Athenai và người Karystos, và được chôn cất tại Geraistos. Sau người Athenai đến lượt người Korinthos, người Troizen và người Sikyon là xuất sắc hơn cả.

---

[1]. Một môn võ tay không của người Hy Lạp cổ đại.

---

106. Khi người Hy Lạp đã giết phần lớn man tộc, một phần trong trận đánh và một số khác khi đang tháo chạy, họ liền phóng hỏa đốt các chiến thuyền địch cùng toàn bộ tường lũy, sau khi trước hết đã mang chiến lợi phẩm ra bờ biển. Bên cạnh những thứ khác, họ tìm thấy khá nhiều tiền. Rồi sau khi đã đốt tường lũy và chiến thuyền địch, họ dong buồm rời đi. Khi về tới Samos, những người Hy Lạp bàn bạc về việc di chuyển cư dân Ionia đi nơi khác, và cân nhắc xem họ nên đưa những người này tới định cư ở đâu trên vùng lãnh thổ Hy Lạp họ nắm quyền kiểm soát, và bỏ lại Ionia cho man tộc, bởi họ thấy rõ ràng rằng một mặt họ không thể luôn đóng quân ở đó để bảo vệ người Ionia, và mặt khác nếu người Hy Lạp không đóng quân ở đó để bảo vệ họ, khó có hy vọng người Ionia có thể thoát khỏi sự trừng phạt của người Ba Tư. Bởi thế, người Peloponnesos cho rằng họ nên trục xuất cư dân tại các thương cảng thuộc về những người Hy Lạp đã đứng về phía người

Media, rồi giành những vùng đất ấy làm nơi cư trú cho người Ionia. Nhưng người Athenai không nghĩ nên di chuyển cư dân Ionia, cũng như người Peloponnesos không nên quản tới các thuộc địa của Athenai. Bởi người Athenai cực lực phản đối đề xuất, người Peloponnesos đành nhượng bộ. Vậy là cuối cùng họ đưa người Samos, người Khios, người Lesbos, cũng như các đảo dân khác có tham chiến cùng người Hy Lạp vào làm các đồng minh, ràng buộc những tộc người này bằng cam kết và những lời thề trung thành không rút lui khỏi liên minh. Sau khi ràng buộc các tộc người này bằng những lời thề, họ dong buồm về phía Hellespontos nhằm phá hủy các cây cầu, vì cho rằng chúng vẫn còn bắc qua eo biển.

107. Trong thời gian đó, man tộc đã đào thoát được và tháo chạy tới các ngọn núi ở Mykale, với số lượng chẳng mấy đông đảo, đang trên đường tới Sardis. Và khi họ đang ở trên đường, Masistes, con trai Dareios, người đã có mặt khi tai họa giáng xuống đầu họ, đã nói rất nhiều điều xấu xa về tướng Artayntes, và bên cạnh những điều khác, ông ta nói rằng về năng lực chỉ huy, viên tướng đã chứng tỏ mình còn tệ hại hơn cả một người đàn bà, và Artayntes đáng phải chịu mọi tai ương vì đã đem tai ương đến cho hoàng gia. Với người Ba Tư, bị gọi là tệ hại hơn cả một người đàn bà là lời chê trách ghê gớm nhất. Vậy là Artayntes, sau khi đã bị nhục mạ thậm tệ, cuối cùng cũng nổi giận và rút kiếm xông tới chỗ Masistes, muốn giết vị hoàng tử. Trong khi viên tướng đang lao tới chỗ ông ta, Xenagoras con trai Praxilaos, một người Halikarnassos, lúc ấy đứng ngay sau lưng Artayntes, phát hiện ra chuyện này. Người này liền ôm lấy hông viên tướng, nhấc bổng ông ta lên rồi quật xuống đất. Cùng lúc, những tay giáo của Masistes xông lên phía trước che chắn cho hoàng tử. Xenagoras đã hành động như vậy, và nhờ thế mà nhận được sự hàm ơn cả từ Masistes lẫn từ Xerxes vì đã cứu mạng em trai nhà vua. Vì hành động này, Xenagoras được nhà vua ban cho quyền cai trị cả vùng Kilikia.

Không có thêm biến cố nào khác xảy ra ngoài sự việc này khi những người Ba Tư đang trên đường cho tới lúc họ đến được Sardis. Vua Xerxes vốn đã lưu lại Sardis suốt từ khi ông từ Athenai tháo chạy về đây sau chiến bại trên biển.

108. Vào lúc ấy, trong khi nhà vua đang lưu lại Sardis, dường như ông trở nên say mê vợ của Masistes, người cũng đang có mặt ở đó. Và vì người phụ nữ không chịu tuân theo ý muốn của nhà vua như những thông điệp nhà vua gửi đến cho nàng, còn nhà vua thì lại không muốn dùng vũ lực vì tôn trọng người em trai Masistes,

và bởi thế cũng chùn tay trước người phụ nữ, vì nàng biết mình sẽ không bị đối xử bằng vũ lực. Vậy là Xerxes tiết chế tất cả những chuyện khác, và tìm cách thu xếp để con trai Dareios của mình cưới con gái của người phụ nữ này với Masistes, cho rằng nếu làm thế nhà vua sẽ có được nàng dễ dàng hơn. Sau khi tổ chức đính hôn và thực hiện tất cả các nghi lễ thông thường, nhà vua quay về Sousa. Khi về tới đó và cho đưa cô gái sẽ là vợ Dareios về cung điện của mình, nhà vua thôi không còn tìm cách chiếm đoạt vợ của Masistes nữa mà đổi ý chuyển sang thèm muốn người vợ của Dareios, con gái của Masistes, cô gái có tên là Artaynte.

109. Tuy nhiên, khi thời gian trôi đi, chuyện này lộ ra theo cách như sau: Amestris, vợ của Xerxes, đã dệt một tấm áo choàng rộng nhiều màu sắc, một tấm áo đáng để chiêm ngưỡng, và trao cho Xerxes. Nhà vua rất hài lòng, mặc áo lên người và tới gặp Artaynte. Rồi bởi cũng rất hài lòng với cô gái, nhà vua liền bảo nàng hãy yêu cầu thứ nàng muốn được trao cho mình để đổi lấy ân huệ nàng đã dành cho nhà vua, vì nàng xứng đáng nhận được bất cứ thứ gì nàng yêu cầu. Và cô gái, bởi số mệnh đã tiền định là nàng sẽ phải chết thê thảm cùng với cả nhà mình, liền nói với Xerxes như sau: "Bệ hạ sẽ ban cho thiếp bất cứ thứ gì thiếp yêu cầu từ bệ hạ chứ?" và nhà vua, cho rằng cô gái sẽ hỏi bất cứ điều gì khác chứ không phải thứ nàng sẽ yêu cầu, liền hứa như vậy và thề. Sau khi nhà vua đã thề, cô gái liền bạo gan đòi tấm áo choàng, và Xerxes đã cố bằng mọi cách để thuyết phục, bởi nhà vua không muốn trao nó cho cô gái, và không vì lý do nào khác ngoài việc nhà vua sợ Amestris, người vốn trước đây đã ít nhiều phong thanh về sự thật, có thể bắt quả tang mình. Nhà vua hứa tặng cô gái cả những thành phố hay vàng với số lượng bất kỳ, và một đạo quân mà không ai khác có thể chỉ huy ngoại trừ nàng. Lời hứa về một đạo quân này là một món quà lớn nhất người ta có thể đưa ra tại Ba Tư. Tuy vậy, vì không thể thuyết phục được cô gái, nhà vua đành đưa cho nàng tấm áo choàng; cô gái vô cùng thích thú với món quà đã mặc nó lên người và vô cùng tự hào.

110. Còn Amestris được cho hay là tấm áo choàng đã ở trong tay cô gái. Biết chuyện đã xảy ra, hoàng hậu không tức giận cô gái, mà cho rằng mẹ nàng là nguyên do và cũng chính là người đã xui khiến chuyện đó, bởi vậy Amestris âm thầm toan tính để hủy diệt người vợ của Masistes. Bà đợi cho tới khi chồng mình, vua Xerxes, tổ chức một yến hội hoàng gia. Yến hội này được tổ chức mỗi năm một lần vào ngày sinh của nhà vua, và tên gọi của nó theo tiếng Ba Tư là *tykta*, có nghĩa là "hoàn toàn" theo tiếng Hy Lạp, và chỉ vào dịp này nhà vua mới gội đầu và tặng quà cho những người Ba Tư. Như tôi đã nói, Amestris đợi đến ngày này rồi yêu cầu với

Xerxes giao người vợ của Masistes cho mình. Còn nhà vua cảm thấy giao vợ của em trai cho hoàng hậu là chuyện lạ lùng và khủng khiếp, nhất là khi vợ của Masistes hoàn toàn vô can trong việc này, bởi Xerxes hiểu vì sao hoàng hậu lại yêu cầu như vậy.

111. Tuy nhiên, rốt cuộc vì hoàng hậu tiếp tục khăng khăng hối thúc còn nhà vua bị ràng buộc bởi luật lệ quy định rằng bất cứ ai đưa ra lời yêu cầu nào trong yến hội hoàng gia cũng phải được như ý, cuối cùng Xerxes đành miễn cưỡng ưng thuận. Rồi nhà vua giao người phụ nữ cho Amestris và để bà làm theo ý muốn, đồng thời nhà vua cho gọi em trai tới và nói như sau: "Masistes, ngươi là con trai của Dareios và là em trai ta, ngoài ra ngươi còn là một người đàn ông đàng hoàng. Ta muốn nói với ngươi rằng hãy thôi tiếp tục sống với người vợ hiện tại của ngươi, thay vào đó ta sẽ ban cho ngươi con gái ta, và ngươi hãy sống với nàng như một người vợ, nhưng chớ giữ lại người vợ hiện tại, bởi theo ta sẽ không hay nếu ngươi tiếp tục giữ nàng ta".

Masistes, bàng hoàng trước những lời được nói với mình, đã trả lời như sau: "Bệ hạ, đề nghị của ngài thật lạ lùng. Bệ hạ yêu cầu thần phải xua đuổi một người vợ đã có với thần những đứa con trai đã trưởng thành, và những đứa con gái, trong đó có một người được bệ hạ lấy làm vợ cho con trai ngài, cũng chính là đứa con gái thần yêu quý nhất. Vậy mà bệ hạ yêu cầu thần xua đuổi người vợ đó đi để lấy con gái ngài làm vợ! Tâu bệ hạ, thần nghĩ việc thần được cho là xứng đáng với công chúa là một vinh hạnh lớn lao, dẫu vậy thần sẽ không làm những việc này. Và xin bệ hạ đừng dùng vũ lực bức ép thần phải làm chuyện như vậy. Công chúa sẽ tìm được một người chồng khác không kém gì thần về bất cứ mặt nào, còn về thần, cầu xin bệ hạ hãy để thần tiếp tục sống cùng vợ của thần". Masistes đã trả lời nhà vua ít nhiều như vậy, và Xerxes nổi giận nói như sau: "Vậy thì với ngươi, Masistes, sẽ là thế này: Ta sẽ không gả con gái ta cho ngươi làm vợ, mà ngươi cũng không được sống tiếp với người vợ hiện tại nữa, để ngươi học cách chấp nhận những gì được ban cho ngươi". Masistes khi nhận được câu trả lời liền lui ra sau khi đã nói như sau: "Bệ hạ, rõ ràng bệ hạ đã không hủy diệt thần đấy chứ?"

112. Trong thời gian này, khi Xerxes đang nói chuyện với em trai, Amestris đã phái những tay giáo của Xerxes đi bắt vợ của Masistes, và hành hạ người phụ nữ này một cách tàn tệ bằng việc xẻo vú, mũi, tai, và môi ném cho chó, xẻ lưỡi người phụ nữ rồi trả về nhà.

113. Khi đó Masistes, vẫn chưa biết gì về những việc này, nhưng

đoán rằng có một tai họa đã rơi xuống đầu mình, liền hối hả chạy về nhà. Thấy vợ bị hành hạ như vậy, ông ta lập tức bàn bạc với các con trai và quyết định lên đường tới Baktria cùng các con trai và hẳn là cả những người khác nữa, với ý định khiến vùng Baktria nổi dậy và gây ra nhiều tổn hại nhất có thể cho nhà vua. Và theo tôi nghĩ hẳn chuyện này đã xảy ra nếu Masistes tới được vùng đất của người Baktria và người Sakai trước khi ông ta bị bắt, bởi những tộc người này rất gắn bó với ông ta, và Masistes cũng là tỉnh trưởng Baktria. Nhưng Xerxes khi được báo rằng em trai mình đang định làm vậy đã phái một đội quân đuổi theo Masistes khi ông ta đang trên đường, và giết chết cả Masistes, các con trai ông ta lẫn toán quân đi cùng ông ta. Đây là những gì đã xảy ra với tình cảm của Xerxes và cái chết của Masistes.

114. Người Hy Lạp đã từ Mykale tiến quân tới eo Hellespontos trước hết thả neo gần Lekton do phải dừng cuộc hải hànhvì gió. Rồi tiếp theo họ tới Abydos và phát hiện ra rằng các cây cầu họ nghĩ vẫn bắc ngang qua eo biển, và vì chúng mà họ dong buồm tới Hellespontos, đều đã bị vỡ. Vậy là người Peloponnesos và Leotykhides quyết định quay thuyền trở về Hy Lạp, trong khi người Athenai và Xanthippos chỉ huy của họ quyết định ở lại đó và tìm cách tấn công Khersonesos. Người Peloponnesos sau đó rời đi, còn người Athenai từ Abydos tới Khersonesos và bắt đầu vây hãm Sestos.

115. Đây là thành lũy lớn nhất ở vùng đó, cư dân ở các thành phố nằm quanh nơi này đã dồn cả về đây khi họ nghe tin quân Hy Lạp đã tới eo Hellespontos, và nhất là từ thành phố Kardia có một người Ba Tư tên là Oiobazos đến đây, người này đã mang tới Sestos những dây thừng dùng cho các cây cầu. Cư dân thành phố là người Aiolis, người bản địa của vùng này, nhưng cùng sống với họ ở đây có một số lượng lớn người Ba Tư và cả các đồng minh của người Ba Tư.

116. Cai trị tỉnh này là Artayktes, một người Ba Tư, tỉnh trưởng dưới quyền Xerxes. Là người có tính cách liều lĩnh và bất cẩn, Artayktes đã lừa dối nhà vua khi hành quân tấn công Athenai với việc lấy đi từ Elaious những thứ thuộc về Protesilaos, con trai Iphiklos. Bởi tại Elaious ở Khersonesos có ngôi mộ của Protesilaos với một thánh địa ở cạnh đó, tại nơi này có nhiều châu báu, chén vàng và bạc, đồ thanh đồng, trang phục và nhiều lễ vật khác, tất cả đã bị Artayktes cướp đoạt mang đi sau khi nhà vua đã ưng thuận ban chúng cho ông ta. Và ông ta đã lừa gạt Xerxes bằng cách nói với nhà vua những lời như thế này: “Bệ hạ, đây là nhà của một người Hy Lạp đã tổ chức một cuộc viễn chinh xâm lược đất

đai của người rồi phải chịu số phận xứng đáng và bị giết. Thần xin bệ hạ hãy ban nhà của y cho thần, để tất cả mọi người thấy làm gương mà chớ xâm phạm tới đất đai của bệ hạ". Bằng cách nói như vậy, hẳn là ông ta có thể dễ dàng thuyết phục Xerxes ban cho mình ngôi nhà của một người xa lạ mà không hề nghi ngờ mục đích trong đầu ông ta. Và khi Artayktes nói Protesilaos đã viễn chinh xâm lược đất đai của nhà vua, cần phải hiểu rằng người Ba Tư coi toàn bộ châu Á là đất đai của họ, thuộc về vị vua đang trị vì của họ. Bởi vậy khi những thứ đó đã được ban cho ông ta, Artayktes liền mang chúng từ Elaious về Sestos, còn ông ta trồng trọt và thả gia súc trong thánh địa, và bản thân ông ta mỗi khi tới Elaious lại giao hoan với phụ nữ trong đền. Và lúc này Artayktes bị người Athenai vây hãm khi ông ta không hề có bất cứ chuẩn bị nào để đón nhận một cuộc hãm thành cũng không trông đợi người Hy Lạp sẽ tới; bởi họ ập tới chỗ ông ta, như người ta có thể nói, một cách bất ngờ.

117. Khi cuộc vây hãm kéo dài đến cuối thu, người Athenai bắt đầu khó chịu về chuyện phải xa nhà đồng thời lại không thể chiếm được tòa thành, và họ đề nghị các tướng lĩnh dẫn họ về nhà. Song các tướng lĩnh nói họ sẽ không làm như vậy cho tới khi hoặc đạo quân Athenai đã chiếm được thành phố, hoặc chính quyền của người Athenai triệu hồi họ, vậy là người Athenai tiếp tục chịu đựng tình trạng khi đó của họ.

118. Song những người bị vây hãm trong thành lúc ấy cũng đã lâm vào tình cảnh cùng quẫn, đến mức họ phải tháo đai giường đem luộc làm thức ăn. Và khi ngay cả thứ này cũng không còn nữa, những người Ba Tư, cùng với họ là cả Artayktes và Oiobazos, liền tháo chạy vào ban đêm, leo xuống bức tường thành phía sau, nơi những kẻ bao vây để lại ít canh phòng nhất. Và đến khi trời sáng, từ trên các tòa tháp của thành, người Khersonesos báo với người Athenai về chuyện đã xảy ra và mở cửa thành ra cho người Athenai. Vậy là đa số quân Athenai lên đường đi truy kích kẻ địch, phần còn lại vào chiếm thành phố.

119. Oiobazos, khi tháo chạy tới Thraike, đã bị người Thraike Apsinthioi bắt và giết để hiến sinh dâng lên vị thần bản địa Pleistoros của họ với các nghi thức đi kèm, những người còn lại bị bắt cùng anh ta thì bị giết theo một cách khác. Song Artayktes cùng những người đồng hành với ông ta, những người bắt đầu tháo chạy muộn hơn và bị bắt kịp ở quá Aigospotamoi một quãng ngắn đã tự vệ trong một thời gian đáng kể rồi một số bị giết, số khác bị bắt sống. Người Hy Lạp trói những kẻ bị bắt lại và giải họ về Sestos, trong số này có cả Artayktes bị trói cùng với con trai ông

ta.

120. Khi đó, theo người Khersonesos kể lại, lúc một người trong số các lính canh những tù binh này đang rán cá khô, một điềm báo đã diễn ra như sau: Những con cá khô khi được để lên bếp lửa bắt đầu nhảy lên và giãy giụa như thể chúng là cá còn sống vừa mới bắt được. Những người lính canh còn lại xúm quanh lấy làm kinh ngạc trước điềm lạ này, song Artayktes khi thấy chuyện này liền gọi người đang rán cá và nói: "Hỡi người Athenai xa lạ, đừng sợ điềm báo này, hãy biết rằng nó xuất hiện không phải vì ngươi mà vì ta. Thông qua điềm báo này, Protesilaos người Elaious muốn báo rằng cho dù ông ta đã chết và thi thể đã khô như những con cá kia, song các vị thần đã ban cho ông ta sức mạnh để trả thù kẻ đã nhục mạ ông ta. Bởi thế, ta mong muốn trả hình phạt này trước ông ta, đó là để đền lại những gì ta đã lấy từ ngôi đền, ta sẽ dâng 100 *talanta* lên thần linh, rồi thêm nữa để chuộc mạng cho bản thân ta và con trai, ta sẽ trả cho người Athenai 200 *talanta* nếu ta được tha mạng". Ông ta đề nghị làm vậy, nhưng không thể thuyết phục được tướng Xanthippos bởi người Elaious mong muốn báo thù cho Protesilaos đã đòi phải xử tử Artayktes, và bản thân viên tướng cũng có ý định như vậy. Thế là họ đưa ông ta tới mũi đất nơi Xerxes đã vượt qua eo biển, hoặc, theo lời kể của một số người, tới ngọn đồi nhìn xuống thành phố Madytos. Tại đó họ đóng đinh ông ta lên tấm ván rồi treo ông ta lên, rồi ném đá người con trai đến chết ngay trước mắt ông ta.

121. Xong việc, người Athenai dong buồm trở về Hy Lạp,đem theo cùng với họ, bên cạnh những thứ khác, cả những cuộn thừng của các cây cầu để làm lễ vật tại các ngôi đền, và trong năm đó không có thêm gì xảy ra sau những sự kiện này.

122. Tổ tiên của Artayktes này là Artembares, người đã đưa ra cho người Ba Tư một đề xuất mà họ thu nhận và trình ra trước Kyros, cụ thể như sau: "Bởi thần Zeus đã ban quyền cai trị người Ba Tư cũng như tất cả tộc người cho bệ hạ, hỡi Kyros, bằng việc phế truất Astyages, bởi miền đất chúng ta sở hữu nhỏ bé và cũng cằn cỗi, chúng ta hãy rời tới sống ở một miền đất khác tốt đẹp hơn, và có rất nhiều miền đất nằm ở ngay gần trong tầm tay, cũng như nhiều miền đất khác nằm ở cách xa hơn. Trong số những miền đất này, nếu chúng ta chiếm lấy một, chúng ta sẽ có được sự kính ngưỡng lớn hơn và từ nhiều người hơn. Cũng là hợp lẽ khi những người là vua nên làm những việc như thế, bởi liệu bao giờ sẽ có một cơ hội thuận lợi hơn bây giờ, khi chúng ta cai trị rất nhiều dân tộc và toàn châu Á đây?"

Kyros, nghe được những lời này và không hề ngạc nhiên trước lời đề xuất, liền bảo họ hãy làm như thế nếu muốn, nhưng nhà vua khuyên nhủ họ, bảo họ hãy sẵn sàng bởi khi đó họ không còn là người cai trị nữa mà là kẻ bị cai trị. "Bởi", nhà vua nói, "từ những miền đất không cằn cỗi thường cũng sinh ra những con người không rắn rỏi, bởi cùng một miền đất không thể đồng thời sinh ra cả quả ngọt lẫn những chiến binh tài giỏi". Vậy là người Ba Tư thừa nhận nhà vua có lý rồi lui ra, sau khi quan điểm của họ đã bị quan điểm của Kyros đánh bại, và họ lựa chọn thà sống ở một miền đất cằn cỗi nhưng là kẻ cai trị, còn hơn trồng trọt ở một vùng đất bằng phẳng nhưng phải làm nô lệ cho kẻ khác.

DANH MỤC BIẾN CỐ THEO TRÌNH TỰ XUẤT HIỆN TRONG TÁC PHẨM LỊCH SỬ

Chương	Biến cố	Niên đại ước tính (TCN)
	QUYỂN 1	
7-12	Gyges giết Kandaules, trở thành vua Lydia	716
13-14	Gyges được dự ngôn giả Delphoi xác nhận, thời kỳ trị vì của Gyges	716-678
15	Thời kỳ trị vì của Ardys	678-629
16-17	Thời kỳ trị vì của Sadyattes	629-617
18-22	Thời kỳ trị vì của Alyattes	617-560
25	Các lễ vật của Alyattes tại Delphoi	617-560
26-92	Thời trị vì của Kroisos	560-547/546
46-56	Kroisos quyết định tấn công Ba Tư, thử thách các dự ngôn giả	khoảng 550
59-64	Peisistratos trở thành tiếm chúa Athenai	(561-556, 555, 546-528)

69-70	Người Sparta đồng ý trợ giúp Kroisos	548-547
71-73	Quân Lydia vượt sông Halys tiến vào lãnh thổ Ba Tư	547
74-75	Thales dự đoán nhật thực (khoảng 585), nắn dòng sông Halys (khoảng 547)	
76-84	Quân Ba Tư truy đuổi quân Lydia tới Sardis và chiếm thành phố	khoảng 547-546
82	Trận đánh giữa người Sparta và người Argos	546
95-216	Câu chuyện về cuộc đời Kyros	?-530
96-101	Deiokes trở thành vua Media	khoảng 700-647
102	Thời trị vì của Phraortes, chinh phục Ba Tư và các dân tộc châu Á khác	647-625
103	Thời trị vì của Kyaxares (624-585), trận đánh lúc nhật thực (585), thất bại khi tấn công Ninos	
106	Kyaxares đánh bại người Skythia, chiếm Ninos từ người Assyria	612
107-113	Thời trị vì của Astyages, tìm cách giết Kyros còn thơ ấu	584-550
123-127	Kyros trở thành vua Ba Tư, chuẩn bị đánh người Media	559-550
128-130	Kyros đánh bại Astyages, trở thành vua châu Á	550
141	Bị Kyros đe dọa, người Ionia phòng thủ các thành phố của họ	546
152-153	Người Sparta cảnh cáo Kyros. Kyros hỏi, "Những người Sparta là ai?"	546 (?)
154-160	Cuộc nổi dậy của người Lydia bị đánh bại	545
161-173	Người Ba Tư chinh phục các thành phố của người Hy Lạp và của các dân tộc khác tại châu Á	545
163-167	Người Phokaia đi thuyền tới Sardo, giao chiến với người Tyrrhenia và Karkhedon	545-539
178-183	Kyros tấn công Babylon	539
188-191	Kyros chiếm được Babylon	539

205-213	Kyros tấn công người Massagetai	530
214	Quân Ba Tư bại trận, Kyros tử trận	530
	QUYỂN 2	
1	Kambyses kế vị Kyros, chuẩn bị tấn công Ai Cập	530
2-3	Psammetikhos xác định Phrygia là giống người lâu đời nhất	664-610
4	Min là vua đầu tiên của Ai Cập	khoảng 3000
53	Homeros và Hesiodos dạy người Hy Lạp 400 năm trước	khoảng 850
99-182	Lịch sử Hy Lạp từ Min tới Sethos	3000 (?)-690
101	Thời trị vì của vua Moiris	1844-1797
124-134	Các vua Kheops, Khephren, Mykerinos xây kim tự tháp	2596-2511
136	Thời trị vì của vua Asykhis	945-924
137-140	Vua mù Anysis và vua Sabakos của Aithiopia	716-702
141	Vua Sethos đẩy lui người Assyria bằng chuột	702-690
158-159	Thời trị vì của Nekos	610-595
172-182	Thời trị vì của Amasis	570-526
	QUYỂN 3	
1-38	Thời trị vì của Kambyses, cuộc chinh phục Ai Cập	530-522
1-4	Kambyses quyết định tấn công Ai Cập	525
5-9	Người Arabia tích trữ nước, cho phép quân đội Ba Tư vượt qua sa mạc	525
10	Amasis qua đời, Psammenitos kế vị và phòng thủ Ai Cập	526
11-13	Kambyses chinh phục Ai Cập, Kyrene, Barka; người Libya hàng phục	525
14-16	Kambyses trừng phạt Psammenitos và xác Amasis	525
17-19	Kambyses lên kế hoạch tấn công người Aithiopia, Karkhedon, và Ammonioi	524

25-26	Các đạo quân viễn chinh của Kambyses tới người Aithiopia và Ammonioi thất bại	524
39-60	Người Sparta gây chiến với Polykrates trên đảo Samos	525
39-43	Tiếm chúa Polykrates; vận may và quan hệ thân hữu của ông ta với Amasis	525
44-47	Polykrates phái chiến thuyền giúp Kambyses, khiến người Sparta tức giận	525 (?)
54-56	Cuộc vây hãm Samos của người Sparta thất bại	525
57-59	Người Samos tấn công Siphnos, định cư ở Kydonia, Krete	524 (?)
61-87	Cuộc mưu phản của các Magoi, thời trị vì của Smerdis giả hiệu, Dareios chiếm ngôi vua	522-521
61-64	Prexaspes suy đoán rằng vị vua mới là gã Magos có tên Smerdis	522
64-66	Kambyses tự gây thương tích và chết	522
67-69	Magos trị vì, con gái Otanes phát giác vua mới là Magos	521
70-75	Mưu đồ của bảy người do Dareios cầm đầu, cái chết của Prexaspes	521
76-79	Những người dự mưu giết Smerdis và nhiều Magoi khác	521
80-88	Tranh luận về hình thức chính quyền, quân chủ chế thắng thế. Mưu kế của Dareios	521
88-160	Thời trị vì của Dareios	521-486
118-119	Dareios xử tử Intaphernes	521
120-125	Oroites lừa Polykrates tới Sardis và giết ông ở đó	517/16
126-128	Dareios sai Bagaios giết Oroites một cách khôn ngoan và kín đáo	516
139-140	Dareios chiếm Samos	515
140-149	Người Ba Tư chinh phục và tàn phá Samos, đưa Syloson lên cai trị Samos	515

150-160	Babylon nổi dậy, bị chinh phục trở lại. Zopyros tự hành xác để thi hành khổ nhục kế	522-521
	QUYỂN 4	
83-142	Dareios tấn công người Skythia	513
83	Artabanos cố thuyết phục Dareios không tấn công Skythia	513
84	Dareios xử tử cả ba con trai của Oiobazos	513
87	Quy mô đạo quân của Dareios	513
88	Dareios thưởng Mandrokles người Samos vì đã chỉ huy bắc cầu phao	513
89-98	Đạo quân của Dareios tới sông Istros	513
102	Người Skythia phái sứ giả tới các dân tộc láng giềng để thống nhất phòng thủ	513
118-120	Kế hoạch của người Skythia	513
121-142	Chiến cuộc : người Ba Tư không thể thắng, bị quấy rối, tập kích	513
136-140	Người Ionia từ chối phá hủy cây cầu qua sông Istros theo đề nghị của người Skythia	513
141-143	Người Ba Tư đào thoát tới Thraike nhờ cây cầu qua sông Istros	513
144	Megabazos khuất phục tất cả các dân tộc ở Hellespontos	513
155-159	Theo dự ngôn giả ở Delphoi, Battos lập thành Kyrene	630-571
160-167	Xung đột dẫn tới can thiệp của một đạo quân Ba Tư từ Ai Cập tới	515-513
200-204	Người Ba Tư vây hãm Kyrene, chiếm thành bằng mưu trí; Pheretima báo thù	513
	QUYỂN 5	
1-27	Chiến dịch của Dareios ở châu Âu	512-511
2	Megabazos chinh phục Perinthos, khuất phục Thraike	512

11-16	Dareios thưởng các tiếm chúa, đưa người Paionia tới định cư ở châu Á	512-511
17-21	Amyntas đồng ý với đòi hỏi của Ba Tư, con trai ông này giết sứ đoàn Ba Tư	510
22-25	Dareios đem theo Histiaios tới Sousa sau khi được Megabazos thuyết phục	510
Từ 30 quyển 5 tới 33 quyển 6	Cuộc nổi dậy của người Ionia	499-494
30-34	Aristagoras thuyết phục người Ba Tư tấn công Naxos. Cuộc tấn công thất bại	500-499
35	Histiaios gửi thông điệp xăm trên đầu tín sứ. Aristagoras mưu nổi dậy	499
36-38	Cuộc nổi dậy bắt đầu, các tiếm chúa bị bắt, lực lượng nổi dậy phái sứ đoàn tới Sparta	499
39-54	Aristagoras cầu cứu Kleomenes, vua Sparta	499
49-51	Gorgo chấm dứt cuộc thương lượng giữa Aristagoras và Kleomenes	499
62-63	Các Alkmaionidai mua chuộc dự ngôn giả ở Delphoi, đạo quân Sparta thứ nhất bị đẩy lùi	511
64-65	Quân Sparta dưới quyền Kleomenes đánh đuổi Hippias	510
66-69	Kleisthenes cải cách các demoi, mở rộng danh sách bầu cử, lập ra 10 bộ lạc mới	508/07
67-68	Các chính sách của Kleisthenes người Sikyon	khoảng 590
70	Kleomenes quay lại nhưng bị người Athenai đánh đuổi	508/07
71	Kylon mưu toan trở thành tiếm chúa Athenai nhưng thất bại	632
72	Kleomenes tìm cách đưa Isagoras lên cầm quyền nhưng lại bị đánh đuổi	507

73	Sứ đoàn Athenai dâng đất và nước cho Ba Tư để kết đồng minh	507
74-76	Kleomenes lại thử can thiệp vào Athenai, nhưng vua Demaratos từ bỏ cuộc can thiệp	506
77-81	Athenai hùng mạnh nhờ dân chủ chế, đánh bại Thebai và Khalkis	506-505
82-89	Bất hòa với Epidauros dẫn Aigina tới xung đột cùng Athenai	498
90-93	Kleomenes lại thử giúp Hippias. Các đồng minh từ bỏ ông ta	504
94-96	Hippias lưu vong ở Sigeion, mưu đồ với người Ba Tư	504
97	Người Athenai biểu quyết giúp đỡ Aristagoras, cử đi 20 chiến thuyền	500/499
99-102	Người Ionia chiếm và đốt phá Sardis nhưng bị đánh bại ở Ephesos	498
103	Các thành phố ở Hellespontos và Karia liên minh với người Ionia	498
104-116	Kypros nổi dậy chống lại Ba Tư song bị đánh bại cả trên đất liền và trên biển	497-496
117-123	Người Ba Tư chiếm lại Hellespontos, Karia, Aiolis và Ionia	497-495
124-126	Aristagoras chạy tới Thraike và bị người Thraike giết	497-496
QUYỂN 6		
1-5	Histiaios tới Ionia và bị Artaphernes buộc tội	496-494
6-8	Người Ba Tư tập trung quân ở Miletos. Người Ionia quyết định giao chiến trên biển	494
9	Các tiếm chúa cũ hứa hẹn rộng lượng với người Ionia nếu họ đầu hàng	494
10-12	Dionysios người Phokaia huấn luyện hạm đội Ionia. Người Ionia không thích ông này	494

13-15	Chiến thuyền Samos bỏ chạy khi giao chiến mở màn, các đội quân Ionia khác cũng tháo chạy	494
16	Người Ephesos tàn sát thủy thủ đoàn các thuyền Khios vì nghĩ họ là cướp biển	494
17	Dionysios người Phokaia trở thành cướp biển tấn công các man tộc	494
18-20	Người Ba Tư chiếm Miletos, bắt cư dân làm nô lệ, đem họ định cư ở nơi khác	494-?
21	Phrynikhos bị Athenai phạt vì vở kịch nhắc tới việc Miletos thất thủ	493/92
22-25	Người Samos tại Zankle; người Ba Tư khôi phục quyền lực cho con trai Syloson	494
26-30	Histiaios bị người Ba Tư bắt và xử tử	494
31-33	Người Ba Tư chinh phục các hòn đảo gần lãnh thổ của họ và các thành phố còn lai	493
34-38	Miltiades con trai Kypselos trở thành tiếm chúa Khersonesos	555-519
39	Hippias phái Miltiades con trai Kimon tới làm tiếm chúa Khersonesos	516
40	Miltiades chạy trốn khỏi người Skythia rồi trở lại cai trị ở Khersonesos	510 496-493
41	Miltiades chạy trốn khỏi hạm đội Ba Tư	493
42-45	Dareios khôi phục hòa bình và cống nạp lện người Ionia. Mardonios phế truất các tiếm chúa Ionia, thiết lập nền dân chủ. Hạm đội Ba Tư bị phá hủy ngoài khơi Athos	493-492
46-48	Dareios ra lệnh cho người Thasos giải giáp vũ khí, họ tuân theo	491
49	Athenai tấn công Aigina	491
50-93	Kleomenes, vua Sparta	521-491

64-72	Kleomenes và Leotykhides mưu đồ phế truất Demaratos. Leotykhides bị lưu đày	495-491
73-75	Kleomenes bỏ chạy, được đưa trở lại, hóa điên và tự sát	491
76-84	Chiến thắng thông minh của Kleomenes tại Sepeia tiêu diệt người Argos	494
85-124	Các biến cố diễn ra năm 490 TCN	490
132-136	Miltiades tấn công Paros thất bại, bị chết vì các vết thương	489
137-140	Người Pelasgoi bị trục xuất khỏi Attika, sau đó bị Miltiades xua đuổi khỏi Lemnos	496
QUYỂN 7		
1-7	Dareios tổ chức một đạo quân nữa tấn công Hy Lạp, nhưng Ai Cập nổi dậy. Dareios qua đời, Xerxes lên ngôi vua, dẹp tan cuộc nổi dậy	489-485
8-19	Người Ba Tư bàn bạc có nên tấn công Hy Lạp hay không	484
20-25	Đào kênh qua núi Athos. Dây thừng để làm cầu. Lập các kho tàng	483-481
32	Các truyền lệnh sứ đòi đất và nước được phái tới tất cả các thành bang ngoại trừ Athenai và Sparta	480
33-37	Bắc cầu qua eo Hellespontos. Trú đông tại Sardis	482-481
38-239	Các biến cố đều diễn ra trong năm 480 TCN	480
QUYỂN 8		
1-129	Các biến cố diễn ra trong năm 480 TCN	480
130	Hạm đội Ba Tư qua mùa đông ở Samos	480/479
131-144	Các biến cố diễn ra năm 479 TCN	479
QUYỂN 9		
1-121	Các biến cố diễn ra năm 479 TCN	479

DANH MỤC BIẾN CỐ THEO TRÌNH TỰ XUẤT HIỆN TRONG TÁC PHẨM LỊCH SỬ

QUYỂN 1 (KLEIO)	
1-5	Các nguyên nhân của chiến tranh giữa Hy Lạp và Ba Tư – truyền thuyết
6-25	Các nguyên nhân của chiến tranh giữa Hy Lạp và Ba Tư – Lịch sử những hành động gây hấn của Kroisos – Lịch sử quá khứ của Lydia
26-28	Các cuộc chinh phạt của Kroisos
29-33	Solon tới thăm triều đình của Kroisos
34-45	Câu chuyện về Adrastos và Atys
46-55	Công cuộc chuẩn bị chống lại Kyros của Kroisos – Tham vấn các dự ngôn giả
56-58	Kroisos tìm kiếm một đồng minh Hy Lạp – người Hy Lạp và người Pelasgoi
59-64	Thành bang Athenai dưới thời Peisistratos
65-68	Sơ kỳ lịch sử của Sparta
69-70	Liên minh của Athenai với Sparta
71	Kroisos được cảnh báo
72-85	Kroisos xâm lăng Kappadokia – Cuộc chiến của ông ta với Kyros
86-87	Kroisos gặp nguy hiểm và được giải thoát
88-89	Lời khuyên của Kroisos với Kyros
90-91	Thông điệp của Kroisos gửi dự ngôn giả ở Delphoi
92	Các lễ vật của Kroisos
93	Các kỳ quan của xứ Lydia

94	Lối sống và phong tục của người Lydia
95	Lịch sử về Kyros – Đế quốc Assyria cổ xưa – Cuộc nổi dậy của người Media
96-107	Sơ kỳ lịch sử của Media
108-122	Kyros ra đời và lớn lên
123-124	Kêu gọi nổi dậy
125-126	Kyros thăm dò suy nghĩ của người Ba Tư – 10 bộ tộc Ba Tư
127-130	Nổi dậy và tranh đấu
131-140	Phong tục của người Ba Tư
141	Kyros đe dọa người Ionia gốc Hy Lạp
142-151	Về các khu định cư của người Hy Lạp ở châu Á
152	Sparta can thiệp để bảo vệ người Hy Lạp
153-157	Sardis nổi dậy và bị khuất phục
158-160	Số phận của Paktyes
161-170	Chinh phục người Hy Lạp ở châu Á
171-176	Người Karia, Kaunos và Lykia bị tấn công – phong tục của họ – họ khuất phục người Ba Tư
177	Những cuộc chinh phục của Kyros ở phía bắc châu Á
178-187	Mô tả về Babylon
188-190	Kyros hành quân tới Babylon
191	Babylon thất thủ
192-193	Mô tả về người Babylon
194-200	Phong tục của người Babylon
201	Cuộc viễn chinh tấn công người Massagetai của Kyros
202	Sông Araxes
203-204	Người Kaspioi
205-206	Tomyris – đề nghị cho Kyros
207-208	Lời khuyên của Kroisos được Kyros nghe theo
209-210	Giấc mơ của Kyros
211-214	Hai trận đánh với người Massagetai – Kyros thất bại và tử trận
215	Lối sống và phong tục của người Massagetai

QUYỂN 2 (EUTERPE)	
1	Kambyses lên ngôi, xâm lược Ai Cập
2	Mô tả về Ai Cập – thời cổ xưa
3	Các nguồn khảo cứu
4	Các phát kiến
5-13	Mô tả về vùng đất Ai Cập
14	Nông nghiệp
15-18	Biên giới
19-27	Sông Neilos – các nguyên nhân gây lụt
28	Các nguồn của sông Neilos
29-31	Thượng du sông Neilos
32	Nội địa Libya
33-34	So sánh sông Neilos và sông Istros
35-36	Phong tục của người Ai Cập – sự lạ lùng của họ
37-48	Các phong tục về tôn giáo
49-57	Liên hệ về tôn giáo giữa Ai Cập và Hy Lạp
58-64	Các lễ hội Ai Cập
65-67	Các loài động vật thiêng
68-70	Cá sấu
71	Hà mã
72	Rái cá, cá, v.v
73	Phượng hoàng
74-75	Các loài rắn thiêng và rắn có cánh
76	Cò quăm
77-80	Cuộc sống hằng ngày của người Ai Cập
81	Trang phục
82	Thần linh
83	Tiên tri
84	Y thuật
85-90	Tang lễ
91	Thờ phụng Perseus
92-95	Phong tục của cư dân đầm lầy

96	Thuyền Ai Cập
97	Các tuyến đường vào mùa lụt
98	Anthylla và Arkhandroupolis
99	Lịch sử Ai Cập – Min
100-101	Những người kế vị Min – Nitokris – Moiris
102-110	Sesostris – các cuộc chinh phạt – các thành quả ở Ai Cập
111	Con trai ông, Pheros
112-120	Proteus-câu chuyện về Helene
121-122	Rhampsinitos
123	Thuyết luân hồi của người Ai Cập
124-126	Kheops – kim tự tháp của ông
127-128	Khephren
129-133	Mykerinos
134-135	Kim tự tháp của Mykerinos – câu chuyện về Rhodopis
136	Asykhis
137-140	Anysis – Sabakos
141	Sethos – cuộc xâm lăng của Sennakherib
142-143	Số các vua
144-146	Quan niệm của Hy Lạp và Ai Cập về tuổi các vị thần
147-152	Mười hai vị vua
153-157	Psammetikhos
158-159	Nekos, con trai Psammetikhos
160	Psammis, con trai Nekos
161-169	Apries, con trai Psammis – cuộc phế truất ông này
170	Mộ của Osiris
171	Những bí ẩn của Ai Cập
172-177	Thời trị vì của Amasis
178-182	Những ân huệ của Amasis cho người Hy Lạp
QUYỂN 3 (THALEIA)	
1-3	Các nguyên nhân xung đột giữa Ba Tư và Ai Cập – câu chuyện về Nitetis
4	Trợ giúp của Phanes

5-9	Tuyến đường qua sa mạc
10	Cuộc xâm lăng Ai Cập – vua Psammetikhos
11	Những đứa con của Phanes bị sát hại – trận Pelousion
12	Xương sọ của người Ai Cập và người Ba Tư
13	Vây hãm và chiếm Memphis – người Libya và người Kyrene quy phục
14-15	Số phận của Psammetikhos
16	Số phận xác ướp của Amasis
17-18	Những cuộc viễn chinh được Kambyses lên kế hoạch
19	Người Phoinike từ chối tấn công Karkhedon
20-24	Sứ đoàn tới chỗ người Aithiopia
25	Cuộc viễn chinh thất bại
26	Thất bại của cuộc viễn chinh chống lại Ammon
27-29	Sự nghiệt ngã của Kambyses với người Ai Cập
30-35	Cách cư xử đáng phẫn nộ của Kambyses với người Ba Tư
36	Cách Kambyses đối xử với Kroisos
37-38	Sự điên rồ của Kambyses
39-43	Câu chuyện về Polykrates – quan hệ của ông này với Amasis
44	Polykrates phái thuyền tới hỗ trợ Kambyses
45	Cuộc nổi loạn của các thủy thủ đoàn – Samos bị tấn công
46-47	Tìm kiếm trợ giúp từ Sparta và Korinthos
48-53	Câu chuyện về Periandros
54-56	Cuộc vây hãm Samos
57-59	Số phận những kẻ nổi loạn
60	Các kỳ quan của Samos
61	Mưu phản của hai Magoi – cuộc tiếm ngôi của Smerdis giả mạo
62-66	Tin mưu phản đến tai Kambyses – vết thương, lời trăng trối và cái chết của Kambyses
67	Thời kỳ cai trị của Magoi
68-69	Magoi bị Otanes phát giác
70	Âm mưu của Otanes – Dareios xuất hiện
71-73	Cuộc tranh luận của những người dự mưu

74-75	Số phận của Prexapes
76-79	Lật đổ Magoi
80-82	Cuộc tranh luận về hình thức chính quyền tốt nhất
83	Quyết định của Otanes
84	Đặc quyền của sáu người dự mưu
85-87	Dareios giành vương quốc
88	Những người vợ của Dareios
89-93	Phân chia đế quốc thành 20 tỉnh (satrapeia)
94-97	Lượng cống nạp của các satrapeiai
98-105	Các phong tục của người Ấn Độ
106-116	Hoa lợi từ các miền đất cực địa
117	Sông Akes
118-119	Số phận của Intaphernes
120-125	Câu chuyện về Oroites và Polykrates
126-128	Oroites bị trừng phạt
129-130	Demokedes thành Kroton chữa khỏi bệnh cho Dareios
131	Cố sự của Demokedes
132-133	Ảnh hưởng của Demokedes – ông chữa khỏi bệnh cho Atossa
134	Atossa theo lời cầu xin của Demokedes đề nghị Dareios tấn công Hy Lạp
135-138	Người Ba Tư được phái đi thám hiểm các bờ biển – Demokedes đào thoát
139-149	Cuộc viễn chinh của người Ba Tư tới Samos để đưa Syloson lên cai trị
150-158	Babylon nổi dậy và bị khuất phục bởi mưu kế của Zopyros
159	Trừng phạt những kẻ nổi dậy
160	Phần thưởng của Zopyros
QUYỂN 4 (MELPOMENE)	
1	Cuộc viễn chinh tấn công Skythia của Dareios – cái cớ của nó
2-4	Lịch sử trước đó của người Skythia – chiến tranh giữa họ và các nô lệ của họ
5-7	Những truyền thuyết về nguồn gốc của người Skythia – lời kể của chính người Skythia

8-10	Những truyền thuyết về nguồn gốc của người Skythia – lời kể của người Hy Lạp
11-12	Những truyền thuyết về nguồn gốc của người Skythia – phiên bản tác giả tin tưởng nhất
13-16	Câu chuyện về Aristeas
17-20	Mô tả về Skythia
21-27	Các dân tộc láng giềng: Sauromatai, Boudinoi, Argippaioi, Issedones, và Arismapoi
28-31	Khí hậu Skythia
32-36	Các câu chuyện về người Hyperboreoi
37-41	Địa lý toàn cầu – mô tả về châu Á
42-43	Địa lý toàn cầu – hải hành vòng quanh Libya
44	Địa lý toàn cầu – chuyến đi của Skylax
45	Nguồn gốc tên gọi của châu Âu, châu Á, Libya
46-47	Những điểm đáng chú ý của Skythia – con người
48-50	Các dòng sông – sông Istros và các phụ lưu
51	Sông Tyras
52	Sông Hypanis
53	Sông Borysthenes
54-58	Các sông Pantikapes, Hypakyris, Gerrhos, Tanais, v.v
59	Tôn giáo của người Skythia – các vị thần
60-61	Các lễ hiến sinh
62-63	Thờ phụng thần Ares, v.v
64-66	Những phong tục chiến tranh
67-69	Những thầy bói
70	Những lời thề
71-73	Việc an táng các vị vua, v.v
74-75	Sử dụng cây gai dầu
76-80	Sự căm ghét các phong tục ngoại bang – câu chuyện về Anakharsis và Skyles
81	Dân số
82	Những điều kỳ lạ
83-85	Công cuộc chuẩn bị của Dareios

86	Kích thước của biển Euxeinos, Propontis, v.v
87-92	Cuộc hành quân của Dareios tới sông Istros
93-96	Phong tục của người Thraike
97-98	Dareios tại sông Istros
99-101	Diện tích và hình dạng của Skythia
102-117	Mô tả về các dân tộc xung quanh, Tauroi, v.v
118-119	Cuộc trao đổi của các vị vua
120	Kế hoạch của người Skythia
121-140	Cuộc hành quân của Dareios qua Skythia, và trở lại sông Istros
141-143	Vượt sông Istros quay trở về eo Hellespontos
144	Những lời nói của Megabazos
145-149	Cuộc viễn chinh Libya của Aryandes – Lập nên thành Thera
150-155	Người Thera được dự ngôn giả yêu cầu định cư trên khắp Libya – hai lời kể
156	Chiếm Platea
157	Định cư tại Aziris
158	Chiếm đóng và định cư ở Kyrene
159-164	Lịch sử Kyrene từ khi thành lập cho tới cái chết của Arkesilaos III
165	Pheretima cầu cứu Aryandes
166	Số phận của Aryandes
167	Cuộc viễn chinh tấn công Barka
168-181	Lời tường thuật về các bộ tộc Libya từ Ai Cập tới hồ Tritonis
182-185	Ba vùng của bắc Libya
186-190	Phong tục của người Libya
191-192	Sự trái ngược giữa miền đông và miền tây Libya
193-196	Lời thuật về các bộ lạc miền tây
197	Bốn dân tộc của Libya
198-199	Sản vật của Libya
200-203	Lời thuật về cuộc viễn chinh tấn công Barka
204	Số phận của người Barka
205	Cái chết của Pheretima

QUYỂN 5 (TERPSIKHORE)	
1-2	Megabazos chinh phục Thraike
3-8	Phong tục của người Thraike
9-10	Vùng phía bắc Thraike
11	Koës và Histiaios được tưởng thưởng
12-14	Câu chuyện về Pigres và Mastyes
15	Megabazos khuất phục người Paionia
16	Phong tục của người Paionia
17-21	Sự quy phục của Makedonia – câu chuyện về các sứ giả
22	Gốc gác Hy Lạp của hoàng gia Makedonia
23-24	Histiaios được triệu về
25	Bổ nhiệm Artaphernes và Otanes
26-27	Các cuộc chinh phạt của Otanes
28-29	Rắc rối xuất hiện ở Ionia – lịch sử trước đây của Miletos
30-34	Cuộc viễn chinh tấn công Naxos của Aristagoras
35	Thông điệp của Histiaios
36	Cuộc nổi dậy của Aristagoras
37-38	Số phận của các tiếm chúa
39-48	Aristagoras tới Sparta – lịch sử cận đại của Sparta
49-54	Aristagoras không thuyết phục được Kleomenes
55-96	Aristagoras tới Athenai – lịch sử cận đại của Athenai – vụ sát hại Hipparkhos – Hippias bị trục xuất – Kleisthenes – toan tính của Sparta – các cuộc chiến tranh với Thebai và Aigina, v.v
97	Aristagoras nhận được trợ giúp từ Athenai
98	Người Paionia đào thoát
99-101	Cuộc tấn công Sardis, thành phố bị chiếm và đốt phá
102	Người Hy Lạp rút lui và bị đánh bại
103	Cuộc nổi dậy lan rộng tới Karia và Kaunos
104-115	Cuộc nổi dậy tại Kypros – Kypros bị khuất phục – Dareios và Histiaios
116-117	Người Ba Tư chiếm lại eo Hellespontos
118-121	Chiến tranh tại Karia
122-123	Thành công của người Ba Tư tại Aiolis và Ionia

124	Aristagoras quyết định chạy trốn
125	Lời khuyên của Hekataios
126	Cuộc chạy trốn và cái chết của Aristagoras
QUYỂN 6 (ERATO)	
1-3	Histiaios tới vùng bờ biển
4	Âm mưu bị phát giác tại Sardis
5	Histiaios đi thuyền tới Hellespontos
6-15	Miletos bị Ba Tư đe dọa – hai hạm đội – trận Lade
16	Vận rủi của người Khios
17	Dionysios, chỉ huy người Phokaia
18	Miletos thất thủ
19-20	Người Miletos bị trừng phạt
21	Nỗi phiền muộn của Athenai
22-25	Số phận của người Samos – chiếm giữ Zankle
26-30	Số phận của Histiaios
31-32	Những người nổi loạn bị trừng phạt
33	Hạm đội Phoinike tàn phá Khersonesos
34-40	Vương quốc Khersonesos của các Kimonidai
41	Miltiades chạy trốn tới Athenai
42	Người Ba Tư định cư trở lại ở Ionia
43-45	Cuộc viễn chinh của Mardonios thất bại
46-47	Cuộc nổi dậy bị nghi vấn của Thasos
48-49	Các sứ giả của Dareios đòi đất và nước – sự quy thuận của Aigina và các đảo
50	Toan tính trừng phạt người Aigina của Kleomenes
51	Thù hận của Kleomenes và Demaratos
52-59	Hai vua ở Sparta – dòng dõi – đặc quyền của các vua
60	Phong tục Sparta
61-63	Câu chuyện về Ariston
64-70	Demaratos, bị tước vương miện, chạy trốn tới Ba Tư
71	Leotykhides trở thành vua
72	Số phận của Leotykhides

73	Người Aigina buộc phải giao nộp con tin
74-75	Số phận của Kleomenes
76-84	Một số nguyên do được đưa ra cho sự mất trí của Kleomenes
85-86	Người Aigina đòi lại các con tin của họ – câu chuyện về Glaukos
87-93	Chiến tranh giữa Aigina và Athenai
94	Cuộc viễn chinh của Datis và Artaphernes
95-99	Lộ trình của cuộc viễn chinh
100-101	Cuộc chuẩn bị của người Eretria – cuộc bao vây Eretria – Eretria đầu hàng
102	Người Ba Tư đổ bộ tại Marathon
103-104	Lời thuật về Miltiades
105-106	Philippides được cử tới Sparta – sự xuất hiện của Pan
107	Giấc mơ của Hippias
108	Người Plataia gia nhập cùng người Athenai – mối liên hệ trước đó giữa hai dân tộc
109-110	Sự chia rẽ giữa các tướng lĩnh Athenai – Miltiades và Kallimakhos
111	Chuẩn bị chiến đấu
112-114	Trận Marathon
115-116	Toan tính đánh bất ngờ Athenai
117	Câu chuyện về Epizelos
118-119	Đạo quân viễn chinh trở về châu Á
120	Người Sparta tới thăm Marathon
121-124	Lời cáo buộc chống lại các Alkmaionidai
125	Lịch sử trước đây của gia tộc này – các ân huệ của Kroisos
126-130	Cuộc hôn nhân của Megakles với Agariste
131	Perikles chào đời
132-135	Cuộc viễn chinh chống lại Paros của Miltiades
136	Phiên xử Miltiades – cái chết của ông này
137-140	Miltiades chiếm Lemnos – lịch sử trước đó của cư dân Lemnos
QUYỂN 7 (POLYMNIA)	
1	Cuộc chuẩn bị của Dareios chống lại Hy Lạp
2	Các con trai Dareios tranh quyền kế vị

3	Chỉ định Xerxes kế vị
4	Cái chết của Dareios
5	Xerxes hối thúc tấn công Hy Lạp
6	Ảnh hưởng của Onomakritos
7	Khuất phục Ai Cập
8	Xerxes tập hợp một hội đồng – lời phát biểu của nhà vua
9	Lời phát biểu của Mardonios
10	Lời phát biểu của Artabanos
11	Trả lời của Xerxes
12-14	Giấc mơ của Xerxes
15-16	Cuộc nói chuyện với Artabanos
17-18	Giấc mơ của Artabanos
19	Công cuộc chuẩn bị của Xerxes
20-21	Quy mô của cuộc viễn chinh
22-24	Kênh đào Athos – kỹ năng của người Phoinike
25	Tập hợp dự trữ hậu cần
26	Xerxes hành quân từ Kritalla
27-29	Câu chuyện về Pythios người Lydia
30	Tuyến đường của đạo quân
31	Xerxes tới Sardis
32	Các truyền lệnh sứ được phái đi
33-34	Cây cầu tại Abydos
35	Xerxes đánh roi Hellespontos
36	Xây cầu
37	Đạo quân rời Sardis
38-39	Con trai Pythios bị trừng phạt
40-41	Thứ tự hành quân
42	Lộ tuyến qua Mysia
43	Xerxes ở Troia
44-45	Xerxes duyệt quân đội
46-52	Xerxes trò chuyện với Artabanos
53	Xerxes nói với các thủ lĩnh Ba Tư

54	Xerxes rưới rượu lễ và cầu nguyện
55-56	Vượt eo Hellespontos
57	Những điều kỳ lạ
58-59	Hành quân từ Sestos tới Doriskos
60	Quân số của đạo quân
61	Các dân tộc được liệt kê – người Ba Tư – trang phục và vũ khí của họ
62	Người Media, Kissia và Hyrkania
63	Người Assyria và người Khaldaia
64	Người Baktria và người Sakai
65	Người Ấn Độ
66	Người Arioi, Parthia, v.v
67	Người Kaspia, Sarangeis, v.v
68	Người Outioi, v.v
69	Người Arabia và người Aithiopia ở Libya
70	Người Aithiopia ở châu Á
71	Người Libya
72-73	Người Paphlagonia, Phrygia và Armenia
74-75	Người Lydia và Thraike
76-77	Người Kabaleis, v.v
78-79	Người Moskhoi, Mares, Kolkhis, v.v
80	Đảo dân
81-82	Các tướng lĩnh và chỉ huy
83	"Bất tử quân"
84-88	Các dân tộc cung cấp kỵ binh
89	Các đội quân của hạm đội – người Phoinike – người Ai Cập
90	Các đội quân của hạm đội – người Kypros
91	Các đội quân của hạm đội – người Kilikia – người Pamphylia
92-93	Các đội quân của hạm đội – người Lykia – người Doris – người Karia
94-95	Các đội quân của hạm đội – người Ionia – người Aiolis – người Hellespontos
96	Lính thủy

97-98	Các chỉ huy lực lượng hải quân
99	Artemisia
100	Xerxes duyệt binh
101	Xerxes hỏi ý kiến Demaratos
102	Demaratos bày tỏ ý kiến
103	Câu trả lời của Xerxes
104	Quan điểm của Demaratos về người Sparta
105	Xerxes rời Doriskos
106-107	Maskames và Boges
108	Xerxes hành quân từ Doriscos
109	Qua sông Nestos
110-112	Các bộ tộc người Thraike trên đường hành quân
113	Hành quân qua Paionia
114	Vượt sông Strymon
115-116	Hành quân tới Akanthos
117	Cái chết và tang lễ của Artakhaies
118-119	Chuẩn bị để nuôi ăn đạo quân
120	Ý kiến khôn ngoan của Megakreon
121	Thứ tự hành quân
122	Vượt qua kênh đào
123	Lộ trình của hạm đội
124	Tới vịnh Therma
125-126	Lạc đà bị sư tử tấn công
127	Xerxes tới Therma
128	Hai lối vào Thessalia
129	Mô tả về Thessalia – sông Peneios và các phụ lưu
130	Cách để làm ngập Thessalia
131	Xerxes ở lại Pieria
132-133	Cách xử trí các truyền lệnh sứ Ba Tư
134-137	Câu chuyện về Sperthias và Boulis
138	Người Hy Lạp lo lắng

139	Cách hành xử ái quốc của người Athenai – người Athenai, những cứu tinh của Hy Lạp
140	Lời cảnh cáo của dự ngôn giả
141-142	Thần dụ thứ hai
143	Themistokles
144	Đề xuất xây dựng hạm đội của Themistokles
145	Người Hy Lạp hòa giải các xích mích
146-147	Cách Xerxes xử sự với các gián điệp Hy Lạp
148	Sứ đoàn Hy Lạp tới Argos – câu trả lời của hội đồng Argos
149	Sparta từ chối đề nghị của họ
150-152	Liên minh giữa Ba Tư và Argos
153	Sứ đoàn Hy Lạp tới Sikelia – tổ tiên của Gelon
154	Cố sự của Gelon
155	Gelon trở thành tiếm chúa Gela
156	Gelon biến Syrakousai thành kinh đô của mình
157	Lời phát biểu của các tín sứ Hy Lạp
158	Câu trả lời của Gelon
159	Sự phẫn nộ của Syagros
160	Câu trả lời Gelon dành cho Syagros
161	Phát biểu của sứ giả Athenai
162	Câu trả lời cuối cùng của Gelon
163-164	Kadmos được Gelon phái tới Delphoi
165	Dự định của Gelon giúp đỡ người Hy Lạp – người Karkhedon tấn công Sikelia
166-167	Amilkas thua trận và biến mất
168	Những lời hứa của người Korkyra – cách hành xử thực tế của họ
169	Sứ đoàn tới Krete
170	Huyền sử về Minos – kẻ sát hại người Hy Lạp hùng mạnh nhất từng biết
171	Bất hạnh của Krete
172	Người Hy Lạp chiếm hẻm núi Tempe
173-174	Lý do họ rời hẻm núi
175-177	Người Hy Lạp quyết định phòng thủ Artemision và Thermopylai

178	Người Hy Lạp được khuyên cầu nguyện các cơn gió
179	Hạm đội Ba Tư tiến binh
180-182	Cuộc giao chiến đầu tiên
183	Cắm trụ ở bãi đá ngầm
184-185	Ước tính lực lượng Ba Tư
186	Tổng quân số
187	Các dòng sông không đủ cung cấp nước
188-189	Cơn bão thứ nhất – tổn thất của hạm đội Ba Tư
190	Ameinokles làm giàu
191	Cơn bão tan
192	Tạ ơn Poseidon Đấng Cứu Rỗi
193	Người Ba Tư tiến tới Aphetai
194	Người Hy Lạp chiếm 15 chiến thuyền
195	Số phận của Aridolis
186	Xerxes tiến quân qua vùng Thessalia
197	Đền thờ Zeus Laphystios
198	Mô tả về Malis
199-200	Hẻm Thermopylai
201	Vị trí của hai đạo quân
202-203	Quân số Hy Lạp
204	Gốc gác của Leonidas
205	Ba trăm chiến binh Sparta
206	Người Sparta trấn giữ Karneia
207	Hoảng loạn
208	Xerxes phái trinh sát
209	Xerxes hỏi ý Demaratos
210	Cuộc tấn công đầu tiên của người Media
211	Cuộc tấn công thứ hai do Bất tử quân thực hiện
212	Nỗi lo của Xerxes
213-214	Ephialtes tiết lộ con đường qua núi
215	Hydarnes được phái đi cùng Ephialtes
216	Mô tả con đường qua núi

217-218	Người Ba Tư vượt núi
219	Leonidas cho các đồng minh rút lui
220-221	Lý do ở lại của Leonidas
222	Thái độ của người Thespia và người Thebai
223-224	Cuộc giao chiến cuối cùng – cái chết của Leonidas
225	Giao chiến bên thi thể Leonidas
226	Nhận xét của Dienekes
227	Alpheos và Maron
228	Tưởng niệm
229-231	Câu chuyện về Aristodemos
232	Một người nữa sống sót qua trận đánh
233	Hành xử và số phận của những người Thebai
234-235	Cuộc nói chuyện giữa Xerxes và Demaratos
236	Lời phản đối của Akhaimenes
237	Câu trả lời của Xerxes
238	Cách Xerxes xử sự với thi thể của Leonidas
239	Gorgo và tấm bảng bọc sáp
QUYỂN 8 (OURANIA)	
1	Hạm đội Hy Lạp tại Artemision
2-3	Tư lệnh hạm đội, Eurybiades
4-5	Hành động của Themistokles
6	Quân Ba Tư tiếp cận
7	Phái chiến thuyền đi vòng qua Euboia
8	Câu chuyện về người thợ lặn Skyllias
9	Hội đồng các tướng lĩnh Hy Lạp
10-11	Trận chiến đầu tiên tại Artemision
12-13	Cơn bão khủng khiếp
14	Trận giao chiến thứ hai
15-18	Trận giao chiến thứ ba
19-22	Mưu kế của Themistokles – Thần dụ của Bakis
23	Hạm đội Ba Tư tiến quân
24-25	Thủy thủ Ba Tư thăm Thermopylai

26	Những kẻ đào ngũ từ Arkadia
27-31	Người Ba Tư xâm lược Phokis – chiến tranh giữa người Phokis và người Thessalia
32	Người Phokis tháo chạy
33	Các thành phố của người Phokis bị đốt
34	Phân chia lực lượng Ba Tư
35-39	Cuộc tấn công vào Delphoi – sự bối rối của người Ba Tư
40	Hạm đội Hy Lạp neo đậu tại Salamis
41	Người Athenai rời Attika
42-48	Các dân tộc cấu thành hạm đội Hy Lạp
49	Đề xuất rút lui về Eo đất (Korinthos)
50-51	Người Ba Tư tới Athenai
52-53	Cuộc tấn công Akropolis
54	Thông điệp gửi tới Artabanos
55	Điều kỳ diệu của cây ô-liu thiêng
56	Người Hy Lạp quyết định dong thuyền tới Eo đất
57	Đề xuất của Mnesiphilos
58-60	Themistokles nói chuyện với Eurybiades
61-62	Adeimantos và Themistokles
63-64	Quyết tâm của Eurybiades
65	Điềm báo từ đám mây bụi
66	Hạm đội Ba Tư ở Phaleron
67	Xerxes hỏi ý kiến tướng lĩnh
68	Lời phát biểu của Artemisia
69	Sự hài lòng của Xerxes với ý kiến của Artemisia
70-71	Người Ba Tư tiến quân
72	Người Hy Lạp tại Eo đất
73	Các cư dân của Peloponnesos
74	Cuộc họp tại Salamis
75	Mưu kế của Themistokles
76	Người Ba Tư chiếm Psyttaleia
77	Sự thật về các lời tiên tri

78	Tranh cãi giữa các chỉ huy Hy Lạp
79	Aristeides tới nơi
80-81	Aristeides hội kiến Themistokles
82-83	Chuẩn bị chiến đấu
84-89	Trận Salamis
90	Vị trí đặt ngai của Xerxes
91	Thất bại của Ba Tư
92	Chiến công của Polykritos
93	Cách xử sự của Artemisia
94	Câu chuyện về cuộc tháo chạy của Adeimantos
95	Chiến công của Aristides
96	Chuẩn bị tái chiến
97	Sứ giả được phái tới Ba Tư
98	Các sứ giả Ba Tư
99	Tác động của tin chiến bại
100	Lời khuyên cho Xerxes của Mardonios
101	Xerxes hỏi ý Artemisia
102	Câu trả lời của Artemisia
103-104	Hành động của Xerxes
105-106	Câu chuyện về Hermotimos
107	Người Ba Tư dong thuyền tới Hellespontos
108	Đề nghị truy kích
109	Lời khuyên của Themistokles
110	Thông điệp của Themistokles cho vua Ba Tư
111	Cuộc vây hãm Andros
112	Themistokles thu cống nạp
113	Đường rút lui của người Ba Tư
114	Báo thù cho cái chết của Leonidas
115	Hành trình của Xerxes tới Hellespontos – nỗi khổ ải của đạo quân
116	Câu chuyện về một vị vua Thraike
117	Hành trình qua Abydos
118-120	Những lời thuật lại sai trái về cuộc trở về của Xerxes

121-122	Lễ vật người Hy Lạp dâng lên các vị thần
123	Cái giá của sự can trường
124	Vinh danh dành cho Themistokles
125	Sự ghen tị của Timodemos
126-127	Artabazos vây hãm Potidaia
128	Mưu phản của Timoxenos
129	Cuộc vây hãm được hủy bỏ
130	Hạm đội Ba Tư ở Samos
131	Hạm đội Hy Lạp tại Aigina
132	Sứ giả Herodotos người Khios
133-135	Mys tham vấn các thần dụ
136-139	Sứ mệnh của Alexandros, con trai Amyntas, tới Athenai – truyền thuyết về Perdikkas
140	Lời phát biểu của Alexandros
141-142	Những lời phát biểu đáp lại của các sứ giả Sparta
143	Câu trả lời người Athenai dành cho Alexander
144	Câu trả lời của các sứ giả Sparta
QUYỂN 9 (KALLIOPE)	
1	Mardonios hành quân tấn công Athenai
2	Lời khuyên của người Thebai
3	Mardonios tiến vào Athenai
4-5	Sứ mệnh của Mourykhides
6	Sứ đoàn Athenai tới Sparta
7	Lời phát biểu của sứ đoàn Athenai
8	Sự trì hoãn của các ephoroi
9-10	Đạo quân viễn chinh được phái đi
11	Câu trả lời cho các sứ giả
12-13	Mardonios rút lui khi được người Argos cảnh báo
14	Nơi xa nhất người Ba Tư đặt chân tới
15	Mardonios đóng trại bên sông Asopos
16	Câu chuyện được Thersandros kể lại
17-18	Mối nguy hiểm của người Phokis

19	Người Peloponnesos hành quân từ Eo đất
20-23	Cuộc giao chiến đầu tiên – Masistios bị giết
24	Người Ba Tư tưởng niệm Masistios
25	Người Hy Lạp di chuyển về phía Plataia
26-27	Các dân tộc hội quân – những tuyên bố ganh đua nhau của người Tegea và người Athenai
28-29	Cánh trái theo như người Athenai – bố trí và quân số của các đội quân khác
30	Quân số Hy Lạp
31-32	Mardonios tập hợp người Ba Tư
33-36	Thầy bói Hy Lạp Tisamenos – câu chuyện về người này
37	Thầy bói của Mardonios, Hegesistratos
38-40	Người Ba Tư cắt đường các đoàn vận tải Hy Lạp
41-42	Người Ba Tư họp hội đồng chiến tranh
43	Thần dụ của Bakis
44-45	Alexandros xứ Makedonia cảnh báo người Hy Lạp
46-47	Người Sparta và người Athenai đổi vị trí
48	Mardonios sỉ nhục người Sparta
49	Người Ba Tư bịt nguồn nước của Gargaphia
50-52	Di chuyển tới Oeroe
53-55	Sự bướng bỉnh của Amompharetos
56-57	Pausanias rút lui
58	Lời nói của Mardonios về cuộc rút lui của người Hy Lạp
59	Quân Ba Tư truy kích người Hy Lạp
60-65	Trận Plataia – cái chết của Mardonios
66	Cách hành xử của Artabazos
67	Người Boiotia giao chiến với người Athenai
68	Người Ba Tư tháo chạy
69-70	Trận đánh thứ hai ở lũy phòng thủ
71	Sự can trường của các bên tham chiến
72	Chuyện xảy ra với Kallikrates
73-75	Sophanes, chiến binh Athenai xuất sắc nhất – chiến công và số phận của Sophanes

76	Một phụ nữ cầu cứu Pausanias
77	Người Mantineia và người Elis xuất hiện
78-79	Lời khuyên xấu xa của Lampon
80	Định đoạt chiến lợi phẩm
81	Phần chiến lợi phẩm được dành riêng cho các vị thần – việc phân chia chiến lợi phẩm còn lại
82	Một bữa ăn của người Ba Tư và một bữa ăn của người Sparta
83	Những chuyện lạ lùng trên bãi chiến trường
84	Mardonios được bí mật chôn cất
85	Mộ của những người tử trận
86-88	Cuộc vây hãm Thebai
89	Artabazos chạy trốn
90-91	Leotykhides được người dân Samos mời tới để giúp họ
92-95	Deiphonos và Euenios
96	Người Hy Lạp đi thuyền tới Samos – đạo quân Ba Tư ở Mykale
97-103	Trận Mykale
104	Số phận của người Ba Tư
105	Người Athenai được thừa nhận xuất sắc nhất
106	Người Hy Lạp dong thuyền tới Hellespontos
107	Người Ba Tư rút lui về Sardis
108-113	Toan tính của Xerxes – số phận của Masistes
114-120	Người Athenai vây hãm Sestos – số phận của Oiobazos – Artayktes bị trừng phạt
121	Người Athenai trở về, mang theo các cuộn thừng buộc các cây cầu của Xerxes
122	Artembares và Kyros

THRAIKE
PAIONIA
ILLYRIS
MAKEDONIA
EPEIROS
THESSALIA
BIỂN THRAIKE
BIỂN AIGAION
MYSIA
ĐẾ QUỐC BA TƯ
LYDIA
IONIA
KARIA
CHIẾN TRANH HY LẠP – BA TƯ (498-479 TCN)
Cuộc nổi dậy của các thành bang Ionia
Trận đánh lớn
Các thành bang Hy Lạp chống Ba Tư
Các thành bang Hy Lạp trung lập
Lãnh thổ Đế quốc Ba Tư
Các thành bang chư hầu của Ba Tư
Cuộc nổi dậy của các thành bang Ionia(498 TCN)
Đường hành quân của Mardonios (492 TCN)
Đường hành quân của Datis &Artaphernes(490 TCN)
Đường hành quân của Xerxes & Mardonios(480-479TCN)